2022

DANH MỤC CÂY THUỐC NAM TỈNH CÀ MAU

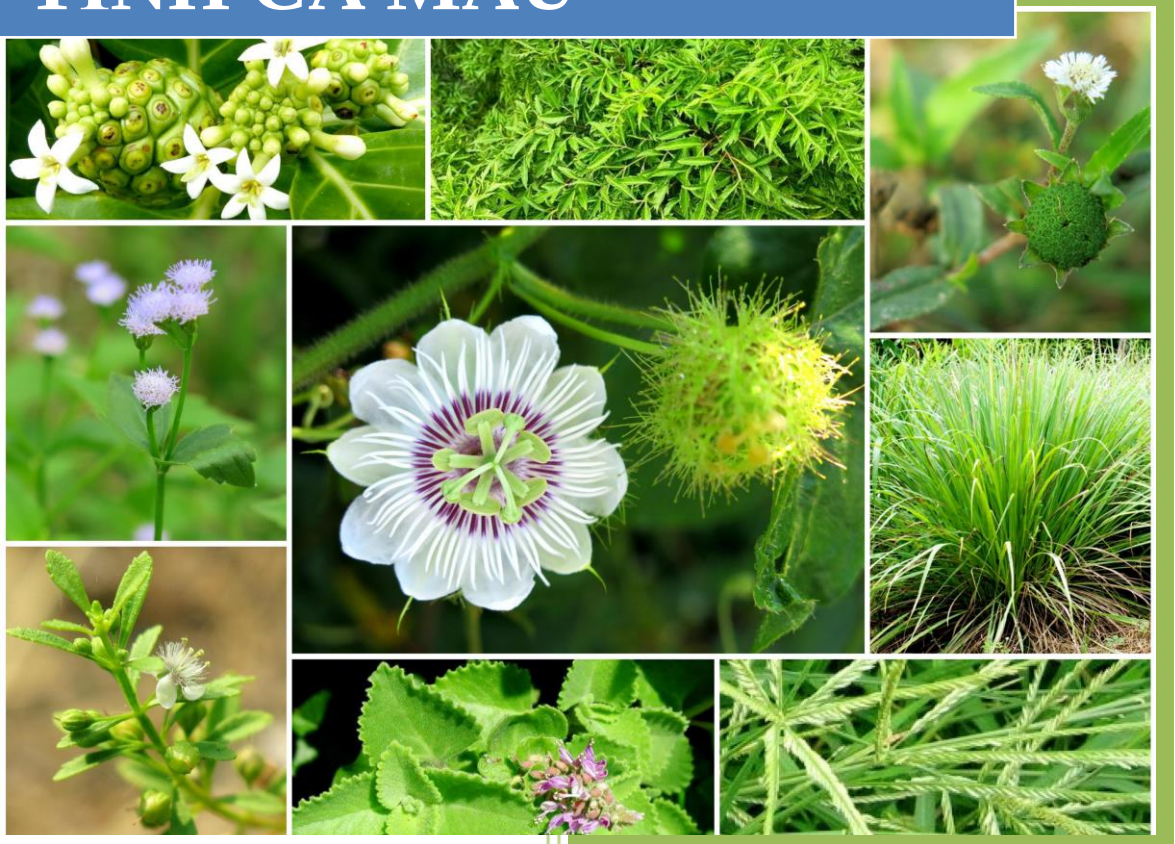

Phần 2

Nhóm nghiên cứu

Khoa Phát triển Nông thôn

Trường Đại học Cần Thơ

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

SẢN PHẨM KH&CN

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

"Khảo sát và đánh giá nguồn tài nguyên cây thuốc Nam và kiến thức sử dụng cây thuốc Nam của người dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau"

SẢN PHẨM DẠNG II

DANH MỤC CÂY THUỐC NAM TỈNH CÀ MAU

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phạm Văn Trọng Tính

Cần Thơ, tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

Tên cây thuốc nam Trang

283. Mã đề 1

284. Mắc cỡ.....6

285. Mạch môn.....11

286. Mai chỉ thiên 16

.....16

287. Mai chiếu thủy 19

288. Mai hoa đăng.....21

289. Mai Mỹ.....23

290. Mai vàng.....25

291. Mắm.....27

292. Mắm đen.....29

293. Mận 32

294. Mần ri hoa tím 35

295. Mãng cầu ta.....41

296. Mãng cầu xiêm.....45

297. Măng cụt.....48

298. Măng tây.....52

299. Mật gấu.....55

300. Mặt quỷ.....60

301. Mẫu tử 62

302. Me.....64

303. Me đất.....68

304. Mè đất nhám 72

305. Me thúi.....76

306. Méc.....79

307. Mía 80

308. Mía lau.....84

309. Mít.....87

310. Mơ dại (thúi địt).....91
311. Mơ lông.....95
312. Môn ngứa.....100
313. Móng bò.....105
314. Mồng gà đỏ.....108
315. Mồng gà trắng.....113
316. Mồng tơi.....119
317. Mù u.....123
318. Mua.....126
319. Muối.....128
320. Mười giờ.....131
321. Muồng trâu.....134
322. Mướp.....138
323. Mướp gai.....144
324. Năng bộp.....147
325. Nàng hai.....151
326. Ngà voi.....154
327. Ngãi bún.....157
328. Ngãi chuối.....159
329. Ngãi cứu.....161
330. Ngãi đen.....170
331. Ngãi lá xanh.....174
332. Ngải mọi.....175
333. Ngải nọc (Bán hạ nam).....179
334. Ngãi quắn.....184
335. Ngãi trứng vịt.....186
336. Ngải xương rồng.....187
337. Ngâu.....188
338. Nghệ.....191
339. Nghệ đen.....196
340. Nghệ trắng.....200
341. Nghệ xà cừ.....205

342. Ngò gai 209
343. Ngò om 213
344. Ngò rí 216
345. Ngọc lan 221
346. Ngọc long châu 224
347. Ngũ gia bì 226
348. Ngũ gia bì cẩm thạch 228
349. Ngũ trảo 231
350. Ngũ triều 237
351. Nguyệt quế 240
352. Nguyệt quế Thái 243
353. Nha đam 247
354. Nhãn 254
355. Nhãn lồng 259
356. Nhân trần nam 267
357. Nhàu 270
358. Nhàu rừng 278
359. Nho 280
360. Nở ngày 283
361. Nụ áo 288
362. Nưa 293
363. Ô môi 295
364. Ổ phụng 298
365. Ô rô 300
366. Óc chó 305
367. Ổi 312
368. Ớt hiểm 319
369. Ớt sừng trâu 322
370. Phượng 326
371. Quách 328
372. Quao 331
373. Quýt 337

374. Ráng 341
375. Ráng bay 343
376. Rau bợ 348
377. Rau đắng biển 352
378. Rau đắng đất 355
379. Rau đay 359
380. Rau dền cơm 363
381. Rau dền đỏ 368
..... 368
382. Rau dền khoang 371
383. Rau diệu 373
384. Rau diệu lông 377
385. Rau diệu tía 379
386. Rau dừa 381
387. Rau lang (Khoai lang) 386
388. Rau má 389
389. Râu mèo 394
390. Rau mui bông vàng 398
391. Rau mương 400
392. Rau muống biển 404
392. Rau muống đồng 408
394. Rau muống tàu 411
395. Rau muống trắng 415
396. Rau ngổ 418
397. Rau nhút 422
398. Rau nhút dại 427
399. Rau quế 429
400. Rau răm 434
401. Rau sam 437
402. Rau thơm 442
403. Rau trai 444
404. Rau vấp cá 447

405. Riềng 453
406. Sả 459
407. Sa bô 464
408. Sa kê 468
409. Sa la 471
410. Sài đất 474
411. Sâm bố chính 479
..... 479
412. Sâm đại hành 485
413. Sâm đất 487
414. Sâm lá 493
415. Sâm nhung 496
416. Sắn dây 499
417. Sao 505
418. Sao nhái 507
419. Sầu đâu 510
420. Sầu riêng 513
421. Sậy 517
422. Sen hồng 520
423. Sen tàu 526
424. Si 530
425. Sò đo 532
426. So đũa 534
427. Sò huyết 537
428. Sơ ri 542
429. Sơn lục đậu 544
430. Sống đời kiểng 546
431. Sống đời lá dài 548
432. Sống đời lá to 551
433. Sống đời lông chim 553
434. Sộp 556
435. Sứ đại hoa đỏ 558

436. Sứ đại hoa hồng.....561
437. Sứ đại hoa trắng.....564
438. Su hào.....568
439. Sứ quân tử.....571
440. Sục sạc.....574
441. Sung.....578
442. Sừng hươu.....583
443. Tai tượng.....585
444. Tai tượng đỏ.....587
445. Tai tượng xanh.....589
446. Tầm duột.....591
447. Tầm gửi.....595
448. Tầm phỏng.....601
449. Tam thất.....604
450. Tần dày lá.....608
451. Tần ô.....613
452. Táo ta.....618
453. Táo Thái.....621
454. Tàu bay.....623
455. Thạch anh.....626
456. Thài lài tía.....629
457. Thanh long.....631
458. Thảo linh chi.....635
459. Thảo quyết minh.....637
460. Thì là.....641
461. Thiền liền.....646
462. Thiên lý.....650
463. Thiên môn đông.....655
464. Thiên niên kiện.....659
465. Thiên tuế.....662
466. Thù lù.....664
467. Thuốc dấu.....669

468. Thuốc dòi 672
469. Thuốc nộc (Bạch hoa xà) 676
470. Thương lục mỹ 678
471. Tí ngọ 681
472. Tía tô 683
473. Tiêu 687
474. Tim heo 690
475. Tóc tiên 691
476. Tra bồ đề 693
477. Trà Dr. Thanh 695
478. Trà mi 697
479. Trắc bách diệp 699
480. Trái nổ 705
481. Trâm bầu 708
482. Tràm bông vàng 711
483. Tràm gió 713
484. Trâm ổi 716
485. Trâm quýt 722
486. Trang đỏ 724
487. Tráng dương 726
488. Trang hồng 728
489. Trạng nguyên 730
490. Trang trắng 732
491. Trang vàng 735
492. Trầu không 737
493. Trầu ông 741
494. Tre 743
495. Tre mỡ 746
496. Trinh nữ hoàng cung 748
..... 748
497. Trôm 754
498. Trúc 757

499. Trúc đào.....760
500. Trúc đào hoa vàng (Thông thiên) 763
501. Trứng cá 765
502. Từ bi.....767
503. Tu hú.....770
504. Tùng bách tán 773
505. Tùng Nam mỹ 775
506. Tường vy cánh mỏng.....777
507. Tuyết sơn 779
508. Vải 781
509. Vạn niên thanh.....783
510. Vạn tuế.....787
511. Vàng bạc 789
512. Vối 791
513. Vòi voi 795
514. Vông nem.....799
515. Vú sữa 804
516. Vú sữa đất.....806
517. Vừng.....811
518. Xạ can 817
519. Xà cừ 821
520. Xạ đen 823
521. Xà lách 829
522. Xà lách xoong.....832
523. Xà lách xoong Nhật 836
524. Xá xị 839
525. Xăng sê.....841
526. Xích đồng nam 844
527. Xoài 849
528. Xương khô 853
529. Xương rồng bàn tay.....856
530. Xương rồng cảnh 861

.....861
531. Xương rồng Ngọc lân 863
532. Xương rồng nọc trụ 865
533. Xương rồng ông 867
534. Xương sông.....870
535. Xuyến chi.....872
536. Xuyên tâm liên 877
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....881

283. Mã đề — *Plantago major* L., 1753

Mã đề lớn, Mã đề trồng, Bông mã đề

Công dụng: Thanh thấp nhiệt, lợi tiểu, thông lâm, chỉ huyết, chữa ho lâu ngày, viêm khí quản, viêm thận và bàng quang, đau dạ dầy, bí tiểu tiện, tiểu tiện ra máu hoặc ra sỏi tiết niệu, phù thũng, chảy máu cam. Dùng ngoài lá mã đề có tác dụng làm mụn nhọt chóng vỡ, mau lành

Tính vị: Mã đề có vị ngọt, tính mát

Quy kinh: Thận, Can và bàng quang

Bộ phận dùng: Phần cây trên mặt đất (Herba plantaginis), thường gọi là Xa tiền thảo và hạt (Semen Plantaginis), thường gọi là Xa tiền tử.

Thành phần hóa học	Toàn cây chứa một glucosid là aucubin hay rinantin. Lá có chất nhầy, chất đắng, caroten, sinh tố C, K, T, acid citric. Trong hạt có nhiều chất nhầy, acid plantenolic, adenin và cholin.
Nguồn gốc	Cây của vùng Âu Á ôn đới.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở trong vườn nhà.
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 8, Tháng 5 đến 8.
Thu hoạch	Vào tháng 7-8, lúc quả chín, thu hái toàn cây.
Chế biến	Hái toàn cây đem về phơi khô, đập quả lấy hạt, rồi phơi khô cất dành

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi, Húng, Bạc hà)
    - **Họ:** Plantaginaceae (Mã đề)
      - **Chi**: Plantago (Mã đề)
        - **Loài**: *P. major*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 15-20cm
Rễ cây	Rễ mọc thành chùm
Thân cây	Thân rất ngắn gần như không có.
Lá cây	Lá đơn mọc từ gốc, hình thìa, kích thước 10-15 x 5-7 cm, mép phiến lá có răng cưa nhỏ thưa; màu xanh lục đậm ở mặt trên, nhạt ở mặt dưới. Gân lá hình cung với 5 gân chính nổi rõ ở mặt dưới. Cuống lá hình lòng máng màu xanh lục nhạt, dài 9-12 cm, gốc rộng có màu trắng hoặc tím
Hoa	Cụm hoa dạng bông, trục cụm hoa dài 28 – 46 cm, xuất phát từ kẽ lá. Hoa đều, lưỡng tính, không cuống. Lá bắc hình bầu dục, kích thước 1,5 x 1 mm, ở giữa dày màu xanh, 2 mép mỏng hơn màu trắng, có gân giữa, bề mặt có những nốt sần. Lá đài 4, đều, rời, hình bầu dục, kích thước 2 x 1 mm, ở giữa dày màu xanh, 2 mép mỏng hơn màu trắng. Tiền khai: 1 ngoài, 1 trong, 2 xen kẽ. Đài tồn tại. Cánh hoa 4, đều, dính nhau ở phía dưới tạo thành ống cao 1,5 mm, màu trắng xanh; phía trên chia 4 thùy hình tam giác mỏng, màu vàng nhạt. Tiền khai cánh hoa giống tiền khai lá đài. Nhị 4, đều, rời, đính trên ống tràng xen kẽ cánh hoa. Chỉ nhị dạng sợi, màu trắng. Bao phấn hình đầu tên màu vàng, đầu nhọn, dài 1 mm, 2 ô, nứt dọc, hướng trong, đính đáy. Hạt phấn hình quả trám màu vàng, rời, có 1-2 rãnh dọc, kích thước 25 – 37,5 µm. Lá noãn 2, vị trí trước sau, bầu trên 2 ô, mỗi ô 2 noãn, đính noãn trung trụ, giá noãn lồi. 1 vòi nhụy hình sợi, dài 3 mm; 1/4 phía dưới màu trắng nhẵn; 3/4 phía trên màu đỏ nâu, có nhiều lông dài. 1 đầu nhụy dạng điểm, có rất nhiều lông dài. .
Quả/trái	Quả hộp nhỏ mang đài tồn tại, hình bầu dục, dài 3,5 – 4 mm, màu xanh
Hạt	Hạt 8 – 12, hình thoi dẹp, dài 1,5 – 2 mm, màu xanh khi non, màu nâu đen bóng khi già.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa tiểu tiện ra máu: Dùng cây Mã đề một nắm to rửa sạch giã nát vắt lấy nước cốt uống vào lúc đói bụng (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
2	Chữa trẻ bị sởi dẫn đến tiêu chảy: Dùng hạt Mã đề sắc nước uống (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
3	Chữa bí tiểu tiện: Dùng 12g hạt Mã đề sắc uống làm nhiều lần trong ngày, có thể sắc cùng một ít lá để uống (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Chảy máu cam: Hái một nắm má đề tươi, rửa sạch, giã nát, tẩm thêm ít nước vắt lấy nước cất uống. Người bệnh nên nằm yên trên giường gối cao đầu, bã Mã đề đắp lên trán (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
5	Điều trị chứng nóng phổi, ho dai dẳng: Lấy 20 – 50 g Mã đề tươi, rửa sạch và sắc thuốc. Uống 3 lần trong ngày, mỗi lần uống cách nhau 3 tiếng (Thuốc dân tộc, nd)	x		
6	Cải thiện chứng rụng tóc: Mã đề khô đốt thành than và trộn với giấm trong vòng 1 tuần. Sau đó bôi lên vùng rụng tóc. Sử dụng liên tục giúp giảm tình trạng rụng tóc (Thuốc dân tộc, nd)	x		
7	Cải thiện triệu chứng ngứa đau ở bộ phận sinh dục: Bài thuốc điều trị dựa theo Nam Dược Thần hiệu với một nắm hạt Mã đề nấu nước và ngâm rửa bộ phận sinh dục. Thực hiện thường xuyên để có kết quả điều trị cao (Thuốc dân tộc, nd)	x		
8	Chữa nóng gan mật và nổi mụn: Một nắm Mã đề tươi rửa sạch nấu với 100g heo, hai thứ thái nhỏ, cho mắm muối vừa ăn để dùng vào buổi cơm trưa liên tục trong 6 -7 ngày. Có thể lấy một ít rau Mã đề tươi rửa sạch giã nát nhuyễn đắp vào nơi có mụn, lấy băng dính lại. Khi dùng thức ăn này cần kiêng cay nóng, không rượu, cà phê (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
9	Chữa chốc lở ở trẻ nhỏ: Dùng một nắm rau Mã đề tươi rửa sạch thái nhỏ, nấu với 100g - 150g giò sống cho trẻ ăn liền trong ngày sẽ khỏi. Nếu trẻ nhỏ ăn canh này thương xuyên phòng được chốc lở (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
10	Chửa tiểu tiện ra máu: Dùng cây Mã đề một nắm to rửa sạch giã nát vắt lấy nước cốt thêm Cỏ mực hai thứ bằng nhau cũng làm theo như trên và uống lúc đói (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
11	Chữa viêm cầu thận cấp tính: Dùng 26 g Mã đề kết hợp vớ 20 g thạch cao làm thuốc, 6 g quế chi, 12 g bạch truật, 6 g cam thảo, 12 g ma hoàng, 6 g gừng, 8 g mộc thong, 12 g đại táo. Sắc thuốc uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
12	Điều trị viêm cầu thận mãn tính: 16 g Mã đề, 12 g rễ cỏ tranh, 8 g trư linh, 12 g hoàng bá, 8 g hoạt thạch, 12 g hoàng liên, 12 g phục linh. Sắc uống. Mỗi ngày 1 thang (Thuốc dân tộc, nd)	x		
14	Chữa sỏi bàng quang: Sử dụng 30 g Mã đề, 30 g kim tiền thảo và 30 g diếp cá. Sắc thuốc, chia uống 2 lần/ ngày. Dùng liên tục 5 ngày (Thuốc dân tộc, nd)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
15	Điều trị viêm bể thận cấp tính: Hái Mã đề tươi, cỏ bấc đèn tươi và cỏ rễ tranh tươi, mỗi vị 50 g. Sắc thuốc chia đều, uống trong ngày. Uống từ 5 – 7 ngày (Thuốc dân tộc, nd)	x		
16	Chữa đi tiểu ra máu: Dùng một lượng lá Mã đề và ích mẫu bằng nhau (12 g), rửa sạch, giã nát và vắt lấy nước cốt uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
17	Điều trị sỏi đường tiết niệu: Rễ cỏ tranh, Mã đề, mỗi vị 20 g kết hợp với kim tiền thảo 30 g. Sắc thuốc và uống nhiều lần trong ngày (Thuốc dân tộc, nd)	x		
18	Lợi tiểu, chữa khó tiểu: Dùng 10 g hạt Mã đề cùng với 2 g cam thảo, sắc với 600 ml nước. Khi thuốc cạn còn 200 ml, chia thành 3 uống trong ngày (Thuốc dân tộc, nd)	x		
19	Chữa lỵ: Sử dụng lá Mã đề, cỏ seo gà và dây Mơ lông, mỗi vị 12 g, sắc uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
20	Điều trị lỵ cấp và mạn tính: Hái 30 g rau sam tươi và lá Mã đề đem nấu nước và uống thay nước lọc (Thuốc dân tộc, nd)	x		
21	Trị bệnh tiêu chảy: Rau má tươi Mã đề tươi và nhọ nồi tươi, mỗi vị một nắm. Sắc với 500 ml nước cho đến khi thuốc đặc, lọc lấy và uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
22	Chữa tiêu chảy mạn tính: Hạt Mã đề 8 g sắc chung với cam thảo dây, Rau má, cát căn, đẳng sâm (mỗi vị 12 g) và 8 g cúc hoa. Mỗi ngày sắc uống 1 thang (Thuốc dân tộc, nd)	x		
23	Chữa ho có đờm: Mã đề 10 g sắc chung với 2 g cam thảo và 2 g cát cánh (Thuốc dân tộc, nd)	x		
24	Điều trị chứng nóng gan mật: Lá Mã đề tươi và gan lợn, rửa sạch và thái nhỏ. Sau đó, nấu canh hoặc xào chung với nhau. Ăn liên tục từ 6 – 7 ngày. Khi áp dụng bài thuốc trị bệnh này, người bệnh không nên ăn đồ cay nóng và đặc biệt không uống rượu bia (Thuốc dân tộc, nd)	x		
25	Chữa viêm gan siêu vi trùng: Dùng 20 g Mã đề, 20 g chi tử, 40 g Nhân trần và 20 g lá mơ, rửa sạch, thái nhỏ và phơi khô. Mỗi ngày sử dụng một lượng nhỏ pha trong 100 – 150 ml nước sôi và uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
26	Chữa sốt xuất huyết: Dùng 50 g Mã đề tươi sắc chung với 30 g củ sắn dây trong 1 lít nước. Sau khi thuốc cạn còn 500 ml, chia thuốc làm 2, uống lúc đói. Thực hiện liên tiếp trong 3 ngày. Khi bước sang ngày điều trị thứ 4 chỉ nên uống 1 lần (Thuốc dân tộc, nd)	x		
27	Trị phù thũng: Lấy 30 g Mã đề, 15 g đại phúc bì, 20 g phục linh bì và 20 g vỏ bí xanh. Sắc uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
29	Điều trị cao huyết áp: Dùng 30 g Mã đề tươi, 12 g ích mẫu thảo, 20 g hạ khô thảo và 12 g hạt mồng sao đen. Sắc thuốc uống (Thuốc dân tộc, nd)	x		
30	Trị tiểu gắt, nòng trong người: Lấy lá Mã đề đâm với nước lạnh, vắt lấy nước uống, ngày 1 lần. Hoặc chặt khúc phơi khô, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Hoặc hái 5- 6 lá rửa sạch nhai chung với muối cục uống thêm nước muối.			x
31	Trị viêm đường tiểu: Đâm khoảng 2-3 cây Mã đề, vắt lấy nước uống. Uống 2-3 lần/ngày.			x
32	Trị sỏi thận, nóng gan: Lấy Củ cải trắng, Mã đề (300g tươi) nấu nước uống			x
33	Uống mát, trị tiểu gắt: Lấy 1 nắm lá Mã đề dưới gốc đâm, thêm nước dừa vào, vắt lấy nước uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Lá: Phụ nữ có thai dùng phải thận trọng. Người già thận kém, đái đêm nhiều không nên dùng.

Hạt: Không phải thấp nhiệt dùng thận trọng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

284. Mắc cỡ *Mimosa pudica* L

Xấu hổ, Mắc cỡ, Cây thẹn, Hàm tu thảo

Công dụng: Dùng làm thuốc an thần hạ huyết áp

Tính vị: Vị ngọt, se, tính hơi hàn, có ít độc

Quy kinh: kinh phế

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Toàn cây chứa alcaloid là minosin và crocetin còn có flavonosid, các loại alcol, acid amin, acid hữu cơ. Hạt chứa chất nhầy, lá chiết ra một chất tương tự adrenalin. Trong lá và quả đều có selen.

Nguồn gốc	Loài cây có nguồn gốc từ Nam Mỹ và Trung Mỹ
Phân bố	Ngoại trừ huyện Năm Căn thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở trong vườn nhà, ven đường, ven nhà và ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10, Tháng 10 đến tháng 1 năm sau.
Thu hoạch	Cành và lá cây thu hái vào mùa khô, rễ cây đào quanh năm.
Chế biến	Cành và lá cây sau khi hái có thể dùng tươi hoặc phơi khô. Rễ cây được đào lên sau đó đem đi rửa sạch, thái mỏng và phơi khô.
Bảo quản	Sau khi phơi khô đem đi cất ở nơi khô tráo, thoáng mát, thỉnh thoảng đem ra phơi để tránh ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Fabales (Đậu)

→ **Họ:** Fabaceae (Đậu)

→ **Chi**: Mimosa (Trinh nữ)

→ **Loài**: *M. pudica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân thảo đứng đối với cây non hoặc bò trườn đối với cây trưởng thành. Thân cây có thể dài tới 1,5 m bò trườn hoặc tựa leo gần mặt đất, đối với thân cây tựa leo mỏng manh hơn thân cây bò trườn trên mặt đất. Vỏ thân cây có gai biểu bì thưa hoặc dày.
Lá cây	Khi đụng vào, lá của nó tự khép lại (Nguyễn Kỳ Nam, 2008). Lá cây kép lông chim 2 lần chẵn, có từ 1-2 cặp lá thứ cấp, mỗi lá thứ cấp lại có từ 5-13 cặp lá chét. Các cuống lá sơ cấp cũng có gai
Hoa	Hoa tím hoặc hồng ở đầu cuống mọc lên từ nách lá vào giữa mùa hè. Khi cây càng lớn thì hoa mọc càng nhiều hơn. Những bông hoa được thụ phấn nhờ gió và côn trùng. Các hạt mầm có vỏ cứng nhằm hạn chế sự nảy mầm. .
Quả/trái	Quả cây dài khoảng 2mm, rộng chừng 3mm tụ lại thành từng chùm, ở
Hạt	Hạt Mắc cỡ giống như hình dạng của hạt ớt, tuy nhiên có kích thước nhỏ hơn, chúng được bao bọc bởi lớp vỏ dày.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm dạ dày mạn tính, mắt hoa, đau đầu, Mất ngủ: Rễ cây xấu hổ 10-15g, sắc với nước uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Chữa viêm khí quản mạn tính với xấu hổ: Rễ cây xấu hổ 100g sắc với 600ml nước lấy 100ml, chia 2 lần uống trong ngày; uống trong 10 ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Chữa bệnh Zona: Lá cây xấu hổ giã nát, đắp vào chỗ bị bệnh. Ngày đắp 2-3 lần. Trước khi đắp nên làm sạch và thấm khô vết thương trước khi đắp thuốc. (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Nước mát gan: Cây xấu hổ khô 40 g sắc nước uống hàng ngày (Thầy thuốc của bạn).	x	x	
5	Chữa khí hư: Dùng rễ xấu hổ tươi mang đi giã nát, ép thành nước dùng uống. Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 thìa canh, liên tục trong 7 ngày.	x		
6	Chữa suy nhược thần kinh, mất ngủ: trinh nữ 15g, dùng riêng hoạc phối hợp với cúc bạc đầu 15g, chua me đất 30g, sắc uống hằng ngày vào buổi tối (Võ Văn Chi, 2012).	x		
7	Chữa viêm phế quản mạn tính: xấu hổ 30g, rễ lá Cẩm 16g sắc uống, chia làm hai lần trong ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
8	Chữa đau ngang thắt lưng, nhức mỏi gân xương rễ trinh nữ rang lên, tẩm rượu rồi lại sao vàng 20-30g sắc uống, dùng riêng hay phối hợp với rễ cúc tần và Bưởi bụng, mỗi vị 20g, rễ Đinh lăng và cam thảo dây, mỗi vị 10g (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa huyết áp cao: hà thủ ô 8g, trác bá diệp 6g, bông sứ cùi 6g, cẩu đằng6g, tang ký sinh 8g, Đỗ trọng 6g, Mắc cỡ gai 6g. lá Vông nem 6g, hạt muồng ngủ 6g, địa long 4g, sắc uống. Có thể tán bột, luyện thành viên uống hằng ngày (Võ Văn Chi, 2012)	x		
10	Chữa đau nhức xương: Rễ cây xấu hổ xắt thành từng miếng mỏng, phơi khô. Mỗi ngày lấy 120g đem rang lên, sau đó tẩm rượu 35-40 độ rồi lại rang cho khô. Cho 600ml nước, sắc còn 200-300ml, chia uống 2-3 lần/ngày. Sau 4-5 ngày sẽ thấy kết quả (Y dược tinh hoa).	x	x	
11	Chữa đầy bụng, khó tiêu hóa: Lá và cành xấu hổ 16 g, bạch thược, mạch nha mỗi vị 16 g, thần khúc 12 g. Sắc thành thuốc chia làm hai lần uống trong ngày, mỗi lần dùng một bát nước thuốc sau bữa ăn. Sử dụng liên tục trong 3 – 5 ngày để thấy hiệu quả điều trị (Bạch Dương, 2020).	x		
12	Chữa bệnh trĩ: 1 nắm lá xấu hổ tươi (chỉ lấy lá, gỡ sạch gân lá, gai) và 1 cốc rượu trắng (dưới 10 độ). Lá trinh nữ sau khi rửa sạch thì cho vào chảo sao lên cho khô và đổ xuống nền đất sạch cho nguội (gọi là hạ thổ). Sau đó, chuẩn bị một cái tô, đổ rượu vào rồi đem chưng cách thủy tất cả. Chưng với lửa nhỏ cho đến khi rượu bay hơi hết, lúc này nước trong tô cũng đã chuyển sang màu vàng cánh gián. Công đoạn nấu thuốc vậy là đã hoàn thành. Khi dùng, người bệnh chia thuốc làm 2 lần uống mỗi ngày. Mỗi liệu trình sẽ kéo dài trong 7 ngày, sau khi hết 7 ngày mà nếu bệnh không bớt nhiều thì hãy nghỉ 5 ngày, sau đó tiếp tục điều trị (Thuốc nam hay, 2019).	x		
13	Giải nhiệt: Lấy mỗi thứ 1 nắm: Cam thảo đất, Cỏ mần trầu, Mắc cỡ, Me đất, Mía lau phơi khô, nấu nước uống			x
14	Chữa thoái hóa cột sống: Lấy Cỏ xước, Mắc cỡ, Cát lồi phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống			x
15	Chữa gai cột sống, trị ban, trị gan, trị khớp, giải nhiệt, giảm cân, trị cảm thương hàn: Lấy Mắc cỡ nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
16	Chữa gai cột sống: Lấy cây Mắc cỡ, 300g Lá lốt nấu nước uống hàng ngày.			x
17	Trị tai biến: Lấy Mắc cỡ ngâm rượu uống.			x
18	Mát gan: Lấy Mắc cỡ, Cỏ mần trầu phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
19	Hạ huyết áp: Lấy Mắc cỡ chặt khúc, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Ngày uống 2 lần, uống 3 ngày ngưng.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
20	Xổ độc, trị huyết trắng: Lấy 1 nắm Mần ri, 1 nắm cây Mắc cỡ nấu nước uống.			x
21	Trị nhức chân: Lấy 1 nắm Mắc cỡ, 1 nắm Bìm bịp sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
22	Mát cơ thể: Lấy Mắc cỡ và Cam thảo đất nấu nước uống. Hoặc lấy 1 nắm Mắc cỡ, Cỏ bạc đầu, vài tép Sả , lá Xoài, nấu nước (1 lít) rồi uống			x
23	Trị khớp, nhức mỏi: Lấy Mắc cỡ và rễ Cỏ tranh sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
24	Trị nhức mỏi: Lấy Đinh lăng, Chùm ngây chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x
25	Trị đau nhức khớp: Lấy mỗi thứ 1 nắm: Mắc cỡ (cây, rễ), Lá lốt (cả rễ), lá Đinh lăng chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x
26	Trị nhức mỏi: Lấy cây Mắc cỡ (nguyên cây), rễ Cỏ tranh, Mía lau, mỗi loại 1 nắm, nấu nước uống hàng ngày.			x
27	Trị bệnh tim: Lấy Mắc cỡ phơi khô, nấu nước uống. Uống sáng, chiều.			x
28	Trị ban ở trẻ em: Lấy cả cây Mắc cỡ phơi khô, Me thúi, bông Ngò gai, mỗi thứ 1 nắm, nấu nước uống hàng ngày.			x
29	Trị suy nhược cơ thể, rối loạn tiền đình: Lấy 1 nắm cây Mắc cỡ và Cỏ mần trầu, chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x
30	Trị cảm, tê, nhức mỏi: Lấy 16g Mắc cỡ khô, 14g é tía khô sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
31	Trị tê bại, phong thấp: Lấy cả cây Mắc cỡ (chặt khúc, phơi khô), Cỏ xước, Nhàu nấu nước uống hàng ngày.			x
33	Trị tê tay chân: Lấy Mắc cỡ, Ngãi mọi, Dâu tằm với lượng bằng nhau sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Uống hàng ngày.			x
34	Trị bệnh gan: Lấy Mắc cỡ, Bình bát, Xạ đen, An xoa, hoa Đu đủ, Ngãi cứu, củ Sâm đất, Đinh lăng, mỗi thứ 1 nắm, nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
35	Trị nhức xương khớp: Lấy Rau muống biển, Cỏ xước, ngũ triều, Bình bát, Mắc cỡ, Quao: mỗi thứ 80-100 gram, đổ đầy nước sắc còn lại 8 phân, uống.			x
36	Trị bệnh Gout: Lấy 1 nắm Cỏ xước và Mắc cỡ sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Hoặc lấy Cỏ xước, Rau muống biển, Mắc cỡ: mỗi loại 1 nắm, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
37	Giải độc gan: Lấy Mắc cỡ phơi khô, sắc uống như uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	trà.			
38	Trị khớp: Đâm nhuyễn lá Mắc cỡ, xào với giấm rồi bó chỗ đau khớp.			x
39	Trị khớp: Lấy 1 nắm rễ Nhàu đã vạt mỏng, Cỏ mần trầu, cả cây Mắc cỡ, cây Vòi voi, Cỏ hôi phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
40	Trị đau nhức: Lấy Mắc cỡ chặt, phơi khô, thêm Xương khô, Cù đèn, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Hoặc lấy Mắc cỡ nấu chung với Chùm gọng, Quao, Đinh lăng, Nhàu, Nhãn lồng, Bàng gai sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
41	Trị nhức mỏi, tê bại: :Lấy Mắc cỡ, Sen tàu, rễ Bình bát, Nhân trần nam, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống			x
42	Trị nhức xương khớp, tê: Lấy 1 nắm Lá lốt, 300g Mắc cỡ nấu nước uống			x
43	Trị sốt ban: Lấy Cam thảo đất, Cỏ bạc đầu, Mắc cỡ (tất cả đều đã phơi khô) nấu với 3 chén nướ đến khi còn lại 8 phân, uống			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Người suy nhược, hàn thì không dùng. Người có thai không dùng dược liệu mắc cỡ

Các bài thuốc chỉ tốt và có tác dụng khi dùng liều lượng thích hợp, cây xấu hổ phải được rửa kỹ, chế biến sạch và đúng cách. Nếu dùng kết hợp cây xấu hổ với thuốc Tây hoặc dùng quá dài ngày có thể gây hại cho cơ thể. Tốt nhất nên có sự tham khảo và tư vấn của các thầy thuốc, bác sĩ chuyên khoa khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

285. Mạch môn *Ophiopogon japonicus* (Thunb.) Ker Gawl., 1807

Mạch môn đông, Mạch đông,Tóc tiên, Cỏ lan, Lan tiên

Công dụng: Dưỡng vị, sinh tân, nhuận phế thanh tâm. Chữa phế nhiệt do âm hư, kho khan, ho lao, tân dịch hư tổn, tâm phiền mất ngủ, tiêu khát, táo bón

Tính vị: Mạch môn có vị ngọt, hơi đắng, tính hơi lạnh.

Quy kinh: Qui vào kinh Vị, Phế, Tâm (theo Đông Dược Học Thiết Yếu, Trung Dược Đại Từ Điển).
Qui vào kinh thủ Thiếu âm và Thái âm (theo Bản Thảo Mông Thuyên).
Qui vào kinh thủ Thái âm Phế (theo thang Dịch Bản Thảo).
Qui vào kinh Thiếu âm, túc Dương minh, thủ Thái âm (theo Bản Thảo Kinh Sơ).

Bộ phận dùng	Rễ (củ) - Ophiopogonis, thường gọi là Mạch đông.
Thành phần hóa học:	Trong mạch môn người ta mới thấy có chất nhầy, chất đường. Mới đây có tác giả nói có glucoza và p. xitosterola. Các chất khác chưa rõ. Củ chứa ophipogonin A, B, B', C, C', D, D'; ophiopogonone A, B. Trong củ còn có chất nhầy, đường glucose.
Nguồn gốc	Cây của vùng Đông Á.
Phân bố	Cây bắt gặp ở huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (xã Khánh hòa), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Phong Lạc).
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc.
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 6-7, Có quả tháng 10-12.
Thu hoạch	Thường hái vào tháng 6-7 ở những cây đã được 2-3 năm. Chọn những củ già, cắt bỏ sạch rễ con.
Chế biến	Sơ chế: Sau khi hái, rửa sạch đất bám trên củ, củ to trên 6mm bổ làm đôi, củ nhỏ để nguyên phơi khô tước bỏ lõi trước khi dùng. Có khi hái về, dùng móng tay rạch củ, tước bỏ lõi, rang với gạo cho đến khi gạo có màu vàng nhạt, bỏ gạo lấy mạch môn mà dùng. Bào chế: + Tẩm nước nóng cho mềm, rút bỏ lõi. Muốn tán bột thì sau khi rút bỏ lõi, sao nóng, để nguội, làm như vậy 3-4 lần thì khô dòn, tán bột được (Lôi Công Bào Chích Luận). + Chu mạch môn: Lấy Mạch môn cho vào chậu, phun vào ít nước cho hơi mềm. Lấy bột mịn Chu sa rắc đều vào và trộn đều cho mặt ngaòi dính đều bột Chu sa thì thôi. Lấy ra phơi khô là được (Dược Tài Học). + Rửa sạch cho nhanh (không ngâm nước lâu), để ráo nước cho se vỏ, dùng nhíp cùn rút bỏ lõi. Củ to thì bổ đôi, phơi khô hoặc sao qua, dùng (Dược Liệu Việt Nam).
Bảo quản	Đậy kín, để nơi khô ráo, tránh ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Liliales (Hành)

Họ: Convallariaceae (Mạch môn)

Chi: Ophiopogon (Mạch môn)

Loài: *O. japonicus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo.
Chiều cao cây	Cây cao 10cm đến 40cm
Rễ cây	Rễ chùm, trên rễ có những chỗ phát triển thành cù mầm.
Củ	Củ thường có hình thoi dài 1-4cm, màu vàng.
Lá cây	Lá mọc từ gốc, hẹp dài, như lá lúa mạch dài 15~40cm, rộng 1-4mm, phía cuống hơi có bẹ, mép lá hơi có răng cưa
Hoa	Hoa nhỏ màu lơ sáng, có cuống ngắn, xếp 1-3 cái một ở nách các lá bắc màu trắng. Bao hoa 6 mảnh, rời hay dính ở gốc. Nhị 6, bao phấn mở dọc. Bầu 3 ô, một vòi nhuỵ với 3 đầu nhuỵ.
Quả/trái	Quả mọng màu tím đen nhạt, đường kính 6mm, có 1-2 hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh ho, khó thở, ho lâu ngày: Mạch môn đông 16g, bán hạ 8g, đảng sâm 4g, cam thảo 4g, gạo nếp sao vàng 4g, đại táo 4g, nước 600ml. Sắc còn 200ml. Chia làm 3 lần uống trong ngày (đơn thuốc của Trương Trọng Cảnh).	x		
2	Chữa tắc tia sữa: Mạch môn đông bỏ lõi, tán nhỏ. Mỗi lần uống 10- 12g. Lấy sừng tê giác mài với rượu uống độ 4g. Uống độ 2-3 lần (Dân tộc và phát triển, 2021).	x		
3	Trị lao phổi, viêm phế quản mạn tính, họng viêm mạn, có hội chứng phế kèm ho kéo dài, ho khan: Mạch môn. 20g, Bán hạ chế 6g, Đảng sâm 12g, Cam thảo 4g, Ngạnh mễ 20g, Đại táo 4 quả, sắc uống (Mạch Môn Đông Thang-	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Kim Qũy Yếu Lược)			
4	Trị thổ huyết, chảy máu cam không cầm: Mạch môn (bỏ lõi) 480g, nghiền nát, ép lấy nước cốt, thêm ít mật ong vào, chia làm 2 lần uống (Hoạt Nhân Tâm Kính).	x		
5	Trị chảy máu cam: Mạch môn (bỏ lõi), Sinh địa đều 20g.sắc uống (Bảo Mệnh Tập)	x		
6	Trị họng lở loét, Tỳ và Phế có hư nhiệt bốc lên: Mạch môn 40g, Hoàng liên 20g. tán nhuyễn, trộn mật làm hoàn, to bằng hạt Ngô đồng lớn. Mỗi lần uống 20 viên với nước sắc Mạch môn (Phổ Tế Phương)	x		
7	Trị tiêu khát: Mạch môn, Hoàng liên. Sắc uống (Hải Thượng Phương)	x		
8	Trị Tâm Phế có hư nhiệt, hư lao, khách nhiệt, cốt chưng, lao nhiệt: Sa sâm, Ngũ vị tử, Thanh hao, Miết giáp, Ngưu tất, Địa hoàng, Thược dược, Thiên môn, Ngô thù du. Tán bột. Trộn mật làm viên (Bản Thảo Diễn Nghĩa).	x		
9	Trị vinh khí muốn tuyệt: Mạch môn 40g, Chích thảo 80g, Hàng mễ ½ hộc, Táo 2 trái, Trúc diệp 10 lá. Sắc với 2 thăng nước còn 1 thăng, chia làm 3 lần uống (Nam Dương Hoạt Nhân Thư).	x		
10	Trị hạ ly, khát uống không ngừng: Mạch môn (bỏ lõi) 120g, Ô mai nhục 20 trái. Sắc với 1 thăng nước còn 7 hộc, uống dần (Tất Hiệu Phương).	x		
11	Trị bệnh nhiễm thời kỳ hồi phục, táo bón, hư nhiệt, phiền khát: Mạch môn 12g, Ngọc trúc 20g, Hà thủ ô 16g, Đương qui 12g, Thục địa 16g, Sinh địa 12g, Hoài sơn 16g, Phục linh 8g, Nữ trinh tử 8g, Thiên hoa phấn 8g, Bạch thược 8g, Chích thảo 4g, sắc uống (Dưỡng Chính Thang - Sổ Tay Lâm Sàng Trung Dược).	x		
12	Trị tim suy, có chứng hư thoát, ra mồ hôi nhiều, mạch nhanh, huyết áp hạ: Mạch môn 16g, Nhân sâm hoặc Đảng sâm (lượng gấp đôi) 8g, Ngũ vị tử 6g, sắc uống, để bổ khí âm (Sinh Mạch Tán- Nội Ngoại Thương Biện Hoặc Luận). Trường hợp ra mồ hôi, bứt rứt khó chịu, dùng: Mạch môn 20g, Hoàng kỳ 8g, Đương qui 8g, Ngũ vị tử 4g, Chích thảo 4g, sắc uống (Sổ Tay Lâm Sàng Trung Dược).	x		
13	Trị táo nhiệt hại phế, ho khan, đờm dính, họng đau: Mạch môn 5g, Thạch cao 10g, Tang diệp 12g, Cam thảo 4g, Mè đen 4g, A giao 3g, Hạnh nhân 3g, Tỳ bà diệp 4g. Sắc uống (Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Trị Phế và Vị bị táo nhiệt, họng đau, họng khô, ho ít đờm: Thiên môn 1kg, Mạch môn 1kg, nấu đặc thành cao, thêm Mạch nha 0,5kg, uống ngày 3 lần, mỗi lần 1-2 thìa canh, trước bữa ăn (Nhị Đông Cao - Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách).	x		
15	Trị táo bón do âm hư: Mạch môn đông 20g, Sinh địa 20g, Huyền sâm 12g, sắc uống (Tăng Dịch Thang – Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách).	x		
16	Trị nhiệt bệnh làm tổn thương phần âm, tâm phiền, khát, tinh hồng nhiệt, đơn độc phát ban, thần trí mê muội: Mạch môn 12g, Huyền sâm 20g, Tê giác 4g, Sinh địa 24g, Tinh tre 12g, Đan sâm 16g, Kim ngân hoa 16g, Liên kiều 16g, Hoàng liên 4g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
17	Trị bệnh động mạch vành: Mỗi lần uống thuốc sắc Mạch môn 10ml (có 15g thuốc sống), ngày uống 3 lần, liệu trình 3-18 tháng, hoặc dùng dịch tiêm Mạch môn tiêm bắp 4ml (mỗi ống 2ml có 4g thuốc), chia 1-2 lần chích, 2-4 tháng là một liệu trình, hoặc mỗi ngày tiêm tĩnh mạch dịch tiêm Mạch môn 40mll (mỗi ống 10ml có 10g thuốc sống), liệu trình 1 tuần (Đỗ Tất Lợi).	x		
18	Chữa sốt cao, cơ thể háo khát, ho suyễn, thượng tiêu nóng, hạ tiêu hàn: Dùng mạch môn 12g; thục địa 32g; ngũ vị tử 32g; nhân sâm 12g; bạch truật 12g; phụ tử chế 4g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trước bữa ăn 1 giờ (Y học cổ truyền, 2019).	x		
19	Chữa viêm phế quản cấp: Chuẩn bị mạch môn, tang diệp, tỳ bà diệp, thạch cao mỗi vị 12g; hạnh nhân 8g; a giao 8g; đảng sâm 16g; gừng tươi 4g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trước bữa ăn 1 giờ (Y học cổ truyền, 2019).	x		
20	Chữa Phế táo, ho khan, tân dịch tổn thương, miệng khát, trường táo, đại tiện bí kết: mạch môn với thiên môn, thục địa, tri mẫu mỗi vị 12g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trước bữa ăn 1 giờ (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
21	Chữa viêm họng, viêm phế quản: Dùng mạch môn 24g; huyền sâm, thiên môn mỗi vị 12g. sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trước bữa ăn (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
22	Chữa tâm phiền, mất ngủ, nội nhiệt: mạch môn 12g; đan sâm 12g; ngũ vị tử 8g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trước bữa ăn (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
23	Chữa xương khớp, bổ thận, trị ho, tiêu đàm, táo bón, lợi tiểu, lợi sữa, lao phổi: Lấy củ Mạch môn ngâm rượu uống			x
24	Kháng viêm: Lấy củ Mạch môn và Nhãn lồng nấu với 1 lít nước, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Thận trọng lúc dùng thuốc cho bệnh nhân tiêu chảy (Trung Dược Học).

Phế và Vị có nhiệt nung nấu bên trong: không dùng (Đông Dược Học Thiết Yếu).

Tỳ vị hư hàn, tiêu chảy hoặc có thấp: kiêng dùng (Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách).

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

286. Mai chỉ thiên — *Wrightia antidysenterica* (L.) R.Br., 1811

Cỏ lưỡi mèo, Địa đảm đầu, Địa đảm thảo,

Công dụng: Chữa cảm sốt, chảy máu mũi, đau mắt đỏ, bệnh vàng da, trị rắn cắn, tiêu chảy, sốt, giun đường ruột và kiết ly, nhọt, chống viêm và chống vi khuẩn, trị vàng da, sâu răng.

Tính vị: Vị đắng, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Cả cây.

Thành phần hóa học: Ít thấy tài liệu nghiên cứu. Từ rễ Mai chỉ thiên, người ta đã chiết được một tinh thể không màu có tính chất glucozit. Không có ancaloit. Hoạt chất chưa rõ.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện Phú Tân (xã Phú Thuận), huyện U Minh(xã Khánh Hòa, xã Khánh Hội), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Phong Lạc) huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn).
Sinh cảnh	Cây được trồng nhiều trong vườn nhà.
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 8, Tháng 8 đến tháng 2 năm sau.
Thu hoạch	Quanh năm.
Chế biến	Có thể dùng tươi hoặc phơi, sấy khô.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Apocynaceae (Trúc đào)

→ **Chi**: Wrightia (Lòng mức)

→ **Loài**: *W. antidysenterica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm.
Dạng cây	Cây bụi.
Chiều cao cây	Cây cao 0,2 – 1,2m.
Thân cây	Các nhánh ngắn và phân chia chuyển sang màu nâu sô-cô-la khi nó già đi và được bao phủ bởi hình trứng.
Lá cây	Lá gốc mọc thành hình hoa thị, sát đất. Phiến lá dài chừng 6-12cm, rộng 3-5cm, hình thìa, có lông trắng ở cả hai mặt, mép có răng cưa lượn sóng, phía dưới hẹp lại thành cuống rộng ôm vào thân. Lá ở thân nhỏ và hẹp hơn lá ở gốc. Hoa màu tím, mọc thành xim, có đầu giả.
Hoa	Hoa có năm cánh hoa, màu trắng, tím, mọc thành xim, có đầu giả, hình ống, hình ngôi sao có tâm màu vàng.
Quả/trái	Quả hình thoi, có 10 cạnh lồi., hình ống, hình ngôi sao có tâm màu vàng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mụn nhọt, đinh râu: Dùng lá Mai chỉ thiên tươi giã với giấm hoặc mẻ đắp (Sổ tay cây thuốc Việt Nam).	x		
2	Chữa môi lở sưng đau: Dùng lá Mai chỉ thiên tươi, rửa sạch, thêm chút muối, giã nhỏ, vắt lấy nước bôi hoặc đắp vào chỗ đau (Lãn Ông – Bách gia trân tàng).	x		
3	Chữa ung nhọt độc mọc ở dưới nách: Dùng toàn bộ cây Mai chỉ thiên tươi, thêm chút muối và giấm, cùng giã nát đắp vào chỗ bị bệnh; nhọt đã mưng mủ vẫn chữa được (Y lâm tập yếu).	x		
4	Chữa bí đái: Dùng cây Mai chỉ thiên tươi 20-30g, sắc nước uống (Phúc Kiến trung thảo dược).	x		
5	Chữa viêm họng, viêm amiđan. Dùng Mai chỉ thiên 10g khô, hãm với 300ml nước sôi trong nửa tiếng, chia ra uống trong ngày. Cũng có thể dùng lá tươi, nhai lẫn với chút muối, nuốt dần (Trung thảo dược tân y liệu pháp xử phương tập).	x		
6	Chữa vàng da (thể dương hoàng): Dùng cây Mai chỉ thiên tươi, nhổ liền cả rễ 100-150g, nấu với thịt lợn ăn, dùng liên tục 4-5 ngày (Lĩnh Nam thảo dược chí).	x		
8	Điều trị miệng, lưỡi viêm loét: Dùng Mai chỉ thiên 30g khô, sắc nước uống mỗi ngày 1 thang. Thử nghiệm điều trị 22 ca, 18 ca khỏi; trung bình sau 3 ngày khỏi bệnh, sau 3 tháng khám lại không thấy tái phát. Tác dụng phụ: Trong bụng có cảm giác hơi khó chịu; người già và trẻ nhỏ dùng phải thận trọng (Trung dược đại từ điển).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Trị cước khí: Dùng toàn bộ cây Mai chỉ thiên tươi 30-60g, đậu phụ 60-120g; hầm lên ăn (Phúc Kiến dân gian thảo dược).	x		
10	Điều trị mũi chảy máu: Dùng cây Mai chỉ thiên tươi 20-30g, nấu với một lượng thích hợp gan lợn, ăn gan và uống nước thuốc, dùng liên tục 3-4 ngày (Lĩnh Nam thảo dược chí)	x		
11	Trị nhiệt lâm (đái nhỏ giọt, niệu đạo nóng buốt, …): Dùng toàn bộ cây Mai chỉ thiên tươi 120g, thịt lợn nạc 150-200g, muối một chút; tất cả cho vào nồi, sắc lấy nước, bỏ bã, chia thành 4 lần uống trong ngày	x		
12	Chữa đái buốt, đái ra máu, sỏi, đái đục, nước tiểu lẫn chất nhầy: Dùng cây Mai chỉ thiên, rễ bấn đỏ, rễ vậy trắng, rễ cỏ tranh, cỏ bấc, thịt ốc nhồi – mỗi thứ một nắm; sắc nước uống (Tuệ Tĩnh – Nam dược thần hiệu). Chú thích: Bấn đỏ còn gọi là "mò đỏ", "vậy đỏ", "xích đồng nam"; vậy trắng còn gọi là "bấn trắng", "mò trắng", "bạch đồng nữ".	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Cây Mai chỉ thiên mang đến nhiều công dụng chữa bệnh. Tuy nhiên, với những người đang điều trị loét dạ dày nên ăn đúng bữa, không dùng chất kích thích, cay nóng, tránh làm nặng, thức khuya để mau khỏi bệnh.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

287. Mai chiếu thủy

***Wrightia religiosa* (Teijsm. & Binn.) Benth. ex Kurz, 1788**

Mai chấn thủy, Mai chiếu thổ, Mai lá nhỏ, Mai trúc thủy

Công dụng: Rễ được dùng điều trị một số bệnh ngoài da còn lá thì giúp giảm đau, hạ huyết áp. Ở Campuchia, hoa được dùng để ướp thơm nước phép.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hoa

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ miền Đông Dương

Phân bố: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà và ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Quanh năm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Apocynaceae (Trúc đào)

→ **Chi**: Wrightia (Lòng mức)

→ **Loài**: *W. religiosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Đường kính cây	Đường kính cây khoảng 30cm-70cm
Vỏ cây	Vỏ da xù xì
Thân cây	Thân có nhựa trắng hơi dính,Thân cây chắc khỏe và dẻo dai, Một số cây lâu năm đường kính thân khoảng 30cm-70cm và có nhiều u nần, một số

	cây dạng bonsai được giữ chiều cao hạn chế, chủ yếu tạo dáng ở thân và môt số chi. Cây có nhiều nhánh nhỏ, nhánh dài mảnh, có lông mềm
Lá cây	Lá hình trái xoan-ngọn giáo, thuôn, hình dải-ngọn giáo, nhọn ở chóp, có góc ỏ gốc, hai mặt lá khác nhau, hầu như không có cuống, dài 3-6,5cm, rộng 1-2,5cm.
Hoa	Hoa mai chiếu thủy nhỏ, màu trắng tinh, mọc thành chùm tập trung ở ngọn các cành. Hoa mọc hướng xuống dưới có 5 cánh, cuốn hoa dài, bầu nhụy nằm ở giữa cánh hoa. Hoa nở cũng nhanh tàn.
Quả/trái	Sau khi hoa tàn thì cây sẽ ra quả , quả của cây mai lá nhỏ nhỏ và dài
Hạt	Hạt hình dải dài 6mm, rộng 1mm mang chùm lông mềm màu trắng.
Mùi hương	Hoa có mùi thơm nhẹ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị nhức răng: Đâm nhuyễn lá Mai chiếu thủy với muối, sau đó nhét lỗ răng bị nhức.			x
2	Trị đau bụng: Lấy đọt tươi Mai chiếu thủy và ít muối đâm, ngậm, nuốt nước, bỏ xác.			x
3	Trị tiểu đường: Lấy 2-3 hoa Mai chiếu thủy cho vào ly, sau đó đổ nước sôi vào, để nguội uống.			x
4	Trị đau bao tử: Lấy 10 đọt non Mai chiếu thủy, 1 ít muối hột giã nhuyễn, cho nước vào khuấy đều vắt nước, uống. Mỗi ngày uống 3 lần.			x
5	Trị ho: Lấy 1 nắm nhỏ bông Mai chiếu thủy cho vào ly, đem chưng cách thủy, thêm một ít mật ong rồi vớt bông bỏ, rồi uống.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

288. Mai hoa đăng *Cochlospermum vitifolium* (Willd.) Spreng., 1827

Huỳnh hoa đăng, ốc tử

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây Mai hoa đăng có nguồn gốc từ Myamar (Miến Điện), Indonesia và Ấn Độ.

Phân bố: Ở Cà Mau, mai hoa đăng chỉ được tìm thấy ở huyện Phú Tân (xã Việt Thắng), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng)

Sinh cảnh	cây mai hoa đăng được người dân trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Hoa thường nở hoa từ tháng 2-4 khi các lá đã rụng, Cây kết quả từ tháng 3-6.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Angiospernae (Thực vật có hoa)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)
    - **Họ:** Bixaceae (Siêm phụng)
      - **Chi**: Cochlospermum (Ốc tử, Điều nhuộm)
        - **Loài**: *C. vitifolium*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao từ 10-15m
Thân cây	Thân mềm và giòn, dễ gãy, đứng vững là nhờ lớp vỏ bọc bên ngoài, một gốc thường mọc nhiều thân lên.
Lá cây	Lá cây mọc từ thân, phía dưới có nhiều lông con thuộc lá đơn ít và thưa, lá thường xẻ 5 thùy, có gân giữa, có màu xanh khi già gần rụng chuyển màu vàng
Hoa	Hoa của nó rất đẹp và to màu vàng rực có 5-7 cánh, gần giống hoa mai vàng, cuống hoa màu xanh, phía dưới có lông, nhụy hoa nằm giữ có phấn nhỏ, mùi thơm nhẹ. .
Quả/trái	Quả nang tự nứt, dạng trứng ngược hoặc dạng quả lê. Trái có vỏ màu
Hạt	Hạt bên trong quả có rất nhiều hạt được bao phủ bởi lớp bông trắng, giống như trái cây Gòn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị ban: Lấy thân, lá Mai hoa đăng phơi khô, nấu nước uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

289. Mai Mỹ *Bryophyllum delagoense* (Eckl. & Zeyh.) Druce, 1916

Trường sinh rằn

Công dụng: Bỏng, sưng tấy, rắn cắn, ngoại thương xuất huyết, mụn nhọt sưng lở.

Tính vị: Vị chua, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học:

Bộ phận dùng: Lá, thân.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Châu Phi

Phân bố: Cây bắt gặp ở huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)

Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc.
Mùa hoa quả	Ở Đà Lạt cây có hoa tháng 11, còn cây trồng ở đồng bằng ít khi có hoa,
Thu hoạch	Quanh năm.
Chế biến	Dùng trực tiếp lá tươi.
Bảo quản	Sử dụng ngay sau khi hái lá.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Saxifragales (Tai Hùm)

→ **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)

→ **Chi**: Bryophyllum

→ **Loài**: *B. delagoense*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống quanh năm.
Dạng cây	Cây thân thảo.
Chiều cao cây	Cây cao đến 1,2m.
Thân cây	Thân tròn.
Lá cây	Lá đơn, đo đỏ, có điểm tuyến. Lá mọc vòng hay rải rác, phiến hình trụ mập, dày, mọng nước, với mặt trên phẳng xanh nhạt hay đậm, có vằn và đốm màu hơi đen, đầu lá có 3-4 răng nhỏ và mang những chồi nhỏ có thể tạo ra cây con.
Hoa	Cụm hoa xim dạng ngù ở ngọn mang nhiều hoa màu đỏ cam; lá đài 4, cánh hoa 4 hợp với nhau thành ống dài; nhị 8, bầu 4 lá noãn.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bỏng, cháy, ngoại thương xuất huyết, mụn nhọt sưng đỏ: Giã nát lá Mai mỹ tươi rồi đắp trực tiếp lên vết thương	x		
2	Trị bệnh tim: Lấy 1 nắm lá cây Mai Mỹ nấu nước uống.			x
3	Trị nhức do cá đâm: Vò lá (1 nhánh nhỏ) Mai Mỹ với ít muối rồi đắp lên vết thương.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên dựa vào để tự chữa bệnh do liều lượng và đặc tính thuốc có thể thay đổi tùy vào thể trạng của mỗi người.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

290. Mai vàng — *Ochna integerrima* (Lour.) Merr., 1935

Huỳnh mai, Hoàng mai, Lão mai

Công dụng: Theo kinh nghiệm dân gian, ở các tỉnh phía Nam Việt Nam, người ta dùng vỏ thân cây hoa mai vàng ngâm rượu uống làm thuốc bổ đắng, giúp tiêu hóa dễ dàng. Ở Campuchia và Lào, các lá non của cây thường được dùng làm rau ăn sống.

Tính vị: Vỏ cây hoa mai vàng có vị đắng.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ

Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	cây mai vàng rất được người dân thích trồng kiểng, cây được trồng trong vườn nhà, ven đường, ven mương, ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 3 đến 5.
Thu hoạch	Vỏ cây hoa mai vàng thu hái quanh năm.
Chế biến	Sau khi thu hái, phơi hay sấy khô vỏ cây.
Bảo quản	Để nơi sạch sẽ, khô ráo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Ochnaceae (Mai)

→ **Chi**: Ochna (Mai)

→ **Loài**: *O. integerrima*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm.
Dạng cây	Cây bụi hay gỗ nhỏ.
Chiều cao cây	Cây cao 3 - 7 m.
Thân cây	Thân cành tỏa rộng, màu nâu sẫm, có nốt sần. Cành nhánh thưa dài, mảnh.
Lá cây	Lá thường xanh (để có hoa nở rộ thường cắt bớt lá vào mùa có nụ). Lá đơn mọc cách, mềm, xanh nhạt bóng, mép lá có răng cưa nhỏ.
Hoa	Cụm hoa thành chùm ở nách lá. hoa có cuống ngắn. Cánh đài 5, màu xanh bóng, dày, không che kín nụ. Cánh tràng 5 - 10. Hiện nay nhiều nhà vườn đã tạo ra các cây mai vàng có số cánh rất nhiều: trên 20, màu vàng tươi, đĩa hoa dày có khía, nhị nhiều, bầu có 3 - 10 múi, mỗi múi một noãn.. . .
Quả/trái	Quả hạch, dài 6 – 7 mm, khi chín mầu đen, chứa 1 hạt: các quả xếp thành
Mùi hương	Hoa có mùi thơm đặc trưng.

Stt	**Bài thuốc**	**Sách vở**	**Người Cà Mau đã áp dụng**	**Kinh nghiệm của người Cà Mau**
1	Trị bệnh tim: Lấy 1 nắm lá Mai vàng nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

291. Mắm — *Avicennia officinalis* L., 1753

Công dụng: Nhân dân thường dùng để trị bệnh ngoài da và chủ yếu là trị ghẻ. Ở nhiều nước châu Mỹ, vỏ mắm dùng chữa bệnh phong dưới dạng cao lỏng hay cao mềm. Cao mềm, cho uống ngày 6-8g dưới dạng thuốc viên. Có thể dùng vỏ Mắm ngâm rượu uống. Trên những vết loét của bệnh phong người ta đắp dùng dịch có pha 50% cao lỏng Mắm và 50% nước.

Ở Ấn Độ hạt được dùng làm thuốc kích dục. Quả chưa chín, dùng đắp để làm cho áp xe mưng mủ. Tro gỗ dùng giặt thay xà phòng, trong đó có một tỷ lệ lớn alcalin.

Tính vị	Vỏ chát
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Vỏ, rễ và hạt
Thành phần hóa học	Vỏ chứa 2,5-3% tanin, còn có protid, lipid và tinh bột, đường. Không thấy có alcaloid và glucosid.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây mọc tự nhiên ở ven sông, ven đường đi, và được trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)
      - **Chi**: Avicennia (Mắm)
        - **Loài**: A. officinalis

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ hay cây nhỡ phân nhánh từ gốc, có lỗ bì và phủ tuyến nhựa
Chiều cao cây	Cây cao 5-25m
Lá cây	Lá xoan ngược hay thuôn, hơi thành góc ở gốc, tròn ở đầu, dài 4-12cm, rộng 2-6cm, có mép hơi gập lại, nhẵn và bóng ở trên, mặt dưới có lông sát mịn và mốc mốc.
Hoa	Hoa vàng hay da cam, thành chuỳ các xim ở ngọn dài 1,5-2cm, xanh đo đỏ, dẹp một bên, tận cùng thành mỏ. Ra hoa/quả quanh năm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị nhức mỏi: Chặt cây Mắm già, vạt mỏng, phơi khô. Nấu 1 nắm Mắm đã phơi khô với Nhãn lồng uống hàng ngày.			x
2	Trị đau bao tử: Lấy 1 nắm đọt Mắm đâm, vắt lấy nước uống buổi sáng			x
3	Xổ, trị xơ gan cổ trướng: Lấy 1 nắm nhánh cây Mắm đã vạt mỏng sao vàng thủy thổ, nấu nước uống hàng ngày			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

292. Mắm đen — *Avicennia marina* (Forssk.) Vierh., 1907

Công dụng: Chữa bệnh phong (hủi), viêm loét, hoại tử, viêm da kèm theo lở loét, mất ngủ, làm thuốc kích dục.

Tính vị: Vị chát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá làm phân xanh do chứa nhiều đạm. Quả ăn được. Phần vỏ thân và vỏ rễ được dùng để làm thuốc.

Thành phần hóa học	Không thấy có sự xuất hiện của Ancaloid và rất ít Glucozid. Ngoài luteolin 7-O-methylether, chrysoeriol 7-O-glucoside và isorhamnetin 3-O-rutinoside còn có thêm nhựng hợp chất phức tạp kết nối loại galctoside (Fitoterapia Số 71-2000). Một số thành phần khác như Natri, sắt, kali, Carbonat với hàm lượng 7.96%, 0.6% tinh dầu, 2% nhựa, 11% chất đường, 17% tanin. Ngoài ra, có một chất màu đỏ chuyển sang màu đỏ xim trong môi trường kiềm và vàng rồi kết tủa trong môi trường axit.
Phân bố ở Cà Mau	Cây dường như chỉ được bắt gặp ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây mọc tự nhiên ở ven sông, ven ao, ven vuông, trong vườn và được người dân trồng ven sông ven ao để chóng xạc lở
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Đầu hè là thời điểm cây mắm ra hoa nhiều nhất, khoảng từ tháng 4 – 6 dương lịch, còn vào tháng 9 – 11 là lúc cây cho quả. Phần lá, hạt, vỏ và rễ cây mắm chính là phần được sử dụng nhiều nhất để làm thuốc. Nếu thu hái vào thời điểm này sẽ giúp dược liệu có
Bảo quản	Bảo quản ở những nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc những nơi có độ ẩm cao.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)
      - **Chi**: Avicennia (Mắm)
        - **Loài**: *A. marina*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ
Chiều cao cây	Cây có thể cao đến 25m
Đường kính cây	Đường kính cây có thể lên tới 1m
Rễ cây	Rễ phổi (phế căn) hình cây đủa chẻ làm hai mọc vươn khỏi mặt đất từ những rễ bò mọc cạn. Rễ dày, hình dùi và mọc trên bùn.
Vỏ cây	Vỏ màu xám hay đỏ nhạt
Thân cây	Thân hình trụ. Phần cành non được phủ bằng một lớp lông xám hoặc trắng, cành già và bóng, có nhiều lỗ. Mỗi cành nhỏ thường có 5 – 7 cặp lá, lá mắm hình bầu dục thuông, mọc đối đầu và góc nhọn, phần mép hơi lượn sóng, bề mặt trên nhẵn, mặt dưới phủ lông màu trắng, cuống
Lá cây	Lá đơn, mọc đối: đầu lá tròn khi cây còn non, đổi thành hình trứng ngược khi cây lớn dần. Phiến lá dài 4-12 cm, rộng 2.5-4 cm; bìa lá thường cuốn xuống. Mặt trên của lá màu xanh lục, trơn ; mặt dưới có lông mịn màu vàng hung, có những đốm nhựa. Gân lá nổi rõ. Cuống lá dài 0.5-1 cm.
Hoa	Hoa nhỏ màu vàng-chanh, vàng-cam có mùi thơm, họp thành phát hoa kép từ 2-12 hoa, dày ở ngọn, thường có 3 nhánh hoa. Hoa được xem là lớn nhất trong các cây mắm, khi nở hết đường kính có thể đến 6-10 mm.
Quả/trái	Quả thuộc loại manh nang, hình trứng, tròn ở gốc, đầu có mũi nhọn dài 2-
Hạt	Hạt dẹp, nảy mầm trong nước.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vết loét: Đắp dung dịch có pha 50% cao lỏng mắm và 50% nước (Thuốc dân tộc).	x		
2	Chữa bệnh hủi: Vỏ cây mắm dưới dạng cao mềm hay cao lỏng, cao mềm uống từ 6-8g dưới dạng thuốc viên, có thể dùng vỏ mắm ngâm rươu uống (Thuốc dân tộc).	x		
3	Điều trị hoại tử: Dùng lá cây mắm đen giã nhuyễn cùng với một ít muối hạt rồi đắp trực tiếp lên vết thương. Đối với vết thương lành không bị lở loét thì đắp kín hết vết thương, còn nếu vết thương hở thì khi đắp nên chừa ra một chỗ trống để các chất độc bên trong vết thương được đẩy ra ngoài. Kiên trì thực hiện và thay thuốc 2 ngày/ lần (Thuốc dân tộc).	x		
4	Viêm da kèm theo lở loét: Sử dụng lá của cây mắm đen. Lá mắm đen rửa sạch, đun sôi lên với nước, nấu trong vòng 10 – 15 phút thì tắt bếp, lọc lấy phần nước uống hằng ngày. Nước lá cây mắm không chỉ tốt trong việc cải thiện tình trạng viêm da, lở loét mà còn giúp mát gan, thanh lọc cơ thể, trợ tim (Thuốc dân tộc).	x		
5	Trị Gout: Lấy 1kg vỏ Mắm, phơi khô, cho vào 1 lít nước, nấu lửa riêu, sau khi còn lại khoảng 300ml nước lấy uống			x

Lưu ý khi sử dụng:

Không sử dụng cho phụ nữ mang thai và đang cho con bú để tránh gây ảnh hưởng đến sức khỏe.

Cây mắm là một vị thuốc nam quý và được sử dụng phổ biến trong Y học cổ truyền nên hầu hết các phòng khám Đông y, cửa hiệu thuốc đông dược… đều có bán vị thuốc này. Tuy nhiên, nếu muốn sử dụng nên tìm đến những cửa hiệu bán thuốc uy tín, chất lượng và có giấy phép hoạt động.

Cây mắm khác với cây bọ mắm hay cây thuốc dòi nên cần tìm hiểu kỹ và hết sức cân nhắc trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

293. Mận *Syzygium samarangense* (Blume) Merr. & L.M.Perry, 1938

Roi hoa trắng, Bồng bồng, Bòng bòng, miền trung gọi là Đào, miền Nam gọi là Mận, Lí tử, Lí thực

Công dụng: Quả mận thường được dùng để chữa các chứng bệnh như hư lao cốt chưng, âm hư nội nhiệt, thủy thũng, tiêu khát... Rễ mận có công dụng thanh nhiệt giải độc. Lá mận chuyên trị vết thương do sang chấn..

Tính vị: Quả mận có vị chua ngọt, tính bình. Rễ mận có vị đắng, tính lạnh. Lá mận vị chua, tính bình. Nhân hạt mận còn gọi là lí hạch nhân, vị ngọt đắng, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu.

Bộ phận dùng: Vỏ thân, rễ, lá, trái, hạt và hoa.

Thành phần dinh dưỡng	Trong 100g phần ăn được của quả mận gồm có: Nước: 94.1g, Năng lượng: 20Kcal, Protein: 0.6g, Glucid: 3.9g, Sắt: 0.40mg, Kali: 157mg.
Thành phần hóa học	Trong 100g phần ăn được của quả roi có: Nước 84,80g, protein 0,5 – 0,8g, chất béo 0,2 – 0,3g, carbohydrat 9,7 – 14,2g, xơ 1 – 2g, caroten 123 – 235IU, vitamin B complex 0,55 – 1,04mg và vitamin C 3 – 37mg.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Java (Indonesia), Ấn Độ, Malaysia, các nước Nam – Trung Mỹ và cả Đông Nam Á.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoại trừ huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi).
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà, ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 12 đến 1., Mận ở miền Bắc thường chỉ thu hoạch vào mùa hè (tháng 5-7), nhưng ở miền Nam loại quả này lại cho trái quanh năm
Thu hoạch	Rễ mận thường được thu hoạch vào tháng 9 - 10

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Myrtales (Trám (Sim))
    - **Họ:** Myrtaceae (Trám (Sim))
      - **Chi**: Syzygium (Trâm)
        - **Loài**: *S. samarangense*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có thể cao đến 12m.
Vỏ cây	Vỏ dày
Thân cây	Thân ngắn, vỏ dày, nhiều nhánh mở ra, nhánh non hơi vuông dẹp. Cành ngắn có màu nâu đỏ hồng.
Lá cây	Lá nguyên, mọc đối, có phiến to 10 đến 25 cm dài và 5 đến 12 cm rộng, láng dai, rất thơm khi nghiền nát, đáy tròn hay hơi hình tim, gân lá hình lông chim, gân bìa 2, gần như không cuống 4-5 mm, màu vàng sang xanh lá cây sẫm.
Hoa	Hoa màu trắng, cánh hoa hình trứng, ngược, nhân hạch nhẵn, có màu sắc thay đổi, tím, bồ quân, vàng lục, thường có một rãnh bên..đường kính 2,5 cm, có bốn cánh và nhiều nhị. Hoa lưỡng tính cao 3-4 mm, đài hoa hình thùy 4-5, cánh hoa 4-5 màu trắng, có thể vắng mặt, tiểu nhụy thường rất nhiều, chỉ rời hoặc thành 5 bó đối diện với cánh hoa, nhiều tuyến ở ngọn, bao phấn 2 buồng, bầu noãn hạ hay bán hạ hoặc rất hiếm bầu noãn thượng, 1 đến nhiều buồng, nhiều noãn mỗi buồng, vòi nhụy duy nhất xanh dài, nuốm duy nhất.
Quả/trái	Trái, phần ăn được phì quả trắng, hường hay xanh, da như sáp, phát triển
Hạt	Hột giữa nạt có chứa 1 đến 3 hạt dạng tròn, hoặc không hạt, phủ bởi một màng hơi đỏ và lá mầm xanh nhạt.
Mùi hương	Hoa, lá có mùi hương thơm dễ chịu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vết thương do côn trùng đốt: Lấy hạt mận rửa sạch, giã nát rồi đắp lên vết thương để 5 phút rồi rửa sạch. Đắp ngày 2 lần (Nguyễn Lân, 2012).	x		
2	Hỗ trợ điều trị đái tháo đường: Quả mận tươi 0,5kg, rửa sạch, bỏ hạt, ép lấy nước, chia 3 lần uống trong ngày, dùng liền 10 ngày (Nguyễn Lân, 2012).	x		
3	Giảm đau nhức răng: Rễ mận 30g, sắc đặc với 100ml nước, ngậm 5 - 7 phút vào buổi sáng, chiều, tối trước khi đi ngủ, ngậm 5 ngày (Nguyễn Lân, 2012).	x		
4	Nhuận tràng: Nhân hạt mận 10g, đào nhân 10g, hạnh nhân 10g. Tất cả cho vào ấm đổ 700ml, sắc còn 250, chia 2 lần uống trong ngày. Dùng liền 10 ngày (Nguyễn Lân, 2012).	x		
5	Chữa đau nhức xương khớp khi thời tiết thay đổi: Lá mận 50g, lá thài lài tía, lá đào, lá si, lá dâm bụt mỗi thứ 30g. Tất cả rửa sạch, giã nhỏ, sao vàng ngâm với rượu 10 - 15 ngày. Dùng rượu này xoa bóp chỗ đau ngày 2 lần (Nguyễn Lân, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Làm đẹp da mặt: Quả mận tươi 250g, rửa sạch, bỏ hạt, giã nát, ép lấy nước rồi hoà với 250ml rượu gạo, đựng trong lọ kín để dùng dần, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 - 20ml (Nguyễn Lân, 2012).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những người tỳ vị yếu không nên ăn nhiều mận.* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

294. Mần ri hoa tím — *Cleome chelidonii* L.f., 1782

Màn màn tím, Màn ri tím, Màn ri tía, Mần ri,

Công dụng: Màn ri tía được dùng chữa các chứng cám cúm nóng lạnh, nhức đầu, ho hen, và chứa cả rắn cắn. Lá dùng chữa viêm đau thận. Ở Ấn Độ, rễ dùng làm thuốc trị giun; nước sắc cây dùng chữa viêm gan mạn tính và bệnh ngoài da.

Tính vị: Vị cay, tính ấm, không độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Tất cả các bộ phận của cây mần ri, bao gồm rễ, thân, lá và hạt đều được sử dụng để làm dược liệu chữa bệnh.

Thành phần hóa học	Trong cây mần ri có chứa các thành phần hóa học sau đây: Glycosid, Alucocleomin, Glucocapparin, Axit Viscosix, Viscosin, Protein, Vitamin A, Chất béo, Đường khử.
Nguồn gốc	Cây của vùng Ấn Độ, Malaixia, mọc hoang ở chỗ đất thấp, bãi trống, dọc đường đi.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở trong vườn nhà, ven đường, ven nhà và ven sông.
Mùa hoa quả	Quanh năm.
Thu hoạch	Cây mần ri được thu hái quanh năm.
Chế biến	Sau khi thu hái về sẽ được rửa sạch và dùng tươi. Hoặc phơi khô dưới nắng rồi cho vào túi nilon và cột kín để sử dụng dần.
Bảo quản	Bảo quản dược liệu ở nơi khô ráo, sạch sẽ và thoáng mát để không bị hư hại hoặc mốc meo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Brassicales (Cải, Mù tạc)
    - **Họ:** Cleomaceae (Màn màn)
      - **Chi**: Cleome (Màn màn, Rau màn, Màng màng)
        - **Loài**: *C. chelidonii*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 20-40cm
Rễ cây	Rễ mần ri có hình trụ dài và mọc thành chùm to.
Thân cây	Thân có ít lông 5 cạnh, màu xanh dợt hay đỏ.
Lá cây	Lá mần ri có màu xanh lá, dài và khá hẹp, lá giữa lớn hơn, có lông thưa sát
Hoa	Hoa đơn độc ở nách lá, cuống dài hơn lá; 4 lá đài xanh, 4 cánh hoa tím thường vểnh ra, 6 nhị, có bao phấn màu lam. Bầu có lông, vòi nhuỵ ngắn.
Quả/trái	Quả mần ri dài, bên trong có nhiều hạt.
Hạt	Hạt có hình thận

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa nhức đầu: Cành lá Màn màn tím đâm nát đắp vào thái dương (Tuệ Tĩnh).	x		
2	Chữa sưng hạch ở cổ, ở cạnh tai, sưng vú: Cành là Màn màn tím tươi giã đắp (Tuệ Tĩnh).	x		
3	Đau chín mé: Dùng cây lá Màn màn tím đẫm với một ít muối ăn đắp bó ngón tay vào buổi tối (Tuệ Tĩnh).	x		
4	Chữa bệnh xương khớp: Lấy 100g cây màn ri tươi hoặc 40g cây đã được phơi khô và 500ml nước lọc. Rửa sạch Mần ri, cắt thành khúc nhỏ 2 – 3cm. Cho lên chảo sao vàng đến khi có mùi thơm. Sau đó đổ vào một miếng vải khô đem hạ thổ (chôn dưới đất) 2 – 3 giờ đến khi vị thuốc nguội hẳn. Đem vị thuốc vừa sao hoặc bảo quản khô đun cùng 500ml nước lọc đến khi chỉ còn khoảng ⅓ thì mang ra sử dụng.Người bệnh nên kiên trì uống từ 10 đến 15 ngày sẽ thấy tác dụng rõ rệt (Đông y Việt Nam, 2021).	x		
5	Hỗ trợ chữa thoát vị đĩa đệm: Chuẩn bị: 40 g Mần ri hoa trắng khô. Rửa sạch Mần ri bằng nước để loại bỏ hết bụi bẩn còn bám bên trên dược liệu. Cho Mần ri vào ấm hãm cùng một lượng nước vừa đủ. Sau đó rót lấy nước uống trong ngày (không để qua đêm). Mỗi ngày uống khoảng 3 – 5 lần, mỗi lần khoảng 200 – 300ml. Sau vài tuần bệnh thoát vị đĩa đệm sẽ cải thiện dần (Đông y Việt Nam, 2021)..	x		
6	Hỗ trợ chữa đau nhức xương khớp: Lấy 50 g Mần ri khô rửa sạch Mần ri. Sau đó cho vào ấm nấu cùng một lượng nước vừa đủ. Đun sôi hỗn hợp, chờ đến khi sắc lại còn khoảng 1/2 thì tắt bếp. Lọc lấy nước thuốc, chia thành nhiều phần nhỏ và uống hết trong ngày (Đông y Việt Nam, 2021)..	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa cảm sốt, đau đầu: Lấy 20 g Mần ri rửa sạch Mần ri. Sau đó cho vào ngâm trong nước muối pha loãng để diệt khuẩn, sát trùng. Cho Mần ri vào cối giã nát. Sau đó dùng đắp lên vùng thái dương và trán để cải thiện bệnh (Nguyễn Kiều Trang).	x		
8	Chữa cảm sốt, đau đầu: Lấy 700 g Mần ri (bao gồm thân, lá và rễ) rửa sạch để đảm bảo không còn bụi bẩn và vi khuẩn. Cho Mần ri vào nồi nấu cùng với 5 lít nước. Sau đó đem xông hơi trong khoảng 20 phút. Dùng khăn mềm lau khô mồ hôi sau khi xông. Một lúc sau sẽ thấy cải thiện cơn cảm sốt, đau đầu (Nguyễn Kiều Trang).	x		
9	Chữa sưng hạch cạnh tai hoặc cổ: Lấy lá Mần ri tươi (một lượng vừa đủ) rửa sạch. Sau đó đem ngâm trong nước pha loãng 10 phút để diệt khuẩn. Cho lá Mần ri vào cối giã nát hoặc cho vào máy xay sinh tố xay nhuyễn rồi đắp lên vùng bị sưng hạch. Thực hiện liên tục trong vài ngày đến vài tuần sẽ thấy bệnh thuyên giảm và hết dần (Nguyễn Kiều Trang).	x		
10	Hỗ trợ chữa viêm cầu thận mãn tính, ho hen: Lấy 40 g Mần ri hoa tím khô rửa sạch để loại bỏ bụi bẩn. Cho dược liệu vào ấm hãm cùng nước nóng để uống. Chờ cho hoạt chất trong dược liệu ra hết thì lọc lấy nước uống. Nên chia thành nhiều lần uống trong ngày và không để qua đêm. Thực hiện đều đặn mỗi ngày, sau vài tuần bệnh sẽ cải thiện rõ rệt (Nguyễn Kiều Trang).	x		
11	Chữa thoát vị đĩa đệm: Lấy 100g cây Mần ri tươi gồm cả lá, thân, rễ và 1 -2 thìa muối trắng, Một tấm lá chuối. Cây Mần ri tươi gồm cả lá, thân, rễ đem về rửa sạch, để ráo nước. Thái nhỏ thành đoạn 2 – 3cm rồi giã nát khoảng 1 thìa muối trắng. Gói phần cây đã giã nát vào lá chuối, sau đó vùi vào bếp than. Đợi đến khi lá chuối chuyển màu vàng thì lấy ra. Chuyển phần thuốc vào một miếng vải sạch khô rồi chườm lên vị trí đau. Chườm liên tục trong vòng 20 – 30 phút cho đến khi phần thuốc hết nóng thì lấy bã chà xát nhẹ nhàng lên vị trí bị thoát vị. Người bệnh nên đắp thuốc mỗi khi bị đau hoặc trước khi đi ngủ. Đắp đều đặn mỗi ngày và kiên trì từ 10 -15 ngày để thấy tác dụng trị bệnh của cây thuốc (Nguyễn Kiều Trang).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Hỗ trợ chữa thoát vị đĩa đệm: Chuẩn bị: 100 g Mần ri tươi (bao gồm rễ, lá và thân), 40ml rượu trắng (loại 40 – 50 độ), 1 củ gừng tươi. Rửa sạch gừng rồi đem đi cạo vỏ và đập nhuyễn. Mần ri cũng rửa sạch, để ráo nước rồi dùng dao cắt nhỏ thành từng đoạn ngắn khoảng 3cm. Cho gừng và Mần ri vừa có vào chảo sao vàng. Đến khi có mùi thơm thì cho rượu trắng vào nấu sôi trong khoảng 3 phút rồi tắt bếp. Cho hỗn hợp thuốc vào miếng vải sạch. Sau đó chườm lên vị trí đau trong khoảng 20 – 25 phút. Khi thuốc nguội dần thì lấy phần bã chà nhẹ nhàng lên vùng bị thoát vị đĩa đệm (Nguyễn Kiều Trang).	x		
13	Hỗ trợ chữa xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ: Chuẩn bị: 50 g Mần ri, 6 g mật nhân, 50 g diệp hạ châu. Rửa sạch Mần ri, mật nhân và diệp hạ châu để loại bỏ hết bụi bẩn và vi khuẩn. Cho tất cả dược liệu vào ấm cùng 1500ml nước lọc. Đun sôi hỗn hợp đến khi sắc lại còn 1000ml thì tắt bếp. Lọc lấy nước thuốc, bỏ phần bã. Sau đó chia làm 2 phần bằng nhau để uống vào 2 buổi trong ngày. Thực hiện đều đặn và liên tục thì chỉ sau vài tuần, bệnh sẽ có dấu hiệu thuyên giảm rõ rệt (Nguyễn Kiều Trang).	x		
14	Hỗ trợ chữa thận yếu, đi tiểu khó: Chuẩn bị: 50 g Mần ri, 50 g bán chi liên. Mần ri và bán chi liên đem đi rửa sạch với nước muối pha loãng để diệt khuẩn. Sau đó cho tất cả dược liệu vào ấm nấu cùng 500ml nước. Đến khi hỗn hợp sắc lại thì tắt bếp. Lọc lấy nước thuốc uống vào mỗi buổi sáng trong ngày. Sau một thời gian, bệnh sẽ thuyên giảm dần (Nguyễn Kiều Trang).	x		
15	Hỗ trợ chữa lao hạch: Chuẩn bị: 50 g Mần ri, 15 g cam thảo, 50 g hạ khô thảo. Rửa sạch tất cả dược liệu. Sau đó vớt ra, để ráo nước rồi cho vào ấm nấu cùng 1 lít nước lọc. Đun sôi hỗn hợp đến khi đổi màu và sắc lại thì ngưng nấu. Lọc lấy nước thuốc và chia làm 2 lần uống trong ngày. Mỗi ngày uống 1 thang, duy trì đều đặn và không ngắt quãng để đạt kết quả điều trị cao nhất (Nguyễn Kiều Trang).	x		
16	Trị bệnh đường ruột: Nấu 1 nắm Mần ri hoa tím với 3 chén nước, sắc còn lại 8 phân, uống (Nguyễn Kiều Trang).			x
17	Trị tiểu đường, trị bướu, trị gan, trị men gan cao, lọc gan, mát gan, trị gan nhiễm mỡ, trị thận, trị u nang, giải độc: Lấy 1 nắm cây Mần ri hoa tím phơi khô, nấu nước uống.			x
18	Mát gan, giải độc: Lấy 1 nắm cây Mần ri hoa tím tươi, nấu nước uống.			x
19	Trị viêm gan B: Lấy Mần ri, lưỡi đồng tươi nấu nước			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	uống			
20	Trị viêm tế bào gan: Lấy Chó đẻ, Mần ri đem phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Uống 2-3 lần/ ngày.			x
21	Trị gan: Lấy cả cây Mần ri, Cỏ lông tây, Cỏ xước: mỗi loại 1 nắm, nấu nước uống hàng ngày.			x
22	Trị chó cắn: Lấy một nắm đọt Mần ri, Cỏ bạc đầu, Cách, 1 ít muối, đâm hỗn hợp trên sau đó đắp lên vết cắn			x
23	Trị phổi nước, trị tiểu đêm, trị nhức khớp: Lấy 1 nắm Mần ri hoa tím phơi khô, sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 7 phân, uống.			x
24	Trị khối u: Lấy Bình bát dây, Chó đẻ thân đỏ, nha đam chặt phơi khô. Nấu các dược liệu với 3 chén nước đến khi sắc lại còn 1 chén, uống. Uống 2 lần/ngày.			x
25	Trị gai xương sống, trị nhức lưng: Lấy Mần ri đâm với muối, đắp lên chỗ gai từ 30 phút đến 1 giờ đồng hồ.			x
26	Trị nhức đầu: Lấy 1 nắm Mần ri khô, 1 nắm dây tóc tiên khô sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống			x
27	Trị men gan cao: Lấy 1 nắm Mần ri, Nàng hai, măng Sậy, Ngò gai (nguyên cây) sao thủy thổ, nấu nước uống			x
28	Trị ban: Lấy một nắm Mần ri khô, 1 nắm lá Quao, Ô rô khô sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 7 phân, uống			x
29	Trị nóng trong người, trị nổi mụn, giúp ăn được ngủ được: Dùng Nhãn lồng, Mần ri, Rau mương, Chó đẻ, Cỏ mần trầu, măng Sậy (Bồ ngót thay thế măng Sậy), mỗi thứ lấy 1 nắm nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
30	Trị bệnh gan: Lấy 1 nắm Mần ri hoa tím đã phơi khô và cây Râu mèo nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
31	Trị đau nhức xương khớp: Lấy 200g Mần ri hoa tím tươi nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Hoặc lấy Mần ri hoa tím nấu canh ăn			x
32	Giải rượu, mát gan: Lấy Nhân trần nam, Nhãn lồng, mần trầu, Mần ri, Chó đẻ, Thù lù, Cỏ mực mỗi thứ 1 nắm nhỏ, nấu nước uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Để đảm bảo an toàn, tránh các tác dụng phụ không mong muốn và đạt kết quả chữa trị bệnh cao nhất thì khi sử dụng cây mần ri cần lưu ý một số điều sau đây:*

Không sử dụng cây mần ri để điều trị bệnh cho phụ nữ mang thai, đang cho con bú và trẻ sơ sinh. Bởi vì một số thành phần trong dược liệu có thể khiến nhóm đối tượng này gặp các tác dụng phụ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

Sử dụng cây mần ri chữa bệnh phải tuân thủ đúng liều lượng và hướng dẫn của thầy thuốc. Không nên nôn nóng dùng quá nhiều dược liệu trong ngày, việc này không đem lại kết quả điều trị bệnh tốt mà ngược lại còn gây phản tác dụng.

Áp dụng các bài thuốc chữa bệnh từ cây mần ri liên tục và đều đặn để đạt kết quả điều trị bệnh cao nhất. Không nên dùng ngắt quãng vì sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng hấp thu dược liệu của cơ thể, khiến cho bệnh tình thuyên giảm chậm.

Trong quá trình dùng cây mần ri chữa trị bệnh nếu phát hiện cơ thể có các dấu hiệu bất thường như nổi mẩn ngứa, khó chịu, buồn nôn, mệt mỏi,… thì cần ngưng ngay. Sau đó đến bệnh thăm khám để có phương pháp điều trị thích hợp hơn.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

295. Mãng cầu ta — *Annona squamosa* L., 1753

Mãng cầu ta, Na, Mãng cầu dai/giai, Sa lê, Phan lệ chi, Mác kiếp

Công dụng: Quả dùng để chữa ly, tiết tinh, đái tháo, bệnh tiêu khát. Quả xanh dùng để trị mụn nhọt, đắp lên vú bị sưng. Hạt thường được dùng diệt côn trùng, trừ chấy rận. Lá na dùng để trị sốt rét cơn lẫn ngày, mụn nhọt sưng tấy, ghẻ. Rễ và vỏ cây dùng để trị tiêu chảy và trị giun..

Tính vị: Quả có vị ngọt, chua, tính ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu.

Bộ phận dùng: Rễ, lá, quả và hạt

Thành phần hóa học	Trong lá có một ancaloit vô định hình, không có glucozit. Trong hạt có chứa chừng 39,5-42% dầu, trong đó các axit béo là những axit myristic, panmitic, stearic, arachidic, hexadecanoic, và oleic. Trong hạt na có một ancaloit vô định hình gọi là anonain C17H1502N độ chảy 1221230C α20D =-5°2° (CHCl3). Chất độc trong hạt na đã được xác định (Proced. 39 th Indian Sci. Congr., Part (abstr.), 1952, trang 105). Năm 1947, Harper s. H., c. Potter và E. M. Gillham (1947, Ann. appi. Biol., G. Br., 34: 104) đã chiết được từ hạt và rễ na những chất độc và cho rằng đó là các glyxerit và các axit có phân tử lớn. Các tác giả cũng đã nghiên cứu độ độc của những chất đó trên nhiều loài sâu bọ khác nhau. Trong quả na có 72% glucoza, 14,52% sacaroza, 1,73% tinh bột, 2,7% protit.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng châu Mỹ nhiệt đới, vùng Caribe, quần đảo Angti
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà, ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7, Tháng 8 đến 11
Thu hoạch	Các bộ phận của cây có thể thu hái quanh năm
Chế biến	Dược liệu thường dùng tươi.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**:
  - **Bộ**: Magnoliales (Mộc Lan)
    - **Họ:** Annonaceae (Na)
      - **Chi**: Annona (Na)
        - **Loài**: *A. squamosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 2-6m
Thân cây	Thân non màu nâu bạc; thân già màu nâu xám có nhiều lỗ bì nhỏ và sẹo lá lồi to rõ.
Lá cây	Lá đơn, nguyên, mọc cách; phiến lá hình mũi mác, dài 9-13 cm, rộng 3-5 cm, màu xanh đậm mặt trên hơn mặt dưới, mặt dưới có ít lông ở gân lá và nhiều đốm vàng không rõ vách ở phần thịt lá; gân lá hình lông chim nổi rõ mặt dưới, 7-9 cặp gân phụ, các cặp gân phụ mọc đối hoặc không đối nối với nhau ở bìa phiến; cuống lá hình trụ gần tròn, dài 0,8-1 cm, đáy phình to và xanh đậm hơn. Không có lá kèm.
Hoa	Hoa riêng lẻ mọc đối diện với lá hoặc xim ít hoa ở cành già. Hoa màu xanh, đều, lưỡng tính; cuống hoa màu xanh, dài 0,8-1,1 cm; lá bắc dạng vẩy tam giác cao 1 mm, màu xanh, tồn tại lâu; đế hoa lồi. Đài hoa: 3 lá đài đều, rời, màu xanh, mặt ngoài có nhiều lông, hình tim, dài 2 mm, rộng 3 mm; tiền khai van. Tràng hoa: 3 cánh hoa đều, rời, màu xanh, mặt ngoài có lông, hình mác thuôn nhọn dày mập dọc theo phần giữa cánh, móng lõm vào phía trong tạo hình lòng muỗng có màu đỏ, dài 1,8-3 cm, rộng 0,6-1 cm; tiền khai van. Bộ nhị: nhiều nhị rời, đều, dài 1-2 mm, đính xoắn ốc trên đế hoa lồi; chỉ nhị rất ngắn, màu trắng; bao phấn màu trắng, 2 ô thuôn hẹp, nứt dọc, hướng ngoài, đính gốc, chung đới kéo dài tạo phụ bộ hình đĩa quặp xuống; hạt phấn màu trắng, rời, hình bầu dục thuôn nhỏ 2 đầu, có rãnh, dài 45 µm, rộng 27,5 µm. Bộ nhụy: nhiều lá noãn rời, màu trắng, dài 2-3 mm, xếp khít nhau trên đế hoa lồi; mỗi lá noãn có 1 noãn đính đáy; vòi nhụy và đầu nhụy khó phân biệt, dạng bản mỏng thẳng đầu nhọn, màu trắng, dài 1-2 mm.. Hoa đơn độc nở vào tháng 3-4, cánh hoa màu mỡ gà, thường mọc đối diện với lá. Nhị nhiều, chỉ nhị rộng, chỉ hơi hẹp hơn bao phấn một chút. Nhiều lá noãn mang 1 noãn.
Quả/trái	Quả tụ, mỗi lá noãn cho ra 1 quả mọng riêng biệt và tất cả các quả này
Hạt	Hạt hình bầu dục một đầu thuôn tròn, vỏ hạt màu đen nhẵn bóng, dài 2-3 cm.
Mùi hương	Thơm ngọt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đi lỵ ra nước không dứt: 10 quả Na ương (chín nửa chừng) lấy thịt ra, còn vỏ và hạt cho vào 2 bát nước, sắc còn một bát, ăn thịt quả và uống nước sắc (Y dược tinh hoa).	x		
2	Chữa sốt rét: Chọn các lá mãng cầu ta không bị sâu, rửa sạch vò lấy nước uống tươi hoặc sắc lấy nước uống. Liều dùng: Người lớn 20 lá, trẻ con 10 lá, giã nhỏ, thêm ít nước lọc vào vắt lấy nước uống 2 giờ trước khi lên cơn sốt. Ngày chỉ dùng một liều, thường chỉ cần uống 3-4 ngày là hết (Y dược tinh hoa).	x		
3	Trừ chấy, rận: Giã nhỏ hạt Mãng cầu ta, tán nhỏ, nấu nước gội đầu hay giặt quần áo. Chú ý khi gội đầu cần tránh đừng để hạt na hay nước hạt na bắn vào mắt. Nhân hạt na rất độc, chỉ cần nhấm một ít đã thấy khó chịu nhưng khi ăn na vô ý nuốt vào không làm sao là do lớp vỏ cứng che chở không cho nhân tác dụng. Có thể ngâm hạt vào rượu, rồi dùng rượu mà vò đầu hoặc nhỏ vào tóc. Vẫn cần tránh dây thuốc vào mắt (Y dược tinh hoa).	x		
4	Chữa sưng vú: Lấy Quả na điếc (quả na bị một giống nấm làm hỏng, tự nhiên có màu đỏ tím rồi rụng) giã nhỏ đắp lên vú bị sưng (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
5	Chữa nhọt ở vú: Lấy Quả Na điếc mài với dấm bôi nhiều lần (Y dược tinh hoa).	x		
6	Chữa sốt rét cơn lâu ngày: Vò một nắm lá (20-30g) giã nhỏ, chế thêm nước sôi vào vắt lấy một bát nước cốt, lọc qua vải, phơi sương, sáng hôm sau thêm tí rượu quấy uống trước lúc lên cơn hai giờ. Mỗi ngày uống một lần, uống liền 5-7 ngày (Y dược tinh hoa).	x		
7	Chữa mụn nhọt sưng tấy: Lá Na, lá Bồ công anh, cùng giã đắp (Y dược tinh hoa).	x		
8	Chữa giun đũa chòi lên ợ ra nước trong: Dùng một nắm rễ Na mọc về hướng Đông, rửa sạch, sao qua, sắc uống thì giun ra (Y dược tinh hoa).	x		
9	Trừ chấy, rận: Giã nhỏ hạt lấy nước gội đầu hay ngâm quần áo. Để trừ chấy, giã nhỏ hạt Na trộn với rượu hoặc giấm mà vò vào đầu, xát vào chân tóc, bịt khăn lại, giữ 15 phút rồi gội đầu. Tránh không cho va vào mắt vì có độc(Y dược tinh hoa).	x		
10	Chữa nhọt ở vú, áp-xe, quai bị: Quả na điếc 10-30g, phơi thật khô, tán thành bột rồi hòa với giấm, bôi nhiều lần trong ngày. Có thể phối hợp với hương phụ 20g (Y học Cổ truyền, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Chữa tiêu chảy, kiết lỵ: Quả na điếc 20g đốt tồn tính, cỏ lào ngọn non 50g, gạo tẻ (rang thật vàng) 30g. Tất cả sắc với 400ml nước còn 100ml, chia uống 3 lần trong ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
12	Chữa ho, viêm họng: Quả na điếc 50g, rễ xạ can 30g, nhân hạt gấc 20g, cam thảo dây 25g, lá bạc hà 50g, lá chanh 25g, lá táo 25g, sinh địa 50g. Tất cả phơi khô (riêng quả na điếc đốt tồn tính), giã nhỏ, tán bột, trộn với 150g đường kính đã nấu thành sirô để làm viên, mỗi viên 0,5g. Ngày uống 6-8 viên chia 2 lần. Trẻ em tùy tuổi dùng 3-6 viên một ngày. Dùng 3-5 ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
13	Diệt chấy: Hạt na 50g, rượu 50ml, hạt na giã nhỏ, ngâm trong rượu 6 tiếng đồng hồ, sau đó lấy vải sạch thấm rượu bôi lên tóc, giữ cho tóc ướt trong 2 tiếng (không để vào mắt vì có độc!) (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
14	Chữa sốt rét: Quả na điếc 40g, giun đất 80g, phèn phi 20g, quả na điếc đập vỡ vụn, tẩm rượu, sao vàng. Giun đất lộn trái, rửa sạch, tẩy bằng rượu, phơi khô, sao vàng. Hai thứ trộn với phèn phi, tán bột mịn và luyện với nước tỏi làm viên bằng hạt đỗ xanh. Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 viên. Dùng liên tiếp 10 ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
15	Trị bệnh trĩ ra máu: Lấy cây Mãng cầu ta thái mỏng, phơi khô. Lấy 300g thân Mãng cầu ta đã phơi khô nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống (Y học Cổ truyền, 2019).			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Chỉ nên ăn những quả na đã chín. Na chưa chín ăn sẽ có vị chát và có thể gây ra các vấn đề về tiêu hóa

Hạt na có độc, không được uống. Nhưng nếu khi ăn quả na, sơ ý nuốt phải hạt thì không sao, vì hạt na có vỏ dày và rất cứng bao bọc, ngăn không cho nhân hạt tác dụng với môi trường nên không gây độc.

Đối với những người mắc bệnh tiểu đường thì cũng không nên ăn nhiều na bởi trong na có hàm lượng đường tương đối nhiều.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

296. Mãng cầu xiêm — *Annona muricata* L., 1753

Mãng cầu gai, Na Xiêm, Na gai

Công dụng: Mãng cầu xiêm là loại cây thuốc quý hiếm giúp điều trị sốt rét và an thai nhẹ (Lá sắc uống). Hơn thế nữa chữa bệnh Kiết lỵ (Quả non).

Tính vị: Vị dịu, hơi ngọt, chua.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá quả và hạt

Thành phần dinh dưỡng: Trong 100g thịt quả có chứa: Vitamin: 25% vitamin C, 32% vitamin nhóm C và Choline; Khoáng chất: Fe, Ca, Na, Zn, P, K, Mg; Năng lượng: 66Kcal; Đường: 13,54g; Chất đạm: 1g; Chất xơ: 3,3 g; Chất béo: 0,3g

Thành phần hóa học	Lá chứa 1 lượng khá cao chlorua kali, và tanin. Quả có chứa một lượng đáng kể vitamin C, vitamin B1 và vitamin B2.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc Trung Mỹ như México, Cuba, vùng Caribe, và phía bắc của Nam Mỹ chủ yếu ở Brasil, Colombia, Peru, Ecuador, và Venezuela
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành Phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà và ven mương, ven đường, ven ao, ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7
Thu hoạch	Mãng cầu xiêm được thu hái quanh năm.
Chế biến	Sau khi thu hoạch về, lá có thể được dùng ngay hoặc phơi khô rồi dùng dần.
Bảo quản	Rửa sạch trước khi sử dụng hoặc bảo quản nơi khô ráo nếu phơi khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**:
  - **Bộ**: Magnoliales (Mộc Lan)
    - **Họ:** Annonaceae (Na)
      - **Chi**: Annona (Na)
        - **Loài**: *A. muricata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 4 – 6m
Thân cây	Cành có nhiều mấu, nhẵn, màu xám nâu.
Lá cây	Lá mọc so le, hình mũi mác – trái xoan hoặc trứng ngược, dài 10-12 cm, rộng 3 – 5cm, gốc thuôn, đầu tù, hai mặt nhẵn có gân nổi rõ, mặt trên sẫm bóng, mặt dưới nhạt
Hoa	Hoa mọc đơn độc ở kẽ lá, màu lục vàng; cánh hoa rộng và dày, gốc thắt hình tim, có lông; nhị nhiều, trung đới hình vuông, có lông; bầu thượng.. .
Quả/trái	Quả hình cầu hoặc hình tim, hơi dẹt, vỏ ngoài có những nốt sần nhọn ứng với những múi ở trong, thịt màu trắng, vị ngọt chua
Hạt	Hạt màu đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị đau nhức xương khớp: Rửa sạch 1 nắm lá tươi, sau đó đem giã nát rồi đắp vào khu vực bị đau nhức. Mỗi ngày sử dụng 2 – 3 lần (Omega Việt Nam).	x		
2	Trị sốt rét: Lấy 10 – 15 lá mãng cầu tươi đem đi xay nhuyễn, vắt nước cốt rồi uống hết 1 lần. Sử dụng nước thuốc này mỗi ngày 4 lần đến khi khỏi bệnh (Omega Việt Nam).	x	x	
3	Ngăn ngừa cao huyết áp: Để giữ huyết áp luôn ổn định, có thể dùng 20g lá mãng cầu tươi hãm uống như trà trong thời gian dài (Omega Việt Nam).	x		
4	Chữa chàm da: Lấy 1 nắm lá mãng cầu tươi đem rửa sạch với nước muối rồi giã nát, sau đó đắp trực tiếp lên vùng da bị chàm. Dùng 1 – 2 lần mỗi ngày (Omega Việt Nam).	x		
5	Trị bệnh ung thư: Dùng khoảng 10 lá mãng cầu xiêm khô, già hoặc xanh thẫm, đem rửa sạch rồi nấu cùng với 3 cốc nước, đun nhỏ lửa đến khi còn 1 cốc nước là có thể dùng được. Sử dụng bài thuốc này mỗi ngày 2 lần, sau 2 tuần sử dụng sẽ thấy tình trạng bệnh thuyên giảm (Omega Việt Nam).	x		
6	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu: Đem rửa sạch 10 lá mãng cầu gai rồi hãm với khoảng 700ml nước sôi, sau đó uống trong ngày. Dùng nước này đều đặn 3 đến 4 tuần, ngưng 3 ngày rồi uống tiếp. Cứ khoảng 3 đợt dùng thì nên đi kiểm tra sức khỏe để thấy hiệu quả (Omega Việt Nam).	x		
7	Điều trị các khối u ác tính: Có thể dùng lá khô hãm uống như trà trong thời gian dài để mang lại hiệu quả trị bệnh cao (Omega Việt Nam).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Chữa sốt rét: Lá mãng cầu xiêm khô 20 g, vỏ rộp cây ổi 10g. Sao vàng, thái nhỏ, sắc với 400ml nước còn 100 ml, uống làm 2 lần trong ngày (Y học Cổ truyền).	x		
9	Chữa sốt rét: Lá mãng cầu xiêm, lá na, lá trầu không, Rau má, dọt ót, đọt tre, mỗi vị 7 lá hoặc đọt đối với nam, 9 đối với nữ; Cỏ mần trầu một bụi sấy khô; gừng một miếng gọt vỏ nướng chín; trà ngon một ấm; đường thẻ một miếng; ổ tò vò 4 – 5 ổ; phèn chua phi đổ vào vỉ sắt nướng đỏ, rồi đổ vào các vị thuốc, sắc uống (Y học Cổ truyền).	x		
10	Chữa ho: Lá mãng cầu xiêm, lá Sả , mỗi vị 20g. sắc uống (Y học Cổ truyền).	x		
11	Trị sốt rét: Lấy 1 nắm đọt Mãng cầu xiêm và đọt Ngò om giã mịn, vắt lấy nước uống, xác đắp lên chấn thủy.			x
12	Trị sốt rét: Lấy 1 nắm lá Mãng cầu xiêm sao thủy thổ, thêm 3 lát gừng và 1 trái dừa nấu nước uống.			x
13	Trị ung thư: Lấy 2 trái Mãng cầu xiêm non phơi khô, nấu nước uống.			x
14	Trị nóng ở trẻ em: Lấy vài lá Mãng cầu xiêm đâm, vắt lấy nước sau đó thêm ít mật ong vào, uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Hợp chất annonacin chứa trong hạt của mãng cầu xiêm là một chất độc thần kinh và nó có vẻ là nguyên nhân gây ra một bệnh thoái hóa thần kinh. Nhóm người duy nhất được biết bị ảnh hưởng trực tiếp sống trên đảo Guadeloupe ở biển Caribe và các vấn đề xảy ra có lẽ do việc tiêu thụ quá nhiều loại cây có chứa annonacin. Các rối loạn được gọi là tauopathy có liên hệ đến sự tích lũy bệnh lý của tau protein trong não. Những kết quả thực nghiệm đã xác nhận một cách chắc chắn lần đầu tiên rằng cây có chứa chất độc thần kinh annonacin chịu trách nhiệm về sự tích lũy này*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

297. Măng cụt — *Garcinia mangostana* L., 1753

Quả tỏi ngọt

Công dụng: Chữa đau bụng, tiêu chảy, ly, có khi còn dùng chữa bệnh hoàng đản (vàng da). Nước sắc vỏ măng cụt làm thuốc chữa đau bụng, tiêu chảy, ly, có khi còn dùng chữa bệnh hoàng đản (vàng da).

Tính vị: Quả có vị chua, hơi ngọt và chát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ quả

Thành phần dinh dưỡng	Trong 1 cốc (196g) măng cụt đã được đóng hộp trong si-rô và để ráo nước chứa thành phần dinh dưỡng gồm: Lượng calo: 143, Chất béo: 1,1g, Natri: 13,7mg, Carbohydrate: 35g, Chất xơ: 3,5g, Chất đạm: 0,8g, Carb: Khẩu phần 1 chén măng cụt đóng hộp cung cấp 143 calo và 35 gam carbohydrate. Loại trái cây này cũng là một nguồn cung cấp chất xơ dồi dào với 3,5 gam mỗi cốc.
Thành phần hóa học	Vỏ quả măng cụt có chứa từ 7–13% tanin. Ngoài ra còn có chất nhựa và chất mangostin ($C_{20}H_{22}O_5$), có tinh thể hình phiến nhỏ, màu vàng tươi, không vị, tan trong rượu, ether và chất kiềm, không tan trong nước. Độ chảy 175 OC.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các đảo quốc Đông Nam Á.
Phân bố ở Cà Mau	Cây bắt gặp ở huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh)
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 5, Tháng 5 đến 8
Thu hoạch	Tháng 5 đến 8
Chế biến	Phơi khô
Bảo quản	Để trong lọ kín dùng dần

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Clusiaceae (Bứa)

Chi: Garcinia (Bứa)

Loài: *G. mangostana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ cao
Chiều cao cây	Cây cao 7 đến 25 m
Thân cây	Thân non màu xanh lục, mặt ngoài có nhiều khía dọc, tiết diện hình chữ nhật; thân già màu xám đen, sần sùi có nhiều rãnh nứt dọc, tiết diện tròn. Cây phân nhiều nhánh đối chéo nhau và nằm ngang, có chất nhựa mủ màu vàng, không lông.
Lá cây	Lá đơn, mọc đối, không có lá kèm. Phiến lá bóng, dày và dai, hình elip thuôn dài, gốc gần tròn, mũi nhọn, màu xanh lục mặt trên đậm hơn mặt dưới, bìa nguyên, dài 19-22 cm, rộng 8-10 cm. Gân lá hình lông chim, gân chính nổi rõ ở hai mặt, gân phụ dày đặc 40-50 cặp song song khít nhau.
Hoa	Hoa mọc riêng lẻ hay 2-3 hoa ở nách lá hay ngọn cành. Hoa đều, lưỡng tính. Cuống hoa ngắn hơi phình ở gốc, màu xanh, mặt ngoài có nhiều khía dọc, tiết diện đa giác, dài 0,8-1 cm. Lá bắc dạng vẩy tam giác dài 0,7-1 cm, khô xác, rụng sớm. Lá bắc con 2, nằm ở đoạn giữa cuống hoa, dạng vẩy tam giác đỉnh bầu, dài 0,8-1 cm, màu vàng nâu, rụng sớm. Lá đài 4, rời, không đều, khum hình lòng muỗng; 2 lá đài ở ngoài mặt ngoài màu xanh mặt trong màu đỏ tía, đường kính 2-2,5 cm; 2 lá đài ở trong có màu đỏ tía, đường kính 3-3,5 cm; tồn tại. Cánh hoa 4, rời, nhẵn bóng, hình bầu dục, phiến dày ở gốc mỏng dần ở đỉnh, màu vàng có lẫn màu đỏ tía, dài 3,5-4 cm, rộng 3-3,5 cm. Bộ nhị gồm 11-15 nhị, rời, không đều, dài 0,2-0,4 cm, đính một vòng trên đế hoa; chỉ nhị dạng sợi dẹt, màu vàng nâu, nhẵn; bao phấn hình bầu dục dẹt, màu vàng nâu, 2 ô, nứt dọc, hướng trong, đính đáy; hạt phấn hình bầu dục 2 đầu nhọn, dài 20-23 µm, rộng 18-20 µm, bề mặt có vân. Bộ nhụy 6-8 lá noãn dính, bầu trên 6-8 ô, mỗi ô 1 noãn, đính noãn trung trụ; bầu hình cầu to, đường kính 0,5-0,8 cm, màu vàng xanh; vòi nhụy rất ngắn gần như không có; đầu nhụy to nằm trên đỉnh bầu, dạng khối màu vàng hơi lõm ở giữa và chia thành 6-8 thùy, bề mặt có nhiều vân. Cuống hoa, đế hoa, đài hoa, cánh hoa và bầu noãn thường có chất nhựa mủ màu vàng tiết ra thành từng chấm nhỏ. .
Quả/trái	Quả khi chín có vỏ ngoài dày, màu đỏ tím đậm
Hạt	Hạt có lớp áo hạt trắng và ngọt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị bệnh vảy nến, bệnh chàm da (eczema): Nấu vỏ măng cụt khô hoặc tươi lấy nước đặc ngâm rửa khu vực da bị tổn thương mỗi ngày 2 lần (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
2	Trị nóng trong, giải nhiệt cho cơ thể: Ép măng cụt lấy nước. Thêm vào 1 thìa nước cốt chanh và đường, quậy đều lên rồi thưởng thức. Có thể thêm đá hoặc cho vào tủ lạnh để làm mát trước khi uống (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
3	Hỗ trợ điều trị bệnh ung thư: Phơi khô vỏ măng cụt nấu nước uống thay trà trong ngày (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
4	Trị tiêu chảy: Lấy 10 cái vỏ quả măng cụt, bẻ nhỏ, cho vào nồi đất, thêm 500ml nước vào, dùng tàu lá chuối đậy kín bên trên. Đem đun thuốc cho sôi rồi vặn nhỏ lửa cho đến khi nước chuyển sang màu đỏ sẫm của dược liệu. Mỗi ngày uống 3 – 4 chén cho đến khi cầm tiêu chảy (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x	x	
5	Chữa ly: Dùng vỏ quả măng cụt 6g, rau sam, Rau má, cỏ nhọ nồi, cỏ sữa (mỗi thứ 8g), trà xanh (loại ngon) 6g, cam thảo, vỏ quýt (mỗi thứ 4g), gừng 3 lát. Đem tất cả nấu lấy nước để uống trong ngày (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
6	Chữa ly, có thể dùng cách khác: Vỏ quả măng cụt nướng thơm 8g, Rau má 10g; rau dền tía, khổ sâm, gương sen, củ rối sao đen, vỏ lựu (mỗi vị 8g); hạt cau già 6g; cam thảo, vỏ quýt nướng (mỗi vị 4g). Tất cả đem nấu lấy nước uống trong ngày (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
7	Giảm cân, chữa béo phì: Thái nhỏ vỏ quả măng cụt, đem phơi khô. Hàng ngày lấy 1 nắm nhỏ cho vào ấm hãm với nước sôi. Ủ khoảng 15 phút cho các hoạt chất trong dược liệu tiết hết ra nước. Gạn uống nhiều lần cho hết (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
8	Trị hôi miệng: Nạo lớp thịt bên trong vỏ quả măng cụt đem xay nhuyễn cùng với 2 thìa mật ong và 200ml nước đun sôi để nguội. Lọc lấy nước uống. Có thể cho thêm chút đường và đá vào uống tùy theo sở thích (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
9	Hỗ trợ điều trị bệnh ung thư :Dùng vỏ măng cụt khô kết hợp với một số dược liệu khác như hạt thìa, hạt cây rau mùi, quốc lão, sinh khương và trần bì lượng… theo liều lượng hướng dẫn của thầy thuốc. Sắc uống (Sức khỏe và đời sống, 2021).	x		
10	Điều trị bệnh tiêu chảy: Lấy 24g vỏ măng cụt khô đem sắc cùng 24g hạt thì là. Nước thuốc thu được chia làm 2 lần uống trong ngày để chữa tiêu chảy (Lê Thị Hải, 2021).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Không nên ăn quả măng cụt hoặc sử dụng dược liệu liên tục trong thời gian dài. Một nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà khoa học Mỹ cho thấy, tiêu thụ măng cụt trong 12 tháng liên tiếp có thể khiến cơ thể bị nhiễm axit lactic nghiêm trọng. Chất này tích tụ nhiều trong máu sẽ gây ra nhiều triệu chứng bất thường như buồn nôn, nôn ói, yếu người, dị ứng da, nổi mẩn ngứa, sốc hoặc thậm chí là gây nguy hiểm cho tính mạng.

Bệnh nhân đang chuẩn bị làm phẫu thuật không nên dùng măng cụt trong khoảng thời gian trước đó 2 tuần. Chất xanthones trong dược liệu có thể ảnh hưởng đến quá trình đông máu, làm vết mổ bị chảy máu nhiều.

Đảm bảo dược liệu được sử dụng không bị nhiễm thuốc trừ sâu và chất hóa học độc hại. Sử dụng vỏ măng cụt sạch, biết rõ nguồn gốc xuất xứ để làm thuốc nhằm bảo đảm an toàn cho sức khỏe.

Măng cụt có tính mát nên tránh ăn cùng lúc với các loại thực phẩm có đặc tính tương tự như dưa hấu, măng tây, dừa, dưa leo hay đậu tương.

Sử dụng dụng cụ bằng gỗ hoặc nồi đất để chế biến thuốc. Tránh dùng đồ kim loại

Bệnh nhân bị dị ứng với một trong các thành phần của măng cụt thì không nên dùng dưới mọi hình thức.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

298. Măng tây — *Asparagus setaceus* (Kunth) Jessop, 1966

Thủy tùng, Măng leo, Măng bàn tay

Công dụng: Giải nhiệt, giải độc, lao phổi, lợi tiểu, chữa ho (Rễ sắc uống).

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Vào kinh thủ Thái âm Phế, túc Thiếu âm Thận (Thang Dịch Bản Thảo).

+ Vào kinh thủ Thái âm Phế, thủ Thiếu âm Tâm (Bản Thảo Kinh Giải).

+ Vào kinh Phế, thận (Đông Dược Học Thiết Yếu).

Bộ phận dùng: Rễ củ

Thành phần dinh dưỡng	măng tây là nguồn cung cấp tuyệt vời về các loại vitamin (A, B1, B2, B3, B5, B6, C, E, K và folate), khoáng chất (canxi, magie, sắt, phốt pho, mangan, kẽm, selen, kali) và protein thiết yếu, đặc biệt là hàm lượng chất xơ rất nhiều. Ngoài ra, măng tây còn chứa lượng calo rất thấp, ít natri và dường như không chứa cholesterol. Theo FoodData Central, trung bình cứ 100gr măng tây sống chứa: 20 calo, 93,22gr nước, 2,2gr chất đạm, 0,12gr chất béo, 3,88gr carbs, 2,1 chất xơ, 1,88 đường, 5,6mgr vitamin C, 24mgr canxi, 2,14mgr sắt, 14mgr magie, 52mgr phốt pho và nhiều hàm lượng dinh dưỡng chất khoáng khác nữa.
Thành phần hóa học	Các thành phần đã biết là nước 90-95% glucid 1,70-2,50% lipid 0,10-0,15%, protid 1,60-1,90%, cellulose 0,55-0,70%, các vitamin A, B1, B2, C, khoảng 10% chất khoáng với mangan, sắt, photpho, kali, calcium four, brome, iod, một ít tanin, một saponosid mà genin là sarsasapogenin; các chồi non chứa asparagin, coniferin, một ít rutosid (có nhiều hơn ở các phần xanh) các vết anthocyamosid và một chất có lưu huỳnh có thể là dẫn xuất methylsulfonium của methylmercapten (methanethiol) có mùi khó chịu. Trong rễ có sarsasapogenin coniferin, acid chelidonic, mannit, asparagin, muối kali.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ châu Âu, Bắc Phi và Tây Á
Phân bố ở Cà Mau	Cây bắt gặp ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa, xã Khánh Tiến), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn), huyện Đầm Dơi
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Asparagales (Măng tây)

Họ: Asparagaceae (Măng tây)

Chi: Asparagus (Măng tây)

Loài*: A. setaceus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có thể cao từ 100-150 cm
Rễ cây	Thân rễ dày, mang nhiều rễ dài, đường kính từ 5-6 mm, màu nâu sáng, xốp
Thân cây	Thân cây măng tây có 2 loại: thân ngầm (thân rễ) và thân khí sinh. Thân rễ mọc ngầm trong đất.Thân khí sinh là các thân đứng mọc trong không khí, trên thân có những vết sẹo của những nhánh đã rụng. Các thân khi sinh này mang những vòng cành biến đổi thành lá hình kim. Lá thật tiêu giảm.
Lá cây	Lá của măng tây thuộc loại lá không phát triển, dạng lá kim, thoát nước ít nên thuộc nhóm cây chịu hạn.
Hoa	Hoa rất nhỏ, hình chuông, có màu xanh-trắng đến vàng nhạt, độ dài khoảng 4- 6mm, hoa mọc đơn lẻ hoặc mọc thành cụm 2-3 bông ở nách lá của các cành dạng lá. Măng tây có hoa đực và hoa cái, có khi là lưỡng tính, các hoa khác gốc.
Quả/trái	Quả mọng, hình cầu, dày màu đỏ, có tính độc đối với con người. Quả có đường kính trung bình 0,9 mm, có 3 ngăn, khi chín có màu đỏ, mỗi ngăn cho 2 hạt màu đen, vỏ hạt rất cứng có đường kính trung bình 0.4mm. Mỗi gam có khoảng 40 – 60 hạt, trọng lượng 1.000

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mất ngủ: Chuẩn bị: 10 cây măng tây, dưa chuột và táo xanh mỗi thứ 1 quả, rễ gừng, 1 thìa nước cốt chanh. Măng ngâm vào nước lạnh có pha một chút muối khoảng 15 phút, vớt ra, để ráo nước, cắt khúc ngắn. Dưa chuột và táo xanh gọt vỏ, thái nhỏ. Cho tất cả vào máy xay sinh tố xay chung với nước cốt chanh và một ít rễ gừng. Uống hỗn hợp này hàng ngày sau khi ăn trưa để ngủ ngon giấc hơn (Thuốc dân tộc, 2021).	x		
2	Hỗ trợ chữa bệnh ung thư bằng măng tây: Chuẩn bị: 200g măng tây. Đem măng tây hấp chín, xay nát, cho vào ngăn mát tủ lạnh dùng dần trong 2 ngày. Mỗi lần ăn 4 thìa x 2 lần/ngày. Để thay đổi khẩu vị, người nhà cũng có thể ép măng tây chung với các loại rau củ quả khác cho bệnh nhân uống mỗi ngày một ly (Thuốc dân tộc, 2021).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Dùng Măng như rau hoặc dùng dịch chiết. Người bị viêm bàng quang, viêm khớp cấp tính không nên dùng. Rễ dùng dưới dạng nước sắc, cao lỏng hay xirô. Không dùng cho người bị viêm đường tiết niệu cũng như người bị bệnh thần kinh.Tác hại của măng tây. Măng tây chỉ mang lại lợi ích tối đa khi sử dụng đúng cách. Nếu ăn thực phẩm này quá nhiều cũng sẽ gặp phải không ít tác dụng phụ. Dưới đây là một số tác hại của măng tây đã được các chuyên gia dinh dưỡng cảnh báo: Khô miệng: Đặc tính lợi tiểu tự nhiên của cây măng tây có thể tốt với những người đang gặp vấn đề về thận nhưng đối với một số người thì lại không. Những người có sức khỏe bình thường khi ăn quá nhiều măng tây sẽ đi tiểu nhiều hơn gây nguy cơ bị mất nước, khô miệng. Khiến dạ dày khó chịu: Dung nạp quá nhiều chất xơ từ măng tây sẽ khiến dạ dày khó chịu và ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của cơ ruột.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

299. Mật gấu — *Vernonia amygdalina* Delile, 1826

Mật gấu Nam, Lá đắng

Công dụng: Chữa chứng tả lị, diệt trừ giun sán, chữa bệnh sốt rét, chữa chứng đau họng, điều trị rối loạn tiêu hóa, điều trị ho, ho có đờm, điều trị đau nhức xương khớp, chữa cảm sốt, chữa cảm lạnh, chữa táo bón, hỗ trợ điều trị các bệnh do quá trình viêm mạn tính, lão hoá, bệnh nhiễm giun sán, động vật nguyên sinh (protozoan) và vi khuẩn, hạ thấp tỉ lệ nguy cơ bị ung thư vú, trị bệnh đường tiêu hoá, đái tháo đường, chán ăn, kiết lỵ và các chứng rối loạn tiêu hoá, kháng viêm và anti – oxidant, thải độc, bảo vệ thận, gan, hỗ trợ điều trị một số bệnh ngoài da.

Tính vị	Có tính bình, lá có vị đắng, không có chứa chất độc, không gây ra tử vong cho động vật
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Bộ phận thường dùng là thân cây, lá cây
Thành phần hóa học	Vị đắng của lá do những chất alkaloids, saponin, tannin, glycoside. Cây chứa các hợp chất có tác dụng sinh học khác như: terpene, steroid, coumarin, flavonoid, acid phenolic, lignan, xanthone, anthraquinone, edotide and sesquiterpene (có tác dụng kháng ung thư). Ngoài ra lá còn chứa các chất khoáng: magnesium, chromium, manganese, selenium, sắt, đồng, kẽm, Vitamin A, E, C, B1,B2, protein thô, chất xơ, chất béo, tro, carbohydrate, các acid amin quan trọng: Leucine, Isoleucine, Lysine, Methionine, Phenyl alanine, Threonine, Valine, Histidine, Tyrosine.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ châu Phi
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà và ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Thu hoạch	Thu hái cây mật gấu quanh năm. Chọn hái những cây vừa trưởng thành, không quá già. Không chọn hái những cây còn non
Chế biến	Sau khi thu hoạch, rửa sạch thân và lá, để cho ráo nước; Có thể dùng tươi hoặc phơi khô, sao vàng trước khi dùng
Bảo quản	Bảo quản lá cây ở nơi thoáng mát, sạch sẽ. Sau khi rửa sạch sẽ, có thể để cây mật gấu trong tủ lạnh để dùng dần, tương tự như bảo quản rau xanh.. Đối với các chế phẩm phơi khô, sao vàng hạ thổ, hãy bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ẩm.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Asterales (Cúc)

Họ: Asteraceae (Cúc)

Chi: Vernonia

Loài: *V. Amygdalina*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây mật gấu thường cao từ 2 – 5 mét
Đường kính cây	Đường kính thân rất nhỏ khoảng 2-4 m
Thân cây	Thân cây mềm, mọc thành bụi , khi còn non thân cây được phủ một lớp lông trắng mịn về già lớp lông này rụng dần hết.. Cây thường phân nhánh ở cành gốc
Lá cây	Lá cây mật gấu có màu xanh lục. Lá dài khoảng 20cm, hình bầu dục. Lá cây có vị đắng
Hoa	Hoa đầu được đính thành chùm tụ tán, dạng tán kép, cuống hoa đầu đạt đến 1 cm dài, có lông, tổng bao hình trụ rộng ra thành hình ellip từ 3 đến 5 mm dài, một loạt những lá bắc 3–7 thành từ 1–4,5 mm dài, bị đè dẹp.. Lưỡng phái, hoa đều, 5 phần , nhô ra mạnh của tổng bao của hoa, chùm lông ở trái tạo ra của những vảy bên ngoài thẳng rụng sớm đạt đến 1,5 mm dài và những lông tơ bên trong màu kem hoặc màu nâu nhạt từ 4 đến 7 mm dài, gồm có: vành hoa, hình ống nhỏ 5–8 mm dài, màu trắng nhạt, có tuyến, thùy dựng lên, tiểu nhụy và bao phấn hợp lại với nhau thành ống, cung cấp một phần phụ ở đỉnh, bầu noãn, hạ, 1 buồng, có lông và tuyến, vòi nhụy có lông bao phủ và chia ra 2 nhánh.. .
Quả/trái	Bế quả với 10 cạnh 1,5–3,5 mm dài, có lông và tuyến, màu nâu đến đen, mọc vượt lên cao bởi những lông của chùm lông trái ở ngọn.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đau nhức xương khớp, rối loạn tiêu hóa: Chuẩn bị phần thân cây mật gấu. Rửa sạch, sau đó thái thành những đoạn nhỏ, phơi khô. Khi những đoạn thân cây mật gấu đã khô, người dùng ngâm chúng với rượu trắng. Đậy kín nắp vại rượu. Khi rượu đã chuyển sang màu vàng thì có thể sử dụng được. Mỗi lần dùng, uống một lượng nhỏ để điều trị rối loạn tiêu hóa, đau nhức xương khớp (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x		
2	Trị đái tháo đường: Bài thuốc này có khả năng điều trị chứng đái tháo đường loại 2. Lấy lá của cây mật gấu, phơi khô. Sau khi phơi khô, sử dụng khoảng 10g, hãm với nước sôi và uống. Đối với bài thuốc này, người bệnh uống nước lá của cây mật gấu tựa như dùng nước trà (nước chè), hãy dùng thay cho nước trà mỗi ngày. Tính đắng trong lá mật gấu có thể làm giảm lượng đường trong máu, điều hòa đường huyết của người bệnh (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x	x	
3	Trị chứng ho, đau họng và ho có đờm: Chuẩn bị vài lá mật gấu, rửa sạch trước khi dùng. Cách dùng: Nhai khoảng 1 – 2 lá mật gấu tươi. Nên dùng trước khi đi ngủ buổi tối. Sáng hôm sau, người bệnh có thể cảm nhận được hiệu quả tức thì. Tuy nhiên, không nên lạm dụng, dùng lá mật gấu với liều lượng cao (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x		
4	Bảo vệ gan, thận, thải độc, tăng cường sức khỏe: Rửa sạch lá cây mật gấu, sau đó phơi khô. Hãm lá mật gấu phơi khô với nước sôi. Uống thuốc hàng ngày, thay cho nước chè. Bài thuốc này giúp gan thận thải độc, loại bỏ những nguy cơ gây bệnh và giúp cơ thể khỏe mạnh hơn (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x		
5	Chữa bệnh đái tháo đường (loại 2) số 1: Tính đắng trong lá cây mật gấu có thể điều hòa, làm giảm lượng đường trong máu của người bệnh tiểu đường. Người dùng có thể phơi khô lá mật gấu, sau đó dùng 10g hãm với nước sôi. Uống thuốc thay cho nước trà mỗi ngày (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x	x	
6	Chữa bệnh đái tháo đường số 2: Uống nước ép của lá mật gấu cũng là cách điều trị bệnh. Người dùng có thể cho 5 – 6 lá mật gấu vào máy xay sinh tố, cho thêm một ít nước lọc. Xay nhuyễn, lọc lấy nước để sử dụng (Tinh hoa cây thuốc Việt).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Điều trị rối loạn tiêu hóa, đau nhức xương khớp: Rửa sạch và thái nhỏ thân cây, mang đi phơi khô. Sau đó, mang cây mật gấu đã phơi khô đi ngâm rượu trắng. Ngâm cho đến khi rượu chuyển sang màu vàng thì có thể dùng được. Uống một lượng nhỏ mỗi lần dùng (VN Epress, 2018)	x		
8	Trị ho, ho có đờm, đau họng: Rửa sạch lá trước khi dùng. Nhai một hoặc hai lá cây mật gấu tươi trước khi đi ngủ, sáng hôm sau người bệnh có thể cảm nhận được hiệu quả tức thì. Không nên lạm dụng dược liệu (VN Epress, 2018)	x	x	
9	Giải độc, bảo vệ gan thận, tăng cường sức khỏe: Người dùng có thể phơi khô lá cây, hãm với nước sôi, uống mỗi ngày (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc, 2022).	x	x	
10	Trị đau nhức, giảm sưng viêm từ bên trong cơ thể: Chuẩn bị khoảng 7 – 10 lá mật gấu tươi và 40ml bia loại có nồng độ cồn thấp. Rửa lá qua nhiều lần nước và ngâm trong nước muối pha loãng 15 phút rồi vớt lá ra cho ráo nước. Cho lá vào cối giã nhuyễn và hòa vào 30ml nước lọc, khuấy đều rồi đổ qua ray lọc lấy phần nước cốt, bỏ bã. Trộn nước cốt lá mật gấu cùng bia đã chuẩn bị, khuấy đều và uống sau bữa ăn tối. Mỗi ngày chỉ thực hiện một lần và kiên trì trong vòng 10 ngày, sau đó ngưng lại 7 ngày rồi tiếp tục. Cứ như vậy duy trì khoảng 45 – 60 ngày sẽ đạt được hiệu quả cải thiện rõ rệt (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc, 2022).	x		
11	Cải thiện triệu chứng gai cột sống: Chuẩn bị khoảng 500g lá mật gấu, rửa sạch và ngâm nước muối pha loãng. Vớt ra rổ và giũ cho ráo nước, cắt nhỏ rồi đem phơi trong bóng râm. Khi lá khô lại cho vào túi kín bảo quản. Lấy một nhúm lá mật gấu khô cho vào ấm, đổ nước sôi vào hãm trong vòng 20 phút là có thể sử dụng. Nên uống trà lá mật gấu ngay khi còn ấm nóng để đạt hiệu quả tốt nhất. Kiên trì sử dụng thay cho trà thông thường trong vòng 10 ngày liên tục sẽ đạt được hiệu quả (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc, 2022).	x		
12	Chữa gai cột sống: Chuẩn bị 500g cây mật gấu và 3 lít rượu trắng 45 độ. Rửa sạch dược liệu và ngâm nước muối cho sạch rồi vớt ra để ráo hẳn nước. Cho dược liệu vào bình thủy tinh rồi đổ rượu vào, đậy kín nắp. Đặt bình rượu ở nơi thoáng mát, khô ráo và không quá ẩm ướt với nhiệt độ tự 25 – 30 độ C. Ngâm rượu ít nhất khoảng 1 tháng, khi thấy rượu ngả sang màu vàng nhạt là có thể lấy ra sử dụng. Mỗi ngày dùng 1 ít rượu để xoa bóp vùng cột sống bị đau nhức hoặc uống 20ml rượu sau mỗi bữa ăn để tăng cường hiệu quả điều trị (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc, 2022).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị huyết áp cao, trị bệnh gan, mát gan: Lấy lá Mật gấu phơi khô nấu nước uống hàng ngày			x
14	Trị bệnh gan, giải độc gan, mát gan, trị thận: Cho 3 lá Mật gấu tươi vào ly, cho nước sôi vào ly, đợi nguội và uống. Hoặc nhai 3-4 lá Mật gấu vào buổi sáng.			x
15	Trị lên máu: Lấy 8-9 lá Mật gấu nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống ngày 2 lần			x
16	Trị bệnh tim, mát gan: Lấy lá Mật gấu rửa sạch, đâm với ít muối rồi lấy nước uống.			x
17	Trị nhức mỏi: Lấy 1 nắm lá Mật gấu tươi nấu nước uống thay nước lọc.			x
18	Trị đau nhức: Lấy rễ Mật gấu ngâm rượu. Sau 10 ngày, có thể uống rượu. Uống trước khi ngủ.			x
19	Mát gan: Lấy một nắm thân và lá Mật gấu phơi khô, sao vàng, nấu nước uống. Hoặc lấy thân/củ Mật gấu nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
21	Trị bệnh gan, ung thư: Lấy thân hoặc lá Mật gấu phơi khô hoặc tươi, nấu nước uống			x
22	Trị viêm họng: Lấy lá Mật gấu bỏ vào ly, châm nước nóng, uống			x
23	Trị bệnh gan, tốt cho đường ruột: Lấy lá, cây Mật gấu chặt khúc, nấu với 2 lít nước đến khi còn 0,5 lit uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Khi dùng cây mật gấu để điều trị bệnh, bệnh nhân cần lưu ý một số điểm sau:
Trước khi áp dụng những bài thuốc từ cây mật gấu để điều trị hoặc hỗ trợ điều trị bệnh, người dùng cần hỏi ý kiến của bác sĩ chuyên khoa.
Dùng cây mật gấu với số lượng lớn có thể gây ra những triệu chứng như hạ huyết áp, táo bón, hạ đường huyết,... Để xử lý tình trạng dùng quá liều, hãy giảm liều dùng hoặc tạm ngưng dùng thuốc. Nếu các triệu chứng trên vẫn chưa biến mất, hãy đến gặp bác sĩ để được giải quyết.
Người có huyết áp thấp không nên dùng cây mật gấu.
Không nên bỏ thuốc tây khi chưa có sự cho phép của bác sĩ. Các bài thuốc từ cây mật gấu chỉ có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh, không thể thay thế thuốc tây đặc trị.
Trường hợp phụ nữ có thai không được dùng lá mật gấu. Loại dược liệu này có khả năng gây ra sẩy thai rất cao.
Trong quá trình dùng các bài thuốc từ cây mật gấu để trị bệnh, người bệnh cần kết hợp với việc ăn uống đầy đủ các chất dinh dưỡng thiết yếu, ngủ đủ giấc, duy trì lối sống làm mạnh, rèn luyện sức khỏe hàng ngày, tránh xa chất kích thích,... để bệnh mau chóng được đẩy lùi, sức khỏe phục hồi
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

300. Mặt quỷ — *Furcraea foetida* (L.) Haw., 1812

Agao to, Dứa sợi, Thùa thối

Công dụng: Tê thấp, mụn nhọt, lỵ, tẩy giun sán.

Tính vị: Có vị cay, ngọt và tính hơi nóng.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây mặt quỷ được dùng để làm vị thuốc. Tuy nhiên, phần thân rễ và lá là được dùng phổ biến nhất

Thành phần hóa học: Cây chứa tigonin (0,083%); hecogenin và chlorogenin (0,25%). Rễ cây mặt quỷ có các dẫn xuất anthraquinone và glucosid.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ México và Hoa Kỳ
Phân bố ở Cà Mau	Cây bắt gặp ở huyện U Minh (xã Khánh Hội), huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú), huyện Ngọc Hiển (xã tân Ân), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Trong 1 chu kỳ sống chỉ ra hoa một lần,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Lá có thể dùng tươi đắp ngoài da. Còn rễ sau khi đào về đem rửa sạch rồi loại bỏ rễ con, ngâm nước ấm rồi cắt ngắn và phơi khô.
Bảo quản	Dược liệu đã được sơ chế khô cần cho vào đựng trong túi kín, để ở những nơi khô thoáng, tránh mối mọt, ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Asparagales (Măng tây)
    - **Họ:** Asparagaceae (Măng tây)
      - **Chi**: Furcraea
        - **Loài**: *F. foetida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân thảo
Rễ cây	Rễ dạng củ; cụm rễ tới 1m
Lá cây	Lá 40-50 cái xếp thành vòng hoa thị dày đặc, hình ngọn giáo, dài tới 2m, có ít gai ở mép, cũng có khi không có
Hoa	Cán hoa cao tới 10m Hoa màu lục ở ngoài,trắng sữa ở trong; trên cán hoa một số hoa được thay thế bằng những truyền thể (hanh con).

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa giun sán, ly: Chuẩn bị: 10 – 16g vỏ rễ cây mặt quỷ. Vị thuốc trên đem rửa sạch cho vào ấm, thêm 1 thăng nước. Sắc lấy 300ml thuốc, bỏ bã chia đều làm 3 lần uống, dùng 1 thang/ngày (Thuốc dân tộc).	x		
2	Chữa mẩn ngứa: Chuẩn bị: 1 nắm lá cây mặt quỷ. Dược liệu trên đem rửa sạch rồi giã nát. Sau đó xoa nhẹ lên vùng da bị mẩn ngứa. Có thể kết hợp với sắc thân rễ dược liệu để uống với liều 10 – 15g mỗi ngày (Thuốc dân tộc).	x		
3	Chữa đau nhức xương khớp: Lấy 12 – 20g cây mặt quỷ cho vào ấm sắc lấy nước, bỏ bã, uống thay trà hằng ngày. Tuyệt đối không sử dụng nước sắc qua ngày (Thuốc dân tộc).	x		
4	Chữa đau nhức xương khớp: Chuẩn bị 10g cây mặt quỷ, 10g rễ cây chổi sể đồng, 10g rễ Cỏ xước cùng 10g vỏ Xà cừ. Tất cả vị thuốc này đem rửa sạch rồi cho vào ấm sắc lấy nước, bỏ bã đi, uống ngày 1 thang (Thuốc dân tộc).	x		
5	Chữa đau nhức xương khớp: Chuẩn bị 10g cây mặt quỷ, 10g vỏ cây Xà cừ cùng 15g rễ cây Đinh lăng. Các vị thuốc này đem cho hết vào ấm, thêm 600ml nước. Sắc trên lửa nhỏ thu lấy 200ml thuốc. Lọc bỏ bã chia đều thành 2 lần uống sau bữa trưa và bữa tối. Mỗi liệu trình duy trì liên tục trong 10 ngày (Thuốc dân tộc).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Mặc dù có tác dụng trị bệnh rất tốt nhưng cây mặt quỷ lại có tính độc. Chính vì thế người bệnh tuyệt đối không được tự ý dùng dược liệu cho bất cứ mục đích nào. Để đảm bảo an toàn cho sức khỏe, trước khi dùng cần hỏi kỹ ý kiến thầy thuốc hoặc những người có chuyên môn.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

301. Mẫu tử *Chlorophytum comosum* (Thunb.) Jacques, 1862

Lục thảo trổ, Cỏ lan chi, Lục thảo thưa, Dây nhện, Cỏ điếu lan, Cỏ nhện, Lan bò lan

Công dụng: Tạo ra oxy, thanh lọc không khí trong nhà, trong văn phòng, phòng ngủ,... Ngoài ra, nó còn có thể hấp thụ các bức xạ điện từ phát ra, làm giảm tác động xấu tới con người. Được dùng chữa ho, ho nhiều đờm, làm tan đàm,điều trị khản tiếng, trị sốt cao ở trẻ em, điều trị nôn ra máu, hoạt huyết, tiếp cốt, giải độc, tiêu thũng.

Tính vị: Vị ngọt, hoi đắng, tính bình.

Quy kinh: kinh can, thận

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Chlorophyti.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Phi
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà và ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc, Còn được trồng làm kiểng trong chậu
Mùa hoa quả	Mẫu tử ra hoa vào mùa hè, và vào tháng giêng.,
Thu hoạch	Có thể thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô cất dành.
Bảo quản	Phơi khô cất dành

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Asparagales (Măng tây)

→ **Họ:** Asparagaceae (Măng tây)

→ **Chi**: Chlorophytum

→ **Loài**: *C. comosum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm.
Dạng cây	Cây có thân hành, mọc thành từng cụm
Chiều cao cây	Cây có chiều cao từ 30 đến 60 cm
Rễ cây	Có bộ rễ thịt dạng sợi nạc và trắng
Thân cây	Nhánh có thể đẻ thành cây con (Những nhánh có hoa mọc ở đầu cành rũ xuống và chạm vào đất, phát triển cac rễ phụ hình thành cây con)
Lá cây	Lá hình dải, rộng khoảng 2cm, có chiều ngang hẹp từ 20 đến 34 cm mọc tua tủa từ gốc, đầu nhọn nhưng rất mềm. Lá có sọc to màu xanh ở giữa, hoặc có cả đường vàng ở giữa, hai bên có màu trắng kéo dài từ gốc đến ngọn.
Hoa	Hoa có màu trắng và mọc thành chùm trên một cán hoa dài (nên cụm hoa hay thòng xuống) và trên ngọn cán hoa còn có cả cây con (bởi loài này sinh sản theo kiểu truyền thể) làm cho cây này mọc lan rộng ra nếu trồng trên mặt đất.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ho, khản tiếng, sốt cao ở trẻ em, nôn ra máu: Dùng 15-30g mẫu tử dạng thuốc sắc (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
2	Trị nhọt hoặc viêm mủ: Dùng ngoài da. Lấy toàn cây tươi, rửa sạch, giã nát rồi thoa đắp lên vùng da bị nhọt hoặc viêm mủ (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
3	Chữa ho, mất tiếng: Lấy rễ cây mẫu tử tươi 35g, đường kính 30g sắc uống (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
4	Đòn ngã tổn thương: Lấy toàn cây lục thảo tươi (khoảng 15 g), nấu lấy nước uống. Sau đó, lấy một ít lá tươi, hâm nóng với rượu rồi giã nát, đắp lên vết thương (chỗ bầm tím sưng đau) (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Không dùng cho phụ nữ có mang.* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

302. Me — *Tamarindus indica* L., 1753

Chà là Ấn Độ

Công dụng: Quả Me dùng ăn tươi hay làm mứt hoặc pha nước đường uống dùng chống bệnh hoại huyết, đau gan vàng da và chống nôn oẹ.

Tính vị: Quả me có vị chua, tính mát. Vỏ cây me có vị chát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Quả, lá, vỏ cây

Thành phần hóa học: Trong quả có chứa, chủ yếu hơn 10% axit hữu cơ (9,40% axit xitric, 1,55% axit tactric, 0,45% axit malic), kali bitactrat 3,25%, đường 12,50%, gồm 4,70%, pectin 6,25%. Ngoài ra còn 34,35% xơ, nước 27,55%. Trong hạt có glucozan, xylan, proteit, chất béo, sáp, muối vô cơ

Nguồn gốc	Người ta cho rằng cây me vốn nguồn gốc vùng nhiệt đới châu Phi
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà và ven đường đi, ven sông, bờ ao, và trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc. Cây cũng được tim thấy mọc hoang ở ven đường, vườn nhà
Mùa hoa quả	Ở miền Bắc, cây ra hoa tháng 11-1. Ở miền Nam, cây ra hoa tháng 4-6, Ở miền Bắc, cây có quả tháng 5-7. Ở miền Nam, cây có quả tháng 9-12.
Thu hoạch	Thu hái lá và vỏ quanh năm; thu quả vào mùa đông.
Chế biến	Chủ yếu người ta thu hái quả dùng tươi hay nghiền lấy phần cơm quả rồi chế thành thuốc. Đôi nơi dùng cả vỏ cây, lá cây, thường dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Tamarindus
        - **Loài**: *T. indica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ to
Chiều cao cây	Cây cao từ 15 đến 30m
Lá cây	Lá kép lông chim chẵn, dài 8 đến l0 cm, gồm 10 đến 20 đôi lá chét thuôn tù ở đầu, dài 20 mm, rộng 2 mm.
Hoa	Chùm hoa ở ngọn các nhánh nhỏ, có 8-12 hoa. Hoa trắng nhạt có những vệt đỏ hay trắng, mọc thành chùm đơn ở kẽ lá hay thành chùy tận cùng..
Quả/trái	Quả dài mọc thõng xuống, hơi dẹt thòng, dài 7-12cm, rộng 25mm, dày 10
Hạt	Hạt tròn dẹt, màu nâu đỏ, bóng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sốt, bệnh về gan, tiêu hóa (dùng Cơm quả me): Cơm quả me được chế như sau: Nghiền nát quả lọc bỏ xơ, lấy 50g cơm đã lọc bỏ xơ, 50g nước và 125g đường. Đun sôi cạn còn 200g. Có thể đem sấy khô cơm để dành. Dùng cơm này pha nước uống. Mỗi ngày dùng 20 đến 120g cơm, pha vào nước thêm đường vào cho đủ ngọt mà uống. Trẻ con 3 tuổi dùng 5g, 5 tuổi dùng 5-10g, 12 tuổi dùng 10 đến 30g (Nhân Dân, 2006).	x		
2	Nhuận tràng: Quả me giã nát, lọc bỏ xơ và hạt, đổ xi rô đặc vào đun sôi. Mỗi ngày dùng 10 đến 30g cơm này cho vào nước uống giải khát (Tra cứu dược liệu).	x		
3	Rôm Sả y, mẩn ngứa ở trẻ: Dùng một nắm là me, rửa sạch nấu nước tắm hàng ngày (Tra cứu dược liệu).	x	x	
4	Có thai, chán cơm hay nôn nghén: Ăn mứt Me hay sắc quả Me lấy nước uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
5	Có mang táo bón hay người già táo bón mạn tính Gỗ Me 100g sắc uống hàng ngày thay nước trà (Thầy thuốc của bạn).	x		
6	Tẩy giun: Hạt Me 4-8g phối hợp với quả Giun 6-12g sao vàng tán bột uống, uống liền trong ba ngày vào lúc sáng sớm (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Hay chảy máu chân răng: Lấy 3-5g thịt từ quả me chín pha với một chén nước ấm uống trong ngày, uống vào buổi sáng sau bữa ăn. Dùng liên tục trong 7 ngày. Hoặc 20g quả xanh, nạo bỏ vỏ, đun với hai bát nước còn một bát, chia uống hai lần trong ngày, khi uống có thể cho thêm ít đường hoặc mật ong. Uống từ 5-7 ngày. Giải nhiệt ngày hè 20g thịt quả me chín pha với 200ml nước, khi pha cho thêm ít đường, khuấy đều, uống hàng ngày. Cách làm này rất đơn giản mà hiệu quả trong những ngày hè nóng bức (Thầy thuốc của bạn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Phòng và chữa viêm lợi, viêm nha chu: Vỏ cây me 100g, sắc lấy nước dùng để súc miệng ngày 2 lần sáng tối (Sức khỏe đời sống, 2012).	x		
9	Giải nhiệt: Thịt quả me chín 20g pha với 200ml nước sôi để nguội, cho thêm ít đường, khuấy đều, uống hàng ngày (Sức khỏe đời sống, 2012).	x		
10	Chữa đau họng: Súc miệng nước me hàng ngày có thể giảm đau rát họng (Sức khỏe đời sống, 2012).	x		
11	Chữa đái tháo đường: Dùng 1kg hạt me chín bỏ vào chảo gang đổ ngập nước đun cho chín, tiếp tục đun cho cạn nước, rồi sao cho khô vàng thơm. Để nguội, tán bột mịn. Mỗi lần uống 10g với nước chín. Ngày 3 lần trước khi ăn.	x		
12	Phụ nữ mang thai nôn nghén, chán ăn: Sử dụng 30g quả me xanh 30g, 10g đường trắng. Me cạo vỏ, cho vào nồi nấu với 300ml nước, đun còn 200ml, chắt nước bỏ bã. Cho đường quấy đều, uống 3 lần trong ngày. Uống trong vài ba ngày liên tiếp. Hoặc ngày ngậm 5-7 lần ô mai me (Thầy thuốc của bạn).	x		
13	Chữa ho, làm ấm bụng, kích thích tiêu hóa: Ngậm ô mai me vài lần trong ngày. Cách làm ô mai me: Quả me xanh đem cạo vỏ ngoài, rửa sạch, để ráo nước, giã nát với gừng tươi cho thật nhuyễn, loại bỏ xơ. Thêm đường đủ ngọt. Đun nhỏ lửa, đảo đều cho bay bớt nước. Trộn với bột cam thảo vừa đủ khô, rồi đóng khuôn làm thành dạng ô mai. Bài thuốc này vừa đơn giản mà lại hiệu quả (Thầy thuốc của bạn).	x		
14	Sốt do nắng nóng : Lấy 15g quả me xanh đã nạo vỏ, đem đun khoảng 1 bát nước, khi sôi dầm nát quả me, sau đó bỏ vỏ và hạt, chắt lấy nước, khi uống pha thêm mật ong. Bài thuốc này, giúp cơ thể hạ nhiệt nhanh chóng, người bệnh cảm thấy thèm ăn (Thầy thuốc của bạn).	x		
15	Đau nhức xương khớp: Lấy 100g quả me xanh, đem đun với nước, khi chín vớt ra dầm nát lấy phần thịt (bỏ vỏ và hạt), để nguội trộn với muối đã giã nhỏ thoa đều lên chỗ xương khớp đau nhức, nên thoa vào trước các giấc ngủ trưa và tối. Mỗi liệu trình trong 7 ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
16	Chữa phụ nữ có thai bị nôn mửa: Chuẩn bị Quả me xanh 100g, Gừng 5g và Đường phèn 50g. Các thứ cho vào nồi cùng 400ml nước đun sôi kỹ, chắt lấy 150ml nước đặc. Người bệnh chia 3 lần uống hết trong ngày, trước bữa ăn. cần uống vài ba ngày liền.	x		
17	Chữa bệnh táo bón: Chuẩn bị Quả me 100g và Mật ong 50ml. Quả me cạo vỏ, cùng mật ong cho vào bát hấp cách thủy, sau đó dầm nhỏ chia 3 phần, phần vào buổi sáng sớm. Người bệnh mỗi ngày ăn một (Khoa học và đời sống, 2018).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Chữa bệnh đau dạ dày: Chuẩn bị Quả me 50g, Nghệ vàng 100g và Mật ong 50ml. Quả me cạo vỏ, Nghệ rửa sạch, thái mỏng. Cho cả ba thứ vào bát hấp cách thủy cho chín. Dầm nát me và Nghệ, chia đều làm 3 phần. Mỗi ngày ăn một phần vào sáng sớm, trước bữa ăn (Khoa học và đời sống, 2018).	x		
19	Chữa khí hư: Nhân hạt me, gôm nhựa cây giềng giềng, nhân quả ấu nước. Mỗi vị lượng bằng nhau đem phơi khô, nghiền thành bột. Mỗi lần uống 10g, ngày 2 lần, liên tục trong 30 đến 40 ngày (Võ Văn Chi).	x		
20	Chữa bệnh thủy đậu: Lấy nhánh Me nấu nước uống trong khoảng 1 tuần (Võ Văn Chi).			x
21	Trị ban ở trẻ: Dùng một nắm là Me, rửa sạch nấu nước tắm. Tắm 2 lần/ngày.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

303. Me đất — *Oxalis corniculata* L., 1753

Chua me đất hoa vàng, Chua me ba chìa, Chua me, Rau chua me, Me đất nhỏ, Me đất chua, Chua me đất, Toan tương thảo, Tam diệp toan, Tạc tương thảo, Ba chìa

Công dụng: Chữa các bệnh lý về viêm họng, viêm gan, ho, sốt hoặc bệnh đường tiết niệu, trị mụn nhọt và chấn thương.

Tính vị: Tính mát và vị chua, không độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá và rễ làm thuốc trị viêm họng (Nguyễn Kỳ Nam, 2008), ngoài ra còn có thể dùng toàn cây

Thành phần hóa học: Thân cây me đất chứa các hoạt chất chính như kali, acid oxalic và oxalat. Ngoài ra, trong cây me đất còn chứa các thành phần khác như vitamin C, B2, caroten,…

Nguồn gốc	Cây chưa rõ nguồn gốc
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Me thúi phần lớn mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven đường đi, ven sông, ven ao, mọc trong vườn thuốc nam được dùng làm nguyên liệu chữa bệnh. Và được một số người dân trồng để làm thuốc.
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Tháng 6 đến 7
Chế biến	Rửa sạch và phơi trong bóng râm
Bảo quản	Nhiệt độ phòng, tránh nơi ẩm mốc hoặc ánh sáng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Oxalidales (Chua me đất)
    - **Họ:** Oxalidaceae (Chua me đất)
      - **Chi**: Oxalis (Chua me đất)
        - **Loài**: *O. corniculata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Cây mọc bò sát đất với thân mảnh hơi có màu đỏ nhạt và hơi có lông.
Lá cây	Lá có cuống dài mang 3 lá chét mỏng hình tim
Hoa	Hoa mục thành tán, mỗi tán gồm 2 – 3 hoa, đôi khi 4 hoa. Hoa có màu vàng hoặc đỏ
Quả/trái	Quả có dạng nang thuôn dài, khi chín mở bằng 5 van.
Hạt	Hạt có hình trứng với màu nâu thẫm, dẹt và có bướu.
Mùi hương	Lá của cây me đất có mùi thơm của chanh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị trằn trọc, khát nước, sốt cao: Sử dụng một nắm cây me đất hoa vàng đem rửa sạch và giã nát. Sau đó thêm một ít nước sôi để nguội, vắt lấy nước cốt và chia ra uống nhiều lần trong ngày (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa viêm gan vàng da do thấp nhiệt: Dùng 30 g cây me đất sắc thuốc và chia thuốc ra uống nhiều lần trong ngày (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Trị kiết ly: Sử dụng cây me đất hoa vàng đem phơi khô và tán bột mịn, chiêu với nước đun sôi để nguội uống. Mỗi ngày uống 3 lần và mỗi lần dùng 9 – 12 g (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Ngã bong gân gây sưng đau: Dùng 1 nắm lá me đất chưng nóng và đắp vào nơi bị sưng đau (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Ngứa ngáy, rôm Sả y: Sử dụng lá me đất đem rửa sạch và vò nát. Sau đó đắp lên vùng da bị ngứa hoặc rôm sẩy. Sau khi thấy lá bắt đầu khô lại, dùng nước sạch vệ sinh lại da (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Trị nhiệt lâm, huyết lâm (nóng rát niệu đạo, tiểu tiện nhỏ giọt hoặc nước tiểu có lẫn máu): Hái một nắm cây me đất đem rửa sạch, giã nát và vắt lấy nước cốt. Sau đó thêm 1 muỗng mật ong, khuấy đều và chia nước thuốc làm 3, uống trong ngày. Mỗi lần uống chỉ nên dùng khoảng 50 ml (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa ho do thử nhiệt: Lấy 40 g cây me đất, 20 g cỏ gà, 40 g Rau má và 20 g lá xương sông đem rửa sạch, giã nát. Sau đó vắt lấy nước cốt và thêm 1 thìa cà phê đường rồi đun sôi. Chia thuốc làm 3 và uống trong ngày (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	An thần, chữa chứng mất ngủ: Sử dụng 10 g cây me đất hoa vàng và 6 g lá thông đuôi ngựa, sau khi rửa sạch cho vào nồi sắc lên. Chia thuốc uống 3 lần trong ngày (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa viêm đường tiết niệu: Dùng 30 g me đất, 15 g kim tiền thảo, 15 g dây vác nhật và 15 g bòng bong. Sắc thuốc và uống (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Trị ho gà: Hái 10 g cây me đất hoa vàng, 2 g phèn phi, 12 g rễ chanh, 5 g hạt mướp đắng, 8 g lá hẹ và 8 g lá xương sông. Tất cả các vị thuốc rửa sạch và sắc lấy nước đặc. Mỗi lần uống thêm một ít đường để dễ uống hơn (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa đại tiện, tiểu tiện không thông: Chuẩn bị cây me đất và Mã đề, mỗi thứ một nắm tương đương 20 g. Đem rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt và thêm đường vào uống (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa suy nhược thần kinh: Dùng 30 g cây me đất kết hợp với 30 g thông đuôi ngựa, sắc thuốc uống (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Hỗ trợ điều trị tăng huyết áp: Me đất 30g, hạ khô thảo 10g, cúc hoa vàng 15g, sắc uống ngày 1 lần (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa mệt mỏi ăn không ngon: Dùng bài "Chua me nấu canh thịt gà" gồm chua me, thịt gà, gia vị Hành ngò nấu canh ăn tuần vài lần… Tác dụng bổ mát, dưỡng âm ích xương, lợi ngủ tạng chữa ngoại cảm nội thương người nóng nhiệt nên dùng. Lưu ý những người bị sỏi tiết niệu không nên dùng thường xuyên vì muối oxalat có trong cây dễ làm tăng sỏi. Cũng như các loại rau có vị chua khác đang bị đau khớp do gút không nên dùng (TT Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa nóng bứt rứt khó ngủ: Dùng bài: "Chua me nấu canh trai đồng" gồm chua me, thịt trai đồng, gia vị Hành ngò nấu canh ăn tuần vài lần. bài tác dụng thanh nhiệt dưỡng âm, liễm hãn (Cây thuốc dân gian).	x		
16	Trị viêm họng, họng sưng đau: Me đất 50g, muối 2g, hai thứ nhai nuốt từ từ (Cây thuốc dân gian).	x	x	
17	Trị ho cho trẻ em: Sử dụng 100 g lá me đất đem rửa sạch và thái nhỏ cho vào bát. Tiếp đến thêm vài viên đường phèn và hấp cách thủy. Sau khoảng 15 phút, lấy ra để nguội. Mỗi ngày cho bé uống 2 – 3 lần, mỗi lần 1 muỗng cà phê (Cây thuốc dân gian).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Hỗ trợ điều trị viêm gan, vàng da: Me đất 30g, sắc lấy nước chia vài lần uống trong ngày. Hoặc: Chua me đất 30g, thịt lợn nạc 30g, nấu thành canh, ăn cả nước lẫn cái (Cây thuốc dân gian).	x		
19	Chữa đại, tiểu tiện không thông: Me đất, Mã đề, mỗi thứ một nắm (khoảng 20g), rửa sạch, thêm chút đường, giã nát, vắt lấy một chén nước cốt uống (Cây thuốc dân gian).	x		
20	Trị ho, tắt tiếng: Lấy 1 nắm lá Me đất tươi nhai với ít muối, nuốt nước, bỏ xác. Ngày thực hiện 2-3 lần tùy người.			x
21	Mát gan: Lấy 1 nắm gốc, rễ, cây Me đất sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Mặc dù có tác dụng dược liệu giúp điều trị bệnh và không độc nhưng cây me đất chứa nhiều acid oxalic, đặc biệt là thành phần hoạt chất oxalat kali có thể gây sỏi thận hoặc sỏi trong bàng quang. Vì vậy, để ngăn ngừa hình thành sỏi, bệnh nhân không nên sử dụng cây me đất với liều lượng cao mỗi ngày trong thời gian dài. Bên cạnh đó, bệnh nhân bị sỏi thận không nên dùng cây me đất để điều trị bệnh. Ngoài ra, loại thảo dược tự nhiên này cũng nên hạn chế sử dụng ở phụ nữ, tránh những ảnh hưởng không tốt có thể xảy ra đối với mẹ và thai nhi.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

304. Mè đất nhám — *Leucas aspera* (Willd.) Link, 1822

Bạch thiệt nhám, Húng cay đất, Mè đất nhám, Bạch dương, Cây tổ ong…

Công dụng: Thường dùng chữa ho, viêm họng, viêm phế quản, ghẻ, ngứa, viêm da cơ địa, viêm dạ dày (loét bao tử), viêm lợi và nhức răng, tan máu bầm, tụ máu, bầm tím do ngã, bảo vệ và phục hồi tế bào gan

Tính vị: Cây mè đất có vị cay, tính ấm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Các thành phần trên mặt đất chứa alkaloid, steroid, flavonoid tannin và glycosid. Tinh dầu từ hạt chứa các thành phần chính của axit oleic (12,57%), axit hexadecanoic (10,36%), 1-octene-3-ol (7,96%), caryophyllene (5,98%), 2,4,6-trimethyl-1,3,6 -heptatriene (5,63%).

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thời điểm thích hợp nhất để thu hoạch là vào khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 11 hằng năm.
Chế biến	Dùng khô hoặc tươi. Nếu dùng khô thì nhổ cả cây, rửa cho sạch đất cát, cắt phơi khô bóng râm hoặc sấy ở nhiệt độ thấp cho đến khô.
Bảo quản	Bảo quản dược liệu cây mè đất nơi thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Đối với những phần cây mè đất khô, nên bảo quản trong bọc kín và đậy kín bao bì sau mỗi lần sử dụng.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**: Leucas
        - **Loài**: *L. aspera*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thảo
Chiều cao cây	Cây có thể cao khoảng từ 20 – 40cm
Thân cây	Thân vuông, mọc thẳng đứng, thường phân thành nhiều cành, các cành cũng vuông và có lông.
Lá cây	Lá mọc đối hoặc không đối, phiến lá hình mũi mác, mép lá có khía răng cưa, cả 2 mặt lá đều có lông.
Hoa	Hoa mọc thành cụm ở nách lá. Cụm hoa hình cầu có đường kính khoảng 1,5 – 2cm gồm nhiều hoa có màu trắng. Lá bắc dài bằng, có khi dài hơn đài hoa, đài hoa hình ống gồm nhiều răng. Phần tràng có ống thẳng và phía bên trong có 1 vòng lông, chia 2 môi. Môi trên có lông còn môi dưới thì dài hơn, chia làm 3 thùy, 4 nhị.
Quả/trái	Quả bế có hình trứng nhẵn và có cạnh màu nâu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vết thương bị bầm tím, tụ máu: Cây mè đất tươi khoảng một nắm hơn, rửa sạch, để ráo. Cho vào cối để giã cho nát rồi đắp trực tiếp lên vùng da bị tổn thương. Dùng băng để cố định lại khoảng 15 phút rồi rửa lại bằng nước sạch. Thực hiện mỗi ngày một lần để cải thiện tình trạng đau nhức, bầm tím (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
2	Điều trị ghẻ ngứa, viêm da cơ địa: Dùng cây khô hoặc tươi (1 nắm tầm 100g) đun lấy nước tắm, bôi trực tiếp lên vùng da bị ghẻ ngứa, viêm da cơ địa (Võ Văn Chi).	x		
3	Điều trị đau nhức răng: Dùng cây tươi giã nát và ngậm hàng ngày (Hoặc dùng cây khô sắc đặc, lấy nước để ngậm), cách dùng đơn giản nhưng có tác dụng điều trị đau nhức răng, viêm lợi rất hay và hiệu quả (Võ Văn Chi).	x		
4	Phục hồi chức năng gan, bảo vệ gan: Dùng cây khô 15g sắc nước uống thay nước hàng ngày (Võ Văn Chi).	x		
5	Chữa viêm da cơ địa, tay chân nổi ghẻ: Lấy100 g cây mè đất dạng khô hoặc dạng tươi đều được. Rửa sạch, đun sôi để nước tắm mỗi ngày một lần. Hoặc người bệnh cũng có thể sử dụng nước cốt cây mè đất để bôi trực tiếp lên vùng da bị ghẻ hay bị viêm da cơ địa (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa sa dạ dày: Lấy 2 – 3 nắm cây mè đất khô đem sao thơm, khử thổ, sau đó cho vào ấm cùng với 3 bát nước lọc và tiến Hành sắc thuốc sao cho phần nước cô đặc còn lại phân nửa. Chắt lọc lấy phần nước sắc để thay cho nước trà (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
7	Chữa mắt bị va quệt, đóng vảy cá: Lấy một nắm lá cây mè đất rửa qua nhiều lần với nước sạch hoặc cùng với nước muối pha loãng. Sau đó đem giã nát rồi vắt lấy phần nước cốt, thêm một ít muối rồi tiến hành nhỏ vào mắt mỗi ngày vài lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa viêm họng, viêm xoang: Cây mè đất và lá Bồ công anh mỗi vị 20 g, 16 g cam thảo cùng với 10 g lá xạ can. Đem rửa sạch, sắc cho đến khi lượng nước cô đặc lại còn khoảng phân nửa. Chia phần nước sắc được thành 2 phần nhỏ để sử dụng trong ngày. Dùng thuốc khi thuốc vẫn còn ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Điều trị ho: mè đất khô 15g, củ mạch môn khô 15g sắc với khoảng 500ml nước, đun cạn lấy 200ml nước. Khi uống hòa thêm chút mật ong để uống hàng ngày (Võ Văn Chi).	x		
10	Chữa đau nhức răng, viêm lợi: Cây mè đất tươi rửa sạch, tốt hơn nếu ngâm cùng với nước muối pha loãng. Sau đó giã nát rồi vo tròn và đặt vào vị trí răng bị đau, làm từ 1 – 2 lần/ngày. Ngoài ra, người bệnh cũng có thể sử dụng ở dạng khô, bằng cách đem sắc lấy nước đặc để súc miệng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa ho lâu ngày không khỏi: Cây mè đất và củ mạch môn mỗi vị 15 g, sắc với 500 ml nước lọc, cô đặc lại khoảng 200 ml nước. Chia thành hai phần dùng trong ngày. Khi dùng, có thể thêm một ít mật ong nguyên chất, khuấy tan để dễ sử dụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa viêm loét dạ dày lâu năm không tự lành: Nguyên liệu: Cây mè đất, vỏ cây Vú sữa cùng với vỏ cây mù u với liều lượng bằng nhau. Đem toàn bộ nguyên liệu sau vàng, khử thổ, sau đó cho vào trong nồi đất cùng với lượng nước vừa đủ. Chắt lọc lấy phần nước, loại bỏ phần bã. Chia phần nước sắc được thành 2 phần nhỏ để sử dụng hết trong ngày. Dùng thuốc khi thuốc còn nóng, nếu thuốc nguội, bạn nên hâm nóng lại trước khi sử dụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa bệnh ho gà: Chuẩn bị 12 g cây mè đất cùng với 9 g cam thảo. Đem hai nguyên liệu cho vào nồi, tiếp tục cho một lượng nước vừa đủ. Chắt lọc lấy phần nước cô đặc để sử dụng. Người bệnh nên dùng thuốc khi thuốc còn ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa khí hư bạch đới: Nguyên liệu: Cây mè đất, rễ củ gai, rễ Cỏ xước với mỗi vị là 20 g cùng với 16 g rễ bấn. Làm sạch các vị thuốc trên rồi cho vào ấm. Tiếp tục cho một lượng nước ngập toàn bộ nguyên liệu rồi bắt lên bếp để đun cho đến khi lượng nước cô đặc lại còn phần nửa. Bỏ phần bã và chắt lọc lấy phần nước để sử dụng. Mỗi ngày sử dụng một thang thuốc với những nguyên liệu trên (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những vấn đề cần lưu ý khi sử dụng các bài thuốc chữa bệnh từ cây mè đất:

Đối với các đối tượng dị ứng hay quá mẫn cảm với một số thành phần có trong dược liệu cần hết sức lưu ý khi sử dụng dược liệu cây mè đất;

Trong quá trình sử dụng các bài thuốc từ dược liệu cây mè đất, nếu không may gặp phải một số tác dụng phụ không mong muốn có thể xảy ra, người bệnh nên tạm ngưng sử dụng và tìm gặp bác sĩ để được hỗ trợ.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

305. Me thúi *Acacia farnesiana* (L.) Willd.

Keo thơm, Me keo, Keo nước hoa, Keo ta, Rum tai, Mâm cô

Công dụng: Cây điều trị các trứng bệnh về tiêu hóa, hỗ trợ các bệnh về gan, giảm đau chống viêm sưng kháng khuẩn, điều trị viêm nang lông kéo dài.

Tính vị: Vị nhạt, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ thân và lá, rễ

Thành phần hóa học: Trong vỏ cây keo ta có chứa tanin loại catechic được dùng để thuộc da mềm. Hàm lượng tanin khá cao từ 30-40%. Trong hoa có tinh dầu mùi hoa tím và hoa cam. Thành phần chủ yếu của tinh dầu là farnesola và metyl salixylat. Trong những điều kiện nhất định cây còn tiết ra chất gôm có tính chất giống và có thể dùng thay thế cho gôm arabic.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Haiiti ở phía đông Cuba, hiện nay được trồng ở nhiều nước nhiệt đới.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ, xã Tân Lộc), huyện U Minh (thị trấn U Minh), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Cây me thúi có thể vừa mọc tự nhiên và được gây trồng. Người dân trồng trong vườn nhà và ven đường đi dùng để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 6, Tháng 7 đến 11
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hoặc chế biến thành tinh dầu, nước hoa
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Fabales (Đậu)

→ **Họ:** Fabaceae (Đậu)

→ **Chi**: Vachellia

→ **Loài**: *V. farnesiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây có thể cao đến 10m
Thân cây	Thân và cành đều có gai, có thể chống các loài động vật phá hoại
Lá cây	Lá me thúi mọc so le nhau, lá cuống chính dài từ 2 – 3cm, phân thành 2 cuống
Hoa	Thường mọc thành chùm ở đầu cành. Cây có hoa nhỏ màu trắng, mọc thành chùm ở đầu cành. .
Quả/trái	Quả dài từ 5 – 8cm, rộng 1cm, xoắn cong keo làm 2, 3 lần giữa các hạt. ở
Hạt	Hột đen láng từ 6 đến 8, có tử y trắng hay hường

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa khí hư, bạch đới ở phụ nữ: Lấy lá rửa sạch, đun sôi sau đó dùng vệ sinh vùng kín.	x		
2	Rửa vết thương, vết loét: Lá giã nát hoặc sắc lấy nước rửa vết thương vết loét, bã đắp lên vết thương, vết loét.	x		
3	Trị sốt xuất huyết: Lấy 100g nhánh lá Me thúi tươi, 2 bông Ngò gai, 100 g Cỏ mần trầu, xắt mỏng, sao vàng, nấu với 1 ấm nước uống hàng ngày. Hoặc lấy thân cây chặt mỏng, đem phơi khô, sao vàng, lấy 1 nắm nấu với 3 chén nước rồi uống.			x
4	Trị ban: Lấy cả cây Me thúi nấu nước uống hàng ngày, mỗi lần uống 2 chén			x
5	Trị ban ở trẻ em: Lấy Lức dây, Cỏ mần trầu, Me thúi, rễ Cỏ tranh mỗi thứ một nắm, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
6	Trị nóng, sốt ở trẻ em: Lấy Ngò gai, Me thúi, Mía lau nấu với khoảng 1 chén nước, uống			x
8	Trị nóng ở trẻ em: Cắt cây Me thúi thành khúc khoảng 10cm, phơi khô, kết hợp với Mía lau nấu nước uống.			x
9	Trị mề đay: Lấy Me thúi nấu nước tắm			x
10	Trị sốt, trị ban đen, giải nhiệt (uống mát), ngừa sốt: Lấy Me thúi vạt mỏng, phơi khô, cho vào 3 chén nước, nấu đến khi còn lại 0,8 chén, uống.			x
11	Trị sán chó: Lấy 1 nắm Me thúi (nguyên cây) và Bàng gai nấu với 3 chén nước sắc đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
12	Trị viêm xoang: Lấy vỏ ngoài cây Me thúi, hút.			x
13	Trị ban: Lấy 1 nắm Cỏ bạc đầu với Me thúi, gai quýt sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Trị ban đỏ: Lấy một nắm thân cây Me thúi (đã sao thủy thổ), 1 nắm bông Ngò gai, lá mơ dại (thúi địch) nướng, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 7 phân, uống.			x
15	Ban: Hoặc chặt ra sao vàng, nấu chung với Cỏ mực, Rau vấp cá nấu cho em bé uống			x
16	Trị nhức mỏi: Lấy cây Me thúi (tươi) chặt ra ngâm rượu, thoa lên chỗ nhức			x
17	Trị ban ngứa cho trẻ em: Lấy cây Me thúi và vỏ Méc vạc mỏng, sao thủy thổ, Ngò gai (nướng), sắc với 1 chén nước đến khi còn 7 phân, uống			x
18	Trị sốt xuất huyết: Lấy 1 nắm Cỏ mần trầu, Măng sạy, Me thúi, Ngò gai nấu với nước dừa (1 trái), nấu còn 1 chén uống. Hoặc lấy Me thúi cắt khúc nhỏ, phơi khô, nấu nước uống. Hoặc lấy 1 nắm thân cây Me thúi (đã vạc mỏng), 1 nắm Ngò gai, Rau vấp cá, 3 lát gừng, 1 trái dừa tươi, sắc còn 8 phân, uống 2 lần/tuần			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

306. Méc

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận sử dụng: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau: Cây được bắt gặp ở huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng)

Sinh cảnh: Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà và ven mương

Mùa hoa quả: Chưa có nghiên cứu

Thu hoạch: Chưa có nghiên cứu

Chế biến: Chưa có nghiên cứu

Bảo quản: Chưa có nghiên cứu

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây Cây thân gỗ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị thần kinh tọa: Đẻo cây phơi khô, nấu 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống 2 lần / ngày			x
2	Trị bệnh trĩ: Nam 7, nữ 9 đọt cây Méc giã nhuyễn, 1 tí muối, lấy nước uống.			x
3	Trị ban ngứa cho trẻ em: Lấy cây Me thúi và vỏ Méc, vạc mỏng, sao thủy thổ, Ngò gai (nướng), sắc với 1 chén nước còn 7 phân, uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*

307. Mía — *Saccharum officinarum* L., 1751

Cam giá, Mía lau, Mía đường, Lằm ỏi (Tày), Co ói (Thái), Tào (Kho)

Công dụng: Tiêu đờm, hết khát, bổ dưỡng. Mía còn là nguyên liệu chế đường, mật dùng làm thực phẩm và chế thuốc, chế rượu.

Tính vị: Mía có vị ngọt, ngon, tính mát

Quy kinh: Quy kinh tỳ, phế

Bộ phận dùng: Thân, rễ

Thành phần hóa học: Thân Mía chứa đường saccharose 7-10%, protein 0,22%, chất bép 0,5% và tro 0,5%. Trong tro có calcium oxalat, magnesium oxalat..., trong rễ có mangan oxalat 4,54%.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 10 đến 12, Tháng 10 đến 12
Thu hoạch	Rễ có thể thu hoạch quanh năm
Chế biến	Ép lấy nước từ thân mía

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Poales (Hòa thảo)
    - **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)
      - **Chi**: Saccharum (Mía)
        - **Loài**: *S. officinarum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo cao
Chiều cao cây	Cây cao 2-5m
Rễ cây	Mía có hai loại rễ chính: rễ sơ sinh (rễ hom) và rễ thứ sinh (rễ vĩnh cửu). Trong loại rễ thứ sinh còn được chia làm ba nhóm theo chức năng sinh lý của nó là rễ hấp thụ, rễ chống đỡ (rễ xiên) và rễ ăn sâu (rễ hút nước). Ngoài ra, còn có một loại rễ thứ ba
Thân cây	Thân mía được hình thành bởi nhiều dóng (hay còn gọi là lóng) hợp lại..
Lá cây	Lá phủ một lớp sáp. Lá to, bẹ có nhiều lông dễ rụng, đốt dài 5-10cm, rộng 3-6cm, phiến rộng đến 6cm, màu lục, màu vàng hay đỏ tím, có một gân giữa trắng. Phiến lá mang hình lưỡi mác, có một gân giữa màu sáng.
Hoa	Cụm hoa là chuỳ (cờ) rộng và to ở ngọn cây, mang hoa dầy đặc, bông nhỏ có một hoa sinh sản. Hoa mía có hình chiếc quạt mở. Khi mía kết thúc thời kỳ sinh trưởng mầm hoa được hình thành ở điểm trên cùng của thân cây (điểm sinh trưởng) và phát triển thành hoa (cây mía chuyển sang giai đoạn sinh thực). Hoa mía được bao bọc bởi chiếc lá cuối cùng của bộ lá (lá cụt), khi đã được thoát ra ngoài, hoa xòe ra như một bông cờ (nên gọi là bông cờ). Cấu tạo của hoa mía gồm trục chính và các nhánh cấp 1, cấp 2,... (còn gọi là gié và gié con) và trên những gié con là những hoa mía nhỏ. Mỗi hoa mía được bao bởi 2 mảnh vỏ, được tạo thành bởi hai lớp màng trong và màng ngoài. Hoa mía là loại hoa có tổ chức sinh sản ngầm (Hipogina) và cấu trúc đơn giản. Mỗi hoa bao gồm cả tính đực và tính cái, với ba nhị đực, một tử cung và hai nhị cái. Khí hoa mía nở, các bao phấn nhị đực tung phấn, nhờ gió mà các nhị cái dễ dàng tiếp nhận những hạt phấn đó như đặc tính chung của các hòa thảo khác.. .
Hạt	Hạt mía trông như một chiếc vảy khô, nhẵn, hình thoi. Khi chín, hạt có màu biến đổi từ vàng sang màu hạt dẻ và không bị nứt. Kích thước của hạt khoảng 0,5 mm x 1,5 mm và nặng từ 0,15 đến 0,25 mg. Hạt mía hình thành từ bầu nhụy cái, dài khoảng 1-1,2mm, hìn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sốt, khô họng, tiểu gắt: Mía tươi róc vỏ, đẵn khúc ăn hoặc nước ép mía để mát uống (Tiểu Lan, 2020).	x		
2	Điều trị buồn nôn khi mang thai, khạc ra máu và tiểu ra máu: Lấy khoảng 50 – 100 g lóng mía và ép lấy nước mía để uống mỗi ngày (hoặc cũng có thể chẻ nhỏ lóng mía ra và nấu lấy nước uống) (Tiểu Lan, 2020).	x		
3	Chữa nôn do thai nghén: Nước mía 1 ly, nước gừng tươi một ít, trộn lẫn để uống, ngày 1 lần (Tiểu Lan, 2020).	x		
4	Trị trào ngược dạ dày thực quản, nôn ra thức ăn dịch vị: nước mía gừng tươi: nước mía ép 50 – 100ml, thêm nước gừng tươi theo tỷ lệ 7/1. Uống nhấp từng ít một (Tiểu Lan, 2020).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa viêm khí phế quản ho khan, miệng khô, họng khô, chảy nước mắt nước mũi: Lấy nước mía 400g, hạt kê xát bỏ vỏ 200g. Nấu cháo, chia 2 lần ăn trong ngày (Cháo kê nước mía) (Tiểu Lan, 2020).	x		
6	Chữa viêm họng, viêm nóng thanh khí phế quản, ho khan: nước mía củ cải bách hợp: Lấy nước mía 100ml, nước ép củ cải 100ml; bách hợp 100g. Bách hợp nấu trước cho chín nhừ, cho nước mía và nước ép củ cải vào, đun sôi, khuấy đều. Uống trước khi đi ngủ (Tiểu Lan, 2020).	x		
7	Chữa viêm đường tiết niệu cấp (tiểu rắt buốt, đau khi tiểu và tiểu ra máu): Lấy nước nước mía 500 - 100g, ngó sen 500g. Ngó sen nghiền ép vụn hoà lẫn với nước mía, chia 3 lần uống trong ngày (Tiểu Lan, 2020).	x		
8	Chữa ho trẻ em: Mía, đường phèn (đường cát kết tinh) với Hoa hồng bạch chưng cách thuỷ cho uống (Tuệ Tĩnh).	x		
9	Chữa đi lỵ, ăn uống không vào: Mía, đường cát 3 thìa, Ô mai 3 quả, sắc uống (Tuệ Tĩnh).	x		
10	Điều trị chứng nôn mửa sau khi ăn: Để giảm nôn mửa, các bạn có thể pha bảy chén nước mía với một chén nước gừng, sau đó hòa hai loại này lại và uống mỗi lần một ít (uống đều cả ngày)	x		
11	Điều trị viêm dạ dày mãn tính: Nước mía có tác dụng nhất định đối với hệ tiêu hóa và sự hồi phục của cơ thể. Vì vậy, khi bị viêm dạ dày mãn tính, bạn có thể lấy một ly nước mía và một ly rượu vang, hòa vào nhau rồi uống (mỗi ngày uống hai lần vào buổi sáng và buổi tối)	x		
12	Điều trị táo bón: Uống nước mía với mật ong (khoảng 1 ly), ngày uống hai lần vào buổi sáng và buổi tối thì sẽ thấy giảm táo bón dần dần (lưu ý uống khi chưa ăn cơm, lúc bụng trống rỗng)	x		
13	Điều trị chứng khô nóng miệng ở người già (sau khi bị sốt): Dùng một ít gạo nếp nấu thành cháo, sau khi cháo chín thì đổ thêm nước mía cho ngọt và ăn	x		
14	Trị ngộ độc: Chuẩn bị: 80g thân mía, 30g cam thảo bắc, 30g ý dĩ, 30g thục địa cùng 20g lá tre, 20g kim ngân, 20g rễ cỏ tranh, 20g rễ ngưu tất. Cho tất cả các nguyên liệu vào nồi rồi đổ 1 lít nước vào sắc tầm 20 phút.	x		
15	Trị ngộ độc: Lấy thân cây mía giã nát cùng với rễ cỏ tranh. Sau đó ép lấy nước rồi đun sôi trộn với nước dừa uống.	x		
16	Chữa nứt nẻ chân tay: Lấy 100g ngọn mía và 100g bèo cái, giã nát dược liệu đã chuẩn bị, thêm vào một bát nước tiểu (trẻ nhỏ càng tốt) đem nấu sôi. Để nước ấm rồi ngâm cỡ 30 phút vào vùng nứt nẻ.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Trị bệnh lý đường tiết niệu: Chuẩn bị: 500g nước mía ép, 500g nước ép ngó sen tươi. Cho 2 loại nước ép trên hoà lẫn vào nhau uống 3 đến 4 lần trong ngày.	x		
18	Trị bệnh lý đường tiết niệu: Chuẩn bị: 200g Mã đề, 300g mía đường kết hợp 150g râu ngô. Sau khi rửa sạch mía thì đem cắt khúc rồi chẻ nhỏ sắc cùng Mã đề với râu ngô. Uống ngày 2 lần.	x		
19	Hỗ trợ trị bệnh sởi: Chuẩn bị: 40g sắn dây, 2 khúc mía, 20g rau mùi. Đem sắc tất cả các nguyên liệu chuẩn bị cùng với 2 bát nước cho tới khi nước còn một nửa thì tắt bếp. Lấy phần nước uống.	x		
20	Chữa chứng đầy bụng, miệng hôi: Chuẩn bị: 300ml nước mía cô đặc, 40g vỏ cây đại tán nhuyễn, 8g phèn chua tán nhuyễn. Trộn các dược liệu lại với nhau rồi vò thành những viên nhỏ 0,5g. Mỗi lần sử dụng 8 viên vào buổi sáng, tối trước khi ngủ.	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Người tỳ vị hư hàn, tiêu chảy nên thận trọng (chỉ dùng mía nướng hoặc nước mía đun sôi).Người tỳ vị hư hàn, tiêu chảy nên thận trọng (chỉ dùng mía nướng hoặc nước mía đun sôi).

Cây mía đường rất lành tính và không chứa độc tố tuy vậy nó chứa lượng lớn đường nên cần sử dụng đúng theo chỉ dẫn liều lượng để đảm bảo an toàn tuyệt đối khi dùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

308. Mía lau — *Saccharum Sinensis Roxb*, 1819

Công dụng: Cây trị nhiệt bệnh thương tổn đến tân dịch, tâm phiền khẩu khát, phân vị ẩu thổ, ho do phổi khô ráo, đại tiện táo kết, hầu họng sưng đau, có thai bị phù.

Tính vị: Mía lau có vị ngọt, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân và vỏ

Thành phần hóa học: Có Sacarroza 7-10%, protein 0.22%,chất béo 0.5%, ngoài ra còn có các chất men như Lacaza, tyrozinaza, oxydaza ba loại men này chỉ có trong nước mía no. Thành phần hóa học trong vỏ cây mía: Có các chất béo như axit oleic, axit linolic, axit stearic và axit capronic.

Nguồn gốc	Cây của các vùng nhiệt đới và ôn đới nóng, có tác giả cho là gốc ở Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoại trừ huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi)
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường
Thu hoạch	Thu hoạch hằng năm
Chế biến	Có thể nấu trực tiếp hoạc phơi khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Poales (Hòa thảo)
    - **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)
      - **Chi**: Saccharum (Mía)
        - **Loài**: *S. sinense*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 2-4m
Đường kính cây	Đường kính cây từ 2-5cm
Lá cây	Lá có phiến dài như lá mía, rộng 2,5-5cm
Hoa	Cụm hoa màu trắng, dài 40-80cm; trục cụm hoa có lông dài

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sốt, khát nước, tiểu tiện đỏ, chữa nôn ọe: Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 ly nước Mía lau ướp lạnh. Hoặc dùng 100g cây mía tươi rửa sạch, chẻ nhỏ nấu với 2 lít nước, sôi 15 phút. Uống cả ngày (Trang Thông tin Kiến thức Hỏi đáp Kiến thức mới).	x	x	
2	Giúp giảm đau họng và cảm cúm: Uống một ly Mía lau thường xuyên giúp cơ thể tránh được các bệnh như cảm lạnh, viêm họng và cúm.	x		
3	Giải nhiệt: Lấy một khúc Mía lau, 20g rễ Cỏ tranh, 100g lá Thuốc dòi, 20g Rong biển đỏ, 1/2 lít nước vo gạo, 50g râu Bắp, 5 lá dứa, 5 lá lẻ, 30g nhãn nhục, 100g đường nấu nước uống.	x	x	
4	Trị viêm dạ dày mãn tính: Nước mía, rượu nho mỗi thứ một ly, trộn đều, uống ngày 2 lần vào buổi sáng và tối.	x		
5	Chữa ngộ độc: Thân mía 80g, thục địa, ý dĩ, cam thảo bắc mỗi thứ 30g, lá tre, kim ngân, rễ cỏ tranh, rễ ngưu tất mỗi thứ 20g. Cho vào 1 lít nước, nấu sôi rồi đun lửa nhỏ 15 – 20 phút, uống nóng hoặc để nguội tùy theo sở thích mỗi người. Cũng có thể chữa ngộ độc bằng cách lấy thân cây mía giã nát cùng với rễ cỏ tranh, ép lấy nước đun sôi trộn với nước dừa mà uống.	x		
6	Chữa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi do bị bệnh lâu ngày: Chuẩn bị: 200 ml nước ép Mía lau, 3 lát gừng tươi (cho vào nước mía). Đun cho nóng ấm rồi uống (không cần đun sôi, chỉ cần để lửa liu riu cho nước ấm là được).	x		
7	Chữa táo bón: Lấy 50ml mật ong, 200ml nước ép Mía lau hòa tan với nhau. Ngày uống 2 lần sáng và tối giúp giảm táo bón hiệu quả.	x		
8	Chữa da khô, tóc cháy: Lấy 1 trái dừa xiêm, 200g nước Rau má xay, 1 chén nước Mía lau thêm ít mật ong hoặc sữa ong chúa vào hỗn hợp mỗi lần trước khi uống. Ngày uống 1 lần trước khi đi ngủ.	x		
9	Trị sỏi thận: Lấy một cây Mía lau, râu Bắp, một nắm lá Sò huyết nấu nước uống hằng ngày.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Trị nóng: Lấy Mía lau chặt khúc nhỏ, nấu với rễ cỏ tranh thêm 1 nhúm Ngò gai sau đó nấu với 3 chén nước uống.			x
11	Giúp ăn được, ngủ được: Lấy Thân mía vạt mỏng, bỏ vỏ, chặt khúc , Nhãn lồng, sao vàng, nấu nước uống.			x
12	Uống mát: lấy một nắm nhỏ cây Mía lau nấu với 1 lít nước, để nguội uống.			x
13	Uống mát trong người: Mía lau 2 khúc,1 lọn Mã đề 3 cây, nấu 3 lít nước còn lại 2 lít nước để uống.			x
14	Trị ban: dùng thân cây chặt khúc phơi khô nấu nước uống			x
15	Trị mát gan, ban cho bé: Mía lau chặt khúc nấu nước uống như uống nước lã hằng ngày.			x
16	Trị ban nóng: dùng 2 lóng Mía lau, Nhãn lồng, rễ tranh			x
17	Trị sốt xuất huyết: Lấy khoảng 3 lóng Mía lau, 100 g Rau vấp cá, Me thúi, nấu nước uống hàng ngày			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

309. Mít — *Artocarpus heterophyllus* Lam., 1789

Mít dai, Bà la mât, Mác mi (Tày), Pnát (Kho)

Công dụng: Phòng ngừa thiếu máu,ổn định nhiệp tim, huyết áp,cung cấp nguồn năng lượng dồi dào

Tính vị: Quả xanh có vị chát. Quả chín có vị ngọt, tính ấm. Hạt mít có vị ngọt, tính bình, có mùi thơm. Nhựa có vị nhạt, tính bình.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, rễ, nhựa.

Thành phần dinh dưỡng	Thành phần carbohydrate chủ yếu là đường và là nguồn cung cấp chất xơ. Trong 100 gam (3 1⁄2-ounce), mít thô cung cấp 400 kJ (95 kcal), và là một nguồn phong phú (20% hoặc nhiều hơn Giá trị hàng ngày, DV) trong tổng số vitamin B6 (25% DV). Nó chứa mức độ vừa phải (10-19% DV) vitamin C và kali, không có cái khác vi chất dinh dưỡng trong nội dung quan trọng
Thành phần hóa học	Thành phần hóa học trong toàn cây và lá có chất nhựa mủ màu trắng không rất dính. Trong múi mít khô có 11-15% đường, (fructoza, glocuza), một ít tinh dầu mùi thơm, 1,60% protit, 1-2% muối khoáng bao gồm canxi (18mg%) photpho (25mt%), sắt (0,4mg%), caroten (0,14mg%), vitamin B2 (0,04%), Vitamin C (4mg%) trong hạt mít có 70% tinh bột, 5,2% protit 0,62% chất béo, 1,4% muối khoáng
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Tây Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông . Một số cây được mọc hoang trong vườn.
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 6 đến 8
Thu hoạch	Cuối mùa hè
Chế biến	Có thể dùng tươi hoặc phơi khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)
    - **Họ:** Moraceae (Dâu tằm)
      - **Chi**: Artocarpus (Mít, Chay)
        - **Loài**: *A.heterophyllus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 8-15m
Đường kính cây	Đường kính cây 30-80cm
Vỏ cây	Vỏ dày màu xám sẫm, nâu đỏ, nhẵn
Thân cây	Thân tương đối ngắn với một ngọn cây rậm rạp.
Lá cây	Luân phiên và xếp theo hình xoắn ốc. Lá đơn, mọc cách, phiến lá dày hình trái xoan, rộng hay trứng ngược, dài 7 - 15cm, đầu có mũi tù ngắn, mép lá nguyên và ở những cây non thường chia 3 thùy, mặt trên màu lục đậm bóng. Cuống lá dài 1 - 2,5cm. Lá kèm lớn, dính thành mo ôm cành, sớm rụng
Hoa	Mọc thình chùm trên thân cây, có hình trụ đến hình elip hoặc hình quả lê, dài khoảng 10-12cm và rộng khoảng 10-12cm. Cụm hoa đực dài, gồm nhiều hoa, có lông tơ mềm, lá bắc hình khiên, bao hoa hình ống gồm 2 cánh dính nhau ở đỉnh. Cụm hoa cái hình bầu dục ở ngay trên thân hoặc các cành già,. . .
Quả/trái	Quả hình elip đến tròn là một nhiều trái cây được hình thành từ sự hợp
Hạt	Hình bầu dục
Mùi hương	Quả có mùi thơm nồng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa huyết áp cao hay những trường hợp co quắp: Gỗ mít tươi đem mài lên miếng đá nhám, hoặc chỗ nhám của trôn bát, cho thêm ít nước (nước sẽ vẩn đục do chất gỗ và nhựa mít), ngày uống từ 6-10g (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
2	An thần: Dùng khoảng 20g gỗ mít phơi khô (hay vỏ thân gỗ), chẻ nhỏ, sắc với 200ml nước còn 50ml, uống một lần trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
3	Chữa mụn nhọt, lở loét: Lấy lá mít tươi giã nát, đắp lên mụn nhọt đang sưng, sẽ làm giảm sưng đau. Hoặc dùng lá mít khô nấu cô đặc thành cao, bôi lên vết lở loét sẽ mau khỏi (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
4	Phụ nữ đẻ ít sữa: Lá mít tươi 30-40g nấu uống (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
5	An thần, trị cao huyết áp: Lá và vỏ Mít, mỗi thứ 20g, sắc uống 2 lần trong ngày, mỗi lần 50ml (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
6	Trẻ con đái ra cặn trắng: Lá mít sao vàng, sắc uống (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
7	Phụ nữ đẻ ứ sữa; Lá Mít tươi 30-40g nấu uống (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	An thần và trị cao huyết áp: Chuẩn bị 30g vỏ mít, 30g lá mít tươi, 300ml nước. Đun sôi 300ml nước rồi cho lá và vỏ mít đã được rửa sạch trước đó vào. Tiếp tục nấu cho đến khi nước bốc hơi chỉ còn 100ml thì tắt bếp. Chờ dung dịch nguội, bạn lọc lấy nước, cho vào chai đậy nắp kín và bảo quản trong tủ lạnh. Hỗn hợp trên chia thành 2 lần uống trong ngày. Mỗi đợt điều trị, uống liên tục từ 5 đến 7 ngày sẽ thấy hiệu quả rõ rệt (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
9	Giải rượu bia: Lấy quả mít có múi vàng tươi, lấy 30 múi bỏ hạt, đem thái nhỏ. Tiếp theo, đun 300ml nước hòa 300g đường trắng, đợi hỗn hợp sôi đều thì đổ phần múi mít ở trên vào, dùng đũa đảo nhanh rồi vặn nhỏ lửa cho đến khi sợi mít chín trong và nước sánh lại là được. Sau đó lọc lấy mít đem ra ướp lạnh. Khi ăn, lấy vắt 1 trái chanh vào phần nước đường, trộn đều và tưới lên mít. Người say rượu ăn vào sẽ thấy tỉnh táo hẳn ra (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
10	Lợi sữa cho phụ nữ mới sinh: Mỗi ngày dùng 200g lá mít tươi nấu với 1,5l nước uống mỗi ngày. Hoặc có thể xào thịt lợn với mít non thái lát, nêm nếm vừa miệng để ăn cơm. Các mẹ nên nhớ là phải ăn liên tục từ 3 đến 5 ngày trở lên mới có hiệu quả (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
11	Chữa hen suyễn: Lấy lá mít, lá mía, than tre (3 thứ bằng nhau) sắc uống (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
12	Chữa tưa lưỡi ở trẻ em: Phơi lá mít vàng cho thật khô rồi đốt cháy thành than, trộn với mật ong, bôi vào chỗ tưa lưỡi 2-3 lần/ngày, tối 1 lần (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
13	Trị mụn nhọt, sưng tấy: Dùng nhựa mít trộn với giấm, bôi lên chỗ mụn nhọt, sưng tấy (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
14	Ăn không tiêu, ỉa chảy: Lá mít 20g sao vàng sắc uống, có thể phối hợp với Nam mộc hương 12g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 30-50ml (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
15	Chữa nhọt, sưng hạch: Nhựa mít trộn thiêm ít giấm, bôi nhiều lần đến tan (Hoàng Xuân Đại, 2010).	x		
16	Chữa ăn không tiêu, ỉa chảy: Lá Mít 20g sao vàng sắc uống, có thể phối hợp với Nam mộc hương 12g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 30-50ml (Y học Cộng đồng).	x		
17	Chữa tưa lưỡi ở trẻ em: Hái lá mít già, rửa sạch, phơi khô, đốt thành than rồi đem trộn với mật ong. Bôi hỗn hợp này 2 lần/ ngày vào chỗ bị tưa, lúc mới dậy buổi sáng và trước khi đi ngủ buổi tối sẽ thấy hiệu quả (Y học Cộng Đồng).	x		
18	Giúp tiêu sưng khi bị mụn, nhọt, lở: Lấy lá mít rửa sạch, giã nát và đắp lên chỗ bị đau. Còn với nhựa mít, đem trộn cùng giấm, đắp lên phần nhọt lở sẽ có công hiệu ngay (Y học Cộng Đồng).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Trị đau nhức: Lấy cây, lá, bông Mít, phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống ngày 2 lần (4g) (Y học Cộng Đồng).			x
20	Trị viêm họng hạt: Lấy 1 miếng vỏ Mít còn gai đem đi đốt thành than, cho vào nước cho tan ra, lược lấy nước uống (Y học Cộng Đồng).			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

310. Mơ dại (thúi địt) — *Paederia foetida* L., 1767

Mơ leo, Mơ lông, Dây thối địt, Dắm chó, Mẫu cẩu đằng, Ngũ hương đằng, Thanh phong đằng, Ngưu bì đống, Mao hồ lô, Khau tất ma (Tày), Co tốt ma (Thái)

Công dụng: Dùng chữa co thắt túi mật và dạ dày ruột tê đau do ngoại thương; 2 trẻ em cam tích, tiêu hóa kém và suy dinh dưỡng; 3. Viêm gan, vàng da, viêm ruột, ly; 4. Viêm khí quản, ho gà, lao phổi; 5. Phong thấp, đua nhức gân cốt, đòn ngã tổn thương; 6. giảm bạch cầu gây ra bởi bức xạ; 7. Nhiễm độc bởi phosphor hữu cơ trong các sản phẩm nông nghiệp. Ngày dùng 15-16g, dạng thuốc sắc. Ngoài ra trị viêm da, eczema, lở loét, áp xe. Toàn cây còn dừng chữa vết thương do trùng độc rắn rất hay. dùng rễ của nó nấu với chân giò lợn có công hiệu dãn gân, hoạt lạc

Tính vị: Vị ngọt, hơi đắng, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng	Rễ và toàn cây
Thành phần dinh dưỡng	Lá chứa nhiều caroten và vitamin C
Thành phần hóa học	Trong cây có asperuloside, paederoside, scanderoside, acid peaderosidic, deacetylasperuloside, arbutin . Lá có chứa loại tinh dầu mùi của disulfua carbon, mùi thối là do methylmercaptan. Lá chứa protenin gồm các acid amin như argenin, histidin, lysin, tyrosin, tryptophan, phenylalanin, cystein, methionin, threonin và vali
Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ - Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 12, Tháng 6 đến 12
Thu hoạch	Thu hái cây vào mùa hè, rễ vào mùa thu
Chế biến	Lá thường dùng tươi
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Rubiaceae (Cà phê)

Chi: Paederia (Mơ dây)

Loài: *P. foetida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Dây thảo leo
Chiều cao cây	Cây dài 3- 5m
Thân cây	Thân lá không có lông. Thân non hơi dẹt, sau tròn, mầu lục hoặc tím đỏ. Cành non hơi dẹp
Lá cây	Phiến lá dài 5-11 cm, rộng 3-7 cm có gốc tròn hay tù, mặt dưới không lông hay có lông dày . Lá mọc đối, hình bầu dục hoặc hình trứng, dài 5-10cm, rộng 2-4cm, gốc tròn hoặc hơi hình tim, đầu nhọn, hai mặt lá đều mầu lục, gân lá rõ ở mặt trên; cuống lá dài 1-3 cm; lá kèm rộng, thường xẻ đôi
Hoa	Cụm hoa mọc ở kẽ lá hoặc đầu ngọn thành xim, dài 10-30cm, phân nhánh nhiều và tỏa rộng; lá bắc rất nhỏ; hoa mầu trắng điểm tím nhạt, không cuống; đài hình chuông, 4-5 răng rất nhỏ, hình tam giác nhọn; tràng hình phễu, dài 1-1,2cm, 4-5 cánh loăn xoăn ở đầu; nhị 4-5; bầu 2 ô. Chùy hoa ở nách và ở ngọn, hoa có đài nhỏ, ống trắng to màu tím và có lông mịn ở ngoài, cánh hoa nhăn, màu vàng ngà, miệng hoa đỏ có lông mịn, nhị 5 không thò ra
Quả/trái	Qủa hạch màu vàng chứa hai nhân dẹp, màu đen đen. Quả gần hình trứng, dẹt, nhẵn, mầu nâu bóng
Mùi hương	Lá vò nát có mùi khó ngửi

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sôi bụng, ăn khó tiêu: Lấy một nắm lá mơ tươi ăn kèm trong bữa cơm hoặc giã nát vắt lấy nước uống, ăn như vậy trong khoảng 2-3 ngày là thấy kết quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
2	Trị viêm tai: Lá Mơ tươi đem nướng rồi nhét lỗ tai trị viêm tai chảy máu mủ, nước vàng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa kiết lỵ mới phát: Lấy một nắm lá mơ tươi lau sạch (bằng khăn sạch) thái nhỏ, đập vào một quả trứng gà trộn đều, lấy lá chuối bọc lại rồi nướng chín đều để ăn. Ăn ngày 3 lần và ăn liên tục vài ngày là khỏi. Nếu bị chứng lỵ mới phát do đại tràng tích nhiệt thì lấy một nắm lá mơ và một nắm lá phèn đen, cả hai rửa sạch, nhúng qua nước sôi, vẩy khô, giã nát, vắt lấy nước cốt uống. Uống 2-3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa sôi bụng, ăn khó tiêu: Khi ăn vào thấy bụng sôi, khó tiêu hóa thì lấy một nắm lá mơ tươi ăn kèm trong bữa cơm hoặc giã nát vắt lấy nước uống, ăn như vậy trong khoảng 2-3 ngày là thấy kết quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa đau dạ dày: Bị chứng đau dạ dày thì lấy khoảng 20-30 g lá mơ rửa sạch giã nát, vắt lấy nước uống 1 lần trong ngày. Sau nhiều ngày dùng như thế thì có hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
6	Chữa bí tiểu tiện: Nếu bị sỏi thận gây bí tiểu tiện, lấy rau mơ sắc uống ngày vài lần rất hiệu nghiệm.	x		
7	Chữa Trẻ em cam tích và suy dinh dưỡng: Mơ leo, cây mũi mác mỗi vị 15g, Voòng phá 6g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa viêm khí quản mạn: Mơ leo 30g, bách hộ 15g, tỳ bà diệp 10g, sắc uống	x		
9	Chữa tiêu chảy do nóng: Nếu mắc chứng tiêu chảy do nhiệt với triệu chứng khát nhiều, phân khẳm, nước tiểu vàng, bụng đau quặn kèm theo đầy hơi, hậu môn nóng rát, có thể dùng lá mơ 16g, nụ sim 8g sắc cùng với 500ml nước còn 200ml, chia làm hai lần uống trong ngày (Minh Hằng, 2019).	x		
10	Trị mát gan, ho: phơi khô nấu nước 3 còn 1 chén uống ngày 2 lần			x
11	Giải nhiệt: dùng 1 nắm nhỏ dây lá đâm lấy nước uống.			x
12	Giúp ăn được ngủ được: Phơi khô nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống sáng chiều			x
13	Giải nhiệt, mát gan: Lấy lá Mơ dại phơi khô, nấu nước uống, Uống thay nước lọc			x
14	Trị sẩy cho trẻ em: Lấy Cỏ mần trầu, măng Sậy, Dây giác nấu, rồi tắm cho bé			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
15	Trị thoái hóa cột sống: Lấy cả dây Mơ dại nấu với nước của 2- 3 trái dừa, sắc đến khi còn lại 1 chén, uống. Uống hàng ngày.			x
16	Trị ho, bệnh phổi, phổi nước: Lấy 300g lá Mơ dại đâm nhuyễn, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống (uống lúc trưa 1 ngày/lần)			x
17	Chữa bệnh gan: Lấy cả dây, lá Mơ dại nướng vàng, đổ 3 chén nước vào nấu, đến khi còn lại 7 phân, uống. Uống sáng chiều			x
18	Trị nhức lưng: Lấy lá Mơ dại (thúi địch) đâm với muối rồi đem đắp lên lưng			x
19	Trị đường ruột: Lấy 1 nắm Mơ dại (thúi địch) đâm vắt lấy nước, sau đó đem chưng với bột, mật ong, ngày 2 lần			x
20	Trị mất sữa: Lấy 300g lá Mơ dại tươi nấu nước uống trong ngày			x
21	Trị tiêu thực: Lấy 1 nắm nhỏ lá Mơ dại nấu nước uống ngày			x
22	Trị đau bao tử: Xay nhuyễn lá Mơ dại, pha với mật ong rồi uống, hoặc có thể lấy lá ăn sống			x
23	Kháng viêm, trị đau bao tử, hỗ trợ tiêu hóa: Lấy cả thân, rễ Mơ dại (thúi địt) phơi khô, nấu nước uống với 3 lát gừng và vỏ quýt			x
24	Chữa kiết lỵ mới phát: (1) Lấy một nắm lá mơ tươi, thái nhỏ trộn với trứng gà cả lòng đỏ và lòng trắng, lấy lá chuối bọc lại rồi nướng chín đều để ăn hoặc cho lên chảo rán vàng không cho dầu, mỡ. Ngày ăn 2-3 lần và ăn liên tục vài ngày là khỏi. Nếu bị chứng lỵ mới phát do đại tràng tích nhiệt thì lấy một nắm lá mơ và một nắm lá phèn đen, cả hai rửa sạch, nhúng qua nước sôi, vẩy khô, giã nát, vắt lấy nước cốt uống. Uống 2-3 lần. (2) Lá Mơ lông 100g, rau sam 400g, hạt cau 100g, củ phượng vĩ 100g, cỏ sữa nhỏ lá 400g. Tất cả sao tán bột dùng 20g/ngày dùng 5-7 ngày. (3) Lá Mơ lông 100g, phèn đen 20g, củ phượng vĩ 20g, sao tán bột, uống ngày 20g. (4) Lá Mơ lông 100g, cỏ nhọ nồi tươi 100g, lá phượng vĩ 100g sắc uống trong 5-7 ngày. (5) Lá Mơ lông 100g, cỏ sữa lá to 100g, rau sam 100g, ngân hoa 20g, búp ổi 20g, búp sim 100g, sắc nước sánh hơi đậm, uống trong ngày dùng 5-7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
25	Trị huyết trắng: Lấy 100g lá Mơ dại nấu nước uống hàng ngày			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

311. Mơ lông — *Paederia lanuginosa* Wall., 1831

Mơ tam thể, Bổ thượng hoàng

Công dụng: Thường được dùng để chữa trị các bệnh như: Kiết ly, viêm đại tràng, tăng cường tiêu hóa và tẩy giun kim, giun đũa.

Tính vị: Cây mơ lông có vị hơi đắng, mặn, có mùi hôi và tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Thành phần hóa học	Cây chứa một chất nhựa mủ rất đắng, thành phần chính là một báe kết tinh rất độc là isotomin tương tự lobelin. Trong thành phần của cây mơ lông chứa một tinh dầu rất nặng mùi có tên là disulfua carbon, alcaloid và paederin. Ngoài ra, Mơ lông có mùi hơi thối là do hoạt chất methylmercaptan. Cây mơ lông còn chứa nhiều axit amin như argenin, histidin, lysin, tyrosin, tryptophan, phenylalanin, cystein, methionin, threonin và valin. Một số thành phần khác có trong cây mơ lông như caroten và vitamin C.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng Nam Á và Đông Á.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven ao
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Lá mơ lông được thu hái quanh năm mỗi khi dùng đến, lá tươi tốt nhất là thu hái vào mùa xuân.
Chế biến	Lá sau khi hái vào được đem đi rửa sạch để loại bỏ tạp chất, sau đó ăn trực tiếp lá tươi hoặc chế biến tùy món.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Rubiaceae (Cà phê)

Chi: Paederia (Mơ dây)

Loài: *P. lanuginosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Dây leo bằng thân quấn
Thân cây	Thân màu xanh lục hoặc màu tím, có nhiều lông cứng màu trắng; tiết diện tròn ở thân già, hơi dẹt ở thân non. Nhánh tròn có lông
Lá cây	Lá đơn, nguyên, mọc đối, có mùi đặc trưng; phiến lá hình tim đỉnh nhọn, dài 9-11 cm, rộng 4-6 cm, mặt trên màu xanh lục mặt dưới màu tím, có nhiều lông cứng màu trắng; gân lá hình lông chim nổi rõ ở mặt dưới, 6 cặp gân phụ đối hoặc gần đối. Cuống lá hình lòng máng nông, dài 2-3 cm, màu xanh, có nhiều lông trắng; 2 lá kèm ở giữa 2 cuống lá, dạng vẩy tam giác hoặc hình tim dài 0,3-0,5 cm, màu xanh, tồn tạ
Hoa	Cụm hoa xim hai ngả rất phân nhánh ở nách lá hoặc ngọn cành, dài 10-50 cm.. Hoa nhỏ, đều, lưỡng tính, không cuống, lá bắc hình tam giác nhỏ. Đài hoa: 5-6, rời, đều, hình tam giác nhỏ cao 1 mm, màu xanh hơi tím, có lông trắng, tiền khai van. Tràng hoa: 5-6 cánh đều, màu tím mặt ngoài màu trắng xanh ở mặt trong, dính nhau ở 2/3 dưới tạo thành ống tràng dài 0,4-0,5 cm, phía trên xòe ra 5 phiến dài 0,2 cm có nhiều gai nạc, mỗi phiến có 3-4 thùy cạn không đều và uốn lượn; mặt trong họng tràng có nhiều lông tiết màu tím nhạt, dài 0,2-0,3 cm, chân dài đa bào (tế bào to dần về phía đỉnh của lông tiết) đầu đơn bào to tròn dài; mặt ngoài ống tràng có rất nhiều lông màu trắng, 4-6 tế bào mọng nước xếp chồng lỏng lẻo. Bộ nhị: 5-6 nhị đều, rời, đính ở đáy ống tràng xen kẽ cánh hoa. Chỉ nhị dạng sợi mảnh, màu hồng hoặc tím nhạt dài 0,2-0,25 cm, nhẵn bóng. Bao phấn 2 ô, màu trắng, thuôn dài 0,3-0,35 cm, nứt dọc, hướng trong, đính lưng. Hạt phấn rời, màu trắng, hình bầu dục 2 đầu thuôn tròn, có 3 rãnh dọc, có vân, dài 42,5-50 □m, rộng 20-25 µm. Bộ nhụy: bầu dưới hình chuông 2 ô, mỗi ô có 1 noãn, đính noãn trung trụ; 1 vòi nhụy ngắn, màu hồng nhạt; 2 đầu nhụy dạng sợi uốn lượn, dài 0,4-0,7 cm, màu hồng nhạt, có nhiều lông mịn màu trắng; đĩa mật hình khoen bao quanh gốc vòi nhụy.
Quả/trái	Quả có hình cầu, màu nâu bóng.
Mùi hương	Lá có mùi mạnh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trục giun kim và giun đũa: Dùng lá Mơ lông giã nhỏ, cho tí muối ăn sống hoặc vắt lấy nước uống, uống liền 3 buổi sáng vào lúc đói thì giun ra. Để trừ giun kim, ngoài cũng dùng lá Mơ lông một nắm 30g, chế vào 50ml nước chín, vắt lấy nước cốt bơm thụt vào hậu môn, giữ lại khoảng 20 phút vào lúc 19-20 giờ trước khi đi ngủ, giun sẽ bò ra. Nếu bị nhiễm giun đũa thì lấy khoảng 50 g lá mơ rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt cho thêm một ít muối hòa tan rồi uống. Uống vào buổi sáng lúc đói, sau 2-3 ngày giun sẽ ra hết. Nếu bị nhiễm giun kim thì cũng uống nước cốt lá mơ như trên, ngoài ra lấy khoảng 30 g rau mơ (cả lá, ngọn), rửa sạch, giã nát rồi cho thêm vào 500 ml nước sôi để nguội, dùng bơm thụt vào hậu môn trước khi đi ngủ khoảng 2-3 phút, giun sẽ bò ra (Người lao động, 2006).	x		
2	Chống co giật: Giã nát 15 -60g lá Mơ lông tươi, thêm 1 bát nước ấm và một ít nước lọc để vắt lấy nước uống trước bữa tối	x		
3	Viêm tai ở trẻ nhỏ: Hái lá Mơ lông tươi đem rửa sạch, hơ qua lửa cho nóng sau đó vò lá nhét vào tai bị đau để qua đêm.	x		
4	Chữa đau dạ dày: Giã 20 – 30g lá Mơ lông để vắt lấy nước cốt uống mỗi ngày.	x		
5	Trị viêm tai: Lá Mơ lông tươi đem nướng rồi nhét lỗ tai trị viêm tai chảy máu mủ, nước vàng.	x		
6	Chữa sôi bụng, ăn khó tiêu: Khi ăn vào thấy bụng sôi, khó tiêu hóa thì lấy một nắm lá Mơ lông tươi ăn kèm trong bữa cơm hoặc giã nát vắt lấy nước uống, ăn như vậy trong khoảng 2-3 ngày là thấy kết quả.	x		
7	Chữa đau dạ dày: Bị chứng đau dạ dày thì lấy khoảng 20-30 g lá Mơ lông rửa sạch giã nát, vắt lấy nước uống 1 lần trong ngày. Sau nhiều ngày dùng như thế thì có hiệu quả.	x		
8	Chữa bí tiểu tiện: Nếu bị sỏi thận gây bí tiểu tiện, lấy lá Mơ lông sắc uống ngày vài lần rất hiệu nghiệm.	x		
9	Chữa tiêu chảy ra máu: Mơ lông 6g; đọt cà ăn quả 16g; Rau sam, cây Cứt lợn, mỗi vị 6g; Xuyên tâm liên 4g. Sắc uống mỗi ngày một thang	x		
10	Chữa ho gà: Lá Mơ lông 150g; bách bộ, Cỏ mần trầu, rễ chanh, cỏ nhọ nồi, Rau má, mỗi vị 250g; cam thảo dây 150g; trần bì 100g; gừng 50g; đường kính 1500g. Cho vào 6 lít nước sắc còn một lít, cho đường kính vào trộn lẫn rồi đun sôi cho còn một lít. Liều dùng: mỗi ngày uống 2-3 lần. Trẻ 6 tháng – 1 năm tuổi, mỗi lần uống 2 thìa cà phê; trẻ 1 – 2 tuổi, 4 lần x 2 thìa cà phê; trẻ 3 – 4 tuổi: 6 lần x 2 thìa cà phê; trẻ 5 – 7 tuổi: 7 lần x 2 thìa cà phê	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Chữa lỵ trực khuẩn. Lấy lá Mơ lông (30 -50 g) lau sạch, thái nhỏ trộn với trứng gà (1 quả). Có người chỉ dùng lòng đỏ trứng, nhưng kinh nghiệm dùng cả lòng trắng phổ biến hơn. Bọc thuốc vào lá chuối đem nướng hoặc đặt lên chảo mà rán (không có mỡ) cho thơm. Ngày ăn 2 – 3 lần, trong 5 – 8 ngày. Thời gian điều trị trung bình 7 ngày. Ngoài ra, lá Mơ lông còn chữa chứng sôi bụng ăn không tiêu, viêm dạ dày, viêm ruột. Ngày dùng 20 – 40g dạng thuốc sắc	x		
12	Chữa giun kim và giun đũa: Lấy lá Mơ lông (30 – 50g), giã nhỏ, thêm ít muối, ăn sống hay vắt lấy nước uống. Dùng liền 3 buổi sáng vào lúc đói, giun sẽ ra. Chữa giun kim, còn có cách lấy lá Mơ lông (30g), cho vào 50ml nước chín, giã vắt lấy nước cốt bơm thụt vào hậu môn, giữ lại khoảng 20 phút, vào 7-8 giờ tối trước khi đi ngủ, giun sẽ ra	x		
13	Chữa lỵ lâu ngày (Hải Thượng Lãn Ông): Rễ Mơ lông, cỏ seo gà, Mã đề, sao qua sắc uống	x		
14	Chữa hội chứng lỵ: Lá Mơ lông tươi, cỏ nhọ nồi tươi, mỗi vị 100g, sắc đặc chia nhiều lần uống trong ngày	x		
15	Chữa lỵ amip và lỵ trực khuẩn: Lá Mơ lông hoặc Mơ lông 80g, cỏ nhọ nồi tươi 150g, lá đại thanh 30g, hạt cau 16g, bách bộ 12g, vỏ đại 8g. Sắc đặc uống làm nhiều lần trong ngày	x		
16	Chữa lỵ: (1) Lá Mơ lông , lá trâu cổ, mỗi vị 20g; Lá lốt, nụ sim, mỗi vị 10g. sắc uống hoặc làm viên uống, ngày một thang. (2) Mơ lông 30g; cỏ sữa 25g; rau sam 20g; hạt cau khô, vỏ măng cụt, mỗi vị 10g; thổ phục linh, bạch thược, mỗi vị 5g. sắc uống ngày một thang. Hoặc tán nhỏ, mỗi lần uống 8g, ngày 3 lần	x		
17	Chữa tiêu chảy ra máu: Mơ lông 6g; đọt cà ăn quả 16g; rau sam, cây cứt lợn, mỗi vị 6g; xuyên tâm liên 4g. Sắc uống mỗi ngày một thang	x		
18	Trị kiết lỵ: Trường hợp mới bị kiết lỵ: hái một nắm lá Mơ lông và một nắm lá phèn đen đem đi rửa sạch, sau đó nhúng sơ qua nước sôi rồi để cho ráo nước. Giã nát hai loại lá này để vắt lấy nước cốt mỗi ngày uống 2 – 3 lần. Trường hợp bị lỵ lâu ngày: hái một nắm lá Mơ lông tươi, lau cho thật sạch rồi thái nhỏ, đập một quả trứng gà vào trộn đều sau đó đem đi bọc lá chuối nướng hoặc rang khô trên chảo.	x	x	
19	Trị đau nhức xương khớp: Lấy 30 – 60g lá Mơ lông đem ngâm với rượu để xoa bóp và uống	x		
20	Chữa kiết lỵ mới phát (biểu hiện: Đi đại tiện nhiều lần, trong phân có máu và chất nhầy như nước mũi, có trường hợp sốt nhẹ): Lấy một nắm lá mơ tươi lau sạch (bằng khăn sạch) thái nhỏ, đập vào một quả trứng gà trộn đều, lấy lá chuối bọc lại rồi nướng chín đều để ăn. Ăn ngày 3 lần và ăn liên tục vài ngày là khỏi. Nếu bị chứng lỵ mới phát do đại tràng tích nhiệt thì lấy một nắm lá mơ và một nắm lá phèn đen, cả hai rửa sạch, nhúng qua nước sôi, vẩy khô, giã nát, vắt lấy nước cốt uống. Uống 2-3 lần.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Chữa tiêu chảy do nóng: Nếu mắc chứng tiêu chảy do nhiệt với triệu chứng khát nhiều, phân khẳm, nước tiểu vàng, bụng đau quặn kèm theo đầy hơi, hậu môn nóng rát, có thể dùng lá mơ 16 g, nụ sim 8 g sắc cùng với 500 ml nước còn 200 ml, chia làm 2 lần uống trong ngày (Người lao động, 2006).	x		
22	Trị ho: Lấy lá Mơ lông xay, vắt lấy nước uống			x
23	Trị đường ruột, ruột già, trị đau bao tử, trị viêm phổi, táo bón, trị bướu cổ, mát gan: Lấy 1 nắm lá Mơ lông đâm, vắt lấy nước, thêm chút mật ong, uống			x
24	Trị phổi, ung thư vú: Đâm một nắm lá Mơ lông, lấy nước uống với nước dừa hoặc mật ong			x
25	Trị bệnh đường ruột, kiết ly, hạ đường huyết: Lấy 20 -30 lá Mơ lông tươi bằm nhuyễn, chưng với hột vịt; ăn 2 - 3 lần/tuần			x
26	Trị đau ruột già, trị rối loạn tiêu hóa: Lấy 1 nắm Mơ lông xắt nhuyễn, trộn với 1-2 trứng gà, chiên ăn			x
27	Uống mát: Lấy lá Mơi lông ăn sống như ăn rau hoặc lấy lá Mơ lông giã nát, vắt lấy nước uống, Uống mỗi lần nửa ly uống rượu. Ngày uống 2 lần			x
28	Trị bao tử, phổi: Xay 300g lá Mơ lông, vắt lấy nước uống với nước dừa. Uống ngày 2 lần, uống ngày nắng hoặc ăn như rau			x
29	Trị bệnh gan, giải độc gan, đau ruột già, đau bao tử, nhuận tràng: Lấy lá Mơ lông ăn sống hoặc chấm cá kho ăn hằng ngày			x
30	Trị ho, khớp, viêm đường ruột già: Lấy 1 nắm lá Mơ lông, thêm ít muối, đâm, vắt nước uống.			x
31	Trị bướu cổ, đau bao tử: Lấy 1 nắm lá Mơ lông, lá Xạ đen, nấu nước uống.			x
32	Trị kiết: Lấy 1 nắm lá (20 lá) Mơ lông thêm ít muối, đâm dập, vắt lấy nước uống.			x
33	Trị ung thư phổi: Lấy một nắm lá Mơ lông, nước dừa, mật ong đâm, vắt lấy nước uống			x
34	Trị ho, viêm phế quản: Lấy 1 nắm lá Mơ lông và Thuốc dòi, đâm, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống			x
35	Trị bệnh trĩ: Lấy 1 nắm lá Mơ lông xay nhuyễn rồi chưng cách thủy với 2 trứng gà đã đánh tan để ăn			x
36	Trị bệnh đại tràng: Lấy 200g đọt và lá Mơ lông xay nhuyễn, vắt lấy nước, bỏ xác, uống. Uống mỗi ngày 2 buổi sáng chiều.			x
37	Trị gan nhiễm mỡ: Lấy lá Mơ lông luộc ăn hoặc nấu nước uống			x
38	Trị bệnh đường ruột, táo bón: Dùng 1 nắm khoảng 200g lá Mơ lông, 3ml mật ong, 50ml nước, uống lúc đói. hoặc có thể ăn sống			x
39	Trị bệnh ung thư: Lấy lá Mơ lông, lá Cỏ xước, bỏ vào máy xay sinh tố, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Lá mơ nên được rửa thật sạch trước khi sử dụng để loại bỏ vi khuẩn, bụi bẩn và tạp chất.*
Với rượu ngâm từ lá mơ chỉ nên sử dụng mỗi ngày 1 ít, không lạm dụng quá nhiều.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

312. Môn ngứa — *Alocasia macrorrhizos* (L.) G.Don, 1839

Ráy, Hải vu

Công dụng: Chữa cúm, cảm mạo, sốt cao, trúng nắng, lao phổi, phong thấp đau nhức khớp, sa nang, mụn nhọt, ghẻ lở, trúng độc và rắn độc cắn, bỏng lửa.

Tính vị: Vị cay, tính ấm, có độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, thân

Thành phần hóa học: Thân rễ Ráy chứa alocasin, một chất tương tự phytosterol, glucose, fructose.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Malaysia

Phân bố ở Cà Mau: Ở Cà Mau, cây môn ngứa được tìm thấy ở huyện Thới Bình (TT.Thới Bình), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Khánh Hưng), huyện Cái Nước (TT. Cái Nước, xã Thạnh Phú), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi)

Sinh cảnh: Cây môn ngứa được tìm thấy mọc tự nhiên ở trong vườn nhà người dân

Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 5, Tháng 6 đến 7
Thu hoạch	Lá và thân rễ thu hái quanh năm.
Chế biến	Lá dùng tươi, còn thân rễ phải bào chế. Lấy về, gọt bỏ vỏ, thái mỏng, ngâm trong nước sạch 5-7 ngày, thay nước thường xuyên, rồi phơi khô. Khi dùng tươi, phải rang với gạo cho tới khi gạo cháy, rồi thêm nước và đun sôi đến khi gạo mềm nhừ thì lấy ra.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Alismatales (Trạch Tả)
    - **Họ:** Araceae (Ráy)
      - **Chi**: Alocasia (Ráy)
        - **Loài**: *A. macrorrhizos*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo to
Chiều cao cây	Cây cao tới 2-3m
Rễ cây	Cây có thân rễ mập
Thân cây	Thân nằm sâu trong đất..
Lá cây	Lá ôm thân, có cuống dài, phiến nguyên, hình tim, dài tới 80-90cm, rộng 20-60cm, màu lục sáng, có khi có chấm trắng.
Hoa	Cụm hoa thành buồng ở nách lá, có mo màu vàng. Hoa đơn tính, hoa cái ở dưới, hoa lép ở giữa.. Hoa đực có nhiều nhị, dính nhau thành hợp nhị, mở bằng lỗ. Hoa cái có bầu 1 ô, chứa vài noãn ở đáy
Quả/trái	Quả mọng màu đỏ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trục giun kim và giun đũa: Dùng lá Mơ lông giã nhỏ, cho tí muối ăn sống hoặc vắt lấy nước uống, uống liền 3 buổi sáng vào lúc đói thì giun ra. Để trừ giun kim, ngoài cũng dùng lá Mơ lông một nắm 30g, chế vào 50ml nước chín, vắt lấy nước cốt bơm thụt vào hậu môn, giữ lại khoảng 20 phút vào lúc 19-20 giờ trước khi đi ngủ, giun sẽ bò ra. Nếu bị nhiễm giun đũa thì lấy khoảng 50 g lá mơ rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt cho thêm một ít muối hòa tan rồi uống. Uống vào buổi sáng lúc đói, sau 2-3 ngày giun sẽ ra hết. Nếu bị nhiễm giun kim thì cũng uống nước cốt lá mơ như trên, ngoài ra lấy khoảng 30 g rau mơ (cả lá, ngọn), rửa sạch, giã nát rồi cho thêm vào 500 ml nước sôi để nguội, dùng bơm thụt vào hậu môn trước khi đi ngủ khoảng 2-3 phút, giun sẽ bò ra.	x		
2	Chống co giật: Giã nát 15 -60g lá Mơ lông tươi, thêm 1 bát nước ấm và một ít nước lọc để vắt lấy nước uống trước bữa tối	x		
3	Viêm tai ở trẻ nhỏ: Hái lá Mơ lông tươi đem rửa sạch, hơ qua lửa cho nóng sau đó vò lá nhét vào tai bị đau để qua đêm.	x		
4	Chữa đau dạ dày: Giã 20 – 30g lá Mơ lông để vắt lấy nước cốt uống mỗi ngày.	x		
5	Trị viêm tai: Lá Mơ lông tươi đem nướng rồi nhét lỗ tai trị viêm tai chảy máu mủ, nước vàng.	x		
6	Chữa sôi bụng, ăn khó tiêu: Khi ăn vào thấy bụng sôi, khó tiêu hóa thì lấy một nắm lá Mơ lông tươi ăn kèm trong bữa cơm hoặc giã nát vắt lấy nước uống, ăn như vậy trong khoảng 2-3 ngày là thấy kết quả.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa đau dạ dày: Bị chứng đau dạ dày thì lấy khoảng 20-30 g lá Mơ lông rửa sạch giã nát, vắt lấy nước uống 1 lần trong ngày. Sau nhiều ngày dùng như thế thì có hiệu quả.	x		
8	Chữa bí tiểu tiện: Nếu bị sỏi thận gây bí tiểu tiện, lấy lá Mơ lông sắc uống ngày vài lần rất hiệu nghiệm.	x		
9	Chữa tiêu chảy ra máu: Mơ lông 6g; đọt cà ăn quả 16g; Rau sam, cây Cứt lợn, mỗi vị 6g; Xuyên tâm liên 4g. Sắc uống mỗi ngày một thang	x		
10	Chữa ho gà: Lá Mơ lông 150g; bách bộ, Cỏ mần trầu, rễ chanh, cỏ nhọ nồi, Rau má, mỗi vị 250g; cam thảo dây 150g; trần bì 100g; gừng 50g; đường kính 1500g. Cho vào 6 lít nước sắc còn một lít, cho đường kính vào trộn lẫn rồi đun sôi cho còn một lít. Liều dùng: mỗi ngày uống 2-3 lần. Trẻ 6 tháng – 1 năm tuổi, mỗi lần uống 2 thìa cà phê; trẻ 1 – 2 tuổi, 4 lần x 2 thìa cà phê; trẻ 3 – 4 tuổi: 6 lần x 2 thìa cà phê; trẻ 5 – 7 tuổi: 7 lần x 2 thìa cà phê	x		
11	Chữa lỵ trực khuẩn. Lấy lá Mơ lông (30 -50 g) lau sạch, thái nhỏ trộn với trứng gà (1 quả). Có người chỉ dùng lòng đỏ trứng, nhưng kinh nghiệm dùng cả lòng trắng phổ biến hơn. Bọc thuốc vào lá chuối đem nướng hoặc đặt lên chảo mà rán (không có mỡ) cho thơm. Ngày ăn 2 – 3 lần, trong 5 – 8 ngày. Thời gian điều trị trung bình 7 ngày. Ngoài ra, lá Mơ lông còn chữa chứng sôi bụng ăn không tiêu, viêm dạ dày, viêm ruột. Ngày dùng 20 – 40g dạng thuốc sắc	x		
12	Chữa giun kim và giun đũa: Lấy lá Mơ lông (30 – 50g), giã nhỏ, thêm ít muối, ăn sống hay vắt lấy nước uống. Dùng liền 3 buổi sáng vào lúc đói, giun sẽ ra. Chữa giun kim, còn có cách lấy lá Mơ lông (30g), cho vào 50ml nước chín, giã vắt lấy nước cốt bơm thụt vào hậu môn, giữ lại khoảng 20 phút, vào 7-8 giờ tối trước khi đi ngủ, giun sẽ ra	x		
13	Chữa lỵ lâu ngày (Hải Thượng Lãn Ông): Rễ Mơ lông, cỏ seo gà, Mã đề, sao qua sắc uống	x		
14	Chữa hội chứng lỵ: Lá Mơ lông tươi, cỏ nhọ nồi tươi, mỗi vị 100g, sắc đặc chia nhiều lần uống trong ngày	x		
15	Chữa lỵ amip và lỵ trực khuẩn: Lá Mơ lông hoặc Mơ lông 80g, cỏ nhọ nồi tươi 150g, lá đại thanh 30g, hạt cau 16g, bách bộ 12g, vỏ đại 8g. Sắc đặc uống làm nhiều lần trong ngày	x		
16	Chữa lỵ: (1) Lá Mơ lông , lá trâu cổ, mỗi vị 20g; Lá lốt, nụ sim, mỗi vị 10g. sắc uống hoặc làm viên uống, ngày một thang. (2) Mơ lông 30g; cỏ sữa 25g; rau sam 20g; hạt cau khô, vỏ măng cụt, mỗi vị 10g; thổ phục linh, bạch thược, mỗi vị 5g. sắc uống ngày một thang. Hoặc tán nhỏ, mỗi lần uống 8g, ngày 3 lần	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Chữa tiêu chảy ra máu: Mơ lông 6g; đọt cà ăn quả 16g; rau sam, cây cứt lợn, mỗi vị 6g; xuyên tâm liên 4g. Sắc uống mỗi ngày một thang	x		
18	Trị kiết ly: Trường hợp mới bị kiết ly: hái một nắm lá Mơ lông và một nắm lá phèn đen đem đi rửa sạch, sau đó nhúng sơ qua nước sôi rồi để cho ráo nước. Giã nát hai loại lá này để vắt lấy nước cốt mỗi ngày uống 2 – 3 lần. Trường hợp bị ly lâu ngày: hái một nắm lá Mơ lông tươi, lau cho thật sạch rồi thái nhỏ, đập một quả trứng gà vào trộn đều sau đó đem đi bọc lá chuối nướng hoặc rang khô trên chảo.	x	x	
19	Trị đau nhức xương khớp: Lấy 30 – 60g lá Mơ lông đem ngâm với rượu để xoa bóp và uống	x		
20	Chữa kiết lỵ mới phát (biểu hiện: Đi đại tiện nhiều lần, trong phân có máu và chất nhầy như nước mũi, có trường hợp sốt nhẹ): Lấy một nắm lá mơ tươi lau sạch (bằng khăn sạch) thái nhỏ, đập vào một quả trứng gà trộn đều, lấy lá chuối bọc lại rồi nướng chín đều để ăn. Ăn ngày 3 lần và ăn liên tục vài ngày là khỏi. Nếu bị chứng lỵ mới phát do đại tràng tích nhiệt thì lấy một nắm lá mơ và một nắm lá phèn đen, cả hai rửa sạch, nhúng qua nước sôi, vẩy khô, giã nát, vắt lấy nước cốt uống. Uống 2-3 lần.	x		
21	Chữa tiêu chảy do nóng: Nếu mắc chứng tiêu chảy do nhiệt với triệu chứng khát nhiều, phân khẳm, nước tiểu vàng, bụng đau quặn kèm theo đầy hơi, hậu môn nóng rát, có thể dùng lá mơ 16 g, nụ sim 8 g sắc cùng với 500 ml nước còn 200 ml, chia làm 2 lần uống trong ngày.	x		
22	Trị ho: Lấy lá Mơ lông xay, vắt lấy nước uống			x
23	Trị đường ruột, ruột già, trị đau bao tử, trị viêm phổi, táo bón, trị bướu cổ, mát gan: Lấy 1 nắm lá Mơ lông đâm, vắt lấy nước, thêm chút mật ong, uống			x
24	Trị phổi, ung thư vú: Đâm một nắm lá Mơ lông, lấy nước uống với nước dừa hoặc mật ong			x
25	Trị bệnh đường ruột, kiết lỵ, hạ đường huyết: Lấy 20 -30 lá Mơ lông tươi bằm nhuyễn, chưng với hột vịt; ăn 2 - 3 lần/tuần			x
26	Trị đau ruột già, trị rối loạn tiêu hóa: Lấy 1 nắm Mơ lông xắt nhuyễn, trộn với 1-2 trứng gà, chiên ăn			x
27	Uống mát: Lấy lá Mơi lông ăn sống như ăn rau hoặc lấy lá Mơ lông giã nát, vắt lấy nước uống, Uống mỗi lần nửa ly uống rượu. Ngày uống 2 lần			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
28	Trị bao tử, phổi: Xay 300g lá Mơ lông, vắt lấy nước uống với nước dừa. Uống ngày 2 lần, uống ngày nắng hoặc ăn như rau			x
29	Trị bệnh gan, giải độc gan, đau ruột già, đau bao tử, nhuận tràng: Lấy lá Mơ lông ăn sống hoặc chấm cá kho ăn hằng ngày			x
30	Trị ho, khớp, viêm đường ruột già: Lấy 1 nắm lá Mơ lông, thêm ít muối, đâm, vắt nước uống.			x
31	Trị bướu cổ, đau bao tử: Lấy 1 nắm lá Mơ lông, lá Xạ đen, nấu nước uống.			x
32	Trị kiết: Lấy 1 nắm lá (20 lá) Mơ lông thêm ít muối, đâm dập, vắt lấy nước uống.			x
33	Trị ung thư phổi: Lấy một nắm lá Mơ lông, nước dừa, mật ong đâm, vắt lấy nước uống			x
34	Trị ho, viêm phế quản: Lấy 1 nắm lá Mơ lông và Thuốc dòi, đâm, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống			x
35	Trị bệnh trĩ: Lấy 1 nắm lá Mơ lông xay nhuyễn rồi chưng cách thủy với 2 trứng gà đã đánh tan để ăn			x
36	Trị bệnh đại tràng: Lấy 200g đọt và lá Mơ lông xay nhuyễn, vắt lấy nước, bỏ xác, uống. Uống mỗi ngày 2 buổi sáng chiều.			x
37	Trị gan nhiễm mỡ: Lấy lá Mơ lông luộc ăn hoặc nấu nước uống			x
38	Trị bệnh đường ruột, táo bón: Dùng 1 nắm khoảng 200g lá Mơ lông, 3ml mật ong, 50ml nước, uống lúc đói. hoặc có thể ăn sống			x
39	Trị bệnh ung thư: Lấy lá Mơ lông, lá Cỏ xước, bỏ vào máy xay sinh tố, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

313. Móng bò *Bauhinia purpurea* L.

Móng bò hoa đỏ, Móng bò lan, Móng bò tím, móng bò đỏ

Công dụng: Viêm họng, ho, lòi dom, nôn ra máu, ly, sốt rét và xổ (Vỏ, hoa).

Tính vị: Vỏ thân có vị chát, hơi đắng, tính bình.

Hoa có tính mát.

Lá có tính bình vị nhạt.

Rễ có vị chát, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ, rễ, hoa

Thành phần hóa học: Thân chứa gôm, vỏ chứa tanin, hạt chứa 15% dầu không khô

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ khu vực Châu Á.
Phân bố ở Cà Mau	Cây được bắt gặp ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước, xã Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng)
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường.
Mùa hoa quả	Tháng 11 đến tháng 3 năm sau, Tháng 5 đến 6

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Fabales (Đậu)

→ **Họ:** Fabaceae (Đậu)

→ **Chi**: Bauhinia (Móng bò, Hoàng hậu)

→ **Loài**: *B. purpurea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 10m.
Thân cây	Cây phân nhiều cành, tán lá rộng..
Lá cây	Lá cuống 2 - 3 cm, phiến gần tròn có đường kính tới 12 cm, chẻ đôi tới 1/3 - 1/2 với góc hẹp hay rộng, tròn hay hình tim ở gốc, tròn hay nhọn ở đầu các thùy, có lông rải rác ở mặt dưới, gân 9 - 13.
Hoa	Hoa thành chùm ở bên và ở ngọn với 6 - 10 hoa.. Hoa có cuống dày, dài 7 - 15mm, nụ hoa hình chùy, 3 - 4cm, đài hoa hình mo khi hoa mở, cánh hoa hồng tới tím, hình ngọn giáo hẹp, dài 3 - 5cm, với móng dài 5 - 10mm; nhị sinh sản 3, nhị lép 5 - 6, dạng sợi, 6 - 10mm; bầu có cuống 1 cm, dài 1cm, có lông nhung.. .
Quả/trái	Quả đậu hình dải, không lông, có vân không đều, dài tới 20 - 25 cm, rộng
Hạt	Hạt 10, dẹp, hình mắt chim, rộng 5mm.
Mùi hương	Hoa tỏa ra một mùi hương dịu nhẹ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị các bệnh về tiêu hóa, gan, phổi và đường hô hấp như viêm phế nhiệt, viêm phế quản: Nụ hoa phơi khô, pha nước, sắc lấy nước uống	x		
2	Trị các bệnh về tiêu hóa như tiêu chảy, bí tiểu hay phù thũng: Lấy xác hoa ăn.	x		
3	Giảm nhiệt hạ sốt: Đun sôi hoa tươi với nước trong 4 phút, uống.	x		
4	Trị các bệnh về đường tiêu hóa như tiêu chảy, tiểu tiện bí: Đem lá đi phơi khô rồi sắc thuốc uông.	x		
5	Chữa lỵ amíp: lấy vỏ ngoài tươi, thái mỏng, giã nát, vắt lấy nước, ngày 3 lần, mỗi lần 2 thìa cà phê (10ml).	x		
6	Trị các bệnh giun sán ở trẻ em: Lấy nước ép vỏ tươi uống.	x		
7	Giúp bồi bổ cơ thể, lại sức, chữa chứng đầy hơi, mụn nhọt, tiêu chảy gây mất nước: Sắc vỏ cây móng bò lấy nước uống.	x		
8	Chữa khó tiêu, đau dạ dày, viêm ruột: Rễ cây móng bỏ đem rửa sạch, cắt nhỏ, phơi khô rồi sao vàng hạ thổ, đem sắc nước uống sẽ làm giảm đau, uống thường xuyên có thể trị dứt điểm.	x		
9	Trị đau bụng, kiết lỵ, tiêu chảy: dùng nụ hoa Móng bò tươi hoặc khô đều được , cho nước sôi vào ủ 5-7 phút, ngày uống 1 lần vào sáng trước khi ăn, dùng trong ngày, liên tục 7 ngày sẽ khỏi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Chữa viêm gan, viêm khí quản, viêm phổi, viêm niệu đạo, bí tiểu, phù thũng: Dùng10 – 20g hoa khô hoặc gấp đôi nếu là hoa tươi sắc uống. Hoặc có thể đem sắc, luộc rau ăn hàng ngày để chữa bệnh tiêu chảy mãn tính.	x		
11	Chữa cảm sốt: Lấy 50g hoa khô hoặc gấp đôi nếu là hoa tươi, cho vào 500ml nước, đun sôi trong 4 phút, uống trong ngày, uống liên tục 2 – 3 ngày.	x		
12	Chữa ho, bí tiểu, tiêu chảy: Sắc nấu lấy nước uống, mỗi lần 10-16g lá khô, dùng trong ngày.	x		
13	Ăn không tiêu, đầy hơi, phân nát hoặc lỏng, chữa lao, nhọt, lở loét, hoặc dùng để bồi bổ cơ thể sau khi ốm: Lấy vỏ thân Móng bò sắc uống nước sôi rửa vết thương.	x		
14	Diệt giun đũa: Nước sắc vỏ quả Móng bò tươi, ngày uống 4 thìa cà phê, ngày 1 lần, trong 4 ngày.	x		
15	Bôi vào vết thương để mau lành, mau lên da non: Vỏ thân Móng bò, cạo bỏ lớp bần bên ngoài, thái thành lát mỏng, phơi nắng hoặc sao khô, nghiền thành bột mịn, thêm nước, trộn đều. kỹ lưỡng để tạo thành hỗn hợp sền sệt bôi lên vết thương	x		
16	Chữa ăn uống không tiêu, viêm dạ dày, ruột cấp, trĩ và phân ra máu: Lấy rễ Móng bò rửa sạch trước khi dùng, để ráo, thái mỏng, phơi khô, sao vàng. Đun lấy nước uống	x		
17	Trị tiêu chảy: Lấy vỏ thân móng bò phối hợp vỏ búp ổi và vỏ tươi cây vối, lượng bằng nhau, tán nhuyễn, ép lấy nước, mỗi lần 2 thìa cà phê, ngày 4 – 5 lần, cách nhau 3 – 4 giờ.	x		
18	Trị hở van tim: Lấy lá Móng bò (nam 7 lá, nữ 9 lá) nấu với 2 lít nước, uống.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Không nên dựa vào để tự chữa bệnh vì liều lượng và đặc tính thuốc có thể thay đổi theo tùy thể trạng mỗi người, nên trao đổi trực tiếp với bác sĩ chuyên kho y học cổ truyền.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

314. Mồng gà đỏ *Celosia argentea* var. cristata (L.) Kuntze, 1891

Mào gà đỏ, Kê đầu, Kê cốt tử hoa

Công dụng: Chủ trị bệnh trị, rối loạn kinh nguyệt, khí hư, nổi mề đay ngoài da.

Tính vị: Hoa mồng gà đỏ có tính mát, vị ngọt

Quy kinh: kinh Can

Bộ phận dùng: Các bộ phận như hạt, cụm hoa và mầm non đều được dùng làm dược liệu chữa bệnh trong y học cổ truyền.

Thành phần hóa học: Cây mồng gà đỏ có chứa betanin, anthocyanin và hạt chứa chất béo.

Nguồn gốc	Cây hoa mào gà có nguồn gốc từ Ấn Độ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở trong vườn nhà
Thu hoạch	Hoa và hạt thường được thu hoạch vào tháng 9 – 10 hàng năm khi hạt chín. Cụm non của cây được thu hái vào bất cứ thời điểm nào trong năm.
Chế biến	Khi hạt chín, hái hoa về phơi khô, đập lấy hạt sẩy loại hết tạp chất, phơi lần nữa cho thật khô. Có khi dùng cả hoa.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)
      - **Chi**: Celosia (Mào gà)
        - **Loài**: *C. argentea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao từ 30cm đến 1,5m hoặc hơn.
Thân cây	Thân cứng và nhiều cành nhẵn bóng..
Lá cây	Lá có cuống, phiến lá nguyên hình trứng đầu lá nhọn, phía gốc to rộng hơn lá cây mào gà trắng.
Hoa	Hoa màu đỏ tươi hoặc đỏ nhung, cứng, hình vại leo ra hai bên và nhăn nheo tương tự như mào gà. Hầu hết các bông đều không thấy cuống hoặc nếu có thì rất ngắn.
Quả/trái	Quả cây mào gà đỏ hình trứng hoặc hình cầu. Bên trong chứa 8 – 10 hạt.
Hạt	Hạt màu đen, vỏ ngoài bóng. Hạt to hơn hạt mào gà trắng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa xuất huyết ruột, xuất huyết dạ dày: Lấy 10g hoa mào gà đỏ khô (tương đương 25 – 30g tươi). Giã nhỏ. Mỗi lần uống 1 – 2g x 3 – 4 lần trong ngày. Kết hợp lấy 10 hạt mào gà nhai kỹ, nuốt nước, lấy bã đắp ngay vị trí bị rắn cắn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Điều trị sa trực tràng, bệnh trĩ, đi ngoài ra máu: Lấy 15g hạt và hoa mào gà đỏ với 3 bát nước cho cạn còn 1 bát. Gạn ra chia uống 3 lần trong ngày. Có thể tán thuốc với số lượng lớn làm hoàn uống lâu dài (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Điều trị rắn độc cắn: Lấy 4 – 12g hoa mào gà đỏ sắc uống hoặc dùng tươi giã lấy nước cốt uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa đại tiện ra máu: Hoa mào gà đỏ rửa sạch, sao cháy, tán thành bột mịn. Dùng uống mỗi ngày 2-3 lần, mỗi lần 6-9 g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa kinh nguyệt không đều: Hoa mào gà đỏ và trắng mỗi loại 10-12g. Nấu với 300 ml nước, sắc còn 100ml, chia 2 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa lòi dom, ra máu: Sắc cả hoa và hạt Mồng gà đỏ mà uống. Ngày uống 8-15g. Có thể phơi khô, tán nhỏ chế thành thuốc viên. Chia làm nhiều lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa dạ dày, ruột chảy máu, tử cung xuất huyết, lỵ ra máu, ỉa ra máu, kinh nguyệt dài ngày không hết: Hoa mào gà đỏ khô 10g (dùng tươi 25-30g) sấy khô, tán nhỏ. Chia làm nhiều lần uống trong ngày. Mỗi lần uống từ 1-2g (kinh	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	nghiệm nhân dân) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
8	Kinh nguyệt quá nhiều (đa kinh): Hoa mào gà lượng vừa đủ, sấy khô tán bột, uống mỗi lần 6g khi bụng đói với một chút rượu, hoặc Hoa mào gà sao cháy tán bột uống mỗi lần 6 - 9 g với nước ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa kinh nguyệt không đều: Hoa mào gà đỏ và trắng mỗi loại 9g sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa mày đay (nốt sần màu đỏ): Dùng cả cây mồng gà đỏ sắc uống và ngâm rửa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa rết cắn: Dùng cả cây hoa mào gà đỏ, giã nát, đắp vào vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Trị ra máu, tử cung xuất huyết: Bông mào gà đỏ phơi khô, tán bột, mỗi lần uống 5g với nước trà (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Chữa rong kinh, máu ra nhiều trong kỳ Hành kinh: Dùng 30g hoa mào gà đỏ sắc với rượu uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa rong kinh, máu ra nhiều trong kỳ Hành kinh: Lấy 25g bông mào gà đỏ nấu với thịt nạc lợn thành canh ăn trước ngày Hành kinh khoảng 3 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Điều trị bệnh nhiễm trùng âm đạo: Hạt mào gà đỏ 60g, cây giần sàng 15g. Nấu nước rửa vùng kín mỗi ngày 2 lần. Kiêng kỵ cho phụ nữa đang mang thai (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Điều trị khạc ra máu: Phối hợp 24g hoa mào gà đỏ tươi với 30g rễ cây cỏ tranh. Dùng ngày 1 thang theo dạng sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Điều trị bệnh kiết lỵ: Dùng cây bông mào gà đỏ và lan căn mỗi vị 50g. Sao vàng, tán bột mịn, trộn chung với nước cơm làm thành viên hoàn cỡ hạt ngô. Mỗi lần uống 1 viên x 2 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Điều trị bệnh cao huyết áp: Lấy 3 – 4 bông hoa mào gà đỏ đem sắc cùng 10 quả hồng táo. Chắt nước uống 2 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Trị viêm âm đạo do trùng roi: Lấy hoa mào gà đỏ sắc lấy nước rửa âm đạo. Trùng roi có thể bị tiêu diệt sau 5 – 10	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	phút tiếp xúc với nước sắc mào gà (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
20	Chữa chứng thổ huyết: Hoa mào gà 30g, gạo nếp 50g. Ngâm hoa mào gà trong nước nửa ngày, sau đó đun sôi khoảng 20 phút rồi lọc lấy nước. Dùng nước này nấu với gạo nếp thành cháo loãng. Chia làm 2 phần ăn trong ngày với ít đường trong lúc đói bụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa chứng dạ dày, ruột hoặc tử cung bị xuất huyết: Hoa mào gà đỏ 10-16g khô (30-45g tươi), sấy giòn rồi tán thành bột. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2g với nước cháo loãng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Chữa viêm âm đạo, khí hư bạch đới: Hoa mào gà tươi 500g, nước cốt củ sen 500ml. Hoa mào gà rửa sạch, cho vào nồi nấu với lượng nước thích hợp. sau 20 phút chắt lấy nước 1 lần rồi cho vào nồi hầm tiếp. Chắt đủ 3 lần nước thì gộp chung lại, nấu lửa nhỏ cho đến khi cô đặc. Đổ nước cốt củ sen vào, nấu cho tới khi thấy nước thuốc sền sệt thì bắc nồi xuống. Thêm 500g đường cát trắng vào trộn đều. Dàn mỏng trên đĩa lớn, phơi khô, tán bột, cho vào hũ sạch, đậy kín và dùng dần. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 10-12g với nước ấm vào lúc đói bụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa rong huyết, rong kinh, băng huyết: Hoa mào gà đỏ và trắc bá diệp, lượng bằng nhau. Hai thứ rửa sạch, phơi khô, sao tồn tính. Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 6g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Trĩ lở loét: Hoa mào gà đỏ 3g, Ngũ bội tử 3g, một chút Băng phiến, tất cả tán bột, trộn với mật lợn rồi bôi lên vùng loét (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Chữa bế kinh: Hoa mào gà đỏ tươi 24g hầm với 60g thịt lợn nạc, chia vài lần ăn trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Chữa rong kinh: Hoa mào gà 20g, ngải cứu 20g sao cháy. Sắc uống ngày một thang. 10 ngày là một liệu trình (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Chữa mày đay: Dùng cả cây Mồng gà đỏ và Thương nhĩ thảo lượng vừa đủ, sắc lấy nước ngâm rửa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Chữa chảy máu cam, ho ra máu, nôn ra máu dạ dày: Mào gà đỏ, thiến thảo, Cỏ nhọ nồi (Cỏ mực) đều 15g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
29	Chữa viêm đường tiết niệu: Mào gà đỏ, biển súc, mỗi vị 15g, Thài lài 30g, sắc nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
30	Chữa lỵ bạch đới: Mào gà đỏ, Lát khét (rễ) mỗi vị 15g sắc nước (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Người bị béo phì, u cục tránh dùng

Người có chức năng tiêu hoa kém, ăn không tiêu, sợ lạnh, tay chân lạnh không dùng cây hoa mào gà trắng. Dược liệu này có tính nê trệ, nếu sử dụng sẽ khiến các vấn đề trên thêm trầm trọng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

315. Mồng gà trắng — *Celosia argentea* L., 1753

Đuôi lươn, Dã kê quan, Thanh tương tử

Công dụng: Chữa các chứng bệnh: mắt đỏ sưng đau, kéo màng hoa mắt, mẩn ngứa ngoài da. NHân dân ta dùng làm thuốc cầm máu, chữa chảy máu cam, xích bạch lị, lòi dom, chảy máu tiêu hóa, chảy máu tử cung. Ngoài ra chữa tăng huyết áp, váng đầu.

Tính vị: Hạt có vị đắng, tính hơi hàn

Quy kinh: kinh can

Bộ phận dùng: Hạt - Semen celosiae, thường gọi là Thanh tương tử. Người ta còn dùng toàn cây

Thành phần hóa học: Cây mồng gà đỏ có chứa betanin, anthocyanin và hạt chứa chất béo.

Nguồn gốc	Nguồn gốc cây từ phía đông Ấn Độ nhập sang Việt Nam từ lâu.
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây mồng gà trắng được tìm thấy ở TP. Cà Mau (xã Tắc Vân), huyện Thới Bình (xã Trí Phải, xã Tân Lộc), huyện U Minh (TT. U Minh, xã Khánh Hòa), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	cây mồng gà trắng được tìm thấy người dân trồng và mọc tự nhiên ở trong vườn nhà, ven đường, ven vuông, ven ao, ven sông
Mùa hoa quả	Từ tháng 3 - 5, Từ tháng 8 - 9
Thu hoạch	Hoa và hạt thường được thu hoạch vào tháng 9 – 10 hàng năm khi hạt chín. Cụm non của cây được thu hái vào bất cứ thời điểm nào trong năm.
Chế biến	Khi hạt chín, hái hoa về phơi khô, đập lấy hạt sẩy loại hết tạp chất, phơi lần nữa cho thật khô. Có khi dùng cả hoa.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)

→ **Chi**: Celosia (Mào gà)

→ **Loài**: *C. argentea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,30-1m
Thân cây	Thân mọc thẳng, nhẵn, mang nhiều cành, cao 0,3m - 1m, có thể tới 2m.
Lá cây	Lá mọc so le hình mác, nguyên, đầu nhọn, dài 8cm - 10cm, rộng 2cm - 4cm
Hoa	Cụm hoa lớn xoắn lại thành hình cầu đỏ thắm, loại mộc bút với nhiều màu sắc. Vào mùa hạ và mùa thu ra hoa không có cuống. Mọc thành bông trắng hoặc hơi hồng, dài 3 - 10cm, đồng trưởng.. .
Quả/trái	Quả nang, mở theo hình hộp, trong mang nhiều hạt.
Hạt	Hạt dẹt màu đen, hoặc nâu đỏ, mặt bóng, đường kính khoảng 1mm. Khi nhìn qua kính lúp thấy mặt hạt có những vân và một điểm hõm là rễ, vỏ giòn, dễ vỡ, không mùi, vị nhạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm kết mạc cấp tính, viêm giác mạc, viêm sắc tố mạn tính, huyết áp cao, chảy máu dạ dày ruột, thổ huyết, chảy máu cam, tử cung xuất huyết, ỉa lỏng, lòi dom: Ngày dùng 10-15g hạt, 30-60g toàn cây sắc nước uống. Để cầm máu , thường phối hợp với cúc chỉ thiên, lá huyết dụ, có thể luyện viêm để uống. Dùng ngoài nấu nước rửa không kể liều lượng (Võ Văn Chi, 2012)	x		
2	Chữa ghẻ lở, mẩn ngứa: Dùng 5 – 10g mào gà trắng sắc uống hoặc chế thành thuốc viên. Dùng ngoài da tắm rửa (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
3	Chữa chảy máu cam: Dùng nước Mào gà trắng nhỏ vào mũi.	x		
4	Chữa rong kinh, máu ra nhiều trong kỳ Hành kinh: Lấy hoa mào gà trắng đem sấy khô, tán thành bột. Mỗi ngày 2 lần lấy 6g bột thuốc pha chung với một ít rượu trắng uống khi đói bụng. Có thể thay thế rượu bằng nước ấm (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
5	Điều trị thổ huyết: Dùng cả cây hoa mào gà trắng dạng tươi hoặc khô. Sắc uống ngày 1 nắm (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
6	Chữa chứng tỵ nục (Chảy máu cam hoặc xuất huyết ở mũi): Dùng toàn cây mào gà trắng 30g. Sắc với 500ml lấy 200ml. Gạn thuốc chia uống 3 lần mỗi ngày	x		
7	Chữa huyết lâm: Dùng bông mào gà trắng đốt cháy thành than. Hàng ngày lấy 15 – 20g pha với nước cơm uống (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Chữa huyết lâm: Sắc 15g hoa mào gà trắng lấy nước chia 2 lần uống vào buổi sáng và buổi chiều cho đến khi khỏi bệnh (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
9	Chữa tiểu tiện ra máu, tiểu buốt: Dùng cây mào gà trắng đốt cháy thành than (tồn tính). Hàng ngày lấy 15 – 20g pha với nước cơm uống. Hoặc có thể dùng 15g hoa trắng sắc uống (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
10	Chữa đi cầu ra máu: Dùng bông mào gà trắng cho vào chảo nóng sao tồn tính, tán bột. Mỗi lần uống 6 – 9g x 2- 3 lần/ngày (Hoàng Khánh Toàn, 2021).	x		
11	Chữa kinh nguyệt không đều: Dùng cả hoa mào gà trắng và đỏ mỗi vị 9g. Sắc lấy nước đặc uống	x		
12	Chữa kinh nguyệt không đều: Hoa mào gà đỏ và trắng mỗi loại 10-12g. Nấu với 300 ml nước, sắc còn 100ml, chia 2 lần uống trong ngày.	x		
13	Chữa thai lậu (phụ nữ có thai không đau bụng, thỉnh thoảng ra máu): Hoa mào gà trắng sao cháy, long nhãn 10g. Nấu với 100ml nước và 100ml rượu trắng, sắc còn 100ml, chia 2 lần uống trong ngày (Đinh Công Bảy, 2021).	x		
14	Kinh nguyệt quá nhiều (đa kinh): Hoa mào gà trắng sấy khô tán bột, uống mỗi ngày 2 lần mỗi lần 6g với một chút rượu vang hoặc nước ấm.	x		
15	Chữa mày đay (nốt sần màu trắng): Dùng cả cây mồng gà trắng sắc uống và ngâm rửa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia)	x		
16	Chữa viêm kết mạc cấp tính, đau mắt: Dùng hạt Mào gà trắng, Hoàng cầm, Long đởm, mỗi vị 9g, Cúc hoa trắng 12g, Thục địa 15g, sắc nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia)	x		
17	Chữa đau mắt đỏ sưng đau: Dùng 5g Mào gà trắng, 2g Hoàng liên, 3g Tiền hồ, 3g Thắng ma, 5g Chi tử nhân, 3g Chỉ xác, 4g Huyền sâm, 0,5g Linh đương giác, 8g Cúc hoa, 10g Quyết minh tử, 2g Tần giao, 3g Đại hoàng, 2g Hoàng cầm, 3g Trần bì, 5g Địa cốt bì, 5g Xích thược dược, 5g Xà tiền tử và 5g Cam thảo tán thành bột, uống sau ăn, khi sắp đi nằm nghỉ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Chữa mắt kéo màng, nhìn mờ: Dùng 15g Mào gà trắng và 15g Cốc tinh thảo sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Chữa bệnh mề đay: Lấy 15g bông mào gà trắng, 8g quả thương nhĩ tử và 10 trái hồng táo. Thương nhĩ tử sao vàng, loại bỏ gai. Cho tất cả vào ấm sắc uống ngày 1 thang. Kết hợp lấy mầm non của cây hoa mào gà đỏ nấu nước để rửa ngoài khu vực bị tổn thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Điều trị bệnh đau mắt, viêm kết mạc trong giai đoạn cấp tính: Kết hợp hạt hoa mào gà trắng với đỗ phụ (hoàng cầm), long đởm mỗi loại 9g, địa hoàng thán 15g, hoa cúc trắng 12g. Sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Điều trị thổ huyết: Dùng 6g hoa mào gà trắng sao chung với giấm, giã nhỏ. Uống thuốc chung với nước ấm hoặc chút rượu, mỗi ngày 2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Điều trị thổ huyết: Dùng 15 – 24g hoa mào gà trắng tươi (tương đương 6 – 15g khô) đem nấu chung với phổi lợn trong 60 phút. Chia làm 3 lần dùng trong ngày. Uống nước và ăn cả cái (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Điều trị khạc ra máu: Hầm 15 – 24g hoa mồng gà trắng hầm cùng phổi lợn cho nhừ rồi chia làm 3 lần ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Điều trị khạc ra máu: Lấy hoa mào gà trắng, bá tử nhân, bạch hoa thảo mỗi vị 30g. Sắc uống 1 thang trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Điều trị chứng bạch lỵ: Lấy hoa mào gà trắng sắc chung với 200ml và một ít rượu uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Điều trị bệnh lòi dom chảy máu: Hoa mào gà trắng và hồi thảo liều lượng bằng nhau. Phơi khô, nghiền thành bột mịn rồi vo viên hoàn uống chung với nước cơm. Với kích thước mỗi viên to bằng hạt ngô thì mỗi ngày uống 70 viên. Dùng thuốc khi đói bụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Điều trị bệnh lòi dom chảy máu: Dùng 30g mào gà trắng kết hợp với hồ vương sứ giả và tông lư thán mỗi vị 30g. Tán tất cả thành bột. Mỗi lần sử dụng lấy 6g pha với nước cơm uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Chữa chứng tỵ nục (Chảy máu cam hoặc xuất huyết ở mũi): Chuẩn bị thang thuốc gồm: Hoa mào gà trắng, bá tử nhân, cỏ nhọ nồi mỗi vị 30g. Sắc lấy nước đặc, gạn uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
29	Chữa chứng tỵ nục (Chảy máu cam hoặc xuất huyết ở mũi): Dùng 30g hoa mào gà trắng và 60g rong biển (hải đới). Sắc uống 1 thang mỗi ngày cho đến khi khỏi bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
30	Chữa bệnh cườm nước: Dùng mào gà hoa trắng, mẫu kinh căn và rễ cây ngải cứu mỗi vị 15g. Sắc uống đều đặn mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
31	Điều trị bệnh di tinh, xuất tinh sớm ở nam giới: Mào gà hoa trắng 30g, kim ti thảo và đường quân tử mỗi vị 15g. Dùng thuốc theo dạng sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
32	Trị nổi nhọt độc ở vùng gáy: Bông mào gà, cỏ ngọc, lan nhất điểm hồng mỗi thứ một nắm. Giã nát với một chút đường đỏ rồi lấy bã đắp vào chỗ nốt nhọt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
33	Chữa ra nhiều khí hư: Mào gà bông trắng 15g, cây cỏ nến sao 6g. Lấy 1 thang sắc uống hàng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
34	Chữa ra nhiều khí hư: Tiên hạc thảo, Ô rô cạn, hoa mào gà trắng mỗi vị 9g. Dùng theo hình thức sắc uống, mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
35	Chữa ra nhiều khí hư: Chuẩn bị 30g mào gà hoa trắng và 1 con gà ác cỡ vừa. Gà làm sạch lông, bỏ phủ tạng. Nhét dược liệu vào trong bụng đem hầm chín ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
36	Chữa ra nhiều khí hư: Lấy 21g hoa mào gà trắng, thích lê tử 15g, ngân hạnh 10 quả bỏ hạt. Cho tất cả vào ấm sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
37	Chữa ra nhiều khí hư: Kết hợp các vị hoa mào gà trắng, đại kế căn, long nha thảo mỗi vị 9g. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Người bị béo phì, u cục tránh dùng

Người có chức năng tiêu hoa kém, ăn không tiêu, sợ lạnh, tay chân lạnh không dùng cây hoa mào gà trắng. Dược liệu này có tính nê trệ, nếu sử dụng sẽ khiến các vấn đề trên thêm trầm trọng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

316. Mồng tơi — *Basella alba* L., 1753

Mồng tơi, Lạc qùy, Phiắc păng (Tày), Chàn mau nhây (Dao) , Mùng tơi

Công dụng: Mồng tơi thường được dùng làm thức ăn như rau cho người bị táo bón, người đi đái ít và đỏ, phụ nữ đẻ xong ít sữa. Dùng tươi giã đắp sưng đau vú. Hạt dùng sắc lấy nước rửa chữa đau mắt. Còn dùng tán bột hoà với mật ong bôi lên mặt cho da mặt được mịn màng, hoặc dùng thoa trị rôm sẩy.

Ở Trung Quốc, toàn cây được dùng làm thuốc trị ly, đại tiện bí kết, viêm bàng quang, viêm ruột thừa; dùng ngoài trị gẫy xương, đòn ngã tổn thương, ngoại thương xuất huyết, bỏng lửa.

Công dụng	Ở Ấn Độ, người ta dùng lá trong điều trị bệnh lậu và viêm quy đầu. Dịch lá dùng trị mày đay và trong trường hợp táo bón, nhất là ở trẻ em và phụ nữ có thai. Ở Thái Lan, lá được dùng trị bệnh nấm đốm tròn; hoa dùng trị bệnh nấm lang ben, rễ nhuận tràng và dùng ngoài trị sự biến màu của da tay, chân và dùng trị gàu; quả dùng làm thuốc nhuộm màu thức ăn.
Tính vị	Mồng tơi có tính mát, vị ngọt.
Quy kinh	5 Kinh Tâm, Can, Tỳ, Đại tràng và Tiểu tràng
Thành phần dinh dưỡng	Trong rau mồng tơi có vitamin A3, vitamin B3, chất saponin, chất nhầy và chất sắt. Lá tươi chứa nhiều vitamin (chủ yếu là vitamin A và B); cây chứa protein, calcium, sắt, vitamin, chất nhầy.
Nguồn gốc	Loài cổ nhiệt đới, thường được trồng làm rau ăn.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	cây mồng tơi được tìm thấy người dân trồng và mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven đường, ven vuông, ven sông, ven mương
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thu hái cành lá quanh năm
Chế biến	Thường dùng tươi. Hạt thu hái ở quả chín, phơi khô.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Basellaceae (Mồng tơi)

Chi: Basella (Mồng tơi)

Loài: *B. alba*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hàng năm hay hai năm
Dạng cây	Dây leo quấn
Chiều cao cây	Dây leo có thể dài đến 10 m.
Rễ cây	Rễ chùm mọc sâu trong đất
Thân cây	Thân mọc cuốn, dài 1.50-2m. Thân quấn có phân nhánh, màu xanh nhạt hoặc tím nhạt..
Lá cây	Lá mọc so le, đơn, nguyên, mẫm, có cuống, phiến lá hình trứng, đầu nhọn, phía cuống bằng hay hơi hẹp lại, dài 3-1cm, rộng 2-6cm
Hoa	Cụm hoa hình bông mọc ở kẽ lá, nhỏ, màu trắng hay tím đỏ nhạt. Những bông ở phía trên dài và gầy hơn. Hoa xíp thành bông màu tím nhạt. .
Quả/trái	Quả mọng, nhỏ, hình cầu hoặc trứng, dài khoảng 5–6 mm, màu xanh, khi chín chuyển màu tím đen

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị táo bón, nhức mỏi, giải nhiệt, lợi tiểu, mát cơ thể: Nấu canh với lá mồng tơi ăn	x	x	
2	Chữa táo bón, nóng ruột: Lấy một nắm lá mồng tơi rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt pha thêm một ít nước đun sôi để nguội uống một lần. Sau vài lần uống sẽ đại tiện dễ (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
3	Chữa chảy máu mũi (chảy máu cam) do huyết nhiệt: Mồng tơi tươi giã nát rồi lấy bông thấm vào nước cốt nhét vào lỗ mũi bên chảy máu (Thầy thuốc của bạn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Chữa đinh nhọt: Lá rau mồng tơi tươi, giã nát, đắp vào chỗ bị bệnh, ngày thay thuốc 2 - 3 lần (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
5	Giúp da mịn màng, trị rôm sẩy: Dùng hạt mồng tơi tán bột hòa với nước bôi lên mặt, chỗ rôm sẩy (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
6	Chữa chứng đi tiểu nóng buốt: Khi tiểu tiện thấy nóng buốt và khó lấy một nắm lá mồng tơi cho vào cối sạch giã nát, vắt lấy nước cốt pha thêm một ít nước đun sôi để nguội uống ngày vài lần (Khoa học và Đời sống, 2012).	x		
7	Chữa tiểu tiện không thông, tiểu dắt, tiểu nhỏ giọt (do nhiệt): 100g mồng tơi, sắc nước uống trong ngày thay trà (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
8	Lợi sữa cho phụ nữ sau khi sinh ít sữa: Ăn rau mồng tơi (Thầy thuốc của bạn).	x		
9	Chữa bỏng: Dùng mồng tơi giã nát, lấy nước bôi lên chỗ da bị bỏng (Thầy thuốc của bạn).	x		
10	Chữa chảy máu mũi do huyết nhiệt (dân gian thường gọi là chảy máu cam): Mồng tơi tươi giã nát rồi lấy bông thấm vào nước cốt nhét vào lỗ mũi (Thầy thuốc của bạn).	x		
11	Chữa táo bón, nóng ruột: Lấy lá mồng tơi, lá vông non mỗi thứ 30g, rễ Đinh lăng 20g, củ mài 12g (thái mỏng sao vàng), vừng đen 30g (rang nổ), sắc với 600ml nước còn 300ml. Người lớn chia 2 lần, trẻ em tùy tuổi dùng ít hơn (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
12	Chữa chứng nóng trong người: Nấu canh rau mồng tơi thái nhỏ cùng cua đồng giã nát (lọc bỏ bã) ăn rất tốt (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
13	Chữa sưng trĩ (thể nhẹ): Một nắm lá mồng tơi rửa sạch, giã nát nhuyễn cùng vài hạt muối đắp vào chỗ trĩ sưng, đồng thời ăn thường xuyên canh mồng tơi với cá diếc (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
14	Chữa da không tươi sáng: Rau mồng tơi nấu canh với cá trê vàng, mỗi tuần ăn 1 lần hoặc lấy lá mồng tơi non giã lấy nước cốt, cho vài hạt muối, thoa đều lên mặt vài lần trước khi đi ngủ (Y học Cổ truyền, 2014).	x		
15	Chữa táo bón: Lấy 500g mồng tơi cho mắm muối, tương, giấm nấu thành canh ăn cơm hằng ngày (Y học Cổ truyền, 2014).	x	x	
16	Chữa chứng đại tiện xuất huyết kinh niên: Lấy mồng tơi 30g, gà mái già: 1 con (bỏ đầu, chân, nội tạng) hầm lên ăn. Chú ý khi thịt gà chín mới cho mồng tơi vào, nấu thêm 20 phút bắc ra là ăn được (Y học Cổ truyền, 2008).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Chữa khớp chân tay đau nhức do phong thấp: Mồng tơi cả cây khoảng 100g, móng chân giò 1 cái, hầm với nước và rượu. Ăn trong bữa cơm hằng ngày (Y học Cổ truyền, 2008).	x		
18	Chữa chứng ngực bồn chồn, đầy tức: Mồng tơi 60g sắc lấy nước đặc, hòa thêm chút rượu trắng uống khi nước còn ấm (Y học Cổ truyền, 2008).	x		
19	Cầm máu: Mồng tơi trộn với đường phèn, giã nát, đắp vào chỗ bị thương sẽ giúp (Nguyễn Văn Toàn, 2009)	x		
20	Trị nhức khi bị cá đâm, rắn cắn: Nhai nhuyễn lá Mồng tơi rồi đắp vào vết thương			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Rau mồng tơi tính mát lạnh, vì vậy dùng cẩn thận với người hay bị lạnh bụng, đại tiện lỏng. Để hạn chế lạnh, nên nấu kỹ.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

317. Mù u — *Calophyllum inophyllum* L., 1753

Đồng hồ, Khung tung , Cồng, Hồ đồng

Công dụng: Nhựa mù u dùng bôi làm tăng các chỗ sưng tấy chữa họng sinh Không nuốt được Cam Ranh tẩu mã khối lát và các mụn chèn nhạc không tiêu các mụn nhọt, nhiễm trùng tai có mủ dầu mù u dùng trị ghẻ nấm tóc và các bệnh về da Nói chung chữa viêm dây thần kinh trong bệnh cùi các vết thương cũng dùng bôi trị thấp khớp. Mũ dùng ngoài để làm sẹo để làm sẹo nhất là để nhất là để trị bỏng vỏ cây dùng trị bệnh đau dạ dày và xuất huyết bên trong.

Tính vị: Nhựa Mù u có vị mặn, tính rất lạnh.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hạt, dầu hạt, nhựa cây, rễ lá

Thành phần hóa học	Hạt mù u chứa từ 41-51% dầu, nếu tính nhân không, tỷ lệ có thể tới 73%. Từ dầu thô đó có thể tách ra 71,5% dầu béo và 28,5% nhựa, có loại dầu chứa tới 90,3% dầu béo và 9,7% nhựa. Tỷ trọng 0,910-0,918. Chỉ số xà phòng 188-190. Độ chảy của axit béo 30-38o Nhân hạt chứa 50,2-73% dầu; vỏ hạt chứa (-+) leucocyanidin, vỏ cây chứa 11,9% tanin, acid hữu cơ, saponin triterpen, phytosterol, tinh dầu, coumarin. Mủ của quả có một phần không tan trong cồn gồm các glycerid, và phần tan trong cồn chứa tinh dầu, nhựa và các lacton phức hợp (dẫn xuất coumarin): calophyllolid, mophyllolid, acid calophyllic. Chất calophyllolid có tính chất chống đông máu như các coumarin khác. Lá chứa saponin và acid hydrocyanic
Nguồn gốc	Cây của miền Malaixia, châu Đại dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước) và huyện Thới Bình (xã Tân Lộc, xã Trí Phải, xã Hồ Thị Kỹ) và Thành phố Cà Mau (xã An Xuyên), huyện U Minh (xã Khánh Tiến, thị trấn U Minh), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Khánh Hưng)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường đi, ven ao và trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 2-6, Có quả tháng 10-12
Thu hoạch	Thu hái quả tốt nhất vào lúc cây có 7-10 năm tuổi; quả chín rụng rồi khô vỏ sẽ cho nhiều dầu nhất. Nên thu từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau. Nhựa thu quanh năm Rễ, lá thu hái quanh năm
Chế biến	Hạt dùng tươi hay ép lấy dầu.. Nhựa phơi khô, tán bột Rễ, lá sau khi thu hái đem phơi khô.
Bảo quản	Trường hợp dược liệu đã qua sơ chế khô hay tán bột cần để trong hũ có nắp đậy và bảo quản nơi thông thoáng. Đối với phần dầu cũng cần để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Calophyllaceae (Cồng)

Chi: Calophyllum (Cồng, Mu u, Hồ đồng)

Loài: *C. inophyllum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ
Chiều cao cây	Cây to, cao tới 20 -25 m
Đường kính cây	Đường kính trung bình 30-35cm
Thân cây	Mù u cao chừng 10-15 m, dáng đẹp. Cành non nhẵn, tròn.
Lá cây	Lá mọc đối, mỏng, thon dài, phía cuống hơi thắt lại, đầu lá hơi tù, phiến lá dài 10-17 cm, rộng 5-8 cm, gân rất nhỏ, nhiều, chạy song song và nổi rỗ cả hai mặt lá.
Hoa	Cụm hoa chùm ở nách lá hay ở ngọn cành gồm 5-16 hoa, thường là 9. Hoa khá to, thơm, màu trắng, mọc thành chùm xim ở kẽ lá hay đầu cành . Hoa màu trắng hay vàng cam, có 4 lá đài, 4 cánh hoa, nhiều nhị xếp thành 4-6 bó, bầu một lá noãn với một noãn đính gốc, 1 vòi nhuỵ.
Quả/trái	Quả hạch, hình cầu, đường kính chừng 2,5 cm khi chín có màu vàng nhạt. Vỏ giữa mềm, vỏ quả trong dày, cứng.
Hạt	Hạt có lá mầm chứa rất nhiều dầu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giải độc: Chuẩn bị: Nhựa mù u hoặc 120 gỗ chẻ nhỏ. Nếu là nhựa thì đem hòa trực tiếp với nước sôi ấm. Uống nhiều lần và cố móc họng để nôn hết ra. Còn đối với gỗ thì đem sắc lấy nước uống nhiều lần (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa phong thấp đau xương và thận hư, đau lưng hoặc bị thương đau nhức: Rễ Mù u 40g sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa đau xương khớp do phong thấp, chấn thương, thận hư: Lấy 40g rễ mù u đem dược liệu cho vào ấm sắc chung với 1 thăng nước. Đun trên lửa nhỏ trong 30 phút. Chia lượng thuốc thu được làm 3 lần uống trong ngày, dùng với liều 1 thang/ngày (Y học Cổ truyền).	x		
4	Chữa đau dạ dày: Chuẩn bị: 20g bột vỏ mù u, 14g bột cam thảo, 1g bột quế, tá dược vừa đủ. Các vị thuốc trên đem làm thành 100 viên. Mỗi lần uống 4 viên với tần suất 2 lần/ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
5	Chữa mụn nhọt: lỡ rẻ. Hạt mù u giả nhỏ thêm vôi đun sôi để nguội làm thuốc bôi. Hoặc dầu Mù u trộn với vôi, chưng nong lên để bôi (Võ Văn Chi, 2012).	x		
6	Trị răng chảy máu hay lợi răng tụt xuống, chân răng lộ ra: Rễ Mù u và rễ Câu kỷ (Rau khởi) liều lượng bằng nhau, sắc nước ngậm nhiều lần (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
7	Chữa viêm răng thối loét: Chuẩn bị: Nhựa mù u cùng với bột hoàng đơn. Hai vị thuốc trên đem trộn đều rồi bôi liên tục vào chân răng để ức chế tình trạng viêm (Y học Cổ truyền).	x		
8	Chữa chảy máu răng, lợi tụt xuống: Lấy rễ mù u cùng với rễ câu kỷ với lượng bằng nhau. Cho hết dược liệu vào ấm sắc lấy nước. Dùng nước ngậm nhiều lần trong ngày. Lưu ý ngậm vài phút rồi nhổ ra, tuyệt đối không nuốt (Y học Cổ truyền).	x		
9	Chữa mụn nhọt, ghẻ lở: Chuẩn bị: Hạt mù u giã nhỏ và 1 ít vôi. Các vị thuốc trên cho thêm ít nước đun sôi để nguội làm thuốc bôi trực tiếp lên vùng da tổn thương. Hoặc cũng có thể dùng dầu mù u trộn với vôi rồi chưng lên để bôi (Y học Cổ truyền).	x		
10	Trị thận, trị viêm mũi: Lấy lá và thân cây Mù u (dạng tươi) nấu nước uống.			x
11	Trị đau bao tử: Lấy 6 - 7 lá Mù u cho vào ly, thêm ít muối, đổ nước sôi vào, lắc đều, lấy nước uống. Sau khi uống, uống 1/2 cốc mật ong (chỉ nên uống vào sáng sớm)			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Mù u là dược liệu được ứng dụng khá rộng rãi trong điều trị bệnh nhưng bạn cần cẩn trọng khi dùng nó. Trước khi có ý định áp dụng bất cứ bài thuốc nào từ dược liệu này nên tham khảo kỹ bác sĩ để tránh gặp rủi ro ngoại ý.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

318. Mua — *Melastoma malabathricum* L., 1753

Đỗ quyên Ấn, Đỗ quyên Singapore, Bạch niêm, Dã mẫu đơn, Co nát cắm (Thái), Mua vảy, Mạy nát (Tày), Kiến ông điằng (Dao)

Công dụng: Thuốc thông tiểu, tiêu thủng, sưng lá lách. Lá mua được dùng trị tiêu chảy.

Tính vị: Mua có vị đắng chát, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ và lá

Thành phần hóa học: Lá chứa castalagin.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Đông Dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở 02 huyện là huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước) và huyện Thới Bình (xã Tân Lộc) và Thành phố Cà Mau (xã Tân Thành)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà
Thu hoạch	Thu hái rễ vào mùa thu, Lá thu hái quanh năm
Chế biến	Rửa sạch thái nhỏ, phơi khô dùng, dùng tươi
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

→ **Họ:** Melastomataceae (Mua)

→ **Chi**: Melastoma (Mua)

→ **Loài**: *M. malabathricum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao 1-2 m
Thân cây	Thân non màu nâu đỏ, tiết diện vuông có 4 gờ, nhiều lông cứng dạng vẩy màu hồng mọc áp sát; thân già màu nâu, tiết diện tròn, có các đường nứt chạy dài và lớp vỏ bong ra. Cành non có nhiều lông
Lá cây	Lá mọc đối, hình bầu dục, mặt trên ráp và có lông ngắn, cứng, mặt dưới có nhiều lông mềm. Gân lá nổi rõ ở cả hai mặt
Hoa	Hoa có 5 cánh to màu tím. .
Quả/trái	Quả hình trứng, có lông

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa khó tiêu, viêm ruột, lỵ trực trùng, viêm gan, nôn ra máu, ỉa ra phân đen, đòn ngã tổn thương, tụ máu gây sưng tấy: Dùng rễ Mua 30-60g, sắc nước uống.	x		
2	Trị vết bỏng hoặc vết thương chảy máu: Lấy lá Mua tươi hay khô, sau khi nghiền hoặc tán, có thể đắp lên	x		
3	Chữa mụn nhọt đinh râu: Lá Mua tươi giã hơ nóng đắp	x		
4	Chữa bị thương tụ máu sưng tấy: Lá Mua tươi giã ra, trộn với nước vo gạo đắp. Hoặc giã lá Mua tươi, chế thêm ít giấm, chưng nóng đắp.	x		
5	Chữa lỵ trực trùng: Mua và Thồm lồm, mỗi vị 60g, nấu nước uống.	x		
6	Trị bệnh tiểu đường, nhức mỏi: Lấy thân Mua xắt mỏng, phơi khô, sao thủy thổ, nấu nước uống.			x
7	Trị tắc nghẽn đường hô hấp: Lấy Một nắm thân hoa Mua (đã vạt mỏng, phơi khô) nấu nước uống hằng ngày			x
***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

319. Muối — *Rhus chinensis* Mill., 1768

Sơn muối, Dã sơn, Diêm phu mộc, Ngũ bội tử thụ

Công dụng: Chữa ho, tiêu chảy, lỵ ra máu, lỵ mạn tính, vàng da, thận hư yếu, chảy máu cam, ngộ độc, ra nhiều mồ hôi, nôn ra máu. Ngoài ra, khi sử dụng ở dạng thuốc đắp ngoài da còn giúp trị mụn nhọt hay lở loét.

Tính vị: Rễ có vị chua và mặn, tính mát. Ngũ bội tử có vị chua và chát, tính bình.

Quy kinh: Thận, phế, đại tràng,…

Bộ phận dùng: Rễ, lá và nốt lồi ở lá.

Thành phần hóa học	Acid gallic và tanin là 2 thành phần chính có trong dược liệu cây muối. Phần ngũ bội tử cũng chứa hàm lượng lớn tanin. Ngoài ra dược liệu còn chứa các thành phần khác như: flavon, ethvl galat, phenol, lipid, acid tartric, acid citric, acid moronic, 6 pentadecylsalicylic, betulenic
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở 02 huyện là huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú, xã Tân Hưng Đông) và huyện Thới Bình (xã Tân Lộc, xã Hồ Thị Kỷ)
Sinh cảnh	Cây được cho biết là đa phần mọc tự nhiên ở vườn nhà, ven đường và ven ao
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 7, Tháng 10 đến 11
Thu hoạch	Thu hái ngũ bội tử vào mùa thu. Rễ thu hái quanh năm. Lá thu hái vào hạ thu.
Chế biến	Sau khi thu hái dược liệu, hấp nước sả 3-5 phút rồi phơi khô hoặc hơ nóng trong lửa để diệt sâu rồi phơi hay sấy khô. Rễ và lá có thể được sử dụng ở dạng tươi hay phơi khô đều được.
Bảo quản	Phần dược liệu đã được phơi khô cần bảo quản ở trong túi kín và để nơi thoáng mát để tránh ẩm mốc hay mối mọt.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)

→ **Họ:** Anacardiaceae (Đào lộn hột)

→ **Chi**: Rhus

→ **Loài**: *R. chinensis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 4-10m
Thân cây	Cành non sẽ có lông mềm màu hung phủ bên ngoài.
Lá cây	Lá kép mọc so le, có hình lông chim lẻ, dài khoảng 25 – 40cm. Có từ 9 – 13 lá chét mỏng hình mũi mác, dài khoảng 8 – 10cm và rộng khoảng 4 – 6cm, đầu nhọn, gốc thuôn. Mặt trên lá sỉn màu còn mặt dưới màu nhạt hơn, có gân nổi rõ, mép khía có răng, phần cuống lá có hình trụ. Lá của cây thường bị 1 loại côn trùng châm, đồng thời ấu trùng sâu khiến trên lá xuất hiện những bướu sần sùi, kích thước to nhỏ không đều.
Hoa	Hoa màu trắng, họp thành chùy rộng, nhiều nhánh. Đài hợp có lông và tràng thì có cánh thuôn dài gấp 3 lần đài, phần nhị có chỉ nhị dài.. .
Quả/trái	Quả hạch gần hình tròn, phủ lông ngắn, màu đỏ. về mùa hè, trên chùm quả thường phủ một lớp màu trắng như muối, có vị mặn nhưng chua. có quả chín tháng 10 tới tháng Giêng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa loét lợi và đau răng: Dùng Ngũ bội tử xát xỉa vào chỗ đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa ho lâu ngày, khạc ra máu: Dùng Ngũ bội tử sao tán nhỏ, uống mỗi lần 4g với nước chè vào sau bữa ăn, ngày uống 2-3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa lòi dom, lở loét, vết thương: Rửa bằng dung dịch 5-10% Ngũ bội tử (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa thủy thũng: Vỏ rễ cây Muối 4-8g, nấu nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa đau bụng, đi tiêu lỏng: Chuẩn bị: Ngũ bội tử với lượng tùy ý. Đem tán dược liệu thành bột mịn rồi cho thêm hồ vào để hoàn thành viên bằng hạt đậu xanh. Mỗi ngày uống khoảng 15 – 20 viên cùng với nước ấm pha bạc hà (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa đi lỵ ra máu lâu ngày: Dùng Ngũ bội tử 1 lạng (40g). Phèn phi 5 đồng cân (20g) tán bột viên với hồ, uống với nước cơm mỗi lần 2g đến 8g, ngày uống 2-3 lần (Nam Dược thần hiệu).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa thận hư, thận ứ nước: Chuẩn bị: 20g cây muối, 20g cây nổ, 20g cây mực, 20g cây quýt gai. Các vị thuốc trên đem cho vào ấm sắc chung với khoảng 800ml nước trên lửa nhỏ. Tắt bếp khi lượng thuốc còn 300ml. Chia làm 3 lần uống trong ngày khi thuốc còn ấm nóng. Sử dụng với liều lượng 1 thang mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa chứng trớ ở trẻ em: Chuẩn bị: 3g ngũ bội tử cùng với 20g trích cam thảo. Ngũ bội tử 1 nửa để sống còn 1 nửa đem nướng chín. Tán nhỏ tất cả dược liệu rồi trộn đều. Mỗi lần cho trẻ dùng đúng 2g chiêu với nước cháo hoặc nước cơm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Trị bệnh thần kinh tọa: Lấy gốc cây Muối sao vàng, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Uống hàng ngày, 2 lần/ngày			x
11	Trị thần kinh tọa: Lấy cây nổ (phèn đen), cây Muối (300g), sắc với 3 chén nước đến khi còn 7 phân, uống			x
12	Trị dời: Lấy lá cây Muối (nam 7 lá, nữ 9 lá) nhai, nuốt nước.			x
13	Giải độc: Lấy khoảng 300g cây Muối đã phơi khô, sắc nước uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tùy thuộc vào từng bài thuốc và mục đích sử dụng mà có thể dùng dược liệu cây muối bằng cách sắc lấy nước uống hay dùng đắp ngoài da. Liều lượng được khuyến cáo là khoảng từ 15 – 60g/ngày, có thể điều chỉnh khi kết hợp với các vị thuốc khác vào bài thuốc cụ thể.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

320. Mười giờ — *Portulaca grandiflora* Hook., 1829

Rau sam hoa lớn

Công dụng: Thường dùng ngoài trị đinh nhọt và viêm mủ da, ghẻ ngứa và bỏng, eczema

Tính vị: Có vị chua, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học	Hầu hết các loại hoa mười giờ đều chứa hoạt chất chống oxy hóa, dù cho chúng là loại nào, có màu hoa gì. Đây là kết quả nghiên cứu từ Tạp chí Quốc tế Về thực vật (International Journal of Phytopharmacy). Trong đó, những cây màu cam thành phần hợp chất chống oxy hóa cao nhất. Làm được điều này là nhờ chất acetone và phenolic. Trong các bộ phận thì lá cây chứa nhiều dược tính này nhất.
Nguồn gốc	Gốc ở Brazil
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường đi, ven ao và trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thu hái quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi nắng cho khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Portulacaceae (Rau sam)

→ **Chi**: Portulaca

→ **Loài**: *P. grandiflora*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 10-15cm
Thân cây	Mọc bò, cao 10-15cm, mọng nước, chia nhánh rẽ đôi. Thân mười giờ tròn, mọng nước, có màu hồng nhạt.
Lá cây	Lá hình dải, dài tới 2cm, rộng 2mm, nguyên. Lá mười giờ màu xanh nhạt, có hình dải nhọn, hơi dẹt và căng mọng nước.
Hoa	Hoa mười giờ có nhiều loại với nhiều màu như đỏ, hồng, vàng, tím, trắng.
Quả/trái	Quả hình cầu, đường kính tới 4mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bỏng: Sau khi dùng nước làm mát vết bỏng tức thời, hãy giã nhỏ 1 nắm cây Mười giờ (không cần tính liều lượng) đắp lên vết bỏng, khi cảm thấy nắm lá hết mát thì thay bằng một nắm lá khác (Trần Văn Chiện)	x		
2	Chữa viêm họng: Chuẩn bị 100gr hoa mười giờ, 10gr lá cây rẻ quạt và 100ml nước ấm. Rửa sạch và giã nhỏ hoa mười giờ với lá rẻ quạt. Hòa chung với nước ấm và chắt lấy nước. Ngậm nước vừa chắt một ngày 2-3 lần và dùng liên lục trong 3-5 ngày sẽ có hiệu quả rõ rệt (Nguyễn Thanh Hậu).	x		
3	Chữa Eczema trẻ em, đinh nhọt: Nghiền cây tươi đắp ngoài.	x		
4	Chữa ghẻ lở, ngứa: Dùng thân, lá hoa mười giờ; lá rau sam và lá xoan tươi (mỗi nguyên liệu dùng 100gr). Rửa sạch, giã nát và vắt lấy nước tất cả các vị thuốc trên.Bôi hỗn hợp này lên vết thương 2-3 lần một ngày. Bôi liên tục khoảng 1 tuần sẽ có hiệu quả.	x		
5	Chữa ghẻ lở, ngứa: Dùng 50gr thân, lá hoa mười giờ; 30gr lá táo và 2gr muối ăn. Giã nát hoa mười giờ và lá táo chung với muối và đắp vào vết thương. Một ngày đắp 2 lần, dùng liên tục trong 3-5 ngày vết thương sẽ lành trong thời gian ngắn.	x		
6	Trị ngứa, ghẻ lở: Dùng 50 g cây Mười giờ (cả thân, lá, hoa) kết hợp với 30 g lá cây táo ta, 2g muối ăn giã nhuyễn với nhau rồi đắp vào vùng da bị ngứa, ghẻ lở. Mỗi ngày thực hiện 2 lần, kiên trì từ 3-5 ngày sẽ thấy hiệu quả.	x		
7	Chứng viêm họng: Chuẩn bị 100g hoa mười giờ, 10g lá cây rẻ quạt 100ml nước sôi còn nóng. Hoa mười giờ và lá cây rẻ quạt rửa sạch, giã nhỏ. Cho nước sôi vào hoà đều rồi chắt lấy nước. Lấy nước, ngậm đều mỗi ngày 2 - 3 lần, dùng liên tục trong vòng 3 - 5 ngày sẽ thấy ngay hiệu	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	quả tốt			
8	Chữa ghẻ, lở, ngứa; Nguyên liệu: 100g thân, lá hoa mười giờ, 100g lá rau sam, 100g lá xoan tươi. Lấy hoa mười giờ, lá rau sam lá xoan tươi rửa sạch, giã nát rồi vắt lấy nước. Ngày 2 - 3 lần lấy hỗn hợp này bôi vào vùng tổn thương, kiên trì bôi liên tục khoảng một tuần là thấy ngay hiệu quả.	x		
9	Trị ho: Lấy 6 - 7 bông Mười giờ, một ít đường cát, chưng cách thủy, lấy nước uống			x
10	Trị tức lối (bị té hoặc bị đánh): Lấy một nắm cây Mười giờ thêm ít muối, đâm, vắt lấy nước uống.			x
Lưu ý khi sử dụng*: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.				

321. Muồng trâu — *Senna alata* (L.) Roxb

Muồng lác, Cây lác, Tâng hét, Cây lác, Muồng xức lác

Công dụng: Lá dùng trị viêm da thần kinh, hắc lào, thấp sang, ngứa lở người da, mụn nhọt sưng lở. Hạt trị giun đũa (Y Dược học Việt Nam, nd; Võ Văn Chi, 2012) Chữa chứng táo bón, nhiều đờm, phù thũng, đau gan, da vàng. Dùng ngoài chữa hắc lào, viêm da thần kinh, thấp chẩn.

Tính vị: Các bộ phận của cây có vị hơi đắng, mùi hăng hắc, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, quả, thân, hạt

Thành phần hóa học	Trong lá, quả và rễ đều có chứa các dẫn chất anthraquinon. Có hàm lượng 0,15-0,20% ở lá, 1,5-2% ở quả. Trong lá có chrysophanol, aloe emodin, rheine emodin; có flavonoid là kaempferol. Ngoài ra còn có một steroid là sitosterol trong rễ cây.
Nguồn gốc	Muồng trâu có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới châu Mỹ, sau lan rộng ra các vùng khác tạo thành loài liên nhiệt đới
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Ngọc Hiển và huyện Phú Tân thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường đi, ven sông, ven ao và trong vườn nhà
Thu hoạch	Thu hái lá và thân vào mùa hạ thu, trước khi cây ra hoa. Quả được thu hái vào tháng 10 – 12 hằng năm.
Chế biến	Hái lấy lá, phơi âm can, hoặc sấy nhẹ hay sao đến khô. Quả dùng tươi hoặc có thể phơi khô để dùng dần.
Bảo quản	Dược liệu cần nơi khô thoáng, tránh ẩm và ánh nắng trực tiếp

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Senna
        - **Loài**: *S.alata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ mềm
Chiều cao cây	Cây nhỏ cao chừng 1,5m hay hơn
Đường kính cây	Cây có đường kính 10 - 12cm hoặc hơn
Thân cây	Nhánh nằm ngang có lông mịn
Lá cây	Lá kép lông chim chẵn, dài 30 - 40cm, có 8 - 14 đôi lá chét. Lá chét hình trứng, gốc và đỉnh lá đều tròn. Đôi lá chét đầu tiên (phía cuống) nhỏ nhất và cách đôi lá chét thứ hai một quãng hơi xa hơn so với quãng cách giữa các đôi lá chét sau. Lá chét trên cùng có thể dài đến 12 - 14cm, rộng 5 - 6cm.
Hoa	Cụm hoa thành chùm ở nách lá, đầy hoa, 20-50 x3-4 cm. Hoa có cuống ngắn, lá dài không đều nhau, thuôn, 10-20 x 6- 7 mm; cánh hoa màu vàng bóng , xoan- tròn tới hihf bay, có móng nắng, 2 x1-1.5m, nhị 10, có 3 cỡ, mà 2 cái lớn hơn có chỉ nhị dài 4mm và bao phấn 12- 13mm, bầu và vòi đều nhẵn. .
Quả/trái	Qủa đậu dày, dẹp, có cánh, không lông, chia đốt, dài 10-15cm, rộng 1.5-
Hạt	Hạt khoảng 50, dẹp, hình quả trá.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị táo bón: Lá muồng trâu 20g, đun với 1 lít nước. Uống 1 cốc trước khi đi ngủ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x	x	
2	Chữa viêm họng: Dung dịch nước ép lá nghiền nát, lọc và pha loãng, là một chất nước dùng để súc miệng trị đau cổ viêm họng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Chữa viêm họng: Một lượng lá tươi vừa đủ, nghiền, ép lấy nước và pha loãng. Dùng nước này để súc miệng hằng ngày nhằm giảm đau và ngứa rát cổ họng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa lang ben: Lấy 1 nắm lá muồng trâu và 1 ít muối đun sôi lá cùng với muối, sau đó dùng nước tắm 1 lần/ ngày. Hoặc có thể giã nát lá và đắp lên vùng da bị bệnh 2 – 3 lần/ ngày cho đến khi khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa thấp khớp: Muồng trâu 40g, Vòi voi 30 g, Tang ký sinh, Quế chi, Dứa dại, dễ Cỏ xước, mỗi vị 20g. Sắc uống ngày 1 thang trong 7-10 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Chữa viêm thần kinh tọa: Muồng trâu 24g, cây lức 20g, Thần thông, rễ Nhàu, Kiến cò, mỗi vị 12g, Đỗ trọng 8g. Sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Xổ giun đũa: Dùng 20g lá muồng trâu sắc lấy uống đồng thời ăn kèm với 10-15 hạt trâm bầu (trẻ em dùng 5-10 hạt) đã nướng qua (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
8	Chữa mày đay, mẩn ngứa: Lá muồng trâu 16g, Bèo cái tía tươi 100g. Sắc uống ngày 2 lần (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
9	Chữa mày đay, mặt nổi mụn hoặc nám da do gan bị nhiễm độc: Lá Muồng trâu 10g, Ké đầu ngựa 12g, Rau má 15g, Cam thảo đất 12g, Rau sam 12g, Bù ngót 10g, Hà thủ ô 15g, Cam thảo dây 12g, Đậu săng 8g, Nhân trần 10g, Khổ sâm 10g, Rau đắng đất 12g, lá Mã đề 10g. Sắc uống ngày 1 thang (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
10	Chữa hắc lào:Lá muồng trâu tươi giã nát, lấy nước bôi thêm ít muối hoặc dịch quả chanh. Nếu muốn có tác dụng càng mạnh hơn, lấy lá muồng trâu đem nghiền nát. Đổ vào đó nước đun sôi có pha natri fluorid, để yên trong 24h, rồi lọc qua vải. Thêm vào bã ít cồn 900, ngâm 24h rồi ép lấy cồn. Hợp cả cồn và nước lại, có tới độ cao mềm. Cao này có thể bảo quản không bị mốc do có natri fluorid. Có thể chế thuốc 1/5 từ cao (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
11	Chữa thấp khớp: Muồng trâu 40g, Vòi voi 30 g, Tang ký sinh, Quế chi, Dứa dại, dễ Cỏ xước, mỗi vị 20g. Sắc uống ngày 1 thang trong 7-10 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa viêm thần kinh tọa: Muồng trâu 24g, cây lức 20g, Thần thông, rễ Nhàu, Kiến cò, mỗi vị 12g, Đỗ trọng 8g. Sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Chữa ban trái (ban chẩn): Lá Muồng trâu 8g, Hương bài 10g, đọt Tre non, Ké đầu ngựa, Mùi tàu, cây Lức. mỗi vị 8g, Mức hoa trắng 6g, vỏ Quýt 4g, Đăng tâm 2g, sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa đại tiện khó khăn do nhiệt: Đại hoàng 4 – 6g, chút chít và muồng trâu mỗi thứ 20g. Sắc uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa táo bón nặng: Ngọn cam thảo dây non 40g và rễ muồng trâu 20g. Rửa sạch các nguyên liệu, sau đó đâm nhuyễn, hòa thêm nước sôi vào để nguội. Dùng nước chia thành 2 lần dùng và uống hết trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Trị táo bón, đau lưng nhức mỏi: Lấy 0,5kg rễ Muồng trâu xắt mỏng, phơi khô, thêm 1 lít rượu, ngâm, uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Trị táo bón, mát gan: Lấy cả cây Muồng trâu chặt thành khúc nhỏ, nấu nước uống hàng ngày			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

- Phụ nữ có thai không nên dùng.

- Muồng trâu có tác dụng nhuận tràng do đó có thể gây tiêu chảy khi dùng cho người có tỳ hư hàn (đau bụng đi ngoài, lạnh bụng).

- Không nên dùng dược liệu trong một thời gian dài.

- Hợp chất trong cây muồng trâu có thể tương tác với một số viên uống và thuốc điều trị. Vì vậy nên tham khảo ý kiến bác sĩ nếu có ý định phối hợp.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

322. Mướp *Luffa cylindrica* (L.) M.Roem., 1846

Ty qua, Ve (Tày), Mướp ta, Mướp hương, Mướp gối

Công dụng: Quả Mướp thường dùng ăn chữa được chứng đậu sởi, khỏi lở sưng đau nhức, lại kích thích sự tiết sữa ở các bà mẹ đang nuôi con và tăng cường sự tuần hoàn. Xơ Mướp thường dùng trị gân cốt đau nhức, đau mình mẩy ngực sườn, bế kinh, sữa chảy không thông, viêm tuyến sữa, thuỷ thũng. Lá dùng trị ho gà, ho, nắng nóng miệng khát; dùng ngoài trị vết thương chảy máu ghẻ lở, bệnh mụn. Hạt dùng trị ho nhiều đờm, giun đũa, đái khó. Dây Mướp dùng trị đau lưng, ho, viêm mũi, viêm nhánh khí quản. Rễ dùng trị viêm mũi, viêm các xoang phụ của mũi.

Tính vị	Xơ Mướp có vị ngọt, tính bình Lá Mướp có vị đắng, chua, hơi hàn. Hạt Mướp có vị hơi ngọt, tính bình. Dây Mướp có vị ngọt, tính bình Rễ Mướp có vị ngọt, tính bình. Quả Mướp có vị ngọt, tính mát.
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Xơ mướp (retinervus Luffae Fructus), thường gọi là Ty qua lạc, Quả tươi (Fructus Luffae), thường gọi là Sinh ty qua. Lá, dây, rễ, hạt cũng được dùng.
Thành phần hóa học	Quả chứa chất đắng, saponin, chất nhầy, xylan, mannan, galactan, lignin, mỡ, protein 1,5%. Trong quả tươi có nhiều choline, phytin, các acid amin tự do: lysin, arginin, acid aspartic, glycin, threonin, acid glutamic, alanin, tryptophan, phenylalanin và leucin.Quả, lá và cành chứa các Saponin triterpen có tên chung là luciosid. Ngoài ra, quả còn chứa chất đắng , chất nhầy, xylan, mannan, galactan, lignin, mỡ, protein 1,5 %. Trong quả tươi có nhiều choline, phytin, các acid amin tự do: lysin, arginin, acid aspartic, glycin, threonin, acid glutamic, alanin, tryptophan, phenylalanin và leucin. Dầu hạt mướp có khoảng 35,5% các acid chủ yếu là palmitic, stearic, oleic, linoleic, trong đó acid linoleic chiếm 50 – 70%. Rễ mướp chứa nhiều vitamin B và C muối khoáng (nitrat kali), các men ribonuclease và acid bryonilic. Hoa mướp cái có β sitosterol, apigenin và acid oleanolic
Nguồn gốc	Mướp là cây bản địa của Bắc Phi.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 5-10, Tháng 5-10
Chế biến	Thường ăn quả còn non, dùng nấu canh hay xào ăn. Nếu đã già quả có nhiều xơ, thì ta loại bỏ vỏ ngoài và hạt, chỉ dùng xơ Mướp

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Cucurbitaceae (Bầu bí)

Họ: Cucurbitaceae (Bầu bí)

Chi: Luffa (Mướp)

Loài: *L. cylindrica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Dây leo bằng tua cuốn
Thân cây	Thân có màu xanh lục nhạt, tiết diện đa giác, có 5 gân dọc, rải rác có lông ngắn màu trắng. Cây phân nhánh, thường 4-5 nhánh; tua cuốn màu xanh lục nhạt có tiết diện đa giác, có lông ngắn màu trắng, mặt trên có rãnh ở giữa
Lá cây	Lá đơn, mọc cách. Phiến lá hình trái xoan, đáy hình tim, dài 8-16 cm, rộng 7-20 cm, xẻ 5-7 thùy cạn theo kiểu chân vịt, thùy có dạng tam giác đỉnh có mũi nhọn, thùy giữa to hơn các thùy còn lại; mép lá có răng cưa. Lá màu xanh lục đậm ở mặt trên, nhạt ở mặt dưới, ở 2 mặt phủ đầy lông nhám màu trắng. Gân lá chân vịt với 5-7 gân chính nổi rõ ở mặt dưới, gân phụ tạo thành hình mạng. Ở nách lá có hệ thống đặc biệt, gồm có: 1 hoa cái riêng lẻ; 1 cụm hoa đực dạng chùm gồm 12-20 hoa; 1 tua cuốn phân nhánh; 1 vảy cứng màu xanh lục, kích thước 0,5-0,8 cm x 0,5-0,8 cm, mặt dưới có nhiều đốm tuyến tròn màu xanh lục đậm
Hoa	Mướp là loại cây có hoa đơn tính, các hoa đực tập hợp thành chùm dạng chùy, các hoa cái thì mọc đơn độc.. . Hoa đực tập hợp thành chùm dạng thùy. Cuống hoa có tiết diện đa giác, màu xanh lục, dài 0,8-1,3 cm, phủ đầy lông tơ màu trắng, trên cuống có khớp cách đài hoa 0,5 cm, đoạn khớp có màu nhạt hơn. Lá bắc dạng vảy hình bầu dục màu xanh lục, kích thước 0,5 x 0. Hoa cái mọc đơn độc. Cuống hoa hình trụ, màu xanh lục, có ít lông ngắn, dài 5-15 cm. Lá đài 5-6, đều, màu xanh lục, có ít lông tơ trắng; ống đài cao 0,1 cm; 5-6 thùy hình tam giác cao 1,5 cm, rộng 0,5-1 cm, mỗi thùy có 3 gân dọc, mặt dưới có nhiều đốm tuy
Quả/trái	Qủa dài 25-30cm hay hơn, rộng 6-8cm hình trụ thuôn, khi già thì khô, bên
Hạt	Hạt hình trứng, 2 đầu tròn, màu đen, dài 1-1,2 cm, có rìa
Mùi hương	Mướp có mùi thơm ngát ngay cả khi còn sống

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đại tiện ra máu do trĩ: Nếu dùng hoa mướp, người bị trĩ chỉ cần dùng 30g hoa mướp nấu thành nước uống, uống mỗi ngày 1 lần. Đơn giản hơn, người bị trĩ có thể dùng mướp tươi nấu canh cùng thịt lợn nạc ăn hàng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Chữa viêm họng: Lá mướp hương rửa sạch, giã nhỏ với ít muối, thêm nước, gạn uống làm một lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Chữa ho, hen kéo dài: Lá mướp hương 15g nấu nước uống hoặc chế biến dưới dạng cao lỏng 1/1, mỗi lần uống 0,5ml (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Trị đau nhức thần kinh: Lấy nước mướp hâm nóng xong uống, lượng dùng dựa theo triệu chứng bệnh nặng nhẹ để định đoạt, mỗi ngày khoảng 100ml hoặc dùng lá mướp xay nhuyễn thành nước bôi lên chỗ đau cũng có hiệu nghiệm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Điều hòa kinh nguyệt Dùng 1 quả mướp khô đốt tồn tính, tán bột, uống ngày 10g vào lúc sáng sớm đói bụng có tác dụng điều hòa kinh nguyệt. Mỗi liệu trình 10 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
6	Trị nước ăn chân, dời leo: dùng lá mướp vò nát, xát lên chỗ ngứa (Thế giới Đông y, 2015)	x	x	
7	Chữa trẻ em lở đầu: Dùng lá mướp giã nhỏ vắt lấy nước cốt tẩm vào (Thế giới Đông y, 2015)	x		
8	Chữa đau cổ, viêm họng: Dung dịch nước ép lá nghiền nát, lọc và pha loãng, là một chất nước dùng để súc miệng trị đau cổ viêm họng rất hiệu quả (Võ Văn Chi, 2012)	x		
9	Trị ho cấp tính và mạn tính, nhiều đờm, đờm dính máu: Hằng ngày dùng lá mướp 10 – 15g, sắc uống; hoặc lấy lá tươi, rửa sạch, thêm chút muối ăn, giã nát, vắt lấy nước uống, trị viêm họng, họng sưng đau.	x		
10	Chữa bệnh thở khò khè: Mướp tươi non 250g, thái thành đoạn nhỏ, luộc lấy nước, ăn cả nước lẫn cái như một món ăn trong bữa cơm thường ngày (Tuổi trẻ, 2017).	x		
11	Trừ đờm, trị ho, hen, khó thở: Dùng quả non, khi quả ra được khoảng 20 ngày, hái về thái mỏng, sao vàng, sắc uống trong ngày (Phạm Xuân Sinh, 2011).	x		
12	Trị phế ung, viêm mũi, viêm xoang, ho: Rễ mướp ngày 15 – 30g dưới dạng sao vàng, sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần. Uống nhiều ngày tới khi các triệu chứng thuyên giảm.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị bệnh viêm mũi mạn tính, viêm xương cuống mũi: Lấy thân cây mướp đem phơi khô, cắt thành từng đoạn 3 – 5cm, sao vàng, nghiền thành bột mịn uống với nước sôi để nguội, ngày 2 – 3 lần, mỗi lần 8 – 12g, có tác dụng thông mũi (Phạm Xuân Sinh, 2011).	x		
14	Trị viêm xoang, viêm mũi, mũi ngứa, chảy nước mũi, nước mũi có mùi hôi, tanh: Lấy gốc cây mướp, sau khi rửa sạch, cạo bỏ lớp vỏ bên ngoài, thái nhỏ, sao vàng, sắc uống có tác dụng tiêu viêm (Phạm Xuân Sinh, 2011).	x		
15	Chữa nứt nẻ đầu vú, chảy máu chân răng: Lá mướp phơi khô, đốt tồn tính, tán bột mịn, hoà với dầu vừng, bôi chữa nứt nẻ đầu vú, chảy máu chân răng (Phạm Xuân Sinh, 2011).	x		
16	Trị đau tức sườn ngực, đau cơ: Lấy xơ mướp, cắt thành từng đoạn 1 – 2cm, sao vàng, nghiền thành bột mịn, uống ngày 2 – 3 lần, mỗi lần 8 – 10g, có tác dụng thông kinh, hoạt lạc, trừ phong thấp, lợi tiểu, giải độc (Phạm Xuân Sinh, 2011).	x		
17	Chữa lở đầu, mẩn ngứa: Lá mướp để tươi, giã nát, lọc lấy nước bôi chữa lở đầu, mẩn ngứa.	x		
18	Cầm máu, giảm đau: Xơ mướp đem sao đen, sao tới khi toàn bộ phía ngoài có màu đen, bên trong vẫn còn màu vàng (sao tồn tính), tán thành bột mịn, uống với nước ấm, ngày 2 – 3 lần, mỗi lần 4 – 8g	x		
19	Trị mụn nhọt, vết thương: Lấy lá mướp bánh tẻ, rửa sạch, giã nát, đắp lên mụn nhọt hoặc lên vết thương để tiêu viêm, tiêu sưng.	x		
20	Chữa nước ăn chân: Lá mướp nướng, vò nát, xát lại chữa nước ăn chân (Thế giới Đông y, 2015).	x		
21	Chữa sốt cao, đau đầu Hoa mướp 20g, hạt đậu xanh 100g. Đậu xanh để cả vỏ, ninh nhừ rồi lấy khoảng 400ml nước cốt. Vớt xác đậu xanh ra, cho hoa mướp đã thái nhỏ vào, đun sôi trong 5-10 phút. Để nguội. Chắt lấy nước uống làm 2-3 lần trong ngày (Huỳnh Thanh Ân, 2013).	x		
22	Điều trị huyết áp Mướp tươi 300g, táo ta 200g, chanh 50g, đường phèn lượng vừa đủ. Mướp và táo gọt vỏ, rửa sạch, thái vụn, ép lấy nước, hòa với nước chanh và đường phèn, dùng làm nước giải khát trong ngày. Mỗi liệu trình 10 ngày (Đình Thuấn, 2018).	x		
23	Trị vết loét lâu bồi: dùng lá mướp khô đốt tồn tính, tán bột mịn, rắc lên vết thương ngày 1 – 2 lần (sau khi đã rửa vết thương bằng nước muối sinh lý 9%). Phối hợp với bột Nghệ vàng dùng rắc lên vết thương đang lên da non cũng tốt (Thế giới Đông y, 2015)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Chữa viêm khí quản, bị ho có đờm đặc mủ vàng trẻ con bị ho gà: Mướp tươi để cả vỏ rửa sạch, giã nát lấy 40 ml nước, hòa trộn với 10ml mật ong, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 20 – 30ml.	x		
25	Chữa tắc tia sữa: Xơ mướp 1 cái, gai bồ kết 10 cái, Hành tươi hoặc phơi khô 1 củ. Tất cả băm nhỏ, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm 2 lần trong ngày. Dùng 2 – 3 ngày. Kết hợp xoa nắn vú cho thông tia sữa.	x		
26	Thuốc tăng tiết sữa và hoạt huyết: Quả mướp non nấu với chân giò hoặc móng giò lợn.	x		
27	Làm thông sữa: Dùng lượng mướp vừa phải, nướng tồn tính, nghiền vụn, uống 3 – 6g với chút rượu. Sau khi uống, lấy chăn đắp lên người, làm cho toàn thân rớm chút mồ hôi là được. Tất cả những phụ nữ sau khi sinh con bị tắc ống dẫn sữa không uống nước sữa, đều có thể thông sữa bằng cách này.	x		
28	Chữa kinh nguyệt không thông: Quả mướp phơi khô, đốt tồn tính, tán bột, lấy 8 – 16g trộn với tiết vịt trắng và ít rượu, uống vào sáng sớm lúc đói.	x		
29	Chữa bế kinh: Xơ mướp đốt tồn tính, tán nhỏ, trộn với tiết chim bồ câu trắng hoàn viên, rồi phơi khô, tán nhỏ. Mỗi lần uống 8g với rượu vào lúc đói.	x		
30	Chữa băng huyết: Đài tồn tại của quả mướp 2 cái, lá huyết dụ 3 lá, rễ cỏ tranh 20g, rễ cỏ giày 20g, thái nhỏ, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống trong ngày.	x		
31	Chữa sốt cao, đau đầu: Hoa mướp 20g, hạt đậu xanh 100g. Đậu xanh để cả vỏ, nấu nhừ chắt lấy nước rồi cho hoa mướp đã thái nhỏ vào, đun sôi trong 5 phút. Để nguội. Uống làm 2-3 lần trong ngày.	x		
32	Chữa đau lưng, đau hông do thấp nhiệt: Thân cây mướp 30g, phối hợp với xa tiền tử 30g, hổ trượng 15g, hoàng bá 10g, sắc nước uống ngày 1 thang.	x		
33	Chữa đau lưng: Vỏ quả mướp già (chưa thành xơ), hạt gấc, hạt trám, đốt thành than, trộn với mỡ lợn, bôi ngày vài lần chữa mụn nhọt. Hoặc dùng bài: hạt mướp già 10g sao vàng, sắc nước uống.	x		
34	Chữa tiểu tiện ra máu, cảm nhiễm đường niệu: Quả mướp 250g, dùng cả cuống và vỏ, bổ ra, cho nước nấu thành 400ml nước, để nguội, cho lượng mật ong vừa phải vào uống thay nước giải khát trong ngày.	x		
35	Dùng trị trĩ ra máu, đại tiện ra máu, xuất huyết tử cung: Ngoài ra để thúc sởi chóng mọc, dùng xơ mướp 20g; kinh giới, bạch chỉ, kim ngân, mỗi thứ 12g; Cỏ mần trầu 8g; cam	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	thảo 4g. Sắc uống, ngày 1 thang chia 2 lần.			
36	Chữa phù thũng: Lá mướp hương 15g, cây cứt lợn 10g. Tất cả thái nhỏ, phơi khô, sắc với 200ml nước còn 50ml, uống làm 1 lần trong ngày. Dùng 5 – 7 ngày.	x		
37	Hỗ trợ điều trị tăng huyết áp: Quả mướp tươi 300g, táo ta 200g, chanh 50g, đường phèn lượng vừa đủ. Mướp và táo gọt vỏ, rửa sạch, thái vụn, ép lấy nước, hòa với nước chanh và đường phèn, dùng làm nước giải khát trong ngày. Mỗi liệu trình 10 ngày.	x		
38	Trị ban ở trẻ em: Trùn cơm (đào để nguyên) trái mướp xẻ ra dồn trùn vô, nướng lấy nước uống			x
39	Trị sạn thận: Lấy 1 đoạn xơ Mướp khoảng 10 cm, bỏ hạt, lấy tro ngâm nước nóng, đợi lóng trong rồi lấy nước uống. Nửa tháng uống 1 lần.			x
40	Trị sạn thận: Lấy một trái xơ Mướp nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống sáng chiều, uống liên tục			x
41	Trị rong kinh: Lấy mướp già (lấy xơ bỏ hạt), Cỏ nước mặn nấu nước uống			x
42	Giải nhiệt: Lấy mướp nấu canh với tôm, thịt, ăn			x

Lưu ý khi sử dụng:

Mướp chữa bệnh cần sử dụng theo chỉ định của bác sĩ.

Những bài thuốc trên chỉ là bài thuốc dân gian, chưa có cơ sở khoa học nên không nên quá lạm dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

323. Mướp gai — *Lasia spinosa* (L.) Thwaites, 1864

Móp gai, Ráy gai, Chóc gai, Móp gai, Mác gai, Sơn thục gai, Khoai sọ gai

Công dụng: Mớp gai thân rễ dùng để chữa viêm thận phù thũng, đau nhức các khớp xương đầu gối xuống bàn chân, đa nhức lưng, đau nhức đầu táo bón, các bệnh về gan nhẹ, xơ gan cổ chứng. Dùng để chữa ho và viêm họng, di chứng sốt rét, mun ở mặt, ngứa ở ngoài da. Liều dungf12-16g, dạng thuốc sắc.

Tính vị: Vị đắng chát, cay, tính mát, có ít độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Người ta thường lấy củ làm thuốc

Thành phần hóa học: Toàn cây chứa saponin triterpen; thân rễ chứa nhiều tinh bột

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Á.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là huyện U Minh (thị trấn U Minh) và huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Phong Lạc), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân).
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà và vương thuốc nam
Mùa hoa quả	Ra hoa mùa xuân hè., Kết quả mùa xuân hè.
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Thân rễ mang về, rửa sạch, phơi khô. Khi dùng, ngâm nước phèn và Gừng, sau đó đồ mềm, thái mỏng, sao vàng.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Alismatales (Trạch tả)
    - **Họ:** Araceae (Ráy)
      - **Chi**: Lasia
        - **Loài**: *L. spinosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân rễ có gai.
Lá cây	Lá hình mũi tên về sau xẻ lông chim, có khi đa dạng; cuống lá có bẹ
Hoa	Cụm hoa không phân nhánh, có mo dài bao lại, phần gốc mở ra còn phần trên khép kín. Trục hoa hình trụ, ngắn hơn mo nhiều.. Hoa nhiều, tất cả đều lưỡng tính. Bao hoa gồm 4-6 mảnh, bộ nhị gồm 4-6 nhị có chỉ nhị ngắn, bầu 1 ô có chứa 1 noãn treo.
Quả/trái	Quả mọng hình trứng vuông, có gai ngắn rậm ở đỉnh; hạt dẹp.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ho và viêm họng, di chứng sốt rét, mun ở mặt, ngứa ở ngoài da, gan: Dùng 12-16g thân rễ Móp gai, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa ung nhọt, sưng quai bị: Ráy gai tươi cả rễ củ cọng lá giã nhuyễn đắp (Quảng Tây bản thảo tuyển biên).	x		
3	Thanh nhiệt, giải độc: Củ móp gai rửa sạch, xắt mỏng, phơi khô rồi đem sao thủ thổ, dùng một nhúm nấu nước sôi, uống như nước trà (theo kinh nghiệm dân gian vùng Đồng Tháp Mười).	x		
4	Trị nám mặt do độc trong gan: Củ móp gai tươi thái mỏng, đổ nước vào nồi ngập xâm xấp, đun sôi rồi để nguội, dùng nước để uống như nước trà, uống liên tục trong nhiều ngày. Có thể dùng xác đã nấu để nấu lại lần hai (theo kinh nghiệm dân gian vùng Đồng Tháp Mười).	x		
5	Chữa trẻ nhỏ da lở loét do thai độc: Lấy cây ráy gai nấu nước rửa, sau rắc bột thân rễ lên chỗ da bị bệnh, rất hiệu quả (Hoàng Xuân Đại, 2018).	x		
6	Chữa lở ngứa ngoài da: Dùng cả cây móp gai hoặc phần thân rễ nấu nước tắm rửa rất hiệu quả. Ngày 1 lần (Hoàng Xuân Đại, 2016).	x		
7	Chữa tê thấp, bàn chân tê buốt: Ráy gai, Cẩu tích, Huyết đằng, Kim cang, Ngưu tất, mỗi vị 12g. Sắc nước hoặc ngâm rượu uống (Hoàng Xuân Đại, 2016).	x		
8	Chữa thiên trụy (sa dái, thoát vị bẹn): Ráy gai 12g, Hạt vải 10g, Lá trâu cổ 10g. Sắc với 400ml nước, còn 100ml, chia làm 2 lần, uống trong ngày (Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam).	x		
9	Chữa bạch đới, thống kinh, viêm thận, tiểu đục: Ráy gai (toàn cây) 9-15g, sắc thuốc thang uống hoặc hầm với xương heo dùng (Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Chữa đau khớp do phong thấp, tổn thương do té ngã: Ráy gai (toàn cây) 9-15g sắc uống hoặc dùng 60g ngâm trong nửa lít rượu, vừa uống trong vừa xoa ngoài (Quảng Tây bản thảo tuyển biên).	x		
11	Trị viêm gan siêu vi B: Ráy gai khô 20g, Diệp hạ châu (Chó đẻ thân xanh) 20g (tươi 40g), Cỏ mực 20g, Bạch hoa xà thiệt thảo (Cỏ lưỡi rắn) 20g, Bán chi liên (hoặc Xuyên tâm liên) 12g, Mã đề 20g, nấm Linh chi xay, tán mịn 12g. Dược diệu khô, rửa sạch, chặt nhỏ, thêm bột Linh chi và 2 lít nước, nấu sôi 30 phút, chắt ra chai uống thay nước trà trong ngày. Dùng 3 tháng trở lên (Tạp chí Thuốc & Sức khỏe số 381, tr.16).	x		
12	Chữa viêm gan, xơ gan: Dùng 30g thân rễ ráy gai khô (tươi khoảng 100g); trái dứa dại khô 30g (tươi 100g); Chó đẻ răng cưa khô 10g (tươi 30g). Cho các vị vào nấu với 2.000ml nước, đun nhỏ lửa khi nước còn 300ml thì chắt ra. Chia 3 lần uống trong ngày rất hiệu quả (theo dân gian dùng tươi tốt hơn hẳn khô) (Hoàng Xuân Đại, 2018).	x		
13	Chữa vàng da, suy gan: Dùng 12 – 16g Ráy gai, sắc uống trước mỗi bữa ăn chính khoảng 2 tiếng, dùng từ 2 – 3 lần/ ngày. Để tăng hiệu quả cho bài thuốc, có thể cân nhắc dùng phối hợp Nghệ vàng với Ráy gai, sắc dùng 1 thang mỗi ngày, liên tục trong 3 – 4 ngày. Đồng thời cũng có thể bổ Sung một số vị thuốc khác như Nhân trần, diệp hạ châu – mỗi vị 12 g, dùng liên tục trong 3 – 4 tuần cho đến khi triệu chứng bệnh thuyên giảm (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
14	Trị đau gối, đau lưng, đau xương khớp: Ráy gai, Ngưu tất, Ngũ gia bì, Cẩu tích, Bạch thược, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Trần bì, mỗi vị dùng 20g. Ngâm tất cả với rượu làm thuốc (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
15	Trị ho do phế nhiệt, nước tiểu đậm màu, vàng: Ráy gai, Bạc hà, Mạch môn, Huyền sâm, Râu ngô mỗi vị từ 10 – 12g. Sắc uống 1 thang mỗi ngày, dùng liên tục từ 1 – 2 tuần cho đến khi triệu chứng thuyên giảm (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
16	Mát gan, trị đau bao tử: Lấy một nắm Mướp gai chặt thành khúc nhỏ, phơi khô, nấu nước uống hằng ngày			x
17	Trị bệnh gan: Lấy 2 tép Sả , Cỏ xước, tay Đu đủ, Mướp gai sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén rồi uống			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.				

324. Năng bộp *Eleocharis dulcis* (Burm.f.) Trin. ex Hensch., 1833

Mã thầy, Ô vu năng lùn, Năng ngọt, Cỏ năng, Cỏ năng ống, Cỏ năng bông đơn, Cỏ năn ống

Công dụng: Điều trị chứng phù toàn thân, tiểu tiện khó khăn

Tính vị: Ngọt mát

Quy kinh: quy kinh Phế, Vị

Bộ phận dùng: Thân, củ

Thành phần hóa học: Củ Năng chứa lượng tinh bột và protein tương tự như Năng ngọt nhưng có lượng đường cao hơn

Nguồn gốc	Loài của Ấn Độ, Trung Quốc. Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở 02 huyện là huyện U Minh (thị trấn U Minh) và huyện Thới Bình (xã Tân Lộc, xã Hồ Thị Kỷ)
Sinh cảnh	Năng bộp có khả năng sống tự nhiên ở trong ao
Chế biến	Dùng tươi hoặc chế biến thành món ăn
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Poales (Hòa thảo, Cỏ, Lúa)
    - **Họ:** Cyperaceae (Cói)
      - **Chi**: Eleocharis (Cỏ năng)
        - **Loài**: *E. dulcis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo thuỷ sinh
Chiều cao cây	Cây cao 15-60 cm hay hơn
Đường kính cây	Cây có đường kính 1,5-3mm hay hơn
Củ	Củ to, đen, nạc, trắng giòn, ngọt
Thân cây	Thân hình trụ, bóng.
Hoa	Cụm hoa bông dạng tháp bút, dài 2-5cm, rộng bằng thân; hoa có 7 tơ màu vàng nâu; 2-3 nhị, 2-3 đầu nhuỵ
Quả/trái	Quả bế dài bằng 1/2 vẩy, có 5-7 tia, tròn.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Cầm máu, điều trị tiểu đường, bệnh gan, vàng da, lỵ ra máu… và giúp tăng thị lực. Liều dùng độc vị là 10 – 20 g thuốc sắc (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
2	Chữa sởi, thủy đậu: Củ năng tươi, sinh tân chữa khát cho trẻ em, cho nhai nhỏ, nếu non nhai nuốt cả nước lẫn cái. Hoặc mài bột pha nước uống và làm bánh ăn còn giúp tiêu hóa tốt, chữa tích trệ ở trẻ em, nhiều đờm dãi (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
3	Chữa đau bụng khó tiêu: lấy củ năng bỏ vỏ nhồi vào dạ dày lợn khâu kín lại, đun chín kỹ, ăn cái, uống nước rất tốt (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
4	Điều trị chứng phù toàn thân, tiểu tiện khó khăn: Sắc uống kết hợp thân cây năn ngọt (10 – 20 g) và lô căn tươi, tức rễ cây lau (30 g) (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
5	Chữa sởi, thủy đậu thời kỳ cuối và ngoại cảm phong nhiệt: Củ năng tươi 10 củ nghiền mịn, cơm rượu nếp 100g. Nấu chín ăn ngày 2 lần, ăn trong 7 ngày (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
6	Chữa sởi thời kỳ cuối và trường hợp ho khát nước: củ năng tươi 10 củ, nước Củ cải trắng 500ml, ít đường. Nấu sôi uống nóng 20ml, uống trong vài ngày (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
7	Thanh nhiệt, giải độc, lợi tiểu: Củ năng 100g, đới tử, đường phèn 30g, 2.000ml. Đun nước sôi để nhỏ lửa 20 phút (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
8	Thanh nhiệt, lợi thủy: Củ năng 60g, Củ cải trắng 150g, gạo 200g, nấu cháo. Rau năng 100g, củ năng 100g, nấm hương 50g. Dầu vừng gia vị tùy ý, xào qua rồi cho nước đun sôi mới cho rau năng rồi cho bột vào sền sệt là được (Phó Thuần Hương, 2018).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Bổ phế thận: Củ năng 100g, bầu dục lợn 2 cái, cắt đôi, đường phèn 30g đập nát, 2.000ml nước. Làm sạch đun sôi 25 phút (Sức khỏe và Đời sống, 2016).	x		
10	Khử mỡ, hạ áp, tiêu thũng, thanh nhiệt: Củ năng 100g, thịt heo nạc 300g, rau cần 200g, dầu, Hành, đường xào chín (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
11	Thanh nhiệt tiêu thũng: Củ năng 100g, vịt nước thịt 500g, đường phèn 30g (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
12	Thanh nhiệt trừ đờm, hạ huyết áp, chữa táo bón: Củ năng với da sứa, mỗi thứ 60g, nấu thành Tuyết canh thang (một cổ phương nổi tiếng lâu đời) (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
13	Tuyết canh thang chữa tràng nhạc bọc mủ sưng to: Củ năng 150g, da sứa 90g, củ năng bỏ vỏ, da sứa ngâm rửa sạch. Hấp chín chia 2 lần ăn hết trong ngày, ăn liền 10 ngày (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
14	Trĩ chảy máu: Củ năng 500g giã nhỏ, địa du 30g, đường đỏ 150g sắc trong 1 giờ. Ngày uống 2 lần, uống trong 3 ngày (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
15	Chữa chứng đái ra máu: Củ năng 150g, rau câu, râu ngô mỗi thứ 30g, sắc uống (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
16	Chữa chứng mụn nước: Củ năng 6 củ, rửa sạch giã nát, lòng trắng trứng 1 quả, trộn đều bôi lên (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
17	Chữa chứng đầu vú nứt nẻ: Củ năng 6 củ giã nát ép lấy nước, thêm một ít băng phiến bôi lên (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
18	Chữa ho gà: Mật ong 50g, màng mề gà 10g sao vàng tán bột, tỏi 10 tép ép lấy nước. Củ năng 500g ép lấy nước. Cho vào một lượng nước vừa phải đun sôi. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 thìa con (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
19	Trẻ em viêm niêm mạc miệng: Củ năng 6 củ thái nhỏ sao tồn tính, tán bột trộn dầu vừng bôi (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
20	Chảy máu cam do vị nhiệt: Củ năng 500g, ngó sen tươi 500g, Củ cải trắng 500g, sắc uống ngày 1 thang trong 3 ngày (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
21	Chữa chân răng sưng đau chảy máu: Củ năng tươi 125g, lê 2 quả, ngó sen 250g, sinh địa 15g, đường. Nấu nước uống ngày 1 thang trong 3 - 4 ngày liền (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		
22	Chữa phụ nữ băng huyết: Củ năng loại 1 tuổi 1 củ, đốt tồn tính tán thành bột, uống với ít rượu gạo nhẹ (Bệnh viện Bạch Mai, 2009).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Trong thu hoạch: phần củ năn ngọt mọc ngầm trong bùn nước sau một thời gian sẽ già, nếu không thu hoạch kịp thời sẽ bị thối rửa, mục nát.

Trong sử dụng: Củ năn ngọt có thể ăn sống nhưng không nên ăn sống vì sẽ dễ lây bệnh sán lá ruột (do sán lá Facciolopsiasis buski gây ra)

Theo đông y, Củ năng có tính hàn nên người có thể chất hoặc bệnh lý thể hư hàn thì không nên sử dụng nhiều.

Không nên ăn củ năng sống: Nguyên nhân là củ năng nằm dưới nước, rất dễ là nơi ký sinh của các ấu trùng, sán…

Không nên sử dụng củ năng vào ban đêm: Tính mát của củ năng giúp mát gan, lợi tiểu. Tuy nhiên nếu dùng vào ban đêm sẽ gây ra tình trạng tiểu đêm rất mệt mỏi ở người lớn tuổi.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

325. Nàng hai — *Hyptis capitata* Jacq., 1787

É lớn đầu, Nàng ba, É hình thoi, É hoa đầu

Công dụng: Dân gian dùng toàn cây sắc uống chữa cảm sốt ở Philippin, nước sắc rễ dùng trị chứng vô kinh; lá được dùng nấu nước rửa để làm sạch vết thương

Tính vị: Lá có mùi hôi

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Lá chứa flavonol glucosid, khi thuỷ phân cho kaempferol, glucose và rhamnose.

Nguồn gốc: Gốc ở Trung Mỹ

Phân bố	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được tìm thấy ở trong vườn thuốc nam và còn được cho biết là cây tự mọc trong vườn nhà người, ven đường đi, ven bờ ao, ven sông vào mùa mưa. Và được trồng trong vườn nhà của một số người dân.
Mùa hoa quả	Cây ra hoa quanh năm.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**: Hyptis
        - **Loài**: *H. capitata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo cứng
Chiều cao cây	Cao 1-1,5m.
Thân cây	Thân to, dài, có 4 góc..
Lá cây	Lá có phiến xoan bánh bò, có lông; mép có răng, gốc từ từ hẹp trên cuống.
Hoa	Hoa đầu tròn, gồm nhiều hoa, to 2cm, ở đầu một cuống dài 3-5cm, ở nách lá; đài cong cong, dài 1cm, có lông và 10 cánh lồi; tràng màu trắng.
Quả/trái	Quả bế 4, nhỏ 1-1,2mm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Mát gan, uống mát, trị nóng sốt, giải nhiệt, nhức mỏi: Lấy 1 nắm nhỏ cây và lá Nàng hai chặt thành khúc nhỏ, phơi khô hoặc tươi, nấu nước uống			x
2	Giải độc gan dị ứng viêm da: Lấy mỗi thứ 1 nắm nhỏ gồm: Nàng hai, rễ Cỏ tranh, Ô rô, Ké đầu ngựa, Cỏ mần trầu sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
3	Trị xương khớp, nhức mỏi, giải nhiệt: Dùng 1 nắm nhỏ cây và rễ Nàng hai, phơi khô rồi nấu nước uống			x
4	Trị ho: Cách 1: Lấy Cỏ hôi, Cỏ chân vịt, Thuốc dòi tía, Rau trai, mỗi thứ 1 nhúm, nấu nước pha với mật ong để uống, Ngày uống 3 lần. Cách 2: Lấy một nắm lá Nàng hai, thêm ít muối/mật ong, giã, vắt lấy nước uống.			x
7	Trị tê nhức: Lá non Nàng hai ăn bánh xèo. Hoặc lấy cả cây (rễ) Nàng hai chặt thành khúc nhỏ, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 0,5 phân, uống.			x
8	Trị bệnh gan: Lấy 300g Nàng hai (cả cây), phơi vừa, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống sáng và chiều.			x
9	Trị huyết vận: Lấy một nắm đọt Nàng hai (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) thêm ít đường chảy, đâm nhuyễn, bó.			x
10	Trị men gan cao: Lấy 1 nhúm Mần ri, Nàng hai, măng Sậy, Ngò gai (nguyên cây) sao thủy thổ, nấu nước uống			x
11	Giúp ăn được ngủ được, mát gan bổ phổi: Lấy 1 nắm lá Huyết dụ, Nàng hai (tươi hoặc khô) rồi nấu nước uống			x
12	Giúp lưu thông máu huyết, kinh nguyệt không đều: Lấy 1 nắm (150g) thân và lá Nàng hai chặt khúc (mỗi khúc khoảng 3 cm) phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 9 phân, uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Mát gan: Lấy 1 nắm cây Nàng hai, Cỏ hôi, chặt khúc, nấu nước uống hàng ngày			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.				

326. Ngà voi — *Sansevieria cylindrica* Bojer ex Hook, 1859

Nanh heo, Ngải ngà.

Công dụng: Chữa được nhiều bệnh tật như đau nhức xương khớp, trật hay sai xương, trị viêm loét, phong thấp, mụn nhọt,… đặc biệt nổi tiếng hơn cả là tác dụng trong việc điều trị viêm xoang.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá - Folium Sansevieriae Cylindricae.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Nam Phi Châu
Phân bố ở Cà Mau	Cây ngà voicó sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	cây ngà voi được sử dụng làm thuốc và kiểng nên được người dân và chuyên gia cây thuốc nam trồng nhiều ở trong vườn. Cây cũng được tìm thấy mọc tự nhiên trong vườn nhà.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Asparagales (Măng tây)
    - **Họ:** Asparagaceae (Măng tây)
      - **Chi**: Sansevieria
        - **Loài**: *S. trifasciata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao trung bình 1m-1,5m
Rễ cây	Rễ mập và khỏe.
Thân cây	Thân hình trụ, rễ. Cây nanh heo có thân rất ngắn thân rễ bám chắc, mập, dài, mang 5-10 lá, xếp thành hai dãy trên mặt ngắn, nhưng thân trụ nhọn, có bẹ ở gốc, thuôn nhọn ở đỉnh..
Lá cây	Thông thường, mỗi cây sẽ có khoảng từ 5-10 lá xanh mướt, đầu thuôn nhọn vươn thẳng lên cao. Lá mọc theo hai hướng hình rẽ quạt, một số mọc không theo hướng nhất định. Lá trong một mặt phẳng, hình trụ nhọn cao 0,3-1,2m, màu xanh đậm có rằn ri, thuôn nhọn, có rãnh dọc.
Hoa	Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, thẳng đứng, ngắn hơn lá.. Chuỳ hoa ngắn hơn lá, hoa màu ngà, có đốm hường.Cánh hoa 6 làm thành 1 ống mảnh trên chia 6 thùy dài. Nhị thò ra ngài bao hoa. Hoa ngà voi hình ống dài 3 cm màu trắng xanh hơi hồng.
Quả/trái	Quả mọng có 1-3 hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giảm sưng đau tại các khớp, gãy xương, sưng tay chân: Hái khoảng 5-7 lá Ngà voi, rửa sạch, cắt khúc, giã nát và đắp lên khớp sưng (Tài nguyên Thực vật).	x	x	
2	Chữa bệnh viêm xoang mũi: Chuẩn bị nguyên liệu: 10 lá Ngà voi, 100g hoa ngũ sắc. Rửa sạch tất cả nguyên liệu trên bằng nước muối khoảng 15 phút. Cắt nhỏ rồi giã nát các nguyên liệu, chắt lấy nước cốt và bỏ bã. Nước đã chắt cho vào chai nhỏ hoặc chén để dùng dần. Trước khi sử dụng, người bệnh phải vệ sinh mũi sạch sẽ để giảm ổ viêm sưng. Sau đó, nhỏ 2 đến 3 giọt nước đã chuẩn bị ở trên vào trong mũi, mỗi ngày 2 lần, dùng liên tục trong vòng một tuần sẽ thấy hiệu quả rõ rệt. Tùy theo cơ địa của mỗi người, bài thuốc chữa viêm xoang từ cây Ngà voi có thể phát huy tác dụng nhanh hay chậm khi được sử dụng đúng cách (Tài nguyên Thực vật).	x	x	
3	Trị ung thư cổ tử cung, viêm muỗi: Gà ác rút ruột, nhét lá Ngà voi vào, chưng cách thủy, ăn.			x
4	Trị bướu cổ: Lấy lá Ngà voi (khoảng 10cm), thêm ít muối, đâm rồi đắp lên chỗ bị bướu. Đắp khoảng 10 phút lấy ra (đắp 2 lần/ngày).			x
5	Trị gai cột sống: Lấy lá Ngà voi nướng rồi đắp lên xương sống.			x
6	Trị ung thư: Đâm cọng Ngà voi, vắt lấy nước uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Trị bướu tuyến giáp: Lấy 1 khúc Ngà voi, xắt mỏng (miếng tròn), đâm nhuyễn, thêm 1 ít muối hột, đắp lên chỗ bị bướu.			x
8	Trị tê nhức, trị bệnh gan: Lấy 1 khúc Ngà voi, chặt thành khúc nhỏ, nấu chung với Cam thảo đất, uống.			x
9	Trị nhức mỏi, cảm, phong hàn: Lấy 6-8g Ngũ trảo (cây, lá), Từ bi, Ngà voi, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
10	Trị đau nhức khớp: Lấy cây Ngà voi sao vàng thủy thổ, ngâm rượu uống (dùng hai lượng Ngà voi và rượu bằng nhau).			x
11	Trị viêm xoang, trị nóng trong người: Lấy 1 cây Ngà voi chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x
12	Lấy nọc chó: Lấy đọt Ngà voi (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) thêm ít muối, đâm rồi đắp chỗ bị chó cắn.			x
13	Trị đau xương sống: Lấy cây Ngà voi, xắt lát mỏng, thêm giấm và muối vào, xào cho đến khi khô, lấy đắp lưng.			x
14	Trị bệnh phổi, khô phôi: Lấy cọng Ngà voi, xắt lát mỏng, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, thêm ít mật ong, uống.			x
15	Trị thoái hóa cột sống: Lấy 5 - 6 nhánh Đu đủ tươi, 2 bụi Ngà voi, xắt mỏng, xào với giấm, rồ nằm lên. Thực hiện 5-6 ngày liên tục			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Những lưu ý khi dùng ngà voi chữa viêm xoang

Mặc dù chữa viêm xoang bằng cây ngà voi mang lại hiệu quả khả quan nhưng vẫn cần lưu ý khi sử dụng loại dược liệu này nhằm tránh những tác dụng phụ không mong muốn.

Trong một vài trường hợp hiếm hoi, bệnh nhân sau khi sử dụng bài thuốc trên sẽ xuất hiện các triệu chứng buồn nôn, khó chịu, mẩn ngứa… Lúc này cần đến ngay các cơ sở y tế để bác sĩ thăm khám.

Không dùng bài thuốc cây ngà voi trị viêm xoang cho phụ nữ mang thai và đang cho con bú.

Ngà voi chứa một lượng acanoid gây hại đến sức khỏe người bệnh nên cần cẩn trọng khi sử dụng, đặc biệt chỉ nên dùng ngoài da và không được ăn.

Không lạm dụng việc sử dụng ngà voi trị viêm xoang.

Ngoài việc sử dụng đều đặn bài thuốc cây ngà voi trị viêm xoang, người bệnh cũng cần xây dựng lối sống khoa học, ăn uống hợp lí, không sử dụng các chất kích thích và giữ ấm mũi nhằm góp phần đẩy lui các biểu hiện viêm xoang nhanh chóng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

327. Ngãi bún — *Boesenbergia rotunda* (L.) Mansf., 1958

Bồng nga truật, Lưỡi cọp, Củ ngải, Cam địa la

Công dụng: Củ dùng trị đau bụng

Tính vị: Rễ và hoa có tính giải nhiệt, giải độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Củ (thân rễ)

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ

Phân bố ở Cà Mau: Cây xuất hiện ở huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân, xã Đất Mũi), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Hưng), huyện Đầm Dơi.

Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc và làm thực phẩm trong vườn nhà và ven đường.
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 8,
Thu hoạch	Thu hái rễ vào mùa thu. Thu hái hoa khi mới chớm nở.
Chế biến	Rễ sau khi thu hái, cạo bỏ vỏ ngoài, nấu chín, thái nhỏ, phơi khô. Hoa dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Zingiberales (Gừng)
    - **Họ:** Zingiberaceae (Gừng)
      - **Chi**: Boesenbergia
        - **Loài**: *B. rotunda*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 50 cm
Rễ cây	Rễ mập
Thân cây	Thân rễ màu vàng tươi, hình trứng-hình cầu, mùi thơm nồng.
Lá cây	Lá 3 hoặc 4; bẹ lá màu đỏ; lưỡi bẹ 2 khe, khoảng 5 mm, phiến lá màu xanh lục ở cả hai mặt, hình trứng-thuôn dài hoặc hình elip-hình mác, 25-50 × 7-12 cm, nhẵn nhụi ngoại trừ phần gân giữa có ít lông ở mặt xa trục, gốc lá thuôn tròn đến hình nêm, đỉnh nhọn đột ngột
Hoa	Cụm hoa tận cùng trên các thân giả, xuất hiện từ trong các bẹ lá ở đỉnh, gần như không cuống, 3-7 cm; lá bắc hình mác, 4-5 cm.. Đài hoa 1,5-2 cm, đỉnh có 2 khe. Tràng hoa màu hồng; ống tràng 4,5-5,5 cm; các thùy thuôn dài, 1,5-2 cm. Các nhị lép ở bên màu hồng nhạt, hình trứng ngược, khoảng 1,5 cm. Môi dưới màu trắng hoặc hồng với sọc tía, dài 2,5-3,5 cm, lõm, mép hơi nhăn, đỉnh nguyên. Chỉ nhị ngắn; phần phụ liên kết đảo ngược, 2 khe, 1-3 mm.. .
Mùi hương	Hoa thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị tê nhức: Ngải bún, mọi đen đâm, ngâm rượu, sau 10 ngày có thể uống. Uống hàng ngày.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

328. Ngãi chuối *Canna x generalis* L.H. Bailey & E.Z. Bailey, 1930

Chuối hoa lai, Chuối hoa

Công dụng: Trị cấp tính vàng da viêm gan, các chứng bệnh hệ thống thần kinh, cao huyết áp, lị lâu ngày, ho ra máu, huyết lậu, kinh nguyệt không đều, bạch đới quá nhiều; dùng ngoài trị nhọt độc. Hoa trị kim sang và các loại chảy máu, dùng ngoài dã nát đắp.

Tính vị: Gốc, thân, rễ vị ngọt, nhạt, tính lương

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân, rễ, hoa

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước Trung và Nam châu Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành Phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường đi, ven ao và trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Cây có hoa gần như quanh năm, tập trung chủ yếu vào mùa khô,
Thu hoạch	Gốc rễ thân đều có thể lấy vào các mùa trong năm. Hoa thì lấy vào mùa hạ
Chế biến	Gốc rễ thân đều sau khi thu có thể phơi khô hoặc dùng tươi. Hoa phơi khô sau khi thu.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Zingiberales (Gừng)

→ **Họ:** Cannaceae (Dong riềng)

→ **Chi**: Canna (Dong riềng, Dong tây)

→ **Loài**: *C. generalis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống 1-2 năm
Dạng cây	Cây mọc thành bụi, căn hành to
Chiều cao cây	Cây cao 1.5m
Thân cây	Cây thân cỏ, có thân rễ ngầm, khả năng phân nhánh và nẩy chồi mạnh mẽ, tạo ra các thân non nhẵn, mọc thẳng đứng, căn hành to.
Lá cây	Lá mọc xen nhau, cọng lá dạng bao, đới tím, cận cách chất, hình bầu dục tròn rộng, dài chừng 40cm, rộng khoảng 20cm, đỉnh lá nhọn, gốc lá hình chiêm rộng, bờ và gân lá rõ ràng, gân dạng xương cá tạo ô bình hành trên lá
Hoa	Cụm hoa chuối hoa ở kẽ một mo chung; gần tròn, màu xanh, mang ít hoa lớn, xếp sát nhau. Lá, đài và cánh hoa nhỏ nhưng các nhị lép biến đổi thành các cánh to có dạng và màu sắc đẹp giống cánh hoa. Màu sắc có thể thay đổi từ vàng đến đỏ đậm, từ một màu đến điểm thêm các đốm màu đậm nhạt khác nhau. Hoa của cây chuối hoa không đều, nhiều cành lớn, có màu sặc sỡ đỏ, cam, vàng, hồng,….
Quả/trái	Quả chuối hoa có dạng nang có nhiều gai mềm, hạt nhiều
Hạt	Hạt to cỡ 4-5 mm, tròn, nhẵn, màu đen khi chín.

329. Ngãi cứu — *Artemisia vulgaris* L., 1753

Thuốc cứu, Ngải diệp, Nhả ngải (Tày), Quá sú (H'mông), Co linh li (Thái), Bùa ngải, Cỏ linh li

Công dụng: Thường dùng chữa: Chảy máu chức năng tử cung (băng huyết, lậu huyết, bạch đới ở phụ nữ do tử cung lạnh), đe doạ sẩy thai; đau bụng kinh, kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt khó khăn do thiếu máu và các nguyên nhân khác. Dùng ngoài trị bụng lạnh đau, đau dạ dày, đau khớp, eczema, ngứa.

Tính vị: Ngải cứu đã phơi hay sấy khô có vị đắng, mùi thơm, tính ấm.

Quy kinh: kinh thận, phế, tâm, can, tỳ

Bộ phận dùng: Phần cây trên mặt đất và lá hay Ngải diệp - Herba et Folium Artemisiae Vulgaris.

Thành phần hóa học	Trong Ngải cứu Việt Nam, có nhiều chất màu indigo – base, gần 50 hợp chất đã phân tích và xác định có trong lá chủ yếu là β caryophylen 24% và β cubedene 12%. Trong cụm hoa có tinh dầu với hàm lượng cineol cao nhất, ở các chồi tươi và khô, hàm lượng cineol có khi tới 30%.
Nguồn gốc	Ngải cứu có nguồn gốc ôn đới ở Châu Âu, Châu Á, Bắc Phi, Alaska và Bắc Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông bên cạnh đó cây củng có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường đi, ven ao
Mùa hoa quả	Tháng 10 đến 12, Tháng 10 đến 12
Thu hoạch	Thường hái cành và lá vào tháng 6 (gần tương ứng vớ tết mồng 5 tháng 5 âm lịch), phơi khô trong dâm mát
Chế biến	Sau khi thu hái các ngọn cây có hoa và lá, dùng tươi hay phơi trong râm cho đến khô dùng dần. Nếu tán nhỏ rồi rây lấy phần lông trắng và bột, gọi là Ngải nhung dùng làm mồi cứu Cách chế biến: Ngải diệp sao: Dùng Ngải nhỏ, sao lá ngải cho khô, hơi vàng. Ngải diệp sao cháy: Lấy lá Ngải cho vào nồi, sao đến khi có màu đen, vẩy ít nước để trừ hỏa độc. Ngải diệp chích mật: Ngải cứu: 10kg, Mật ong: 2kg. Đem mật ong pha loãng đun sôi, cho lá ngải vào đảo đều cho đến khi khô vàng, sờ không dính tay là được.

	Ngải diệp chích giấm: Ngải cứu: 10kg, Giấm: 1.2kg. Trộn đều lá ngải với giấm để 30 phút. Sao đến khô khi dược liệu có màu đen Ngải diệp chích rượu: Ngải cứu: 10kg, Rượu: 1.5 – 2kg, Trộn đều sao cho đến khô đen hoặc sao lá ngải cho đen rồi phun rượu vào, vẩy ít nước để trừ hỏa độc. Ngải diệp chưng với rượu, giấm, gừng, muối: Ngải cứu: 10kg, Rượu, giấm: mỗi thứ 1kg, Gừng tươi: 20kg, Muối ăn: 80kg
Bảo quản	Dược liệu cần bảo quản ở nhiệt độ phòng, nơi khô ráo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Artemisia
        - **Loài**: *A. vulgaris*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,40-1m
Thân cây	Thân cành mọc sum sê, có rãnh và lông nhỏ.
Lá cây	Lá mọc so le, chẻ lông chim, phiến men theo cuống đến tận gốc, dính vào thân như có bẹ, các thùy hình mác hẹp, đầu nhọn, mặt trên màu xanh lục sẫm, nhẵn hoặc có ít lông, mặt dưới phủ đầy lông nhung màu trắng; những lá ở ngọn có hoa không chẻ.
Hoa	Cụm hoa mọc ở ngọn thân và đầu cành thành chùm kép mang nhiều đầu nhỏ, màu vàng lục nhạt; tổng bao gồm những lá bắc nguyên giống như những vảy có lông; đầu mọc chúc xuống cùng phía, hình trứng cụt, mang hoa cái hoặc hoa lưỡng tính trên cùng một cụm hoặc ở những cụm khác nhau; thường hoa cái chiếm nhiều hơn; hoa không có mào lông; tràng hoa cái có ống mảnh, cụt hoặc có 2 răng ở đầu, tràng hoa lưỡng tính hình phễu, có 5 thùy uống cong ra phía ngoài; nhị 5.. . .
Quả/trái	Quả bế, thuôn nhỏ, không có túm lông.
Mùi hương	Toàn cây có mùi thơm hắc.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Thuốc chữa kinh nguyệt kéo dài, máu ra nhiều, người mệt mỏi, đi đứng mệt yếu, cầm máu: Hàng tháng đến ngày bắt đầu Hành kinh và cả những ngày đang có kinh, uống sáng một lần, chiều một lần theo đơn thuốc sau đây: Lá ngải cứu khô 10g, thêm 200ml nước, cô còn 100ml, thêm ít đường cho dễ uống (Tra cứu dược liệu, nd)	x	x	
2	Thuốc điều hòa kinh nguyệt: Sử dụng 6 – 12 g lá ngải cứu tươi sắc thuốc và uống 3 lần mỗi ngày. Nên uống một tuần trước ngày kinh nguyệt dự kiến. Ngoài sắc thuốc tươi, bệnh nhân có thể sử dụng 5 – 10 g thuốc ngải cứu dưới dạng bột hay 1 – 4 g dạng cao đặc (Thuốc dân tộc, nd).	x		
3	Điều trị mụn Trứng cá, mụn cóc, mụn cơm: Hái một nắm lá ngải cứu, rửa sạch và ngâm nước muối pha loãng. Sau đó, giã nát và đắp lên vùng bị mụn Trứng cá. Sau 20 phút đắp nên rửa lại mặt bằng nước ấm. Thực hiện thường xuyên giúp không chỉ giúp giảm mụn mà còn hỗ trợ cải thiện làn da (Thuốc dân tộc, nd).	x		
4	Trị bong gân, nhức mỏi: Dùng 100 g lá ngải cứu khô, tẩm rượu hay giấm rồi bó vào nơi bị đau nhức. Mỗi ngày băng 1 lần, giúp giảm sưng và đau (Thuốc dân tộc, nd).	x	x	
5	Chữa rôm Sả y, ghẻ lở và mẩn ngứa ở trẻ:Sử dụng một nắm lá ngải cứu tươi, giã nát, vắt lấy nước cốt và hòa với nước, tắm cho trẻ. Kiên trì áp dụng trong vài ngày, triệu chứng rôm Sả y, ngứa ngáy sẽ thuyên giảm rõ rệt (Thuốc dân tộc, nd).	x		
6	Giúp làm sáng và dưỡng ẩm da Dùng lá ngải cứu tươi, chần sơ qua nước sôi. Sau đó, vớt ra và thái nhỏ rồi tiếp tục đun với 500 ml nước trong vòng 20 phút. Loại bỏ bã, chờ nước nguội cho vào bình thủy tinh, bảo quản tủ lạnh dùng dần. Mỗi ngày lấy một lượng vừa đủ thoa đều lên mặt vào buổi sáng, trưa và trước khi đi ngủ. Thường xuyên thực hiện, giúp cung cấp độ ẩm, làm da sáng mịn (Thuốc dân tộc, nd).	x		
7	Giúp nhẹ đầu, sáng mắt và bổ não, đau lưng: Sử dụng ngải cứu khôhoặc xào giấm cho vào tấm vải sạch và làm gối (Thuốc dân tộc, nd).	x	x	
8	Sơ cứu vết thương: Lấy lá ngải cứu tươi giã nát, thêm 1/3 muỗng cà phê muối đắp lên vết thương, cầm máu nhanh, giảm đau nhức (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
9	Mụn, mẩn ngứa: Lá ngải cứu tươi giã nát, đắp lên mặt, để khoảng 20 phút, rồi rửa lại mặt, làm liên tục như vậy sẽ có làn da trắng sáng hồng. Với trẻ em thường hay bị rôm Sả	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	y thì lấy lá ngải cứu xay nát rồi lọc lấy nước cho trẻ tắm (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)			
10	Lưu thông máu lên não: Lấy 1 nắm lá ngải cứu, xắt nhỏ, đánh tan đều với 1 quả trứng gà, nêm vừa miệng, đổ vào chảo chiên chín rồi ăn (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
11	Chữa mụn cơm, mụn cóc: Giã ngải cứu tươi đắp trên mụn cơm, mụn cóc nhiều lần mỗi ngày, thấy mụn bay mất trong 3 - 10 ngày (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
12	Chữa mụn Trứng cá: Lá ngải cứu tươi giã nát, đắp lên mặt, để khoảng 20 phút, rồi rửa lại mặt, làm liên tục sẽ cho bạn làn da mịn màng và trắng hồng (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
13	Chữa mẩn ngứa, ghẻ lở, rôm Sả y ở trẻ: Với những trẻ nhỏ thường hay bị rôm Sả y, xay nát lá ngải cứu, lọc lấy nước cốt rồi hòa vào nước tắm của trẻ. Làm liên tục trong vài ngày, các nốt ngứa sẽ lặn mất (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
14	Chữa bong gân: Lá ngải cứu khô 100g (nếu lá tươi, chỉ cần giã dập), tẩm rượu hoặc giấm thanh, bó vào nơi bị tổn thương. Ngày bó 1 lần. Có thể bó 2 lần nếu chỗ tổn thương đau nhiều và sưng (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
15	Dưỡng da mặt: Ngải cứu rửa sạch và chần sơ với nước sôi. Vớt lên rồi thái nhỏ, đun sôi với 500ml nước khoảng 20 phút. Lọc bỏ bã, nước để nguội sau đó đổ vào bình đậy kín nắp. Dùng nước ngải cứu để bôi lên mặt vào các buổi sáng, trưa và tối trước khi đi ngủ (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
16	Tăng cường sức khỏe, chống mỏi mệt: Nấu nước lá ngải cứu, cho vào bồn tắm, nằm ngâm thân mình vào nước này. Làm theo cách này có tác dụng tẩy tế bào chết, làm mềm da và các vết chai, giúp máu lưu thông mạnh hơn, làm dịu các cơ đang bị đau và các chỗ bị sưng hay viêm (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
17	Tăng cường sức khỏe, chống mỏi mệt: Uống trà ngải cứu: dùng một thìa lá ngải cứu khô băm nhỏ cho vào cốc nước mới sôi. Đậy kín, sau 3 - 5 phút có thể uống, thêm một chút đường sẽ dễ uống hơn. Phương pháp uống trà này giúp lưu thông mạch, trừ rôm Sả y, giảm viêm sưng, rất tốt cho các bà mẹ đang cho con bú và những người cần được bồi bổ (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
18	Bổ não, tỉnh thần, làm nhẹ đầu sáng mắt: Lá ngải cứu khô (hoặc dùng ngải nhung cũng được), cho vào vải, làm thành cái gối để gối đầu. Phương pháp này trước đây thường được các đạo sĩ, các bậc tu trì dùng, giúp cho đầu óc của họ lúc nào cũng nhẹ nhàng, thanh thản, những	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	người thường xuyên bị đau đầu do stress, do áp lực công việc, dùng gối đầu bằng ngải cứu sẽ tìm thấy niềm "thanh thản, nhẹ nhàng, khoan khoái" (Hoàng Duy Tân, 2020).			
19	Thuốc an thai (chữa đang có thai, đau bụng, chảy máu): Lá ngải cứu 16g, Tía tô 16g, nước 600ml, sắc đặc còn 100ml. Thêm ít đường vào cho dễ uống. Chia làm 3-4 lần uống trong ngày (Tra cứu dược liệu, nd)	x		
20	Trị tử cung lạnh làm vô sinh theo bài thuốc Ngải phụ noãn cung hoàn – Nhân Trai trực chỉ phụ di: Dùng ngải cứu, đương quy, thục địa, bạch thược, xuyên khung và hương phụ. Sấy khô, nghiền thành bột rồi vo viên. Mỗi ngày uống 12 – 16 g (Thuốc dân tộc, nd).	x		
21	Điều trị thương hàn nóng gây phát ban, nốt phát ban sau chuyển đen, tiểu ra máu ở phụ nữ mang thai (bài thuốc Thương hàn loại yếu phương): Sử dụng ngải cứu khô, viên lại thành bằng quả trứng gà rồi sắc với 200 ml rượu trắng. Khi thuốc cạn còn 100 ml, tắt bếp, lọc lấy thuốc và uống 2 lần trong ngày (Thuốc dân tộc, nd).	x		
22	Chữa có thai 2 tháng mà thai bị động theo Bị cấp thiên kim yếu phương: Dùng 24 g ngải cứu, 24 g sinh khương và 12 quả đại táo. Sắc thuốc uống (Thuốc dân tộc, nd).	x		
23	Điều trị kinh nguyệt không đều, chứng hư do chóng mặt, khí huyết, đới hạ, muốn nôn, bụng sường đầy trướng, băng lậu: Ngải cứu 80 g, đương quy và hương phụ 240 g. Tất cả các vị thuốc cho vào bát, chứng với giấm nửa ngày. Sau đó, phơi khô và nghiền thành bột. Tiếp đến, trộn bột này với giấm đã nấu với nếp làm hồ, vo viên. Mỗi ngày lấy 16 – 20 g uống (Thuốc dân tộc, nd).	x		
24	Chữa kinh nguyệt không đều, kéo dài gây đau bụng lúc Hành kinh (Cao hương ngải – Dược liệu Việt Nam): Sắc 500 g ngải cứu với hương phụ và 1 lít nước. Mỗi ngày uống 2 lần trước bữa ăn sáng và tối 1 tiếng, mỗi lần 30 ml (Thuốc dân tộc, nd)	x		
25	Trị dọa sẩy thai: Sử dụng 6 g ngải cứu, 6 g sa nhân, 15 g bạch truật, 12 g hoàng cầm, 12 g tô ngạnh, 24 g Đỗ trọng. Sắc thuốc uống. Tùy thuộc vào triệu chứng ở mỗi người mà liều lượng gia giảm khác nhau (Thuốc dân tộc, nd).	x		
26	Điều trị động thai hoặc làm giảm đau nhức do thấp khớp: Dùng 50 g lá ngải cứu tươi, rửa sạch, thái nhỏ và nấu nước. Sau đó, lọc lấy nước thuốc thêm 100 g gạo tẻ, nấu cháo. Khi ăn cho một lượng đường đỏ vừa đủ. Tốt nhất nên ăn nóng vào buổi sáng và trưa. Ăn liên tục 3 – 5 ngày giúp giảm đau đáng kể (Thuốc dân tộc, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
27	Cải thiện tình trạng lạnh bụng, suy nhược, biếng ăn ở phụ nữ sau sinh: Sử dụng 20 g lá ngải cứu hầm với 1 con gà ác 200 g. Dùng liên tục vài ngày giúp mang lại kết quả trị liệu tốt (Thuốc dân tộc, nd)	x		
28	Hỗ trợ an thai: Dùng 16 g lá ngải cứu sắc chung với 16 g Tía tô và 600 ml. Thuốc cạn còn 100 ml, tắt bếp, lọc lấy thuốc, chia 3 – 4 lần uống trong ngày (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
29	Đau thần kinh tọa, nhức buốt khớp xương, đau đầu hoa mắt: Lấy 300gr ngải cứu rửa sạch, giã nát, thêm 2 muỗng mật ong (ruồi, Nghệ), vắt lấy nước uống trưa, chiều. Uống liên tục trong vòng 1-2 tuần (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
30	Suy nhược cơ thể, kém ăn: Lấy 250gr ngải cứu, 2 quả lê, 20gr câu kỷ tử, 10gr đinh quy, 1 con gà ri (gà ác) 150gr, hầm trong 0,5 lít nước (thêm gia vị) còn 250ml. Chia làm 5 phần, ăn cả ngày. Liên tục 1-2 tuần (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
31	Chữa cảm cúm, ho, đau cổ họng, đau đầu, đau dây thần kinh: Lấy 300gr ngải cứu, 100gr lá khuynh diệp, 100gr lá bưởi (hoặc quýt, chanh) nấu trong 2 lít nước. Sôi 20 phút nhấc xuống, xông 15 phút. Cách thứ 2: Nấu lá ngải cứu với 100gr lá Tía tô, 100gr tần dầy lá , 50gr lá Sả trong 1 lít nước còn 0,5 lít. Uống mỗi lúc khát, liên tục trong 3-5 ngày (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)	x		
32	Chữa đại tiện ra máu: Ngải cứu, Hạn liên thảo, Lá Diễn, mỗi vị 60g, Xa tiền thảo 30g. Giã nhỏ, thêm nước gạo 90 mL, gạn lấy nước, thêm đường trắng uống. Ngày 1 lần, trong 2-3 ngày (Nguyễn Văn Được, 2016).	x		
33	Chữa vết thương tụ máu: Lấy Ngải cứu 250g, Thủy trạch lan 120g, giã nát dung rượu sao nóng, gạn lấy 60ml nước uống, bã đắp ngoài (Nguyễn Văn Được, 2016).	x		
34	Chữa kinh nguyệt ra nhiều, tử cung xuất huyết do suy nhược: Ngải cứu 12g, sinh địa 10g, đương quy 10g, bạch thược 5g, xuyên khung 3g. Sắc với 800ml nước còn 300ml, lọc bỏ bã, thêm 12g a giao vào khuấy đều, chia 3 lần uống trong ngày (Giao ngải thang - Kim quỹ yếu lược) (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
35	Chữa có thai 2 tháng mà thai bị động không yên: Đại táo 12 quả, ngải cứu 24g, sinh khương 24g. Sắc uống (Bị cấp thiên kim yếu phương) (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
36	Chữa tử cung lạnh làm cho vô sinh: Bạch thược, đương quy, hương phụ (tứ chế), ngải cứu, thục địa, xuyên khung. Tán bột, làm viên. Ngày uống 12 - 16g (Ngải phụ noãn cung hoàn - Nhân Trai trực chỉ phụ di) (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
37	Chữa có thai bị thương hàn nóng đến nỗi phát ban, rồi lại biến ra nốt đen, tiểu ra máu: Ngải cứu, viên lại to bằng quả trứng gà, sắc với 200ml rượu, còn một nửa. Chia làm hai lần uống (Thương hàn loại yếu phương) (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
38	Chữa phụ nữ bị các chứng hư, kinh nguyệt không đều, đau nhói do khí huyết, bụng sườn đầy trướng, chóng mặt, muốn nôn, băng lậu, đới hạ: Đương quy, ngải cứu đều 80g, hương phụ 240g. Chưng với giấm nửa ngày, phơi khô, tán bột. Dùng giấm nấu với nếp làm hồ, trộn với thuốc bột làm hoàn. Ngày uống 16 - 20g (Ngải tiễn hoàn - Đông Viên thập thư) (Hoàng Duy Tân, 2020).	x		
39	Trị dọa sảy thai: Ngải cứu, sa nhân đều 6g; a giao (hòa vào uống), bạch truật đều 15g; tô ngạnh, hoàng cầm đều 12g; tang ký sinh, Đỗ trọng đều 24g. Tùy chứng gia giảm, sắc uống. Trị 45 ca dọa Sả y thai chảy máu. Kết quả tốt 26 ca, có kết quả 16 ca, không kết quả 3 (Vương Trung Dân - Hà Bắc Trung y tạp chí 1985, 5 : 31).	x		
40	Chữa kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt kéo dài, đau bụng lúc Hành kinh: Hương phụ, ngải cứu đều 500g, tá dược vừa đủ 1 lít. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 30ml, uống 1 giờ trước bữa ăn sáng và tối (Cao hương ngải - Dược liệu Việt Nam).	x		
41	Trị ho, sinh không đau bụng, dễ đẻ, máu huyết, tai biến, đau bụng kinh, đau nhức xương khớp: Hái lá Ngãi cứu đâm với muối, vắt lấy nước uống (có thể thêm 1 ít mật ong).			x
42	Trị bệnh phong tê, nhức mỏi: Lấy Ngãi cứu đâm với tỏi, gừng và rượu, giấm sau đó hơ nóng, rồi bó đắp vào chổ nhức			x
43	Giải nhiệt, cảm: Dùng 1 nắm lớn Ngãi cứu nấu với 2 lít nước, uống			x
44	Trị đau nhức: Lấy Ngãi cứu hầm với gà ăn hoặc ngâm rượu với đường phèn uống.			x
45	Trị đau nhức xương khớp: Lấy 1 nắm lá Ngãi cứu, đâm nhuyễn, vắt lấy nước cốt, thêm 2 muỗng mật ong, uống ngày 2 lần.			x
46	Trị đau vai: Lấy 1 nắm Ngãi cứu và 1 nắm muối rang khô, cho tất cả vào vải lược, chườm nhẹ lên vai			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
47	Trị nhức mỏi, phụ nữ mới sinh bé: Nhổ nguyên cây Ngãi cứu phơi khô, nấu nước uống			x
48	Trị nhức lưng, thoái hóa cột sống: Lấy 1 nắm lá Ngãi cứu và Lá lốt, Xương rồng bàn tay xào với giấm rồi nằm lên hoặc bó lên chỗ nhức			x
49	Trị đau nhức: Lấy 1 nắm Ngãi cứu nấu nước với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
50	Trị đau khớp, gót chân: Lấy 1 nắm lá Ngãi cứu xào với giấm rồi đắp trong 1 tiếng			x
51	Trị thần kinh tọa, khớp: Lấy 1 nắm lá Ngãi cứu, vò. Nướng cục gạch cho nóng. Lấy Ngãi cứu để lên lưng rồi để cục gạch lên.			x
52	Trị đau lưng: Lấy cả cây Ngãi cứu xào với khoảng 1 chén giấm, nhấc xuống, để giảm nhiệt rồi nằm lên. Thực hiện 3 ngày một lần.			x
53	Trị ban: Lấy 1 nắm cây, lá Ngãi cứu luộc chung với trứng gà so, lăn lên vết ban.			x
54	Trị gai cột sống: Lấy mỗi thứ 1 ít gồm: vỏ bưởi phơi khô, Ngãi cứu, sao vàng thủy thổ, thêm đường phèn, bỏ tất cả vào keo, đổ rượu gốc vào xép xép vừa ngập. Để 1 tháng rồi uống.			x
55	Trị gai gót chân: Lấy 1 nắm lá Ngãi cứu để lên cục gạch nóng, rồi hơ chân.			x
56	Trị bệnh gan: Dùng Mắc cỡ, Bình bát, Xạ đen, An xoa, hoa Đu đủ, Ngãi cứu, củ Sâm đất, Đinh lăng, mỗi thứ 1 nhúm, nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
57	Trị ho: Lấy củ Ngãi tươi, lá Bưởi, lá chanh đun sôi với 2 lít nước, xông khoảng 30 phút			x
58	Trị viêm xoang: Lấy 1 nắm Ngãi cứu, nhai với muối hột, nuốt nước.			x
59	Trị ho: Lấy 9 lá Ngãi cứu nấu chung với trứng gà ta, ăn.			x
60	Trị cảm ho: Lấy 1 nắm Ngãi cứu (200g), thêm 2 lít nước, 1 ít muối nấu sôi để xông.			x
61	Trị ho: Lấy 4-5 lá Ngãi cứu, 4-5 lá Cỏ mực, 4-5 lá Sống đời đem đâm, vắt lấy nước cho em bé uống, uống 1 lần 2 muỗng canh. Uống vào buổi sáng, không uống vào buổi chiều			x
62	Trị mục, ung bướu: Lấy Ngãi cứu vò rồi đắp lên mục/chỗ ung bướu			x
63	Trị nhức mỏi: Lấy 20g Ngãi cứu đâm chung với 3 lát gừng, rồi xào với giấm, đắp lên chỗ nhức mỏi.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
64	Trị đau nhức khớp, chữa lành vết thương: Lấy 1 ít lá Ngãi cứu thêm ít muối hột, đâm, bó/đắp lên vết thương			x
65	Trị nhức mỏi: Lấy 1 nắm lá, thân Ngãi cứu, Mắc cỡ, Tu hú, rễ Me thúi, rễ cây Trâm bầu phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 7 phân, uống.			x
66	Trị đau đầu: Lấy Ngãi cứu chiên với trứng ăn hoặc xào cá ăn cơm. Hoặc lấy Ngãi cứu đâm, vắt lấy nước uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những đối tượng sau đây không nên sử dụng tránh tình trạng bệnh chuyển nặng gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe: Người âm hư, huyết nhiệt, phụ nữ mang thai (có thể gây sẩy thai), Người có vấn đề về gan, Bệnh nhân bị rối loạn đường ruột . Ngải cứu được cho là tốt cho sức khỏe nhưng nếu dùng quá nhiều cũng có thể gây ra ngộ độc. Độc tính của ngải cứu khi dùng quá liều là làm cho thần kinh trung ương bị hưng phấn quá mức, dẫn tới chân tay run giật, sau đó cục bộ hoặc làm toàn thân co giật. Sau vài lần có thể dẫn đến kính quyết (co cứng), nói sàm, thậm chí tê liệt (Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh Đắk Nông, 2017)

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

330. Ngãi đen — *Kaempferia parviflora* Wall. ex Baker, 1890

Ngãi xanh, Nghệ tím, Ngải tím, Gừng đen

Công dụng: Hỗ trợ chức năng tiêu hóa, chữa đau dạ dày, đau bụng và làm thanh huyết.

Tính vị: Ngải đen vị cay, đắng, tính ôn, vào kinh can.

Quy kinh: kinh can

Bộ phận dùng: Phần củ

Thành phần hóa học: Củ chứa các thành phần hóa học như glycosid, steroid flavonoid. Trong đó, thành phần chính là nhóm flavonoid với dẫn xuất 7 – methoxy chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn,), huyện U Minh (xã Khánh Hội)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Thái mỏng, nấu sắc nước
Bảo quản	Nơi khô ráo, tránh ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Zingiberales (Gừng)

→ **Họ:** Zingiberaceae (Gừng)

→ **Chi**: Kaempferia (Địa liền)

→ **Loài**: *K. parviflora*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thảo mộc
Chiều cao cây	Cây cao đến 1,5m
Rễ cây	Thân rễ hình nón có khía chạy dọc, mang nhiều củ có thịt màu vàng tái
Củ	Ngoài những củ chính, còn có những củ phụ có cuống hình trứng hay hình quả lê màu trắng
Lá cây	Lá có đốm đỏ ở gân chính, dài 30–60 cm, rộng 7–8 cm
Hoa	Cụm hoa ở đất, thường mọc trước khi có lá.. Hoa vàng, môi lõm ở đầu, bầu có lông mịn..

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Ngăn ngừa, hỗ trợ điều trị ung thư: Lấy khoảng 15 – 30 g Ngải đen khô, sau đó rửa qua bằng nước sạch, sao vàng hạ thổ. Sắc với 500ml nước, sau đó sử dụng để uống hằng ngày. Hoặc bạn có thể tán thành bột mịn, rồi dùng để hòa vào nước uống (Cây thuốc Việt Nam).	x		
2	Chữa chứng đau dạ dày: có thể ăn tươi ngải đen , mỗi lần khoản 5-10g , hoặc giả nát uống. Dùng mỗi ngày 2-3 lần sẽ giảm đau dạ dày, ăn uống không tiêu	x		
3	Chữa đau dạ dày, ăn không tiêu, đầy hơi: Nghệ đen tươi thái khoảng 3-4 lát nấu chung với lá khoảng 10-15 lá mơ (loại mơ ăn thịt mèo) uống như uống trà, rất hiệu quả với	x		
4	Chữa nôn, ói ở trẻ: Dùng sữa mẹ hoặc sữa bột đun sôi cùng 4gr ngải đen, vài hạt muối hột hòa tan cùng lượng nhỏ ngưu hoàng cho trẻ uống nhiều lần trong ngày (Từ điển cây thuốc).	x		
5	Chữa và hỗ trợ chậm ăn, khó tiêu, mệt mỏi bằng ngải đen hoàn. Cách dùng như sau: Tán mịn hỗn hợp bao gồm ngải đen 160g, cốc nha 20g, khiên ngưu 40g, hạt cau 40g, bấc lùng 16g, nam mộc hương 16g, thanh bì 20g, thanh mộc hương 20g, củ gấu 160g, tam lăng 160g, đinh hương 16g. Sau đó dùng hỗn hợp này vo thành viên cùng một chút mật ong. Dùng đều đặn mỗi ngày khoảng 10gr. Tốt hơn khi dùng với nước ép gừng đã nướng (Từ điển cây thuốc).	x		
6	Chữa cảm vặt, suy nhược, xanh xao bằng ngải đen tán, cách dùng: Hỗn hợp mỗi loại 40g gồm ngải đen, bạch chỉ, hồi hương, cam thảo, đương quy, thục địa, bạch thược, xuyên khung đem tán bột vo thành viên khoảng 10gr sau đó dùng dần ngày 3 lần (Từ điển cây thuốc).	x		
7	Chữa đầy bụng: Dùng 6g ngải đen,6g tam lăng, lúa mạch 9g, vỏ quýt 15g, sắc chung với nhau để uống ngày 3 lần sẽ giảm bớt chướng bụng (Từ điển cây thuốc).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Chữa chậm Hành kinh, ứ huyết, không thông, đau bụng, rong kinh ở phụ nữ: Ích mẫu là loại thảo dược chuyên trị các bệnh về u xơ hay các loại về rong kinh, băng kinh. Khi kết hợp với ngải đen mỗi loại 15g sắc uống đều tình trạng bệnh sẽ tiến triển hẳn. Đến ngày Hành kinh sẽ không đau và ra đều hơn (Từ điển cây thuốc).	x		
9	Hỗ trợ trẻ biếng ăn: Dùng ngải đen 6g, hạt muồng trâu 4g sắc chung với nhau ngày chia 3 lần uống (Từ điển cây thuốc).	x		
10	Diều hòa kinh nguyệt: Dùng 15g ngải đen và 15g ích mẫu. Sắc uống mỗi ngày trong vòng 1 tháng sẽ thuyên giảm (Cây thuốc Việt Nam).	x		
11	Chữa đau bụng theo cơn: 100g ngải đen và 50g mộc hương đem đi tán thành bột, sau đó vo thành viên nhỏ 2g. Mỗi lần uống 1 viên kèm theo một ít giấm pha loãng. Nên dùng giấm ăn để hiệu quả hơn (Từ điển cây thuốc).	x		
12	Chữa viêm gan vàng da: Mỗi loại 2g gồm ngải đen, Nghệ vàng, Cỏ cú, quả tắc non. Tất cả đem rửa sạch, phơi khô sau đó tán bột vo thành viên cùng mật ong. Ngày dùng 1 viên nhỏ lượng 2g (Từ điển cây thuốc).	x		
13	Tăng cường sức khỏe, tăng sức đề kháng cho cơ thể: Ngải đen kết hợp với bạch chỉ, đương quy, cam thảo, hồi hương, xuyên khung, bạch thược, thục địa, mỗi loại lấy 40g, đem đi tán bột mịn rồi chia nhỏ 10g vo lại thành từng viên, dùng ngày 3 lần sau mỗi bữa ăn (Cây thuốc Việt Nam).	x		
14	Kháng viêm, kháng khuẩn: Lấy Ngải đen, Nghệ vàng, Cỏ cú, Quả tắc non, mỗi loại 2g. Đem rửa sạch rồi phơi khô, sau đó tán thành bột, trộn chung với mật ong, vo để trở thành viên khoảng 2g. Uống ngày 1 lần (Cây thuốc Việt Nam).	x		
15	Trị bệnh rối loạn tiêu hóa: Lấy 6g Ngải đen, 6g Tam lăng, 9g Lúa mạch, 15g Trần bì (Vỏ quýt). Đem tất cả các nguyên liệu vào sắc cùng với 2 lít nước đến khi nước cạn còn 500ml thì dừng. Sau đó để nguội dùng sau mỗi bữa ăn để đạt được hiệu quả tốt nhất (Cây thuốc Việt Nam).	x		
16	Điều hòa kinh nguyệt, trị đau bụng kinh: Lấy Ngải đen, ích mẫu, mỗi loại 15g, đem rửa sạch, sau đó cho tất cả các nguyên liệu vào nồi chứa 1,5 lít nước, đun sôi cho đến khi còn khoảng 500ml nước thì dừng bếp. Chia uống làm 3 lần trong ngày. Sử dụng thuốc đều đặn trong vòng 1 tháng bạn sẽ thấy tình trạng đau bụng kinh cải thiện rõ rệt trong tháng tiếp theo (Cây thuốc Việt Nam).	x		
17	Chữa nôn mửa ở trẻ em: Dùng 5g ngải đen và 3 hạt muối ăn đun trong 5 phút .Sao đó trộn chung với 1 hạt gạo ngưng hoàn . cho trẻ ăn mỗi ngày (Phạm Văn Đức, 2017).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Trị trật chân, nhức, bong gân: Dùng 1 vài củ đâm ra xào lên với ít muối hoặc giấm rồi bó vào chổ bị thương.			x
19	Trị thoát vị địa đệm: Lấy 2/3 củ Ngãi đên, 1/3 củ gừng đem nướng vàng, rồi ngâm với 3 lít rượu, ngâm 1 tuần rồi lấy xoa bóp (không uống).			x
20	Trị ung thư: Lấy củ Ngãi đen đâm, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống.			x
***Lưu ý khi sử dụng*:** *Không nên sử dụng củ ngải đen cho phụ nữ mang thai* *Tránh dùng với các thức ăn tạo mủ như thịt gà, nếp* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

331. Ngãi lá xanh

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tình vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau	Ngãi lá xanh được tìm thấy ở huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà, ven đường

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
- **Lớp**:
  - **Bộ**:
    - **Họ**:
      - **Chi**:
        - **Loài**:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Cây thân thảo

332. Ngải mọi — *Lawsonia inermis* L. 1753

Lá móng tay, Móng tay nhuộm, Thuốc mọi, Chỉ giáp hoa, Lá móng, Lựu mọi, Thuốc mọi lá lựu, Phương tiên hoa, Tán mạt hoa, Khau tiên (Tày), Kok khau khao youak, Khoa thiên (Lào)

Công dụng: Giảm đau, an thần, làm xe, điều kinh. Chữa bệnh ngoài da, như hắc lào, ghẻ lở, mụn nhọt (Lá). Còn dùng nhuộm đỏ móng tay và gây sảy thai.

Tính vị: Vị đắng the, tính ấm

Quy kinh: kinh tỳ, can, thận

Bộ phận dùng: Lá dùng tươi hay phơi khô. Thân, rễ, hoa cũng được dùng nhưng ít hơn

Nguồn gốc: Lá móng có nguồn gốc ở vùng Bắc Mỹ hoặc Tây Nam Á

Thành phần hóa học	Ở trạng thái tươi, Ngãi mọi chứa các heterosid khi thủy phân (bởi men) cho chất Lawson (hydroxyl 2 napht oquinon 1-4) với hàm lượng khoảng 1% (tính theo dược liệu khô). Chất này kết tinh hình kim màu đỏ cam, ít tan trong nước lạnh, tan nhiều trong nước nóng, dung môi hữu cơ, và dung dịch kiềm thành chất nhuộm màu da cam. Ngoài ra, cây còn có tannin 7-8%, chất béo 6%, tinh dầu 1.2%; chất nhựa 2-3% và chất màu có tinh thể hình kim là chất nhuộm có phản ứng acid, để ra ánh sang và không khí có màu đỏ. Tinh dầu chủ yếu là β-ionon và α-ionon Hạt chứa nước 10.6%, protein 5%, chất béo 10-11%, hydrat carbon 33.62%, sợi 33-55%, tro 4.75%
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường, ven mương, ven ao, ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 10, Tháng 9 đến 10
Thu hoạch	Khi cây cao độ 1 mét, có thể thu hoạch. Mỗi năm có thể thu hoạch hai lần.
Chế biến	Cắt cả cành phơi trong râm, cắt chừa cành lớn và gốc khoảng 50cm để cây đâm cành non.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

Họ: Lythraceae (Sang lẻ)

Chi: Lawsonia

Loài: *L. inermis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 3-4m
Thân cây	Thân nhẵn, phân cành nhiều, đôi khi có gai ở đầu cành
Lá cây	Lá mọc đối, hình bầu dục hoặc hình trứng, gốc thuôn, đầu nhọn, dài 2-3 cm, rộng 1cm, cuống ngắn, mép nguyên; lá kèm rất nhỏ, màu trắng nhạt
Hoa	Cụm hoa mọc thành chùm phân hóa ở ngọn; hoa màu trắng hoặc hồng nhạt, mùi thơm manh; dài 4 răng có hai hạch nhỏ ở gốc; tràng 4 cánh rời, mọc xen kẽ với lá dài; nhị 8 bao quanh bầu có 4 ô
Quả/trái	Quả nang, hình cầu, bao bọc trong đài tồn tại
Hạt	Hạt nhỏ, nhiều, không đều
Mùi hương	Hoa có mùi thơm manh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vấp ngã tổn thương, chảy máu, ứ máu, phụ nữ kinh nguyệt không đều, bụng to, da vàng phù thũng, phong thấp, nhứt mỏi, tê bại. Ngày dung 8-20g dạng thuốc sắc	x		
2	Chữa con gái chậm thấy kinh: Lấy Ngãi mọi 30g sắc uống	x		
3	Chữa ghẻ lở, nhọt độc lên mủ, hắc lào, rắn cắn, sâu bọ độc cắn: Ngãi mọi tươi giã nát, trộn với giấm thanh, đắp ngoài.	x		
4	Điều trị bệnh ngoài da như; hắc lào, nấm móng, lở loét, hủi: Dùng lá tươi giã nát (lá khô nghiền nhỏ) chộn với chút dấm, bôi vào vùng da bị bệnh. (Trần Thế Kính, 2020).	x		
5	Chữa bệnh nấm móng: Mỗi ngày đắp lá móng 1 lần, dùng vải buộc lại, làm đều đặn hàng ngày, khoảng 3 đến 4 tuần sẽ có chuyển biến rất tốt, bớt ngứa đáng kể (Trần Thế	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Kính, 2020).			
6	Chữa kinh nguyệt không đều, chậm kinh: Ngãi mọi 20g, hoa chổi xuể 8g, thái nhỏ phơi khô, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm 2 lần trong ngày. Phụ nữ có thai không dung vì có thể bị sẩy thai (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
7	Chữa kinh bế để tránh thụ thai: Ngãi mọi 50g, ích mẫu 40g, Nghệ đen 30g sắc uống mỗi ngày 1 thang, trong 3 ngày liên tục sau khi giao hợp; hay trước kỳ kinh 3 ngày, mỗi ngày uống 1 thang cho đến khi thấy kinh mới thôi. Thông kinh thì thai không đậu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa sưng tấy: Ngãi mọi 10g; huyết giác, ngãi cứu, mỗi vị 12g; tô mộc 10g; Nghệ 8g sắc uống (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
9	Chữa sưng gan: Ngãi mọi 30g; dành dành, huyền sâm, ích mẫu, mộc thông, mỗi vị 15-20g. sắc uống (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
10	Chữa bệnh nấm da gây lở ngứa ở kẽ chân, có thể lây sang cả bàn chân: Ngãi mọi 100g, rửa sạch, giã nát với ít muối, đắp băng lại. Nên đắp vào buổi tối để tránh đi lại. Thay thuốc hàng ngày trong tuần đầu. Tuần thứ 2, cứ 2 ngày đắp 1 lần, tuần thứ 3 cứ 3 ngày đắp 1 lần. Khi bớt lở ngứa, bong da, bôi nhựa lá lô hội, đắp lá thuốc bỏng hoặc bôi dầu gạc (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
11	Chữa bệnh nấm da gây lở ngứa ở kẽ chân, có thể lây sang cả bàn chân:: Ngãi mọi, lá bạch hạc, lá phèn đen, lá trâm bầu, mỗi vị 100g, giã nát, ngâm vào 100ml rượu trắng. Dùng tăm bông tẩm thuốc bôi 2-3 lần trong ngày (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
12	Chữa kinh nguyệt không đều, chậm kinh: Ngãi mọi 20g, hồi dầu 15g sắc uống	x		
13	Trị khớp: Lấy 250g rễ hoặc lá Ngãi mọi (đã phơi khô), 250g Chùm gọng, 100g đường phèn ngâm với 2 lít rượu. Ngâm khoảng 7 ngày có thể uống.			x
14	Trị cá đâm đau nhức: Đâm 1 nắm lá Ngãi mọi với 1 ít muối, đắp lên vết thương			x
15	Trị thần kinh tọa: Lấy một nắm nhánh cây Ngãi mọi, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
16	Trị đau nhức khớp: Lấy 0,5kg cây Ngãi mọi ,1l rượu ngâm 3 ngày là uống được			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Trị đau lưng nhức mỏi, tê bại: Lấy cây Ngãi mọi và rễ Mật gấu khô (mỗi thứ 1 nắm) đem ngâm với 1 lít rượu, ngâm 15 ngày là uống được			x
18	Trị tê bại khớp: Lấy củ Ngãi mọi ngâm rượu gốc, bóp chân			x
19	Trị nhức khớp: Lấy thân cây Ngãi mọi, chặt khúc, đổ ngập rượu ngâm 1 tháng, thoa			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

333. Ngải nọc (Bán hạ nam) *Typhonium trilobatum* (L.) Schott, 1829

Bán hạ ba thùy, Bán hạ nam, Củ chóc

Công dụng: Củ chóc là một vị thuốc được dùng trong y học cổ truyền, với tác dụng chống nôn mửa ở phụ nữ có thai, nôn mửa trong trường hợp đau dạ dày mạn tính. Chữa ho có đờm, ho lâu ngày, hen suyễn.

Tính vị: Củ chóc có vị cay, tính ôn, có độc

Quy kinh: Kinh tỳ, vị, phế

Bộ phận dùng: Thân củ

Thành phần hóa học	Củ chóc chứa 69,9% nước, 1,4% protein, 0.1% chất béo, 1% chất sợi, 26% các carbonhydro khác, 1,6% cá chất vô cơ, 35mg % cali, 20mg % phosphor, 1,3mg % sắt, 9mg % sodium, 237mg % kalium.. Ngoài ra còn có 0.07mg % thiamin, 0,7mg % niacin, 78mg % caroten, 17,5 mg % acid folic, 3,7 ppm fluorin,0,8 % ppm iodin, 22,85mg % cholin(dạng muối chlorid). Dịch chiết cồn củ chóc chứa sitosterol và một hợp chất ở dạng tinh thể. Củ chóc Việt Nam chứa alcaloid và stigmasterol.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Án Độ, Mã Lai
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Phú Tân và huyện Trần Văn Thời thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7,
Thu hoạch	Rễ củ có thể thu hoạch vào tháng 8 hoặc tháng 9, khi cây lụi
Chế biến	Rửa sạch đất cát, cắt bỏ rễ con, đem đồ vừa chín, củ con để nguyên, củ to thái phiến sau đó phơi hoặc sấy khô. Trước khi dùng người ta chế biến tiếp. Có nhiều phương pháp chế biến khác nhau, nhưng tất cả đều nhằm giảm bớt độ độc tức là loại trừ tác dụng gây ngứa (tẩm cam thảo, phèn chua, nước vo gạo, nước vôi) hoặc làm tăng tác dụng trị ho (tẩm gừng, nước bồ kết). Dược điển Việt Nam I tập 2 quy định ngâm củ chóc vào nước vo gạo 1-2 ngày, rồi vớt ra, rửa sạch, ngâm với phèn chua trong hai ngày, khi nhấm không còn thấy tê cay thì vớt ra, rửa sạch, để ráo nước, giã hơi giập, phơi qua, phân loại củ to nhỏ, tẩm nước gừng, ủ 2 – 3 giờ rồi đem sao cháy cạnh.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Alismatales (Trạch Tả)

Họ: Araceae (Ráy)

Chi: Typhonium (Bán hạ nam)

Loài: *T. trilobatum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 20 – 30cm
Thân cây	Thân củ hình cầu, có những khía ngang..
Lá cây	Lá mọc từ củ, có cuống dài pha màu đỏ tím nhạt, phần gốc loe ra thành bẹ; phiến lá chia 3 thùy, thùy giữa to hình thoi, hai thùy bên hẹp hơn, xòe ngang, gốc hình tim, đầu nhọn, mép uốn lượn, gân mặt dưới lá đôi khi cũng có màu đỏ tím.
Hoa	Cụm hoa là một bông mo, ngắn hơn lá; mo có phần ống hình trứng hoặc bầu dục thuôn màu lục pha đỏ tím, phần thùy thành bản rộng thuôn nhọn dần ở đầu, mặt ngoài màu lục nhạt, mặt trong màu đỏ hồng, trục hoa màu hồng; phần mang hoa cái hình trụ ngắn, phần mang hoa không sinh sản dài hơn, tiếp đến là phần không mang hoa dài gấp đôi phần mang hoa không sinh sản; phần mang hoa đực có nhiều hoa, phần cuối trục hình giùi, thẳng, gốc hơi loe rộng, hoa có mùi khó ngửi, nhất là về buổi chiều..
Quả/trái	Quả mọng có hình trứng với chiều dài 6 mm.
Mùi hương	Hoa có mùi khó ngửi, nhất là về buổi chiều.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa trúng gió, răng cắn không nói được, động kinh rượt đờm, chảy rãi không tỉnh: Dùng bột củ chóc thổi vào lỗ mũi cho hắt hơi sẽ tỉnh, và xát củ chóc vào lợi răng bệnh nhân sẽ há miệng nói được (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
2	Chữa đinh nhọt và viêm mủ da: Lấy một lượng củ vừa phải nghiền bột, trộn thêm một ít bột hùng hoàng làm chất bột dẻo để đắp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Trị nôn mửa, ho, hen suyển nhiều đờm, họng viêm có mù, tiêu hóa kém, ngực bụng trướng đầy: Ngày dùng 6-12g bán hạ chế, dạng thuốc sắc. Phần lớn dùng ngoài (có thể dùng toàn cây) giã nhỏ đắp vết thương, rắn cắn và viêm vú, dinh nhọt và viêm mủ da, đòn ngã tổn thương và chảy máu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gian).	x		
4	Trị rắn cắn, chó cắn, cá đâm: Dùng củ tươi giã nhỏ và đắp và chổ bị thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
5	Chữa mụn nhọt sưng đau: củ chóc tươi giã nát và đắp trực tiếp lên mụn nhọt sưng đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa chứng nôn mửa, ho lâu ngày, ho gió và ho có đờm: Trần bì, củ chóc và rễ dâu mỗi thứ 150g, ô mai, lá táo, cát cánh, lá chanh và cam thảo dây mỗi thứ 100g, đường 200g. Mang cát cánh, rễ dâu, trần bì và củ chóc phơi và sấy cho giòn, sau đó tán bột mịn. Lá táo, cam thảo dây và lá chanh đem sắc với 400ml nước, còn lại khoảng 100ml, thêm đường và nấu cho thành cao. Ô mai lấy thịt, bỏ hạt và giã nát. Trộn các dược liệu lại, vo thành viên, mỗi viên nặng 0,5g. Trẻ nhỏ dùng từ 5 – 15 viên (tùy độ tuổi), người lớn dùng 15 – 20 viên/ ngày (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
7	Chữa ho lâu ngày: Hạt củ cải, trần bì và củ chóc mỗi thứ 15g. Đem các vị sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa hoắc loạn khiến bụng đầy trướng: Quế chi và củ chóc (chế với gừng), mỗi vị bằng lượng nhau. Các vị tán bột và dùng uống với sắc từ xương bồ và lá lấu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa chứng đau bụng, nôn mửa đi ngoài, ho tức ngực, vướng nghẹn ở cổ họng: Gừng sống 6g, trần bì và củ chóc mỗi thú 8g. Sắc lấy nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gian).	x		
10	Chữa chứng hen suyễn: Mật lợn/ mật bò và củ chóc (tán bột). Đem dược liệu trộn với mật, chế với hồ làm thành viên. Mỗi lần dùng 2 – 3g uống với nước gừng. Ngày dùng 3 – 4 lần. Nếu đang bị cơn hen cấp, nên uống với nước sắc từ gừng và hẹ (mỗi vị 10g) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gian).	x		
11	Chữa kinh giản lưng gáy, miệng chảy dãi: Gừng sống, kinh giới và củ chóc 12g. Sắc uống. Đồng thời nên dùng củ chóc tán bột, trộn với nước gừng và đắp lên bên mặt không méo và đắp sau gáy (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Chữa ho gió, ho có đờm, ho lâu ngày, nôn mửa: Bán hạ 15g, vỏ quýt 15g, hạt cải củ 15g, hạt cải bẹ 10g đem sắc lấy nước uống (Nguyễn Trần Anh Thư, 2020).	x		
13	Chữa ho gió, ho có đờm, ho lâu ngày, nôn mửa: Bán hạ, vỏ quýt khô, rễ dâu mỗi thứ 150g, cát cánh, ô mai, lá chanh, lá táo, cam thảo dây mỗi thứ 100g, đường 200g. Bán hạ, vỏ quýt, rễ dâu, cát cánh đem phơi sấy đến khô giòn rồi tán bột; ô mai bóc lấy cùi giã nhuyễn; lá chanh, lá táo, cam thảo dây đem sắc với 400ml nước đến khi còn khoảng 100ml; đường nấu thành siro. Tất cả trộn đều vo thành viên 0,5g. Người lớn dùng 15–20 viên/ngày. Trẻ em dùng từ 5–15 viên tùy từng độ tuổi, ngậm nhiều lần trong ngày (Nguyễn Trần Anh Thư, 2020).	x		
14	Chữa đờm dãi kéo lên vướng cổ, nghẹt thở, ho tức ngực, đau bụng, nôn mửa, đi ngoài: Bán hạ 8g, trần bì 8g, gừng sống 6g. Tất cả đem sắc nước uống (Như Ý, 2010).	x		
15	Chữa hắc loan, bụng đầy trướng: Bán hạ (chế với gừng), quế, mỗi vị một lượng bằng nhau, đem tán bột uống với nước sắc của lá lấu và xương bồ (Ngọc Anh, 2019).	x		
16	Chữa ho có nhiều đờm, nôn mửa, thượng bị trướng tức: Sử dụng 250 g bán hạ nam (chế), 75 g cam thảo, 250 g bạch phục linh và 250 g trần bì. Tất cả các vị thuốc đã được nghiền mịn và trộn chung với sinh khương. Mỗi ngày uống 2 lần và mỗi lần uống từ 9 – 15 g (Như Ý, 2020).	x		
17	Điều trị bệnh hen suyễn lâu ngày, ho và khó thở: Bán hạ nam, hạnh nhân và tô tử mỗi vị 8 g sắc chung với bạch linh, trần bì và cam thảo, mỗi vị 10 g (Như Ý, 2020).	x		
18	Điều trị bệnh hen suyễn lâu ngày, ho và khó thở: Cách 2: Sử dụng 12 g bán hạ nam và 8 g ma hoàng đã bỏ rễ, chích mật ong với bồ kết đã bỏ hạt sao vàng. Đem tất cả nguyên liệu đi tán mịn, bảo quản trong lọ thủy tinh dùng dần. Mỗi ngày uống 2 – 3 lần, mỗi lần lấy 2 – 3 g bột thuốc hòa tan nước ấm và uống. Uống liên tục cho đến khi bệnh có dấu hiệu thuyên giảm (Như Ý, 2020).	x		
19	Trị ho có đờm, sốt kèm theo ho, khó thở và miệng khát: Sử dụng 6 g bán hạ nam (chế), 8 g đình lịch, 8 g ma hoàng, 8 g tô tử, 10 g hạnh nhân, 10 g xạ can, 12 g đại táo, 4 g sinh khương và 20 g thạch cao. Sắc uống đến khi hết triệu chứng bệnh thì ngưng (Như Ý, 2020).	x		
20	Chữa hen suyễn lâu ngày, thiếu máu và da xanh xao: Bán hạ nam (chế) 8 g, cam thảo, trần bì và phục linh mỗi vị 10 g, thục địa và đương quy, mỗi vị 12 g. Sắc uống (Như Ý, 2010).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Điều trị viêm phế quản mạn tính, đờm nhiều và khí suyễn: Dùng 15 g bán hạ nam (chế), 10 g bạch thược, 10 g ma hoàng, 5 g quế chi, 5 g sinh cam thảo, 5 g can khương, 5 g tế tân, 5 g, ngũ vị tử. Sắc thuốc uống. Sử dụng liên tục cho đến khi triệu chứng bệnh giảm dần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Điều trị viêm phế quản mạn tính, đờm nhiều và khí suyễn: Bán hạ nam (chế) 15 g, cam thảo 10 g, tô tử 15 g, trần bì 10 g. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Trị chứng buồn nôn, đầy trướng bụng: Sử dụng bán hạ nam, cam thảo, bạch linh và trần bì, mỗi vị 12 g sắc chung với 12 g sinh khương. Hoặc cũng có thể dùng 40 g bán hạ nam (chế), 32 g phèn chi và 28 g chỉ xác. Sắc mỗi ngày 1 thang (Như Ý, 2010).	x		
24	Chữa tâm hồi hộp, đờm hàn, ho, chứng khó ngủ: Bán hạ nam (chế) 8 g sắc với trúc nhựa 8 g, bạch linh, trần bì và cam thảo, mỗi vị 10 g (Như Ý, 2010).	x		
25	Trị rắn cắn, ong đốt: Rửa sạch củ bán hạ nam, gọt vỏ, giã nát và đắp lên chỗ bị ong đốt. Đối với trường hợp rắn cắn, đầu tiên cần loại bỏ hết chất độc rồi đắp củ bạn hạ nam đã giã nát lên. Tuy nhiên, người bệnh cũng cần theo dõi, tránh trường hợp chất độc còn sót lại gây nguy hại đến tính mạng (Như Ý, 2010).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không phối hợp với Phụ tử.

Không nên dùng cho người âm hư, ho khan, khạc máu.

Thận trọng khi dùng cho người mang thai.

Theo nghiên cứu trên động vật, dịch chiết cồn của bán hạ có thể gây co quắp ở con vật đến chết. Tác dụng này giống như tác dụng hưng phấn của bán hạ đối với mạt tiêu thần kinh.

Bán hạ được dùng cho những đối tượng bị nôn mửa, đờm thấp, hen suyễn, nhức đầu, mất ngủ; dùng ngoài có tác dụng tiêu thũng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

334. Ngãi quấn

Ngãi tổ, Ngãi xoắn, Ngãi Ấn, Ngãi quấn, Ngãi Thái

Công dụng: Một công dụng đặc biệt về cây mà chưa biết đó là khả năng làm lành vết thương.

Tính vị: Chưa có nghên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghên cứu

Bộ phận sử dụng: Chưa có nghên cứu

Nguồn gốc: Xuất xứ từ Thái Lan

Phân bố ở Cà Mau: Cây xuất hiện ở huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương)

Sinh cảnh: Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**:
  - **Bộ**:
    - **Họ:**
      - **Chi**:
        - **Loài**:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân mềm, không có nhánh. Cây không có nhánh
Lá cây	Lá cây mọc ra từ thân ngọn cây, có dạng bẹ, khoảng cách giữa các lá rất sát nhau. Lá cây dẹt và dài, khi trưởng thành có thể dài đến 40 – 50cm.. Lá của cây Ngải Tổ - Ngải Ấn quấn lấy nhau , lá ngoài chưa kịp mở ra thì lá trong đã mọc vươn đẩy lên , vì vậy cứ như thế các lá ngoài giữ lấy đầu lá trong tạo thành một dẫy lá quấn vào nhau như bàn tay bắt ấn
Hoa	Hoa của cây mọc ra từ gốc. Cuống hoa dài vươn lên trên, ngọn cuống chứa một cụm hoa, mỗi cụm có thể có từ 5 – 10 bông hoa. Hoa cây nở có màu trắng rất đẹp.. .
Mùi hương	Hoa có mùi thơm về chiều tối , một mùi thơm nhè nhẹ rất dễ chịu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Làm mau lành gân cơ bị tổn thương và làm tan máu bầm, hút ra vỡ miệng và làm tan 1 số mục u ,bứu gần ngoài da: Lấy lá cây giã nát, bó chổ đau	x		
2	Chữa vết sưng, đau nhức: Lấy lá cây ngải quắn giã nát và đắp lên vùng da bị va đập	x		
3	Trị ung thư: Lấy 20 cm lá Ngãi quắn với 3 lá Bìm bịp vào 2 lít nước, nấu uống.			x
4	Trị mục: Lấy mỗi thứ 1 nắm: Ngãi quắn, Ngãi cứu, Cỏ bông nách, đâm với chút muối, xào giấm, đắp vào mục			x
5	Trị bệnh phổi, đàm: Lấy 1 củ Ngãi quắn nhai, nuốt luôn xác			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên ăn hay uống trừ bệnh với cây này ,vì chỉ là mô tả sơ qua thôi ,không chuyên về ngành y nam dược ,cho nên ta không nên tự tiện dùng trị bệnh như ăn uống với nó .

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

335. Ngãi trứng vịt

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cúu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau: Ngãi trứng vịt chỉ được tìm thấy ở huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)

Sinh cảnh: Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
Lớp:
Bộ:
Họ:
Chi:
Loài:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Cây thân thảo

336. Ngải xương rồng

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau: Ngãi xương rồng chỉ được tìm thấy ở huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân)

Sinh cảnh: Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc và làm kiểng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
Lớp:
Bộ:
Họ:
Chi:
Loài:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Cây thân thảo

337. Ngâu — *Aglaia odorata* Lour., 1790

Ngâu tàu, Ngâu dại

Công dụng: Quả và rễ làm thuốc gây nôn. Lá chữa ghẻ. Hoa chữa khí uất ngực đau nhói, ăn không tiêu, bụng đầy trướng, sốt, vàng da, hen suyễn. Cành lá chữa đòn ngã tổn thương, ung nhọt. Tinh dầu dùng sát trùng.

Tính vị: Hoa có vị ngọt, cay, tính bình

Cành lá có vị hơi cay, hơn ấm.

Quy kinh: kinh Phế, Can và Vị

Bộ phận dùng: Hoa và lá - Flos et Folium Aglaiae Duperreanae.

Thành phần hóa học: Hoa chứa tinh dầu

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Malaixia, Thái Lan, Trung Quốc, Philippin và Việt Nam
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện U Minh, Thành Phố Cà Mau, huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc
Mùa hoa quả	Quanh năm,
Thu hoạch	Thu hái thân lá quanh năm
Chế biến	Hoa hái vào lúc đã chín vàng nhạt và thơm. Phơi hay sấy khô để dành. Lá hái dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)

→ **Họ:** Meliaceae (Xoan)

→ **Chi**: Aglaia (Gội, Ngâu)

→ **Loài**: *A. odorata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ, gỗ vàng vàng
Chiều cao cây	Cao đến 4m hay hơn
Vỏ cây	Võ xám
Lá cây	Lá kép mang 3-5 lá chét xoay ngược, dài 1.5 -3 đầu tròn, gốc tù nhọn, không lông, dai, cuống chung có cành thấp dài 3-5cm . Lá kép lông chim thường mang 3-5 lá chét to, dài 4-9cm, rộng 1,5-3cm, không lông, chóp tù, gốc nhọn, cuống chung hơi có cánh
Hoa	Hoa mọc thành chùm đơn hay chia nhánh ở nách lá. Hoa nhỏ, màu vàng rất thơm, tạp tính, 5 cánh hoa, cao 2mm, 5 bao phấn dính gần miệng ống nhị.
Quả/trái	Trái hạch đỏ, đường kính 1-1.5 cm, chứa 1 hạt.
Hạt	Hạt có áo hạt vàng vàng
Mùi hương	Hoa có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa chứng bế kinh: Hoa ngâu 10g, rượu 50g. Cho hoa vào rượu, thêm vào chút nước, nấu cách thủy đến khi hoa chín nhừ, để nguội uống. Uống trước ngày có kinh 5 ngày, ngày uống một lần vào buổi tối trước khi đi ngủ, uống liền 5 ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
2	Hỗ trợ điều trị hen suyễn: Uống trà có ướp hoa ngâu hoặc hoa ngâu ngâm nước sôi già để nguội uống đều có kết quả tốt (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
3	Chữa chứng viêm khí quản: Hoa ngâu lượng dùng thích hợp, nghiền thành bột, mỗi lần dùng 3g uống với nước sôi để nguội còn ấm, ngày uống 3 lần (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
4	Đánh tan máu bầm: Lấy quả ngâu để ăn khi bị bầm tím do tai nạn, sẽ giúp máu bầm nhanh tan và không còn cảm giác sưng đau. Hoặc chuẩn bị hoa ngâu và lá ngâu mỗi loại 50g, sắc cùng với hơn nửa lít nước cho đến khi hỗn hợp quánh lại tạo thành cao. Lấy cao đó bôi lên vết bầm tím cũng sẽ giúp đánh tan máu bầm một cách nhanh chóng (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
5	Hỗ trợ điều trị tăng huyết áp: Hoa ngâu 10g, hoa cúc 30g. Tất cả cho vào ấm hãm với nước sôi. Ngày uống 3 lần vào sáng, trưa, tối, uống lúc nguội. Mỗi liệu trình uống trong 15 ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
6	Đau nhức xương khớp khi thay đổi thời tiết: Cành lá ngâu 30g, dây đau xương 20g, cốt toái bổ 10g, Ké đầu ngựa 10g. Tất cả cho vào ấm, đổ 700ml nước, đun nhỏ lửa còn 200ml nước, chia 3 lần uống trong ngày. Dùng liền 10 ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa chứng cao huyết áp: Lấy hoa Ngâu 10g, hoa cúc 30g. Hai thứ gộp chung chia làm 3 đến 5 phần bằng nhau. Khi dùng cho 1 phần chén rót nước sôi già vào hãm để nguội uống. Uống hết 3 đến 5 phần đó trong ngày (Thiện tri thức, nd).	x		
8	Chữa chứng Mai hạch khí: là chứng nghẹn hơi ở cuống họng khạc không ra, nuốt không xuống, để chữa chứng này, dùng một lượng hoa ngâu thích hợp, gạo tẻ vo kỹ nấu thành cháo, khi ăn cho 3g hoa ngâu vào cháo khuấy đều, ngày dùng 2 lần – Bách Hoa trị bách bệnh (Thiện tri thức, nd).	x		
9	Chữa chứng bế kinh: Hoa ngâu 10g, hoàng tửu 20ml. Cho hoa vào rượu thêm chút nước nấu cách thủy đến khi hoa chín nhừ để nguội uống. Uống trước ngày có kinh 3 ngày, uống liền trong 5 ngày. Ngày uống một lần (Thiện tri thức, nd).	x		
10	Chữa chứng say rượu: dùng Hoa ngâu, hoa sắn (cát hoa) mỗi thứ 10g. Gộp chung cả hai thứ hoa cho vào ly, rót nước sôi già vào ngâm, để còn âm ấm thì uống (Thiện tri thức, nd)	x		
11	Chữa chứng bế kinh: Hoa ngâu 10g, hoàng tửu 20ml. Cho hoa vào rượu thêm chút nước nấu cách thủy đến khi hoa chín nhừ để nguội uống. Uống trước ngày có kinh 3 ngày, uống liền trong 5 ngày. Ngày uống một lần – Bách hoa trị bách bệnh.	x		
12	Chữa chứng Mai hạch khí: là chứng nghẹn hơi ở cuống họng khạc không ra, nuốt không xuống, để chữa chứng này, dùng một lượng hoa ngâu thích hợp, gạo tẻ vo kỹ nấu thành cháo, khi ăn cho 3g hoa ngâu vào cháo khuấy đều, ngày dùng 2 lần – Bách Hoa trị bách bệnh.	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Quả ngâu mặc dù có nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe, tuy nhiên không nên sử dụng quá nhiều trong ngày có thể gây ra tình trạng đầy bụng, ợ hơi.

Quả ngâu có vị ngọt cao, do đó không phù hợp cho những người thừa cân, béo phì sử dụng.

Người bị đái tháo đường cần hạn chế sử dụng quả ngâu để ăn hàng ngày kẻo sẽ ảnh hưởng đến đường huyết trong máu.

Quả ngâu không phù hợp cho phụ nữ đang mang thai vì nó kích thích co bóp tử cung, gây xuất huyết, có thể gây sảy thai hoặc sinh non.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

338. Nghệ — *Curcuma longa* L., 1753

Nghệ vàng, Khương hoàng, Co hem, Co khản mỉn (Thái), Uất kim, Nghệ nhà, Nghệ trồng

Công dụng: Thường dùng chữa kinh nguyệt không đều, bế kinh, ứ máu, vùng ngực bụng khí trướng đau nhức, đau liên sườn dưới khó thở, sau khi đẻ máu xấu không ra, kết hòn cục trong bụng, bị đòn ngã tổn thương ứ huyết, dạ dày viêm loét, ung nhọt, ghẻ lở, phong thấp, tay chân đau nhức.Liều dùng: 4-12g, dạng thuốc sắc. Dùng ngoài, lấy Nghệ tươi vắt nước để bôi ung nhọt, viêm tấy lở loét ngoài da. Còn dùng dạng bột 2-4g, chia làm hai lần

Tính vị: Nghệ có vị đắng, cay, mùi thơm hắc, tính ấm.

Quy kinh: Can, tỳ

Bộ phận dùng: Thân rễ (củ)

Thành phần dinh dưỡng	Nước 13,1%; protein 6,3%; chất béo 5,1%; chất vô cơ 3,5%; sợi 2,6%; carbonhydrat 69,4% và caroten tính theo vitamin A. Tinh dầu Nghệ chứa: d. phelandren 1%, d. sabinen 0,6%; cineol 1%; borneol l0,5%; zingi; beren 25%; sesquiterpen (tuemeron) 58%...Các chất màu phenolic trong củ Nghệ chủ yếu là dẫn chất của diarylheptan, 3 chất chủ yếu là curcumin, bis(4-hydroxy-cinnamoyl)- methan và 4-hydroxycinamoyl feruloyl methan
Thành phần hóa học	Trong nghệ, người ta đã phân tích được: 1. Chất màu curcumin 0.3%, tinh thể nâu đỏ, ánh tím, không tan trong nước, tan trong rượu, ete, clorofoc, dung dịch có huỳnh quang màu xanh lục. Tan trong axit (màu đỏ tươi), trong kiềm (màu đỏ máu rồi ngả tím), trong chất béo (dùng để nhuộm các chất béo). Công thức curcumin đã được xác định như sau: 2. Tinh dầu 1-5 % màu vàng nhạt, thơm. Trong tinh dầu có curcumen C15H24 một carbon không no, 5% paratolylmetyl cacbinol và 1% long não hữu tuyến. Hai chất sau chỉ thấy có trong tinh dầu Curcuma xanthorriza Roxb. 3. Ngoài ra còn tinh bột, canxi oxalat, chất béo. Theo R. R. Paris và H. Moyse (1967, 11, 78) củ nghệ chứa chứa 8-10% nước, 6-8% chất vô cơ, 40-50% tinh bột nhựa. Hoạt chất của nghệ gồm: 1. Tinh dầu 3-5 % gồm 25% cacbua tecpenic, chủ yếu là Zingiber en và 65% xeton sespuitecpenic, các chất turmeron.

	2. Các chất màu vàng gọi chung là curcumin. Curcumin chính thức (còn gọi là Curcumin I) chiếm 60% đây là một dixeton đối xứng không no có thể coi như là diferuloyl-metan (axit ferulic là axit hydroxy-4-metoxy-3-xinamic). Curcumin II hay monodesmetoxy-curcumin chiếm 24% và curcumin III hay didesmetoxy-curcumin chiếm 14% trong đó 1 hay 2 axit hydroxycinamic thay cho axit ferulic. Theo E. Gildmeister và f. R.Hoffman trong tinh dầu nghệ có 53.1% xeton alpha-beta etylenic ở từ mạch nhánh gắn vào nhân (bao gồm 29.5 % turmeron và 23.6% arylturmeron). (Đỗ Tất Lợi 2004)
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới Tamil Nadu, phía đông nam Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Phú Tân và Thành Phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, ven ao, ven sông, vườn thuốc nam và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5,
Thu hoạch	Thân rễ thường được thu hái tháng 8, tháng 9, cắt bỏ hết rễ để riêng
Chế biến	Cắt bỏ hết rễ để riêng, thân rễ để riêng
Bảo quản	Muốn để lâu, phải hấp trong 6-12 giờ, sau đó để ráo nước đem phơi nắng hay sấy khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Zingiberales (Gừng)
    - **Họ:** Zingiberaceae (Gừng)
      - **Chi**: Curcuma (Nghệ)
        - **Loài**: *C. longa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cât sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 1m
Thân cây	Thân rễ (thường gọi củ Nghệ) hình trụ hay hình bầu dục, phân nhánh: đường kính 1,5-2 cm; có màu vàng tươi, có nhiều đốt, tại các đốt có những vảy khô do lá biến đổi thành.
Lá cây	Lá đơn, mọc từ thân rễ. Phiến lá hình bầu dục, kích thước 22- 40 x 12 – 15 cm, đầu nhọn, bìa phiến nguyên, hơi uốn lượn; màu xanh lục đậm ở mặt trên, nhạt ở mặt dưới. Gân lá hình lông chim, gân chính nổi rõ ở mặt dưới, các gân phụ hơi lồi ở mặt trên. Bẹ lá hình lòng máng, dài 18- 28 cm, ôm sát vào nhau tạo thành một thân khí sinh giả có màu xanh, trên bẹ lá có các đường gân dọc song song. Lưỡi nhỏ là một màng mỏng màu trắng, cao 2-3 mm
Hoa	Cụm hoa mọc từ giữa các lá lên, thành hình nón thưa, lá bắc hữu thụ khum hình máng rộng, đầu tròn màu xanh lục nhạt, lá bắc bất thụ hẹp hơn, màu hơi tím nhạt. Tràng có phiến, cánh hoa ngoài màu xanh lục vàng nhạt, chia thành 3 thùy, thùy trên to hơn, phiến cánh hoa trong cũng chia ba thùy, 2 thùy hai bên đứng và phẳng, thùy dưới hõm thành máng sâu. Hoa màu vàng xếp thành bông hình trụ ở ngọn thân. .
Quả/trái	Quả nang 3 ngăn, mở bằng 3 van.
Hạt	Hạt có áo hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa thổ huyết, máu cam: Nghệ tán nhỏ, ngày uống 4-6g chiêu bằng nước (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
2	Làm mờ sẹo: Cắt lát củ Nghệ xát lên sẹo đang lên da non.	x	x	
3	Chữa vàng da: Nghệ, Nghệ đen, Cỏ cú, quả Quất non, tán bột, trộn với mật ong làm viên (Y Dược học Việt Nam, nd) (Võ Văn Chi, 2012).	x		
4	Cao dán nhọt: Nghệ 60g, củ Ráy 80g, Nhựa thông 40g, Sáp ong 40g, Dầu vừng 80g. Gọt sạch Ráy, giã nhuyễn, nấu nhừ với nhựa, dầu, sáp, Nghệ rồi phết vào giấy mỏng. Dùng dán mụn nhọt (Y Dược học Việt Nam, nd) (Võ Văn Chi, 2012).	x		
5	Thuốc rửa âm đạo (bài thuốc tâm đắc ở An Giang): Bột Nghệ vàng (Nghệ Xà cừ) 30g, Phèn chua phi 20g, Hàn the 20g, nước 500ml. Nấu sôi 15 phút rồi lọc sạch. Nấu sôi lại một lần nữa. Để nguội, dùng nước này bơm rửa trong âm đạo (Y Dược học Việt Nam, nd) (Võ Văn Chi, 2012).	x		
6	Chưa viêm loét dạ dày, tá tràng, đau vùng dạ dày, ợ hơi ợ chua: Nghệ, mộc hương nam, mật ong, lá khôi. Tán bột làm thành viên nén uống.	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa điên cuồng: Nghệ 250g, phèn chua 100g, tán nhỏ, hoà nước cháo viên thành viên bằng hạt ngô. Ngày uống 50 viên, uống hết hai đơn như trên thì khỏi. Đã chữa khỏi một phụ nữ do lo sợ quá độ phát điên đã 10 năm (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
8	Trị viêm gan virut cấp tính: Nghệ 12g; Nhân trần, Bồ công anh, bạch mao căn mỗi vị 40g; chi tử 16g; đại hoàng, hoàng liên mỗi vị 9g. Sắc uống, ngày một thang, chia 3 lần, trước bữa ăn. Uống liền 3 - 4 tuần lễ (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
9	Trị viêm gan mạn tính: Nghệ 4g; côn bố, đình lịch tử mỗi vị 12g; hạt bìm bìm, hải tảo mỗi vị 10g; quế tâm 6g. Sắc uống ngày một thang, chia 3 lần uống trước bữa ăn. Trị sỏi gan, sỏi mật: Nghệ, phèn chua đồng lượng 10g. Hai vị tán bột uống ngày một thang, trước bữa ăn. Nếu có mật gấu gia thêm thì càng tăng công hiệu (Tra cứu dược liệu, nd)	x		
10	Trị kinh nguyệt không đều: Nghệ vàng, xuyên khung, đào nhân, mỗi vị 8g; ích mẫu, kê huyết đằng, mỗi vị 16g; sinh địa 12g. Sắc uống ngày một thang. Uống liền 2 - 3 tuần, trước khi có kinh. Uống vài ba liệu trình cho đến khi các triệu chứng ổn định (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Trị bế kinh đau bụng: Nghệ 15g, huyền hồ 10g. Cả hai đều chích giấm. Sắc uống ngày một thang, chia 3 lần, uống trước bữa ăn. Uống 2 - 3 tuần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Trị trướng bụng, đau bụng: Khương hoàng hoặc Nghệ, hương phụ, sài hồ, đồng lượng 9 - 12g. Sắc uống hoặc làm thuốc bột, ngày một thang, uống trước bữa ăn 1 - 1,5 giờ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Trị mụn nhọt, đinh độc: Nghệ vàng 100g, củ ráy dại 150g, dầu vừng 150g, nhựa thông, sáp ong 70g. Nghệ và củ ráy gọt vỏ, thái mỏng, giã nát. Cho hỗn hợp này vào dầu vừng nấu nhừ. Lọc bỏ bã, thêm nhựa thông, sáp ong vào đun nóng cho tan, quấy đều để nguội, phết lên giấy bản, dán vào mụn nhọt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chưa viêm loét dạ dày, tá tràng, đau vùng dạ dày, ợ hơi ợ chua: Nghệ 10 g, trần bì 12 g, khổ sâm 12 g, hương phụ 10 g, Bồ công anh 10 g, ngải cứu 8 g. Dùng dạng thuốc bột, ngày uống 10-20 g, chia 2 lần (Bạch Long, 2007).	x		
15	Chưa viêm loét dạ dày, tá tràng, đau vùng dạ dày, ợ hơi ợ chua: Nghệ 12 g, đỗ đen sao 20 g, sâm bố chính 12 g, hoài sơn 12 g, thổ phục linh 10 g, trần bì 10 g, mật ong hoặc đường 10 g. Dạng thuốc haonf, ngày uống 10- 20 g (Bạch Long, 2007).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Chữa viêm gan, suy gan, vàng da: Nghệ 5 g, bồ bồ 10 g, chi tử 5 g, râu ngô 5 g, siro đơn hoặc tá dược vừa đủ. Làm thành siro hoặc cốm (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
17	Chữa viêm gan, suy gan, vàng da: Nghệ 6 – 12 g, Nghệ đen, hương phụ, quả quất non, tán bột, trộn với mật ong làm viên thuốc (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
18	Chữa viêm gan, suy gan, vàng da: Nghệ 2 g, Rau má 4 g, hoàng bá nam 3 g, Nhân trần hặc bồ bồ 3g, sài hồ nam 2 g, dành dành 2 g, nhọ nồi 2 g, hậu phác nam 2 g (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
19	Phòng và chữa bệnh sau khi đẻ: Nghệ một củ, nướng, nhai ăn, uống với rượu hay đồng tiện (Như Ý, 2021).	x		
20	Phòng và chữa bệnh sau khi đẻ: Nghệ đốt tồn tính, tán bột, uống với 8 g dấm (Như Ý, 2021).	x		
21	Chữa viêm âm đạo: bột Nghệ vàng 30g, phèn chua 20g, hàn the 20g, sắc với 500ml nước, lọc bỏ bã dùng thụt rửa âm đạo (Như Ý, 2021).	x		
22	Điều kinh, bế kinh, vàng da sau khi sinh: Nghệ vàng, củ gấu, quả quất còn xanh, cả 3 thứ sấy khô tán bột với mật ong làm thành viên uống hằng ngày (Như Ý, 2021).	x		
23	Cao dán mụn nhọt: Nghệ vàng 60g, củ ráy 80g, nhựa thông 40g, sáp ong 40g, dầu vừng 80g. Tất cả giã nhuyễn, trộn đều, phết lên giấy làm cao dán (Như Ý, 2021).	x		
24	Vết thương phần mềm: bột Nghệ 30g, bột Rau má 60g, phèn chua 10g. Tất cả tán nhuyễn dùng băng bó vết thương (Như Ý, 2021).	x		
25	Giúp mát gan ăn được ngủ được: Lấy cả cây Nhãn lồng, Sò huyết,Ngãi cứu,Cỏ lông gà, Ngà voi, để tươi hoặc phơi khô nấu chung với Cỏ cú, Bông trang. Sắt 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống ngày 1 hoặc 2 lần			x
26	Trị bướu, trị bệnh tim: Lấy bông Nghệ, bông Lục bình, cây Nguyệt quế nấu nước uống			x
27	Trị thần kinh tọa: Lấy 400g Củ đèn, 200g Dây thần thông, 200g củNNghệ, 200g rễ Nhàu, thêm vào 1 lít rượu, ngâm uống. Uống 1/2 ly rượu/3 ngày.			x
28	Trị đau bao tử: Lấy củ Nghệ tươi hoặc khô xay nhuyễn, pha với mật ong, uống dần			x
29	Trị đau dạ dày, trào ngược dạ dày: Lấy củ Nghệ khô xay, sau đó thêm ít mật ong, khuấy đều, uống.			x
30	Trị viêm họng, trị đau bao tử: Lấy củ Nghệ, đâm với mật ong rồi ăn.			x

Lưu ý khi sử dụng: *Người cơ thể hư nhược, không có ứ trệ, không nên dùng. Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*

339. Nghệ đen — *Curcuma zedoaria* (Christm.) Roscoe, 1807

Ngãi xanh, Nghệ đen, nghệ xanh, Nghệ tím, Ngải tím, Tam nại

Công dụng: Thân rễ được dùng chữa: Ung thư cổ tử cung và âm hộ, ung thư da; Đau kinh, bế kinh huyết tích, kinh nguyệt không đều; Khó tiêu, đầy bụng, mửa nước chua; Các vết thâm tím trên da. Rễ củ dùng như Nghệ trắng

Tính vị: Thân rễ Nghệ đen có vị đắng, cay, mùi thơm hăng, tính hơi ấm.

Quy kinh: Can, Tỳ, Phế, Túc Quyết tâm Can

Bộ phận dùng: Thân rễ và rễ củ

Thành phần hóa học	Trong thân rễ và rễ củ có tinh dầu (1,5%), chất nhựa (3,5%), curcumin và chất nhầy. Tinh dầu màu vàng xanh nhạt, sánh, có mùi giống Long não, chủ yếu gồm các sesquiterpen (48%); các thành phần chính của tinh dầu (curzerenon, zingiberen, α-phellandren, β-eudesmol, germacron, cineol, cymene…) thay đổi theo điều kiện địa lý khí hậu.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở đông bắc Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (xã Tân Lộc) và huyện U Minh (xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, xã Khánh Hưng), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước, xã Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng, xã Hàng Vịnh, thị trấn Năm Că
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, ven ao, vườn thuốc nam và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 5, Tháng 4 đến 5
Thu hoạch	Thu hái vào đầu tháng 11-12, loại bỏ cây, thân và lá.
Chế biến	Đem củ lùi trong tro nóng đợi đến khi chín mềm. Sau đó đem giã nát, tẩm giấm và sao (theo Bản Thảo Cương Mục). + Đổ giấm vào chậu sành có đáy nhám, sau đó mài nga truật và hơ trên than lửa đến khi bột khô hoàn toàn (theo Lôi Công Bào Chế Dược Tính Giải). + Dùng củ tươi, rửa sạch, thái lát và phơi khô. Khi dùng nên lấy một lượng vừa đủ đem tẩm giấm và sao qua (theo kinh nghiệm Việt Nam). + Đem củ nghệ đen đồ chín rồi phơi khô, sau đó đem xắt nhỏ rồi tiếp tục phơi. Hoặc đồ chín rồi ngâm giấm (dùng 160g giấm, 160ml nước với 600g nghệ đen), đem đun cho đến khi cạn, xắt mỏng và phơi khô (theo

	Dược Tài Học).
Bảo quản	Đậy kín, sấy phơi và để nơi khô ráo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Zingiberales (Gừng)

Họ: Zingiberaceae (Gừng)

Chi: Curcuma (Nghệ)

Loài: *C. zedoaria*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cât sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao đến 1,5m
Rễ cây	Thân rễ hình nón có khía chạy dọc, mang nhiều củ có thịt màu vàng tái chuyển màu xám khi tiếp xúc với không khí
Củ	Ngoài những thân rễ chính, một số rễ mập phát triển thành cơ quan dự trữ ở đầu tạo nên các 'củ phụ' có cuống, hình trứng hay hình quả lê màu trắng
Lá cây	Lá dài 30-60 cm, rộng 7-8 cm có sọc đỏ dọc theo gân chính,Lá bắc dưới xanh nhạt, lá bắc trên vàng và đỏ
Hoa	Cụm hoa mọc riêng rẽ với các chồi lá, thường mọc trước khi có lá. Hoa nhiều, màu vàng, dài hình ống có lông, 3 răng không đều, tràng có ống dài gấp 3 lần đài, thùy hình mũi mác, bao phấn kéo dài thành cựa chẽ ngang, trung đới dạng bản tròn, ngắn, chỉ nhị dính với các nhị lép. Bầu có lông, nhụy lép hình giùi. .
Quả/trái	Quả hình trứng, ba cạnh, nhẵn.
Hạt	Hạt thuôn, áo hạt trắng
Mùi hương	Mùi thơm hăng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị huyết tích, bế kinh: Dùng Nghệ vàng, Nghệ đen, Nghệ trắng sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Trị viêm da thần kinh (thủy đậu, zona): Chế Nghệ đen thành thuốc chích, đem chích bắp hoặc chích huyệt (không tự ý thực hiện tại nhà) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Ung thư tử cung: Dùng tinh dầu 10-30ml tiêm tại chỗ ngày 1 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Quốc gia).			
4	Trị ngực bụng đầy trướng, nôn mửa, ăn uống tích trệ: Dùng tam lăng, nga truật mỗi thứ 1.15g, hương phụ 6g, sa nhân 3g, chỉ xác 6g, lô hội 3g, trần bì 9g, la bặc tử 1.15g, thanh bì 6g, hồ hoàng liên 3g, hồ tiêu 3g. Đem tán bột, trộn hồ làm thành viên. Mỗi lần uống 1 – 9g với rượu nóng, ngày dùng 2 lần. Kiêng cử đồ lạnh trong thời gian dùng thuốc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Trị trẻ nhỏ rối loạn tiêu hóa, đau bụng: Dùng tam lăng, nga truật mỗi thứ 5g, chế hương phụ 6g, sa nhân 3g, hồ hoàng liên 3g, lô hội 3g, trần bì 10g, la bặc tử 5g, thanh bì 6g, chỉ thực 6g, hồ tiêu 5g. Đem tất cả tán bột, trộn với hồ và vo thành hoàn. Mỗi lần uống từ 3 – 6g với rượu gạo ấm, ngày dùng 2 lần. Kiêng thức ăn sống, có tính lạnh trong thời gian dùng thuốc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Trị bụng đau, tắt kinh: Dùng xuyên khung 5g, bạch thược, bạch chỉ, thục địa mỗi thứ 10g với nga truật 8g. Đem tán bột mịn, mỗi lần dùng 10g uống với nước muối nhạt, ngày dùng 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Trị gãy xương: Dùng điền thất, nga truật, đào nhân, đài mã dược mỗi thứ 6g, tam lăng, xích thược, tục đoạn, trạch lan, thổ miết, oai linh tiên, cốt toái bổ, hồng hoa mỗi thứ 3g, quy vĩ 12g, sinh địa 9g. Đem các vị sắc với 500ml rượu, mỗi ngày dùng 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa sắc kinh xấu, đau bụng kinh: Dùng ích mẫu 16g, ngải cứu 8g, Nghệ đen 20g đem sắc với 500ml nước, còn lại 200ml. Chia thành 2 lần uống, dùng trước khi ăn. Dùng bài thuốc từ 5 – 7 ngày trước kỳ kinh (Thu Vân, 2017).	x		
9	Dưỡng huyết, bổ khí: Dùng bạch chỉ, cam thảo, thục địa, xuyên khung, Nghệ đen, hồi hương, đương quy, bạch thược mỗi thứ 40g. Đem các vị tán bột, hoàn thành viên. Ngày dùng từ 8 – 12g (Thu Vân, 2017).	x		
10	Chữa đầy bụng: Nghệ đen, Tam lăng mỗi vị 6g, Lúa mạch 9g, vỏ Quýt 15g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa tích huyết, Hành kinh máu đông thành cục, khi thấy kinh đau bụng hoặc rong kinh ra huyết đặc dính, rỉ rỉ: Nghệ đen và Ích mẫu, mỗi vị 15g sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Chữa bỗng dưng đau bụng do khí lạnh, hoặc thường chợt đau bụng từng cơn (do tích trệ): Nghệ đen 2 lạng, Mộc hương 1 lạng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 g với nước giấm nhạt (theo Nam dược thần hiệu).	x		
13	Chữa chứng nôn ở trẻ đang bú: Nghệ đen 4g, muối ăn 3 hạt, đun với sữa cho sôi chừng 5 phút, hòa tan tý chút ngưu hoàng (lượng bằng hạt gạo). Cách dùng: Chia uống nhiều lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa cam tích, trẻ biếng ăn, suy dinh dưỡng, đại tiện phân thối khẳn: Nghệ đen 6g, hạt muồng trâu 4g. Sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa chứng ăn kém, chậm tiêu, đầy hơi, mệt mỏi, lạnh bụng, đại tiện phân sống, nấm mạn tính đường ruột (Nghệ đen hoàn): Nghệ đen 160g, cốc nha 20g, khiên ngưu (sao) 40g, hạt cau 40g, đăng tâm (bấc lùng) 16g, nam mộc hương 16g, thanh bì 20g, thanh mộc hương 20g; củ gấu 160g, tam lăng 160g, đinh hương 16g. Tất cả các vị tán thành bột mịn, hoàn thành viên. Liều dùng: Ngày uống 8 đến 12g với nước sắc gừng (nướng chín) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Bổ khí, dưỡng huyết, trị nhiều bệnh về khí huyết. (Nghệ đen tán): Nghệ đen, bạch chỉ, hồi hương, cam thảo, đương quy, thục địa, bạch thược, xuyên khung. Lượng các vị bằng nhau (đều 40g). Tất cả các vị tán bột, hoàn thành viên. Liều dùng: uống 8 đến 12g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Trị đau bao tử: Củ Nghệ đen cạo vỏ, đâm nhuyễn, pha 1 ít mật ong, uống. Uống trước bữa ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			x
18	Trị đau bao tử, gan: Lấy 1 củ Nghệ đen gọt vỏ, giã nát, rồi trộn với mật ong. Sau đó vò viên lại. Sử dụng: buổi sáng 2-3 viên, buổi chiều: 2-3 viên (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			x
19	Trị bao tử: Lấy 1 nắm nhỏ củ Nghệ đen đâm, vắt lấy nước, uống. Uống hàng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Phụ nữ có thai không nên dùng, nếu dùng phải kết hợp với Sâm và Truật. Đồng thời không dùng cho người suy nhược không có khí trệ (theo Trung Quốc Dược Học Đại Từ Điển

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

340. Nghệ trắng — *Curcuma aromatica* Salisb., 1808

Nghệ xanh, nghệ rừng, nghệ Meo, nghệ Lào, ngọc kinh.

Công dụng: Tức ngực, trướng bụng; Nôn ra máu, chảy máu cam, đái ra máu; viêm gan mạn, xơ gan đau nhức, hoàng đản; kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh; Động kinh, Thấp khớp

Tính vị: Uất kim vị cay hơi ngọt, tính hàn

Quy kinh: can, tâm, phế

Bộ phận dùng: Thân rễ và củ Nghệ rừng được sử dụng để làm dược liệu. Đông y thường gọi Uất kim

Thành phần hóa học	Thân rễ có chứa 6.1% tinh dầu, màu trắng vàng nhớt và có mùi long não gồm hai chất dầu, một cái nhẹ, một cái nặng hơn nước, một chất nhựa mềm đắng, một chất chiết xuất cũng đắng, một chất màu là curcumin Trên thế giới, nghệ trắng được sử dụng để chiết tinh dầu. Tinh dầu nghệ trắng được sử dụng trong công nghiệp dược và các ngành công nghiệp liên quan (thực phẩm, mỹ phẩm).Theo Lưu Thị Huế ; Phạm Văn Thiêm, thành phần hoá học chính của tinh dầu nghệ trắng ở Cao Bằng gồm có: borneol; 53%; camphor: 16,61%; limonene: 7,78%; alpha-limonene diepoxy: 2,34%; byclo 3.10; terpineol: 1,42% ... Còn lại các hợp chất thuộc nhóm Sesquiterpenoid chiếm trên 10% trọng lượng tinh dầu.
Nguồn gốc	Có nguồn gốc từ Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Ở cà Mau Nghệ trắng chỉ được tìm thấy ở huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 4 - 6,
Thu hoạch	Thu hoạch thân rễ vào mùa thu hay đông
Chế biến	Nghệ trắng đào lấy thân rễ loại bỏ các rễ con, rửa sạch, ngâm nước cho mềm rồi thái bào mỏng đem phơi khô hoặc sấy. Thu hoạch thân rễ vào mùa thu hay đông Sau khi thu hoạch, người ta tách riêng thân củ cái và củ con. Thân củ cái được gọi là khương hoàng, củ con được gọi là uất kim. Cần chú ý khi dùng.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Zingiberales (Gừng)

Họ: Zingiberaceae (Gừng)

Chi: Curcuma (Chi Nghệ)

Loài: *C. aromatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây có chiều cao từ 20 – 60cm (1m)
Rễ cây	Rễ với các củ hình thoi, màu vàng.
Thân cây	Thân rễ phân nhiều nhánh, ruột màu vàng, hình elip hoặc hẹp như vậy, mọng thịt, mùi rất thơm.
Lá cây	Lá mọc thành bụi thưa. Cuống lá dài bằng phiến lá; phiến lá thuôn dài-hình elip, 30-60 × 10–20 cm, màu xanh lục, mặt gần trục nhẵn nhụi, mặt xa trục có lông tơ, đáy thon nhỏ dần, đỉnh hình đuôi hẹp.
Hoa	Cụm hoa mọc từ ở dưới gốc, ở bên gồm một nón vẩy lõm, lợp lên nhau, màu xanh lục, có 3 đến 6 hoa và ở phần trên có có những vẩy khác lớn hơn, thưa, màu hồng và không thụ phấn được. Hoa màu tím ở phía ngoài của tráng hoa, trên phiến giữa có màu vàng, phiến này có kích thước lớn hơn so với phía ngoài.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa các bệnh lý về gan đặc biệt là viêm gan mạn tính: Dùng Nghệ trắng, lá móng tay, nga truật, thanh bì, trần bì, sơn tra, huyết giác, mộc thông, huyết giác, quyết minh tử (sao), mỗi vị 12g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa các bệnh ho gà: Giã nát 20g Nghệ trắng rồi đem tẩm với rượu cho vào hũ lọ đậy nắp kín lại rồi chưng hấp cách thủy khoảng một tiếng đồng hồ rồi đem uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa các bệnh lý về mạch vành có cơn đau thắt ngực: Nghệ trắng, diên hồ sách, hồng hoa, đan sâm, đương quy mỗi vị 09g, hổ phách 3g, giáng hương 4,5g, tam thất 3g. Đối với tam thất và hổ phách nghiền nhỏ thành bột mịn chia 2 phần	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	nhỏ uống chung với nước sắc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
4	Phụ nữ sau sinh bị băng huyết, đau bụng kinh nhiều: Nghệ trắng, hương phụ tứ chế, cỏ nhọ nồi mỗi vị 20g, ngải cứu nên sao đen 12g, tô mộc 16g sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa các bệnh lý về sỏi túi mật: Nghệ trắng, chỉ xác, đại hoàng, xuyên luyện tử mỗi vị 9g, Nhân trần, kim tiền thảo mỗi vị 30g thêm sài hồ 8g, mộc hương 6g sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa viêm khớp hiệu quả Nghệ trắng kết hợp với nhọ nồi (sao cháy), hương phụ tử chế, mần tưới (sao vàng) mỗi vị 20g, tô mộc 16g, ngải cứu 12g (sao đen), sắc uống 2 lần trong ngày để chữa băng huyết, máu xấu, đau bụng kinh. Ngoài ra, nhân dân vùng đồng bằng miền nam dùng thân, rễ Nghệ trắng chữa sưng tấy, tê thấp. Nghệ trắng còn được coi như một vị thuốc bổ dùng cho phụ nữ sau sinh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa nôn ra máu: Nghệ trắng, Địa long, Đơn bì, Chi tử, mỗi vị 10g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị viêm gan cấp tính truyền nhiễm: Sử dụng bột Nghệ (Khương hoàng) (Curcuma longa L.) hoặc Nghệ trắng (Uất kim) (Curcuma aromatica Salisb.) mỗi lần uống 5g, ngày uống 3 lần. Đã điều trị 33 ca trong đó có 22 ca cấp tính, 11 ca mạn tính, kết quả lành bệnh 21 ca, bệnh giảm nhẹ 11 ca, không hiệu quả 1 ca, liệu trình điều trị trung bình 31 ngày. Sau khi điều trị, men gan hạ xuống đến mức trung bình thường 18 ca, giảm nhẹ 9 ca. Trong khi sử dụng thuốc không có tác dụng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa phong thấp, bong gân, trật khớp: Sử dụng Uất kim, Nhân hạt gấc, rễ Ô đầu, tất cả đều 10 g, giác nhỏ, ngâm với rượu và mật trăn. Sau một tháng có thể dùng xoa bóp điều trị các chứng phong tê thấp, đau nhức xương khớp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa chứng đau tức ngực, đau mạch vành: Sử dụng Nghệ trắng, Hồng hoa, Đan sâm, Diên hồ sách (chích giấm), Đương quy (chích rượu), mỗi vị đều 9 g, Giáng hương 4.5 g, tán mịn, sắc thành thuốc. Lại dùng Hổ phách, Tam thất, mỗi vị 3 g, tán thành bột mịn, trộn đều dùng uống với phần thuốc sắc trên. Uống thuốc trước bữa ăn chính 1.5 – 2 giờ, uống liên tục trong 3 – 4 tuần là một liệu trình. Tùy theo tình trạng bệnh mà có thể sử dụng lặp lại liệu trình mới (Phạm Xuân Sinh, 2013).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Chữa sỏi trong túi mật: Sử dụng Nghệ trắng (sao khô), Đại hoàng, Xuyên luyện tử, Chỉ xác, Sài hồ, đều sao vàng, Diên hồ sách (chích giấm), mỗi vị đều 9 g, Kim tiền thảo, Nhân trần, đều sao khô, mỗi vị đều 30 g, Mộc hương (vi sao) 6 g, sắc thành thuốc, chia thành 3 lần dùng uống trong ngày, uống thuốc trước bữa ăn. Mỗi ngày uống một thang thuốc, uống liền trong 3 – 4 tuần (Phạm Xuân Sinh, 2013).	x		
12	Chữa chứng ho gà: Dùng Nghệ trắng 20 g, rửa sạch giã nát, thêm vào 20 ml rượu trắng 30 độ sao cho đủ ướt Nghệ. Sao đó dùng hấp cách thủy trong 1 giờ. Sau đó gạn lấy phần dịch chiết, uống 2 – 3 lần trong ngày. Uống đến khi nào các triệu chứng bệnh ho gà thuyên giảm thì ngừng (Phạm Xuân Sinh, 2013).	x		
13	Điều trị viêm đau bụng kinh, máu xấu, băng huyết: Sử dụng Uất kim kết hợp với Nhọ nồi (sao cháy), mần tưới (sao vàng), Hương phụ tử chế, mỗi vị 20 g, Ngải cứu (sao đen) 12 g, Tô mộc 16 g, sắc thành thuốc, dùng uống 2 lần mỗi ngày. Sử dụng mỗi ngày một thang thuốc, chia thành 3 lần, vào trước kỳ kinh nguyệt khoảng 2 tuần, uống liên tục trong 2 tuần (Phạm Xuân Sinh, 2013).	x		
14	Đau bụng kinh do kinh nguyệt không đều có thể sử dụng Nghệ trắng, Sinh địa, mỗi vị 6 g hầm với xương giò lợn, dùng ăn mỗi ngày một lần, tuần ăn 3 – 4 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa đau vùng gan, viêm gan mạn tính: Sử dụng Nghệ trắng, Nga truật (sao vàng), Thanh bì, Chỉ xác (thái chỉ, sao vàng), lá Móng tay (Sao khô), Thảo quyết minh, Mộc thông, Tô mộc, Sơn tra, Huyết giác, đều sao vàng. Mỗi vị thuốc phân lượng đều nhau, khoảng 10 – 12 g, sắc thành thuốc, chia thành 3 lần dùng uống trong ngày trước bữa ăn chính. Mỗi ngày sử dụng một thang thuốc, liên tục trong 3 – 4 tuần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Điều trị nôn ra máu: Sử dụng Nghệ trắng, Đơn bì, Chi tử, Địa long, mỗi vị 10 g, sắc uống, mỗi ngày một thang thuốc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Trị can đởm uất kết, ngực trướng đau, kinh nguyệt không đều, khi Hành kinh đau bụng, sữa căng: Bài 1 - Tuyên uất thông kinh thang: uất kim 12g, sài hồ 12g, đương quy 12g, bạch thược 12g, đơn bì 12g, hoàng cầm 12g, hương phụ 8g, chi tử 8g, bạch giới tử 6g. Sắc uống. Trị đau bụng trước khi Hành kinh, hoặc đau do uất gan, dạ dày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Trị can đởm uất kết, ngực trướng đau, kinh nguyệt không đều, khi Hành kinh đau bụng, sữa căng: Bài 2: kê nội kim 16g, kim tiền thảo 20g, uất kim 12g, hồ tào 20g, hải kim sa 20g. Sắc uống (Nguyễn Đức Quang, 2019).	x		
19	Thanh tâm an thần: Bài 1 - Hoàn uất kim: uất kim 7 phần, phèn chua 3 phần. Nghiền với nhau thành bột mịn, thêm nước làm hoàn. Mỗi lần 4-8g, ngày uống 2 lần, chiêu với nước đun sôi còn ấm hoặc với nước sắc xương bồ. Trị động kinh (Nguyễn Đức Quang, 2019).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những người có thể chất âm hư thiếu máu, không có khí trệ huyết ứ thì không nên dùng.

Nghệ trắng cũng được cảnh báo là không dùng cho phụ nữ mang thai vì có nhiều nguy cơ sảy thai.

Không dùng nghệ trắng trước hoặc sau khi tiến hành phẫu thuật vì làm chậm quá trình đông máu gây chảy máu nhiều, nguy cơ dẫn đến tử vong.

Khi sử dụng bất cứ loại thảo dược nào làm thuốc cũng cần tham khảo ý kiến các bác sĩ chuyên khoa trước khi dùng. Kiêng kỵ: Phụ nữ có thai, người âm hư không ứ trệ không được dùng. Uất kim sợ đinh hương.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

341. Nghệ xà cừ — *Curcuma zanthorrhiza* Roxb., 1820

Nghệ rễ vàng, Nghệ cà ri

Công dụng: Trị thiểu năng gan, giúp giải độc gan, phòng và hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân mắc viêm gan A, B, C, sơ gan cổ chướng, viêm và đau túi mật sỏi mật, vàng da và sung huyết gan; chữa bệnh thiếu máu ở phụ nữ sau khi sinh, giúp phụ nữ sau sinh phục hồi sức khỏe, da dẻ hồng hào, mịn màng, chống hậu sản sau sinh, giảm cholesterol trong máu; chữa bệnh đường tiết niệu và viêm mô tế bào, hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng, đầy hơi, ăn không tiêu, người bị rối loạn tiêu hóa, phòng ngừa và hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân mắc ung thư.

Công dụng	Nghệ xà cừ còn làm giảm triệu chứng đau nhức xương khớp do tuổi già, trị ệnh tiểu đường, bệnh Alzheimer, làm trắng mịn da, xóa mờ tàn nhang, thâm nám, làm mờ sẹo, hỗ trợ điều trị mụn trứng cá, tẩy tế bào chết trên da hiệu quả, hỗ trợ giảm cân, bổ khí huyết, giảm Cholesterol trong máu; phòng ngừa bệnh tim mạch, cao huyết áp, bí tiểu tiện, lên men ruột, bệnh đường niệu và viêm mô tế bào, có khả năng gây ra tương tác thuốc thảo dược với các loại thuốc.
Tính vị	Vị đắng, cay, tính ấm; tính ôn
Bộ phận dùng	Thân rễ
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Thành phần hóa học	Trong nghệ người ta đã phân tích được: Chất màu curcumin 0,3%, tinh thể nâu đỏ, ánh tím, không tan trong nước, tan trong rượu, ete, clorofoc, dung dịch có huỳnh quang màu xanh lục. Tan trong axit (màu đỏ tươi), trong kiềm (màu đỏ máu rồi ngả tím), trong chất béo (dùng để nhuộm các chất béo). Công thức curcumin đã được xác định như sau: Tinh dầu 1-5% màu vàng nhạt, thơm. Trong tinh dầu có curcumen, một cacbon không no, 5% paratolylmetyl cacbinol và 1% long não hữu tuyến. Ngoài ra còn tin bột, canxi axalat, chất béo. Củ chứa tinh bột (40-60%) và tinh dầu (6-15%) mà thành phần chính là các sesquiterpen (zingiberen, curcumen, turmeren). Còn có p-tolyl methyl carbinol làm tăng hoạt tính của tinh dầu; các chất màu là các curcuminoid trong đó có curcumin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ đảo Java, Indonesia sau đó di thực vào Malesia
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi) và huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc và thực phẩm trong vườn nhà

Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 5, Tháng 4 đến 5
Thu hoạch	Thời gian thu hoạch từ khi lá ngả màu vàng, nhiều lá gốc đã khô đến hết thời gian tàn lụi. Thường vào cuối tháng 12 hàng năm. Khi cây đã mọc mầm mới thì ngừng thu hoạch. Tiến hành thu hoạch vào ngày nắng ráo đất khô. Trước khi thu hoạch cắt bỏ toàn bộ thâ
Chế biến	Cắt bỏ hết rễ để riêng, thân rễ để riêng. Cắt rễ con và đầu thân, rửa sạch đất cát, sơ chế tuỳ theo mục đích sử dụng: Củ nghệ đỏ sau khi được sàng lọc sẽ được rửa sạch. Cạo vỏ cho vào máy nghiền nát. Hòa với nước sạch và qua nhiều lần sàng lọc loại bỏ chất xơ, cặn bã sẽ thu được nước và tinh bột. Sau đó, để tinh bột này lắng xuống, phơi hoặc sấy khô. Ta thu được tinh bột nghệ đỏ có màu vàng cam, hoặc cam đỏ nhạt. Tinh bột lúc này sẽ ở dạng cục. Sau đó, chúng được đem đi nghiền thành sản phẩm mà ta hay sử dụng.
Bảo quản	Muốn để được lâu phải đồ hoặc hấp trong 6-12 giờ, sau đó đợi ráo nước, đem phơi nắng hoặc sấy khô. Thân rễ gọi là khương hoàng, rễ gọi là uất kim

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Zingiberales (Gừng)
    - **Họ:** Zingiberaceae (Gừng)
      - **Chi**: Curcuma (Nghệ)
        - **Loài**: *C. zanthorrhiza*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cât sống nhiều năm
Dạng cây	Cây Nghệ xà cừ là loại thân cỏ
Chiều cao cây	Cây cao trung bình 60 – 100 cm, có thể cao đến 2m
Rễ cây	Thân rễ phân nhánh, phần trung tâm thuôn dài, ~8-10 × 6-8 cm, vỏ màu cam ánh nâu, ruột từ màu vàng tươi sẫm đến vàng cam hoặc đỏ cam, thơm nồng với mùi và vị như cà rốt và long não, hơi đắng; các nhánh 5-15 × 1,5-4 cm, vỏ màu cam ánh nâu, ruột màu vàng ca
Củ	Củ rễ hình elip, có ở đầu các rễ mập 1-3 mm, kích thước 3-10 × 1,5-3 cm, ở khoảng cách 5-30 cm từ thân rễ chính hay thân rễ nhánh, vỏ màu nâu, thường với nhiều rễ con, màu trắng sữa khi non, màu vàng chanh/vàng cam khi già, thơm (ít hơn thân rễ chính), vị
Thân cây	Thân giả cao tới 70 cm, màu xanh lục, gồm các bẹ lá và bao bọc trong Thân giả cao tới 70 cm, màu xanh lục, gồm các bẹ lá và bao bọc trong 4-5 lá bắc màu xanh lục, các lá bắc trong cùng dài như thân giả, các lá bắc ngoài ngắn hơn..

Lá cây	Có 4-5 lá bắc màu xanh lục, các lá bắc trong cùng dài như thân giả, các lá bắc ngoài ngắn hơn. Lá hình trái xoan, thon nhọn ở hai đầu, hai mặt đều nhẵn dài tới 45 cm, rộng 18 cm, cuống lá có bẹ. Phiến lá thường có bớt tía. Lưỡi bẹ nhỏ, dài 2-3 mm, 2 thùy khó thấy, như thủy tinh, màu trắng ánh lục, trong mờ, nhẵn nhụi, có lông ở mép, lông dài ~0,3-0,5 mm, ở các lá đầu tiên là dải thẳng rộng 1 mm, ở các lá cao hơn thường có hình chữ V nhưng cả hai nhánh là thẳng, tạo thành một đường cong rất tù, rộng 3 mm và có lông rung thô. Chồi lá cao tới 2 m. Lá đầu mùa 1-3, sau tới 8; cuống lá ~5-20 cm (các lá đầu tiên gần như không cuống), có rãnh, có cánh hai bên, nhẵn nhụi; phiến lá thuôn dài-hình mác đến hình elip-hình mác, 30-100 × 10-28 cm, nhẵn nhụi cả hai mặt, mặt gần trục màu xanh lục sẫm với dải vết màu từ tía đến tía sẫm hay đỏ hình lông chim rộng tới 10 mm chạy dọc hai bên gân giữa, rõ nét ở lá non và nhạt dần đi khi già, mặt xa trục màu lục nhạt, vết màu đỏ cũng nhạt hơn nhưng vẫn dễ thấy; gân giữa nhẵn nhụi, màu xanh lục đến ánh đỏ ở mặt trên, màu xanh lục mặt dưới; mép màu trắng, trong mờ, rộng ~0,7-1 mm, nhẵn nhụi; đỉnh nhọn thon, 2-3 cm, hơi có lông; đáy thon nhỏ dần, men xuống
Hoa	Cụm hoa hoa cao 40 cm, có 2 bẹ. Cụm hoa mọc từ giữa các lá lên, thành hình nón thưa, lá bắc hữu thụ khum hình máng rộng, đầu tròn màu xanh lục nhạt, lá bắc bất thụ hẹp hơn, màu hơi tím nhạt, tràng có phiến.. Hoa tự bung hình trụ ở ngọn, lá bắc màu lục pha vàng ở đầu, cánh hoa ngoài phía gốc màu xanh lục vàng dần lên các thuỳ nên toàn bông hoa có màu vàng, lá bắc gần ngọn pha màu hồng ở đầu lá. Cánh hoa đỏ, cánh hoa trên có mũi; nhị lép vàng;, môi vàng nghệ, chẻ hai; bao phấn trắng; bầu có lông, 2 vòi nhuỵ lép.Các nhị lép bên hình trứng ngược thuôn dài, màu ánh vàng pha chút tía, ~1,3-1,7 × 0,9-1,1 cm, có lông tuyến trên phần giữa gồ lên. Cánh môi màu ánh vàng, với dải giữa sẫm màu, hình vuông, ~1,7-2 × 1,8-2 cm, 3 thùy khó thấy, thùy con trung tâm dường như nguyên, màu vàng sẫm, các thùy bên gấp lên trên, mép khía răng cưa, chẻ ~3 mm, màu vàng nhạt ở biên, màu vàng sẫm ở tâm (dải giữa màu vàng kim). Bao phấn dài ~4 mm, đáy có cựa dài ~3-4 mm, lông tuyến trên phần lưng và hai bên của bao phấn; mô vỏ bao phấn dài 3,5-4 mm, màu trắng. Chỉ nhị dài 4-5 mm, màu vàng nhạt, rộng 3,5-4,5 mm tại đáy, 2,5-3 mm tại đỉnh. Bầu nhụy ~4-5 × 3-4 mm, 3 ngăn, hơi có lông dài ~0,3 mm. Đầu nhụy màu trắng, có lông rung, thò ra từ mô vỏ bao phấn khoảng 1 mm. Tuyến trên bầu 2, màu vàng nhạt, dài 4-5 mm, đường kính 0,9-1 mm. .
Quả/trái	Quả khi chín hạt có áo hạt. Quả nang 3 ngăn, mở bằng 3 van.
Hạt	Hạt có áo hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị thiểu năng gan và Sung huyết gan vàng da, viêm túi mật, viêm ống mật, bí tiểu tiện, sỏi mật, tăng cholesterol-huyết, lên men ruột, bệnh đường niệu và viêm mô tế bào: Dùng dưới dạng thuốc hãm: 20g trong 1 lít nước, 200-300ml mỗi ngày; hoặc dùng dưới dạng cao lỏng: 20 giọt trước các bữa ăn; hoặc bột thân rễ làm viên 0,20-0,30g mỗi ngày (Tuệ Tĩnh).	x		
2	Chữa bệnh đau bao tử: Hái 4 -5 lá rửa sạch nhai sống, ngày nhai 2 – 3 lần. Kiên trì nhai lá này thường xuyên khoảng 1 - 2 tuần bệnh sẽ thuyên giảm (Hồng Xuân Đại, 2018).	x		
3	Chữa thổ huyết, máu cam: Nghệ tán nhỏ, ngày uống 4-6g chiêu bằng nước (Hồng Xuân Đại, 2018).	x		
4	Chữa điên cuồng (kinh nghiệm phương-Bản thảo cương mục): Nghệ 250g, phèn chua 100g, tán nhỏ, hoà nước cháo viên thành viên bằng hạt ngô. Ngày uống 50 viên, uống hết hai đơn như trên thì khỏi. Đã chữa khỏi một phụ nữ do lo sợ quá độ phát điên đã 10 năm (Hồng Xuân Đại, 2018).	x		
5	Chữa mụn nhọt (kinh nghiệm Ngô Tất Tố): Củ ráy 80g (1 củ), Nghệ 60g (1 củ), Nhựa thông 40g, Sáp ong 40g, Dầu vừng 80g, Củ ráy gọt sạch vỏ cùng giã với Nghệ cho thật nhỏ, cho vào nấu nhừ với nhựa thông, dầu vừng và sáp ong. Lọc để nguội, phết lên giấy bản dán vào mụn nhọt (Hồng Xuân Đại, 2018).	x		
6	Trị đau bao tử: Mài nhuyễn củ Nghệ đen, Nghệ Xà cừ, rồi thêm 1 muỗng cà phê mật ong nguyên chất, khuấy đều uống. Uống 3 lần/ngày.			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Không nên dựa vào để tự chữa bệnh do liều lượng và đặt tính thuốc có thể thay đổi tùy vào thể trạng của mỗi người. Nếu có thắc mắc về đăc tính và liều lượng nên trao đổi trực tiếp với bác sĩ chuyên khoa y học cổ truyền. Nếu âm hư mà không ứ trệ thì cấm dùng; các bệnh sản hậu (sau khi đẻ) mà không phải nhiệt kết ứ cũng không nên dùng; đàn bà có thai không nên dùng.

Liều dùng hằng ngày 1-6g dưới hình thức bột hoặc thuốc sắc chia làm 2,3 lần uống trong ngày

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

342. Ngò gai — *Eryngium foetidum* L., 1753

Mùi tàu, Mùi gai, Ngò tàu

Công dụng: Trị cảm mạo đau tức ngực, rối loạn tiêu hoá, viêm ruột, ỉa chảy, sốt, bổ thần kinh, đau dạ dày, đau tức ngực, rối loạn tiêu hoá, viêm ruột ỉa chảy (cả cây sắc uống)

Tính vị: Ngò gai có vị hơi đắng, cay, tính ấm, có mùi thơm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, rễ tươi hoặc sấy khô.

Thành phần hóa học: Cây chứa 0,02-0,04% tinh dầu bay hơi. Rễ chứa saponin

Nguồn gốc	Cây này có nguồn gốc ở Châu Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Ngò gai có khả năng tự mọc và phần lớn được người dân trồng nhiều trong vườn nhà, ven đường, ven sông, ven bờ ao, bờ mương. Được các chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Từ tháng 9 - 11, Từ tháng 9 - 11
Thu hoạch	Có thể thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Thường dùng tươi hoặc phơi khô trong mát để dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Apiales (Hoa tán)
    - **Họ:** Apiaceae (Hoa tán)
      - **Chi**: Eryngium
        - **Loài**: *E.foetidum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 15-50cm
Thân cây	Thân đơn độ. Cây phân nhánh ở ngọn
Lá cây	Lá ở gốc hình hoa thị, mỏng, thuôn mũi mác, thon hẹp lại ở gốc, mép có răng cưa, với răng hơi có gai. Lá ở thân có răng nhiều hơn, các lá ở trên xẻ 3-7 thùy ở chóp và có nhiều gai
Hoa	Cụm hoa hình đầu hình bầu dục, hay hình trụ, tổng bao gồm 5-7, lá bắc hình mác hẹp, mỗi bên có 1-2 răng, trên đầu có một gai nhọn. Hoa xếp trên đầu tụ tán nhị phân, không cuống, đài hoa 5, nhỏ, hình ống, thẳng, răng tam giác, không rụng. Cánh hoa 5, hình ellip, thon dài 0,5-0,75 x 0,25 mm, đỉnh màu xanh trắng, cong nhiều. Tiểu nhụy 5, vượt qua khỏi vành hoa, chỉ trắng, vòi nhụy mảnh nhỏ như sợi.. .
Quả/trái	Quả gần hình cầu, hơi dẹt, đường kính 2mm
Mùi hương	Lá có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị hôi miệng: Lấy một nắm rau Ngò gai rửa sạch rồi sắc lấy nước đặc, để thêm ít muối và dùng nước đó súc miệng, khò khạc trong họng nhiều lần trong ngày (Cây thuốc, nd).	x		
2	Điều trị khó thở, ban sởi, ho, nóng sốt, sỏi thận: Lấy rau Ngò gai tươi (khoảng 0,5 kg) rửa sạch rồi phơi khô dưới nắng, mỗi ngày sắc khoảng 40 g trong 2 chén nước cho đến khi còn lưng 2/3 chén thì chia làm 2 lần uống (uống khi còn ấm) (Cây thuốc, nd).	x	x	
3	Điều trị bệnh sởi: Trẻ sơ sinh thì nên giã nát lá mùi tàu rồi sao nóng cho vào miếng vải mềm, chà sát lên người trẻ; Trẻ lớn có thể ăn uống được thì sắc nước mùi tàu cho trẻ uống để kích thích nốt sởi lên nhanh và mau khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa cảm mạo, ăn uống không tiêu: Mùi tàu khô 10g, Cam thảo đất 6g, nước 300ml, đun sôi. Giữ sôi trong 15 phút. Chia 3 lần uống trong ngày, uống nóng (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
5	Để chữa sốt, cảm mạo: Có thể phối hợp với các loại cây thuốc khác có tinh dầu như Lức, Ngải cứu, Gừng (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
6	Trị đau bụng, tiêu chảy: Sắc 20g mùi tàu tươi với vài củ Sả , ít lá Tía tô, lấy nước uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Trị chứng đầy hơi:Dùng 50g mùi tàu, cắt thành từng khúc khoảng 3-4cm sắc cùng vài củ gừng tươi đập dập và 400ml nước. Sắc lấy 200ml nước, chia 2 lần uống, mỗi lần cách nhau 3 giờ đồng hồ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Trị chứng đái dầm: Mùi tàu, Cỏ mần trầu, rau ngổ mỗi thứ 20g, cỏ sữa 10g tất cả đem thái nhỏ, phơi khô, sắc lấy nước uống sau bữa ăn chiều. Dùng 3-4 ngày bệnh sẽ giảm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa sốt nhẹ: Dùng 30g mùi tàu, 50g thịt bò thái nhỏ nấu với 600ml nước và vài lát gừng tươi rồi cho thêm ít hạt tiêu, ăn nóng. Sau khi ăn phải đắp chăn kín mít cho ra mồ hồi sẽ hạ được sốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Trị kiết ly: Sao vàng 1 nắm hạt mùi tàu sau đó tán nhỏ rồi pha với uống, ngày 2 lần, mỗi lần 7-8g (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Điều trị bệnh sởi: Trẻ sơ sinh thì nên giã nát lá mùi tàu rồi sao nóng cho vào miếng vải mềm, chà sát lên người trẻ. Trẻ lớn có thể ăn uống được thì sắc nước mùi tàu cho trẻ uống để kích thích nốt sởi lên nhanh và mau khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Trị đầy hơi: lấy 10 - 16g Ngò gai rửa sạch, vò nát, hãm như hãm chè tươi, chia uống nhiều lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Chữa cảm mạo: Lấy 10g mùi tàu khô sắc với 6g cam thảo và 300ml nước, đun sôi trong vòng 15 phút rồi chia thành 3 lần, uống hết trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chữa cảm mạo, ăn uống không tiêu: Mùi tàu khô 10g, Cam thảo đất 6g, nước 300ml, đun sôi. Giữ sôi trong 15 phút. Chia 3 lần uống trong ngày, uống nóng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa sốt, cảm mạo: Có thể phối hợp với các loại cây thuốc khác có tinh dầu như Lức, Ngải cứu, Gừng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Giải nhiệt: lấy mỗi thứ 1 nắm: Cam thảo đất, Cỏ mần trầu, Mắc cỡ, me đất, Mía lau, phơi khô rồi nấu nước uống.			x
17	Trị huyết trắng, trị bệnh thận: Lấy 7 hoặc 9 lá Ngò gai và 1 trái dừa tươi, đâm, lược bỏ xác, lấy nước uống.			x
18	Trị nóng ở trẻ: Lấy bông Ngò gai, Bí đao, cho nước vào, nấu nước sôi, để nguội uống.			x
19	Trị bệnh gan: Lấy 9 bông Ngò gai nấu với 1 chén nước, cho bé uống.			x
20	Trị ho: Lấy bông Ngò gai chưng với đường phèn uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Trị ban: Lấy 1 nắm Ngò gai và 1 nắm thân cây Me thái (đã vạt mỏng) chưng cách thủy uống.			x
22	Trị nóng sốt cho bé: Lấy Ngò gai, Me thúi, Mía lau nấu với khoảng 1 chén nước, uống.			x
23	Trị ho, mát người: Lấy 1 nắm nhỏ cả cây Ngò gai (tươi) đâm, vắt lấy nước uống.			x
24	Trị ban ở tẻ em: Lấy 1 nắm bông Ngò gai, Rau vấp cá, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1,5 chén, uống.			x
25	Mát cơ thể: Lấy 1 nắm cây Ngò gai (nhổ nguyên cây), 1 nắm Cam thảo đất nấu uống hàng ngày.			x
26	Trị huyết trắng: Lấy 1 ít Ngò gai (lá, bông, rễ), ít muối, 1 cục phèn nhỏ (bằng đầu ngón tay) pha với nước sôi. Khi nước ấm, lấy nước đó để rửa cửa mình			x
27	Trị sạn thận: Lấy bông Ngò gai (nam 7 bông, nữ 9 bông) nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân rồi uống			x
28	Trị ban ở tẻ em: Lấy 3-4 nhánh bông Ngò gai nướng xong nấu nước cho bé uống (khoảng 200 ml nước)			x
29	Trị men gan cao: Lấy 1 nhúm Mần ri, Nàng hai, măng Sậy, Ngò gai (nguyên cây) sao thủy thổ, nấu nước uống			x
30	Trị cảm: Lấy 1 nắm bông Ngò gai, Sả , lá chanh, lá bưởi, nấu nước xông			x
31	Trị sốt: Hái 1 nắm lá Ngò gai nấu nước uống			x
32	Trị máu nhiễm mỡ: Lấy 1 nắm bông Ngò gai khô, cho nước sôi vào, để nguội, uống			x
33	Trị sạn thận: Lấy 1 nắm lá Ngò gai tươi, rang, nấu nước uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

343. Ngò om — *Limnophila aromatica* (Lam.) Merr., 1917

Ngổ om, Mò om, Rau om, Rau ôm, Ngổ hương, Ngổ thơm, Ngổ om, Ngổ điếc, Ma am (Căm puchia), Phắp hom pôm (Lào)

Công dụng: Trị cảm mạo đau tức ngực, rối loạn tiêu hoá, viêm ruột, ỉa chảy, sốt, bổ thần kinh, đau dạ dày, đau tức ngực, rối loạn tiêu hoá, viêm ruột ỉa chảy.

Tính vị: Cây có vị hơi đăng, cay, tính ấm, có mùi thơm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Bắc Mỹ

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Thành phần hóa học	Theo Lưu Thị Thu Cúc và Phó Đức Thuần, trong rau om Limnophila aromatica có tinh dầu, flavonoit, cumarin, axit hữu cơ, đường khử (Dược học 4, 1985, 8-10). Theo Indian Perfumer 21, 135-138, 1977 trích lại trong Miltitzer Berichte 1978, tinh dầu cất từ rau om Limnophila rugosa có tỷ trọng d21 0,9934; nD(21) 1,5272; chỉ số xà phòng 1,74; chỉ số este 15,94 chỉ số este sau axetyl hóa 38,36; độ tan trong cồn 80°: 1/8. Trong tinh dầu có 82,2% metylchavicol; 13,5% anisaldehyt; 3% p.metoxyzimtaldehyt; 0,5% caryophyllenoxyt; 0,4% limonen; 0,2% p.cymol và 0,2% linalot (phân tích bằng sắc ký khí).
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 11, Tháng 9 đến 11
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi, Húng, Bạc hà)
    - **Họ:** Plantaginaceae (Mã đề)
      - **Chi**: Limnophila
        - **Loài**: *L. aromatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây dạng cỏ mọc bò
Chiều cao cây	Cây cao 20 – 30 cm
Thân cây	Một loại cỏ mọc bò, thân dòn, dài 20-30cm.
Lá cây	Lá nhẵn, mọc đối, không cuống, hơi ôm vào thân, phần lá gần thân nhỏ lại, mép hơi có răng cưa. Có khi Lá mọc thành cụm 3 lá
Hoa	Hoa hơi không cuống, mọc đơn độc hoặc họp thành 2-3 dạng xim.
Quả/trái	Quả nang nhẵn, có bướu và nếp nhăn dọc theo quả, ngắn hơn lá đài
Hạt	Hạt nhẵn hình trụ màu đen nhạt, có vân mạng
Mùi hương	Mùi rất thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa trị các bệnh về tiết niệu: Chọn những cây rau ngò ôm non khoảng 40 – 60g, sau đó giã nhỏ hoặc cũng có thể bỏ vào máy xay sinh tốt để tiết kiệm thời gian, chế vào một ít nước sôi để nguội sau đó cho một ít muối vào để uống có thể giúp trị được tiểu tiện không thông, tiểu rắt, viêm đường tiết niện.	x		
2	Trị ho, cảm cúm với các triệu chứng như ho, cảm cúm, sổ mũi: Lấy 5 – 30 g rau ngò ôm tươi, đem đi rửa thật sachuj sau đó sắc lấy nước uống. Kiên trì uống nước rau ngò ôm hàng ngày sẽ có thể khiến tình trạng bệnh suy giảm đáng kể.	x	x	
3	Chữa trị sỏi thận: Dùng rau ngò ôm để chữa bệnh sỏi thận bằng cách lấy 20 – 30g rau ngò ôm tươi, sau đó rửa sạch và giã nát. Cho nước sôi để nguội vào lọc lấy nước uống, kiêng trì một thời gian sẽ thấy có hiệu quả. Hoặc cũng có thể hái rau ngổ tươi, đem đi rửa sạch và giã lấy nước cốt, cho thêm một chút muối trắng vào và uống kiên trì 2 lần/ ngày (Thầy thuốc của bạn).	x	x	
4	Sát khuẩn, giải độc, tiêu Sung cho các vết cắn của rắn độc, vết cắn Sung phồng: Giã nát lá rau ngò ôm tươi rồi đắp lên miệng vết thương hoặc cũng có thể sắc nước uống	x		
5	Trị cảm lạnh: Rau ôm 15g-30g sắc lấy uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
6	Nhiễm trùng ecpet mảng tròn: Ép dịch lá rau ôm hoặc nấu nước để rửa (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Trị viêm tấy đau nhức: Lấy 1 nắm rau ôm tươi rửa sạch, giã nát, đắp vào nơi thương tổn rất công hiệu (Thầy thuốc của bạn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Sỏi thận: Rau ôm 20-30g cây tươi giã ra, thêm nước uống, dùng cây khô với liều ít hơn, sắc lấy nước uống (Thầy thuốc của bạn).	x	x	
9	Trị đầy hơi, tức bụng, ăn không tiêu: Lấy rau ôm tươi rửa sạch, mộc hương nam. Sắc 2 thứ trên với 1.000ml nước còn 250ml thì chia làm 2 lần, uống hết trong ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
10	Chữa ho, sổ mũi: Lấy 15g – 30g rau om tươi, rửa sạch, sắc kỹ lấy nước uống hằng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Trị đái dầm: Lấy các nguyên liệu cây khô: 20 g rau ngò ôm, 20g mùi tàu, 10g cỏ sữa lá nhỏ sắc với 400 ml và uống sau bữa chiều (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Trị gan nhiễm mỡ: Lấy khoảng 100g rau ngò ôm phơi khô sau đó đem đi sắc cùng với 50g bạc hà phơi khô và 100 ml nước trong khoảng 10 phút. Sắc nước và uống liên tục trong khoảng 1 tháng vào buổi tối sau khi ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Chữa cảm mạo, ăn uống không tiêu: Ngò om khô 10g, Cam thảo đất 6g, nước 300ml, đun sôi. Giữ sôi trong 15 phút. Chia 3 lần uống trong ngày. Uống nóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Trị bệnh huyết trắng: lấy 1 nắm Ngò om và ít muối nấu sôi cho tất cả vào bô, ngồi lên xông			x
15	Trị đau bụng, kiết lỵ: Lấy 50g Ngò om đâm nát rồi cho nước, 2 muỗng mật ong vào uống, 2 lần ngày			x
16	Trị sạn thận: Lấy 1 nhúm đọt Ngò om và 6-7 lá Bầu, đâm, vắt lấy nước uống, Uống 3 lần/ 10 ngày			x
17	Trị sạn thận: Lấy Ngò om và Khóm đâm, vắt lấy nước uống (khoảng 3 muỗng canh)			x
18	Trị sạn thận: Đâm 200g Ngò om, vắt lấy nước, thêm nước dừa, hoặc pha với bia, hoặc nước lọc, uống.			x
19	Trị huyết trắng: Đâm Ngò om, vắt lấy nước, pha với nước dừa rồi uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Thân ngò ôm có nhiều lông và thường mọc ở ao hồ bị nhiễm bẩn nên rất khó rửa sạch để diệt hết vi khuẩn. Vì vậy ăn rau trồng ở vùng nước dơ là một trong những nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm và rối loạn tiêu hóa.*
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

344. Ngò rí — *Coriandrum Sativum* L.

Ngổ thơm, Ngò rí, Ngò suôn, Hồ tuy, Mi tui, Mùi ta, Nguyên tuy, Hương tuy

Công dụng: Kích thích tiêu hóa: cải thiện cảm giác thèm ăn, chống đầy hơi; Loãng đờm, giảm ho; Chống tiêu chảy, kiết kỵ; Chống viêm, sát trùng trị một bệnh ngoài da; Giúp giảm viêm, đau trong một số bệnh cơ – khớp; Hưng phấn tình dục, hỗ trợ điều trị rối loạn cương dương; Giúp ổn định đường huyết…

Tính vị: Ngò rí có vị the cay, tính ôn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Tất cả các bộ phận của ngò rí đều được sử dụng từ thân, lá, hạt, rễ.

Thành phần dinh dưỡng	Quả chứa tinh dầu, chất béo, protein, xenluloza. Trong 100 g hạt ngò rí có khoảng 100g tinh bột, 20% chất béo, 10% protein và khaoảng 30 chất xơ, giàu vitamin và tinh dầu
Thành phần hóa học	Cây ngò rí chứa các chất sau: Linalola, Tinh dầu, Coriandrola, Phelandren, Limonen, Kali, Sắt, Chất xơ, Tecpinen, Mycxen, Các vitamin A, C, B, E, Magie, Beta carotene, Axit folic.
Nguồn gốc	Ngò rí là cây bản địa vùng Trung Đông và Nam Âu, và dần cũng biết đến ở Châu Á
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau và huyện Trần Văn Thời thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7, Tháng 7 đến 9
Thu hoạch	Người ta thu hái toàn cây vào mùa xuân và hè, quả chín thu hái vào mùa hạ.
Chế biến	Sau khi thu hoạch, cây được dùng tươi hay phơi khô, quả sấy khô.
Bảo quản	Cho ngò rí tươi đã được làm sạch vào tô hay chén nhỏ tùy lượng rau. Sau đấy để một lớp giấy ăn lên trên nhằm giữ cho rau ráo nước và vẫn nguyên độ ẩm. Sau đấy, dùng màng bọc thực phẩm bao lại và cho vào ngăn mát tủ lạnh.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Apiales (Hoa tán)

Họ: Apiaceae (Hoa tán)

Chi: Coriandrum

Loài: *C. sativum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 30–50 cm
Rễ cây	Cây ngò rí có rễ cọc, thô, hơi sần sùi, màu nâu nhạt, có hình dạng giống như củ cà rốt, dài trung bình 10cm. Tùy theo giống và điều kiện đất mà rễ có thể phát triển dài hơn. Từ rễ chính mọc ra nhiều rễ nhỏ, tập trung nhiều nhất là ở phần tiếp xúc giữa thâ
Thân cây	Thân ngò rí cao từ 40-58 cm, tròn xốp, có nhiều đốt, ở mỗi đốt mang lá và cành. Tán rộng từ 20- 40 cm. Vỏ có màu xanh, hơi tím. Ở phần gốc có màu sậm hơn phần ngọn, ruột thân màu trắng lốp. Tử khi gieo đến trước trổ bông lòng thân ngắn và chỉ bắt đầu vươn cao khi cây trồng được khoảng 30 ngày (khi chuẩn bị trổ bông)..
Lá cây	Lá mọc đầu tiên hình mũi mác, còn lá kế tiếp có hình dạng giống như hình của bàn nạo dừa nên nông dân thường gọi là lá bàn nạo. Lúc cây còn nhỏ, thân chưa vươn cao lá có bẹ to ôm thân, phiến lá như một cái quạt với những thùy lớn màu xanh xám. Khi cây vườn cao chuẩn bị ra bông lá nhỏ lại, phiến lá hình sợi màu xanh sáng, có mùi thơm.
Hoa	Phát hoa ngò Rí hình tán, có từ 3 đến 10 hao nhỏ, màu hơi hồng tím, xanh nhạt hay trắng tùy giống. Hoa có 5 cánh với hình dạng bất thường, có 5 tiểu nhị, 5 lá dài và 2 vòi nhị, còn những tán hoa sau chỉ có hoa đực. Thường những hoa lưỡng tính có nhị đực trưởng thành trước nhụy cái. Sau khi nhị đực già, vòi nhụy mới bắt đầu nhận phấn nên hoa không tự thụ phấn được mà sự thụ phấn xảy ra là nhờ hạt phấn từ những cây khác do côn trùng mang đến. Tuy nhiên, phấn cũng có thể được cung cấp bởi những hoa đực trên cùng một cây, cách thụ phấn này đòi hỏi khi không cần nhờ đến côn trùng vì hoa đực nằm ở vị trí cao hơn, khi hạt phấn tung ra rớt xuống với những hao cái nằm bên dưới.. . .
Quả/trái	Trái là bế quả hình cầu, khi còn non màu xanh nhạt, bóng láng, khó ngửi.
Hạt	Hạt phấn được tạo ra từ những túi phấn màu tím và mật hoa được tiếp ra nêm ướm, cả hai có tác dụng thu hút ong, bướm trong thời kỳ nở hoa, giúp cây thụ phấn. Mặc dù pột phần hoa ngò Rí có khả năng thụ phấn, nhưng nuôi ong trong vùng trồng sẽ làm tăng khả

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị chứng rối loạn tiêu hóa do thực tích: Nguyên liệu: 8g hồ tuy, 4g quất bì, 4g đinh hương, 4g hoàng liên. Cho các nguyên liệu vào ấm cùng với 1 lít nước. Nấu khoảng 15 – 20 phút thì chắt lấy nước uống ngày 2 lần. Thực hiện kiên trì cho đến khi bệnh thuyên giảm (Nguyễn Liên, 2018).	x		
2	Điều trị bệnh viêm kết mạc: Lá ngò rí tươi được đem rải trong bóng râm cho khô. Khi sử dụng sắc lấy nước rửa mắt có tác dụng giảm sưng đau, chống viêm, làm dịu mắt cho những trường hợp bị viêm kết mạc.	x		
3	Chữa say khi leo núi: Giã nát một ít lá ngò rí và đắp trực tiếp lên trán khoảng 20 phút sẽ cảm thấy đầu óc nhẹ nhõm, dễ chịu hơn.	x		
4	Phòng chống bệnh đậu mùa: Dùng rau mùi tươi ép lấy 1 muỗng nước cốt, đem pha chung với 1 thìa muối ăn. Uống mỗi ngày 1 lần liên tục trong 7 ngày để phòng ngừa bệnh đậu mùa.	x		
5	Điều trị rối loạn kinh nguyệt ở phụ nữ: Ăn ngò rí đều đặn giúp chị em phụ nữ cân bằng nội tiết tố trong cơ thể. Điều này có thể giúp ổn định chu kỳ kinh nguyệt và ngăn ngừa các cơn đau bụng kinh trong ngày "đèn đỏ".	x		
6	Lợi sữa: Phụ nữ sau sinh bị mất sữa có thể lấy 6g quả ngò rí đem sắc kỹ với 100ml nước. Gạn nước chia uống 2 lần mỗi ngày giúp làm thông tuyến sữa, gọi sữa về nhiều hơn (Nguyễn Liên, 2018).	x		
7	Cải thiện chứng khô sữa ở phụ nữ sau sinh: Dùng 6g hạt cây mùi đem đi nấu với 100ml nước. Khoảng 15 phút sau thì chắt lấy nước để uống. Kiên trì thực hiện mỗi ngày để cải thiện triệu chứng tắc sữa (Nguyễn Liên, 2018).	x		
8	Trị sạm nám da: Dùng khoảng 20g hạt cây mùi để đun lấy nước. Dùng nước này rửa mặt mỗi ngày để cải thiện chứng thâm da, tàn nhang, nám (Nhật Minh, 2020).	x		
9	Chữa cảm cúm: Hạt mùi sắc lấy nước uống 2 lần một ngày, sẽ làm giảm hiệu quả các triệu chứng nhức đầu, sổ mùi và lại rất an toàn cho (Nhật Minh, 2020).	x		
10	Điều trị di tinh, xuất tinh sớm ở nam giới: Dùng 4 – 10g quả ngò rí, cho vào chảo nóng sao thơm. Tán nhỏ, hãm uống thay trà hàng ngày giúp cải thiện tình trạng di tinh và chống lại hiện tượng xuất tinh sớm khi quan hệ (Nhật Minh, 2020).	x		
11	Điều trị chứng rối loạn tiêu hóa do đau dạ dày: Nguyên liệu: 8g hồ tuy, 4g quất bì, 4g đinh hương, 4g hoàng liên. Cho các nguyên liệu vào ấm cùng với 1 lít nước. Nấu khoảng 15 – 20 phút thì chắt lấy nước uống ngày 2 lần. Thực hiện kiên trì cho đến khi bệnh thuyên giảm (Nhật Minh, 2020).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Chấm dứt triệu chứng ợ hơi, buồn nôn, acid trào ngược dạ dày: Lấy khoảng 40g hạt hồ tuy, 40g hạt củ cải đem đi tán mịn. Trộn đều 2 nguyên liệu này với nhau, mỗi ngày dùng khoảng 4 – 8g bột này để uống. Ngày thực hiện 2 lần để mang lại hiệu quả tối ưu (Nhật Minh, 2020).	x		
13	Hỗ trợ chữa bệnh sởi cho trẻ em: Chuẩn bị khoảng 150g rau mùi tươi (có thể dùng hạt, thân hoặc lá đều được) đem rửa sạch, giã nát và sắc với nước sôi. Đun sôi khoảng 5 phút và để nguội, sau đó dùng nước rau mùi để xoa vào tay, chân và cơ thể theo thứ tự lưng trước bụng sau, trên trước dưới sau. Lưu ý là không để trẻ bị nhiễm lạnh (Nhật Minh, 2020).	x		
14	Cải thiện triệu chứng ợ hơi, buồn nôn: Lấy khoảng 40g hạt hồ tuy, 40g hạt củ cải đem đi tán mịn. Trộn đều 2 nguyên liệu này với nhau, mỗi ngày dùng khoảng 4 – 8g bột này để uống. Ngày thực hiện 2 lần để mang lại hiệu quả tối ưu (Nhật Minh, 2020).	x		
15	Chống nhiễm kim loại nặng: Nước cốt rau ngò rí được kết hợp chung với bột Chlorella làm thức uống đào thải một số kim loại nặng như chì, thủy ngân, nhôm ra khỏi cơ thể (Kim Tuyến, 2021).	x		
16	Chữa hôi miệng: Lấy một nắm rau mùi rửa sạch, sắc đặc, cho thêm vài hạt muối, khuấy tan, rồi dùng để ngậm và súc miệng nhiều lần trong ngày. Sau khoảng 5 - 6 ngày, miệng của chị em sẽ bớt mùi hôi (Nhật Minh, 2020).	x		
17	Hỗ trợ chữa bệnh sởi cho trẻ em: Lấy khoảng 80g hạt rau mùi đem đi tán nhỏ, dùng bột mịn trộn với 100ml rượu và 100ml nước sôi. Tiếp theo đó, đem hỗn hợp này đi lọc, bỏ bã và sử dụng phần dung dịch thu được để thoa vào người bệnh nhân (trừ khuôn mặt). Nên sử dụng thuốc khi còn ấm để có thể cải thiện tốt hơn. Uống trong: có thể dùng khoảng 12g hạt cây mùi đem sắc với 1,5l nước trong vòng 15 phút. Sau đó gạn lấy nước và chia đều thành các lần uống trong ngày (Nhật Minh, 2020).	x		
18	Trị tiểu đường: Lấy Ngò rí nấu với dừa tươi, sắc còn 7 phân, uống, Uống liên tục trong 7 ngày			x
19	Trị nhức mỏi: Lấy thân Ngò rí (đã chặt khúc) và 1 nắm Ngũ trảo nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 phân, uống.			x

Lưu ý khi sử dụng:

Những người không nên ăn

Những người bị gan: Do ngò rí chứa một số tinh dầu dễ bay hơi kích hoạt các cơ quan quan trọng nhất trong cơ thể. Ngoài ra, còn có các chất oxy hóa mạnh giúp loại bỏ các vấn đề về gan. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng khi ăn ngò rí với số lượng vừa phải, nếu ăn quá nhiều, các thành phần sẽ làm việc ngược lại, tăng bài tiết mật và cuối cùng là làm tổn hại đến gan. Những người bị bệnh dạ dày

Ngò rí được biết đến là một loại thảo dược chữa các vấn đề về tiêu hóa. Nhưng nếu lạm dụng nó, dạ dày có thể gặp rắc rối, kéo theo các hiện tượng rối loạn tiêu hóa khác nhau.

Theo một báo cáo y tế, sử dụng 200ml chiết xuất ngò rí trong vòng 1 tuần liền gây ra các triệu chứng như hình thành khí trong bụng, đau dạ dày, đau bụng, nôn mửa, thậm chí di chuyển không vững.

Không tốt cho phụ nữ mang bầu: Các mẹ đang trong quá trình mang thai không nên ăn nhiều vì có thể làm ảnh hưởng tới sức khỏe của các bé.

Một số thành phần có trong ngò rí được biết đến là làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tuyến sinh dục phụ nữ, gây nguy hiểm cho phụ nữ có thai và sức khỏe thai nhi đang phát triển trong bụng mẹ.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

345. Ngọc lan — *Michelia alba* DC., 1818

Ngọc lan trắng, Sứ, Ngọc lan ta, Kim cương mộc, Mộc lan trắng, Bạch lan hoa, Đại mộc, Dầu gió, Mộc hoa, Ngọc đường xuân, Vọng xuân, Nghênh xuân, Mộc lan.

Công dụng: Đau bụng, kinh nguyệt không đều, nôn, sốt, lợi sữa, giảm đau . Sưng tấy. Hoa còn chữa ho gà, viêm phế quản, đau ngực, viêm tiền liệt tuyến, bạch đới, khí hư.

Tính vị: Vị đắng cay, tính hơi ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nụ hoa khi còn chưa nở, vỏ, lá, hoa

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ

Phân bố: Cây xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú)

Sinh cảnh: Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà

Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 7, Tháng 4 đến 9, Quả thường chín vào tháng 1 – 3 dương lịch
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Thu hái về phơi trong bóng râm đến khô
Bảo quản	Bảo quản dùng dần

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**:
  - **Bộ**: Magnoliales (Mộc lan)
    - **Họ:** Magnoliaceae (Mộc lan)
      - **Chi**: Magnolia (Mộc lan)
        - **Loài**: *M. alba*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân dạng đại mộc
Chiều cao cây	Cây cao 10 – 15 m
Thân cây	Nhánh non có lông
Lá cây	Lá to, dài, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông thưa, đầu nhọn, cuống mảnh.
Hoa	Hoa đơn độc ở nách lá, lá bắc có lông. Bao hoa 10-15 mảnh, hình dải, nhọn, không phân hoá thành đài và tràng, màu trắng, thơm, xếp xoắn ốc, nhị nhiều, lá noãn nhiều xếp theo đường xoắn ốc trên đế hoa đài.. .
Quả/trái	Quả kép hình nón, gồm nhiều đại, mỗi đại có 1-8 hạt, hình trứng
Mùi hương	Mùi hương hoa ngọc lan thanh khiết, dịu nhẹ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ho do lạnh: Hoa ngọc lan 20g, đem tẩm mật ong trong 3 ngày rồi sắc (nấu) uống như trà (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Chữa đau bụng kinh: Hoa ngọc lan (chưa nở) 12g, sắc uống thay trà vào lúc sáng sớm. Dùng 30 ngày là một liệu trình, có tác dụng giảm đau bụng kinh ở phụ nữ (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Hỗ trợ điều trị viêm phế quản: Hoa ngọc lan 7 cái, hoa hồng bạch 5 hoa, mật ong 15ml. Cho tất cả vào bát hấp cách thủy, chia làm 3 lần uống trong ngày. Uống 7-10 ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Nhuận da, kích thích tiêu hóa: Hoa ngọc lan 6g, 1 thìa trà xanh. Hoa ngọc lan rửa sạch bằng nước muối, vẩy cho ráo nước, để vào bát. Rót nước sôi vào bát, sau đó cho trà xanh vào. Hãm uống thay trà trong ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
5	Chữa vô sinh: Nguyên liệu: Hoa ngọc lan tươi vào thời kỳ chớm nở lấy 5g. Loại hoa này thường nở vào mùa hè. Nguyên liệu tiếp theo là mật ong. Nếu có thể hãy sử dụng mật ong rừng. Hoa ngọc lan cũng rất dễ tìm kiếm và là vị thuốc chữa vô sinh rất tốt. Hoa ngọc lan được hái về đem đi rửa sạch lại với nước rồi để ráo. Lưu ý khi rửa nhẹ nhành tránh làm dập nát hoa. Bỏ ngọc lan và mật ong vào hũ thủy tinh để ngâm trong vòng 3 ngày. nên để hũ trong tủ lạnh giúp bảo quản tốt hơn. Tiếp theo đun sôi 500ml nước rồi bỏ hỗn hợp hoa và mật ong đã được ngâm vô. Để nhỏ lửa trong khoảng 20 phút và lấy ra sử dụng. Mỗi ngày nên uống 1 ly sẽ tăng khả năng đậu thai. Thời gian tốt nhất nên uống là vào buổi sáng. Không những tăng khả năng thụ thai mà bài thuốc trên còn giúp phụ nữ chữa khí hư và kinh	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	nguyệt không đều (Thuốc dân tộc).			
6	Thanh nhiệt, giải khát: Hoa ngọc lan 20g, đậu xanh 150g, đường phèn 50g. Cách chế biến: Đậu xanh rửa sạch, hoa ngọc lan tách từng cánh, rửa sạch, để ráo nước. Đậu xanh cho nước đun sôi nhỏ lửa khoảng 30 phút cho nhừ rồi cho đường phèn vào, tắt lửa, rắc hoa ngọc lan vào rồi trộn đều là dùng được. Tác dụng thanh nhiệt tiêu thử, giải khát (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Hỗ trợ điều trị ho gà: Hoa ngọc lan 8 cái, lá chanh 10g, gừng 3g. Tất cả rửa sạch cho vào ấm đổ 550ml nước, sắc còn 250ml, chia làm 3 lần. Uống 1 tuần (Thầy thuốc của bạn).	x		
8	Chữa đau đầu: Ngọc lan hoa trắng 8 cái, hoa nhài 10 cái, lá hoa sen 20g. Tất cả rửa sạch cho vào ấm đổ 550ml nước, sắc còn 250ml, chia làm 3 lần. Uống 1 tuần (Thầy thuốc của bạn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

346. Ngọc long châu — *Callicarpa formosana* Rolfe, 1882

Tử châu Đài Loan, Đỗ hồng hoa

Công dụng: Chữa phong thấp, vết thương chảy máu, viêm họng, viêm kết mạc, nôn ra máu (Rễ, lá). Còn chữa rắn độc cắn.

Tính vị: Vị cay, đắng, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, lá

Nguồn gốc	Loài của Trung Quốc, Việt Nam, Philippin
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn,)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	2 tháng sau khi trồng,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Giã nát, sắc nước
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)

→ **Chi**: Callicarpa (Tu hú)

→ **Loài**: *C. formosana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây nhiều năm
Dạng cây	Cây dạng bụi
Chiều cao cây	Cây cao 3m
Thân cây	Nhánh nhỏ có lông hình sao vàng nâu.
Lá cây	Lá có phiến bầu dục xoan, dài 7-15cm, rộng 3-8cm, mặt lá màu vàng nâu với những lông cứng ngắn, về sau không lông nhưng thô ráp, mặt dưới lá phủ đầy lông hình sao màu vàng, lúc non có điểm tuyến màu vàng; mép có răng cưa; gân phụ 7-8 cặp, cuống lá to, khoẻ, dài 0,7-1,2cm, đường kính 2,5mm.
Hoa	Hoa: Cụm hoa lưỡng phân, dài 2-4cm; hoa nhỏ, dài dài 1mm, có lông vàng; thuỳ hình tam giác; tràng hoa màu tím, không lông, dài 2,5mm, nhị hoa thò dài 4,5mm, bao phấn tròn, bầu nhẵn.
Quả/trái	Quả: Quả tròn có đường kính 1,5mm, không lông, khi chín màu tím.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa các loại chảy máu và các loại ngoại thương xuất huyết, Dùng ngoài tán nhỏ đắp hoặc dùng lá tươi giã đắp.	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

347. Ngũ gia bì — *Eleutherococcus nodiflorus* (Dunn) S.Y.Hu, 1980

Tế trụ ngũ gia bì, Ngũ gia, Ngũ gia hương

Công dụng: Chữa phong hàn thấp tý, đau lưng, thể lực yếu, dương úy, trẻ em chậm biết đi, cước khí thủy thũng.

Tính vị: Ngũ gia bì có vị cay, đắng, tính ôn, vào 2 kinh: can, thận

Quy kinh: Phế, thận, can

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học	Vỏ cây, ngọn cây tế trụ gia bì có chứa saponin. Là một loại rau nhân sâm của người miền núi.Trong 100g rau tế trụ gia bì có chứa khoảng 4,5 đến 7g protit. Từ 0,5 – 0,7 tinh dầu sabinen. Tạo một mùi thơm đặc trưng khi nấu lên. Ngoài ra, ngũ gia bì còn chứa 0,11g lysin, 2,2g hydratcacbon, 0,22g photpho, 0,26g chất sắt, 11,5mg vitamin C, 0,6mg caroten..
Nguồn gốc	Loài của Trung Quốc và Bắc Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây ngũ gia bì TP. Cà Mau (phường Tân Xuyên, phường 5), huyện Thới Bình (xã Tân Lộc, xã Hồ Thị Kỷ), huyện U Minh (xã Khánh Tiến), huyện Trần VĂn Thời (xã Khán Bình Tây, xã Khánh Hưng), huyện Cái Nước (TT. Cái Nước, xã Thạnh Phú), huyện Năm Căn,
Sinh cảnh	cây ngũ gia bì có công dụng làm thuốc nên được người dân và các thầy thuốc nam trồng trong vườn để sử dụng điều trị bệnh
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 10, Tháng 11 đến 12
Thu hoạch	Mùa hoa: tháng 9-10; mùa quả: tháng 11-2.
Chế biến	Sắc nước uống hoặc dưới dạng rượu thuốc, hoàn tán
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Apiales (Hoa tán)
    - **Họ:** Araliaceae (Ngũ gia bì)
      - **Chi**: Eleutherococcus (Ngũ gia)
        - **Loài**: *E. nodiflorus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Thân bụi
Chiều cao cây	Cây cao vài mét
Vỏ cây	Vỏ thân và vỏ cành xám nhạt, có gai thưa
Lá cây	Lá kép chân vịt, mọc so le hoặc tụ tập từng 2-3 cái, gồm 5 lá chét hình trứng đảo hoặc thuôn, dài 2 – 6cm, rộng 1 – 3cm, lá chét giữa to, những lá chét bên nhỏ dần về phía cuống, mép có răng cưa và lông cóng, hai mặt nhẵn, sẫm bóng ở mặt trên
Hoa	Cụm hoa thường mọc đơn độc ở kẽ lá thành tán, cuống tán dài 2 – 3,5cm. Hoa nhỏ màu vàng lục. .
Quả/trái	Quả hình cầu dẹt, khi chín màu đen, chứa 2 hạt.
Hạt	Hạt đen
Mùi hương	Toàn cây có tinh dầu rất thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau lưng, đau xương cốt do hàn thấp, gân xương co rút, sưng đau, hoặc sưng đau do sang chấn: Ngày dùng 10 - 20 g vỏ khô, dạng thuốc sắc hoặc rượu thuốc (Tra cứu dược liệu).	x		
2	Chữa trẻ em suy dinh dưỡng, còi xương, chậm biết đi: Ngũ gia bì, mộc qua, ngưu tất (với lượng bằng nhau) sắc nước hoặc làm bột uống (Tra cứu dược liệu).	x		
3	Chữa đau các khớp tứ chi: Ngũ gia bì, độc hoạt, uy linh tiên, tang chi, kê huyết đằng. Mỗi vị 10g, sắc nước uống (Thủy Mai, 2019) (Tra cứu dược liệu).	x		
4	Chữa thấp khớp: Ngũ gia bì 15g; thương truật, tần cửu, hy kiểm thảo, mỗi vị l0g; lão quán thảo 12g. sắc nước hoặc ngâm rượu uống (Tra cứu dược liệu).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Tuy vậy, cũng như các loại dược liệu khác, tế trụ gia bì cũng có thể gây ra một số tác dụng phụ nhẹ. Nhưng không làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe như cây mã tiền. Bài thuốc sử dụng ngũ gia bì cũng có thể tương tác với một số loại thuốc. Hoặc tương tác với một số loại dược liệu, thực phẩm chức năng khác mà đang sử dụng. Do đó, để đảm bảo an toàn và hiểu quả. Hãy tham khảo ý kiến bác sỹ và thầy thuốc trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

348. Ngũ gia bì cẩm thạch *Schefflera arboricola* (Hayata) Merr., 1929

Công dụng: Sử dụng trong trừ phong, chữa đau nhức xương khớp, đau bụng, suy nhược thần kinh

Tính vị: Vị cay, đắng, tính ôn

Quy kinh: can, phế, thận

Bộ phận dùng: Vỏ của thân, vỏ của rễ và rễ nhỏ

Thành phần hóa học: Vỏ thân chứa 0,9-1% tinh dầu; vỏ cành và vỏ rễ chứa saponin triterpen khi thuỷ phân cho acid oleanic

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú), huyện Thới Bình (xã Hồ Thị kỷ)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà, ven sông
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Rửa sạch đất cát, bóc lấy vỏ hoặc thái mỏng nếu lá rễ nhỏ, rồi phơi hoặc sao khô.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Apiales (Hoa tán)

→ **Họ:** Araliaceae (Ngũ gia bì)

→ **Chi**: Schefflera

→ **Loài**: *S. arboricola*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 10m đến 15m
Vỏ cây	Vỏ cây mịn, màu xám trắng.
Lá cây	Cây có lá kép, chia ra giống lòng bàn tay với 8 lá chét. Lá chét hình elip, hay thay đổi hình dạng, mỗi lá chét dài 7 – 17 cm. Lá sắc ở đỉnh hoặc thuôn dần và có phần hơi cùn, phần gần cuốn thon, có mép nguyên.
Hoa	Hoa nhỏ, màu trắng, tạo thành bởi 5 – 6 cánh hoa. .
Quả/trái	Quả mọng và đen, hình cầu, đường kính dưới 1 cm. Mỗi quả bao gồm 5 –
Hạt	Gồm 5-6 hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị huyết áp thấp: Dùng viên Ngũ gia bì, mỗi lần uống 5 viên, ngày 3 lần, 20 ngày là một liệu trình. Kết quả tốt (Châu Long, Trung Quốc Dược Thành Phẩm Đích Nghiên Cứu 1985, 12: 43).	x		
2	Trị gẫy xương, sau khi phục hồi vị trí: Ngũ gia bì, Địa cốt bì đều 40g, tán nhuyễn, Gà 1 con nhỏ, lấy thịt, giã nát, trộn đều với thuốc, đắp bên ngoài, bó nẹp cố định, sau một uần, bỏ nẹp đi (Sổ Tay Lâm Sàng Trung Dược).	x		
3	Trị phong thấp đau nhức, cơ thể mệt mỏi, đau nhức, liệt dương: Ngũ gia bì sao vàng 100g, rượu 30o một lít, ngâm trong 10 ngày, thỉnh thoảng lắc đều. Ngày uống 20~40ml vào trước bữa ăn tối (Ngũ Gia Bì Tửu - Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách).	x		
4	Trị thấp khớp: Ngũ gia bì, Mộc qua, Tùng tiết đều 120g. Tán bột, mỗi lần uống 3~4g, ngày 2 lần (Lâm Sàng Thường Dụng Trung Dược Thủ Sách). Trị phụ nữ cơ thể suy nhược: Ngũ gia bì, mẫu đơn bì, Xích thược, Đương quy đều 40g. Tán bột. Ngày uống hai lần, mỗi lần 4g (Những Cây Thuốc Vị Thuốc Việt Nam)	x		
5	Trị nhồi máu não: Dùng dung dịch chíhc Ngũ gia bì 40ml, cho vào 300ml dịch truyền Glucoz 10%, truyền tĩnh mạch ngày 1 lần, kèm uống thuốc thang. Theo dõi 20 ca, có kết quả tốt (Cam Túc Trung Y Học Viện Học Báo 1988, 1: 27).	x		
6	Trị phụ nữ cơ thể suy nhược: Ngũ gia bì, mẫu đơn bì, Xích thược, Đương quy đều 40g. Tán bột. Ngày uống hai lần, mỗi lần 4g	x		
7	Trị gẫy xương, sau khi phục hồi vị trí: Ngũ gia bì, Địa cốt bì đều 40g, tán nhuyễn, Gà 1 con nhỏ, lấy thịt, giã nát, trộn đều với thuốc, đắp bên ngoài, bó nẹp cố định, sau một uần,	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	bỏ nẹp đi (Sổ Tay Lâm Sàng Trung Dược).			
8	Trị an thần: Lấy 1 nắm lá Ngũ gia bì cẩm thạch nấu nước uống			x
***Lưu ý khi sử dụng*:** *Âm hư hoả vượng: không dùng* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

349. Ngũ trảo — *Vitex negundo* L., 1753

Hoàng kinh, Chân chim, Quan âm

Công dụng: Chữa lỵ, lậu, sưng tấy, tê thấp, đau nhức xương (Lá). Hen suyễn, khó tiêu (Vỏ sắc uống)

Tính vị: Vị đắng

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, chồi, vỏ thân, hột đều có dược tính: có tính thu liễm, trấn thống, trị kinh phong, thấp khớp, chống bướu.

Thành phần hóa học	Tinh dầu Ngũ trảo chứa sabinen, linalool, terpinen-4-ol, b-caryophyllen, a-guain và globulol… B-caryophyllen thường có trong lá, hoa và trái khô. Lá chứa alkloid nishindin, flavon, luteolin-7-glucosid, casticin, iridoid. Hột chứa hydrocarbon, b-sitosterol, benzoic acid và phthalic acid, glycosid, và diterpen, flavonoid, triterpenoid có tác dụng kháng viêm.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Madagascar, Châu Phi, Châu Á và Phillipines
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Huyện Năm Căn, huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Ngọc Chánh) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Ngũ Trảo được trồng nhiều trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven ao, ven đường đi để dùng làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 5 đến 7
Thu hoạch	Lá, rễ và vỏ Ngũ traảo có thể thu hái quanh năm. Quả và hạt thu hái vào mùa hè.
Chế biến	Lá, rễ và vỏ sau khi thu, dùng tươi hoặc khô đều được. Sau khi thu hái, 1uả và hạt phơi hoặc sấy khô, bảo quản dùng dần.
Bảo quản	Bảo quản Ngũ trảo đã sơ chế ở nơi thoáng mát, khô ráo, tránh độ ẩm cao và nơi nhiều côn trùng, mối mọt.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)

→ **Chi**: Vitex (Bình linh)

→ **Loài**: *V. negundo*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 3-5m
Thân cây	Thân non tiết diện vuông rồi từ từ tròn, màu xanh, nhiều lông mịn màu trắng; thân già màu xám nâu hay xám đen.. Cành non hình vuông, lông mịn màu xám.
Lá cây	Lá mọc đối có cuống dài, kép chân vịt, có 3-5 lá chét kích thước không đều hình ngọn giáo nhọn, mép nguyên hay có răng, mặt trên nhẵn màu lục sẫm, mặt dưới có lông mịn màu trắng bạc.
Hoa	Cụm hoa hình chùy ở ngọn cành ít khi ở nách lá, dài 10-20 cm, phân nhánh đối nhau, tận cùng nhánh là các xim 2 ngã gồm 3 hoa, hoa giữa gần như không cuống, 2 hoa bên có cuống.. Hoa nhỏ, màu tím nhạt, không đều, lưỡng tính, mẫu 5; cuống hoa bên dài 2-4 mm, màu xanh, phủ đầy lông mịn; lá bắc và lá bắc con nhỏ, dạng vảy hình tam giác, màu xanh nâu, nhiều lông mịn màu xám. Lá đài 5, màu xanh, dính nhau ở phía dưới thành ống hình chuông dài 2 mm, có 5 cạnh do mỗi lá đài có một gân dọc nổi rõ ở mặt ngoài, trên chia 5 phiến hình tam giác dài 0,5 mm, mặt ngoài nhiều lông mịn màu xám, tiền khai van. Cánh hoa 5, mặt ngoài đầy lông mịn màu xám; dính nhau bên dưới thành ống dài 5 mm, mặt trong rất nhiều lông dài và nhiều sọc dọc màu tím sậm; bên trên chia thành 2 môi kiểu 2/3: môi trên 2 thùy nhỏ, tròn, màu tím rất nhạt gần như trắng, môi dưới 3 thùy, thùy giữa dài và to hơn 2 thùy bên, màu tím sậm ở mặt trong, màu vàng và nhiều lông dài ở gốc phía trong, 2 thùy bên tròn, màu tím nhạt, tiền khai lợp. Nhị 4, thò ngắn khỏi ống tràng, rời, không đều với 2 nhị dài ở phía trước và 2 nhị ngắn ở phía sau (bộ nhị kiểu 2 trội), đính vào gần gốc ống tràng, xen kẽ cánh hoa; chỉ nhị dạng sợi, màu trắng, dài 4-6 mm, nhiều lông dài ở gốc; bao phấn hình bầu dục, màu tím sậm, 2 ô dạng ra, đính đáy, hướng trong, nứt dọc. Hạt phấn rời, màu vàng nhạt, hình bầu dục thuôn có rãnh dọc ở giữa, có 2 kích cỡ: hạt to dài 37-50 µm, rộng 25-32 µm, hạt nhỏ dài 20-25 µm, rộng 10-18 mm. Lá noãn 2, dính nhau tạo thành bầu trên 2 ô, mỗi ô 2 noãn, đính noãn trung trụ, một vách giả xuất hiện giữa 2 noãn ngăn thành bầu 4 ô; bầu hình cầu, màu xanh, nhẵn, đỉnh có tuyến như hạt cát; vòi nhụy 1, đính trên bầu, hình sợi, dài 5 mm, màu tím, đỉnh xẻ 2 thùy; đầu nhụy màu tím sậm.
Quả/trái	Quả hạch, hình cầu, đường kính 3-4 mm, khi chín có màu đen, mang đài tồn tại.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị cảm sốt, nhức đầu, ngạt mũi, nhức mỏi, phù thũng. Sắc lá uống trị tiểu ra máu, viêm ruột, lỵ, cảm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
2	Trị Nhức đầu: Nấu lá xông hoặc dùng lá khô làm thuốc hút cho bớt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Phụ nữ uống chữa kinh nguyệt không đều, bạch đới, cho ra mồ hôi, bớt nhức đầu, tim, hen suyễn: Quả, hạt sắc nước (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Trị bệnh sốt rét, giã nát lấy nước uống trị ho: Rễ dùng sắc uống. Vỏ cây giúp làm ăn ngon cơm, dễ tiêu hóa, chữa hen suyễn.	x		
5	Hóa thấp tiêu đờm, trị rối loạn tiêu hóa, đau bụng tiêu lỏng, đau bụng kinh: Dùng lá Ngũ trảo sắc uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa viêm ruột, sốt rét, trúng độc: Dùng lá Ngũ trảo non thu hái vào đầu mùa hạ, phơi âm can đến khi khô. Mỗi lần dùng 5 – 10 g, hãm nước sôi, dùng uống như trà (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa lỵ trực khuẩn, viêm ruột, tiêu hóa kém: Sử dụng quả (hạt) Ngũ trảo 500 g, men rượu 30 g, mang đi sao vàng, tán thành bột mịn, sau đó cho thêm 250 g đường kính trộn đều. Mỗi lần dùng uống 6 g, mỗi ngày uống 3 – 4 lần, liên tục trong 3 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa cảm lạnh đau dạ dày, cảm nắng đau bụng: Ngũ trảo tán thành bột. Mỗi ngày dùng uống 6 g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa mề đay, mẩn ngứa ngoài da: Sử dụng lá Ngũ trảo tươi nấu nước, dùng ngâm, tắm vùng da bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa hen suyễn do nhiễm lạnh: Dùng quả Ngũ trảo tươi sấy khô, tán thành bột mịn. Mỗi lần dùng uống 6 g, ngày uống 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Điều trị bệnh giun chỉ: Sử dụng 30 g rễ Ngũ trảo, thái thành phiến mỏng, tẩm rượu, sao vàng, sắc thành nước uống trước bữa ăn chiều (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa rắn độc cắn, toàn thân phù mọng nước: Sử dụng một lượng vừa đủ lá Ngũ trảo non, giã nhuyễn, vắt lấy nước cốt thoa vào phần mọng nước. Phần bã lá đắp lên vết rắn cắn để hút nọc độc. Sau đó đưa người bệnh đến bệnh viện để	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	kiểm tra (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
13	Chữa đau bụng kinh ở phụ nữ: Sử dụng 16 – 40 g lá Ngũ trảo nấu cùng 500 ml nước, đến khi cạn còn 200 ml thì chia thành 2 lần uống trong ngày. Sử dụng liên tục trong 10 ngày trước chu kỳ kinh nguyệt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Kích thích tiêu hóa giúp ăn ngon miệng: Sử dụng 12 g vỏ cây Ngũ trảo, rửa sạch, cắt thành đoạn nhỏ, sắc thành thuốc, uống khi còn nóng và trước bữa ăn 30 phút (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Giải biểu, giải nhiệt dùng trong chứng cảm, sốt để thanh nhiệt, giải độc: Dùng lá nấu uống; lá Ngũ trảo, Sả , Bưởi… nấu nồi xông (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
16	Trị thấp khớp: lá Ngũ trảo khô, sao vàng thêm Lá lốt sắc uống. Trị đau nhức khớp xương, sưng bầm, té trặc, đau đầu: lá Ngũ trảo tươi, sao nóng, để vừa ấm 370C bó chỗ sưng đau. Sao lại và bó tiếp ngày 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Giải biểu, giải nhiệt, an thần: Dùng trong chứng cảm, sốt để thanh nhiệt, giải độc thường dùng lá nấu để uống; hay dùng lá Ngũ trảo, Sả , Bưởi nấu nên xông (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
18	Chữa cảm mạo phong hàn: Sử dụng 30 g lá Ngũ trảo, Hành tăm 6 g, Gừng tươi 6 g, sắc thành thuốc, chia thành 2 lần uống trong ngày khi thuốc còn ấm. Mỗi ngày uống 1 thang liên tục trong 1 – 3 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Chữa vết thương do bỏng lửa nhẹ: Sử dụng cành Ngũ trảo băm nhỏ, sao cháy tồn tính, tán thành bột mịn, sau trộn đều với dầu mè hay dầu sở. Dùng bôi lên vết thương, mỗi ngày 1 – 2 lần cho đến khi vết thương lành hẳn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa cảm lạnh đau dạ dày hoặc cảm nắng đau bụng: dùng 15 g lá Ngũ trảo tươi, 10 g đọt non Nghể nhẵn, sắc thành thuốc, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa trào ngược dạ dày, xuất huyết dạ dày: Sử dụng 60 g rễ Ngũ trảo, 30 g Tiên hạc thảo và 1 con gà mái. Gà mái làm sạch, bỏ đầu, chân và nội tạng. Sau đó cho dược liệu vào phần bụng của gà, hấp cách thủy đến khi gà chín thì bỏ bã thuốc và chia thành nhiều lần dùng ăn trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
22	Chữa viêm phế quản mạn tính: Sử dụng 15 g quả Ngũ trảo, 10 g Lá nhót, 15 g Bồ công anh, 6 g Trần bì sắc thành thuốc, dùng uống 2 lần mỗi ngày. Mỗi ngày sử dụng 1 thang liên tục trong 5 – 7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa trẻ em nhiều đàm dãi tắt đường thở, kinh phong: Sử dụng nước cốt lá Ngũ trảo và nước cốt măng tre tươi, mỗi vị 50 ml hòa cùng 3 – 5 giọt gừng tươi, thêm nước sôi để nguội, cho trẻ uống 2 – 3 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa viêm dạ dày, viêm ruột cấp tính nôn mửa: Sử dụng lá Ngũ trảo, Chế bán hạ, Hoắc hương, Nghệ nhẵn, mỗi vị đều 20 g, sắc thành thuốc dùng uống 2 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Trị cảm mạo nhức đầu sổ mũi, sốt cao: Dùng lá Ngũ trảo 100 g, 40 g lá Cam, lá Bưởi, lá Chanh, lá Sả , Ngải cứu, mỗi vị 20 g, nâu cùng 5 lít nước, dùng xông hơi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Chữa đau lưng do gai cột sống: Dùng lá Ngũ trảo, lá cây Đại tướng quân và Bồ công anh, phân lượng bằng nhau, mang đi giã nát với một ít muối. Sau đó trộn với rượu trắng (khoảng 40 độ) rồi xào nóng lên, dùng đắp vào vị trí cột sống bị đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Trị nấm tóc lá, sổ mũi: Lấy cây Ngũ trảo (đã phơi khô) sắc với 3 chén nước đến khi còn 4 hoặc 8 phân, uống. Uống buổi sáng và chiều.			x
28	Trị ban bạch: Lấy 10g Ngũ trảo, 10g cây Dâu tằm, 50g Đậu xanh, 50g gạo và thịt 1 con có, nấu nước uống.			x
29	Trị bệnh gan: Lấy lá, thân Ngũ trảo (đã vạt mỏng) phơi khô hoặc để tươi nấu nước uống.			x
30	Giúp phụ nữ sanh mau có sữam, giúp dễ sinh đẻ: Lấy thân cây Ngũ trảo vạt mỏng, phơi khô, sao vàng thủy thổ. nấu nước uống hàng ngày.			x
31	Trị nhức mỏi: Cách 1: Lấy một nắm toàn cây Ngũ trảo, rửa sạch nấu với 1 lít nước uống. Cách 2: Lấy lá Ngũ trảo và Tần dầy lá xào với giấm, bó lên chỗ nhức. Cách 3: Lấy cây Ngũ trảo, Cù đèn, Lức cây: mỗi thứ 120g, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Cách 4: Lấy thân cây Ngũ trão (đã chặt khúc), Ngũ gia bì nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
32	Trị bong gân: Đâm một nắm lá Ngũ trảo với ít muối, xào với giấm, bó chỗ bong gân			
33	Trị xương khớp: Dây thần thông, phơi khô, ngâm rượu gốc đường phèn (10 ngày sử dụng) uống sau khi ăn			x
34	Trị thần kinh tọa: Lấy thân cây Ngũ trảo chặt khúc, phơi khô nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 1 chén uống hoặc ngâm rượu uống.			x
35	Trị cảm: Lấy Ngũ trảo, lá Mãng cầu, lá Sả , lá Chanh, lá Bình bát rồi nấu nước xông			x
36	Trị thoát vị địa đệm, trị nhức xương khớp, thần kinh toạ: Lấy cây Ngũ trão, rễ dừa lửa, thân Tu hú: mỗi loại 1 nắm, vạt mỏng, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Nữ uống 9 thang, nam 7 thang liên tục.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Ngũ trảo có thể dùng uống trong, thoa ngoài hoặc nấu thành nước để ngâm rửa khu vực bệnh.

Liều lượng khuyến cáo:

- Dùng sắc uống: Hạt 2 – 4 g, rễ, lá, vỏ thân cây 30 g

- Dùng ngoài: không kể liều lượng

Người suy nhược, cơ thể gầy yếu, táo bón kinh niên không được sử dụng dược liệu Ngũ trảo.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

350. Ngũ triều — *Tetracera Scandens* (L.) Merr., 1719

Dây tứ giác, Chạc chìu (Tày), Tích diệp đằng, Chong co (Thái), Dạt lồng nhây (Dao)

Công dụng: Chữa tê thấp, ứ huyết, đau bụng, phù thũng, gan lách sưng to, bạch đới...

Tính vị: Vị chua chát, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, dây

Thành phần hóa học: Theo các nhà khoa học thì trong dây chiều chứa: azaleatin, isorhamnetin, rhamnetin và rhamnocitrin.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 8,
Thu hoạch	Rễ thu hái quanh năm. Chặt lấy phần gần gốc, những đoạn có u, dùng làm thuốc.
Chế biến	Rễ sau khi thu há, rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô, dùng tươi hoặc tẩm rượu sao vàng.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Dilleniales (Sổ)
    - **Họ:** Dilleniaceae (Sổ)
      - **Chi**: Tetracera (Dây chiều)
        - **Loài**: *T. Scandens*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây dạng dây trườn
Chiều cao cây	Cây dài 3-5m hay hơn
Thân cây	Thân cây có màu nâu. Cành cây mềm dài, cành non có lông nhám và tẩm silic (SiO_2)
Lá cây	Lá mọc so le, phiến hình bầu dục, không dài hơn 10cm, cũng rất nhám, mép khía răng
Hoa	Chuỳ hoa to, ở nách lá hay ở ngọn cành. Hoa có 5 lá đài, 5 cánh hoa màu trắng, mau rụng, nhiều nhị và bầu 1 lá noãn. .
Quả/trái	Quả đại có lông, chứa 1-2 hạt
Hạt	Hạt có áo, có rìa, màu đỏ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị ghẻ ngứa: Lấy lá và rễ dã nhỏ dùng đắp (Bách thảo dược).	x		
2	Trị xuất huyết phổi: Nước hãm dây lá uống trong (Bách thảo dược).	x		
3	Chữa kiết ly, đau bụng, lở loét chảy nước vàng, đi ngoài ra máu: Lấy rễ của dây chiều, đem sắc nước uống trong ngày (Bách thảo dược).	x		
4	Chữa nam di tinh, nữ bạch đới: Dây chiều, rễ Bươm bướm, Bạc san, Cẩu tích, mỗi vị 20g, sắc uống (Cây thuốc quanh ta).	x		
5	Chữa phụ nữ tích huyết, u xơ hay gan lách sưng cứng: Lấy 20g dây chiều, 20g ngải máu đều, 12g xạ can, 12g hồi. Sau đó đem tất cả các vị đi sắc nước uống trong ngày (Cây thuốc quanh ta).	x		
6	Điều trị phong thấp, gân xương đau nhức hay chân gối sưng đau: Dùng dây chiều, tổ rồng, tầm xuân, huyết giác, dây đau xương, Cỏ xước hay ngưu tất, kim cang, dây chìa vôi (ngâm nước vo gạo 1 đêm) sao vàng, mỗi loại 15 – 20g. Đem tất cả đi sắc nước uống trong ngày (Cây thuốc quanh ta).	x		
7	Chữa cổ trướng: Dùng dây 40g chiều, 10g râu ngô, rễ ngấy hương, rễ xấu hổ, hy thiêm, cây Sả mỗi vị 20g. Đem tất cả đi sắc nước uống trong ngày, và dùng liên tục trong 7 – 10 ngày. Khi uống thuốc có thể gây ra một số tác dụng phụ như nôn nao, mệt. Nhưng nằm nghỉ một lát là sẽ hết (Cây thuốc quanh ta).	x		
8	Chữa đau đầu, hoa mắt, chóng mặt: Cối xay 30g, Huyết rồng 20g, Dây chiều 20g, Lá vông 16g. Sắc uống ngày 1 thang (Bách thảo dược).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa bầm tím do va đập: Cối xay 40g, Rễ cây si 30g, Cua đồng 5 con, Dây chiều 20g. Cách sử dụng: Rễ cây si, Dây chiều, Cối xay thái lát nhỏ, phơi khô, sao vàng rồi sắc uống ngày 1 thang. Cua đồng rửa sạch rồi ngâm nước muối trong 20 phút, vớt ra giã nát, đun sôi lọc lấy nước uống (Bách thảo dược).	x		
10	Chữa khí hư bạch đới, phụ nữ có huyết trắng, kéo dài nhiều đau lưng mỏi gối, người xanh sao gầy yếu: Dây chiều 16g, Cây lức 12g, Vỏ cây Sung, 16g, Sài hồ 16g. Thái nhỏ tất cả các vị thuốc trên, phơi khô. Sắc uống ngày 1 thang (Bách thảo dược).	x		
11	Trị tê nhức, an thần, xương khớp: Lấy 1kg dây Ngũ triều (tươi hoặc khô) ngâm với 2 lít rượu gốc, uống.			x
12	Giải cảm: Lấy 1 nắm lá Ngũ triều, 1 nắm lá Sả , 1 nắm lá Ổi, 1 đọt Rau quế nấu nước xông.			x
13	Trị nhức mỏi: Lấy 1 nắm nhánh cây Ngũ triều (đã chặt khúc), Cỏ nước mặn (cây và rễ), 1 nắm cọng Cây Muống biển, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống.			x
14	Trị thần kinh tọa: Ngâm 4 lít rượu với 3kg Ngũ triều, rễ Nhàu, Ngãi mọi. Ngâm 10 ngày uống được, Uống sáng 1 ly chiều 1 ly.			x
15	Trị ban, tê, đau nhức, trị thần kinh tọa: Lấy 1 nắm dây, lá chặt khúc, phơi khô sao vàng sắc vói 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
16	Trị thần kinh tọa, trị mất ngủ: Lấy 1 nắm lá Ngũ triều, phơi khô, ngâm rượu uống. Ngâm 15 ngày có thể uống.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

351. Nguyệt quế — *Murraya paniculata* (L.) Jack, 1820

Nguyệt quất, Cửu lý hương , Nguyệt quý, Nhâm hôi

Công dụng: Thường dùng trị: 1. Đòn ngã tổn thương, phong thấp đau xương; 2. Đau dạ dày và đau răng; 3. Ỉa chảy, kiết lỵ; 4. Sâu bọ và rắn cắn. Còn được dùng trị dịch viêm não và gây tê cục bộ. Ngày dùng 9-15g, dạng thuốc sắc. Dùng ngoài, ngâm lá tươi để rửa đắp tại chỗ

Tính vị: Vị cay, đắng, hơi ấm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ và lá - Radix et Folium Murrayae Paniculatae, thường có tên là Cửu lý hương.

Thành phần hóa học	Lá cũng như vỏ, có chứa tinh dầu. Các bộ phận của cây, nhất là các cánh hoa, chứa một glycosid gọi là murrayin mà khi có mặt của các acid pha loãng và đun sôi sẽ phân tích ra thành murrayetin và glucose. Cánh hoa phơi khô chứa glucosid scopolin. Murrayin được xem như có tính chất kích thích và làm săn da
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc vùng nhiệt đới của lục địa Châu Á
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà, ven đường, ven ao và ven sông
Thu hoạch	Thu hái rễ và lá quanh năm.
Chế biến	Hoa và quả có khi cũng được dùng, thu hái vào mùa khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)

→ **Họ:** Rutaceae (Cam quýt)

→ **Chi**: Murraya

→ **Loài**: *M. paniculata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 2-8m
Vỏ cây	Vỏ hơi trăng trắng
Thân cây	Thân hình trụ đường kính khoảng 1 – 5 mm, có những nếp nhăn theo chiều dọc. Khi còn non thì thân cây có màu xanh. Nhưng đến khi cây trưởng thành thì nó sẽ dần chuyển sang màu nâu hoặc xám. Nhưng dù là cây non hay già thì đều có thân nhẵn bóng..
Lá cây	Lá kép lông chim lẻ, có 5-9 lá chét mọc so le, nguyên, hình bầu dục ngọn giáo, nhọn ở gốc, bóng láng, dai, có gân chính nổi rõ . Lá dài khoảng 8 đến 15 cm, xếp theo đường xoắn, lá kép hình lông chim thường mang 7 - 9 lá phụ mỗi bên, thơm, hình bầu dục, hay ellip, kích thước lá phụ khoảng 2 đến 7 cm không lông, có đóm tuyến rất nhỏ, đỉnh nhọn, bìa phiến lá dợn sóng
Hoa	Chùm hoa tụ tán nhỏ, phân nhánh, cụm hoa ở ngọn hay ở nách lá, khoảng 1,5 đến 2 cm dài. Hoa lớn màu trắng vàng, thơm, thành xim ít hoa ở nách lá hay ở ngọn cây . Hoa lưỡng tính, đều, màu trắng trổ vào ban đêm, hương thơm ngào ngạt, đài hoa hình trứng, đế hình ngọn giáo dài 1,5 – 3 mm, màu xanh, cánh hoa thuôn dài khoảng 1,5 cm, có tuyến, ít lông ngắn, tiểu nhụy 10, bầu noãn thượng, nuốm có thùy. .
Quả/trái	Quả đỏ, nạc, hình cầu hay hình trứng, có đài tồn tại, với 1-2 hạt hơi hoá gỗ . Trái thuộc dạng phì quả, dạng ellip 7 -13 mm x 6 - 8 mm, đầu nhọn, màu da cam chuyển sang màu đỏ
Hạt	Hạt ngắn có lông 1
Mùi hương	Hoa có mùi thơm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đau răng: Lấy vỏ than hoặc lá cây nguyệt quới nhai ngậm nhiều lần trong vài ba ngày (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
2	Bổ phổi: Lấy hoa nguyệt quới sao khô và sắc uống ngày 1 thang (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Trị chứng ho có đờm: Lá nguyệt quới khô 8 - 16g sao vàng sắc lấy nước uống trong ngày (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
4	Trị vết thương: Lấy lá nguyệt quới khô nghiền thành bột đắp lên vết thương sưng đau. Ngày làm 1 - 2 lần (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		
5	Điều trị chứng khó tiêu: Dùng lá nguyệt quế để hãm trà uống mỗi ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
6	Chữa tiểu đường: Lấy bột nguyệt quế để nấu ăn. Hoặc có thể lấy 1 thìa cà phê nhỏ hòa với nước để uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Chống nhiễm trùng: Đem lá nguyệt quế giã nát hoặc nghiền bột rồi đắp vào chỗ bị thương. Đây là cách cầm máu nhanh mà còn ngăn nhiễm trùng tốt nữa (Thầy thuốc của bạn).	x		
8	Ngừa rối loạn kinh nguyệt, huyết hư: Cho quả nguyệt quế vào nồi nước đun lấy nước uống là được.	x		
9	Giảm căng thẳng: Dùng tinh dầu nguyệt quế để làm tinh dầu thư giãn khi tắm. Chỉ cần 1 vài giọt thả vào trong bồn tắm và ngâm mình ở đó chừng 15p là có thể xua tan mệt mỏi rồi. Đồng thời đây cũng là cách chống cảm lạnh tốt.	x		
10	Điều trị đường tiết niệu bị nhiễm trùng: Lấy 1 cốc sữa pha với bột nguyệt quế để uống (Thông tin thuốc.org, 2021).	x		
11	Kháng viêm: Xoa trực tiếp tinh dầu nguyệt quế lên chỗ bị sưng đau. Đồng thời kết hợp các món ăn từ lá nguyệt quế để tăng hiệu quả (Thầy thuốc của bạn).	x		
12	Trị chứng đau phong thấp: Nguyệt quới 15g, rễ bông ổi 15g, rễ móng bò 15g nấu thành súp với thịt gà ăn hằng ngày hoặc ngâm rượu uống (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		
13	Chữa dị ứng: Đem lá và quả nguyệt quế nghiền bột mịn ra rồi trộn cùng chút vaseline. Sau đó bôi lên chỗ da cần điều trị (Thầy thuốc của bạn).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:
Những đối tượng nhạy cảm như mẹ bầu, trẻ em hay mẹ sau sinh tốt nhất là không nên dùng nguyệt quế. Những người dị ứng với cây nguyệt quế càng không nên sử dụng.
Nếu đang dùng thuốc đặc trị tiểu đường hay insulin thì không được phép dùng cây nguyệt quế.
Chỉ nên dùng cây đúng liều lượng. Không lạm dụng vì có thể ảnh hưởng đến tiêu hóa và hô hấp.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

352. Nguyệt quế Thái — *Radermachera peninsularis* Steenis, 1976

Nguyệt quế lá lớn, Nguyệt quế hoa to, Nguyệt quới thái

Công dụng: Dùng để chữa bệnh ngoài da và dạ dày

Tính vị: Vị cay, chát, tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá và quả

Thành phần hóa học: Trong hạt nguyệt quế có hàm lượng dầu lớn (30%).

Trong lá và quả có nhiều tinh dầu như: cineol, geraniol, pinen.

Ngoài ra, trong quế cũng có thành phần: acid caffeic, catechin, quercetin, dưỡng chất thực vật parthnolide

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước Châu Á nhiệt đới
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn,)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vương nhà
Mùa hoa quả	Cây cho hoa gần như quanh năm và nở rộ nhất vào mùa hè,
Thu hoạch	Lá thu hái vào tháng 6 – 7 hàng năm và quả thu hái vào tháng 8 – 9 hàng năm.
Chế biến	Lá và quả mang về sẽ được phơi khô dùng dần, hoặc nghiền thành bột mịn, hoặc chế biến thành tinh dầu
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa tầm tay trẻ em.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Bignoniaceae (Quao)

→ **Chi**: Radermachera (Rà - đẹt, Boọc Bịp, Rọc Rạch)

→ **Loài**: *R. peninsularis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây trưởng thành có thể cao đến 2m.
Thân cây	Cây thân gỗ. Cây nguyệt quế thái có cành và lá to hơn các loài nguyệt quế thông thường.
Lá cây	Lá bách hợp gồm các lá chét nhẵn bóng. Các lá tờ rơi có hình dạng elip, với toàn bộ lề.
Hoa	Hoa có màu hồng nhạt đến trắng, thơm, có các sọc màu cam đến vàng cam ở cổ họng. Chúng xuất hiện thành từng cụm lớn gần ngọn cành. Hoa mềm và mịn.
Quả/trái	Quả nguyệt quế có hình oval, xanh khi non và đỏ hoặc cam khi chín. Quả có nhiều thịt, mọng nước, mỗi quả có 1 -2 hạt.
Mùi hương	Hoa có hương thơm nhẹ vừa phải, thanh và ngọt, không quá nồng, giống hương hoa hồng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Loại trừ vi khuẩn, nấm gây nhiễm trùng da: Lấy lá nguyệt quế, rửa sạch rồi đun sôi với nước. Lọc lấy nước để trong chai thủy tinh và bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh. Mỗi ngày 2 lần lấy nước lá nguyệt quế rửa mặt để loại bỏ nấm và vi khuẩn gây nhiễm trùng da (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
2	Chăm sóc, thanh tẩy da cơ thể, nuôi dưỡng da: Lấy lá nguyệt quế, phơi khô, nghiền thành bột mịn rồi bảo quản trong lọ thủy tinh. Mỗi ngày, lấy 2 thìa bột quế bọc vào trong tấm vải sạch, buộc kín lại rồi thả vào chậu nước tắm. Tắm nước bột quế sẽ giúp thanh tẩy da chết, chăm sóc, nuôi dưỡng da rất tốt (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
3	Chống nhiễm trùng trên vết thương hở: Lấy lá nguyệt quế, tán thành bột mịn. Sau đó, hãy đắp bột lên vết thương hở, hoặc vết thương mới lành (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
4	Trị chứng khó tiêu: Lấy 1 nắm lá nguyệt quế tươi hoặc khô, rửa sạch rồi cho vào ấm hãm với nước sôi. Dùng nước lá nguyệt quế uống như trà hàng ngày (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
5	Bảo vệ tim mạch: lấy lá hoặc thân cây nguyệt quế, sắc lấy nước uống sẽ giúp rất tốt (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Giúp ngủ ngon: Dùng máy khuếch tán tinh dầu quế trước khi đi ngủ 30 phút sẽ giúp có giấc ngủ ngon. Ngoài ra, cũng có thể nhỏ một vài giọt tinh dầu quế ở gối, hoặc nhỏ vào khăn lót dưới gối cũng có tác dụng tương tự (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
7	Giảm stress: Hãy lấy một vài lá nguyệt quế khô đốt lên ở không gian sống để cho mùi hương từ từ lan tỏa khắp nơi. Đây là cách giúp giảm stress rất tốt vì mùi hương của lá nguyệt quế có thể giúp lưu thông khí huyết, cho tinh thần thoải mái (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
8	Thư giãn: Mùi thơm của cây nguyệt quế có tác dụng thư giãn rất tốt. Chính vì thế, chỉ cần nhỏ một vài giọt tinh dầu quế ở không gian sống giúp mùi hương lan tỏa để có tinh thần thoải mái, thư giãn tốt hơn (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
9	Tốt cho hô hấp: Lấy 1 nắm lá nguyệt quế tươi hoặc lá nguyệt quế khô cho vào đun sôi với nước. Sau đó, hãy lấy nước vừa sôi mang ra xông hơi vào mũi, cho hơi đi vào phổi để giúp lọc bỏ những chất độc, chất thải trong phổi. Ngoài ra, cũng có thể nhỏ một vài giọt tinh dầu quế vào nước sôi rồi dùng xông hơi cũng có tác dụng tương tự (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
10	Điều hoà kinh nguyệt, chữa khí hư ra nhiều: Lấy 1 nắm lá nguyệt quế tươi, hoặc khô rửa sạch, cho vào sắc nước. Uống nước lá nguyệt quế hàng ngày sẽ giúp điều hòa kinh nguyệt, chữa khí hư ra nhiều hiệu quả (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
11	Chữa ho, cảm lạnh: Xoa tinh dầu quế lên ngực và gan bàn chân mỗi khi bị ho hoặc cảm lạnh (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
12	Giúp giảm đau xương khớp: Dùng tinh dầu quế thoa lên các vùng xương khớp bị đau, massage nhẹ nhàng. Mỗi ngày thực hiện 2 – 3 lần sẽ giúp giảm đau xương khớp hiệu quả (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
13	Chữa ho, cảm lạnh: Nhỏ 5 – 10 giọt tinh dầu quế vào bát nước sôi. Sau đó nhúng một khăn sạch vào bát nước, đắp lên ngực (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
14	Chữa trào ngược dạ dày: Uống trà nguyệt quế nóng (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
15	Kích thích mọc tóc: Nguyên liệu: Tinh dầu quế; tinh dầu bưởi (hoặc tinh dầu jojoba). Trộn hai loại tình dầu với nhau với lượng vừa đủ, bôi lên tóc ướt trong 15 – 20 phút. Sau đó, tiến Hành gội đầu sạch lại với nước (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Giảm ngứa da đầu, trị gàu: Lúc gội đầu, cho thêm vài giọt tinh dầu quế vào nước. Việc làm này vừa giúp trị gàu, vừa giúp ngăn ngừa gàu phát triển (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
17	Chữa da bị kích thích: Nguyên liệu: Lá và quả nguyệt quế; kem dưỡng vaseline. Lá và quả bột quế tán thành bột mịn, trộn với vaseline rồi bôi lên vùng da bị kích thích (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
18	Chữa viêm đường tiết niệu: Lấy bột nguyệt quế; sữa tươi (hoặc sữa bò) pha sữa với 1 cốc nước, cho thêm 1 thìa bột nguyệt quế vào rồi uống. Mỗi ngày 1 – 2 cốc (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		
19	Chữa trào ngược dạ dày: Uống trà nguyệt quế nóng: Lấy 5gr lá nguyệt quế và 1 miếng gừng đun sôi với 200ml nước. Đun đến khi nào nước cạn chỉ còn 50ml nước thì tắt bếp. Chia nước thuốc thành 2 phần uống trong ngày (Thông tin cây thuốc.org, 2021).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên dùng nguyệt quế chữa bệnh cho mẹ bầu, người đang cho con bú hoặc trẻ nhỏ.

Người dị ứng với thành phần của cây nguyệt quế cũng không nên dùng.

Thành phần của cây nguyệt quế có thể tương tác với các thuốc trị tiểu đường hoặc thuốc insulin vì thế không nên sử dụng song song hai loại này.

Cây nguyệt quế chữa bệnh chỉ là các bài thuốc dân gian, chưa có cơ sở khoa học vì thế không nên quá lạm dụng vào nó. Đặc biệt, khi dùng cần đúng liều lượng để không ảnh hưởng tới sức khỏe.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

353. Nha đam *Aloe vera* (L.) Burm.f., 1768

Lô hội, Long tu

Công dụng: Nhựa thường dùng trị: Kinh bế, kinh nguyệt ít, táo bón; đại tiện bí, sung huyết não, kinh phong. Lá thường dùng trị: Đau đầu, chóng mặt, táo bón, trẻ em co giật, suy dinh dưỡng, ho gà. Còn dùng trị sâu răng, viêm mủ da, vết chảy và bỏng, eczema. Dùng lá 10-15g nhựa 1,5-3g làm viên, cũng dùng nghiền thành bột đắp tại chỗ

Tính vị: Nhựa Nha đam có vị đắng, tính hàn

Quy kinh: kinh can, vị, đại đường

Bộ phận dùng: Phần gel và lớp thịt dày bên trong lá lô hội

Thành phần hóa học	Lô hội có các thành phần hóa học chính như: Các Monosaccharid và Polysaccharid bao gồm glucose, aldopentose, xylose, rhamnose, arabinose, cellulose, acemannan và mannose. Axít béo chưa bão hoà và prostaglandin như acid gama linolenic Enzym: Amilaza, oxydaza, lipaza, Allnilaza và Catalaza Nhóm anthraglycoside như barbaloin, aloe Emodin, Aloinosit A, Aloezin, Aloectin, Aloinosit B, Anthranol, aloin, axít cinnamiaxít và hysophanic
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Bắc Phi
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Nha đam được trồng nhiều trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven ao, ven đường đi để dùng làm thuốc và làm thực phẩm
Mùa hoa quả	Cây ra hoa vào mùa Thu,
Thu hoạch	Thu hái lá hoa quanh năm
Chế biến	Sơ chế: Sử dụng nha đam tươi, gọt bỏ phần vỏ, làm sạch lớp nhựa mủ màu vàng rồi cắt thành khúc. Ngoải ra, lá sau khi thu hái có thể cắt nhỏ, giã và ép lấy nước. Để lắng 24 giờ, gạn nước thu được đem cô ở ngoài nắng hoặc đun cho đặc. Bào chế: Rạch 1 đường giữa lá Lô hội tươi, tách mở ra rồi dùng sống dao nạo phần giữa lá ra sẽ có 1 chất gel trong suốt. Đó là gel Lô hội (Aloe vera gel). Phơi khô gel này sẽ có chất Nha đam (Aloès) màu nâu đen hoặc màu ánh lục. Tán vừa nhỏ, dùng sống. Khi sắc thuốc, lấy nước thuốc đang sôi, chế vào Lô hội cho tan ra, lọc bỏ tạp chất ở dưới rồi hòa chung với thuốc uống. Làm thuốc hoàn: thường dùng nó làm hồ để viên hoặclàm áo ngoài viên thuốc.
Bảo quản	Bỏ vào thùng để nơi thoáng gió, tránh ánh nắng vì gặp nóng nhựa sẽ chảy.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Asparagales (Măng tây)

Họ: Asparagaceae (Măng tây)

Chi: Aloe (Lô hội, Nha đam)

Loài: *A. vera*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao từ 40 – 80 cm
Thân cây	Cây có khi không có thân, có khi thân cao lên hóa thành gỗ, ngắn, to, thô..
Lá cây	Lá cây mập mọng nước, phát triển từ dưới đất lên. Số lượng bó lá từ 16 – 20 tạo, mọc thẳng đứng hoặc hơi lòe xòe ra tạo thành hình dáng giống hoa hồng. Lá không cuống, phiến lá thẳng hoặc hình mũi dáo cao khoảng 40 – 50 cm và rộng 6 – 7 cm. Đỉnh lá nhọn bìa phiến hơi hồng có gai cứng màu vàng sáng cao 2 mm
Hoa	Cụm hoa dài chừng 1m mọc thành chùm, mọc thành chùm dài. Hoa màu vàng xanh lục nhạt, lúc đầu mọc đứng, sau rũ xuống, dài 3 - 4cm. .
Quả/trái	Quả nang hình trứng thuôn, lúc đầu màu xanh sau nâu và dai, có 3 ô, mỗi ô đựng nhiều hạt
Mùi hương	Có mùi đặc biệt do chứa tinh dầu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị vết cháy và bỏng, dùng lá Lô hội chiết dịch xoa tại chỗ. Lấy một lá (15-18cm) đun nước sôi, thêm đường dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
2	Trị táo bón, tiểu bí do nhiệt kết: Lô hội 6g, Nghiền nát. Phân ra cho vào 6 viên nang nhỏ. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 2-3 viên nang. Nếu không có viên nang, dùng đường trộn với thuốc, ngậm nuốt dần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Trị phỏng nắng: Bôi ngay gel Lô hội lên da vài giờ 1 lần	x		
4	Trị viêm loét dạ dày: Uống gel tươi của lá Lô hội: cứ vài giờ uống 1 muỗng canh gel tươi, lúc bụng đói	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Trị mụn mặt ở thanh niên: Chế cao xoa mặt có gia thêm nướclá Lô hội 5-7%, xoa ngày 1-3 lần.	x		
6	Điều trị xơ gan cổ trướng: Dùng một nắm lá nha đam, gọt bỏ vỏ. Sau đó, rửa sạch và cho vào máy xay sinh tố cùng với nửa lít mật ong nguyên chất. Uống nước nha đam và mật ong trước bữa ăn 15 phút. Mỗi ngày uống 3 lần và mỗi lần uống khoảng 20 ml. Uống liên tục cho đến khi triệu chứng bệnh thuyên giảm thì ngừng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa bệnh tiểu đường và cao huyết áp: Dùng 1 nắm lá lô hội, bỏ vỏ và phần gai hai bên, rửa sạch. Sau đó, nấu sôi để nguội. Cuối cùng cho vào máy xay sinh tố xay nhuyễn và lấy nước uống. Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 muỗng. Nên nhớ uống trước khi ăn 15 phút (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị mụn: Mỗi ngày dùng khoảng 200 g lô hội tươi, gọt vỏ và rửa sạch. Sau đó, cắt thành từng miếng và thêm 2 muỗng mật ong cùng với 50 g đường cát trắng và ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị cam nhiệt, giun đũa: Lô hội 15g, tán bột. Mỗi ngày uống 6g lúc đói với nước ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Trị mụn mặt ở thanh niên: Chế cao xoa mặt có gia thêm nước lá Lô hội 5-7%, xoa ngày 1-3 lần.	x		
11	Chữa bệnh tiểu đường và cao huyết áp: Dùng 2 – 3 nhánh cây lô hội, gọt bỏ vỏ và rửa sạch. Sau đó, nấu sôi rồi uống và ăn cả phần thịt lá. Mỗi ngày uống 3 lần và mỗi lần uống 1 muỗng canh trước bữa ăn 15 phút. Cách 3: Dùng 1 đến 2 lá lô hội đem gọt lấy phần thịt, rửa sạch và ăn sống. Tốt nhất nên ăn 3 lần mỗi ngày để cải thiện triệu chứng bệnh. Lưu ý: Để dễ ăn hơn, người bị huyết áp mà không bị tiểu đường có thể ăn lô hội với đường phèn hoặc đường nguyên chất. Còn đối với người bị tiểu đường nhưng không bị cao huyết áp thì nên ăn với muối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Phòng ngừa sỏi niệu: Dùng vài lá Lô hội tươi, lấy gel nấu với đậu xanh làm nước uống hàng ngày. Ăn mỗi tuần vài lần.	x		
13	Trị trĩ ra máu: Bôi gel Lô hội vào, ngày vài lần	x		
14	Trị táo bón, tiểu bí do nhiệt kết: Dùng bài: Lô hội thông tiện giáo hoàn: lô hội 6g. Nghiền nát, phân ra cho vào 6 viên nang nhỏ. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 - 3 viên nang. Nếu không có viên nang, dùng đường trộn với thuốc, ngậm nuốt dần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	liệu Quốc gia).			
15	Trị mụn nhọt: lá lô hội tươi giã nát, đắp lên mụn nhọt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Trị mụn Trứng cá: Lá lô hội tươi bóc vỏ, lấy phần gel tươi, xoa lên vùng bị Trứng cá, ngày làm 1 lần. Làm liên tục nhiều ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Chữa đái tháo đường: lá lô hội 20g. Sắc uống ngày 1 thang (có thể uống sống) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Trị môi nứt nẻ: Lấy nhựa nha đam bôi lên môi vào mỗi tối trước khi đi ngủ, sau một thời gian, bạn sẽ có bờ môi mọng như ý (Công đoàn Công thương Việt Nam, 2017).	x		
19	Chữa rụng tóc: Lấy chất nhờn của cây nha đam bôi vào chân tóc trong khoảng 2 – 3 giờ cho khô rồi gội sạch đầu. Thực hiện liên tục trong 6 tháng.	x		
20	Trị táo bón (do trường vị thực nhiệt) mạn tính: Lô hội 20g, Chu sa 15g,cùng tán nhỏ, hòa với ít rượu làm viên. Mỗi lần uống 4g với rượu hoặc nước cơm, ngày 2 lần (Canh Y Hoàn - Cục Phương)	x		
21	Trị màng tiếp hợp viêm cấp: Lô hội 3g, Hồ hoàngliên 3g, Đương quy 10g, Bạch thược 12g, Xuyên khung 3g, Vô di 10g, Mộc hương 3g, Long đởm thảo 6g. Sắc nướcuống (Lô Hội Hoàn Gia Vị - Sổ Tay Lâm Sàng Trung Dược)	x		
22	Trị can đởm thực nhiệt gây ra táo bón, tiểu đỏ, ít, hoa mắt, chóng mặt, nặng hơn thì co giật, phát cuồng, nói nhảm: Lô hội, Đại hoàng, Thanh đại (thủy phi), mỗi thứ 4g, Đương quy, Long đởm thảo, Hoàng cầm, Chi tử, Hoàng bá, Hoàng liên mỗi thứ 6g, Mộc hương 5,5g, Xạ hương 0,3g (để riêng). Tán bột, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 6-10g, ngày 3 lần (Minh Phúc, 2017).	x		
23	Trị cam tích, táo bón, giun đũa, suy dinh dưỡng: Lô hội, Diên hồ sách, Mộc hương đều 3g, Vô di Thanh bì đều 6g, Đương quy, Phục linh, Trần bì đều 10g, Chích thảo 3g. Tán bột, trộn hồ làm hoàn. Ngày uống 4-6g (Minh Phúc, 2017).	x		
24	Trị ghẻ lở, lở loét hậu môn: Lô hội 30g, Cam thảo 15g. Tán bột. Dùng nướcđậu hũ rửa chỗ loét rồi đắp thuốc vào (Minh Phúc, 2017).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
25	Trị táo bón, khó tiêu vì thiếu nước mật, vàng da, yếu gan yếu ruột: Bột Lô hội 0,08g, Cao mật bò tinh chế 0,05g, Phenltalein 0,05g, bột Cam thảo 0,05g. Tá dược vừa đủ 1 viên. Ngày uống 1-2 viên vào bữa cơm chiều. Trẻ nhỏ dưới 15 tuổi không dùng (Minh Phúc, 2017).	x		
26	Phòng ngừa sỏi niệu: Dùng vài lá Lô hội tươi, lấy gel nấu vớiđậu xanh làm nướcuống hàng ngày. Ăn mỗi tuần vài lần	x		
27	Trị mụn: Dùng 500 ml nước cốt nha đam trộn đều với 200 ml mật ong và để tủ lạnh dùng dần. Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 3 muỗng canh trước khi ăn dùng. Ngoài ra cũng có thể dùng phần thịt nha đam trộn chung với nước vo gạo đã lắng và đắp lên mặt vào mỗi buổi tối (Minh Phúc, 2017).	x		
28	Trị cam, sát trùng, hòa vị, chỉ tả: Dùng bài Lô hội hoàn: Lấy lô hội 40g, hạc sắt 40g, lôi hoàn 40g, mộc hương 40g, thanh đại 40g, thuyền thoái 20 cái, vu di 40g, xạ hương 4g. Các vị tán bột làm hoàn, ngày uống 2 - 4g (Minh Phúc, 2017).	x		
29	Chữa tiểu đục: lô hội tươi 20g giã nát, thêm đạm qua tử nhân 30 hạt, uống trước bữa ăn, ngày 2 lần. Có thể dùng hoa lô hội 20g nấu với thịt lợn ăn (Minh Phúc, 2017).	x		
30	Chữa tiêu hóa kém: lô hội 20g, bạch truật 12g, cam thảo 4g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 2-3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
31	Chữa viêm loét tá tràng: lô hội 20g, dạ cẩm 20g, Nghệ vàng 12g (tán bột mịn), cam thảo 6g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 2-3 lần. Nếu ợ chua nhiều, thêm mai mực tán bột 10g chiêu với nước thuốc trên. 15-20 ngày là 1 liệu trình (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
32	Chữa bế kinh, đau bụng kinh: lô hội 20g, Nghệ đen 12g, rễ củ gai 20g, tô mộc 12g, cam thảo 4g. Sắc uống ngày 1thang, chia 2-3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
33	Giải nhiệt, mát cơ thể, mát gan, thanh lọc cơ thể, đẹn, chống bệnh ung thư, tiểu đường: Dùng bẹ Nha đam, gọt bỏ vỏ xanh, cắt nhỏ nấu với đường phèn để uống hoặc nấu chè vói đậu xanh			x
34	Giải nhiệt, trị đau bao tử: Xay nhuyễn thịt trong của Nha đam rồi cho thêm ít mật ong vào, uống			x
35	Trị bệnh ung thư: Lấy 5 - 7 lá Nha đam cắt gai, không gọt vỏ, xay nhuyễn, thêm 0,5 muỗng mật ong và 1 cốc rượu 45 độ, uống hàng ngày			x
36	Trị mắt nhậm, mắt hột, mắt đỏ, đau mắt, mắt xốn nóng: Lấy thịt Nha đam (gel) đắp mắt			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
37	Trị men gan cao: Lấy 1 kg Nha đam (đã bỏ vỏ) xay, sau đó thêm 2 muỗng mật ong, 2 muỗng rượu, nấu xông. Xông 2 muỗng canh/lần. Xông 3 lần/ngày.			x
38	Trị bướu, sạn: Cắt 2-3 bẹ Nha đam, bỏ gai, cắt mỏng hoặc xay với với 0,5 lít nước, lược bỏ xác, thêm tí mật ong, uống.			x
39	Trị bệnh gan: Cắt ngang bẹ Nha đam, lấy 1-2 giọt mủ rồi uống			x
40	Trị sạn thận: Lấy 100g Nha đam và 10g đậu đỏ nấu với 1 lít nước, nấu đến khi còn nửa lít, uống			x
41	Trị nhức mỏi, liệt: Lấy Đại hoàng, Nha đam, Hồng hoa, Quyết kiệt, Mã tiền: mỗi thứ một chút, đem ngâm rượu để uống (đổ đầy rượu ngập mặt hỗn hợp)			x
42	Trị chân răng có mủ: Ngâm ruột Nha đam với ít muối rồi nhai nhả xác			x
43	Trị cá đâm: Lấy mủ và thịt trắng Nha đam đắp lên chỗ cá đâm			x
44	Trị ho, viêm họng: Nấu thịt trắng trong Nha đam với đậu xanh rồi ăn.			x
45	Trị ung thư phổi: Lấy 1kg thịt trắng Nha đam xay nhuyễn, sau đó thêm 0,5 kg mật ong, uống. Uống sáng 1 ly và chiều 1 ly			x
46	Trị dời: Lấy mủ Nha đam thoa trực tiếp lên vết dời			x
47	Trị vảy nến: Lấy Nha đam, thạch cao, Cỏ mực nấu nước tắm			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Người bị yếu dạ dày, ruột và phụ nữ có thai không nên dùng.

Đang có thai hoặc đang hành kinh: không dùng.

Người Tỳ hư hàn, rối loạn tiêu hóa: không dùng.

Tỳ Vị suy yếu, tiêu chảy, phụ nữ có thai: không dùng.

Lô hội gây sung huyết, do đó, không dùng cho người bị lòi dom và có thai.

Độc tính: Dùng liều quá cao (8g), có thể gây ngộ độc chết người.

Lô hội có tác dụng tẩy mạnh, vì vậy, nên giảm liều hoặc ngưng thuốc nếu có hiện tượng đi ngoài phân lỏng. Người đã bị đi ngoài phân lỏng thì không nên dùng.

Nên thận trọng khi dùng cho người cao tuổi.

Phụ nữ có thai và người tỳ vị hư nhược không được dùng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

354. Nhãn — *Dimocarpus longan* Lour., 1790

Long nhãn

Công dụng: Làm thuốc bổ, trị chứng trí nhớ bị sút kém, hay quên, mất ngủ, hay hốt hoảng, tâm thần hồi hộp mệt mỏi, thiếu máu.

Tính vị: Cùi Nhãn có vị ngọt, tính ấm. Hạt có vị mặn, tính bình.

Quy kinh: tâm, tỳ, thận

Bộ phận dùng: Áo hạt, hạt, lá

Thành phần hóa học	Trong cùi nhãn tươi có chứa tới 77,15% nước, chất béo 0,13%, protein 1,47%, hợp chất có nitrogen tan trong nước 20,53%, đường saccharose 12,25%, vitamin A và B. Trong cùi nhãn khô có 0,85% nước, chất tan trong nước 79,77% (có chứa glucose 26,9%, saccharose 0,22%, acid tartric 1,2%, chất có nitrogen), chất không tan trong nước 19,3%. Hạt Nhãn chứa tinh bột, saponin, chất béo và tanin. Lá chứa quercetrin, quercetin, tanin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở miền nam Trung Quốc.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vương nhà, ven đường, ven ao và ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 4, Tháng 6 đến 8
Thu hoạch	Rễ và lá thu hái quanh năm. Quả thu hái vào tháng 7-8
Chế biến	Sơ chế: Nhãn chín, thu về, phơi nắng hay sấy cho cùi vàng đều thì lột cùi, phơi tiếp đến khô thì dùng. Hạt dùng phơi khô Chế biến long nhãn: Nhãn mua về để cả chùm cả vỏ, nhúng vào nước sôi 1-2 phút (không để lâu quá sẽ nứt vỏ), để nguyên cả chùm, ngày phơi, đêm sấy- chừng 36-42 giờ-cho đến khi khô vừa phải (lúc lắc quả nhãn thấy kêu lóc cóc) thì bóc vỏ, bỏ hạt, lấy cùi đem sấy cho đến khi cầm không dính tay là được. Nhiệt độ sấy không cao quá 50-60°C. Tỷ lệ chế biến: 100kg quả tươi cho 10-12kg long nhãn.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Sapindales (Bồ hòn)

Họ: Sapindaceae (Bồ hòn)

Chi: Dimocarpus (Nhãn)

Loài: *D. longan*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 5-10m
Thân cây	Cây cao 5-10m, tán lá tròn xoè ra và rậm rạp. Cành non có lông
Lá cây	Lá rườm rà, vỏ cây xù xì, sắc xám, nhiều cành, nhiều lá um tùm, xanh tươi luôn, không hay héo và rụng như lá các cây khác. Lá kép hình lông chim, mọc so le gồm 5 đến 9 lá chét hẹp, dài 7-20cm, rộng 2,5-5cm.
Hoa	Hoa xếp thành chuỳ mọc ở ngọn cành và ở nách lá, màu vàng nhạt. Hoa màu vàng nhạt, mọc thành chùm ở đầu cành hay kẽ lá, đài 5-6 răng, tràng 5-6, nhị 6-10, bầu 2-3 ô.. .
Quả/trái	Quả tròn, vỏ quả vàng trơn nhẵn. Áo hạt màu trắng trong bao quanh hạt
Hạt	Hạt đen nhánh có áo hạt trắng bao bọc.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Làm thuốc bổ, trị chứng trí nhớ bị sút kém, hay quên, mất ngủ, hay hốt hoảng, tâm thần hồi hộp mệt mỏi, thiếu máu: Ngày dùng 9 - 18g. Dạng thuốc sắc hay cao lỏng (Phạm Lê Phương Mai, 2021).	x		
2	Khe ngón chân lở ngứa: Hạt nhãn bỏ vỏ đen, thái mỏng, phơi khô, tán nhỏ, rắc vào (Phạm Hinh, 2019).	x		
3	Dùng ngừa sởi, trị cảm lạnh, sốt rét, viêm ruột: Dùng 10-15g lá. Lá nấu nước tắm trị eczema bìu dái (Phạm Hinh, 2019).	x		
4	Dùng chữa bỏng, chữa sâu răng: Đốt vỏ cây và vỏ quả, tán bột hay nấu cao bôi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa chảy máu do chấn thương: Dùng hạt long nhãn khô tán mịn rồi đắp lên vết thương.	x		
6	Chữa các triệu chứng kém ăn, mất ngủ, mồ hôi trộm, mệt nhọc: Cao ban long và long nhãn (đơn thuốc của Hải Thượng Lãn Ông). Còn có tên là nhị long ẩm: Cao ban long 40g, long nhãn 50g. Sắc long nhãn với nước. Thái nhỏ cao ban long cho vào nước sắc long nhãn. Đun nóng để hòa tan. Để nguội, thái thành từng miếng mỏng. Trước khi đi ngủ tối và sáng sớm uống mỗi lần 10g cao này.	x		
7	Bổ huyết, kiện tỳ, dưỡng tâm, an thần: Dùng cháo long nhãn cho người huyết hư Long nhãn 16g, Đại táo 15g, Ngạnh mễ (gạo tẻ) 100g nấu cháo ăn thường xuyên mỗi ngày một thang, ăn liên tục vài ba tuần (Phạm Hinh, 2019).	x		
8	Tác dụng ích khí huyết, bổ thận âm: Dùng Long nhãn 16g, Hoài sơn 16g, Giáp ngư 500g. Giáp ngư mổ bỏ ruột, cắt thành miếng rồi đem hầm với 2 vị thuốc trên, khi chín nhừ nêm gia vị vào, ăn thịt và uống nước (Phạm Hinh, 2019).	x		
9	Bổ can, thận, ích khí huyết: Dùng Câu kỷ tử 12g, Long nhãn 12g, Hoàng tinh 12g, đường kính 50g, trứng chim bồ câu 4 quả. Lấy ba vị thuốc đem rửa sạch, thái nhỏ, bỏ vào nồi thêm 3 bát nước đun sôi, sau 30 phút đập trứng chim câu vào, chia đều uống làm hai ngày, mỗi ngày một lần, trong vài tuần (Phạm Hinh, 2019).	x		
10	Bổ ích khí huyết, dưỡng tâm an thần: Long nhãn tươi 300g, đường kính trắng 500g, hai thứ bỏ vào chưng kỹ, để nguội cho vào lọ kín. Mỗi lần ăn 12-16g, ngày 2 lần (Phạm Hinh, 2019).	x		
11	Bổ huyết, điều trị chứng thiếu máu, cơ thể suy nhược, thể trạng mệt mỏi, đoản hơi: Long nhãn 16g, đương quy 12g, hoàng kỳ 12g, thục địa 16g. Sắc uống ngày một thang, chia 2 lần, uống ấm (Phạm Hinh, 2019).	x		
12	An thần, ích trí, trị chứng mất ngủ, trí nhớ suy giảm, hay quên, lo nghĩ quá nhiều dẫn đến tâm hồi hộp, loạn nhịp, hoa mắt, chóng mặt: Dùng Long nhãn 16g, Câu đằng 12g, Toan táo nhân 10g, Thục địa 16g (Phạm Hinh, 2019).	x		
13	An thần, bổ tỳ vị: Long nhãn, rượu trắng ngon: Cho long nhãn vào bình thủy tinh và đổ ngập rượu vào ngâm. Rượu long nhãn ngâm trong 3 tháng 10 ngày là dùng được. Mỗi lần uống 20ml x 2-3 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Khắc phục chứng thiếu máu, chảy máu dưới da: Long nhãn (10g), lạc (15g). Lạc để nguyên vỏ, đập dập và nấu chung với long nhãn. Nêm thêm ít muối ăn mỗi ngày 1 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
15	Chữa chứng hay quên, hồi hộp, ngủ không ngon giấc, mất ngủ: Hoàng kỳ, phục thần, toan táo nhân, đảng sâm, bạch truật, đương quy, long nhãn (mỗi vị 12g); Mộc hương (4g); Chích thảo (4g); Đương quy (8g); Viễn Chí (6g). Tất cả các vị thuốc đã chuẩn bị đem trộn chung tạo thành một thang sắc lấy nước. Chia làm 2 -3 lần uống trong ngày. Có thể gia thêm các vị như gừng tươi, đại táo để đạt hiệu quả tốt hơn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Chữa tâm phế âm hư: Long nhãn và kỷ tử (mỗi vị 20g); Yến sào (30g), đường phèn: Cho yến sào, kỷ tử và long nhãn vào nồi, đổ nước cho ngập mặt rồi hầm nhừ. Cuối cùng bỏ thêm đường phèn vào sao cho vừa đủ ngọt và dọn ra ăn. Món ăn bài thuốc này có tác dụng trị tâm phế âm hư với các biểu hiện như mất ngủ, rối loạn nhịp tim, tăng thân nhiệt về chiều, đổ mồ hôi trộm vào ban đêm, ho khan hoặc ho ít đờm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Chữa suy nhược cơ thể, chữa ăn ngủ kém, hay đánh trống ngực, nóng ở lòng bàn tay và gan bàn chân: Long nhãn và Hoài sơn (mỗi vị 20g), ba ba (một con cỡ 300 – 400g). Sơ chế ba ba sạch sẽ, cho vào tô ướp gia vị, thêm long nhãn, sơn dược vào hấp cách thủy ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Chữa ăn uống lâu tiêu, kém ăn, da dẻ xanh xao, hồi hộp, lo âu: Long nhãn, đại táo và mật ong (mỗi loại 250g), một ít nước cốt gừng. Nấu long nhãn cùng với đại táo cho đến khi 2 nguyên liệu này chín nhừ. Tiếp tục cho mật ong và nước cốt gừng vào nấu cho sôi đều trở lại thì tắt bếp. Ăn cái và uống cả nước (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Bổ khí huyết, dưỡng tâm: Long nhãn dạng tươi (300g), đường trắng (500g). Chưng long nhãn với đường trong 30 – 40 phút, để nguội, cất vào lọ kín ăn dần. Mỗi lần dùng 12 – 16g x 2 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa đoản hơi, chống mệt mỏi, suy nhược cơ thể: Long nhãn và thục địa (mỗi vị 16g); Hoàng kỳ và đương quy (mỗi vị 12g). Mỗi ngày dùng 1 thang sắc lấy nước đặc. Chia thuốc uống làm 2 lần trong ngày khi còn ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa suy giảm trí nhớ, lo âu, mất ngủ, bồi bổ trí não: Long nhãn và thục địa (mỗi vị 16g); Toan táo nhân (10g); Câu đằng (12g). Sắc uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
22	Chữa tiêu chảy, tỳ hư: Long nhãn khô (14 quả), sinh khương (3 lát): Sắc uống ngày 1 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa chứng mất ngủ, hồi hộp, hay quên: Nguyên liệu gồm 100gr cùi nhãn và 100gr gạo nếp loại ngon. Cách chế biến: nấu cháo, nêm nếm gia vị để ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa suy nhược cơ thể, thiếu máu: Nguyên liệu gồm 15gr long nhãn, 20gr hạt sen, 15gr hồng táo, 15gr đậu phộng và 50gr gạo nếp loại ngon. Cách chế biến: dùng những nguyên liệu trên để nấu cháo, nêm nếm gia vị vừa ăn. Nên dùng vào mỗi buổi sáng và chiều tối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Chữa tâm thận hư nhược: Nguyên liệu gồm 250gr long nhãn và nửa lít rượu loại ngon. Cách chế biến: đem long nhãn ngâm vào rượu trong khoảng hai tuần là có thể dùng được. Mỗi tối trước khi đi ngủ, dùng một ly nhỏ.	x		
26	Trị bệnh thân ủ nước: Lấy thân cây Nhãn (đã vạt mỏng) sao thủy thổ, nấu uống hàng ngày.			x
27	Trị đau nhức xương khớp: Lấy rễ Nhãn với củ Cát lồi ngâm rượu uống hàng ngày			x
28	Giải độc gan: Lấy Xạ đen, Cây nổ (phèn đen), cây Muối, Nhân trần nam, dây voi, Mắc cỡ, Lá lốt, phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
29	Trị bệnh gan: Lấy 1 nắm Nhân trần nam, 1 nắm Thù lù, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén rồi uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Tác dụng phụ của long nhãn: Nóng trong, Nổi mụn, Táo bón, Tăng cân, Tăng lượng đường trong máu.

Thai phụ ăn nhiều long nhãn có thể bị ra huyết, đau bụng, động thai. Người bị phế nhiệt, âm hư nội nhiệt không dùng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

355. Nhãn lồng — *Passiflora foetida* L., 1753

Lạc tiên, Chùm bao

Công dụng: Nhãn lồng được dùng trị suy nhược thần kinh, mất ngủ, ngủ hay mơ, phụ nữ hành kinh sớm. Còn dùng trị ho, phù thũng, viêm mủ da, lở ngứa, loét ở chân. Ngày dùng 3-15g, dạng thuốc sắc. Dùng ngoài đun nước rửa và giã cành lá tươi để đắp.

Tính vị: Toàn cây nhãn lồng có vị ngọt và đắng, tính mát. Quả có vị ngọt, chua, tính bình, mùi thơm

Quy kinh: tâm, can

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần dinh dưỡng : Quả Nhãn lồng chứa các dưỡng chất: muối khoáng, protein, vitamin A, vitamin C, glucose, đường đơn…

Thành phần hóa học	Trong cây có chứa hàm lượng flavonoid toàn phần là 0,074%. Ngoài ra cây còn chứa alcaloid 0,033%, trong đó có Harman.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ tây nam Hoa Kỳ, México, vùng Caribe, Trung Mỹ và Nam Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng tự mọc trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường đi, ven sông, ven mương, ven ao được dùng làm thuốc và thực phẩm
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thảo dược này có thể được thu hái vào các thời điểm trong năm. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm dân gian, mùa xuân là lúc thích hợp nhất để thu hoạch bởi đây là lúc các bộ phận của cây có đầy đủ dưỡng chất nhất.
Chế biến	Sau khi thu hái, việc bào chế cây nhãn lồng được thực hiện theo các cách sau đây: Rửa sạch các bộ phận rồi dùng tươi. Làm sạch dược liệu, cắt thành từng khúc ngắn, sau đó phơi, sấy khô hoặc sao vàng để dùng dần. Ngoài ra, sau khi phơi, sấy hay sao vàng, người bệnh có thể tán thành bột để tiện sử dụng hơn.
Bảo quản	Thảo dược khô sau khi được bào chế bảo quản trong túi bóng kín, tránh ẩm mốc, mối mọt và đặt tại những khu vực khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Passifloraceae (Nhãn lồng)

Chi: Passiflora (Lạc tiên)

Loài: *P. foetida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hàng năm
Dạng cây	Dây leo bằng tua cuốn, rỗng
Thân cây	Thân mềm, tròn rỗng, trên có rất nhiều lông mềm.
Lá cây	Lá có chiều dài khoảng từ 6cm và chiều rộng của lá là 8cm. Lá có đặc điểm giống hình trái tim, mọc so le, có lông mỏng và chia thành 3 thùy nhọn ở đầu. Cuống lá dài, dưới nách lá là tua cuốn, cuộn tròn. Mặt trên của lá màu xanh đậm.
Hoa	Hoa trắng, có tràng phụ hình sợi, màu tím. Quả tròn, bao bởi lá bắc tồn tại như là một cái bao ở ngoài. Quả chín vàng, ăn được . Hoa đơn độc, 5 cánh màu trắng hay hơi tím nhạt, đường kính 5,5cm lá đài màu trắng phía dưới có gân xanh, dưới lá đài có 3 gân chính với những gân phụ trông như lá mà không có phiến chỉ có gân lá không thôi. Một đĩa có 2 tầng tua, mặt tua trên có màu tím trong vàng, trong cùng có lông mịn. Trụ cao có đầu tim đỏ, 5 nhị có bao phấn màu vàng gục xuống dưới. .
Quả/trái	Quả mọc riêng lẻ, có hình tựa như hình trứng nhỏ, chỉ dài khoảng 1cm
Hạt	Hạt nhỏ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa suy nhược thần kinh, mất ngủ: Nhãn lồng 8-16g sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
2	Chữa viêm da, ghẻ ngứa: Dây lá Nhãn lồng với lượng vừa đủ, nấu nước tắm và rửa (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Làm nước giải khát có tác dụng mát và bổ: Cách làm như sau Quả chín (càng chín càng thơm 0,5kg), bổ đôi, nạo hết ruột, ép và lọc lấy dịch quả. Đường trắng 250g hòa với một lít nước đun sôi để nguội. Đổ dịch quả vào nước đường, trộn đều. Nước quả Nhãn lồng trứng có mùi thơm đặc biệt, vị hơi chua, chứa nhiều vitamin, nhất là vitamin B2 (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Chữa ly: Dùng qủa Nhãn lồng 60 g, rửa sạch, sắc lấy nước, pha thêm đường, chia 2 lần uống trước bữa ăn (Theo sách "Phúc Kiến dân gian thảo dược") (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Trị ho, viêm phế quản: Lấy 3-15gr lá Nhãn lồng tươi rửa sạch và để ráo nước. Đun cùng khoảng 500ml nước, đun sôi rồi để nhỏ lửa cho tới khi chỉ còn khoảng 150ml nước thì tắt bếp. Uống liên tục cho tới khi tình trạng ho chấm dứt (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
6	Hỗ trợ điều trị mất ngủ, rối loạn giấc ngủ: Dùng cây Nhãn lồng và chế biến thành món ăn trong các bữa ăn hàng ngày. Có thể dùng ngọn lạc tiên để luộc hoặc nấu canh. Thông thường, dùng trong những bữa ăn buổi tối sẽ mang lại tác dụng tốt hơn (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
7	Trị ho: Lấy quả Nhãn lồng (khô) 10-15g hoặc 20 dây Nhãn lồng sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
8	Chữa viêm mủ da, ghẻ lở, ngứa, loét ở chân: Dùng dây lá Nhãn lồng lượng vừa đủ nấu nước tắm rửa và giã cành lá tươi để đắp (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
9	Trị tim hồi hộp, loạn nhịp, mất ngủ, lo âu, đau đầu, choáng váng: Đem lạc tiên nấu thành cao lỏng (1:1), pha thêm chút đường cho dễ uống, ngày 2-3 lần, mỗi lần 50-100 ml, sau mỗi bữa ăn và trước khi đi ngủ (Phạm Xuân Sinh, 2022).	x		
10	Chữa mất ngủ: Lấy phần ngọn và lá non của Nhãn lồng, mỗi lần 100-200g nấu canh ăn, giúp cho giấc ngủ ngon lành; hoặc 20-40g lạc tiên khô, sắc uống (Phạm Xuân Sinh, 2022).	x	x	
11	Chữa suy nhược, mất ngủ, hồi hộp: Lạc tiên 150g, lá vông 130g, tâm sen 2.2g, lá dâu 10g, đường 90g. tất cả nấu thành cao lỏng vừa đủ 100ml. Ngày dùng 2 - 4 thìa to, uống trước khi ngủ (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
12	An thần, có tác dụng trợ tim, ngủ được êm, dịu thần kinh: Hạt sen 12g, lá Tre 10g. Cỏ mọc 15g, Lá dâu 10g, Nhãn lồng 20g, Vông nem 12g, Cam thảo 6g, Xương bồ 6g, Táo nhân sao 10g. Đổ 600ml nước sắc còn 200ml nước, uống ngày 1 tháng (An Giang) (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
13	Chữa hồi hộp, bồn chồn, mất ngủ: Cao Nhãn lồng: Cây Nhãn lồng 50g, lá vông 30g, lá Dâu tằm l0g, liên tâm 2,2g, đường 90g, nước vừa đủ 100ml, axit benzoic để bảo quản và cồn vừa đủ để hoà tan axit benzoic. Ngày dùng 2-4 thìa to, trẻ em 1-2 thìa cà phê. Uống trước khi đi ngủ làm thuốc an thần, gây ngủ, chữa hồi hộp bồn chồn (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
14	An thần, dịu thần kinh, giúp ngủ ngon: Nhãn lồng 20g, lá	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Vông nem 2g, cam thảo 6g, xương bồ 6g, táo nhân sao 10g, hạt sen 12g, lá tre 10, lá dâu 10g. Đổ 600ml nước sắc còn 200ml nước, uống ngày 1 thang. Dùng 7-10 ngày (Y Dược học Việt Nam, nd).			
15	Người cao tuổi khó ngủ, đau mỏi người: Cây Nhãn lồng (cả rễ, dây lá, quả non) 500g, hoa thiên lý 300g, lá mướp đắng non 100g. Tất cả sao khử thổ, tán nhuyễn dạng bột, cho thêm 50g đậu xanh (để cả vỏ), rang chín, cũng tán nhuyễn. Mỗi ngày pha 3 thìa cà phê vào 100ml nước sôi để nguội, uống thay trà hàng ngày (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
16	Làm nước giải khát có tác dụng mát và bổ: Cách làm như sau: Quả chín (càng chín càng thơm 0,5kg), bổ đôi, nạo hết ruột, ép và lọc lấy dịch quả. Đường trắng 250g hòa với một lít nước đun sôi để nguội. Đổ dịch quả vào nước đường, trộn đều. Nước quả Nhãn lồng trứng có mùi thơm đặc biệt, vị hơi chua, chứa nhiều vitamin, nhất là vitamin B2 (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
17	Giảm đau nhức, mất ngủ ở người cao tuổi: 500g Nhãn lồng, có thể sử dụng tất cả bộ phận của cây, 100g lá mướp đắng non, 300g hoa thiên lý. Sao vàng, phơi hoặc sấy khô các dược liệu rồi tán thành bột. Người bệnh có thể trộn cùng 50gr đậu xanh tán nhuyễn để không bị đắng khi dùng. Mỗi lần sử dụng, pha cùng 100ml nước ấm, uống thay trà mỗi ngày. Người bệnh cần phải dùng liên tục từ 2 đến 4 tháng để thấy được kết quả lâu dài (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
18	Trị mệt mỏi, căng thẳng: Chuẩn bị: 300gr lạc tiên, bao gồm dây, quả và lá, 200gr râu ngô, 100gr Rau má. Phơi khô qua hai nắng hoặc sao vàng các bộ quận của cây lạc tiên và râu ngô, Rau má. Cho tất cả các nguyên liệu đun cùng khoảng 750ml nước, thêm khoảng ¼ thìa nhỏ muối hạt. Đun sôi rồi vặn nhỏ lửa, đun khoảng 20 phút, cho tới khi nước thuốc chỉ còn khoảng 300ml thì tắt bếp. Chia thuốc thành 2 lần uống trong ngày, vào buổi trưa và buổi tối. Kiên trì uống nước cây lạc tiên trong vòng 7 ngày để thấy được tác dụng của dược liệu (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
19	Hỗ trợ điều trị mất ngủ, rối loạn giấc ngủ: Dùng cao lỏng. Chuẩn bị: 50gr lạc tiên, 30gr lá vông, 2.2gr tâm sen, 10gr lá Dâu tằm. Đun 100ml cùng các nguyên liệu đã chuẩn bị, đun sôi và để nhỏ lửa cho tới khi chỉ còn một lượng nước nhỏ, cô thành cao lỏng thì tắt bếp. Mỗi ngày chỉ sử dụng 2-4 thìa nhỏ, pha cùng nước ấm và sử dụng trước khi đi ngủ để giấc ngủ được sâu hơn (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
20	Hỗ trợ điều trị mất ngủ, rối loạn giấc ngủ: Chuẩn bị: 6gr cam thảo, 6gr xương bồ, 20gr lạc tiên, 12gr hạt san, 15gr cỏ	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	mọc, 10gr cỏ tre, 10gr táo nhân sao, 10gr lá dâu, 12gr lá Vông nem. Cho tất cả các dược liệu vào ấm, đun cùng 600ml nước. Đun sôi và vặn nhỏ lửa, khi thuốc chỉ còn khoảng 200ml thì tắt bếp. Sử dụng thuốc 2 ngày một lần, kiên trì áp dụng trong khoảng 1 tháng để thấy được hiệu quả (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).			
21	Giảm đau nhức, mất ngủ ở người cao tuổi: Chuẩn bị: 500gr lạc tiên, có thể sử dụng tất cả bộ phận của cây, 100gr lá mướp đắng non, 300gr hoa thiên lý. Sao vàng, phơi hoặc sấy khô các dược liệu rồi tán thành bột. Người bệnh có thể trộn cùng 50gr đậu xanh tán nhuyễn để không bị đắng khi dùng. Mỗi lần sử dụng, pha cùng 100ml nước ấm, uống thay trà mỗi ngày. Người bệnh cần phải dùng liên tục từ 2 đến 4 tháng để thấy được kết quả lâu dài (Trạm y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
22	Trị mất ngủ, an thần, ăn được ngủ được: Lấy đọt non Nhãn lồng đem nấu canh, chấm cá kho ăn cơm. Hoặc lấy thân dây Nhãn lồng đem sao vàng hoặc phơi khô, nấu nước uống thay trà.			x
23	Trị nhức mỏi, tiểu đường, rối tức: Lấy Nhãn lồng, Ké đầu ngừa, Lức cây, Mua, Rau trai sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
24	Giải nhiệt cơ thể: Cách 1: Lấy cả dây rễ Nhãn lồng, chặt khúc, sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Cách 2: Lấy 300g đây Nhãn lồng sao thủy thổ, kết hợp với Mía lau nấu nước uống. Cách 3: Lấy 1 nắm dây Nhãn lồng, Cỏ mần trầu, Mía lau nấu nước uống. Cách 4: Lấy đọt non Nhãn lồng luộc hoặc nấu canh ăn. Cách 5: Lấy đọt Nhãn lồng đâm, vắt lấy nước, pha với nước dừa uống. Cách 6: Lấy Vông nam, Nhãn lồng, Cỏ mực nấu nước sôi, để nguội uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
25	Trị bệnh tim: Cách 1: Lấy 1 nắm đọt Nhãn lồng non đâm, vắt lấy nước, cho thêm 12 con Thằn lằn (đã đốt khét), 200g đường phèn ngâm với 1 xị rượu. Ngâm 1 tuần rồi uống. Cách 2: Lấy 1 nắm thân lá Nhãn lồng chưng với gà ác (không nêm gia vị), ăn và uống. Cách 3: Lấy 300g dây Nhãn lồng tươi sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống trong ngày. Cách 4: Lấy Nhãn lồng nấu với tim heo, ăn và uống nước. Cách 5: Lấy 1 nắm đọt Nhãn lồng và con Cua chưng cách thủy, ăn và uống nước. Cách 6: Lấy đọt Nhãn lồng (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) chưng với 1 trứng vịt lộn, ăn. Ăn liên tục 2-3 ngày. Cách 7: Lấy dây Nhãn lồng chặt khúc, cho vào keo, đổ ngập rượu ngâm uống. Cách 8: Nhổ cả cây Nhãn lồng, bỏ lá, chặt khúc, sao vàng, sắc kẹo, đổ mật ong vào, uống. Cách 9: Lấy mỗi thứ 1 nắm nhỏ gồm: Nhãn lồng, Hà thủ ô, Cỏ mần trầu. Đem tất cả nấu với 4 lít nước, nấu sôi, để nguội uống. Cách 10: Lấy Nhãn lồng, Vông nem thêm ít đường cát, thêm nước, sắc cạn cạn uống Cách 11: Lấy 1 nắm cả dây Nhãn lồng (tươi) thêm ít muối, đăm, vắt lấy nước uống (khoảng 0,5 chén).			x
26	Trị bệnh rối loạn tiền đình: Cách 1: Lấy 10 đọt Nhãn lồng hấp với hột vịt lộn, ăn. Cách 2: Lấy 1 nắm đọt Nhãn lồng, hột vịt lộn (đập ra) chưng cách thủy, ăn và uống nước. Cách 3: Hái đọt non hoặc lá Nhãn lồng, đâm nhuyễn, vắt lấy nước, pha với nước dừa tươi rồi uống			x
27	Mát gan: Cách 1: Lấy dây Nhãn lồng kết hợp với Thù lù, Cỏ mần trầu, Nhân trần: mỗi loại 1 nắm, nấu nước uống hàng ngày. Cách 2: Lấy một nắm dây Nhãn lồng phơi khô, nấu nước uống hằng ngày.			x
28	Trị khò khè phổi ở trẻ em: Lấy 1 nhúm Nhãn lồng đâm nhuyễn. Lấy 1 ly nước cơm vo chưng cách thủy với Nhãn lồng (đã đâm nhuyễn), để nước trong rồi cho bé uống.			x
29	Trị xơ gan cổ chướng: Lấy một nắm Nhãn lồng tươi, chặt khúc, phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
30	Trị ung thư: Lấy Nhãn lồng với Bách hoa xà thiệt thảo, Bìm bịp lá Đu đủ, Bán chỉ liên: mỗi thứ 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 7 phân, uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
31	Giải nhiệt, trị nóng trong người, ăn được ngủ được: Dùng Nhãn lồng, Mần ri, Rau mương, Chó đẻ, Cỏ mần trầu, măng Sậy: mỗi thứ lấy 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
32	Trị tê, nhức mỏi: Nấu cả dây Nhãn lồng với cây Lức cây, uống hàng ngày			x
33	Trị ban nóng: Lấy 1 nắm dây Nhãn lồng (cả rễ), cho thêm 7 chén nước vào, nấu sôi, để nguội uống. Ngày uống 2-3 lần (mỗi lần 1 chén).			x
34	Trị Goút, trị bệnh gan, trị gai cột sống, tê: Lấy 7g Nhãn lồng tươi nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
35	Trị mất ngủ: Cách 1: Lấy 100g Nhãn lồng khô, Vông nem, Nhân trần nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống (1 lần/ngày). Cách 2: Lấy mỗi thứ 1 nắm dây Nhãn lồng, nhánh Vông nem, cả cây Cỏ mần trầu, Mắc cỡ. Đem tất cả dược liệu nấu nước uống. Cách 3: Lấy 30 g Nhãn lồng nấu với 20g Cam thảo đất, 1 tay nhỏ Đu đủ, phơi khô. Tất cả nấu với khoảng 1,5 lít nước để uống. Cách 4: Lấy 1 nắm dây Nhãn lồng và 1 nắm Vông nem (lá, cây, bỏ gai) cắt khúc, phơi khô, nấu nước uống hàng ngày. Cách 5: Lấy Nhãn lồng (cả dây) và Mắc cỡ (cả dây) cắt khúc phơi khô, nấu uống hàng ngày. Cách 6: Lấy 1kg Nhãn lồng nấu nước kẹo lại còn 1 chén, sau đó đổ sữa bò vào, uống 1-2 lần. Cách 7: Lấy Cỏ mực, Cam thảo đất, Nhãn lồng, Ô rô, Cỏ nước mặn, Sâm đất, tất cả chặt nhỏ, rửa sạch, sao thủy thổ, nấu nước loãng uống hàng ngày. Cách 8: Hái đọt non hoặc lá Nhãn lồng, đâm nhuyễn, vắt lấy nước, pha với nước dừa tươi rồi uống.			x
36	An thần: Cách 1: Lấy 50g dây Nhãn lồng khô, 50 g cây Vông nem khô, Cam thảo đất, sắc với 3 chén nước đến khi còn 9 phân, uống. Cách 2: Lấy Nhãn lồng, Ngũ trảo, Đỗ trọng nam (khô), Vông nem: mỗi thứ 20g, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống			x
37	Trị chóng mặt: Hái đọt non hoặc lá Nhãn lồng, đâm nhuyễn, vắt lấy nước, pha với nước dừa tươi rồi uống			x
38	Giải rượu, mát gan: Lấy Nhân trần nam, Nhãn lồng, Cỏ mần trầu, Mần ri, Chó đẻ, Thù lù, Cỏ mực: mỗi thứ 1 nắm nhỏ, nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
39	Trị ho: Lấy Nhãn lồng, Cỏ nước mặn, Ô rô, Quao sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uông			x
40	Trị ho, đờm, trị ho ở trẻ em: Đâm lá Nhãn lồng, vắt lấy nước, thêm ít muối hoặc mật ong, uống			x
41	Trị huyết trắng: Lấy Cỏ mực, Cam thảo đất, Nhãn lồng, Ô rô, Cỏ nước mặn, Sâm đất, tất cả chặt nhỏ, rửa sạch, sao thủy thổ, nấu nước loãng uống hàng ngày			x
42	Lành phổi: Lấy dây Nhãn lồng chặt khúc, sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
43	Trị mất ngủ, hở van tim: Lấy đọt Nhãn lồng, trứng vịt, chưng cách thủy ăn. Hoặc lấy Nhãn lồng, chặt khúc, nấu nước uống.			x
44	Trị bệnh phổi, mất ngủ: Lấy Nhãn lồng, Cỏ xước, Chó đẻ, Thù lù, Quao, Nhân trần nam sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Dù là dược liệu chữa bệnh hiệu quả nhưng khi sử dụng, người bệnh cũng cần phải lưu ý những vấn đề sau đây:

- Phụ nữ có thai, cho con bú hay trẻ nhỏ cần phải có sự kê đơn của người có chuyên môn.

- Không được tự ý kết hợp dược liệu với các loại thuốc Tây y.

- Cần phải tìm hiểu kỹ về các món ăn, thực phẩm kiêng kỵ với cây Nhãn lồng.

- Khi điều trị, cần phải kết hợp với chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt khoa học để có được hiệu quả nhanh hơn, tốt hơn.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

356. Nhân trần nam *Hemigraphis brunelloides* (Lam.) Bremek., 1944

Bán tự vườn

Công dụng: Nhân trần nam được dùng chữa viêm gan, viêm túi mật, bệnh hoàng đản, kích thích tiêu hóa, phụ nữ sau khi sinh.

Tính vị: Nhân trần nam có vị đắng, cay, tính bình.

Quy kinh: can, vị, đởm, và tỳ

Bộ phận dùng: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoại trừ huyện Đầm Dơi.

Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc và được người dân trồng trong vườn nhà, ven đường và ven bờ ao để làm thuốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)

→ **Chi**: Hemigraphis

→ **Loài**: *H. brunelloides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân dài 40 cm.
Lá cây	Lá dài 1 - 8 cm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Bổ thận, mát gan: Lấy Nhân trần nam, Cỏ xước, Ô rô và Cam thảo đất nấu với 3 chén nước đến khi còn chén, uống.			x
2	Giải độc gan: Lấy 300g Nhân trần nam khô và 300g cây Quao khô sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống			x
3	Giải nhiệt, trị tiểu gắt, nóng trong người: Lấy cả cây Nhân trần nam, Cỏ mần trầu, Cỏ mực, Rau mương; Mỗi thứ 1 nắm, nấu nước uống			x
4	Giải rượu, mát gan: Lấy Nhân trần nam, Nhãn lồng, Cỏ mần trầu, Mần ri, Chó đẻ, Thù lù, Cỏ mực: mỗi thứ 1 nắm nhỏ nấu nước uống.			x
5	Mát gan, trị đau bao tử, mỡ trong máu, ho, huyết trắng, bệnh phụ nữ, nhức mỏi, giải nhiệt, giải độc gan, ổn định huyết áp: Lấy 1 nắm cây Nhân trần nam phơi khô, nấu nước uống			x
6	Mát gan: Lấy 1 nắm lá Vòi voi, Nhân trần nam, Cam thảo đất, Chó đẻ, Dây cứt quạ nấu nước uống			x
7	Mát gan: Lấy 100g Nhân trần nam, Cỏ mần trầu, Nhãn lồng, Vông nem: mỗi thứ 1 nắm đem nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
8	Trị ban: Cả cây Nhân trần nam sao vàng nấu nước chung với Sả rồi uống			x
9	Trị bệnh đường ruột: Lấy 1 nắm toàn cây Nhân trần nam nướng, nấu với nước dừa (1 trái); sắc 3 chén còn 1/2 chén uống			x
10	Trị bệnh gan: Lấy Nhân trần nam (cả cây), Cỏ mần trầu (cả cây), Ô rô (cả cây), Quao (lá), Dứa gai (lá), Cỏ mực (cả cây) đem phơi khô, sau đó lấy mỗi loại 1 nhúm nấu với 4 chén nước, sắc còn 1 chén, uống. Uống 3-4 tháng.			x
11	Trị dị ứng: Lấy mỗi thứ 1 nắm: tay Đu đủ, Nhân trần nam, Gạc nai, Rau mương sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, xong thêm 1 ít muối, uống.			x
12	Trị gan men cao: Lấy mỗi thứ 160g gồm Nhân trần nam, lá Quao, Ô rô (cả cây) nấuvới 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
13	Trị gan: Lấy cả cây Nhân trần nam phơi khô, sắc cạn uống, Hoặc Lấy Nhân trần nam, Ô rô, lá Quao: mỗi thứ lấy 1 ít, nấu với 3 lít nước đến khi còn lại 1 xị uống,			x
14	Trị ho: Nướng vàng cả cây Nhân trần nam, rồi nấu vời 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Uống hằng ngày			x
15	Trị nám: Lấy cây Nhân trần nam, măng Sậy, Cỏ mần trầu, nấu nước uống (nấu như nấu trà, uống thay nước lả).			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Trị phổi: Lấy cả cây, rễ Nhân trần nam phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

357. Nhàu *Morida citrifolia* L., 1753

Nhàu lớn

Công dụng: Rễ Nhàu được dùng chữa cao huyết áp, chữa nhức mỏi tay chân và đau lưng, sài uốn ván. Nhân dân thường dùng rễ để nhuộm đỏ vải lụa. Lá Nhàu dùng chữa ly, ỉa chảy, cảm sốt và nấu canh ăn cho bổ. Dùng ngoài giã đắp làm lành vết thương, vết loét làm chóng lên da non. Dịch lá được dùng đắp trị bệnh viêm khớp gây đau nhức. Vỏ nấu nước dùng cho phụ nữ sau khi sinh uống bổ. Quả Nhàu chấm với muối ăn làm dễ tiêu hoá, còn dùng làm thuốc điều kinh, trị băng huyết, bạch đới. Quả nướng chín ăn chữa kiết lỵ, ho hen, cảm, dùng tốt cho người bị bệnh đái đường và phù thũng.

Tính vị	Quả nhàu có vị hăng, cay và nồng, tính mát. Rễ có vị chát, tính bình.
Quy kinh	Thận, đại tràng
Bộ phận dùng	Quả, lá, vỏ, rễ
Thành phần hóa học	Rễ chứa glucosid anthraquinonic gọi là morindin, có tinh thể màu vàng cam tan trong nước sôi. Còn có một hỗn hợp anthraglucosid như damnacantal, chất l-metoxyrubiazin, chất morindon và chất l-oxy-2,3-dimetoxy-anthraquinon. Lá cũng chứa chất morindin. Lignans, polysaccharides, flavonoids, iridoids, acid béo, scopoletin, catechin, beta-sitosterol, damnacanthal, alkaloids. Rễ chứa moridin là một anthraquinoic kết tinh thành tinhthể hình kim, màu vàng cam, tan trong nước sôi và các chất kiềm, ít tan trong nước lạnh, không tan trong ether. Ngoài ra, còn có 1-metoxyrubiazin, moridon, alizarin và 1-oxy-2,3-dimetoxy anthraquinon. Lá cũng có moridin. Năm 1982, tác giả Đàm Trung Bảo (Đại học Dược Hà Nội) cho biết trong Nhàu có nhiều selenium
Nguồn gốc	Loài của Á châu nhiệt đới và Úc châu.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc và được người dân trồng trong vườn nhà, ven đường và ven bờ ao để làm thuốc
Mùa hoa quả	Ra hoa quanh năm, nhiều nhất từ tháng 11-12, Tháng 3 - 5
Thu hoạch	Có thể thu hái các bộ phận của cây quanh năm.
Chế biến	Rễ thường được sử dụng nhiều nhất, phơi hay sấy khô, các bộ phận khác dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Rubiaceae (Cà phê)

Chi: Morinda

Loài: *M.citrifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 4-8 m
Thân cây	Cành non màu xanh, tiết diện vuông, có rãnh, nhẵn; cành già tiết diện tròn, màu nâu xám
Lá cây	Lá hình bầu dục rộng, ít khi bầu dục thuôn, có góc ở gốc, có mũi nhọn ngắn, nhọn hoặc tù ở chóp, dài 12-30cm, rộng 6-15cm, bóng loáng, dạng màng . Lá đơn, mọc đối. Phiến lá to, hình bầu dục hai đầu thuôn nhọn; dài 15-30 cm rộng 10-15 cm. Lá màu xanh bóng đậm ở mặt trên, mặt dưới nhạt hơn. Bìa lá hơi dợn sóng. Gân lá hình lông chim, nổi rõ ở mặt dưới, 6-7 cặp gân phụ. Cuống lá 1-2 cm. Lá kèm nằm giữa 2 lá mọc đối, hình xoan, cao 1-1,5 cm, màu xanh nhạt
Hoa	Cụm hoa là đầu hình tròn hay hơi bầu dục, ở ngoài nách lá. Trục cụm hoa hình trụ, màu xanh, nhẵn, dài 1-2 cm. Đáy cụm hoa có 3 phiến hẹp, dài 5-8 mm. Hoa trắng, hợp thành đầu, đường kính 2-4cm. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5. Đài hoa là một gờ tròn. Cánh hoa 5, ống tràng hình phễu, màu xanh nhạt, cao 7-12 mm; bên trong có nhiều lông trắng; 5 thùy dài khoảng 5-8 mm, màu trắng, hình bầu dục đầu nhọn, đỉnh có phụ bộ là một mấu nhỏ cong vào trong. Khi hoa nở các thùy cong xuống phía dưới; tiền khai van. Nhị 5, bằng nhau, rời, gắn ở phần loe của ống tràng xen kẽ với các cánh hoa, chỉ nhị rất ngắn. Bao phấn hình đầu tên, màu vàng nhạt, dài khoảng 4 mm; 2 ô, mở dọc, hướng trong, đính gốc. Hạt phấn rời, hình hình cầu, màu vàng nhạt. Lá noãn 2, ở vị trí trước sau, bầu dưới, 2 ô, mỗi ô 1 noãn, đính trung trụ. Vòi và đầu nhụy: Vòi nhụy dạng sợi màu xanh nhạt, dài 5 mm; 2 đầu nhụy dạng phiến mỏng, dài 3 mm, màu xanh. Đĩa mật dày, hình khoen, màu vàng. .
Quả/trái	Trái hình trứng, ruột có lớp cơm mềm ăn được, mùi nồng cay. Quả hạch
Hạt	Hạt có phôi nhũ cứng. Hạt nhiều, hình bầu dục, một đầu nhọn, màu nâu đen

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa huyết áp cao: Dùng 30-40g rễ Nhàu sắc uống hàng ngày thay Chè, sau 15 ngày sẽ thấy kết quả, sau đó dùng bớt liều, uống liên tục vài tháng thì huyết áp ổn định. Có thể nấu thành cao, hoặc thái nhỏ, sao vàng ngâm rượu uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Trị cảm sốt, tiêu chảy và lỵ: Lá Nhàu tươi 3 – 6 lá. Rửa sạch rồi đem sắc với 500ml nước còn lại 200ml. Mỗi lần uống 100ml, ngày dùng 2 lần. Áp dụng bài thuốc liên tục trong vòng 2 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Giúp dễ tiêu, nhuận tràng, làm thuốc điều kinh, trị băng huyết, bạch đới, ho, cảm hen, thũng, đau gân, đái đường (đái tháo): Dùng quả Nhàu ăn với muối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa chứng huyết áp ở bệnh nhân bị cao huyết áp: Lấy quả Nhàu chín ăn với muối vài lần sẽ đại tiện dễ dàng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Trị mụn nhọt ngoài da: Lấy vài lá Nhàu tươi rửa sạch, để ráo nước và giã nát rồi đắp lên mụn nhọt. Thực hiện cho đến khi nhọt vỡ và da liền lại (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa lỵ: Lấy Quả Nhàu nướng chín và dùng ăn trực tiếp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa lỵ, tiêu chảy, cảm sốt: Lá Nhàu tươi 3-6 lá tươi rửa sạch nấu với 500ml nước còn 200ml chia 2 lần uống/ngày. Uống liên tục 2-5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị sốt cao, đi ngoài, lỵ và có tác dụng bồi bổ sức khỏe: Lấy Rễ Nhàu 8 – 10g đem sắc với 500ml nước và chia thành 2 lần uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị chấn thương, trầm cảm và stress: Lấy Quả Nhàu tươi ép lấy nước uống khi bụng đói (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Giúp nuôi dưỡng tóc và cải thiện các bệnh về da đầu: Lấy Quả Nhàu tươi ép lấy nước và thoa lên da đầu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa nấm da: Lấy Quả Nhàu tươi cắt thành từng lát mỏng rồi chà xát nhẹ vào vùng da cần điều trị (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Trị bầm tím, tụ máu do chấn thương: Lấy trái Nhàu non 12g sắc uống trước khi ăn, chia nước sắc thành 3 lần uống và dùng hết trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị táo bón, kích thích tiêu hóa, lợi tiểu, điều kinh: Dùng quả Nhàu chín ăn với muối, mỗi lần 3-5 quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Trị kiết ly: Lấy 3 - 5 quả Nhàu đã già, nướng chín ăn hoặc lấy 10 - 12g lá Nhàu sắc uống. Cũng có thể phối hợp với 10g cỏ sữa để tăng thêm hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa táo bón ở người cao huyết áp: Ăn quả Nhàu với chút muối (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Chữa đau lưng và nhức mỏi xương khớp: Chuẩn bị: Quả Nhàu non một lượng vừa đủ. Đem thái mỏng sau khô, cứ 300g dược liệu thì ngâm với 2 lít rượu 30 – 40 độ. Ngâm trong vòng 2 tuần là dùng được, mỗi lần uống 30 – 40ml, ngày sử dụng 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x	x	
17	Chữa nhức đầu kinh niên, đau nửa đầu: Rễ Nhàu 24g, hạt muồng trâu 12g, cối xay 12g, Rau má 12g, củ gấu (sao, tẩm) 8g. Đổ nửa lít nước, sắc còn 250ml. Chia làm 2 lần uống trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
18	Chữa rối loạn kinh nguyệt ở người cao huyết áp: Quả Nhàu 20g, Ích mẫu 20g, Hương phụ (củ gấu) tẩm dấm sao 12g, Cam thảo dây 6g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Chữa đau lưng do thận: Rễ Nhàu 12g, rau ngót 8g, cối xay 8g, dây gùi 8g, ngó bần 8g, đậu săng 8g, tầm gửi cây dâu 8g, rễ Ngà voi 8g, Ngũ trảo 12g. Đổ 500ml nước, sắc còn 250ml. Chia làm 2 lần uống trong 1 ngày (uống nóng) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
20	Chữa đau nhức do phong thấp: Rễ cây Nhàu 20g, dây đau xương 20g, củ Khúc khắc (Thổ phục linh) 20g, rễ Cỏ xước 20g, cam thảo dây 6g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa mất ngủ, suy nhược thần kinh, huyết áp cao: Rễ Nhàu 24g, Thảo quyết minh (sao thơm) 12g, Rau má 8g, Thổ phục linh 8g, vỏ bưởi 6g, gừng củ 3 lát. Đổ nửa lít nước, sắc còn 250ml. Chia làm 2 lần uống trong một ngày (uống nóng) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Chữa mất ngủ, cao huyết áp, đau đầu và nhức mỏi: Chuẩn bị: Sinh địa, ngưu tất và hoa hòe mỗi vị 12 – 16g, rễ Nhàu thái lát (phơi khô) 20 – 30g. Đem sắc uống, chia thành nhiều lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
23	Chữa mất ngủ, đau đầu và chóng mặt do huyết ứ: Chuẩn bị: Ngưu tất 20g, rễ Nhàu 50g và thảo quyết minh 15g. Sắc uống, ngày dùng 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Trị nhức mỏi xương khớp do thay đổi thời tiết: Chuẩn bị: Nghệ đen, Nghệ vàng, trần bì, tầm gửi cây dâu, thiên niên kiện và quế nhục mỗi vị 20g, đường cát trắng 500g, Vòi voi, rễ Nhàu mỗi vị 40g, quả ô môi 10g, Đỗ trọng 30g, rượu trắng 2 lít. Đem ngâm với rượu trong vòng 7 ngày sau đó lọc bã. Sử dụng rượu pha với 1 lít nước đường. Mỗi ngày dùng 2 lần, mỗi lần uống 30ml. Áp dụng bài thuốc trong 3 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Chữa đau nhức do phong thấp: Rễ cây Nhàu 20g, dây đau xương 20g, củ Khúc khắc (Thổ phục linh) 20g, rễ Cỏ xước 20g, cam thảo dây 6g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
26	Trị nhức mỏi: - Cách 1: Phơi khô rễ, thân Nhàu để nấu nước uống (có thể pha một ít mật ong). - Cách 2: Lấy trái Nhàu chín hoặc cây, thân, rễ xắt lát mỏng, sao vàng, rượu ngâm uống, Uống 5-10 ngày, uống sáng chiều nửa ly. - Cách 3: Lấy 1 nắm rễ Nhàu vạt mỏng phơi khô, nấu nước uống liên tục 3 - 4 ngày ngưng, khi thấy nóng thì uống lại. - Cách 4: Lấy 300g rễ Nhàu, 300 g rễ Bình bát, 300g Ngãi mọi, tất cả ngâm với 3 lít rượu và 1 xị mật ong, uống. Ngâm sau 1 tháng là sử dụng được. - Cách 5: Dùng 100g rễ Nhàu phơi khô, sao vàng, ngâm với 1 lít rượu, uống. Ngâm trong 1 tháng có thể dùng, dùng mỗi buổi chiều 1 ly - Cách 6: Lấy 3 kg thân cây Nhàu (đã vạt mỏng) và trái già, thêm 0,5 kg đường phèn, ngâm rượu uống. Sau nữa tháng có thể uống sáng chiều mỗi buổi 1 cốc. - Cách 7: Lấy 1kg trái Nhàu chín/sống, 1kg Vú sữa đất, vài lá Đinh lăng, vài cây Đỗ trọng, 1/2 kg đường phèn, ngâm với 3-4 lít rượu uống. Sau 1/2 tháng uống (1 cốc nhỏ/lần). - Cách 8: Rễ Nhàu, củ Ngãi vàng, Cóc kèn đực, củ Riềng, củ, dây Thần thông, phơi khô, ngâm rượu, uống và xoa bóp, thực hiện 10 ngày. - Cách 9: Lấy rễ của Gừa, Nhàu, Bình bát dây chặt khúc, phơi khô, sao thủy thổ, ngâm rượu. Ngâm khoảng 15 ngày, thêm chuối hột ép. Lấy rượu thoa không uống. - Cách 10: Lấy 12g cây Nhàu khô, 8g Cù đèn, 8g Ngãi mọi, 8g Lá lốt, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
27	Trị nhức mỏi: Lấy rễ và trái Nhàu và Chuối hột già ngâm rượu. Ngâm 10 ngày có thể uống. Hạn chế uống, uống nhiều bị nóng.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
28	Trị đau lưng: Cách 1: Lấy lá Nhàu nướng để dưới giường nằm lên hoặc có thể sao lá Nhàu với muối rồi nằm lên. Cách 2: Lấy 0,5 kg rễ Nhàu (đã vạt mỏng và phơi khô) vào keo, đổ 1 lít rượu vào ngâm 1/2 tháng uống (uống 0,5 cốc nhỏ/lần) Cách 3: Cho trái Nhàu sống (đã chặt mỏng, phơi khô) vào keo, cho rượu vừa ngập, ngâm uống. Cách 4: Lấy 2kg trái Nhàu chín và 0,5kg đường phèn, cho vào keo đổ ngập rượu, ngâm 1-2 tháng uống, Uống 1 cốc/ngày Cách 5: Lấy 400g Cù đèn, 200g Dây thần thông, 200g Nghệ, 200g rễ Nhàu ngâm với 1 lít rượu, uống. Uống 3 ngày, uống 1/2 ly rượu/lần. Cách 6: Lấy 0,5 Nhàu chín đem đi bóp. Lấy 0,5kg Mắc cỡ đem đi sao thủy thổ. Lấy 0,5kg Chuối hột chín đem đi phơi khô rồi nướng. Lấy 0,5kg da trâu đem đi nướng khét, đập bỏ chỗ khét. Lấy 300g đường phèn. Tất cả bỏ vào keo ngâm với 3-5 lít rượu, rồi đào lổ chôn keo 7 ngày. Uống sáng, trưa, chiều. Cách 7: Lấy 1 rổ lá Nhàu rang muối, trải nằm hoặc xào cơm với đồ ăn. Cách 8: Lấy một chén muối đem gói trong khăn rồi đậy lá Nhàu để nằm.			x
29	Trị bướu tuyến giáp: Lấy 1 nắm muối hột rang đen, đổ vào lá Nhàu, lấy vải the bọc lại, đắp lên bướu.			x
30	Trị amidam: Lấy Nhàu trái nhỏ, nhai, ngậm với muối			x
31	Trị cao huyết áp, đau lưng nhức mỏi: Lấy lá Nhàu hầm lươn ăn. Hoặc lấy rễ Nhàu phơi khô, ngâm rượu uống. Ngâm 14 ngày có thể uống. Uống hàng ngày			x
32	Giải nhiệt cơ thể: Lấy thân cây Nhàu sao thủy thổ, sắc với nước uống trong ngày			x
33	Kiện tỳ: Lấy lá Nhàu gói cá Phi, hấp ăn bồi dưỡng cơ thể			x
34	Trị đau lưng nhức mỏi, nóng lạnh: Lấy thân cây Nhàu (đã vạt mỏng, phơi khô), Thù lù, Bình bát, Cỏ mần trầu nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống			x
35	Ngăn ngừa ung thư: Lấy lá Nhàu xay nhuyễn, vắt lấy nước uống. Hoặc lấy trái, rễ Nhàu, ngâm rượu uống.			x
36	Trị thần kinh tọa: Lấy 300 g rễ Bình bát, 300 g Dây thần thông, 300 g rễ Nhàu (tất cả đều đã phơi khô) sao thủy thổ rồi ngâm với 5 lít rượ, uống. Sau khi ngâm 1 tuần thì dùng được.			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Không dùng dược liệu cho người có huyết áp thấp.

Nên hỏi ý kiến bác sĩ nếu đang sử dụng thuốc hạ áp.

Nhàu có tác dụng thông kinh hoạt huyết nên không sử dụng cho phụ nữ đang mang thai.

Thận trọng khi dùng bài thuốc và nước ép nhàu cho bệnh nhân bị viêm thận.

Cây nhàu là vị thuốc có nhiều công dụng hữu ích. Tuy nhiên bạn cần tránh tình trạng phụ thuộc vào dược liệu này trong quá trình điều trị. Với những bệnh lý nghiêm trọng như ung thư, tiểu đường, cao huyết áp, cần phối hợp thảo dược thiên nhiên với các biện pháp chuyên sâu để đạt được kết quả tối ưu nhất.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

358. Nhàu rừng — *Morinda longissima* Y.Z.Ruan, 1999

Nhó đông, Nhàu lông, Nhàu nhuộm

Công dụng: Nhàu rừng được đồng bào dân tộc dùng chữa bệnh vàng da, viêm gan, xơ gan mãn tính.

Tính vị: Dược liệu có vị đắng, màu vàng, tính bình, không độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, gỗ rễ, gỗ thân.

Thành phần hóa học: Vỏ chứa chất tanin. Rễ chứa glucosid, morindin.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh) và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc và được người dân trồng trong vườn nhà, ven đường và ven bờ ao để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 6, Tháng 7 đến 12
Thu hoạch	Rễ hu hái quanh năm, tốt nhất vào mùa thu
Chế biến	Rễ đào về, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, sạch sẽ

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Rubiaceae (Cà phê)

→ **Chi**: Morinda

→ **Loài**: *M. longissima*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 2-4m
Rễ cây	Rễ có màu vàng
Thân cây	Thân hình trụ, mọc thẳng, cành non có 4 cạnh, màu lục nhạt. Gỗ thân có màu vàng. Cành non hơi vuông
Lá cây	Lá mọc đối hình bầu dục thuôn hoặc hình mác, dài 12- 18cm, rộng 6 - 10cm, gốc thuôn, đầu nhọn, hai mặt lúc non gần như nhẵn, khi già mặt dưới có ít lông ngắn mềm, gần giữa nổi rõ, cuống lá dài 2 - 3cm, lá kèm gần hình tim nguyên hoặc chia thùy.
Hoa	Cụm hoa ngù ở nách lá trên cuống dài 2-2,5cm; gồm nhiều hoa mọc sát nhau.. Hoa trắng, thành đầu thường đơn độc (đối diện với lá) ở nách lá, ít khi thành chuỳ và ở ngọn.. .
Quả/trái	Quả gồm những quả hạch dính nhau, hình cầu hay hình trứng, rộng 1,5-2,5cm, có bề mặt sù sì, với hạch có màng hoá gỗ, chứa 1 hạt trong mỗi ô.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm gan, vàng da, xơ gan dược liệu Nhàu rừng 20 - 30g, thái nhỏ, phơi khô, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm 2 lần trong ngày (Đỗ Huy Bích, 2010).	x		
2	Chữa viêm gan, vàng da, xơ gan: Lấy 1kg rễ Nhàu rừng, thái mỏng đổ nước xâm xấp, nấu kiệt làm 2 lần. Lần thứ nhất nấu trong 6 - 8 giờ, rút nước. Lần thứ hai trong 3 - 4 giờ. Trộn hai nước lại cô nhỏ lửa thành cao mềm. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3 - 4g (Đỗ Huy Bích, 2010).	x		
3	Giúp hạ huyết áp: Chuẩn bị: Rau má 8g, vỏ bưởi 6g, thổ phục linh 8g, gừng 3 lát, thảo thuyết minh 12g, rễ Nhàu 24g. Tất cả sắc thành thuốc và uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu).	x		
4	Giúp an thần, suy nhược thần kinh, dễ ngủ: Chuẩn bị: củ ấu 8g, cây muồn trâu 12g , lá Rau má 12g, cây cối xoay 8g và rễ Nhàu 24g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu).	x		
5	Trị đau lưng: Lấy một nắm cây Nhàu rừng, vạt mỏng, thêm 3 nắm cây Sục sạc, đem phơi khô, sau đó sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

359. Nho — *Vitis vinifera* L., 1753

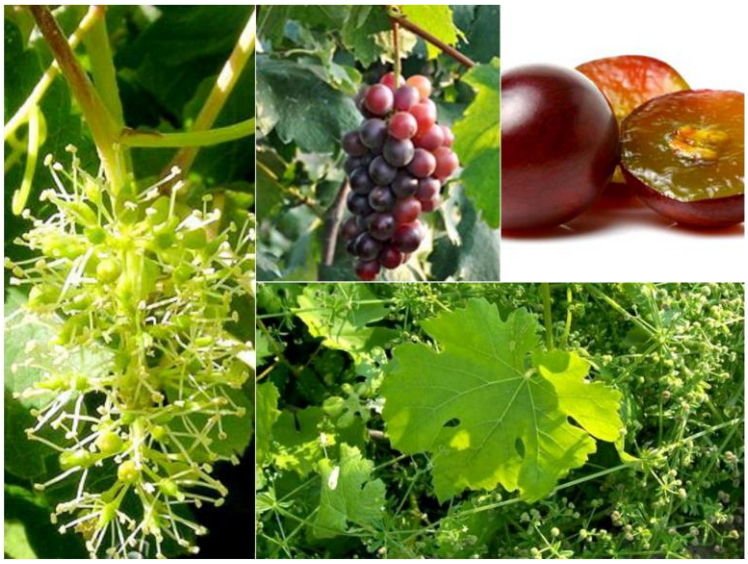

Nho thường, Bồ đào, Ít (Tày)

Công dụng: Bổ, an thần, chữa thận hư, đau lưng, váng đầu, viêm dạ dày mạn tính, động thai (Quả khô). Quả tươi chữa đái buốt, đái dắt, đái ra máu. Lá chữa ỉa chảy.

Tính vị: Quả Nho có vị ngọt, chua, tính bình. Rễ nho và dây lá nho có vị ngọt, chát, tính bình.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây (quả, rễ, dây, lá)

Thành phần hóa học	Trong nho có chứa nhiều vitamin nhóm B, vitamin C, caroten, riboflavin, tanin, các enzyme, các hợp chất nitơ tự nhiên (đặc biệt chứa nhiều trong hạt nho), các flavonoid, các hợp chất phenol. Trong nho còn chứa đường (chủ yếu là glucose và fructose), sáp, lipid (trong hạt) và pectin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Hoa Kỳ
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở 03 huyện là Huyện U Minh (xã Khánh Hòa) và huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc) huyện Năm Căn (xã Hàm rồng), huyện cái Nước (thị trấn Cái Nước, xã Thạnh Phú), huyên Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Người dân đa số trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 5 đến 7
Thu hoạch	Thời gian thu hoạch nho thường bắt đầu từ 30-70 ngày sau khi ra quả, vào thời điểm quả mọng đổi màu từ xanh lá sang vàng (đối với giống trắng) hoặc đỏ tím (đối với giống đỏ). Trong giai đoạn này, nho thường có sự gia tăng lượng đường và giảm axit bên tron
Chế biến	Dùng tươi, phơi khô, làm rượu,...
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Vitales (Nho)
    - **Họ:** Vitaceae (Nho)
      - **Chi**: Vitis (Nho)
        - **Loài**: V. *vinifera*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân leo
Vỏ cây	Vỏ lúc đầu màu lục, rồi màu tro khi hoá bầu bong ra thành dải mỏng.
Thân cây	Thân có tua cuốn chia thành 2 – 3 nhánh tua, mọc đối diện với lá. Cành có tua cuốn
Lá cây	Lá đơn, mọc so le, hình tim, phiến rộng xẻ từ 5 – 7, có răng cưa ở mép lá
Hoa	Hoa mọc thành chùm xim hai ngả; hoa đầu, tạp tính khác gốc, màu xanh xanh..
Quả/trái	Quả mọng hình trứng lúc tươi, vàng vàng đỏ hay đen, chứa 4 hạt
Hạt	Hạt hình quả lê, có vỏ rắn như xương.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị viêm họng, suy nhược cơ thể: Lấy 50g nho tươi, rửa sạch, để cả vỏ, ép lấy nước uống hàng ngày. Có thể pha loãng ra hoặc kết hợp với các loại trái cây khác (dưa hấu, táo, kiwi…) tùy khẩu vị của mỗi người (Y dược học Việt Nam).	x		
2	Chữa đau lưng, mỏi gối, thũng đầy, nôn oẹ, buồn nôn hay thai động trồi lên: Dùng lá, dây, rễ Nho 20-40g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Chữa động thai hay nôn oẹ: Nho chín 40g, ăn tươi hoặc sắc uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Nhuận tràng, nhuận phế, long đờm: mỗi ngày dùng từ 10 – 20g nho khô (Thầy thuốc của bạn).	x		
5	Chống lão hóa, bảo vệ tim mạch, chống rối loạn chuyển hóa lipid, phòng ngừa xơ vữa mạch máu: bôi chiết xuất hạt nho đắp vết thương hở ngoài da (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
6	Dùng cho phụ nữ bị động thai: Lấy 40 g nho khô và 20 g quả táo ta, gọt vỏ, tách bỏ hạt rồi xắt nhỏ ra, cùng nấu nước uống trong ngày (Cây thuốc quý Hòa Bình).	x		
7	Điều trị thiếu máu khiến chóng mặt, trong người yếu ớt, hay ớn lạnh và thấy lạnh bàn chân: lấy 70 g nho khô, 5 g quả dâu tằm chín và 15 g thịt quả nhãn, tất cả cùng nấu nước uống trong ngày (Y dược học Việt Nam).	x		
8	Chữa đái buốt, đái dắt, đái ra máu: Nho tươi, ngó sen, Sinh địa hoàng lượng vừa đủ, mật ong 150g. Trước hết lấy 3 vị thuốc giã nát từng thứ, vắt lấy nước lấy đủ 1000ml, pha mật ong vào trộn đều, sắc nhừ, mỗi ngày dùng 3 lần, mỗi lần 100ml, trước bữa ăn nửa giờ, chiêu thuốc với nước ấm (Thầy thuốc của bạn).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Rượu vang nho tuy có lợi cho sức khỏe nhưng chỉ nên dùng vừa đủ, không nên lạm dụng uống quá nhiều. Phụ nữ có thai không nên sử dụng rượu vang đỏ. Bệnh nhân đái tháo đường không nên ăn quá 50g/ngày trái nho chín, và không ăn nhiều cùng 1 lúc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

360. Nở ngày — *Gomphrena globosa* L., 1753

Bách nhật, Cúc bách nhật, Cúc bách nhật, Hoa bi, Bông nở ngày, Thiên kim hồng, Bách nhật hồng, Thiên nhật hồng.

Công dụng: Thường dùng trị: 1. Hen phế quản, viêm khí quản cấp và mạn; 2. Ho gà, lao phổi và ho ra máu; 3. Đau mắt, đau đầu; 4. Sốt trẻ em, khóc thét về đêm; 5. Lỵ. Liều dùng 9-15g dạng thuốc sắc. Dùng ngoài trị chấn thương bầm dập, bệnh ngoài da, nghiền cây tươi giã đắp hoặc nấu nước tắm rửa

Tính vị: Vị ngọt, hơi chát, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hoa - Flos Gomphreae, thường gọi là Thiên nhất hồng. Cũng như toàn cây

Thành phần hóa học: Trong cụm hoa có gomphrenin 1. II.III.V.VI. Còn có amarathin và isoamaranthin . Cụm hoa Cúc bách nhật chứa 8 sắc tố màu tím cấu trúc betacyamin là các gomphrenin I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII. Ngoài ra Cúc bách nhật còn chứa amaranthin, isoamaranthin, celosianin, gomphrenol và hai saponin trong đó một chất đã được xác định là gomphrenosid

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc và được người dân trồng trong vườn nhà, ven đường và ven bờ ao để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 12,
Thu hoạch	Có thể thu hái hoa vào mùa hè thu khi hoa nở. Cây có thể thu hái quanh năm.
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô hoặc sấy khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Amaranthaceae (Rau dền)

Chi: Gomphrena (Nở ngày, Bách nhật)

Loài: *G. globosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm
Dạng cây	Cây thảo
Chiều cao cây	Cây ao 30-80cm
Thân cây	Thân non màu xanh bạc hay xanh tía, thân già màu hồng tía có mấu phù to màu hồng tía đậm hơn. Toàn cây phủ lớp lông nhám màu trắng.
Lá cây	Lá mọc đối, mặt dưới phủ lông mềm màu trắng nhạt . Lá đơn, mọc đối. Phiến lá nguyên, hình bầu dục, hai đầu nhọn, kích thước 5-12 x 2-4 cm, màu xanh đậm ở mặt trên, nhạt hơn ở mặt dưới. Gân lá hình lông chim, nổi rõ ở mặt dưới, gân chính có màu hồng tía ở mặt trên, 4-6 cặp gân phụ hướng cong lên ở mép lá. Cuống lá ngắn, màu xanh nhạt, hơi tía ở gốc, hình lòng máng, đáy cuống hơi phát triển ôm thân, kích thước dài khoảng 1-2 cm
Hoa	Cụm hoa đầu cô độc ở ngọn cành trên cuống hình trụ dài 5-25 cm, bên dưới đầu có 2-3 lá bắc màu xanh, hình tròn hay hình tim rộng đỉnh hơi nhọn, kích thước 1-2 x 1-2 cm. Đế cụm hoa màu xanh, hình cầu hay bầu dục chiều dài thay đổi. Đầu mang rất nhiều hoa. Hoa họp thành đầu, màu đỏ tía, có hai lá ở gốc; trục cụm hoa có lông nhung. Đài 5 dính thành ống. Nhị 5. Bầu hình trứng với hai đầu nhuỵ hình chỉ . Hoa vô cánh, đều, lưỡng tính, mẫu 5. Mỗi hoa có 3 lá bắc: lá bắc dạng tam giác nhỏ khô xác màu trắng, giữa có sọc màu tím, thường dính trên đế cụm hoa; hai lá bắc con ở hai bên, khô xác màu tím hồng, hình dải gấp đôi, kích thước 0,5-1 x 0,2 cm, ôm nhau một phần ở gốc và bao nụ hoa. Lá đài 5, đều, rời, khô xác, hình dải dài khoảng 0,5 cm, màu xanh có phớt tím hồng đỉnh, mặt ngoài có lông trắng dài xốp như bông, tiền khai năm điểm. Nhị 5 trước lá đài, đều, ống chỉ nhị màu trắng xanh dài khoảng 0,3-0,5 cm, phía trên chia 5 cặp thùy màu tím hồng; bao phấn màu vàng hình thuôn nhọn, 2 buồng, nứt dọc, đính giữa mỗi cặp thùy, hướng trong; hạt phấn màu vàng, rời, hình cầu, có vân mạng, đường kính 25-30 µm. Lá noãn 2, vị trí trước sau, bầu trên một ô hình cầu hơi dẹp, một noãn đính đáy; một vòi nhụy màu xanh ngắn 1-2 mm, hai đầu nhụy dạng sợi màu trắng xanh dài 2-3 mm, có nhiều gai nạc. .
Quả/trái	Quả là một túi có vỏ mỏng như màng . Quả bế, hình cầu dẹp, khoảng 2 x
Hạt	Hạt hình trứng màu nâu đỏ, bóng loáng. Hạt hình hơi cầu dẹp, khoảng 1,5 x 1,5 mm, màu nâu nhẵn bóng, có cán phôi cong

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa kiết lỵ cấp tính ra máu mũi: Hoa cúc bách nhật, dạng thuốc sắc: Người lớn dùng 8 – 16g/ngày; trẻ em dùng 4 – 8g/ngày (Đông y Thiện tri thức, nd).	x		
2	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Dùng 10 bông hoa cúc bách nhật tươi (tương đương 15-20 g hoa khô). Sắc lấy nước đặc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Điều trị tiểu tiện không thông: Lấy 9g bông cúc bách nhật sắc uống chia làm 3 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Điều trị chướng bụng ở trẻ em: Dùng 6 – 9g dược liệu khô sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Điều trị viêm loét ngoài da: Lấy 15 – 30g cúc bách nhật nấu nước rửa vùng da bị bệnh hoặc sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa hen phế quản: Cụm hoa Cúc bách nhật 6g, Tỳ bà diệp 6g, Bảy lá một hoa 6g. Nhót 10 g sắc uống, chia hai lần uống cách xa nhau. Các thành phần trên có thể nghiền thành bột, mỗi lần dùng 1,5-3g, 2 hay 3 lần trong ngày (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
7	Chữa trẻ em khóc thét về đêm: Cụm hoa Cúc bách nhật 5g, Xác ve sầu 3g, Cúc hoa 2g, sắc nước cho uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
8	Chữa cao huyết áp: Chuẩn bị: 15g hoa cúc bách nhật, 30g hạ khô thảo, 15g cúc hoa, 10g mạch môn, 10g thạch hộc và 10g lá dâu. Sau khi rửa sạch, phơi khô, cho tất cả các vị thuốc trên vào siêu gốm bằng đất nung rồi sắc lấy nước uống. Mỗi ngày uống đủ một thang với đầy đủ các vị thuốc trên, dùng liên tục trong 7-10 ngày sẽ thấy có hiệu quả. Song song với đó, bệnh nhân cao huyết áp cũng cần luyện tập, áp dụng chế độ ăn uống, sinh hoạt hợp lý, khoa học để tăng cường sức khỏe (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa bệnh ho gà: 6g cúc bách nhật, 4g Đu đủ, 5g vỏ quýt, 6g lá húng chanh rồi sắc lấy nước uống ngày ba lần, mỗi lần uống 50 ml, dùng liên tục trong 7 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Chữa hen suyễn: Hoa cúc bách nhật 16g, cóc mẩn 12g; lá táo ta 12g; hương nhu 12g; lá Sả 12g. gừng sống 2g, nước 600ml. Sắc kỹ lấy 200ml, chia làm 3 lần uống trong ngày (Đông y Thiện tri thức, nd).	x		
11	Điều trị đau đầu do bị phong hỏa: Chuẩn bị: Bông cúc bách nhật, dây móc câu và cương tàm mỗi vị 6g, cúc hoa 10g. Sắc thuốc mỗi ngày 1 thang chia làm 2 lần dùng (Trung tâm	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
12	Điều trị bệnh viêm đại trạng thể lỏng ở giai đoạn mãn tính: Chuẩn bị: 15g hoa cúc bách nhật, 10g Ngũ trảo và 30g câu cốt diệp. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Điều trị ho cho các trường hợp bị ngoại cảm phong nhiệt: Chuẩn bị: 20g hoa cúc bách nhật phối hợp với 30g nhót tây (tỳ bà diệp), 10g bạc hà. Sắc thuốc với 5 cốc nước lớn cho cạn còn 3 cốc. Chia đều ra uống vào các buổi sáng, trưa, tối. Nên uống khi thuốc sắc còn ấm để xoa dịu cơn ho và tình trạng kích ứng trong cổ họng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Kết hợp 20 bông hoa cúc bách nhật tươi với 5 lá ba diệp. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Sắc hoa cúc bách nhật với kim tiền thảo lấy nước chia uống 3 lần. Liều dùng mỗi vị là 30g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Dùng 6g hoa và 9g rễ cúc bách nhật nấu kỹ. Gạn nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Chuẩn bị 15g hoa cúc bách nhật, nga bất thực thảo và cam thảo dây mỗi vị 30g. Dùng thuốc theo hình thức sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Điều trị bệnh hen suyễn hoặc viêm phế quản: Mỗi ngày sắc uống 1 thang thuốc bao gồm các vị: Cúc bách nhật, tỳ bà diệp, hạnh nhân mỗi thứ 10g, ma hoàng sao 6g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Cải thiện thị lực: Chuẩn bị: Cỏ nhọ nồi, hoa cúc bách nhật, chử thực tử mỗi vị 10g, quốc lão 15g. Các vị trên gộp lại sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Điều trị bệnh cao huyết áp: Chuẩn bị: Hoa cúc bách nhật và cúc hoa mỗi thứ 15g, mạch môn, kẹp thảo, tang diệp mỗi thứ 10g, mạch hạ khô 30g. Mỗi ngày sắc 1 thang lấy nước đặc. Chia thuốc sắc làm 2 – 3 lần dùng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Điều trị bệnh kiết lỵ: Kết hợp các vị trần bì, hoa cúc bách nhật mỗi thứ 15g, thược dược 20g, mộc hương 6g. Sắc uống đều đặn 1 thang mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
22	Điều trị bệnh kiết lỵ: Lấy 10 bông hoa cúc bách nhật sắc kỹ. Khi uống hòa thêm một chút rượu vang vào trong thuốc sắc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa bệnh đau mắt đỏ: Chuẩn bị: Cúc hoa và tang diệp mỗi vị 15g, hoa cúc bách nhật 10g. Đun sôi kỹ lấy nước chia uống 2 lần thay trà (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa khóc dạ đề cho trẻ em: Chuẩn bị: 5 bông cúc bách nhật tươi, 3 cái xác ve sầu (thuyền thoái), 3g cúc hoa. Sắc thuốc cho bé uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Điều trị chướng bụng ở trẻ em: Kết hợp 6g lai phục tử với 5g bông cúc bách nhật. Sắc thuốc cho trẻ uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Chữa chứng kinh phong cho trẻ em: Chuẩn bị: 10 hoa cúc bách nhật, 7 con cào cào (phơi khô). Sắc cả hai vị đã chuẩn bị. Gạn nước cho bé uống. Nếu không có cào cào thì có thể thay thế bằng 6g dược liệu sắc uống độc vị (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Điều trị tiêu chảy, đi ngoài phân lỏng ở trẻ em: Chuẩn bị: Bạch truật, cát căn (sao vàng), bạch linh mỗi vị 12g, bông cúc bách nhật 6g, hạt Mã đề 10g. Sắc lấy nước cho bé dùng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Trị bệnh Gout: Lấy 300g hoa Nở ngày khô nấu nước uống hàng ngày			x
29	Trị bệnh gan: Lấy 300g Nở ngày tươi nấu nước uống hàng ngày			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Không dùng cúc bách nhật cho: Người bị huyết áp thấp và đối tượng bị dị ứng với một trong các thành phần của cúc bách nhật

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

361. Nụ áo — *Solanum americanum* Mill., 1768

Nút áo, Lu lu đực, Thù lù đực, Cà đen, Gia cầu, Thiên già nhi miêu, Cà trái dự.

Công dụng: Lá và ngọn non luộc kỹ làm rau ăn. Toàn cây được dùng chữa cảm sốt, viêm hầu họng, viêm phế quản cấp, bệnh đường tiết niệu, viêm thận cấp, viêm tiền liệt tuyến, tiểu tiện khó khăn, bạch đới quá nhiều, lỵ, viêm vú, u ác tính.

Tính vị: Vị hơi đắng, hơi ngọt, tính hàn, có ít độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây bỏ quả

Lá chứa sinh tố C với hàm lượng khá cao 215mg trong 100g. Quả và hạt giàu hoạt chất hơn lá còn có các terpen, nhựa.

Thành phần hóa học	Tất cả các bộ phận của cây có chứa các alkaloid như: steroid, solanine, solasonine, solamargine, chaconine. Nồng độ các chất này là khác nhau và phụ thuộc vào điều kiện khí hậu thổ nhưỡng. Mặt khác nồng độ cũng thay đổi tùy thuộc vào độ tuổi của cây, điều này giải thích tại sao cùng một loại cây trồng lại vừa được khuyến cáo là có độc mà vẫn sử dụng được làm rau ở một số nơi. Trong lá tươi của cây có chứa axit ascorbic (một chất được sử dụng chủ yếu chống oxy hóa trong bảo quản thực phẩm).
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ đại lục địa Á – Âu
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là huyện Phú Tân (xã Việt Thắng), huyện U Minh (xã Khánh Hòa, xã Khánh Hội), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây), huyên Ngọc Hiển (xã Đất Mũi).
Sinh cảnh	Phần lớn cây được trồng trong vườn nhà, ven đường, bên cạnh cây cũng có khả năng tự mọc. Cây được dùng để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10, Tháng 6 đến 10
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Giã nát, sắc nước, tán bột,...
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Solanaceae (Cà)

Họ: Solanaceae (Cà)

Chi: Solanum (Cà)

Loài: *S. americanum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm hoặc lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao đến 70 cm
Thân cây	Thân cành tròn hoặc hơi có khía cạnh, nhẵn hoặc có ít lông. Cành lá và phần non có phủ lớp lông mỏng
Lá cây	Lá đơn mọc cách. Phiến lá hình trứng hoặc trứng mũi mác, mép phiến lá có răng cưa thưa, kích thước phiến lá dài 2,5 - 7cm và rộng 2 - 4,5 cm
Hoa	Hoa tự dạng chùm mọc từ nách lá, chùm hoa thường từ 3 bông hoa. Đài hoa gồm 5 cánh đài hình trứng dài 1,2 - 2,5 mm tồn tại theo hoa và quả, khi quả chín thì lá đài hơi uốn cong. Tràng hoa gồm 5 cánh màu trắng hoặc trắng phớt xanh, chiều dài của cánh tràng hoa từ 4 - 9 mm, thường gấp 1,5 - 3 lần chiều dài cánh đài hoa. Hoa có 5 nhị màu vàng, dài từ 1,5 - 2,5 mm. .
Quả/trái	Quả khi chín có hình cầu, đường kính từ 6 - 8 mm, thường màu tím đen
Hạt	Hạt dẹt, hình thận, nhẵn, đường kính chừng 1mm
Mùi hương	Toàn cây vò hơi có mùi hô

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh ngoài da (vẩy nến, á sừng, ghẻ lở, bỏng và bệnh trĩ): Lấy Nụ áo tươi (Bỏ quả) 150g đem cây tươi rửa sạch, giã nát, dùng khăn vải mỏng vắt lấy nước bôi ngoài da, bôi vào những vùng da bị mẩn ngứa, lở loét (Cây thuốc.org).	x		
2	Chữa bệnh ngoài da (vẩy nến, á sừng, ghẻ lở, bỏng và bệnh trĩ): Chuẩn bị: Lấy khoảng 5kg cây tươi, Nồi nấu loại 20 lít, nước sạch. Cây tươi đem rửa thật sạch, bỏ gốc rễ. Bỏ cây vào nồi đun sôi cây lấy nước, vớt bỏ bã, sau đó cứ thế đun nước cốt trong nhiều giờ để cô cạn thành cao lỏng. Cao	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lỏng có màu đen dạng sền sệt. Lấy cao lỏng bôi ngoài (Cây thuốc.org).			
3	Trị chứng phù nề, gan sưng to: Lấy Nụ áo tươi (Bỏ quả) 150g đem cây tươi rửa sạch, giã nát, dùng khăn vải mỏng vắt lấy nước chia làm 2 đến 3 lần uống trong ngày (Cây thuốc.org).	x		
4	Chữa cao huyết áp: dùng cả cây Nụ áo, sắc lấy nước cốt, cô đặc, chế thành viên 0,2g; ngày uống 2 lần, mỗi lần 10- 20 viên; mỗi liệu trình 10 ngày. Tại một bệnh viện ở Trung Quốc đã thử nghiệm điều trị 58 ca, đạt kết quả tốt (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
5	Chữa cảm sốt, sưng họng, ho nhiều đờm: dùng 20 - 30g cây Nụ áo tươi, giã nát, chế nước đã đun sôi vào, vắt lấy nước cốt chia 2 lần uống trong ngày. 5 ngày 1 liệu trình (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
6	Chữa bỏng nhẹ, vẩy nến: Ngọn non hoặc lá, rửa sạch, giã nát, ép lấy nước bôi. Hoặc dùng toàn cây nấu lấy nước, cô thành cao mềm (cao long quỳ) để bôi chữa vảy nến hay trĩ (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
7	Chữa viêm phế quản cấp, viêm họng: Nụ áo 30g, cát cánh 10g, cam thảo 4g. Sắc uống (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
8	Chữa bệnh ngoài da (mẩn ngứa, lở loét, bỏng, vảy nến): Lấy ngọn non hoặc lá Nụ áo, rửa sạch, giã nát, ép lấy nước bôi (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
9	Chữa vảy nến, trĩ: Dùng toàn cây, nấu lấy nước, cô thành cao mềm (cao Long quỳ) để bôi (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
10	Chữa cao huyết áp: Dùng cả cây Nụ áo, sắc lấy nước cốt, cô đặc, chế thành viên 0,2g; ngày uống 2 lần, mỗi lần 10-20 viên; mỗi liệu trình 10 ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
11	Chữa viêm khí quản mạn tính ở người cao tuổi: dùng toàn cây Nụ áo tươi 30g, cát cánh 9g, cam thảo 3g. Sắc lấy nước, chia thành 2 lần uống trong ngày (uống liên tục trong 10 ngày). Mỗi liệu trình là 10 ngày giữa các liệu trình nghỉ dùng thuốc 5 - 7 ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
12	Chữa tiểu tiện không thông, phù thũng, gan to: Nụ áo 40g, mộc thông 20g, rau mùi 20g. Sắc uống. Có thể dùng toàn cây rửa sạch, giã nát, ép lấy nước uống; hoặc ngọn non 50-100g luộc ăn trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
13	Chữa sốt: Bột rễ Nụ áo 100g, bột rễ ké hoa vàng 100g, hạt tiêu đen 2,5g. Làm thuốc bột. Mỗi lần uống 3 - 5g (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Chữa nữ bị khí hư bạch đới: dùng cây Nụ áo, hoa mào gà trắng, quán chúng, mỗi thứ đều 30g, sắc với nước 3 lần, bỏ bã, dùng nước thuốc nấu với 200g thịt lợn nạc thành món canh, chia ra 2 lần ăn trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
15	Chữa viêm bàng quang: dùng rễ cây Nụ áo tươi và xương đầu lợn, mỗi thứ 60g, sắc với 1.000ml nước, lửa đun nhỏ riu riu cho cạn còn 500ml, chia thành 2 phần uống trong ngày. Uống thuốc 5 - 7 ngày, bệnh nặng uống 15 - 17 ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
16	Chữa bong gân sưng đau: dùng lá Nụ áo tươi một nắm, Hành trắng để cả rễ 7 củ, thêm chút men rượu, giã nát, đắp lên chỗ bong gân rồi băng cố định lại, ngày thay thuốc 1 - 2 lần (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
17	Chữa kiết lỵ: lấy lá Nụ áo khô 25 - 30g (lá tươi tăng gấp 2 liều lượng), đường trắng 25g, sắc nước uống (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
18	Chữa thổ huyết không ngừng: cành lá Nụ áo phơi hoặc sấy khô nghiền thành bột mịn, nhân sâm tán thành bột mịn. Ngày uống 3 - 4 lần, mỗi lần dùng 4g bột Nụ áo trộn với 2g bột nhân sâm, chiêu với nước đun sôi để nguội (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
19	Chữa tràng nhạc: dùng cành lá Nụ áo, vỏ cây đào, lượng bằng nhau, nghiền thành bột mịn, hòa với dầu vừng, bôi vào chỗ bị bệnh (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
20	Chữa hậu bối, các loại nhọt độc sưng đau: dùng lá Nụ áo và 1 con nhái, cùng giã nát rồi đắp lên chỗ bị bệnh (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
21	Chữa ngã trên cao xuống, bị thương ứ máu: dùng cả cây Nụ áo tươi 80g, giã nhỏ, chế thêm dấm, vắt lấy nước cốt uống, còn bã dùng đắp lên chỗ đau (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
22	Chữa phù thũng, tiểu tiện không thông: dùng cả cây Nụ áo khô 15g, mộc thông 15g, rau mùi 20g, sắc nước uống trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
23	Chữa tiểu tiện không thông, phù thũng, gan to: Nụ áo 40g, mộc thông 20g, rau mùi 20g. Sắc uống. Có thể dùng toàn cây rửa sạch, giã nát, ép lấy nước uống; hoặc ngọn non 50g – 100g luộc ăn trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
24	Chữa vết thương do va đập bị dập, sưng tấy, ứ máu, đau nhức: Giã nát 80 – 100g cây Nụ áo tươi, thêm ít giấm, ép lấy nước nước để uống, bã đắp chỗ đau (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		
25	Chữa bong gân sưng đau: Dùng lá Nụ áo tươi một nắm, Hành trắng để cả rễ 7 củ, thêm chút men rượu, giã nát, đắp lên chỗ bong gân rồi băng cố định lại, ngày thay thuốc 1 – 2	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lần (Hoàng Xuân Đại, 2020).			
26	Chữa viêm bàng quang: Dùng rễ cây Nụ áo tươi và xương đầu lợn, mỗi thứ 60g, sắc với 1.000ml nước, lửa đun nhỏ riu riu cho cạn còn 500ml, chia thành 2 phần uống trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2020).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những nghiên cứu mới đây đều không thấy nói về độc tính của cây này, tuy nhiên để bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng cây Nụ áo làm thực phẩm và làm thuốc ta cần lưu ý một số điểm sau:

Do cây có độc nhất là quả xanh, vì vậy không nên ăn sống thường xuyên loại cây này. Khi sử dụng làm ra cần được nấu chín, loại bỏ quả xanh khi sử dụng (Bởi khi nấu chín độc tố của cây này sẽ giảm bớt đáng kể). Vì theo các nghiên cứu quả xanh chứa nhiều độc tố hơn so với thân lá.

Phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ nhỏ không nên dùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

362. Nưa *Tacca leontopetaloides* (L.) Kuntze, 1891

Huyền tinh, Củ nưa; Bạch tinh

Công dụng: Chữa đi tiểu ra máu, trị lỵ

Tính vị: Rễ có vị đắng

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Củ

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Tây Phi

Phân bố: Cây Nưa chỉ được tìm thấy ở huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), tỉnh Cà Mau.

Sinh cảnh: cây được người trồng trong vườn nhà của người dân

Mùa hao quả: Ra hoa tháng 6-8

Thu hoạch: Quanh năm

Chế biến: Cây cùng được trồng để lấy củ, dùng chế bột.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Liliales (Hành)

→ **Họ:** Taccaceae (Râu hùm)

→ **Chi**: Tacca (Râu hùm)

→ **Loài**: *T. leontopetaloides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo
Chiều cao cây	2m
Củ	Cây có nhiều củ tròn màu nâu
Thân cây	Không có thân.
Lá cây	Phiến lá chia 3 lần; mỗi lần phiến lại mang 5-8 cặp đoạn lá hình ngọn giáo còn men theo cuống lá; các thuỳ không đều nhau. Mới trông qua, lá Huyền tinh giống lá Khoai nưa.
Hoa	Cụm hoa trên một trục cao 0,2-0,5m, có lá bắc rộng ở ngoài, và nhiều lá bắc hình dải như sợi chỉ. Hoa xanh; 3 lá đài; 3 cánh hoa nhỏ; 6 nhị; bầu dưới, dính noãn bên.
Quả/trái	Quả không tự mở, màu lục, hình trứng, dài 2 - 3cm, rộng 1,5 - 2cm hoặc gần hình cầu, mặt ngoài quả có 6 đường gờ nổi chạy dọc quả chia thành 6 múi. Có nhiều hạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Dân gian dùng bột củ quấy sống với nước chín để nguội uống chữa đi tiểu ra máu (Dieutri.vn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

363. Ô môi — *Cassia grandis* L. f.

Bọ cạp nước, Bồ cạp nước, Cây cốt khí, canh ki na, Bò cạp đỏ

Công dụng: Thuốc bổ, chữa đau lưng, nhức mỏi, kích thích tiêu hoá, nhuận tràng, kiết lỵ (Quả). Hắc lào (Lá)

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh:

Bộ phận dùng: Quả, lá, vỏ - Fructus, Folium et Cortex Cassiae Grandis.

Thành phần hóa học	Trong cơm quả có đường, chất nhầy, tanin, Saponin, oxalate canxi, anthraglucosid, sáp, tinh dầu và chất nhựa, trong hạt chứa chất béo. Trong lá có anthraglucosid và flavonoid . Phần cơm thấy có vị ngọt, chứa các thành phần hóa dược sau: Gluxit;Tanin; Canxi oxalat; Saponin; Antraglucozit; Tinh dầu; Chất nhầy; Chất nhựa (Nguyễn Thi Phú, nd)
Nguồn gốc	Loài của Mỹ châu nhiệt đới, được nhập trồng để lấy quả
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng tự mọc và được người trồng trong vườn nhà, ven đường đi, ven sông, ven mương, ven ao được dùng làm thuốc và thực phẩm
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 3, Tháng 4 đến 8
Thu hoạch	Chọn những quả chín để lấy cơm quả. Lá và vỏ thu hái quanh năm.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Cassia
        - **Loài**: *C. grandis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ to
Chiều cao cây	Cây cao 12-15 m
Vỏ cây	Vỏ thân nhẵn
Thân cây	Cành mọc ngang, cành non có lông màu gỉ sắt, cành già màu nâu đen.
Lá cây	Lá kép lông chim chẵn, gồm đến 12 đôi lá chét . Lá có kích thước lớn, kép lông chim gồm 5-16 đôi lá chét hình hơi quả trám, dài 7-12cm, rộng 4-8cm có phủ lông mịn
Hoa	Cụm hoa mọc thành chùm thưa, thõng, dài 20-40cm. Hoa màu hồng tươi mọc ở nách những lá đã rụng. .
Quả/trái	Qủa hình trụ cứng, màu nâu đen hơi cong, dài tới 50-60 cm, có 50-60 ô, mỗi ô chứa một hạt dẹt, quanh hạt có lớp cơm màu nâu đen, vị ngọt, có mùi hắc
Hạt	Hạt dẹt cứng, màu vàng được bao bên ngoài bởi phần cơm mùa nâu
Mùi hương	Mùi hắc (lớp cơm màu nâu)

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau lưng, đau người, nhuận tràng hay tẩy hoặc chữa lỵ, ỉa chảy: Nếu nấu cơm và hạt (1kg) với 1 lít nước rồi lọc và cô cách thủy đến thành cao thì dùng với liều 5-15g (Như Ý, 2021).	x		
2	Giúp nhuận tràng: Sử dụng 10g lá non và lá già của Ô môi, đun với 1.2 lít nước. Dùng uống mỗi ngày 3 lần sau khi ăn. Uống liên tục trong 1 – 3 tháng tùy theo mức độ nghiêm trọng của bệnh (Như Ý, 2021).	x		
3	Chữa trị đau thấp khớp: Vỏ ô môi 50g, dây đau xương 100g, cốt toái bổ 100g, nhục quế 30g. Ngâm trong 1.000ml rượu để 30 – 40 độ cồn trong 15 – 20 ngày. Mỗi ngày uống 2 lần từ 30 – 60ml (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
4	Dùng làm thuốc bổ: Ngâm 500 ml rượu nếp nguyên chất 25 – 30 độ cồn với một quả Ô môi. Ngâm trong 15 – 20 ngày là dùng được, tuy nhiên để càng lâu hiệu quả càng tốt. Liều lượng khuyến cáo mỗi ngày là 2 chén mỗi lần, ngày uống 2 lần trước bữa ăn chính (Thuốc dân tộc, nd).	x		
5	Điều trị thấp khớp, viêm khớp: Sử dụng 50 g vỏ thân Bò cạp nước, Dây đau xương, Cốt toái bổ mỗi vị 100 g, Nhục quế 30g cùng ngâm trong 1000 ml rượu nếp 30 – 40 độ cồn. Ngầm trọng 15 – 20 ngày là dùng được. Liều lượng khuyến cáo: Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần khoảng 30 – 60 ml (Thuốc dân tộc, nd).	x		
6	Hỗ trợ hệ thống tiêu hóa: Dùng 3 – 4 quả Ô môi tách lấy	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	phần cơm thịt ngâm với 1 lít rượu trên 40 độ trong 30 ngày thì dùng được. Mỗi ngày dùng 2 lần, mỗi lần khoảng 30 ml. Uống liên tục trong vòng một tuần sẽ thấy hiệu quả kích thích tiêu hóa, ăn ngon miệng hơn (Thuốc dân tộc, nd).			
7	Trị lở ngứa da, lang ben, hắc lào (lác): Lấy lá ô môi giã nát xát tại chỗ hoặc giã nát ngâm với rượu tỷ lệ 1/1 để bôi ngày vài lần (Nguyễn Thi Phú, nd)	x	x	
8	Thuốc bổ, giúp tiêu hóa, ăn ngon miệng, chữa đau lưng, đau xương: Trung bình một quả ô môi có thể ngâm với 500 ml rượu đế 25-30 độ cồn. Ngâm trong 15-20 ngày là dùng được nhưng càng để lâu càng tốt. Liều dùng: Ngày uống 2 lần, mỗi lần một chén nhỏ trước bữa ăn (Như Ý, 2021).	x		
10	Trị Nhức mỏi: Lấy 4 trái Ô môi ngâm rượu (khoảng 5 lít). Ngâm khoảng 1 tuần có thể uống. Uống mỗi lần 1 ly nhỏ uống trà. Uống sáng, chiều.			x
11	Trị thần kinh tọa: Lấy Ô môi, Tầm gửi, trái Dâu tằm chín (khoảng 1 nắm tay) rang và 100g đường chảy (đã thắng hơi kẹo) ngâm 1 tuần, uống.			x
12	Trị nhức mỏi: Lấy 3-4 trái Ô môi (tách ra lấy phần ruột đen), trái Nhàu già hoặc non, Vú sữa đất (phơi khô), ngâm với1 lít rượu gốc, ngâm khoảng 30 ngày, ngày uống 2 lần, mỗi lần uống khoảng 0,5 ly uống rượu.			x
13	Trị ban đỏ: Lấy rễ cây Ô môi vạt mỏng, sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống (uống 3 lần/ngày)			x
14	Trị nhức mỏi: Lấy rễ cây Ô môi và vỏ cây Chân chim sao thủy thổ, rồi ngâm rượu, uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Đối với rượu thuốc làm từ phần cơm của quả ô môi, bạn có thể gặp phải một số tác dụng ngoài ý muốn như sau: say rượu; Buồn ngủ; Choáng váng; Đỏ mặt. Các đối tượng không nên dùng rượu thuốc, gồm: Trẻ em; Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú; Người cao tuổi, sức khỏe yếu; Người đang bị sốt, cảm; Người mắc bệnh dạ dày; Người mắc bệnh gan, thận (Nguyễn Thi Phú, nd)

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

364. Ổ phụng — *Asplenium nidus* L., 1753

Tổ điểu, Tổ chim, Tổ phượng, Tổ quạ

Công dụng: Dân gian dùng lá chữa bệnh về tóc và da dầu. Cũng có khi được dùng chữa bong gân, sai khớp

Tính vị: Vị đắng, tính ấm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Asplenii

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, đảo Sandwich, Maurice và các rừng nhiệt đới châu Á khác (Ấn độ, Nam Nhật bản, Nam Trung quốc, Madagasca và Australia)

Thành phần hóa học: Cây ráng ổ phụng chứa nhiều loại flavonoid (12 flavonoid được nhận biết, 3 flavonoid không rõ) là chất kháng vi khuẩn, chống oxy hóa, chống ung thư: phytochemical, gliricidin-7-O-hexoside (C 21 H 20 O 11), quercetin-7-O-rutinoside (C 27 H 30 O 16), Myricetin 3-O-rhamnoside (C 21 H 20 O 12)... (Saman và Nguyễn Thành Vinh, 2018)

Phân bố ở Cà Mau : Cây xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn), huyện U Minh (xã Khánh Hòa)

Sinh cảnh: Cây được người dân trồng trong vườn nhà để làm thuốc

Thu hoạch: Thu hái toàn cây quanh năm

Chế biến: Được dùng tươi

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Pteridophyta (Dương xỉ)
- **Lớp**: Filicopsida (Dương xỉ)
  - **Bộ**: Polypodiales (Dương xỉ)
    - **Họ:** Aspleniaceae (Can xỉ)
      - **Chi**: Aspleniaceae
        - **Loài**: *A. nidus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 50 cm.
Rễ cây	Gốc có rễ chùm dày đặc, ken lại thành búi lớn ở dưới đám lá, làm cho cây vừa bám chặt vào giá thể, vừa tích tụ được mùn để nuôi cây
Thân cây	Thân rễ ngắn.
Lá cây	Lá dày, to, mọc thành hình hoa thị nom như một tổ chim. Phiến lá dày, thuôn hình ngọn giáo, dài 30-90cm, rộng 5-10cm, màu lục nhạt, có mép nguyên. Ổ túi bào tử mỏng, xếp chéo góc với gân chính ở mặt dưới lá. Bào tử hình trái xoan, màu vàng sáng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ong đốt, rắn cắn: Ổ phụng xay nhuyễn lấy nước đắp lên đầu để giảm sốt, đắp lên chỗ ong đốt, rắn cắn (Tả Phìn Hồ, 2018)	x		
2	Chữa hôi miệng hay biện pháp tránh thai ở động vật: Dùng Ổ phụng như rau ăn (Tả Phìn Hồ, 2018)	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

365. Ô rô — *Acanthus ilicifolius* L., 1753

Ô rô hoa tím, Ô rô gai, Lão thử cân, Ô rô to

Công dụng: Chữa ho, long đờm, bệnh đường ruột, đái dắt, buốt (Lá sắc uống). Rắn cắn (Lá, búp non giã nuốt nước, bã đắp). Toàn cây làm thuốc hưng phấn, chữa đau lưng nhức mỏi, tê bại, hen suyễn, bổ thần kinh, giúp tiêu hoá. Rễ và lá chữa thuỷ thũng, thấp khớp

Tính vị: Rễ có vị mặn chua, hơi đắng, tính hàn; Cây có vị hơi mặn, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, lá, búp non và toàn cây

Thành phần hóa học	Trong cây có chứa alcaloid. Trong rễ có tanin. Từ năm 1981, người ta đã tách được từ rễ một triterpenoidal saponin gọi là [(-L - arabinofuranosyl - ({1 ->~~4}) - b - D - glucuronopyranosyl ({1 ->~~3}) - 3b - hydrooxy - lup -20(29) -ene. Lá chứa nhiều chất nhờn.
Nguồn gốc	Cây bản địa của Ấn Độ và Sri Lanka
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây đa số mọc tự nhiên ở ven sông, ven đường đi, bờ ao, bờ mương được người dân dùng để làm thuốc và được một số người dân trồng để ở ven sông và ven mương
Mùa hoa quả	Tháng 10 đến 11, Tháng 10 đến 11
Thu hoạch	Thu hái các bộ phận của cây quanh năm
Chế biến	Rễ lấy về, rửa sạch thái phiến, phơi khô để dùng.
Bảo quản	Bảo quản trong túi kín, tránh nước, ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)
      - **Chi**: Acanthus
        - **Loài**: *A. ilicifolius*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,5-1,5 cm
Rễ cây	Gốc rễ ngập trong nước.
Thân cây	Thân tròn, màu lục nhạt, có nhiều rãnh dọc..
Lá cây	Lá mọc đối, sát thân, hầu như không có cuống, phiến cứng, mép lượn sóng, có răng cưa không đều và có gai nhọn.
Hoa	Hoa màu trắng hoặc xanh lam, xếp 4 dãy thành bông.. .
Quả/trái	Quả hình bầu dục, màu xanh khi còn non, khi quả chín có màu nâu bóng, kích thước quả 1cm x 2cm, bên trong có nhiều hạt
Hạt	Hạt dẹt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị vết thương ngoài da: Lấy lá Ô rô tươi một nắm nhỏ. Rửa sạch, để ráo nước, giã nát đắp vào vết thương.	x		
2	Chữa ho đờm, hen suyễn: Ô rô 30 - 60g, cắt nhỏ, cho 500ml nước, nấu nhỏ lửa với thịt heo nạc 60-120g, cho sôi kỹ đến khi còn 150ml, chia uống 2 lần trong ngày (Nguyễn Trần Anh Thư, 2021).	x		
3	Chữa long đờm: Ô rô nước 30-120g, thịt lợn nạc 60-120g, nấu trong 500g nước trong 6 giờ cho tới khi còn một chén, dùng uống hai lần trong ngày (Nguyễn Trần Anh Thư, 2021).	x		
4	Chữa gan lách sưng to: Ô rô nước 30g, thóc kép (Desmodium pulchellum) 12g, Liên kiều 15g, nấu nước uống (Nguyễn Trần Anh Thư, 2021).	x		
5	Chữa tràng nhạc và bệnh hạch bạch huyết: Ô rô 30g, Thóc lép 13g, Mỏ quạ 19g, sắc uống (Nguyễn Trần Anh Thư, 2021).	x		
6	Chữa đau gan, nhuận gan, giải độc gan: Ô rô 30g, vỏ thân hay lá Quao 30g, sắc uống. Một số Xí nghiệp Dược ở đồng bằng sông Cửu Long đã Sả n xuất cao Ô rô – Quao gồm Ô rô 500g phối hợp với vỏ cây Quao nước 500g, sắc 2 nước và cô lại còn 1 lít, cho 400g đường trắng và 40ml rượu có hòa 1g acid benzoic, hòa đều, để nguội đóng chai. Ngày uống hai lần, mỗi lần một thìa canh (15ml) (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Chữa thấp khớp, đau lưng, nhức xương, tê bại: Rễ Ô rô 30g, Canh châu 20g, rễ cây Kim vàng 8g, Quế chi 4g. Tất cả xắt nhỏ, tẩm rượu, sao vàng, sắc với nước, uống làm hai lần vào lúc đói (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Chữa nước tiểu vàng, táo bón: Rễ Ô rô 30g, Mè đen 20g, lá Muồng trâu 18g. Mè giã nát, hai vị kia cắt nhỏ, sắc uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa rong huyết: Rễ Ô rô 30g, cắt nhỏ, sao với giấm cho cháy đen, Bồ hoàng 20g sao cháy tồn tính; hoa Kinh giới 18g, sao cháy tồn tính; sắc uống ngày 1 thang. Dùng nhiều ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Chữa ứ huyết: Rễ Ô rô 30g, lá Tràm 20g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Chữa ho gà: Hoa Ô rô 20g, tẩm mật ong hoặc mật mía rồi sao đến khô. Sắc uống làm hai lần trong ngày (Đỗ Huy Bích, 2007).	x		
12	Điều trị bệnh xơ gan cổ trướng, viêm gan, vàng da: Chuẩn bị: Cây Ô rô nước khô 15g, cây Quao 15g, cây móp gai 15g (Nếu có cây tươi thì dùng liều lượng gấp đôi). Các vị thuốc đem rửa sạch (Sao vàng nếu là cây khô), đun với khoảng 4 chén nước, đun sôi và duy trì sôi nhỏ lửa thêm khoảng 10 phút cho tới khi nước cạn còn khoảng 2 chén nước thì tắt bếp, chắt lấy nước chia làm nhiều lần uống trong ngày (Đỗ Huy Bích, 2007).	x		
13	Điều trị ho, viêm họng, ho đờm, viêm mũi: Chuẩn bị: Toàn cây ô khô khô 20g, mật ong rừng 3 thìa cà phê. Sắc đặc lấy khoảng 1 chén nước, hòa cùng mật ong rừng uống hàng ngày (Đỗ Huy Bích, 2007).	x		
14	Giảm đau nhức xương khớp: Chuẩn bị: Rễ, thân Ô rô nước 1kg khô, câu tích 500g, rượu gạo 5 lít. Hai vị thuốc đem sao vàng hạ thổ, ngâm với khoảng 5 lít rượu, ngâm trong thời gian khoảng 1 tháng là dùng được. Khi sử dụng mỗi ngày dùng khoảng 2 đến 3 ly rượu nhỏ (Đỗ Huy Bích, 2007).	x		
15	Trị viêm gan, xơ gan cổ trướng: Quao nước (Dùng lá) 10 – 20g, Ô rô (dùng lá) 10 – 20g, Mớp gai (dùng thân rễ) 10 – 20g sắc uống (Đỗ Huy Bích, 2007).	x		
16	Trị đau nhức, thoái hóa xương: Lấy Ô rô, Cóc kèn, Chùm gọng, Đinh lăng, Lược vàng, mỗi thứ 100 g, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Hoặc lấy 1 nắm Chùm gọng, cây Ô rô chặt nhỏ, đem đi sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
17	Mát gan: Lấy 1 nắm thân Quao và 1 nắm thân cây Ô rô sao thuỷ thổ, sắc vói 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân rồi uống			x
18	Bổ thận, mát gan: Kết hợp với Nhân trần, Ô rô, Cỏ xước và Cam thảo đất nấu 3 chén thành 1 chén rồi uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Trị sẩy ở trẻ em, trị mẫn ngứa: Lấy một nắm toàn thân Ô rô (không rễ), chặt khúc, nấu nước tắm			x
20	Giải độc mát gan: Lấy cả cây Ô rô phơi khô, nấu nước uống, Uống 10 ngày hoặc 30 ngày			x
21	Trị bệnh đi vệ sinh ra máu: Lấy khoảng 10 đọt non Ô rô nấu nước uống			x
22	Trị bệnh gan: - Cách 1: Lấy 1 nắm thân Quao, 1 nắm cây Nhân trần nam và 1 nắm cây Ô rô, nấu nước xông. - Cách 2: Lấy 1 nắm cây Ô rô (đã chặt khúc) với 1 nắm thân cây Cách, Nhân trần nam nấu nước uống. - Cách 3: Lấy 1 nắm thân nhánh Quao (đã vạc mỏng) và 1 nắm Ô rô sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 4: Dùng 1 nắm cây Nhân trần nam, Quao, Ô rô, Cỏ nước mặn đem đi phơi khô rồi nấu nước uống. - Cách 5: Nấu chung với Mãng cầu xiêm, Sứ cùi trắng, Quao, Nhân trần nam nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân để uống. - Cách 6: Lấy Ô rô, Nhân trần nam, Cỏ nước mặn nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. - Cách 7: Lấy cả cây Ô rô, Cách, Nhân trần nam nấu nước uống hằng ngày. - Cách 8: Lấy lá Ô rô và dây Cóc kèn đem chặt khúc, sao vàng, nấu với nước uống hàng ngày (uống 1 lần/ngày). - Cách 9: 100g cây đem đi sao vàng sắc vói 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân(uống ngày 2 lần)			x
23	Trị bệnh gan: Lấy cây, lá Ô rô và cả dây Cóc kèn chặt khúc, sao vàng, nấu nước uống hàng ngày, Uống 1 lần/ngày.			x
24	Trị kháng sinh: Lấy cả cây Ô rô chặt khúc, phơi khô. Lấy khoảng 1/2 chén Ô rô khô nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
25	Trị gan: Lấy 1 nắm thân cây Cỏ xước (không rễ), lá Ô rô, 10-12 cây Chó đẻ, thân lá Quao nấu nước uống.			x
26	Trị cảm, trúng thực: Lấy mỗi thứ 1 nhúm: lá Sả , Ô rô, lá Bạch đàn, 3 cây nhang, 2 lát Gừng và 1 nắm lá Nhàu, nấu nước xông.			x
27	Giải nhiệt, trị mụn nhọt: Lấy 1 nắm lá Ô rô phơi khô, nấu nước uống.			x
28	Trị mụn nhọt, trị bệnh gan: Lấy trái Ô rô sống (nam 7 trái, nữ 9 trai), nuốt trọng, không nhai.			x
29	Giúp có sữa cho bé bú: Lấy 1 nắm thân Ô rô (không lá), phơi khô, sao vàng, nấu nước uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
30	Trị bệnh gan, viêm gan B, gan nhiễm mỡ: Lấy Cam thảo đất, cây Quao, cây Chó đẻ, sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Uống ngày 3 lần			x
31	Trị bệnh gan: Lấy thân cây Ô rô, Nhãn lồng, Quao, thêm ít đường phèn sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
32	Trị huyết trắng, mất ngủ: Lấy Cỏ mực, Cam thảo đất, Nhãn lồng, Ô rô, Cỏ nước mặn, Sâm đất, tất cả chặt nhỏ, rửa sạch, sao thủy thổ, nấu nước loãng uống hàng ngày			x
33	Trị khối u gan: Lấy 1 kg Ô rô, Dây cứt quạ, lá Quao, 1 kg Cỏ mực, 100g đường phèn nấu với 3 lít nước, nấu cao. Mỗi lần dùng 1 muỗng café pha nước nóng uống			x
34	Mát gan, trị mục nhọt: Lấy cả cây Ô rô, Quao, Nhân trần nam, Cỏ mần trần trầu, nấu nước uống, Hoặc lấy trái Ô rô nuốt			x
35	Trị sốt lạnh, xổ tiểu, mát gan: Lấy Ô rô, Quao, Dây cứt quạ, Sầu đâu nấu với 3 chén nước đếnn khi còn 8 phân, uống.			x
36	Trị sưng chân ở phụ nữ sanh: Lấy thân Ô rô (đã chặt nhỏ) và 1 nắm Lức cây sao cho vàng rồi nấu nước uống thay uống trà.			x
37	Trị thần kinh tọa, viêm gan B: Lấy 2 kg Ô rô (tươi), 2 kg Nhãn lồng (tươi), 2 kg lá Quao (tươi) rửa sạch để ráo, nấu với 10 lít nước, nấu 10 - 11 tiếng đến khi còn lại 1 lít nước, thêm 1 kg đường phèn vào, nấu tan đường phèn rồi uống.			x
38	Trị bệnh gan: Lấy 1 nắm lá Quao, Cỏ nước mặn, Ô rô, nấu nước uống			x
39	Trị xiêm xoang mãn tính: Lấy thân cây Ô rô gọt bỏ lớp vỏ mỏng bên ngoài, lấy lớp vỏ thứ 2 (không dùng lõi thân) phơi khô, quấn với giấy, hít hoặc hút.			x
40	Trị khối u bao tử, tá tràng: Lấy trái Ô rô non tách lấy hạt, ngào với đường ăn.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

366. Óc chó — *Ficus hispida* L.f, 1782

Ngái, Ngái sung, Sung dại, Mạy mọi (tiếng Tày)

Công dụng: Giải độc, trị mụn nhọt, đinh râu, chữa bệnh ở xương cốt như viêm khớp, thoát hóa cột sống, bồi bổ gan và thận, cải thiện giấc ngủ, hỗ trợ ăn ngon, tiêu phù cho những người bị tích nước, giúp sản phụ chữa tắc sữa sau sinh, làm mát sữa, tăng tiết sữa, trị bệnh trĩ, khắc phục tình trạng tiêu chảy, đau bụng lâu dài.

Tính vị: Có vị ngọt dịu, tính mát

Quy kinh: thận, phế, đại trường

Bộ phận dùng: Theo kinh nghiệm dân gian thì hầu hết mọi bộ phận của cây sung dại đều có thể dùng để bào chế để làm dược liệu chữa bệnh

Thành phần hóa học	Nhiều nghiên cứu y khoa đã chỉ ra, trong các bộ phận của cây ngái có chứa: Friedlin Epifriedelanol: Chất này có vai trò giải độc, chống viêm trong nhiều trường hợp. Glutinol: Chất này được ứng dụng trong điều chế thuốc chống độc, tăng nhãn áp, ngừa lão hóa, trị các bệnh ở tim, gan, cai nghiện rượu, điều trị viêm xương khớp và cải thiện trí nhớ. Hợp chất béo lành mạnh: Bổ sung ngái cho cơ thể cũng đồng thời cung cấp một lượng chất béo lành mạnh. Nó góp phần giảm cholesterol xấu, cải thiện tim mạch, ngừa đột quỵ và nguy cơ tiểu đường, ngăn tình trạng ứ huyết.
Nguồn gốc	Cây của miền Đông Dương, Ấn Độ và miền Malaixia, châu Đại dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (thị trấn Thới Bình) và huyện Phú Tân (xã Việt Thắng), huyện U Minh (xã Khánh Hòa, xã Khánh Hội), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Người dân trồng nhiều trong vườn nhà, ven mương, ven ao và trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 1 đến 4, Tháng 5 đến 10
Thu hoạch	Lá thu hoạch quanh năm (chỉ chọn loại lá bánh tẻ, không dùng những phần quá non hoặc già). Vỏ và thân cây: Thường được cắt về vào đầu xuân, khi cây chứa nhiều nhựa nhất và vỏ dễ bóc tách. Rễ (chỉ dùng vỏ của rễ): Mùa thu là thời điểm tốt nhất để đào rễ.
Chế biến	Lá sau khi thu hoạch, loại bỏ những chiếc bị sâu bệnh, héo. Sau đó rửa thật sạch và phơi hoặc sao khô để dùng.

	Búp non: Loại này được dùng tươi, chỉ cần hái, ngâm rửa sạch. Rễ: Rửa, phơi khô, lột bỏ lớp vỏ ngoài, dùng lớp thứ hai. Nhặt bỏ lông trên lá rồi sấy khô. Vỏ và thân cây: Cạo sạch lớp vỏ bên ngoài rồi đem ngâm với nước vo gạo 2 tiếng. Sau đó thì cắt thành những lát, khúc mỏng, ngắn để sao hoặc phơi khô. Rễ: Sau khi đào xong thì đem rửa sạch đất cát, tạp chất. Cuối cùng, đem phơi hoặc sấy khô và bảo quản để dùng dần. Quả: Sau khi thu hoạch, đem đốt chúng thành than và đem ngâm rượu hoặc cũng phơi sấy, dùng dần.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Rosales (Hoa hồng)

Họ: Moraceae (Dâu tằm)

Chi: Ficus (Sung, Sung đa, Sung si, Sanh si, Đa đề, Si đa)

Loài: *F. hispida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 5-7m
Đường kính cây	Cây có đường kính 15 - 25cm
Thân cây	Lúc đầu có lông cứng màu nâu hay tái, về sau nhẵn. Cành mập, lúc non có nhiều lông cứng, sau nhẵn
Lá cây	Lá mọc đối, ít nhất cũng là ở ngọn các nhánh, hình trái xoan ngược hay bầu dục, tù hay tròn ở gốc, có mũi ở chóp, có răng, có lông nhám ở cả hai mặt, dài 11-20cm, rộng 5 -12cm, có 3 gân, hai gân bên lên đến phân nửa phiến; cuống có lông ráp, dài 15-30mm.
Hoa	Cụm hoa sung mọc trên các cành không lá, trên thân hay trên cành bò lan trên mặt đất, thường 2 - 4 sung trên một cành ngắn, hình cầu, có cuống ngắn, đường kính 1 - 2cm. . Hoa đực nhỏ mang 3 cánh đài và 1 nhị. Hoa cái có cuống ngắn, cánh đài không rõ, có bầu hình trứng và vòi ở bên
Quả/trái	Quả sung có cuống và mọc trên một nhánh ngắn đặc biệt ít khi có lá, nằm ở gốc thân và kéo ra trên mặt đất. Quả này có lông nhám, đường kính 1-2cm, lúc chín màu vàng. Có những thứ khác nhau có quả mọc trên thân hay ở đất, lông tái hay nâu đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sốt rét: Lấy lá khô khoảng 20g (hoặc vỏ thân khô 20g), rửa sạch phần lông, sắc nước uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa đau nhức xương: Lấy 25g vỏ thân (hoặc vỏ rễ) cạo sạch vỏ ngoài phơi khô, sắc nước uống hoặc ngâm rượu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa trĩ: Dùng 50g lá cây ngái loại bánh tẻ, đem rửa sạch rồi phơi khô. Sau đó sắc kỹ với 1 lít nước để lấy ⅓ cô đặc, chia 3 uống trong ngày. Lặp lại nhiều ngày sau đến khi búi trĩ tiêu biến (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Trị sỏi thận: Chọn những quả ngái vàng không sâu bệnh, chín cây tự nhiên (thường vào mùa Đông) để làm sạch. Sau đó cắt đôi và sao vàng trên chảo gang hoặc phơi cho khô quắt lại. Mỗi ngày lấy 100g quả ngái khô này đun kỹ với 800ml nước, sao cho dược tính cô đặc ở 250ml. Sau đó cho bệnh nhân uống ấm trong ngày đều đặn. Nhiều ngày sử dụng, dược tính trong quả ngái sẽ giúp tán sỏi, làm tiêu sỏi tự nhiên và đào thải qua đường tiểu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa trĩ nội trĩ ngoại: Dùng 50g lá ngái rửa sạch sau đó đem phơi cho khô. Sắc cùng 1 lít nước cho đến khi vơi còn khoảng ⅓, chia thành 3 phần uống mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa phù nề: Vỏ thân ngái khô 20g, râu ngô 20g, Mã đề 15g rửa sạch sắc với 500g nước, sắc lấy 150ml chia 2 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa bệnh trĩ: Lá ngái (hoặc vỏ thân cây ngái) 50g, phơi khô sao vàng hạ thổ rồi sắc với khoảng 1 lít nước, đun cạn lấy 300 ml, chia làm 3 lần để uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị bệnh xương khớp: Lấy 50g vỏ rễ cây ngái Sung kết hợp với lượng tương ứng rễ Cỏ xước. Thêm vào 30g gây đau xương và lượng tương ứng rễ cây si. Đem sao vàng các vị này rồi sắc lấy nước để uống trong ngày. Lặp lại nhiều lần như vậy một cách đều đặn đến khi khỏi đau nhức (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Trị đau nhức và sưng ở khớp do nhiễm phong thấp: Dùng 40g rễ Sung dại cùng tầm gửi cây này (dùng 20g). Thêm 15g rễ cây xấy hổ (loại màu tím) và lượng tương ứng rễ Cỏ xước. Kết hợp cùng 12g rễ cây cam sành và lượng tương ứng rễ muống biển. Đem ngâm rễ muống biển với nước vo gạo qua đêm, sau đó phơi khô cùng các dược liệu. Rửa sạch lại rồi đem sắc với 1 lít nước trên lửa nhỏ để lấy 300ml cô đặc. Chia số nước này thành 3 phần để uống sau các bữa ăn trong ngày, cách 1 tiếng. Dùng 1 thang mỗi ngày cho đến khi hết biểu hiện đau nhức khớp xương. Nếu bệnh nhân bị sưng nóng, đỏ rát ở khớp khiến việc vận động bị cản trở nhiều thì cần: Loại bỏ rễ muống biển ra khỏi bài thuốc, thêm vào 20g rễ Đu đủ đực và 12g trúc nhự. Sau đó cũng sắc lấy nước thật kỹ lấy 3 lần cô đặc rồi trộn lại, chia ra sử dụng cuối các bữa ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa phù thũng: Dùng vỏ ngái cạo bỏ vỏ rồi ngâm nước vo gạo để loại bỏ nhựa, sau đó vớt ra phơi khô. Mỗi lần dùng 50g vỏ này đem thái sợi, sao vàng lên. Kết hợp thêm 30g lá Sung và lượng tương ứng lá Mã đề, cũng thái sợi. Thêm 1 nhúm bồ hóng nhỏ, trộn đều vào nhau. Cho hết vào ấm để sắc cùng 0,5 lít nước thật kỹ để lấy 100ml nước cô đặc. Sau đó chia số thuốc thu được làm 2 và uống sau các bữa sáng, tối. Kiên trì thực hiện như vậy 5 – 7 ngày liền để loại bỏ hết nguyên nhân gây bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Trị tiêu chảy: Dùng 30g vỏ cây ngái (đem tách phần lõi và bỏ vỏ ngoài, ngâm nước vo gạo 1 đêm). Kết hợp thêm 20g rễ cây xương rắn và lượng tương ứng rễ màng tang. Đem cả 3 vị này cắt khúc nhỏ rồi sao vàng lên trên chảo gang. Sau đó cho vào nồi hoặc ấm đất để đun kỹ với nước, lấy hỗn hợp cô đặc uống trong ngày. Sử dụng một vài lần, đến khi không còn bị tiêu chảy và các triệu chứng khác thì dừng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa kiết lị: 30g tầm gửi sống trên thân của cây Sung dại (ngái) đem phơi khô. Cắt khúc nhỏ, rửa sạch rồi đem sắc kỹ với 300ml nước và cho người bệnh uống. Để chữa khỏi bệnh hoàn toàn, bệnh nhân cần uống liên tục ít nhất 1 tuần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa trĩ nội trĩ ngoại: Chuẩn bị các loại lá gồm lá ngái, Lá lốt, cây cúc tần và 1 miếng Nghệ vàng nhỏ. Lá thuốc rửa sạch, đun cùng 2 lít nước, khi sôi thì hạ nhỏ lửa đun thêm 10 phút. Gạn nước thuốc và tiến Hành xông hơi hậu môn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa bệnh bí tiểu: Chuẩn bị: 50g rễ cây ngái, 50g thổ phục linh, 30g rễ cây cối xay, 20g Cỏ xước, 20g Mã đề. Các loại thuốc rửa sạch sẽ sau đó đem sao vàng trên chảo nóng. Tiếp tục sắc thuốc với nước trong khoảng 15 phút và uống mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Giảm đau và nhức xương khớp: Bóc lấy 25g vỏ ở thân cây Óc chó, cạo sạch sẽ lớp vỏ phía bên ngoài, sau đó ngâm với nước vo gạo 2 tiếng để loại bỏ nhựa cây. Đem phơi khô sau đó sắc lấy nước uống hoặc ngâm rượu để xoa bóp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Giảm đau và nhức xương khớp: Dùng 50g rễ ngái Sung, 50g rễ Cỏ xước, 30g dây đau xương, 30g rễ cây si đem sao vàng sau đó sắc thành nước thuốc uống hàng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Chữa triệu chứng phù nề, tích nước: Dùng 20g vỏ ở thân cây ngái, cạo sạch và ngâm 2 tiếng trong nước vo gạo, 20g râu ngô, 15g Mã đề rửa sạch. Tất cả sắc cùng 500ml nước thu được khoảng 150ml. Chia bài thuốc thành 2 phần và dùng vào sáng – tối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Chữa phù thũng: Thu hoạch vỏ cây ngái vào mùa xuân, cạo sạch phần vỏ phía ngoài rồi ngâm trong nước vo gạo khoảng 2 tiếng, sau đó vớt ra và phơi cho khô. Chuẩn bị: 50g vỏ cây thái sợi sao vàng, 30g lá Sung, 30g Mã đề, 1 nhúm nhỏ bồ hóng. Tất cả đều thái nhỏ, sắc với 0,5 lít nước, đun kỹ cho đến khi chỉ còn lại khoảng 100ml. Chia nước thuốc thu được thành 2 phần bằng nhau và uống hết mỗi ngày, kiên trì dùng trong khoảng 5 – 7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Chữa tiêu chảy, đau bụng do ngộ độc thức ăn: Lấy 30g vỏ cây, bóc tách hoặc cạo phần bên ngoài. Để loại bỏ hoàn toàn nhựa từ thân cây bạn nên ngâm trong nước vo gạo một ngày đêm. Các vị thuốc khác gồm 20g rễ cây xương rắn, 20g rễ cây màng tang. Cả 3 vị thuốc chặt nhỏ, đem sao vàng trên chảo nóng rồi sắc thành nước thuốc để uống. Uống thang thuốc trên cho đến khi ngừng tiêu chảy	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	thì dừng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
20	Chữa bí tiểu tiện do nhiệt: Rễ ngái 50g, thổ phục linh 50g, rễ cối xay 30g, Mã đề 20g, Cỏ xước 20g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Trị bệnh viêm phế quản, trị bệnh tim: Lấy 7 đọt Óc chó, 7 lá hẹ phơi sương, sau đó đâm uống			x
22	Trị hở van tim: - Cách 1: Lấy Óc chó kết hợp với hẹ đâm, vắt lấy nước uống - Cách 2: Lấy Óc chó kết hợp với Nhãn lồng, Vông nem, tinh tre, Dây tơ hồng và đường phèn nấu uống. - Cách 3: Lấy 9 ngọn Óc chó đâm nhuyễn, vắt lấy nước. Lấy 1 bó hẹ đâm vắt lấy nước. Nước óc chó và nước hẹ phơi sương đến 12 giờ đêm (phơi riêng từng loại nước), sau đó uống mỗi loại nước cách nhau 30 phút (uống loại nào trước cũng được). - Cách 4: Lấy lá Óc chó (nam 7 lá, nữ 9 lá) đâm, vắt lấy nước, sau đó để nước bên ngoài 1 đêm (phơi sương) rồi uống. - Cách 5: Lấy lá Óc chó (nam 7 lá, nữ 9 lá), 2-3 cọng hẹ, thêm tí muối, sao vàng, phơi sương 12 giờ, sau đó đâm, vắt lấy nước uống, 2 lần uống.			x
23	Trị bệnh hở van tim: lấy 9 ngọn đâm nhuyễn, vắt lấy nước. Lấy 1 bó hẹ đâm vắt lấy nước. Nước óc chó và nước hẹ phơi sương đến 12 giờ đêm sau đó uống mỗi loại nước Cách nhau 30 phút (uống loại nào trước cũng được)			x
24	Trị bệnh tiểu đường: Lấy lá Óc chó (tươi) nấu như nấu trà để uống hàng ngày thay nước			x
25	Trị bệnh tim: Lấy lá Óc chó và tim heo chưng cách thủy, rồi ăn			x
26	Trị bệnh tim, thiếu máu cơ tim: Lấy tim heo, lá Óc chó (nam 7 lá, nữ 9 lá), Lưỡi người chưng ăn. Ăn khoảng 5 trái tim sẽ giảm			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
27	Trị bệnh tim: Lá đâm vắt nước phơi sương 12h đêm , 1 nắm hẹ đâm vắt nước phơi sương 12h đem - rồi uống - Cách 1: Lấy 1 nắm lá tươi đâm thêm ít muối, vắt lược còn 1/2 chén, phơi sương, trưa 12h mới uống. - Cách 2: Đâm lá óc chó với lá hẹ, vắt khoảng 1 ly nhỏ, phơi sương từ 6- 11h tối, uống 2-3 ngày. Uống lần đàn bà 9 lá, đàn ông 7 lá (óc chó). - Cách 3: Lá đâm vắt nước phơi sương 12h đêm , 1 nắm hẹ đâm vắt nước phơi sương 12h đem - rồi uống. - Cách 4: Nắm lá óc chó, nắm lá hẹ, đâm sống vắt lấy nước, uống khoảng 0,5 li uống rượu. - Cách 5: cây óc chó giã đâm với ít muối, vắt lấy nước (2 ngày uống 1 lần), tối phơi sương, uống trước khi ngủ			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Ngái sung là loại cây có chứa độc tố, vậy dùng có an toàn hay không, cần lưu ý gì? Để chữa bệnh bằng các bộ phận của chúng, cần ghi nhớ:

Ngái mọc hoang ngoài tự nhiên và rất giống với sung, vả, vì vậy, cần nhận biết đúng mới dùng hiệu quả, chuẩn xác.

Nhựa của cây ngái chảy ta từ vỏ và quả xanh có thể gây ngộ độc. Nếu ăn vào, dễ bị tiêu chảy, nôn và đau bụng, thậm chí là say. Cho nên, nếu dùng làm thuốc, cần ngâm với nước vo gạo ít nhất 2 giờ, hoặc để 1 đêm cho nhựa chảy hết.

Phụ nữ đang có bầu hoặc nuôi con bú sữa không được dùng các bài thuốc từ cây ngái. Cần cảnh giác trẻ nhỏ không được ăn quả ngái xanh.

Nếu dùng ngái để chữa bệnh cho trẻ nhỏ, ngoài việc loại bỏ độc tố, cần giảm 1 nửa liều lượng so với người lớn.

Nên pha muối loãng để ngâm rửa các bộ phận của ngái trước khi dùng là tốt nhất.

Hiệu quả trị bệnh của cây ngái còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như cơ địa, mức độ bệnh. Khi dùng cách chữa mẹo hoặc bài thuốc Nam, nếu thấy lâu có hiệu quả, nên cân nhắc đổi thuốc.

Chữa bệnh bằng ngái hay bất cứ dược liệu nào khác cần kết hợp với chế độ ăn, sinh hoạt khoa học.

Đừng bỏ qua tầm gửi ngái khi thu hoạch ngoài tự nhiên, đây cũng là một dược liệu rất tốt,

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

367. Ổi *Psidium guajava* L., 1753

Ủi, phan thạch lựu, Kê thỉ quả (vị thuốc), Ổi ta, Ổi cảnh, Kê thỉ quả, Phan nhẫm, Bạt tử, Lãm bạt

Công dụng: Sáp trường, chỉ tả, tiêu thũng giải độc, thu sáp chỉ huyết; quả ổi vị ngọt hơi chua sáp, tính ấm, có công dụng thu liễm, kiện vị cố tràng, chữa tiết tả (đi lỏng), cửu ly (ly mạn tính), viêm dạ dày ruột cấp tính và mạn tính, thấp độc, thấp chẩn, sang thương xuất huyết, tiêu khát (tiểu đường), băng huyết, sát trùng, rửa vết thương, trị tiêu chảy

Tính vị: Ổi có vị ngọt và chát, tính bình. Vỏ ổi cũng có vị chát, lá cũng vậy.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, quả

Thành phần dinh dưỡng	Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, trong 100 g phần ăn được của quả ổi thường chứa các chất như sau: Năng lượng: 36-50 cal năng lượng; hàm lượng nước: 77-86 g; xơ tiêu hóa: 2,8 - 5,5 g; protein: 0,9 - 1,0 g; chất béo: 0,1 - 0,5 g; tro: 0,43 - 0,7 g; carbonhydrat: 9,5 - 10 g; Calcium: 9,1 - 17 mg; phospho: 17,8 - 30 mg; sắt: 0,3 - 0,7 mg; Carotene (vitamin A): 200 - 400 I.U; Axit ascorbic (Vitamin C): 200 - 400 mg; Thiamin (Vitamin B1): 0,046 mg; Riboflavin (Vitamin B2): 0,03 - 0,04 mg; Niacin (Vitamin B3): 0,6 - 1,068 mg (MyFoodData, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014)
Thành phần hóa học	Lá ổi chứa tinh dầu (0,31%) trong đó có dl-limonen. Còn có (-sitosterol, acid maslinic (acid cratagolic), acid guijavalic. Trong lá ổi non và búp non còn có 7-10% tanin pyrogalic, khoảng 3% nhựa. Nhựa cây ổi chứa acid d-galacturonic (72,03%), d-galactose (12,05%) và l-arabinose (4,40%). Cây, quả ổi có pectin, vitamin C; trong hạt có tinh dầu với hàm lượng cao hơn trong lá. Vỏ thân chứa acid ellagic
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Trung Mỹ và vùng phụ cận (Mexico, vùng vịnh Caribbean, Trung và Nam Mỹ).
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc và được người dân trồng trong vườn nhà, ven đường và ven bờ ao để ăn. Một số cây mọc hoang xung quanh vườn nhà của người dân
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 4, Tháng 8 đến 9
Thu hoạch	Thu hái các bộ phận của cây quanh năm và phơi khô
Chế biến	Sau khi thu hái, các bộ phận của cây đem phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Myrtales (Trám (Sim))
    - **Họ:** Myrtaceae (Trám (Sim))
      - **Chi**: Psidium (Ổi)
        - **Loài**: *P. guajava*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây ổi sống lâu năm, có thể lên đến 60-70 năm
Dạng cây	Cây ổi là loài cây tiểu mộc
Chiều cao cây	Cây cao 5- 10m
Đường kính cây	Đường kính thân tối đa 30 cm
Vỏ cây	Vỏ nhẵn, mỏng, khi già bong từng mảng lớn
Thân cây	Thân phân cành nhiều, cao 4-6 m, cao nhất 10 m, đường kính thân tối đa 30 cm. Những giống mới còn nhỏ và lùn hơn nữa. Thân cây chắc, khỏe, ngắn vì phân cành sớm. Thân nhẵn nhụi rất ít bị sâu đục, vỏ già có thể tróc ra từng mảng phía dưới lại có một lượt vỏ mới cũng nhẵn, màu xám, hơi xanh. Cành non 4 cạnh, khi già mới tròn dần . Thân non màu xanh, tiết diện vuông, có 4 cánh uốn lượn màu xanh do cuống lá kéo dài; thân già màu nâu xám, tiết diện tròn, có lớp vỏ mỏng trơn nhẵn bong ra thành từng mảng. Nhiều lông mịn ở thân non, lá và các bộ phận của hoa. Cành non vuông, có nhiều lông mềm, về sau hình trụ và nhẵn
Lá cây	Lá đơn, mọc đối, không có lá kèm. Phiến lá hình bầu dục, gốc thuôn tròn, đầu có lông gai hoặc lõm, dài 11-16 cm, rộng 5-7 m, mặt trên màu xanh đậm hơn mặt dưới. Bìa phiến nguyên, ở lá non có đường viền màu hồng tía kéo dài đến tận cuống lá. Gân lá hình lông chim, gân giữa nổi rõ ở mặt dưới, 14-17 cặp gân phụ. Cuống lá màu xanh, hình trụ dài 1-1,3 cm, có rãnh cạn ở mặt trên
Hoa	Hoa to, lưỡng tính, bầu hạ, mọc từng chùm 2, 3 chiếc, ít khi ở đầu cành mà thường ở nách lá. Hoa mẫu 5, lá bắc là lá thường, lá bắc con dạng vẩy dài 3-4 mm, màu xanh hơi nâu. Cuống hoa dài 1,4-2,6 cm, màu xanh. Đế hoa hình chén dài 0,8-1,2 cm, màu xanh. Đài hoa dính thành ống nguyên, khi hoa nở tách ra thành 4-5 thùy không đều, màu xanh ở mặt ngoài, mặt trong màu trắng, tiền khai van. Cánh hoa 5, gần đều, rời, màu trắng mỏng, dễ rụng khi hoa nở, phiến hình bầu dục khum ở đỉnh, dài 1,4-1,6 cm, rộng 0,6-0,8 cm, mặt ngoài có nhiều lông mịn, có 3-5 gân, móng nhỏ cong có lông mịn màu vàng, tiền khai năm điểm. Bộ nhị: nhiều rời, không đều, đính thành nhiều vòng trên đế hoa; chỉ nhị dạng sợi dẹt màu trắng, gốc màu vàng nhạt, dài 7-14 mm, có lông; bao phấn màu vàng 2 ô, nứt dọc hướng trong, đính đáy; hạt phấn rời, nhỏ, hình tam giác tù ở đầu dài 17-20 µm, màu vàng nâu có 3 lỗ. Lá noãn 5, dính, bầu dưới 5 ô, mỗi ô nhiều noãn, đính noãn trung trụ. Vòi nhụy 1, dạng sợi màu trắng hơi phình ở gốc, có nhiều lông mịn, dài 1-1,2 cm. Đầu nhụy 1, màu xanh dạng đĩa.

	Hoa thụ phấn chéo dễ dàng nhưng cũng có thể tự thụ phấn. .
Quả/trái	Quả hình tròn, hình trứng hay hình quả lê, dài 3-10 cm tùy theo giống. Vỏ
Hạt	Hạt nhiều, màu vàng nâu hình đa giác, có vỏ cứng và nằm trong khối thịt quả màu trắng, hồng, đỏ vàng. Từ khi thụ phấn đến khi quả chín khoảng 100 ngày

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vết thương do chấn thương hoặc trùng, thú cắn: Búp ổi non nhai nát, đắp vào vết thương (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
2	Chữa vết loét lâu lành ở chân, tay: Búp ổi, lá ổi non khoảng 100g, sắc đặc, ngâm tay hoặc chân bị loét vào nước sắc lúc thuốc còn ấm. Mỗi ngày ngâm khoảng 2 hoặc 3 lần (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
3	Chữa đau răng hoặc vết lở ở miệng: Có thể dùng một trong 3 cách: (1) Nhai hoặc giã nát búp ổi non xát nhẹ vào nướu hoặc vào chỗ lở. (2) Thêm một chút nước ấm và một tí muối vào khoảng 7 búp ổi non. Giã nát. Dùng một que tăm có bông gòn ở đầu thấm vào nước thuốc đã giã ra để lăn hoặc chà nhẹ vào nướu hoặc chổ lở. (3) Lá ổi non khoảng 100g, sắc đặc. Dùng nước sắc để súc miệng và ngậm vài phút trước khi nhả ra (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
4	Chữa ho, sốt, viêm họng: Lá ổi non 20g đến 40g phơi khô, sắc uống (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
5	Chữa tiêu chảy: Búp ổi 20g, Vỏ măng cụt 20g, Gừng nướng 10g, Gạo rang 20g Sắc uống (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
6	Chữa tiểu đường loại 2: Phần vỏ của quả ổi có nhiều chất xơ, sinh tố C và những chất chống oxy hoá có tác dụng kháng viêm và ổn định đường huyết rất tốt cho các bệnh nhân bệnh tiểu đường loại 2. Không ăn phần ruột có nhiều hạt và chỉ số đường cao. Liều dùng trung bình 150g mỗi ngày. Người già có thể xắt nhỏ, xay và ép lấy nước uống. Tuy nhiên, nước ép sẽ mất bớt đi sinh tố và chất xơ (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x	x	
7	Chữa tiểu đường loại 2: Quả ổi 250g, rửa sạch, thái miếng, dùng máy ép lấy nước, chia uống 2 lần hằng ngày; mỗi ngày ăn vài quả ổi (chừng 200g); hoặc lá ổi khô 15-30g, sắc uống hằng ngày (Như Ý, 2021).	x	x	
8	Chữa băng huyết: Quả ổi sao khô, đốt tồn tính, tán bột. Mỗi ngày dùng 2 lần, mỗi lần khoảng 8g (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Thoát giang (sa trực tràng): Lá ổi tươi lượng vừa đủ sắc kỹ lấy nước ngâm rửa hậu môn. Có thể kết hợp dùng quả ổi khô sắc uống (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
10	Trị đau bắp chuối: Rễ cây ổi, gừng tươi, đường phèn lượng vừa đủ, tất cả giã nát rồi đắp vào nơi bị bệnh (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
11	Trị bầm tím do ngã (không có trầy xước da): Dùng lá ổi tươi rửa sạch, giã nát đắp vào vùng da bị bầm tím. Làm nhiều lần trong ngày (Bình An, 2014).	x		
12	Trị rôm Sả y, mẩn ngứa: Dùng một nắm lá ổi nấu nước tắm hàng ngày đến khi khỏi (Bình An, 2014).	x		
13	Chữa ho, sốt, viêm họng: Lá ổi non 20g đến 40g phơi khô, sắc uống (Bình An, 2014).	x		
14	Chữa vết loét lâu lành ở chân, tay: Búp ổi, lá ổi non khoảng 100g, sắc đặc, ngâm tay hoặc chân bị loét vào nước sắc lúc thuốc còn ấm. Mỗi ngày ngâm khoảng 2 hoặc 3 lần (Bình An, 2014)..	x		
15	Trị ỉa chảy: Lá ổi vừa non, vừa già, dùng một nắm độ 50g đem sắc với hai bát nước. Sắc như sắc thuốc, đun nhỏ lửa sôi từ từ trong 15-30 phút. Sau đó để nước âm ấm, chiết lấy nước uống làm nhiều lần, mỗi lần một chén nhỏ. Có thể thêm đường (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
16	Giảm đau nhức răng do sâu răng, chắc nướu, khỏe lợi: Lấy lá ổi, giã nát rồi ngậm vài phút trong miệng cũng giảm đau răng (Như Ý, 2021).	x		
17	Chữa tiêu chảy: Búp ổi 20g, Vỏ măng cụt 20g, Gừng nướng 10g, Gạo rang 20g Sắc uống (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		
18	Chữa tiêu chảy: Lá ổi, lá sim, lá vối và hoắc hương lượng bằng nhau, sắc hoặc hãm uống (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
19	Chống dịch tiêu chảy cấp: Búp ổi 200g, Vỏ cây Sung 500g, Vỏ quít 20g, Gừng già 100g, Hạt cau già 10g, Nhục đậu khấu 150g. Các vị thuốc xắt nhỏ, phơi khô, tán bột, phân vào những gói nhỏ, mỗi gói 6g. Người lớn dùng mỗi ngày 3 lần, mỗi lần một gói (ysiyhoccotruyen.com).	x		
20	Chữa viêm dạ dày, ruột cấp và mạn tính: Lá ổi non, sấy khô, tán bột, uống mỗi lần 6g, mỗi ngày 2 lần. Hoặc lá ổi 1 nắm, gừng tươi 6-9g, muối ăn một ít, tất cả vò nát, sao chín rồi sắc uống. Hoặc quả ổi, xích địa lợi và quỷ châm thảo, mỗi thứ từ 9-15g, sắc uống (Võ Hà, nd trích dẫn của Hồ Đình Hải, 2014).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Chữa cửu lỵ: Quả ổi khô 2-3 quả, thái phiến, sắc uống; hoặc lá ổi tươi 30-60g sắc uống. Với lỵ trực khuẩn cấp và mạn tính dùng lá ổi 30g, phượng vĩ thảo 30g, cam thảo 3g, sắc với 1.000ml nước, cô lại còn 500ml, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 50ml (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
22	Trẻ em tiêu hóa không tốt: Lá ổi 30g, hồng căn thảo (tây thảo) 30g, hồng trà 10-12g, gạo tẻ sao thơm 15-30g, sắc với 1.000ml nước, cô lại còn 500ml, cho thêm một chút đường trắng và muối ăn. Uống mỗi ngày: trẻ từ 1-6 tháng tuổi 250ml, 1 tuổi trở lên 500ml, chia uống vài lần trong ngày (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
23	Chữa mụn nhọt mới phát: Lá ổi non và lá đào lượng vừa đủ, tất cả giã nát rồi đắp lên vùng tổn thương (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
24	Chữa rối loạn tiêu hoá: Lấy bắc mộc hương 2-4g, gừng khô, lá ổi sao khô sắc lấy nước uống đến khi khỏi bệnh. Nếu đầy bụng cho thêm vỏ quýt khô. Nếu đau bụng cho thêm gừng khô (Sức khỏe gia đình, 2016).	x		
25	Chữa rối loạn tiêu hoá: Thảo quả, sa nhân mỗi loại 2-4g, lá ổi hoặc vỏ giộp cây ổi sao khô sắc lấy nước uống. Nếu đầy bụng cho thêm vỏ quýt khô. Nếu đau bụng cho thêm gừng khô (Sức khỏe gia đình, 2016).	x		
26	Trị tiêu chảy do lạnh: Dùng búp ổi sao 12g, gừng tươi 8g nướng cháy vỏ, hai thứ sắc cùng 500ml nước, cô còn 200ml, chia uống 2 lần trong ngày. Uống 3 - 5 ngày (Bình An, 2014)	x		
27	Trị tiêu chảy do nóng: Dùng vỏ dộp ổi 20g sao vàng, lá chè tươi 15g sao vàng, nụ sim 10g, trần bì 10g, củ sắn dây 10g sao vàng, tất cả tán bột, người lớn mỗi lần uống 10g, trẻ em uống bằng nửa liều người lớn (Bình An, 2014).	x		
28	Tiêu chảy do công năng tỳ vị hư yếu: Dùng lá hoặc búp ổi non 20g, gừng tươi nướng cháy 10g, ngải cứu khô 40g, sắc cùng 3 bát nước, cô còn 1 bát, chia uống vài lần trong ngày. Dùng đến khi khỏi (Bình An, 2014).	x		
29	Giảm đau nhức răng do sâu răng: Vỏ rễ cây ổi sắc với một ít dấm chua, ngậm nhiều lần trong ngày (Bình An, 2014).	x	x	
30	Trị mụn nhọt mới phát: Lá ổi non và lá đào lượng vừa đủ, rửa sạch, giã nát rồi đắp. Làm nhiều lần trong ngày (Bình An, 2014).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
31	Giảm đau nhức răng do sâu răng, chắc nướu, khỏe lợi: Quả ổi xanh đập dập ngâm vào rượu rồi ngậm trong miệng khoảng 5 phút có thể giảm đau răng, chắc răng, khỏe lợi. Cây ổi tương tự lá sim, có thể thay thế lá ổi bằng lá sim trong các bài thuốc trên. Không dùng bài thuốc này cho người bị táo bón, bệnh trĩ đi ngoài ra máu (Sức khỏe gia đình, 2016).	x		
32	Chữa bệnh zona: Dùng lá búp ổi non 100g rửa sạch, phèn chua 10g, muối 1g, cho tất cả vào cối giã nhỏ, thêm ít nước. Dùng nước thuốc này để bôi. Có thể cho thêm 5-6g bột sunfamit càng tốt (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
33	Chữa viêm dạ dày ruột cấp: Lá ổi 30g thái nhỏ và rang với một nhúm gạo, thêm nước đun sôi uống, ngày hai lần (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
34	Giải cảm: Lấy lá Sả , lá Ổi, lá Bạch đàn vào 0,5 lít nước, nấu sôi, nhắc xuống, chùm mền lại xông khoảng 30 (đến khi hết hơi nóng), xông khoảng 2 lần/ngày.			x
35	Giải cảm: Lấy lá ổi, lá Sả , lá chanh, thêm vài giọt dầu gió đem nấu nóng rồi xông.			x
36	Trị tiêu chảy: - Cách 1: Lấy lá Ổi và ít muối, nhai, nuốt nước hoặc đâm rồi vắt lấy nước uống - Cách 2: Lấy 5-10 đọt Ổi đâm với muối, vắt lấy nước uống, uống 2-3 lần. - Cách 3: Lấy 5-6 lá Ổi non và vài hạt muối hột đâm nát, vắt lấy nước (khoảng 0,5 ly uống trà), uống. Uống 2-3 lần/ngày. - Cách 4: Lấy bông Ổi (nữ 9 bông, nam 7 bông) thên ít muối, đâm vắt lấy nước uống.			x
37	Trị bệnh dạ dày: Lá Ổi tươi đâm, vắt lấy nước, thêm chút mật ong để uống			x
38	Trị đau bụng, táo bón: Lấy đọt Ổi và ít muối, đâm rồi vắt nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
39	Trị bệnh tiểu đường: - Cách 1: Lấy 20 lá ổi, 20 lá đào nấu nước uống - Cách 2: Lấy 1 nắm đọt ổi và 1 nắm dọt Xoài, nấu nước uống - Cách 3: Lấy lá Ổi, lá Đào lộn hột phơi khô, nấu nước uống. - Cách 4: Lấy lá ổi, lá sen phơi khô, nấu nước uống (như nấu trà). Uống hằng ngày. - Cách 5: Lấy 20 lá Ổi, 2 tay Đu đủ, 7 lá Xạ đen và 1 lít nước, nấu uống. - Cách 6: Lấy 1 nắm lá Ổi và 1 năm lá Xoài, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
40	Trị bệnh ung thư: Lấy 200g đọt Ổi nấu nước uống hàng ngày			x
41	Trị cao huyết áp: Lấy lá Ổi già (nam 7 lá, nữ 9 lá) nấu nước uống hàng ngày			x
42	Trị ngứa: Lấy lá ổi nấu nước tắm			x
43	Trị xương khớp, dạ dày, tiểu đường: Lấy 10 lá Ổi (vừa, không quá già và không quá non) và 1 lít nước nấu uống (bỏ xác trước khi uống)			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Không dùng ổi cho những người đang bị táo bón. Ruột ổi có thể làm nhuận trường nhưng chất chát trong lá ổi và vỏ ổi có thể gây táo bón

Lượng vitamin C trong ổi lại tập trung chủ yếu ở phần gần lớp vỏ. Vì vậy, bạn nên rửa thật sạch ổi và ăn cả vỏ để có thể tận dụng được hết lượng vitamin có trong ổi.

Không nên ăn ổi non vì còn nhiều vị chát, rất có hại cho những ai bị bệnh dạ dày hoặc táo bón. Khi ăn ổi chín, bạn cũng nên bỏ hạt ổi vì hạt ổi khó tiêu, gây trở ngại cho hệ tiêu hóa.

Những người bị suy nhược cơ thể nên sử dụng ổi dưới dạng xay nhuyễn hoặc ép thành nước thì sẽ hấp thụ được tốt hơn.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

368. Ớt hiểm — *Capsicum annuum* L., 1753

Ớt chỉ thiên, Ớt thóc, Ớt mắt chim

Công dụng: Trị ăn uống không tiêu, đau bụng do cảm mạo phong thấp, tử cung xuất huyết, nẻ da, giảm chứng viêm khớp, bệnh thấp khớp, khó tiêu, đầy hơi và đau răng

Tính vị: Quả ớt có vị cay, tính nóng;

Lá ớt có vị đắng, tính mát

Cành ớt có vị tân nhiệt (cay nóng)

Quy kinh: tâm, tỳ

Bộ phận dùng: Quả, rễ, thân, cành

Thành phần hóa học	Trong ớt có nước, gluxit, protid, chất vô cơ. Ngoài ra có chất capsaithin – chất màu có tinh tể thuộc loại caroten, có công thức C35H5O3 , ở trong cây dưới dạng este với các acid myristic, panmitic, oleic. Bên cạnh đó, ớt còn chứa chất gây cay là Capsaicine, chiếm tỷ lệ 0,2% có khi cao tới 1%.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc Bắc Mỹ Latinh, México, Trung Mỹ và Nam M
Phân bố ở Cà Mau	Cây có thể dễ dàng tìm thấy khắp nơi trên địa bành tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng chủ yếu trong vườn nhà, ven sông/vuông và cả ven đường đi. Cây cũng được trồng tại các vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hoặc khô (sau khi thu hoạch ớt, rửa sạch, phơi khô)
Bảo quản	Bảo quản ớt tươi: Ớt tươi sau khi thu hoạch, rửa sạch ớt để ráo, để nơi thoát mát, tránh ẩm móc có thể đông lạnh. Bảo quản ớt khô: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Solanaceae (Cà)

→ **Chi**: Capsicum (Ớt)

→ **Loài**: *C. annuum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây bụi thấp
Chiều cao cây	Cây cao từ 30 cm - 1m
Thân cây	Cây có nhiều cành, nhẵn.
Quả/trái	Quả mọng của cây thường mọc thẳng; hình elip, hình nón đến hình mũi
Mùi hương	Toàn thân cây đều toát ra mùi hăng cay

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sốt rét: Dùng hạt ớt, mỗi buổi dùng 1 hạt, tối đa 20 hạt: ngày uống 2 lần, chiêu bằng nước sôi; liên tục từ 3-5 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Chữa rắn rết cắn: Lá ớt giã nhỏ, đắp vào vết thương cho đến khi hết đau nhức thì bỏ đi. Ngày đắp 1-2 lần cho đến khi hết đau. Thường chỉ 15-30 phút thì hết đau (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
3	Chữa viêm tấy mô liên kết (phlegmona), dẫn đến loét: Cho ớt vào chảo sao khô, nghiền mịn, rắc vào vết thương, ngày 1 lần (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
4	Chữa tổn thương do lạnh giá (đông sang): Dùng ớt sắc lấy nước rửa, hoặc nấu trong dầu thực vật (thành "dầu ớt"), bôi vào chỗ da bị bệnh (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa cá trê đâm: Dùng quả ớt chín, bẻ ra, rồi xát (chất cay) vào vết bị cá đâm, sẽ thấy giảm đau ngay (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
6	Chữa mụn nhọt: Lá ớt giã nát với ít muối, dùng đắp vào nhọt đang mưng mủ sẽ bớt đau nhức, dễ vỡ mủ, mau lành (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Chữa khản cổ: Dùng ớt làm thuốc súc miệng (dưới dạng cồn thuốc) (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Chữa chân tay bải hoải, gần như liệt: Rễ ớt 2 cái, chân gà 15 đôi (cắt từ trên đầu gối), lạc nhân 60g, hồng táo (táo tàu) 6 trái; nấu với nửa nước nửa rượu, chia ra ăn hết trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa đau thắt ngực: Ớt trái 2 quả, đan sâm 20g, Nghệ đen 20g. Sắc uống ngày 1 tháng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Chữa bệnh vẩy nến: Lá ớt cay 1 nắm to (1 nắm chặt tay và đem sao chín nhưng không cháy), tinh tre đẳng ngà cạo lấy 1 bát, lá sống đời (lá thuốc bỏng) 7-9 lá, thiên niên kiện khoảng 300g. Tất cả cho vào nồi với 2 lít nước, đun sôi kỹ, uống dần thay nước chè, uống chừng 3 ấm là khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Chữa đau bụng kinh niên: Rễ cây ớt, rễ chanh, rễ hoàng	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lực, mỗi thứ khoảng 10g. Sao vàng, sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd)			
12	Chữa đau lưng, đau khớp: Ớt chín 15 quả, lá Đu đủ 3 cái, rễ chỉ thiên 80g. Tất cả đem giã nhỏ ngâm cồn với tỷ lệ 1/2, dùng để xoa bóp sẽ mau khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Chữa đau dạ dày do lạnh: Ớt trái 1-2 quả, Nghệ vàng 20g, tán bột uống ngày 2-3 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chữa khớp xương đau nhức, chữa rụng tóc: Chữa bằng rượu ớt, Cách làm rượu ớt: Dùng ớt 12g, ngâm trong 500ml rượu; sau nửa tháng có thể sử dụng. Thường dùng để chữa trị: - Chữa khớp xương đau nhức do nhiễm lạnh hoặc đòn ngã tổn thương: Mỗi lần uống 15ml, hoặc lúc đầu uống 5ml, sau tăng dần lên 15ml, ngày uống 2 lần. - Chữa rụng tóc: Ngày dùng bông thấm rượu ớt, bôi lên chỗ tóc rụng vài lần; có tác dụng kích thích cục bộ, xúc tiến tóc mọc (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa ỉa chảy ra toàn nước do bệnh lỵ: Sáng sớm, lấy 1 trái ớt, bọc vào váng đậu phụ (đậu hủ bì, đậu hủ y) và nuốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Trị bệnh sốt: Lấy 1 nắm thân cây Ớt hiểm (tươi hoặc khô) nấu nước uống, Uống 2 -3 lần.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

369. Ớt sừng trâu — *Capsicum baccatum* L., 1767

Ớt sừng trâu, Lạc tiêu, Phiên tiêu, Mạy phết (Tày), Mác phết, Tàm phân chiu (Dao), Mré (Kho)

Công dụng: Giúp sự tiêu hoá, làm ăn ngon chóng tiêu

Dùng ngoài, ớt làm ột vị thuốc gây đỏ, kích thích tại chỗ

Tính vị: Có loại rất cay, có loại ít cay, tuỳ theo nhiều điều kiện. ớt sừng đỏ lại không cay, mà thay vào đó là vị ngọt thanh, hơi hăng nếu ăn sống vì thế chúng được gọi là giống ớt ngọt.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, rễ, quả

Thành phần dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trong ớt sừng đỏ bao gồm năng lượng, chất béo, nhiều natri và kali. Ngoài ra, chúng cũng có các chất xơ cực tốt, nhiều giấm, là nguồn bổ sung vitamin A, vitamin C. Hơn nữa, trong ớt sừng đỏ cũng chứa một lượng canxi, sắt , vitamin B6, Magie, dù không nhiều nhưng cũng đạt tiêu chuẩn mà cơ thể cần.

Thành phần hóa học	Trong ớt có những chất chủ yếu sau: Capsicain C18H27NO3 là một ancaloit chừng 0,05-2% phần lớn tập trung ở biểu bì của giá noãn (placenta), khi tán bột giá noãn, nhỏ nước lên rồi soi kính sẽ thấy các tin hthể hình vuông của capsicain. Độ chảy của capsicain là 65°C, khi nhiệt độ hơi cao thì bốc hơi và kích ứng rất mạnh gây hắt hơi rất khó chịu. cấu tạo hoá học của nó đã được xác định là axit isodexenic vanilylamit. Tính chất cay này gặp kềim không bị mất đi như chất cay của hồ tiêu. Nhưng nếu bị oxy hoá bởi kali bicromat, hoặc kali pecmanganat thì tính chất cay sẽ bị mất đi Trong đó tính chất cay do gốc –CO-NH-CH-CH2. Chất này với nồng độ 1/100.000 vẫn còn cay. Một ancaloit nữa không có vị cay ở dạng lỏng Chất capsixin là hoạt chất gây đỏ nóng, trạng thái dầu lỏng, xuất hiện khi quả chin. Cấu tạo hoá học chưa xác định được. tỷ lệ từ 0,01% ở những ớt thường đến 0,1% ở những ớt paprika Vitamin C tỷ lệ khoảng chừng 0,8-1% trong ớt của ta (Viêt nam môn dược liệu 1957). Có những tác giả nghêin cứu ớt ở Châu phi, Hungari, thấy lượng vitamin C lên tới 1,17%; 2,66%; 4,98% Ngoài ra trong ớt còn có chất khác như capsanthin chất màu có tinh thể thuộc loại carotene, vitamin B1, B2, axit malic, axit xitric
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước Châu Mỹ
Phân bố ở Cà	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành

Mau	chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng trong vườn nhà, ven mương, ven đường, ven sông để làm thuốc và thực phẩm
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Chủ yếu hái quả dùng tươi hay phơi hoặc sấy khô. Lá thường dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Solanaceae (Cà)

→ **Chi**: Capsicum (Ớt)

→ **Loài**: *C. baccatum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao 35-65 cm, có giống cao 125-135 cm.
Rễ cây	Ớt có rễ trụ, nhưng khi cấy rễ phân nhánh mạnh và cây phát triển thành rễ chùm, phân bố trong vùng đất cày là chính.
Thân cây	Thân phía dưới hoá gỗ ở những nước nhiệt đới.. Cây có rất nhiều cành, nhẵn.
Lá cây	Lá mọc so le, hình thuôn dài, đầu nhọn, phía cuống cũng thuôn hẹp, có cuống, phiến lá dài 2-4cm, rộng 1,5-2cm.
Hoa	. Lưỡng phái, mọc đơn hoặc thành chùm 2-3 hoa. Hoa nhỏ, dài, hoa màu xanh có hình chén, lá đài nhỏ, hẹp và nhọn. Tràng hoa có 6-7 cánh màu trắng hoặc tím. Số nhị đực bằng số cánh hoa và mọc quanh nhụy cái. Phần trong cánh hoa có lỗ tiết mật. Hoa ớt có thể tự thụ phấn hay thụ phấn chéo do côn trùng vì ớt thuộc loại tiền thư, thụ phấn chéo có ý nghĩa lớn ở ớt cay, tỷ lệ thụ phấn chéo từ 10-40 % tùy giống, do đó cần chú ý trong công tác để giống và giữ giống thuần.
Quả/trái	Qủa mọc rủ xuống hay quay lên trời (chỉ thiên), hình dáng thay đổi, khi thì tròn, khi thì dài, đầu nhọn, màu vàng hay đỏ. Trái: Trái có 2-4 thùy, dạng trái rất thay đổi từ hình cầu đến hình nón, bề mặt trái có thể phẳng, gợn sóng, có khía hay nhẵn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau do phong thấp, đau lưng, khớp: Ngày dùng 0,05g ớt sừng trâu, chia làm nhiều lần uống. dùng ngoài không có liều lượng.	x		
2	Trị nhứt: Giã nhỏ ớt sừng trâu, đắp vào nơi bị thương. Hết đau nhức thì bỏ đi. Ngày làm 1-2 lần cho đến khi hết đau. Thường 15-30 phút hết đau, 2-3 giờ là khỏi hẳn.	x		
3	Chữa côn trùng đốt: Lấy một nắm lá ớt tươi rửa sạch rồi giã nát lá ớt sau đó đắp vào vết côn trùng cắn.	x		
4	Chữa sốt rét: Chuẩn bị: Lấy hạt ớt, căn cứ số tuổi để đếm số hạt tức là cứ thêm 1 tuổi là dùng 1 hạt. Tối đa dùng 20 hạt. Hãm hạt ớt trong một cốc nước sôi, để nguội vừa rồi uống 2 lần/ngày.	x		
5	Chữa khản cổ: Lấy 2-3 quả ớt tươi, thái nhỏ ớt rồi ngâm nước đun sôi để nguội, thêm một chút muối rồi dùng làm nước súc miệng hàng ngày.	x		
6	Trị các bệnh đau nhức, sưng chân do bong gân: Ăn sống hoặc kết hợp ớt sừng đỏ trong các món ăn, cũng có thể ngâm chúng với rượu như một loại thuốc bôi bên ngoài da	x		
7	Chữa đau bụng kinh niên: Chuẩn bị: Rễ cây ớt, rễ cây chanh và rễ xuyên tiêu mỗi loại 10g. Sao vàng tất cả các thành phần kể trên rồi sắc uống hết trong ngày.	x		
8	Chữa eczema: Chuẩn bị: Lá ớt tươi (30g), me chua (20g). Rửa sạch lá ớt, cạo vỏ me chua rồi giã nát cả hai đắp vào vùng da bị tổn thương. Thực hiện liên tục trong 3-5 ngày.	x		
9	Chữa mụn nhọt: Chuẩn bị: Lá ớt, lá tử vi, lá Bồ công anh, lá na và lá táo mỗi thứ 10-20g. Rửa sạch các loại lá kể trên, giã nhuyễn, thêm một ít muối rồi đắp vào chỗ mọc mụn.	x		
10	Chữa đau dạ dày do lạnh: Chuẩn bị: 1-2 quả ớt, 20g Nghệ vàng. Phơi khô ớt tươi rồi nghiền nát cùng Nghệ vàng. Mỗi ngày uống 2-3 lần, mỗi lần nửa thìa cà phê.	x		
11	Chữa khớp xương đau nhức: Chuẩn bị: Ớt (12g), rượu (500ml). Ớt rửa sạch rồi ngâm với rượu trong hũ kín. Ngâm ít nhất khoảng nửa tháng mới đem ra sử dụng. Uống rượu ớt mỗi ngày tăng dần từ 5ml lên 15ml. Ngoài ra rượu ớt còn chữa chứng rụng tóc bằng cách lấy bông sạch thấm rượu ớt rồi bôi lên vùng tóc rụng.	x		
12	Trị mụn nhọt, viêm đường tiết niệu: Chuẩn bị: Lá ớt (1 bó) và cá trê hoặc cá chép (200-400g). Sau khi làm sạch cá thì đem nấu canh với lá ớt, thêm gia vị cho vừa ăn.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa đau lưng: Chuẩn bị: 15 quả ớt chín, 3 cái lá Đu đủ và 80g rễ chỉ thiên. Đem giã nhỏ tất cả các thành phần kể trên rồi ngâm với cồn với tỷ lệ 1:2. Khoảng 3-5 ngày thì có thể sử dụng. Lấy nước cốt để xoa bóp lên vùng đau nhức.	x		
14	Chữa bệnh vảy nến: Chuẩn bị: Lá ớt cay (một nắm to), tinh tre đăng ngà (một bát con), lá sống đời (7-9 lá) và thiên niên kiện (300g). Lá ớt đem sao chín nhưng không để cháy xém. Cho lá ớt đã sao cùng các thành phần khác đun sôi cùng 2 lít nước. Uống thay nước hàng ngày.	x		
15	Chữa đau thắt ngực: Chuẩn bị: Ớt (2 quả), đan sâm và Nghệ đen mỗi thứ 20g. Sắc các vị trên rồi chắt lấy nước cốt uống mỗi ngày.	x		
17	Trị chân tay bủn rủn: Chuẩn bị: Rễ cây ớt (2 cái), chân gà (15 đôi), lạc nhân (60g) và hồng táo (6 quả). Nấu các thành phần kể trên với nước, cho thêm một chút rượu trắng rồi chia thành 3 lần ăn hết trong ngày.	x		
18	Trị đau đầu, chóng mặt, buồn nôn: Chuẩn bị: Ớt xanh (60g), thịt lợn ba chỉ (80-100g) và mướp đắng (60g). Sau khi rửa sạch thì thái lát ớt, thịt lợn và mướp đắng. Xào lửa to, nêm nếm gia vị cho vừa và ăn nóng món ăn này.	x		
19	Trị chứng ù tai, tăng huyết áp: Chuẩn bị: Ớt đỏ (10-20g), thịt bò (300-400g), cần tây (120g), gừng tươi (5g) và trứng gà (1 quả). Sơ chế các nguyên liệu cho phù hợp. Sau đó xào thịt, cần tây, ớt khi nào chín thì cho thêm gừng và trứng cùng chút gia vị.	x		
20	Trị phong thấp, khớp sưng đau: Chuẩn bị: Rễ ớt (60g) và thịt dê (100-150g). Thái mỏng thịt dê, rửa sạch rễ ớt rồi cắt thành từng đoạn vừa ăn. Hầm chín hai thành phần này rồi cho thêm chút muối. Chia làm 2 lần ăn trong ngày.	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Để điều trị bệnh, hãy mua ớt tươi thay vì ớt bột vì ớt bột đã qua bào chế, có thể chứa nhiều loại gia vị và tạp chất khác nhau.

Nếu sử dụng quả ớt trong các bài thuốc hay trong ăn uống hàng ngày, cần lưu ý phải rửa sạch trước khi chế biến để loại bỏ hoàn toàn bụi, bẩn hay lượng thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật còn dư thừa.

Ớt có thể gây bỏng rát cho da, gây ra kích ứng mạnh nếu tiếp xúc vào vùng mắt, mũi và cổ họng do đó cần thận trọng khi sử dụng. Tốt nhất là nên đi bao tay và đeo khẩu trang trong quá trình cắt ớt. Tuyệt đối không sờ tay lên mắt trong khi chế biến ớt.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

370. Phượng — *Delonix regia* (Boj. ex Hook.) Raf.

Phượng vỹ, Xoan tây, Điệp tây

Công dụng: Vỏ cây được dùng sắc nước uống trị sốt rét gián cách, chữa tê thấp, đầy bụng

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: kinh bàng quang

Bộ phận dùng: Vỏ, lá

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Madagasca

Phân bố ở Cà Mau: Cây phân bố khắp nơi trên địa bành tỉnh Cà Mau

Thành phần hóa học:	Vỏ chứa ß-sitostérol, saponines, alcaloïdes, carotène, phytotoxines hydrocarbures và những flavonoïdes. Hoa chứa caroténoïdes, tanins, saponines, flaonoids, stéroïdes, alcaloïdes và ß-sitostérol. Lá chứa lupéol và ß-sitostérol.Vỏ và thân chứa 4 triterpènes: lupéol, epilupeol, ß-sitostérol, stigmastérol và một hợp chất mùi thơm p-méthoxybenzaldéhyde
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng ở vườn nhà, ven đường và ven sông, ngoài ra, cây cũng được trồng ở một vài vườn thuốc nam của tỉnh.
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 6, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Thu hái vỏ và lá cây quanh năm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Fabales (Đậu)

Họ: Fabaceae (Đậu)

Chi: Delonix (Phượng vĩ)

Loài: *D. regia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm

Dạng cây	Cây gỗ (đại mộc)
Chiều cao cây	Cây cao 10-12m
Đường kính cây	Đường kính cây từ 40-50 cm
Thân cây	Thân chia nhiều nhánh rộng, hợp thành một tán cây có hình dạng như chiếc dù nhìn từ xa khi trổ hoa đỏ trông rất đẹp. Cành nằm ngang
Lá cây	Lá to, kép hai lần lông chim, lớn với 2 lần kép, thứ diệp 20 – 40 cập, mang 10 đến 20 tam diệp, phiến tam diệp nhỏ không lông, chung quanh cuống lá, dài khoảng 30 đến 50 cm dài, xếp trên một mặt phẳng, phiến lá chét hình thuôn 18 đến 30 cặp, dài khoảng 1,5 cm dài, nhìn chung thì một lá Phượng tổng cộng có khoảng 800 đến 2400 lá chét, có lá bẹ chung quanh cuống lá, 3 – 6 lá chét. Lá rụng vào mùa khô và xuất hiện vào mùa mưa
Hoa	Cụm hoa lớn, dài 20-50 cm, mang hoa xếp thưa, xòe rộng. Cụm hoa gần các đầu cành, có màu đỏ tơi bao phủ khắp cây vào những tháng mùa hè.. Hoa mọc thành ngù thưa. Đài 5, hình van. Tràng 5, phiến gần tròn, móng dài bằng phiến. Nhị 10, bầu có cuống, vòi hình sợi. Phát hoa tản phòng, sặc sở, to, khoảng 12 cm đường kính, màu đỏ hay vàng, cánh hoa có cọng, tiểu nhụy 10, chỉ cao 4 cm rời nhau, thòng ra ngoài phất phơ như cái đuôi, 4 cánh hoa màu đỏ mỏng, cánh hoa thứ 5, đứng thẳng, dày, màu cam nhạt có đốm vân trắng hoặc vàng gọi là cờ, có vị chua chua ăn được, trẻ em Viện Nam thường ăn vào mùa hoa phượng nở, tất cả 5 cánh đều có dạng hình muỗng, bìa phiến gợn sóng, trẻ em Việt Nam thường ăn khi mùa Phượng nở rộ. .
Quả/trái	Quả có hai mảnh vỏ hoá gỗ. Trái, rất to, dẹp, cứng, dài 20 đến 60 cm, rộng 4 đến 5 cm. Trái phóng thích hạt vào mùa thu nhưng vẫn ở trên cành đến mùa đông
Hạt	Hạt dài và hẹp, có vân nâu, rất cứng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sốt rét gián cách: Lấy vỏ cây phượng sắc nước uống (Dieutri.vn)	x		
2	Giảm căng thẳng cho cơ bắp cũng như hệ thần kinh: Lấy 20 – 30g rễ hoặc vỏ phượng vĩ khô, đã được sơ chế sạch sẽ. Rửa sạch rễ hoặc vỏ phượng vĩ, để ráo. Cho vào nồi, đổ 1 lít nước lọc vào, sau đó bắc lên bếp đun sôi, đun tới khi cạn còn khoảng 500ml nước thì tắt bếp, chia nước uống 3 – 4 lần trong ngày (Dieutri.vn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

371. Quách — *Limonia acidissima* Groff, 1924

Cần thăng, Bằng thăng

Công dụng: Chữa ho, đau mắt đỏ (Lá). Rối loạn chức năng gan, mật (Vỏ). Dịch quả kích thích ăn ngon, giúp tiêu hóa tốt, chữa mụn nhọt ở miệng, làm chắc răng lợi.

Tính vị: Quả, vỏ Quách có vị đắng, hôi; lá có mùi thơm, tính mát, khống độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Quả, vỏ thân, gai và lá.

Thành phần hóa học	Trong 100g phần thịt quả ăn được thì có chứa 74g nước, 8g protid, 1,5g lipid, 7,5g carbonhydrat và 5g tro. Với thịt quả phơi khô thì có chứa 15% acid citric, một lượng nhỏ K, Ca và muối Fe. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, toàn bộ cây quách đều dùng được và đặc biệt là quả chín có giá trị dinh dưỡng cao. Thịt trái quách chứa nước, đường, đạm, chất xơ, chất béo. Các khoáng chất vi lượng (Ca, P, K, Fe) và vitamin thiết yếu (A, B1, B2, C). Ngoài ra thịt trái quách còn chứa nhiều hoạt chất có giá trị như tanin, flavanoid và coumarin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Việt Nam, Ấn Độ, Srilanca, Đông Dương).
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở 03 huyện là Huyện Thới Bình (xã Khánh Tiến) và huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân)
Sinh cảnh	Cây được trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 4, Tháng 7 đến 11
Thu hoạch	Các bộ phận của cây có thể thu hái quanh năm.
Chế biến	Quả còn xanh thì đem xắt mỏng, phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Sapindales (Bồ hòn)

Họ: Rutaceae (Cam quýt)

Chi: Limonia

Loài: *L. acidissima*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao tới 12m
Lá cây	Lá kép lông chim lẻ, có 2-3 đôi lá chét mọc đối, gần như không cuống, nhẵn, dạng màng hay hơi dai, có điểm chấm; cuống lá có cánh
Hoa	Chùm hoa dầy trắng, mọc ở nách lá và ngọn.. Hoa trắng kem, xanh lục hay hơi hồng tía, thành chùm đơn ở kẻ lá, ngắn hơn quả.. .
Quả/trái	Quả có dạng quả mọng, gần đầu hình cầu, đường kính 7-8cm. Quả có vỏ dày hóa gỗ, màu trắng hay hơi xám, loang lỗ kiểu hạt li ti nhìn giống trái dây cám. Phần thịt bên trong có nhiều sợi cứng, các hạt bám lên đó. Khi trái chưa chín có phần thịt màu trắng,
Hạt	Hạt nhiều, láng, dài 6 mm, bao phủ bởi những lông ẩm ướt.
Mùi hương	Quả có mùi hôi đặc trưng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bệnh viêm loét dạ dày: Chuẩn bị 3 lá quách và 1 chén nước. Ngâm lá quách trong nước, để qua đêm, Sau đó lọc hỗn hợp này lấy nước, bỏ lá và uống khi dạ dày còn rỗng, uống 1 lần/ ngày, liên tục trong 3 – 4 tuần (Tritraonguocdaday.com).	x		
2	Giúp giảm đau và kháng viêm: Lấy nước ép từ trái quách uống (Tritraonguocdaday.com).	x		
3	Thanh nhiệt, chống táo bón: Dùng trái quách chín làm nước giải khát (người ta thường dầm quách với đá để ăn) (Tritraonguocdaday.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Hỗ trợ gân cốt, tăng cường sức khỏe: Lấy quả Quách, cạo sạch lớp vỏ cám bên ngoài trái quách, đem phơi vừa ráo và tạo các đường nứt trên thân trái. Sau đó cho trái quách vào bình và ngâm với rượu trắng cùng đường phèn. Sau khi lên men rượu, uống (Nguyễn Thị Ngọc Thi, 2021).	x		
5	Trị rụng tóc: Lấy hột Quách chín trộn đường cát, ngào khô, uống nước hàng ngày			x
***Lưu ý khi sử dụng*:** *Chỉ nên dùng trái chín, hạn chế dùng trái còn tươi vì có thể gây đau họng, khàn giọng.* *Tránh sử dụng trái đã bị nứt vì có thể phần thịt quả bên trong đã bị mốc.* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

372. Quao *Dolichandrone spathacea* (L.f.) Seem., 1863

Quao nước

Công dụng: Theo kinh nghiệm dân gian Việt Nam, cây có công dụng điều trị một số chứng bệnh sau: Sỏi mật, Sỏi gan, Tăng bài tiết dịch mật, Viêm gan mãn tính, Vàng da do bệnh gan, Xơ gan cổ trướng, Ho, viêm họng, viêm phế quản

Tính vị: Cây quao có vị hơi chua và chát, tính bình, không có độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Dân gian dùng vỏ thân cây, lá cây, rễ cây và hạt làm thuốc

Thành phần hóa học	Lá và vỏ thân cây Quao nước chứa: 6 iridoid: 6-O-[(E)-4-methoxycinnamoyl]catalpol, specioside, 6-O-[(E)-3,4-dimethoxycinnamoyl] catalpol, minecoside, hỗn hợp dolichandrone C và dolichandrone D; 4 steroid: dolichandrone A, chất mới), dolichandrone B, β-sitosterol, daucosterol; 2 triterpenoid: ursolic acid, pomolic acid; 1 dẫn xuất cinnamic acid: trans-4-methoxycinnamic acid; 1 triglyceride: Glycerol 1,2-di-(9Z,12Z-octadecadienoate) 3-dodecanoate; 4 dẫn xuất acetyl: 6-O-[(E)-4 methoxycinnamoylpentaacetate]catalpol, specioside hexaacetate, 6-O-[(E)-3,4-dimethoxycinnamoyl pentaacetate]catalpol, minecoside hexaacetate .
Nguồn gốc	Loài cây của Ấn Độ, Campuchia, Việt Nam, Malaixia tới đảo Salomon và Tân đảo (Nouvelle Calédonie)
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Phú Tân, huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng sống tự nhiên và được trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường, ven mương, ven bờ ao, bờ sông, bờ mương.
Mùa hoa quả	Tháng 4 - 6, Tháng 4 - 8
Thu hoạch	Các bộ phận của cây có thể thu hái quanh năm, nhiều nhất là vào mùa mưa khi cây đang phát triển xanh tốt nhất
Chế biến	Phơi hoặc sấy khô, có thể dùng dưới dạng cao lỏng
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Bignoniaceae (Quao)

→ **Chi**: Dolichandrone

→ **Loài**: *D. spathacea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây cao 15m
Thân cây	Thân hình trụ, vỏ ngoài màu nâu xám, có những nốt sần nhỏ. Thân không thẳng với nhiều cành nhánh. Cành mập nhẵn, có nhiều sẹo do lá rụng để lại
Lá cây	Lá kép lông chim một lần gồm 7 lá chét; lá chét không lông, lúc khô màu đen . Lá kép lông chim lẻ, mọc đối, dài 20 – 30 cm, gồm 5 – 9 lá chét, thường là 7, hình bầu dục hoặc hình trứng, dài 7-10 cm, rộng 3-4 cm, gốc tròn, đầu thuôn nhọn dài, mép nguyên hoặc có răng rất nhỏ sít nhau, hai mặt nhẵn
Hoa	Cụm hoa là chùm ngắn gồm nhiều hoa trắng, to, thơm, gần như đều. Đài hình tàu dài 3-4cm. ống tràng dài 10-12cm, phía trên có 5 tai nhăn. Cụm hoa mọc ở đầu cành thành xim ngắn dạng ngù; hoa to, 4 – 8 cái màu trắng; đài úp kín hoa ở dạng nụ, sau phát triển thành hình máng rộng, đầu nhọn, dài 3 – 4 cm, rụng sớm; tràng hình phễu, có ống dài 10 – 12 cm, hơi cong, gồm 5 cánh hoa gần bằng nhau và có khía răng ở đầu; nhị thọt, 4 cái, 2 dài, 2 ngắn, chỉ nhị cong; bầu nhẵn. Hoa nở vào lúc bình minh và rụng trước khi mặt trời mọc. .
Quả/trái	Quả nang thõng xuống, tròn, nhọn, có vách giả . Quả nang, hình trụ, tròn dẹt, thẳng hoặc cong, mọc thõng xuống, dài 30 – 50 cm; hạt nhiều, dẹt, hình chữ nhật, có cánh dày . Quả khô tự mở, gân hình trụ, dài 40-60 cm, mang nhiều hạt dẹt
Hạt	Hạt dẹp, có cánh dày, dài 1,5-2,3cm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Nhuận gan: Đẽo vỏ của những cây già, cạo sạch vỏ ngoài, cắt thành từng phiến, phơi khô hoặc sao hơi vàng cho thơm. Khi dùng, lấy 100ml dược liệu rửa sạch, cho vào thùng nhôm (không dùng thùng sắt hay thùng tôn). Đổ vào 3 lít nước nấu còn độ 1 lít, lọc lấy nước để riêng. Tiếp tục đun với 2 lít nước nữa cho đến khi được 500ml. Lọc lấy nước, bỏ bã. Trộn chung 2 nước thuốc trên, cho đường vào, cô đặc còn 1 lít. Lọc thật kỹ. Đổ 40ml rượu có hòa 1g acid benjoic vào. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 thìa canh (Cây thuốc quý, nd).	x		
2	Chữa viêm gan: Lá Quao khô 25g đun lấy nước uống thay nước trong ngày, ngoài đun uống có thể dùng theo cách hãm lá Quao nước nước sôi như hãm trà xanh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
3	Điều kinh, thông kinh, trục huyết ứ: Lá Quao nước, ích mẫu, Chó đẻ, Cù đèn, Cam thảo mỗi thứ 1 nắm, sắc nước uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Chữa bệnh gan, vàng da, xơ gan cổ trướng: Lá Quao nước, lá Ô rô, thân rễ Mớp gai, mỗi thứ 1 nắm nấu nước uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
5	Chữa ho: Lá Quao nước, lạc tiên, bọ mắm, huyết dụ, Cỏ chân vịt, Mía lau (hoặc mía nhỏ), tất cả dùng tươi, mỗi vị 30g. Sắc uống làm 2 lần trong ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
6	Chữa sỏi thận: Rễ Quao nước, rễ rau ngót (sao tẩm mật) mỗi vị 30g; rễ thài lài trắng, hà thủ ô đỏ (chế với đậu đen), mỗi vị 20g. Sắc uống ngày một thang (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
7	Trị xơ gan (1): Dùng 50 g vỏ Quao nước, 10 g rễ Bình bát, 10 g rễ muồng trâu, 20 g lá hoặc quả dành dành, 5 g vỏ cây Chân chim, 5 g dây bìm bìm biếc. Tất cả nguyên liệu thái nhỏ, phơi khô, sắc cùng 400 ml nước, lấy cuối 100 ml, chia uống 2 lần/ngày (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		
8	Trị xơ gan (2): Dùng 50 g vỏ Quao nước, 50 g vỏ cây cách, 50 g lá cối xay, 50 g lá trâm bầu, 50 g rễ Cỏ xước, 20 g cỏ tranh, 20 g quả Dứa gai, 20 g thân ráy gai. Tất cả thái nhỏ, sắc nước uống, kiên trì đều đặn 1-2 tháng để thấy tình hình cải thiện (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		
9	Trị xơ gan (3): Các vị lá cây Quao nước, cây Mần ri, mướp gai, hắ xủ, rễ tranh, rễ cau, cây Vòi voi, vỏ cây gáo vàng, Trinh nữ hoàng cung, Ô rô, măng Sậy. Trộn đều tất cả nguyên liệu đã thái nhỏ, phơi khô, dùng với liều lượng phù hợp, đem sắc lấy nước uống (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		
10	Bổ phổi, giảm ho: Phơi khô 40 g Quao nước, 20 g lạc tiên, 20 g bọ mắm, 10 g huyết dụ, 5 g Cỏ chân vịt, 50 g Mía lau đã thái nhỏ. Sắc lấy nước uống, chia làm 2 lần trong ngày (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		
11	Chữa sỏi thận: Sắc nước uống từ các vị thuốc 30 g rễ Quao nước, 30 g rễ Quao nước, 30 g rễ rau ngót (sao tẩm mật), 20 g rễ thài lài trắng, 20 g hà thủ ô đỏ (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		
12	Chữa ngộ độc: Khi bị ngộ độc, dùng vỏ thân Quao nước, thêm cây Ô rô, mỗi thứ 12 g thái nhỏ, phơi khô. Đem sắc với 400 ml, lấy còn 100 ml, uống mỗi ngày 2 lần (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Đặng Hoàng, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa bệnh xơ gan cổ trướng: Cành Quao 30g, Ô rô 30g, bán chỉ liên 30g, mướp gai 30g, củ riềng 10g, thủy xương bồ 10g, cỏ nhọ nồi 20g, cỏ bạc đầu 20g. Sắc thuốc với 3 chén nước còn lại 8 phân để uống. Ngày uống hai lần sáng, chiều (Hồng Diễm, 2018).	x		
14	Chữa viêm gan, sơ gan (1): Cây Mần ri, hắc xủ, mướp gai, rễ cau, rễ tranh, vỏ cây gáo vàng, Trinh nữ hoàng cung, cây Vòi voi, lá cây Quao, Ô rô, măng Sậy (tức Sậy non). Tiến Hành sơ chế dược liệu bằng cách thái nhỏ, phơi khô cây thuốc. Mỗi lần dùng, người bệnh chỉ việc lấy mỗi thứ thuốc một nhúm tay trộn đều rồi cho vào ấm sắc lấy nước uống (Cây thuốc quý, nd).	x		
15	Chữa viêm gan, sơ gan (2): Vỏ Quao nước 50g, rễ Bình bát 10g, rễ muồng trâu 10g, lá hoặc quả dành dành 20g, vỏ cây Chân chim 5g, dây bìm bìm biếc 5g. Tất cả thái nhỏ, phơi khô, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm 2 lần trong ngày (Cây thuốc quý, nd).	x		
16	Chữa viêm gan, sơ gan (3): Vỏ cây Quao nước 50g, vỏ cây cách 50g, lá cối xay 50g, lá trâm bầu 50g, rễ Cỏ xước 50g, cỏ hàn the hoặc cỏ tranh 20g, quả Dứa gai 20g, thân ráy gai 20g. Thái nhỏ, sắc nước uống. Dùng 1-2 tháng (Cây thuốc quý, nd).	x		
17	Giải độc gan: Vỏ Quao nước còn phối hợp với cây Ô rô (ở miền Nam gọi là Ô rô nước) nấu thành cao lỏng để dùng uống có tác dụng giải độc (Cây thuốc quý, nd).	x		
18	Chữa sỏi mật, sỏi gan, nhuận gan: Chuẩn bị: Vỏ thân cây Quao khô 25g, Nghệ vàng 15g. Hai vị thuốc rửa sạch, đun với 600ml nước, đun cạn lấy 400ml nước chia làm nhiều lần uống trong ngày. Kiên trì uống sẽ có hiệu quả tốt (Caythuoc.org).	x		
19	Xơ gan cổ trướng: Lá Quao 15g, lá Ô rô nước 15g, thân cây móp gai 15g tất cả đều phơi khô (Nếu là cây tươi liều dùng gấp đôi). Các vị thuốc đem rửa sạch, sắc với khoảng 1,3 lít nước, đun cạn lấy khoảng 500ml nước chia làm nhiều lần uống trong ngày. Cần kiên trì sử dụng trong nhiều tháng sẽ có kết quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Ho, viêm họng, viêm phế quản: Lá Quao 15g, cây bọ mắm 15g (tất cả dùng khô hoặc tươi đều được). Các vị thuốc đem rửa sạch, đun với khoảng 4 bát nước, đun lấy khoảng 2 bát nước chia làm 2 lần uống trong ngày, kiên trì uống hàng ngày sẽ có hiệu quả tốt (Caythuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Điều kinh, thông kinh, trục huyết ú: Lá Quao, ích mẫu, Chó đẻ, cù đèn, cảm thảo mỗi thứ 1 nắm, sắc nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Trị nổi mục dị ứng: Lấy Quao và Ô rô, nấu nước uống			x
23	Trị bệnh sốt: Lấy 1 nắm cả Quao và 1 nắm thân và lá Ô rô nấu nước uống			x
24	Ngừa ung thư gan, viêm gan B: Lấy 1 năm thân/lá Quao, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
25	Trị viêm da, dị ứng, giải độc gan: Lấy mỗi thứ 1 nắm nhỏ cành Quao, cây Chó đẻ, cây Mần ri và 1 dây Nhãn lồng sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
26	Trị bệnh thận: Lấy thân cây Quao chặt lát mỏng, cây và lá Ô rô, Ráng dây, Dứa gai, Nhân trần, Cà gai leo, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống.			x
27	Trị đau nhức: Lấy nhành cây Quao chặt nhỏ ra đem phơi, sau đó sao vàng thủy thổ, nấu với 3 chén nước đến khi còn 7 phân uống hàng ngày			x
28	Giải nhiệt: Lấy 1 nắm lá Quao phơi khô, nấu nước uống			x
29	Trị bệnh gan: - Cách 1: Lấy 1 nắm rễ hoặc thân Quao đã chặt mỏng, sao vàng, nấu nước uống - Cách 2: Lấy 1 nắm lá hoặc cây Quao sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 3: Lấy 10 lá Quao, 10 lá Sầu đâu, Mơ dạiphơi khô nấu nước uống - Cách 4: Lấy lá Quao, Ô rô, Sứ cùi trắng, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống. - Cách 5: Lấy lá Quao phơi khô, đem sắc với cây Cam thảo đất, Nhân trần nam, lá Ô rô, cây Mía sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. - Cách 6: Lấy thân cây Quao chặt lát mỏng, cây và lá Ô rô, Ráng dây, Dứa gai, Nhân trần, Cà gai leo, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống. - Cách 7: Lấy 1 nắm thân cây Quao (đã vạt mỏng) với 1 nắm Ô rô, sao vàng, nấu nước uống hàng ngày. - Cách 8: Lấy thân cây Quao (đã vạc mỏng), thân Bình bát (đã vạc mỏng), thân cây Méc (đã vạc mỏngn), lá Mãng cầu xiêm, Ô rô phơi khô, nấu nước hàng ngày. - Cách 9: Dùng lá Quao với Râu mèo, Cỏ mần trầu, Cam thảo đất sắc uống. - Cách 10: Lấy Quao (nhánh, thân), Mần ri (cả cây), Dây cứt quạ (cả dây), Ô rô (thân lá), Vú sữa đất (cả dây), mỗi			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	loại 1 nhúm, phơi khô rồi nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống hàng ngày (sáng, chiều). - Cách 11: Lấy 1 nhúm Thù lù (cả cây, chặt phơi khô), 1 nhúm Chó đẻ (cả cây), 1 nhúm Ô rô (cả cây), 1 nhúm Quao (thân), phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 12: Lấy Nhân trần nam, Cỏ xước, Quao, Ô rô, Chó đẻ, Mã đề, mỗi thứ 80-100gr, đổ đầy nước,nấu đến khi còn lại 8 phân, uống.			
30	Trị tê: Lấy mỗi thứ 1 nắm: nhánh Quao, Ô rô, cỏ bắc, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén.			x
31	Trị sỏi thận: Lấy 3 nắm thân cây Quao (đã vạt mỏng) nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1/2 chén, uống.			x
32	Trị tiểu ra máu: Lấy rễ Quao, Rau đắng đất (cả dây, dây Nhãn lồng, Dây cứt quạ (cả dây, Ô rô trá(cả cây), dùng tươi, mỗi loại 1 nhúm, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, hết bệnh uống dày thần.			x
33	Trị gan, phong gan, bụp mắt: Lấy Ô rô, Cỏ nước mặn, lá Quao (tươi) sao thủy thổ, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
34	Trị mất ngủ, rối loạn tiền đình: Lấy thân cây Quao (đã vạt mỏng) và 1 nắm Đuôi chuột, phơi khô, sao thủy thổ sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
35	Trị phong, ban: Lấy Ô rô, Dây cứt quạ, Quao, Sầu đâu nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
36	Trị bệnh gan: Lấy Ô rô, Quao, Dây cứt quạ, Mơ dại nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
37	Cà gai leo: Lấy 1 nắm thân cây Quao và Cà gai leo nấu nước uống			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Người suy thận, huyết áp thấp không nên sử dụng cây quao nước. Thận trọng khi dùng cho phụ nữ mang thai và phụ nữ cho con bú.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

373. Quýt — *Citrus reticulata* Blanco, 1837

Quýt xiêm, Quất thực, Quýt hồng, Quất thực, Mạy cam chĩa (Tày), Cam chảy ten (Dao)

Công dụng: Vỏ quýt dùng chữa ăn không tiêu, đau bụng, nôn mửa, ho tức ngực, nhiều đờm, sơ can, phá khí, tán kết, tiêu đờm, chữa ngực sườn đau tức, hành khí, tán kết, chỉ thống, chữa sa ruột, bìu sưng đau, đau lưng, viêm tuyến vú, chữa ngực đau tức, ho, sưng vú

Tính vị: Quả Quýt (chủ yếu là dịch); vị chua ngọt, tính mát

Vỏ quả Quýt và lá Quýt đều có tinh dầu. Vỏ Quýt xanh vị đắng, cay, tính ấm. Vỏ Quýt chín vị đắng the, mùi thơm tính ấm

Lá và hạt Quýt có vị đắng the, mùi thơm, tính bình.

Quy kinh: tỳ, phế, và vị

Bộ phận dùng	Lá, vỏ quả (trần bì), quả, hạt
Thành phần dinh dưỡng	Quả chứa 87,8% nước, 0,9% protein, 20,6 hydrat carbon, 0,3 chất béo (cao chiết bằng erther), 0,4% chất vô cơ gồm: Ca 0,05 mg%;P 0,02 mg%, Fe 0,01%, caroten 350 UI ,vitamin B1 40 UI % và vitamin C 68 mg%, phenyl propanoid glucoisid, terpenoid glucosid, limonoid glucosid và adnosin, trong đó chất citrusin A có tác dụng hạ áp
Thành phần hóa học	Trong vỏ có 2 loại dầu, loại dầu cam 0,50% và loại dầu cam rụng 0,50%. Thành phần chính trong dầu là d và dl-limonen 78,5%, d và dl-limonene 2,5% tương ứng với 2 loại dầu và linalool 15,4%. Còn có một ít citrale, các aldehyd nonylic và decylic và chừng 1% methyl anthranylat methyl. Dịch của quả chứa đường và acid amin tự do, acid citric, vitamin C, caroten. Lá cũng chứa 0,5% tinh dầu. Hạt cũng có tinh dầu . Vỏ quả chứa tinh dầu thành phần chủ yếu là d. limonen 91% và các terpen, caren linalool, anthranilat methyl lượng nhỏ hơn.
Nguồn gốc	Gốc ở Ấn Độ và Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện U Minh (xã Khánh Tiến) và huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc.
Mùa hoa quả	Tháng 3-4, Tháng 10-12
Thu hoạch	Từ mùa đông năm trước đến mùa xuân năm sau
Chế biến	Thu hái quả chín, bóc lấy vỏ phơi khô làm Trần bì, Trần bì để càng lâu càng tốt; để lấy vỏ quả ngoài gọt hết lớp vỏ trong; quả còn xanh bóc lấy vỏ phơi khô dùng làm Thanhh bì. Hạt Quýt lấy ở quả chín phơi khô làm Quất hạch
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Sapindales (Bồ hòn)

Họ: Rutaceae (Cam quýt)

Chi: Citrus (Cam chanh)

Loài: *C. annuum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ có dáng chắc và đều
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 3 m
Thân cây	Thân có gai. Cành cứng, tiết diện gần tròn, dai, nhẵn, thỉnh thoảng có gai nhọn dài khoảng 8 mm
Lá cây	Lá đơn, mọc so le; phiến lá hình ngọn giáo hẹp có khớp, trên cuống lá có viền mép . Lá mọc so le, hình xoan, dài 7-10 cm, rộng 3,5- 4,5 cm, gốc thuôn, đầu tù hoặc có khuyết lõm. Bìa lá nguyên ở nửa dưới, có khía cạn ở nửa trên, mặt trên nhẵn bóng, khoảng 6-7 gân phụ rõ ở mặt dưới, thịt lá có nhiều đốm nhỏ nhìn rõ qua ánh sáng. Cuống lá khoảng 1-1,5 cm, có cánh khá ngắn
Hoa	Hoa nhỏ, màu trắng, ở nách lá. .
Quả/trái	Quả hình cầu hơi dẹt, màu vàng da cam hay đỏ, vỏ mỏng, nhẵn hay hơi
Hạt	Hạt xanh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau sưng tinh hoàn: Hột Quýt 12-20g sắc lên, pha thêm chút rượu vào uống (Nam dược thần hiệu).	x		
2	Chữa viêm tuyến vú, tắc tia sữa: Hột Quýt 16g sắc uống (Lê Trần Đức).	x		
3	Chữa hông sườn đau tức hay vú sưng đau: Thanh bì (vỏ quýt xanh) tán nhỏ, uống mỗi lần 4g, ngày uống 2-3 lần, hoặc sắc lá Quýt 20g, dùng uống (Lê Trần Đức).	x		
4	Chữa sốt rét: Vỏ Quýt đốt thành than tán nhỏ, uống với rượu hâm nóng mỗi lần 4g, uống trong 5-7 ngày (Sổ tay cây thuốc).	x		
5	Chữa ho mất tiếng: Trần bì (vỏ quýt chín) 12 g sắc với 200 ml nước, còn 50 ml, thêm đường đủ ngọt, uống dần trong ngày (Tra cứu cây thuốc, nd).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa nôn mửa, ợ hơi, đau bụng, kém tiêu hoặc buồn nôn: Trần bì (vỏ quýt chín), Hoắc hương đều 8g Gừng sống 3 miếng, sắc uống (Nam dược thần hiệu).	x		
7	Chữa ho suyễn: Trần bì (vỏ quýt chín), Nam tinh, Đình lịch, vỏ rễ Dâu, mỗi vị 12g sắc uống (Nam dược thần hiệu).	x		
8	Chữa ho mất tiếng: Trần bì (vỏ quýt chín) 12g sắc với 200ml nước, còn 100ml; thêm đường để vừa ngọt, uống dần trong ngày (Dược liệu Việt Nam).	x		
9	Chữa ăn không tiêu, đầy bụng, ợ hơi, đi lỏng: củ Sả 12g, Trần bì (vỏ quýt chín) 16g, Sơn tra (sao cháy) 12g, sắc với 500ml nước, còn 200ml. Người lớn chia 2 lần uống trong ngày, trẻ em tuỳ tuổi chia 3-4 lần uống (Dược liệu Việt Nam).	x		
10	Chữa ngoại thương, nội thương, tứ mùa cảm mạo, ho nóng, sốt rét, rối loạn tiêu hoá, trúng thực, ỉa chảy: Vỏ Quýt để lâu năm (sao) 25%, lá và búp ổi (sao) 25%, Gừng khô (sao) 25%, củ Bồ bồ nướng 15%, Hậu phác 10%, các vị hoà chung, tán bột nhuyễn, mỗi lần uống một muỗng cà phê, ngày uống 2-3 lần (Kinh nghiệm tâm đắc ở An Giang).	x		
11	Chữa ho đờm nhiều, đờm đặc, tức ngực: Trần bì (vỏ quýt chín), bán hạ (chế) mỗi vị 6g, phục linh 12 g, cam thảo 3 g. Sắc nước uống (Tra cứu cây thuốc, nd).	x		
12	Thuốc giúp sự tiêu hóa: Trần bì (vỏ quýt chín) 0,5 g; Hoàng bá 0,3 g; Hoàng liên 0,3 g; Đảng sâm 0,3 g, Cam thảo 0,3 g. Tất cả tán bột, trộn đều. Chia ba lần uống trong ngày (Nguyễn Hải Tân, 2018)	x		
13	Chữa ho đờm nhiều, đờm đặc, tức ngực: Trần bì (vỏ quýt chín), Bán hạ (chế) mỗi vị 6 g; Phục linh 12 g; Cam thảo 3 g. Sắc nước uống (Nguyễn Hải Tân, 2018)	x		
14	Chữa ho mất tiếng: Trần bì 12g, sắc với 200ml nước, còn 100ml cho thêm đường vào cho đủ ngọt, nhấp uống dần trong ngày (Nguyễn Đức Huệ Tiên, 2021).	x		
15	Trị ho, cảm: Dùng vỏ tươi trái quýt đem đi nấu với 3 chén nước đến khi còn 0,5 phân rồi uống			x
16	Trị đau bụng, ăn không tiêu: Lấy vỏ quýt phơi khô, nướng đen, nghiền nát, đổ nước vào hòa tan, uống.			x
17	Trị bệnh ban: Lấy Cỏ bạc đầu, Me thúi, gai quýt (mỗi thứ 1 nắm) nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân rồi uống.			x
18	Giúp tiêu hóa: Lấy vỏ Quýt phơi khô, nấu nước uống (như uống trà).			x
19	Giải cảm: Lấy 2 -3 vỏ quýt và 3 tép Sả nấu với 5 lít nước,			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	xông			

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Theo quan niệm đông y, những đối tượng sau không nên dùng Trần bì (vỏ quýt chín):

Âm hư, dương hư, chứng thoát

Không thấp, không trệ, không đàm thì ít dùng. Người âm hư ho khan không có đờm, thổ huyết không dùng Trần bì (vỏ quýt chín).

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

374. Ráng — *Acrostichum aureum* L., 1753

Ráng biển thường, Ráng đại, Quán chúng

Công dụng: Ráng được dùng theo kinh nghiệm để chữa thấp khớp, điều trị hội chứng đau dạ dày, chữa các vết thương, vết bỏng. Lá dùng làm thuốc cầm máu. Thân lá sắc uống sát trùng, trừ giun sán và cầm máu. Dịch chiết trong cồn của Ráng biển có tác dụng chống viêm. Đọt lá Ráng biển non luộc ăn được

Tính vị: Vị đắng, tính ấm

Quy kinh: can, thận

Bộ phận dùng: Thân, lá

Thành phần hóa học	Các nghiên cứu ở Ấn Độ cho biết trong cây rau ráng có chất methanol, chất này có độc tính thấp trong thí nghiệm với nguyên bào sợi của chuột. Methanol có tác dụng chống các tế bào ung thư.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Ráng phần lớn mọc tự nhiên ở trong vườn nhà, ven mương, ven ao, ven sông ven đường đi. Người dân trồng trong vườn nhà để làm thuốc
Thu hoạch	Quanh năm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Pteridophyta (Dương xỉ)

- **Lớp**: Pteridaceae (Dương xỉ)
  - **Bộ**: Pteridales (Dương xỉ)
    - **Họ:** Pteridaceae (Nguyệt xỉ)
      - **Chi**: Acrostichum
        - **Loài**: *A. aureum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 1,2-1,8 m.
Thân cây	Thân ngầm ngắn, to, nhiều ngó, mọc sâu trong đất
Lá cây	Lá: Lá kép lông chim 1 lần, mọc từ thân ngầm, mỗi lá có 24-30 lá chét mọc trên gân chính.lá kép dài 20-40 cm, rộng 5-10 cm, dày không lông, mép nguyên, gân phụ hình nang, dưới cuống chính mang nhiều gai giả do các cuống phụ biến thành. Lá rau ráng có hai loại, lá dinh dưỡng hay lá thường có màu xanh và bóng ở mặt trên, phía dưới màu nhạt; lá sinh sản mặt trên có màu xanh nhưng mặt dưới nhám và sần sùi do mang các ổ bào tử (37 - 72 micron đường kính) màu đỏ gỉ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa vết thương và bóng nước: Dùng thân, rễ cây rau ráng, rửa sạch, giả nhuyễn đắp vào vế thương (Hocvienquany.edu).	x		
2	Sát trùng, cầm máu, trừ giun sán: Dùng thân lá sắc uống sát trùng, cầm máu và trừ giun sán (Hocvienquany.edu).	x		
3	Chữa loét và nấm da: Dùng lá rau ráng đâm nhuyễn đắp vào vết bệnh (Hocvienquany.edu).	x		
4	Chữa vết thương, vết bỏng: Lá Ráng biển non giã nát, dùng đắp lên vết thương, vết bỏng (Hocvienquany.edu).	x		
5	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thân rễ Ráng biển 12g, Dây Rung rúc 12g, Cây Vú bò 12g, Thiên niên kiện 10g, sắc uống (Hocvienquany.edu).	x		
6	Chữa đau dạ dày: Thân rễ Ráng biển 12g, Lá Khôi 10g, Lá Dung 10g, Bình vôi 6g, sắc uống (Hocvienquany.edu).	x		
7	Trị bệnh xón, đau yết hầu: Lấy cây Ráng non đâm chung với mấy đọt Ớt hiểm, Rau đắng biển, Trâm ngọc, vắt lấy nước uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

375. Ráng bay — *Drynaria roosii* Nakaike., 1992

Cốt toái bổ, Tắc kè đá, Hộc quyết, Hầu khương, Hồ tôn khương, Thân khương, Tổ phượng, Tổ rồng, Tổ diều, Co tạng tó, Co in tó,

Công dụng: Dùng chữa đập xương, đau xương, bong gân, sai khớp, tai ù răng đau, thận hư . Chữa thận hư (suy giảm chức năng nội tiết), tiêu chảy kéo dài, chấn thương, bong gân tụ máu, sai khớp, gãy xương, đau nhức xương khớp, ù tai.

Tính vị: Theo Đông y, Ráng bay vị đắng, tính ôn, vào kinh can và thận.

Quy kinh: can, thận

Bộ phận dùng: Thân rễ

Thành phần hóa học: Trong Ráng bay Drymria fortunei có hesperi-din (C A., 1970,73, 11382j) và 25-34,89% tinh bột (Trung Quốc thực vật chí, 1961 trích dẫn của Tra cứu dược liệu, nd).

Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở 02 huyện là Huyện U Minh (xã Khánh Tiên) và huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà
Thu hoạch	Việc thu hái có thể tiến hành quanh năm nhưng tốt nhất nên thu hái vào tháng 4 hoặc tháng 8 – 9 hàng năm. Khi khai thác chỉ nên lấy phần thân già phía gốc, để chừa lại phần đang mang lá hữu thụ.
Chế biến	Hái về, rửa sạch đất cát, trừ bỏ các lá là dùng được. Nếu dùng khô thì sau khi rửa sạch đất cát, hoặc phơi khô ngay, hoặc phơi sau khi đỗ cho chín để dễ bảo quản. Muốn hết lông, thường người ta đốt nhẹ cho cháy hết lông nhỏ phủ trên thủn rễ
Bảo quản	Dược liệu ít khi bị ẩm mốc nhưng cần bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát để đảm bảo dược tính.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Polypodiophyta (Dương xỉ)

- **Lớp**: Polypodiopsida (Dương xỉ túi bào mỏng, Dương xỉ thật sự)
  - **Bộ**: Polypodiales (Dương xỉ)
    - **Họ:** Polypodiaceae (Ráng đa túc)
      - **Chi**: Drynaria
        - **Loài**: *D. roosii*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo, sống phụ sinh trên đá hay cây gỗ
Rễ cây	Rễ của cây phát triển mạnh, dày và được bao phủ bởi lớp lông mượt vàng óng.
Thân cây	Thân rễ dày mẫm, phủ nhiều vẩy màu vàng, bóng . Thân rễ hơi dẹp, phân nhánh, mọng nhước, phủ đầy lông dạng vảy, màu nâu.
Lá cây	Có hai loại lá: Lá bất thụ, không cuống màu nâu, hình trứng 5-8cm, rộng 3-6cm, phía cuống hình tim, có thùy, gân nổi rõ. Lá hữu thụ, màu xanh nhẵn, đơn xẻ thùy lông chim, dài 25-40cm, cuống có dìa, cỏ thùy thuôn, tù ở đầu, dài 5- 6cm, có mạng, ổ tử nang nhiều, xếp thành một hàng ở mỗi bên gân chính, hình tròn, không có áo tử nang

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bong gân, tụ máu: Lấy rễ Ráng bay tươi, bỏ hết rễ con, bỏ hết long tơ, rửa sạch, giã nát. Sau đó, gói Ráng bay vào lá chuối (dấp 1 ít nước vào), cho lên lửa nướng cho nóng rồi đắp lên chỗ bị thương. (Thuocdongduoc.vn).	x		
2	Trị đau răng: Giã nhỏ Ráng bay, sau đó đem sao đen rồi tán thành bột mịn sau đó sát vào lợi (Thuocdongduoc.vn).	x		
3	Phòng nhiễm độc Streptomycin: Lấy Ráng bay (30gr) sắc nước uống, chia nước thuốc thành 2 lần uống trong ngày (Thuocdongduoc.vn).	x		
4	Trị chai chân: Lấy Ráng bay tươi (9gr); cồn 95 độ (100ml), rửa sạch, giã nát và ngâm vào trong cồn trong 3 ngày, sau đó xát vào vùng chân bị chai (Thuocdongduoc.vn).	x		
5	Giảm lipid trong máu: Mỗi ngày lấy 6 – 12gr Ráng bay sắc nước uống.	x		
6	Trị chứng răng long, đau nhức, chân răng chảy máu do thận hư: Dùng Ráng bay (bột) sao đen, sau đó dùng 1 ít xát vào chân răng để cầm máu (Thuocdongduoc.vn).	x		
7	Bổ thận chắc răng: Dùng trong trường hợp thận hư, dương phù sinh đau răng, chảy máu chân răng, răng lung lay. Ráng bay, liều lượng tùy ý, giã nhỏ, sao đen, tán thành bột mịn, sát vào lợi. Thang gia vị địa hoàng: thục địa 16g, sơn dược 12g, sơn thù 12g, bạch linh 12g, đơn bì 12g, trạch tả 12g, tế tân 2,4g; Ráng bay 16g. Sắc uống (Tiểu Lan, 2013)	x		
8	Chữa ù tai, đau lưng, thận hư đau răng: Ráng bay tán bột 4 - 6g, bầu dục lợn 1 cái. Đổ bột Ráng bay vào trong bầu dục lợn, nướng chín. Ăn ngày 1 quả (Tiểu Lan, 2013)	x		
9	Chữa đau lưng mỏi gối do thận hư yếu: Ráng bay 16g, cẩu tích 20g, rễ gối hạc 12g, hoài sơn 20g, rễ Cỏ xước (ngưu	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	tất) 12g, dây đau xương 12g, thỏ ty tử 12g, tỳ giải 16g, Đỗ trọng 16g. Sắc uống (Tiểu Lan, 2013)			
10	Tiếp cốt liệu thương (nối xương, chữa vết thương): Dùng trong trường hợp té ngã bị thương, xương gãy lâu liền: Tẩu mã tán: Ráng bay, lá sen, trắc bách diệp, bồ kết, liều lượng bằng nhau. Tán thành bột mịn. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g, chiêu với nước; hoặc trộn với nước nóng thành hồ, đắp ngoài (Tiểu Lan, 2013)	x		
11	Chữa thương, gân cốt tổn thương, chảy máu; răng bị viêm, lung lay chảy máu: Ráng bay 15g, sinh địa 10g, lá sen tươi 10g, trắc bá diệp tươi 10g. Sắc uống (Tiểu Lan, 2013)	x		
12	Bổ khí huyết, bổ gân xương (dùng cho người già suy nhược cơ thể, gãy xương lâu liền): Ráng bay 12g, đảng sâm 16g, hoàng kỳ 12g, hoài sơn 16g, ba kích 16g, bạch truật 12g, đương quy 12g, cẩu tích 12g, tục đoạn 12g, mẫu lệ 12g, thiên niên kiện 8g. Sắc uống hoặc nấu thành cao lỏng (Tiểu Lan, 2013)	x		
13	Bổ gân xương, trị gãy xương, suy nhược cơ thể, loãng xương: Cho các vị thuốc: Ráng bay, lá sen, bồ kết, trắc bách diệp (liều lượng bằng nhau) tán thành bột mịn. Sau đó, mỗi ngày lấy 12gr bột chiêu với nước uống, ngày uống 2 lần. Hoặc người bệnh cũng có thể lấy bột hòa nước nóng thành hồ đắp lên chỗ đau (Thongtinthuoc.org).	x		
14	Chữa bệnh phong thấp: Nguyên liệu: Rễ gắm (120gr); Ráng bay, bạch đồng nữ, xích đồng nam, tiền hồ, ô dược, cỏ xước, rễ bưởi bung (mỗi loại 40gr); vỏ Chân chim (100gr); rễ rung túc (800gr); bạch hoa xà (60gr); rễ chiên chiến (600gr). Cho các vị thuốc vào ngâm rượu trong 3 ngày hoặc nấu thành cao, mỗi ngày uống 2 lần (Thongtinthuoc.org).	x		
15	Trị chấn thương phần mềm: Nguyên liệu: Ráng bay, hoàng kì, bạch truật, đương quy, cẩu tích, tục đoạn, mẫu lệ (12gr); đảng sâm, hoài sơn, ba kích (mỗi loại 16gr); thiên niên kiện (8gr). Cho các vị thuốc vào ấm sắc nước uống; hoặc nấu thành cao lỏng sử dụng mỗi ngày (Thongtinthuoc.org).	x		
16	Chữa đau lưng, mỏi gối do thận hư yếu: Nguyên liệu: Đỗ trọng, Ráng bay, tỳ giải (mỗi loại 16gr); thỏ ty tử, dây đau xương, rễ gối hạc, ngưu tất (mỗi loại 12gr); cẩu tích, hoài sơn (mỗi loại 20gr). Cho các vị thuốc vào ấm sắc nước uống hàng ngày, mỗi ngày 1 thang (Thongtinthuoc.org).	x		
17	Chữa thấp khớp mãn tính ở thể nhiệt: Cho 15g Ráng bay cùng 10gr mỗi loại sinh địa và lá sen tươi, trắc bá diệp tươi vào ấm sắc nước uống. Mỗi ngày 1 thang sẽ có tác dụng giảm đau nhức (Thongtinthuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Bài thuốc bổ thận: Nguyên liệu: Ráng bay (tán bột), bầu dục lợn (1 cái). Cho Ráng bay vào bầu dục lợn sau đó cho lên nướng chín và ăn trực tiếp (Thongtinthuoc.org).	x		
19	Trị răng long, răng chảy máu: Nguyên liệu: Ráng bay, thục địa (mỗi loại 16gr); sơn dược, phục linh, sơn thù du, đơn bì, trạch tả (mỗi mỗi 12gr); tế tân (2gr). Cho các vị thuốc vào ấm sắc nước uống trong ngày (Thongtinthuoc.org).	x		
20	Trị đau răng: Lấy Ráng bay, thục địa (mỗi loại 16gr); sơn dược, sơn thù, bạch linh, đơn bì, trạch tả (mỗi loại 12gr); tế tân (2.4gr) cho vào ấm sắc nước uống. Mỗi ngày 1 thang (Thongtinthuoc.org).	x		
21	Chữa chứng khô miệng, toàn thân mệt mỏi, đầu nặng, chân tay bủn rủn.: Nguyên liệu: Ráng bay, tang kí sinh, Gạc nai, sâm bố chính, cù mài (mỗi loại 6gr); nhụy sen, mẫu đen (mỗi loại 4gr); hà thủ ô đỏ (12gr). Cho các vị thuốc vào sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang (Thongtinthuoc.org).	x		
22	Trị chứng răng long, đau nhức, chân răng chảy máu do thận hư: Chuẩn bị phục linh, trạch tả, sơn dược, sơn thù và đơn bì mỗi thứ 12g, Ráng bay và thục địa mỗi thứ 16g, tế tân 2g. Sắc uống, ngày dùng 1 thang cho đến khi khỏi (Thongtinthuoc.org).	x		
23	Chữa gãy xương kín, chấn thương phần mềm: Dùng lá sen tươi, quả bồ kế tươi, lá trắc bách diệp tươi và Ráng bay bằng lượng nhau. Đem các vị tán bột mịn, mỗi lần dùng 12g thuốc bột hãm với nước sôi uống, ngày dùng 2 lần. Sau đó, dùng phần bã đắp bên ngoài để giảm viêm, giúp xương chóng lành (Trrung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa gãy xương kín, chấn thương phần mềm: Chuẩn bị nhũ hương, bằng sa, đương quy, huyết kiệt, tục đoạn, một dược, Ráng bay, đại hoàng, địa miết trùng bằng lượng nhau. Đem các vị tán bột mịn, sau đó trộn với Vaselin và thoa lên chỗ đau nhức giúp xương nhanh liền (Thongtinthuoc.org).	x		
25	Chữa chứng lưng đau gối mỏi do thận hư yếu: Chuẩn bị: Củ mài (hoài sơn) và cẩu tích mỗi thứ 20g, Ráng bay, Đỗ trọng và tỳ giải mỗi thứ 16g, dây đau xương, rễ Cỏ xước và thỏ ty tử mỗi thứ 12g. Sắc uống ngày dùng 1 thang. Sử dụng bài thuốc đều đặn cho đến triệu chứng thuyên giảm hẳn (Thongtinthuoc.org).	x		
26	Trị gãy xương, suy nhược cơ thể và phòng ngừa loãng xương ở người cao tuổi: Chuẩn bị: Ba kích, hoài sơn và đẳng sâm mỗi thứ 16g, mẫu lệ, tục đoạn, đương quy, hoàng kỳ, cẩu tích, Ráng bay và bạch truật mỗi thứ 12g, thiên niên kiện 10g. Nấu thành cao lỏng uống hằng ngày hoặc dùng ở dạng thuốc thang, ngày dùng 1 thang (Thongtinthuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
27	Chữa chứng phong thấp thuộc huyết: Chuẩn bị: Rễ gắm 120g, Ráng bay 40g, rễ rung rúc 80g, vỏ Chân chim 100g, rễ chiên chiến và bạch hoa xà (rễ bươm bướm) mỗi thứ 60g, rễ bưởi bung, xích đồng nam, Cỏ xước, ô dược và tiền hồ mỗi thứ 40g. Thực hiện: Nấu thành cao đặc rồi đem ngâm với 2 lít rượu trắng 40 độ trong 3 ngày. Sau đó, dùng vải lọc lấy dịch trong. Mỗi lần uống 30ml, ngày dùng 2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Chữa chứng gãy xương lâu ngày không liền và chứng suy nhược ở người cao tuổi: Chuẩn bị: Mẫu lệ, tục đoạn, cẩu tích, hoàng kỳ, Ráng bay, mẫu lệ, đương quy và bạch truật mỗi thứ 12g, đảng sâm, ba kích, hoài sơn mỗi thứ 16g và thiên niên kiện 8g. Nấu thành cao lỏng hoặc sắc uống, ngày dùng 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Người có thực nhiệt thì không được dùng.

Không nên dùng Ráng bay cho các trường hợp thiếu âm kèm nhiệt nội và các triệu chứng ứ máu.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

376. Rau bợ — *Marsilea quadrifolia* L., 1753

Cỏ bợ, Rau tần, Cỏ chữ điền, Tứ diệp thảo, Tần thái, Cỏ bốn lá, Phiắc vèn, Phiắc chắn (Thái), Thủy tần (Tày), Cỏ bợ nước

Công dụng: Giải nhiệt, giải độc, rắn cắn, an thần, gây ngủ, cầm máu (cả cây) thần, gây ngủ, cầm máu (cả cây) . Cây thường dùng để làm thuốc, thường dùng trị: 1. Suy nhược thần kinh, sốt cao không ngủ, điên cuồng; 2. Viêm thận phù 2 chân, viêm gan, viêm kết mạc; 3. Sưng đau lợi răng; 4. Đinh nhọt, sưng độc, sưng vú, tắc tia sữa, rắn độc cắn; 5. Sốt rét, động kinh; 6. Khí hư, bạch đới; 7. Thổ huyết, đái ra máu, sỏi thận, sỏi bàng quang, đái đường. Ngày dùng 20-30g cây tươi phơi khô, sao vàng, sắc uống

Tính vị: Rau bợ có vị ngọt, hơi đắng, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học	Rau bợ chứa 84,2% nước, 4,6% Protid, 1,6 Glucid, 0,72mg% Caroten, 76 mg% Vitamin c. Ngoài ra, còn Cyclaudenol (Đỗ Tất Lợi, 1999). Rau bợ là nguồn rau chứa protein và acid nucleic (CA.,119, 1993. 202 170s). Chuỗi nucleotid có 5,8S rRNA, được xác định gồm 155 nucleotid và dược chiết xuất bằng phenol nóng ở pH = 5,1, rồi điện di trên .gel polyacrylamid. Không có các đơn vị pseudouridin trong phân tử.
Nguồn gốc	Cây của vùng quanh cực ôn đới
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (xã Trí Phải) và huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước, xxa Thạnh Phú, xã Tân Hưng Đông), huyện U Minh (thị trấn U Minh, xã Khánh Hòa, xã Khánh Hội)
Sinh cảnh	Rau mọc tự nhiên trong vườn nhà và ven đường. Được người dân dùng làm thuốc
Mùa hoa quả	Mùa sinh sản tháng 5 đến 6.,
Thu hoạch	Toàn cây có thể thu hái quanh năm.
Chế biến	Dùng tươi hay phơi sây khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Pteridophyta (Dương xỉ)

Lớp: Pteridopsida (Dương xỉ)

Bộ: Salviniales (Bèo ong)

Họ: Marsileaceae (Rau dệu)

Chi: Marsilea

Loài: *M. quadrifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thảo thuộc loại cỏ bán thủy sinh,
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 15 – 20cm
Thân cây	Thân rễ bò mảnh, mang từng nhóm 2 lá một. Thân bò dưới đất, mảnh, chia thành nhiều mấu, mỗi mấu mang rễ và 2 lá có cuống dài.
Lá cây	Mỗi lá gồm 4 lá chét, xếp chéo chữ thập. tối đến, các lá chét rủ xuống. Từ gốc mỗi nhóm lá phát ra một chùm rễ phụ
Hoa	Bào tử quả có lông dày, mọc 2 – 3 cái một ở gốc cuống lá, đầu tròn, có răng nhỏ ở gần gốc.. .
Quả/trái	Bào tử quả rất bé, nằm ở gốc cuống lá chia làm nhi u ô ngang trong chứa bào tử nang lớn, sẽ sinh nguyên tản cái và nhiều bào tử nang nhỏ sẽ cho nguyên tản đực, mỗi ô đó tương đương với một ổ tử nang và có áo riêng của nó

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sưng lở, nổi mẩn do nhiệt: Rau bợ nước tươi một nắm, giã nát hoặc vắt lấy nước bôi (Y Dược học Việt nam, nd).	x		
2	Chữa chứng trong người quá nóng, sinh mụn nhọt: Ngày khoảng 18-20g rau bợ tươi rửa sạch, giã nát vắt lấy nước cốt (thêm chút nước khi vắt cho lợi nước), hòa vào 1 bát nước, chia 3 lần uống trong ngày, bã đắp chỗ mụn (Hoa hạ kỳ phương) (Phó Thuần Hương, 2018).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa bí tiểu, tiểu nóng: rau bợ (cả cuống) nửa cân phơi khô tự nhiên, mỗi ngày dùng 16g rau bợ khô, sắc với 3 bát nước, còn 1 bát thì chia làm 3 lần uống, cách nhau 3 giờ, uống liền trong 2 - 3 ngày thì khỏi. Số rau bợ khô còn lại 3 ngày sắc uống 1 lần, liều lượng như trên thì bệnh dứt hẳn (Hoa hạ kỳ phương) (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
4	Chữa bạch đới: Ngày dùng 20g rau bợ khô (phơi khô tự nhiên trong mát) sắc với 3 bát (ăn cơm) nước còn 1 bát, chia làm 3 lần uống trong ngày, mỗi lần uống cách nhau 3 - 4 giờ, uống nóng. Đồng thời dùng khoảng 32g rau bợ khô, nấu 1 nồi nước, pha thêm chút nước để cho bớt nóng, đổ ra chậu, ngồi ngâm và rửa kỹ cửa mình (âm hộ). Có thể tăng thêm lượng rau nấu cho nước ngâm đặc thêm càng tốt (Hoa hạ kỳ phương) (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
5	Chữa chứng sưng vú (vú và núm vú bị sưng đau): Dùng 1 nắm rau bợ tươi rửa sạch, giã nát, trộn với 1 ít nước vắt lấy nước cốt, hòa vào 1 ly nước đun sôi để nguội, chia làm 2 lần uống trong ngày, bã đắp lên chỗ bị sưng đau. Dùng phương này liền trong 2-3 ngày thì khỏi (Dã Thái trị bách bệnh dân gian liệu pháp) (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
6	Trị chứng tắc tia sữa ở phụ nữ sau sinh: Lấy 15 – 20g cỏ bợ khô sắc với 2,5l nước còn 1 bát nước (bát ăn cơm) thuốc, chia làm 2 lần uống trong ngày. Mỗi lần uống cách nhau 4 giờ. Dùng vải bọc lấy bã khi còn nóng, chườm xuôi từ phía trên vú xuống tia sữa sẽ được thông và không bị tắc nữa (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
7	Chữa bỏng: hái lá rau bợ tươi, rửa sạch, giã nát đắp lên chỗ bị bỏng. Rất hay (kinh nghiệm dân gian) (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
8	Trị chứng bí tiểu, tiểu nóng đau tức bàng quang: Lấy 500g cỏ bợ tươi phơi ở nơi thoáng mát cho khô tự nhiên. Ngày dùng 10 – 15g rau bợ khô, lấy 3 bát nước đem sắc còn gần 1 bát chia uống 3 lần, mỗi lần uống cách nhau 3 giờ. Sau 2 – 3 ngày nếu đã khỏi, số cỏ bợ khô còn lại cứ cách 2 ngày lại sắc một lần để uống đến khi hết để bệnh được chữa dứt điểm không tái phát (bachthaoduoc.vn).	x		
9	Trị chứng nóng trong người: Lấy 20g cỏ bợ tươi rửa sạch, giã nát, cho thêm nửa bát nước sôi để nguội rồi vắt lấy nước uống, bã dùng để đắp lên các mụn do nóng mà lở ngứa. Sau khi dùng bài thuốc này, bạn sẽ cảm thấy cơ thể mát hơn, không còn nóng trong người (Hoàng Đông Y, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Trị chứng bạch đới, ngứa âm đạo, ra khí hư đặc nhầy như mủ chuối, đau bụng dưới, đau ngang thắt lưng: Lấy 600g cỏ bợ (cả cuống) đem phơi chỗ thoáng, mát để khô tự nhiên. Ngày lấy dùng 18 – 20g cỏ bợ khô sắc với 3 bát nước, còn 1 bát chia uống làm 3 lần trong ngày. Mỗi lần cách nhau 3 – 4 giờ. Khi bạn uống hâm lên cho nóng. Đồng thời lấy 40g cỏ bợ khô, nấu kỹ với nước, để ấm ngâm, rửa cửa mình những triệu chứng sẽ hết dần trong quá trình dùng bài thuốc (Hoàng Đông Y, 2019).	x		
11	Tiêu khát, đái đường: dùng Cỏ bợ khô và Thiên hoa phấn lượng bằng nhau, tán nhỏ, hoà với sữa uống (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
12	Trị sỏi thận, sỏi bàng quang; giã nát lá tươi, thêm nước, gặn lấy nước trong uống sáng sớm, mỗi lần 1 bát, liên tiếp 5 ngày. Dùng riêng hoặc phối hợp với búp non Dứa dại 20g, Ngải cứu 10g. Phèn đen 10g (Y Dược học Việt nam, nd).	x		
13	Trị đái tháo đường, tiêu khát: Rau bợ khô và thiên hoa phấn lượng bằng nhau, tán nhỏ, hòa với sữa uống (Phó Thuần Hương, 2018).	x		
14	Chữa sỏi thận, sỏi bàng quang: cỏ bợ tươi giã nát, thêm nước, gạn lấy nước uống vào buổi sáng, mỗi lần 1 bát, liên tiếp 5 ngày. Dùng riêng hoặc phối hợp với ngọn non cây dứa dại 20g, cây ngải cứu 10g, cây phèn đen 10g. Thêm nước gạn uống (Phó Thuần Hương, 2018).	x	x	
15	Chữa sỏi tiết niệu: Rau bợ 30g, búp non cây dứa dại 20g, ngải cứu 10g, lá phèn đen 10g. Tất cả đều tươi, rửa sạch, giã nát, thêm nước uống lúc sáng sớm, mỗi lần 1 bát. Dùng nhiều ngày (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

377. Rau đắng biển — *Bacopa monnieri* (L.) Wettst., 1891

Rau sam trắng, Rau sam đắng, Cây Ruột gà

Công dụng: Cả cây làm thuốc chữa thấp khớp, lợi tiểu, chữa sỏi thận, sỏi bảng quang, ho, bổ thần kinh; có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, chống co thắt, chữa bạch lỵ, đau mắt đỏ, da sưng đỏ, tê bại, viêm gan vàng da. Ở Ấn Độ, dùng chữa hen suyễn và động kinh.

Tính vị: Rau đắng biển có vị đắng, tính mát

Quy kinh: kinh tâm, can, thần kinh, tỳ

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Thành phần hóa học: Rau đắng có các thành phần tinh dầu, tanin, axít silicic, oxalic, cafeic, galic; các glycosid: avicularosid, kaempferitrosid; các dẫn chất polyphenol: quercetin, kaemferol, quercitrin, esculetin, avicularin,…;dẫn chất anthranoid: emodin; các a xít amin: methionin, prolin, serin, treonin, tyrosin, phenylalanin; các loại đường, chất nhầy

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ Thành phố Cà Mau và huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau.

Sinh cảnh	Cây có thể sống tự nhiên và được trồng trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven mương, ven đường và ven ao để làm thuốc và thực phẩm
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 9, Tháng 4 đến 9
Thu hoạch	Rau đắng biển được thu hái quanh năm, dùng toàn cây,
Chế biến	Cây sau khi thu hái, rửa sạch, dùng tươi hay phơi khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Bạc hà)

→ **Họ:** Scrophulariaceae (Hoa mõm chó)

→ **Chi**: Bacopa (Rau đắng biển)

→ **Loài**: *B. monnieri*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có chiều cao của thân khoảng 10 cm
Rễ cây	Rễ mọc từ gốc và nách lá mang rễ dài 10-40cm
Thân cây	Thân cỏ, mọc bò dài trên mặt đất, sống lâu năm. Thân nhẵn, màu xanh, thân non đôi khi có màu hơi nâu đỏ, tiết diện tròn, mọng nước, có rễ ở mấu, phân nhánh nhiều, mọc đứng.
Lá cây	Lá đơn, mọc đối, không lông, dày, mọng nước, có dạng hình muỗng hay hình trứng ngược, tà ở đầu, dài 2-2,8 cm, rộng 0,5-0,7 cm, mép nguyên, không lông, ở 2 mặt lá có nhiều chấm lõm. Lá có màu xanh đậm ở mặt trên, xanh nhạt ở mặt dưới, 1 gân chính, gân phụ không rõ
Hoa	Hoa mọc riêng lẻ ở nách lá, có cuống 1cm, có 5 lá đài không đều, cao 5-6mm, 5 cánh hoa trắng gần nhau, dính nhau ở dưới thành ống, 4 nhị, nhuỵ có bầu, không lông.. .
Quả/trái	Quả trứng có mũi, nhẵn, có vòi tồn tại trong đài. Quả 3 cạnh, chứa một hạt màu nâu.
Hạt	Hạt nhiều, rất nhỏ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị rôm Sả y cho trẻ: Lấy khoảng 1 – 2 nắm lá rau đắng biển đem rửa sạch và nấu sôi trong vòng 10 phút. Nước sau khi nấu pha loãng cùng nước sạch để tắm cho trẻ. Phần bã đừng vội bỏ đi mà hãy dùng để chà xát nhẹ nhàng lên những mảng da nổi rôm Sả y. Kiên trì thực hiện 2 – 3 lần mỗi tuần sẽ nhanh chóng làm giảm các triệu chứng ngứa ngáy trên da của trẻ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Trị đau lưng, bong gân và sưng khớp: Lấy một nắm rau đắng biển còn nguyên lá và rễ đem rửa sạch và để ráo. Sau đó cho lên lửa hơ nóng hoặc cho vào chảo sao vàng cho héo mềm. Tiếp theo dùng chày để đập mạnh nhiều lần đến khi rau dập ra nước. Đắp hết phần rau đắng đó lên vùng lưng bị đau hay các vị trí sưng viêm rồi quấn lại bằng băng gạc y tế. Để tăng hiệu quả điều trị, có thể kết hợp với uống nước rau đắng biển sắc để hỗ trợ giảm đau nhức xương khớp từ bệnh trong (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Trị tiểu tiện ít và khó khăn: Chuẩn bị rau đắng biển 16g, xa tiền tử, mộc thông, tỳ giải, mỗi vị 12g, sơn chi tử 8g, sắc uống, ngày một thang (Thái Hà, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Trị tiểu tiện rắt, buốt: Chuẩn bị rễ rau đắng biển, hạt ké vông vang, Nhân trần, mộc thông, xa tiền tử, lá tre, mỗi vị 8g, đăng tâm thảo, thông thảo, mỗi vị 3g, sắc uống, ngày một thang (Thái Hà, 2021).	x		
5	Chữa động kinh, suy nhược thần kinh, mất tiếng: Sử dụng khoảng 4 lít chiết xuất rau đắng biển, 4 lít bơ, mộc hương, rễ cỏ bươm bướm, các vị thủy xương bồ mỗi loại 120g đem tán thành bột mịn. Cho tất cả nguyên liệu vào nồi rồi đun trên lửa nhỏ đến khi bốc hơi hoàn toàn còn bột nhão. Sử dụng phần bột này mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 10g sau mỗi bữa ăn (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
6	Chữa rắn cắn: Chuẩn bị rau đắng biển, dây Mơ lông, lá mướp đắng mỗi loại 30g, đọt cây Sậy, rau cần tươi, Rau má mỗi loại 20g. Tất cả nguyên liệu đem giã nát, vắt lấy nước rồi uống mỗi ngày, còn phần bã thì đắp lên vết rắn cắn để giảm triệu chứng đau nhức, sưng viêm (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
7	Dùng để ăn xổ: Lấy 1 nắm lớn Rau đắng biển đem nấu canh ăn trong bữa cơm.			x
8	Thanh lọc cơ thể: Lấy Rau đắng biển ăn như rau hoặc nấu canh.			x
9	Trị men gan cao: Lấy nguyên cây đâm nát rồi lấy ra 2 nắm, bỏ nước dừa vào nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống 2 lần ngày.			x
10	Trị táo bón, cảm ban: Lấy Rau đắng biển (khô), Ô rô, Cóc kèn, Cam thảo đất, Cỏ nước mặn nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tuyệt đối không sử dụng loại thảo dược này cho trẻ em dưới 5 tuổi.

Phụ nữ mang thai và cho con bú cần tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng. Bởi theo một số nghiên cứu trên động vật cho thấy các hoạt chất trong rau đắng biển có thể làm tăng nguy cơ xuất huyết, sảy thai.

Không được sử dụng rau đắng biển chung với thuốc chống trầm cảm Sertralin cùng các loại thuốc chữa bệnh tuyến giáp vì có thể gây tương tác thuốc.

Những người chuẩn bị phẫu thuật hoặc nhổ răng không nên sử dụng vì loại thảo dược này có thể gây tương tác với thuốc chống đông máu.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

378. Rau đắng đất — *Glinus oppositifolius* (L.) Aug.DC., 1901

Rau đắng lá vòng

Công dụng: Phần ngọn của rau đắng đất có tác dụng hạ sốt, trị mụn nhọt, làm lành vết thương và giảm đau nhức xương khớp.

Thực nghiệm trên chuột bị tiểu đường cho thấy, rau đắng đất có tác dụng ngăn ngừa máu nhiễm mỡ và hạ lượng đường trong máu.

Tính vị: Rau đắng có vị đắng, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn bộ cây.

Thành phần hóa học: bao gồm flavonoid, saponin, tannin, chất nhầy và một số acid hữu cơ.

Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ – Malaixia.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau. Ngoại trừ huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Rau đắng đất mọc tự nhiên ở vườn nhà, ven đường, ven ao, ven sông, bờ ruộng và vườn thuốc nam. Được mọi người dùng làm thực phẩm và làm thuốc.
Mùa hoa quả	Hoa vào tháng 4 – 6 hằng năm, Cây sai quả vào tháng 5 – 7
Thu hoạch	Thường thu hái ngay khi cây vừa ra hoa.
Chế biến	Đem phơi khô và cất dùng dần.
Bảo quản	Nơi khô ráo, tránh ẩm và mối mọt.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Molluginaceae (Cỏ bình cu)

→ **Chi**: Glinus (Rau đắng)

→ **Loài**: *G.* oppositifolius

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo, mọc bò lan.
Thân cây	Thân có nhiều lông, tiết diện tròn, thân non màu xanh, thân già cứng, màu nâu đỏ, mấu phình to và màu nâu đỏ.. Cành mảnh
Lá cây	Lá đơn, mọc vòng 3-5 lá không đều nhau, lá lớn nhất dài 1,2-1,6 cm, rộng 0,4-0,6 cm, lá nhỏ nhất dài 0,4-0,5 cm, rộng 0,15-0,2 cm. Lá hình thon ngược, mũi có răng nhọn, gốc hình chót buồm, mép lá có răng cưa thưa và cạn, có đường viền nâu đỏ, mặt trên lá màu xanh đậm, mặt dưới nhạt hơn, có vị rất đắng, có lông. Cuống lá ngắn 0,2-0,3 cm, màu nâu đỏ, không lông. 1 gân chính, gân phụ không rõ
Hoa	Cụm hoa: chụm 3-7 hoa ở nách lá. Hoa lưỡng tính, mẫu 5, vô cánh. Cuống hoa hình sợi, màu xanh, có lông, dài 0,9-1,2 cm. Lá đài 5, đều, hình thuyền, 3 gân, lông ở mép, kích thước 4 x 1 mm, tiền khai năm. Nhị 5, đều, đính xen kẽ lá đài, chỉ nhị dạng sợi, màu trắng, dài 2 mm. Bao phấn 2 ô, rời, xếp song song cạnh nhau, hướng trong, đính đáy. Hạt phấn rời, màu trắng, hình bầu dục hay hình tròn, kích thước 2,5 mm. Lá noãn 3, dính nhau, bầu trên 3 ô, mỗi ô nhiều noãn, đính noãn trung trụ. Vòi nhụy 3, ngắn, màu vàng nhạt. . .
Quả/trái	Quả nang, 3 ô
Hạt	Hạt nhỏ, nhiều, hình thận, màu nâu đỏ, vách có u lồi, có phụ bộ ở tễ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mụn nhọt, ghẻ lở, mề đay mẩn ngứa và dị ứng: Lấy cả cây tươi rửa sạch và giã nát, sau đó đắp trực tiếp lên vùng da nổi mụn nhọt, ghẻ và ngứa ngáy (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
2	Trị dị ứng, mẩn ngứa, mụn nhọt: Rửa sạch cả cây Rau đắng đất tươi, giã nát và đắp vào nơi bị ngứa, ghẻ, mụn nhọt (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
3	Giúp giải độc và duy trì chức năng gan: Chuẩn bị: Ké đầu ngựa, Rau đắng đất, dây khổ qua và Cỏ xước mỗi thứ 6g, cam thảo 3g, dành dành và Nhân trần mỗi thứ 5g. Đem các vị tán bột rồi luyện thành viên hoặc sắc lấy nước uống, nên dùng trước khi ăn (baodantoc.vn).	x		
4	Lợi mật, thanh nhiệt, giải độc, nhuận gan và thông tiện: Chuẩn bị: Hạt bìm bìm biếc 2g, lá atiso 15g và toàn cây rau đắng 12g. Dùng các vị sắc lấy nước uống (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
5	Điều trị đau gan: Chuẩn bị: Cây cứt quạ và cây Rau đắng đất bằng lượng nhau. Đem nguyên liệu rửa sạch, để ráo và nấu nhừ, lược bỏ bã và đun nhỏ lửa cho thành cao. Sau đó	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	thêm 1 ít mật ong vào và để dùng dần. Mỗi lần dùng 1 thìa cà phê, ngày dùng 3 lần (baodantoc.vn).			
6	Giải độc gan: Rau đắng đất 6g, Nhân trần 5g, dành dành 5g, Cỏ xước 6g, Rau má 6g, Ké đầu ngựa 6g, dây khổ qua 6g, cam thảo 3g. Tất cả đem sắc nước uống hoặc tán bột rồi luyện thành viên uống., uống trước bữa ăn (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
7	Nhuận gan, lợi mật, thông tiện (đại tiện và tiểu tiện), giải độc: Toàn cây Rau đắng đất 12g, lá atiso 15g, hạt bìm bìm biếc 2g. Sắc lấy nước uống (Phạm Xuân Sinh, 2018).	x		
8	Hỗ trợ điều trị thoát vị đĩa đệm và đau nhức xương khớp: Chuẩn bị: 3 – 5 lít rượu gạo 40 độ và 500g Rau đắng đất phơi khô. Đem các dược liệu rửa sạch, để ráo và ngâm với rượu trong 30 ngày. Mỗi lần dùng 1 ly nhỏ sau khi ăn, ngày dùng 2 lần và duy trì bài thuốc trong vòng 30 ngày (baodantoc.vn).	x		
9	Trị các bệnh đau vàng da, chậm tiêu, lói bù tay mặt, nổi u nhọt mày đay: Dây cứt quạ 1 thúng, Rau đắng đất 1 thúng, hai thứ nấu chung cho nhừ, lược bỏ xác, nấu nước thành cao, thêm đường hoặc mật nấu cho đặc, để lâu được. Mỗi sáng, trưa và tối 1 muỗng cà phê (Kinh nghiệm thời kháng chiến chống Pháp).	x		
10	Thanh can giải độc: Rau đắng 6g, Nhân trần (Bồ bồ) 5g, Dành dành 5g, Cỏ xước 6g, Rau má 6g, Ké đầu ngựa 6g, dây khổ qua 6g, Cỏ mực 8g, Muỗng trâu 6g rễ tranh 6g, Sài đất 6g. Cam thảo 3g sắc uống hoặc tán bột, luyện viên uống (Lương y Đỗ Văn Tranh, An Giang).	x		
11	Trị bệnh gan: - Cách 1: Lấy Rau đắng đất (phần non) đem luộc ăn trong bữa cơm - Cách 2: Lấy Rau đắng đất nấu cháo cá lóc. - Cách 3: Lấy 1 nắm gốc, rễ lá Rau đắng đất phơi khô nấu nước uống hàng ngày.			x
12	Trị bệnh tiểu đường, thanh lọc cơ thể, uống mát, gan: Lấy 1 nắm Rau đắng đất (tươi hoặc khô) nấu nước uống.			x
13	Trị bệnh men gan cao: Lấy Rau đắng đất khô cho vào ly nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Uống 2 lần/ngày như pha trà.			x
14	Mát gan, giải độc: Nấu cháo cá lóc với Rau đắng đất. Hoặc lấy một nắm Rau đắng đất nấu nước uống hàng ngày.			x
15	Trị khớp: Lấy cây Càng tôm và Xương rồng bàn tay, đâm với muối, rồi sau đó xào với giấm. Đem bó lên chỗ nhức trong 30 phút. Thực hiện 3-4 lần/ngày.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Trị táo bón: Lấy 300g (tươi), 3 lát gừng nấu 1 lít nước uống. Hoặc lấy Rau đắng đất xào ăn hoặc nấu canh ăn,			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Cần phân biệt rau đắng đất và rau đắng biển.

Chưa có đủ thông tin về việc sử dụng rau đắng đất trong thời kỳ mang thai và cho con bú; Cần hỏi ý kiến bác sĩ hay y sĩ y học cổ truyền trước khi dùng.

Cần phân biệt rau đắng đất và rau đắng biển.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

379. Rau đay — *Corchorus olitorius* L, 1753

Đay, Đay quả dài, Bố

Công dụng: Giải nhiệt, nhuận tràng, lợi sữa (Lá sắc uống). Hen (Hạt sắc nước uống

Tính vị: Rau đay có vị cay, tính lạnh, không độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần dinh dưỡng: Đây là loại rau xanh có chứa nhiều vitamin rất tốt cho cơ thể như vitamin A, vitamin B1, Vitamin B2, vitamin C, vitamin E và những chất thiết yếu khác như canxi, phốt pho, sắt, kẽm và chất nhầy

Thành phần hóa học	Trong lá có một chất nhầy, có tác dụng chữa táo bón, Chữa ho và làm thuốc bổ.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước Tây và Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (thị trấn Thới Bình) và huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện U Minh (thị trấn U Minh) huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Rau đay được các chuyên gia trồng nhiều trong vườn thuốc nam để làm thuốc, cây có thể mọc tự nhiên ở vườn nhà và ven đường.
Mùa hoa quả	Tháng 8 đến 12, Tháng 8 đến 12
Thu hoạch	Chỉ sau chưa đầy 2 tháng từ ngày gieo trồng là có thể thu hoạch.
Chế biến	Hạt thu hái từ quả đay già, phơi hoặc sấy khô. Khi dùng, để sống hoặc sao qua.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)

→ **Họ:** Malvaceae (Cẩm quỳ)

→ **Chi**: Corchorus (Đay)

→ **Loài**: *C. Olitorius*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao chừng 1-2m
Rễ cây	Rễ cọc có nhiều rễ phụ mọc thành chùm phát triển mạnh trong đất.
Thân cây	Thân màu đỏ nâu. Cây ít phân nhánh
Lá cây	Lá hình trứng dài nhọn, phía gốc là tròn hay tù, mép có răng cưa, dài 5-10cm, rộng 2-4cm, có 3-5 gân ở dưới. Lá kèm hình sợi
Hoa	Hoa có cuống, tập trung 2-3 đóa trên một cuống chung ngắn. Nụ hoa hình bầu dục ngược rộng. Lá đài 4-5, có lông ở phía gốc, thuôn hay bầu dục ngược, có mũi nhọn ngắn ở đầu. Cánh hoa 4-5, hình bầu dục ngược rộng, có cựa ngắn. Nhị 18, bao phấn vuông. Bầu hình trứng cụt, có cạnh rõ và có ít lông; vòi nhụy rộng, khía răng và cụt ở đầu.. .
Quả/trái	Quả hình cầu, có 10 cạnh khá rõ, có mào ngắn ở đỉnh, mở làm 5 mảnh, mỗi mảnh có hai dãy hạt, mỗi dãy có 5 hạt; hạt có cạnh, dẹt.
Hạt	Hạt hình lê khi căt ngang có hình 5 cạnh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Lợi sữa: Nếu tuần đầu tiên sau khi đẻ, ăn hàng ngày 150-200g vào mỗi bữa ăn chính, các tuần lễ sau mỗi tuần ăn 2 lần với liều lượng 200-250g, thì lượng sữa tăng, trong sữa tỉ lệ chất béo tăng hơn mức trung bình (Đức Doãn, 2020).	x		
2	Chữa phù thũng: Dùng 15 – 20g hạt rau đay. Đem sắc lấy nước đặc cho bệnh nhân uống khi còn nóng. Dùng thuốc kết hợp với đắp chăn để cơ thể vã mồ hôi ra thì trong người sẽ thấy nhẹ nhõm và bớt bị phù (thuocdantoc.org).	x		
3	Trị cảm nắng nhẹ: Sắc hạt rau đay lấy nước uống khi còn nóng cho đến khi vã mồ hôi sẽ thấy đỡ (thuocdantoc.org).	x		
4	Chữa ít sữa ở phụ nữ sau sinh: Sả n phụ sau sinh ít sữa có thể hái 100g rau đay nấu canh ăn hoặc sắc nước uống vài lần trong ngày. Nên dùng khi còn ấm để gọi sữa về nhiều hơn (thuocdantoc.org).	x		
5	Điều trị chứng đổ nhiều mồ hôi, say nắng: Lấy 1 nắm lá rau đay rửa sạch, giã nát, lọc lấy nước uống. Phần bã đắp lên trán và lên người khoảng 20 – 30 phút (thuocdantoc.org).	x		
6	Chữa hen suyễn: Dùng hạt rau đay sắc nước đặc uống khi lên cơn hen (thuocdantoc.org).	x		
7	Chữa táo bón: Dùng rau đay sắc nước uống vài lần trong ngày thay cho trà (thuocdantoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Điều trị bệnh lỵ mới phát: Hái 15-30g lá rau đay tươi rửa sạch. Sắc lấy nước cô đặc chia uống 3 lần trong ngày (thuocdantoc.org).	x		
9	Điều trị ngộ độc do ăn cá: Hái 100g lá rau đay đem sắc chung với đường phèn. Uống liên tục nhiều lần để kích thích đào thải chất độc thông qua đường tiểu (thuocdantoc.org).	x		
10	Nhuận tràng, chữa táo bón: Lấy 20g lá rau đay sắc lên lấy nước uống làm 2 - 3 lần trong ngày. Uống 5 - 7 ngày (thuocdantoc.org).	x		
11	Chữa cảm nắng nhẹ: Lấy một nắm rau đay tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt cho uống, còn bã đắp vào hai bên thái dương. Làm vài lần trong ngày. Hoặc có thể lấy từ 20g hạt rau đay sắc uống nóng cho toát mồ hôi ra (thuocdantoc.org).	x		
12	Chữa phụ nữ sau sinh ít sữa: Tuần đầu tiên sau sinh mỗi ngày ăn từ 150 - 200g rau đay nấu canh vào các bữa ăn chính. Các tuần sau mỗi tuần ăn 2 lần, mỗi lần ăn từ 200 - 250g rau đay sữa ra đều và rất tốt (thuocdantoc.org).	x		
13	Trị chứng táo bón, ho, suy nhược: Lấy lá rau đay non nấu canh để ăn (thuocdantoc.org).	x		
14	Trị tắc sữa, ít sữa không đủ cho con bú: Ăn rau đay thường ngày từ 150gr - 250gr.	x		
15	Chữa bệnh phù thũng cổ trướng: Chuẩn bị hạt cây rau đay, trần bì mỗi vị 12g, vỏ rễ dâu 24g, gừng tươi 3 lát mỏng. Hạt rau đay sao thơm, vỏ rễ dâu tẩm mật ong rồi cũng đem sao thơm. Đem tất cả sắc nước chia 2 lần uống (thuocdantoc.org).	x		
16	Điều trị bệnh tràn dịch màng phổi: Chuẩn bị thang thuốc gồm: Hạt rau đay, hạt bìm bịp, rễ cỏ tranh, hạt Mã đề mỗi vị 8g, tỳ giải, thổ phục linh, bạch bộ, mộc thông mỗi vị 12g, ý dĩ 16g. Tất cả đem sắc với 700ml cho cạn còn 300ml. Chia 3 phần đều nhau uống vào buổi sáng, trưa, tối (Kim Loan, 2021).	x		
17	Chữa táo bón: kết hợp rau đay với rau mồng tơi mỗi thứ 1 nắm nấu thành canh ăn liên tục 1 tuần liền sẽ giúp kích thích đi cầu đều đặn hơn (Kim Loan, 2021).	x		
18	Chữa hồi hộp, đánh trống ngực, tim đập nhanh, khó ngủ: Chuẩn bị rau đay, mướp hương và rau mồng tơi mỗi loại 100g, 300g cua đồng xay. Cua đồng lọc lấy nước riêu, đem đun sôi rồi cho cả 3 thứ rau đã sơ chế vào. Nấu sôi khoảng 5 phút, nêm nếm gia vị dọn ra ăn nóng với cơm (Kim Loan, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Chữa hen suyễn: kết hợp hạt rau đay (giã nát) với xơ mướp (cắt nhỏ). Cho cả hai vào ấm sắc với 300ml nước chia làm 2 lần uống trong ngày (Kim Loan, 2021).	x		
20	Trị nóng trong, táo bón, nhiệt miệng, giải nhiệt mùa hè: Hái lá và ngọn rau đay rửa sạch, cắt nhỏ đem nấu chung với cua đồng thành canh ăn hàng ngày trong bữa cơm. Bên cạnh đó, có thể kết hợp nấu canh rau đay chung với các nguyên liệu khác cũng có tác dụng tương tự như mướp, mồng tơi, củ khoai sọ… ăn vài ngày liền sẽ thấy hiệu quả (Kim Loan, 2021).	x		
21	Chữa rắn cắn: Nhân dân thường dùng ngọn rau đay với nõn chuối tiêu, dây kim cang, giã nhỏ, thêm nước, gạn uống, bã đắp (laodong.vn).	x		
22	Khái huyết, nôn ra máu: Dùng lá Rau đay, Cốt khí củ, Long nha thảo mỗi vị 9g, sắc uống.	x		
23	Giải nhiệt: Rau đay (không kể liều lượng) nấu với rau mồng tơi, cua đồng ăn với cơm hàng ngày có tác dụng giải nhiệt, dễ tiêu, bổ Sung can xi, thích hợp trong điều kiện thời tiết nóng bức, người mệt mỏi, chán ăn (laodong.vn).	x		
24	Nhuận tràng, chữa táo bón: Rau đay, rau mồng tơi, rau lang, Rau má, mỗi thứ 50g, nấu canh ăn ngày 1 lần trong 5 -7 ngày (laodong.vn).	x		
25	Nhuận tràng, chữa táo bón: Rau đay, rau mồng tơi, lượng bằng nhau, nấu canh ăn ngày 1 lần trong 5-7 ngày (laodong.vn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

380. Rau dền cơm — *Amaranthus viridis* L., 1763

Dền cơm, Dền tái, Dền xanh, Dền đất

Công dụng: Rau dền cơm thường dùng chữa chứng nóng nhiệt, táo bón, trị lỵ trực trùng và viêm trường vị cấp và mạn tính, đau họng, đau mắt đỏ, chảy máu cam

Tính vị: Vị ngọt, nhạt, hơi hàn.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn bộ rễ, thân, lá và hạt rau dền đều được dùng làm thuốc chữa bệnh

Thành phần dinh dưỡng: Thân và lá Rau dền có vị ngọt, giàu tinh bột và đạm thực vật, giàu Sắt,Canxi, Vitamin A, Vitamin B2, Vitamin C Axit nicotic và Lysin

Thành phần hóa học	Cành lá rau dền cơm chứa nước 84,5%, protid 3,4%, glucid 1,4%, cellulose 1,6%, vitamin C 63mg%, caroten 10,5mg%, vitamin B2 0,36mg%, vitmin PP 1,3mg%. Cũng có tác giả cho biết lượng vitamin C trong rau Dền cơm là khoảng 21mg%, xào ăn thì lượng vitamin C ít hao tổn hơn luộc
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở các vùng Trung và Nam Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoại trừ huyện Đầm Dơi thì chưa được tìm thấy.
Sinh cảnh	Cây có thể sống tự nhiên và được trồng trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven mương, ven đường và ven ao để làm thuốc và thực phẩm
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10, Tháng 6 đến 10
Thu hoạch	Cây có thể được thu hái quanh năm
Chế biến	Rễ, thân và lá rau dền được thu hái về rửa sạch, để ráo nước dùng tươi. Riêng hạt có thể dùng tươi hoặc đem phơi khô tích trữ dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryvophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Amaranthoideae (Rau dền)

→ **Chi**: Amaranthus (Rau dền)

→ **Loài**: *A. viridis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hàng năm
Dạng cây	Cây dạng thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao đến 80cm
Rễ cây	Cây có bộ rễ khỏe, ăn sâu và bám chắc vào lòng đất để hút chất dinh dưỡng cũng như nước duy trì sự sống cho cây
Thân cây	Thân mọng nước, màu xanh. Từ thân có thể phát triển ra nhiều cành nhỏ. Thường có một nhánh to, cong, thân to đến 5mm, không lông, không gai
Lá cây	Lá đơn, có nhiều kích thước to nhỏ khác nhau, mọc so le. Hai bên mép lá nhẵn, 1 đầu hơi nhọn. Phiến lá xoan tròn dài, có khi hình bánh bò, dài 3-6cm, rộng 1,5-3cm, đầu tù, có khi lõm, không lông
Hoa	Hoa mọc thành cụm, đơn tính hoặc lưỡng tính, có 4- 5 cánh nhỏ. Chuỳ hoa ở ngọn hay bông ở nách lá; hoa có 3 lá đài, 3 nhị, 2-3 đầu nhuỵ. .
Quả/trái	Quả bế nhăn, chứa 1 hạt nâu đen, bóng, to 1mm.
Hạt	Hạt rau dền cơm nhỏ được bao bọc trong một lớp vỏ sừng. Khi rơi xuống đất, hạt có thể bị chôn vùi một thời gian dài mới nảy mầm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị lỵ khi mới mắc bệnh: Dùng 1/2 kg rau Dền cơm chia 4 lần nấu với nước, mỗi ngày uống 4 lần; ngày thứ hai dùng 1/4 kg cũng chia 4 lần nấu uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Điều trị chứng ứ huyết, trật đả: Chuẩn bị: 10 – 15g cây dền cơm, dùng toàn thân cây, Rửa sạch rau dền rồi nấu nước uống tương tự như bài trên (Thuốc dân tộc, nd).	x		
3	Chữa mụn nhọt nhẹ, chưa bị vỡ: Chuẩn bị: Một ít rễ dền cơm, Rửa sạch đất cát bám vào rễ dền rồi khử trùng bằng cách ngâm trong nước muối pha loãng 20 phút. Giã nát, đắp trực tiếp lên khu vực bị mụn ngày 2 – 3 lần (Thuốc dân tộc, nd).	x		
4	Trị bỏng da ở mức độ nhẹ: Chuẩn bị: Thân và lá cây dền cơm, Giã nát nguyên liệu đã chuẩn bị rồi đắp lên chỗ bị bỏng ngày 2 lần để tổn thương mau khô miệng và kéo da non (Thuốc dân tộc, nd).	x		
5	Điều trị viêm da có mủ: Chuẩn bị: Toàn thân dền cơm, bao gồm cả rễ, thân và lá, Cách dùng: Cho nguyên liệu đã chuẩn bị vào cối giã nát làm thuốc đắp lên khu vực cần điều trị (Thuốc dân tộc, nd).	x		
6	Trị ong đốt hoặc bị rết cắn: Lấy Rau dền cơm tươi, giã nát dền cơm rồi đắp vào khu vực bị tổn thương (Thuốc dân tộc, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Lợi tiểu, kích thích tiểu tiện: Chuẩn bị: 20g hạt dền cơm, Cách dùng: Nấu nước uống (Thuốc dân tộc, nd).	x		
8	Chữa ho có đờm: Dùng 100g thân và lá rau dền cơm xay lấy nước uống (thuocdantoc.org).	x		
9	Trị đau mắt có màng mộng: Chuẩn bị: 10g hạt dền cơm, 10g hạt thảo quyết minh, Cách dùng: Đem hai nguyên liệu trên sắc cùng 3 bát nước. Khi nước sôi vận nhỏ lửa tiếp tục đun cho đến khi cạn còn 1 chén. Gạn thuốc chia uống 2 lần trong ngày cho đến khi mắt không còn đau và kéo màng (Thuốc dân tộc, nd).	x		
10	Điều trị bệnh viêm họng, cổ họng sưng đau: Chuẩn bị: 1 nắm thân và lá cây rau dền cơm, 1/4 thìa cà phê muối ăn, 2 lát gừng tươi, Cách dùng: Nhai cả gừng và rau dền với muối. Nuốt nước từ từ cho trôi xuống cổ họng, nhả bã. Áp dụng mỗi ngày 2 lần sẽ giúp cổ họng dễ chịu hơn (Thuốc dân tộc, nd).	x		
11	Điều trị bệnh sỏi thận: Chuẩn bị: 12g rễ rau dền cơm, 12g nhũ hương đằng (kim tiền thảo), 12g Mã đề, 12g rễ cây hoa thiên lý, 12g rễ cỏ tranh, 20g vỏ bí đao và 12g đậu đen. Cách dùng: Sắc uống 1 liệu trình 10 ngày liên tục. Kiểm tra lại nếu sỏi vẫn chưa được đánh tan hoàn toàn thì nghỉ vài ngày rồi uống tiếp liệu trình mới (Thuốc dân tộc, nd).	x		
12	Trị táo bón, nhuận tràng: Cách 1: Chuẩn bị: 100g rau dền cơm, 100g tôm khô hoặc nõn tôm tươi, Cách dùng: Nõn tôm bằm nhuyễn đem nấu canh cùng rau dền ăn cách ngày một bữa. Cách 2: Chuẩn bị: 1 nắm rau dền cơm, dầu vừng hoặc mè đen Cách dùng: Rau dền đem luộc chín rồi trộn chung với 2 thìa dầu vừng (hoặc mè đen). Ăn món này kèm với cơm rất tốt cho các trường hợp bị táo bón, khó đi cầu (Thuốc dân tộc, nd).	x		
13	Giải nhiệt, trị nóng trong, kích thích tiêu hóa: Chuẩn bị: Rau dền cơm 100g, rau đay và Rau diệu mỗi thứ 50g, tôm (hoặc cua) 100g. Cách dùng: Nấu canh ăn mỗi tuần vài lần (Thuốc dân tộc, nd).	x		
14	Điều trị tăng huyết áp do can dương thượng cang (còn gọi là can hỏa vượng) Chuẩn bị: Cây dền cơm 100g, rau đay 50g, cua đồng xay Cách dùng: Lọc riêu cua dùng nấu chung với rau đay và rau dền thành canh ăn (Thuốc dân tộc, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
15	Bồi bổ sức khỏe cho trẻ nhỏ: Chuẩn bị 1 nắm rau dền cơm, 100g tôm, 200g gạo. Cách dùng: Tôm lột vỏ, bỏ chỉ đen, lấy thịt băm nhỏ. Rau dền rửa sạch, cắt nhuyễn. Hầm gạo nhừ, cho tôm vào, nêm nếm gia vị vừa miệng. Cuối cùng đảo rau dền vào nấu sôi trở lại rồi tắt bếp. Cho trẻ ăn 3 – 4 bữa một tuần giúp bổ Sung nhiều vitamin A, C , D, canxi hỗ trợ phát triển trĩ não và chiều cao của trẻ (Thuốc dân tộc, nd).	x		
16	Trị nổi mẩn ngứa ngoài da sau khi tiếp xúc với rơm rạ: Chuẩn bị: Rau dền cơm, mã xì hiện, lá hẹ mỗi thứ một ít lượng bằng nhau. Cách dùng: Làm sạch và lau khô vùng da bị bệnh. Giã thuốc rồi đắp vào khu vực bị nổi mẩn ngứa mỗi ngày 3 lần (Thuốc dân tộc, nd).	x		
17	Chữa ho có đờm: Cách 1: Kết hợp 50g thân, lá rau dền với 16g Cam thảo đất, lá bồng bồng và kim ngân hoa mỗi loại 20g thành một thang thuốc. Mỗi ngày sắc 1 thang lấy nước đặc chia uống 3 lần. Cách 2: Chuẩn bị 50g lá và thân dền gai phối hợp cùng Cam thảo đất, vỏ rễ Dâu tằm và lá húng chanh mỗi vị 16g. Sắc uống liên tục trong 5 – 7 ngày, mỗi ngày 1 thang chia làm 2 lần uống (Thuốc dân tộc, nd).	x		
18	Chữa vôi hóa cột sống, thoái hóa cột sống Chuẩn bị: Cây dền cơm, Cỏ xước, Lá lốt và tầm gửi mỗi loại 30g, cây chìa vôi 50g. Cách dùng: Trước tiên đem các nguyên liệu gồm Cỏ xước, chìa vôi và tầm gửi nấu với 2 lít nước. Đợi cho nước trong nồi sôi thì mới thả rau dền và Lá lốt vào nấu thêm khoảng 5 phút nữa thì ngưng. Chờ cho nước nguội gạn ra uống nhiều lần thay cho nước lọc (Thuốc dân tộc, nd).	x		
19	Chữa nóng trong, mắt kém: Chuẩn bị hạt muồng, hạt rau dền cơm, hoa mào gà mỗi vị 12g. Sắc nước đặc uống hết trong ngày, mỗi ngày 1 thang (Huongnguyen, 2021).	x		
20	Chữa bệnh lỵ: Dùng thân và lá dền cơm 50g, mã xì hiện (rau sam) 30g nấu canh chung với nhau ăn hàng ngày cho đến khi bệnh khỏi hoàn toàn (Huongnguyen, 2021).	x		
21	Chữa đau đầu chóng mặt, tăng huyết áp do can hỏa vượng: rau dền cơm 100g, rau đay 50g, thịt cua đồng 50g, nêm gia vị nấu canh ăn (Hoàng Xuân Đại, 2018).	x		
22	Chữa mắt kém người nóng: hạt dền cơm 12g, thảo quyết minh 12g, hoa mào gà 12g, sắc uống nhiều ngày (Hoàng Xuân Đại, 2018).	x		
23	Chữa đau mắt: hạt dền cơm và hạt thảo quyết minh liều lượng bằng nhau đều 10g. Sắc nước uống. Chữa mắt đau có màng mộng (Thanh Hoa, 2016).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Làm mát gan thanh nhiệt kích thích tiêu hoá: dền cơm 100g, rau dệu 50g, rau đay 50g, nấu canh tôm hay canh cua (Thanh Hoa, 2016).	x		
25	Chữa táo bón do nhiệt: Lấy 100g Rau dền cơm, 30g tôm tươi (đã bóc vỏ) hoặc tôm nõn khô nấu canh, thêm gia vị ăn thường xuyên (Thanh Hoa, 2016).	x	x	

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Người bị dị ứng với rau dền cơm không nên dùng: Hiếm khi rau dền gây dị ứng. Tuy nhiên, trước đó nếu từng bị nổi mẩn, ngứa ngáy, khó chịu sau khi ăn loại rau này thì không nên dùng nó làm thuốc chữa bệnh.

Rau dền có tính mát nên người thuộc thể hàn, bà bầu bị hư hàn , người đang bị tiêu chảy không được khuyến khích dùng rau dền dưới bất cứ hình thức nào.

Nghiên cứu cho thấy, thành phần acid oxalic trong rau dền có thể gây cản trở khả năng hấp thu canxi và kẽm trong cơ thể và làm tăng nguy cơ mắc bệnh sỏi oxalate. Vì vậy, bệnh nhân bị gout, sỏi thận, viêm khớp dạng thấp nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng dền cơm với tần suất liên tục trong thời gian dài.

Rau dền cơm chế biến chung với thịt ba ba có thể gây ngộ độc. Tránh kết hợp chúng chung với nhau hoặc sử dụng cùng thời điểm.

Các món ăn bài thuốc từ rau dền cơm sau khi chế biến xong nên dùng ngay hoặc sử dụng hết trong ngày. Không nên hâm lại nhiều lần vì thành phần nitrat trong lá rau dền có thể chuyển hóa thành nitrit – một chất có khả năng gây ung thư

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

381. Rau dền đỏ — *Amaranthus tricolor* L., 1753

Công dụng: Bổ, giải nhiệt, nhuận tràng; còn dùng chữa lỵ, ong đốt, rắn rết cắn; rong kinh (cả cây). Hạt chữa phong nhiệt, mắt có mộng trắng, mắt mờ, có hoa đen.

Tính vị: Rau dền đỏ có vị ngọt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây và hạt

Thành phần hóa học	Rau dền đỏ chứa nhiều protid, glucid, nhiều vitamin và chất khoáng. Hàm lượng chất sắt trong rau dền nhiều hơn so với bó xôi, hàm lượng canxi gấp 3 lần. Hạt rau dền tía (dền đỏ) có giá trị dinh dưỡng cao, nhất là loại rau dền ở Cu-ba, với hàm lượng tinh bột 62%, chất béo 6%, protid 16 – 18%, cao hơn cả lúa mì và các loại ngũ cốc khác. Đặc biệt trong hạt rau dền tía có một loại acid amin quan trọng nhất mà cơ thể con người không thể tự tạo ra, với hàm lượng cao hơn ngô 3 – 3,5 lần, lúa mì 2 – 2,5 lần. Từ hạt dền tía, người ta ép được một thứ dầu dùng làm nguyên liệu để sản xuất các thuốc chống viêm (steroid).
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Nam và Trung Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Ngọc Hiển, Thành phố Cà Mau và huyệ Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây có thể sống tự nhiên và được trồng trong vườn nhà, ven mương, ven đường và ven ao để làm thuốc và thực phẩm
Thu hoạch	Chính vụ tháng 4 đến tháng 7 cho năng suất cao nhất.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryvophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)
      - **Chi**: Amaranthus (Rau dền)
        - **Loài**: *A. tricolor*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 80 cm
Thân cây	Thân to đến 5 mm, màu đỏ tía, không lông, không gai Ở đáy thường có một nhánh to, cong
Lá cây	Lá nguyên, mọc cách, cuống dài 4 – 10 cm với phần đáy rộng, 1,5 – 5,5 cm rộng và hẹp ở đỉnh ngọn nhọn, phiến lá hình xoan, tròn dài.
Hoa	Hoa chùm tụ tán, đơn hay phân nhánh, ở ngọn hay gié, mọc ở nách lá, 2,5 - 12 cm dài và 2 - 5 mm rộng, không cuống, nhỏ và nhiều rậm. Hoa có hình cầu nhỏ, có màu trắng sữa, không có cuống nên hoa mọc ở mép cây hay đầu cành.
Quả/trái	Quả thường là quả bế, quả hạch hay quả nang nứt theo đòng vòng.
Hạt	Hạt rất nhỏ, có lớp vỏ dày

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị mụn nhọt: Rau dền đỏ giã nát đắp lên mụn nhọt. Vài lần là hết mụn (Mỹ Nữ, 2015).	x		
2	Chữa sơn ăn da: Rau dền đỏ rửa sạch, giã nát đắp lên vùng da bị bệnh (Mỹ Nữ, 2012).	x		
3	Chữa bỏng nước nhẹ: Rau dền đỏ giã nát, đắp vào chỗ đau, ngày hai lần (laodong.vn).	x		
4	Trị rắn cắn: nếu chẳng may bị các loại rắn cắn thì lấy rau dền đỏ giã nát, vắt lấy khoảng 1 bát ăn cơm nước cho uống, còn bã đắp lên vết thương. Khi bị rắn cắn phải lập tức băng chặt (bằng dây chun hoặc dây vải) phía trên vết cắn gần với tim rồi mới dùng thuốc. Sau đó đưa ngay đến bệnh viện gần nhất (laodong.vn).	x		
5	Chữa tăng huyết áp: Rau dền đỏ 20 g, lá Mã đề non tươi 20 g, lá dâu non 20 g, nấu canh ăn hằng ngày (Mỹ Nữ, 2015).	x		
6	Chữa lỵ ra máu: Rau dền đỏ 20 g, lá Mơ lông 20 g, rau sam 20 g, Cam thảo đất 16 g, sắc uống ngày một thang. Hoặc rau dền đỏ 30 g, rau sam 30 g, nấu canh ăn ngày 1-2 lần (Mỹ Nữ, 2012).	x		
7	Chữa huyết nhiệt sinh lở ngứa: Rau dền đỏ 20 g, kim ngân hoa 12 g, Ké đầu ngựa 16 g, Cam thảo đất 16 g. Sắc uống ngày một thang (Mỹ Nữ, 2015).	x		
8	Uống mát: Lấy cả cây Rau dền đỏ (tươi hoặc khô) nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân rồi uống			x

Lưu ý khi sử dụng:

Chú ý: Rau dền đỏ rất kỵ với tiết canh, đặc biệt là tiết canh vịt và tiết canh lợn; có thể gây tháo dạ (tiêu chảy) nếu ăn cùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

382. Rau dền khoang — *Amaranthus tricolor* L., 1753

Rau bina Trung Quốc, rau dền đỏ, Rau dền tía, Xích hiện, Giền canh

Công dụng: Bổ, giải nhiệt, nhuận tràng; còn dùng chữa lỵ, ong đốt, rắn rết cắn; rong kinh (cả cây). Hạt chữa phong nhiệt, mắt có mộng trắng, mắt mờ, có hoa đen.

Tính vị: Vị ngọt, se, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây và hạt

Thành phần hóa học	Lá của chúng chứa nhiều vitamin A, C, B2, PP; lá và hạt chứa hàm lượng protid cao, tới 16 - 18%, trong đó acid amin quan trọng là lizin của nó cao hơn ở ngô gấp 3 - 3,5 lần, hơn bột mì 2 - 2,5 lần. Trong cành lá rau dền canh, có các thành phần dinh dưỡng tính theo g%: nước 92,3; protein 2,3; glucid 2,5; xơ 1,1; tro 1,8; và theo mg%: calcium 75; phosphor 34,5; caroten 1,44; B1 0,03; B2 0,1; PP 1,0 và vitamin C 26. Hạt dền canh chứa 62% tinh bột và 6% chất béo.
Nguồn gốc	Nguồn gốc từ châu Á từ Ấn Độ đến Trung Quốc, Nhật Bản ở phía bắc và Indonesia ở phía nam; cũng ở New Guinea và New Hebrides và các nhóm đảo nhỏ hơn ở Thái Bình Dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc và thực phẩm ở trong vườn nhà và ven đường.
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Giã lá tươi hay nấu ăn như thực phẩm
Bảo quản	Rửa sạch để loại bỏ tạp chất

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryvophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)
      - **Chi**: Amaranthus (Rau dền)
        - **Loài**: *A. tricolor*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Chu kỳ sống của cây từ 40 đến 60 ngày
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 1m hay hơn
Thân cây	Thân mọc đứng, xẻ rãnh.
Lá cây	Lá hình thoi hay hình ngọn giáo, dài 3,5-12cm, rộng 2,5-10mm.
Hoa	Hoa thành ngù ở nách lá, hình cầu. Các hoa ở phía trên sít nhau hơn và tận cùng thân hay cành bằng một bông gần như liên tục.. . .
Quả/trái	Quả hình túi nhẵn, hình trứng-nón, dài 2mm, có núm vòi nhuỵ ở phía trên
Hạt	Hạt hình lăng kính, đường kính 1mm, màu đen.
Mùi hương	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh táo bón: Rau dền đỏ luộc sôi 3 phút, vớt ra trộn với dầu vừng hoặc bột vừng đen, ăn với cơm rất công hiệu (Quỳnh An, 2016).	x		
2	Chữa lỵ ra máu: Rau dền đỏ 30g, lá Mơ lông 20g, rau sam 30g, Cam thảo đất 20g, sắc uống ngày 1 thang hoặc rau dền đỏ 40g, rau sam 40g, nấu canh ăn ngày 2 lần (Quang Minh, 2005).	x		
3	Chữa tăng huyết áp: Rau dền đỏ 30g, lá Mã đề 30g, lá dâu non 30g, loại canh món ăn bài thuốc này dùng hằng ngày giúp phòng ngừa những biến chứng bệnh cao huyết áp ở người già rất hiệu quả (Quang Minh, 2005).	x		
4	Chữa huyết nhiệt sinh lở ngứa: Rau dền đỏ 30g, kim ngân hoa 15g, Ké đầu ngựa 15g, Cam thảo đất 15g. Sắc uống ngày 1 thang (Thân Thiện, 2020).	x		
5	Chữa vết thương do côn trùng đốt, sâu bọ cắn: Lá rau dền đỏ tươi cho thêm đường trắng, giã nhừ, đắp vào chỗ bị thương, mỗi ngày thay 4 lần (Mỹ Nữ, 2015).	x		
6	Hỗ trợ Sả n phụ sinh em bé: Rau dền đỏ hoặc rau dền gai 150g, rửa sạch, luộc, bỏ bã, cho thêm đường. Lúc trở dạ thì uống, có tác dụng giúp thai phụ dễ sinh em bé (laodong.vn).	x		
7	Chữa da bị loét: Lấy Rau dền khoang giã nát, trộn mật ong, đắp vào chỗ đau, ngày một lần. Vài ba ngày là chỗ loét sẽ khỏi (laodong.vn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tuy nhiên, các loại rau dền có tính lạnh, dễ gây đi ngoài, nên không dùng cùng với các thức ăn có tính lạnh như tiết canh, huyết luộc, rau cả

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

383. Rau diệu — *Alternanthera sessilis* (L.) R.Br. ex DC., 1813

Rệu, Diếp bò, Diếp không cuống

Công dụng: Thường dùng trị bệnh đường hô hấp và khái huyết, viêm hầu; 2. Chảy máu cam, ỉa ra máu; 3. Đau ruột thừa cấp tính, ly; bệnh đường niệu đạo, giảm niệu. Dùng ngoài trị bệnh viêm mủ da, viêm vú, eczema, bệnh viêm da nổi mẩn, lở chàm, nổi hạch, tràng nhạc hột xoài ở bẹn, rắn cắn. Nó là vị thuốc nhuận gan, lợi sữa như Rau má lại là vị thuốc chữa lỵ như Rau sam, Cỏ sữa. Liều dùng 15-30g, dạng thuốc sắc. Hoặc dùng 60-120g cỏ tươi giã lấy dịch dùng uống. Giã cây tươi để đắp ngoài, hoặc nấu lên lấy nước rửa. Thường dùng phối hợp với các vị thuốc khác

Tính vị	Rau diệu có vị ngọt và nhạt, tính mát
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Toàn cây
Thành phần dinh dưỡng	Trong 100g lá rau diệu tươi có 80 g nước, năng lượng 251 kJ (60 kcal), protein 4,7 g, chất béo 0,8 g, carbohydrate 11,8 g, chất xơ 2,1 g, Ca 146 mg, P 45 mg. Cứ 100g rau diệu có 89,3g nước, 4,5g protein, 19g protid, 2,1g chất xơ, 2,2g khoáng toàn phần, 98mg canxi, 22mg phospho, 1,2mg sắt, 5,1mg caroten (tiền sinh tố A) và 77mg sinh tố.
Thành phần hóa học	Trong các ngọn non theo tỷ lệ% có: nước 80,3, protid 4,5, glucid 1,9, cellulose 2,1, khoáng toàn phần 2,2, calcium 98mg%, phosphor 22mg%, sắt 12mg%, caroten 5,1mg% và vitamin C 77,7mg% . Trong Rau diệu, có protid, glucid, celulose, các nguyên tố đa vi lượng như calci, phosphor, sắt và các hợp chất như caroten và vitamin c.Agramal Y. K (Ấn Độ) đã phân lập được lupeol từ dịch chiết ether dầu rễ cây Rau diệu
Nguồn gốc	Rau diệu có nguồn gốc ở vùng nhiệt đới Đông Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	rau diệu phần lớn là mọc hoang ở trong vườn nhà, ven đường, ven ao, ven mương và ven sông được người dân dùng làm thực phẩm và làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 11 đến 12, Tháng 6 đến tháng 1 năm sau
Thu hoạch	Thu hái cây vào hè thu
Chế biến	Rửa sạch, phơi khô dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Amaranthaceae (Rau dền)

Chi: Alternanthera (Rau diệu)

Loài: *A. sessilis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thảo mọc bò
Chiều cao cây	Cây dài 40-60cm
Thân cây	Có thân phân nhánh nhiều, thường có màu hồng tím. Những cành sát mặt đất có rễ ở các đốt
Lá cây	Lá mọc đối, mũi mác, nhọn hai đầu, dài 1-3cm, mép nguyên . Lá có phiến đơn, mọc đối, có hoặc không có cuống lá 1,5- 5 mm, hình bầu dục đến hẹp dài 1-10 cm có lông mịn hay không lông (Nguyễn Thanh Vân, 2011)
Hoa	Chùm ở nách lá, phiến hoa trắng, lưỡng tính, không cuống, 1 gân, tiểu nhụy thụ 3 xen với tiểu nhụy lép dạng phiến lõm (Nguyễn Thanh Vân, 2011). Hoa nhỏ, màu trắng, không cuống, tập hợp rất nhiều thành bông gần hình tròn hay hình trứng ở nách lá. .
Quả/trái	Quả nang ngắn, hình tim ngược hay dạng thấu kính, một hột nâu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm da có mủ, chàm, mẩn ngứa, nấm, viêm vú... Dùng cây tươi (60 - 120g) giã lấy nước uống, bã đắp lên tổn thương hoặc sắc nước uống 15 - 30g mỗi lần (Phó Thuần Hương, 2014).	x		
2	Chữa các chứng máu nóng (huyết nhiệt) nổi ban ngứa, chảy máu cam, ho ra máu, tiểu tiện ra máu... Rau rệu ăn sống, uống nước giã rau rệu tươi, luộc, nấu canh, xào... (Phó Thuần Hương, 2014).	x	x	
3	Trị phế nhiệt ho ra máu: Rau diệu tươi 120g, giã vắt nước, thêm tí muối, chưng nóng uống (Phan Công Tuấn, 2015)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Trị các chứng đi tiểu không thông: Sắc uống nước toàn cây Rau diệu tươi, mỗi lần 80g, ngày 2 lần (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
5	Trị đi tiểu đau buốt: Rau diệu toàn cây, mỗi lần 80g, sắc nước pha chút muối hoặc đường, uống liên tục thay trà (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
6	Trị mạn tính trường ung (ung nhọt trong ruột): Toàn cây Rau diệu mỗi lần 40g giã vắt nước pha rượu uống, ngày 3 lần (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
7	Trị thấp chẩn, viêm da, hắc lào ghẻ lở: Rau diệu sắc nước rửa (Phan Công Tuấn, 2015)	x		
8	Trị bĩ khối (hòn cục nổi trên bụng, thường do sưng lá lách ở hạ sườn trái): Rau diệu vừa đủ giã nát đắp trùm lên cục sưng cứng (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
9	Chữa sỏi: Thời kỳ xuất hiện nốt sởi nấu rau rệu với cá diếc (luộc cá lọc lấy thịt), để ăn với cơm, hoặc nấu cháo với nước canh đó. Hoặc nấu chín đơn thuần, hoặc cùng với rau kinh giới, hoặc với Tía tô để ăn cái uống nước	x		
10	Tràng nhạc: một nắm rau rệu, rửa sạch, giã nát, 1/2 vắt lấy nước cốt uống 1/2 đặt lên lá chuối rắc lên 1 ít phác tiêu đắp vào chỗ đau. Ngày thay thuốc một lần (Phó Thuần Hương, 2014).	x		
11	Chữa sưng hạch ở nách bẹn: rau rệu, bèo tía, gừng sống, 3 thứ lượng bằng nhau giã nát, cho ít muối sắc kỹ lấy một chén nước, uống nóng, bã đắp chỗ đau. Trước khi đắp thuốc dùng nước vôi vẽ một vòng quanh chỗ đau để độc khỏi lan xung quanh (Phó Thuần Hương, 2014).	x		
12	Chữa tỳ hư, uất nhiệt, đại tiện ra đờm máu ở người già: rau rệu tía một nắm nấu canh với 2 con ếch (chỉ lọc lấy nạc). Ăn nhiều lần (Phó Thuần Hương, 2014).	x		
13	Lợi tiểu tiêu phù ở những trường hợp bệnh đường tiết niệu, gan, đái dắt, đái đỏ: Nấu canh rau diệu với cá chép (Phó Thuần Hương, 2014).	x		
14	Trị xích bạch lỵ (lỵ phân nhầy trắng lẫn máu đỏ): Rau diệu tươi toàn cây 20-30g, nước 1 chén sắc còn 7 phân, nếu xích lỵ (phân có máu) hòa thêm đường trắng, bạch lỵ (phân nhầy trắng) hòa thêm đường đỏ; hoặc pha thêm mật ong uống càng hay (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
15	Trị trường phong hạ huyết (đi cầu ra máu): Rau diệu và cây Bắt ruồi (Drosera burmanni Vahl., thuộc họ Bắt ruồi - Droseraceae.) nấu cách thủy với thịt ăn (Phan Công Tuấn, 2015)	x		
16	Trị mạn tính trường ung (ung nhọt trong ruột): Toàn cây Rau diệu mỗi lần 40g giã vắt nước pha rượu uống, ngày 3	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lần (Phan Công Tuấn, 2015).			
17	Trị đinh sang thũng độc (nhọt độc): Rau diệu tươi rửa sạch, thêm mật ong giã đắp, ngày thay 2 lần (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
18	Trị phong oa ung (mụt nhọt như tổ ong): Rau diệu tươi vừa đủ giã trộn lòng trắng trứng gà đắp lên (Phan Công Tuấn, 2015)	x		
19	Trị đau răng: Rau diệu, Địa cốt bì (vỏ rễ rau Khởi), Bồ thảo đầu (ngọn cỏ Bồ) sắc uống (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
20	Trị ngược tật (sốt rét): ngọn lá non Rau diệu 40g, nấu cháo loãng ăn (Phan Công Tuấn, 2015).	x		
21	Trị bệnh gan: Lấy 1 nắm cây và lá Rau diệu xắt, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 7 phân, uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

384. Rau diệu lông *Alternanthera paronychioides* A.St.-Hil., 1833

Dệu bò, Diếc bò, Diếp bò

Công dụng: Trị chứng hột xoài mới phát, viêm đường tiết niệu, đau răng và nhọt độc. Điều trị lỵ phân nhầy trắng lẫn máu đỏ, mụn nhọt như tổ ong, hắc lào và ghẻ lở. Điều trị chứng đi tiểu không thông, tiểu buốt, đi cầu ra máu, phế nhiệt ho ra máu.

Tính vị: Rau diệu lông có vị ngọt và nhạt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Châu Mỹ

Phân bố ở Cà Mau: Rau diệu lông mọc hoang khắp nơi trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Sinh cảnh: Cây mọc hoang ở nhiều vị trí như vườn nhà, ven đường, ven sông/kênh mương/vuông.

Mùa hoa quả: Tháng 6 đến 8, Tháng 6 đến 8

Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi: Rửa sạch loại bỏ tạp chất
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)

→ **Chi**: Alternanthera (Rau diệu)

→ **Loài**: *A. paronychioides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây dài khoảng 0,4 – 0,5 m
Thân cây	Thân và cành bén rễ ở các đốt và phủ kín lông mềm, đôi khi màu hồng tía.. Cây phân nhánh nhiều, các nhánh và thân dưới dạng chùm hoặc mọc đối với các mấu đơn giản, có hình tam giác , dài tới 0,4 mm, màu trắng, trở nên dày đặc nhiều lông ở phần trên
Lá cây	Lá rộng hoặc hẹp hình elip, thường mọc thành chùm, kích thước thay đổi trên cùng một cây
Hoa	Cụm hoa thường mọc ở kẽ lá thành những bông hình tròn hay hình trứng. Hoa nhỏ, nhiều, thường không cuống và có màu trắng.. . .
Quả/trái	Quả nang, dài 2 mm, mép dẹt
Hạt	Hạt hình trứng, dài 1,1 mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị sốt do siêu vi trùng gây cảm cúm: Lấy 100g lá Rau diệu tươi, 100g lá tre, rồi đem cho vào ấm, thêm 1 lít nước và đun sôi. Dùng thay nước lọc uống hàng ngày (thuocdantoc.org).	x		
2	Chữa viêm gan vàng da: Lấy 100g Rau diệu, 10g củ Nghệ, 50g Cỏ mực và 50g cây Chó đẻ, rồi đem đi sắc thuốc uống (thuocdantoc.org).	x		
3	Chữa viêm đường tiết niệu: Dùng 100g Rau diệu, 50g Cam thảo đất, 50g Rau má, 20g diếp cá, rồi đem đi sắc nước uống (thuocdantoc.org).	x		
4	Đối với nhọt độc: Lấy Rau diệu rồi đem đi giã nát, trộn cùng mật ong rồi đắp trực tiếp lên nốt mụn nhọt. Mỗi ngày đắp khoảng 2 – 3 lần, đắp liên tục cho đến khi nào nốt mụn vỡ hoặc xẹp đi thì ngừng (thuocdantoc.org).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

385. Rau diệu tía *Alternanthera polygonoides* (L.) R.Br. ex Sweet, 1818

Công dụng: Chữa bệnh đường hô hấp, viêm hầu họng, ho ra máu, đi cầu ra máu, kiết lỵ, đi tiểu khó, tiểu ít, viêm đường tiểu, viêm da, viêm mu da, viêm vú, mẩm ngứa, nấm ngoài da, rắn độc cắn. Ngoài ra, còn dùng để làm lợi sữa cho sản phụ, nhuận gan, lợi mật, hạ sốt

Tính vị: Cây có vị đắng, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Rau diệu có lượng protein khá cao, cao gấp 2 lần rau muống

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại từ thành phố Cà Mau, huyện Phú Tân và Năm Căn, các huyện còn lại đều có thể tìm thấy Rau diệu tía.
Sinh cảnh	Cây thường mọc hoang ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 11 đến 12, Tháng 6 đến tháng 1 năm sau
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Giã nát, làm món ăn, vắt nước,..
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: (Hạt kín)
- **Lớp**: (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Amaranthaceae (Rau dền)
      - **Chi**: Alternanthera (Rau diệu)
        - **Loài**: *A. polygonoides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây dạng thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 40-60cm
Rễ cây	Rễ thường mọc cạn và có nhiều cấp bậc khác nhau.
Thân cây	Thân có lông. Cây có nhiều nhánh, có lông
Lá cây	Lá diếp không cuống thường mọc đối, có phiến lá đơn, có hoặc không có cuống. Ở các lá có cuống thường có chiều dài từ 1.5 – 5 mm. Phiến lá có hình mũi mác nhọn, hơi nhám, có chiều dài 4 – 6 cm và rộng là 1 – 2 cm.
Hoa	Cụm hoa dạng bông. Hoa hình đầu hay hình trứng, ở nách lá, mang rất nhiều hoa nhỏ màu trắng, không có cuống. .
Quả/trái	Quả nang ngắn

Stt	**Bài thuốc**	**Sách vở**	**Người Cà Mau đã áp dụng**	**Kinh nghiệm của người Cà Mau**
1	Viêm đường tiểu, tiểu buốt, tiểu ít: Sử dụng 80 gram rau dệu tươi, bao gồm cả lá, thân và rễ. Sau khi rửa sạch cho dược liệu vào ấm và sắc uống. Mỗi ngày uống 2 lần, uống liên tục 5 – 7 giúp giảm nhanh triệu chứng khó tiểu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa ho ra máu, đi cầu ra máu: Dùng rau dệu tươi đem giã lấy nước và thêm ít muối rồi chưng nóng lên uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

386. Rau dừa — *Ludwigia adscendens* (L.) H.Hara, 1953

Rau dừa trâu, Du long thái, Dừa nước, Thụy thái, Thủy long, Co nha pót (Thái), Phiắc pop nặm (Tày)

Công dụng: Thường dùng chữa: 1. Cảm mạo, phát sốt, ho, ho khan; 2. Bệnh sởi không suy sụp hoàn toàn; 3. Giảm niệu

Tính vị: Rau dừa có vị ngọt nhạt, tính hàn.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Ludwigiae Adscendentis.

Thành phần dinh dưỡng: Trong 100g rau dừa nước có 2,62g protit, 4,5g gluxit, 5,5g xenluloza, 1,2g tro, 153mg canxi, 2,5ng P, 0,7mg Fe, 0,26mg carotene, 52mg vitamin

Thành phần hóa học: Trong thân, lá có flavon và tanin

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Bắc Mỹ và lan tràn nhanh chóng đến khắp các Châu lục từ thế kỷ thứ 16.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (xã Tân Lộc) và huyện Trần Văn Thời (xã Khánh hưng), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được trồng và tìm thấy mọc tự nhiên ở trong vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 10, Tháng 3 đến 10
Thu hoạch	Lá và ngọn non thu hái quanh năm, tốt nhất vào mùa thu
Chế biến	Hái về rửa sạch, thái ngắn, phơi hay sấy khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)
    - **Họ:** Onagraceae (Rau mương)
      - **Chi**: Ludwigia (Rau mương)
        - **Loài**: *L. adscendens*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây thảo mọc bò, nổi trên mặt nước nhờ có phao xốp màu trắng
Thân cây	Thân mềm, xốp có rễ ở các mấu.
Lá cây	Lá nguyên, hình bầu dục, các lá dài vài cm và được sinh trong cụm luân phiên bố trí dọc theo thân cây.
Hoa	Hoa mọc ở nách lá, có 5 đến cánh hoa màu vàng sáng, dài đến 2,4 cm. .
Quả/trái	Quả nang cứng, hình trụ, khi chín nứt thành 5 mảnh chứa nhiều hạt
Hạt	Hạt hình chữ nhật

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Cảm sốt, ho khan, đái són, đái gắt, nước tiểu vàng hay đỏ: Dùng 30g rau dừa nước sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Sốt kéo dài sau bệnh sởi: Rau dừa nước tươi 30-60g chiết dịch và dùng uống sau khi đã hấp (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Giảm niệu: Rau dừa nước tươi 30g, đường 15g, nấu nước và dùng hai lần trước bữa ăn (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Trị rắn cắn, chó cắn: Rau dừa nước tươi 1 - 2 nắm, rửa sạch, giã nhuyễn vắt nước uống, đắp bã lên vết thương (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
5	Trị cảm mạo phát sốt, ho do táo nhiệt: Rau dừa nước 20-40g, sắc uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
6	Trị ung sang (mụt nhọt), trật đả (chấn thương đánh, ngã): Rau dừa nước tươi giã nát đắp (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
7	Trị trẻ em mụn nhọt có mủ, Trứng cá: Rau dừa nước sắc uống, ngoài giã đắp rau dừa tươi (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
8	Trị nhũ ung (viêm tuyến vú): Rau dừa nước tươi giã đắp (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
9	Trị đau răng do phong hỏa: Rau dừa nước 80g, sắc uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
10	Trị ban sởi đã phát mà vẫn sốt cao: Rau dừa nước 40 - 80g, giã vắt nước, chưng nước uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
11	Chữa tiểu buốt rắt, tiểu ra máu (chứng trọc lâm): Lấy rau dừa tươi 200g sắc nước uống ngày vài lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa bệnh trẻ em đầu sài lở: Lấy cây rau dừa tươi giã, vắt nước cốt trộn với dầu mè đắp ngoài (Trung tâm Nghiên cứu	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
13	Bị thương phần mềm, ứ máu sưng tấy hoặc mụn nhọt đơn độc sưng lở: Rau dừa nước giã nhỏ, chế ít giấm, đắp chỗ đau, lại dùng rau dừa nước và vỏ cây Gạo (lấy lớp trắng ở trong) mỗi vị 30g sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
14	Chữa đái ra dưỡng trấp, viêm cầu thận cấp và các loại đái đục: 30-40g rau dừa nước sắc nước uống, dùng riêng hoặc phối hợp với Tua rễ da (lấy phần non của rễ mọc phụ sinh từ cành) 20-30g tỳ giải 15-20g. Dùng 5-7 thang thì khỏi (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
15	Trị tửu đản (vàng da do nghiện rượu): Rau dừa nước tươi 1 nắm, giã nát vắt nước cốt, hòa mật ong uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
16	Trị lâm trọc (tiểu buốt, đục): Rau dừa nước tươi 40g, Đường kính 20g, thêm nước sắc, uống trước bữa ăn, ngày 2 lần (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
17	Trị thủy thũng (phù, ứ nước): Rau dừa nước, Thủy hồi hương, Thủy tạo giác, Cam thảo, Phục linh. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
18	Trị táo bón, miệng khát do thực nhiệt: Rau dừa tươi 80 - 160g giã vắt nước hòa mật ong chưng ấm uống (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
19	Trị mụn rộp, dời leo (zona): Rau dừa nước tươi giã vắt nước, hòa bột gạo nếp, bôi chỗ đau (Phan Công Tuấn, 2014)	x		
20	Chữa phụ nữ có khí hư màu vàng (do tỳ thận thấp nhiệt): Chuẩn bị rau dừa, rau Mã đề, mỗi thứ 100g, lá Trinh nữ hoàng cung 2 lá sắc uống ngày 3 lần, một đợt 5-7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa ho khan (do phế nhiệt): Chuẩn bị rau dừa 100g, Rau má tươi 100g, gừng 3 lát sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
22	Chữa sỏi tiết niệu: Chuẩn bị Rau dừa, rau ngò om (rau ngổ), mỗi thứ 100g sắc nước uống ngày 3 lần, uống nhiều ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa sốt lên ban sởi: Rau dừa nước, rau kinh giới, rau ngò rí (rau mùi) tươi mỗi vị 40-60g sắc, gừng tươi 3 lát sắc uống ngày vài lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Trong vú có hòn cục đau nhức, cơ thể mệt mỏi, sút cân: Rau dừa nước loại tươi 40g, lá Bồ công anh loại tươi 40g. Hai thứ giã nhỏ đắp vào vú, băng lại. Tác dụng thanh nhiệt,	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	chống viêm, phá kết (làm tan hòn cục) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
25	Chữa vết thương phần mềm, lâu không liền miệng: Rau dừa nước (dùng ngọn non) 40g, lá vông (dùng lá non) 40g. Hai thứ giã nhỏ, đắp vào vết thương băng lại (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Chữa đái dắt, đái buốt, nước tiểu đỏ: Rau dừa nước, rau Mã đề, Cỏ mực, lá Đinh lăng mỗi thứ 50g, nấu nước uống trong ngày. Tác dụng: chống viêm thanh nhiệt, lợi tiểu. Chỉ dùng vài lần là có hiệu quả (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
27	Đau vùng hố thận, mi mắt sụp, chân tay phù, tiểu ít: Rau dừa nước (khô) 20g, hương nhu trắng 16g, xa tiền 12g, bạch truật 12g, ngải diệp 16g, sinh khương 6g, quế 8g, kiện 10g, trần bì 12g. Ngày 1 thang, sắc 3 lần, uống 3 lần (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
28	Chữa da vàng tiểu vàng, đau nhức hạ sườn phải, tiêu hóa chậm, phân thường táo, do can uất khí trệ: Rau dừa nước (tươi) 30g, đan bì 10g, chi tử 10g, củ đợi 10g, Nhân trần 10g, hạ liên châu 10g, đương quy 12g, nam hoàng bá 12g, uất kim 10g, xuyên khung 12g, ích mẫu 12g. Ngày 1 thang, sắc 3 lần uống 3 lần (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
29	Chữa ngứa ngoài da, do thời tiết oi nóng: Rau dừa nước (tươi) 30g, Cỏ mực (tươi) 24g, nam hoàng bá 12g, kinh giới 12g, huyền sâm 10g, ngân hoa 10g, liên kiều 10g, sài hồ 12g. Ngày 1 thang, sắc 3 lần uống 3 lần. Trường hợp này cần kiêng: thịt chó, mắm tôm, tôm, cua, ốc, cá mè, vì các thứ này dễ gây dị ứng (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
30	Chữa nước tiểu đục như nước vo gạo, do thận hư, chức năng của thận bị rối loạn: Rau dừa nước tươi 80 -100g nấu nước uống trong ngày, dùng liên tục 10 - 15 ngày. Hoặc rau dừa nước (khô) 20g, hoài sơn 12g, sơn thù 10g, đan bì 10g, trạch tả 12g, thục địa 12g, bạch linh 10g, khởi tử 12g, khiếm thực 12g, Đỗ trọng 10g, biển đậu 12g, Rau má 20g, Đinh lăng 16g, Cam thảo đất 16g, trần bì 10g. Ngày 1 thang, sắc 3 lần uống 3 lần (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
31	Điều trị sỏi tiết niệu: Rau dừa nước (khô) 20g, kim tiền thảo 16g, ích mẫu 16g, Ké đầu ngựa 12g, Đinh lăng 16g, Mã đề thảo 16g, trinh nữ 16g, cối xay 16g, lá tre 16g. Ngày 1 thang, sắc 3 lần uống 3 lần. 7 - 10 ngày là 1 liệu trình (theo Lương y Trịnh văn Sỹ).	x		
32	Chữa tiểu ra dưỡng chấp (viêm cầu thận): Lấy rau dừa, Mã đề mỗi vị 50-100g sắc uống (theo Lương y Minh Phúc).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
33	Chữa phụ nữ có khí hư màu vàng (do tỳ thận thấp nhiệt): rau dừa, rau Mã đề, mỗi thứ 100g, lá Trinh nữ hoàng cung 2 lá sắc uống ngày 3 lần, một đợt 5-7 ngày (theo Lương y Minh Phúc).	x		
34	Chữa ho khan (do phế nhiệt): rau dừa 100g, Rau má tươi 100g, gừng 3 lát sắc uống (theo Lương y Minh Phúc).	x		
35	Trị bướu, ung thư: Lấy bông, thân, lá Rau dừa nấu nước uống.			x
36	Trị huyết trắng: Lấy cả cây Rau dừa nấu nước uống hàng ngày.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

387. Rau lang (Khoai lang) *Ipomoea batatas* (L.) Lam., 1793

Công dụng: Bồi bổ cơ thể, ích khí, cường thận, kiện vị, tiêu viêm, thanh can, lợi mật, sáng mắt. Nó được dùng chữa vàng da, ung nhọt, viêm tuyến vú, phụ nữ kinh nguyệt không đều (dùng trước kỳ kinh), nam giới di tinh, trẻ em cam tích, lỵ.

Tính vị: Tính bình, vị ngọt

Quy kinh: tỳ, vị, đại tràng

Bộ phận dùng: Củ, lá

Thành phần hóa học	Củ chứa 24,6%tinh bột, 4,17% glucoza. Khi còn tươi chứa 1,3% protein, 0.1% chất béo, các diattaza, tro có Mn, Ca, các Vitamin A, B, C, 4.24% tamin, 1.375 pentozan Khi đã phơi khô chứa dextrin, axit clorogenic, phytosterol, carotin, adenin, betanin, cholin. Trong dây khoai lang có ađenin, betain, cholin, theo Garcia F trong ngọn dây khoai lang đỏ có chứa một chất gần giống insulin, ở lá già không có chất này. Do đó người bị đi đái đường có thể dùng dây khoai lang mà ăn.
Nguồn gốc	Châu Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Rau lang có thể tự mọc và được trồng nhiều ở trong vườn nhà, ven vuông, vườn thuốc nam, ven đường và ven ao để làm thực phẩm và làm thuốc
Chế biến	Dùng tươi, chín, phơi khô,...
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)

→ **Chi**: Ipomoea (Khoai lang)

→ **Loài**: *I. batatas*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây dài 2-3m, có thể dài 4-5m cho đến 7m nếu cho mọc tự nhiên
Đường kính cây	
Rễ cây	Rễ phình thành củ tròn dài, màu đỏ, trắng, vàng hay tím. Lớp cùi thịt có màu từ trắng, vàng, cam hay tím. Trên đốt thân có rễ khí sinh, khi chạm đất các rễ này phát triển thành rễ dinh dưỡng.
Thân cây	Thân phát triển thành nhiều nhánh.
Lá cây	Lá có nhiều dạng, các lá mọc so le, thường là hình tim xẻ 3 thùy sâu hay cạn, có cuống dài.
Hoa	Cụm hoa xim ít hoa ở đầu cành hay nách lá. Hoa hình phễu màu tím nhạt, trắng hay vàng. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Củ khoai có tác dụng bồi bổ cơ thể, ích khí, cường thận, kiện vị, tiêu viêm, thanh can, lợi mật, sáng mắt. Nó được dùng chữa vàng da, ung nhọt, viêm tuyến vú, phụ nữ kinh nguyệt không đều (dùng trước kỳ kinh), nam giới di tinh, trẻ em cam tích, lỵ. Lá khoai bổ hư tổn, ích khí lực, kiện tỳ vị, bổ thận âm, dùng chữa tỳ hư, kém ăn, thận âm bất túc. Kiêng kỵ với các trường hợp tiêu chảy, viêm dạ dày đa toan, đường huyết thấp. Khoai lang vàng đỏ có nhiều vi chất hơn khoai lang trắng. Ngoài công dụng làm thực phẩm, làm nguyên liệu chế tinh bột khoai, ta có thể dùng khoai làn làm thuốc nhuận tràng. Phân mềm, không lỏng, không đau bụng. Ngày uống nước sắc, ăn cả lá với liều 60-100g lá tươi hoặc 30-40g lá khô (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Chữa ngộ độc sắn: Khoai lang gọt vỏ giã nát thêm nước, vắt lấy nước cốt. Uống cách nhau 1/2 giờ (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Say tàu xe: Củ khoai lang tươi nhai nuốt cả nước và bã (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Phụ nữ băng huyết: Rau lang tươi một nắm giã nát, lấy nước cốt uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
5	Phòng chống béo phì: ăn khoai và rau lang luộc. Hoặc ăn chế độ 1/2 gạo, 1/2 khoai riêng rẽ, hoặc độn với nhau nấu cơm, cháo, bánh... (Hoàng Xuân Đại, 2015).	x		
6	Trị chứng biếng ăn ở trẻ: cho ăn dặm bằng bột khoai lang vàng đỏ quấy với bột, sữa (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Chữa cam tích trẻ em: lá khoai lang non 100g, màng mề gà 2g. Sắc uống hoặc quấy với bột sữa (Hoàng Xuân Đại, 2015).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Trị thiếu sữa: lá khoai lang tươi non 250g, thịt lợn 200g thái chỉ. Xào chín mềm, thêm gia vị (Thầy thuốc của bạn).	x		
9	Viêm tuyến vú: khoai lang trắng gọt vỏ, giã nhuyễn đắp lên vú, có thể phối hợp với tỏi giã nhuyễn để đắp (Thầy thuốc của bạn).	x		
10	Thận âm hư, đau lưng mỏi gối: lá khoai lang tươi non 30g, mai rùa 30g, sắc kỹ lấy nước uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
11	Chữa quáng gà: lá khoai lang non xào gan gà hoặc gan lợn (Thầy thuốc của bạn).	x		
12	Trị đau bao tử: Lấy đọt Rau lang (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) và 1 ít muối, đâm, vắt lấy nước uống			x
13	Trị ho, bệnh phổi: Lấy 1 nắm cọng, lá Rau lang đâm, vắt lấy nước uống. Uống vài tháng			x
14	Trị bệnh tiểu đường: Nấu canh Rau lang ăn trong bữa cơm			x

Lưu ý khi sử dụng:

Một số điểm lưu ý khi dùng khoai lang:

1. Để có tác dụng bổ dưỡng, nên ăn khoai vỏ đỏ ruột vàng. Để giải cảm và chữa táo bón phải dùng khoai vỏ trắng ruột trắng.

2. Không nên dùng khoai lang (củ và rau) lúc quá đói vì khi đó đường huyết đã thấp, lại làm hạ thêm gây mệt mỏi.

3. Không ăn thường xuyên rau lang vì chứa nhiều canxi có thể gây sỏi thận.

4. Nên ăn kèm đạm động vật, thực vật để cân bằng thành phần dưỡng chất.

5. Trong khoai lang có chất đường, nếu ăn nhiều, nhất là khi đói sẽ gây tăng tiết dịch vị làm nóng ruột, ợ chua, sinh hơi trướng bụng. Để tránh tình trạng này khoai phải được nấu, luộc, nướng thật chín hoặc cho thêm ít rượu vào nấu để phá hủy chất men. Nếu bị đầy bụng, có thể uống nước gừng để chữa.

6. Vỏ khoai lang chứa nhiều vitamin và khoáng chất. Do đó phải bảo vệ phần vỏ không bị xây xát, không gọt vỏ nếu không cần thiết. Vỏ còn giúp bảo vệ dưỡng chất bên trong, vì vậy khi luộc khoai nên để cả vỏ (đã rửa sạch).

7. Bảo quản khoai ở nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, không có chuột bọ và chỉ nên dùng trong một tuần.

8. Phải bỏ hết khoai hà (sùng), khoai đã có mầm và vỏ xanh chứa chất độc.

9. Khi luộc rau lang để ăn và chữa bệnh, nên lấy nước thứ hai vì nước thứ nhất thường chát và hăng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

388. Rau má — *Centella asiatica* (L.) Urban, 1879

Tích tuyết thảo, Lôi công thảo

Công dụng: Thanh nhiệt trừ thấp, giải độc, tiêu viêm. Chữa sốt, mụn nhọt, vàng da, thổ huyết, chảy máu cam, táo bón, ho, tiểu tiện rắt buốt

Tính vị: Rau má có vị hơi đắng, ngọt, tính hơi mát

Quy kinh: can, tỳ, thận, đại trường, tiểu trường

Bộ phận dùng: Cả cây gồm lá, rễ

Thành phần hóa học	Trong cây có alcaloid là hydrocotyln và các glycosid asiaticosid... có tác dụng tới các mô liên kết, giúp cho các mô tái tạo nhanh chóng, do đó làm các vết thương mau lành và lên da non. Chất asisticosid có tác dụng kháng khuẩn (do làm tan màng sáp của vi khuẩn) và làm cho vết thương mau chóng lên da non . Cây có chứa hoạt chất chính là saponin (bao gồm axit asiatic, axit brahmic)
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc Australia, các đảo Thái Bình Dương, New Guinea, Melanesia, Malesia và châu Á
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	phần lớn rau má được trồng nhiều hơn so với tự mọc. Rau má được trồng làm thực phẩm và làm thuốc trong vườn nhà và vườn thuốc nam, ven bờ ao, bờ sông. Rau má mọc ở vườn nhà.
Mùa hoa quả	Tháng 4 - 6, Tháng 4 - 6
Thu hoạch	Rau má được thu hái quanh năm, người dân thường nhổ cả cây, lấy cả rễ về sử dụng. Từ tháng 4 đến tháng 8 là thời điểm cây phát triển mạnh, cho chất lượng tốt nhất
Chế biến	Rau má thường dùng tươi

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Apiales (Hoa tán)
    - **Họ:** Apiaceae (Hoa tán)
      - **Chi**: Centella (Rau má)
        - **Loài**: *C. asiatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây thảo mọc bò
Rễ cây	Rễ mọc từ các mấu của thân
Thân cây	Thân non màu tía nhạt, thân già màu tía đậm hơn, có lông trắng và khía dọc nhỏ; có nhiều mấu, mỗi mấu phát triển thành một cây. Phân nhánh nhiều trên mặt đất
Lá cây	Lá đơn, lá mọc so le hoặc nhiều lá tập trung ở một mấu, không có lá kèm. Phiến lá hình thận, mép khía tai bèo, dài 4-6 cm, rộng 2,5-3,5 cm, màu xanh, mặt trên đậm hơn. Gân lá kiểu chân vịt, 6-8 gân nổi rõ ở mặt dưới
Hoa	Cụm hoa tán đơn gồm 3 hoa mọc trên trục phát hoa hình trụ, dài 5-13 mm, màu xanh tím, đậm hơn ở gốc, có nhiều lông trắng mịn, mảnh. Tán có 2 lá bắc, hình trứng nhọn, dài 3-5 mm, rộng 2-3 mm, màu xanh, có sọc tía, đậm hơn ở gốc lá, có lông mịn và tồn tại cùng quả. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5. Đế hoa lồi, màu xanh nhạt, dài 0,5-0,6 mm. Cuống hoa rất ngắn (0,4 mm), có lông. Lá đài 5, đều, rời, màu xanh, dạng hình tam giác nhỏ, dài 0,3-0,5 mm, tiền khai van. Tràng hoa gồm 5 cánh hoa rời, đều, màu tím nhạt, hình trứng, đỉnh cong vào phía trong, dài 1-1,5 mm, rộng 0,5-1mm, tiền khai van. Bộ nhị gồm 5 nhị rời, đều, đính xen kẽ cánh hoa; chỉ nhị dạng sợi, màu xanh nhạt, dài 0,3-0,45 mm, có lông; bao phấn màu hồng tím, 2 ô, hình thận, dài 0,2-0,3 mm, nứt dọc, hướng trong, đính giữa; hạt phấn rời, hình hạt gạo, màu vàng, có rãnh dọc, dài 20-25 µm. Bộ nhụy gồm 2 lá noãn, bầu dưới 2 ô, dẹp, đáy hình tim, đầu bằng, màu đỏ tía, dài 3-4 mm, rộng 3,5-4 mm, có nhiều lông trắng. Vòi nhụy 2, rời, đính trên đỉnh bầu hơi choãi ra hai bên, màu xanh, dài 0,3-0,4 mm, chân vòi phình ra, đĩa mật hình vòng cung bao quanh gốc vòi nhụy. .
Quả/trái	Qủa dẹt, có sống hơi rõ. Quả bế đôi, hình tim, đầu bằng, hai bên bị ép dẹp, dài 3,5-3,7 mm, rộng 3,5-4 mm, màu xanh phớt tía, có gân dọc màu hồng tía và lông mịn; cắt ngang gồm 2 phần quả có hình tam giác, mỗi phần quả có 10-12 cạnh lồi
Hạt	Hạt màu trắng, hình bán nguyệt, đường kính 1,5-2 mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa khí hư bạch đới: Rau má phơi khô thành thuốc bột uống, mỗi sáng dùng 2 thìa cà phê (Võ Văn Chi, 2012)	x		
2	Chữa viêm hạnh nhân: Rau má tươi giã lấy nước cốt, hòa ít giấm uống từ từ (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa ho, đái buốt, đái gắt: Rau má tươi giã lấy nước cốt uống hoặc sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
4	Chữa viêm tấy, mẫn ngứa: Rau má trộn dầu giấm ăn hoặc giã nát vắt lấy nước, thêm đường uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
5	Thuốc lợi sữa: Rau má ăn tươi hay luộc ăn cả cái và nước (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa mụn nhọt: Rau má rửa sạch, đem giã nát và đắp lên vùng da bị nhọt (Nhật Anh, 2019).	x		
7	Trị viêm họng và viêm amiđan: Rửa sạch 60g Rau má, giã nát rồi ép lấy nước, hòa với nước ấm trước khi uống (Nhật Anh, 2019).	x		
8	Giải độc thuốc (hoặc thực phẩm): Giã nát Rau má sau khi rửa sạch, vắt lấy nước uống, để dễ uống nên pha thêm ít đường phèn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Cải thiện cảm nắng, hoa mắt, buồn nôn, nhức đầu: Lấy 1 nắm Rau má rửa sạch, giã nhuyễn để tách ra phần nước cốt và phần bã. Phần nước đem pha ít muối rồi uống, còn phần bã đắp lên trán và thái dương (Nhật Anh, 2019).	x		
10	Điều trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lị: Dùng 30 - 40g Rau má (lấy toàn bộ cây, bỏ rễ) đem rửa sạch và trộn ít muối để ăn suống hoặc luộc (Nhật Anh, 2019).	x		
11	Chữa chứng đau bụng do kinh nguyệt, đau lưng: Nên hái Rau má khi vừa mới ra hoa, đem phơi khô và tán nhỏ. Mỗi lần pha uống khoảng 2 muỗng cà phê với nước ấm, chỉ nên uống 1 lần vào buổi sáng (Nhật Anh, 2019).	x		
12	Chữa táo bón: Đem giã 30g Rau má (đã rửa sạch) và đắp vào rốn (Nhật Anh, 2019).	x		
13	Chữa sẹo lõm: rửa và ngâm Rau má trong nước muối pha loãng 15 phút, rồi chia làm 2 phần - một phần sắc uống còn một phần giã đắp lên vùng sẹo lõm khoảng 15 phút rồi rửa lại nước sạch (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa chảy máu chân răng, chảy máu cam và các chứng chảy máu: Rau má 30g, cỏ nhọ nồi và trắc bá diệp mỗi vị 15g sao và sắc nước uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
15	Chữa thống kinh, đau lưng, đau bụng, ăn kém, uể oải: Rau má 30g, ích mẫu 8g, Hương phụ 12g , Hậu phác 16g. Đổ 600ml nước, sắc còn 200ml chia 2 lần uống trong ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
16	Chữa cảm nắng, say nắng: Rau má tươi 60g, hương nhu 16g, lá tre 16g, lá sắn dây 16g. Cho khoảng 600ml sắc còn một nửa chia uống 2 lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Trị viêm gan vàng da cấp tính: Rau má, Rễ tranh đều 30g; Cỏ ban 15g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2016)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Chữa nhiễm trùng đường tiểu: Rau má 30g, Cỏ bờm ngựa, Rau Mã đề, Tử hoa địa đinh đều 15g. Sắc nước uống (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
19	Chữa trúng nắng thổ tả: Rau má 30g, Cúc hoa 10g, Cam thảo 6g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
20	Chữa cổ họng sưng đau: Rau má 30g, Bản lam căn 15g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
21	Chữa viêm tuyến nước bọt cấp tính (Quai bị): Rau má30g, Bọ mẩy 15g. Sắc uống. Ngoài dùng Rau má tươi lượng vừa đủ giã vắt nước hòa chút bột Thanh đại bôi (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
22	Chữa trúng độc nấm: Rau má 120g, Cải củ 500g. Giã nắt vắt nước uống (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
23	Trị ngứa: Rau má, Chó đẻ, Cỏ sữa nhỏ lá, Đậu săng, mỗi thứ một nắm (khoảng 60g tươi hoặc 30g khô), Khoai lang (một củ), đường bát (1/4 tán), gan heo tươi (1 lạng). Tất cả rửa sạch cho vào ấm sắc thuốc, đổ 2 bát nước, sắc còn 1 bát, chia uống 3 lần trong ngày. Không để qua đêm vì dễ thiu. Dùng 1 đến 3 thang là có kết quả cho các chứng ngứa ngoài da do huyết nhiệt, gan nóng hoặc do bệnh thận, rối loạn chức năng thần kinh, dị ứng…(Phan Công Tuấn, 2016)	x		
24	Kích thích tiêu hóa, nhuận gan, nhuận trường, lợi tiểu, giải độc và tăng cường sức đề kháng của cơ thể: Rau má 8g, Rễ tranh 8g, Lá muồng trâu 4g, Cỏ mần chầu 8g, Cỏ mực 8g, Cam thảo đất 8g, Ké đầu ngựa 8g, Củ Sả 4g, Gừng tươi 4g, Vỏ quít 4g. Tùy theo tình trạng của người bệnh và điều kiện của địa phương mà linh động gia giảm vị thuốc hoặc liều thuốc (Phan Công Tuấn, 2016)	x		
25	Điều trị vàng da do thấp nhiệt: Đem sắc uống khoảng 30 - 40g Rau má với 30g đường phèn.	x		
26	Điều trị lở loét ở vùng lưng: Rửa sạch Rau má, giã nát và đem ép lấy nước cốt, hòa tan với bột nếp sao cho hỗn hợp sền sệt, đem thoa lên vùng bị tổn thương.	x		
27	Chữa áp xe vú (giai đoạn đầu): Đem sắc uống Rau má và vỏ cau, ó thể pha thêm một ít rượu để làm tăng hiệu quả.	x		
28	Điều trị tiểu ra máu: Lấy một nắm Rau má và một nắm ích mẫu thảo, đem rửa sạch, giã nát và vắt lấy nước cốt uống.	x		
29	Cải thiện biếng ăn, còi cọc ở trẻ, đi ngoài phân sống: Dùng một nắm rễ Rau má, rửa thật sạch để ráo nước, tán thành bột cho vào cháo.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
30	Chữa sẹo lồi: rửa sạch, giã nát và lọc lấy nước, hòa với ít mật ong rồi đem bôi lên vùng sẹo lồi, mát-xa nhẹ nhàng bằng nước ấm trong 30 phút.	x		
31	Chữa sẹo thâm: rửa sạch Rau má, ngâm với nước muối, giã nhuyễn và đắp lên cùng da bị sẹo thâm mỗi ngày 2 lần trong 4 tháng.	x		
32	Trị bệnh ung thư gan, viêm gan: Rau đắng đất, Ô rô, Quao. Lấy cả cây phơi khô, mỗi thứ 1 nón lá (tỉ lệ 1:1:1:1) đã phơi khô. Đỗ vô 10 lít nấu còn 1 lít đỗ vô 0,5 lít mật ong tiếp tục nấu, còn khoảng 0,5 lít uống 1 muỗng canh mỗi tối			x
33	Giải nhiệt cơ thể, nóng trong người, mát gan, bồi bổ cở thể, nhức mỏi: Dùng lá Rau má nấu canh để ăn trong bữa cơm. Có thể phơi nguyên dây của Rau má để nấu nước uống			x
34	Trị trúng thực: Nướng cơm nguội, để vào chén, cho khoảng 100g Rau má chưng, uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

389. Râu mèo — *Orthosiphon aristatus* (Blume) Miq, 1858

Bông bạc, Cỏ râu mèo, Mao trao thảo

Công dụng: Chữa viêm thận, viêm bàng quang, sỏi thận, viêm gan

Tính vị: Râu mèo có vị ngọt nhạt, hơi đắng tính mát.

Quy kinh: thận, bàng quang

Bộ phận dùng: Phần trên mặt đất. Tất cả các bộ phận của cây râu mèo đều được tận dụng để làm vị thuốc chữa bệnh

Thành phần hóa học: Cây chứa một glycosid đắng là orthosiphonin, tinh dầu, chất béo, tanin, đường và một tỷ lệ khá cao muối vô cơ, trong đó chủ yếu là muối kali . Trong dược liệu râu mèo có rất nhiều các thành phần hóa học đã được tìm thấy như: Các flavonoid, Kaempferol 3-O-b-glucosid, Quercetin 3-O-b-glucosid, Esculetin, các chất diterpenoid, Saponosid, Betain, các alcool triterpenoid, Cholin
Lá râu mèo có chứa một saponin, một alkaloid, tinh dầu, tanin, axit hữu cơ (axit tartric, axit citric, axit glycoic) và dầu béo. Lá có hoạt tính là do có hàm lượng kali cao và một glycosid đắng là orthosiphonin.
Lá khô và ngọn tươi có hoa chứa các chất vô cơ khoảng 12% với hàm lượng kali cao, flavonoid, các dẫn chất của axit cafeoic, inositol, phytosterol, saponin, tinh dầu.

Nguồn gốc	Loài cây miền Malaixia- Châu Đại dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây Râu mèo có sự phân bố khá rộng, ngoại trừ thành phố Cà Mau, huyện Phú Tân và Năm Căn, các đơn vị thành chính còn lại đều có thể tìm thấy cây này.
Sinh cảnh	Râu mèo được người dân trồng ở trong vườn nhà và ven đường. Cây cũng được trồng làm thuốc ở các vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 7- 11, Tháng 7- 11
Thu hoạch	Thu hái khi cây chưa có hoa. Cây thường được thu hái vào khoảng tháng 9 hằng năm. Cần thu hái khi cây đã phát triển mạnh, không quá già hay còn quá non. Thời điểm phù hợp nhất là khi cây chuẩn bị ra hoa
Chế biến	Khi làm thuốc cắt cả cây, thu hái khi cây chưa có hoa, rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô Râu mèo là dược liệu có thể được sử dụng ở cả dạng tươi và dạng khô
Bảo quản	Bảo quản dược liệu ở trong túi kín và để nơi khô ráo, thoáng mát. Thỉnh thoảng nên đem dược liệu ra phơi lại để tránh ẩm mốc, mối mọt

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Lamiales (Hoa môi)

Họ: Lamiaceae (Hoa môi)

Chi: Orthosiphon

Loài: *O. aristatus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,3 – 0,5m, có khi hơn
Thân cây	Thân mảnh cứng, hình vuông, mọc đứng, nhẵn hoặc có ít lông, ít phân cành. Lúc còn non, phần thân có màu xanh và có lông ở bề mặt. Tuy nhiên, càng về già thì thân cây sẽ chuyển dần sang màu tím.
Lá cây	Lá mọc đối, chóp nhọn, mép khía răng to. Lá của loại cây này là lá đơn mọc đối chéo chữ thập với cuống lá ngắn. Phần phiến lá gần hình thoi dài khoảng 4 – 8cm và rộng khoảng 2 – 4 cm. Ở 2/3 phía trên mép lá có răng cưa
Hoa	Cụm hoa là chùm xim co ở ngọn thân và ở đầu cành. Cụm hoa nằm ở ngọn, mọc theo vòng gồm khoảng 6 – 10 vòng và mỗi vòng sẽ có 6 hoa. Hoa có màu trắng với phần nhị vươn dài ra bên ngoài, gấp khoảng 2 – 3 lần chiều dài của cánh hoa. Hoa màu trắng sau ngã sang màu tím, Nhị và nhụy mọc thò ra ngoài, nom như râu mèo, bao phấn và đầu nhụy màu tím.
Quả/trái	Quả bế tư

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sỏi tiết niệu loại sỏi nhỏ: Râu mèo 6 - 10g khô, rửa sạch hãm với nửa lít nước sôi như hãm trà. Chia 2 lần uống trong ngày, trước khi ăn cơm 15 - 30 phút. Uống nóng, uống liên tục 10 ngày, nghỉ 4 ngày, lại uống tiếp đợt khác (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Chữa viêm thận phù thũng: Râu mèo, Mã đề, Lưỡi răng trắng, mỗi vị 30g sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa sỏi niệu đạo, bệnh đường tiết niệu: Râu mèo, Chó đẻ răng cưa, Thài lài, mỗi vị 30g, sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Trị sỏi tiết niệu loại sỏi nhỏ: Cỏ Râu mèo, Chó đẻ răng cưa, thài lài, mỗi vị 30g. Tất cả rửa sạch cho 800ml nước, sắc còn 250ml, uống trong ngày, trước khi ăn, lúc còn nóng. Dùng 5 -10 ngày một liệu trình (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
5	Điều trị đái tháo đường: Râu mèo tươi 50g, khổ qua (dây, lá, quả non, tươi) 50g, cây Mắc cỡ (sao vàng) 6g. Tất cả rửa sạch cho 800ml nước sắc còn 250ml, uống trong ngày, dùng liên tục 1 tháng, sau đó kiểm tra lại lượng đường trong máu (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Trị tiểu tiện không thông (tiểu buốt, rắt): Râu mèo 40g, thài lài trắng 30g, rửa sạch cho 750ml nước, đun nhỏ lửa thêm 6g hoạt thạch, uống trong ngày. Uống liền 5 ngày. Nếu tiểu tiện bình thường thì ngừng thuốc (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Trị tiểu ra sỏi, tiểu ra máu và tiểu buốt: Râu mèo 40g, thài là trắng 30g, Sắc lấy nước, mỗi lần hòa thêm 6g bột hoạt thạch uống trong ngày, chia làm 3 lần. Uống liền 5 - 7 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Trị viêm đường tiểu: Râu mèo, thài lài, Chó đẻ răng cưa, mỗi thứ 30g sắc uống. Dùng trong một tuần lễ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Trị viêm thận mạn tính, viêm bàng quang, viêm khớp, phong thấp, viêm đường ruột: Râu mèo 40g, tỳ giải và rễ ý dĩ mỗi vị 30g. Sắc nước uống. Dùng 3 tuần nghỉ 1 tuần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Trị viêm thận phù thũng: Râu mèo, Mã đề, bạch hoa xà thiệt thảo, mỗi vị 30g sắc uống. Chú ý phải kết hợp dùng thuốc kháng sinh của y học hiện đại đủ liều theo phác đồ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Trị thận dương suy kém kèm theo hiện tượng bụng dưới đau tức: Râu mèo 16g, Mã đề 20g, rễ tranh 12g, tô mộc 12g, rễ Cỏ xước 16g, rễ cây ruột gà 12g. Dược liệu khô, sắc với nửa lít nước 150 - 200ml, chia làm 2 lần uống trước bữa ăn (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Trị viêm gan siêu vi, bệnh hoàng đản, da dẻ xanh xao vàng bủng, táo bón kinh niên: Râu mèo30g, cỏ lưỡi rắn 30g, cây Chó đẻ 30g, ac-ti-sô 20g, Cỏ mực 30g. Dược liệu khô thêm 1 lít nước sắc còn 3/4 lít để uống trong ngày. Dùng 3 tuần lễ, nghỉ 1 tuần rồi uống tiếp trong vài ba tháng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Trị táo bón kéo dài: Bông bạc khô 30g, cỏ lưỡi rắn 30g, cây Chó đẻ 30g, atisô 20g, Cỏ mực 30g. Tất cả rửa sạch, cho vào ấm đổ 1 lít nước sắc còn 3/4 lít để uống trong ngày. Dùng 3 tuần lễ, nghỉ 1 tuần rồi uống tiếp trong 1 tháng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Chữa sỏi tiết niệu loại nhỏ: Râu mèo 40g, thài là trắng 30g, Sắc lấy nước, mỗi lần hòa thêm 6g bột hoạt thạch uống trong ngày, chia làm 3 lần. Uống liền 5 – 7 ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
15	Chữa viêm thận, viêm bàng quang, viêm khớp, phong thấp, viêm đường ruột: Râu mèo 40g, tỳ giải 30g, rễ ý dĩ 30g đem đi sắc nước uống. Cứ uống 3 tuần thì cách 1 tuần (Thầy thuốc của bạn).	x		
16	Chữa viêm thận phù thũng: Cây Râu mèo 30g, Mã đề 30g, bạch hoa xà thiệt thảo 30g đem đi sắc lấy nước uống. Phương phải này nên áp dụng kết hợp với y học hiện đại để cải thiện bệnh (Thầy thuốc của bạn).	x		
17	Chữa táo bón: Cây Râu mèo khô 30g, khổ qua tươi 50g, cây xấu hổ khô 6g đem sao vàng. Đem các dược liệu băm nhỏ sắc với 1 lít nước đến kho còn lại 3/4 thì rót ra uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
18	Trị bệnh thận: Lấy 6-10g Râu mèo phơi khô, thêm 0,5 lít nước sôi vào, ngâm, uống (như pha trà). Uống 2 lần/ngày. Dùng liên tục 10 ngày, nghỉ 4 ngày rồi dùng tiếp			x
19	Trị đau nhức: Lấy 1 nắm lá Râu nấu nước uống hàng ngày			x
20	Trị tiểu rắc, giúp lợi tiểu: Lấy Cỏ xước, Râu mèo nấu với nước dừa, sắc đến khi còn 1 chén, uống. Uống 2 lần/ngày.			x
21	Trị tiểu gắt: Lấy 1 nhúm đọt Râu mèo đâm, vắt lấy nước, thêm 1 ít mật ong hoặc muối, uống.			x
22	Trị máu nhiễm mỡ: Lấy 1 nắm Râu mèo (khô), Cỏ xước, Vỏ bưởi sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Cần thận trọng khi dùng cho phụ nữ có thai, nhất là trong 3 tháng đầu của thai kỳ

Loại thảo dược này thường không có độc tính khi sử dụng với liều thông thường. Tuy nhiên, nếu dùng kéo dài với liều cao có thể tác động đến sự cân bằng ion cũng như các phân hóa tố. Ngoài ra, cần cẩn trọng khi dùng dược liệu này cho phụ nữ mang thai, nhất là còn ở 3 tháng đầu thai kỳ

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

390. Rau mui bông vàng — *Wollastonia biflora* (L.) DC., 1836

Cúc biển, Hải cúc, Ngổ núi, Sơn cúc bò, Sơn cúc hai hoa, Cúc biển, Sài đất hai hoa

Công dụng: Lợi tiểu (Lá). Tẩy (Hoa). Phù chân voi do giun chỉ, lợi tiểu (cả cây). Viêm loét, lở ngứa (Lá). Rễ dùng chữa bệnh lậu, sỏi thận hoặc giã đắp vết thương.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ

Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây chủ yếu mọc hoang trong vườn nhà dân, ven sông/kênh mương/vuông và mọc tự nhiên ở ven đường. Cây cũng mọc hoang ở một vài vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Quanh năm
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Làm món ăn, giã nát, sắc nước
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Sphagneticola
        - **Loài**: *S. calendulacea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây dạng thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 1-1,5m
Thân cây	Thân mọc đứng, gần như trườn. Cành có rãnh nhẵn
Lá cây	Lá hình ngọn giáo, thon lại trên cuống, có mũi nhọn dài, dài 4-7cm, rộng 2-4cm, có lông cứng nham nhám trên cả hai mặt, mép có răng thưa,
Hoa	Hoa đầu cô độc hay từng cặp lưỡng phân hoặc ở nách lá phía ngọn; lá bắc xoan, dài 4-5mm; hoa hình môi có 5-10 cái, giữa các hoa có vảy. .
Quả/trái	Quả bế hình xoan ngược, tròn và có lông ở đỉnh, không có lông mào, dài

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị nổi mầy đay: Lấy 3 nắm lá rau mui bông vàng có màu xanh đậm, vắt, rồi pha đường (hoặc muối) để uống (ydhvn.com).	x		
2	Chữa da bị biến màu, vết cắt, sâu bọ đốt loét, các chỗ đau, sưng và dãn tĩnh mạch: ở Ấn Độ, lá giã ra dùng làm thuốc đắp lên (ydhvn.com).	x		
3	Trị đái ra máu và thông tiểu: Lá sắc uống (ydhvn.com).	x		
4	Trị rối loạn về âm đạo, bệnh lậu và sỏi thận hoặc dùng đắp vết thương và ghẻ ngứa (ydhvn.com).	x		
5	Trị mụn nhọt, apxe, sởi đậu, các vết đốt của sâu bọ.: ở Malaixia, người ta cũng dùng lá giã và nghiền ra đắp (ydhvn.com).	x		
6	Trị táo bón mạn tính: Dịch lá dùng làm thuốc tăng trương lực cùng với sữa bò cho phụ nữ sau khi sinh con. Dùng phối hợp với Đại hoàng (ydhvn.com).	x		
7	Trị đau bao tử: Lấy một nắm Rau mui bông vàng xào với tôm, tép ăn.			x
8	Trị bệnh Gout, trị bệnh phổi, trị bệnh hen suyễn: Lấy lá Rau mui bông vàng đâm, vắt lấy nước, pha ít mật ong để uống			x
9	Trị đau ruột già: Lấy một nhúm cả cây Rau mui bông vàng đâm với chút muối, vắt lấy nước uống hoặc có thể thêm mật ong, uống.			x
10	Trị bệnh đường ruột: Lấy lá non ăn sống hoặc chấm cá kho hàng ngày			x
11	Trị trật khớp: Lấy lá Rau mui bông vàng (nam 7 lá, nữ 9 lá) sao với giấm cho vàng rồi bó và chỗ khớp bị trật.			x
12	Trị ho: Lấy 1 nắm lá Cỏ hôi và Rau mui bông vàng, đâm vắt lấy nước, thêm ít mật ong rồi uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

391. Rau mương — *Ludwigia prostrata* Roxb., 1820

Rau dừa bò, Rau mương đất, Rau mương bò, Rau mương thon, Rau lục, Đơn rút

Công dụng: Chữa ung nhọt, tê thấp, gây nôn, lỵ, ho gà, viêm gan hoàng đản cấp tính, viêm hầu họng, viêm ruột thừa, viêm ruột cấp, trẻ em cam tích (cả cây). Còn chữa đau cơ, đau răng, trẻ em cam tích, thủy thũng.

Tính vị: Vị ngọt, nhạt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn thân

Thành phần hóa học: Chưa có bất kỳ nghiên cứu nào xác định thành phần hóa học tồn tại trong cây rau mương

Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (thị trấn Thới Bình, xã Trí Phải) và huyện Trần Văn Thời (xã Khánh hưng), huyện U Minh (thị trấn U Minh), huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú, xã Tân Hưng Đông
Sinh cảnh	Đa số cây mọc tự nhiên trong vườn nhà và ven sông, ven vuông, ven đương đi, ven ao bờ
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 3,
Thu hoạch	Cây rau mương rất dễ trồng, vì vậy, có thể thu hoạch quanh năm. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng vị thuốc và tăng tác dụng chữa bệnh, tốt nhất nên thu hái rau mương vào mùa hè thu
Chế biến	Sau khi thu hái xong đem rửa sạch, để ráo, thái khúc và phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

→ **Họ:** Onagraceae (Rau mương)

→ **Chi**: Ludwigia

→ **Loài**: *L. Prostrata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm
Dạng cây	Thân thảo, mọc đứng hay nằm
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình khoảng 25 – 50 cm.
Thân cây	Thân thẳng đứng, trong đó thân và cành có 4 góc tù. Cây có phân nhánh
Lá cây	Lá hình dải- ngọn giáo, thon hẹp đều đều ở hai đầu, dài 2,5-7cm, rộng 7-15mm, màu đo đỏ, phiến hẹp dần thành cuống.
Hoa	Hoa màu vàng 1-8 chiếc thành xim ở nách lá, không cuống.. .
Quả/trái	Quản nhẵn, hình trụ và hơi phồng lên ở đỉnh. Mỗi quả có chiều dài 2 – 3
Hạt	Hạt có 4 cạnh.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị dạ dày do vi khuẩn H.Pylori: Sử dụng cây Rau mương có hoa vàng với chiều cao trung bình khoảng 1 mét đem rửa sạch, phơi khô và sao vàng hạ thổ. Sau đó, sắc thuốc và uống đều mỗi ngày, giúp giải quyết triệu chứng đau và khó chịu do bệnh đau dạ dày gây nên (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Hạ đường huyết: Sử dụng độc vị của cây Rau mương đem phơi khô và sao sơ, Sau đó hãm lấy với nước sôi và uống như trà mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa viêm họng, viêm amidan: Sử dụng một nắm lá cây Rau mương đem rửa sạch và nhai nuốt chung với ít muối. Mỗi ngày nhai một lần vào buổi tối trước khi đi ngủ. Thực hiện liên tục cho đến khi triệu chứng bệnh thuyên giảm thì dừng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Trị tiêu chảy, đầy bụng: Dùng lá cây Rau mương đem rửa sạch, ngâm nước muối pha loãng. Sau đó, giã nát và vắt lấy nước cốt uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Điều trị mịn nhọt, áp xe và chín mẻ: Lấy một ít lá và thân Rau mương, rửa sạch và ngâm nước muối pha loãng 5 – 10 phút. Sau đó giã nát và đắp lên nốt mụn từ 10 – 15 phút. Đồng thời, bệnh nhân nên lấy 30 – 40 g cây Rau mương khô sắc thuốc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa áp xe, mụn nhọt, chín mé: Bài này gồm 2 phần, trong uống, ngoài đắp. Phần thuốc đắp: Lấy một nắm thân và lá Rau mương, đem ngâm nước muối loãng rồi rửa sạch, để ráo. Giã nát phần thuốc này, rồi đem đắp vào chỗ abces, mụn nhọt trong 15 phút. Lưu ý phải vệ sinh sạch sẽ vùng da này trước và sau khi đắp. Làm 1 -2 lần mỗi ngày. Phần thuốc uống: Chuẩn bị khoảng 30 – 40gr Rau mương khô, đem sắc nước uống mỗi ngày. Dùng cách này đến khi vết thương lành hẳn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa bệnh tiểu đường: Sử dụng 15 g Rau mương, 15 g chuối hột, 15 g dây mây, 10 g lá Vú sữa tím, 15 g lục bình, 10 g cam thảo nam và 20 g khổ qua. Tất cả các vị thuốc cho vào ấm, thêm 3 chén nước và sắc cạn còn 8 phân thì tắt bếp, lọc lấy thuốc và chia đều ra uống 2 lần vào buổi sáng và chiều (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị bệnh tiêu chảy: Giã nát lá Rau mương, vắt lấy nước uống hàng ngày (1 ly uống rượu/lần uống)			x
9	Trị bệnh tiểu đường: Lấy Rau mương, quả mướp đắng, Cam thảo đất, Vú sữa đất: mỗi thứ 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn 2 chén, uống. Uống sáng chiều.			x
10	Giải nhiệt: Lấy cả cây Nhân trần nam, Cỏ mần trầu, Cỏ mực, Rau mương; mỗi thứ 1 nắm, nấu nước uống			x
11	Trị nhiễm trùng bao tử, trị gai cột sống: Phơi khô Rau mương nấu nước uống. Uống sáng 1 chén, chiều 1 chén.			x
12	Trị huyết trắng: Đâm 1 cây Rau mương (tươi) với muối, lược bỏ xác, lấy nước uống. Hoặc lấy 500g Rau mương sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uông.			x
13	Trị khớp, chó cắn: Lấy 1 nhúm lá Rau mương với ít muối, đâm, vắt lấy nước uống, còn xác thì lấy đắp chỗ bị đau khớp hoặc chó cắn.			x
14	Trị ban: Lấy 1 nắm cả cây gốc rễ Rau mương chặt khúc, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 ly (cỡ ly uống trà), uống.			x
15	Trị gan, dị ứng da: Lấy mỗi thứ 1 nắm: tay Đu đủ, Nhân trần, Gạc nai, Rau mương, sao vàng sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
16	Trị kiết ly: Rau mương nướng vàng, sao, nấu nước uống. Uống 1 lần/ngày			x
17	Trị bệnh phổi: Lấy 50g cả cây Rau mương (đã chặt khúc) và nước dừa (1 trái), nấu còn 1 chén uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Trị đau bao tử: Lấy 1 nắm cây Rau mương, phơi khô, nấu nước uống			x
19	Trị viêm da, ửng đỏ, viêm tế bào da: Lấy Rau mương, sọ dừa non, Rau dừa và phèn chua đâm, sau đó lấy hỗn hợp đắp lên chỗ da bị viêm			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Trong quá trình sử dụng cây rau mương cải thiện triệu chứng bệnh, người bệnh cần lưu ý những điều sau đây:

Không nên tự ý dùng cây rau mương điều trị bệnh khi chưa tham khảo ý kiến từ bác sĩ Đông y

Mặc dù lành tính nhưng để đảm bảo an toàn sức khỏe, bệnh nhân không nên quá lạm dụng cây rau mương. Tốt nhất nên sử dụng đúng liều lượng và thời gian đẻ tránh gây nên những đáng tiếc không mong muốn xảy ra

Tính hiệu quả mà bài thuốc từ cây rau mương mang lại còn tùy thuộc vào cơ địa cũng như tình trạng sức khỏe của từng đối tượng bệnh. Do đó, người bệnh không nên đặt hoàn toàn niềm tin vào loại thảo dược tự nhiên này

Trong trường hợp sử dụng cây rau mương, nếu bệnh không có dấu hiệu thuyên giảm, người bệnh nên ngưng sử dụng và đến bệnh viện thăm khám

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

392. Rau muống biển — *Ipomoea pes-caprae* (L.) R.Br., 1818

Mã an đằng, Nhị diệp hồng thự, Muống biển, Bìm chân dê

Công dụng: Nhân dân thường dùng lá Muống biển làm thức ăn cho thỏ, dê, ngựa chuột lang; cũng dùng cho trâu bò những chúng không thích ăn vì có mùi hăng và làm cho sữa bò có mùi vị không ngon. Toàn cây được dùng làm thuốc chữa cảm mạo, sốt, sốt rét, tê thấp, chân tay đau nhức, mỏi thông tiểu tiện. Dùng ngoài, lá Muống biển tươi giã nát dùng đắp lên các vết loét, mụn nhọt đang mưng mủ và cũng dùng trị rắn cắn có thể phơi khô tán nhỏ rắc lên những nơi bị bỏng

Tính vị: Vị cay và hơi đắng, tính ấm

Quy kinh	Kinh can, tỳ
Bộ phận dùng	Toàn cây
Thành phần hóa học	Cây chứa nhựa 7,27%, tinh dầu 0,048% và các chất pentatriacontane, triacontane, sterol, acid behenic, acid melissic, acid butyric và acid myristic. Rễ chứa alcaloid.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ) và huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh, xã HÀm Rồng), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân), huyện U Minh (xã Khánh Hội), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xà Tân Dân,
Sinh cảnh	Cây phần lớn mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven bờ sông, ven ao, dọc đường đi. Cây cũng được người mang đi trồng ven đường đi
Mùa hoa quả	Ra hoa quanh năm, chủ yếu vào mùa hè và mùa thu.,
Thu hoạch	Thu hái quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)

→ **Chi**: Ipomoea

→ **Loài**: *I. pes-caprae*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo mọc bò, không leo
Chiều cao cây	Thân dài đôi khi đạt đến 30 m
Rễ cây	Rau muống biển có một hệ thống rễ cái chắn chịt dày đặc tại các đốt để thích ứng bám vào môi trường cát
Thân cây	Thân dày phân nhánh, hâu như có rãnh, nhẵn, thường đo đỏ, ngọn hướng lên. Thân phân rất nhiều cành, thân tím, đặc, không có lông, có 2 đường rãnh nông ở 2 bên thân dọc theo chiều dài thân từ mấu này tới mấu kia.
Lá cây	Lá hầu như tròn hơi vuông, hình tim sâu ở gốc, tròn hay lõm ở đầu dài 4-6cm, rồng 5-7cm nhẵn cả 2 mặt. Lá đơn, nguyên, mọc cách, không có lá kèm; lá hình thận, tròn hay lõm ở đầu, gốc sâu hình tim, dài 5-8,5 cm, rộng 6,5-9,5 cm, mặt trên xanh lục, mặt dưới nhạt, nhẵn cả 2 mặt; lá non 2 mảnh cụp vào nhau. Cuống lá dài 5-9,5 cm, màu tím nhạt, mặt trên có đường rãnh màu đậm hơn, có 2 tuyến đối nhau ở đầu cuống. Gân lá hình lông chim lồi mặt dưới; 6-8 cặp gân phụ hơi lồi ở mặt dưới, tập trung nhiều ở gốc
Hoa	Phát hoa ít hoa, thân thẳng đứng, một cuống to 3-16 cm, mang 1 đến 6 hoa, thường nở ra cùng một lúc. Hoa lớn hình loa kèn, màu hồng tím khá đẹp (Nguyễn Kỳ Nam, 2008). Hoa mọc thành xim 1-3 hoa ở nách lá, cuống chung dài 5-6,5 cm. Hoa to, màu hồng tím. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5. Cuống hoa dài 1,5-2,5 cm, màu xanh nhạt. Lá bắc và 2 lá bắc con hình vảy tam giác, dài khoảng 1,5 mm. 5 lá đài rời, hình bầu dục, đầu có mũi nhọn, dài 5-7 mm, màu xanh lục nhạt, tiền khai ngũ điểm. 5 cánh hoa dính nhau thành ống hình kèn dài 3-3,5 cm, đường kính loe 4-5 cm. Tiền khai vặn. 5 nhị rời, chỉ nhị dạng sợi, hơi phình ở đáy, dài không bằng nhau (3 ngắn, 2 dài), dài 4-8 mm, đính vào cuối ống tràng, xen kẽ cánh hoa, không thò ra ngoài, đáy chỉ nhị được bao bọc bởi đám lông mịn màu trắng. Bao phấn 2 ô, đính đáy, hướng trong, khai dọc. Hạt phấn rời, hình cầu gai. 2 lá noãn dính nhau thành bầu trên 2 ô, có vách giả chia thành bầu 4 ô, mỗi ô 1 noãn, đính noãn trung trụ gần đáy bầu. Vòi nhụy 1, dạng sợi mảnh, màu trắng, dài khoảng 1 cm, đính ở đỉnh bầu. Đầu nhụy hình cầu dạng cuộn não, có 2 thùy, màu trắng. Đĩa mật màu vàng nhạt nằm quanh đáy bầu. .
Quả/trái	Trái hình cầu, đường kính 2cm. Trái: nang gần tròn, to 12 đến 17 mm, 4 buồng, chứa 4 hột đen tròn, bao phủ bởi lớp lông nằm màu vàng 6 đến 10 mm dài. Tự khai phóng thích hạt
Hạt	Hạt 4, đường kính 7mm dẹp, màu hung

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa tê thấp, phù thũng: Lấy rễ và dây Rau muống biển sắc nước uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa thấp khớp tạng khớp: Lấy Rau muống biển 45g, sắc nước uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa chàm (eczema): Dùng rễ Rau muống biển 30g, sắc nước uống. Mặt khác, dùng lá muống biển tươi, sắc lấy nước rửa (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Bối ung (nhọt độc mọc ở lưng): Dùng lá Rau muống biển tươi, lượng thích hợp, giã nát đắp (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa trĩ chảy máu: Rau muống biển 30g, nấu với lòng lợn 300g chia 2 lần ăn như thức ăn (Võ Văn Chi, 2012).	x		
6	Chữa viêm khớp sưng đau: Rau muống biển 50g, dùng nửa nước nửa rượu sắc chia 2 lần uống (Phan Công Tuấn, 2017).	x	x	
7	Chữa nhức răng do phong hỏa: Rau muống biển và Rễ dành dành đều 15g, Rễ Sậy 30g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
8	Chữa bệnh giun chỉ bạch huyết (phù chân voi): Rễ Rau muống biển, Rễ Sung thiên tiên (Mao thiên tiên quả), Rễ rung rúc (Lão thử nhĩ) đều 30g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
9	Chữa khí hư bạch đới: Rau muống biển 30g, Rễ ý dĩ 15g. Sắc uống (Phan Công Tuấn, 2017).	x		
10	Điều trị mẩn ngứa, sởi, thủy đậu ở trẻ em: Dùng một bó Rau muống biển, rửa sạch thái nhỏ nhồi vào một con gà lông vàng, chân vàng. Hầm nhừ gà cùng với một ít rượu nếp trắng. Khi gà chín mềm thì dùng ăn khi còn ấm. Ngoài ra, có thể nấu nước Muống biển đê thoa, rửa và tắm để hỗ trợ điều trị bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa mụn nhọt và viêm mủ da: Muống biển 30-60g sắc và thêm đường đỏ uống, bên ngoài dùng cây tươi giã nát đắp vào chỗ đau (Hữu Đức, 2012).	x		
12	Chữa viêm đa khớp dạng thấp: Rễ Rau muống biển, Cỏ xước đều 30g, sắc uống (Phan Công Tuấn, 2017)	x		
13	Điều trị say nắng, vết cắn của rắn độc: Sử dụng một nắm Muống biển tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy phần nước cốt dùng uống. Ngoài ra, có thể sử dụng 100 g Rau muống biển cắt đoạn ngắn trộn với 50 g gạo tẻ, giã nhuyễn, thêm nước vừa đủ, dùng uống. Đối với người bị rắn độc cắn, sau khi sơ cứu nên đưa người bệnh đến bệnh viện để kiểm tra và điều trị phù hợp (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
14	Trị nhức mỏi: Lấy Rau muống biển, khóm ngâm rượu uống. Ngâm 1 tuần có thể sử dụng			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
15	Trị thần kinh tọa: Lấy cọng, lá Rau muống biển phơi héo, thêm đường phèn, ngâm rượu uống.			x
16	Trị nhức mỏi: - Cách 1: Lấy Rau muống biển chặt khúc, sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân rồi uống - Cách 2: Lấy 1kg cây Rau muống biển bỏ lá, chặt khúc, phơi khô, thêm 1kg Nhãn lồng, 1kg chuối chín cho vào keo ngâm 3 lít rượu, uống. Uống 1 ly nhỏ/ ngày. - Cách 3: Lấy Rau muống biển bỏ lá, cắt ngắn, phơi khô, sao thủy thổ, thêm cây Bình bát (cạo bỏ vỏ), rễ Nhàu, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. - Cách 4: Kết hợp với rễ Nhàu, rễ Bình bát phơi khô, nấu nước uống như dùng trà hằng ngày.			x
17	Trị xương khớp: Lấy Rau muống biển (chặt khúc, phơi khô) nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống, Uống 2 lần/ ngày			x
18	Trị bệnh tiểu đường, tháo tiểu đường: Lấy Rau muống biển, Cỏ mần trầu , Mía lau (cả cây) sao thủy thổ, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
19	Trị tê tay, tê chân: Lấy mỗi loại 100g gồm Rễ Nhàu, rễ Bình bát, Rau muống biển, sao vàng thủy thổ, nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
20	Trị rong kinh: Nấu Rau muống biển với nước dừa, còn 1 chén uống sáng chiều.			x
21	Trị nhức khớp:Llấy 700g hai loại: cọng: cây muống biển và Rau muống biển, ngâm rượu 2 lít uống hàng ngày.			x
22	Trị tê: Lấy 1 nắm Rau muống biển phơi khô nấu nước uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Muống biển không độc tuy nhiên không được sử dụng cho phụ nữ có thai. Người bệnh viêm đường tiết niệu, sỏi thận, huyết áp cao không nên dùng. Người đang điều trị bệnh bằng bất cứ phương pháp nội khoa hoặc ngoại khoa khác, không nên dùng. Muống biển là vị thuốc tương đối quen thuộc và lành tính. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả và an toàn, người bệnh nên trao đổi với thầy thuốc hoặc người có chuyên môn để được hướng dẫn cụ thể về liều lượng và cách sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

392. Rau muống đồng — *Ipomoea aquatica* Forssk, 1775

Rau muống đỏ, Rau muống ruộng, Rau muống nước

Công dụng: Thanh nhiệt lương huyết, cầm máu, chữa tâm phiền, chảy máu mũi, lưỡi đỏ rêu vàng, khát nước mát, ù tai chóng mặt

Tính vị: Rau muống đồng có vị ngọt, tính hơi lạnh (khi nấu chín thì lạnh giảm) đi vào các kinh tâm, can, tiểu trường, đại trường.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Cọng thân

Thành phần hóa học	Trong 100g rau muống đồng có: 78,2g nước, 85mg canxi, 31,5mg phốt pho, 20g vitamin C và một hàm lượng nhỏ protein, sắt, vitamin B2, carôten, axit nicotic. Đặc biệt, trong giống rau muống đỏ chứa một chất giống như insulin nên đối với người mắc bệnh đái tháo đường ăn thường xuyên rau muống đỏ rất tốt...
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới châu Á, Châu Phi
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	rau muống đồng được trồng mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven bờ sông, ven đường, ven ao, dọc đường đi. Cây cũng được người mang đi trồng
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 11

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Solanales (Cà)
    - **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)
      - **Chi**: Ipomoea
        - **Loài**: *I. aquatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây ngắn ngày
Dạng cây	Cât thân thảo
Rễ cây	Rễ mọc ra từ vị trí nối của các đốt trên thân.
Thân cây	Thân thường to, mập với màu đỏ tía hoặc màu xanh lá. Thân cây có nhiều đốt rỗng bên trong, vị trí giữa các đốt là một lá và có thể đâm mầm, hoa hoặc rễ. Cọng thân có màu đỏ tía sẫm, màu hơi tối và nếu mọc ở trên bờ thì thân cứng hơn, nhỏ hơn các loại rau muống khác..
Lá cây	Lá rau muống nước có hình mũi tên bản rộng, những lá to nhìn như hình trái tim dài.
Hoa	Hoa trắng hoặc tím.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giúp nhuận tràng, lợi thủy (làm giảm tình trạng ứ nước trong cơ thể): Ăn Rau muống đồng luộc (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Giải các loại độc do thức ăn và thuốc uống gây ra: Lấy nước cốt Rau muống đồng tươi uống (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		
3	Giúp giảm đường máu đối với người bệnh tiểu đường (đái tháo đường): Rau muống đỏ có chứa hoạt chất có hoạt tính tương tự như insulin (mà insulin là chất đóng vai trò rất quan trọng trong chuyển hóa đường – giúp tế bào chuyển đường trong máu thành năng lượng cho cơ thể sống, tránh tăng đường huyết). Cách dùng: ăn như Rau muống thông thường (luộc, làm gỏi, nấu canh chua… đều được) (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		
4	Trị trẻ nóng nhiệt ra mồ hôi mùa hè: Rau muống đồng 100g, mã thầy 500g, sắc lấy nước cho trẻ uống thay nước trong ngày (Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe TP Hồ Chí Minh, 2017)	x		
5	Thanh nhiệt lương huyết, cầm máu, chữa tâm phiền, chảy máu mũi, lưỡi đỏ rêu vàng, khát nước mát, ù tai chóng mặt: Rau muống đồng 150g, cúc hoa 12g, đun sôi 20 phút lọc lấy nước (Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe TP Hồ Chí Minh, 2017).	x		
6	Trị tiểu đường: Rau muống đồng 60g, râu ngô 30g, sắc lấy nước uống trong ngày, cần uống một thời gian dài (Thuốc dân tộc, nd)	x		
7	Chữa bệnh trĩ: Lấy 100g Rau muống đồng nấu nhừ, gạn lấy nước, cho 120g đường trắng, nấu lên thấy sánh như kẹo mạch nha lấy uống, ngày hai lần, mỗi lần 100g (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Chữa nhiệt miệng, nhất là trẻ nhỏ: Lấy 60 g Rau muống đồng, cắt nhỏ rồi nấu lấy nước cùng với nửa kg củ năn (đã làm sạch, gọt vỏ), chắt lấy nước uống trong ngày để vừa giải khát, vừa giải nhiệt (vì hai thành phần này đều thanh mát) (Hoàng Xuân Đại, 2009).	x		
10	Chữa kiết lỵ: Lấy 400g cọng Rau muống đồng tươi, vỏ quýt khô lâu năm một ít, nấu nhỏ lửa trong nhiều giờ, lấy nước uống trong ngày (Thuốc dân tộc, nd).	x		
11	Trị đau bao tử: Đâm nhuyễn Rau muống đồng pha chút mật ong rồi uống.			x
12	Trị song đau yết hầu: Lấy rễ Rau muống đồng (nam dùng 7 rễ, nữ dùng 9 rễ) đem đi đâm, pha thêm ít muối cho người bệnh ngậm (nhưng không được cho người bệnh hay).			x
13	Trị nổi mụt nhọt: Lấy Rau muống đồng (đọt) và ít muối, đâm nhuyễn, đắp lên mụt nhọt.			x
14	Triị táo bón: Lấy 1 nắm đọt Rau muống đồng luộc ăn bình thường (bỏ đọt nhỏ ở đầu).			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Đối tượng cần tránh: Những người bị bệnh Gút, viêm khớp, viêm đường tiết niệu và đang bị vết thương hở hay mụn nhọt chưa lành… thì không nên ăn rau muống (vì sẽ làm cho tình trạng tệ hơn). Ngoài ra, những người cơ địa hư hàn cũng không nên ăn nhiều.

Kết hợp: Rau muống có tính giã thuốc, vì vậy, khi bạn đang uống một loại thuốc nào đó thì không nên ăn rau muống ngay.

Liều lượng: Rau muống có tính hàn và giúp nhuận tràng khá mạnh nên nếu ăn nhiều, bạn sẽ dễ bị tiêu chảy (dân gian có một mẹo nhỏ để không bị tiêu chảy khi ăn rau muống là ngắt bỏ khoảng 2 cm phần ngọn rau non – phần này chứa nhiều chất nhầy; tuy nhiên, cách tốt nhất vẫn là ăn với lượng vừa phải và kiên trì).

Thu hái: Rau muống đỏ hay mọc trong bùn nước nên dễ bị nhiễm bẩn, nhiễm khuẩn, vì vậy, bạn nên ngâm nước muối và rửa sạch thật kỹ trước khi dùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

394. Rau muống tàu — *Ipomoea aquatica* Forssk., 1775

Rau muống lá tre, Bìm bìm nước, Rau muống cạn

Công dụng: Thanh nhiệt cơ thể, giải độc, nhuận tràng, kích thích hệ thống tiêu hoá, điều trị đái tháo đường,…

Tính vị: Rau muống tính mát, vị nhạt, hơi ngọt nhẹ

Quy kinh: tâm, can, đại trường, tiểu trường

Bộ phận dùng: Sử dụng phần thân, lá non để làm thực phẩm và dược liệu điều trị bệnh rất tốt.

Thành phần dinh dưỡng: Rau muống tàu chứa nhiều dinh dưỡng thiết yếu như vitamin A, C và beta-carotene.

Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau. Ngoài trừ huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Đa số người dân trồng Rau muống tàu trong vườn nhà ven ao để làm thuốc và làm thực phẩm. Cây cũng có khả năng tự mọc trong vườn nhà và ven đường đi
Thu hoạch	Có thể thu hái quanh năm
Chế biến	Thường dùng ăn kèm hoặc vò nát để nấu nước. Ít khi loại dược liệu này được sơ chế, phơi khô.
Bảo quản	Rau muống tươi có thể rửa sạch, bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh bụi bẩn và côn trùng. Để bảo quản lâu hơn, có thể cho vào ngăn mát tủ lạnh.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Solanales (Cà)
    - **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)
      - **Chi**: Ipomoea
        - **Loài**: *I. aquatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống 20-30 ngày
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân rỗng, dày, có nhiều đốt, có rễ ở các đốt, mặt ngoài nhẵn. Thân thường không có lông vào mùa nóng và có lông vào mùa lạnh..
Lá cây	Lá có hình ba cạnh, đầu ngọn, đôi khi lá có thể thon dài, hẹp. Phiến lá dài 7 – 9 cm, rộng 3.5 – 7 cm, cuống lá thường nhẵn, không có lông dài khoảng 3 – 6 mm.
Hoa	Hoa thường to có màu trắng hoặc hồng tím, ống hoa màu tím nhạt. Mỗi cuống hoa có thể mọc 1 – 2 hoa.. .
Quả/trái	Quả hình cầu, đường kính khoảng 7 – 9 mm, hạt có lông màu nâu, hung, đường kính hạt khoảng 4 mm. Mỗi quả thường chứa 4 hạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị ngộ độc: Dùng 1 kg Rau muống tàu rửa sạch, giã nát, lọc lấy nước cốt, dùng uống. Có thể hỗ trợ cải thiện tình trạng ngộ độc nấm, lá ngón, thủy ngân. Sau khi sơ cứu, đưa người bệnh đến bệnh viện cấp cứu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Điều trị mẩn ngứa, rôm sẩy, sởi, thủy đậu ở trẻ em: Dùng một lượng Rau muống tàu vừa phải nấu nước dùng tắm, thoa, rửa vùng da bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Điều trị mụn lở loét, miệng vết thương lõm sâu: Ăn nhiều Rau muống tàu để nhanh chóng liền da, sinh thịt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Ngăn ngừa bệnh tiểu đường: Ăn Rau muống tàu thường xuyên kích thích phát triển các chất đề kháng chống lại bệnh tiểu đường. Đồng thời, nó cũng được sử dụng để điều trị đái tháo đường ở phụ nữ mang thai (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Tăng cường miễn dịch: Ăn Rau muống tàu thường xuyên giúp tăng cường hệ miễn dịch cho cơ thể, thúc đẩy xương phát triển, góp phần tăng cường sức khỏe bằng cách trung hòa và loại bỏ độc tố (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Điều trị đau dạ dày, ợ nóng, ợ hơi, ợ chua, nóng ruột, miệng đắng, khô, mất vị giác: Chuẩn bị Rau muống tàu, Rau má, Cỏ mực mỗi loại 20 g, Rau sam 16 g, Trần bì 12 g. Mang tất cả sao qua chảo nóng, cho vào ấm, đổ thêm 500 ml nước, sắc đến khi còn 200 ml thì chia thành hai lần uống trong ngày, lúc đói (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Điều trị đái tháo đường: Sử dụng Rau muống tàu 60 g, Râu ngô 30 g nấu với một lượng nước vừa đủ, dùng uống. Điều trị tiểu đường, thường dùng Rau muống tía (thân màu tía) hiệu quả tốt hơn loại trắng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Điều trị kiết lỵ: Sử dụng 400 g thân Rau muống tàu tươi, 4 – 6 miếng Trần bì, cho thêm nhiều nước, đun nhỏ lửa trong 2 – 3 giờ, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa chảy máu mũi, lưỡi đỏ, ù tai, chóng mặt, khát nước, tâm phiền muộn: Dùng 150g Rau muống tàu, 12 g Cúc hoa đun sôi với một lượng nước vừa đủ trong 20 phút, lọc lấy nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Điều trị bí tiểu, phù thũng do bệnh thận: Sử dụng một nắm Rau muống tàu, Rễ tranh, Râu ngô, mỗi vị 12 g sắc lấy nước, dùng uống. Mỗi ngày uống một thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Điều trị lở loét, giời leo, nhiễm trùng da: Sử dụng lá cây Vòi voi và ngọn Rau muống tàu, rửa sạch, giã cùng với muối dùng đắp lên vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa chứng viêm lưỡi, viêm viền môi, thiếu vitamin B12: Dùng 100 g Rau muống tàu nấu canh với 50 g Hành tươi, dùng ăn hàng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Điều trị mẩn ngứa do dị ứng thời tiết: Sử dụng 30 g Rau muống tàu, 15 g Râu ngô, 10 củ Mã thầy sắc với 700 ml nước đến khi còn 300 ml thì chia thành 3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Điều trị ngộ độc sắn (củ mì): Sử dụng 100 g Rau muống tàu, thái thành đoạn ngắn trộn với 50 g gạo tẻ, giã nhuyễn, hòa với nước, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Thực tế, đây là món ăn quen thuộc, tuy nhiên một số đối tượng sau không nên sử dụng:

Người bị sỏi thận, bệnh Gout, viêm đường tiết niệu do bệnh thận, cao huyết áp

Người bị vết thương mềm, cạn, không loét sâu không nên ăn Rau muống. Bởi vì có thể làm tăng sinh tế bào, sinh thịt dễ dẫn đến các vết sẹo lồi, vết thâm trên da.

Bệnh nhân điều trị nội, ngoại khoa không được khuyến khích ăn Rau muống. Sử dụng nhiều có thể dẫn đến sẹo lồi trên da gây mất thẩm mỹ.

Bệnh nhân bệnh xương khớp không nên ăn Rau muống để tránh làm tăng viêm khiến tình trạng bệnh thêm nghiêm trọng.

Bệnh nhân điều trị bệnh bằng thuốc Đông y nói chung nên trao đổi với bác sĩ trước khi sử dụng Rau muống. Bởi nó có thể làm mất tác dụng của một số loại thuốc, đặc biệt là các vị thuốc có độc tính.

Lưu ý khi sử dụng Rau muống

Loại rau này có chứa một lượng lớn ký sinh trùng sán ruột có tên khoa học là Fasciolopsis Busk. Do đó, sử dụng Rau muống chưa rửa sạch hoặc nấu chưa chín có thể khiến sán xâm nhập vào cơ thể. Khi nhiễm sán, sán có thể neo đậu vào thành ruột và dẫn đến các triệu chứng như dị ứng da, đau bụng, chướng bụng, khó tiêu.

Ngoài ra, theo khuyến cáo của Cục Bảo Vệ Thực Vật – Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Rau muống là thực vật dẫn đầu trong nhóm rau ăn lá có nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm. Ngoài ra, nếu sử dụng Rau muống chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cao có thể dẫn đến ngộ độc mãn tính, dãn thể miễn dịch, thậm chí là gây ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh. Do đó, khi có nhu cầu sử dụng rau, hãy chọn những nơi uy tín, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để tránh các biến chứng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

395. Rau muống trắng — *Ipomoea aquatica* Forssk., 1775

Rau muống Bắc

Công dụng: Thanh nhiệt cơ thể, giải độc, nhuận tràng, kích thích hệ thống tiêu hoá, điều trị đái tháo đường,…

Tính vị: Tính mát, vị nhạt, hơi ngọt nhẹ

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân, lá non

Nguồn gốc: Việt Nam

Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây phần lớn mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven bờ sông, ven ao, dọc đường đi. Cây cũng được người mang đi trồng trong vườn nhà
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng ăn kèm hoặc vò nát để nấu nước. Ít khi loại dược liệu này được sơ chế, phơi khô.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)

→ **Chi**: Ipomoea

→ **Loài**: *I. aquatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây ngắn ngày
Dạng cây	Cây thân thảo
Rễ cây	Cây có rễ ở các đốt, mặt ngoài nhẵn
Thân cây	Thân rỗng, dày, có nhiều đốt.
Lá cây	Lá Rau muống có hình ba cạnh, đầu ngọn, đôi khi lá có thể thon dài, hẹp. Phiến lá dài 7 – 9 cm, rộng 3.5 – 7 cm, .
Hoa	Hoa thường to có màu trắng hoặc hồng tím, ống hoa màu tím nhạt. Mỗi cuống hoa có thể mọc 1 – 2 hoa. .
Quả/trái	Quả Rau muống hình cầu, đường kính khoảng 7 – 9 mm
Hạt	Hạt có lông màu nâu, hung, đường kính hạt khoảng 4 mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều mụn lở không liền da: Khi mụn lở loét, miệng vết thương lõm sâu có thể ăn nhiều Rau muống để nhanh chóng liền da, sinh thịt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Hỗ trợ cải thiện tình trạng ngộ độc nấm, lá ngón, thủy ngân. Sau khi sơ cứu, đưa người bệnh đến bệnh viện cấp cứu, dùng 1 kg Rau muống rửa sạch, giã nát, lọc lấy nước cốt, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Nếu ngộ độc sắn (củ mì), sử dụng 100 g Rau muống thái thành đoạn ngắn trộn với 50 g gạo tẻ, giã nhuyễn, hòa với nước, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Điều trị mẩn ngứa, rôm sẩy, sởi, thủy đậu ở trẻ em: Dùng một lượng Rau muống vừa phải nấu nước dùng tắm, thoa, rửa vùng da bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Điều trị mẩn ngứa do dị ứng thời tiết: Sử dụng 30 g Rau muống, 15 g Râu ngô, 10 củ Mã thầy sắc với 700 ml nước đến khi còn 300 ml thì chia thành 3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Điều trị lở loét, giời leo, nhiễm trùng da: Sử dụng lá cây Vòi voi và ngọn Rau muống rửa sạch, giã cùng với muối dùng đắp lên vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa chứng viêm lưỡi, viêm viền môi, thiếu vitamin B12: Dùng 100 g Rau muống nấu canh với 50 g Hành tươi, dùng ăn hàng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa chảy máu mũi, lưỡi đỏ, ù tai, chóng mặt, khát nước, tâm phiền muộn: Dùng 150 g Rau muống, 12 g Cúc hoa đun sôi với một lượng nước vừa đủ trong 20 phút, lọc lấy nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Điều trị bí tiểu, phù thũng do bệnh thận: Sử dụng một nắm Rau muống, Rễ tranh, Râu ngô, mỗi vị 12 g sắc lấy nước, dùng uống. Mỗi ngày uống một thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Điều trị đau dạ dày, ợ nóng, ợ hơi, ợ chua, nóng ruột, miệng đắng, khô, mất vị giác: Chuẩn bị Rau muống, Rau má, Cỏ mực mỗi loại 20 g, Rau sam 16 g, Trần bì 12 g. Mang tất cả sao qua chảo nóng, cho vào ấm, đổ thêm 500 ml nước, sắc đến khi còn 200 ml thì chia thành hai lần uống trong ngày, lúc đói (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Điều trị kiết lỵ: Sử dụng 400 g thân Rau muống tươi, 4 – 6 miếng Trần bì, cho thêm nhiều nước, đun nhỏ lửa trong 2 – 3 giờ, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Điều trị đái tháo đường: Sử dụng Rau muống 60 g, Râu ngô 30 g nấu với một lượng nước vừa đủ, dùng uống. Điều trị tiểu đường, thường dùng Rau muống tía (thân màu tía) hiệu quả tốt hơn loại trắng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Trị ngộ độc sắn (củ mì), sử dụng 100 g Rau muống thái thành đoạn ngắn trộn với 50 g gạo tẻ, giã nhuyễn, hòa với nước, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Thực tế, đây là món ăn quen thuộc, tuy nhiên một số đối tượng sau không nên sử dụng:
Người bị sỏi thận, bệnh Gout, viêm đường tiết niệu do bệnh thận, cao huyết áp
Người bị vết thương mềm, cạn, không loét sâu không nên ăn Rau muống. Bởi vì có thể làm tăng sinh tế bào, sinh thịt dễ dẫn đến các vết sẹo lồi, vết thâm trên da.
Bệnh nhân điều trị nội, ngoại khoa không được khuyến khích ăn Rau muống. Sử dụng nhiều có thể dẫn đến sẹo lồi trên da gây mất thẩm mỹ.
Bệnh nhân bệnh xương khớp không nên ăn Rau muống để tránh làm tăng viêm khiến tình trạng bệnh thêm nghiêm trọng.
Bệnh nhân điều trị bệnh bằng thuốc Đông y nói chung nên trao đổi với bác sĩ trước khi sử dụng Rau muống. Bởi nó có thể làm mất tác dụng của một số loại thuốc, đặc biệt là các vị thuốc có độc tính.
Lưu ý khi sử dụng Rau muống
Loại rau này có chứa một lượng lớn ký sinh trùng sán ruột có tên khoa học là Fasciolopsis Busk. Do đó, sử dụng Rau muống chưa rửa sạch hoặc nấu chưa chín có thể khiến sán xâm nhập vào cơ thể. Khi nhiễm sán, sán có thể neo đậu vào thành ruột và dẫn đến các triệu chứng như dị ứng da, đau bụng, chướng bụng, khó tiêu.
Ngoài ra, theo khuyến cáo của Cục Bảo Vệ Thực Vật – Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Rau muống là thực vật dẫn đầu trong nhóm rau ăn lá có nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm. Ngoài ra, nếu sử dụng Rau muống chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cao có thể dẫn đến ngộ độc mãn tính, dãn thể miễn dịch, thậm chí là gây ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh. Do đó, khi có nhu cầu sử dụng rau, hãy chọn những nơi uy tín, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để tránh các biến chứng.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

396. Rau ngổ — *Enydra fluctuans* DC.

Ngổ trâu, Ngổ đất, Ngổ hương, Ngổ nước, Ngổ đắng, Ngổ thơm, Ngổ hương, Cúc nước, Cần nước, Ngổ cộng

Công dụng: Chữa cảm sốt, bí trung tiện, bí đái, đái ra máu, vết thương chảy máu, băng huyết, thổ huyết, viêm tấy, ăn không tiêu, đầy bụng (cả cây); bệnh về gan mật, thần kinh (hạt); phát ban, mụn rộp, sưng phồng (lá).

Tính vị: Vị đắng, tính mát, mùi thơm, không độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Enydrae Fluctuantis.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ.

Thành phần hóa học	Rau ngổ có các thành phần sau (tính theo%) nước 92,2; protein 1,5; lipid 0,3; collulose 2,0; dẫn xuất không protein 3,8; khoáng toàn phần 0,8. Còn có các caroten, vitamin B và vitamin C. Cây khô chứa tinh dầu 0,2% stigmastero, 0,05% và một lượng nhỏ một chất đắng là enydrin
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện ở huyện là Huyện Thới Bình (xã Tân Lộc, xã Hồ Thị Kỷ) và huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc, xã Khánh Bình Tây, xã Khánh Hưng), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú, xã Tân Hưng Đông), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân, xã Đá
Sinh cảnh	Các chuyên gia và người thường trồng trong các vườn thuốc nam và vườn nhà, ven sông và ven ao
Mùa hoa quả	Tháng 11-12 đến tháng 4 năm sau, Tháng 4 đến 5
Thu hoạch	Cây ra ngổ trâu mọc quanh năm nên có thể thu hoạch bất cứ lúc nào
Chế biến	Cây được nhổ đem về cắt bỏ phần gốc rễ, nhặt bỏ tạp chất. Lấy thân, lá và ngọn non đem rửa sạch, dùng tươi hoặc phơi/sấy khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Asterales (Cúc)

→ **Họ:** Asteraceae (Cúc)

→ **Chi**: Enydra

→ **Loài**: *E. fluctuans*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo sống nổi hay ngập nước
Chiều cao cây	Cây dài khoảng 20cm
Rễ cây	Rễ chùm, rễ gốc mọc trong đất ẩm, rễ đốt mọc trong nước, bám nhiều bùn.
Thân cây	Thân hình trụ có rãnh, phân thành nhiều nhánh con, có đốt. Phần thân bên trong giữa hai đốt rỗng. Trên nhánh có đốt
Lá cây	Lá mọc đối, không cuongs dài 2-6cm, rộng 0.3- 1.5 cm gốc hơi rộng và ôm lấy thân, mép có răng cưa . Lá ngổ trâu mọc đối sát vào thân do không có cuống, dài khoảng 5cm. Phía dưới gốc lá hơi rộng, hai bên mép lá hình răng cưa
Hoa	Cụm hoa dạng đầu, không cuống bao bởi hai lá bắc hình trái xoan tù, màu lục.. Hoa cái và hoa lưỡng tính đều sinh sản. Hoa màu trắng, mọc thành chùm nhỏ ở đầu ngọn, không có cuống. Dưới gốc hoa được bao bọc bởi các lá bắc hình trái tim màu lục, lõm ở giữa ôm lấy hoa. Rau ngổ trâu có cả hoa cái lẫn hoa lưỡng tính. Cả hai đều có thể sinh sản. .
Quả/trái	Quả bế, kích thước nhỏ, không có mào lông

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bí trung tiện, bí đái, đái ra máu băng huyết do nóng: Rau ngổ tươi 30g giã nát, cho thêm nước chín để nguội, khuấy đều, lọc lấy nước bỏ bã, pha thêm đường để uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Cầm máu vết thương: Giã nát cành lá rau ngổ tươi, gói vào gạc rồi băng vào vết thương (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa viêm tấy: Rau ngổ tươi giã đắp (Võ Văn Chi, 2012).	x		
4	Trị herpes: Rau ngổ tươi giã nát, chắt lấy nước cốt bôi lên tổn thương herpes mảng tròn (hoặc bệnh ngoài da); kết hợp nấu nước rau ngổ để rửa hằng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Trị viêm tấy đau nhức: Lấy 1 nắm rau ngổ tươi rửa sạch, giã nát, đắp vào nơi thương tổn rất công hiệu (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Trị ho, sổ mũi: Lấy 15 - 30 gr rau ngổ tươi, rửa sạch, sắc kỹ lấy nước uống hằng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Trị ho lâu ngày do viêm phế quản mãn tính, ngủ hay mơ: Lấy 50g rau ngổ rửa sạch, giã nhuyễn vắt lấy nước cốt , 3 - 5 hột muối hột uống lúc sáng mới tỉnh dậy chưa đánh răng súc miệng, liên tục 10 - 15 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Trị sỏi thận bằng rau ngổ: Lấy 20 - 30 gr rau ngổ tươi, rửa sạch, giã nát. Cho nước sôi để nguội vào lọc lấy nước uống hằng ngày. Kiên trì thực hiện bài thuốc này sẽ cho kết quả tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Trị cảm ho: dùng khoảng 20g cây tươi, sắc uống (suckhoedoisong.vn).	x		
10	Trị tiểu tiện không thông, tiểu rắt, viêm đường tiết niệu, đau tức vùng bụng dưới (bàng quang), vôi hóa tiền liệt tuyến, phì đại tiền liệt tuyến, đau quặn thận do sỏi thận: dùng toàn cây non của rau ngổ khoảng 40 - 60g, rồi giã nhỏ hoặc bỏ vào máy xay sinh tố, chế thêm một ly nước sôi để nguội, vắt lấy nước và cho thêm ít hạt muối để uống (suckhoedoisong.vn).	x		
11	Trị vết thương ngoài da gây mủ: giã nát vài ba cây rau tươi, đắp lên vết thương (suckhoedoisong.vn).	x		
12	Chữa ăn uống không tiêu, đầy bụng: Rau ngổ 16g, Nam mộc hương 15g, nước 750ml, sắc còn 250ml, chia 2 lần uống trong ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
13	Trị ung thư dạ dày, ung thư tiền liệt tuyến: Lấy 100g rau ngổ rửa sạch, giã nhuyễn vắt lấy nước cốt, 50g lá non cây hoàn ngọc giã nát vắt lấy nước cốt (có thể dùng cả bã hoàn ngọc cũng tốt), thêm 1 giọt mật gấu nguyên chất, trộn lẫn tất cả uống (ăn) vào lúc 12h đêm, liên tục hai tháng. Trong thời gian dùng bài thuốc này, kiêng ăn hải Sả n, cam, quít, bưởi, mãng cầu ta, nên ăn mãng cầu xiêm, trái lựu, hồng chín.(Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
14	Trị đái ra máu: Rau ngổ 10g, cỏ tháp bút 10g, rễ cỏ tranh 10g, thái nhỏ, phơi khô, tẩm rượu, sao vàng rồi sắc uống làm hai lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Trị ban đỏ: Rau ngổ 20g, dây vác tía 20g, măng Sậy 10g, đọt Tre mỡ 10g, rửa sạch, thái nhỏ, sắc uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Trị đầy hơi, tức bụng, ăn không tiêu: Lấy rau ngổ tươi rửa sạch, mộc hương nam (mua ở các hiệu thuốc nam). Sắc 2 thứ trên với 1.000 ml nước còn 250 ml thì chia làm 2 lần, uống hết trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Trị sỏi mật, sỏi thận (sỏi bùn, đá): Lấy 100g rau ngổ tươi giã nhuyễn, vắt lấy nước cốt, thêm 1 muỗng canh mật ong uống vào buổi sáng lúc đói, liên tục 10 - 15 ngày (suckhoedoisong.vn).	x		
18	Trị đái dầm: Rau ngổ 20g, mùi tàu 20g, Cỏ mần trầu 20g, cỏ sữa lá nhỏ 10g. Tất cả thái nhỏ, phơi khô, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống sau bữa ăn chiều. Dùng 3 - 4 lần (suckhoedoisong.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Trị đái ra máu: rau ngổ 10g, cỏ tháp bút 10g, rễ cỏ tranh 10g, thái nhỏ, phơi khô, tẩm rượu, sao vàng rồi sắc uống làm hai lần trong ngày (suckhoedoisong.vn).	x		
20	Trị sổ mũi, rắn cắn: Rau ngổ 20g, xuyên tâm liên 15g, giã nát, thêm ít rượu, vắt lấy nước uống, bã đắp (suckhoedoisong.vn).	x		
21	Trị rắn cắn: Lấy 15 - 20g rau ngổ tươi, 25g kiến cò, giã nát 2 vị trên, thêm 20 - 30ml rượu trắng, chắt lấy nước uống, còn bã đắp vào vết cắn. Hoặc lấy 20 - 40g rau ngổ khô, sao vàng, sắc lấy nước uống 4 - 5 lần liền (suckhoedoisong.vn).	x		
22	Trị ung thư dạ dày, ung thư tiền liệt tuyến: Lấy 100g rau ngổ rửa sạch, giã nhuyễn vắt lấy nước cốt, 50g lá non cây hoàn ngọc giã nát vắt lấy nước cốt (có thể dùng cả bã hoàn ngọc cũng tốt), thêm 1 giọt mật gấu nguyên chất, trộn lẫn tất cả uống (ăn) vào lúc 12h đêm, liên tục hai tháng. Lưu ý: trong thời gian dùng bài thuốc này, kiêng ăn hải Sả n, cam, quít, bưởi, mãng cầu ta, nên ăn mãng cầu xiêm, trái lựu, hồng chín, sabôchê (suckhoedoisong.vn).	x		
23	Bổ máu, máu lưu thông: Lấy Rau ngổ nấu canh ăn			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Khi dùng dưới dạng tươi, do thân cây có nhiều lông tơ nên khó rửa sạch hết các vi khuẩn gây bệnh nên khi chế biến các món ăn, nhất là các món ăn sống, vì vậy cần phải rửa rau cho thật sạch, nếu có thể ngâm thêm với thuốc tím, nước muối nhằm tránh ngộ độc thức ăn từ rau ngổ; nhúng rau ngổ vào nước sôi có nhiệt độ 40 - 45oC để diệt trứng sán (vì những cây sống ở đầm lầy, ao hồ, thường hay có côn trùng hoặc trứng sán bám vào thân, lá cây).

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

397. Rau nhút — *Neptunia oleracea* Lour., 1790

Rau rút, Quyết thái, Thủy hồ điệp

Công dụng: Dùng làm thuốc để trị cảm sốt, bướu cổ, chứng tim hồi hộp, làm thông huyết mạch, điều hòa tỳ vị, thông thủy đạo, lợi tiểu tiện, tiêu viêm, nhuận tràng, chữa lỵ, côn trùng cắn.

Tính vị: Vị ngọt, tính mát.

Quy kinh: kinh tâm, kinh ddajij tràng

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần dinh dưỡng: Trong rau rút chứa chủ yếu các vitamin và nhiều amin cần thiết như vitamin B12 hay amin leucin, methionin, threonin...(Thầy thuốc của bạn, nd)

Thành phần hóa học	Phần sử dụng ăn được của rau nhút chứa hàm lượng cao (dạng thô) các chất sau: năng lượng (61.56 ± 0.76 kcal), chất đạm thô (3.21 ± 1.46 %), chất xơ thô (2.30 ± 0.08 %), độ ẩm (86.26 ± 0.62 %), hàm lượng tro (1.03 ± 0.04%), nhưng yếu hàm lượng chất béo thô (0.25 ± 0.01 mg/100g). Cây cũng chứa muối khoáng với nồng độ cao: K (3228.33 ± 268.77 mg/100g), Na (222.50 ± 71.20 mg/100g), Ca (381.42 ± 9.00 mg/100g), Cu (2.97 ± 0.12 mg/100g), Mg (186.67 ± 7.64 mg/100g), P (405.92 ± 43.67 mg/100g), Zn (10.53 ± 1.36 mg/100g), Mn (14.23 ± 1.14 mg/100g) và còn chứa hợp chất phylate, là một hợp chất phosphore P
Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ, Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây phần lớn mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven bờ sông, ven ao, dọc đường đi. Cây cũng được các chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm nguyên liệu chữa bệnh
Mùa hoa quả	Tháng 9 - 12, Tháng 9 - 12
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô dùng
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Fabales (Đậu)

→ **Họ:** Fabaceae (Đậu)

→ **Chi**: Neptunia (Rau rút)

→ **Loài**: *N. oleracea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thủy sinh nổi ngang mặt nước, có khí mô.
Rễ cây	Mọc chùm, rễ gốc bám vào đất. Rễ đốt mọc thành chùm từ đốt, rễ phát triển trong nước.
Thân cây	Quanh thân có phao xốp màu trắng, lớp mô dẫn không khí giúp cho thân nổi trên mặt nước.
Lá cây	Lá kép lông chim hai lần . Lá rau rút thường khép lại nhanh chóng khi đột ngột chạm vào (do nước rút nhanh từ phiến lá chét vào cuống lá)
Hoa	. Hoa họp thành đầu, màu vàng . Hoa đầu mang trên một cọng 10 đến 25 cm dài. Cánh hoa màu vàng xanh nhạt, hoa phía trên với 10 tiểu nhụy màu vàng, hoa thấp hơn với 10 cánh hoa lép, dạng giống như tiểu nhụy. Phần lớn hoa trổ trong năm ở vùng nhiệt đới. .
Quả/trái	Quả chứa 6 hạt dẹt, nhẵn . Trái dài 1,5-3,0 cm, rộng 1 cm
Hạt	Hạt 4 – 8 tròn dẹp, to 4 – 5 mm, màu nâu, dẹt hình trứng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sốt cao, không ngủ được, nóng ruột, tiểu tiện không thông: Dùng 30g Rau nhút giã nhỏ, vắt lấy nước cốt uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Chữa đẻn cắn (rắn biển): Rau nhút 20 g, giã nát với ít muối vắt lấy nước uống. Nếu độc chạy vào trong gây tình trạng buồn ngủ lấy ngay 15 g rau rút, ít bèo cái, một miếng bầu đốt lấy khói xông mũi cho tỉnh (theo Bs Phó Đức Thuần) (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Nóng khát táo bón, đái đỏ sẻn: Dùng Rau nhút ăn sống hoặc ép lấy nước uống sống, hoặc làm chín bằng dạng canh ăn trong vài ngày (theo Bs Phó Đức Thuần) (Thầy thuốc của bạn, nd).	x	x	
4	Trị khó tiêu hóa: Rau rút ăn sống hoặc giã nát, lấy nước cốt uống. Dùng ngày 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Trị phù thũng: Lấy 2 nắm Rau nhút (cả thân) rửa sạch, giã nát lấy nước cốt để uống. Người yếu bụng (dễ bị đi ngoài lỏng) thì luộc ăn cái, uống nước. Hoặc ăn sống trong bữa cơm kèm thức ăn khác! Trong vài ngày có kết quả (Bs Phó Đức Thuần) (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Chữa sốt cao khát nước: Dùng 30 g rau rút giã nhỏ vắt lấy nước cốt để uống (Y học cổ truyền Việt Nam, trích dẫn của Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Trong người nóng (nội nhiệt) chảy máu cam, sinh mụn nhọt: Lấy một lượng rau rút đủ dùng, sắc hơi loãng để uống thay nước hằng ngày. Nấu ấm nào uống hết trong ngày, không để qua đêm. Đồng thời ăn cơm với các món nấu từ rau rút (Y học cổ truyền Việt Nam, trích dẫn của Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Nóng khát táo bón, đái đỏ sẻn: Dùng Rau nhút ăn sống hoặc ép lấy nước uống sống, hoặc làm chín bằng dạng canh ăn trong vài ngày (Phó Đức Thuần trích dẫn của Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa đẻn cắn (rắn biển): Rau nhút 20 g, giã nát với ít muối vắt lấy nước uống. Nếu độc chạy vào trong gây tình trạng buồn ngủ lấy ngay 15 g rau rút, ít bèo cái, một miếng bầu đốt lấy khói xông mũi cho tỉnh (Phó Đức Thuần trích dẫn của Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Trị khó tiêu hoá: Ăn sống hay giã nát lấy nước cốt Rau nhút để uống. Ngày dùng 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Nóng người làm nổi mụn, máu cam: Rau rút sắc với nước cho loãng thay nước uống thường xuyên trong ngày hoặc ăn thường xuyên rau rút sống trong bữa ăn (laodong.vn).	x		
12	Chữa cảm sốt cao: Rau nhút (tươi) 30g rửa sạch, giã vắt lấy nước cho bệnh nhân uống, ngày uống 3 lần, cần uống 2 ngày liền. Uống thuốc trước khi ăn (laodong.vn).	x		
13	Chữa đẻn cắn (rắn biển): Rau nhút 20 g, giã nát với ít muối vắt lấy nước uống. Nếu độc chạy vào trong gây tình trạng buồn ngủ lấy ngay 15 g rau rút, ít bèo cái, một miếng bầu đốt lấy khói xông mũi cho tỉnh (laodong.vn).	x		
14	Chữa táo bón, tiểu tiện buốt: Chuẩn bị rau rút khô với lượng vừa phải và sắc cùng 400ml nước. Sắc tới khi chỉ còn 200ml và dùng thay cho nước uống hàng ngày. Ngoài ra, cũng có thể thay thế bằng cách ăn Rau nhút sống thường xuyên trong bữa ăn (laodong.vn).	x		
15	Chữa chảy máu cam, mụn nhọt: Chuẩn bị 300g rau rút rồi cho 800ml nước vào sắc uống thay trà hàng ngày. Đồng thời, kết hợp với các món ăn từ rau rút, không bỏ cay nóng sẽ giúp chữa bệnh chảy máu cam cũng như giảm mụn nhọt do nóng trong (laodong.vn).	x		
16	Chữa táo bón, tiểu tiện buố: Chuẩn bị rau rút khô với lượng vừa phải và sắc cùng 400ml nước. Sắc tới khi chỉ còn 200ml và dùng thay cho nước uống hàng ngày. Ngoài ra, cũng có thể thay thế bằng cách ăn Rau nhút sống thường xuyên trong bữa ăn (Hòa Thuận, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Chữa bướu: Dùng rau rút ăn hằng ngày, ăn liền trong một tháng thì có hiệu quả. Hoặc dùng: Rau rút 30g, Cải trời 20g, Mạch môn, Sinh địa đều 15g, Sài hồ, Kinh giới, Xạ can 8g, sắc uống (Hòa Thuận, 2019).	x		
18	Chữa mất ngủ: Rau nhút phơi khô 30g, khoai sọ 25g, lá sen 10g đem ninh nhừ với nước rồi ăn cả bã lẫn nước. (theo Y học cổ truyền Việt Nam)	x		
19	Chữa cảm sốt cao: Dùng Rau nhút (khô) 20g, kinh giới 10g, sắn dây (củ) 8g. Sắc thuốc xong cho bệnh nhân uống làm 2 lần trong ngày, uống lúc còn nóng. Ngày uống 1 thang, cần uống 3 ngày liền (Hòa Thuận, 2019).	x		
20	Chữa bệnh sốt, không ngủ được: Rau nhút 20g, lá sen 10g, kinh giới 12g. Sắc thuốc xong, cho bệnh nhân uống làm 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang. Cần uống 3 ngày liền. (theo Y học cổ truyền Việt Nam)	x		
21	Chữa bệnh mất ngủ sau khi khỏi sốt: Rau nhút 30g, khoai sọ 25g, lá sen 10g. .(theo Y học cổ truyền Việt Nam)	x		
22	Chữa khó ngủ nhức đầu: Rau nhút 300 g, cá rô 200 g, gia vị vừa đủ. Cá làm sạch chỉ lấy phần nạc, ướp gia vị. Xương cá giã nhỏ vắt lọc lấy nước thêm nước cho đủ khoảng 400 ml, đem đun sôi rồi cho rau rút (làm sạch thái đoạn ngắn) và cá nạc vào nước đang sôi, quấy đều, chờ sôi lại, nhắc ra ăn nóng với cơm. Ngày một lần, liền 5 ngày (theo Bs Phó Đức Thuần)	x		
23	Chữa bướu cổ: Ăn rau rút hằng ngày bằng cách thay đổi cách chế biến như trên, trong một tháng. Hoặc rau rút 30 g, Cải trời 20 g, mạch môn 15 g, sinh địa 15 g, sài hồ, kinh giới, xạ can đều 8 g. Sắc uống. (theo Bs Phó Đức Thuần)	x		
24	Chữa rắn giun cắn (rắn nhỏ giống con giun đất to): Rau nhút 7 ngọn nếu là nam, 9 ngọn nếu là nữ, giã nát lấy nước cốt để uống, bã đắp chỗ bị rắn cắn. (theo Bs Phó Đức Thuần)	x		
25	Trị cảm sốt: Chuẩn bị Rau nhút phơi khô 20g, kinh giới 10gr, củ sắn dây 8gr sắc với nước uống 2 lần/ngày lúc còn nóng (Hòa Thuận, 2019).	x		
26	Trị cảm sốt: Chuẩn bị Rau nhút khô 20g, lá sen 10g, kinh giới 12g sắc với nước uống 2 lần/ngày (Hòa Thuận, 2019).	x		
27	An thần: Rau nhút phơi khô 30g, khoai sọ 25g, lá sen 10g đem ninh nhừ với nước rồi ăn cả bã lẫn nước (Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh An Giang).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
28	Hỗ trợ điều trị bướu cổ: Chuẩn bị 300g rau rút, 200g cá rô và gia vị. Tiếp đó, làm sạch cá rồi lấy phần nạc ướp gia vị, phần xương cá thì giã nhỏ rồi lọc lấy khoảng 500ml nước. Sau đó, đem nước đun rồi cho Rau nhút vào và phần cá thịt khi nước đang sôi khuấy đều rồi chờ sôi lại tắt bếp. Chỉ cần ăn món này ngày một lần và liên tục trong 5 ngày sẽ giúp hỗ trợ điều trị bệnh bướu cổ hiệu quả (giadinh.net)	x		
29	Chữa chảy máu cam, mụn nhọt: Chuẩn bị 300g rau rút rồi cho 800ml nước vào sắc uống thay trà hàng ngày. Đồng thời, kết hợp với các món ăn từ rau rút, không bỏ cay nóng sẽ giúp chữa bệnh chảy máu cam cũng như giảm mụn nhọt do nóng trong (giadinh.net).	x		
30	Chữa chứng mất ngủ: Chuẩn bị 300g Rau nhút, 25g khoai sọ và 10g lá sen, tất cả đem rửa sạch rồi ninh nhừ với nước sau đó nêm nếm gia vị vừa ăn. Với món này bạn lưu ý ăn cả bã và nước, tuần 3 – 5 lần, ăn khi còn ấm và tốt nhất vào buổi tối để cho dễ ngủ (giadinh.net).	x		
31	Trị bệnh gan, huyết trắng: Lấy Rau nhút nấu canh hoặc luộc ăn trong bữa cơm			x
32	Trị bệnh đường ruột: Lấy nước dừa (1 trái tươi) nấu với Rau nhút (đã chặt khúc khúc) nấu còn một lượng nước vừa phải, uống			x
34	Giải nhiệt: Lấy 120g Rau nhút khô sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống.			x
35	Trị u nang, u xơ: Lấy bông tím Bằng lăng, Rau nhút phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 5 -7 phân rồi uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Người có tạng hàn ăn nhiều thì sình bụng, trẻ nhỏ ăn nhiều thì chân yếu.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

398. Rau nhút dại *Aeschynomene aspera* L.

Điền ma nhám, Rút dại, Rút nhám, Rút nước, Điên Điển bưng, Điền ma Ấ

Công dụng: Được dùng chữa viêm nhiễm niệu dạo, tiểu tiện bất lợi, đau bụng ỉa chảy, thuỷ thũng, người già mắt mờ, mắt đỏ, quáng gà, viêm nhánh khí quản, viêm túi mật, hoàng đản, cam tích, bệnh Mề đay, mụn nhọt, ngoại thương xuất huyết, rắn độc cắn.

Tính vị: Toàn cây vị ngọt, nhạt, tính hàn; tuỷ cây vị hơi đắng, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây hoặc tủy cây

Nguồn gốc	Loài của Xri Lanca, Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia, Lào và Việt Nam
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở 02 huyện là Huyện Phú Tân (xã Phú Thuận) và huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng)
Sinh cảnh	Cây mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven ao và bờ ruộng
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 3, Tháng 9 đến 12
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Sau khi thu hái về, rửa qua với nước thật sạch rồi có thể dùng tươi hay phơi khô dùng dần.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Fabales (Đậu)

→ **Họ:** Fabaceae (Đậu)

→ **Chi**: Neptunia (Rau rút)

→ **Loài**: *N. oleracea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thảo thủy sinh
Chiều cao cây	Cây mọc đứng, cao 15cm
Thân cây	Thân hình trụ to đến 2cm (ở gốc tới 10cm) có tủy to, xốp, màu trắng.
Lá cây	Lá kép lông chim chẵn có trục dài 5-7cm, mang gai nhỏ hay tuyến cách quãng; lá chét 41-61, hình dải, dài 4-15mm, rộng 1-4mm, xếp xít nhau; cuống lá 4-15mm; lá kèm thuôn 6-7mm, kéo dài tới nơi dính.
Hoa	Cụm hoa chùm ở nách lá, dài 5cm, mang 2 - 7 hoa. Hoa màu vàng tươi. Đài hoa có 2 môi; tràng có lông, cao đến 2cm, cánh thìa xẻ tua dạng răng ở mép.
Quả/trái	Quả dẹt, dài 25-40mm, rộng 4mm, nhăn nheo giữa các hạt, có 5-10 đốt;
Hạt	Hạt hình thận, 2,5x1mm, màu nâu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh mày đay (nổi mề đay): Lấy cây Rau nhút dại tươi từ 60 đến 100 g sắc lấy nước xông vào nơi bệnh (Vnexpress.net).	x		
2	Chữa bướu cổ: Dùng Rau nhút 30g, Cải trời 20g, mạch môn 15g, sinh địa 15g, sài hồ 8g, kinh giới 8g, xạ can 8g, rồi đem đi sắc uống.	x		
3	Điều trị cảm sốt: Chuẩn bị Rau nhút khô 20g, kinh giới 10g, củ sắn dây 8g. Đem sắc với nước, chia làm 2 lần uống lúc còn nóng (tienphong.vn).	x		
4	Điều trị cảm sốt: Chuẩn bị Rau nhút khô 20g, lá sen 10g, kinh giới 12g, sắc nước uống ngày 2 lần (tienphong.vn).	x		
5	Chữa ung nhọt: Rút nước tươi 20 g, trứng gà, trứng vịt, mỗi loại một quả. Rút nước đem nấu lấy nước bỏ bã, đập trứng vào nấu, uống luôn canh và ăn trứng. Lá rút nước tươi giã nhuyễn, đắp vào vết thương (Vnexpress.net).	x		
6	Chữa viêm tuyến sữa: Lấy lượng cây rút nước tùy ý đem sao khô, tán nhuyễn thành bột mịn. Mỗi lần uống 6 g với rượu nho để dẫn thuốc (Vnexpress.net).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những người có tạng hàn ăn nhiều thì sình bụng, trẻ nhỏ thì hạn chế dùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

399. Rau quế — *Ocimum basilicum* L., 1753

Húng tây, Húng chó, Húng giổi, É, É tía, Hương thái

Công dụng: Rau Quế giúp trị ho, viêm họng, khàn tiếng, đau nhức răng, dị ứng mẩn ngứa, rối loạn tiêu hóa, đau đầu, bồn chồn, lo lắng, chữa chàm mặt, mẩn ngứa (lá giã đắp), thuốc kích thích tiêu hoá (hạt), sổ mũi, đau đầu, đau dạ dày, đầy bụng, viêm ruột, ỉa chảy, kinh nguyệt không đều, thấp khớp, chấn thương bầm giập, dị ứng, eczema, rắn cắn (cành lá).

Tính vị: Theo các tài liệu Đông y thì húng quế có vị cay, mùi thơm và tính ấm.

Quy kinh: phế và tâm

Bộ phận dùng: Toàn cây húng quế được dùng để làm vị thuốc, trong đó lá và ngọn có hoa là được dùng phổ biến nhất

Thành phần hóa học	Toàn cây chứa tinh dầu với hàm lượng từ 2,5-3%, có thể đến 5%. Hàm lượng tinh dầu cao nhất vào lúc cây ra hoa. Thành phần chủ yếu của tinh dầu là citral với tỷ lệ 56-75% và nhiều chất khác. Ngoài ra, cây còn chứa các polyphenol, flavonoid, thymol, quercetin, acid cafeio, acid rosmarimic
Nguồn gốc	Cây rau quế được cho là có nguồn gốc từ Trung Quốc và Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc, người dân còn trồng nhiều ở ven đường đi, ven bờ ao, bờ ruộng để làm thuốc
Mùa hoa quả	Từ tháng 5 - 8, Từ tháng 5 - 8
Thu hoạch	Dược liệu có thể được thu hái quanh năm, nhưng mùa thu hái phổ biến vẫn là mùa hè thu
Chế biến	Sau khi hái về sẽ đem rửa sạch và phơi khô để dùng dần
Bảo quản	Dược liệu trong trường hợp đã được sơ chế khô cần cho vào túi kín và để ở những nơi khô thoáng, tránh ẩm ướt, nấm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Lamiales (Hoa môi)

Họ: Lamiaceae (Hoa môi)

Chi: Ocimum (Húng quế, É)

Loài: *O. Basilicum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có thể cao khoảng 25 – 50cm
Thân cây	Thân và cành cây nhẵn, vuông, phân nhánh nhiều từ dưới gốc, cành còn non có màu tím đỏ.
Lá cây	Lá cây mọc đối nhau có hình trái xoan hoặc mũi mác, dài khoảng 3 – 5cm, rộng khoảng 1 – 1,5cm. Phần gốc lá thuôn, đầu lá nhọn, 2 mặt đều nhẵn và có màu lục. Mặt trên lá bóng còn mặt dưới nhạt hơn, mép nguyên hoặc hơi khía càng. Phần cuống lá tương đối dài
Hoa	Cụm hoa mọc ở ngọn thân và đầu cành thành xim, có nhiều vòng gồm 5 – 6 hoa nhỏ. Các vòng sẽ mọc cách xa nhau ở phía dưới và sít dần về phía ngọn. Hoa nhỏ có màu trắng hoặc hơi tía. Lá hắc nhỏ thường rụng sớm, đài 5 tràng có màu lục hay tím tía, mọc nghiêng và có thể tồn tại ngay cả khi hoa đã rụng. .
Quả/trái	Quả bế tư, rời nhau và mỗi bế quả chỉ đựng 1 hạt
Hạt	Hạt nhỏ, đen bóng
Mùi hương	Toàn cây vỏ có mùi thơm giữa mùi chanh và sả

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bồn chồn, đau đầu, lo âu: Chuẩn bị 20 – 40g lá và hoa Rau quế khô. Cho vị thuốc vào ấm giữ nhiệt hãm như hãm nước chè. Mỗi ngày uống khoảng từ 2 – 3 chén (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa dị ứng mẩn ngứa: Chuẩn bị 3 – 6g hạt cùng với 20 – 30g lá Rau quế. Đối với phần hạt đem ngâm với nước cho nổi nhầy. Sau đó giã chung với lá rồi lọc lấy nước pha thêm chút đường để uống. Tận dụng phần bã để xoa lên vùng da bị ngứa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	trồng Dược liệu Quốc gia).			
3	Tăng tiết sữa ở phụ nữ sau sinh thiếu sữa: Chuẩn bị 10g lá Rau quế. Đem cho dược liệu vào ấm sắc cùng với 1 lít nước trong 10 – 15 phút. Chia làm nhiều lần uống trong ngày, chỉ dùng mỗi ngày 1 tháng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa đau răng: Chuẩn bị 15g cành và lá Rau quế tươi. Cho vào ấm sắc đặc rồi lấy nước sắc súc miệng mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa rối loạn tiêu hóa: Chuẩn bị 15g lá Rau quế. Cho dược liệu vào ấm sau đó đổ thêm nửa thăng nước. Sắc trên lửa nhỏ để thu lấy 200ml. Chia đều thành 2 lần uống, dùng mỗi ngày 1 tháng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa rắn cắn, sâu bọ đốt, eczema, viêm da: Giã nát 1 nắm lá Rau quế tươi rồi đắp lên vết thương hoặc cũng có thể nấu nước lá rồi rửa (duocsaigon.edu).	x		
7	Chữa mẩn ngứa, dị ứng: Ngâm 3-6g hạt é (hạt Rau quế) trong nước cho hạt nổi nhầy, giã nát với 20-30g lá húng quế tươi, lấy nước thêm đường uống, bã đắp hoặc xoa chỗ ngứa. Hoặc lá Rau quế khô sắc nước uống (duocsaigon.edu).	x		
8	Chữa sổ mũi, khó tiêu, ỉa chảy: Sắc lấy nước uống từ 15g cây Rau quế (cắt cả cành). Hoặc có thể ăn thêm Rau quế trong bữa ăn hàng ngày. Đơn giản hơn để trị sổ mũi là vò nát lá Rau quế và trực tiếp đưa lên mũi ngửi, tinh dầu trong lá quế sẽ trực tiếp đi vào mũi giúp làm sạch đường hô hấp (duocsaigon.edu).	x		
9	Lợi sữa: Lấy 1 nắm lá Rau quế sắc với 1 lít nước, chia thành 2 cốc, uống trong ngày (duocsaigon.edu).	x		
10	Giúp tăng hương vị thức ăn: Lấy 1-2 giọt tinh dầu Rau quế vào nước ép trái cây, sinh tố sẽ tạo hương vị đặc biệt hơn, tạo cảm giác hấp dẫn hơn (duocsaigon.edu).	x		
11	Chữa rối loạn tiêu hóa, đầy bụng, tiêu chảy: Cắt cả cành lá Rau quế tươi, lấy 15g sắc nước uống (duocsaigon.edu).	x		
12	Chữa dị ứng mẩn ngứa: Cần có 20g lá Rau quế khô cùng với 1 nắm lớn lá Khế. Sắc lá húng quế khô lấy nước uống trong ngày. Kết hợp với nấu nước lá Khế để tắm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị ho ở trẻ sơ sinh: Chuẩn bị 1 bó Rau quế chỉ lấy hoa và lá non, 2 quả Khế chua cùng 50g đường phèn. Khế đem vắt lấy nước còn húng quế cũng giã nát để vắt lấy nước cốt. Trộn đều 2 loại nước cốt với nhau rồi thêm đường phèn và hấp cách thủy trong 1 giờ. Khi nước cô lại thì tiến Hành gạn ra bình thủy tinh để bảo quản dùng dần. Mỗi lần dùng thìa nhỏ chấm 1 ít nước thuốc lên miệng để trẻ tự mút, thực hiện đều đặn 3 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa ho có đờm ở trẻ nhỏ: Chuẩn bị 15 lá Rau quế, 4 quả quất xanh cùng với 1 ít đường phèn. Xay nhuyễn lá Rau quế cùng với quất rồi thêm đường phèn vào trộn đều. Đem đi hấp cách thủy trong khoảng 20 phút là được. Cho trẻ uống đều đặn 1 – 2 lần/ngày sẽ thấy hiệu nghiệm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa chứng ho dị ứng ở trẻ nhỏ: Chuẩn bị 1 nắm Rau quế, 1 thìa gừng cùng 3 thìa cà phê mật ong. Rau quế đem xay nhuyễn rồi cho gừng đã đập nhỏ cùng mật ong vào trộn đều, thêm 1 thìa nước lọc. Gạn bỏ bã cho trẻ uống nước thuốc 3 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Chữa ho nhiệt, khản tiếng, viêm họng ở trẻ em: Chuẩn bị 20g lá Rau quế tươi cùng với 20g đường phèn Húng quế đem giã dập rồi hãm với khoảng 10ml nước sôi. Sau đó thêm đường phèn vào và gạn lấy nước để cho trẻ uống với tần suất 2 lần/ngày (thuocdantoc.org).	x		
17	Chữa ho khan và ho có đờm ở người lớn: Chuẩn bị 4 lá Rau quế, 1 củ Hành thái nhỏ, 2 nhánh đinh hương, 4 quả hồ tiêu. Các vị thuốc trên cho hết vào ấm sắc, đổ thêm 200ml nước vào. Đun trên lửa nhỏ cho tới khi cô lại còn 100ml. Uống với tần suất 3 lần/ngày. Lưu ý cần uống nhấp từng ngụm nhỏ để nhận được kết quả tốt nhất (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Cảm lạnh, đau đầu, miệng đắng: Sắc lấy nước uống hỗn hợp gồm 20g Rau quế, 15g húng chanh, 8g lá chanh, 8 lát gừng tươi. Ngày uống 1 thang (caythuocdangian.com).	x		
19	Giải cảm: Lấy 1 nắm lá Ngũ triều, 1 nắm lá Sả , 1 nắm lá Ổi, 1 đọt Rau quế thuốc nấu nước xông. Hoặc lấy lá tràm, lá bưởi, lá mãng cầu, Sả , bông Ngò gai nấu nước xông người.			x
20	Trị ho: Lấy Hương nhu tía, bông Ngò gai, Nhãn lồng, Mơ dại (thúi địch), 4 khúc Mía lau, Cỏ mần trầu đem nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 lại chén, uống. Uống 2			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lần/ngày.			
22	Trị ho ở trẻ sơ sinh: Chuẩn bị 1 bó Rau quế (chỉ lấy hoa và lá non), 2 quả Khế chua cùng 50g đường phèn. Khế đem vắt lấy nước còn Rau quế cũng giã nát để vắt lấy nước cốt. Trộn đều 2 loại nước cốt với nhau rồi thêm đường phèn và hấp cách thủy trong 1 giờ, uống.			x
23	Trị ho: Lấy bông Rau quế với lá bỏ vô ly, rồi đổ nước sôi vào, đợi nguội rồi uống.			x
24	Giải nhiệt: Hái lá Rau quế ăn sống với cá tôm			x
25	Trị huyết vận: Lấy 1 nắm lá Rau quế nhai rồi phun vào chỗ bị thương.			x
26	Trị viêm đương tiểu: Lấy 1 nắm đọt Rau quế rửa sạch, thêm ít muối bỏ vô máy sinh tố vắt nước uống, uống trước bữa ăn.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Rau quế nếu dùng không hợp lý có thể phát sinh một số tác dụng phụ như:

Ăn quá nhiều là húng quế sẽ dẫn đến quá liều Eugenol (đây là thành phần chính có trong dược liệu này). Điều này khiến cơ thể bị ngộ độc với các triệu chứng như ho, thở gấp, nước tiểu lẫn máu…

Tinh dầu từ húng quế nếu dùng với liều cao thường sẽ kích hoạt các phản ứng gây ra hiện tượng co thắt tử cung ở phụ nữ mang thai, gây loãng máu hay làm hạ đường huyết.

Chính vì thế, cần hết sức lưu ý khi dùng dược liệu cho phụ nữ mang thai, người mắc bệnh máu khó đông hay bệnh nhân bị hạ đường huyết. Khi dùng cho trẻ em cần dùng với liều thấp và theo dõi sát sao biểu hiện cơ thể trẻ trong suốt quá trình sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

400. Rau răm — *Persicaria hydropiper* (L.) Delarbre, 1800

Răm nước, Nghể răm, Nghể nước, Lạt liệu, Thủy liễu

Công dụng: Nghể răm thường được dùng làm thuốc trị giun, diệt giòi, bọ gậy; Chữa viêm dạ dày ruột, kiết lỵ, ỉa chảy; Phong thấp đau nhức xương khớp, đòn ngã ứ đau; Thuỷ thũng; Tử cung xuất huyết, phình tĩnh mạch và dãn tĩnh mạch, vết thương chảy máu, ho ra máu, xuất huyết dạ dày, trĩ, nhuận tràng, rắn cắn, chữa huyết áp cao, cầm máu, thấp khớp, viêm ruột cấp tính, lỵ amip, lở ghẻ, mụn nhọt.

Tính vị: Toàn cây có vị cay, thơm, tính ấm, Khi khô vị sẽ mất đi.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng	Toàn cây - Herba Polygoni Hydropiperis, thường có tên là Thuỷ liễu
Thành phần hóa học	Trong cây có một acid kết tinh có màu gọi là acid polygonic còn có acid gallic, một tinh dầu màu vàng trong, mùi cay, vị nóng (trong đó có tadaconal và polygodiol), một glucosid anthraquinonic được xem như là hoạt chất, một chất màu vàng kết tinh, còn có một alcaloid đắng, có các flavonoid trong đó có quercetin, hyperin, rhamnazin, isorhamnetin. Hạt cũng chứa acid polygonic, tanin và tinh dầu
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở khu vực ôn đới của Bắc bán cầu như ven bờ sông, suối, các thung lũng ẩm ướt
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc và thực phẩm trong vườn nhà và ven đường đi
Mùa hoa quả	Tháng 4-10, Tháng 7- 12
Thu hoạch	Thu hoạch lúc ra hoa
Chế biến	Dùng tươi hoặc phơi khô
Bảo quản	Để trong râm để dùng dần

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Polygonaceae (Rau răm)
      - **Chi**: Persicaria
        - **Loài**: *P. hydropiper*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cao 30-60cm
Thân cây	Cây có thân phân nhánh, thường nhuốm màu đỏ, ở phía trên các điểm phân nhánh thường phình lên
Lá cây	Lá hình ngọn giáo, nhẵn có những điểm tuyến trong suốt; mép lá nguyên, bẹ chìa mỏng và phát triển
Hoa	Hoa tập hợp thành bông thưa ở ngọn nhánh và ở nách các lá gần ngọn, thường mọc nghiêng.. Hoa nhỏ 2-4mm, màu lục hoặc đo đỏ, hình phễu, có những điểm trong suốt. .
Quả/trái	Quả bế hình tam giác bầu dục, đôi khi có 3 góc tròn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa trục đỉa vào bụng: Nghể răm 80g sắc đặc uống (Nam dược thần hiệu).	x		
2	Chữa lỵ trực trùng, viêm ruột và phong thấp sưng đau: Nghể răm 40g, sắc uống (Tuyển tập 3033 cây thuốc đông y – Tuệ Tĩnh).	x		
3	Chữa mụn nhọt, lở ngứa ngoài da: Nghể răm nấu nước tắm và lấy bã xát chỗ ghẻ ngứa (Tuyển tập 3033 cây thuốc đông y – Tuệ Tĩnh).	x		
4	Chữa ỉa chảy ra toàn nước: Nghể răm 30g, sắc lấy nước, chia 3 lần uống khi còn ấm (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Tẩy đỉa chui vào bụng, tẩy giun, sán: Nghể tươi 80g – 100g sắc đặc uống (thaythuoccuaban.com).	x		
6	Chữa vết thương: Lá nghể răm giã nát, cho vào một ít nước, rịt vào vết thương (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
7	Chữa chốc ghẻ, lở ngứa ngoài da: Lấy 1 nắm lá tươi hoặc khô (Khoảng 200g) đun nước tắm, bã dùng xát vào nơi bị ghẻ ngứa (thaythuoccuaban.com).	x		
8	Điều trị sán chó: Nghể răm khô 60g – 80g khô sắc đặc lấy khoảng 2 bát nước chia làm 2 lần uống trong ngày (caythuoc.org).	x		
9	Điều trị tiêu chảy: Nghể răm khô 25g đun nước uống trong ngày (caythuoc.org).	x		
10	Diệt loăng quăng, bọ gậy, dòi: Lấy cây Rau răm tươi đập dập rồi thả vào những hồ nước có nhiều bọ gậy, dòi sẽ giúp tiêu diệt bọ gậy hiệu quả. Đây là giải pháp mà ta đã thử nghiệm và áp dụng hiệu quả từ nhiều năm trước (caythuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Trị ỉa chảy do cảm nắng mùa hè: Nghể tươi dùng nguyên cây 60 g, hương nhu tươi, cho vào nồi đất, đổ ngập nước trên mặt thuốc 2cm đến 3cm, sắc lấy 3 bát, chia 3 lần uống khi ấm (thaythuoccuaban.com).	x		
12	Chữa trục đỉa chui vào bụng: Nghể răm 80g, sắc đặc uống, hoặc uống nhiều mật ong (thaythuoccuaban.com).	x		
13	Chữa rắn cắn: Nghể 25 ngọn, lá phèn đen 25 lá, thuốc lào 1 điếu (viên tròn bằng hạt ngô), hồng hoàng 1 cục bằng hạt đậu xanh; cả 4 vị giã nhỏ, thêm 1 bát nước đun sôi để nguội, lọc lấy nước, cho vài hạt muối vào rồi uống, chia làm 3 lần trong ngày; bã đắp vào nơi rắn cắn; thời gian điều trị chừng 3 ngày (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
14	Điều trị rắn độc cắn: Dùng lá tươi giã nát đắp vào nơi bị rắn độc cắn, kết hợp dùng thêm rau sam đun nước uống (tienphong.vn).	x		
15	Trị nhậm mắt, đau mắt, mắt kém: Lấy 3-4 cây Rau răm vò, cho nước nóng vào xông 5-10 phút			x
16	Trị huyết trắng: Lấy 5 đọt Rau răm, 5 đọt lá Húng lủi, 5 đọt Rau thơm, 27 đọt Cách, 5 đọt Rau ngổ, thêm ít muối, đâm vắt lấy nước uống. Uống liên tiếp 9 ngày.			x
17	Trị mụn nhọt: Lấy một nắm Rau răm và một bụi Hành rửa sạch, thêm một nắm Cà độc dược với ít muối; sau đó đâm rồi đắp lên vết thương			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

401. Rau sam — *Portulaca oleracea* L., 1753

Mã xỉ hiện, Phjac bia, Slom ca (Tày)

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, chỉ ly. Chữa mụn nhọt, nước ăn chân, kiết ly, tiểu buốt, tiểu ra máu

Tính vị: Vị chua, tính hàn

Quy kinh: tỳ, phế, và tâm

Bộ phận dùng: Phần trên mặt đất

Nguồn gốc: Cây rau sam có nguồn gốc từ Ấn Độ và Trung Đông

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Thành phần dinh dưỡng	Cây rau sam chứa nhiều vitamin và thành phần dinh dưỡng khác như vitamin C, omega 3, ureaza, sắt, caroten, canxi… . Thành phần dinh dưỡng trong 100g rau sam gồm: Calori: 16 Cal; Chất đạm: 1,3g; Chất béo: 0,1g; Chất xơ: 0,8g; Calcium: 65mg; Sắt: 1,99mg; Magiê: 68mg; Phốt pho: 44mg; Kali: 494mg; Natri: 45mg; Vitamin A: 1320 IU; Vitamin B1: 0,047mg; Riboflavin (B2): 0,112mg; Niacin: 0,480mg; Vitamin C: 21mg (Nguyễn Văn Thông, 2006)
Thành phần hóa học	Trong cây có glycosid saponin, chất nhựa, acid hữu cơ, các muối kali, các vitamin A, B1, B2, C, PP và men ureaze . Phần trên mặt đất chứa nước, protein, chất béo, carbonhydrat, Ca, Fe, P, vitamin A, B, C; calci oxalat, tích lũy nitrat, sắc tố (betacyanidin acetyl hóa), glucosid, saponin, chất nhựa . rong cây rau sam có chứa các thành phần hóa học như 6,49% carbohydrate, 1,8% protid, o,5% chất béo . Rau sam chứa: Các acid hữu cơ như acid malic, acid glutamic, acid nicotinic, acid asparagic; Các acid béo, đặc biệt là acid omega-3 với tỷ lệ cao nhất trong các loại thực vật; Các chất Dopamine, l-noradrenalin (nhất là trong lá tươi), flavonoid, coumadin (Nguyễn Văn Thông, 2006)
Sinh cảnh	Cây phần lớn mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven bờ sông, ven ao, dọc đường đi. Cây cũng được các chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm nguyên liệu chữa bệnh
Mùa hoa quả	Tháng 2 - 3, Tháng 4 - 6
Thu hoạch	Thu hái cây vào mùa hè, mùa thu
Chế biến	Dùng tươi hoặc phơi khô. Cây rau sam sau khi hái về đem cắt bỏ rễ, rửa sạch sau đó hấp hoặc trần qua nước sôi và đem đi phơi khô
Bảo quản	Để rau sam ở nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh những khu vực ẩm ướt, thỉnh thoảng đem rau ra phơi để không bị mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Portulacaceae (Rau sam)

Chi: Portulaca (Rau sam)

Loài: *P. oleracea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm, tuy nhiên có vòng đời kéo dài 3 - 4 tháng
Dạng cây	Cây thảo mọc bò
Rễ cây	Rau sam có rễ cái với các rễ thứ cấp dạng sợi.
Thân cây	Thân tròn mọng nước dài 15-25 cm, nhẵn, không lông, màu đỏ tím đậm hay màu đỏ tím nhạt. Thân phình to ở mấu, thân chính phân nhiều nhánh.
Lá cây	Lá dày lông, hình bầu dục, không cuống, giống hình răng con ngựa . Lá đơn, nguyên, mọc cách hoặc đối, ở đầu cành tập trung nhiều lá xung quanh hoa và quả. Phiến lá mọng nước, hình trứng ngược, gốc dạng chót buồm, ngọn tà hay hơi lõm, dài 1,5-2 cm, rộng 0,8- 1,2 cm; mặt trên nhẵn, màu xanh pha đỏ tím, đậm hơn ở mép; mặt dưới màu xanh nhạt hơi bạc. Gân lá lông chim, gân chính nổi rõ.
Hoa	Cụm hoa riêng lẻ hoặc tập trung 3-4 hoa ở ngọn cành. Hoa màu vàng, mọc ở đầu cành và ngọn thân . Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5, không có cuống hoa và cánh hoa; lá bắc hình tam giác dạng vẩy dài 0,1-0,2 cm, rộng 0,1- 0,15 cm, màu đỏ tím tồn tại lâu dài; 2 lá bắc con dạng lá đài màu xanh, dính nhau ở 1/6 phía dưới, không đều, hình tam giác dài 0,2-0,3 cm, rộng 0,1-0,2 cm, úp vào nhau tạo 2 cạnh sắc ở góc lưng, mở ra khi hoa nở và úp lại tồn tại trên quả. Đài hoa: 5 lá đài dạng cánh màu vàng, đều, rời, hình trứng ngược xẻ sâu ở ngọn, kích thước 0,3-0,4 cm, rộng 0,2-0,3 cm, tiền khai 5 điểm. Bộ nhị: 8-10 nhị rời, không đều, xếp 2 vòng trên đỉnh bầu, vòng ngoài trước lá đài; chỉ nhị dạng sợi, màu vàng, dài 0,2-0,3 cm; bao phấn 2 ô xếp song song, dài 0,5-0,7 mm, nứt dọc, hướng trong, đính gốc; hạt phấn rời, hình tròn, màu vàng nhạt, đường kính 77,5 µm. Bộ nhụy: 4 lá noãn, bầu dưới 1 ô hình bầu dục, dài 0,3-0,4 cm, rộng 0,1-0,2 cm, màu xanh nhạt, nhiều noãn (40-42 noãn), đính noãn trung tâm; 1 vòi nhụy hình trụ dài 0,2-0,3 cm màu vàng; 4 đầu nhụy dài 0,1-0,15 cm, có gai nạc màu vàng. .
Quả/trái	Quả nang, hình bầu dục hơi nhọn 2 đầu, cao 0,3-0,4cm, rộng 0,1-0,2 cm
Hạt	Hạt rất nhiều, màu đen, hình con ốc có 1 đầu hơi nhô ra, đường kính khoảng 1 mm, vỏ sần sùi, tế màu vàng xám

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Tẩy giun kim, giun đũa: Rau sam 50g rửa sạch, giã nhỏ với ít muối, thêm nước, vắt lấy nước trong, uống vào buổi tối (có thể thêm đường). Uông liền 3 tối, không nhịn ăn. Hoặc dùng 3 nắm to rau sam sắc lấy một bát nước uống lúc đói, uống 2-3 lần thì giun ra (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Chữa đái buốt, đái dắt: Rau sam tươi giã lấy nước cốt uống (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
3	Chữa đau mắt có màng và cam mắt: rau sam tươi giã lấy dịch nhỏ vào mắt (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Chữa kiết lỵ ở trẻ em: Rau sam đem giã nát vắt lấy nước rồi đun sôi để uống (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x	x	
5	Chữa sốt phát ban, nổi mẩn: Rau sam đem rửa sạch, giã nhuyễn lấy nước cốt để uống còn bã đem thoa lên người (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
6	Chữa ngộ độc thuốc: Rau sam giã lấy nước uống còn bã thì đem đắp vảo rốn (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
7	Chữa kiết lỵ cấp và mãn tính: Đem 1kg rau sam nấu với 3 lít nước đến khi còn lại khoảng 1 lít thì đem đi uống 3 lần mỗi ngày (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
8	Chữa hậu Sả n tiểu tiện không thông: Rau sam tươi 100g đem đi giã vắt lấy khoảng 300ml nước, sau đó đun sôi hoặc đem đi cách thủy. Lúc uống cho thêm 10g mật ong (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
9	Tẩy giun móc: Giã rau sam tươi để lấy nước, sau đó thêm một chút muối hoặc đường để nấu lên. Mỗi ngày uống 2 lần khi đói trong vòng 3 – 9 ngày (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
10	Chữa mụn nhọt: Đem rau sam tươi giã nhuyễn và đắp lên vị trí bị mụn (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
11	Chữa nấm tóc, nấm chân, chốc đầu: Rau sam đem nấu thành cao và bôi lên chỗ bị nấm. Hoặc đem rau sam đốt thành than để rắc lên (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
12	Chữa ngứa âm đạo: Dùng rau sam tươi hoặc khô đem đi sắc nước để ngâm rửa (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
13	Chữa bệnh trĩ: Rau sam tươi đem đi luộc ăn kết hợp với nấu nước để xông và ngâm trong khoảng 1 tháng (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019)	x		
14	Chữa hậu Sả n ra huyết: Rau sam tươi 200g hoặc khô 60g. Sắc uống chia 2 lần/ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa môi, miệng lở loét: Nước cốt rau sam hoặc rau sam sắc đặc bôi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Chữa bỏng: Rau sam khô tán bột trộn mật ong bôi lên (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Chữa mụn nhọt lâu ngày không khỏi: Rau sam tươi giã đắp lên (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
18	Chữa côn trùng, rắn rết cắn: Giã rau sam lấy nước cốt uống ngay và bã đắp lên chỗ bị cắn (kể cả trường hợp đụng phải sâu róm, giời leo, ong muỗi đốt...). Rau sam chỉ dùng để sơ cứu và hỗ trợ, sau đó cần đưa bệnh nhân đến bệnh viện (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Chữa ung thư thực quản: Rau sam tươi 30g nấu chín nhừ, một ít bột đậu nành nấu cháo, thêm mật ong. Ăn hằng ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa đau răng: Nước cốt tươi hoặc sắc đặc ngậm súc miệng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa xích, bạch đới: Rau sam tươi 100g, giã nát, vắt lấy nước, hoà với lòng trắng trứng gà, hấp chín, ăn liền trong 3 ngày (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
22	Chữa loét giác mạc, miệng lưỡi: Rau sam 16g. Cỏ nhọ nồi 16g, Rau má 20g nước 450ml, sắccòn 150ml, thêm vài hạt muối, ngày uống 1-2 lần. Có thể dùng rau sam luộc ăn (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
23	Chữa lỵ: Rau sam giã nát, vắt lấy nước, đun sôi, chế thêm mật ong uống. Ở An Giang có đơn thuốc trị lỵ, đau bụng quặn, sốt, đi ngoài lẫn đờm, máu; Hoàng đằng 12g, Rau sam 20g, Rau trai 20g; đổ 500ml nước, sắc còn 150ml, uống ngày một thang (Võ Văn Chi, 2012; Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
24	Chữa phụ nữ bị bạch đới: Vắt 30ml nước cốt rau sam đánh cùng với 2 quả lòng đỏ trứng gà, sau đó đem đun sôi để uống (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
25	Chữa kiết lỵ ra máu: Dùng 200g rau sam rửa sạch, thái nhỏ để nấu cháo với 100g gạo nếp. Ăn cháo lúc đói và trong quá trình nấu không cho muối vào (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
26	Chữa bỏng: Dùng rau sam khô đem đi tán nguyễn thành bột, sau đó trộn với mật ong để đắp lên vết bỏng (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		
27	Chữa ho gà: Lấy 100g rau sam đun với 200ml nước, khi nước sôi thêm 30g đường phèn và đun tiếp tới khi còn cỡ 100ml thuốc thì chia đều ra uống 3 ngày, mỗi ngày uống 3 lần (Đoàn Thị Thúy Huyền, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
28	Tẩy giun móc: Rau sam tươi 300g giã vắt lấy nước nấu lên thêm ít muối hoặc đường. Ngày uống 2 lần khi đói, liền 3 ngày là 1 liệu trình. Uống 1-3 liệu trình (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
29	Chữa ho ra máu: Uống nước cốt (vắt tươi) hoặc nấu đặc uống, hằng ngày ăn rau sam nấu nhiều kiểu (sống, luộc, xào, canh) cho đến khi khỏi. Nếu do lao phải kết hợp thuốc chống lao theo phác đồ điều trị của bác sĩ chuyên khoa lao (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
30	Chữa ung thư đại tràng: Rau sam 20g, bại tương thảo 20g, khổ sâm 20g, thổ phục linh 20g, bạch thược 20g, kê nội kim 20g, hoàng liên 8g, hồng đăng 12g, tam lăng 10g, huyền hồ 10g, xuyên hậu phác 10g, xạ hương 4g, cam thảo 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.	x		
31	Chữa ung thư trực tràng: Rau sam 10g, hoa mào gà 30g, sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
32	Chưa Bạch cầu cấp: Rau sam 30g, a giao 16g, bạch chỉ 12g, hà thủ ô 16g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
33	Trị bệnh tim: Lấy cả cây (rễ)Rau sam rửa sạch, nấu canh ăn.			x
34	Trị bệnh phổi: Lấy cả cây Rau sam có cả rễ chưng cách thủy trong chén, cho mật ong vào uống			x
35	Trị trẹo chân, bong gân: Dùng 1 nắm cây Rau sam đâm nhuyễn, thêm ít muối rồi bó vào chỗ trẹo, bong gân			x
36	Mát gan: Lấy 30g cả cây Rau sam phơi khô, nấu nước uống. Uống 3-4 lần.			x
37	Trị nóng ở trẻ em: Lấy 1 nhúm cả cây Rau sam đâm, vắt lấy nước cho em bé uống, xác đắp lên bụng (1 lần).			x
38	Trị nhậm mắt: Lấy Rau sam đâm, lấy hỗn hợp để lên vải mùng đắp mắt			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Vì rau Sam hoạt huyết và tính hàn nên không sử dụng cho người có thai. Với những bệnh nhân có thể tạng hư hàn, hay đi tiêu lỏng, khi sử dụng rau Sam cần được phối hợp tốt với những vị thuốc cay, ấm để không làm trệ tỳ. Ngoài ra do hàm lượng nitrate và oxalate có trong rau Sam nên cần thận trọng khi dùng với người có tiền sử về sạn thận.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

402. Rau thơm — *Ocimum africanum* Lour., 1790

É, É trắng, Húng trắng, Trà tiên, Tiến thực, Hương thảo, Húng lông, Húng quế lông

Công dụng: Toàn cây có thể chiết tinh dầu và được dùng làm thuốc chữa cảm mạo phong hàn, đau đầu, đau dạ dày, bụng trướng đau, phong thấp đau nhức khớp xương. Dùng ngoài trị rắn độc cắn, viêm da.

Tính vị: Rau thơm có vị cay, tính ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc: Loài của Phi châu và Á Châu ôn đới

Thành phần hóa học	Hạt chứa chất nhầy mà thành phần có acid galacturonic, arabinose và galactose. Toàn cây chưa 2,5-3,5% tinh dầu (có thể 4-5%), hàm lượng dầu cao nhất là lúc cây đã ra hoa. Thành phần chủ yếu của tinh dầu là citral với tỷ lệ 56-75%, một ít citronellal 1,4%, còn có khoảng hơn 20 chất khác.
Phân bố ở Cà Mau	Rau thơm có sự phân bố rộng rải, hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Rau thơm được người dân chủ yếu trồng ở trong vườn nhà, một số trồng trong chậu và ven đường.
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 12, Tháng 7 đến 12
Thu hoạch	Cành lá thu hái khi cây chưa có hoa hoặc đã có nụ.
Chế biến	Dùng tươi hoặc phơi trong râm cho khô. Có thể cất lấy tinh dầu.
Bảo quản	Nơi khô thoáng, tránh nhiệt độ cao và nơi ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**: Ocimum (Húng quế, É)
        - **Loài**: *O. africanum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thảo
Chiều cao cây	Cây cao tới 50cm hay hơn
Thân cây	Thân vuông, màu lục nhạt, có lông tơ, thưa.. Thân phân nhánh ngay từ gốc
Lá cây	Lá mọc đơn đối chéo chữ thập, không có lá kèm. Phiến lá hình trứng dài 5-6cm, rộng 2-3cm, màu xanh lục nhạt, mép lá có răng cưa, có nhiều lông nhỏ.
Hoa	Cụm hoa là những xim co, không có cuống, mỗi xim co gồm 3 hoa có chung một lá bắc. Các xim co này tập trung hai cái một ở mỗi mấu thành những vòng giả, mỗi vòng 6 hoa, các vòng hoa thường cách nhau với những khoảng cách và tập trung ở đỉnh cành thành những bông với trục bông dài khoảng 20cm. Đài màu xanh, tràng màu trắng, quả bế tư, rời nhau, không tự mở, nằm trong đài tồn tại. Hoa nhỏ màu trắng. .
Quả/trái	Quả bế tư. Mỗi quả đựng hạt. Quả hình bầu dục, nhẵn, màu xám đen, khi cho vào nước thì hút nước tạo thành một màng nhầy trắng bao bọc bên ngoài.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm cúm, chữa ho: Ngày dùng 10-15g lá và toàn cây hãm hay sắc uống. Có thể dùng nước xông chữa cảm cúm (Y học Cổ Truyền).	x		
2	Chữa đau bụng, trướng bụng, ăn không tiêu, nôn mửa: Lấy cành lá Rau thơm phơi khô, cắt nhỏ 10-20g, hãm nước uống trong ngày. Có thể uống như uống trà cũng tốt (Hoài Hương, 2015).	x		
3	Chữa táo bón: Hạt Rau thơm 4-12g, ngâm vào 100ml nước ấm đến khi bên ngoài hạt có một lớp nhầy màu trắng bao quanh như thạch trân châu. Thêm đường, khuấy đều và uống (Hoài Hương, 2015).	x		
4	Chữa cảm, cúm, sốt, đau đầu: Lá Rau thơm tươi 20-30g, dùng riêng hoặc phối hợp với nhiều loại lá thơm khác như lá bưởi, lá chanh, cúc tần, hương nhu…, mỗi thứ 10g, nấu nước xông cho vả mồ hôi là khỏe (Hoài Hương, 2015).	x		
5	Chữa viêm thận, viêm bàng quang, đái gắt, đái buốt: Tinh dầu Rau thơm, 3-6 giọt, pha với sirô và nước thành nhũ tương, uống trong ngày(Hoài Hương, 2015).	x		
6	Trị đau nhức gót chân: Lấy 9-10 đọt Rau thươm đâm ra đắp lên chân			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

403. Rau trai — *Commelina communis* L., 1753

Thài lài, Trai thường, Thài lài trắng, Rau trai châu Á, Cỏ lài trắng, Rau trai trắng.

Công dụng: Cảm, viêm phổi, Amygdal, viêm ruột, kiết ly, khớp xương sưng đau (cả cây)

Tính vị: Vị ngọt, nhạt, tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây, còn được gọi là áp chích thảo.

Nguồn gốc: Nguồn gốc ở Trung Quốc sau lan sang phía đông đến Nhật Bản, phía tây đến Ấn Độ và xuống phía nam có Việt Nam, Lào, Malaysia và Philippin.

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Thành phần hóa học	Trong cây có delphin, commelinin, flavocommelin, awobanin. Hạt chứa dầu béo. Rau trai có chứa dầu béo, commelinin, dolphin, awobanin, flavocommelin, cellulose, anthocyanin commelinin, β carbolin alkaloid, D. manitol,…
Sinh cảnh	Các chuyên gia trồng nhiều trong vườn thuốc nam, nhưng cây có khả năng tự mọc ở trong vườn nhà, ven bờ ao, bờ sông, vem mương, ven đường.
Mùa hoa quả	Hoa tháng 5-9, Quả tháng 6-11
Thu hoạch	Người ta lấy toàn cây quanh năm
Chế biến	Khi hái rau trai về, lặt bỏ lá sâu, tạp chất, rửa sạch, dùng tươi hay phơi khô
Bảo quản	Nơi khô thoáng, tránh nhiệt độ cao và nơi ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Commelinales (Thài lài)

→ **Họ:** Commelinaceae (Rau trai)

→ **Chi**: Commelina (Thài lài, Trai)

→ **Loài**: *C. communis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thảo hơi có lông mềm, có lông tơ hay lông lởm chởm
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình từ 20 – 60cm,
Rễ cây	Rễ dạng sợi
Thân cây	Thân phân nhánh, thường rạp xuống, đâm rễ ở các đốt. Bắt đầu phát triển rau trai mọc đứng, về sau với đặc tính thân yếu mập nước nên trở thành bò. Láng có lông mịn ở nơi đốt, thường có những rễ ở mắt dù tiếp xúc với đất hay không. Thân phân thành nhiều nhánh, mọc rạp sát xuống đất.
Lá cây	Lá thuôn hay hình ngọn giáo, có bẹ ở gốc, dài 4-9cm, rộng 1,5-2cm, không cuống
Hoa	Cụm hoa xim không cuống, có những lá bắc dạng mo bao quanh nom như con trai, trong mỗi mo có 2 hoa. Hoa lưỡng tính, cơ quan đực và cái cùng nằm trên một hoa. Hoa có 3 lá đài màu xanh và 3 cánh hoa màu xanh lơ. Hoa thường có màu lam với những gân màu xanh sẫm hơn, thân bẹ 6,6 cm dài trên 2 cánh hoa lớn hơn màu xanh, dưới cánh hoa nhỏ hơn và trắng, nhụy hoa 6 gồm 3 thụ và 3 bất thụ.. .
Quả/trái	Quả nang thường bao bởi bao hoa, thuôn hay gần hình cầu, có 4 hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm họng, sưng amygdal: Dùng rau Trai tươi 30g sắc uống hoặc dùng 90-120g cây tươi giã nát, chiết nước cốt uống thường xuyên (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Chữa rắn cắn: Rau Trai 16g rửa sạch, nhai nuốt nước, bã đắp lên chỗ rắn cắn, ngày làm 1-2 lần (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Chữa quai bị: Chuẩn bị rau trai tươi 60g, đem rau rửa sạch và sắc uống mỗi ngày. Dùng liên tục trong 4 – 6 ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
4	Trị thổ huyết: Thài lài trắng 90g, đem rửa sạch, giã nát và vắt lấy nước uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019)	x		
5	Trị yết hầu sưng đau: Rau trai tươi, đem rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt, sau đó nhỏ vào họng, ngậm và nuốt từ từ (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc).	x		
6	Trị kiết ly: Rau trai khô 1og, đem sắc uống, chia thành 3 lần dùng và uống hết trong ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
7	Chữa viêm cầu thận cấp, phù thũng, đái ít; Rau Trai 30g, Cỏ xước, Mã đề đều 30g, sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
8	Chữa phong thấp, viêm khớp và phù tim: Rau Trai thái nhỏ và Đậu đỏ, đều 40g nấu ăn, uống cả nước (Y Dược	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	học Việt Nam, nd).			
9	Chữa viêm phần trên đường hô hấp: Rau Trai 30g, Bồ công anh, Dâu tằm 30g, sắc nước uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
10	Trị cao huyết áp: Hoa cây đậu tằm 12g và thài lài trắng tươi 90g, sắc uống mỗi ngày, dùng thay cho trà (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
11	Chữa phù thũng do suy tim: Xích tiểu đậu 50g và thài lài trắng 15g, đem sắc với 300ml, còn lại 100ml, chia đều thành 3 lần uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
12	Trị viêm gan khiến da bị vàng: Thịt lợn nạc 60g và thài lài trắng tươi 120g, đem nấu canh, ăn đều đặn mỗi ngày. Có thể ăn 1 bữa trong ngày hoặc chia thành nhiều lần và ăn hết trong ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
13	Chữa ung nhọt sưng đau và đau khớp: 1 nắm rau trai tươi, giã nát, thêm rượu, trộn đều và đắp lên vùng đau nhức. Sau đó dùng băng quấn cố định, mỗi ngày thay 1 lần (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
14	Trị táo bón ở trẻ em: Lấy cọng Rau trai chấm mật ong, thọt vào hậu môn bé			x
15	Trị bệnh tiểu đường, máu mỡ, huyết trắng, mát gan: Lấy đọt Rau trai nấu nước uống hoặc nấu với nước dừa			x
16	Giải nhiệt, mát gan, trị bệnh đường ruột: Luộc đọt non Rau trai ăn.			x
17	Trị bệnh tiểu gắt, tiểu buốt: Lấy 1 nắm đọt Rau trai, 1-2 hạt muối, vắt lấy nước, uống với nước dừa.			x
18	Trị cao huyết áp: Đâm 1 nắm Rau trai với nước dừa, vắt lấy nước uống. Có thể để tủ lanh uống hàng ngày			x
19	Trị bệnh Gout, gan, gai cột sống: Lấy 700 g Rau trai nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
20	Trị tiểu đường: Lấy nguyên cây Rau trai chặt nhỏ, phơi khô, để vào nồi nấu với 1 lít nước đến khi còn lại 0,5 lít uống.			x
21	Trị bệnh thận: Lấy Rau trai nấu nước dừa uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Dược liệu có tính hàn, vì vậy người có tỳ vị hư hàn không nên sử dụng hoặc chỉ dùng ở liều thấp*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

404. Rau vấp cá — *Houttuynia cordata* Thunb., 1783

Diếp cá, Giấp cá, Dấp cá, Lá giấp, Rau giấp, Rau vẹn, Ngư tinh thảo, Tập thái

Công dụng: Thanh nhiệt, tiêu thũng, thấm thấp. Lợi thấp, thanh nhiệt,hoá đờm, chỉ khái. Trị phế ung, phế quản viêm, sốt rét, ho gà, kiết lỵ, ruột dư viêm, đường tiểu viêm, trẻ nhỏ bị phúc tả (tiêu chảy), trúng thử, cảm, amiđan viêm, túi mật viêm, mụn nhọt, trùng thú độc cắn

Tính vị: Rau vấp cá có vị cay chua, mùi tanh, tính mát

Quy kinh: kinh phế

Bộ phận dùng: Lá và Toàn cây

Thành phần dinh dưỡng	Thành phần tính theo g% như sau: Nước 91,5; protid 2,9; glucid 2,7, lipit 0,5, cellulose 1,8, dẫn xuất không protein 2,2, khoáng toàn phần 1,1 và theo mg%: calcium 0,3, kali 0,1, caroten 1,26, vitamin C 68. Trong cây có tinh dầu mà thành phần chủ yếu là methylnonylketon, decanonylacetaldehyde và một ít alcaloid là cordalin, một hợp chất sterol v.v... Trong lá có quercitrin (0,2%); trong hoa và quả có isoquercitrin
Thành phần hóa học	Rau vấp cá chứa thành phần hóa học rất đa dạng, bao gồm tinh dầu, decanoyl acetaldehyde, methyl-n-Nonykelton, calcium sulfate, quercitrin, hyperin, myrcene, capric acid, reynountrin, calcium chloride, afzefin, rutin, isoquercitrin, camphene, limonene, stearic acid, oleic acid,…
Nguồn gốc	Loài của lục địa châu Á, phân bố từ Ấn Độ qua Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, các nước Đông Dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây Rau vấp cá được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc ở trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven sông và ven đường đi, ven ao.
Mùa hoa quả	Mùa hoa tháng 5-8, Quả tháng 7-10
Thu hoạch	Thu hái cành lá quanh năm
Chế biến	Rau thường dùng tươi. Nhặt bỏ tạp chất và rễ tàn, rửa mềm rồi cắt từng đoạn, phơi khô dùng dần
Bảo quản	Bảo quản nơi thoáng gió, nhiệt độ phòng và tránh độ ẩm cao

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Piperales (Hồ tiêu)
    - **Họ:** Saururaceae (Dấp cá)
      - **Chi**: Houttuynia
        - **Loài**: *H. cordata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 15-50cm
Thân cây	Thân màu lục hoặc tím đỏ. Tiết diện thân đa giác, màu xanh pha tía, ở gần các mấu có màu đỏ tía.
Lá cây	Lá mọc so le, hình tim, có bẹ, khi vò ra có mùi tanh như mùi cá. Lá đơn, mọc cách. Phiến lá nguyên hình tim, kích thước 4-6,5 x 3-5 cm, màu xanh lục đậm ở mặt trên, nhạt ở mặt dưới. Gân lá hình chân vịt với 5-7 gân chính nổi rõ ở mặt dưới. Cuống lá hình lòng máng, dài 3-3,5 cm, màu xanh, 2 mép cuống lá có màu đỏ tía. Lá kèm dạng màng dài khoảng 1,4 cm, dính vào cuống lá một đoạn 1cm; màu xanh, 2 mép bên và phần giữa màu trắng, có những sọc dọc màu đỏ tía
Hoa	Cụm hoa hình bông bao bởi 4 lá bắc màu trắng, trong chứa nhiều hoa nhỏ màu vàng nhạt. Cụm hoa: dạng bông, trục phát hoa có tiết diện tam giác, dài 4,5 cm, màu xanh. Cụm hoa dài khoảng 1cm, tổng bao lá bắc gồm 4 lá bắc hình bầu dục màu trắng, kích thước 0,8-1 x 0,4 – 0,6 cm; xen kẽ 4 lá bắc lớn có 4 lá bắc nhỏ hơn phía trong, kích thước không đều 2-5 x 0,75-1 mm. Hoa trần, lưỡng tính, lá bắc dạng vảy nhỏ cao 1 mm, màu trắng. Nhị 3, rời, đính trên đế hoa, chỉ nhị dạng sợi dài 1 mm, màu trắng xanh. Bao phấn hình chữ nhật, màu vàng, dài 1 mm, 2 ô, nứt dọc, hướng trong, đính đáy. Hạt phấn rời, hình bầu dục, màu vàng nhạt có rãnh dọc ở giữa. Lá noãn 3, bầu trên 1 ô, bầu noãn màu xanh lục nhạt có 3 thùy ở đỉnh, nhiều noãn, đính noãn bên. 3 vòi nhụy hình sợi, dài 0,5 mm, màu trắng xanh; 3 đầu nhụy dạng điểm màu nâu nhạt. .
Quả/trái	Quả nang mở ở đỉnh
Hạt	Hạt hình trái xoan, nhẵn
Mùi hương	Toàn cây có mùi tanh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm phổi, viêm ruột, kiết ly, viêm thận phù thũng: Dùng lá Rau vấp cá 50g sắc uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Chữa bệnh sởi: Lấy 30 lá bánh tẻ cây Rau vấp cá, rửa sạch (có thể sao qua) sắc nước đặc để nguội uống, ngày làm vài lần để tiệt nọc và không tái phát (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
3	Chữa kinh nguyệt không đều: Dùng lá Rau vấp cá vò nát, thêm nước uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Chữa đau mắt nhặm đỏ, đau mắt do trực trùng mủ xanh: Dùng lá Rau vấp cá tươi giã nát, trộn với lòng trắng trứng gà để đắp lên mí mắt khi đi ngủ (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
5	Trị sốt ở trẻ em: Các bà mẹ nuôi con nhỏ thường rất sợ cho trẻ nhỏ dùng thuốc tây trong các trường hợp sốt, cảm cúm vì lo ngại thuốc tây sẽ ảnh hưởng đến trẻ. Vì thế Rau vấp cá được sử dụng như một loại thuốc thay thế, dùng trong trường hợp trẻ bị sốt khá hiệu quả. Dùng 30g Rau vấp cá, rửa sạch, giã nát, cho đun sôi. Tiếp đó, dùng bã đắp lên thái dương của trẻ, nước cũng có thể dùng để uống, giúp hạ nhiệt rất tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Trị bệnh trĩ: Có thể ăn kết hợp Rau vấp cá trong các bữa ăn hằng ngày, hoặc cũng có thể nấu nước để xông hay đắp tại chỗ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x	x	
7	Trị hội chứng thận hư: Lấy Rau vấp cá khô 100g đem hãm với 1 – 2 lít nước và uống thay trà (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
8	Trị lỵ cấp, viêm ruột cấp và nhiệt tả lỵ mùa hè: Chuẩn bị: Rau vấp cá tươi 80g hoặc dùng khô 40g. Sắc với nước và thêm đường vào uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
9	Ngăn ngừa mụn: Chuẩn bị: Một nắm Rau vấp cá tươi và 1 ít muối. Rửa sạch Rau vấp cá, sau đó giãn nát và trộn với 1 ít muối. Thoa hỗn hợp lên mặt và rửa lại sau 15 phút (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
10	Chữa mụn nhọt sưng đỏ nhưng chưa lên mủ: Chuẩn bị: Lá Rau vấp cá tươi 12g. Rửa sạch, để ráo nước, sau đó giã nát, đắp lên mụn nhọt và băng lại. Thực hiện 2 lần/ ngày trong 3 ngày có thể giúp mụn nhọt giảm sưng nhanh chóng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Chữa đau mắt đỏ do trực khuẩn mủ xanh: Chuẩn bị: Lá Rau vấp cá 35g. Rửa sạch, sau đó trụng sơ qua nước sôi và để nguội. Sau đó đem giã nát, thấm vào hai miếng gạc và đắp lên mắt sưng khi đi ngủ. Thực hiện liên tục trong vòng 3 ngày sẽ thấy mắt giảm sưng nhanh chóng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
12	Hỗ trợ điều trị chứng sỏi thận: Chuẩn bị 100g Rau vấp cá, sao vàng và hãm với 1 lít nước sôi trong 20 phút. Sử dụng uống thay trà hằng ngày. Mỗi liệu trình kéo dài 60 ngày và cần cách nhau khoảng 7 ngày trước khi áp dụng liệu trình mới (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
13	Chữa chứng táo bón và đại tiện khó: Chuẩn bị: Rau vấp cá khô 10g. Hãm với nước sôi trong 10 phút và uống 1 lần/ ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
14	Trị sốt cao do viêm họng cấp: Chuẩn bị: Rau dấp cá 40g. Sắc đặc, ngậm 1 lúc rồi uống. Ngày thực hiện 2 – 3 lần cho đến khi khỏi (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
15	Chữa viêm tuyến sữa: Lá Rau vấp cá, lá Cải trời, mỗi vị 30g giã nát, chế nước sôi vào vắt lấy nước cốt uống nóng; bã trộn với giấm, đắp rịt (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
16	Bệnh trĩ đau nhức: Dùng lá Rau vấp cá nấu nước xông, ngâm rửa lúc còn nóng, còn bã dùng đắp vào chỗ đau. Cũng dùng Rau vấp cá uống tươi hoặc sắc uống liên tục trong ba tháng (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
17	Đái buốt, đái dắt, dùng Rau vấp cá, Rau má tươi, mỗi thứ 50g, lá Mã đề rửa rạch vò với nước sôi để nguội, gạn trong uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
18	Điều trị viêm phổi: Bài thuốc 1: Dùng cát cánh 20g và Rau vấp cá 40g, sắc uống hằng ngày. Bài thuốc 2: Chuẩn bị Rau vấp cá 40g và 1 quả trứng gà. Ngâm Rau vấp cá vào nước trong 1 tiếng, sau đó đem sắc lên và bỏ trứng vào, khuấy đều. Nên ăn 1 lần/ ngày liên tục từ 30 – 60 ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
19	Chữa viêm âm đạo: Chuẩn bị Cây Rau vấp cá 20g, bồ kết 10g, tỏi 1 củ (vừa). Cho tất cả vào nồi cùng với 5 bát nước đun sôi thật kỹ. Cho bệnh nhân xông hơi nóng vào chỗ đau, sau đó dùng nước đã nguội để ngâm, rửa chỗ đau. Ngày làm 1 lần, làm trong 7 ngày liền thì bệnh sẽ thuyên giảm hẳn (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
20	Trị ho lao có máu hoặc ho đờm có kèm theo mủ: Chuẩn bị: Phổi lợn 1 cái và Rau vấp cá tươi 80g. Đem phổi lợn cắt miếng vừa ăn và nấu cùng với Rau vấp cá. Ăn cả nước lần cái, dùng 2 – 3 lần/ tuần (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
21	Trị sỏi đường tiết niệu và viêm niệu quản: Chuẩn bị: Kim tiền thảo 40g, xa tiền tử và Rau vấp cá mỗi thứ 20g. Đem sắc uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
22	Trị viêm tuyến tiền liệt cấp: Chuẩn bị: Rễ Rau vấp cá tươi 80g. Đem giã nát, sau đó ngâm với nước vo gạo trong 1 giờ. Bỏ bã và dùng nước uống 2 lần/ 2 ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
23	Hỗ trợ điều trị ung thư phổi: Chuẩn bị: Thổ phục linh và đông quỳ tử mỗi thứ 40g, Rau vấp cá và hạn liên thảo mỗi thứ 24g, cam thảo 6g. Sắc uống, ngày dùng 1 thang liên tục trong nhiều tháng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
24	Trị áp xe phổi: Chuẩn bị 30g Rau vấp cá. Sắc uống nóng, ngày dùng 1 lần cho đến khi khỏi (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
25	Giảm sốt ở trẻ em: Chuẩn bị: Lá hương trà 12g và Rau vấp cá 15g. Rửa sạch và nấu nước cho trẻ uống, dùng 2 lần/ ngày và nên sử dụng sau khi ăn (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
26	Trị Sản phụ tắc sữa khiến vú sưng đau: Chuẩn bị: Táo đỏ 10 quả và Rau vấp cá khô 25g. Sắc cùng với 3 chén nước, còn lại 1 chén và chia thành 2 lần uống. Thực hiện liên tục trong 3 – 5 ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
27	Trị đái dắt và đái buốt: Chuẩn bị: Rau Mã đề và Rau má mỗi thứ 40g, Rau vấp cá 20g. Đem các loại rau rửa sạch, giã nát và lọc lấy nước. Uống 3 lần/ ngày trong 7 – 10 ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
28	Hỗ trợ điều trị chứng sỏi thận: Dùng Cam thảo đất 10g, Rau diệu 15g và Rau vấp cá 20g. Sắc uống, ngày dùng 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
29	Trị viêm phế quản và viêm phổi: Chuẩn bị: Hậu phác 12g, tang chi 36g, Rau vấp cá 16g và liên kiều 16g. Sắc uống, ngày dùng 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
30	Trị chứng phế ung gây nôn ra máu và mủ: Chuẩn bị: Thiên hoa phấn, ngư tinh thảo và trắc bách diệp, các vị đều 20g. Sắc uống hằng ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
31	Trị bệnh ho, trĩ, nhức mỏi: Lấy ít lá Rau vấp cá ăn sống hoặc đâm nhuyễn, vắt lấy nước, pha với 1 muỗng mật ong rồi uống.			x
32	Trị bệnh bí tiểu: Đâm Rau vấp cá với muối hột rồi đắp lên bụng 10 phút, đắp khi bí tiểu.			x
33	Trị huyết trắng, trị ho sốt: Đâm 1 nắm Rau vấp cá, vắt lấy nước (khoảng 1/2 ly rượu) rồi thêm 1 muỗng cà phê mật ong, uống.			x
34	Trị bệnh rong kinh, trị đau họng, trị sỏi thận: Đâm Rau vấp cá với muối, vắt lấy nước uống lúc sáng và trưa			x
35	Trị khang tiếng, viêm họng: Sáng sớm, hái 7 đọt Rau vấp cá, rửa sạch, thêm vài hạt muối, nhai, ngậm (nuốt nước, bỏ xác)			x
36	Huyết trắng, viêm nhiễm phụ khoa: Lấy Rau vấp cá, Tỏi nấu nước xông			x
37	Phòng, trị Covid: Đâm Rau vấp cá, vắt lấy nước uống			x
38	Trị bệnh đường ruột, táo bón: Ăn sống Rau vấp cá.			x
39	Trị bệnh trĩ: - Cách 1: Rau vấp cá ăn sống với cơm. - Cách 2: Lấy 1 nắm Rau vấp cá với ít muối đâm, vắt lấy nước để rửa, còn xác nịt vào hậu môn. - Cách 3: Lấy 1 trái dừa, 100 g Rau vấp cá đâm nhuyễn, bỏ vào trái dừa uống luôn xác - Cách 4: Hái thân, lá Rau vấp cá nấu với Cải trời, uống			x
40	Trị huyết trắng: Lấy 1 nắm Rau vấp cá đâm, vắt lấy nước uống, thêm ít mật ong, ngày uống 2 lần			x
41	Trị vêm da khớp: Lấy 1 khúc Củ cải trắng, 1 nắm Rau vấp cá, 1 nắm Rau muống đồng, 1 nắm lá Nhàu xào giấm bó khớp			x
42	Trị bướu cổ: Ăn sống Rau vấp cá 10 ngày liên tục			x
43	Đau họng, gắt cổ, trị ho: Đâm lá Rau vấp cá, vắt lấy nước uống hoặc nhai lá thêm tí muối			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Rau vấp cá là thảo dược an toàn và không có độc tính. Tuy nhiên dược liệu này có tính hàn, vì vậy không nên sử dụng cho người có mụn nhọt thể âm hoặc người có hư hàn

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

405. Riềng — *Alpinia officinarum* Hance, 1873

Tiềng thuốc, Kìm sung, Riềng gió, Phong khương, Lương khương, Tiểu lương khương, Có khá (Thái)

Công dụng: Thường được dùng trị: 1. Đau thượng vị, nôn mữa, tiêu hóa kém; 2. Loét dạ dày và tá tràng, đau dạ dày mãn tính; 3. Viêm dạ dày - ruột cấp; 4. Sốt rét có báng. Dùng ngoài trị lang ben. Liều dùng 3-10g, dạng thuốc sắc. Dùng ngoài giã cây tươi đắp

Tính vị: Vị cay thơm, tính ấm

Quy kinh: kinh tỳ, kinh vị

Bộ phận dùng: Củ riềng (thân rễ). Dược liệu này được dùng làm thuốc trong Đông y với tên gọi là Cao lương khương. Ý nghĩa của tên gọi này là hay hơn và tốt hơn về độ ấm. Ngoài ra, hạt và lá riềng cũng được sử dụng nhưng ít hơn

Thành phần hóa học	Thân rễ chứa tinh dầu mà thành phần chủ yếu là cineol và matyicinnamit. Còn có chất dầu vị cay là galagol và các dẫn chất của flavon ở dạng tinh thể là galangin, alpinin và kaempferin. Trong riềng có từ 0,5-1% tinh dầu, lỏng sền sệt, màu vàng xanh, có mùi long não, trong đó chủ yếu có xineola và metylxinnamat. Ngoài tinh dầu, trong riềng còn có các chất sau đây: một chất dầu có vị cay gọi là galangola. Ba chất có tinh thể, không có vị gì, đều là dẫn xuất của flavon. Số lượng ước chừng 0,1%. Ba chất đó là galangin C15H10O5, alpinin C17H16O6 và kaempferit C16H12O6 (1-3 dioxy-4-metoxyflavonon).
Nguồn gốc	Riềng có nguồn gốc ở Trung Quốc.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau và huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Đa số người dân trồng cây Riềng trong vườn nhà, ven ao và vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Tháng 5 - 8, Tháng 9 - 11
Thu hoạch	Củ riềng được thu hoạch quanh năm. Sau 1 năm kể từ khi trồng, cây sẽ được đào lên để thu hoạch củ
Chế biến	Những củ già được đào đem rửa sạch đất, cắt bỏ rễ non, rửa sạch, cắt thành từng đoạn 4-6cm phơi khô hoặc dồ qua rồi mới phơi
Bảo quản	Củ riềng tươi: Sau khi rửa sạch cần để cho khô vỏ hoàn toàn. Sau đó bạn có thể để nơi khô ráo, thoáng mát hoặc cho vào ngăn mát tủ lạnh có thể bảo quản được rất lâu. Củ riềng khô: Đóng vào bịch ni lông hoặc bỏ vào hũ nhựa. Bảo quản trong điều kiện nhiệt đ

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Zingiberales (Gừng)

Họ: Zingiberaceae (Gừng)

Chi: Alpinia (Riềng)

Loài: *A. officinarum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo, mọc thẳng
Chiều cao cây	Cây cao 1 - 1.5m
Đường kính cây	Thân có đường kính 1,2 – 2m
Rễ cây	Thân rễ mọc bò ngang, chia thành nhiều đốt không đều nhau, màu đỏ nâu, phủ nhiều vẩy, có nhiều rễ con xung quanh
Củ	Khi củ riềng còn non thì có màu đỏ nâu, lúc già màu vàng nhạt. Củ chia thành nhiều đốt kích thước không đều nhau, bên ngoài có vảy bao phủ, hương thơm nhẹ. Ruột đặc, màu trắng hoặc vàng nhạt, chứa nhiều sợi xơ
Thân cây	Thân mọc đứng.
Lá cây	Lá không cuống, màu xanh, có bẹ hình mác. Lá hình mũi mác, nhọn ở đầu, một số lá có hình tròn thuôn, mọc thành 2 dãy (Võ Văn Chi, 2012; Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019)
Hoa	Hoa màu trắng, tập hợp thành chùm thưa ở ngọn. Cánh môi to,có vân đỏ. Hoa rất sít nhau, mặt trong màu trắng, mép hơi mỏng, kèm hai lá bắc hình mo, một có màu xanh, một có màu trắng. Tràng hình ống, có 3 thùy tù, hình nhọn, dài từ 15-20mm, rộng từ 4-5mm, thùy giữa chỉ hơi lớn hơn các thùy khác, cánh môi hình trứng, dài 20mm, rộng 15-18mm, màu trắng, có vạch màu đỏ sẫm. .
Quả/trái	Quả hình cầu, có lông
Hạt	Hạt có áo hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa lang beng: Riềng giã nát ngâm rượu hoặc giấm bôi (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa hắc lào: Lấy củ riềng già 100g, giã nhỏ, ngâm với 200ml rượu hoặc cồn 70 độ. Chiết ra dùng dần, khi dùng, bôi dung dịch cồn nói trên vào chỗ tổn thương, ngày bôi 2 – 3 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa ho, viêm họng, tiêu hóa kém: riềng củ thái lát mỏng, đem muối chua, khi dùng có thể ngậm với vài hạt muối hoặc nhai nuốt dần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa tiêu hóa kém, ăn xong bị đau bụng, tiêu chảy: Lấy củ riềng bào mỏng, phơi khô, tán bột. Mỗi ngày 2 lần lấy 5g uống trước bữa ăn (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
5	Chữa ăn lâu tiêu, đầy bụng, ho, viêm họng: Thái riềng tươi thành những lát mỏng, cho vào hũ thủy tinh muối chua. Khi bị đầy bụng, khó tiêu lấy một lát riềng ngậm chung với vài hạt muối ăn, nhai nuốt được cả bã lẫn nước sẽ tốt hơn. Thực hiện theo cách tương tự ngày 2 – 3 lần (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
6	Điều trị bệnh hắc lào: Bài 1: Giã nát riềng tươi đắp trực tiếp vào chỗ bị hắc lào 30 phút. Thực hiện mỗi ngày 1 lần. Bài 2: Dùng 100g củ riềng già giã nhỏ, bỏ vào hũ thủy tinh ngâm chung với 200ml rượu trắng (có thể thay thế bằng cồn 70 độ). Để khoảng 1 tuần là dùng được. Mỗi ngày 2 – 3 lần lấy bông gòn thấm một ít dịch bôi vào khu vực bị hắc lào (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
7	Trị khó tiêu, buồn nôn, đau bụng kèm thổ tả: Lấy hạt củ riềng xay nhuyễn. Mỗi lần uống 6 – 10g cho đến khi khỏi bệnh (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
8	Chữa rôm Sả y, mụn kê ở trẻ em: Lấy 200g lá riềng tươi rửa sạch, nấu với 1 lít nước trong 10 phút. Pha loãng ra tắm hoặc lau người cho bé có tác dụng giảm ngứa, sát khuẩn ngoài da, chống nhiễm trùng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
9	Chữa đau thượng vị, loét tá tràng, đau dạ dày mãn tính: Riềng, Hương phụ mỗi vị 60g, tán nhỏ thành bột, luyện, viên, ngày dùng 9g, chia 3 lần (Võ Văn Chi, 2012).	x		
10	Chữa nôn mửa: Riềng, Bán hạ, Gừng mỗi vị 10g, sắc nước uống. Nếu nôn mửa có đau bụng dùng 8g Riềng với 1 quả Táo sắc uống 2-3 lần trong ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
11	Chữa sốt rét, kém tiêu hóa: Riềng tẩm dầu vừng sao 40g; Gừng khô nướng 40g tán nhỏ hòa mật lợn làm hoàn thành viên bằng hạt ngô, dùng uống ngày 15-20 viên (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Chữa phong thấp: riềng, vỏ quít, hạt Tía tô mỗi vị 60g, sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 4g, có thể pha với một chén nước sôi để nguội hoặc rượu, uống ngày 2 lần. Dùng trong 5 – 7 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Trị sốt rét: Bột riềng 300g, bột quế khô, bột thảo quả mỗi thứ 100g, tất cả đem trộn với mật làm viên to bằng hạt ngô. Mỗi ngày dùng 15 viên trước khi lên cơn (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Điều trị đau bụng do nhiễm lạnh: Kết hợp 200g củ riềng với 80g hậu phác và 120g quế. Sấy khô tất cả các vị thuốc rồi đóng gói hoặc bảo quản trong hũ có nắp đậy, để nơi thoáng mát sử dụng dần. Hàng ngày lấy 12g hỗn hợp thuốc sắc với 200ml nước lấy 50ml uống. Dùng liên tục 2 – 4 ngày sẽ thấy tình trạng được cải thiện (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
15	Điều trị đau bụng do nhiễm lạnh: Dùng 20g củ riềng, 60g búp ổi cùng với 8g nụ sim. Sấy khô rồi tán thuốc thành bột mịn. Mỗi lần lấy 5g pha với nước đun sôi để nguội uống. Ngày dùng 3 lần sau các bữa ăn chính (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019)	x		
16	Điều trị đau bụng do nhiễm lạnh: Sắc 8g củ riềng, 5g đại táo với 300ml nước. Khi ấm nước sôi, điều chỉnh bếp cho nhỏ lửa lại đun cạn còn 100ml. Uống 3 lần trong ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
17	Trị phong thấp: Dùng 60g củ riềng, 60g trần bì (vỏ quýt), 60g hạt Tía tô. Đem tất cả các vị đã chuẩn bị phơi khô, tán nhỏ. Mỗi ngày 2 lần lấy 4g bột thuốc pha với nước đun sôi để nguội hoặc một chén rượu nhỏ uống. Một liệu trình điều trị bệnh phong thấp cần dùng 5 – 7 ngày liên tục (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
18	Trị đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy, đau ở hai bên sườn: Chuẩn bị củ riềng và hương phụ mỗi vị 12g. Cả hai tán bột, sắc uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
19	Điều trị bệnh sốt rét: Bài 1: Dùng 300g củ riềng khô, 100g vỏ quế khô, 100g thảo quả khô. Tất cả tán bột, trộn với lượng mật ong nguyên chất vừa đủ để làm hoàn. Kích thước mỗi viên hoàn to cỡ hạt ngô. Uống trước khi lên cơn sốt với liều lượng là 15 viên/ngày. Bài 2: Dùng 40g củ riềng (tẩm với dầu vừng đem sao khô) kết hợp với 35g gừng khô (nướng). Cả hai tán nhỏ, trộn cùng mật lợn vo viên hoàn cỡ bằng hạt ngô. Mỗi ngày uống 15 – 20 viên (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc,	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	2019).			
20	Chữa đau dạ dày cấp: Áp dụng thang thuốc gồm các vị: 6g củ riềng (chế với đại hoàng), 4g đinh hương, 6g thanh bì, 15g sơn tra, 6g vỏ quýt khô, 6g mộc hương và 6g cửu tiết xương bồ. Sắc lấy nước đặc chia uống 3 lần cho hết, mỗi ngày dùng 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
21	Điều trị bệnh đau dạ dày cho bệnh nhân bị hư hàn: Dấu hiệu nhận biết: Cơn đau ở vùng thượng vị xuất hiện trong một thời gian nhất định, đau nhiều hơn khi đói bụng, khi ăn lạnh hoặc gặp lạnh, đi ngoài phân lỏng, đầy bụng, nôn ói ra nước trong, chán ăn, tay chân lạnh, sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mất cảm giác ngon miệng, mạch trầm. Dùng bài thuốc có các thành phần: 8g củ riềng, 8g củ gấu, 30g bách hợp, 30g huyết căn, 10g ô dược, 7g kê tử hương, 4g sa nhân. Tất cả sắc với 3 bát nước cho cạn còn 1 bát. Chia làm 2 phần đều nhau uống hết trong ngày. Mỗi liệu trình uống thuốc trong 5 ngày liên tục (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
22	Trị lang ben: Kết hợp củ riềng với chút chít (dùng cả lá và củ) mỗi loại 100g, 1 quả chanh tươi. Đem hai vị thuốc giã nát rồi đun nóng cùng với nước cốt chanh. Để nguội, cho vào hũ có nắp đậy kín dùng dần. Mỗi ngày 2 lần lấy bông gòn thấm dịch thuốc thoa lên khu vực cần điều trị. Dùng trong khoảng 1 tuần sẽ thấy kết quả (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
23	Chữa đi ngoài phân lỏng, đau bụng, sôi bụng, ăn khó tiêu, bụng kêu óc ách (tỳ vị hư hàn): Chuẩn bị riềng và bạch truật mỗi loại 12g, lá ổi và Lá lốt mỗi loại 16g (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
24	Chữa khó tiêu: Người bị tỳ vị hư hàn hay có triệu chứng bụng sôi, khó tiêu, bụng đau râm ran, đại tiện phân lỏng do ăn uống không điều độ, ăn nhiều thức ăn sống, lạnh, cay, uống rượu, hút thuốc… có thể dùng 1 củ riềng nhỏ khoảng 12g thêm Lá lốt, lá ổi, gừng tươi, sắc uống ngày 2-3 lần, uống thuốc khi thấy hết triệu chứng thì dừng. Tất cả cho vào ấm, thêm 3 bát nước vào sắc cạn còn 1,5 bát. Gạn uống 3 lần trong ngày, mỗi ngày 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
25	Điều trị cho trẻ tiêu lỏng nhiều lần trong ngày, trong phân có bọt: Dùng hoài sơn, liên nhục, bạch truật, biển đậu mỗi loại 10g; Củ riềng, trần bì mỗi loại 6g; Sinh khương và hậu phác mỗi loại 4g. Đem thuốc sắc với 500ml nước đến khi cạn còn 1 nửa, chia uống 3 lần trong ngày (Công ty	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).			
26	Điều trị ngộ độc thức ăn có biểu hiện đau bụng, buồn nôn, nôn ói, tiêu chảy, hạ huyết áp, mạch đập nhanh. Dùng củ riềng và hoài sơn mỗi vị 16g; Hoàng liên, chích thảo, sinh khương (nướng), thảo quả mỗi vị 10g; Biển đậu, bạch truật, liên nhục mỗi vị 12g; Quế 6g; Bán hạ chế 8g. Sắc thuốc với 3 bát nước lấy 1,5 bát chia làm 3 lần uống. Thời gian giữa các lần uống thuốc cách nhau 2 tiếng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
27	Điều trị chứng ngũ canh tả (kê minh tiết): Người bị bệnh có biểu hiện cứ tờ mờ sáng khi thức dậy là mót đi ngoài ngay lập tức, đại tiện phân lỏng, trong người mệt mỏi, tay chân và bụng có cảm giác lạnh do tỳ thận dương hư. Chuẩn bị 1 thang thuốc bao gồm các thành phần như sau: Củ riềng (phơi khô), bạch truật (sao); Hoài sơn mỗi vị 16g; Cẩu tích, Đỗ trọng (sao muối), ngũ gia bì, sơn thù, hậu phác mỗi vị 12g; Khởi tử, cố chỉ, trần bì, chích thảo, quế, bán hạ chế mỗi vị 12g; Sinh khương 6g. Dùng thuốc bằng cách sắc uống mỗi ngày 1 thang trong 12 ngày liên tục (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
28	Bài thuốc xoa bóp chữa đau nhức cơ thể, xương khớp, đau thần kinh tọa: Dùng củ riềng (phơi khô), thạch xương bồ, nhân hạt gấc (sao vàng) mỗi vị 20g; Thiên niên kiện, trần bì mỗi vị 16; Quế 24g. Cho tất cả vào hũ thủy tinh ngâm chung với rượu trong 10 ngày. Khi bị đau nhức, chấn thương, bầm tím da lấy một ít rượu thuốc thoa vào chỗ đau kết hợp xoa bóp nhẹ nhàng để rượu thấm sâu vào bên trong phát huy tối ưu tác dụng giảm đau, chữa lành tổn thương (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
29	Chữa hắc lào: củ riềng già 100g, giã nhỏ, ngâm với 200ml rượu hoặc cồn 70 độ. Chiết ra dùng dần, khi dùng, bôi dung dịch cồn nói trên vào chỗ tổn thương, ngày bôi 2 - 3 lần (Nongnghiep.vn).	x		
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

406. Sả *Cymbopogon citratus* (DC.) Stapf, 1906

Sả chanh, Hương mao, Phiắc châu (Thái), Cà phéc (Tày),

Công dụng: Phát hãn, lợi tiểu, hạ khí, tiêu đờm. Chữa cảm sốt, đau bụng, đầy hơi, trướng bụng, nôn mửa, ho nhiều đờm

Tính vị: Theo Đông y, sả có vị the và hơi cay, tính ấm.

Quy kinh: phế, tỳ, và vị

Bộ phận dùng: Thân rễ và lá

Thành phần hóa học: Cây chứa 1-2% tinh dầu màu vàng nhạt, thơm mùi chanh mà thành phần chủ yếu là citral (65-85%), geraniol (40%)

Nguồn gốc: Sả có nguồn gốc ở miền Nam Ấn Độ.

Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn cây được trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam, người dân trồng thêm ở ven đường đi, ven bờ sông và ven ao, trồng trong chậu, ven đường
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Rửa sạch và phơi trong râm mát cho khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Poales (Hòa thảo)

→ **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)

→ **Chi**: Cymbopogon (Sả)

→ **Loài**: *C. citratus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thảo, mọc thành bụi, tán tròn
Chiều cao cây	Cay cao khoảng 1.5m
Rễ cây	Rễ phát triển rất khỏe và nhiều thành từng chùm.
Thân cây	Thân rễ trắng hay hơi tím, có nhiều đốt, các lá bẹ ôm chặt với nhau.
Lá cây	Lá dài đến 1m, hẹp, mép hơi ráp, bẹ trắng, rộng. Bẹ sả sát nhau và dính vào nhau, lá hẹp, dài hơi giống lá lúa.
Hoa	Cụm hoa gồm nhiều bông nhỏ không cuống . Phát hoa ít gặp (vì thường hay bị cắt), chùm tụ tán thưa, chùm từng cặp lẽ, dài 1,5 – 2 cm, có mo, gié hoa hẹp, có cọng và không cọng, không gai (Nguyễn Thanh Vân, 2011).
Mùi hương	Lá có mùi thơm có hương vị chanh mạnh và liên tục.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau dạ dày: Dùng cây30-45g tươi đun sôi uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa đòn ngã tổn thương: Dùng 30-45g cây tươi, đun sôi với nước thêm rượu uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Trị thối miệng, hôi nách: Lấy bột củ Sả 10 phần, phèn phi 1 phần, trộn đều, luyện viên uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
4	Chữa cảm cúm trúng hàn: Lấy 15 – 30g củ Sả hoặc lá Sả tươi. Nấu nước củ Sả hoặc lá Sả , xông hơi để chữa cảm cúm (Võ Văn Chi, 2012).	x	x	
5	Giải nhiệt, thông tiểu, tiêu thực: Lá Sả tươi 30 – 40g nấu với 1 lít nước, đun sôi khoảng 5 phút, uống (Võ Văn Chi, 2012).	x	x	
6	Trị mụn nhọt: Nấu nước Sả để tắm hàng ngày (thuocdantoc.vn).	x		
7	Trị ho do cảm lạnh, cảm cúm: Củ Sả 40g, gừng tươi 40g. Hai thứ rửa sạch, giã nát, nấu với 650ml nước, sôi khoảng 10 phút, bỏ bã, thêm đường vào nấu cô lại thành cao, ngậm nuốt dần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Trị cảm sốt do phong hàn, nhức đầu, không ra mồ hôi: Lá Sả , lá chanh, lá bưởi, hương nhu, húng chanh, bạc hà, ngải cứu, kinh giới… một lần dùng 4 – 6g mỗi loại nấu nước xông cho ra mồ hôi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x	x	
9	Giải cảm: Kinh giới, Tía tô, trắc bách diệp, bạc hà, chanh, ngải cứu, lá tre, lá ổi (mỗi nồi dùng 5 loại lá)… đun sôi, dùng để xông giải cảm rất hiệu nghiệm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Trị nhức đầu (do thời tiết): Lá Sả , lá Tía tô, lá kinh giới, lá ngải cứu, thêm 3 – 4 củ tỏi (thiếu một thứ cũng không được), nấu nước xông (tuoitre.vn).	x		
11	Giải cảm: Lá Sả , lá tre, lá bưởi (hoặc lá chanh), lá Tía tô, lá ổi, nấu nước xông, trước khi xông nên múc sẵn một chén để riêng, xông xong uống rồi đắp chăn nằm một lúc sẽ đỡ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Trị nhức đầu: Lá Sả , lá Tía tô, lá kinh giới, lá ngải cứu với vài củ tỏi nấu nước xông (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Trị ho: Rễ Sả , trần bì, sinh khương, tô tử, mỗi vị 250g (4 vị này giã nát, ngâm rượu 40oC vừa đủ để được 200ml); bách bộ bỏ lõi, thái nhỏ, sao khô 500g; mạch môn bỏ lõi 300g; tang bạch bì tẩm mật, sao vàng 200g (3 vị này sắc và cô đặc lại thành 300ml cao lỏng), trộn lẫn cao lỏng và rượu thuốc, ngày uống 2 – 3 lần, mỗi lần 10ml (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chữa đau bụng, nôn ọe, ngộ độc rượu, đau bụng đi tả, bội thực, rối loạn tiêu hóa: Đun sôi 30 – 50g Sả tươi với nước. Hòa thêm một ít đường vừa đủ ngọt. Uống thuốc khi còn ấm nóng. Uống từ 2 – 3 lần/ngày (tuoitre.vn).	x		
15	Chữa đau bụng tiêu chảy: Sắc thang thuốc với các nguyên liệu sau: 12g củ Sả, 12g vỏ quýt phơi khô, 20g củ gấu, 12g búp ổi, 3 lát gừng. Sắc thuốc với 2 bát nước, đun còn 1 bát. Uống thuốc khi còn nóng. Trẻ nhỏ nên chia thang thuốc uống từ 2 – 3 lần trong ngày (tuoitre.vn).	x		
16	Giúp sạch gàu và trơn tóc: Dùng lá Sả, hương nhu, lá bưởi mỗi vị 30g. Đem rửa sạch đun với nước, để ấm gội đầu, mỗi tuần gội 2 lần (Nguyễn Huyền, 2017).	x		
17	Trà chanh Sả giải khát, giải nhiệt: Giã nát củ Sả tươi, nửa củ gừng, sau đó cho vào nồi nước sôi. Cho thêm vào nước sôi những nguyên liệu như đinh hương, 2 hạt bạch đậu khấu, miếng quế nhỏ. Nấu các nguyên liệu với lửa nhỏ. Sau khi đã sôi, người dùng lọc lấy nước, bỏ cái. Cho vào nước nóng một ít nước cốt chanh, một thìa mật ong. Trà chanh Sả không chỉ giải nhiệt mà còn giúp lọc gan thận, phòng chống ung thư, đẹp da, kiểm soát cholesterol, giảm đau đầu, giảm đau khớp, giúp hệ tiêu hóa làm việc tốt hơn, ngủ ngon, an thần,… (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Tr ban, trị hen suyễn, trị thần kinh ở trẻ em: Lấy 1 củ Sả, 1 con thằn lằn nhai sống hoặc đâm vắt lấy nước uống.			x
19	Mát, giải độc: Lấy 200g Sả thêm 1,5 lít nước nấu sôi, uống ngày 2 lần, uống 1/2 nửa chén/lần.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
20	Trị ho: Lấy 1 - 2 tép Sả và 1 ít Gừng đâm nguyễn, thêm ít mật ong, nấu sôi, để nguội uống			x
21	Trị khớp: Lấy 3 tép Sả, 3 lát gừng và 1 nắm Lá lốt, thêm 3 hột muối nấu nước sôi, để ấm ấm, ngâm chân			x
22	Trị đau lưng, cao mỡ máu: Lấy 4 tép Sả nấu với 1,5 lít nước uống			x
23	Trị bệnh hỏi, mát gan: Lấy rễ Sả và tay Đu đủ nấu nước uống.			x
24	Trị gan nhiễm mỡ: Lấy 5 cây Sả chặt khúc, 1 củ gừng với 2,5 lít nước nấu còn 2 lít uống			x
25	Trị tiểu đường: Lấy 3 củ Sả đập dập nấu với 1 lít nước còn lại nữa lít để uống			x
26	Giải cảm, trị trúng nước: Nấu nước cùng lá ổi, bưởi, chanh, Bạch đàn, lá me, lá Đu đủ,… những cây có tinh dầu, uống. Hoặc lấy 1 nắm lá Sả, 1 nắm Cỏ nước mặn, nấu nước uống.			x
27	Trị phong, trị đau bụng: Nấu Sả với đồ ăn hoặc lấy củ Sả đâm nấu với nước cho sôi, để nguội uống.			x
28	Trị trúng thực: Lấy củ Sả đâm vắt láy nước uống.Uống 1 ly/lần			x
29	Trị ung thư: Lấy 2 tép Sả nấu với 5-6 lá Đu đủ, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phânuống 2 lần ngày. Hoặc lấy 1 nắm Sả (cả cây) xắt nhỏ, phơi khô, thêm tay Đu đủ (2-3 tay), sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống hằng ngày.			x
30	Giải độc gan: Lấy 3 tay Đu đủ và 3 tép Sả đem nấu với khoảng 1 lít nước uống.			x
31	Phòng covid: Lấy Sả, bưởi, chanh, 5 lít nước, xông			x
32	Trị rụng tóc: Lấy 1 nắm gốc Sả đập dập, nấu nước với vỏ bưởi, dùng để gội đầu (2 -3 bữa dùng 2 -3 lần rồi ngưng)			x
33	Giảm mỡ: Lấy 7 -8 cọng Sả, bỏ lá, đập dập rồi nấu nước với đường phèn uống hàng ngày.			x
34	Trị bệnh phong: Lấy 1 conTthằn lằn và 3 củ Sả đâm lấy nước uống			x
35	Giải cảm: Lấy Sả, lá Chanh, Dây giác, lá Ổi, lá Bạch đàn nấu với nước cho sôi, rồi thêm giọt dầu xông. Hoặc lấy Sả, lá Bạch đàn, lá ổi, Dây giác tía, nấu sôi. Đập 1 củ tỏi, Ngãi cứu giã ra, rồi bỏ vào nồi xông			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
36	Trị cảm cúm, trúng nước: Lấy Sả (1 nắm), 1 nắm Cỏ nước mặn 1 ít dầu gió, nấu nước sôi, xông			x
37	Giải cảm, ơn lạnh: Lấy 1 tép Sả, Gừng 3 lát, 0,5 củ tỏi, 1 giọt dầu Nhị Thiên Đường, xông			x
38	Trị đàm ở trẻ em, trị giật kinh phong: Lấy 2 củ Sả nhai với 1 con thằn lằn nhả cho em bé			x
39	Hạ đường huyết: Lấy lá Sả, Thuốc dòi nấu nước uống hàng ngày			x
40	Ngăn ngừa ung thư: Lấy tay Đu đủ, lá Sả sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
41	Ngừa covid, trị cảm: Lấy Sả, chanh, bưởi, dầu gió nấu nước, xông			x
42	Phòng covid: Lấy 2 - 5 tép Sả, 1 củ gừng, 5 lít nước nấu sôi rồi xông			x
44	Trị cảm: Lấy lá Sả, gừng, lá ổi, lá chanh, mỗi thứ 1 nắm, thêm 1 ít dầu Phật Linh, nấu nước cho nóng rồi cho đi xông			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Do sả có tính ấm có tác dụng làm ra mồ hôi nên chỉ thích hợp dùng để trị các chứng bệnh do hàn (lạnh) gây ra. VD: Khi bị cảm lạnh do đi mưa hoặc do nhiễm lạnh, có các triệu chứng như: sợ lạnh, rét run, không ra mồ hôi, đau đầu, đau mỏi toàn thân, ho, nghẹt mũi, hắt hơi, chảy nước mũi trong, đờm trong loãng có thể dùng sả xông hoặc sắc uống giúp giải cảm hàn rất tốt.

Tính ấm và tác dụng làm ra mồ hôi của sả sẽ làm hao khí và tân dịch nên các trường hợp cơ thể hư nhược và các chứng bệnh do nhiệt gây ra như: cảm nhiệt hay cảm nắng chúng ta không nên dùng sả uống hoặc xông". Ngày nay, nhiều người dùng tinh dầu sả để tiết kiệm thời gian, để phát huy tối đa tác dụng của tinh dầu sả, các cần lưu ý:

Các loại tinh dầu nói chung đều có đặc điểm là rất dễ bay hơi ở nhiệt độ cao. Vì vậy nếu dùng tinh dầu để uống hoặc xông hơi, xông tắm thì chúng ta nên cho tinh dầu vào sau cùng sau khi đã đun xong nước sôi. Và chúng ta cũng đừng quên đậy kín nắp sau mỗi lần sử dụng tinh dầu sả. Như vậy sẽ giúp ta phát huy được các tác dụng của tinh dầu sả một cách tốt nhất

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

407. Sa bô — *Manilkara zapota* (L.) P.Royen, 1953

Sabôchê; Tầm lức, Hồng xiêm, Lồng mứt, Xa pô chê, Saboche, Sapoche (gọi tắt là Sabo, sapo, Xa pô)

Công dụng: Quả chín ăn trị táo bón làm cho hoạt trường dễ đi tiêu; mỗi lần ăn 3-4 quả. Vỏ cây, quả xanh dùng trị ỉa chảy, đi tả, trị sốt rét (thay thế Canh ki na); Quả xanh còn dùng giải độc khi đã uống thuốc xổ mạnh. Thường dùng 15-20g vỏ quả xanh sắc uống. Hạt dùng làm thuốc lợi tiểu, giảm sốt. Dùng 6 hạt đem nghiền thành bột, uống với rượu hay nước chín. Liều cao sẽ gây độc, làm khó đái.

Tính vị: Vị ngọt, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hạt, vỏ và quả xanh của cây hồng xiêm được sử dụng để làm thuốc

Thành phần hóa học	Cây hồng xiêm chứa thành phần hóa học đa dạng, bao gồm: Hạt chứa axit xyanhhydric và dầu béo 23%. 100g quả hồng xiêm chứa chất đạm 0.44g, chất béo 1.10g, sắt 0.8mg, beta-carotene 60IU, phốt pho 12mg, canxi 21mg, riboflavin (vitamin B2) 0.02mg, pyridoxine (vitamin B6) 0.037mg, pantothenic acid (vitamin B5) 0.252mg, potassium 193mg, vitamin C 14.7mg,… Quả xanh và nhựa chứa gôm nhựa, trong gôm nhựa chứa 1.7% hydrat cacbon, 40% nhựa, 35% nước và một số chất khác. Vỏ cây non chứa một ít alkaloid, tannin và saponin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Mehico và một số nước thuộc khu vực Nam Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Phần lớn người dân trồng cây Sa Bô trong vườn nhà hoặc ven mương. Cây có công dụng làm thuốc và làm thực phẩm
Mùa hoa quả	Cây ra hoa gần như quanh năm., Cây sai quả gần như quanh năm.
Thu hoạch	Cây thường ra hoa và kết quả nhiều lần trong năm, nêm hầu như có thể thu hái quanh năm.
Chế biến	Quả thường được dùng tươi, sau khi hái về đem rửa sạch rồi ăn. Ngoài ra, có thể dùng hồng xiêm ở dạng sắc uống hoặc tán bột.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Ericales (Thạch nam)

Họ: Sapotaceae (Sến)

Chi: Manilkara

Loài: *M. zapota*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao từ 2 – 10m
Thân cây	Thân có vỏ màu xám nâu, lỗ bì tròn, bên trong chứa nhiều mủ trắng. Nhánh cây thường mọc chéo, lá và cành khi còn non thường được phủ lông tơ.
Lá cây	Lá mọc so le, phiến hình bầu dục, không có lông và mặt lá có nhiều gân phụ nhỏ. Lá có xu hướng mọc gần nhau ở phần ngọn cành và thường cách khoảng 4 – 5mm.
Hoa	Hoa mọc đơn độc, màu trắng, đài được phủ lông nâu và cuống hoa dài 1 – 2cm.
Quả/trái	Quả to, vỏ ngoài màu socola, thịt có cát, bên trong chứa 3 – 5 hat.
Hạt	Hạt màu đen, bóng và hơi dẹp

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sâu răng và bảo vệ sức khỏe răng miệng: Lấy lá sapoche rửa sạch, nấu với nước trong vòng 10 phút rồi để nguội. Dùng nước này súc miệng để giảm viêm và hỗ trợ điều trị sâu răng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Trị vết thương: Lấy lá sapoche non rửa sạch, giã nát với 1 ít muối rồi bó lên vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa rối loạn tiêu hóa và tiêu chảy do ăn nhiều đạm và mỡ: Lấy quả hồng xiêm xanh 15 – 20g, đem rửa sạch rồi sắc với 200ml nước còn lại 100ml. Mỗi lần dùng 50ml, ngày dùng 2 lần. Sử dụng bài thuốc sau khi ăn 15 phút và dùng uống liên tục trong vòng 3 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa rối loạn tiêu hóa và tiêu chảy do ăn nhiều đạm và mỡ: Lấy vỏ thân cây sapoche 6 – 10g, đem rửa sạch và sắc với 250ml nước còn 100ml. Mỗi lần uống 50ml, ngày dùng 2 lần(Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Trị vết thương: Lấy lá sapoche non rửa sạch, giã nát với 1 ít muối rồi bó lên vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa rối loạn tiêu hóa và tiêu chảy do ăn nhiều đạm và mỡ: Chuẩn bị quả hồng xiêm xanh 15 – 20g, đem rửa sạch rồi sắc với 200ml nước còn lại 100ml. Mỗi lần dùng 50ml, ngày dùng 2 lần. Sử dụng bài thuốc sau khi ăn 15 phút và dùng uống liên tục trong vòng 3 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa rối loạn tiêu hóa và tiêu chảy do ăn nhiều đạm và mỡ: Lấy vỏ thân cây sapoche 6 – 10g, đem rửa sạch và sắc với 250ml nước còn 100ml. Mỗi lần uống 50ml, ngày dùng 2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Giúp hạ thân nhiệt và lợi tiểu tiện: Lấy Hạt sapoche 5g và lá tre 100g sắc với 450ml nước đến khi còn lại 150ml. Chia nước sắc thành 2 lần uống trong ngày và dùng khi thuốc còn nóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Giúp kiện tỳ, thích hợp với người ăn uống kém và táo bón: Chuẩn bị thủy xương bồ 5g, vỏ quả quýt (trần bì) 10g và lá hồng xiêm 20g. Đem rửa sạch và sắc với 400ml đến khi còn 150ml. Chia nước sắc thành 2 lần uống và dùng hết trong ngày. Áp dụng bài thuốc liên tục trong vòng 5 ngày(Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Giúp kiện tỳ, thích hợp với người ăn uống kém và táo bón: Ăn vài quả hồng xiêm chín (mỗi lần ăn 2 quả, ngày ăn 2 lần) liên tục trong vài ngày. Trường hợp táo bón nặng, có thể ăn từ 5 – 6 quả/ ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Giúp hạ thân nhiệt và lợi tiểu tiện: Chuẩn bị 5g hạt sa bô, 100g lá tre, sắc cùng 450ml nước còn lại 150ml. Chia làm 2 lần uống trong ngày và dùng khi còn nóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
12	Giúp kiện tỳ, người ăn uống kém và táo bón: Lấy 5g thủy xương bồ, 10g trần bì và 20g lá sa bô. Đem sắc cùng 400ml đến khi cạn còn 150ml. Chia làm 2 lần uống và dùng liên tục trong 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Giúp kiện tỳ, người ăn uống kém và táo bón: Mỗi ngày ăn 2 lần, mỗi lần ăn 2 quả sa bô chín và liên tục trong vài ngày. Trong trường hợp táo bón nặng, thì có thể ăn từ 5 – 6 quả một ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tránh ăn quá nhiều quả hồng xiêm còn xanh do hoạt chất tannin trong quả có thể gây táo bón.

Ngoài ra, có thể dùng hồng xiêm để chế biến các món ăn giàu dinh dưỡng như mứt, sinh tố,…

Hồng xiêm chứa lượng đường khá cao, vì vậy bệnh nhân tiểu đường nên thận trọng khi bổ sung loại quả này.

Cây hồng xiêm có nhiều công dụng hữu ích đối với sức khỏe. Tuy nhiên để tránh các rủi ro khi sử dụng loại quả này, nên chỉ nên bổ sung với liều lượng thích hợp.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

408. Sa kê — *Artocarpus altilis* (Parkinson) Fosberg, 1941

Xa kê, Bánh mì

Công dụng: Thịt của quả sa kê có tác dụng bổ tỳ, ích khí; hạt sa kê thì có tác dụng bổ trung ích khí, lợi trung tiện; vỏ cây có tác dụng sát trùng tiêu viêm, tiêu độc, dùng để trị ghẻ; nhựa cây sa kê pha loãng trị tiêu chảy, lỵ; rễ sa kê có tính làm dịu, sát khuẩn, dùng để trị ho, hen suyễn, các chứng rối loạn dạ dày, đau răng hay bệnh về da rất hiệu quả; lá sa kê phối hợp với lá đu đủ non tươi, giã với vôi để đắp trị mụn nhọt

Bộ phận dùng: Rễ, vỏ, lá - Radix, Cortex et Folium Artocarpi Altilis. Nhựa cây cũng được sử dụng.

Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Thành phần dinh dưỡng	Phần múi ăn được của Sa kê chiếm tới 70% quả phức; trong múi có tới 25% tinh bột, 3% protein và 0,5% lipid.
Thành phần hóa học	Quả Sa kê chứa khoảng 25% cacbohydrat và 70% nước. Nó chứa trung bình khoảng 20 mg/100g là vitamin C và một lượng nhỏ khoáng chất (kali và kẽm) cùng thiamin (100 µg)
Nguồn gốc	Cây gốc ở Malaixia và các đảo Thái Bình Dương.
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở 03 huyện là Huyện Thới Bình (xã Tân Lộc) và huyện Phú Tân (xã Phú Thuận), và thành Phố Cà Mau (xã An Xuyên)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc ở trong vườn nhà
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Lá sa kê tươi sau thu hoạch, rửa sạch, thái nhỏ và phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)
    - **Họ:** Moraceae (Dâu tằm)
      - **Chi**: Artocarpus (Mít, Chay)
        - **Loài**: *A. altilis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 20 m
Thân cây	Thân có mủ trắng.
Lá cây	Các lá to và dày bản xẻ thùy sâu hình lông chim. Lá dài đến 1m, có khía sâu thành 3-9 thùy, rất nhám ở mặt dưới; lá kèm vàng mau rụng, dài 12-13cm.
Hoa	Cụm hoa dạng đầu. . Hoa đơn tính cùng gốc, với các hoa đực và hoa cái mọc trên cùng một cây, Các hoa đực ra đầu tiên. Sau khi các hoa đực xuất hiện, một khoảng thời gian ngắn sau đó các hoa cái sẽ xuất hiện, mọc thành cụm hoa dạng đầu, chỉ có khả năng được thụ phấn sau đó 3 ngày
Quả/trái	Cụm hoa cái sau khi được thụ phấn triển thành quả (thực sự là quả giả),
Hạt	Hạt hình thuôn (giống nhu hạt mít) nằm trong múi phát triển, khi quả còn non hạt được nấu hoặc chiên chung với thịt quả, khi hạt già có vỏ và thịt hạt cứng được dùng để ăn riêng như hạt mít.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đau răng: Lấy rễ cây sa kê, nấu nước ngậm và súc miệng (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Trị mụn, nhọt: Dùng lá sa kê đốt thành than rồi tán mịn. Sau đó, thêm dầu dừa và một ít Nghệ tươi đã giã nát, trộn thành bánh và đắp lên mặt giúp chữa mụn rộp (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa viêm gan: Chuẩn bị 100g lá sa kê tươi, 50g diệp hạ châu (Chó đẻ) tươi, 50g củ móp gai tươi, 50 gr Cỏ mực khô đem nấu nước chung để uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa cao huyết áp: Chuẩn bị 2-3 lá sa kê tươi đã vàng vừa rụng xuống, cùng 50g lá chè xanh và 50g rau Bồ ngót tươi đem nấu nước uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa gout: Dùng 100 gr lá sa kê tươi, 100 gr dưa chuột và 50 gr Cỏ xước khô đem nấu nước uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Trị tiểu đường týp 2: Lấy lá sa kê già 100g (khoảng 2 lá), quả đậu bắp tươi 100g, lá ổi non 50g, cho vào nồi nấu lấy nước uống hằng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Chữa viêm gan vàng da: Lá sa kê tươi 100g, diệp hạ châu tươi 50g, củ móp gai tươi 50g, Cỏ mực khô 20 – 50g. Nấu chung, lấy nước uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
8	Trị bệnh gút, sỏi thận: Dùng lá sa kê già (còn tươi) 100g, dưa leo 100g, Cỏ xước khô 50g, cho 3 thứ vào nồi nấu lấy nước uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Trị mụn, nhọt: Sử dụng lá sa kê tươi và lá Đu đủ tươi với lượng bằng nhau, rửa sạch, giã nát với vôi ăn trầu và đắp lên vùng da bị mụn (thaythuoccuaban.com).	x		
10	Trị tiểu đường: Lấy 2 lá Sa kê nấu với 1 lít, uống (nấu như nấu trà).			x
11	Viêm gan B: Sa kê, Mần ri, Cỏ xước, Mắc cỡ, Dứa gai, Dây cứt quạ, Cỏ mần trầu, dây Lữ đồng: mỗi thứ 500g đem đi nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Mỗi ngày uống sáng chiều			x
12	Trị ung thư, mát gan: Lấy 1 lá Sa kê khô, xắt nhỏ, phơi khô, cho nước sôi vào, uống.			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Chỉ nên dùng lá sakê sắc uống trong trường hợp phù thũng, bí tiểu hoặc viêm nhiễm, còn bình thường không nên uống thường xuyên, nhất là uống quá nhiều sẽ không có lợi, bởi vì ngoài tác dụng lợi tiểu, tiêu viêm, lá sakê còn chứa độc tính nhất định.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

409. Sa la — *Shorea robusta* Gaertn., 1805

Công dụng: Trị chứng an thần, ổn định đường huyết

Tính vị: Sal có vị chát, đắng, ngọt, tính mát

Quy kinh: tỳ, vị

Bộ phận dùng: Vỏ cây, lá cây và hoa sala

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc xuất xứ từ miền Trung và Nam Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Hầu như cây chỉ xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông)
Sinh cảnh	Cây được chuyên gia trồng trong vườn thuốc nam để làm thuốc
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Phơi khô, đem hãm nước uống
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Rửa sạch bụi bẩn, tạp chất trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)

→ **Họ:** Dipterocarpaceae (Dầu)

→ **Chi**: Shorea

→ **Loài**: *S. robusta*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây cao 30 – 35m
Đường kính cây	Cây có đường kính tới 2-2,5 m
Vỏ cây	Vỏ cso màu nâu, có nhiều vết nứt dọc, xù xì từ gốc lên đến ngọn cây.
Thân cây	Thân gỗ lớn màu xám đậm.. Cành cong queo và được chia thành nhiều nhánh nhỏ, ở cuối cành và nhánh là hoa.
Lá cây	Lá dày, màu xanh đậm, nổi gân rõ, lá dài khoảng 10-25 cm, rộng khoảng 5-10 cm. Lá được xếp ngang nhau từ đầu cành đến cuối cành. Lá cây thường mọc trên cụm ở đầu của cành như những chùm hoa xanh lớn, thường dài 8 đến 31 cm (3 đến 12 inch).
Hoa	Một chùm hoa gồm nhiều bông hoa nhỏ với đường kính bông từ 6- 14cm gồm 6 cánh hoa chính và 2-3 cánh hoa phụ nhỏ. Màu sắc của cánh hoa rất độc đáo từ các sắc thái của màu hồng và màu đỏ xen kẽ với các vân vàng mỏng hướng vào tâm hoa.. Mọc ra trực tiếp từ thân cây. Độ dài của chùm hoa có thể lên tới 80 cm (31 inch). Vào mùa hoa nở, với một cây sala cỡ lớn có thể cho tới hơn 1000 hoa một ngày, toàn bộ thân cây được bao trùm bởi một sắc hoa đằm thắm. Hoa sala có hương thơm ngọt ngào, quyến rũ đặc biệt về buổi đêm và sáng sớm hương thơm của hoa càng nồng nàn hơn. Hoa sala (đầu lân) có chứa rất nhiều phấn hoa.. .
Quả/trái	Quả của cây sala có hình cầu khá lớn với vỏ gỗ cứng màu nâu nhạt,
Hạt	Hạt cây sala: Một quả sala có rất nhiều hạt. Quả nhỏ hơn có thể chứa khoảng 65 hạt, trong khi những quả lớn có thể giữ đến 550 hạt.
Mùi hương	Hoa sala có hương thơm ngọt ngào, quyến rũ đặc biệt về buổi đêm và sáng sớm hương thơm của hoa càng nồng nàn hơn.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bệnh sốt rét và bệnh ngoài da: Lấy nước ép từ lá của cây sala uống hoặc thoa ngoài da.	x		
2	Giảm đau răng: Lấy lá non Sala nhai (Thế giới sinh học, 2014).	x		
3	Trị chứng mất ngủ, tâm trạng hồi hộp và mất ổn định đường huyết: Lấy hoa sala đem phơi khô, đem hãm nước uống như trà xanh (Huế Thương, 2013).	x		
4	Chữa bệnh thương hàn: Lấy vỏ cây sắc uống như trà, uống trong năm ngày.	x		
5	Trị đau bụng, khó chịu: Đun vỏ cây Sala với sữa bò, thêm một chút đường, lọc qua vải thưa. Uống mỗi ngày với mật ong trong 21 ngày (Thế giới sinh học, 2014).	x		
6	Trị rối loạn kinh nguyệt, rong kinh: Nghiền chung vỏ cây Sala, tiêu đen, trộn với nước vo gạo, uống với mật ong khi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	bụng đói, chỉ uống khi bắt đầu có kinh (Thế giới sinh học, 2014).			
7	Trị cao huyết áp: Lấy bông Sa la nấu nước uống. Uống hàng ngày.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

410. Sài đất — *Sphagneticola calendulacea* (L.) Pruski, 1996

Cúc nháp, Ngổ núi, Tân sa, Húng trám, Cúc dại

Công dụng: Chữa viêm tấy ngoài da, ở khớp xương, ở răng, vú, sưng bắp chuối, sưng khớp nhiễm trùng, lở loét, mụn nhọt, chốc đầu, đau mắt

Tính vị: Vị hơi đắng, hơi mặn, tính mát

Quy kinh: can, phế, thận

Bộ phận dùng: Toàn bộ cây sài đất, bao gồm cả rễ, lá và phần thân

Sài đất	Dịch ép của cây chứa dầu hoà tan 11,2%, hợp chất béo 29,7%, phytosterol 3,75%; caroten 1,14%, chlorophylle 3,75%, nhựa 44,95% còn có đường, tanin, saponin, các chất có solice, pectin, mucin, lignin và các chất có cellulose. Trong lá có chất Wedelolacton, vừa là một flavonoid vừa là một cumarin. Còn có tinh dầu và muối vô cơ . Qua nghiên cứu, các nhà khoa học phát hiện rất nhiều hợp chất quý trong cây sài đất như: Tanin, Saponin, Pectin, Mucin, Lignin, Cellulose; 3,75% chlorophylle ; 1,14% caroten ; 3,75% phytosterol. Các chất khác: Dầu hòa tan, hợp chất béo, tinh dầu, muối vô cơ, Wedelolacton
Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ - Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng tự mọc hoặc đôi khi được người dân trồng. Cây mọc ven đường đi, ven ao, ven sông và các mương rãnh. Người dân trồng nhiều trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Cây ra hoa vào mùa hè,
Thu hoạch	Thu hái cây gần như quanh năm, chủ yếu vào hè thu, lúc cây đang ra hoa. Đối với những cây đã bị cắt, người ta tiếp tục tưới nước và bón phân để cây đâm chồi mới. Sau khoảng nửa tháng lại tiếp tục thu hoạch được.
Chế biến	Cây được cắt sát gốc và đem về dùng tươi hoặc phơi khô dùng dần. Thường người ta dùng sài đất tươi hơn sài đất khô vì tác dụng của sài đất khô có vẻ không bằng tươi. Một số nghiên cứu đang thí nghiệm dùng sài đất ổn định bằng cách cho đồ hơi nước sôi trong 5 phút trước khi phơi hay sấy khô.
Bảo quản	Nếu dùng sài đất dưới dạng tươi, sau khi thu hái về nên dùng ngay. Đối với sài đất khô, cách bảo quản tốt nhất là cho vào bịch ni lông hoặc hộp có nắp đậy kín miệng. Để thuốc nơi khô, thoáng nhằm tránh bị nấm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Asterales (Cúc)

→ **Họ:** Asteraceae (Cúc)

→ **Chi**: Sphagneticola

→ **Loài**: *S. calendulacea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Sống dai
Dạng cây	Cây thảo, đứng thẳng hay mọc bò
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 40cm
Thân cây	Thân màu xanh, có lông trắng. Cây mọc lan bò, chỗ thân mọc lan tới đâu rễ mọc tới đấy.
Lá cây	Lá có 1 gân chính và 2 gân phụ xuất phát gần như từ một điểm ở phía cuống lá, nổi rõ ở mặt dưới lá. Lá sài đất hình bầu dục, có lông ở cả mặt trên và mặt dưới, mọc đối xưng, mép lá hình răng cưa to. Trên lá có nhiều gân, trong đó gân chính mọc ở giữa lá và nổi rõ ở phía mặt dưới
Hoa	Cụm hoa hình đầu, cuống hoa thìa lìa màu vàng tươi (khác với hoa cây lỗ địa cúc thường dùng nhầm với cây Sài đất). Hoa màu vàng tươi, xếp thành đầu ở nách lá hoặc ở ngọn cành. .
Quả/trái	Quả bế không có lông, đầu thu hẹp lại, tận cùng mang một vòng có răng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Dự phòng sởi hoặc bạch hầu: Dùng 15-30g cây khô, dạng thuốc sắc. Liên tục trong 3 ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Thanh nhiệt, giải độc gan: Lấy 100 – 200g cây sài đất tươi, rửa và ngâm sài đất với nước muối pha loãng. Dùng ăn sống trong bữa ăn để thay thế cho rau (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
3	Chữa nhiễm trùng phần mềm ngoài da, mụn đầu đinh, viêm khớp, chốc đầu, đau mắt: Lấy 20 – 30g cây sài đất, giã nát đắp vào khu vực tổn thương. Những trường hợp da có biểu hiện mưng mủ thì không nên dùng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
4	Chữa rôm Sả y trẻ em: Sài đất vò nát, pha nước tắm cho trẻ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa sốt cao: Sài đất 20-50 g, giã nát, pha với nước uống, bã đắp vào lòng bàn chân (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Phòng ngừa bệnh bạch hầu và bệnh sởi: Lấy 30g cây sài đất khô nấu nước uống, dùng trong 3 ngày liên tục (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
7	Hạ huyết áp, chữa bệnh ho gà, ho ra máu, viêm amidan, viêm phổi: Lấy 15 – 30g sài đất khô, sắc uống để cải thiện các triệu chứng bệnh (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
8	Chữa ban độc, ban trái trẻ em, thường biểu hiện sốt nhức đầu, sốt về chiều, về đêm, sốt xuất huyết: Sài đất 6g, Trùn hổ (chế) 3 con, Cỏ mực 4g, Nhãn lồng 4g, Bạc hà 4g, Thạch cao 2g. Đổ 600ml nước, sắc còn 200ml. Chia làm 3 lần uống trong ngày. Trẻ khi khát nước, kết hợp uống với chanh đường tuỳ thích (kinh nghiệm dân gian ở An Giang)	x		
9	Chữa sốt xuất huyết: Sài đất tươi 30 g, kim ngân hoa 20 g, lá trắc bá (sao đen) 20 g, củ sắn dây 20 g (có thể dùng lá sắn dây), hoa hòe (sao cháy) 16 g, Cam thảo đất 16 g. Sắc uống ngày một thang. Nếu sốt cao, khát nhiều, thêm củ tóc tiên (mạch môn) 20 g (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Chữa viêm tuyến vú: Sài đất 50 g, Bồ công anh 20 g, kim ngân hoa 20 g, thông thảo 20 g, Cam thảo đất 16 g. Sắc uống ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Chữa viêm bàng quang: Sài đất tươi 30 g, Bồ công anh 20 g, Mã đề 20 g, Cam thảo đất 16 g. Sắc uống ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Chữa nhọt: Sài đất 30 g, kim ngân hoa, lá 15 g, khúc khắc (thổ phục linh) 10 g, Bồ công anh 20 g. Sắc uống ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Chữa mụn, lở, chàm: Sài đất 30 g, kim ngân hoa, lá 15 g, khúc khắc 10 g, Ké đầu ngựa 12 g, Cam thảo đất 16 g. Sắc uống ngày một thang. Sài đất giã nát, đắp lên mụn lở cũng tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chữa ung thư môn vị: Sài đất 30 g, bán chi liên 30 g, bạch hoa xà thiệt 30 g. Sắc uống ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa cảm cúm: Thành phần: Sài đất, kinh giới, Tía tô, Cam thảo đất mỗi vị 3g, mạn kinh 2g, kim ngân hoa 30g, gừng tươi 3 lát. Cách dùng: Tất cả cho vào ấm, thêm 3 bát nước nấu cạn còn 1 bát. Gạn lấy nước chia đều làm 2 phần uống trong ngày. Dùng mỗi ngày 1 thang cho đến khi khỏi bệnh (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Điều trị khạc ra máu: Thành phần: Trắc bá diệp và tử chu thảo mỗi vị 15g, sài đất 30g, bách hợp 10g. Cách dùng: Sắc lấy nước đặc uống mỗi ngày 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
17	Trị viêm cơ: Thành phần: 50g sài đất, kim ngân hoa và Bồ công anh mỗi loại 20g, Cam thảo đất 16g. Cách dùng: Tất cả các vị trên hợp thành một thang, nấu nước đặc uống. Khi dùng nên kết hợp lấy cây sài đất tươi giã nát rồi đắp vào chỗ viêm để nhanh thấy được hiệu quả hơn (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
18	Chữa hôi miệng, nhiệt miệng, đau bụng, ăn nhiều nhưng chóng đói: Thành phần: Sài đất, thạch cao, thục địa mỗi vị 16g, rễ Cỏ xước 10g, thạch môn 12g. Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia thuốc làm 2 lần uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
19	Chữa ngứa da theo mùa, ngứa do thời tiết hanh khô hoặc do bị eczema, viêm da dị ứng: Thành phần: Sài đất, kim ngân hoa mỗi loại 30g, kinh giới và Rau má mỗi loại 15g, lá Khế 10g. Cách dùng: Các vị thuốc đã chuẩn bị nấu với nửa lít nước. Khi nước nguội lấy lau rửa vùng da bị ảnh hưởng (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
20	Điều trị bệnh nhiễm trùng bàng quang: Thành phần: Bồ công anh và Mã đề mỗi loại 20g, sài đất 30g, Cam thảo đất 16g. Cách dùng: Sắc thuốc chia làm 3 phần uống vào buổi sáng, trưa, tối > Mỗi ngày 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
21	Chữa nổi mẩn ngứa trên da: Thành phần: Sài đất 15g, kim ngân hoa, hà thủ ô, ngưu tất, sa sâm mỗi vị 12g, thiên niên kiện 8g, diệp hạ châu 10g, cam thảo 4g, thạch cao 6g. Cách dùng: Ngày uống 1 thang dưới dạng sắc uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
22	Chữa bệnh chàm, mụn lở: Thành phần: 15g kim ngân hoa, 12g Ké đầu ngựa, 30g sài đất, 10g khúc khắc, 16g Cam thảo đất. Cách thực hiện: Sắc nước uống kết hợp giã sài đất tươi đắp lên khu vực cần điều trị (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
23	Trị mụn nhọt: Thành phần: Thổ phục linh và Bồ công anh mỗi loại 12g, sài đất 30g, Ké đầu ngựa và kim ngân hoa mỗi loại 10g. Cách dùng: Sắc lấy nước uống. Phối hợp dùng sài đất nấu nước tắm để mụn nhọt nhanh lành (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
24	Hỗ trợ điều trị bệnh ung thư môn vị: Thành phần: Sài đất, bạch hoa xà thiệt và bán linh chi tất cả đều 30g. Đem sắc với 5 bát nước, sắc cạn còn 3 chén chia uống làm 3 lần	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	vào buổi sáng, trưa, tối trong ngày (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).			
25	Trị bệnh viêm chân răng: Thành phần: 30g sài đất, 15g bán liên biên, 10g huyền sâm. Cách dùng: Kết hợp 3 vị thuốc sắc uống ngày 1 thang (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
26	Chữa nổi ban độc ở trẻ em: Thành phần: 6g sài đất, 2g thạch cao, 3 con trùn hổ, các vị khác gồm Cỏ mực, bạc hà và Nhãn lồng mỗi vị 4g. Cách dùng: Tất cả cho vào ấm, đổ 600ml nước. Nấu cho đến khi nước sôi thì vặn lửa nhỏ liu riu, canh cho thuốc cạn còn khoảng 200ml thì ngưng. Chia thuốc làm 3 lần uống (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		
27	Chữa viêm gan: Thành phần: Nhân trần và sài đất mỗi loại 10g, kim ngân hoa 5g. Cách dùng: Nấu nước uống hàng ngày thay cho trà (Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng thuốc dân tộc, 2019).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Bệnh nhân cần tham khảo ý kiến thầy thuốc trước khi dùng sài đất trị bệnh tại nhà

Một số trường hợp có thể quá mẫn với thành phần của sài đất. Trước khi sắc uống hoặc đắp sài đất trên diện rộng, nên bôi một ít nước ra cổ tay. Nếu trong 1 ngày da không có biểu hiện bị kích ứng thì có thể dùng được.

Hỏi ý kiến bác sĩ khi dùng sài đất cùng lúc với thuốc điều trị bệnh trong tây y vì chúng có thể tương tác gây ra phản ứng phụ có hại cho sức khỏe.

Cây sài đất rất dễ bị nhầm lẫn với cây lỗ cúc địa nên cần chú ý nhận biết để không hái nhầm thuốc. Cây lỗ cúc địa thường có lá ngắn hơn, hoa có hình dáng tương tự như sài đất nhưng màu vàng nhạt

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

411. Sâm bố chính *Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr., 1924

Nhân sâm Phú yên, Thổ hào sâm, Sâm Thổ Hào

Công dụng: Bổ khí, ích huyết, sinh tân dịch, chỉ khát (giảm ho), trừ đờm. Chữa cơ thể suy nhược, kém ăn, kém ngủ, thần kinh suy nhược, hoa mắt chóng mặt, đau dạ dầy, tiêu chảy, ho viêm họng, viêm phế quản, người háo khát, táo bón . Chữa các chứng ho, sốt nóng, trong người khô, táo, khát nước, gầy còm

Tính vị: Vị ngọt nhạt, có chất nhầy, tính bình

Quy kinh: tỳ, phế, tâm, và thận

Bộ phận dùng: Rễ sâm bố chính là bộ phận được dùng để bào chế thuốc

Thành phần hóa học	Theo GS Đỗ Tất Lợi, trong rễ sâm bố chính chứa khoảng 30 – 45% là chất nhầy và tinh bột. Một báo cáo của PGS TS Trần Công Luận và các cộng sự được thực hiện vào năm 2001 đã ghi nhận thêm rất nhiều thành phần hóa học có trong rễ cây sâm bố chính được trồng tại Bạc Liêu như: Phytosterol, Coumarin, Acid béo, Acid hữu cơ, Đường khử, Hợp chất uronic, 3,96% lipid, chủ yếu là các chất acid myrisric, acid myrisric hay acid oleic,…0,23g % protein toàn phần, 1,26% protid, 15,14% tinh bột, 18,92% chất nhày bao gồm D-glucose, L-rhamnose, 11 loại acid amin, cùng nhiều loại khoáng chất như canxi, magie, natri, sắt, mangan, đồng, photpho, nhôm, zirconi… Gần đây, các nhà khoa học còn phát hiện trong sâm bố chính có các chất như Acyl hibiscone B, (R)-de-O-methyllasiodiplodin hay hibiscone B. Đáng lưu ý, hợp chất Acyl hibiscone B trong loại sâm này còn thể hiện độc tính tế bào, có tác dụng chống lại sự phát triển của các tế bào ung thư.
Nguồn gốc	Loài cây của Nam Trung Quốc và các nước Đông dương. Sâm bố chính là cây bản địa của Việt Nam. Cách đây khoảng 300 năm, thảo dược này đã được tìm thấy ở huyện Bố Trạch (Quảng Bình) theo dạng mọc hoang.
Phân bố ở Cà Mau	Hầu như cây chỉ xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông) và huyện Đầm Đầm Dơi
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà, ven đường.
Thu hoạch	Rễ sâm bố chính đào vào các tháng 11-12 và tháng 1-2. Hiệu suất trung bình 6 tấn/1ha.
Chế biến	Đào rễ về, có nhiều cách chế biến khác nhau: Sâm tươi: Sau khi đào về, rễ được rửa sạch đất cát, cắt bỏ hết rễ con xung quanh, ngâm với nước vo gạo rồi để qua một đêm. Vớt ra cho ráo nước

	trước khi đem ngâm với rượu trên 40 độ hoặc sắc uống. Sâm khô: Sau bước ngâm nước vo gạo thì thái mỏng hoặc để nguyên cả củ đồ chín. Phơi hoặc sấy khô. Có nơi đào rễ về, cắt bỏ thân ở trên, cạo sạch vỏ ngoài, ngâm nước vo gạo một đêm, vớt ra để khô nước đồ cho chín rồi phơi nắng hoặc sấy cho thật khô. Có nơi đào rễ về cắt bỏ thân cạo sạch vỏ ngoài, ngày phơi đêm sấy cho thật khô. Cũng có nơi đào rễ về, cắt bỏ thân và rễ con, rửa sạch ngâm vào nước phèn chua hai ngày hai đêm (cứ 10 kg rể dùng 300g phèn chua tán nhỏ, hoà tan vào nước lã). Rửa sạch phơi nắng hay sấy khô. Có người cầu kỳ lại ngâm thêm nước gừng, gấc và đường cho thêm màu đỏ, vị cay và vị ngọt nhưng không cần thiết. Trong sâm bố chính chúng tôi đã nghiên cứu thấy có rất nhiều tinh bột và tới 35-40% chất nhầy.
Bảo quản	Bảo quản dược liệu nơi khô ráo, tránh để bị ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malvales (Bông, Cẩm quỳ, Dâm bụt)
    - **Họ:** Malvaceae (Cẩm quỳ)
      - **Chi**: Abelmoschus (Vông vang)
        - **Loài**: *A. sagittifolius*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao chừng 1m hay hơn
Rễ cây	Rễ mập thành củ to bằng ngón tay cái màu trắng nhạt hay vàng nhạt, có đường kính 1,5-2cm, nhiều rễ có hình người trông rất giống nhân sâm
Củ	
Vỏ cây	
Thân cây	Thân cây chủ yếu mọc đứng. Đôi khi nó có thể mọc bám vào các cây khác để phát triển..
Lá cây	Lá ở phía gốc cây hình trái xoan, phần cuối phiến lá hình tim hay hình mũi tên, đầu phiến lá không nhọn. Các lá ở phía ngọn càng lên trên càng hẹp, có khi phiến lá chia thuỳ với thuỳ giữa dài hơn, có khi phiến lá chia thuỳ trông như mũi tên. Lá dài 6-7cm, rộng 30mm. Mặt lá có lông đơn hay hình sao, lá kèn hình sợi chỉ dài 7mm có ít lông dài. Lá mọc so le, có cuống dài. Lá ở gốc hình bầu dục không xẻ, lá giữa và lá ngọn xẻ 5 thuỳ

	hình dải, cuống lá ngắn hơn phiến, có lông. Hoa màu hồng hay nâu đỏ, có pha ít màu vàng, mọc riêng lẻ ở nách lá
Hoa	Hoa màu hồng hay đỏ, phớt vàng, mọc đơn độc ở kẽ lá, đường kính tới 8cm. Cuống hoa dài 5-8cm, có lông cứng, hơi phồng đầu. Tiểu đài cấu tạo bởi 7-10 bộ phận, dài 12-14mm, có lông tua tủa, đài hoa hình túi, ở ngọn có vài răng nhỏ, đài rách ra và rụng sớm, 5 cánh hoa dài 5-6cm, rộng 3-4cm ở ngọn. Nhiều nhị hàn liền với nhau thành một cột. Bao phấn phủ cột đỏ đến tận gốc. Bầu có lông, 5 vòi, có tuyến. .
Quả/trái	Quả hình trứng nhọn, dài gấp 3 lần tiểu đài, ngoài mặt có lông, khi chín,
Hạt	Hạt hình thận, màu nâu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa suy nhược gầy yếu, khô khát, táo bón, đái són: Sâm bố chính nấu thành cao, hoà với sữa người hay cao ban long uống (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
2	Điều trị khí hư bạch đới: Lấy Rễ sâm bố chính, rửa sạch, giã nhỏ rễ sâm bố chính rồi đem nấu cùng gạo nếp ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa mụn nhọt sưng lở, Sả n hậu tiện bí: Lấy 6 -12g sâm bố chính, sắc nước uống hoặc nghiền thành bột mịn pha với nước đun sôi để nguội uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Bổ khí huyết: Sâm bố chính 30g, Hồi dầu 12g, Hoài sơn, Đương quy, Ý dĩ sao, đều 15g, sấy khô, tán bột làm viên với mật ong hay mạch nha, uống mỗi ngày 15-20g (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
5	Chữa bạch đới: Rễ Sâm bố chính giã nhỏ và nấu với Gạo nếp ăn (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
6	Điều trị bệnh lao phổi cho trẻ em: Chuẩn bị Sâm bố chính (6-10g), siro cam thảo (200g), nước đun sôi để nguội (180ml). Trộn đều tất cả các nguyên liệu đã chuẩn bị để được hỗn hợp hòa quyện. Mỗi lần cho trẻ uống 1 thìa x 1 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Trị rối loạn kinh nguyệt: Thành phần: Sâm bố chính, ngải cứu, ích mẫu (mỗi vị 16g), cỏ nhọ nồi, thục địa (mỗi vị 20g), củ cây gai (12g), củ ấu (10g). Ngải cứu và cỏ nhọ nồi sao vàng, kết hợp với các vị thuốc còn lại hợp thành một thang. Đem sắc lấy 200ml nước đặc chia làm 3 lần uống. Ngày dùng 1 thang để cải thiện các triệu chứng của rối loạn kinh nguyệt như tắc kinh, rong kinh, chậm kinh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Trị rối loạn kinh nguyệt: Thành phần: Sâm bố chính (10g), lá ngải cứu (10g), Sung úy (10g). Sắc uống trong 7 ngày liên tục (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Bồi bổ khí huyết: Thành phần: Sâm bố chính (30g), củ mài, đương quy, dĩ nhân (mỗi loại 15g), hồi dầu (12g), mật ong nguyên chất. Tán tất cả thành bột, trộn chung với lượng mật ong vừa đủ để được hỗn hợp mịn, khô vừa và không dính tay. Vo thuốc thành viên hoàn uống mỗi ngày 15 – 20g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chống suy dinh dưỡng, đi ngoài phân lỏng, kiết lỵ cho trẻ trên 2 tuổi: Thành phần: Hoài sơn (30g), sâm bố chính (25g), ý dĩ (20g), bạch chỉ (10g), hạt sen (15g). Có thể sử dụng nguyên liệu với số lượng lớn hơn nhưng cần tuân theo đúng tỷ lệ trên. Tất cả đem sao chín, nghiền thành bột mịn. Trộn bột thuốc chung với một ít nước và đường nấu lên để được một loại cao lỏng. Để trị bệnh uống mỗi ngày 4 – 10g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Bổ huyết, chữa thiếu máu: Thành phần: Sâm bố chính, giao đằng, hạt sen (mỗi loại 100g), cam thảo (40g), bát giác hồi hương (8g), thảo quả (12g). Nghiền các vị trên lấy bột, vo thành viên hoàn nhỏ bảo quản trong hũ thủy tinh. Ngày uống 2 lần x 20g/lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa lo âu, trầm cảm: Thành phần: Sâm bố chính (16g), củ khoai mài, hà thủ ô, ích trí, bá tử nhân (mỗi loại 12g), táo nhân, cam thảo dây, thủy ngọc, liên tu, xương bồ (mỗi loại 8g), nhục quế (4g). Tất cả rửa sạch, cho vào ấm sắc với 500ml, sắc cạn còn 300ml thì ngưng. Chia uống 2 lần trong ngày có tác dụng an thần, giảm căng thẳng, lo âu, trầm cảm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Hạ sốt, chữa ra nhiều mồ hôi và hay khát nước: Thành phần: Sâm bố chính (20g), địa hoàng thán (30g), quế nhục (3g). Sắc uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Điều trị dự phòng hen suyễn, giảm tần suất lên cơn hen: Thành phần: Sâm bố chính (200g), vỏ quýt và can khương (mỗi loại 120g), rễ cây Dâu tằm (160g), 4 con tắc kè, mật ong nguyên chất. Cách dùng: Tắc kè làm sạch ruột, băm nhỏ, sao vàng. Tán tất cả thành bột trộn chung với mật ong làm hoàn. Mỗi ngày uống 12g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	trồng Dược liệu Quốc gia).			
15	Điều trị dự phòng hen suyễn, giảm tần suất lên cơn hen: Thành phần: Sâm bố chính, hà thủ ô, củ đinh năng, ngải cứu (mỗi loại 200g), đậu đen (500g). Nghiền thuốc thành bột và trộn chung với mật ong làm thành những viên hoàn có trong lượng khoảng 24g. Dùng ngày 2 viên, uống với nước đun sôi để nguội (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Chữa ho: Thành phần: Sâm bố chính (10g), quốc lão (8g). Sắc thuốc với 500ml nước, đun cạn còn 200ml thì tắt bếp. Gạn nước chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Bồi bổ sức khỏe cho bệnh nhân sau điều trị áp xe phổi: Thành phần: Sâm bố chính và hoài sơn (mỗi vị 16g), dĩ mễ, sinh địa, huệ tây, kim ngân hoa (mỗi loại 12g). Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Chữa hồi hộp, đánh trống ngực, tim đập nhanh, khó ngủ: Thành phần: Sâm bố chính (20g), quả dâu chín, hà thủ ô, hoài sơn, long nhãn, hạt sen, Rau má (mỗi loại 12g), bá nhân, táo nhân (mỗi loại 8g). Sắc lấy nước đặc chia 3 phần uống hết trong ngày. Mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Chữa động kinh: Thành phần: Sâm bố chính, vỏ quýt, nam tam tinh, yết vĩ (mỗi loại 20g), quế (4g), ý dĩ (40g), chu sa (1g), tim lợn (1 cái). Tán nam tam tinh, ý dĩ , quế, vỏ quýt, sâm bố chính thành bột mịn. Sau đó, trộn bột thuốc chung với chu sa nhét vào bên trong tim lợn. Hấp cách thủy 40 phút, chia 3 lần ăn trong ngày cho hết (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Bồi bổ cơ thể, nâng cao chức năng hệ tiêu hóa: Thành phần: Sâm bố chính (nếu tươi dùng 1kg, khô dùng 3kg), 5 lít rượu trắng cao độ. Rửa sạch sâm bố chính, cho vào bình thủy tinh có miệng rộng ngâm với rượu trong 30 ngày. Mỗi lần uống 15ml, dùng trong các bữa ăn sáng, trưa, tối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa suy nhược thần kinh: Thành phần: Sâm bố chính (20g), hoàng kỳ (12g), tần quy (8g), sơn khương (8g), mộc hương (8g), hoa cúc (8g), dư dung (8g), long nhãn (8g), táo nhân (8g), phục linh (6g), tiểu thảo (6g). Tất cả cho vào ấm sắc lấy nước đặc, chia uống vài lần. Mỗi ngày dùng 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	trồng Dược liệu Quốc gia).			
22	Giúp cơ thể nhanh phục hồi sau bỏng: Thành phần: Sâm bố chính, dĩ mễ, củ mài (mỗi loại 16g), sơn liên, sa sâm bắc, hà thủ ô, địa hoàng thán, kê huyết đằng (mỗi loại 12g), câu khởi (10g), trần bì (8g). Sắc uống 1 thang mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Trị rối loạn giấc ngủ, nặng ngực, mệt mỏi trong người: Thành phần: Sâm bố chính (120g), mậu ất chi (80g), tầm gửi sống trên cây dâu, hạt cây tơ hồng, dạ hợp, quả dâu (mỗi loại 40g), dứa dại, ba kích, cao xương hổ (mỗi loại 20g), 2 lít rượu trắng ngon. Các vị thuốc đem ngâm chung với rượu. Sau 2 ngày 2 đêm lấy chưng cách thủy, hạ thổ trong 7 ngày. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 15 – 40ml (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa suy nhược cơ thể cho người mắc bệnh đường hô hấp: Thành phần: Sâm bố chính, sa sâm, toan táo hạch, tua sen (mỗi loại 12g), hạt sen (20g), lá vông, hương phụ (mỗi loại 10g), câu khởi (8g). Sử dụng thuốc theo dạng sắc, uống mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Cải thiện sức khỏe cho người mới ốm dậy, đối tượng lao động nặng nhọc: Thành phần: Sân bố chính (180g), hạt sen và hoài sơn (mỗi vị 80g), sơn khương (40g), binh lang (8g). Tán thuốc thành bột uống mỗi ngày 20g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Sâm bố chính có tính mát nên khi sử dụng cho bệnh nhân có thể hư hàn cần phải tẩm với gừng và sao kỹ trước khi dùng.

Không dùng sâm bố chính chung với lê lô

Trường hợp ngâm rượu nên dùng bình thủy tinh hoặc bình gốm để ngâm nhằm đảm bảo chất lượng rượu. Tránh dùng bình làm bằng chất liệu nhựa hoặc kim loại.

Kiêng dùng các chất kích thích trong quá trình dùng sâm bố chính.

Hỏi ý kiến bác sĩ nếu bạn đang được điều trị bằng thuốc tây để đảm bảo không có sự tương tác giữa chúng.

Các bài thuốc từ sâm bố chính chỉ cho hiệu quả tốt khi phù hợp cơ địa. Cần kiên trì sử dụng một thời gian để thấy được kết quả.

Cây sâm bố chính có đặc điểm gần giống với cây vông vang nên dễ bị nhầm lẫn. So với sâm bố chính thì cây vông vang lớn hơn, phần lông cũng mọc dài hơn. Ngoài ra, hoa vông vang có màu vàng, trong khi đó hoa bố chính lại màu hồng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

412. Sâm đại hành — *Eleutherine bulbosa* (Mill.) Urb., 1918

Hành đỏ, Hành lào, Tỏi đỏ, Tỏi lào, Sâm cau, Phong nhan, Hom búa lượt (Thái), Phong nhạn

Công dụng: Sâm đại hành thường được dùng trị thiếu máu, vàng da, hoa mắt, chóng vàng nhức đầu, mệt mỏi, băng huyết, ho ra máu, thương tích lưu huyết, ho, ho lao, ho gà, viêm họng cấp và mạn, tê bại do thiếu dinh dưỡng, đinh nhọt, viêm da, lở ngứa, chốc đầu trẻ em, tổ đỉa, vẩy nến.

Theo Nam y Nguyễn Đại Định (nguyên giảng viên trường Đại học Y Hà Nội) cho biết, ở Indonesia, thầy thuốc thường sử dụng rễ cây sâm đại hành để điều trị bệnh sa trực tràng, trị lỵ và lợi tiểu. Còn ở Philippines, rễ và củ của cây được giã nát trị rắn hoặc côn trùng cắn.

Tính vị	Theo Y học cổ truyền, sâm đại hành có vị ngọt nhạt, hơi hắt và không chứa độc.
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Rễ, củ và thân hành
Thành phần hóa học	Sâm đại hành chứa các hoạt chất chính như izoeleutherin, eleutherin, eleutherola và một vài hợp chất khác.
Nguồn gốc	Loài đặc hữu của Đông Đông dương.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Phần lớn cây được trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam, người dân trồng thêm ở ven đường đi, ven bờ sông và ven ao
Thu hoạch	Có thể đào lấy củ sau khi trồng 1 năm trở lên.
Chế biến	Củ cây sâm đại hành sau khi được thu hoạch sẽ rửa sạch, bóc lớp vỏ bên ngoài và thái mỏng. Người bệnh có thể dùng tươi hoặc phơi khô để sử dụng lâu dài. Đồng thời, bệnh nhân cũng có thể ngâm rượu hoặc nghiền thành bột.
Bảo quản	Sâm đại hành khô hoặc bột nên bảo quản ở nơi khô ráo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Liliopsida (Thực vật một lá mầm)
  - **Bộ**: Asparagales (Măng tây)
    - **Họ:** Iridaceae (La dơn)
      - **Chi**: Eleutherine
        - **Loài**: *E. bulbosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao trung bình 30 cm
Củ	Củ hình trứng nhìn giống như củ hành nhưng bên ngoài vẩy có màu đỏ nâu và bên trong có màu nâu hồng hoặc đỏ nâu. Thông thường, củ có chiều dài 4 – 5 cm và đường kính 2 – 3 cm
Lá cây	Lá sâm đại hành hình mác có chiều dài 40 – 50 cm và rộng 3 – 5 cm
Hoa	Hoa mọc thành từng chùm với 3 cánh hoa có màu trắng hoặc vàng nhạt, có 3 lá đài, 3 nhị màu vàng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Bổ máu, trị rối loạn tiền đình: Lấy 3-5 củ Sâm đại hành tươi, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Hoặc gà ác mổ bụng để vài củ Sâm đại hành vào bụng gà, chưng cách thủy, ăn hết con gà.			x
2	Trị thiếu máu tim, trị bệnh tim: Lấy 300g củ Sâm đại hành xắt lát mỏng cho vào ruột gà ác chưng cách thủy (không nêm nếm). Hoặc lấy 4 - 5 củ Sâm đại hành chưng cách thủy với 1 tim heo ăn, ăn 3 - 4 quả tim.			x
3	Ngừa bệnh, giải độc, bổ máu: Lấy củ Sâm đại hành ăn, hầm thịt ăn.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tác dụng của sâm đại hành tùy thuộc vào cơ địa cũng như tình trạng sức khỏe của mỗi người, nên kiên trì sử dụng để thấy hiệu quả.

Dược liệu không gây độc cũng như tác dụng phụ, tuy nhiên nên tham khảo kinh nghiệm từ người đi trước để dùng có hiệu quả.

Không nên sử cho phụ nữ có thai và đang cho con bú.

Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

413. Sâm đất — *Talinum paniculatum* (Jacq.) Gaertn., 1791

Thổ cao ly sâm, Thổ nhân sâm, Đông dương sâm, Cứa ly sinh (Thái), Mằm sâm đăm (Tày), Sâm mồng tơi

Công dụng: Trong y học cổ truyền, sâm đất được dùng làm thuốc bổ, chữa cơ thể hư nhược, ra mồ hôi váng đầu, ù tai, hoa mắt, trẻ em tỳ hư tiết tả, phụ nữ đới hạ. Còn dùng chữa bệnh phổi, ho, sốt nóng. đái són, kinh nguyệt không đều

Tính vị: Lá cây sâm đất có vị hơi đắng, cay; tính lạnh, có ít độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ và lá

Thành phần hóa học: Rễ thổ nhân sâm chứa 1 – hexacosanol, 1 – octacosanol,1 – triacontanol, campestrol, stigmasterol, β- sitosterol, β – sitosteryl – β – D – glucosid

Nguồn gốc	Sâm đất có nguồn gốc ở Trung Mỹ sau được tìm thấy ở nhiều nơi trên thế giới như Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Cái Nước, huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương) huyện Năm Căn thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Nhiều chuyên gia trồng cây sâm đất trồng vườn thuốc nam để làm thuốc, nhưng cây cũng có khả năng tự mọc trong vườn nhà, ven đường đi, ven ao và ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 7, Tháng 9 đến 10
Thu hoạch	Sau một năm đã có thể thu hoạch rễ củ, nhưng tốt nhất là sau 3 năm
Chế biến	Đào về, rửa sạch cắt bỏ rễ con. Lúc mới đào, rễ có màu hồng đẹp. Đem phơi hay sấy khô và để lâu sẽ có màu đen xám. Khi dùng thái mỏng, tẩm nước gừng hoặc nước đường, đồ chín
Bảo quản	Nơi khô ráo thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Portulacaceae (Rau sam)
      - **Chi**: Talinum (Sâm mùng tơi)
        - **Loài**: *T. paniculatum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi nhỏ thân thảo
Chiều cao cây	Cây đạt đến từ 100 đến 120 cm cao
Rễ cây	Rễ củ to, dạng củ nhân sâm
Thân cây	Thân thẳng, mọng nước và hơi cứng ở bên dưới.. Thân được phân thành nhiều nhánh có màu đỏ.
Lá cây	Lá mọc so le, dày, gần như không cuống hoặc có cuống rất ngắn, hình bầu dục hoặc hình trứng, gốc thuôn, đầu tù hơi nhọn, gân lá mờ, hai mặt nhẵn gần như cùng màu
Hoa	Phát hoa, chùm tụ tán lớn, phân nhánh thưa ở ngọn, trục cuống phát hoa dài, tròn, đạt đến khoảng 40-60 cm dài, mang nhiều hoa nhỏ. Hoa nhỏ màu hường, nở vào buổi chiều, hoa lưỡng phái, đều, khoảng 1 cm đường kính, mang bởi 1 cuống khoảng 1 cm dài mịn, gồm: lá đài 2, khoảng từ 1 đến 2 mm dài; cánh hoa 5, rời, hình bầu dục đến hình cầu, màu hồng đỏ; tiểu nhụy 15-20, trắng mềm, lắc lư chỉ cứng; bầu noãn, thượng, 1 buồng, vòi nhụy mảnh mỏng, với một nuốm chia 3 nhánh.
Quả/trái	Quả nang, tròn, bóng sáng, màu đỏ nâu, to từ 3 đến 5 mm đường kính, 3 mảnh (valves), khe nứt đàn hồi, bên trong chứa nhiều hạt. Quả khi chín có màu đỏ nâu hay xám tro.
Hạt	Hột nhỏ, đen, khoảng 1 mm dài, mịn, bóng đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sau khi ốm lâu, cơ thể hư nhược, nhọc mệt gầy yếu, sưng phổi, đái són, kinh nguyệt không đều: Dùng mỗi lần 40-80g củ Sâm đất, sắc uống. Hoặc dùng 20-30g củ, phối hợp với các vị thuốc khác (yduoctinhhoa.com).	x		
2	Chữa bệnh phổi, ho, sốt nóng, mồ hôi trộm: Rễ Sâm đất 9 - 15g, đường kính 60g. sắc nước uống, hoặc nghiền thành bột luyện với mật ong chế thành hoàn uống (thokhangduong.vn).	x		
3	Bổ khí huyết – chữa khí huyết suy yếu, người xanh gầy, thở yếu, hồi hộp, ít ngủ, kém ăn, mệt mỏi: Lấy 40g Sâm đất, sắc nước uống trong ngày, cho vào ấm đổ 400ml nước, xắt nhỏ lửa còn 150ml nước chia 2 lần uống trong ngày. 10 ngày một liệu trình (Sức khỏe đời sống, 2014).	x		
4	Chữa sốt nóng khát nước với cây Sâm đất: Lấy vỏ rễ cây Sâm đất 6gam sắc với 200ml nước cho tới khi chỉ còn 50ml nước. Sắc uống mỗi ngày (Nguyễn Quốc Trung, 2019).	x		
5	Chữa chứng chóng mặt, choáng váng, mệt mỏi: Lấy rễ và thân cây Sâm đất mỗi loại 8gam sắc uống với 250ml nước. Sắc uống mỗi ngày, sau 1 tuần bạn sẽ thấy cơ thể không còn mệt mỏi, chóng mặt (Nguyễn Quốc Trung, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa tiểu đường: Sử dụng 75gam cây Sâm đất tươi, nếu có Sâm đất khô thì sử dụng với lượng 25gam sắc uống mỗi ngày. Duy trì uống mỗi ngày 1 thang, thực hiện trong nhiều ngày bệnh mới thiên giảm (Nguyễn Quốc Trung, 2019).	x		
7	Chữa cao huyết áp: Lấy 12gam hoa Sâm đất tươi hoặc khô sắc với lượng nước vừa đủ. Uống mỗi ngày, không những cân bằng huyết áp mà còn hạn chế tình trạng cao huyết áp đột ngột (Nguyễn Quốc Trung, 2019).	x		
8	Chữa vết thương ghẻ lở, làm liền sẹo ,chữa bệnh phong: Sử dụng lá cây Sâm đất nấu nước để uống, cành và rễ cây Sâm đất nấu nước tắm cho người ghẻ lỡ và kể cả người bị phong (Nguyễn Quốc Trung, 2019).	x		
9	Chữa viêm đường tiết niệu: Lấy 75gr Sâm đất tươi (hoặc 50gr Sâm đất khô) cho vào ấm sắc nước, uống thay nước trà hàng ngày (thongtinthuoc.org).	x		
10	Chữa viêm đường tiết niệu: Nghiền Sâm đất kho ra thành bột mịn, mỗi sáng lấy 1 thìa bột Sâm đất hòa với nước uống. Kết hợp với bài thuốc 1 sẽ cho hiệu quả nhanh hơn (thongtinthuoc.org).	x		
11	Trị mụn nhọt: Lấy hạt Sâm đất, đem ngâm với nước thật lâu. Đến khi nó tạo thành hỗn hợp như thạch thì đắp lên chỗ bị mụn nhọt. Thực hiện liên tục cho đến khi các nốt mụn nhọt bị mất đi (chú ý trước khi đắp cần rửa sạch mặt) (thongtinthuoc.org).	x		
12	Trị ghẻ: Lấy 1 nắm Sâm đất (cả thân, rễ, cành) về rửa sạch, cho vào nồi nấu nước. Dùng nước này để tắm sẽ trị được ghẻ rất tốt. Thực hiện liên tục cho đến khi các nốt ghẻ này biến mất (thongtinthuoc.org).	x		
13	Tán sỏi thận: Lấy Sâm đất khô nghiền thành bột mịn rồi bảo quản trong lọ thủy tinh. Mỗi ngày lấy 2 thìa cà phê bột Sâm đất hòa với 1000ml nước sôi, để nước nguội và uống nhiều lần trong ngày (thongtinthuoc.org).	x		
14	Bổ huyết: Lấy 40 – 80gr Sâm đất tươi, rửa sạch cho vào sắc nước uống hàng ngày sẽ giúp khí huyết lưu thông (thongtinthuoc.org).	x		
15	Điều trị chứng choáng váng, chóng mặt và mệt mỏi, suy nhược cơ thể: Lấy 16gr Sâm đất tươi (cả thân, rễ, cành, lá) rửa sạch rồi cho vào đun với 250ml nước. Chia nước thuốc thành 2- 3 lần uống trong ngày. thực hiện liên tục trong 1 tuần sẽ giảm triệu chứng chóng mặt, hoa mắt, mệt mỏi, choáng vàng (thongtinthuoc.org).	x		
16	Hỗ trợ điều trị cao huyết áp: Lấy 12gr Sâm đất đun với nước sôi và dùng nước này uống thay nước trà hàng ngày. Bài thuốc này vừa giúp ổn định huyết áp vừa giúp giảm cholesterol trong máu (thongtinthuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Giải độc gan: Lấy 10 – 15gr Sâm đất khô đun với nước uống mỗi ngày (thongtinthuoc.org).	x		
18	Giải độc gan: Tán Sâm đất khô thành bột mịn, mỗi ngày lấy 1 thìa bột Sâm đất hòa nước uống (thongtinthuoc.org).	x		
19	Giải độc gan: Lấy Sâm đất tươi nấu canh ăn mỗi ngày (thongtinthuoc.org).	x		
20	Chữa đại tiện lỏng do tỳ hư: Sâm đất 30g, đại táo 15g, cho vào ấm đổ 550ml nước, sắc uống thay trà trong ngày.	x		
21	Hỗ trợ điều trị ho lâu ngày: Sâm đất, hà thủ ô trắng, thông thảo, mỗi vị 20g, gà một con nhỏ tương đương với 400g. Cách chế biến: Cho các nguyên liệu trên rửa sạch cho vào nồi hầm gà thêm khoảng 80 phút đến khi nước canh có màu trắng sữa. Khi gà chín nhừ, hớt bỏ bớt mỡ, múc gà ra một bát to, đổ hết nước hầm lên, ăn kèm với muối và hạt tiêu (thongtinthuoc.org).	x		
22	Chữa mồ hôi trộm: Sâm đất 60g, dạ dày lợn nửa cái. Cách chế biến: Dạ dày làm sạch để ráo, cho vào nồi hầm Sâm đất. Khi dạ dày chín nhừ, ăn kèm với muối và hạt tiêu (thongtinthuoc.org).	x		
23	Người mới ốm dậy, sau phẫu thuật: Sườn lợn 300g, hoàng kỳ 200g, Sâm đất 200g. Xương sườn lợn luộc qua rồi vớt bỏ bọt, hoàng kỳ sắc kỹ lấy nước. Cho hoàng kỳ và sườn lợn vào nồi, chế thêm nước, đun nhỏ lửa và om kỹ, khi đạt độ nhừ cho Sâm đất vào đun tiếp 5 – 10 phút, nêm gia vị vừa đủ ăn với cơm. Mỗi tuần có thể ăn 2 – 3 bữa (thongtinthuoc.org).	x		
24	Chữa táo bón lâu ngày: Dùng lá Sâm đất kết hợp với lá vông non và vừng đen đã rang cho nổ mỗi thứ 30g, rễ Đinh lăng 20g cùng lá thiên lý non, nấu canh uống hằng ngày (thongtinthuoc.org).	x		
25	Chữa trẻ em tỳ hư, tiêu chảy: Chuẩn bị Sâm đất 150g, gạo tẻ 60g. Hai vị sao vàng nghiền thành bột luyện với mật ong chế thành hoàn. Uống mỗi lần 6g, ngày 2 lần (Tra cứu Dược liệu Việt Nam).	x		
26	Chữa bệnh đái nhiều: Sâm đất 60g, rễ kim anh 60g, sắc nước, chia làm 2-3 lần uống trong ngày (thongtinthuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
27	Thuốc bổ: Sâm đất 20g, rễ vú bò 20g, rễ hà thủ ô 20g, rễ bạch truật nam 20g, rễ gai 20g, hoài sơn 16g, rễ sài hồ nam 12g, cam thảo dây 8g, trần bì 8g, gừng 3 lát. Rễ vú bò thái nhỏ sao với nước đường. Rễ hà thủ ô (loại đỏ hoặc trắng) ngâm nước vo gạo một ngày một đêm, rửa sạch, tẩm nước đậu đen (100g đậu đen nấu với 5 lít nước còn 2 lít), đem nấu đến khi rễ mềm là được, rồi phơi khô, thái nhỏ, sao qua. Tất cả sắc với 400 ml nước còn 100ml, uống làm 2 lần trong ngày. Một đợt điều trị kéo dài 5 – 7 ngày (Tra cứu Dược liệu Việt Nam).	x		
28	Giảm táo bón: Nguyên liệu: Sâm đất, vừng đen rang thơm, lá vông non (mỗi loại 30gr); rễ Đinh lăng, lá thiên lí (mỗi loại 20gr). Cho các nguyên liệu vào nấu canh ăn hàng ngày, đến khi nào hiện tượng táo bón giảm thì dừng lại (thongtinthuoc.org).	x		
29	Chữa tiểu tiện nhiều: Nguyên liệu: Sâm đất (60gr); rễ cây kim anh (50gr). Cho hai vị thuốc vào ấm sắc với 500ml nước. Đun đến khi nước cạn chỉ còn ½ thì tắt bếp. Chia nước thuốc thành 2 phần uống trong ngày (thongtinthuoc.org).	x		
30	Giúp phục hồi sức khoẻ sau phẫu thuật: Nguyên liệu: Sâm đất, hoàng kì (mỗi loại 2 lạng); sườn heo (3 lạng). Cho hoàng kì vào ninh với nước. Sau khi hoàng kì đã nhừ thì cho thêm sườn heo đã làm sạch đun đến khi chín. Tiếp theo cho Sâm đất vào nấu thêm 5 phút nữa. Nêm nếm gia vị rồi ăn món này với cơm. Mỗi tuần ăn 2 – 3 bữa sẽ giúp hồi phục sức khỏe rất nhanh với người mới phẫu thuật (thongtinthuoc.org).	x		
31	Chữa ho lâu ngày: Nguyên liệu: Sâm đất, thông thảo, hà thủ ô (mỗi loại 20gr); gà ta (0,5kg). Làm sạch gà, thái miếng vừa ăn rồi cho vào ninh mềm. Cho Sâm đất, hà thủ ô, thông thảo vào ninh cùng sau đó nêm nếm gia vị vừa ăn. Ăn món này với cơm vừa ngon vừa chữa được ho lâu ngày (thongtinthuoc.org).	x		
32	Điều trị các bệnh về xương khớp: Nguyên liệu: Củ Sâm đất tươi (700gr); rượu gạo (5 lít). Sâm đất rửa sạch, thái mỏng rồi ngâm với nước muối loãng, vớt ra, để ráo nước. Cho Sâm đất vào bình thủy tinh rồi đổ đầy rượu vào. Đậy kín bình để trong 6 tháng. Sau đó, mỗi ngày lấy rượu Sâm đất uống 2 lần, mỗi lần 25ml (thongtinthuoc.org).	x		
33	Tiêu chảy: Lấy Sâm đất đâm chung với 1 ít muối, vắt lấy nước uống.			x
35	Trị men gan cao: Lấy Cam thảo đất, Sâm dất, Quao, Nhân trần nam, phơi khô cả cây, lấy mỗi thứ 100g nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
36	Mát gan, thận, mát người: Lấy củ Sâm đất phơi khô, nấu nước uống, nấu canh tép ăn. Hoặc lấy cả cây Sâm đất phơi khô, lấy 1 nắm, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống sáng chiều.			x
37	Giải độc gan: Rễ phơi khô ngâm rượu, rễ tươi nấu nước uống			x
38	Giải nhiệt, trị bệnh tim: Lấy củ Sâm đất phơi khô, nấu nước uống. Hoặc lấy củ Sâm đất đập dập nấu với con rùa, ăn.			x
39	Trị mất ngủ: Lấy Sâm đất với Nhãn lồng, chặt phoi khô, sao vàng thủy thổ., nấu nước uống. Uống 2 lần/ngày.			x
40	Trị huyết trắng: Lấy 2 nắm củ Sâm đất (tươi hoặc khô) nấu uống hàng ngày			x
41	Trị bệnh gan: Dùng Mắc cỡ, Bình bát, Xạ đen, An xoa, hoa Đu đủ, Ngãi cứu, củ Sâm đất, Đinh lăng, mỗi thứ 1 nhúm nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
42	Giải nhiệt:: Lấy củ Sâm đất rửa sạch, sao vàng thủy thổ, nấu mỗi lần 20g uống. Uống 1 ly nhỏ mỗi lần uống.			x
43	Giải cảm, mát gan: Lấy thân và củ Sâm đất phơi khô nấu nước uống			x
44	Trị xơ gan cổ trướng: Lấy 1 nắm củ Sâm đất, rửa sạch, đâm, nấu nước uống hàng ngày			x
45	Uống mát: Cỏ hôi , Sâm đất, Cỏ chân vịt, phơi khô nấu nước uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên dùng sâm đất với liều lượng quá nhiều vì có thể gây độc.

Trong quá trình sử dụng, nếu có bất cứ triệu chứng (tác dụng phụ) nào như ra mồ hôi, buồn nôn, nôn, đau bụng,... thì cần liên hệ ngay với bác sĩ để được xử lí.

Vì trong sâm đất có hàm lượng độc nhỏ nhưng có thể gây hại cho trẻ em và phụ nữ có thai nên không sử dụng cho hai đối tượng này.

Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

414. Sâm lá — *Tiliacora triandra* (Colebr.) Diels

Sương sâm, Sương sâm trơn, Dây xanh leo, Dây xanh ba nhị, Xanh tam, Sâm sâm

Công dụng: Theo Y học cổ truyền, cây được dùng chữa các bệnh lý liên quan đến gan, huyết áp cao do tăng cholesterol hoặc bệnh dạ dày,…

Theo Y học hiện đại cho biết, sương sâm ngoài công dụng thanh nhiệt, làm mát cơ thể còn giúp tăng cường sức đề kháng cho bà bầu và giúp giảm cân. Bên cạnh đó, vị thuốc tự nhiên này còn giúp ngăn ngừa táo bón ở phụ nữ mang thai.

Tính vị: Có vị đắng, tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn thân, bao gồm, thân, lá và rễ

Thành phần hóa học	Trong rễ có magnoflorin, trilobin, isotrilobin, homotrilobin, trilobamin, normenisarin và colobin. Alcaloid sinococulin phân lập từ cao methanol của dây xanh được chứng minh có tác dụng chống ung thư đối với u báng sarcoma 180 (40mg/kg/ngày trong 1-5 ngày), và bệnh bạch cầu lympho P388 (10mg/kg/ngày trong 1-5 ngày) trên thực nghiệm.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc bản địa tại Đông Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà và vườn thuốc nam, người dân còn trồng ở ven đường đi, ven sông, ven ao và được trồng ven hàng rào
Mùa hoa quả	Tháng 12 đến tháng 6 năm sau, Tháng 12 đến tháng 6 năm sau
Thu hoạch	Từ lúc dây bắt đầu bỏ ngọn và bắt đầu leo được khoảng 3-4 tháng sau thì có thể thu hoạch được. Có thể thu hái quanh năm.
Chế biến	Sâm lá sau khi thu hoạch về rửa sạch, thái lát mỏng, dùng tươi hoặc phơi khô dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, tránh ẩm ướt

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Ranunculales (Mao lương)

→ **Họ:** Menispermaceae (Tiết dê)

→ **Chi**: Tiliacora

→ **Loài**: *T. triandra*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Dây leo mảnh
Chiều cao cây	Dây dài 3-4 m.
Thân cây	Thân mảnh,có tua cuốn, leo bám vào cây khô hoặc cây tươi..
Lá cây	Lá màu lục đậm, có phiến xoan, dài 6–11 cm, rộng 2–4 cm, gân ở gốc 3-5, gân phụ 2-3 cặp, cuống 5-20 mm.
Hoa	Cụm hoa ở nách lá hay ở thân già, có lông mịn;. . Hoa đực màu vàng, cánh hoa 5-6, nhị 3. Hoa cái có 6 cánh hoa, 8-9 lá noãn
Quả/trái	Quả hạch đỏ, dài 7–10 mm, rộng 6–7 mm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ chữa bệnh tiểu khó: Có thể ăn thạch từ lá sương sâm đã ướp lạnh với nước đường ngày 2 lần, mỗi lần 1 bát (chén) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa sốt ỵ và tiểu tiện khó khăn: Sử dụng 50 g cây sương sâm đem rửa sạch, vò nát hoặc giã nhỏ. Sau đó thêm một ít nước đun sôi để nguội rồi vắt lấy nước. Chờ cho đến khi dung dịch nước sương sâm đông lại uống. Để dễ uống, người bệnh có thể thêm đường vào uống. Mỗi ngày uống khoảng 40 – 100 g lá tươi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa cảm mạo do nắng, đau cơ xương khớp hoặc huyết áp cao: Sử dụng 30 – 60 g lá sương sâm đem rửa sạch, vò lấy nước làm sương sâm và ăn. Ngoài ra cũng có thể sắc thuốc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa tiểu đường, táo bón, miệng khô khát: Lá sương sâm 30g, Rau đắng 30g, Rung rúc 45g. Tất cả các vị thuốc đem đun sôi và uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa bệnh thủy đậu: Sương sâm 12g, Rễ cây phục sinh 12g, Lá Bồ công anh 12g, Rễ tục đoạn 12g, Cỏ nho nồi 12g, Hoa mộc miên 6g, Hoài sơn 8g. Tất cả đem sắc uống (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
6	Chữa đau bụng và khó tiêu: Nguyên liệu gồm: rễ sương sâm, hạt tiêu và gừng. Tỷ lệ các thành phần là 4:5:6. Trộn đều các nguyên liệu với mật ong đến khi thành bột nhão. Nặn thành viên. Mỗi ngày uống khoảng 0,2g. Dùng liên tục nhiều ngày cho đến khi các triệu chứng thuyên giảm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa tiểu đường, khô miệng và táo bón: Chuẩn bị 60g lá sương sâm, 30g rau đắng và 45g lá cây rung rúc. Tất cả nguyên liệu dùng ở dạng tươi. Sau khi rửa sạch thì cho vào nồi nấu. Đổ nước ngập lá. Đun với lửa lớn. Khi nước sôi thì đun thêm khoảng 5 – 10 phút rồi tắt bếp. Lượng thuốc sắc được chia thành nhiều lần và dùng hết trong ngày. Chú ý, nên uống khi nước còn ấm (Nam Phương, 2021).	x		
8	Chữa tiểu đường, táo bón và miệng khô khát: Dùng 30 – 60g lá Sâm lá, 30g biển súc và 45g rung rúc. Sau đó đem tất cả đi đun sôi và uống ngay trong ngày (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
9	Mát gan: Lấy 2 nắm lá Sâm lá (tươi) thêm 0,5 lít nước lạnh, vò, lấy rổ lược, chờ đặt lại ăn với đường. Lấy 200g lá vò ra lấy nước uống.			x
10	Giải nhiệt: Vò lá tươi (1 rổ nhỏ) với 1 lít nước, lược bỏ xác, để yên phần nước cho đặc lại, ăn. Hoặc lấy một nắm lá Sâm lá già, vò với ít nước, lược bỏ xác, để tự nhiên cho đông lại, ăn			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Sương sâm có nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe nhưng khi dùng, nên lưu tâm những vấn đề sau để tránh gặp các vấn đề sức khỏe đáng tiếc:

Thạch từ lá cây sương sâm có tính mát, nên nếu dùng nhiều, có thể bị tiêu chảy. Do đó, không nên dùng quá 2 ly thạch từ lá sương sâm mỗi ngày. Với trẻ em, chỉ nên cho bé ăn nửa ly mỗi ngày.

Thạch từ lá sương sâm được bày bán sẵn thường không đảm bảo yêu cầu vệ sinh, tốt nhất nên mua lá tươi và tự vò lá tại nhà để làm.

Vào mùa mưa, lá sương sâm thường không có nhiều thạch như lá được thu hái vào mùa khô. Khi chế biến, nên lưu tâm đến điều này để thạch có được kết cấu như mong muốn.

Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

415. Sâm nhung — *Cyclea peltata* (Lam.) Hook.f. & Thomson, 1855

Dây sâm lông, Dây mối, Sâm nam, Sâm lông, Sương sâm lông

Công dụng: Sâm lông thường dùng chữa nóng do nhiệt, chữa ly, tiêu độc, cải thiện các vấn đề tiêu hóa: khó tiêu, bụng bị trướng và đau, hỗ trợ điều trị một số bệnh lý liên quan đến gan, huyết áp và dạ dày, hỗ trợ giảm cân, thanh nhiệt và tăng cường sức đề kháng cho phụ nữ đang mang thai.

Tính vị: Vị ngọt, đắng, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ và lá

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Đông Nam Á

Phân bố ở Cà Mau: Hầu như cây chỉ xuất hiện ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước)

Thành phần hóa học	Sâm lông có các alcaloid như cissamparein, hayatin, hayatidin... Vỏ rễ chứa menismin, cissamin, pereirin. Trong rễ đã chiết được 1 alcaloid có vị đắng gọi là cissampelin hay pelosin với tỷ lệ 0,5%. Năm 1952, từ rễ cây sâm lông người ta chiết được 1 alcaloid gọi là hayatin và 1 alcaloid nữa gọi là hayatinin. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy một số hoạt chất khác trong loại cây này như: hayatin và cissamparein (thuộc alcaloid); menismin và pereirin. Vị đắng của cây là do cissampelin (một loại hoặc alcaloid) hoặc pelosin với tỷ lệ 0,5%.
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Thu hoạch	Thu hái rễ, lá quanh năm.
Chế biến	Rễ đào về, rửa sạch, thái lát, phơi khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Ranunculales

→ **Họ:** Menispermaceae (Tiết dê)

→ **Chi**: Cyclea

→ **Loài**: *C. peltata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Dây leo
Chiều cao cây	Dây dài đến 5 m
Đường kính cây	Dây có đường kính 3-6 cm
Thân cây	Dây leo có các nhánh khía rãnh, có lông dày. Có rãnh dọc, màu trắng ngà, có lông (Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, nd)
Lá cây	Lá có cuống, hình khiên, cụt đầu hoặc hơi khía mép ở gốc, hình tam giác nhọn, tận cùng bởi một mũi nhọn hình sợi, màu lục và hầu như nhẵn ở mặt trên, màu nhạt và có lông mềm ở mặt dưới, dài 6-10cm, rộng 4-9cm, có 5-7 gân.
Hoa	Cụm hoa ở nách lá, dài hơn cuống lá, phân nhánh, với các nhánh ở dưới dài hơn, tới 7cm. Hoa thành đầu hình cầu hay hình trứng, màu vàng..
Quả/trái	Quả hạch hình cầu, màu đỏ, hẹp, có lông, đường kính 5mm. Nó có hạch lồi và 8 u sần.
Hạt	Hạt hình mắt chim, lồi cả hai mặt, có 8 u sần .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh về gan, mật, lòi dom Dùng 6g Sâm nhung dưới dạng thuốc bột, thuốc viên hằng ngày. Kiên trì dùng trong vòng 2 tháng.	x		
2	Chữa tiểu tiện khó, sốt, lỵ: Lấy lá Sâm nhung tươi 50g vò nát hay giã nhỏ, thêm một ít nước chín nguội, vắt lấy nước, để một chốc cho đông lại mà uống. Có thể thêm đường cho dễ uống (Tra cứu dược liệu).	x		
3	Trị kiết lỵ, tiêu chảy: Lấy phần rễ Sâm nhung với lượng tùy ý. Đem tán dược liệu thành bột mịn. Có thể hoàn thành dạng viên cho dễ dùng. Mỗi ngày sử dụng khoảng 10g và uống chung với nước sôi ấm.	x		
4	Điều trị sốt rét: Lấy 10 – 15g Sâm nhung cho dược liệu vào ấm sắc cùng với khoảng 600ml nước trên lửa nhỏ. Lượng nước còn khoảng 200ml là đạt. Chia làm 2 lần uống khi còn ấm, chỉ dùng 1 thang/ngày.	x		
5	Chữa kẽ chân viêm lở chảy nước: Lấy 15g Sâm nhung và 10g kha tử. Các vị thuốc trên đem giã nhỏ rồi cho vào ấm sắc lấy nước đặc. Sử dụng nước này để ngâm chân với tần suất 1 – 2 lần/ngày.	x		
6	Chữa kẽ chân viêm lở chảy nước: Chuẩn bị: 15g Sâm nhung và 10g kha tử. Các vị thuốc trên đem giã nhỏ rồi cho vào ấm sắc lấy nước đặc. Sử dụng nước này để ngâm chân với tần suất 1 – 2 lần/ngày.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Chữa chậm tiêu, đau bụng: Lấy rễ Sâm nhung 4 phần, hạt tiêu 5 phần, gừng 6 phần, tất cả trộn đều, thêm mật ong vào nhào thành bột nhão, viên thành viên, ngày uống 0,2 - 0,3g.	x		
8	Điều trị chứng đau bụng và chậm tiêu: Dùng rễ Sâm nhung đã xay thành bột, bột gừng và bột hạt tiêu theo tỷ lệ 4:6:5. Trộn tất cả các vị thuốc lại với nhau rồi thêm mật ong vào, nhào thành bột nhão và hoàn viên. Mỗi ngày uống khoảng 0,2 – 0,3 g. Uống liên tục cho đến khi triệu chứng bệnh thuyên giảm thì ngưng.	x		
9	Trị viêm tai có mủ: Chuẩn bị: 20g Sâm nhung và 10g phù phỉ. Các vị thuốc đem tán thành bột mịn và trộn cho thật đều. Hằng ngày tiến Hành làm sạch mủ tai và thổi bột thuốc vào 2 – 3 lần/ngày .	x		
10	Trị đau mắt đỏ có màng: Chuẩn bị: 4g Sâm nhung và 2g phèn chua. Các vị thuốc trên đem tán nhỏ rồi chưng cách thủy với nước. Sau đó gạn lấy nước trong và dùng để nhỏ mắt mỗi ngày 2 lần	x		
11	Giải nhiệt: Lấy 100g Sâm nhung, cho vào ít nước, vò, để đặc ăn với đường			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tuyệt đối không dùng dược liệu này cho những người mắc các bệnh do hàn hay có huyết hàn.

Cần cẩn trọng khi dùng dược liệu chế thành thuốc nhỏ mắt điều trị viêm kết mạc. Bởi thực hiện bài thuốc này ở nhà sẽ không đảm bảo vô khuẩn và rất dễ gây ra tình trạng bội nhiễm. Ngoài ra, người bệnh không nên tự ý sử dụng hoàng đằng chân vịt tại nhà. Trước khi sử dụng dược liệu này điều trị, người bệnh nên đến bệnh viện thăm khám và tham vấn ý kiến của bác sĩ. Đồng thời, dược liệu này không thể thay thế cho thuốc chữa bệnh mà chỉ có tác dụng hỗ trợ điều trị, tuyệt đối không nên sử dụng hoàng đằng chân vịt như phương pháp điều trị duy nhất và ngưng sử dụng thuốc.

Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

416. Sắn dây *Pueraria montana* (Lour.) Merr.

Cát căn, Sắn cơm, Sắn dây rừng, Đậu ma núi, Cam cát căn, Phấn cát căn, Củ sắn dây, Bạch cát, Bắn mắm kéo (cách gọi của người Thái), Khau cát (cách gọi của người Tày)

Công dụng: Sởi thời kỳ đầu, chứng biểu nhiệt, tiêu chảy, gáy đau vai cứng, đau trước trán, tà ở kinh dương minh, lưng sau cứng,…

Tính vị: Vị ngọt, cay, tính bình, không độc. Nước cốt rễ dùng sống thì có tính rất hàn. Hoa có vị ngọt, không độc, tính bình.

Quy kinh: kinh Bàng quang, tỳ, vị, và phế

Bộ phận dùng: Rễ củ (gọi là Cát căn) và hoa (gọi là Cát hoa)

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Đông Á

Phân bố ở Cà Mau: Hầu như cây chỉ xuất hiện ở huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân) và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)

Thành phần hóa học	Sắn dây chứa Puerarin – Xyloside, Daidzin, Arachidic acid, Puerarin, Daidzein, b-Sitosterol, 4-Methoxypuerarin, 7-Diglucoside, Genistein, Formononetin,…Theo phân tích ở Trung Quốc và nước ngoài, trong các bộ phận cây sắn dây có: Lá có các acid amin: asparagin, adenin. Rễ củ có isoflavon: pueradin, daidzein C15H10O4, daidzein C21H20O9, tinh bột. Sắn dây có tinh bột, các flavonoit puerarin, daizin, daizein.
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 10, Tháng 11 đến 12
Thu hoạch	Thu hái rễ củ vào tháng 11 hằng năm. Chọn thứ củ có màu trắng đục, khi cắt ra có màu vàng
Chế biến	Sau khi thu hái về có thể bào chế dược liệu theo những cách sau: Khúc củ: Rửa sạch, cạo bỏ lớp vỏ bên ngoài sau cắt thành từng đoạn ngắn 13cm. Xếp vào bên trong vại và cho nước muối đặc vào ngâm trong nửa ngày. Sau đó tiếp tục pha nước muối ngâm dược liệu trong 7 ngày rồi vớt ra, đem ngâm dưới sông trong 3 – 4 giờ rồi phơi trong 2 – 3 ngày. Bỏ dược liệu vào hòm và xông với lưu hoàng trong 2 ngày đêm cho củ mềm và trong, mất màu vàng chỉ còn lại màu trắng bột. Đem dược liệu phơi khô hoàn toàn và bảo quản dùng dần. Miếng vuông: Gọt bỏ vỏ ngoài, cắt thành khối vuông có cạnh từ 1.5 – 3cm, sau đó xông với lưu hoàng và đem sấy khô là dùng được. Khoanh củ: Bóc bỏ vỏ ngoài, cắt thành khúc dài từ 8 – 15cm, xông với lưu hoàng 3 lần. Sau đó đem phơi dược liệu vào ban ngày và tối đến sấy lưu hoàng cho đến khi khô hoàn toàn. Chế bột sắn dây: Cạo bỏ vỏ, xay giã cả củ, lọc lấy nước, thêm nước lạnh vào rồi dùng khăn mỏng lọc xác, tạp chất và bụi bặm, đất cát. Thực hiện lọc trong vòng 1 tháng cho đến khi khuấy nước không còn đục là được. Sau đó đổ bột ra miếng vải và phơi khô thành bột, bảo quản dùng dần.
Bảo quản	Dược liệu dễ ẩm mốc và mối mọt nên cần đậy kín và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Fabales (Đậu)

Họ: Fabaceae (Đậu)

Chi: Pueraria (Sắn dây)

Loài: *P. montana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Dây leo, có khi bò lan mặt đất
Chiều cao cây	Dây leo có thể dài tới 10 m
Rễ cây	Rễ phát triển thành củ dài, to. Rễ củ đã cạo lớp bần bên ngoài, hình trụ, hoặc hình bán trụ, dài 12 - 15 cm, đường kính 4 - 8 cm, có khi là những lát cắt dọc hoặc vát, dày, có kích thước khác nhau. Mặt ngoài màu trắng hơi vàng, đôi khi còn sót lại ở các k
Thân cây	Cành non có lông vàng
Lá cây	Lá kép, mọc so le gồm 3 lá chét nguyên hoặc xẻ thùy.
Hoa	Cụm hoa hình chùm mọc so le gồm 3 lá chét nguyên hoặc xẻ thùy. Cụm hoa mọc ở kẽ lá gồm nhiều loại hoa màu xanh tím, thơm, dài 10-40cm.. Hoa to, màu tím rất thơm. .
Quả/trái	Quả dạng đậu, dài khoảng 8cm, giữa các hạt vỏ thường thắt lại, vỏ quả được phủ lông màu vàng nâu
Hạt	Hạt dẹp, nhỏ, rắn, màu nâu đen, có thể phát tán do rụng hạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm nắng, sốt nóng, nhức đầu khát nước: Bột sắn dây 12g hòa với đường uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Trị tổn thương gân đến nỗi ra máu: Cát căn giã lấy nước uống, dùng khô thì sắc mà uống còn bã đắp nơi đau (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Trị đau nhức vùng thắt lưng: Lấy sắn dây sống nhai nuốt nước cho đến khi khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa say rượu bất tỉnh: Lấy củ sắn dây tươi giã nát, vắt lấy 1 lít nước cốt, cho uống dần đến khi tỉnh lại (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa chảy máu mũi suốt ngày không ngừng, tâm thần phiền muộn: Củ sắn dây tươi giã nát, vắt lấy nước cốt, uống mỗi lần một chén con (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
6	Chữa chảy máu cam: Lấy củ sắn dây tươi giã nát, vắt nước cốt uống, mỗi lần 1 chén con, ngày 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa rắn cắn: Giã lá sắn dây tươi vắt lấy nước uống, bã đắp lên nơi rắn cắn (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
8	Chữa vết thương chảy nhiều máu: Dùng lá sắn dây tươi giã nát, đắp vào vết thương (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
9	Chữa ngực nóng, thổ huyết không ngừng: Củ sắn dây tươi giã nát, vắt lấy 500 ml uống.	x		
10	Ngộ độc rượu (uống quá nhiều rượu khiến tỳ vị thương tổn, khạc hoặc nôn ra máu, người phát sốt, tiểu tiện đỏ): Lấy hoa sắn dây khô 20 - 40g nấu nước uống nhiều lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Trị viêm họng, viêm thanh quản cấp: Lấy dây cây sắn dây đốt tồn tính, tán bột uống chiêu với nước trắng. Ngày 2 lần.	x		
12	Chữa kiết lỵ do nhiệt: Lấy một ít bột sắn dây cùng đường hòa tan trong nước, sau cho lên bếp khuấy chín đặc, mang ra ăn. Ngày 1-2 lần.	x		
13	Trị say rượu không tỉnh: Lấy Cát căn sống sắc uống 2 thang, khi nào tiểu ra là khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Giải độc do uống thuốc quá liều: Lấy Cát căn khô sắc lấy nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Trị đau nhức vùng thắt lưng: Lấy Cát căn sống, nhai sống, nuốt nước cho đến khi khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Chữa ngộc độc sinh bồn chồn, bứt rứt, nôn mửa và phát cuồng: Lấy Cát căn sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Trị chứng nhiệt khát lâu ngày ở trẻ nhỏ: Lấy 20g cát căn, sắc lấy nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Trị chứng máu mũi chảy không cầm được: Lấy Cát căn sống ép lấy nước, chia thành 3 lần và dùng uống sẽ khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Trị vết lở do cọp vồ: Lấy Cát căn sống và bột cát căn 20g. Đem cát căn sống sắc đặc và ngâm rửa, còn dùng bột cát căn uống, dùng 6 lần trong vòng 1 ngày đêm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa chứng nôn khan kéo dài: Lấy Cát căn sống đem các vị giã nát lấy một bát nước uống là khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa thiếu sữa ở Sả n phụ: Để chữa thiếu sữa ở Sả n phụ, có thể lấy dây sắn dây đốt thành than, nghiền mịn, mỗi lần uống 6 g cùng với rượu, sữa sẽ về nhiều (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
22	Chữa cảm nắng, sốt, nóng, nhức đầu khát nước: Cát căn 20g, Đậu ván sao 12g, giã giập, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa trẻ em cảm sốt, ho, viêm họng, hay lên sởi viêm phổi: Sắn dây 12g, Mạch môn 10g, Hương nhu 6g, sắc uống (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
24	Chữa viêm ruột, đau bụng đi ngoài giống kiết ly, cồn cào, buồn bực, nôn oẹ do uống nhầm các thứ thuốc nóng hoặc quá mãnh liệt: Dùng bột sắn dây quấy đường uống; hoặc dùng cát căn 30 g, Rau má 20 g giã nát, chế thêm nước, vắt lấy nước cốt uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Chữa trẻ sơ sinh miệng mím chặt, sùi bọt mép, không bú được: Lấy một đoạn dây sắn dây đốt thành than, nghiền mịn, dùng khoảng 3-5 g bột hòa với sữa mẹ, nhỏ vào miệng trẻ. Làm như vậy vài lần trẻ sẽ mỡ miệng và bú được (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
26	Chống ngứa do mồ hôi: Bột sắn dây 5 g, thiên hoa phấn 5 g, hoạt thạch 20 g, trộn đều, rắc lên những nơi ẩm ngứa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Cảm mạo, sốt, cổ gáy cứng đơ, sợ gió, không mồ hôi: cát căn 8 g, ma hoàng 5 g, quế chi 4 g, đại táo 5 g, thược dược 4 g, sinh khương 5 g, cam thảo 4 g; cho 600 ml nước, sắc còn 200 ml, chia 3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Chữa cảm mạo, sốt phiền khát cứng đau gáy: Sài cát giải cơ thang: Sài hồ 4g, Cát căn 8 - 12g, Khương hoạt, Bạch chỉ, Hoàng cầm, Bạch thược mỗi thứ 4 - 8g, Cam thảo 2g, Cát cánh 4 - 8g, Thạch cao 16g, Gừng tươi 3 lát, Đại táo 2 quả sắc nước uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
29	Chữa trẻ nhỏ cảm phong nhiệt, nôn mửa, đau đầu, kinh sợ khóc thét: Cát căn 30 g giã nát, gạo tẻ 50 g. Cát căn sắc với 2 bát nước lớn, đun cạn còn 1 bát, chắt lấy nước nấu cháo với gạo, thêm chút gừng sống và mật ong, cho trẻ ăn trong ngày (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
30	Chữa cảm nắng, sốt nóng, nhức đầu, khát nước, có mồ hôi, nóng ruột, nôn ọe: Bột sắn dây 12 g hòa đường uống; hoặc dùng cát căn 20 g, đậu ván (sao) 12 g, giã giập, sắc nước uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
31	Trị cảm nắng đau đầu (khô mũi, tiểu vàng): Lấy bột sắn dây hòa trong ly nước pha thêm chanh, đường uống. Ngày uống 3 -4 lần (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
32	Chữa cảm sốt nóng, nôn ọe, khát nước, nhức đầu: Cát căn, sài hồ, chi tử, mỗi thứ 15-20 g, sắc nước uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
33	Chữa vùng ngực bụng nóng cồn cào, khát nước: Bột sắn dây 120 g, gạo tẻ 15 g. Gạo tẻ ngâm nước một đêm, chắt bỏ nước, trộn đều với bột sắn dây, nấu cháo ăn trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
34	Chữa ngộ độc thức ăn, đại tiện ra máu do ăn phải đồ nóng, độc: Củ sắn dây tươi, ngó sen tươi 2 thứ giã nát, vắt lấy 500 ml nước cốt mỗi thứ, hòa đều, uống dần (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
35	Chữa ngộ độc rượu (uống quá nhiều rượu khiến tỳ vị thương tổn, khạc hoặc nôn ra máu, người phát sốt, tiểu tiện đỏ): Hoa sắn dây 30 g, hoàng liên 4 g, hoạt thạch 30 g (thủy phi), bột cam thảo 15 g; tán thành bột mịn, trộn với nước, hoàn thành viên, mỗi lần uống 3 g, chiêu thuốc bằng nước mát. Thủy phi là thêm nước vào vị thuốc cùng tán, hoặc tán xong cho vào nước khuấy lên để bột thuốc lắng xuống; thường áp dụng khi bào chế hoạt thạch, chu sa, thanh đại (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
36	Thanh nhiệt và bồi bổ: Dùng chè bông cau: lấy đậu xanh cà vỡ, ngâm trong nước có chút muối ăn chừng 2 giờ; cho vào nồi khi nước đang sôi cho đến khi đậu xanh mềm, lấy bột sắn dây đã hòa tan trong nước vừa đổ vừa khuấy đều tay và cho tiếp đường cùng hương liệu vào để sôi thêm 2 phút nữa đến khi thấy chè trắng đục sánh là được. Mang ra ăn ngày 1 lần (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
37	Làm ra mồ hôi, hạ nhiệt (dùng trong bệnh ngoại cảm, sốt cao, đau gáy, sưng gáy): Chuẩn bị cát căn thang, gồm cát căn 8g, thược dược 4g, ma hoàng 5g, sinh khương 5g, quế chi 4g, cam thảo 4g, đại táo 5g. Sắc uống ngày 1 thang (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
38	Chữa sốt cao kèm theo khát nhiều, bụng cồn cào, đại tiện bí kết, đau thượng vị: Dùng củ sắn dây tươi 40g, mạch môn 40g, cỏ nhọ nồi 40g, lá tre 20g. Sắc uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
39	Chữa kiết lỵ do nhiệt: Lấy cát căn 30g, Rau má 20g, giã nát vắt nước cốt uống trong ngày (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
40	Chữa chứng nhiệt tả (viêm ruột cấp, lị trực khuẩn): Dùng Cát căn hoàng cầm hoàng liên thang: Cát căn 12 - 20g, Hoàng cầm 12g, Hoàng liên 8g, Cam thảo 4g sắc nước uống (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
41	Chữa sởi trẻ em lúc mới mọc, mọc không đều: Dùng Thăng ma 6 -10g, Cát căn 8 - 16g, Thược dược 8 -12g, Chích thảo 2 - 4g, sắc nước uống ngày 1 thang (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		
42	Chữa sởi trẻ em lúc mới mọc, mọc không đều: Dùng Cát căn 12g, Ngưu bàng tử 12g, Kinh giới 8g, Thuyền thoái 4g, Liên kiều 12g, Uất kim 8g, Cát cánh 8g, Cam thảo 4g sắc nước uống (Bộ Y tế Cổng Thông tin Điện Tử, 2015).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không dùng cát căn cho trường hợp âm hư hỏa vượng và thương thực hạ hư. Đồng thời cần thận trọng khi dùng cho người sốt nóng mà sợ lạnh.

Cát căn (bột sắn dây) là vị thuốc nam quen thuộc và được dùng trong nhiều bài thuốc chữa bệnh. Nếu có ý định dùng bài thuốc trong thời gian dài, bạn nên tham khảo ý kiến bác sĩ để kiểm soát rủi ro và những tác dụng không mong muốn.

Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

417. Sao — *Hopea odorata* Roxb., 1811

Sao đen, Sao cát, Sao nghệ, Mạy khen hua, Mạy thong

Công dụng: Chữa viêm lợi, đau răng, áp xe lợi và trị sâu răng.

Tính vị: Vỏ Sao có vị chát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ cây, nhựa

Nguồn gốc: Loài của Ấn Độ, Thái Lan, Mianma, Lào, Campuchia và Việt Nam.

Phân bố ở Cà Mau: Cây Sao phân bố chưa rộng khắp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, có thể được tìm thấy ở huyện U Minh (thị trấn U Minh), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn) và huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương).

Thành phần hóa học	Sao đen cho một chất nhựa có màu sắc thay đổi từ vàng nhạt đến vàng đỏ hay nâu thẫm. Thành phần chủ yếu là các acid damarolic và damaresen a và b. Mặt trong của vỏ cây hay cành lớn còn chứa một tỷ lệ tanin cao (14,57% của trọng lượng khô). Sao đen trồng lâu năm sẽ cho chai cục. Có khi thu được 10-20kg chai cục trên một cây sao mọc ở rừng tự nhiên. Thoạt đầu nhựa chảy ra từ các vết thương, sau đặc lại. Nhựa sao đen có các chỉ số: điểm chảy 1150, chỉ số xà phòng 37,1; chỉ số acid 31,5 và hàm lượng tro 0,56%. Sao đen cũng là cây cung cấp tanin:vỏ chứa 15%, lá chứa 11% và gỗ chứa 10%. Các kết quả nghiên cứu của Nguyễn Quang Huy và cộng sự (2005) cho biết, dịch chiết bằng ethanol từ vỏ cây sao đen có hoạt tính ức chế mạnh sự sản sinh acid của vi khuẩn Streptococcus mutans.
Sinh cảnh	Cây sao chủ yếu được người dân trồng ven đường đi và một số người trồng trong vườn nhà.
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 3, Tháng 4 đến 6
Thu hoạch	Thu hái vỏ cây quanh năm
Chế biến	Cạo bỏ lớp vỏ ngoài, rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)

→ **Họ:** Dipterocarpaceae (Dầu)

→ **Chi**: Hopea (Sao)

→ **Loài**: *H. odorata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây cao 20 – 30m
Đường kính cây	Đường kính tăng trưởng trung bình năm là 1.1–14 cm/năm, sau 25 năm cây đạt đường kính 25–30 cm.
Thân cây	Thân cao suôn thẳng, có những lằn nứt dọc theo sớ, màu đen (lõi gỗ bên trong có màu hơi đỏ). Cành non và cuống lá phủ lông hình sao xám, sau nhẵn
Lá cây	Lá hình trái xoan, thuôn, đáy tròn và đỉnh nhọn ngắn. Lá dài 7 – 17 cm, rộng 5 – 9 cm. Mặt trên lá vàng và có màu xanh bóng, mặt dưới mịn. Gân chính rõ, với 7 – 10 đôi gân phụ. Các nách gân của đáy lá có các túm lông nhỏ
Hoa	Cụm hoa hình chuỳ mang mang nhiều bông, mọc ở nách lá hay đỉnh cành; trục cụm hoa có lông xám trắng, mỗi cụm hoa thường mang 10-12 bông, mỗi bông có 4-6 hoa. Hoa nhỏ màu trắng như hình ngôi sao. Hoa gần không cuống, lá đài 5, phía ngoài và trong có lông. Cánh hoa 5, hình lưỡi hái, mép có răng, có lông ở ngoài. Nhị 15-19; chỉ nhị rộng và dẹt, phía trên thót lại; bao phấn có trung đới hình dùi, mảnh. Bầu có lông, vòi nhẵn.. .
Quả/trái	Quả hình trứng, đường kính 7-8mm, mang 2 cánh phát triển, dài 5-6cm,

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giúp lợi răng chắc lại, răng chậm rụng: có thể sắc vỏ với nước: 50g vỏ, thêm một bát nước (300ml), cho nước vào đun sôi trong 15 phút. Dùng nước này súc miệng. Cho vào miệng, ngậm trong 15-20 phút. Ngáy làm 2 hay 3 lần. Dùng luôn trong 3-4 ngày. Có khi người ta phối hợp vỏ sao đen với một vị thuốc khác (Tra cứu dược liệu).	x		
2	Giúp lợi răng chắc lại, răng chậm rụng. Cách dùng như sau: Ngâm vỏ sao đen trong rượu 30 hay 40° (rượu nhân dân vẫn uống), sau vài giờ ta được một dịch chiết màu nâu đen hơi đỏ. Dùng rượu này súc miệng ngày 3 lần, mỗi lần súc 3 ngụm liền: ngậm 15-20 phút rồi nhổ đi. Thường chỉ súc một lần đã thấy đỡ đau nhức (Tra cứu dược liệu).	x		
3	Trị nhức răng: Lấy vỏ Sao sắc với 2 chén nước còn 1 ly như uống trà			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những người đang sử dụng thuốc Tây mà muốn dùng sâm đại hành thì nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.*				

418. Sao nhái — *Cosmos bipinnatus* Cav., 1791

Rau nhái, Cúc chuồn nhái, Cúc chuồn chuồn,

Cốt nốt

Công dụng: Cây Sao nhái được dùng để giải độc và bồi dưỡng xương. Trong các tài liệu y học dân gian Indonesia, người ta ghi nhận cây Sao nhái được dùng để làm thuốc bổ máu. Dùng dược liệu khô hoặc tươi giúp trị các cơn co thắt tử cung và ngăn ngừa căn bệnh nguy hiểm như bệnh tiểu đường, cao huyết áp, sốt và ho. cây chuồn chuồn có trên 20 hóa chất chống oxy hóa khác nhau à chống lão hóa.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân có lá – Herba Cosmoris. được sử dụng chủ yếu để bào chế dược liệu.

Thành phần dinh dưỡng	Trung bình trong100 gam lá cây chuồn chuồn có chứa 2400 mg L-ascorbic acid (Vitamin C), với tác dụng tương đương chất chống oxy hóa (AEAC).
Thành phần hóa học	Cây chuồn chuồn có thành phần hóa học rất đa dạng. Theo các tài liệu của Indonesia, Norazlina Mohamed et al nghiên cứu trong năm 2012. Phần lá cây rau nhái chứa 0,3% protein, 0.4% chất béo và carbohydrate. Trong lá cũng rất giàu lacsium và vitamin A. Thành phần của lá cây chuồn chuồn chứa đến 20 chất có tác dụng chống oxy hóa (AEAC) đã được xác định. Những chất chống oxy hóa chính là các protosianidin trong dimer như: hecsamer, axit neochlorogenic, cuersetin glycoside, axit chlorogenic, axit kripto-chlorogenic… Trung bình trong 100 gram lá của cây chuồn chuồn chứa đến 2400 mg L-acid ascorbic (Vitamin C). Ngoài ta lượng carbohydrate, protein, muối khoáng và vitamin trong lá cây chuồn chuồn cao hơn hẳn so với bắp cải và nhiều loại rau thông dụng khác.
Nguồn gốc	Cây gốc ở Mêhico
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Mùa ra hoa trong các tháng 6-11.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Cosmos (Cúc chuồn, Sao nhái, Chuồn chuồn, Hoa cánh bướm)
        - **Loài**: *C. Bipinnatus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,80 - 1,20m
Rễ cây	Rễ: trụ, có nhiều rễ con, chúng mọc mạnh trong môi trường đất ẩm.
Vỏ cây	Vỏ dọc thân cây có màu xanh nhạt, ở nhiều vị trí phớt tím, trơn láng hoặc có lông thưa.
Thân cây	Thân mọc đứng.
Lá cây	Lá kép 3 lần, mọc so le, gốc và cuống ây chuồn chuồn phát triển thành bẹ, cuống dài 1-7 cm. Chiều dài của lá kép 10-20 cm, lá chét mọc đối diện (bipinnate) và mỗi cuống chỉ có 1 lá chét ở đỉnh. Lá chét hình thon đỉnh nhọn đơn giản, gân lá hình lông chim, lá khi còn non hay lá già đều mềm.
Hoa	Hoa mọc đơn độc hoặc từng cụm với vài hoa. Hoa kép mọc ở phần đỉnh của cây. Phía cụm hoa có hình đầu, trên cuống chung dài, mỗi cánh hoa là một mảnh đơn độc hay hợp thành thuỳ thưa.. Lá bắc tổng bao dạng thuôn hình giáo nhọn đầu. Phía ngoài vòng hoa có cánh môi lớn, mỏng có gân và đỉnh chia răng không đều màu hồng phớt tím (đặc điểm giúp phân biệt các loài tương cận có hoa màu tím, màu vàng hay màu cam). Bông hoa ở giữa hình ống nhỏ, màu vàng. Hoa cây chuồn chuồn hay hoa sao nhái thường phát triển mạnh trong 1 tháng..
Quả/trái	Quả dạng hạt bế thuôn có mỏ, mỗi hoa có 5-10 quả

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Ngăn ngừa bệnh loãng xương ở người lớn tuổi, đặc biệt là đối tượng nữ giới đã qua thời kỳ mãn kinh: Ản lá Sao nhái (kinh nghiệm dân gian) (thuocdantoc.org).	x		
2	Điều trị bệnh loãng xương: Dùng dịch chiết lá cây Sao nhái với liều lượng 500 mg/kg (ở mức an toàn). Hoặc bổ Sung dịch chiết lá cây Sao nhái 500 mg/kg với Canci và Vitamin E (thuocdantoc.org).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Trong trường hợp muốn sử dụng cây Sao nhái để chữa bệnh, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ để được hướng dẫn an toàn.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

419. Sầu đâu — *Brucea javanica* (L) Merr., 1928

Khổ sâm nam, Sầu đâu rừng, Xoan rừng, Khổ luyện tử, Nha đam tử, Sầu đâu cứt chuột

Công dụng: Hạt chữa lỵ do amip, sốt rét, trĩ, trùng roi và giun đũa. Dùng ngoài chữa mụn cóc, chai chân.

Tính vị: Vị đắng, tính hàn, hơi có độc, vào kinh đại tràng.

Quy kinh: kinh đại tràng

Bộ phận dùng: Quả (thường gọi là Nha đảm tử)

Thành phần hóa học: Hạt cây chứa các chất brucein A, B, C, D, E, F, G, H, brusatol, bruceoside A, B, brucamarin, acid brucedic

Phân bố ở Cà Mau	Trong quá trình khảo sát, cây Sầu đâu có thể được tìm thấy ở 4/9 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau gồm: huyện Thới Bình (xã Tân Lộc và xã Hồ Thị Kỷ), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc và xã Khánh Hưng), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh) và huyện Đầm Dơi (xã Tâ
Sinh cảnh	Cây Sầu đâu thường được trồng ở trong vườn nhà dân hay ven sông/kênh mương/vuông. Cây cũng được trồng làm thuốc ở vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 8, Tháng 4 đến 9
Thu hoạch	Thu hái quả vào mùa hè-thu
Chế biến	Quả sau khi thu hái, bóc vỏ, lấy hạt, phơi khô. Khi dùng, giã nát ép vào giấy bản cho bớt dầu rồi mới chế biến làm thuốc để uống
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**:
    - **Họ:** Simarubaceae (Thanh thất)
      - **Chi**: Brucea (Khổ sâm, Sầu đâu)
        - **Loài**: *B. javanica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 2-3m
Thân cây	Thân mềm (có lông).
Lá cây	Lá mọc so le kép lông chim lẻ gồm 5-11 lá chét; phiến lá chestdafi 5-10cm, rộng 2-4,5cm, mép khía răng, hai mặt có lông mềm, nhất là ở mặt dưới
Hoa	Hoa đơn tính, khác gốc, mọc thành chùm xim, dài 15-25cm.. .
Quả/trái	Quả hình bầu dục,màu đen
Hạt	Hạt hình trứng, màu nâu đen, vỏ ngoài nhăn nheo, vị rất đắng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị Lỵ amip, sốt rét, trĩ, trùng roi :Dùng 10-15 hạt Sầu đâu, chia 3 lần trong ngày, liên tục 3-4 ngày đến 1 tuần lễ. Khi dùng giã nát ép vào giấy bản cho bớt dầu rồi mới uống, khỏi bị nôn (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa lỵ mạn tính do amip: Sầu đâu cứt chuột, Bách thảo sương, Sáp ong lượng bằng nhau. Tán nhỏ làm viên, ngày dùng 10g (Mỹ Nữ, 2014).	x		
3	Chữa viêm túi mật, viêm đường dẫn mật, sỏi túi mật, sỏi đường dẫn mật: Sầu đâu cứt chuột 10g, Kim tiền thảo 40g, Nhân trần 40g, Sài hồ 16g, Mã đề 16g, Chi tử 12g, Chỉ xác 8g, Uất kim 8g, Đại hoàng 4g. Các vị thuốc sao vàng, sắc uống ngày một thang (Mỹ Nữ, 2014).	x		
4	Chữa lỵ cấp tính do amip, đau quặn bụng, mót rặn nhiều, đại tiện ra chất nhầy (xích bạch lỵ), có sốt, sợ lạnh: Sầu đâu cứt chuột, Hoàng liên gai, hạt dưa hấu, bồ kết, hạt cau, Đại hoàng mỗi vị 20g tán thành bột. Uống mỗi ngày 20g, chia làm 2 lần(Mỹ Nữ, 2014).	x		
5	Chữa lỵ mạn tính do amip: Sầu đâu cứt chuột 45g (bỏ vỏ), quán chúng 15g, Ngân hoa thán 15g, Sáp vàng 60g, quán chúng, Ngân hoa than tán thành bột mịn, lại nấu chảy sáp, hòa bột vào trộn đều, vê thành hoàn bằng hột đỗ tương. Uống lúc đói, người lớn mỗi ngày 10-15 viên (Mỹ Nữ, 2014).	x		
6	Trị ghẻ, ngứa: Lấy lá Sầu đâu nấu nước tắm, tắm xong, 15 phút sau tắm lại lần nữa			x
7	Trị rôm sẩy ở trẻ em: Lấy 1 nắm lá Sầu đâu nấu nước tắm cho bé (ấm ấm)			x
8	Trị bệnh gan: Dùng Cam thảo đất, Cỏ mần trầu, Mơ dại (thúi địch) sắc nước uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Trị phong, ban: Lấy Ô rô, Dây cứt quạ, Quao, Sầu đâu nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
10	Trị ung thư: Lấy 0,5kg lá Sầu đâu và ít phèn xanh nấu nước tắm			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Sầu đâu cứt chuột có độc, không dùng cho trẻ em, phụ nữ mang thai và phụ nữ cho con bú.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

420. Sầu riêng — *Durio zibethinus* L., 1774

Sầu riêng Đông Nam Á

Công dụng: Điều trị các chứng khó tiêu, đầy bụng và tiêu chảy. Chữa rong kinh đầy hơi, khó tiêu, nặng bụng và tiêu chảy. Giúp thận loại bỏ độc tố, điều trị thận hư.

Tính vị: Theo đông y, vỏ quả sầu riêng có vị đắng và tính ấm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, cơm, hạt, vỏ quả

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở quần đảo Malaixia

Phân bố ở Cà Mau: Cây chỉ xuất hiện ở 02 huyện là Huyện U Minh (thị trấn U Minh) và Thành phố Cà Mau (xã Tân Thành)

Thành phần dinh dưỡng	Theo Tổ chức Lương nông Quốc tế (FAO), trong 100g phần ăn được của sầu riêng, có chứa các chất sau: nước 66,8g, protein 2,5g, glucid 28,3g, lipid 1,6g, tro 0,8g, các chất khoáng vi lượng: Ca 20mg, P 63mg, Fe 0,9 mg, K 601mg, muối Na 1mg; các vitamin: thiamin (B1) 0,027mg, riboflavin (B2) 0,29mg, niacin (B3) 1,2mg, acid ascorbic (C) 37mg, A 10 IU, cung cấp 124 calo.
Thành phần hóa học	Trong 100g cơm sầu riêng có 37,14% nước, 0,38% chất đạm, 2,7% chất béo, 16,2% chất đường và nhiều chất khác.
Sinh cảnh	Cây được trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Cây nở hoa tháng 3-4, Cây có quả tháng 5-9.
Thu hoạch	Tháng 5 đến 9
Chế biến	Lấy vỏ quả phơi khô dùng.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)

→ **Họ:** Malvaceae (Cẩm quỳ)

→ **Chi**: Durio (Sầu riêng)

→ **Loài**: *D. zibethinus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn to cao tới 25m.
Chiều cao cây	Cây cao từ 15-20m.
Lá cây	Lá mọc so le, đơn, nguyên, hình trứng thuôn dài, đầu nhọn, dày, trên mặt có những lông vảy. Lá luôn xanh, đối xứng hình trái xoan đến hình thuôn dài từ 10-18 cm. Phiến lá dày hình trứng thuôn dài, mặt dưới màu vàng.
Hoa	Chùm hoa to mọc ở thân, nụ hoa tròn. Hoa nở từng chùm từ 3-30 trên cành lớn và thân, mỗi hoa có đài hoa và 5 (ít khi 4 hay 6) cánh hoa.. Hoa mọc thành xim ở những đốt trên cành. Cánh hoa màu trắng, nhiều nhị, thụ phấn nhờ giơi.. .
Quả/trái	Quả to, hình đầu hay hình trứng dài, vỏ cứng, trên mặt vỏ rất nhiều gai
Hạt	Hạt có lá mầm dày. Hạt to, vàng, quanh hạt có áo hạt mềm, màu ngà, có mùi đặc biệt, ăn ngon, vị ngọt bùi.
Mùi hương	Quả chín có mùi thơm nồng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa các bệnh về gan: Rễ lá sầu riêng 10-16g sắc với 600ml nước còn 200ml chia 2 lần uống trong ngày (giaoduc.net).	x		
2	Bổ tỳ, bổ thận: Ăn hạt sầu riêng luộc chín,	x		
3	Chữa vàng da do bệnh gan: Dùng lá sầu riêng nấu nước tắm (giaoduc.net).	x		
4	Bổ thận tráng dương: Bầu dục lợn 1 bộ, sầu riêng (sắp chín) 200g, gia vị vừa đủ. Bầu dục thái nhỏ ướp gia vị. Sầu riêng chọn quả sắp chín để thái miếng nhỏ xào với bầu dục. Ăn nóng. Ngày 1 lần. Cần ăn 5 lần, chữa người bị chứng lãnh cảm, suy yếu tình dục (giaoduc.net).	x		
5	Chữa di tinh, liệt dương: Sầu riêng 50g, đường 20g (hoặc mật ong lượng thích hợp) đánh nhừ như kem – thêm khoảng 100ml nước sôi để nguội hòa đều để uống. Ngày 2 lần trong 10 ngày (giaoduc.net).	x		
6	Thuốc bổ thận cứng gân cốt, kích thích tiêu hóa: Vỏ quả sầu riêng 15g, đậu đen sao 10g, tang ký sinh 12g, hà thủ ô chế 15g, Đỗ trọng 15g, cốt toái bổ 15g, vỏ quýt 8g. Sắc uống (giaoduc.net).	x		
7	Trị tiêu chảy: Vỏ quả sầu riêng 20g, vỏ quả măng cụt 20g. Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát chia 2 lần uống. Bệnh nhẹ chỉ dùng 1 trong 2 vị (giaoduc.net).	x		
8	Chữa sốt rét, đau gan vàng da: Rễ, lá cây sầu riêng 12g, cam thảo dây 12g, chi tử (quả dành dành) 12g sắc với 3 bát nước lấy 1 bát. Uống làm 2 lần. Dùng 5 ngày (giaoduc.net).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa cảm sốt, viêm gan vàng da: Lá và rễ cây sầu riêng 30-40g, lá và rễ cây đa 20-30g sắc uống. Có thể chỉ dùng lá rễ sầu riêng sắc uống trong ngày. Lá dùng nấu nước cho bệnh nhân viêm gan vàng da, tắm rửa (giaoduc.net).	x		
10	Chữa kinh nguyệt kéo dài: Vỏ sầu riêng sao 12g, Rau má 12g, Cỏ mực tươi 12g, ngải cứu 8g, trắc bá diệp sao 8g, cam thảo nướng 4g, củ Sả 4g, hoa sen 3 cái. Sắc 3 lấy 1 rồi hòa với 4g lọ chảo gang để uống (Ly Việt Cúc).	x		
11	Bổ thận tráng dương: Hạt quả sầu riêng ninh hầm với các bộ phận của dê như thịt, bầu dục, bộ phận sinh dục... (giaoduc.net).	x		
12	Chữa bệnh kém ăn, khó tiêu: Chuẩn bị vỏ quả sầu riêng (sao đen) 15g, trần bì 8g, Gừng tươi 3g. Các vị thuốc cho vào nồi cùng 450ml nước đun sôi kỹ, chắt lấy 150ml nước đặc. Người bệnh chia đều 3 lần uống hết trong ngày, trước bữa ăn. cần uống liền 5 ngày.	x		
13	Chữa ho: Chuẩn bị vỏ quả sầu riêng (sao đen) 20g, rễ dâu 5g, Cam thảo đất 10g. Rễ dâu chọn loại có màu vàng, cạo bỏ vỏ, bỏ lõi chỉ lấy phần vỏ trắng, sao vàng tán mịn cùng các vị thuốc cho vào nồi cùng 500ml nước đun kỹ, chắt lấy 150ml nước đặc. Người bệnh chia 3 lần uống sau bữa ăn. cần uống liền 9 ngày (giaoduc.net).	x		
14	Chữa bệnh tiêu chảy: Chuẩn bị vỏ quả sầu riêng 20g, vỏ quả lựu 10g. Các vị thuốc cho vào nồi cùng 400ml nước đun sôi kỹ, chắt lấy 150ml nước đặc. Người bệnh chia đều 3 lần uống hết trong ngày, trước bữa ăn. cần uống liền 9 ngày (giaoduc.net).	x		
15	Chữa tiêu chảy nặng: Sử dụng vỏ sầu riêng và vỏ măng cụt với một lượng vừa phải. Sau đó mang đi sắc nước, ngày chia làm 2 lần uống, dùng cho đến khi khỏi hẳn thì thôi (thaoduocsinhphuong.com).	x		
16	Giúp bổ thận, tráng dương: Chuẩn bị vỏ sầu riêng, đậu đen, tang ký sinh, hà thủ ô, cốt toái bổ và vỏ quýt mỗi loại 12g. Rồi đem đi đun với nước uống hết trong ngày, kiên trì dùng để đạt được hiệu quả tối ưu (giaoduc.net).	x		
17	Trị rong kinh: Cần có vỏ sầu riêng khô 12g, hoa sen 3 cái, củ Sả 4g, cam thảo nướng 4g. Cùng với trắc bá diệp 8g, Rau má 12g, Cỏ mực tươi 12g, ngải cứu 8g, rồi đem đi đun để uống (thaoduocsinhphuong.com).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Không nên ăn sầu riêng cùng cua và hải sản, vì rất sẽ khiến dạ dày bị ảnh hưởng, khó chịu. Thậm chí còn gây đau bụng và tiêu chảy.

Không ăn sầu riêng cùng các thực phẩm cay nóng như ớt, gừng, tỏi, tiêu, cà tím, quả vải. Bởi sự kết hợp này vừa làm giảm hương vị của sầu riêng, tăng sinh nhiệt cho cơ thể, khiến người bứt rứt, khó chịu.

Tránh sử dụng sầu riêng cùng một số loại thịt như thịt bò, cừu, chó và thịt dê. Khi kết hợp chúng với nhau sẽ làm gia tăng lượng nhiệt sinh ra. Dẫn đến nóng trong, bốc hỏa, khó chịu, thậm chí là gây bệnh.

Khi sử dụng sầu riêng cần tránh sữa bò, Coca, Rượu và cà phê.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

421. Sậy — *Phragmites australis* (Cav.) Trin. ex Steud., 1841

Sậy nam, Lau sậy, Lô vi, Lô trúc

Công dụng: Lá sậy dùng trị thượng thổ hạ tả, thổ huyết, phế ung, phát bối. Thân trị phế ung, phiền nhiệt. Thân rễ dùng trị cảm nóng, khát nước, bức rức, ban trái, sốt phát ban, tiểu tiện đau buốt, viêm bàng quang, đau dạ dày nôn mửa, phổi nóng ho khan, phổi có mủ, ho khạc ra máu mủ, miệng khô khát, bệnh nhiệt phiền khát, đái rắt, đái đỏ, còn được dùng trị bệnh thống phong.

Tính vị: Vị ngọt nhẹ, tính hàn

Quy kinh: tỳ, phế, thận, tâm, và vị

Bộ phận dùng: Lá, hoa, thân, thân rễ, măng.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc Bắc Mỹ

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoài trừ huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)

Sinh cảnh	Qua khảo sát thì phần lớn cây tự mọc trong vườn nhà, ven ao, bờ mương, bờ ruộng và ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 11 đến tháng 1 năm sau., Tháng 11 đến tháng 1 năm sau.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Poales (Hòa thảo)

→ **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)

→ **Chi**: Phragmites

→ **Loài**: *P. australis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 1,8-4m
Rễ cây	Rễ bò dài, rất khỏe
Thân cây	Thân cao 1,8-4m, thẳng đứng, rỗng ở giữa.
Lá cây	Lá thường khô vào mùa rét, xếp xa nhau, phẳng, hình dải hay hình ngọn giáo, có mỏ nhọn kéo dài, không ôm lấy thân ở phía gốc, nhẵn, mép lá ráp; lưỡi bẹ dạng vòng, lông ngắn.
Hoa	Cụm hoa chùy, thường màu tím hay nâu nhạt, hơi rủ cong, dài 15-45 cm, cuống chung thường có lông mềm dày đặc ở gốc, nhánh rất mảnh, nhẵn, hay hợp ráp, mọc gần vòng.. Bông chét mang 3-6 hoa, mày xòe ra khi chín, rất nhọn, thường nguyên ở đỉnh. Mày hoa hình trái xoan, xẻ đôi ở đỉnh.. .
Quả/trái	Quả nhẵn, bao bọc bởi mày hoa.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị khí trệ, phiền muộn, nôn nghịch, ăn uống không xuống: Lấy rễ Sậy 150g, thái nhỏ nấu với 2 lít nước còn 1,5 lít, bỏ bã, uống ấm (Phạm Lê Phương Mai. 2021).	x		
2	Chữa rắn cắn: Chồi non cây Sậy, rau Dăng biển, dây Mơ lông, lá Mướp đắng, Rau má, mỗi vị 100g tươi, giã nhỏ, thêm nước gạn uống, bã đắp vào vết cắn (Phạm Lê Phương Mai. 2021).	x		
3	Trị nôn mửa, viêm dạ dày: Rế Sậy tươi 30g, Trúc nhự 9g, Gạo tẻ 8g. Nấu đến khi gạo nhừ, lọc bỏ bã, thêm ít nước cốt Gừng vào uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa say nắng, say nóng và các bệnh lý viêm nhiễm đường hô hấp: Mạch đông 120g, Rễ Sậy 150g, rửa sạch, thái vụn, phơi hoặc sấy khô, trộn đều rồi đựng trong lọ kín. Mỗi lần lấy 30g hãm với nước sôi trong bình kín, sau chừng 20 phút là có thể dùng được, uống thay trà trong ngày. Có thể chế thêm một chút đường phèn cho dễ uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Trị ban ở trẻ em: Lấy măng Sậy, Cỏ mần trầu, trái Me dốt: mỗi loại 1 nhúm, sao vàng, nấu nước uống.			x
6	Trị nóng sốt: Đâm cả cây Sậy vắt lấy nước uống. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 0,5 ly uống trà			x
7	Bị ong vò vẻ đánh: Lấy măng Sậy đâm dập rồi đắp lên. Hoặc lấy 9-10 đọt măng Sậy, 2-3 con mắm cá sặc, đâm nhuyễn đắp.			x
8	Trị men gan cao: Lấy 1 nhúm Mần ri, Nàng hai, măng Sậy, Ngò gai (nguyên cây) sao thủy thổ rồi nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Trị thận: Lấy măng Sậy (nam 7 măng Sậy, nữ 9 măng Sậy) đập dập, nấu với một trái dừa tươi uống			x
10	Trị nóng ban: - Cách 1: Lấy măng Sậy 50g, lá Tre mỡ 50g, Dâu tằm 50g sao thủy thổ, sắc 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 2: Lấy 1 nắm Lức dây, măng Sậy (bò), Vú sữa đất, Dâu tằm, Ké đầu ngựa sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống sáng, chiều. - Cách 3: Lấy khoảng 1 nhúm thân, lá Sậy, Ké đầu ngựa, nấu nước để tắm - Cách 4: Lấy Cỏ mần trầu (cả cây), măng Sậy, Húng lủi (cả cây), Dền tía (cả cây), Mía lau: mỗi loại 1 nắm, phơi khô, sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống hàng ngày. - Cách 5: Lấy măng Sậy, Cỏ mần trầu, Ngà voi, Nàng hai, Cỏ xước, Mắc cỡ, Nhãn lồng: mỗi thứ 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
11	Thần kinh tọa, đau nhức, tiểu đường: Dùng đọt Sậy non (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân rồi uống			x
12	Nóng trong người, nổi mụn, ăn được, ngủ được: Dùng Nhãn lồng, Mần ri, Rau mương, Chó đẻ, Cỏ mần trầu, măng Sậy (Bồ ngót thay thế Sậy), mỗi thứ lấy 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

422. Sen hồng *Nelumbo nucifera* Gaertn., 1788

Sen, Sen Ấn Độ, Hà hoa, Liên hoa, Hạm đạm, Phù cừ, Thủy chi.

Công dụng: Hạt sen trị tỳ hư, ly, di mộng tinh, khí hư, hồi hộp mất ngủ, cơ thể suy nhược, kém ăn, ít ngủ.
Lá sen chữa chảy máu (đại tiện ra máu, chảy máu chân răng, xuất huyết dưới da).
Tâm sen chữa tâm phiền, ít ngủ, khát, thổ huyết.
Tua sen chữa rong huyết, thổ huyết, di mộng tinh, mất ngủ.
Quả sen chữa ly, cấm khẩu.
Gương sen là thuốc cầm máu, chữa đại tiểu tiện ra máu, bạch đới, huyết áp cao.
Ngó sen là thuốc cầm máu, chữa đại tiểu tiện ra máu, chảy máu cam, tử cung xuất huyết.

Tính vị	Hạt Sen có vị ngọt tính bình. Tâm Sen có vị đắng, tính hàn, không độc. Gương sen (hạt để riêng) có vị đắng, chát, mùi thơm, tính ấm.
Quy kinh	Tâm, tỳ, và vị
Bộ phận dùng	Hạt còn màng đỏ bên ngoài: Liên nhục Quả khi chín: Liên thạch Tâm sen là cây mầm trong hạt sen: Liên tâm Tua sen bỏ hạt gạo ở đầu: Liên tu Lá sen bỏ cuống: Liên diệp Thân rễ: Liên ngẫu
Thành phần dinh dưỡng	Hạt sen chứa nhiều tinh bột (60%), đường raffinose, 16% chất đạm, 2% chất béo và có một số chất khác như canxi 0,089%, phosphor 0,285%, sắt 0,0064%, với các chất lotosine, demethyl coclaurine, liensinine, isoliensinine. Gương sen có 4,9% chất đạm, 0,6% chất béo, 9% carbohydrat và một lượng nhỏ vitamin C 0,017%. Ngó Sen chứa 70% tinh bột, 8% asparagin, arginin, trigonellin, tyrosinglucose, vitamin C, A, B, PP, tinh bột và một ít tanin
Thành phần hóa học	Tâm sen có 5 alealoid, tỷ lệ toàn phần là 0,89%-1,06%, như liensinine, isoliensinine, nuferine, lottusine, metylcorypaline; còn có nuciferin, bisclaurin (alcaloid) và betusin (base hữu cơ). Tua nhị sen có tanin. Lá Sen có tỷ lệ alcaloid toàn phần là 0,21-0,51%, có tới 15 alcaloid, trong đó chất chính là armepavin; còn có roemerrin, coclaurin, dl-armepavin, O-nornuciferin, Liriodenin, anonain, pronuciferin; còn các acid huwuc cơ, tanin, vitamin C.
Nguồn gốc	Sen hồng có thể là loài cây bản địa ở khu vực Đông Dương.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Phú Tân và huyện Ngọc Hiển, Sen hồng có thể được tìm thấy ở 07 đơn vị hành chính còn lại.
Sinh cảnh	Sen hồng được người dân trồng ở ao, bể xi măng hoặc chậu cây lớn ở trong vườn nhà. Sen hồng cũng được trồng ở một số vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 6, Tháng 7 đến 9
Thu hoạch	Mùa thu hái vào các tháng 7-9

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Proteales (Quắn hoa)

Họ: Nenlumbonaceae (Sen)

Chi: Nelumbo (Sen)

Loài: *N. nucifera*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân thảo mọc dưới nước
Chiều cao cây	Thông thường sen có thể cao tới 1,5 m và có thể phát triển các thân rễ bò theo chiều ngang tới 3 m
Rễ cây	Rễ mọc từ củ sen hoặc từ đốt rễ, có nhiều nhánh mọc lan tỏa trong bùn.
Củ	Củ có hình thuôn dài, thịt củ màu trắng, ăn được, có nhiều ngăn trống xếp theo vòng đồng tâm với trục củ.
Thân cây	Thân rễ sen mọc trong các lớp bùn trong ao hay sông, hồ. Các thân già có nhiều gai nhỏ. Thân sen là thân ngầm dạng củ mọc trong bùn, còn được gọi là củ sen.
Lá cây	Lá thì nổi ngay trên mặt nước. Lá to với đường kính tới 60 cm, gồm có cuốn lá hình trụ mọc từ thân ngầm, có nhiều gai, nằm trong nước. Phiến lá to hình tròn đường kính 30-60 cm, góc lõm, mọc vươn khỏi mặt nước. Lá hình lọng có 2 thùy sâu đối xứng nhau, dài 30-55 cm, rộng 20-30 cm, mép lá hơi uốn lượn, mặt trên xanh đậm, nhẵn bóng; mặt dưới xanh nhạt, nhám. Gân tỏa tròn, nổi rõ ở mặt dưới. Cuống lá màu xanh, hình trụ, dài 1-1,5 m, rám, có nhiều gai
Hoa	. Hoa đơn độc, to, màu hồng. Cuống hoa màu xanh, dài 1,3-1,5 m, già chuyển sang màu nâu, có nhiều gai nhọn. Cuống lá và cuống hoa có nhiều khoang rỗng bên trong. Đế hoa rất lồi dạng hình nón ngược, mép lồi lõm, xốp, non màu vàng, già màu xanh, dài 5-7 cm, đường kính 6-8 cm, chứa nhiều quả sen. Bao hoa gồm 12-16 phiến xếp xoắn ốc không phân biệt rõ lá đài và cánh hoa, bên ngoài 3-5 phiến màu xanh hơi hồng, dài 3-6 cm; bên trong các phiến thuôn dài hình thuyền, dài 9-16 cm, rộng 4-9 cm, màu trắng hồng, đậm hơn ở bìa và ngọn cánh hoa, nhiều gân dọc nổi rõ ở mặt dưới; móng rất ngắn, màu trắng, hình chữ nhật hơi loe. Bộ nhị: nhiều, rời, đều, đính xoắn ốc, chỉ nhị màu trắng, hình sợi, dài 7-9 mm, nhẵn; chung đới màu trắng, hình sợi, dài 1,2-1,3 cm, đầu chung đới kéo dài thành hình chùy (gạo sen), màu trắng, dài 4-5 mm; bao phấn 2 ô, màu vàng, thuôn dài, nứt dọc, hướng ngoại, đính đáy, hạt phấn hình bầu dục hay hình trứng, màu vàng, dài 57-75 µm, có rãnh dọc. Bộ nhụy nhiều lá noãn rời đính thành nhiều vòng vùi sâu trong đế hoa, bầu màu vàng nhạt, hình bầu dục dài 6-11 mm, rộng 3-4 mm, 1 ô có 1 noãn đính nóc. Vòi nhụy rất ngắn, đầu nhụy hình tròn, lõm ở giữa.. .

Quả/trái	Quả chứa hạt gọi là liên nhục không nội nhũ. Hai lá mầm dày. Quả là gương sen xốp, có 10-20 hạt đính trong thịt quả, quả nhô khỏi mặt nước. Quả bế màu xanh, nhẵn, hình bầu dục, dài 1,7-2,5 cm, đường kính 0,6-1,2 cm
Hạt	Hạt màu trắng, dài 1,3-1,5 m, đường kính 5-6 mm, 2 lá mầm dày mập màu trắng bên trong có tâm sen màu xanh. Tâm sen gồm rễ mầm, thân mầm, chồi mầm và 2 lá đầu tiên; rễ mầm không rõ; thân mầm màu xanh, dài 3-4 mm, tiết diện bầu dục, nhẵn bóng; 2 lá đầu tiên

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh lỵ mãn tính: Liên thạch, Liên nhục (quả) với liều lượng 8-16g dùng sắc, bột hoặc viên (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
2	Chữa bệnh tâm phiền, mất ngủ: Liên tâm (mầm quả) với liều lượng 1,5 - 3g hãm nước sôi uống (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
3	An thần, cầm máu: Lấy lá sen với liều lượng 10 - 20g sắc, tán bột hoặc đốt tồn tính (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
4	Cầm xuất tinh và bạch đới: Liên tu (nhụy đực sen) 10g gia vào thang thuốc sắc uống (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
5	Tác dụng dinh dưỡng: Liên ngẫu (ngó sen và củ sen) 10 - 50g sắc uống hoặc nấu ăn, dùng tươi cầm máu 10 - 30g giã vắt nước uống (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
6	Cầm máu: Liên phòng (gương sen đã lấy hạt) đốt hoặc sao đen tán bột, liều lượng 2 - 4g bột (Bách Khoa toàn thư mở 2019).	x		
7	Trị say nóng, viêm ruột, nôn ra máu dạ dày, chảy máu cam và các chứng chảy máu khác. Dùng 5-12g sấy trên than hoặc ngày dùng độ 1 lá, sắc nước uống. Còn dùng trị béo phì; Dùng 15g lá sen rửa sạch đun với nước sôi trong 50 phút hoặc hãm với nước sôi trong 10 phút mỗi sáng uống 1 ấm (Võ Văn Chi, 2012).	x		
8	Dùng chữa bệnh sốt có khát nước và dùng cầm máu (ỉa ra máu, đái ra máu, nôn ra máu, chảy máu cam, đẻ xong xuất huyết) và trị bạch đới, ỉa chảy. Dùng ngó sen 5-12g phơi khô sắc uống hằng ngày. Cũng có thể giã tươi lấy nước uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
9	Chữa băng huyết, thổ huyết, di mộng tinh, trĩ, bạch đới, đái dầm, đái nhiều dùng 3-10g tua nhị Sen (Võ Văn Chi, 2012).	x		
10	Chữa chảy máu tử cung, băng huyết, đau bụng dưới do máu ứ, ỉa ra máu, đái ra máu. Dùng 10-15g gương Sen (Võ Văn Chi, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Người nóng, nổi nhọt: Hoa sen tươi 50g hoặc 30g loại khô, đường phèn 20g đem sắc uống thay trà thường xuyên, hoặc dùng hoa sen đã sắc đắp tại chỗ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Giải nhiệt trừ cảm nắng: Hàng ngày dùng 6 -12g Tâm sen rang vàng sắc với 2 bát nước còn 1 bát, uống thay nước chè, dùng trong mùa hè.	x		
14	Chữa chảy máu cam: Chuẩn bị một lượng ngó sen vừa đủ. Rửa sạch, giã nát, sau đó vắt lấy nước cốt uống. Nhỏ một vài giọt nước cốt ngó sen vào mũi (Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
15	Chữa béo phì, cholesterol trong máu cao: Nấu lá sen tươi, uống thay nước mỗi ngày. Mỗi ngày chỉ nên dùng khoảng 1 lá sen (Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
16	Chữa di tinh, hoạt tinh, di niệu: Bài Cố tinh hoàn, gồm liên nhục 2kg, liên tu 1kg, hoài sơn 2kg, sừng nai 1kg, khiếm thực 0,5kg, kim anh 0,5kg. Các vị tán thành bột, riêng kim anh nấu cao, làm thành viên hoàn, ngày uống 10 - 20g (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Chữa tiêu chảy mãn tính: Liên nhục 12g, đảng sâm 12g, hoàng liên 5g. Các vị sắc uống hoặc tán bột uống mỗi ngày 10g (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
18	Chữa mất ngủ do tâm hỏa vượng: Bài Táo nhân thang, gồm táo nhân 10g, viễn trí 10g, liên tử 10g, phục thần 10g, phục linh 10g, hoàng kỳ 10g, đảng sâm 10g, trần bì 5g, cam thảo 4g. Tất cả sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
19	Chán ăn do suy nhược: Hạt sen 100g, bao tử heo một cái. Bao tử rửa sạch, thái lát, thêm nước vừa đủ, tiềm cách thủy với hạt sen, dùng trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
20	Chữa sốt cao nôn ra máu, chảy máu cam: Tứ sinh thang, gồm sinh địa tươi 24g, trắc bá diệp tươi 12g, lá sen tươi 12g, ngải cứu tươi 8g. Các vị nấu lấy nước uống nhiều lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
21	Chữa ho ra máu: Ngó sen 20g, bách hợp hoặc lá trắc bá 20g, cỏ nhọ nồi 10g, thái nhỏ, phơi khô, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày(Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
22	Chữa đái tháo đường: Tâm sen 8g; thạch cao 20g; sa sâm, thiên môn, mạch môn, hoài sơn, bạch biển đậu, ý dĩ, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
23	Trị đau lưng, mệt mỏi: Nhụy sen 4g, cam thảo 6g. Tất cả cho vào nồi, đổ 3 bát nước sắc còn 1 bát, uống trước khi đi ngủ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Trị viêm mũi, ngạt mũi lâu ngày: Cánh hoa sen thái chỉ phơi khô 100g, bạch chỉ 100g. Tất cả tán mịn, cuốn giấy như cuốn thuốc, hút phả khói ra mũi liên tục trong vòng 1 tuần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
25	Trị trẻ biếng ăn, người lớn suy nhược, ăn kém: Hạt sen 100g, đậu ván trắng 10g, trần bì 12g, mầm lúa 30g. Tất cả sao qua, tán mịn, ngày uống 3 lần mỗi lần 100g, uống với nước cơm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
26	Chữa sốt xuất huyết: Lá sen 40g, ngó sen hoặc cỏ nhọ nồi 40g, Rau má 30g, hạt Mã đề 20g, sắc uống ngày một thang. Nếu xuất huyết nhiều, có thể tăng liều của lá và ngó sen lên 50 - 60g (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
27	Chữa băng huyết, chảy máu cam, tiêu tiểu ra máu: Lá sen tươi 40g, Rau má 12g. Sao vàng, thái nhỏ hai vị này, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày. Cách khác, lấy 10 ngó sen, giã nát lấy nước, thêm ít đường đỏ, đun lên uống ngày hai lần sáng và tối. Trường hợp xuất huyết đường tiêu hóa có thể lấy nước ngó sen và nước ép củ cải, mỗi thứ 20ml, trộn đều uống ngày hai lần, liên tục trong nhiều ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
28	Tẩy giun kim: Hạt sen 50g, hạt hướng dương 30g, hạt bí đỏ bỏ vỏ 30g, hạt cau 12g, đường phèn 20g. Xay nhỏ bốn loại hạt này rồi cho vào nồi nước 250ml, đun chín nhừ, cho đường vào ăn ngày ba lần, ăn trong năm ngày(Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
29	Chữa nôn: Lấy 30g ngó sen sống, 3g gừng sống, giã nát cả hai thứ vắt lấy nước, chia làm hai lần uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
30	Trị nôn ra máu: Lá sen 15g, ngó sen 15g, cỏ nhọ nồi 20g. Cho các vị vào nồi, đổ 3 bát nước sắc còn 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
31	Chữa tiểu tiện ra máu: Ngó sen 12g, sinh địa 20g, hoạt thạch 16g; tiểu kê, mộc thông, bồ hoàng, đạm trúc diệp, sơn chi tử, mỗi vị 12g; chích cam thảo, đương quy, mỗi vị 6g. Sắc uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
32	Người nóng, nổi nhọt: Hoa sen tươi 50g hoặc 30g loại khô, đường phèn 20g đem sắc uống thay trà thường xuyên, hoặc dùng hoa sen đã sắc đắp tại chỗ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
33	Chữa mất ngủ: Sắc lá sen, pha thêm một chút đường. Uống bài thuốc này trước khi đi ngủ khoảng hai giờ đồng hồ. Bài thuốc sẽ giúp người bệnh ngủ ngon hơn (Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
34	Chữa đau lưng, mệt mỏi: Chuẩn bị 4g nhụy sen và 6g cam thảo. Cho hai nguyên liệu vào nồi, sắc với 3 bát nước. Sắc thuốc cô đọng còn 1 bát. Uống thuốc trước khi đi ngủ để trị đau nhức lưng, mệt mỏi (Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
35	Chữa say nắng, họng khô, miệng khát, bí tiểu: Chuẩn bị 40g lá sen tươi, 40g rễ Sậy tươi, 10g hoa bạch biển đậu. Sắc các nguyên liệu trên với nước và uống(Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
36	Chữa tiêu chảy mãn tính: Chuẩn bị 12g hạt sen (liên nhục), 5g hoàng liên, 12g đảng sâm. Sắc các vị thuốc với nhau, uống mỗi ngày (Trạm Y tế xã Đông Thạnh, 2020).	x		
37	Trị huyết trắng: Lấy lá Sen hồng già sao thủy thổ, nấu nước uống			x
38	Gan nhiễm mỡ: Lấy 1 -2 lá Sen hồng (tươi hoặc khô) xé ra nấu nước. Hoặc lấy 1 nắm lá Sen hồng (đã cắt nhỏ), nấu sôi, tắt bếp, uống.			x
39	Trị mất ngủ, trợ tim: Lấy gương sen, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Hoặc lấy hạt sen nấu chè ăn. Hay lấy lá sen khô, dây Nhãn lồng khô, nấu như trà uống hằng ngày			x
40	Trị đau bao tử: Lấy 2 - 3 lá sen (khô hoặc tươi) sắc với 3 chén nước đến khi còn 5 phân, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Trước khi dùng thuốc, người bệnh nên hỏi ý kiến của bác sĩ; Cây sen có tác dụng tốt đối với sức khỏe nhưng có thể sẽ không phù hợp với cơ địa của một số người dùng. Các bài thuốc từ cây sen có thể xuất hiện tác dụng phụ, dị ứng, không có hiệu quả, thậm chí phản tác dụng. Trong trường hợp đó, bệnh nhân nên đến gặp bác sĩ để được xử lý kịp thời; Khi chọn mua các bộ phận từ cây sen để làm thuốc, nấu ăn, người dùng nên chọn những sản phẩm tươi mới, có nguồn gốc rõ ràng; Rửa sạch nguyên liệu trước khi chế biến; Thận trọng khi sử dụng các bài thuốc ở phụ nữ có thai, người cao tuổi, trẻ nhỏ. Nên hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

423. Sen tàu *Jatropha podagrica* Hook., 1848

Ngô đồng, Sen cạn, Đỗ trọng nam, Sen lục bình, Vạn linh, Sen núi, Dầu lai có củ.

Công dụng: Trong đông y, vỏ cây được dùng làm thuốc trị táo bón, gây nôn, lợi sữa. Còn lá của nó dùng để trị ghẻ lở. Cây còn được dùng để chữa trị những bệnh viêm nhiễm như nhọt độc, viêm cơ, viêm hạch…Nếu bị đứt chân, tay bôi nhựa cây này vào, giữ gìn sạch sẽ thì sẽ không lo bị nhiễm trùng nữa nhé.

Tính vị: Sen tàu có vị cay, chua, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng	Chủ yếu dùng nhựa, lá và thân. Không dùng quả và hạt, bởi trong 2 bộ phận này có curcin, một loại độc tính gây ngộ độc cho hệ tiêu hóa.
Thành phần hóa học	Trong lá Sen tàu tươi có 265mmg% vitamin C, có các tế bào chứa myrosin và một glucoíid chứa sulfur gọi là glucotropaeolosid, đồng đẳng dưới của gluconas-turtosid có trong Cải soong, khi thuỷ phân cho tinh dầu isothioxyanat benzyl. Còn có chất tromalit có tác dụng kháng khuẩn gram dương và gram âm, nhưng lại giữ nguyên vẹn hệ vi khuẩn đường ruột. Chất kháng khuẩn tập trung nhiều ở hạt; đó là một chất có mùi thơm đặc biệt màu hơi vàng, đông đặc ở 4oC, tan trong nhiều dung môi hữu cơ, nhất là ether ethylic.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Nam Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Sen tàu được phân bố rộng khắp toàn tỉnh Cà Mau ngoại trừ thành phố Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây Sen tàu được người dân trồng ở trong vườn, ven sông/kênh mương/vuông và cả ven đường. Cây cũng được trồng tại các vườn thuốc nam của tỉnh Cà Mau.
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thu hái lá, thân quanh năm
Chế biến	Dược liệu thường dùng tươi
Bảo quản	Dược liệu nếu quả trải qua sơ chế cần để nơi khô ráo, thông thoáng, tránh ánh sáng trực tiếp.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Euphorbiaceae (Thầu dầu)

Chi: Jatropha (Dầu mè)

Loài: *J. Podagrica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao từ 30 cm đến 1.5m
Thân cây	Phần thân sát gốc phình to như lục bình, vỏ ngoài màu xanh hoặc nâu bạc, toàn thân có nhiều mủ nhựa..
Lá cây	Lá giống lá Sen, nhẵn, sắc xanh bóng, mặt dưới nhạt hơn trên, cuống ngắn khoảng 10 cm, đính sát gốc. Phiến lá to, chia thành 3-5 thùy, thỉnh thoảng chen vào một số phiến kích thước hẹp, càng về già sắc xanh của lá sẽ đậm hơn.
Hoa	Cụm hoa to, hình mũ, sắc đỏ, nụ màu hồng nhạt hơn, có cuống chung thẳng, dài khoảng 20 cm, mập màu xanh xám. cánh 5 kích thước khoảng 7 mm.
Quả/trái	Quả nang, hình bầu dục, chia 3 thùy, có màu xanh khi còn no, càng già sẽ
Hạt	Quả hình bầu dục chia làm 3 thùy và thường có 3 hạt. Quả lúc non có màu xanh và khi chín có màu vàng. Quả nang thường nổ mạnh, tung hạt phân tán đi khắp nơi rồi nảy mầm, mọc thành cây mới tiếp tục vòng đời của nó.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ điều trị mụn nhọt: Lấy 1-3 lá Sen tàu giã nát với chút muối, rồi đắp lên nốt mụn trong vòng 2 giờ, làm liên tục trong 4 ngày (Phạm Lê Phương Mai, 2021).	x		
2	Hỗ trợ điều trị mụn nhọt: Ngắt búp lá Sen tàu để nhựa chảy ra, dùng nhựa này bôi lên nốt mụn nhọt đang sưng sẽ giúp giảm sưng viêm (Phạm Lê Phương Mai, 2021).	x	x	
3	Tăng cường sức khỏe: Lấy thân Sen tàu thái mỏng, phơi khô, rồi sao vàng, đem ngâm rượu trong 3 tháng là dùng được, 20 ml/ ngày, bổ cho nam giới (Phạm Lê Phương Mai, 2021).	x		

4	Chữa mụn nhọt mới sưng tấy: Kiên trì dùng nhựa lá Sen tàu bôi lên vùng da bị nhọt đến khi chỗ mụn khô đi rồi khỏi hẳn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
5	Chữa mụn nhọt sưng to có mủ: Lấy chừng 2 lá Sen tàu tươi rửa sạch, giã cùng với muối rồi đắp lên mụn, sau đó băng cố định lại bằng miếng vải sạch. Mỗi ngày sử dụng cách này 1 lần. Sau 3 – 5 ngày, mủ sẽ tiêu, vết thương nhanh khỏi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Trị ghẻ lở lâu ngày: Lấy 2-3 lá Sen tàu rửa sạch, chà lên vùng da bị ghẻ. Kiên trì trong vài ngày các nốt ghẻ hết ngay (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa hạch sưng đau: Lấy nhựa mủ Sen tàu cho vào một chiếc chén sạch, dùng miếng vải hay tăm bông thấm đều rồi bôi nhựa cây vào nơi có hạch sưng đau. Làm ngày 1 lần, liên tục từ 3 - 5 ngày. Chú ý: Cần thăm khám để loại trừ hạch nổi do những bệnh lý nguy hiểm khác (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa sa tử cung: Lấy cuống lá Sen tàu tươi 3 cái, rửa sạch, giã nhuyễn rồi đắp lên chỗ sa tử cung. Cách này cần làm kiên trì để có hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chống nhiễm trùng cho vết thương: Những vết thương nhỏ như bị đứt tay, chân, dùng ngay nhựa cây Sen tàu bôi trực tiếp lên vết thương để ngăn ngừa nhiễm trùng cho da. Sau một thời gian sẽ khỏi và không để lại sẹo (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Bồi bổ sức khỏe cho nam giới: Dùng thân cây Sen tàu thái mỏng, phơi khô, sao vàng, rồi dùng để ngâm rượu trong 3 tháng là có thể dùng được. Mỗi ngày dùng 20ml (Phạm Lê Phương Mai, 2021).	x		
11	Trị nhức răng: Lấy mủ cây Sen tàu nhỏ vào chỗ nhức			x
12	Trị đẹn, đau răng: Lấy mủ cây Sen tàu thoa vào lưỡi hoặc tay chân			x
13	Trị nhức mỏi, khớp: Lấy củ Sen tàu xắt lát, phơi khô rồi ngâm rượu uống.			x
14	Rết cắn, cá ngát đâm, giảm nhức: Lấy 1 lá Sen tàu đâm với muối rồi đắp lên			x
15	Rơ lưỡi cho bé: Bẻ nhánh Sen tàu, lấy mủ, rơ lưỡi			x
16	Trị đau nhức: Lấy cây Sen tàu bỏ vỏ, nấu uống như nấu nước trà, uống hằng ngày			x
17	Trị nhức, khớp thần kinh: Ngâm nguyên cây, rễ Sen tàu (bỏ vỏ) với 3 lít rượu trong nửa tháng. Uống 1 ngày 1 lần 1 cốc			x
18	Dời, nóng lở ở trẻ em: : Lấy mủ cây Sen tàu thoa lên vết bệnh			x
19	Trị nhức khớp:Lấy Sen tàu chặt khúc, sao thủy thổ, ngâm rượu gốc uống			x

20	Trị nhức mỏi: Đâm lá, củ Sen tàu, vắt nước uống. Hoặc lấy củ Sen tàu ngâm rượu uống			x
21	Trị bệnh tim: Lấy lá Sen tàu non chấm cá kho ăn			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Kiêng kỵ:

Mẫn cảm và dị ứng với bất kỳ thành phần nào có trong dược liệu.

Phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ em, không được sử dụng dược liệu.

Hạt và quả có độc nếu ăn phải sẽ gây ra tác dụng không mong muốn như nôn ói, tiêu chảy, đau bụng, thầm chí rối loạn tim mạch, thần kinh…

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

424. Si *Ficus benjamina* L., 1753

Xi

Công dụng: Thường dùng trong phạm vi nhân gian để trị những trường hợp ứ huyết do ngã hay bị đánh, bị thương, nhức mõi chân tay, đau xương hay bị choáng. Còn dùng chữa lỡ loét, chữa ho và cắt cơn hen.

Bộ phận dùng: Nhựa, rễ phụ, lá

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Nhựa cây có chất sáp và acid cerotic

Nguồn gốc	Loài của Ấn Độ, Mianma, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Inđônêxia, Philippin, Ôxtrâylia.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Si được phân bố ở huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông) và huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây Si được trồng ở trong vườn nhà dân.
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến tháng 2 năm sau, Tháng 9 đến tháng 2 năm sau
Chế biến	Nhựa chích ở thân cây dùng tươi (hoà với rượu). Rễ phụ lấy về, rửa sạch, sao cho hơi vàng, thơm, sắc uống hay ngâm rượu uống và xoa bóp.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)

→ **Họ:** Moraceae (Dâu tằm)

→ **Chi**: Ficus (Sung, Sung đa, Sung si, Sanh si, Đa đề, Si đa)

→ **Loài**: *F. benjamina*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm, có thể sống tới hàng trăm năm
Dạng cây	Cây gỗ to
Chiều cao cây	Cây trưởng thành có thể cao tới 20 – 25m, nhưng do môi trường mà cây có kích thước thay đổi.
Vỏ cây	Lớp vỏ ngoài thân hơi nhẵn, màu trắng xám
Thân cây	Toàn cây có nhựa mủ.. Cành mọc ngang từ gốc với rất nhiều rễ phụ. Rễ phụ mọc ra từ thân và các cành trên cao, mọc dài ra đâm xuống đất để hút nước và chất dinh dưỡng. Sau khi tiếp đất, các rễ này sẽ phát triển ngày một to lớn, tạo thành một bộ phận như những cột chống xung qua
Lá cây	Lá màu xanh bóng hình bầu dục, mọc so le. Lá khá lớn, dài khoảng 10 – 15cm, rộng tầm 5 – 6cm, chóp nhọn hoặc bo tròn. Cuống lá dài 1,5 – 3,5cm. Lá kèm có lông trắng lúc còn non.
Quả/trái	Quả kép (do đế hoa lõm bao lấy các quả thật ở bên trong) mọc từng cặp trên cành non, không cuống; hình cầu hay hình trứng, đường kính 10-12mm. Quả khi non màu xanh, khi chín màu hồng, và lúc già chuyển màu tím đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau nhức ứ huyết: Dùng 40g rễ Si giã nát, xào nóng để đắp; có thể thêm nước nấu để lấy nước uống, bã đắp (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa đau nhức do ngã, bị thương ứ huyết: Rễ si 100g, giã nát, thêm ít nước xào cho nóng, đắp lên nơi bị thương, có thể uống nước, bã đắp lên nơi sưng đau (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Chữa viêm ruột cấp: Lá Si tươi 500gr, nấu nước chia làm 2 lần uống trong ngày (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
4	Chữa đau nhức ứ huyết: Dùng nhựa Si 10ml, hoà với 10ml rượu để uống và xoa bóp (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
5	Cắt cơn hen: Nhựa si 10ml, rượu uống 10ml, khuấy đều uống mỗi ngày (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
6	Trị vết lở loét: Lá cây Si 30gr, dầu đậu phông ½ chén. Lá Si tươi giã nát rồi đem đun với dầu đậu phộng cho sôi lên, sau đó để nguội rồi thoa vào vết lở loét (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
7	Dự phòng cúm: Lá Si và Lá Bạch đàn mỗi thứ đều 30gr. Sắc uống (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
8	Chữa viêm phế quản mạn: Lá Si tươi 75g, vỏ quýt 18g sắc nước chia 3 lần uống sáng, trưa, chiều. Liên tục trong 10 ngày (Bùi Khánh Hà, 2021).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

425. Sò đo *Spathodea campanulata* P.Beauv., 1805

Sò Đo Cam, Chuông vàng, Chuông đỏ, Hồng kỳ, Phượng hoàng đỏ, Đỉnh phượng hoàng, Tulip Châu Phi, Uất kim hương Châu Phi

Công dụng: Đau dạ dày, viêm ruột, viêm đường tiết niệu (Vỏ sắc uống).

Bộ phận dùng: Vỏ cây, hoa

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Một nghiên cứu khác đã xác định được 4 hoạt chất trong dịch chiết ethanol từ hoa của Sò đo, trong đó 2 chất chính là butan, 1, 1-diethoxy-3-methyl (35,11%) và acid n-hexadecanoic (30,22%).

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Tây Châu Phi

Nguồn gốc	
Phân bố ở Cà Mau	Cây không xuất hiện nhiều ở tỉnh Cà Mau, chỉ tìm thấy duy nhất ở huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc) và huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông)
Sinh cảnh	Cây được trồng ở trong vườn nhà dân.
Mùa hoa quả	Quanh năm,
Thu hoạch	Quanh năm
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Bignoniaceae (Quao)

→ **Chi**: Spathodea (Sò đo cam)

→ **Loài**: *S. campanulata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 12-15m
Thân cây	Cây mọc thẳng đứng, có màu trắng xám..
Lá cây	Lá mọc đối, một lần kép, to, dài 15-45cm; lá chét có cuống nhỏ, phiến hình bầu dục thuôn dài. Lá kép hình lông vũ, lá nhỏ có cuống ngắn, hình mác rộng hoặc hình trứng thuôn, gân trông rất rõ.
Hoa	Cụm hoa gồm nhiều chùm, mỗi chùm 5-6 hoa ở ngọn cành. Hoa có đài dạng mo có khía, bị chẻ dọc khi hoa nở; tràng hoa hình chuông, đường kính 5cm, màu đỏ cam, họng có sọc vàng. .
Quả/trái	Quả nang đứng, dẹp, có hình bầu dục dài hoặc hình mác, dài 20cm, rộng
Hạt	Hạt có cánh.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị lở dạ dày và viêm đường tiết niệu: Lấy vỏ đắp hay sắc uống	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

426. So đũa — *Sesbania grandiflora* (L.) Pers.

Su đũa, Điền thanh hoa lớn, Mộc điền thanh

Công dụng: Thiếu máu, khối u, đau nhức, viêm phế quản, bệnh quáng gà, bệnh phong, động kinh, nhiễm giun sán, bệnh gout, vàng da, đau đầu, sổ mũi, viêm họng, cảm cúm, ghẻ lở, viêm ruột, đậu mùa.

Tính vị: Vỏ cây có vị đắng, chát.

Hoa so đũa có vị hơi đắng, ngọt, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nhựa mủ, hạt, hoa, lá, rễ và vỏ cây so đũa đều được dùng để làm thuốc.

Thành phần dinh dưỡng	Lá, hoa và quả chứa nhiều đường, đặc biệt hoa có lượng vitamin C cao (0.1%), vitamin b, muối canxi và sắt,các axit amin.
Thành phần hóa học	Trong vỏ cây so đũa có chứa chất gôm nhựa. Khi còn tươi gôm nhựa có màu hồng đỏ, nhưng để một thời gian thì xâm lại. Gôm nhựa này một phần tan trong nước, một phần tan trong cồn. Hai chất màu là agathin màu đỏ, và xanthoagathin màu vàng, ngoài ra còn basorin, một chất nhựa và tannin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và Đông Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng tự mọc hoặc đôi khi được người dân trồng. Cây mọc vườn, ven đường đi, ven ao, ven sông và các mương rãnh. Người dân trồng nhiều trong vườn nhà để làm thuốc
Mùa hoa quả	Hoa tháng 12 - 3, Quả tháng 4 - 6
Thu hoạch	Có thể thu hái quanh năm
Chế biến	Sau khi hái về, rửa sạch và dùng sống hoặc phơi khô, để dùng dần.
Bảo quản	Nơi khô ráo và thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Sesbania (Điền thanh, Điên điển)
        - **Loài**: *S. grandiflora*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây có thể sống từ 5 – 10 năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 10 - 12m
Đường kính cây	Cây có đường kính 15 - 20cm
Rễ cây	Rễ cọc, có nhiều rễ non và rễ phụ thường được vi khuẩn cộng sinh và tạo thành các nốt sần.
Vỏ cây	Vỏ ngoài xám trắng, sần sùi, dày và nứt dọc thành những đường rãnh, tiết ra mủ có màu đỏ.
Thân cây	Thân cành của cây so đũa được dùng làm củi đun, làm nguyên liệu bột giấy, nguyên liệu để trồng nấm mộc nhĩ, bào ngư...
Lá cây	Lá nhỏ 16 - 60 chiếc, hình bầu dục dài, đầu tù, có mũi lồi nhỏ hay hơi khuyết, gốc tù, gần hình tròn hay hình nêm rông, dài 2 - 2,5mm, rộng 8 - 10mm, lá kèm con rất ngắn, phủ ít lông nhung
Hoa	Cụm hoa chùm, dài 4 - 7cm, ra nách lá; hoa thưa, to dài 7 - 10cm, phủ lông nhung mịm. Hoa màu trắng hay hồng sẫm, trước khi nở rủ xuống. Cánh dài mùa lục, hình chuông, đỉnh có hình môi nông, nhẵn, có sọc. Cánh tràng dài 55 mm, rộng 35 mm, có móng. .
Quả/trái	Quả nang tự khai, dài như quả đậu đũa thót lại ở hai đầu nhưng không chia thành đốt. Thường dài 30-50 cm, dẹt, hơi hẹp lại ở khoảng cách giữa các hạt.
Hạt	Hạt hình thận, dẹt, có màu vàng sậm đến nâu. Vỏ có chất màu đỏ và vàng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau nhức xương khớp: Lấy bột rễ cây so đũa trộn với nước và chà xát lên khớp sưng đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa lang ben: Lấy 1 ít lá so đũa rửa sạch, để ráo và xát lá lên vùng da bị lang ben. Để trong 30 phút và rửa sạch lại với nước. Thực hiện 2 lần/ ngày cho đến khi khỏi hẳn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Tẩy giun bằng bông so đũa: Lấy 10 – 30g bông so đũa, phơi khô và đem sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa ho: Lấy 1 ít rễ tươi, khoảng 6 – 18g giã nát, cho thêm nước, gạn bỏ bã và rồi lấy nước uống. Nếu bị đờm, có thể thêm mật ong vào để giảm ho và long đờm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Giúp cơ thể khỏe mạnh, khí huyết lưu thông và tăng cường tiêu hóa: Chuẩn bị: Vỏ so đũa 40g và 1 lít rượu ngon. Xắt mỏng vỏ, sau đó phơi khô và ngâm trong rượu từ 15 – 30 ngày. Mỗi ngày dùng từ 15 – 30ml trước khi ăn cơm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa đau răng và viêm họng: Lấy `1 ít vỏ cây so đũa, thêm ít muối và ngậm trong khoảng 5 – 10 phút, thực hiện từ 2 – 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Điều trị gai cột sống (bài thuốc dân gian): Chuẩn bị: tàu lá so đũa non với cuống to dài gồm nhiều đôi lá nhỏ song song (đối với nữ lấy 9 tàu, nam 7 tàu), muối hột và một con lươn khoảng 200 g. Rửa sạch tàu lá; lươn mua về, rộng trong nước 2 ngày cho sạch bùn và bớt nhớt thì cắt đầu nhưng không bỏ ruột. Chưng cách thủy tàu lá so đũa và lươn cùng với 1 hạt muối hột. Lưu ý là chỉ 1 hạt muối hột và lươn thì để nguyên các bộ phận bên trong. Ăn hết phần lươn và lá so đũa đã chưng (với lươn ăn cả nội tạng và xương, những cái xương nào cứng quá thì không ăn) (caythuoc.org).	x		
8	Trị khớp (nhức mỏi): Lấy 1 nắm lá So đũa non và già xào với giấm rồi đem bó vết thương			x
9	Hạ huyết áp: Lấy 3 đọt So đũa đâm với ít muối, vắt lấy nước uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Nước sắc từ vỏ cây so đũa có thể gây nôn nếu dùng liều lượng lớn.

Khi sử dụng hoa để chế biến món ăn, nên loại bỏ phần quả non bên trong cánh hoa để không bị đắng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

427. Sò huyết — *Tradescantia spathacea* Sw., 1788

Sò tím, Sắc màu, Lẻ bạn, Bạng hoa

Công dụng: Dược liệu thường được dùng để chữa chứng hoa ra máu, tiêu chảy, đại tiện ra máu, viêm khí quản, viêm đường hô hấp, lao bạch huyết…

Tính vị: Sò huyết có vị ngọt nhạt, tính hàn

Quy kinh: kinh phế

Bộ phận dùng: Hoa và lá - Flos et Folium Tradescantiae .

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở vùng nhiệt đới Châu Mỹ

Thành phần hóa học	Sò huyết có nhiều dược chất có lợi cho sức khỏe người sử dụng như: alcaloid, flavonoid, steroidiens, oumariniques, tinh dầu huile, chất sáp cires, oumariniques, carotenoides, saponin, tanin, terpenoids, anthocyanes,.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc, người dân còn trồng nhiều ở ven đường đi, ven bờ ao, bờ ruộng và trồng làm kiểng trong chậu
Mùa hoa quả	Từ mùa xuân đến mùa thu, Hằng năm
Thu hoạch	Từ mùa xuân đến mùa thu
Chế biến	Khi mùa hoa người ta hái hoa phơi khô để làm thuốc. Nhưng nhiều người cho dùng tươi mới tốt; Đầu hè khi hoa bắt đầu nở là thời gian thích hợp nhất để thu hái dược liệu. Ngoài ra, có thể thu hái hoa vào thời điểm giữa hay cuối mùa. Sau khi thu hái về đem rửa sạch. Có thể dùng tươi hoặc phơi hay sấy khô để bảo quản dùng dần.
Bảo quản	Dược liệu nếu đã qua sơ chế khô cần đựng trong túi kín và bảo quản ở những nơi khô thoáng, tránh ẩm ướt, mốt mọt

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Commelinales (Thài Lài)

→ **Họ:** Commelinaceae (Rau trai)

→ **Chi**: Tradescantia

→ **Loài**: *T. spathacea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao tới 50cm
Thân cây	Thân mập, nhẵn, không phân nhánh, có nhiều ngắn ngang là vết tích của sẹo lá..
Lá cây	Lá có bẹ rộng ôm thân, dài 15 – 30cm, rộng 3 – 5 cm, đầu tù hoặc nhọn, phiến lá dày. cứng, lõm và màu lục ở mặt trên, khum và màu tía ở mặt dưới, gân lá song song
Hoa	Cụm hoa mọc ở kẽ lá thành tán bao bọc bởi hai mo úp vào nhau giống như con sò.. Hoa màu trắng vàng, bao hoa gồm 3 lá đài, 3 cánh hoa giống nhau, 6 nhị gần bằng nhau, bầu 3 ô.. .
Quả/trái	Quả nang, khi chín nứt thành 3 mảnh vỏ, hạt có cánh, ráp
Hạt	Hạt ráp, có cánh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm khí quản cấp: Lấy hoa Sò huyết 10g thêm đường và cho nước lượng gấp đôi, đun sôi uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa viêm khí quản mạn tính: Lá Sò huyết 15g, núc nác 3g. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Lao bạch huyết: Lấy hoa Sò huyết tươi 30-60g sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa ho do phế nhiệt, đờm đặc: Lấy hoa Sò huyết 40g, để tươi, rửa sạch, giã nát, thêm nước, gạn uống hoặc phơi khô 30g, cho vào ấm đổ 3 bát nước sắc còn 1 bát uống làm một lần trong ngày, dùng liền 1 tuần	x		
5	Chữa lao bạch huyết: Lấy 30 – 60g lá cây Sò huyết tươi, rửa sạch, để ráo sau đó thái nhỏ. Cho vào ấm sắc chung với 1 thăng nước trong 20 phút trên lửa nhỏ. Loại bỏ bã, chia lượng thuốc thu được thành nhiều lần uống trong ngày, dùng đúng 1 thang/ngày	x		
6	Trị ho do phế nhiệt, đờm đặc vàng, khó khạc ra ngoài: Chuẩn bị: 30 – 40g hoa Sò huyết, rửa sạch để ráo rồi cho vị thuốc vào cối giã nát. Sau đó cho thêm 1 ít nước và gạn bỏ bả, lấy nước uống. Hoặc cũng có thể phơi khô dược liệu rồi sắc lấy nước đặc uống 1 lần trong ngày. Duy trì liên tục trong khoảng 3 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Hỗ trợ điều trị ho có đờm đặc: Dùng 15g lá Sò huyết tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước. Sử dụng nước lá Sò huyết này hòa cùng nước ấm, uống liên tục trong vòng 1 tuần sẽ thấy bệnh ho được dứt điểm, sức khỏe được phục hồi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa tiểu tiện không thông: Chuẩn bị: 15g hoa Sò huyết, 15g diếp cá, 20g Rau má, 10g rễ cỏ tranh cùng với 10g râu ngô. Tất cả dược liệu đều dùng ở dạng tươi, đem rửa sạch. Cho vào ấm sắc lấy nước đặc, lọc bỏ bã rồi chia đều thành 2 lần uống. Dùng mỗi ngày 1 thang trong 7 ngày liên tiếp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị cảm sốt, đau đầu, ho: Chuẩn bị: 15g hoa Sò huyết, 10g rễ cây Chòi mòi cùng với 10g vỏ cây kim phượng hoa vàng. Các vị thuốc trên đem rửa sạch, thái nhỏ rồi phơi khô. Cho vào ấm sắc cùng 400ml nước. Thu lấy 100ml, bỏ bả đi chia đều làm 2 lần uống. Ngày dùng 1 thang, duy trì đều đặn khoảng 3 – 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Hỗ trợ điều trị viêm đường hô hấp: Chuẩn bị: 3 lá cây Sò huyết hoặc 15 cụm hoa Sò huyết, rửa sạch dược liệu rồi cho vào ấm sắc lấy nước uống hằng ngày. Có thể cho thêm 1 ít mật ong hay đường phèn cho dễ uống. Gia thêm vỏ quýt hay vài lát gừng tươi vào bài thuốc nếu có triệu chứng đi phân lỏng hay ho do cảm lạnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Hỗ trợ điều trị viêm khí quản: Chuẩn bị 15g hoa Sò huyết cùng với 10ml mật ong. Dược liệu đem rửa sạch và thái nhỏ rồi trộn với mật ong. Sau đó đem đi hấp cách thủy trong khoảng 15 – 20 phút. Chia đều thành 2 – 3 lần uống trong ngày khi thuốc còn hơi ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Hỗ trợ điều trị viêm khí quản: Chuẩn bị 15g hoa Sò huyết cùng với 5g vỏ cây núc nác. Các vị thuốc này đem thái nhỏ rồi cho vào ấm, đổ thêm 400ml vào sắc lấy 100ml. Loại bỏ phần bã và chia đều nước thuốc thành 2 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Chữa hở van tim (bài thuốc dân gian): Nguyên liệu: 7 – 9 lá Sò huyết (nam dùng 7 lá, nữ dùng 9 lá), một quả tim lợn. Lá Sò huyết rửa sạch, thái nhỏ rồi đem nhét đầy vào giữa quả tim lợn. Sau đó cho quả tim vào nồi, thêm phần lá Sò huyết còn thừa vào xung quanh và đổ ngập nước. Ninh cho đến khi tim chín kỹ, nước trong nồi chỉ còn khoảng 1 bát thì chắt lấy nước uống và ăn quả tim (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Hỗ trợ điều trị viêm khí quản: Lấy hoa Sò huyết 15g, rửa sạch, thái nhỏ, trộn với đường phèn hoặc mật ong 10g. Đem hấp cách thủy trong 15 - 20 phút. Để nguội, uống làm 2 - 3 lần trong ngày. Hoặc có thể áp dụng cách sau: Hoa g hoa 15g, vỏ núc nác 5g, thái nhỏ, sắc với 550ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày (Nguyễn Huyền, 2011).	x		
15	Chữa cảm sốt, ho, đau đầu: Lấy hoa Sò huyết 15g, rễ cây chòi mòi 10g, vỏ cây kim phượng hoa vàng 10g, phơi khô, thái nhỏ. Tất cả cho vào ấm đổ 500ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày. dùng liền 5 ngày (Nguyễn Huyền, 2011).	x		
16	Chữa bí tiểu tiện: Lấy hoa Sò huyết 15g, diếp cá 15g, Rau má 20g, rễ cỏ tranh 10g, râu ngô 10g. Tất cả dùng tươi, rửa sạch, sắc với 700ml nước, đun nhỏ lửa còn 250ml chia 2 lần uống trong ngày. Dùng 10 ngày 1 liệu trình (Nguyễn Huyền, 2011).	x		
17	Hỗ trợ điều trị ho, đau đầu kèm với sốt: Chuẩn bị 15g hoa Sò huyết, 10g vỏ cây kim phượng hoa vàng, 10g rễ cây chòi mòi. Tất cả các nguyên liệu trên các bạn rửa sạch, cắt khúc sau đó phơi khô. Cho các nguyên liệu trên vào ấm đất, cho 500ml nước vào ấm, đun nhỏ lửa sắc nước đến khi nước sắc còn 100ml là được. Chia nước sắc làm 2 lần uống hết trong ngày, kiên trì sử dụng 5 ngày bệnh tình sẽ nhanh chóng được thuyên giảm (Nguyễn Huyền, 2011).	x		
18	Trị viêm mũi, trị bệnh tim: Lấy vài lá Sò huyết xắt nhuyễn, chưng với tim heo, ăn			x
19	Trị hen suyễn, ho có đàm: Lấy bông So đũa chưng với đường phèn, lá tươi nấu uống			x
20	Trị ho: - Cách 1: Đâm 3-4 lá Sò huyết (tươi) với ít muối, vắt lấy nước uống. - Cách 2: Lấy bông Sò huyết chưng với mật ong, uống. - Cách 3: Lấy một nắm lá và bông Sò huyết sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 4: Lấy 4-5 lá Sò huyết xắt mịn, để vào chén, thêm ít đường phèn (0,5 muỗng cà phê), chưng cách thủy, vắt lấy nước uống			x
21	Trị hở van tim: Lấy 2-3 lá Sò huyết đâm, vắt lấy nước cốt uống, Uống ngày 2-3 lần tùy người bệnh			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
22	Trị bệnh tim: - Cách 1: Đâm 5-7 láSò huyết với ít muối, vắt lấy nước uống. Uống 2-3 lần/ngày. - Cách 2: Lấy lá Sò huyết (nữ 9 lá, nam 7 lá) xắt mỏng, chưng cách thủy, lược lấy nước uống. - Cách 3: Lấy 3 lá Sò huyết sắc nhuyễn chưng với một í Kỹ tử, đường phèn, ăn cái và uống nớ. - Cách 4: Lấy 300g bông Sò huyết (tươi) xắt nhỏ, chưng trái tim heo, ăn. Ăn mỗi ngày 1 trái tim.			x
23	Tri ung thư, xơ gan:Nnhai sống lá Sò huyết			x
24	Trị tiểu gắt: Xắt mỏng 7-9 lá Sò huyết, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, thêm chút mật ong rồi uống.			x
25	Tri đau họng, viêm họng: Lấy 1 lá Sò huyết đâm, vắt lấy nước, thêm mật ong, uống.			x
26	Trị ho khan: Lấy 60 - 80g cả cây Sò huyết (khô), Huyết dụ, Cỏ hôi nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. Đối với trẻ em thì sắc 2,5 chén 8 phân, uống			x
27	Trị ho cho trẻ em: Lấy bông Sò huyết (bé gái 9 bông, bé trai 7 bông) chưng cách thủy, thêm ít mật ong rồi ống			x
28	Trị bệnh hận: Lấy 2 lá Sò huyết phơi khô, nấu với 250ml nước, nấu sôi lên, để nguội uống			x
29	Trị đường ruột em bé: Lấy lá non Sò huyết (nam 7 lá, nữ 9 lá) đâm, vắt lấy nước, thêm ít mật ong uống			x
30	Trị ho ở trẻ em: Lấy 1 nắm bông Sò huyết (đập dập) và ít mật ong, chưng lấy nước uống			x
31	Trị viêm phế quản: Lấy lá Sò huyết giã, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống			x
32	Trị viêm xoang: Lấy lá Đinh lăng, lá Sò huyết (tươi) nấu nước uống hàng ngày			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Phụ nữ có thai và đang cho con bú không nên sử dụng cây Sò huyết.

Trẻ nhỏ nên thận trọng khi sử dụng cây Sò huyết. Trước khi sử dụng nên tham khảo ý kiến bác sĩ, tránh tự ý sử dụng.

Tùy thể trạng, bệnh lý cũng như mức độ thích hợp thuốc đối với người bệnh. Do đó, tác dụng của cây Sò huyết tùy đối tượng sẽ có hiệu quả khác nhau.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

428. Sơ ri — *Malpighia Glabra* L., 1953

Sơ ri vuông, Kim đồng nam, Anh đào Barbados, Anh đào Antilles

Công dụng: Quả sơ ri thường dùng trị thiếu vitamin C, bệnh Scurvy (do thiếu vitamin C), bệnh lý về tim mạch, xơ vữa động mạch (quả sơ ri giúp bền thành mạch), bệnh lý đông máu (quả sơ ri hỗ trợ trị các khối máu đông), ung thư, cảm lạnh thông thường, loét do áp lực (đối với các bệnh nhân bị bệnh lý tê liệt, áp lực liên tục lên da tăng, ép chặt các mạch máu nhỏ), chảy máu trong Mắt (xuất huyết võng mạc), sâu răng, viêm nướu, trầm cảm, sốt, hội chứng collagen.

Bộ phận dùng: Quả

Chưa có nghiên cứu

Thành phần dinh dưỡng	Sơ ri cung cấp các vitamin và khoáng chất hữu ích khác. Trong quả sơ ri chứa từ 1 đến 4,5% vitamin C (tận 1.000 đến 4.500 mg/100 g). Điều này thậm chí vượt xa hàm lượng vitamin C trong cam (khoảng 0,05 hoặc 50 mg/100 g). Ngoài ra, sơ ri còn chứa vitamin A (4.300 đến 12.500 IU/100 g) ở mức tương đương với cà rốt. Sơ ri chứa cả thiamine, riboflavin, niacin, canxi, sắt, bioflavonoid, phốt pho, axit malic, axit pantothenic, kali, kẽm, magiê, dextrose, fructose, sucrose, protein, chất xơ, lipid và axit béo.
Thành phần hóa học	Thịt quả sê ri chiếm khoảng một nửa trọng lượng quả. Trong 100g thịt quả, có 82-91g nước, 0,7-1,8g protein, 01,-0,2g chất mỡ, 7-14g carbohydrat, 0,6-1,2g chất xơ và 4,7g vitamin C Vỏ thân chứa tanin 20-25%.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Tây Ấn và miền bắc Nam Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà và ven đường đi, bờ ao, bờ sông
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Từ lúc ra hoa đến khi quả chín khoảng 21 ngày.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Geraniales (Mỏ hạc)

→ **Họ:** Malpighiaceae (Kim đồng)

→ **Chi**: Malpighia (Sơ ri)

→ **Loài**: *M. Glabra*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây nhỏ hay cây nhỡ, dạng bụi.
Chiều cao cây	Cây cao từ 2–3 m, có thể cao tới 6 m
Thân cây	Cành màu xám, có lỗ bi nhỏ.
Lá cây	Lá thường xanh, mọc đối, hình bầu dục hoặc hình elip, đầu thường nhọn, dài 2,5–9,0 cm và rộng 1,2–6,0 cm
Hoa	Hoa mọc thành tán với 2–5 hoa cùng nhau, mỗi hoa có đường kính 1–1,5 cm, với 5 cánh hoa màu hồng hay đỏ, tím, ra hoa quanh năm.. .
Quả/trái	Quả hạch, hình cầu hơi dẹt, đường kính 1-2 cm, có 3 rãnh nông chia quả thành 3 phần bằng nhau, khi chín có màu đỏ sẫm bóng, thịt quả dày mềm nhiều nước, có vị ngọt thơm hơi chua. Từ lúc ra hoa đến khi quả chín khoảng 21 ngày. Quả chín có màu đỏ tươi, đườn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giúp làm sáng da, ngừa mụn: Ăn trái sơ ri đều đặn (theo Tri Thức Trẻ).	x		
2	Chống lão hóa: Thường xuyên ăn Sơ ri có thể ngăn ngừa da khỏi bị chảy xệ và các nếp nhăn (theo Tri Thức Trẻ).	x		
3	Giúp giảm cân: Hàm lượng vitamin C cao trong quả sơ ri không chỉ giúp chuyển hóa mỡ thừa thành năng lượng cho bạn hoạt động không mệt mỏi mà còn giúp đào thải hiệu quả lượng mỡ thừa trong cơ thể. Chỉ cần ăn sơ ri sau bữa ăn từ 30 - 60 phút mỗi ngày trong vòng 1 tuần sẽ giúp giảm cân rõ rệt (theo Tri Thức Trẻ).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Các tác dụng phụ khi dùng quả sơ ri gồm: buồn nôn, co thắt dạ dày, buồn ngủ, mất ngủ, tiêu chảy (khi dùng liều cao).

Không phải bệnh nhân nào cũng gặp tất cả các tác dụng phụ kể trên. Ngoài ra, một số tác dụng phụ khác cũng có thể xảy ra. Nếu bạn có thắc mắc về tác dụng phụ, vui lòng tham khảo ý kiến của bác sĩ, hoặc chuyên gia về dược liệu.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

429. Sơn lục đậu — *Senna occidentalis* (L.) Link, 1829

Vọng giang nam, Cốt khí mồng, Dương giác đậu, Giang nam đậu, Thạch quyết minh, Dã biển đậu, Muồng hòe (Miền Nam), Muống lá khế.

Công dụng: Y học dân tộc cổ truyền dùng hạt với tác dụng nhuận, giúp tiêu hóa, chữa táo bón mãn tính, chữa tê thấp. Ngoài ra còn dùng như thảo quyết minh để chữa đau mắt.

Tính vị: Sơn lục đậu có vị đắng, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hạt, thân, rễ

Nguồn gốc: Việt Nam

Phân bố ở Cà Mau: Cây dường như không xuất hiện ở tỉnh Cà Mau

Sinh cảnh: Hầu như cây chưa được tìm thấy ở tỉnh Cà Mau

Thành phần hóa học	Hạt có: physcion, emodin, 1,8-dihydroxy-2-methyl anthraquinon, 1,4,5-trihydroxy 7-methoxy anthraquinon, physcion glucosid, ararobinol. Chất nhầy trong hạt cốt khí muồng thuộc loại galactomannan. Trong hạt còn có N-methylmorpholin. Lá có rất ít anthranoid. Hai flavonoid đã được phân lập từ lá: matteucinol-7-rhamnnosid và jacedin-7-rhamnosid (matteucinol = 5,7-dihydroxy 4-methoxy 6,8-dimethyl flavanon; jacedin = 5,7,4′-trihydroxy 3,6,3′-trimethoxy flavon). Hoa có: physcion, emodin, physcion glucosid. Rễ có: chrysophanol, physcion, emodin, islandicin, helminthosporin. Ngoài ra còn có một dẫn chất xanthon là cassiolin và phytosterol.
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 8, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Thân, rễ, lá có thể khai thác quanh năm. Hạt thì chờ thời điểm cuối thu
Chế biến	Thân, rễ, lá có thể dùng tươi hoặc phơi khô, sấy khô. Quả chín thì thu hoạch rồi phơi hoặc sấy khô Hạt cây không dùng tươi (vì độc), phải rang lên, mới sắc lấy nước uống
Bảo quản	Nơi thoáng mát, khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Senna (Muồng)
        - **Loài**: *S. occidentalis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm hoặc nhiều năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao 0,6-1m
Thân cây	Thân dưới hóa gỗ. Toàn thân nhẵn không có lông..
Lá cây	Lá mọc so le, kép lông chim nhẵn; lá chét dài 4–9 cm, mọc đối, hình trứng thuôn, không cuống, phiến lá lệch ở phía cuống. Toàn lá dài 20 cm hoặc hơn. Gốc lá kép có một tuyến lớn màu nâu đen. Lá chét dài 4 -9cm, đỉnh nhọn, lá kèm hình sợi sớm rụng
Hoa	Hoa mọc thành chùm ở kẽ lá hay đầu cành.. Cánh hoa màu vàng. Nhị 10, 3 nhị lép, bầu có lông.. .
Quả/trái	Quả giáp dài 6–10 cm, rộng tới 7mm, hơi cong hình cung, giữa các hạt hẹp lại làm cho quả trông giống gồm rất điều đốt nối nhau.
Hạt	Hạt dẹt hình trứng dài 4mm, rộng 3mm, xếp chồng lên nhau theo chiều dọc. Vỏ cứng nhẵn bóng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị nhức đầu, cao huyết áp, đau bao tử, khó tiêu, táo bón, kiết lỵ và đau mắt do nóng gan: Mỗi ngày lấy 10 – 15 g Sơm lục đậu, nấu lấy nước uống (riêng với chứng táo bón, nhức đầu và cao huyết áp thì nên lấy Sơm lục đậu rang lên rồi xay nhỏ ra, sau đó mới nấu nước uống)	x		
2	Chữa đau dạ dày, khó tiêu: Sơm lục đậu (hạt – 20g), nước. Sắc dược liệu thành thuốc dùng trong ngày	x		
3	Trị nhức đầu kéo dài: Lấy 30 g lá, Sơm lục đậu rửa sạch rồi nấu canh với 240 g thịt lợn (thịt nạc), khi chín thì cho thêm một ít muối để dễ ăn	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Liều lượng: Mặc dù có dược tính nhưng toàn cây Sơn lục đậu đều có độc, vì vậy, khi dùng làm thuốc cần hỏi thêm ý kiến của thầy thuốc và không được dùng quá liều (các triệu chứng ngộ độc thường thấy là tiêu chảy, nôn mửa… và cách sơ cứu là cho uống lòng trắng trứng để nôn chất độc ra).

Đối tượng: Phụ nữ mang thai không được dùng cây này

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

430. Sống đời kiểng *Kalanchoe blossfeldiana* Poelln., 1934

Trường sinh, Trường sinh xuân

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Vị đắng

Quy kinh: Kinh can

Thành phần hóa học: Nước ép lá chứa 90% nước trái cây, do đó, rất giàu các thành phần hoạt tính sinh học. Các flavonoid (luteolin, quercetin, eupafolin, luteolin, v.v.) chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tất cả các thành phần. Nó cũng chứa: riterpenoids, ngăn chặn sự phát triển của khối u; bufadienolides thuộc nhóm steroid có tác dụng kháng tim và chống khối u; polysaccharid, axit hữu cơ, tanin; vitamin; các nguyên tố vi lượng (kẽm, crom, mangan, molypden, v.v.).

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Madagascar
Phân bố ở Cà Mau	Sống đời kiểng được người dân Cà Mau ưa thích nên cây có thể tìm thấy trong phạm vi toàn tỉnh.
Sinh cảnh	Sống đời kiểng được người dân trồng ở nhiều vị trí tại nhà như ven đường, vườn nhà, ven mương, ven sông hay ven vuông.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Saxifragales (Tai hùm)

→ **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)

→ **Chi**: Kalanchoe (Sống đời)

→ **Loài**: *K. blossfeldiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Có thể đạt được chiều cao tối đa từ 30-45 cm
Lá cây	Các lá hình vỏ sò và hình trứng được sắp xếp theo kiểu đối diện / xếp chồng lên nhau, thuộc loại đơn giản với mép gấp khúc và hình thuôn dài. Việc bố trí các tĩnh mạch trong một chiếc lá (gân lá) có thể vắng mặt hoặc rất khó để nhìn thấy; phiến lá dài 5–10 cm
Hoa	Mỗi bông hoa có bốn cánh và có thể có nhiều màu sắc khác nhau, từ đỏ sẫm và hồng đến cam, vàng và trắng.. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bỏng, cầm máu, lở loét: Lấy lá tươi giã đắp vào vết thương (Khánh Vy, 2009).	x		
2	Điều trị suy tĩnh mạch, áp-xe; vết bỏng; đệm lót; bệnh chàm và các bệnh da liễu khác; mí mắt bị viêm và các vùng da khác: Lấy lá và nước và giữ trong một nồi nước trong 10 phút. Để sử dụng bên ngoài, lấy nguyên liệu thảo dược và chất lỏng theo tỷ lệ 1: 5, khi uống - 1:10 (Khánh Vy, 2009).	x		
3	Chữa vết bỏng; lỗ rò; bệnh nha chu; viêm lợi: Lấy cành non và lá vò nát, đổ với nước theo tỷ lệ 1: 5 rồi đun cách thủy trong 20 phút. Sau đó, hỗn hợp được lọc, và chất lỏng thu được được đun sôi xuống còn một nửa thể tích ban đầu. Để bảo quản tất cả các đặc tính hữu ích, Sả n phẩm nên được bảo quản trong hộp thủy tinh lạnh không quá một năm (Khánh Vy, 2009).	x		
4	Chữa viêm da và mụn Trứng cá: Thoa nước cốt tươi vào vùng da bị mụn, nếu làm điều này thường xuyên thì rất nhanh sau đó da mặt sẽ se lại, mềm và mịn như nhung, các vết thâm sau mụn sẽ biến mất không còn dấu vết (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa mụn nhọt chưa có mủ: Lá thuốc bỏng 30g, lá táo 20g, lá đại 15g. Tất cả giã nhỏ, đắp chỗ đau, ngày 1-2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa lỵ: Lá thuốc bỏng 40g, cỏ seo gà 20g, lá Mơ lông 20g, Cam thảo đất 16g. Sắc uống ngày một thang(Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa nôn ra máu (do bị đánh, bị thương): Lấy 7 lá thuốc bỏng giã nát, thêm rượu và đường vào uống trong ngày (Báo sức khỏe và đời sống, 2004).	x		
10	Chữa đi lỵ và bệnh trĩ: Lấy lá thuốc bỏng và rau sam mỗi vị 5-6g nhai sống hay sắc uống. Nếu lòi dom và lở hậu môn thì nấu nước bồ kết ngâm rửa và giã lá thuốc bỏng đắp ngoài (Báo sức khỏe và đời sống, 2004).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên dùng cây trong thời kỳ mang thai. Tuy nhiên, ý tưởng này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, như nghiên cứu lâm sàng, vì theo truyền thống, nó được sử dụng trong quá trình sinh nở và có thể kích thích tử cung. Tốt hơn hết, hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước, nếu muốn thử những loại lá này.

Đối với những người có vấn đề về tim, không nên tiêu thụ loại cây này mà không hỏi ý kiến bác sĩ trước.

Người ta nói rằng kalanchoe là nguy hiểm cho người ở liều lượng quá cao. Mặt khác, nó không nên được tiêu thụ bởi một số vật nuôi như mèo và chó.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

431. Sống đời lá dài

Kalanchoe mortagei Raym.-Hamet & H. Perrier, 1984

Sống đời trồng Tết

Công dụng: Kháng khuẩn, tiêu viêm. Dùng chữa bỏng, vết thương, lở loét, viêm tấy, đau mắt sưng đỏ, chảy máu, dùng làm thuốc giải độc.

Tính vị: Vị đắng

Quy kinh: can

Bộ phận dùng: Lá

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Châu Á

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoài trừ huyện Đàm Dơi (xã Tân Dân) chưa được tìm thấy

Thành phần hóa học	Nước ép lá chứa 90% nước trái cây, do đó, rất giàu các thành phần hoạt tính sinh học. Các flavonoid (luteolin, quercetin, eupafolin, luteolin, v.v.) chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tất cả các thành phần. Nó cũng chứa: triterpenoids, ngăn chặn sự phát triển của khối u; bufadienolides thuộc nhóm steroid có tác dụng kháng tim và chống khối u; polysaccharid, axit hữu cơ, tanin; vitamin; các nguyên tố vi lượng (kẽm, crom, mangan, molypden, v.v.).
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc, người dân còn trồng nhiều ở ven đường đi, ven bờ ao, bờ ruộng và trồng làm kiểng trong chậu
Mùa hoa quả	tháng 12-1,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Thường dùng tươi
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Saxifragales (Tai hùm)

→ **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)

→ **Chi**: Kalanchoe

→ **Loài**: *K. mortagei*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây sống đời lá dài có chiều cao vượt trội hơn những cây cùng họ. Cây phát triển hết mức có thể cao từ 0,7 - 1,0m
Lá cây	Lá cây dày xanh bóng không có lông con, đặc biệt so với những cây sống đời khác loại cây này lá dài và dày hơn, mép có răng cưa. Lá thường mọc đối xứng thành từng cặp, ở nách lá mọc chồi con
Hoa	Hoa mọc thành chùm lớn tập trung trên đỉnh, cuống mọc từ nách lá.. Lúc còn non hoa màu xanh nhạt và dần chuyển sang màu đỏ. Hoa có 4 cánh chụm lại, nhìn những những hạt ngọc quý.. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa chấn thương do té ngã, đánh đập, bỏng do lửa hay nước sôi và bỏng do nóng: Dùng lá sống đời tươi giã nhuyễn đắp lên (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
2	Chữa viêm họng: Ăn 10 lá sống đời, chia làm 10 lần trong ngày (sáng 4 lá, chiều 4 lá, tối 2 lá), nên nhai ngậm và nuốt cả bã, dùng khoảng 3 ngày (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
3	Chữa viêm loét dạ dày, viêm ruột, trĩ nội đi ngoài ra máu: Lấy một nắm lá tươi (50g), vò lấy nước uống hoặc sắc uống (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
4	Chữa mất sữa: Sáng và chiều mỗi lần ăn 8 lá sống đời; người mất ngủ dùng đơn này, thì giấc ngủ sẽ đến sớm (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
5	Giải rượu: Khi say rượu ăn 10 lá sống đời, khoảng 10 phút có tác dụng giải rượu (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
6	Chữa viêm xoang mũi: Giã nát 2 lá sống đời lấy nước thấm vào bông, nút lỗ mũi bên viêm, ngày 4-5 lần; nếu viêm cả 2 bên, thì sáng nút 1 bên, chiều nút 1 bên. Cách này còn dùng cho người bị chảy máu (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
7	Chữa phong ngứa không rõ lý do: Dùng lá sống đời, lá nghễ răm, lá ké, lá bồ hòn, nấu nước xông và tắm; dùng thêm lá Ké đầu ngựa, sắc uống trong vài ngày (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
8	Giải rượu: Khi say rượu ăn 10 lá sống đời, khoảng 10 phút có tác dụng giải rượu (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
9	Điều trị bệnh lao: Song song với việc dùng thuốc, có thể dùng cồn thảo dược, pha loãng một thìa nước ép Sống đời lá dài trong 30 ml nước ấm, uống trước bữa ăn nửa giờ. Phương pháp này sẽ là một phương pháp dự phòng tuyệt vời cho những ai có người mắc bệnh này trong nhà (cùng với dự phòng bằng hóa chất) (Trung tâm Nghiên cứu và	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).			
10	Chữa mụn nhọt chưa có mủ: Lá sống đời 30g, lá táo 20g, lá đại 15g. Tất cả giã nhỏ, đắp chỗ đau, ngày 1-2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa đi lỵ và bệnh trĩ: Lá thuốc bỏng và rau sam mỗi vị 5-6g nhai sống hay sắc uống. Nếu lòi dom và lở hậu môn thì nấu nước bồ kết ngâm rửa và giã lá thuốc bỏng đắp ngoài (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa lỵ: Lá thuốc bỏng 40g, cỏ seo gà 20g, lá Mơ lông 20g, Cam thảo đất 16g. Sắc uống ngày một thang (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
13	Chữa đi ngoài ra máu: Lá thuốc bỏng 30g, lá trắc bá 10g sao cháy, cỏ nhọ nồi 10g, ngải cứu sao cháy 10g. Sắc uống ngày một thang (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
14	Chữa nôn ra máu (do bị đánh, bị thương): Lấy 7 lá thuốc bỏng giã nát, thêm rượu và đường vào uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa kiết lỵ và bệnh trĩ: Lá sống đời, rau sam mỗi thứ 20g nhai nuốt nước hay sắc uống; hoặc mỗi ngày ăn 20 lá sống đời (sáng 8 lá, chiều 8 lá, tối 4 lá), ăn khoảng 5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

1. Không nên dùng cây trong thời kỳ mang thai. Tuy nhiên, ý tưởng này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, như nghiên cứu lâm sàng, vì theo truyền thống, nó được sử dụng trong quá trình sinh nở và có thể kích thích tử cung. Tốt hơn hết, hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước, nếu muốn thử những loại lá này.

2. Kalanchoe có tác dụng điều chỉnh hệ thống miễn dịch và không nên được sử dụng mãn tính trong thời gian dài hoặc bởi những người có hệ thống miễn dịch suy yếu.

3. Đối với những người có vấn đề về tim, không nên tiêu thụ loại cây này mà không hỏi ý kiến bác sĩ trước.

4. Người ta nói rằng kalanchoe là nguy hiểm cho người ở liều lượng quá cao. Mặt khác, nó không nên được tiêu thụ bởi một số vật nuôi như mèo và chó.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

432. Sống đời lá to — *Kalanchoe integra* (Medik.) Kuntze, 1891

Trường sinh nguyên

Công dụng: Ở Ấn Độ, dịch chiết ra từ lá cso vị đắng dùng chống sốt theo chu kỳ, tăng trương lực và làm thuốc xổ.

Tính vị: Lá có độc đối với dê

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Thành phần hóa học: Chưa tìm thấy tài liệu nghiên cứu nào

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ

Sinh cảnh: Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà và ven đường

Cây sống đời lá to, được tìm thấy ở thành phố Cà Mau (xã Tân Thành), huyện U Minh (xã Khánh Hòa, xã Khánh Hội, xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước) và khắp huyện Đầm Dơi.

Mùa hoa quả	Cây ra hoa vào mùa khô,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Lá tươi giã đắp
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Saxifragales (Tai hùm)

→ **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)

→ **Chi**: Kalanchoe (Sống đời)

→ **Loài**: *Kalanchoe*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân tròn hay hơi vuông, gióng ngắn ở dưới. Thân mọc đứng..
Lá cây	Lá mập, hình trái xoan dài, mép khía răng, gốc thuôn có cuống dài; phiến lá màu xanh nhạt và mốc trắng, lá to có mép có răng
Hoa	Cụm hoa chuỳ mang nhiều tán. Hoa có 4 lá đài xanh, cao 8-12mm; tràng hoa màu vàng tươi; nhị 8; lá noãn 4. .
Quả/trái	Quả đại cao 10-12mm, chứa nhiều hạt
Hạt	Hạt nhiều

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mụn nhọt chưa có mủ: lá thuốc bỏng 30g, lá táo 20g, lá đại 15g. Tất cả giã nhỏ, đắp chỗ đau, ngày 1-2 lần (An Nguyên, 2021).	x		
2	Chữa lỵ: lá thuốc bỏng 40g, cỏ seo gà 20g, lá Mơ lông 20g, Cam thảo đất 16g. Sắc uống ngày một thang (An Nguyên, 2021).	x		
3	Chữa đi ngoài ra máu: lá thuốc bỏng 30g, lá trắc bá 10g sao cháy, cỏ nhọ nồi 10g, ngải cứu sao cháy 10g. Sắc uống ngày một thang (benhvienthucuc.vn).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

1. Không nên dùng cây trong thời kỳ mang thai. Tuy nhiên, ý tưởng này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, như nghiên cứu lâm sàng, vì theo truyền thống, nó được sử dụng trong quá trình sinh nở và có thể kích thích tử cung. Tốt hơn hết, hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước, nếu muốn thử những loại lá này.

2. Kalanchoe có tác dụng điều chỉnh hệ thống miễn dịch và không nên được sử dụng mãn tính trong thời gian dài hoặc bởi những người có hệ thống miễn dịch suy yếu.

3. Đối với những người có vấn đề về tim, không nên tiêu thụ loại cây này mà không hỏi ý kiến bác sĩ trước.

4. Người ta nói rằng kalanchoe là nguy hiểm cho người ở liều lượng quá cao. Mặt khác, nó không nên được tiêu thụ bởi một số vật nuôi như mèo và chó.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

433. Sống đời lông chim — *Bryophyllum pinnatum* (Lam.) Oken, 1841

Cá bỏng, Trường sinh lông chim, Lạc địa sinh căn, Sống đời ta, Diệp sinh căn

Công dụng: Tiêu thũng, giảm đau, sinh cơ.

Tính vị: Vị chua nhẹ, hơi chất, nhạt

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Thành phần hóa học: Lá có các nguyên tố: Na, Ca, K, Mn, Mg, Fe, Cu, Cr, and Zn. Hàm lượng mg/ l00g tương ứng là 0.13% ±0.3, 599.97%, ± 24.54; 5.51% ± 0.08; 4.71% ±0.27; 247.11% ± 33.11; 6.62% ± 1.72; 82.96% ± 6.96: 60.%% ± 8.01 and 0.10% ± 0.01.

Lá có các thành phần: acid oleic 26.60%, alpha-D-Glucopyranoside, methyl, 24.83%, acid n-Hexadecanoic 17.83%, acid octadecanoic acid 14.45%; 3,5-Dihydroxy-6-methyl-2,3-dihydro-4H-pyran-4-one, 6.19%, Benzaldehyde

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Châu Phi

Phân bố ở Cà Mau: Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường đi và ven bờ sông, cây cũng có khả năng tự mọc dọc theo đường đi, bờ ao và ven sông
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dược liệu thường dùng tươi
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Saxifragales (Tai hùm)

→ **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)

→ **Chi**: Kalanchoe

→ **Loài**: *K. pinnata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân tháo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 40 – 60cm
Thân cây	Thân mọng nước, tròn, nhẵn, có đốm tía.
Lá cây	Lá mọc đối, nguyên hoặc xẻ 3 thùy, ít khi 5 – 7. Phiến lá dày, mọng nước, có răng cưa tròn ở mép.
Hoa	Hoa mọc thõng xuống, màu đỏ hoặc vàng cam tụ tập thành xim trên một cán dài ở ngọn thân. .
Quả/trái	Quả gồm 4 đại

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm họng: Ăn 10 lá sống đời, chia làm 10 lần trong ngày (sáng 4 lá, chiều 4 lá, tối 2 lá), nên nhai ngậm và nuốt cả bã, dùng khoảng 3 ngày (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
2	Chữa viêm loét dạ dày, viêm ruột, trĩ nội đi ngoài ra máu: Lấy một nắm lá sống đời tươi (50g), vò lấy nước uống hoặc sắc uống (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
3	Chữa mất sữa: Sáng và chiều mỗi lần ăn 8 lá sống đời; người mất ngủ dùng đơn này, thì giấc ngủ sẽ đến sớm (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
4	Giải rượu: Khi say rượu ăn 10 lá sống đời, khoảng 10 phút có tác dụng giải rượu (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
5	Chữa viêm xoang mũi: Giã nát 2 lá sống đời lấy nước thấm vào bông, nút lỗ mũi bên viêm, ngày 4-5 lần; nếu viêm cả 2 bên, thì sáng nút 1 bên, chiều nút 1 bên. Cách này còn dùng cho người bị chảy máu cam (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
6	Chữa chốc lở, bệnh ghẻ cho trẻ em: Lấy 1 nắm lá sống đời nấu lấy nước cho trẻ uống mỗi ngày 2 lần vào buổi sáng và buổi tối, mỗi lần 20ml. Kết hợp giã lá bỏng đắp vào khu vực bị tổn thương. Thực hiện hàng ngày để cải thiện các triệu chứng của bệnh ghẻ, chốc lở, mụn nhọt (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
7	Chữa mụn Trứng cá, mề đay, bệnh chàm: Lấy lá sống đời nấu nước lá bỏng uống và vệ sinh vùng da bị mụn. Ngoài ra có thể giã nát lá bỏng tươi đắp vào khu vực bị ảnh hưởng (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
8	Chữa mụn nhọt chưa có mủ: Lấy lá sống đời 30g, lá táo 20g, lá đại 15g. Tất cả giã nhỏ, đắp chỗ đau, ngày 1-2 lần (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa đi ly và bệnh trĩ: Lấy lá sống đời và rau sam mỗi vị 5-6g nhai sống hay sắc uống. Nếu lòi dom và lở hậu môn thì nấu nước bồ kết ngâm rửa và giã lá thuốc bỏng đắp ngoài (Nguyễn Thị Nga, 2015).	x		
10	Chữa lỵ: Lấy lá sống đời 40g, cỏ seo gà 20g, lá Mơ lông 20g, Cam thảo đất 16g. Sắc uống ngày một thang.	x		
11	Chữa đi ngoài ra máu: Lấy lá sống đời 30g, lá trắc bá 10g sao cháy, cỏ nhọ nồi 10g, ngải cứu sao cháy 10g. Sắc uống ngày một thang (Nguyễn Thị Thêu, 2011).	x		
12	Chữa nôn ra máu (do bị đánh, bị thương): Lấy 7 lá thuốc sống đời giã nát, thêm rượu và đường vào uống trong ngày (suckhoedoisong.vn).	x		
13	đau khớp: đâm ra vắt nước uống			x
14	Cầm máu: Đâm nhuyễn lá Sống đời lông chim đắp lên vết thương			x
15	Trị đứt tay: Lấy lá Sống đời lông chim giã ra, đắp vết thương			x
16	Trị ho: Đâm lá Sống đời lông chim với ít muối vắt nước uống			x
17	Trị ho, viêm họng, giã rượu: Bẻ lá Sống đời lông chim rửa sạch, 1 lá buổi sáng nhai với muối hột rồi nuốt			x
18	Trị mục: Lấy 1 - 2 lá Sống đời lông chim, ít muối, đâm đắp			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

1. Không nên dùng cây trong thời kỳ mang thai. Tuy nhiên, ý tưởng này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, như nghiên cứu lâm sàng, vì theo truyền thống, nó được sử dụng trong quá trình sinh nở và có thể kích thích tử cung. Tốt hơn hết, hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước, nếu muốn thử những loại lá này.

2. Kalanchoe có tác dụng điều chỉnh hệ thống miễn dịch và không nên được sử dụng mãn tính trong thời gian dài hoặc bởi những người có hệ thống miễn dịch suy yếu.

3. Đối với những người có vấn đề về tim, không nên tiêu thụ loại cây này mà không hỏi ý kiến bác sĩ trước.

4. Người ta nói rằng kalanchoe là nguy hiểm cho người ở liều lượng quá cao. Mặt khác, nó không nên được tiêu thụ bởi một số vật nuôi như mèo và chó.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

434. Sộp — *Ficus pisocarpa* Blume, 1825

Sộp sẻ

Công dụng:

Tính vị: Quả có vị ngọt, tính mát; Dây có vị hơi đắng tính bình; Lá có vị hơi chua, chát, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Cành, lá

Thành phần hóa học: Trong vỏ quả (đế của cụm hoa dạng Sung) có tới 13% chất gôm, khi thuỷ phân cho glucose, fructose và arabinose. Trong thân và lá có một số chất như: Mesoinositol, b- sitosterol, Taraxeryl aceatate, b- amyrin

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc vùng nhiệt đới Châu Á.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau và Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây Sộp có khả năng sống khá cao cây mọc trong vườn nhà, ven ao, bờ ruộng và được người dân trồng trong vườn nhà và trồng ven sông
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 4-10., Ra quả tháng 4-10.
Thu hoạch	Người ta thường dùng quả thu hái vào mùa thu, đồ chín, thái nhỏ. Cành non, thân non thu hái quanh năm.
Chế biến	Dược liệu có thể dùng tươi hay phơi khô, dùng tươi tốt hơn.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Rosales (Bộ Hoa hồng)

→ **Họ:** Moraceae (Dâu tằm)

→ **Chi**: Ficus (Sung, Sung đa, Sung si, Sanh si, Đa đề, Si đa)

→ **Loài**: *F. pisocarpa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân gỗ, lúc non phụ sinh.
Chiều cao cây	Cây cao 5-6 m, có khi đến 10-15m,
Thân cây	Thân có da sù sì, nhiều cành, trên thân và cành thường mọc nhiều rễ thứ sinh. Gỗ màu nâu đỏ, bở, chỉ dùng làm củi đun..
Lá cây	Lá mỏng, hình trái xoan hay trái xoan ngược, cỡ 18x10cm, không lông, cuống mảnh, dài đến 6cm, lá kèm 3-4mm. Lá có búp bao chồi màu hồng rụng sớm.
Hoa	Cụm hoa sung ở nách lá đã rụng, thường xếp 1-3 cái, tròn, to 4-11mm, không lông, trên cuống 2-15mm.. . Hoa đực có lá dài dính, một nhị.
Quả/trái	Quả giống quả sung, nhỏ, có vị chát, ăn được.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bướu cổ: Chuẩn bị: Hái cả cành và lá sộp, chặt khúc ngắn rồi đem phơi khô 3 nắng. Lấy hai nắm lá sộp khô đem đi rửa rồi cho vào siêu thuốc cùng 1 lít nước sạch, nấu khoảng 30 phút cho nước sắc lại thì chắt ra để uống dần trong ngày (uống liên tục từ 15 đến 20 ngày). Ghi chú: Khi thuốc còn âm ấm, bạn có thể cho vào bình thủy để giữ cho trà luôn ấm và dùng dần (caythuoc.org).	x		
2	Chữa tắc tia sữa, sưng vú, ít sữa. Quả Sộp 40g, Bồ công anh, lá Mua, mỗi vị 15g sắc uống. Ngoài dùng lá Bồ công anh giã nhỏ chế giấm, chưng nóng chườm, đắp. Lại dùng lá Ngải cứu khô giã tơi cuốn giấy lại như điếu thuốc lá, đốt hơ chỗ ngực ngang 2 núm vú và chỗ chân vú bên bị tắc, hơ đến mức thấy nóng rát thì thôi (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Trị bướu cổ: Lấy lá Sộp già nấu nước uống (uống như nước trà).			x
4	Trị tim: Rễ Sộp, rễ chuối hột, củ Sả, tai Đu đủ, sắc với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
5	Trị bướu tim: Thân Sộp sao thủy thổ, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 7 phân uống.			x
6	Trị mụn nhọt: Lấy 1 nắm thân Sập (đã vạt mõng), phơi khô, cho vào bình, cho nước sôi vào, uống.			x
7	Trị bướu cổ: Lấy 1 nắm thân cây Sộp vạt mỏng, phơi khô, sao thủy thổ, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

435. Sứ đại hoa đỏ — *Plumeria rubra* L., 1963

Đại hoa đỏ, Cây đại, Miễn chi, Kê đảm tử, Sứ cùi, Sứ Ấn Độ, Đại Lá Tù, Sứ cùi hoa hồng, Đại lá tù hoa hồng

Công dụng: Chữa ho có đờm, đầy bụng, cảm, đau lưng, đau đầu, đau bụng kinh, kinh nguyệt không đều, mất ngủ, huyết áp cao

Tính vị: Vỏ thân và rễ hơi có độc, vị đắng, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ thân, hoa (Cortex et Flos Plumeriae). Lá tươi, nhựa tươi.

Thành phần hóa học	Các chất thuộc nhóm Iridoid, alcaloid, trong hoa có tinh dầu. Trong vỏ thân, Peckolt và Geuther đã tìm thấy một glucozit gọi là agoniađin C10H14O6 có tinh thể hình kim mềm, chảy ở 155°C, ít tan trong nước, trong rượu, trong sunfua cacbon, ête và benáa, tan trong axit nitric và sunfuric. Dung dịch màu vàng tươi, nhưng dần dần ngả màu xanh lục. Dưới tác dụng của axit loãng và đun sôi, agoniađin sẽ cho glucoza và một phần chưa xác định được. Oudman còn chiết được từ nhựa cây một axit gọi là axit plumeric C10H10O5, có tinh thể hình kim nhỏ, tan trong nước sôi, rượu và ête, chảy và bị phân tích ở 130°C. Năm 1952, Grumbach A., Schmiđ H. và Bencze w. (1952, Uberein Pfianzliches Antibioticum. Experimentia, Suisse, 8, (6): 224-225) đã chiết được từ cây hoa đại một chất kháng sinh mới đặt tên là funvoplumierin có tác dụng ức chế sự lớn lên của một số giống Mycobacterium tuberculosis. G. H. Mahran (1974, Planta Medica, 5: 226) đã lấy từ rễ, lá và vỏ đại một chất đắng gọi là plumierit, một glucozit. Không có trong hoa. Plumierit là một chất bột trắng, có tinh thể, không mùi, vị đắng, độ chảy 155-156°C tan trong nước, trong cồn etylic, metylic, etylaxetat. ít tan trong ête, clorofoc, không tan trong ête dầu hoả. Trong hoa có một ít tinh dầu mùi thơm mát.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở México, Trung Mỹ, Colombia và Venezuela
Phân bố ở Cà Mau	Cây Su Hào chỉ được tìm thấy ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 8, Tháng 5 đến 8
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Người ta thu hái hoa khi mới nở, dùng tươi hay phơi hoặc sấy nhẹ đến khô. Dùng khô tốt hơn dùng tươi.
Bảo quản	Sao vàng mà dùng, có khi phơi khô để dành.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Apocynaceae (Trúc đào)

Chi: Plumeria (Đại)

Loài: *P. rubra*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có chiều cao từ 3-10m
Vỏ cây	Vỏ cây có màu nâu xám với những sẹo lá để lại, cây có nhựa mủ
Thân cây	Thân tròn mập, phân cành nhánh nhiều và cong queo, xù xì. Cành mẫm, to.
Lá cây	Lá mọc so le sít nhau, thường tập trung ở đầu cành, lá dày, nguyên, hai đầu đều hẹp nhọn, mặt nhẵn bóng, gân giữa nổi rõ.
Hoa	Hoa màu hồng. .
Quả/trái	Quả đại ít khi đậu nên không thường thấy. Nó mọc choãi thẳng hàng, dài từ 10-15cm
Mùi hương	Hoa có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cao huyết áp, bằng cách dùng như sau: Hằng ngày sử dụng 12 – 20g hoa sứ (loại khô), đem sắc (nấu) lấy nước, uống thay trà trong ngày (suckhoedoisong.vn).	x		
2	Chữa đau nhức hay mụn nhọt: Cũng dùng lá tươi giã nhuyễn đắp vào (Cây thuốc của bạn).	x		
3	Chữa bong gân: Dùng một lá tươi rửa sạch, giã nhuyễn, trộn với một ít muối ăn đắp lên chỗ sưng. Lại dùng một ít lá tươi khác, hơ lên lửa cho héo và đắp phía ngoài rồi cố định bằng băng hoặc vải sạch. Ngày đắp 1 – 3 lần liên tục như vậy 1 – 2 ngày (Cây thuốc của bạn).	x		
4	Chữa chân răng sưng đau: Vỏ rễ ngâm rượu, dùng ngậm rất hiệu quả (chú ý không được nuốt) (Cây thuốc của bạn).	x		
5	Chữa sai khớp, bong gân, mụn nhọt: Lấy lá đại giã nát đắp	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	tại chỗ (Cây thuốc của bạn).			
6	Chữa ho: Sử dụng 4 – 12g hoa sứ khô, sắc lấy nước, uống thay trà trong ngày (dùng loại hoa cánh trắng, tâm điểm vàng) (Cây thuốc của bạn).	x		
7	Chữa táo bón - giúp nhuận tràng Lấy 4-5 g vỏ thái mỏng, sao thơm, sắc với 200 ml nước, chia làm 3 lần uống trong ngày. Hoặc: Vỏ đại 50 g, cám gạo 50 g, sao vàng, tán nhỏ rồi rây thành bột mịn, trộn với hồ làm viên 0,5 g. Người lớn dùng 15 viên mỗi ngày, trẻ em 5-9 tuổi uống 5 viên, 10-15 tuổi uống 10 viên. Chia thuốc uống làm 2 lần với nước đun sôi để nguội (không dùng nước chè) (Cây thuốc của bạn).	x		
8	Nhuận tràng: Dùng 3-6g vỏ thân cây sứ đại cạo bỏ lớp bần, thái mỏng, sao thơm, sắc uống (Cây thuốc của bạn).	x		
9	Xổ: Dùng 6-8g vỏ thân cây sứ đại cạo bỏ lớp bần, thái mỏng, sao thơm, sắc uống (Cây thuốc của bạn).	x		
10	An thần, giảm huyết áp: Hoa đại khô thái nhỏ 100 g, hoa cúc vàng khô thái nhỏ 50 g, hoa hòe (sao vàng) 50 g, hạt quyết minh (sao đen) 50 g. Tất cả tán thành bột, chia thành gói 10 g. Mỗi ngày dùng 1-2 gói, hãm uống thay nước chè trong ngày. Thuốc có tác dụng bảo vệ mao mạch, làm giảm nhẹ huyết áp, an thần, gây ngủ nhẹ(Cây thuốc của bạn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Người suy nhược, già yếu, phụ nữ có thai, tiêu chảy không nên dùng do các thành phần trong cây có tác dụng tẩy xổ khá mạnh và hơi có độc. Cần tham vấn thầy thuốc trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

436. Sứ đại hoa hồng — *Plumeria rubra* L., 1963

Đại hoa đỏ, Cây đại, Miễn chi, Kê đảm tử, Sứ cùi, Sứ Ấn Độ, Đại Lá Tù, Sứ cùi hoa hồng, Đại lá tù hoa hồng

Công dụng: Chữa ho có đờm, đầy bụng, cảm, đau lưng, đau đầu, đau bụng kinh, kinh nguyệt không đều, mất ngủ, huyết áp cao

Tính vị: Vỏ thân và rễ hơi có độc, vị đắng, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Vỏ thân, hoa (Cortex et Flos Plumeriae). Lá tươi, nhựa tươi.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở México, Trung Mỹ, Colombia và Venezuela

Thành phần hóa học	Các chất thuộc nhóm Iridoid, alcaloid, trong hoa có tinh dầu. Trong vỏ thân, Peckolt và Geuther đã tìm thấy một glucozit gọi là agoniađin C10H14O6 có tinh thể hình kim mềm, chảy ở 155°C, ít tan trong nước, trong rượu, trong sunfua cacbon, ête và benáa, tan trong axit nitric và sunfuric. Dung dịch màu vàng tươi, nhưng dần dần ngả màu xanh lục. Dưới tác dụng của axit loãng và đun sôi, agoniađin sẽ cho glucoza và một phần chưa xác định được. Oudman còn chiết được từ nhựa cây một axit gọi là axit plumeric C10H10O5, có tinh thể hình kim nhỏ, tan trong nước sôi, rượu và ête, chảy và bị phân tích ở 130°C. Năm 1952, Grumbach A., Schmiđ H. và Bencze w. (1952, Uberein Pfianzliches Antibioticum. Experimentia, Suisse, 8, (6): 224-225) đã chiết được từ cây hoa đại một chất kháng sinh mới đặt tên là funvoplumierin có tác dụng ức chế sự lớn lên của một số giống Mycobacterium tuberculosis. G. H. Mahran (1974, Planta Medica, 5: 226) đã lấy từ rễ, lá và vỏ đại một chất đắng gọi là plumierit, một glucozit. Không có trong hoa. Plumierit là một chất bột trắng, có tinh thể, không mùi, vị đắng, độ chảy 155-156°C tan trong nước, trong cồn etylic, metylic, etylaxetat. ít tan trong ête, clorofoc, không tan trong ête dầu hoả. Trong hoa có một ít tinh dầu mùi thơm mát.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Su Hào chỉ được tìm thấy ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 8, Tháng 5 đến 8
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Người ta thu hái hoa khi mới nở, dùng tươi hay phơi hoặc sấy nhẹ đến khô. Dùng khô tốt hơn dùng tươi.
Bảo quản	Sao vàng mà dùng, có khi phơi khô để dành.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Apocynaceae (Trúc đào)

Chi: Plumeria (Đại)

Loài: *P. rubra*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có chiều cao từ 3-10m
Vỏ cây	Vỏ cây có màu nâu xám với những sẹo lá để lại, cây có nhựa mủ
Thân cây	Thân tròn mập, phân cành nhánh nhiều và cong queo, xù xì. Cành mẫm, to.
Lá cây	Lá mọc so le sít nhau, thường tập trung ở đầu cành, lá dày, nguyên, hai đầu đều hẹp nhọn, mặt nhẵn bóng, gân giữa nổi rõ.
Hoa	Hoa màu hồng. .
Quả/trái	Quả đại ít khi đậu nên không thường thấy. Nó mọc choãi thẳng hàng, dài từ 10-15cm
Mùi hương	Hoa có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cao huyết áp, bằng cách dùng như sau: Hằng ngày sử dụng 12 – 20g hoa sứ (loại khô), đem sắc (nấu) lấy nước, uống thay trà trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa đau nhức hay mụn nhọt: Cũng dùng lá tươi giã nhuyễn đắp vào (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa bong gân: Dùng một lá tươi rửa sạch, giã nhuyễn, trộn với một ít muối ăn đắp lên chỗ sưng. Lại dùng một ít lá tươi khác, hơ lên lửa cho héo và đắp phía ngoài rồi cố định bằng băng hoặc vải sạch. Ngày đắp 1 – 3 lần liên tục như vậy 1 – 2 ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
4	Chữa chân răng sưng đau: Vỏ rễ ngâm rượu, dùng ngậm rất hiệu quả (chú ý không được nuốt) (Mỹ Nữ, 2013).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa ho: Sử dụng 4 – 12g hoa sứ khô, sắc lấy nước, uống thay trà trong ngày (dùng loại hoa cánh trắng, tâm điểm vàng) (Mỹ Nữ, 2013).	x		
6	Chữa sai khớp, bong gân, mụn nhọt: Lấy lá đại giã nát đắp tại chỗ (thaythuoccuaban.com).	x		
7	Chữa táo bón - giúp nhuận tràng Lấy 4-5 g vỏ thái mỏng, sao thơm, sắc với 200 ml nước, chia làm 3 lần uống trong ngày. Hoặc: Vỏ đại 50 g, cám gạo 50 g, sao vàng, tán nhỏ rồi rây thành bột mịn, trộn với hồ làm viên 0,5 g. Người lớn dùng 15 viên mỗi ngày, trẻ em 5-9 tuổi uống 5 viên, 10-15 tuổi uống 10 viên. Chia thuốc uống làm 2 lần với nước đun sôi để nguội (không dùng nước chè) (thaythuoccuaban.com).	x		
8	Nhuận tràng: Dùng 3-6g vỏ thân cây sứ đại cạo bỏ lớp bần, thái mỏng, sao thơm, sắc uống (thaythuoccuaban.com).	x		
9	Xổ: Dùng 6-8g vỏ thân cây sứ đại cạo bỏ lớp bần, thái mỏng, sao thơm, sắc uống (thaythuoccuaban.com).	x		
10	An thần, giảm huyết áp: Hoa đại khô thái nhỏ 100 g, hoa cúc vàng khô thái nhỏ 50 g, hoa hòe (sao vàng) 50 g, hạt quyết minh (sao đen) 50 g. Tất cả tán thành bột, chia thành gói 10 g. Mỗi ngày dùng 1-2 gói, hãm uống thay nước chè trong ngày. Thuốc có tác dụng bảo vệ mao mạch, làm giảm nhẹ huyết áp, an thần, gây ngủ nhẹ (thaythuoccuaban.com).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Người suy nhược, già yếu, phụ nữ có thai, tiêu chảy không nên dùng do các thành phần trong cây có tác dụng tẩy xổ khá mạnh và hơi có độc. Cần tham vấn thầy thuốc trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

437. Sứ đại hoa trắng — *Plumeria obtusa* L., 1753

Sứ lá tù, Đại lá tù, Đại lá tà, Hoa chăm pa

Công dụng: Hoa dùng trong các trường hợp: (1) Dự phòng say nắng; (2) viêm ruột, lỵ; (3) Khó tiêu, kém hấp thu và kém dinh dưỡng ở trẻ em; (4) Nhiễm khuẩn, viên gan; (5) Viêm phế khí quản, ho. Người ta lại còn dùng Hoa đại làm thuốc chữa bệnh ưa chảy máu có kết quả tốt

Tính vị: Sứ đại hoa trắng có vị ngọt, tính bình, thơm. Vỏ cây có vị đắng, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây đều có thể dùng làm thuốc chữa bệnh. Từ vỏ của thân cây, vỏ của rễ, hoa, nụ hoa, lá tươi và nhựa cây. Nhưng sử dụng nhiều nhất là hoa.

Thành phần hóa học	Tinh dầu hoa có hàm lượng 0,04 - 0,07%; trong tinh dầu có geraniol, citronellal, farnesol, linalol và aldehyd, fulvoplumierin, chất nhựa quercertin, vết kaempferol và cyanidin, diglycosid. Vỏ ngoài chứa fulvoplumierin và plumierid, agoniadin, acid plumieric, acid cerotinic, lupeol. Lá chứa 0,83% plumierid, acid resinic. Nhựa chứa acid plumieric. Toàn cây hoa sứ trắng có chứa chất kháng sinh thực vật là fulvo plumierin.
Nguồn gốc	Cây gốc ở Mehico
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau, ngoài trừ huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi) chưa được tìm thấy
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc, người dân còn trồng nhiều ở ven đường đi, ven bờ ao, bờ ruộng, ven mương..
Mùa hoa quả	Quanh năm, Tháng 5 đến 8
Thu hoạch	Người ta thu hái hoa từ tháng 5-11. Lá và nhựa có thể thu hoạch quanh năm
Chế biến	Hoa đem phơi sấy nhẹ ở 40-50oC đến khô. Vỏ lấy ở những cây già, tách từng mảnh nhỏ đem phơi hoặc sấy nhẹ đến khô
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, tránh mốc, giập nát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Apocynaceae (Trúc đào)

Chi: Plumeria (Đại)

Loài: *P. obtusa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 2-3 m, có khi cao đến 7 m
Vỏ cây	Vỏ cây có màu trắng xám với những sẹo lá để lại.
Thân cây	Thân tròn mập, phân cành nhánh nhiều, dài, khẳng khiu cong queo, xù xì. Cây có nhựa mủ..
Lá cây	Lá thuôn dài có hình bầu dục, rộng ở giữa và hẹp lại ở cả 2 đầu. Lá có màu xanh bóng, nhẵn ở mặt trên, lớp lông mịn cùng với gân chính màu trắng và các gân viền ở mép nổi rõ ở mặt dưới lá. Lá xếp sát nhau thành vòng ở ngọn cành, khi rụng để lại sẹo lớn ở cành
Hoa	Cây ra những cụm hoa trên một cuống chung dài khoảng 30-50cm, phân nhánh vòng ở đỉnh, có nhiều sẹo do hoa rụng.. Các bông hoa có cánh dày, mập, khi còn nụ thì xếp vặn, nở bung thì khoe sắc trắng của cánh hoa và tâm màu vàng cùng nhị dính trên ống tràng.. .
Quả/trái	Quả mọc choãi thẳng hàng, dài từ 10-15cm. Qủa chứa các hạt có cánh nhưng ít gặp vì cây khó đậu trái.
Hạt	Hạt có cánh mỏng
Mùi hương	Hoa nở và mang mùi thơm thoang thoảng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa trị bệnh cao huyết áp: Mỗi ngày dùng khoảng 12 – 20g hoa sứ khô. Đem sắc lên uống thay nước trà hàng ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa trị bong gân: Hoa sứ tươi đã rửa sạch sau đó giã nhuyễn. Trộn với một ít muối ăn và lấy đắp lên chỗ sưng tấy (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa trị bong gân: Dùng lá nguyên đem hơ lửa và đắp phía ngoài; sau đó dùng băng hay vải sạch cố định lại. Đắp thường xuyên khoảng 1-2 ngày và mỗi ngày từ 1-3 lần	x		

	(thaythuoccuaban.com).			
4	Chữa mụn nhọt hay đau nhức: Sử dụng lá tươi sau đó giã nhuyễn và đắp trực tiếp lên vết thương (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Chữa ho: Hoa sứ đã phơi khô 4 – 12g, sắc lấy nước uống. Sử dụng thường xuyên thay cho trà hằng ngày. Dùng loại hoa cánh trắng, tâm điểm vàng sẽ mang lại hiệu quả hơn (Mỹ Nữ, 2013).	x		
6	Chữa viêm xoang: Hoa sứ nhặt những bông mới rụng xuống đất đem về rửa sạch bụi bẩn. Sắt hoa thành những sợi nhỏ, rồi phơi khô lấy giấy cuộn hoa lại giống như điếu thuốc lá. Khi sử dụng lấy thuốc ra đốt cho cháy, rồi thổi tắt cho thuốc ngun ngún bốc khói giống như điếu thuốc lá. Tiếp đó đưa mũi lại gần và hít khói hoa bốc lên. Nên hít 2 điếu 1 ngày để nhanh chóng giảm các cơn đau nhức do viêm xoang. Khi bệnh đỡ thì chỉ nên hít ngày 1 điếu (thaythuoccuaban.com).	x		
7	Chữa mất ngủ: Hoa sứ trắng sấy khô được dùng làm ruột gối giúp giảm căng thẳng, thư giãn, êm dịu thần kinh. Với mùi hương hoa nhẹ nhàng dễ chịu rất tốt cho người hay bị mất ngủ (Nguyễn Thị Hoa, 2021).	x		
8	Giúp thanh nhiệt, giải độc: Dùng trung bình mỗi ngày từ 15 đến 20g hoa đại trắng khô đem đi hãm với nước sôi để trong vòng 5 đến 10 phút thì có thể dùng được, dùng như trà hay gọi là trà hoa đại trắng, thường xuyên dùng sẽ giúp choh cơ thể lọc và đào thải chất độc tốt đồng thời trị được một số bệnh khác như giúp hạ sốt, chống viêm và hạ huyết áp tốt (caythuoc.vn).	x		
9	Chữa đau sưng chân răng: Sử dụng vỏ rễ cây sứ đem ngâm với một ít rượu. Sau đó ngậm vô cùng hiệu quả nhưng tuyệt đối không được nuốt vì rễ cây hoa sứ rất độc (caythuoc.vn).	x		
10	Giúp giảm huyết áp, an thần tốt: Dùng trung bình khoảng 100g hoa đại trắng khô kết hợp với hạt quyết minh đã qua sao đen, hoa cúc vàng khô và hoa hòe đã dược sao vàng mỗi loại 50g rồi đem hỗn hỗn đi tán ở dạng bột mịn, mỗi ngày dùng khoảng 20g là vừa, đem đi hãm với nước sôi uống và chia 2 lần dùng uống trong ngày. Dùng liên túc có tác dụng bảo vệ mạch máu, giúp dễ ngủ và cơ thể khỏe hơn (caythuoc.vn).	x		
11	Trị bệnh gan, sỏi thận: Lấy 1 nhúm bông Sứ đại hoa trắng (rụng xuống đất) nấu nước uống.			x
12	Trị đau ruột già: Lấy nhánh cây Sứ đại hoa trắng vạt mỏng, sao vàng thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
13	Trị trật khớp: Lấy 2 nắm thân cây Sứ đại hoa trắng, 2 nắm lá Lược vàng ngâm với 1 ít rượu, uống. Ngâm trong 2 tuần là dùng được			x

14	Trị bệnh gan: Lấy 1 nắm thân cây Sứ đại hoa trắng (đã phơi khô, sao vàng), 3 cây Chó đẻ nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
15	Trị đau, tê, nhức khớp: Lấy 1 chai 5 xị bỏ đầy bông Sứ đại hoa trắng vào và đổ rượu đầy chai, ngâm, xoa bóp. Ngâm trong 10 ngày là sử dụng được. Lưu ý là không được uống chỉ xoa bóp.			x
16	Trị đau nhức: Lấy thân cây Sứ đại hoa trắng vạt mỏng, rồi ngâm với rượu uống.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Đối với phụ nữ mang thai tuyệt đối không được dùng dược liệu này vì các thành phần trong dược liệu này thường được sử dụng làm thuốc phá thai.

Không được sử dụng nuốt phần nhựa của cây hoa đại vì trong thành phần nó có độc, chỉ dùng để ngậm không được nuốt hay dùng để uống.

Sử dụng đúng liều lượng và đúng cách để mang lại hiệu quả tốt đồng thời an toàn cho sức khỏe, không nên dùng quá liều sẽ gây ảnh hưởng xấu đến cơ thể và chữa lâu khỏi bệnh.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

438. Su hào — *Brassica oleracea* var Gongyloides

Xu hào, Phiết làn, Giới lan, Giá liên.

Công dụng: Chủ yếu dùng chữa nước tiểu đục, đi ngoài ra máu, nhọt độc không rõ nguyên nhân, tỳ hư hỏa vượng, trúng phong bất tỉnh

Tính vị: Theo Đông y, su hào có tính mát, vị ngọt hơi đắng.

Quy kinh: tỳ, vị

Bộ phận dùng: Thân củ, lá, hạt

Thành phần dinh dưỡng	Người ta đã xác định được thành phần dinh dưỡng của Su hào theo tỷ lệ %: Lá chứa nước 82,6; protid 1,9, lipid 0,9, xơ 2,2, dẫn xuất không protein 10,1, tro 2,3. Củ chứa nước 88-90,7, protid 2-2,8, glucid 6,3, lipid 0,1, xơ 1,6, dẫn xuất không protein 4, tro 1,5 và theo mg% có calcium 48, phosphor 50 và vitamin C 40.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng biển Địa Trung Hải
Phân bố ở Cà Mau	Cây Su Hào chỉ được tìm thấy ở huyện u Minh (xã Khánh Hội)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Brassicales (Cải)
    - **Họ:** Brassicaceae (Cải)
      - **Chi**: Brassica (Cải)
        - **Loài**: *B. oleracea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống khoảng 2 năm
Dạng cây	Cây dạng thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 30-50 cm
Rễ cây	Rễ su hào thuộc loại rễ cạn, rễ chùm, phân bố ở tầng đất mặt từ 0-30 cm. Vì vậy rễ su hào không chịu được khô hạn, ngập úng.
Củ	Củ có dạng thon dài, hình tròn hay hình tròn dẹp, vỏ củ có thể màu xanh nhạt hay màu tím.
Thân cây	Phần gốc thân phình to được gọi là củ có dạng thon dài, hình tròn hay hình tròn dẹp. Phần vỏ củ có thể màu xanh nhạt hay màu tím..
Lá cây	Lá dài, phân chia rõ ranh giới với phiến lá, phiến lá có răng cưa, răng cưa sâu và không đồng đều. Gân lá nhỏ và thưa
Hoa	Hoa vàng, 4 cánh hoa xếp hình chữ thập, 6 nhị. .
Quả/trái	Quả giác chứa nhiều hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa lên nhọt độc không rõ nguyên nhân: Uống nước ép su hào, còn bã thì đắp vào khu mọc nhọt sẽ giúp giảm đau, nhọt nặn nhanh hơn (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
2	Tiêu mụn nhọt: Giã nát su hào, đắp vào chỗ chứa mụn hoặc vắt lấy nước uống để mụn nhanh lành (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
3	Chữa miệng khô, khát nước: Cắt su hào thành từng miếng và giã nát, cho thêm đường và nước đun sôi, uống (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
4	Giảm cân, chữa béo phì: Su hào chứa nước và chất xơ, ít chất béo hòa tan, không cholesterol nên là thực phẩm lý tưởng của người bị béo phì hoặc muốn giảm cân, phòng chống bệnh tim mạch và đột quỵ. Tuy nhiên, nên ăn su hào luộc, nộm, hạn chế xào (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
5	Chữa viêm loét Hành tá tràng: Chuẩn bị 30g su hào, 30g lá bỏng. Đem 2 thứ đi giã nhỏ, thêm nước chín, vắt lấy nước cốt uống (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
6	Chữa âm nang (tinh hoàn sưng to): Dùng su hào, thương lục thái lát, giã nhuyễn đắp ngoài (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
7	Chữa đờm tích trong họng, giúp long đờm: Dùng lá su hào nấu với dầu vừng, ăn và uống cả nước (Đỗ Đỗ, 2019).	x		
8	Tiêu đờm: Thân hoặc lá su hào rửa sạch cắt miếng. Cho dầu vừng vào xào rồi nấu làm canh. Ăn ngày 1 - 2 lần. Hoặc su hào bỏ vỏ giã nát, thêm mật ong. Khi ăn kết hợp uống với nước đã đun sôi (caythuoc.org).	x		
9	Chữa lạnh bụng nhiều đờm: Dùng su hào nấu canh theo kiểu thông thường (hoặc nấu cùng thịt dê) (nhandan.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Điều trị âm nang sưng to (viêm tinh hoàn): Lấy củ su hào và thương lục cắt nhỏ ra, sau đó đem giã nát rồi đắp ngoài da (lưu ý, bài thuốc này chỉ dùng ngoài da) (nhandan.vn).	x		
11	Chữa khô khát, tỳ hư hỏa vượng: Lấy một ít củ su hào cắt thành các miếng nhỏ rồi xay nát, sau đó để thêm một ít đường và một ít nước đun sôi để nguội, ép lấy nước uống (caythuoc.org).	x		
12	Chữa đờm nhiều thở gấp: Lấy thân hoặc lá su hào rửa sạch cắt miếng. Cho dầu mè (vừng) vào xào làm canh ăn. Ngày một đến hai lần (nhandan.vn).	x		
13	Chữa đờm nhiều thở gấp: Su hào bỏ vỏ giã nát, thêm mật ong ăn với nước đun sôi (nhandan.vn).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Những người tuyệt đối không ăn su hào

Người đau dạ dày, trẻ em Su hào là thực phẩm có thể chế biến được với nhiều cách. Tuy nhiên, nếu ăn sống hàm lượng các chất sẽ cao hơn, nhưng có thể gây đau bụng cho một số người khó tiêu hóa. Kể cả những người bị đau dạ dày, trẻ nhỏ không nên cho món nộm su hào sống hoặc ăn sống trực tiếp. Còn theo đông y, ăn nhiều su hào sẽ bị hao khí tổn huyết.

Người bị bệnh tuyến giáp

Ngoài ra, su hào có thể chứa goitrogens, các hợp chất thực vật thường gặp trong các loại rau họ cải bắp như bông cải, súp lơ… có thể gây sưng tuyến giáp. Vì thế, những người bị rối loạn chức năng tuyến giáp nên hạn chế dùng su hào.

Ăn nhiều su hào gây hao tổn khí huyết

Không nên ăn quá nhiều su hào bởi su hào có thể giải độc, lợi tiểu, nên khi ăn nhiều quá trình thanh lọc diễn ra quá mạnh sẽ khiến cơ thể bị hao tổn khí huyết.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

439. Sử quân tử — *Combretum indicum* (L.) DeFilipps, 1998

Quả giun, Quả nấc, Dây giun, Mạy lăng cường, Mác giáo giun (Tày), Hoa giun, Dây trang leo, Sinh bạch tử hồng

Công dụng: Sử quân tử có tác dụng tẩy giun, dùng dạng thuốc sắc; còn dùng ngậm chữa nhức răng.

Tính vị: Vị ngọt, tính ôn, không có độc

Quy kinh: Đại trường, tỳ, và vị

Bộ phận dùng: Nhân quả hay hạt đã phơi hay sấy khô từ quả đã già của cây s ửquân từ.

Thành phần hóa học	Trong nhân sử quân tử có chứa từ 21-22% chất béo màu xanh lục nhạt, sền sệt, mùi nhựa, vị nhạt không có tác dụng tẩy giun. Ngoài ra còn chất gôm, các chất hữu cơ, chất đường 19-20% axit hữu cơ axit xitric, kali sunfat. Hoạt chất hiện nay chưa xác định. Năm 1952, Trần tử Nghĩa và Lý Chính Hoa (1952, Trung hoa y học tạp chí 38,4,319-321) đã báo cáo chiết từ nhân sử quân tử muối kali của axit quisqualic C10H16O10N6K3 có tác dụng diệt giun. Axit quisqualic có phản ứng axit mạnh, nhưng muối natri của axit quisqualic (dùng cacbonat axit để trung hòa) thì không có tác dụng mạnh trên giun. Năm 1958, Hoàng Trung Nghi (Giang tây Trung y dược, 2,52-56) đã báo cáo dựa trên độ kiềm của tro sử quân tử để định lượng tác dụng mạnh yếu trừ giun của sử quân tử, đã đi tới kết luận là dung môi tốt nhất để chiết hoạt chất của sử quân tử là nước, cồn 45° kém hơn, cồn 95° hầu như không chiết được chút nào
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Sử quân tử được phân bố phổ biến ở Cà Mau, ngoại trừ huyện U Minh thì cây có thể tìm thấy ở cả 08 đơn vị hành chính còn lại của tỉnh.
Sinh cảnh	Người dân thường chọn trồng Sử quân tử ở trong vườn hoặc ven đường (trước cổng nhà) và cây cũng được trồng ở một số vườn thuốc nam của tỉnh Cà Mau.
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7, Tháng 8
Thu hoạch	Thu hái vào tháng 9 – 11
Chế biến	Khi quả già, hái về đập lấy hạt, phơi hay sấy khô là được. Thường quả nguyên dễ bảo quản hơn. Khi dùng người ta đập lấy nhân, có khi ngay từ nơi thu hái người ta đập lấy nhân phơi khô.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Tracheophytes (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

Họ: Combretaceae (Bàng)

Chi: Combretum

Loài: *C. indicum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Dây leo gỗ mọc tựa vào cây khác.
Thân cây	Sử quân tử phân cành nhánh nhiều, cành non và bánh tẻ có màu xanh, cành già chuyển nâu.
Lá cây	Lá mọc đối, đơn, nguyên, hình trứng đầu nhọn, phía cuống hơi tròn hình tim, dài 7-9cm, rộng 4-5cm
Hoa	Cụm hoa chùm, mọc ở đầu cành. Hoa hình ống, lúc đầu màu trắng, sau chuyển hồng và đỏ, mọc thành chùm ở kẽ lá hoặc đầu cành, dài 4 -10cm. .
Quả/trái	Qủa khô, hình trứng nhọn, dài 35mm, dầy 20mm, có 5 cạnh dọc hình 3 cạnh, có chứa một hạt dài phía dưới rộng, phía đầu hơi mỏng, có 5 đường sống chạy dọc.
Hạt	Hạt dài phía dưới rộng, phía đầu hơi mỏng, có 5 đường sống chạy dọc.
Mùi hương	Hoa có hương thơm nồng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị nhức răng: Một trong những bài thuốc điều trị nhức răng bằng thảo dược khá hiệu quả là dùng sử quân tử. Theo đó, khi bị sâu răng, đau nhức răng, có thể dùng sử quân tử sắc lấy nước rồi ngậm nhiều lần trong ngày (hoặc lấy nhân của 10 quả sử quân tử, giã nát rồi đun sôi (1 chén nước trong 15 phút) và ngậm nhiều lần trong ngày) (thuocdantoc.org).	x		
2	Điều trị hư thũng, sưng phù chân và mặt ở trẻ em: Trong trường hợp này, có thể dùng 40 g sử quân tử rồi bóc vỏ, lấy nhân sao cho khô, sau đó tán thành bột mịn và uống 4 g mỗi ngày (hòa với nước cơm hay nước cháo để uống) (thuocdantoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Giúp tiêu hóa Nhân sử quân tử sao cho vàng thơm và giòn, tán hỏ 2 phần, thóc ngâm cho nảy mầm sao vàng nửa phần. Tất cả tán nhỏ, trộn đều, sấy khô. Có thể thêm đường vào đóng thành bánh. Dùng cho trẻ em bị giun, gầy còm, kém ăn, không tiêu, da vàng, miệng hay chảy nước dãi. Ngày uống 1-2 thìa cà phê bột này, hòa vào nước cháo hay mật ong. Trẻ em thích ăn bột này vì thơm ngon. Ăn nhiều quá mới có hiện tượng nấc nhưng chóng hết (Thuốc cam giun, Kinh nghiệm Đỗ Tất Lợi):	x		
4	Chữa đau nhức răng: sử quân tử (cả quả) đập nát 10 quả, thêm nước vào (1 bát) đun và giữ sôi 15 phút. Ngậm torng ngày, sau khi ngậm có thể nuốt nước này. Nhiều khi vừa khỏi đau răng vừa chữa ra giun Chữa trẻ em bị hư thũng, mặt, chân tay phù (Giản tiện phương-tài liệu cổ): sử quân tử 40g đập bỏ vỏ quả, lấy nhân tẩm với mật nướng hay sao cho khô, tán bột mỗi ngày uống 4g hòa với nước cơm hay nước cháo (kinh nghiệm cổ, Đỗ Tất Lợi đã xác minh lại)	x		
5	Thuốc cam Thác nghè: sử quân tử 3 phần, bạch chỉ 5 phần, hoàng cầm 2 phần, sử quân tử sao vàng, bạch chỉ và hoàng cầm không sao. Tất cả tán nhỏ. Ngày uống 1-5 thìa cà phê chia 3 lần uống (Đức Doãn, 2020).	x		
6	Chữa gầy yếu, vàng vọt, cam tích ở trẻ em: Dùng quả sử quân tử và cam thảo (mỗi vị 5 g) sắc chung với đảng sâm và bạch truật (mỗi vị 10 g, riêng bạch truật thì sao lên), sắc lấy nước uống (caythuoc.org).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Sử quân tử có độc tính nhưng không cao. Tuy nhiên, nếu dùng quá liều sẽ gây nấc cụt, sưng ruột, sưng dạ dày, tả lị, táo bón, nôn mửa, nhức đầu….

Ở nước Papua New Guinea, quả sử quân tử còn được ăn hàng ngày như một dạng thuốc tránh thai. Do đó, phụ nữ mang thai hay muốn có thai cần phải lưu ý

Nên dùng sử quân tử lúc đói và lưu ý không uống với trà

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

440. Sục sạc — *Crotalaria pallida* Aiton

Muồng phân xanh, Muồng lá tròn, Dã hoàng đậu, Chư thi đậu, Rủng rảng, Lục lạc ba lá tròn

Công dụng: Hạt dùng trị chóng mặt do sốt, suy nhược thần kinh, di tinh, xuất tinh sớm, bạch đới, đái dầm, chứng đa niệu.

Thân và lá dùng trị lỵ và đau bụng.

Rễ dùng trị bệnh hạch bạch huyết, viêm vú, lỵ, trẻ em hấp thu kém và suy dinh dưỡng.

Tính vị: Hạt có vị ngọt, hơi chát, tính mát.

Thân và lá có vị đắng, tính bình.

Rễ có vị hơi đắng, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Cả cây, rễ, hạt

Thành phần hóa học	Lá chứa một một alcaloid độc đối với dê; hạt cũng chứa alcaloid mucronalin độc nhưng nếu được ngâm và nấu chín thì hết độc.
Phân bố ở Cà Mau	Cây sục sạc phân bố tại 03 huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gồm huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (xã Khánh Hội), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi)
Sinh cảnh	Cây thường được người dân trồng trong vườn nhà và trồng làm thuốc ở các vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 7 đến 12
Thu hoạch	Thu hái quả vào mùa thu
Chế biến	Cây dùng tươi hay phơi khô (phơi khô và nhặt hạt)
Bảo quản	Để nơi sạch sẽ, khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Crotalaria
        - **Loài**: *C. Pallida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cao khoảng 1m hay hơn
Thân cây	Có cành hơi có lông rạp xuống.
Lá cây	Lá có 3 lá chét, lá chét hình trái xoan ngược nhọn hay gần tù ở góc, tù hoặc có khía ở đỉnh, các ls bên nhỏ hơn, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông ngắn và rạp xuống.
Hoa	Hoa xếp thành chùm giống những vòng giả, có lông ngắn, màu vàng, rất cong.
Quả/trái	Quả hình trụ, hạt nhiều, màu nâu nhạt hay vàng da cam, hình thận.
Hạt	Khi quả khô vỡ bung ra nhiều hạt nhỏ như hạt đậu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ điều trị bệnh ung thư biểu mô da: Theo kinh nghiệm dân gian được ghi trong cuốn sách Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, để điều trị ung thư biểu mô người bệnh có thể dùng thân lá lục lạc phơi khô, tán thành dạng bột mịn, hòa thêm nước muối sinh lý làm thuốc bôi ngoài da, mỗi ngày bôi khoảng 2 lần ~ 3 lần (dongduoccongduc.com).	x		
2	Điều trị mất ngủ, cao huyết áp: Hạt lục lạc sao vàng đến kho thơm vàng là được, bỏ hộp mỗi ngày lấy khoảng 20g hãm với nước sôi 100 độ uống hàng ngày, nên uống vào buổi tối là thời điểm tốt nhất (3) (dongduoccongduc.com).	x		
3	Tăng cường thị lực: Dùng hạt lục lạc sao vàng, đun nước uống hàng ngày với liều dùng khoảng 15g/ngày, có thể sao vàng sau đó dùng pha hãm với nước sôi uống hàng ngày như một vị trà. COng dụng của hạt lục lạc cũng tương tự như công dụng của hạt thảo quyết minh mà chúng ta đã đề cập ở các bài viết trước (thuocnamhay.vn).	x		
4	Chữa đái dầm: Hạt Lục lạc 20g sao vàng, nấu với 1 lít nước, sôi 30 phút, uống cả ngày (dongduoccongduc.com).	x		
5	Chữa ung thư biểu mô da có vẩy: Lấy toàn cây Sục sạc phơi khô, tán bột mịn, hòa với nước muối 0,9% thành bột nhão, bôi lên da bệnh ngày 2 – 3 lần trong 15 ngày hoặc hơn (dongduoccongduc.com).	x		
6	Bổ gan thận, điều trị tiểu són, di mộng tinh: Kết hợp hạt, thân lá lục lạc khô 20g, rau dừa nước khô 30g, cây cối xay khô 15g, khiếm thực 10g. Các vị đem rửa sạch, đun với khoảng 1 lít nước, đun cạn lấy khoảng 300ml nước chia làm 3 lần uống trong ngày (thuocnamhay.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Điều trị viêm tuyến vú: Dùng thân lá 20g khô sắc uống, kết hợp dùng thêm lá tươi giã nát, chộn thêm 2 thìa cà phê rượu để đắp lên vùng xưng đau có hiệu quả giảm viêm đau hữu hiệu (thuocnamhay.vn).	x		
8	Chữa di tinh và khí hư bạch đới: Lấy hạt sục sạc (sao vàng), 20g củ súng, 20g hạt sen. Rồi đem sắc với 600ml, đến cạn còn 300ml. Dùng khi còn ấm và chia làm 3 lần uống trong ngày (dongduoccongduc.com).	x		
9	Chữa tăng huyết áp, hoa mắt và chóng mặt: Dùng hạt sục sạc (sao vàng), thảo quyết minh sao đen, lá dâu tươi, mỗi vị 20g rồi sắc uống trong ngày (dongduoccongduc.com).	x		
10	Chữa viêm bàng quang, viêm đường niệu và tiểu đục: Lấy 30g ý dĩ, hạt lục lạc (sao vàng), cây lá Mã đề tươi, râu ngô, rau dừa nước tươi, mỗi vị 20g. Đem sắc với 1 lít nước, đến cạn còn 300ml, chia làm 3 lần uống trong ngày và dùng khi còn ấm (dongduoccongduc.com).	x		
11	Chữa phụ nữ bạch đới, đái dắt và đái són: Dùng 20g hạt sục sạc, 20g rau dừa nước, rồi sắc uống. Đồng thời ăn cùng 15 – 20g ý dĩ sao tán bột (dongduoccongduc.com).	x		
12	Chữa di tinh, hoạt tinh, khí hư bạch đới: Chuẩn bị: Hạt Lục lạc sao vàng 20g, củ súng (khiếm thực) 20g, hạt sen 20g. Sắc với 3 chén nước (600ml) còn lại 1 chén rưỡi (300ml) thuốc, uống ấm 3 lần trong ngày (dongduoccongduc.com).	x		
13	Chữa tăng huyết áp, hoa mắt, chóng mặt: Chuẩn bị: Hạt Lục lạc sao vàng 20g, thảo quyết minh sao đen 20g, lá Dâu tươi 20g. Sắc với 3 chén nước (600ml) còn lại 1 chén rưỡi (300ml) thuốc, uống ấm 3 lần trong ngày (dongduoccongduc.com).	x		
14	Chữa viêm bàng quang, viêm đường niệu, tiểu đục: Chuẩn bị: Hạt Lục lạc sao vàng 20g, hạt Bo bo (Ý dĩ) 30g, cây lá Mã đề tươi 20g, râu Ngô 20g, rau Dừa nước tươi 20g. Sắc với 1 lít nước, còn lại 300ml thuốc, chia uống ấm 3 lần trong ngày (dongduoccongduc.com).	x		
15	Chữa mất ngủ, suy nhược thần kinh: Chuẩn bị: Hạt Lục lạc sao vàng 20g, thảo quyết minh sao đen 20g, long nhãn 20g, Tim sen 10g. Sắc với 3 chén nước (600ml) còn lại 1 chén rưỡi (300ml) thuốc, uống ấm ngày 3 lần (dongduoccongduc.com).	x		
16	Chữa ung thư bạch cầu dòng lympho mạn tính: Chuẩn bị: Toàn cây Sục sạc (khô) 15g, Sinh địa 20g, Đảng sâm 30g, Thiên môn 30g, Rễ Địa du (Sanguisorba officinalis) 15g. Sắc với 5 chén nước (l lít) còn lại 1 chén rưỡi thuốc (300ml), uống ấm sau khi ăn ngày 3 lần	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	(dongduoccongduc.com).			
17	Chữa ung thư bạch cầu cấp và mạn tính: Sục sạc phơi khô tán bột mịn 4 phần, lách heo nung thành than 1 phần, trộn đều. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3g, uống trong 3 tuần lễ, xét nghiệm máu rồi uống tiếp (dongduoccongduc.com).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Hạt có độc nên khi dùng phải cẩn thận. Phụ nữ có mang không nên dùng. Triệu chứng ngộ độc tương tự atropin

Có xác định độc tính trên thân lá và hạt lục lạc, do vậy người bệnh không nên tự ý dùng thuốc khi chưa có tư vấn hoặc tham khảo ý kiến của các bác sỹ hoặc chuyên gia y tế.

Không dùng vị thuốc ở dạng tươi để uống khi chưa đun nấu, bởi vị thuốc có độc tính ở dạng cây tươi.

Không dùng vị thuốc này cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ và trẻ nhỏ.

Không dùng vị thuốc này dưới hình thức ngâm rượu uống.

Phân biệt để không nhầm lẫn với cây muồng muồng (Loài cây có cụm lá kép mọc đối với nhiều cặp lá chứ không phải chỉ có ba lá như cây lục lạc).

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

441. Sung *Ficus racemosa* L., 1753

Ưu đàm thụ, Tụ quả dong

Công dụng: Lợi sữa, phù thận nhiễm mỡ (Lá, vỏ cây sắc uống). Mụn nhọt, bỏng (Nhựa bôi).

Tính vị: Sung có vị ngọt, hơi chát tính mát; Vỏ cây và quả có vị chát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nhựa, lá, vỏ cây

Thành phần hóa học: Quả sung chứa Gluanol acetat (thành phần chính) và các loại như glucanol, acid tiglic, taraxasterol, lupeol acetat, friedelin.
Mủ từ quả hoặc cây có chứa các loại steroid như euphol, isoeuphorbol, β-sitosterol, 4-deoxyphorbol, cycloartenol, và cycloeuphordenol.

Nguồn gốc	Cây của miền Đông Dương và Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Hiện nay cây sung được trồng nhiều trong vườn thuốc nam và vườn nhà, ven ao, ven đường đi. Bên cạnh đó cây cũng có thể tự mọc ở ven các bờ ao, bờ ruộng
Mùa hoa quả	Mùa hoa quả quanh năm, chủ yếu tháng 6-10., Mùa hoa quả quanh năm, chủ yếu tháng 6-10.
Thu hoạch	Có thể thu hái các bộ phận của cây quanh năm
Chế biến	Nhựa chích từ thân cây tươi. Lá dùng tươi hay phơi khô, hoặc đốt tồn tính, tán bột, chọn những lá có mụn càng tốt. Đẽo vỏ cây, cạo lớp vỏ ngoài, rửa sạch, thái mỏng, phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)
    - **Họ:** Moraceae (Dâu tằm)
      - **Chi**: Ficus (Sung, Sung đa, Sung si, Sanh si, Đa đề, Si đa)
        - **Loài**: *F. racemosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỡ
Chiều cao cây	Cây sung trưởng thành có chiều cao khoảng 25 – 30m.
Đường kính cây	Đường kính thân cây khoảng 50 – 60cm.
Vỏ cây	Vỏ cây màu trắng hoặc xám, nhẵn, tán lá rộng xum xuê.
Thân cây	Cành sung ở dưới gốc to và già hơn có nhiều u cục xù xì, cành ngọn nhỏ và ngắn dần. cành sung thường mềm, dai dễ uốn nắn nên cũng được trồng làm cây sung bonsai. Kích thước cây sung bonsai khoảng 1 – 2m.
Lá cây	Lá hình ngọn giáo hay bầu dục, mọc so le, thường bị sâu ký sinh, tạo thành cụm nhỏ . Lá sung có hình trứng hoặc hình mũi mác nhưng dài và nhọn ở hai đầu. Kích thước lá dài khoảng 10 – 12cm, rộng khoảng 5 – 6cm, khi còn non lá có màu xanh lá mạ và có lông tơ bao phủ, khi lá già chuyển màu xanh đậm và có những u cục trên mặt lá, bên trong u cục thường rỗng. Mép lá không răng cưa, cuống lá ngắn chừng 1 – 2cm. Cây sung thường rụng lá vào mùa đông.
Hoa	Cụm hoa trên đế hoa lõm, phát triển thành túi kín bao lấy hoa ở bên trong, các cụm hoa này xếp thành chùm ở thân và cành. Hoa của cây sung thường ra theo cụm, ra từ những cành già, thân cây hoặc ngọn cành. Hoa đực có cánh đài nhẵn, có 2 – 3 nhị đực, hoa cái có cánh dính vào nhau ở gốc, bầu nhụy có hình trái xoan với các ống hoặc sợi nhụy đính ở bên.. . .
Quả/trái	Quả Sung (thực chất là đế hoa bao lấy quả thật ở bên trong) khi chín màu đỏ. Quả sung thường mọc theo chùm, hoa mọc ở đâu thì quả ra ở đó, quả non có màu xanh nhạt, khi chín tới có màu nâu đỏ và khi chín rộ quả sung chuyển màu đỏ thẫm. Quả có hình cầu bẹp

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa nhức đầu: Phết nhựa Sung lên giấy rồi dán ở hai bên thái dương. Chữa liệt mặt thì dán vào bên phía mặt không bị méo (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa lở ghẻ ở trẻ em: Dùng lá Sung non giã nhỏ xát vào sẽ làm bong vảy (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa mặt nổi cục sưng đỏ như hạt đào, hạt mận: Dùng lá Sung tật (có mụn) nấu nước uống, xông rửa hằng ngày (Bách gia trân tàng) (Võ Văn Chi, 2012).	x		
4	Chữa sốt rét: Lá Sung rụng xuống bùn đem rửa sạch phơi khô, rồi thái ra sao thơm, mỗi ngày dùng 100g sắc uống 1 lần, sắc lấy 2 nước uống làm 2 lần sáng và tối. Liên tục trong 5 ngày (Kinh nghiệm dân gian) (Võ Văn Chi, 2012).	x		
5	Chữa viêm họng: Sung tươi sấy khô, tán bột rồi lấy một chút thổi vào họng, hoặc Sung tươi gọt vỏ, thái phiến, sắc kỹ lấy nước, cho thêm đường phèn rồi cô nhỏ lửa thành dạng cao, ngậm hàng ngày (Y dược học Việt Nam, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa ho khan không có đờm: Dùng Sung chín đủ, rửa sạch, giã nát, ép lấy nước cốt uống mỗi ngày một lần (Y dược liệu Việt Nam, nd).	x		
7	Chữa viêm loét dạ dày tá tràng: Sung sao khô, tán bột, mỗi ngày uống 2- 3 lần, mỗi lần 6-9 g với nước ấm (Y dược học Việt Nam, nd).	x		
8	Chữa rối loạn tiêu hóa, tỳ vị hư nhược: Sung 30 g, thái nhỏ, sao hơi cháy, mỗi lần lấy 10 g hãm với nước sôi trong bình kín, sau 20 phút thì dùng được, chế thêm một chút đường phèn, uống thay trà trong ngày (Y dược liệu Việt Nam, nd).	x		
9	Chữa táo bón: Sung tươi 9g thái phiến mỏng, sắc uống hàng ngày. Hoặc Sung chín ăn 3-5 quả mỗi ngày (suckhoedoisong.vn).	x		
10	Chữa nhức đầu: Phết nhựa Sung lên giấy rồi dán ở hai bên thái dương. Chữa liệt mặt thì dán vào bên phía mặt không bị méo (thaythuoccuaban.com).	x		
11	Chữa thủy đậu: Dùng lá Sung tươi 100 - 150g, sắc lấy nước, dùng tăm bông tẩm nước thuốc, bôi lên nốt đậu, ngày 3-5 lần. Hoặc lấy một mảng vỏ Sung cỡ 2 bàn tay, cạo bỏ lớp vỏ cứng bên ngoài, đập giập cho vào nồi nấu, chờ nước đỡ nóng (còn âm ấm) thì tắm. Nói chung, sau 3-5 ngày là có kết quả (Đỗ Minh Hiền, 2018).	x		
12	Chữa mụn nhọt đang thời kỳ sưng đỏ, nung mủ: Băm thân cây Sung, hứng lấy một chén con nhựa, bôi trực tiếp vào chỗ đau, sưng đỏ đến đâu bôi đến đó, bôi liên tục nhiều lần trong ngày. Hoặc có thể trộn nhựa Sung với lá non, giã nát rồi đắp lên chỗ đau. Khi mụn đã có mủ, muốn lấy ngòi ra thì giã thêm một củ Hành với nhựa và lá Sung rồi đắp như trên, để hở miệng (suckhoedoisong.vn).	x		
13	Chữa sưng đau tuyến vú: Băm thân cây Sung, hứng lấy một chén con nhựa, bôi trực tiếp vào vú, để hở phần núm vú (suckhoedoisong.vn).	x		
14	Chữa bỏng: Hoà nhựa Sung với lòng trắng trứng gà phết lên giấy bản rồi dán (Võ Văn Chi, 2012).	x		
15	Chữa đàn bà đẻ ít sữa: 10-20g cành lá hoặc vỏ Sung sắc uống, phối hợp với lõi cây Thông thảo, quả Đu đủ non, chân giò lợn nấu ăn. Hoặc dùng quả Sung, quả Mít non hay dái Mít thái nhỏ, nấu cháo với gạo nếp hoặc nấu canh ăn (Võ Văn Chi, 2012).	x		
16	Chữa viêm họng: Sung tươi gọt vỏ, thái phiến mỏng, sắc lấy nước. Thêm đường phèn, đun nhỏ lửa thành dạng cao, ngậm hàng ngày đến khi khỏi (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Chữa ho khan không đờm: Sung chín tươi gọt bỏ vỏ, nấu với gạo tỉ lệ 1:1 thành cháo chia ăn 2-3 lần trong ngày (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
18	Chữa tiêu hoá kém, kém hấp thu: Quả Sung 30g, thái mỏng nhỏ, sao hơi cháy, hãm 10g với nước sôi trong bình kín mỗi ngày. Đun khoảng 20p, pha thêm đường phèn, uống thay trà trong ngày (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
19	Chữa trĩ: Sung tươi 6g, rễ thị 9g, sắc lấy nước uống. Có thể dùng lá Sung thay thế. Dùng lá Sung sắc lấy nước. Xông ngâm vùng trĩ khoảng 30p (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
20	Chữa Sả n phụ thiếu sữa, sau sinh suy nhược: Sung tươi 120g, móng lợn 500g, hầm nhừ hai thứ hoặc nấu thành cháo, chia ăn vài lần trong ngày (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
21	Chữa viêm khớp: Sung tươi lượng vừa đủ đem hầm với thịt lợn nạc ăn. Hoặc Sung tươi 2-3 quả rửa sạch thái mỏng, bằm nhỏ rồi chiên với trứng gà. Dùng ăn trong ngày (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
22	Chữa zona: Lá Sung rửa sạch, hong khô, cắt nhỏ, thêm chút giấm ăn, giã nhuyễn, đắp vào chỗ bị bệnh, thuốc khô lại thay (Đỗ Minh Hiền, 2018).	x		
23	Trị bỏng: Lá Sung phơi khô, sao vàng, tán bột mịn, trộn đều với mỡ lợn, bôi vào nơi bị bỏng nhẹ độ 1,2 sẽ đỡ đau rát. Ngày bôi nhiều lần (suckhoedoisong.vn).	x		
24	Điều kinh phụ nữ: Lá Sung 60g, măng Sậy hoặc búp Sậy 30g, ngải cứu 20g, phèn chua phi 5g và một ít muối. Tất cả giã nát, thêm nước dừa quấy đều rồi vắt lấy nước. Uống vào thời gian gần có kinh thì Hành kinh tốt (Sinh Huy, 2017).	x		
25	Chữa hen suyễn trẻ em: Dùng nhựa Sung hoà với mật ong uống trước khi đi ngủ.	x		
26	Trị bệnh tiểu đường: Ngâm trái Sung với đường phèn để uống. Hoặc lấy lá chấm ăn; trái non chấm muối ăn hàng ngày. Hoặc lấy khoảng 7-8 lá đổ nước sôi vào rồi uống			x
27	Giải nhiệt: Lấy một nắm lá Sung non hoặc già nấu nước uống.			x
28	Trị nhức răng: Lấy mủ Sung thoa vào rang.			x
29	Thông tiểu, trị táo bón, trị xuất huyết, mụn nhọt, phong thấp: Lấy trái Sung làm gỏi ăn, hoặc ngâm rượu uống.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
30	Trị đau bao tử: - Cách 1: Lấy 5-7 lá Sung ăn sống. - Cách 2: Lấy 3-5 trái Sung non ăn với muối hoặc không. - Cách 3: Lấy lá Sung phơi khô, nấu nước uống. - Cách 4: Lấy trái Sung muối hoặc ngâm rượu uống. - Cách 5: Lấy lá Sung ăn với cá kho, thịt kho. - Cách 6: Lấy 3 kg trái Sung (trái chín hoặc sống), 0,5 đường phèn ngâm với 4 lít rượu, uống. Ngâm 14 - 30 ngày sau có thể uống được. Uống mỗi ngày 1 cốc nhỏ - Cách 7: Lấy 1, 2 trái Sung chấm với muối, nuốt nước bỏ xác. - Cách 8: Lấy trái Sung (nam 7 trái, nữ 9 trái) chưng cách thủy, ăn. - Cách 9: Lấy mủ cây Sung (khoảng 3ml) thêm ít mật ong rồi uống. Uống vào sáng sớm. Uống 15 ngày. - Cách 10: Lấy trái Sung ăn tươi. Ăn 1-2 trái/lần.			x
31	Trị đau bao tử, bệnh phổi, trị ho: Lấy trái Sung chưng với đường phèn, ăn.			x
32	Trị đau nhức khớp: Lấy 1 kg trái Sung chín hoặc già ngâm với 1,5 lít rượu (ngâm 1 tháng có thể dùng). Mỗi ngày uống 1 cốc. Hoặc nấu trái Sung với xương heo để ăn.			x
33	Trị tiêu chảy: Lấy 10ml mủ Sung pha với nước (quậy đều) để uống.			x
34	Giải nhiệt (uống mát): Lấy lá Đinh lăng, lá Sung, Bồ công anh ăn như rau sống.			x
35	Trị bênh trĩ: Lấy trái Sung cắt ra, thoa lên vết trĩ. Hoặc lấy lá Sung đốt thành than, thêm một ít dầu dừa, thoa lên vết trĩ.			x
37	Trị nhức mỏi, tuột huyết áp, thiếu máu: Bẻ lá Sung, phơi khô, nấu nước uống.			x
38	Giúp phụ nữ sau sinh nhiều sữa: Lấy trái Sung hầm giò heo, ăn.			x
39	Trị ho: Lấy thân cây Sung (đã xắt mỏng, phơi khô), Đinh lăng, Đỗ trọng, Ngãi xanh, Ngãi (tất cả đã phơi khô) ngâm rượu gốc rồi uống			x
40	Trị trĩ ngoại: Lấy 1 nắm Rau vấp cá, 1 củ Nghệ tươi, trái Sung (nam 7 trái, nữ 9 trái), 1 muỗng muối hạt, nấu nước xông.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

442. Sừng hươu *Kalanchoe laciniata* (L.) DC., 1802

Trường sinh lá rách, Cà kheo, Lộc nhung

Công dụng: Đòn ngã tổn thương, bỏng, vết thương chảy máu; Mụn nhọt sưng lở, rắn độc cắn; Ngứa lở, eczema

Tính vị: Cây có vị ngọt nhưng hơi đắng, có tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Quan khảo sát cây Sừng Hươu được tìm thấy ở huyện U Minh (xa Khánh Hòa, xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thời (Khánh Bình Tây, Phong lạc), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây Sừng Hươu trong vườn nhà, ven đương và vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Ra hoa hầu như quanh năm., Tháng 3 đến 5
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi dạng thuốc đắp.
Bảo quản	Rửa sạch trước khi đắp

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliopsida (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Saxifragales (Tai hùm)
    - **Họ:** Crassulaceae (Trường sinh)
      - **Chi**: Kalanchoe
        - **Loài**: *K. laciniata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 40-60cm, hay hơn
Vỏ cây	Cây mọc thẳng đứng
Thân cây	Cành nhánh ngắn, mọng nước, mảnh
Lá cây	Lá mọc đối, phiến xanh nhạt, chẻ sâu thành thuỳ hẹp như lá kép, mép có răng.
Hoa	Cụm hoa dạng chuỳ trên cuống chung mập, dài khoảng 30cm, mang nhiều hoa màu vàng tươi; dài xanh, cao 1cm; tràng có ống cao 1,3cm, màu vàng nhạt ở trên, bầu có vòi nhuỵ, không lông.
Quả/trái	Quả có nhiều hạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị mụn nhọt sưng lở: Lấy toàn cây tươi (khoảng 30 g), rửa sạch, cắt nhỏ rồi nấu nước uống trong ngày. Đồng thời, lấy thêm một lượng vừa đủ cây tươi, rửa sạch, giã nát và đắp ngoài da (tracuuduoclieu.vn).	x		
2	Điều trị bỏng và bị tổn thương do đòn ngã: Lấy toàn cây tươi rửa sạch, giã nát ra rồi vắt lấy chất dịch chảy ra từ cây (lấy khoảng 30 – 50 ml), hòa với tí rượu trắng rồi uống. Ngoài ra, ta cũng lấy thêm cây tươi (lượng vừa đủ), rửa sạch rồi cũng giã nát, sau đó cho thêm chút rượu vào, trộn đều và đắp lên chỗ bị tổn thương (tracuuduoclieu.vn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Để điều trị các trường hợp trên, ta có thể dùng dưới dạng thuốc uống hoặc thuốc đắp ngoài da (hoặc kết hợp cả hai như vừa trình bày ở trên). Tuy nhiên, theo một số nghiên cứu hiện đại thì cây này có độc tính cần được nghiên cứu thêm. Vì vậy, khi dùng làm thuốc, chỉ nên dùng ngoài da

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

443. Tai tượng *Limnocharis flava* (L.) Buchenau, 1868

Cù nèo, Kèo nèo, Nê thảo

Công dụng: Lợi tiểu, giải nhiệt, mụn nhọt (Lá).

Tính vị: Cây có tính mát và vị ngọt

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Đông Nam Á
Phân bố ở Cà Mau	Hiện tại cây chỉ được tìm thấy ở huyện Phú Tân (xã Việt Thắng), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 3,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Sắc nước, dùng tươi
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Alismatales (Trạch Tả)

→ **Họ:** Limnocharitaceae (Kèo nèo)

→ **Chi**: Limnocharis

→ **Loài**: *L. flava*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây mọng nước
Chiều cao cây	Cây cao 45cm đến 60cm
Rễ cây	Rễ dày và ngắn
Thân cây	Thân ngầm mọc trong đất, mang nhiều chồi để mọc cây mới.
Lá cây	Lá mọc thẳng và hướng lên, không trôi nổi trên mặt nước, thường cao hơn cán hoa. Lá có phiến dạng xoan, tròn (5 – 30 x 4 – 25 cm), màu xanh lục tươi, gân chính cong. Phiến lá có hình dạng thay đổi: dạng mác đến elip thuôn dài hoặc ovan rộng. Đỉnh lá nhọn đột ngột, ở phía chóp mỏng hơn, mép lá hơi quăn, rìa lá gợn sóng. Có 4 – 6 đôi gân dọc gần như song song và hội tụ theo hướng đỉnh, hàng loạt gân ngang song song và vuông góc với gân dọc và gân chính ở giữa tạo thành mạng hình mắt lưới mảnh.
Hoa	Cụm hoa dạng hoa tán, hoa có cuống dài, màu vàng tươi có từ 1 – 4 cuống cụm hoa. Mỗi cụm hoa có 2 – 12 hoa nằm trong tổng bao là lá bắc. Cuống hoa nhỏ, có phần mở rộng và có mặt cắt tam giác ở phía trên. Mỗi hoa có 3 cánh màu vàng vàng nhạt đến vàng tươi, hình ovan rộng hoặc tròn, mang 15 – 20 tiểu nhụy (dài 1,2 cm) và rất nhiều tiểu noãn. .
Quả/trái	Quả nhỏ (đường kính 1,5 – 2 cm), được đài hoa bao bọc

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa di tinh mộng tinh: Kèo nèo cả cây mỗi lần dùng 50-100g tươi sắc nước uống (bepkientuong.vn).	x		
2	Chữa phụ nữ nóng nhiệt ra nhiều khí hư: Khèo nèo tươi 50g, lá Trinh nữ hoàng cung 20g sắc nước uống ngày vài lần (bepkientuong.vn).	x		
3	Chữa viêm tiết niệu: khèo nèo phối hợp lá Mã đề mỗi vị 50g sắc uống ngày vài lần (bepkientuong.vn).	x		
4	Chữa sỏi thận tiết niệu: Bẹ kèo nèo non 100g, rau đắng 100g, rau ngổ 50g, các vị sắc uống hoặc làm rau nấu lẩu cá kèo ăn nhiều ngày (bepkientuong.vn).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Cây kèo nèo có khả năng hấp thu nhiều kim loại nặng, không nên dùng kèo nèo ở những nơi nước đọng, ô nhiễm để làm rau hoặc làm thuốc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

444. Tai tượng đỏ — *Acalypha wilkesiana* Müll.Arg., 1866

Tai tượng trổ

Công dụng: Thường dùng cành lá làm thuốc nhuận tràng trừ giun, trị ghẻ và chữa tê thấp. Chữa táo bón, ghẻ, tê thấp, đau nhức xương khớp. Chữa các bệnh ngoài da, điều trị mụn nhọt chưa vỡ.

Tính vị: Rễ có vị ngọt, hơi cay, tính hàn.

Lá có vị đắng, cay, tính mát;

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, lá, hoa

Nguồn gốc: Loài của châu Đại Dương (đảo Fidji)

Phân bố ở Cà Mau: iện tại cây chỉ được tìm thấy ở huyện Phú Tân (xã Phú Thuận), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)

Sinh cảnh: Cây được trồng làm thuốc ở trong vườn nhà và ven đường

Mùa hoa quả: Tháng 5 - 6.

Chế biến	Dùng tươi, phơi khô, giã nát, sắc nước
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)

→ **Chi**: Acalypha (Cỏ tai tượng, Tai tượng)

→ **Loài**: *A. wilkesiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao đến 3 m, tán rộng đến 2 m
Lá cây	Lá hình trái xoan, chóp nhọn, mọc so le, màu lục hay màu đỏ, thường trổ, có lá kèm.
Hoa	Cụm hoa dạng bông thưa, ngắn hơn lá.. . Hoa đực có 4 lá đài, 8-16 nhị. Hoa cái có 3 lá đài bao lấy bầu có 3 ô với 3 vòi nhụy.
Quả/trái	Hiếm thấy quả. Quả nang có 3 ô.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị ghẻ ngứa, mụn nhọt; hoa dùng ngoài trị bỏng lửa: Lá dùng 50g Dùng ngoài liều không cố định (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa ghẻ: Lá cây tai tượng đỏ 150 g, lá xoan 50 g, rau sam 50 g. Nấu nước tắm ngày 1 lần, liên tục 5-7 ngày. Có thể sắc đặc dùng để bôi lên tổn thương (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa mụn nhọt: Hoa tai tượng đỏ 12 g, Bồ công anh 20 g, sài đất 12 g, kim ngân hoa 20 g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần (thaythuoccuaban.com).	x		
4	Chữa táo bón: Hoa tai tượng đỏ 5 g, rau diếp cá 20 g, vừng đen 20 g. Sắc uống ngày một thang (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Chữa thấp khớp: Rễ tai tượng đỏ 5 g, dây đau xương, rễ Cỏ xước, rễ bạch hoa xà, tang ký sinh mỗi thứ 12 g. Sắc uống ngày một thang, chia 2-3 lần. Uống liên tục 15-20 thang (thaythuoccuaban.com).	x		
6	Điều trị mụn nhọt chưa vỡ: Lấy lá tai tượng đỏ 50g, lá đại 50g, lá táo 5g, rồi đem giã nát. Sau đó đắp trực tiếp vào mụn nhọt. Thực hiện đều đặn mỗi ngày một lần (thaythuoccuaban.com).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

445. Tai tượng xanh — *Acalypha wilkesiana* 'Hoffmannii'

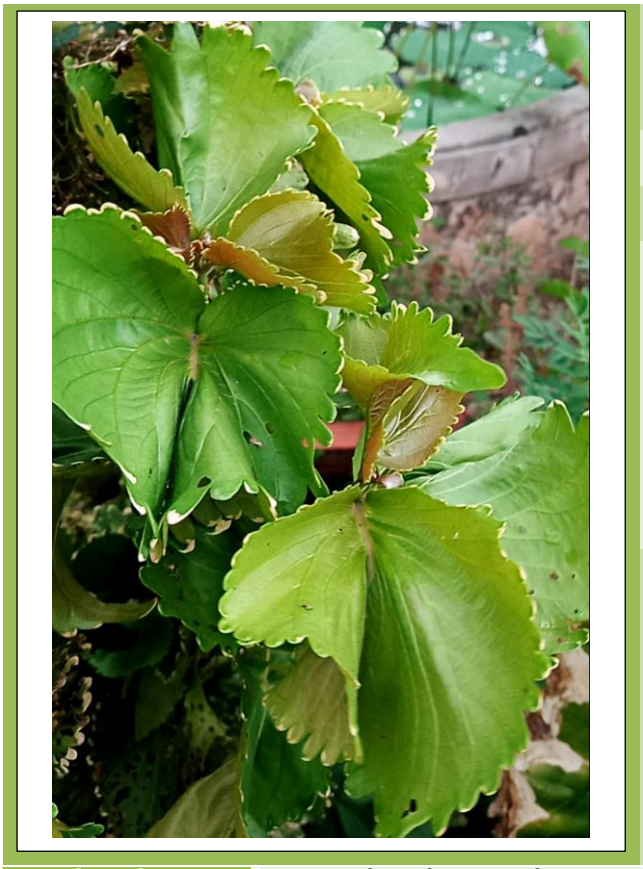

Công dụng: Cầm máu (Rễ, hoa). Hủi, ỉa chảy (Lá). Giảm đau, ung nhọt, tiêu hoá (cả cây). Ho, hen (Vỏ).

Tính vị: Rễ với vị ngọt, hơi cay có tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ tai tượng có tác dụng tiêu tích trệ, khu phong và lợi thấp được dùng để chữa phong thấp.

Lá dùng để thanh nhiệt, tiêu thũng và sát trùng,…

Các cành và hoa có tác dụng giải độc, chữa các bệnh ngoài da, thanh nhiệt,…

Thành phần hóa học: Theo Manzoor – i – Khuda M., 1985, rễ và lá tai tượng xanh có stigmasterol. Lá có 1 ester là acalyphol acetat (CA 108: 52780x).

Tai tượng xanh còn có sitosterol (Compendium on indian medicinal plants, vol. 1 (1960 – 1969), 1999

Nguồn gốc	Có nguồn gốc chủ yếu từ châu Đại Dương, tại các vùng khu vực Bắc Mỹ, bao gồm cả Hoa Kỳ, Mexico và Belize.
Phân bố ở Cà Mau	Hiện tại cây chỉ được tìm thấy ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa)
Sinh cảnh	Người dân và nhiều chuyên gia đã trồng cây Tai tượng xanh trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Cây có hoa nở quanh năm trong điều kiện nhiệt độ thuận lợi, Hoa sau khi tàn sẽ bắt đầu cho ra quả.
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay sắc lấy nước uống
Bảo quản	Rửa sạch khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)

→ **Chi**: Acalypha (Cỏ tai tượng, Tai tượng)

→ **Loài**: *A.wilkesiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình từ 1 – 1.5m.
Thân cây	Thân cây tai tượng đuôi chồn có vỏ màu nâu khi còn non. Thân cây tai tượng đuôi chồn có vỏ màu nâu khi còn non.. Nhiều nhánh
Lá cây	Lá cây có dạng phiến xoan dài từ 8 – 15cm. cuống lá dài 2-3cm, lá bẹ 67mm.
Hoa	Hoa nằm ở nách lá, dài 20-40cm, mọc thõng xuống.. . .
Quả/trái	Quả nang đường kính 2-3mm, hơi có lông
Hạt	Hạt hình trứng, dài1-4mm, có mồng ở đỉnh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa táo bón ở trẻ em: Lấy lá tai tượng xanh nghiền nát làm thành thuốc đạn, đặt vào trực tràng làm giãn cơ thắt hậu môn, đại tiện trở lại bình thường (tracuuduoclieu.vn).	x		
2	Chữa thấp khớp: Lấy lá tai tượng xanh tươi phối hợp với chanh, Hành củ giã nát đắp (tracuuduoclieu.vn).	x		
3	Chữa chứng điên cuồng: Lấy lá, cành và hoa tai tượng xanh ngâm rượu, uống với mật ong làm nhiều lần trong ngày (tracuuduoclieu.vn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

446. Tầm duột — *Phyllanthus acidus* (L.) Skeels, 1909

Chùm ruột, Tầm ruộc, Mác nhôm (Tày)

Công dụng: Quả thường dùng ăn giải nhiệt, chữa tụ máu gây sưng tấy, đau ở hông, ở háng. Vỏ thân được dùng tiêu hạch độc ung nhọt, đơn độc, giang mai, bị thương sứt da chảy máu, ghẻ lở, đau răng, đau mắt, đau tai có mủ, tiêu đờm, trừ tích ở phổi, đau yết hầu, song dao, độc dao.

Tính vị: Quả: Vị chua ngọt, tính mát
Lá: Vị chua nhẹ, có tính sát khuẩn cao
Rễ: Tính nóng.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, quả, vỏ thân và rễ

Thành phần dinh dưỡng	Quả chùm ruột: Chứa 89 – 91% nước; 0,73 – 0,90% protit; 0,61 – 0,76% liptit; 5,89 – 7,20% gluxit; độ chua do có chứa acid axetic chừng 1,7%, độ tro chừng 0,52 – 0,84%. Ngoài ra, trong quả chùm ruột còn chứa 40mg vitamin C trong 100g quả và cũng rất giàu chất xơ.
Thành phần hóa học	Vỏ rễ: Chứa Saponin, Acide Galic, Tanin, một số hợp chất Triterpen như Phyllanthol, B-Amyrin và chứa nhiều acid Phenol. Các bộ phận khác chưa thấy có tài liệu nghiên cứu. Tuy nhiên được biệt, vỏ cây và rễ chùm ruột chữa rất nhiều độc tố, tuyệt đối không được uống.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Madagascar (đảo quốc ở Ấn Độ dương)
Phân bố ở Cà Mau	Cây có sự phân bố rộng rãi hầu như đều có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Đa số cây được người dân trồng trong vườn nhà và dọc theo đường đi, bờ mương, bờ ao
Mùa hoa quả	Mùa hoa tháng 3-5, Mùa quả tháng 6-8
Thu hoạch	Có thể thu hái lá, vỏ thân, vỏ rễ của chùm ruột quanh năm. Thu hái hoa vào thời điểm từ tháng 3 đến tháng 5. Thu hái quả lúc chưa chín trong thời điểm từ tháng 6 đến tháng 8.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)
    - **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)
      - **Chi**: Phyllanthus (Diệp hạ châu)
        - **Loài**: *P. acidus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây đạt chiều cao trung bình 4-6 mét, cây cao nhất có thể đạt đến 10 m.
Đường kính cây	
Rễ cây	Rễ mọc khỏe, ăn sâu và lan rộng
Thân cây	Có tán rộng và hoa màu hồng rất đẹp, thường được trồng như một loại cây cảnh ở sân nhà hay trong vườn. Thân cây có gổ bở, nhiều cành mọc từ thân chính, cành dòn dể gãy. Nhánh cây sần sùi vì vết sẹo của những cuống lá cũ. Ở cuối mỗi cành chính có nhiều cành nhỏ màu xanh, dài từ 15 đến 30 cm, mọc thành chùm dày đặc. Cành non màu xanh nhạt, lá mềm, mỏng, mặt trên màu xanh dưới, mặt dưới nhạt hơn.
Lá cây	Lá kép mọc so le, lá chét hình trứng, dài 4-5 cm, rộng 1,5-2 cm
Hoa	Hoa mọc thành xim đơm nhị lệ trên cành nhỏ, thường tụ thành từng cụm gồm 4 – 7 hoa, cành hoa dài 6 – 15cm ở những kẽ lá đã rụng. Hoa chùm ruột màu hồng, nở từng chùm. Cây chùm ruột nở hoa vào tháng 3-5, kết quả vào tháng 6-8. .
Quả/trái	Hình tròn, chia thành 6 múi, màu xanh nhạt, có đường kính khoảng 2-2,5
Hạt	Hạt cứng, to, nằm ở trung tâm của quả. Mỗi quả chỉ có 1 hạt
Mùi hương	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau nhức (đau lưng, chân, háng): Lấy lá chùm ruột tươi giã nát cùng hồ tiêu, đắp vào chỗ đau (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Chữa lở ngứa, mề đay, ghẻ loét, vết thương ngoài da: Vỏ thân cây phơi khô, tán bột, chưng với dầu dừa, dùng để bôi. Và thật đơn giản, muốn làn da mịn màng như da em bé, hãy ăn khoảng 200gr trái chùm ruột mỗi ngày, nhất là khi trời nắng nóng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Chữa táo bón: Lấy hạt chùm ruột, phơi khô, xay thành bột nhuyễn. Dùng ¾ muỗng bột xay từ hạt chùm ruột hãm với ½ tách nước nóng. Để hơi nguội thì hòa thêm 1 muỗng mật ong, khuấy đều, uống 2 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Trị phong ngứa, nổi mụn như ghẻ phỏng, chảy nước tới đâu ăn tới đó, hoặc lở cùng mình, ngứa dữ dội: Dùng vỏ Tầm Duột, lá Me chua, đọt ổi, đọt Chuối Sứ cùi (cây non). Các vị bằng nhau đem nấu một lần, để vào một cục phèn chua bằng ngón tay cái, nấu nước sôi vài đạo nhắc xuống để nguội, hoặc tắm hoặc thoa vào chỗ bị ngứa để vậy cho khô, làm nhiều lần đến khi hết ngứa mới thôi. (Kinh nghiệm của An Giang).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa suy yếu tim: Vỏ thân chùm ruột 1 phần, vỏ thân vông đồng 2 phần. Sắc lên, cô lại thành cao đặc. Khi dùng hòa vào rượu trắng, uống ngày 2 muỗng café, chia làm 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd)..	x		
6	Chữa lở ngứa, mề đay, ghẻ loét, vết thương ngoài da: Lấy vỏ thân cây Tầm duột phơi khô, tán bột, chưng với dầu dừa dùng để bôi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa hen suyễn: Lấy 6 quả chùm ruột, 2 củ Hành đỏ, một nắm hạt đậu biếc, 8 quả long nhãn, rửa sạch và nghiền nhỏ. Sau đó, thêm vào 2 tách nước và đun đến cạn còn 1/3, để hơi nguội, lọc và uống với ít đường, ngày 2 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Chữa thối tai tiêu mủ, bôi chữa ghẻ, loét, vết thương chảy máu ngoài da, ngậm chữa đau răng, đau họng (rượu vỏ chùm ruột): Phơi khô vỏ thân cây, tán thành bột mịn. Rượu trắng nồng độ cao, cứ 200g bột ngâm với 1 lít rượu để trong 10 ngày là sử dụng được. Sau đó, lấy rượu ngâm vỏ thân cây nhỏ vào tai (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa hen suyễn: Lấy 6 quả chùm ruột, 2 củ Hành đỏ, 1 nắm hạt đậu biết, 8 quả long nhãn rửa sạch, nghiền nhỏ, trộn đều. Cho vào ấm chuyên dụng, thêm 2 tách nước, đun đến khi thấy nước cạn còn ⅓ thì tắt bếp. Để hơi nguội, chắt lấy nước, có thể thêm ít đường cho dễ uống, dùng 1 – 2 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa suy yếu tim: Lấy 1 phần vỏ thân chùm ruột, 2 phần vỏ thân vông đồng. Sắc 2 nguyên liệu này sao cho cô đặc. Khi dùng, hòa với một ít rượu trắng, uống 2 muỗng cà phê/ngày, chia làm 2 lần uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa đau nhức: Lấy một ít lá chùm ruột tươi rửa sạch, để ráo nước. Giã nát cùng vài hạt tiêu, đắp vào chỗ đau. Thực hiện 1 lần/ngày để thấy hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Chữa lở ngứa dữ dội: Chuẩn bị một ít vỏ tầm ruột, lá me chua, đọt ổ, đọt chuối sứ với lượng bằng nhau. Cho vào nồi, thêm nước nấu một lần rồi cho vào một cục phèn chua bằng ngón tay cái. Thấy sôi thì nhắc xuống để nguội, dùng nước này tắm hoặc thoa vào chỗ ngứa, để vậy cho khô (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Giải nhiệt cho em bé: Lấy đọt non Tầm duột đâm với ít muối, vắt lấy nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Trị sốt xuất huyết: Lấy 1 nắm đọt Tầm duột đâm với ít muối, vắt lấy nước, uống 2 lần (sáng, chiều). Hoặc lấy 1 nắm lá Tầm duột non đâm, vắt lấy nước rồi uống với ít mật ong và ít muối.			x
15	Trị dời ăn: Lấy 1 nắm đọt Tầm duột đâm nhuyễn với 1 nắm gạo, lấy hỗn hợp đắp lên chỗ dời ăn.			x
16	Cầm máu họng: Lấy 1 nắm lá Tầm duột đâm với muối, 1 ít nước, uống			x
17	Trị nóng, sốt: Lấy lá hoặc đọt Tầm duột non (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) đâm với ít muối, vắt lấy nước uống (uống ngày 1 lần).			x
18	Trị huyết áp cao: Lấy cây Tầm duột đem bỏ vỏ, sau đó xào với giấm rồi đem đắp lên 1-2 lần			x
19	Trị tiêu chảy: Lấy 1 nắm đọt, lá Tầm duột với 1 ít muối, đâm, vắt lấy nước uống. Hoặc lấy vài đọt Tầm duột đâm hòa với mật ong uống 1 lần/ngày.			x
20	Trị ho, trị nóng ở trẻ em: Lấy lá đọt Tầm duột non đâm với ít muối, vắt lấy nước uống.			x
21	Trị sưng tay chân: Lấy 3-4 đột Tầm duột non đâm với ít muối, rồi lấy hỗn hợp đắp lên vết thương. Thực hiện 2-3 lần/ 1 ngày.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Vỏ và rễ chùm ruột chứa nhiều độc tố nên tuyệt đối không được uống hay tiếp xúc bằng đường miệng.

Nếu uống nước sắc hoặc rượu ngâm từ vỏ rễ cây nhẹ thì chỉ váng vất, nhức đầu, nặng thì đau bụng dữ dội thậm chí gây tử vong.

Lá và trái chùm ruột thường được dùng để kho cá, nướng tép. Tuy nhiên khi nướng tuyệt đối không bẻ nhánh chùm ruột để nướng hoặc gắp thức ăn.

Ngoài ra, những người mắc bệnh gút và sỏi thận cũng không được ăn quả chùm ruột vì chúng rất giàu acid oxalic.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

447. Tầm gửi — *Dendrotrophe varians* (Blume) Miq., 1856

Dây cổ tay, Tầm gửi dây, Thượng mộc bụi, Ký sinh đằng, Hen bụi

Công dụng: Tầm gửi cây dâu: Bài thuốc từ tầm gửi trên cây dâu được gọi tên khác là tang ký sinh. Thường được dùng để điều trị các vấn đề về xương khớp và thận.

Tầm gửi cây chanh: Tầm gửi trên cây chanh có công dụng hỗ trợ điều trị các vấn đề như: ho, ho có đờm, ho khan.

Tầm gửi cây na: Đối với những bệnh nhân đang bị sốt rét thì tầm gửi cây na là giải pháp hiệu quả để hạ sốt.

Công dụng	Tầm gửi cây gạo: Có công dụng rất tốt với những bệnh nhân bị sỏi thận, viêm nhiễm đường tiết niệu, sỏi bàng quang. Ngoài ra, nhờ vào công dụng thanh nhiệt cơ thể, giải độc gan, vị thuốc này còn hỗ trợ điều trị huyết áp cao, tăng cường các chức năng gan rất hiệu quả. Tầm gửi cây khế: Bệnh nhân mắc phải các triệu chứng bong gân, sốt rét hay ho gà có thể dùng tầm gửi cây khế để điều trị tại nhà rất hiệu quả.
Tính vị	Trong Đông y, Tầm gửi có tính bình, vị ngọt, hơi đắng, mùi thơm nhẹ, được quy vào 2 kinh can, thận.
Quy kinh	Can, thận
Bộ phận dùng	Toàn bộ thân, cành, lá thảo dược đều được phơi khô làm thuốc
Nguồn gốc	Loài của nam Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam)
Phân bố ở Cà Mau	Cây Tầm Gửi được tìm thấy ở huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh)
Sinh cảnh	Phần lớn người dân và nhiều chuyên gia trồng cây Tầm gửi trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc
Mùa hoa quả	Ra hoa vào mùa đông, Có quả tháng 2-5
Thu hoạch	Dược liệu được thu hái hầu hết vào các mùa trong năm, nhưng chủ yếu vào mùa hè, lúc này cây cho dược tính dồi dào nhất. Khi thu thái, cần phải lựa chọn thật kỹ, nên chọn những cây có lá to, xanh, dày và không bị sâu.
Chế biến	Sau khi thu hoạch, cắt thành từng khúc nhỏ rồi phơi khô là có thể dùng dần.
Bảo quản	Để bảo quản dược liệu lâu, nên cho vào túi rồi đậy kín, để nơi khô ráo, thoáng mát. Nếu muốn sử dụng lâu dài, nên thường xuyên đem phơi tránh hư hỏng, ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Santalales (Đàn Hương)

Họ: Santalaceae (Đàn hương)

Chi: Dendrotrophe

Loài: *D. frutescens*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi bán kí sinh
Chiều cao cây	Cây có khi cành mọc dài thành dây, dài 2-8m
Rễ cây	Rễ tầm gửi thường bám chặt vào thân hoặc rễ cây chủ và hấp thu dưỡng chất để phát triển.
Thân cây	Thân cây được chia làm nhiều đốt, giòn và có 1 lớp lông nhỏ bao phủ.. Cành có góc, không lông, nâu đen đen
Lá cây	Lá mọc so le; phiến lá bầu dục hay thon, dài 3-7cm, rộng 1,5-3,5cm, đầu tù tròn, gốc tù, không lông, gân chính 3, cuống 4-5mm
Hoa	. Hoa phát triển ở dạng đơn tính hoặc lưỡng tính, tùy vào các loại cây khác nhau, thường mọc thành chùm ở những kẽ lá.. Hoa đực mọc thành bông ngắn hay đầu ở nách lá. Hoa cái cũng mọc ở nách lá; bao hoa 5 thùy; nhị 5, nhụy có vòi giảm còn có một mũi nhọn ở giữa.
Quả/trái	Quả hạch xoan, dài 12-15mm, màu đỏ.
Hạt	Hạt được bao phủ một loại chất lỏng đặc biệt. Đây là đặc điểm giúp chúng có thể bám chặt vào cây chủ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ tăng cường chức năng gan, thanh lọc cơ thể từ tầm gửi gạo: Chuẩn bị 30g tầm gửi cây gạo phơi khô. Rửa sạch, đem sao vàng, sau đó cho vào ấm đun cùng với 1 lít nước, để lửa vừa. Lọc lấy nước để uống mỗi ngày, nên sử dụng khi còn ấm để đạt hiệu quả cao nhất. Kiên trì sử dụng một thời gian sẽ thấy hiệu bệnh thuyên giảm (doisongsuckhoe24h.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
2	Trừ phong thấp, bổ khí huyết, ích can thận, trị chứng thấp tý, đau nhức thần kinh, cơ nhục, thần kinh ngoại biên, thần kinh tọa (bài thuốc độc hoạt ký sinh thang): Chuẩn bị Tầm gửi cây dâu 18g; độc hoạt, tần cửu, phòng phong, đương quy, bạch thược, Đỗ trọng, ngưu tất, mỗi vị 9g; tế tân 3g, sinh địa 15g; đảng sâm, phục linh, mỗi vị 12g; nhục quế 1,5g, cam thảo 6g. Sắc uống ngày một thang chia 3 lần trước bữa ăn. Cũng có thể bào chế dạng thuốc hoàn hoặc ngâm rượu (suckhoedoisong.vn).	x		
3	Trị chứng tăng huyết áp, tim hồi hộp, khó ngủ (bài thuốc Thiên ma câu đằng ẩm): Chuẩn bị Tầm gửi cây dâu, thảo quyết minh (sao vàng), mỗi vị 32g, thiên ma, câu đằng, chi tử, hoàng cầm, Đỗ trọng, mỗi vị 12g, dây hà thủ ô đỏ, bạch linh, mỗi vị 20g, ngưu tất, ích mẫu, mỗi vị 16g. Sắc uống ngày một thang chia 3 lần, trước bữa ăn (suckhoedoisong.vn).	x		
4	Tầm gửi cây chanh dùng trị các chứng ho khan, ho gió, ho có đờm đặc. Khi dùng thường cũng sao chế như tang ký sinh, có thể phối hợp với các vị trị ho khác như trần bì, tang bạch bì, xạ can, mạch môn... dưới dạng thuốc sắc, siro hay viên ngậm (suckhoedoisong.vn).	x		
5	Tầm gửi trên cây cúc tần cho hạt là vị thuốc thỏ ty tử tác dụng bổ thận tráng dương, chữa di tinh, liệt dương, tiểu dầm...: hạt tơ hồng (thỏ ty tử) 8g, thục địa 16g, lục giác giao, Đỗ trọng, mỗi vị 12g, kỷ tử, nhục quế, mỗi vị 10g, sơn thù du, phụ tử chế, đương quy, mỗi vị 8g. Ngày một thang, dạng thuốc sắc (suckhoedoisong.vn).	x		
6	Chữa đau nhức xương khớp và thận: Chuẩn bị: tầm gửi cây dâu, một ít rượu trắng 40 độ. Tầm gửi sao vàng, cho vào bình thủy tinh đã chuẩn bị rồi đổ rượu vào đến khi ngập bề mặt. Ngâm khoảng 30 ngày là có thể mang ra sử dụng, có thể dùng rượu xoa lên các vị trí xương khớp đau nhức (suckhoedoisong.vn).	x		
7	Hỗ trợ điều trị ho, ho có đờm, ho khan: Chuẩn bị Tầm gửi cây chanh, trần bì và mạch môn, gia giảm tùy thuộc vào tình trạng bệnh lý. Sắc chung với nước, sôi thì lọc lấy nước dùng, uống hết trong ngày. Kiên trì sử dụng đến khi tình trạng bệnh có chuyển biến tích cực (suckhoedoisong.vn).	x		
8	Trị sốt rét: Chuẩn bị 20g mỗi vị tầm gửi cây na, thanh hao, binh lan, sài hồ, thảo quả. Cho vào ấm sắc, đun sôi với 1,5 lít nước với lửa nhỏ, khoảng 20 phút thì có thể tắt bếp. Lọc lấy nước sử dụng. Dùng kiên trì đến khi các triệu chứng thuyên giảm.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa bong gân, sốt rét hay ho gà: Chuẩn bị một ít lá tầm gửi trên cây Khế, nước vo gạo. Lá tầm gửi rửa sạch, hòa chung với nước vo gạo, đem đi sao nóng. Mang hỗn hợp trên đắp vào nơi bị bong gân, sử dụng thêm gạc để giúp cố định vết thương rồi để qua đêm (suckhoedoisong.vn).	x		
10	Chữa tăng huyết áp: Chuẩn bị: Chi tử 12g, ngưu tất 12g, xuyên khung 8g, tang ký sinh (tầm gửi cây dâu) 16g, câu đằng 12g, ý dĩ 12g với trạch tả 8g. Đem sắc uống, mỗi ngày dùng 1 thang (suckhoedoisong.vn).	x		
11	Trị tăng huyết áp ở người cao tuổi: Dùng mẫu lệ 20g, hà thủ ô 16g, sinh địa 12g, ngưu tất 12g, tầm gửi cây dâu 12g, kỷ tử 12g, quả dâu chín 12g, trạch tả 8g. Đem sắc uống, ngày dùng 1 thang (suckhoedoisong.vn).	x		
12	Trị tăng huyết áp ở người cao tuổi: Dùng mộc hương 4g, hoàng cầm 8g, đương quy 8g, viễn chí 8g, bạch truật, táo nhân, long nhãn, tang ký sinh (tầm gửi cây dâu), đảng sâm, ngưu tất mỗi thứ 12g. Đem sắc ngày 1 thang uống đến khi huyết áp ổn định trở lại (suckhoedoisong.vn).	x		
13	Chữa xơ cứng động mạch hoặc dùng sau khi cơn nhồi máu cơ tim đã ổn định: Dùng hà thủ ô 20g, hoàng tinh 16g, thạch hộc 12g, tầm gửi dâu 16g, kỷ tử 16g, thục địa 12g, quy bản 12g. Thực hiện: Đem sắc mỗi ngày 1 thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
14	Chữa liệt nửa người do tai biến mạch máu não: Chuẩn bị: Thạch quyết minh 20g, kê huyết đằng 16g, cúc hoa 12g, hà thủ ô 12g, tang ký sinh (tầm gửi cây dâu) 16g, câu đằng 16g, ngưu tất 12g, địa long 12g. Đem sắc uống (duoclieututhiennhien.com).	x		
15	Chữa ho: Chuẩn bị: Dùng rễ chanh 20g, tang ký sinh (tầm gửi cây dâu) 30g với lá trắc bá 10g. Sao vàng các vị và sắc uống ngày một thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
16	Chữa đau dây thần kinh tọa do cột sống thoái hóa: Chuẩn bị: Thục địa, tục đoạn, đảng sâm, bạch truật, tỳ giải, hà thủ ô, hoài sơn, ý dĩ, ngưu tất, cẩu tích mỗi thứ 12g với tầm gửi cây dâu 16g. Sắc uống mỗi ngày một thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
17	Chữa đau nhức xương khớp và thấp khớp mạn tính: Chuẩn bị: Đảm sâm 20g, u chặc chìu, đan sâm, xích thược, thiên niên kiện, khương hoạt, Đỗ trọng, độc hoạt, thổ phục linh, thục địa, kê huyết đằng mỗi thứ 12g, nhục quế 8g, đảng sâm 20g, ngưu tất 10g, hoài sơn 16g và tang ký sinh (tầm gửi cây dâu) 12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang (duoclieututhiennhien.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Trị đau lưng cấp tính do co cứng các cơ: Chuẩn bị: Khương hoạt 12g, phục linh 10g, thương truật 8g, can khương 6g, tầm gửi cây dâu 12g, ngưu tất 12g, quế chi 8g. Đem sắc uống (duoclieututhiennhien.com).	x		
19	Chữa viêm tắc động mạch ở thời kỳ đầu và giữa: Chuẩn bị: Thục địa 16g, phụ tử chế, bạch thược, đan sâm, hoàng kỳ, ngưu tất, xuyên luyện tử, xuyên khung và xuyên quy mỗi thứ 12g, tầm gửi cây dâu 16g, đào nhân, bạch giới tử, quế chi và hồng hoa mỗi thứ 8g. Đem sắc uống ngày 1 thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
20	Phòng ngừa đẻ non và sảy thai: Chuẩn bị: Thỏ ty tử, a giao, tang ký sinh và a giao mỗi thứ 20g. Dùng các vị tán thành bột mịn, sau đó vo làm viên. Mỗi ngày dùng từ 16 – 20g (duoclieututhiennhien.com).	x		
21	Chữa hội chứng Menie ở người xơ cứng động mạch và người thiếu máu Bài thuốc 1: Dùng thục địa 16g, kỷ tử, long nhãn, hoài sơn, xuyên khung, ngưu tất, cỏ nhọ nồi mỗi thứ 12g, tang ký sinh và hà thủ ô mỗi thứ 16g. Đem các vị sắc uống, ngày dùng 1 thang. Bài thuốc 2: Dùng thạch quyết minh 20g, mẫu lệ sống 16g, bạch thược 12g, địa long 12g, xuyên quy 12g, cam thảo 4g, phục linh 12g, xuyên khung 12g, tang ký sinh 16g, đảng sâm 16g, thục địa 12g và địa long 12g. Sắc uống mỗi ngày. Bài thuốc 3: Chuẩn bị hà thủ ô và tầm gửi dâu mỗi thứ 16g, đương quy, kỷ tử, ngưu tất, thục địa, bạch thược và long nhãn mỗi thứ 12g, a giao và xuyên khung mỗi thứ 8g. Đem sắc uống, ngày dùng 1 thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
22	Trị tăng huyết áp ở người trẻ tuổi hoặc do chứng rối loạn tiền mãn kinh: Chuẩn bị: Rau má 30g, lá tre 20g, hạt muồng 16g, ngưu tất 12g, tâm sen 8g, tang ký sinh (tầm gừi cây dâu) 20g, hoa hòe 20g, cỏ tranh 20g, cỏ nhọ nồi 16g, hạ khô thảo 10g. Sắc ngày 1 thang (duoclieututhiennhien.com).	x		
23	Trị tăng huyết áp kèm theo tăng cholesterol trong máu Bài thuốc 1: Dùng hoa hòe 16g, trúc nhự 12g, chỉ thực 8g, bán hạ chế 8g, cam thảo 6g, tang ký sinh 16g, hoàng cầm 16g, long đởm thảo 12g, phục linh 8g, trần bì 6g. Đem sắc uống. Bài thuốc 2: Chuẩn bị câu đằng, thiên ma, ý dĩ, tầm gửi dâu, hoa hòe, ngưu tất mỗi thứ 16g, cam thảo, bán hạ chế và trần bì mỗi thứ 6g, bạch truật 12g, phục linh 8g. Đem sắc uống (duoclieututhiennhien.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Trị thần kinh tọa: Đem cả cây Huyết dụ, Tầm gửi, Cỏ nước mặn, Cát lồi sao vàng, sau đó nấu chung với sừng trâu và 3 chén nước đến khi còn 8 phân để uống			x
25	Trị bệnh thận, bệnh gan: Lấy1 nắm dây Tầm gửi sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
26	Trị nhức mỏi: Đâm lá Tầm gửi vắt lấy nước uống. Uống khoảng 0,5 ly uống rượu/lần, ngày uống 2 lần.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Sắc thuốc uống hết trong ngày, không để qua đêm.

Không nên lạm dụng, tham khảo kinh nghiệm từ người đi trước để dùng khoa học, hợp lý.

Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú cần tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi dùng.

Trong quá trình sử dụng, nên tránh dùng rượu bia, chất kích thích,... vì như vậy rất có thể làm giảm tác dụng của thuốc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

448. Tầm phỏng *Cardiospermum halicacabum* L, 1753

Tam phỏng, Xoan leo, Mang hổ, Phong thuyền cát, Búp bụp, Phác tèng (Tày)

Công dụng: Thường dùng chữa 1. Cảm lạnh và sốt; 2. Viêm thận phù thũng, viêm đường tiết niệu, giảm niệu; 3. Đái tháo đường; 4. Ho gà; 5. Tê thấp. Dùng 15-30g dạng thuốc sắc. Dùng ngoài trị đòn ngã tổn thương, viêm mủ da, eczema, ghẻ ngứa, rắn cắn, chó dại cắn. Tuỳ trường hợp mà dùng cây tươi giã nát lấy nước uống hoặc dùng dây lá nấu nước rửa hay tắm. Dân gian dùng cây nấu nước lấy hơi xông chữa mắt đỏ.

Tính vị: Vị đắng, hơi cay, tính mát

Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Bộ phận dùng: Toàn cây – Herba Cardiospermi Halicacabi.
Thành phần hóa học	Các bộ phận của cây chứa saponin trong các nhánh cây có quebraquitol. Hạt chứa 32,28% dầu Trong thân và lá có chứa chủ yếu Phenol, tannin và saponin
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Hy Lạp.
Phân bố ở Cà Mau	Hiện nay cây được tìm thấy ở Thành Phố Cà Mau (Tắc Vân), huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (Xã Khánh Hòa, xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước, Tân Hưng Đông), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh
Sinh cảnh	Hiện nay cây tầm Phỏng được trồng nhiều trong vườn thuốc nam và vườn nhà, ven đường đi. Bên cạnh đó cây cũng có thể tự mọc ở ven các bờ ao, bờ ruộng
Mùa hoa quả	Mùa hoa tháng 4-8. Cây xoan leo đậu quả từ tháng 4-8.
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm, chủ yếu vào hè thu. Tuy nhiên, người dân thường thu hái trong những ngày mùa hè, bởi đây là thời gian mà cây phát triển mạnh, cây tươi tốt và có nhiều lá non xanh.
Chế biến	Người ta thường cắt những dây xanh non, không quá già, rửa sạch, sau đó về cắt ngắn phơi khô dùng dần.
Bảo quản	Để bảo quản dược liệu lâu, nên cho vào túi rồi đậy kín, để nơi khô ráo, thoáng mát. Nếu muốn sử dụng lâu dài, nên thường xuyên đem phơi tránh hư hỏng, ẩm mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Sapindales (Bồ hòn)

Họ: Sapindaceae (Bồ hòn)

Chi: Cardiospermum

Loài: *C. halicacabum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây có thể sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thảo leo
Chiều cao cây	Cây cao 2-3m
Thân cây	Thân vươn dài như dạng dây leo. Thân xoan leo có các rãnh dọc, sắc tố tím thường có ở mấu. Cây có nhánh mảnh, khía dọc.
Lá cây	Lá mọc so le, kép, có lá chét hình tam giác, có thùy, nhọn mũi, nhẵn hoặc có lông, khi vò lá có chất nhớt, lá hơi có vị đắng, gần như không có mùi.
Hoa	Hoa trắng, thành chùm ở nách lá, với cuống chung có 2 tua cuốn mọc đối.
Quả/trái	Quả nang, dạng màng, có 3 ô, hình cầu hay hình quả lê, phồng lên, có gân
Hạt	Hạt hình cầu, với áo hạt màu sáng, có vỏ đen đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Đái đường: Lấy cây Tầm phỏng tươi 60g sắc uống (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Giảm niệu: Lấy 15g Tầm phỏng sắc và uống với rượu (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Thanh nhiệt giải độc, bảo vệ gan, giải rượu: Dùng 60g cây Tầm phỏng khô pha hãm như trà để uống hàng ngày (caythuoc.org).	x		
4	Điều trị mụn, hạ sốt: Lấy 50g cây Tầm phỏng khô pha như trà uống hàng ngày. Đây là cách điều trị mụn đơn giản, đặc biệt là mụn bọc, mụn lứng và mụn Trứng cá (caythuoc.org).	x		
5	Chữa viêm tiết niệu, viêm bàng quang và viêm thận cấp: Dùng 30g tam phỏng khô, rửa sạch. Sắc với khoảng 1,2 lít nước, đun cạn lấ khoảng 800ml nước để sắc uống hàng ngày (caythuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa tiểu đường, huyết áp cao: Dùng tam phỏng khô 50g đun với 1,5 lít nước. Đun cạn lấy 1 lít nước uống trong ngày (Có thể dùng nước sôi pha hãm như pha trà tươi để uống).	x		
7	Chữa phụ nữ có mang hay sau khi sinh, bị trúng gió trào đờm, cắn răng không tỉnh, mắt xanh, mình uốn ván, tay chân cứng đờ: Lá Tầm phỏng giã nát, chế đồng tiện vào, vắt lấy nước cốt uống (thaythuoccuaban.com).	x		
8	Giảm niệu: Tầm phỏng 15g sắc và uống với rượu (thaythuoccuaban.com).	x		
9	Đòn ngã tổn thương: Tầm phỏng 10-15g làm thành bột và uống với rượu (thaythuoccuaban.com).	x		
10	Trị bệnh gan: Lấy cả dây Tầm phỏng (đã chặt khúc, phơi khô) và Quao sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
11	Trị đau nhức: Nấu cả dây Tầm phỏng (đã phơi khô) uống như uống trà.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Là cây thảo dược với nhiều lợi ích cho sức khỏe. Tuy nhiên hiện chưa có thông tin về việc dùng cây tam phỏng cho phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ. Vì vậy phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ không nên tự ý sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

449. Tam thất — *Panax notoginseng* (Burkill) F.H.Chen, 1975

Điền thất

Công dụng: Tam thất được dùng chữa thổ huyết, ho ra máu, chảy máu cam, băng huyết, rong kinh, sau khi đẻ huyết hôi không ra, ứ trệ đau bụng, kiết lỵ ra máu, đi tiểu ra máu.

Tính vị: Vị đắng, ngọt, tính ấm.

Quy kinh: can, vị

Bộ phận dùng: Rễ củ của cây (thường được gọi là củ) được thu hái làm dược liệu.

Thành phần hóa học	Tam thất chứa nhiều nhóm thành phần hóa học, chủ yếu là saponin (4,42 - 12,00 %), thuộc kiểu protopanaxadiol và protopanaxatriol. Nhiều ginsenosid: Rb1, Rb2, Rb3, Rc, Rd, Re, Rg1, Rg2 – Rh1, Fz và glucoginsenosid Rf được phân lập từ toàn cây tam thất. Ngoài ra, còn có các notoginsenosid: R1, R2, R3, R4, R6. Lá chứa saponin. Rễ còn có sanchinosid B1. Tinh dầu ở rễ và ở hoa. Ngoài ra, còn có flavonoid, phytosterol (ß- sitosterol, stigmasterol, daucosterol), polysaccharid (arabinogalactan : sanchinan A), muối vô cơ (vết). (W. Tang và cs, 1992, A. Y. Leung và cs, 1996)
Nguồn gốc	Tâm thất có nguồn gốc ở phía nam Trung Quốc,
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, Cây được tìm thấy ở Huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Ngọc Hiển (Tân Ân)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng làm thuốc trong vườn nhà
Thu hoạch	Rễ củ của cây thường chỉ thu hoạch ở những cây từ 5 năm tuổi trở lên. Thu hái vào cuối hạ, đầu thu, thời điểm thích hợp nhất là trước khi hoa nở hoặc sau khi hạt đã chín. Đào lấy rễ củ, loại bỏ đất cát, cắt bỏ thân và rễ nhỏ.
Chế biến	Sau khi rửa sạch bùn đất, cắt bỏ rễ con, đem phơi nắng cho hơi héo, đem lăn, vò cho mềm, lại phơi nắng và vò hoặc lăn; làm như vậy từ 3-5 lần mới phơi khô hẳn. Có khi người ta cho vào túi gai lắc cho rễ thành đen bóng là được. +Củ được thu hoạch vào mùa hạ, thu có chất lượng tốt, thân chắc đầy, được gọi là Xuân thất. +Củ được thu hoạch vào mùa đông chất lượng kém hơn, củ nhỏ, bề mặt teo, nhăn, được gọi là Đông thất. +Rễ nhánh nhỏ được cắt ra gọi là Tiễn khẩu tam thất. Rễ thô cắt ra được gọi là Cân điều. Loại rễ nhỏ nhất được gọi là Nhung căn. +Huyết sâm trồng nhân tạo ở đồng ruộng được gọi là Điền thất.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Apiales (Hoa tán)

Họ: Araliaceae (Ngũ gia bì)

Chi: Panax (Sâm)

Loài: *P. notoginseng*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình khoảng 40cm
Củ	Củ có hình dạng không thống nhất, thường có hình trụ hoặc hình chùy ngược, vỏ ngoài có màu vàng xám nhạt và có mùi thơm nhẹ đặc trưng.
Thân cây	Bề ngoài thân có màu be vàng hoặc màu nâu. Các vân nhỏ đứt nét chạy dọc thân, chỗ thân có ít vân thì hơi có ánh quang..
Lá cây	Phiến lá hình mác, diện tích rộng, mọc vòng xung quanh thân. Đầu lá nhọn, gốc tù, mép có răng cưa nhỏ đều nhau.
Hoa	Hoa tự hình tán, màu xanh nhạt, mọc đầu cành.. .
Quả/trái	Quả mọng, hình thận, mọc ở ngọn cây, khi chín có màu đỏ tươi, bên trong có 2 hạt hình cầu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa các loại chảy máu, hoặc sưng u ở nội tạng, các loại thiếu máu do mất máu nhiều hay do giảm hồng cầu: Tam thất tán bột, mỗi ngày uống 6 - 12g. Chảy máu cấp thì uống gấp bội, bệnh mạn tính thì uống kéo dài nhiều ngày.	x		
2	Chữa chảy máu khi bị thương: Lá tam thất giã nhỏ, trong uống, ngoài đắp.	x		
3	Chữa viêm loét đường tiêu hóa, trong bụng đau nhói: bột tam thất chiêu với nước sôi để nguội, mỗi lần 3-5g, ngày 4 lần.	x		
4	Trị nôn ra máu: Làm sạch lòng của 1 con gà. Sau đó đem trộn với tam thất (bột) 5g, nước ngó sen 200ml, rượu lâu năm nửa chén, hấp cách thủy, ăn cả nước lẫn cái. Nên ăn cách ngày cho đến khi khỏi bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Trị ói máu: Dùng bột tam thất 1 chỉ hòa với 1 quả trứng gà, thêm nửa ly rượu nhỏ và 1 ly nhỏ nước ngó sen. Đem tất cả đi nấu cách thủy (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Trị huyết lỵ: Dùng tam thất 3 chỉ đem nghiền nhỏ, dùng nước vo gạo điều uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Trị vết thương do dao, thu miệng: Dùng nhân sâm tam thất, da voi, một dược, long cốt, huyết kiệt, nhũ hương, giáng hương bằng lượng nhau. Đem nghiền bột và uống với rượu ấm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	Trị loét Hành tá tràng và dạ dày: Dùng tam thất (bột) 12g, mai mực 3g, bạch cập 9g đem nghiền bột mịn. Mỗi lần dùng 3g, ngày dùng 3 lần. Duy trì bài thuốc từ 15 – 21 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị chảy máu cam, ho máu, trị ứ huyết, ói máu và nhị tiện ra máu: Dùng tam thất 2 chỉ, hoa nhụy thạch 3 chỉ (nung tồn tính), huyết dư 1 chỉ (nung tồn tính), đem nghiền bột. Chia làm 2 lần uống. Khi dùng uống cùng nước sôi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Trị đi tiểu ra máu: Dùng tam thất (bột) 4g uống với 200 ml nước sắc cỏ bấc đèn và gừng tươi. Dùng 2 lần một ngày, uống đến khi hết bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Trị đại trường ra máu: Dùng tam thất nghiền nhỏ điều với rượu trắng nhạt còn khoảng 1 – 2 chỉ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Cầm máu: Dùng tam thất, nhũ hương, huyết kiệt, sáp trắng, giáng hương, ngũ bội, mẫu lệ, các vị bằng lượng nhau. Đem tán bột và đắp lên vùng chảy máu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Chữa máu ra nhiều sau khi đẻ: Lấy tam thất tán nhỏ uống với nước cơm, mỗi lần 8g (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
14	Chữa thiếu máu hoặc huyết hư các chứng sau khi đẻ: Tam thất tán nhỏ, uống 6g, hoặc tần với gà non ăn (baodantoc.vn).	x		
15	Chữa suy nhược cơ thể ở người cao tuổi và phụ nữ sau khi đẻ: Tam thất 12g; sâm Bố Chính, ích mẫu, mỗi vị 40g; kê huyết đằng 20g, hương phụ 12g. Tán nhỏ, uống mỗi ngày 20g. Hoặc có thể sắc uống với liều thích hợp (baodantoc.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Chữa viêm gan thể cấp tính nặng: Tam thất 12g; Nhân trần 40g; hoàng bá 20g; huyền sâm, thiên môn, Bồ công anh, mạch môn, thạch hộc, mỗi vị 12g; xương bồ 8g. sắc uống ngày một thang (Ngọc Anh, 2021).	x		
17	Chữa đái ra máu do viêm nhiễm cấp tính đường tiết niệu: Tam thất 4g; lá tre, cỏ nhọ nồi, kim ngân mỗi vị 16g; sinh địa, Cam thảo đất, mộc hương, mỗi vị 12 Sắc uống ngày một thang (Ngọc Anh, 2021).	x		
18	Chữa rong huyết do huyết ứ: Tam thất 4g; ngải diệp, ô tặc cốt, long cốt mẫu lê mỗi vị 12g; đường quy, xuyên khung, đan bì, đan sâm mỗi vị 8g; một được, ngũ linh chi, mỗi vị 4g sắc uống ngày một thang (Ngọc Anh, 2021).	x		
19	Chữa đại tiểu tiện ra máu, chảy máu cam, nôn ra máu: Tam thất 10g, hoa nhụy thạch (một loại sa khoáng, thành phần chứa cacbonat Ca và cacbonat Mg), huyết dư thán (tóc rối đốt tồn tính), mỗi vị 5g. Tất cả nghiền thành bột, mỗi lần uống 2g, ngày 2 lần. Uống liền 1-2 tuần tới khi hết các triệu chứng (Ngọc Anh, 2021).	x		
20	Trị viêm gan thể cấp tính: Tam thất 12g, Nhân trần 40g; hoàng bá 20g; huyền sâm, thiên môn, mạch môn, Bồ công anh, thạch hộc mỗi vị 12g, xương bồ (sao cám) 8g, sắc uống ngày một thang. Uống liền 3 - 4 tuần đến khi các triệu chứng thuyên giảm (Ngọc Anh, 2021).	x		
21	Chữa suy nhược cơ thể ở người già và phụ nữ sau khi sinh: Tam thất 12g, sâm bổ chinh 40g, ích mẫu 40g, kê huyết đằng 20g, hương phụ 12g. Tán nhỏ, uống ngày 30g (có thể sắc uống với liều thích hợp) (Ngọc Anh, 2021).	x		
22	Chữa rong huyết, rong kinh do bế kinh, huyết ứ: Tam thất 4g, ngải điệp 12g, ô tặc cốt 12g, đương quy, xuyên nhung, đơn bì, đan sâm, mỗi vị 8g, một dược, ngũ linh chi, mỗi vị 4g. Sắc uống ngày 1 tháng (Ngọc Anh, 2021).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Phụ nữ có thai kỵ (theo Trung dược đại từ điển).

Người huyết hư ói máu, huyết nhiệt vọng hành, chảy máu cam không dùng (theo Đắc phối bản thảo).

Huyết sâm có thể tổn tân huyết, vì vậy người không ứ trệ không nên dùng (theo Bản thảo tòng tân).

Dùng quá liều có thể làm tăng huyết áp và nhịp tim.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

450. Tần dày lá — *Plectranthus amboinicus* (Lour.) Spreng, 1825

Húng chanh, Rau thơm lùn, Rau thơm lông, Rau tần

Công dụng: Chữa cảm cúm, chữa ho, thổ huyết, chảy máu cam. Dùng ngoài giã đắp lên những vết do rết và bọ cạp cắn.

Tính vị: Tần dày lá có vị the cay, hơi chua, mùi thơm, tính ấm, không độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá và ngọn non

Thành phần hóa học: Lá chứa ít tinh dầu (0,05-0,12%), trong tinh dầu có đến 65,2% các hợp chất phenolic trong đó có salicylat, thymol, carvacrol, eugenol và chavicol; còn có một chất màu đỏ là colein.

Nguồn gốc	Cây có gốc ở quần đảo Môluýc (miền Mã Lai)
Phân bố ở Cà Mau	Theo khảo sát cây được bắt gặp ở cả 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và nhiều chuyên gia trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc. Đôi khi cây củng có thể tự sống ở ven đường đi, ven sông và bờ ao
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 5 đến 10
Thu hoạch	Có thể thu hái lá quanh năm. Lúc trời khô ráo, hái lá bánh tẻ, loại bỏ các lá sâu hay lá già úa vàng.
Chế biến	Sau khi thu hái, đem dược liệu phơi nắng nhẹ hay sấy ở 40-45oC đến khô.
Bảo quản	Đối với lá tần dày lá khô cần được bảo vệ ở nơi khô mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**:
        - **Loài**: *P. Amboinicus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây có thể sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 20-50cm
Thân cây	Thân gần tròn, mập, ròn, có lông tơ dày. Phần thân sát gốc hoá gỗ. Toàn cây có lông rất nhỏ và có mùi thơm như mùi chanh.
Lá cây	Lá hình trứng rộng hay gần tròn, cỡ 3 - 7 x 2 - 6cm; phiến lá dày dòn, chóp lá nhọn hay tù, gốc tròn hay cụt, mép lá xẻ răng cưa, cả hai mặt có lông ngắn. Gân bên 4 - 5 đôi, cuống lá dài 1 - 3cm.
Hoa	Cụm hoa dạng chùy ở tận cùng, dài 10 - 15cm, có lông. Lá bắc hình trứng rộng, không cuống, có lông, Đài hình chuông, dài 2,5 - 3mm, có lông tơ và điểm tuyến ở phía ngoài, 2 môi. Môi trên 1 thùy lớn, đứng không men xuống ống, môi dưới 4 thùy gần bằng nhau, quả đài đồng trưởng dài 5 - 6mm. Tràng màu tím nhạt dài 8 - 12cm, có lông ở phía ngoài, nhẵn ở bên trong, 2 môi. Môi trên 4 thùy nhỏ đứng, môi dưới 1 thùy lớn, lõm hình lòng thuyền. Nhị 4, hơi thò khỏi tràng, hướng xuống phía dưới, chỉ nhị nhẵn, dính liền ở phía dưới và bao lấy vòi nhụy. Bao phấn chụm lại. Bầu nhẵn, vòi dài hơn nhị, đỉnh xẻ 2 thùy, Đĩa mật có thùy trước cao hơn bầu..
Quả/trái	Quả nhỏ, tròn, màu nâu, chứa 1 hạt
Mùi hương	Toàn cây có mùi thơm như mùi chanh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ho, viêm họng, khản tiếng: Tần dày lá non 5-10g giã nát vắt lấy nước cốt nóng. Hoặc đem giã nhỏ một nắm lá (15-20g), thêm nước, vắt lấy nước uống làm hai lần trong ngày. Đối với trẻ em, thêm ít đường, đem hấp cơm cho uống làm 2-3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
2	Chữa đau bụng: Lấy lá tần dày lá non rửa sạch, 1-2 lá nhai với một ít muối, ngậm nuốt dần dần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa rắn cắn, bò cạp và ong đốt: Lấy lá tần dày lá tươi giã đắp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Trị khản tiếng: Lấy tần dày lá tươi với lượng dùng là từ 15g đến 20g đem giã nát. Sau khi giã nát vắt thành nước dùng hàng ngày từ 2 lần đến 3 lần Hạ sốt cho trẻ em: Sử dụng từ 2 lá đến 3 lá rau tần rồi mang giã nát, sau đó chắt lấy nước để trẻ uống. Hàng ngày cho trẻ uống từ 1 lần đến 2 lần nước rau tần hạ sốt thì triệu chứng sốt sẽ được hạ nhanh chóng. Với trường hợp trẻ sơ sinh bị sốt do cảm nắng thì sử dụng rau tần tươi từ 2 đến 3 lá mang giã nát. Sau đó cho thêm ít muối và đổ vào một ít nước sôi để nguội, rồi vắt lấy nước cho trẻ uống. Hàng ngày cho trẻ uống 1 lần với 1 muỗng cà phê thì triệu chứng sốt sẽ được hạ nhanh chóng.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Trị nổi mề đay và dị ứng da: Lấy 15g đến 20g tần dày lá tươi, giã nát rồi vắt thành nước để uống, còn phần bã thì dùng để đắp lên da (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Hạ sốt cho trẻ em: Sử dụng từ 2 lá đến 3 lá rau tần rồi mang giã nát, sau đó chắt lấy nước để trẻ uống. Hàng ngày cho trẻ uống từ 1 lần đến 2 lần nước rau tần hạ sốt thì triệu chứng sốt sẽ được hạ nhanh chóng. Với trường hợp trẻ sơ sinh bị sốt do cảm nắng thì sử dụng rau tần tươi từ 2 đến 3 lá mang giã nát. Sau đó cho thêm ít muối và đổ vào một ít nước sôi để nguội, rồi vắt lấy nước cho trẻ uống. Hàng ngày cho trẻ uống 1 lần với 1 muỗng cà phê thì triệu chứng sốt sẽ được hạ nhanh chóng.	x		
7	Chữa viêm họng, khản tiếng: Lấy 1 nắm lá tần dày lá tươi, khoảng 15-20g, cho thêm nước rồi giã nát, chắt lấy nước chia thành 2 lần uống trong ngày. Đối với trẻ em, cho thêm ít đường phèn hấp cách thủy cho uống 2-3 lần trong ngày (Nguyên An, 2021).	x		
8	Chữa viêm họng, khản tiếng: Rửa sạch 30g lá húng chanh, nhai dập cùng một vài hạt muối và nuốt nước dần (Nguyên An, 2021).	x		
9	Chữa hôi miệng: Dùng tần dày lá khô sắc lấy nước, thường xuyên ngậm và súc miệng, làm 5-7 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa nổi mày đay: Lấy 1 vài lá tần dày lá tươi nhai nuốt lấy nước, rồi dùng bã đắp hoặc xoa xát (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa dị ứng da: Cho 15g lá húng chanh khô cùng 2 bát nước, đun cho đến khi còn 1 bát, chia thành 3 lần uống trong ngày. Kết hợp lấy nắm lá húng chanh tươi giã nát, thêm muối xát hoặc đắp lên chỗ sưng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Trị lỵ ra máu: Sử dụng từ 20g đến 40g rau tần dày lá tươi và 1 quả đến 2 quả trứng gà. Rau tần dày lá mang thái nhỏ, trứng gà thì chỉ lấy lòng đỏ. Đem trộn lòng đỏ trứng gà với rau tần đã thái nhỏ rồi mang đi chưng cách thủy. Sau khi chưng chín thì dùng để ăn đều đặn 2 lần trong ngày (Nguyên An, 2021).	x		
13	Trị viêm họng, viêm thanh quản: Sử dụng rau tần dày lá, Kim ngân hoa, Cam thảo đất, củ giẻ quạt, Sài Đất. Một thang thuốc gồm có: rau tần dày lá 20g, Kim ngân hoa 15g, Cam thảo đất 12g, Sài Đất 15g, củ giẻ quạt 12g. Sắc thành nước để uống, mỗi ngày sử dụng 1 thang thuốc (Nguyên An, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Trị chảy máu cam: Chuẩn bị tần dày lá 20g, Tắc Bá 15g, Cam thảo đất 15g, hoa Hòe 10g. mang thang thuốc đi sắc rồi dùng để uống, mỗi ngày sử dụng 1 thang thuốc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Trị hen suyễn: Chuẩn bị tần dày lá 10g, Tía tô 10g. mang thang thuốc đi sắc rồi dùng để uống, hàng ngày sử dụng 1 thang thuốc. Lưu ý, khi dùng không nên ăn các món ăn hải Sả n, các món ăn chiên xào nhiều dầu mỡ (Nguyên An, 2021).	x		
16	Chữa viêm họng, khản tiếng: Lấy 20g lá tần dày lá tươi thái nhỏ trộn với 20g đường phèn, cho vào bát và hấp cách thủy. Sau chắt lấy nước uống, còn bã bỏ miệng ngậm lấy nước. Ngày 1 lần, làm liên tục như vậy trong 3-5 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Chữa cảm lạnh, ho, đau đầu, miệng đắng: Sắc lấy nước uống từ 15g lá húng chanh, 15g lá hẹ, 5g lá bạc hà, 8g Tía tô, 3 lát gừng tươi. Ngày 1 thang (Nguyên An, 2021).	x		
18	Chữa cảm lạnh, ho, đau đầu, miệng đắng: Sắc lấy nước gồm 15g lá húng chanh, 20g lá húng quế, 8g lá chanh, 8 lát gừng tươi. Ngày 1 thang (Nguyên An, 2021).	x		
19	Chữa cảm lạnh, ho, đau đầu, miệng đắng: Lấy 20g lá húng chanh tươi thái nhỏ, cho vào bát rồi đổ rượu trắng xâm xấp, đậy kín. Đun 1 nồi nước sôi, nước sôi cho bát lá húng chanh ngâm rượu vào đun sôi lại. Cho người bệnh xông 5-10 phút, sau đó lau khô mồ hôi, thay quần áo và tránh gió. Phương pháp này không dùng cho trẻ em (Nguyên An, 2021).	x		
20	Chữa cảm sốt, không ra mồ hôi: Sắc lấy nước từ 20g húng chanh, 15g Tía tô, 5g gừng tươi thái lát mỏng và 15g Cam thảo đất. Ngày 1 thang, uống khi còn ấm để ra mồ hôi (Nguyên An, 2021).	x		
21	Chữa ho lâu ngày, ly ra máu: Lấy 20-40g lá húng chanh tươi rửa sạch thái nhỏ, trứng gà 1-2 quả, đập bỏ lòng trắng lấy lòng đỏ. Trộn chung cả 2, đem hấp cách thủy cho chín. Người lớn ăn 2 lần trong ngày, trẻ em tùy vào độ tuổi mà chia nhỏ lần ăn trong ngày (Nguyên An, 2021).	x		
22	Chữa viêm loét niêm mạc, lưỡi: Ngâm nước muối 12g lá húng chanh tươi và 20g rau mùi thơm, sau đó lấy nhai nuốt lấy nước (Nguyên An, 2021).	x		
23	Trị ho thông thường, ho có đờm: Xay nhuyễn 15-17 lá húng chanh với 4-5 quả quất xanh, thêm chút đường phèn. Đem hấp cách thủy rồi uống, bã ngậm nuốt lấy nước (Nguyên An, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Chữa viêm họng, viêm thanh quản: Sắc lấy nước uống từ 20g lá húng chanh, 15g sài đất, 15g kim ngân hoa,12g Cam thảo đất, 12g củ giẻ quạt. Ngày 1 thang (Nguyên An, 2021).	x		
25	Trị ho kéo dài, có đờm: Thái nhỏ 15-16 lá húng chanh tươi, cho vào bát, đổ mật ong vào xâm xấp lá, trộn đều, đem hấp cách thủy. Ngày uống 2 lần khi còn ấm để đạt hiệu quả nhất (Nguyên An, 2021).	x		
26	Trị ho: - Cách 1: Đâm 3-7 lá Tần dày lá với ít muối vắt lấy nước cốt uống, uống ngày 2 lần. - Cách 2: Lấy lá Tần dày lá (nam 7 lá, nữ 9 lá) đâm với ít muối, vắt lấy nước uống (bỏ xác). - Cách 3: Đâm lá Tần dày lá, vắt lấy nước, thêm ít mật ong, uống. - Cách 4: Lấy lá Tần dày lá chấm cá kho hoặc nấu canh chua ăn. - Cách 5: Nhai lá Tần dày lá tươi với ít muối,			x
27	Trị viêm họng: - Cách 1: Đâm 9/10 lá Tần dày lá tươi với ít muối rồi vắt lấy nước uống. - Cách 2: Lấy 5 lá Tần dày lá với ít muối nhai nuốt - Cách 3: Lấy 5 lá Tần dày lá đâm, vắt lấy nước rồi thêm ít mật ong, uống.			x
28	Trị nhức khớp: Lấy lá Tần dày lá và Ngũ trảo xào với giấm rồi bó chỗ nhức.			x
29	Ổn định huyết áp: Lấy 300g lá Tần dày lá xay, lấy uống hàng ngày			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Lá và thân cây húng chanh có nhiều lông có thể gây kích ứng cho những người có làn da nhạy cảm.

Phụ nữ mang thai và cho con bú không được sử dụng lá húng chanh để chữa bệnh vì trong lá có nhiều thành phần hóa chất.

Đối với tất cả các bài thuốc trên, trước khi áp dụng chữa bệnh cần nhận được sự tư vấn và chẩn đoán của bác sĩ. Và do cơ địa mỗi người khác nhau nên hiệu quả đạt được ở mỗi người cũng sẽ khác nhau.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

451. Tần ô — *Glebionis coronaria* (L.) Cass. ex Spach, 1841

Cải cúc, Cúc tần ô, Rau cúc, Đồng hao, Cải tần ô, Cải nhúng

Công dụng: Tần ô có thể dùng ăn sống như xà lách, chế dầu giấm, ăn với lẩu, nấu canh... Còn dùng làm thuốc chữa ho lâu ngày và chữa đau mắt. Ở Ấn Độ, người ta dùng cây phối hợp với hồ tiêu để trị bệnh lậu; hoa được dùng thay thế Dương cam cúc như là một chất thơm đắng và lợi tiêu hoá, thích hợp với người bị bệnh cao huyết áp, người lao động trí óc, thiếu máu, gãy xương

Tính vị: Tần ô có vị ngọt nhạt, hơi đắng, the (có hương vị hơi nồng giống mù tạc nhưng rau tươi rất giòn.), mùi thơm, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Cành lá: - Ramulus Chrysanthemi Coronarii.

Thành phần hóa học	Thành phần hóa học: Rau Cải cúc chứa 1,85% protid 2,57% glucid,có 5,57% hydrat cacbon, 0,43% lipid và còn có nhiều vitamin B, C và một số vitamin A. Người ta còn tìm thấy các chất khác như adenin, chlonin. Lá chứa 7-glucosid của quercetin, quercetagetin và luteolin. Trong cải cúc cho tinh dầu mùi thơm đặc biệt.
Nguồn gốc	Người ta cho rằng Tần ô là loài cây của vùng Cận Đông, Châu Âu và miền Bắc Châu Á
Phân bố ở Cà Mau	Qua khảo sát cây được tìm thấy ở Thành Phố Cà Mau (xã Tân Thành), huyện Thới Bình (thị trấn Thới Bình, xã Hồ Thị Kỷ, xã tân Lộc), huyện U Minh (xã Khánh Hòa)
Sinh cảnh	Cây được người dân và nhiều chuyên gia trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam để làm thuốc. Đôi khi cây củng có thể tự sống ở ven đường đi, ven sông và bờ ao
Mùa hoa quả	Mùa hoa vào tháng 1-3.
Chế biến	Khi dùng làm thuốc thì dùng tươi hay phơi khô trong mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Glebionis
        - **Loài**: *G. coronaria*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 1,2m.
Thân cây	Thân mọc thẳng, nhẵn, mang nhiều cành.
Lá cây	Lá ôm vào thân, xẻ lông chim hai lần với những thuỳ hình trứng hay hình thìa không đều.
Hoa	Cụm hoa ở nách lá, các hoa ở mép màu vàng sẫm, các hoa ở giữa đầu màu vàng lục, thơm. Các lá bắc của bao chung không đều, khô xác ở mép.. Hoa mọc ở nách lá, bông hoa ở mép màu vàng sẫm, các hoa ở giữa đầu màu vàng lục, mùi thơm.. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đau mắt: Dùng rau tần ô rửa sạch, hơ nóng rồi chườm lên mắt (hoặc cho vào vải nóng chườm) sẽ có tác dụng trị đau mắt rất hiệu quả (baodantoc.vn).	x		
2	Trị đau đầu kinh niên: Lấy một ít tần ô đem nấu lấy nước, mỗi ngày dùng độ 30g nước đã nấu này. Dùng thêm rau tần ô nóng chườm đắp lên đỉnh đầu và hai bên thái dương vào buổi tối trước khi đi ngủ (hoặc mỗi khi thấy nhức đầu) sẽ giúp giảm đau đầu, trị đau đầu kinh niên hiệu quả. Tần ô nấu lấy nước nên được phơi. Lưu ý, khi phơi rau tần ô thì nhớ phải chọn các cây già già một chút, tốt hơn hết là giữ cả phần rễ cây. Những rau tần ô có hoa thì càng quý vì khi phơi sẽ để được lâu hơn (baodantoc.vn).	x		
3	Trị đau đầu kinh niên: Hơ nóng một nắm lá rau tần ô tươi, chườm lên đỉnh đầu và hai bên thái dương mỗi khi đau đầu hoặc buổi tối trước khi đi ngủ. Nếu không trúng mùa rau tần ô, có thể dùng rau tần ô khô để chữa đau đầu theo cách sau: 10-15g rau tần ô khô cho vào siêu, đổ 3 tô nước, sắc còn 1 tô. Uống sau khi ăn, ngày 2 lần sáng và tối. Uống liên tục 5-7 ngày để có hiệu quả tốt nhất (baodantoc.vn).	x		
4	Chữa nóng gan, hoa mắt, chóng mặt, tâm phiền bất an: Cắt nhuyễn 250g rau tần ô rồi ép lấy nước, mỗi lần dùng lấy hai muỗng nhỏ pha với nước ấm uống. Có thể cho thêm chút đường để dễ uống (suckhoegiadinh.com).	x		
5	Chữa tiêu chảy: Nếu đi ngoài lỏng hoặc tiêu chảy, thì dùng 200g tần ô nấu canh ăn để giúp làm ôn ấm tỳ vị. Ăn liên tục 3 – 5 ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
6	Chữai ăn uống kém tiêu, viêm lỵ, hay đau mắt: Dùng rau tần ô ăn sống hoặc nấu canh ăn, đều có tác dụng trị bệnh tốt (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
7	Chữa ho nhiều, đờm đặc: Rửa sạch 90g rau tần ô, rồi đem sắc nước, lọc bỏ bã. Sau đó cho đường phèn vào nấu đến	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	khi đường tan, chia làm 2 lần uống (suckhoegiadinh.com).			
8	Hạ huyết áp: Rửa sạch rau tần ô, cắt nhỏ, rồi giã nát, ép lấy nước. Lấy lượng nước ép khoảng một ly rượu nhỏ cho mỗi lần uống. Pha thêm nước ấm để uống. Mỗi ngày dùng 2 lần (suckhoegiadinh.com).	x		
9	Chữa ho cho trẻ em: Lấy 6g lá tần ô, thái nhỏ, cho vào chén con, thêm ít đường trắng, cho vào nồi cơm hấp cho tiết nước ra. Chia làm nhiều lần uống trong ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
10	Bổ tỳ, trị hoa mắt, lợi tiểu: Lấy 200g tần ô, một con cá diếc độ 1/2 kg, một ít rượu, dầu ăn, và các gia vị vừa đủ. Cá diếc làm sạch, bỏ vảy, đem rán vàng, rồi cho rượu vào đảo qua, cho gừng, nước vào tiếp, nấu với lửa nhỏ cho cá chín thì cho tần ô vào và nấu đến sôi lại, nêm nếm gia vị. Ăn trong 10 ngày là một liệu trình (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
11	Chữa đau dạ dày, biếng ăn: Lấy khoảng 250g tần ô rửa sạch rồi trụng nước sôi ăn như rau luộc vậy. Có thể cho thêm chút dầu mè, muối, giấm vào, trộn đều sẽ ăn ngon hơn (suckhoegiadinh.com).	x		
12	Chữa đau mắt: Rau tần ô 1 nắm thái nhỏ nấu với một con cá diếc to khoảng 3 ngón tay người lớn để ăn. Ngoài ra, dùng lá rau tần ô rửa sạch, hơ nóng chườm lên mắt (hoặc cho vào vải mỏng chườm) (baodantoc.vn).	x		
13	Chữa đau mắt đỏ: Nấu canh ăn với nguyên liệu gồm 150g rau tần ô, 1-2 con cá diếc, Hành, gia vị. Ngoài ra, nên dùng lá rau tần ô hơ nóng đắp lên mắt (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
14	Trị rối loạn tiêu hóa, khó tiêu: Ăn sống rau tần ô hoặc dùng rau tần ô nấu canh ăn đều có tác dụng trị bệnh này hiệu quả. Rau tần ô 500g, gừng tươi 3 lát, 100g thịt lợn nạc. Tát cả rửa sạch, thái nhỏ rau, thịt lợn, nấu thành canh, khi chín nêm gia vị vừa đủ, ăn lúc còn nóng (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
15	Chữa ho ở người lớn do lạnh: Rau tần ô 100 – 150g, phổi lợn 200g thái thành miếng, dùng nấu thành canh ăn cả cái lẫn nước cùng bữa cơm, ăn trong 3 – 4 ngày là 1 liệu trình. Kiên trì thực hiện sẽ nhanh chóng thoát khỏi những cơn ho khó chịu, day dẳng (baodantoc.vn).	x		
16	Giải cảm: Lấy 150g rau tần ô tươi, rửa sạch, để ráo nước và cho vào tô. Nấu cháo, đổ cháo đang sôi lên trên rau tần ô, để 5 - 10 phút rồi trộn rau lên ăn, mỗi ngày 2-3 lần (Y học Cổ truyền, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
17	Lợi sữa cho Sả n phụ sau sinh: Chuẩn bị 300g thịt nạc heo băm nhỏ, vo viên cỡ ngón tay. 200g tần ô rửa sạch, để ráo nước, thái vừa ăn. Dùng tô, đặt tần ô xuống đáy, đặt thịt heo lên trên mặt, cho thêm chút xíu nước mắm cho dễ ăn. Đem hấp cách thủy, khi chín lấy ra dùng 2 lần trưa, chiều chung với cơm. Ăn liên tiếp 3-5 ngày sẽ thấy rõ hiệu quả (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
18	Lợi sữa cho Sả n phụ sau sinh: Rau tần ô 300g, thịt lợn nạc 150g, lạc nhân 50g, mắm muối vừa đủ. Rau tần ô nhặt rửa sạch. Lạc nhân giã nhỏ. Thịt lợn nạc rửa sạch băm nhỏ trộn với lạc, mắm muối, viên thành viên bằng quả táo. Dùng bát to, đặt lớp rau tần ô ở đáy bát, sau đó cho thịt vào, trên cùng lại rải lớp rau tần ô, đem hấp cách thuỷ, khi chín chia làm 2 lần ăn với cơm. Cần ăn liền 3 - 5 ngày (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
19	Giúp hạ hỏa và đặc biết tốt với những người hay bị chảy máu cam: Ăn canh rau tần ô với gan heo (Y học Cổ truyền, 2019).	x		
20	Chữa tiểu đêm: Nấu canh ăn với 500g rau tần ô tươi và 50g đậu đen (suckhoegiadinh.com).	x		
21	Chữa loét tá tràng: Chuẩn bị 100g rễ tần ô tươi, 30g Bồ công anh khô. Cho nguyên liệu vào sắc nước uống liên tục 1 tuần trở lên (suckhoegiadinh.com).	x		
22	Trị chứng mất ngủ, thần kinh suy nhược: Nguyên liệu: 350g tần ô, 250g tim heo, Hành lá đủ dùng, rượu vang, gia vị: Muối, đường. Sơ chế: Tần ô bỏ cuống, rửa sạch, cắt khúc vừa ăn. Tim heo rửa sạch rồi cắt lát. Phi thơm Hành lá với dầu ăn. Cho tim heo vào xào cho ráo nước rồi thêm chút muối, bột ngọt, chút rượu vang và đường trắng.Cuối cùng, cho rau tần ô vào xào chung cho đến khi tim heo chín hẳn và tần ô đã thấm gia vị thì tắt bếp. Lưu ý: Là tinh dầu trong tần ô dễ bay hơi, nên chế biến với lửa lớn và xào thật nhanh rồi tắt bếp. Khi tim heo gần chín thì hãy cho rau vào, và nhớ, lửa phải lớn nhất (suckhoegiadinh.com).	x		
23	Chữa ho dai dẳng ở người lớn: Nấu canh phổi lợn rau tần ô ăn với cơm để trị ho dai dẳng. Nguyên liệu: 150g rau tần ô tươi, 200g phổi lợn. Cách làm: Xắt nhỏ phổi lợn, ướp gừng và gia vị. Xào chín rồi cho nước vào đun sôi. Cho rau tần ô vào, rau vừa chín tắt bếp ngay. Nên ăn lúc canh còn nóng, một ngày một lần, ăn liên tục trong 3-4 ngày. Đối với ho ở trẻ em: Lá rau tần ô 6g thái nhỏ, thêm ít mật ong hấp cách thủy cho ra nước để uống trong ngày. Lưu ý: Không áp dụng cho trẻ dưới 1 tuổi (baodantoc.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
24	Hạ huyết áp: Nấu canh rau tần ô để ăn với nguyên liệu: Rau tần ô 100g, cá thát lát 100g, gừng, Hành gia vị. Nó cũng tốt để hạ huyết áp (suckhoedoisong.vn).	x		
25	Trị ho: Lấy 5-7 lá Tần ô đâm với chút muối, vắt lấy nước uống			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Vừa là loại rau giàu chất dinh dưỡng mà tác dụng của rau tần ô cũng giúp trị nhiều bệnh nhưng việc ăn quá nhiều rau tần ô và sử dụng không đúng cách sẽ gây nhiều tác dụng phụ không mong muốn như: đau bụng và dị ứng.

Ngoài ra, một số đối tượng sau đây cũng cần hạn chế hoặc tránh sử dụng rau tần ô:

Người đang mắc bệnh tiêu chảy nên không ăn vì sẽ làm cho bệnh thêm trầm trọng.

Người có thể trạng tính hàn, lạnh bụng thì hạn chế ăn rau tần ô.

Trẻ nhỏ dưới 1 tuổi không nên dùng rau tần ô hấp mật ong để trị ho.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

452. Táo ta — *Ziziphus jujuba* Mill., 1768

Táo ta, Táo chua, Toan táo

Công dụng: Dùng chữa các bệnh người yếu mệt, hồi hộp, không ngủ được, tim đập mạnh, hay quên, dễ bị kích thích, tựa ra mồ hôi quá nhiều, tân dịch ít, miệng khô.

Tính vị: Có vị chua ngọt

Quy kinh: kinh đởm, can, tỳ, tâm

Thành phần hóa học: Nhân hạt: dầu béo, Phytosterol, saponin Lá: rutin.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ

Phân bố ở Cà Mau	Cây Táo Ta chủ yếu xuất hiện ở huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ), huyện U Minh (Khánh Hòa, Khánh Hội) và huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Bình Tây, Khánh Hưng), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân, xã Đất Mũi), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chán
Sinh cảnh	Cây Táo Ta được người dân trồng làm thuốc ở vườn nhà và ven đường đi, ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 10,
Thu hoạch	Nhân táo: khi quả chín (tháng 12 – 2) thu nhặt hạt táo. Tránh nhầm lẫn với hạt cây Bình linh còn gọi là hạt me làm thuốc tẩy giun (hạt keo bóng cứng, lồi ra một đầu nhọn). Cùi táo: là vỏ quả táo, vào khoảng tháng 12 – 2, chọn những quả táo chín, to nhiều
Chế biến	Nhân táo: Hạt táo sau khi thu hái, đem ngâm nước, rửa sạch phơi khô, xay cho vỡ vỏ hạch cứng (không được làm vỡ nhân) rồi sàng sảy sạch lấy nhân. Xong phơi khô hoặc sấy nhẹ cho thật khô. Cùi táo: Quả táo chín sau khi thu hái, gọt lấy cùi, bỏ hạt, phơi hoặc sấy nhẹ cho đến khô. Lá táo: Lá sau khi thu hái, đem phơi khô hoặc sấy nhẹ sao cho giữ được màu xám.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, mát tránh nóng ẩm, thường xuyên phơi, sấy nhẹ lửa.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)

→ **Họ:** Rhamnaceae (Táo)

→ **Chi**: Ziziphus (Táo)

→ **Loài**: *Z. mauritiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây bụi rậm rạp
Chiều cao cây	Cây cao 1,2-1,8 m, có cây lên tới 12m
Thân cây	Cây có nhiều gai.. Cành thường đâm ngang hay buông thong xuống, rất giòn, dễ gãy
Lá cây	Lá so le, hình trứng hoặc elip thuôn dài, kích thước 2,5-6,25 cm (1- 2,5 in) chiều dài, 2–4 cm (0,75- 1,5 in) chiều rộng; dễ phân biệt với táo tàu (Ziziphus jujuba Mill.) bởi sự có mặt của các sợi lông tơ dày dặc, mềm như lụa, có màu nâu hay trắng ở mặt dưới cũng như cuống lá non thì ngắn và có lông. Ở mặt trên, chúng có màu xanh lục thẫm, bóng mặt và với 3 gân lá theo chiều dọc, dễ thấy và bị nén xuống cũng như các răng cưa rất rõ nét ở mép lá.
Hoa	Hoa nhỏ, có 5 cánh hoa, màu vàng nhạt, tạo cụm 2-3 hoa trong nách lá.. .
Quả/trái	Quả của loại mọc hoang có kích thước dài 1,25 - 2,5 cm (0,5 – 1 in). Quả
Hạt	Hột chứa 2 hạt hình elip, màu nâu, dài 6 mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	An thần, giảm huyết áp, thúc đẻ: Dùng: 6 – 12g nhân hạt táo ta, sao vàng, lửa nhẹ, sắc uống. Cũng có khi sao cháy tồn tính để gây ngủ và đỡ độc.	x		
2	Chữa bệnh dạ dày: Táo ta còn có thể chữa được cả bệnh đau dạ dày và chứng viêm dạ dày mãn tính. Để làm điều đó cần gọt vỏ quả táo, sau đó đem xay thật nhuyễn rồi ăn loại bột táo tươi này vào buổi sáng vào lúc bụng đói. Cố gắng không dùng thức ăn khác trong vòng 5 giờ sau đó để bột táo phát huy hết tác dụng. Tiếp tục làm như vậy để chữa bệnh dạ dày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa mất ngủ, suy nhược thần kinh, ra mồ hôi trộm,người yếu mệt: Dùng Toan táo nhân (sao đen tồn tính) 6g; Xuyên khung 3g; Cam thảo 3g; Tri mẫu 4g. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa thần kinh suy nhược, hay quên, ngủ mê nhiều, biếng ăn, kém ngủ, mệt mỏi: Dùng Nhân táo chua (sao) 12g; Viễn chí 6g; Thạch xương bồ 6g; Cam thảo 3g; Đảng sâm 9g; Phục linh 9g; Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa âm hư, lao phổi sốt hâm hấp, buổi chiều, mất ngủ, tự ra mồ hôi: dùng nhân táo chua (sao) 15g; Sinh địa 15gạ tẻ ngon. Sắc uống (dongythientrithuc.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa chứng đau gan (can phong) co gân chân tay dau nhức, khó chịu, không ngủ được: Chuẩn bị: Toán táo nhân 6g, Chỉ xác 3g, Xuyên khung 3g, Khương hoạt 3g, Linh dương giác 1,5g, Phòng phong 3g, Tang bạch bì 4g, Cam thảo 3g, Cam cúc hoa 4g. Tất cả tán thành bột thêm sinh khương, đun với nước bỏ bã, uống khi còn nóng (dongythientrithuc.vn).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Dùng nhiều quá gây trúng độc, mất trị giác. Phụ nữ có thai dùng phải thận trọng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

453. Táo Thái — *Ziziphus jujuba* Mill., 1768

Táo Thái Lan

Công dụng: Chữa bệnh dạ dày, hen suyễn

Tính vị: Vị ngọt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Quả

Thành phần hóa học: Táo Thái chứa dồi dào kali, vitamin A và vitamin C (cao hơn lượng vitamin C trong cam và quýt từ 7 – 10 lần)

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc ở Thái Lan

Phân bố ở Cà Mau: Cây Táo Thái chỉ được tìm thấy ở huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước)

Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi, ngâm rượu
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Rosales (Hoa hồng)
    - **Họ:** Rhamnaceae (Táo)
      - **Chi**: Ziziphus (Táo)
        - **Loài**: *Z. mauritiana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây dạng thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 12 mét
Thân cây	Thân không gai hoặc có các gai nhỏ.
Lá cây	Lá táo so le, hình trứng hoặc elip thuôn dài, mặt trên có màu xanh lục thẫm, bóng mặt và có răng cưa rất rõ nét ở mép lá; ở mặt dưới có sợi lông tơ dày dặc, mềm như lụa màu nâu hay trắng, cuống lá non thì ngắn và có lông
Hoa	Hoa nhỏ, có 5 cánh hoa, màu vàng nhạt, tạo cụm 2-3 hoa trong nách lá. . .
Quả/trái	Quả hạch, khi chín có độ giòn, chứa nhiều nước, có vị ngọ
Hạt	Hạt cứng có hình ôvan hay thuôn dài, cứng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
2	Chữa chứng thiếu máu: Ăn 1 vài quả hằng ngày (baoninhthuan.vn).	x		
3	Ngăn ngừa chứng táo bón: Táo xanh có chứa acid chlorogenic có tác dụng thúc đẩy loại bỏ acid oxalic ra khỏi cơ thể và bình thường hóa hoạt động của gan, dạ dày, ruột và tuyến tiêu hóa nói chung. Vì thế ăn táo còn làm tăng cảm giác ngon miệng và ngăn ngừa chứng táo bón (baoninhthuan.vn).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

454. Tàu bay *Crassocephalum crepidioides* (Benth.) S.Moore, 1912

Kim thất

Công dụng: Tăng cường sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh lý như phì đại tuyến tiền liệt và bướu cổ, dùng để giảm đau nhức xương khớp và chữa bệnh tiêu chảy ở trẻ em.

Tính vị: Rau tàu bay có mùi thơm do có tinh dầu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá và ngọn

Thành phần hóa học: Thành phần chính của rau tàu bay chủ yếu là nước chiếm 80%. Ngoài ra, rau còn chứa hoạt chất khác với hàm lượng thấp như gluxit, protid, vitamin và chất khoáng (sắt).

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Châu Á
Phân bố ở Cà Mau	Hiện nay cây Tau Bay chỉ được tìm thấy ở huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến tháng 2 năm sau, Tháng 10 đến tháng 3 năm sau
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Sau khi hái xong, rửa sạch và phơi khô
Bảo quản	Nên bảo quản ơ rnhiệt độ 25 – 28 độ C, bao kín bằng túi nilon để tránh bị ẩm mốc, để nơi thoáng mát, khô ráo.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Asterales (Cúc)

→ **Họ:** Asteraceae (Cúc)

→ **Chi**: Crassocephalum

→ **Loài**: *C. crepidioides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm
Dạng cây	Cây dạng thân thảo mập
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 0,4 m đến 0,5 m nhưng cũng có thể tới 1 m
Rễ cây	Có rễ cái màu trắng hoặc nâu
Lá cây	Lá to, mỏng, hình trứng dài, mép có răng cưa to hoặc có khía, có mùi thơm
Hoa	Cụm hoa dạng đầu, mọc ở nách lá hoặc ở ngọn, gồm nhiều hoa màu hồng nhạt, bao chung gồm hai hàng lá bắc hình sợi.. Hoa lưỡng tính, tự hình đầu, hợp thành ngù, màu hồng nhạt đến đỏ và đỏ nâu, có mào lông mịn, trắng, mềm. .
Quả/trái	Quả bé có mào lông.
Mùi hương	Lá có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị côn trùng hoặc rắn, rết cắn: Sử dụng 1 nắm lá rau tàu bay tươi, rửa sạch và giã nát. Sau đó dùng phần bã đắp lên chỗ bị thương. Đắp liên tục 2 – 3 ngày để giảm sưng và đau (thuocdantoc.org).	x		
2	Giải độc cơ thể,tăng cường sức khỏe và phòng ngừa ung thư: Dùng rau tàu bay nấu canh hoặc luộc ăn 2 – 3 lần mỗi tuần (thuocdantoc.org).	x		
3	Giảm đau khớp, cầm máu và kháng khuẩn, kháng viêm: Rau tàu bay tươi sau khi rửa sạch giã nát và đắp lên vùng xương khớp bị đau nhức hoặc nơi có vết thương bị sưng (thuocdantoc.org).	x		
4	Điều trị sốt: Sử dụng 10 – 15 g rau tàu bay khô sắc nước và uống. Uống liên tục 2 – 3 ngày, triệu chứng sốt sẽ thuyên giảm một cách đáng kể (thuocdantoc.org).	x		
5	Chữa tiêu chảy hoặc lỵ ở trẻ nhỏ: Dùng lá tàu bay tươi hoặc khô sắc lấy nước và cho trẻ uống mỗi ngày giúp cải thiện triệu chứng tiêu chảy ở con trẻ (thuocdantoc.org).	x		
6	Giải độc và làm mát cơ thể, tăng cường sức khỏe cho tế bào gan: Nhặt rau tàu bay tươi nấu canh ăn hàng ngày hoặc xào nấu như những loại rau củ khác. Nên ăn 2-3 bữa rau tàu bay mỗi tuần (Lý Nguyễn, 2020).	x		
7	Cầm máu, kháng khuẩn kháng viêm vết thương, giảm chứng đau khớp: Lấy rau tàu bay tươi, rửa sạch, rửa lại với nước muối pha loãng một lần nữa và vẩy sạch nước. Sau đó đem giã nát cây này rồi dùng đắp trực tiếp lên chỗ có vết thương, vùng xương khớp bị đau nhức. Thực hiện 2 lần/ngày (Lý Nguyễn, 2020).	x		
8	Điều trị tiêu chảy, lỵ ở trẻ em: Dùng lá tàu bay tươi rửa sạch (hoặc dạng khô) đem sắc lấy nước và cho trẻ uống mỗi	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	ngày (Lý Nguyễn, 2020).			
9	Trị vết thương do côn trùng cắn: Chuẩn bị một nắm lá rau tàu bay tươi rửa sạch, rửa lại với nước muối pha loãng một lần nữa và vậy sạch nước. Sau đó đem giã nát lá rau tàu bay rồi dùng đắp trực tiếp lên vết thương giúp kháng viêm, giảm sưng và giảm đau vùng vết thương (Lý Nguyễn, 2020).	x		
10	Hạ sốt: Dùng 15-20g rau tàu bay khô sắc với nước uống. Uống liên tục 2-3 ngày giúp giảm các triệu chứng sốt đáng kể (Lý Nguyễn, 2020).	x		
11	Điều trị phì đại (u xơ) tuyến tiền liệt: Để cải thiện tình trạng đau nhức hoặc tiểu buốt, khó chịu do bệnh phì đại tuyến tiền liệt gây nên, nên dùng 30 g rau tàu bay khô sắc chung với 10 – 15 g náng hoa trắng và uống hàng ngày (thuocdantoc.org).	x		
12	Chữa bệnh bướu lành và bướu cổ: Sử dụng 30 g rau tàu bay khô và 30 g cây Xạ đen khô sắc với 1.2 lít nước. Sau khi nước thuốc cạn còn 500 ml, chia thuốc làm 3 và uống trong ngày. Để thuốc đem lại kết quả cải thiện bệnh hiệu quả, nên kiên trì sử dụng từ 3 – 4 tuần (thuocdantoc.org).	x		
13	Hỗ trợ điều trị bệnh u xơ tuyến tiền liệt hay gặp ở nam giới: Chuẩn bị: Rau tàu bay 10g, Hải trung kim 15g, Sài hồ nam 8g và Náng hoa trắng 20g. Cho các nguyên liệu vào ấm đun cùng với 3 bát con nước. Khi ấm sôi, vận nhỏ lửa và tiếp tục sắc đến khi nước thuốc cạn còn khoảng 1 bát con thì chắt thuốc ra bát tô. Tiếp tục sắc thuốc với nước thứ 2 và nước thứ 3. Sau đó trộn đều 3 nước thuốc với nhau rồi chia uống làm 3 lần trong ngày, nên uống sau bữa ăn. Ngày uống 1 thang (Lý Nguyễn, 2020).	x		
14	Điều trị các bướu lành và bướu cổ: Chuẩn bị rau tàu bay và cây Xạ đen: mỗi vị 30g. Cho các nguyên liệu vào nồi đun với 1,5 lít nước sạch. Đun sôi và hạ nhỏ lửa, đun tiếp tục khi còn khoảng 1 lít nước thì tắt bếp. Dùng nước thuốc chia uống 3 lần/ngày (thuocdantoc.org).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Rau tàu bay nếu biết cách sử dụng không chỉ giúp tăng cường sức khỏe mà còn ngăn ngừa ung thư. Tuy nhiên, nên chú ý liều lượng trong quá trình dùng. Bởi rau có chứa độc tính, nếu dùng quá liều có thể gây tác dụng phụ ảnh hưởng đến sức khỏe.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

455. Thạch anh

Công Đức, Ngãi tranh

Công dụng: Hỗ trợ điều trị các bệnh như viêm họng, viêm amidan, ung thư phổi, , trị ung thư lưỡi và ung thư vòm họng, ung thư gan, ung thư vú, ung thư ruột,bệnh về nhọt hạch, viêm khớp, đường ruột. Ngoài ra còn để chữa bệnh về u các loại, bướu cổ, viêm họng, hạ sốt, bó trật khớp – trật gân, trị Điều trị sâu răng, trị viêm khớp, ê buốt, đau răng

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ Huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau

Bộ phận dùng	Thân và lá của Thạch Anh chứa rất nhiều mủ trắng, nhìn giống như sữa. Loại mủ này được cho rằng có chứa chất kháng viêm rất mạnh, bởi vậy nó cũng là loại dược liệu chính để điều trị các loại bệnh.
Sinh cảnh	Đa số cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà hoặc bên ven đường đi

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
- **Lớp**:
  - **Bộ**:
    - **Họ:**
      - **Chi**:
        - **Loài**:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Loại cây này là dạng cây thảo
Chiều cao cây	Độ cao của cây chỉ ở mức vừa phải.
Thân cây	Thân mềm dễ gãy vì có chứa rất nhiều nước. Thân có một màu xanh khá đẹp và phần thân lớn rất chậm.
Lá cây	Cái cọng lá dài to khác nhau. Nhìn vào hình dáng bên ngoài thì Cây Thạch Anh gần giống với cây rau mùng tơi, có điểm khác biệt đó là phần lá nhọn hơn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sâu răng: Mỗi ngày lấy vài ba lá cây thạch anh rửa sạch, nhai hoặc giã lấy nước để ngậm. Mỗi lần ngậm 3 đến 5 phút, đặc biệt đưa nước lá thạch anh vào khu vực có răng sâu. Như vậy, tình trạng sâu răng sẽ được cải thiện (duoclieuvietnam.org).	x		
2	Chữa viêm họng hạt, amidan: Đem khoảng 3 lá to thạch anh rửa sạch rồi đưa vào miệng nhai khoảng 10 phút đến 15 phút. Vừa nhai vừa chú ý đẩy nước lá xúc qua họng để các hoạt chất có trong lá cây thạch anh phát huy hiệu quả. Việc sử dụng bài thuốc nam lấy lá cây thạch anh chữa viêm họng hạt và amidan có công dụng gấp 5 đến 10 lần các loại thuốc kháng sinh. Hơn nữa, lại an toàn cho sức khỏe, ít tác dụng phụ hơn nhiều so với việc dùng thuốc Tây y (duoclieuvietnam.org).	x	x	
3	Chữa bệnh bướu cổ: Lấy khoảng 8g lá thạch anh tươi, đem rửa sạch sẽ sau đó ngâm với nước muối loãng cho sát trung rồi vớt ra. Đem lá này nhai sống cùng với một chút muối trắng. Nhai kỹ cho lá tiết ra nước rồi nuốt lấy nước này. Sau đó nhả bã. Mỗi ngày làm theo cách này khoảng ba lần để cải thiện các vấn đề liên quan đến bệnh bướu cổ. Kiên trì thực hiện sẽ thấy hiệu quả (duoclieuvietnam.org).	x		
4	Chữa ung thư lưỡi và ung thư vòm họng: Mỗi ngày sử dụng nước của 2 – 3 lá cây thạch anh trong 1 tuần. Dùng kiên trì dù không làm khỏi hẳn. Nhưng trong nhiều trường hợp, các chỉ số của bệnh cũng có xu hướng giảm dần. Kích thước các khối ung thư cũng không phát triển mạnh thêm (duoclieuvietnam.org).	x		
5	Hỗ trợ các bệnh ung thư, ung thư phổi, ung thư gan: Lá thạch anh tươi với liều khoảng 8 -10g nhai kèm một ít muối có tác dụng mạnh hơn. Hoặc dùng nguyên cây thạch anh lá hái ra thân đập dập sau đó đun nước sử dụng liều khoảng 10g (duoclieuvietnam.org).	x		
6	Trị mụn: Người ta sử dụng Cây Thạch Anh này bằng cách nhai và nuốt mỗi ngày ba lần từ hai đến năm lá, kể cả phần thân nếu có, hoặc có thể đắp lên phần mụn ngoài da (Tra cứu dược liệu).	x		
7	Thanh nhiệt giải độc, bảo vệ gan, giải rượu: Dùng 60g cây khô pha hãm như trà để uống hàng ngày (Tra cứu dược liệu).	x		
8	Chữa bệnh ung thu lười và vòm họng: Ngắt khoảng sáu lá, rửa sạch, rồi cho vào ít muối nhai nuốt cục, cứ làm lặp lại như vậy ngày khoảng hai lần. Sau đó đến ngày thứ ba thì dùng bốn lá thôi. Độ khoảng một tháng thì bệnh sẽ thuyên giảm. Trong khi chữa bệnh thì vẫn nên ăn uống đầy đủ (duoclieuvietnam.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Kháng viêm, trị khối u: Nhai 4,5 lá Thạch anh (tươi) với muối, nuốt nước bỏ xác			x
10	Trị bệnh gan, viêm họng, viêm đường ruột: Lấy 2 cm cây Thạch anh rồi nhai với chút muối, nuốt nước và nuốt cả xác.			x
11	Trị bướu mục: Lấy lá Thạch anh và ít muối, ăn. Mỗi ngày sử dụng 3 lá, nghỉ 3 ngày			x
12	Trị ung thư: Nhai 3 lá Thạch anh và ít muối, nuốt nước cả xác			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Dược liệu không dành cho những người có huyết áp cao, sốt nhiệt. Những bệnh nhân âm hư hỏa vượng và người huyết nhiệt không được dùng. Bài thuốc chưa hẳn đã hoàn toàn chính xác. Tuy là bài thuốc từ thiên nhiên nhưng không được lạm dụng và dùng quá liều cho phép. Lưu ý: "Kết quả đạt được còn phụ thuộc vào cơ địa của từng người" Do đó, các cần cân nhắc và tìm hiểu thật kỹ trước khi sử dụng. Tốt nhất nên đến các cơ sở y tế uy tín để được thăm khám và đưa ra giải pháp trị bệnh phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

456. Thài lài tía — *Tradescantia zebrina* var. zebrina

Thài lài tím, Trai đỏ, Trai thài lài, Hồng trai

Công dụng: Lá non có thể luộc làm rau ăn. Cây được dùng làm thuốc chữa kiết ly, đái buốt, táo bón. Lấy cây tươi giã đắp hàn vết thương, chữa tụ máu sưng tấy, mụn nhọt, chốc lở.

Tính vị: Vị ngọt, tính hàn, hơi độc

Quy kinh: can, thận

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Thân và lá cây chứa oxalate calium. Lá và hoa chứa tricaffeoyl cyaniding 3,7,3'-triglucoside.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Mexico
Phân bố ở Cà Mau	Thài lài tía hiện nay chỉ mới được tìm thấy ở 03 huyện ở Cà Mau: huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh) và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh và xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Thài lài tía chủ yếu được người dân trồng trong vườn nhà.
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô dùng dần
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Commelinales (Thài Lài)

→ **Họ:** Commelinaceae (Rau trai)

→ **Chi**: Tradescantia (Thài Lài)

→ **Loài**: *T. zebrina*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Thân phân nhánh và bén rễ ở các mấu..
Lá cây	Lá mọc so le, có bẹ, phiến lá hình bầu dục, chóp nhọn, mặt trên màu lục, có sọc ở mép và ở giữa, lằn giữa và mặt dưới đỏ tía, bẹ có lông.
Hoa	Hoa nhỏ, xanh tía hay hồng, 1-2 cái ở chót nhánh, 2 lá bắc, cánh hoa dính nhau, 6 nhị bằng nhau.. .
Quả/trái	Quả nang nhỏ chứa nhiều hạt.
Hạt	Hạt có áo hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mụn nhọt: Thài lài tía, sống đời,mỗi vị 20-30g tỷ lệ 1:1 rửa sạch để ráo đem giã tươi, thêm nước vắt lấy nước cốt uống còn bã đắp vào chỗ đau, ngày 1-2 lần sẽ cải thiện tình trạng nhanh chóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Chữa đái buốt, kiết lỵ: Thài lài tía 30g, Mộc thông hay Mã đề 20g, sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Chữa mụn nhọt sưng tấy: Thài lài tía, Sống đời, mỗi vị 20g-30g, giã tươi, thêm nước, vắt lấy nước cốt uống, bã đắp vào chỗ sưng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Chữa táo bón: Sử dụng 30g thài lài tía, 25g lá khoai lang non. Đem rửa sạch đun chín dùng để ăn cả phần nước và phần cái vào mỗi bữa sáng, bệnh táo bón sẽ biến mất (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Chữa đái buốt: Dùng 30g thài lài tía, 20g mộc thông, 15g Mã đề, 12g Rau má, cho vào sắc lấy nước cốt uống. Chia làm 3 lần uống trong ngày, uống liên tục trong vòng 7 ngày. Sẽ giảm thiểu tình trạng tiểu khó, tiểu không hết và tiểu đêm nhiều lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

457. Thanh long *Hylocereus undatus* (Haw.) Britton & Rose, 1818

Tường liên, Lòng chảo, Thanh long

Công dụng: Quả thanh long là một loại quả ăn giải nhiệt, nhuận tràng. Hoa được dùng trị viêm phế quản, viêm hạch bạch huyết thể lao, lao phổi, say rượu; được cho là loại thực phẩm tốt cho tim mạch, có khả năng làm giảm cholesterol, cao huyết áp, kiểm soát đường huyết, ung thư, khử chất độc như kim loại nặng, chống viêm khớp, hen suyễn và giúp giảm cân, Thanh long giúp chống lại các bệnh lý mạn tính và chiến đấu với các tế bào ung thư, Chứa nhiều Prebiotic giúp tăng cường lợi khuẩn và bảo vệ sức khỏe đường ruột,

Công dụng	Giảm thiếu máu khi mang thai, Giảm các dấu hiệu lão hóa, Thanh long giúp tăng cường kiểm soát đường huyết, Các hạt nhỏ của thanh long chứa các axit béo có lợi và tốt cho trái tim của , Thanh long là nguồn Magie tốt
Tính vị	Vị ngọt, nhạt, tính mát
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Hoa và thân - Flos et Caulis Hylocerei Undati; trái
Thành phần dinh dưỡng	Loại quả có lượng protein, chất béo cao, giàu chất chống oxy hóa, vitamin và khoáng chất (vitamin A, vitamin C, sắt, canxi, chất xơ và ma-giê.) Một quả thanh long chỉ có 60 calo nhưng chứa đến 2,9 g chất xơ. Một khẩu phần thanh long (khoảng 170 grams), gồm các giá trị dinh dưỡng sau: Lượng calo: 102, Chất béo: 0 gram, Protein : 2 gram, Carbohydrate: 22 gram, Chất xơ: 5 gram, Đường: 13 gram, cũng sẽ nhận được các vitamin và khoáng chất: Vitamin A : 100 đơn vị quốc tế (IU), Vitamin C : 4 miligam, Canxi : 31 miligam, Sắt: 1 gram, Ma-giê : 68 miligam. Khác: Vitamin E, Đồng vi lượng… Ngoài các chất dinh dưỡng thiết yếu, thanh long còn cung cấp các hợp chất thực vật có lợi như polyphenol, carotenoids và betacyanin.
Thành phần hóa học	Cây chứa hentriacontane và a-sitosterol.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các vùng sa mạc thuộc Mexico, các nước Trung và Nam Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Thanh long là cây trồng khá phổ biến nên có thể tìm thấy cả trên 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau.
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng ở nhiều vị trí tại nhà như trồng trong vườn, ven sông, ven mương, ven vuông hay ven đường và cây cũng được trồng tại vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Mùa hoa từ tháng 9 đến tháng 12, Mùa quả từ tháng 9 đến tháng 12
Thu hoạch	Ta có thể thu hái vào mùa hè - thu. Thân thu hái quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô, thân thường dùng tươi.
Bảo quản	Để ở nhiệt độ phòng hoặc bọc kín cất vào ngăn mát tủ lạnh.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Cactaceae (Xương rồng)

Chi: Hylocereus

Loài: *H. undatus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Dây trường
Chiều cao cây	Dài tới 10m, bám vào giá thể nhờ những rễ phụ.
Thân cây	Thân màu lục, có 3 cánh dẹp xanh như 3 mặt, thường hoá sừng ở các mép, gai không nhiều lắm, rất ngắn, mọc ra những rễ khí trên không dùng để bám leo trên những cây cao. Những mặt bìa có răng dợn sóng, có 2 gai ngắn ở nuốm. Thân cây hợp lại như bụi bởi nhiều nhánh rủ xuống và mang nhiều hoa cho ra nhiều trái. Thân cây hầu hết là có khả năng quang tổng hợp photosynthèse do sự hiện diện của diệp lục tố Chlorophylle, nên mặc dù là dây leo nhưng cây Thanh Long là một cây tự dưỡng.. Cây cho ra nhiều chồi, dài khoảng 6 đến 12 m.
Lá cây	Lá, của giống Cactus không quang tổng hợp, được giảm kích thước dưới dạng là những gai màu nâu xám tìm thấy trong những nhóm từ 1 đến 3 trên đỉnh sóng của thân cây.
Hoa	Hoa rất to, phiến ngoài xanh xanh, phiến bên trong trắng hay vàng lợt, hẹp, kích thước đo được 35 cm dài và 25 cm đường kính, chỉ xuất hiện nở vào ban đêm trong vài giờ như hoa của cây Quỳnh Hoa, nhưng những mẩu thử tốt sản xuất cho nhiều hoa nở trong nhiều ngày, lá đài và cánh hoa nhiều, dính nhau thành ống;tiểu nhụy nhiều, bầu noãn hạ, nuốm toả ra nhiều nhánh như râu con bạch tuột. Hoa thơm khi được nở tối đa vào ban đêm, giữ qua đêm, cũng có khi đến nửa ngày hôm sau mới rủ xuống. Hoa Thanh Long Hylocereus undatus không tự thụ phấn và trong thiên nhiên phải nhờ đến những loài bướm đêm và những loài dơi chauves-souris, hấp dẫn bởi mùi thơm.
Quả/trái	Trái phì quả, khi trưởng thành có vỏ trái màu đỏ tươi, mọng nước, có phiến hoa còn lại, đường kính khoảng 12cm, giống như vảy, cuối cùng kết thúc bởi một điểm xanh, kích thước từ 5 - 12,5 cm dài và 4 - 9 cm rộng, trọng lượng khoảng 700 gr. Bên trong phần
Hạt	Hạt nhiều, nhỏ, màu đen.
Mùi hương	Hoa rất thơm giống như mùi thơm của vanille

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giúp màu da căng bóng: Dùng một trái Thanh long, múc nạt thịt trái phần ăn được, làm thành bột nhãm mịn của trái. Áp dụng đắp trên mặt, trên cổ và trên phần còn lại trên thân nếu cần. Để cho bột nhão được hấp thụ vào trong cơ thể. Tắm sạch. Có thể thực hiện 2 lần/tuần (suckhoedoisong.vn).	x		
2	Chữa trị màu tóc: Nước ép của trái Thanh long chức năng rất tốt trên những tóc: chữa trị hóa học, và những tóc nhuộm màu. Áp dụng một ít nước ép của trái Thanh long trên da đầu. Chờ khoảng 15-20 phút. Gội đầu sạch với một thuốc gội đầu (suckhoedoisong.vn).	x		
3	Chữa trị mụn Trứng cá: Dùng ¼ trái Thanh long làm thành bột nhão mịn. Áp dụng đắp trên những vùng ảnh hưởng. Rửa với nước ấm một khi đã khô. Áp dụng đắp thường xuyên, nếu có thể 2 lần/ngày, để cho có được kết quả tốt hơn (suckhoedoisong.vn).	x		
4	Bảo vệ da chống lại với những tác hại của tia cực tím: Trước khi ra ngoài nắng, nhúng ẩm một miếng bông gòn với nước ép trái Thanh long áp dụng trên mặt. Cho phép da hấp thu nước ép và rữa với nước lạnh (suckhoedoisong.vn).	x		
5	Giải nhiệt, nhuận tràng: Ăn quả thanh long thường xuyên (suckhoedoisong.vn).	x		
6	Chống lão hóa: Lấy trái Thanh long, đắp trên mặt (làm mặt nạ) (suckhoedoisong.vn).	x		
7	Chữa viêm phế quản, lao và viêm hạch bạch huyết não: Hoa Thanh long 30g, nấu canh với thịt lợn mà ăn (suckhoedoisong.vn).	x		
8	Hoa được dùng trị viêm phế quản, viêm hạch bạch huyết thể lao, lao phổi, say rượu. Liều dùng 15-30g, dạng thuốc sắc (suckhoedoisong.vn).	x		
9	Giảm cháy nắng da mặt: Dùng muỗng canh cho mỗi nước ép trái Thanh long và nước ép trái dưa leo. Thêm một muỗng canh mật ong vào dung dịch hỗn hợp nước ép. Trộn thật đều trong một cái chén và áp dụng cái gói hỗn hợp trên da bị cháy bởi nắng mặt trời. Gói hỗn hợp đắp trên mặt trong khoảng nửa giờ (30 phút) để hỗn hợp làm mát da. Rửa với nước ấm và tiếp tục rửa với nước đá lạnh (suckhoedoisong.vn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Ngăn ngừa sự lão hóa: Áp dụng mặt nạ trái Thanh long 1 lần/tuần. Để thực hiện mặt nạ, dùng ½ trái Thanh long và chế biến thành bột nhão mịn. Trộn một muỗng canh yogourt với hỗn hợp và đắp toàn bộ trên khuôn mặt và trên cổ. Chờ 20 phút và rữa với nước ấm. Lý do của những đặc tính chống oxy hóa của mặt nạ này: làm chậm lại hiệu quả lão hóa tiến triển của những tế bào (suckhoedoisong.vn).	x		
11	Trị đau nhức: Chặt cây Thanh long nấu nước uống mỗi ngày uống 1 chén).			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

458. Thảo linh chi

Cây bao tử, Cây dạ dày

Công dụng: Trị đau dạ dày mãn tính

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Nguồn gốc ở nước ta.

Phân bố ở Cà Mau: Thảo linh chi được tìm thấy ở huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú) và huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi)

Sinh cảnh	Thảo linh chi được người dân Cà Mau trồng ở trong chậu và trong vườn nhà.
Thu hoạch	Mỗi ngày chỉ cần tưới nước 1- 2 lần sau 15-20 là đã có thể thu hoạch được lá để dùng. Sau mỗi lần thu hoạch các lưu ý nên bón thúc phân NPK để cây phát triển
Chế biến	Ngắt lá rửa sạch, ăn mỗi sáng.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
- **Lớp**:
  - **Bộ**:
    - **Họ:**
      - **Chi**:
        - **Loài**:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Sống lâu năm.
Dạng cây	Là cây mọc bò, và mọc thành khóm
Chiều cao cây	Phát triển cao nhất chỉ chừng 20cm.
Thân cây	Thân cây có nhiều lóng, được bao bọc bởi bẹ lá..
Lá cây	Lá có màu xanh nhạt. Đặc điểm "lạ mắt" nhất của giống cây này là trên hoa và lá cây có rất nhiều chất nhờn tiết ra, lá rộng từ 1-1.5cm. Lá cây tương đối dài, mềm, mỏng.
Hoa	Có hoa nhưng chỉ một nụ duy nhất. Cây có hoa nhỏ màu trắng đục. Đặc điểm "lạ mắt" nhất của giống cây này là trên hoa và lá cây có rất nhiều chất nhờn tiết ra (cây này khá nhiều nhớt. Bấm móng tay vào thân cây, có thể thấy nhớt chảy ra thành dòng. Nếm thử sẽ thấy vị chua và chát.). .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị đau dạ dày mãn tính: Nhai sống lá cây hàng ngày (Trong 1-2 tuần ngắt lá "cây bao tử" rửa sạch rồi nhai sống vào mỗi buổi sáng. Đối với người bệnh là nam giới, mỗi lần cần nhai đủ bảy lá, nữ giới mỗi lần nhai chín lá)	x		
2	Chữa đau bao tử: Hái 4 -5 lá rửa sạch nhai sống, ngày nhai 2 – 3 lần. Kiên trì nhai lá này thường xuyên khoảng 1 -2 tuần bệnh sẽ thuyên giảm	x		
3	Trị đau bao tử: Sáng sớm nhai 3-4 lá Thảo linh chi với mật ong			x
4	Trị huyết trắng, ngăn bệnh dục: Lấy 100g lá Thảo linh chi, Hoàn ngọc xay nhuyễn, vắt lấy nước uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Dùng đơn thuốc cây bao tử lúc 9h sáng và 9h tối là hiệu quả nhất. Khi sử dụng cũng cần "im lặng", nếu không sẽ làm mất công hiệu của thuốc. "Chỉ cần đưa lá cây bao tử rồi bảo người bệnh nhai sống là được. Chọn loại lá "bánh tẻ", tức là không quá già và không quá non để nhai.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

459. Thảo quyết minh *Senna obtusifolia* (L.) H.S.Irwin & Barneby

Trà thanh nhiệt, Đậu gạo, muồng lạc, muồng ngủ, giả lục đậu, giả hoa sinh

Công dụng: Thảo quyết minh được dùng điều trị tăng huyết áp, táo bón, đau đầu mất ngủ, bệnh chàm, bệnh ngoài da do nấm và các bệnh về mắt như viêm võng mạc, quáng gà, viêm kết mạc cấp tính...

Tính vị: Thảo quyết minh tươi hơi đắng, có vị nhạt. Sau khi sơ chế dược liệu này có vị đắng, ngọt, hơi mặn.

Quy kinh: thận, can

Bộ phận dùng: Cả cây

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc

Thành phần hóa học	Nghiên cứu của các nhà khoa học cho thấy thảo quyết minh chứa thành phần chính là anthranoid như chrysophanol, physcion, obtusin, chryssobutusin, rubrofusarin, chrysophanol-1-β-gentiobiosid, chrysophanic axit-9-anthron. Ngoài ra, loại hạt này còn chứa chất nhầy, protid, chất béo và sắc tố
Phân bố ở Cà Mau	Cây thảo quyết minh, được tìm thấy ở huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi) và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	tháng 9 đến tháng 11, tháng 9 đến tháng 11
Thu hoạch	Từ tháng 9 -11
Chế biến	– Thảo Quyết Minh sao vàng: Sau khi đun chảo nóng già, cho Thảo Quyết Minh vào quất đều tay. Từ vỏ ngoài xuất hiện lớp dầu bóng láng, tiếp tục sao. Lớp dầu sẽ khô dần và bắt đầu xuất hiện các tiếng nổ lách tách, màu của hạt vàng dần. Tiếp tục đảo đều tay đến khi hết tiếng nổ lách tách, màu của hạt đã vàng đều là được. Lấy ra tãi mỏng cho nguội. – Thảo Quyết Minh sao cháy: Đem Thảo Quyết Minh sao như trên cho đến khi sao vàng thì vẫn tiếp tục đảo đều tay. Lớp vỏ bên ngoài của hạt đen dần, đồng thời trên mặt chảo rang xuất hiện lớp khói màu vàng cam, mỗi lúc một dày đặc, mùi hơi nồng. Đến khi toàn bộ lớp vỏ ngoài đen hết, lớp khói màu vàng nhạt dần rồi chuyển thành khói đen, có mùi thơm "cháy" dễ chịu, nhanh chóng đổ ra khay nhôm, tãi mỏng để tránh bị cháy tiếp. Một liệu trình kéo dài khoảng 3 – 4 tuần. Thực hiện liên tục 2 – 3 liệu trình để đạt hiệu quả điều trị như mong muốn.
Bảo quản	Nơi khô ráo thoáng mát, tránh mốc mọt

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Senna
        - **Loài**: *S. obtusifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống thời vụ mọc hàng năm
Dạng cây	Thảo quyết minh là loại cây thảo hay cây bụi nhỏ
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình khoảng 30 – 90 cm
Thân cây	Thân thảo, bụi hay gỗ nhỏ.
Lá cây	Lá mọc so le, kép lông chim, dìa chẵn, gồm 2 - 4 đôi lá chét. Lá chét hình trứng ngược lại, phía đầu lá nở rộng ra, dài 3 - 5cm, rộng 15 - 25mm.
Hoa	Hoa mọc từ 1 đến 3 cái ở kẽ lá, màu vàng tươi.. . .
Quả/trái	Quả là một giáp hình trụ dài 12 - 14cm, rộng 4mm, trong chứa chừng 25 hạt.
Hạt	Hình trụ ngắn chừng 5 - 7mm, rộng 2,5 - 3mm, hai đầu vắt chéo, trông hơi giống viên đá lửa, màu nâu nhạt, bóng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị cao huyết áp, mất ngủ: Thảo quyết minh rang hơi đen dùng pha nước uống thay nước chè (Nguyễn Văn Quyết, 2015).	x		
2	Điều trị táo bón: Thảo quyết minh còn được dùng làm thuốc nhuận tràng, lợi tiểu, điều trị đại tiện táo bón. Lá thảo quyết minh cũng được dùng làm thuốc. Liều dùng hằng ngày 5-10g phơi khô, sắc với khoảng 600ml nước, sắc cạn còn khoảng 300ml nước uống sau bữa ăn khoảng 10 phút (Nguyễn Văn Quyết, 2015).	x		
3	Điều trị mỡ trong máu cao: Sử dụng Thảo quyết minh 50 g sắc thành nước mỗi ngày uống 3 lần (Nguyễn Văn Quyết, 2015).	x		
4	Điều trị nấm âm đạo: Thảo quyết minh 40 g sắc thành nước, để âm dùng rửa và xông âm đạo. Thực hiện liên tục trong 10 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Điều trị mỡ trong máu cao: Sử dụng Thảo quyết minh 50 g sắc thành nước mỗi ngày uống 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	An thần gây ngủ: Thảo Quyết Minh sao cháy, có tác dụng trấn tĩnh cho người dùng thường hay mất ngủ. Đặc biệt có thể can nhiệu huyết nhiệt, tâm hồi hộp người bồn chồn khó ngủ. Hãm nước uống vào các buổi tối phối hợp với hắc táo nhãn (táo nhân sao tồn tính, sao đen) (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa hắc lào: Thảo quyết minh 20g, rượu 40 - 50ml, dấm 5ml. Ngâm trong 10 ngày. Lấy nước này bôi lên các chỗ hắc lào đã rửa sạch (suckhoedoisong.vn).	x		
8	Chữa đau mắt, cao huyết áp: Thảo quyết minh 15g, long đờm thảo 3g, hoàng bá 5g, nước 300ml. Sắc còn 150ml. Chia 3 lần uống trong ngây (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị mất ngủ: Thành phần: Hạt muồng muồng "sao thơm" 20g, cây lạc tiên 30g. Cách dùng: Đem pha nước uống hàng ngày (hoặc sắc nước uống) sẽ có tác dụng điều trị mất ngủ, huyết áp cao rất hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa viêm màng tiếp hợp cấp: Chỉ định: Điều trị mắt sưng đau, đỏ, chảy nước mắt nhiều. Bài thuốc: Quyết minh tử 16 g, thạch quyết minh, cúc hoa, hoàng cầm, mạn kinh tử, mộc tăng, bạch thược mỗi vị 12 g, thạch cao 20 g, xuyên khung 6 g. Mang các vị thuốc sắc thành thuốc uống, mỗi ngày một thang (suckhoedoisong.vn).	x		
11	Chữa trị mắt đỏ, đau đầu do phong nhiệt: Quyết minh tử (sao vàng) 12 g, phòng phong, hoàng liên mỗi vị 8 g, thăng ma, cam thảo mỗi vị 4 g, tế tân 2 g, sài hồ, cúc hoa, đạm trúc điệp mỗi vị 12 g, mang sắc thành thuốc uống (suckhoedoisong.vn).	x		
12	Điều trị cườm mắt, giảm thị lực do can thận bất túc và quáng gà: Bài thuốc thứ nhất: Quyết minh tử, câu kỷ tử mỗi vị 12 g, gan lợn 100 – 150 g mang đi nấu chín, dùng ăn. Bài thuốc thứ hai: Quyết minh tử, nữ trinh tử, cốc tinh thảo, cúc hóa, sa tật lê, câu kỷ tử mỗi vị 12 g, sanh địa 16 g, đem sắc thuốc uống (suckhoedoisong.vn).	x		
13	Điều trị đau nửa đầu: Dùng Quyết minh tử, dã cúc hoa mỗi vị 12 g, xuyên khung, mạn kinh tử, phòng phòng, hoàng liên mỗi vị 8 g, thăng má 4 g, tế tân 2 g, cam thảo 4 g sắc thành nước, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Điều trị đau đầu do huyết áp cao: Có thể dùng độc vị Thảo quyết minh 20 g sắc thành nước uống. Hoặc có thể bổ Sung thêm bạch tật lê, câu đằng mỗi vị 12 g, sắc thành thuốc, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Điều trị táo bón mãn tính: Dùng Quyết minh tử gia thêm Me chín (lấy cơm bỏ hạt) liều lượng bằng nhau, sấy khô tán thành bột mịn. Sau đó trộn với mật ong, làm thành viên hoàn, viên to bằng hạt ngô. Mỗi lần sử dụng khoảng 10 – 20 g trước lúc đi ngủ để hỗ trợ nhuận tràng (suckhoedoisong.vn).	x		
16	Điều trị can thận âm hư (đục thủy tinh thể, mắt mờ): Sử dụng sa uyển tử, câu kỷ tử, bạch tật lê, nữ trinh tử mỗi vị 12 g, Quyết minh tử 15 g sắc thành thuốc, dùng uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Hỗ trợ người bị hạ huyết áp: uyết minh tử sao cháy 12 g, cỏ ngọt 6 g, cúc hoa 4 g, hoa hòe sao vàng 10 g, hãm với nước sôi, dùng uống nhiều lần trong ngày thay nước trà (chè) (suckhoedoisong.vn).	x		
18	Trị tiểu đường: Lấy 1 nhúm hột Thảo quyết minh, cho nước sôi vào, để nguội uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Người hay bị phân lỏng không dùng.

Không nên nhầm với Thạch Quyết Minh, bởi Thạch Quyết Minh là loại vỏ sò biển còn gọi là cửu khổng vì trên vỏ có 9 cái lỗ (khổng) có tên khoa học là Conchahalootidis.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

460. Thì là — *Foeniculum vulgare* Mill., 1768

Thìa là, Tiểu hồi, Hồi hương, Tiểu hồi hương

Công dụng: Hạt chữa đau bụng do lạnh, hay do thận suy, đầy bụng, nôn mửa, ăn uống không tiêu, kinh nguyệt không đều, đau ngực, cảm cúm; ho gà. Rễ và hạt làm thuốc thông tiểu, chữa giảm niệu, sỏi niệu, viêm đường tiết niệu, thống phong, thống kinh. Hạt hãm để rửa mắt sưng. Lá giã đắp chữa sưng vú, bầm máu, u bướu.

Tính vị: Hạt có vị cay, mùi thơm, tính ấm.

Quy kinh: thận, tỳ

Bộ phận dùng: Quả, thân, lá non, rễ

Thành phần hóa học	Quả chứa một lượng quan trọng tinh dầu (2-6%). Tinh dầu chứa 50-60% anethol, estragol, các carbur terpen, còn có một ceton terpen là fenchon. Còn có các vitamin (A, B8, B9, C) và các nguyên tố C, Ca, P, K, S, Fe. Rễ chứa 0,3% chất béo. Dầu Thì là chứa các thành phần chủ yếu gồm anethol, fenchone, a-pinene, camphène, dipentene, a-phallandrene, anise aldehyde, anisic acid, estragole, cis-anethole, p-cymene, petroselinic acid, stigmasterol, 7-hydroxycoumarin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ miền Nam Châu Âu hoặc Bắc Phi.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Tiêu chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (Khánh Hòa) và huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Ngọc Hiển (Tân Ân)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 7, Tháng 10
Thu hoạch	Thu hoạch Thì là cuối mùa thu. Thu hoạch quả chín trên những tán hoa trung bình chín trước tiên; người ta cắt khi chúng ngả màu nâu và để cho chín dần trong một nơi thoáng khí. Khi các tán còn lại ngả màu nâu, người ta thu hái toàn bộ, cột lại thành bó. S
Chế biến	Cuối mùa thu, khi quả (Quen gọi là hạt) gần chín, khô, màu vàng nâu, nhổ lấy cây, phơi trong râm hoặc sấy ở nhiệt độ thấp dưới 45 độ C cho khô, rồi sẽ đập lấy quả. Nếu cây nhiều tán thì chỉ cắt những tán có quả chín trước.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Apiales (Hoa tán)

Họ: Apiaceae (Hoa tán)

Chi: Foeniculum (Tiểu hồi hương)

Loài: *F. vulgare*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm hay nhiều năm.
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,6-2m
Rễ cây	Rễ cứng
Thân cây	Thân nhẵn, màu lục lờ, hơi có khía..
Lá cây	Lá mọc so le, có bẹ phát triển; phiến lá xẻ lông chim 3-4 lần thành dải hình sợi
Hoa	Cụm hoa hình tán kép mọc ở nách lá và ngọn cành. Các tán hoa mang nhiều hoa nhỏ màu vàng lục.. . .
Quả/trái	Quả nhỏ hình trứng thuôn, lúc đầu màu xanh lam, sau màu xanh nâu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau bụng do lạnh, đầy bụng, nôn mửa, ăn uống không tiêu, đau bụng do thận suy, giảm niệu và sỏi niệu, thống phong, kinh nguyệt không đều, bế kinh, thống kinh, đau ngực, cảm cúm, ho gà, đầy hơi, thiếu sữa, ký sinh trùng đường ruột và sốt rét cơn. Ngày dùng 4-8g hạt, dạng thuốc sắc hay bột (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
2	Thông tiểu tiện, chữa giảm niệu, sỏi niệu, viêm đường tiết niệu, thống phong, thống kinh: Ngày dùng 15-20g rễ Thì là dạng thuốc chè hay sắc (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
3	Chữa sưng mắt: Lấy hạt Thì là sắc nước, dùng ngoài để rửa mắt sưng	x		
4	Chữa dịch sốt rét ác tính: hạt Thì là giã tươi vắt lấy nước cốt uống, hay tán bột hoặc sắc uống (Hành giản trân nhu).	x		
5	Chữa căng vú, bầm máu, u bướu: Lấy lá Thì là tươi, giã đắp.	x		
6	Chữa khó tiêu, chướng bụng, nôn mửa, nấc: Dùng 10g hạt	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Thì là sắc uống (Sức khỏe và Đời sống).			
7	Chữa huyết áp cao, xơ vữa động mạch dẫn tới nhức đầu khó ngủ: Hạt thìa là 5g giã nhỏ; sắc uống ngày 2 lần; uống liên tục nhiều ngày làm giảm cholesterol trong máu (Sức khỏe và Đời sống).	x		
8	Chữa viêm thận, sỏi bàng quang, sỏi thận: Giã hạt thìa là 5g hãm như trà; uống 5-6 lần trong ngày (Sức khỏe và Đời sống).	x		
9	Chữa ít sữa: Lấy hạt thìa là 10g sắc uống hàng ngày (Sức khỏe và Đời sống).	x		
10	Chữa bệnh đường hô hấp trong trường hợp cảm lạnh, cúm, hoặc viêm cuống phổi: Dùng khoảng 60g hạt Thì là chế trong nước sôi, lọc lấy nước hòa với mật ong, chia 3 lần uống trong ngày (Sức khỏe và Đời sống).	x		
11	Chữa hơi thở hôi: Nhai hạt thì là mỗi ngày sẽ cải thiện được hơi thở, giúp hơi thở thơm tho hơn (Sức khỏe và Đời sống).	x		
12	Trị mụn nhọt sưng đau: Lấy lá thìa là tươi, rửa sạch, giã nát rồi đắp trực tiếp lên mụn nhọt. Nếu nhọt đã vỡ mủ, nên kết hợp với một ít bột Nghệ rồi thoa lên để làm liền sẹo và giảm đau nhức (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
13	Chữa đau xóc dưới sườn: Thì là sao vàng 40g, Chỉ xác sao 20g tán bột uống mỗi lần 8g với rượu hoà thêm muối, ngày uống 2 lần (Nam dược thần hiệu).	x		
14	Chữa đau bụng do thận suy: Bột Thì là 4g cho vào bầu dục lợn nướng chín, ăn ngày 1 cái, liên tục trong 7 ngày (Dược liệu Việt Nam).	x		
15	Chữa đau xóc dưới sườn: Thì là sao vàng 40g, Chỉ xác sao 20g tán bột uống mỗi lần 8g với rượu hoà thêm muối, ngày uống 2 lần (Nam dược thần hiệu).	x		
16	Trị gan yếu, thiếu máu vàng da: Sa sâm 12g, Khương hoàng 12g, Thì là 4g, Nhục quế 4g, sắc uống chia 3 lần (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
17	Trị sán khí thống (đau dịch hoàn) có công hiệu thông khí, giảm đau, tiêu hạch, trừ thấp: Lấy Thì là (sao) 6g, Lệ chi hạch 2g, Mộc hương 2g, Mộc qua 8g, Ngô thù du 3,2g, Phá cố chỉ 6g, Sa nhân 2g, Tỳ giải 20g, sắc với rượu uống ấm (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
18	Trị đau dưới sườn: Thì là sao vàng 40g, Chỉ xác sao 20g, tán bột mỗi lần uống 8g chiêu với rượu hòa thêm muối, ngày 2 lần (theo Nam dược thần hiệu).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Trị bạch trọc, tiểu ra dưỡng chấp do phong hàn: Thì là 30g, tán bột cho vào 250ml rượu đun sôi trong 15 phút, lọc bỏ bã uống ngày 2 lần, mỗi lần 20ml (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
20	Trị tỳ vị hư, ngũ canh tiết tả (đi cầu vào gần sáng): Hồ lô ba 40g, Bạch long cốt 40g, Dương yêu tử 3 cái, Hồ đào 21 trái, Thì là 40g, Mộc hương 60g, Phá cố chỉ 40g. Tất cả tán bột trộn với rượu chưng làm hoàn. Ngày uống 8 – 12g, chiêu với rượu hâm nóng lúc đói (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
21	Bổ thận, tráng dương: Thì là 8g, cật dê hai quả, đậu đen 100g, Đỗ trọng 15g, gia vị vừa đủ: Cật dê rửa sạch, xắt từng miếng nhỏ. Thì là, đậu đen, Đỗ trọng rửa sạch, để ráo, cho vào túi vải gạc. Cho tất cả vào nồi, thêm lượng nước vừa đủ, nấu từ 30 - 60 phút, thêm gia vị cho vừa ăn. Phương thuốc này rất tốt cho những người dương hư, đau lưng, chân gối mỏi, sinh hoạt tình dục yếu (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
22	Trà Thì là (công dụng ôn trung trừ hàn, Hành khí chỉ thống, dùng làm đồ uống thích hợp trong những ngày rét): Gồm Thì là 10g, đường đỏ lượng vừa đủ. Thì là rửa sạch, tán vụn, hãm với nước sôi trong bình kín, sau chừng 20 phút thì dùng được, khi dùng chế thêm đường đỏ với lượng thích hợp, uống thay trà trong ngày (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
23	Chữa chậm kinh (biểu hiện chậm kinh, lượng máu kinh ít, sắc đỏ nhạt, bụng dưới đau âm ỉ, lưng mỏi, đại tiện lỏng,…): Thì là 6g, hoàng kỳ 30g, đương quy 15g, kỷ tử 15g, ngải diệp 10g, gừng nướng 6g, quế chi 10g, xuyên khung 8g, bạch thược 10g, thục địa 10g, ngưu tất 10g, ba kích 12g, nước 1000ml, sắc còn 600ml, chia làm 3 lần uống trong ngày. Hằng tháng, sau khi sạch kinh. Uống liên tục 10 – 15 ngày (Hoàng Xuân Đại, 2013).	x		
24	Chữa rối loạn kinh nguyệtt, kích thích và điều hòa chu kỳ kinh nguyệt, giảm đau trong các trường hợp đau bụng kinh ở các thiếu nữ và trong các trường hợp bế kinh gây ra bởi thiếu máu, cảm lạnh hoặc do có thai: Dùng 60g dịch chiết lá thì là trộn chung với 1 muỗng nước ép rau mùi tây, chia 3 lần uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Giúp giảm đau và sưng khớp: Chuẩn bị: Dầu vừng và một ít lá thìa là. Đem đun dược liệu trong dầu vừng, để nguội, lọc lấy dầu. Khi dùng, sử dụng một ít dầu thoa lên vùng khớp sưng nóng sẽ giúp giảm đau và sưng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
26	Trị bệnh gan: Lấy cả cây Thì là, Cỏ xùa và Nhân trần nam nấu: mỗi loại 1 nhúm, nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Người âm hư hoả vượng không dùng được.

Thì là có tác dụng kích thích tử cung, vì vậy phụ nữ mang thai không nên dùng quá nhiều.

Tránh sử dụng đồng thời rau thì là với các loại thuốc như: Thuốc tránh thai chứa estrogen, Tamoxifen, viên uống chứa estrogen, Ciprofloxacin, thuốc chống co giật,…

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

461. Thiền liền — *Kaempferia galanga* L., 1753

Sơn nại, Tam nại, Địa liền, Sa khương, Lương khương

Công dụng: Ôn trung, tán hàn, trừ thấp, tiêu thực. Chữa ngực bụng lạnh đau, tiêu chảy, ăn uống khó tiêu, đau dạ dày, nôn mửa, đau nhức xương khớp . Địa liền thường dùng trị ăn uống không tiêu, ngực bụng lạnh đau, tê thấp, nhức đầu, đau răng do phong. Còn được dùng để trị ỉa chảy, hoắc loạn và trị ho gà

Tính vị: Thiền liền có vị cay, tính ấm.

Quy kinh: tỳ, vị

Bộ phận dùng: Thân rễ (Rhizoma Kaempferia e)

Thành phần hóa học	Thân rễ Địa liền chứa 2,4-3,8% tinh dầu, để lạnh sẽ thu được phần kết tinh mà thành phần chủ yếu là p-methoxyethylcinnamat chiếm 20-25%; còn có những chất khác như pentadecan, V3 caren, ethylcinnamat, O methoxy ethylcinnmat, p methoxy ethylcinnamat, canphen, borneol, p methoxystyren
Nguồn gốc	Cây của Á châu nhiệt đới (Ấn Độ, Nam Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, Malaixia và Việt Nam)
Phân bố ở Cà Mau	Cây Tiêu chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (Khánh Hòa) và huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước), huyện Năm căn (Hàm Rồng), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (cac Ngọc Chánh, xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà, ven đường và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 5 đến 7
Thu hoạch	Thu hái thân rễ vào mùa khô. Thời gian thu hoạch để củ địa liền đạt chất lượng và nhiều dược tính nhất là từ tháng 11 đến hết tháng 3 hàng năm
Chế biến	Đào củ về, rửa sạch, thái phiến mỏng, xông lưu huỳnh rồi phơi khô, sao cho dược liệu không bị đen và kém thơm. Sau khi thu hoạch, đem phần củ rửa sạch và thái mỏng rồi phơi khô
Bảo quản	Do có tinh dầu nên Địa liền dễ bảo quản, ít bị mốc mọt, tránh ánh sáng trực tiếp, đặt ở nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Zingiberales (Gừng)
    - **Họ:** Zingiberaceae (Gừng)
      - **Chi**: Kaempferia (Địa liền)
        - **Loài**: *K. galanga*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Rễ cây	Rễ có khi phình thành củ nhỏ hình trứng
Thân cây	Thân rễ hình trứng gồm nhiều củ nhỏ. Thân rễ phình thành nhiều củ cạnh nhau, mùi thơm và cay, lớp vỏ ngoài màu nâu vàng, mặt cắt ngang gần tròn, đường kính 2-3 cm, màu vàng nhạt, có nhiều xơ màu trắng, chia làm 2 vùng bằng một vòng ranh giới màu trắng.
Lá cây	Lá 2 - 3 cái một, mọc xòe ra trên mặt đất, có bẹ, phiến rộng hình bầu dục, thót hẹp lại thành cuống, lá gần như không cuống, dài 12cm, rộng 15 - 25cm. Mép nguyên hơi có lông ở mặt dưới. Hoa trắng pha tím, không cuống mọc ở nách lá . Lá đơn, thường 2 (ít khi 3) lá mọc xòe sát mặt đất. Phiến lá hình bầu dục, dài 8-9 cm, rộng 6-7 cm, ngọn lá nhọn, gốc thuôn; mặt trên gần như nhẵn, màu xanh lục sậm; mặt dưới nhiều lông mịn và dài, màu trắng xanh, vùng ngọn màu đỏ tía; mép lá nguyên, hơi gợn sóng, viền trắng hay đỏ tía; gân lá song song, cong về phía ngọn lá, gân giữa to, lõm ở mặt trên, lồi ở mặt dưới. Bẹ lá dài 2,5-3 cm, rộng 1,5-2 cm, hình lòng máng, dày, phía gốc màu trắng, phía trên màu xanh lục nhạt, nhiều gân dọc song song, ôm chặt nhau thành một thân giả cứng cao 1,5 cm. Lưỡi nhỏ dạng màng mỏng, màu trắng có rìa nâu, cao 1-2 mm
Hoa	Cụm hoa mọc lên từ thân rễ, đi qua ống tạo bởi các bẹ lá, không cuống, mang nhiều hoa, thường mỗi lần chỉ có 1 hoa nở. Hoa trắng pha tím, không cuống, mọc ở nách lá . Hoa to, không cuống, không đều, lưỡng tính, mẫu 3. Lá bắc dạng phiến mỏng, uốn cong hình lòng máng, đầu thuôn nhọn, dài 3-3,5 cm, rộng 1-1,5 cm, phía gốc màu trắng, phía trên màu xanh lục nhạt. Lá bắc con ở phía trục hoa đối diện lá bắc, chẻ dọc từ gốc thành 2 phiến rời dạng dải hẹp, dài 2-2,5 cm, rộng 1-1,5 mm, màu trắng, có gân dọc ở giữa. Lá đài ở hoa nụ dính nhau thành một ống kín, màu trắng, dài 2,8-3 cm, đỉnh chia 2 răng rất nhỏ; khi hoa nở ống đài xẻ dọc ở phía trước từ đỉnh xuống một đoạn 0,5 cm. Cánh hoa màu trắng, dính nhau bên dưới thành một ống hẹp, dài 4,5-5 cm, trên chia thành 3 phiến mỏng, không đều, dạng dải, dài 2-2,5 cm, đầu nhọn uốn cong ra phía ngoài, hai mép thường cuộn vào phía trong, có nhiều gân dọc; phiến giữa ở phía sau rộng 4-5 mm, hai phiến bên rộng 2-3 mm. Nhị đính trên miệng ống tràng thành 2 vòng: (1) vòng ngoài gồm 2 nhị lép phía sau ở hai bên biến đổi thành 2 phiến màu trắng, dài 18-20 mm, rộng 8-10 mm, gốc thuôn hẹp hơi dày thành một cán dài 5 mm, phía trên nở rộng thành hình bầu dục đầu nhọn, nhiều gân dọc; nhị trước trụy không còn dấu vết; (2) vòng trong gồm 2 nhị lép phía trước và 1 nhị thụ phía sau; nhị lép dính nhau thành một cánh môi to, màu trắng, gốc có bớt tím ở giữa, giữa phần màu tím có một vệt dài màu vàng, dài 25-35 mm, phía dưới thuôn hẹp thành một cán dài 15-20 mm, rộng 8-10 mm, phía trên là một phiến rộng dài 10-15 mm, rộng 20-24 mm, chia làm 2 thùy; nhị thụ đứng đối diện với cánh môi; chỉ nhị không có; bao phấn dạng phiến, màu trắng, dài 4-4,5 mm, rộng 2-3 mm, mặt trong mang 2 ô phấn xếp dọc, mọng nước; chung đới kéo dài thành một phiến mỏng dài 4-4,5 mm, rộng 2-3 mm, màu trắng, uốn ra phía ngoài khi hoa nở, chia 2 thùy hình bầu dục, uốn cong xuống phía dưới; hạt phấn màu trắng, thường hình cầu, đường kính 100-110 µm, có khi hình bầu dục hay hình trứng, dài 110-155 µm, rộng 100-112 µm. Lá noãn 3, dính nhau thành bầu dưới 3 ô, mỗi ô 2 hàng noãn, đính noãn trung trụ; bầu màu trắng ngà, dẹp, dài 2,5-3 mm, rộng 1-1,5 mm, rải rác lông mịn màu trắng; vòi nhụy 1, dạng sợi, nhẵn, màu trắng, dài 40-45 mm, đi qua khe dọc giữa 2 ô phấn; đầu nhụy 1, màu trắng, loe thành hình phễu miệng có rìa lông. .
Mùi hương	Toàn cây nhất là thân rễ có mùi thơm, vị nồng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ngực bụng lạnh đau, tiêu hoá kém: Thiền liền 4-8g, sắc uống hoặc tán bột uống (thuocdantoc.org).	x		
2	Chữa cảm sốt nhức đầu: Thân rễ Thiền liền 5g, Bạch chỉ 5g, Cát căn 10g, tán bột làm viên uống. Ta thường Sả n xuất viên Bạch địa căn này (gồm Địa liền 0,03g, Bạch chỉ 0,10g, Cát căn 0,12g) dùng làm thuốc hạ sốt, giảm đau trong bệnh sốt xuất huyết và sốt cao ở một số bệnh truyền nhiễm; còn có tác dụng kháng khuẩn chống bội nhiễm (thuocdantoc.org).	x		
3	Chữa ho gà: Thiền liền 300g, lá Chanh 300g, vỏ rễ Dâu (tẩm mật ong) 1000g. Rau sam tươi 1000g, Rau má tươi 1000g, lá Tía tô 500g, đường kính vừa đủ, nấu với 12 lít nước, có còn 4 lít. Trẻ em mỗi ngày uống 15-30 ml (thuocdantoc.org).	x		
4	Chữa cảm sốt, nhức đầu: Sử dụng 5 g củ cây Thiền liền, 10 g cát căn và 5 g bạch chỉ, đem nghiền mịn và làm viên uống (thuocdantoc.org).	x		
5	Điều trị tiêu hóa kém, ngực bụng lạnh đau Cách 1: Sử dụng 4 – 8 g Thiền liền sắc thuốc uống. Ngoài ra cũng có thể tán bột và uống. Cách 2: Dùng Thiền liền, đương quy, đinh hương và cam thảo, mỗi vị có liều lượng bằng nhau đem tán bột. Sau đó trộn hồ và hoàn viên to bằng hạt ngô. Mỗi ngày uống 2 – 3 lần, mỗi lần lấy 10 viên uống với rượu (thuocdantoc.org).	x		
6	Trị ho gà: Dùng 300 g Thiền liền, 1000 g rau sam tươi, 300 g lá chanh, 500 g Tía tô, 1000 g Rau má tươi và 1000 g vỏ rễ dâu đã được tẩm mật ong và sao. Tất cả các vị thuốc được rửa sạch, cho vào nồi và thêm 12 lít nước và đun sôi trên ngọn lửa nhỏ. Sau khi thuốc cạn còn 4 lít cho vào bình thủy tinh, bảo quản và dùng dần. Mỗi ngày cho trẻ uống từ 15 – 30 ml (thuocdantoc.org).	x		
7	Chữa cảm nhức, ngộ độc, táo bón, ăn kém tiêu: Thiền liền (100g), Rau má (100g), thổ phục linh (100g), cam thảo (50g). Tất cả phơi khô, tán bột mịn. Ngày uống 2 – 4g (Kinh nghiệm của Hợp tác xã thuốc dân tộc Hợp Châu).	x		
8	Trị chứng ăn uống khó tiêu, đau thần kinh tọa, đau dạ dày: Dùng 20 g Thiền liền và 10 g quế chi đem tán bột. Mỗi ngày uống 3 lần và mỗi lần uống 2 g (thuocdantoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa đau nhức răng, tê phù, đau mỏi gân cốt, đau lưng, trị tê thấp: Củ cây Thiền liền phơi khô, thái nhỏ và cho vào bình ngâm chung với rượu cps nồng độ cồn 40 – 50%. Sau 5 – 7 kể từ khi ngâm, có thể dùng rượu để uống hoặc xoa bóp chữa đau nhức. Trừ trường hợp đau răng, ngậm rượu địa liền vài phút rồi sau đó nhổ ra (thuocdantoc.org).	x		
10	Cai sữa cho trẻ: Thiền liền (10g), viễn chí (10g), tế tân (10g). Tán bột, hòa với sữa mẹ hoặc dầu lạc, bôi lên lông mày của trẻ nhỏ vào buổi tối trước khi đi ngủ (thuocchuabenh.vn).	x		
11	Trị đau bụng: Lấy 0,5kg Thiền liền sao vàng, ngâm với 2 lít rượu, uống			x
12	Giải nhiệt, giã rượu: Lấy 1 củ Thiền liền đâm, vắt lấy nước uống			x
13	Giải cảm, trúng gió: Giã củ hoặc lá Thiền liền với muối, rồi vắt lấy nước uống			x
***Lưu ý khi sử dụng*:** *Người âm hư, thiếu máu, hoặc vị có hoả uất không dùng* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

462. Thiên lý — *Telosma cordata* (Burm. f.) Merr., 1921

Hoa lý, Hoa thiên lý, Dạ lài hương, Dạ lai hương

Công dụng: Giun kim (Lá non, hoa nấu ăn). Lòi dom (Lá giã đắp). Đái buốt, đái đục (Rễ sắc uống).

Tính vị: Theo Đông y, thiên lý có vị ngọt tính bình, giải nhiệt

Quy kinh: tâm, can

Bộ phận dùng: Rễ, lá và hoa

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ các nước Đông nam Châu Á.

Phân bố ở Cà Mau: Cây Tiêu chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (Khánh tiến, thị trấn U Minh) và huyện Cái Nước (Thạnh Phú, Tân Hưng Đông), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi).

Thành phần dinh dưỡng	Theo nghiên cứu y học hiện đại, thành phần dinh dưỡng có trong cây thiên lý bao gồm: chất xơ 3%, chất đạm 2,8%, và gồm chất bột đường, các vitamin như C, B1, B2, PP và tiền vitamin A (caroten), cùng các khoáng chất cần cho cơ thể như calcium, phospho, sắt, đặc biệt là kẽm (Zn) có hàm lượng khá cao…
Thành phần hóa học	Sơ bộ nghiên cứu, chúng tôi thấy trong lá và thân thiên lý có ancaloit (Đỗ Tất Lợi-Ngô Vân Thu –Hà nội 1962); Thành phần hóa học: Theo các nghiên cứu, cây thiên lý có chứa Ancaloit chủ yếu là trong thân và lá, rất ít trong hoa. Đây là một loại amin chứa độc tố, nếu không cẩn thận dùng quá nhiều sẽ có thể gây ngộ độc thậm chí có thể dẫn đến tử vong. Tuy nhiên với liều lượng ở mức vừa đủ thì sẽ không gây nguy hiểm, mà còn có công dụng trong việc điều trị bệnh. Ancaloit còn được tìm thấy trong các thực vật (khoai tây, cà chua) và trong động vật (tôm, cua, ốc, hến)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 10, Tháng 10 đến 3
Thu hoạch	Thu hoạch lá trong khoảng thời gian vào tháng 6 đến tháng 11 hằng năm. Thu hái hoa vào độ từ tháng 8 đến tháng 9 hằng năm
Chế biến	Cây thiên lý thường được sử dụng ở dạng tươi giã nát với muối và thêm nước vào để vắt lấy nước, ít khi dùng ở dạng phơi khô
Bảo quản	Lá và hoa thiên lý sau khi thu hoạch nên sử dụng ngay hoặc chỉ nên để sau 1 ngày ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

Họ: Apocynaceae (Trúc đào)

Chi: Telosma (Thiên lý)

Loài: *T. cordata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo leo, mảnh, không có tua cuốn
Thân cây	Thân dài 1–10 m, màu lục ánh vàng, khi non có lông tơ, những đoạn thân của năm trước màu xám nhạt, không lông, thông thường có các mấu xốp nhỏ thưa thớt..
Lá cây	Lá hình tim thuôn, khía mép ở khoảng 5-8mm về phía cuống, đầu lá nhọn, có lông ở trên các gân lá, phiến lá dài 6-11cm,rộng 4-7.5cm, phiến lá hình trứng, 4-12 × 3–10 cm, phần gốc lá hình tim với các lõm gian thùy hẹp, nhọn mũi; các gân lá chính 3, gân phụ tới 6 cặp.
Hoa	Xim hoa kiểu tán (mọc thành chùm), hoa khá to, nhiều, màu vàng xanh lục nhạt, rất thơm, thành xim tán, có cuống to, hơi có lông, dài 10-22mm, mang nhiều tán mọc mau liền với nhau. chứa 15-30 hoa; cuống hoa 0,5-1,5 cm, có lông măng. Các lá đài hình mũi mác thuôn dài, có lông măng. Tràng hoa màu xanh lục ánh vàng; ống tràng 6-10 × 4–6 mm, có lông măng bên ngoài, nhiều lông hoặc nhẵn nhụi với phần họng nhiều lông mé trong; các thùy thuôn dài, 6-12 × 3–6 mm, có lông rung. Các thùy của tràng hoa hơi dày, phần gốc hình trứng, nhọn đỉnh, thông thường có khía hay xẻ thùy sâu. Các khối phấn thuôn dài hay dạng thận. Núm nhụy hình đầu. Các quả đại hình mũi mác, 7-13 × 2-3,5 cm, nhẵn nhụi, hơi tù 4 góc. Các hạt hình trứng rộng bản, khoảng 1 × 1 cm, phẳng, cụt đỉnh, mép có màng; mào lông 3–4 cm. Ra hoa trong khoảng từ tháng 5 tới tháng 10, kết quả trong khoảng tháng 10-12.. Hoa rất thơm, chứa tinh dầu. .
Quả/trái	Quả là những đại dài 6.5-9.5cm, rộng 12-14mm.
Hạt	Hạt dài 1,5cm, có mào lông dài 3cm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Mát và bổ: Dùng hoa và lá thiên lý non để nấu canh ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
2	Chữa trĩ, sa dạ con: Dùng lá thiên lý giã đắp trực tiếp vào chỗ bị trĩ, kết hợp với uống 3 đến 4 bát nước lá thiên lý tươi, hoặc nấu canh ăn trực tiếp. Đây cũng là bài thuốc hiệu nghiệm chữa bệnh sa dạ con. Phụ nữ mang thai bị trĩ cũng có thể dùng hoa thiên lý để trị bệnh mà không phải lo sợ ảnh hưởng đến thai nhi (phacdochuabenh.com).	x		
3	Chữa vô sinh ở nam do thường xuyên tiếp xúc với chì: Liều dùng hoa thiên lý trong các bài thuốc phổ thông từ 20g đến 30g (100-200g tươi). Khi chế biến các món ăn với hoa thiên lý, chú ý không xào nấu quá chín sẽ làm giảm các dưỡng chất và dập nát cánh hoa, mất ngon (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
4	Hỗ trợ giảm cân: Sử dụng hoa thiên lí hằng ngày cho thực đơn giảm cân hằng ngày mà không cần phải sợ béo phì (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Phòng chống rôm Sả y mùa nóng: Nấu hoa thiên lý ăn hàng ngày. Đối với trẻ con thì nghiền hoa và lá lấy nước nấu bột, cháo cho trẻ ăn (Lệ Giang, 2019).	x		
6	Trị giun kim: Lấy lá thiên lý non nấu canh cho trẻ ăn từ 7-10 ngày liên tục (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Chữa đinh nhọt: Lấy 30g-50g lá thiên lý giã nhỏ đắp vào chổ mụn nhọt, ngày thay 1 lần trong 3 ngày sẽ khỏi (Lệ Giang, 2019).	x		
8	Chữa ho lâu ngày: Hoa thiên lý khô 50-70g sắc uống ngày 1 lần (phacdochuabenh.com).	x		
9	Điều trị mụn nhọt: Lấy lá thiên lý tươi giã nhuyễn rồi đắp trực tiếp lên mụn nhọt. Thực hiện liên tục cho đến khi mụn nhọt xẹp hẳn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa lòi dom và sa dạ con: Lá thiên lý 100g, muối ăn 5g. Hái lá thiên lý non và lá bánh tẻ, rửa sạch giã nhỏ với muối, thêm chừng 30ml nước cất, lọc qua vải gạc. Dùng nước này tẩm vào bông đắp lên chỗ dom rửa sạch bằng thuốc tím. Băng như đóng khố. Ngày làm một hay hai lần, trong vòng 3-4 ngày thường khỏi. Có thể chế thành thuốc mỡ (vadơlin 50g, lanôlin 40g, dung dịch thiên lý nói trên 10ml). Chữa sa dạ con: Cũng dùng như trên. Thường 3-4 hôm sau khi dùng thuốc đã thấy kết quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Giúp chữa mất ngủ, ngủ ngon hơn: Dùng hoa thiên lý nấu canh với thịt lợn nạc hoặc với cá diếc, ăn ngày một lần trong vài ngày liền. Đối với người mất ngủ thường xuyên nên dùng hoa thiên lý nấu canh cùng lá Vông nem, mỗi vị chừng 30 – 50g, rửa sạch thái nhỏ nấu chung thành canh, nêm đủ mắm muối, bột nêm cần ăn trong 4 – 7 ngày (phacdochuabenh.com).	x		
12	Giúp giảm đau nhức xương cốt: Hàng ngày lấy hoa thiên lý xào với thịt bò hoặc chấm với muối vừng ăn sẽ có tác dụng đau nhức xương cốt. Lưu ý, do trong thiên lý chứa kẽm nên khi sử dụng không xào nấu cùng với các thức ăn giàu chất sắt như gan, thịt lợn nạc, Rau muống… vì chất sắt có trong các loại thực phẩm này sẽ đẩy kẽm ra khỏi cơ thể (phacdochuabenh.com).	x		
13	Chữa hoa mắt, chóng mặt: Cúc hoa trắng 10g, Hoa thiên lý 10g, Ngải cứu 12g, Rau má 8g, Lá Đinh lăng 8g. Sắc uống ngày 1 thang chia 2 lần uống. Uống liên tục từ 5-7 ngày (phacdochuabenh.com).	x		
14	Chữa sa trực tràng, sa tử cung: Hái lá non hoặc lá bánh tẻ rửa sạch, giã nhỏ với một ít muối rồi sắc với 300ml nước còn 100ml. Khi nước thuốc đã nguội, đem lọc bỏ bã rồi tẩm bông đắp lên phần sa trực tràng, tử cung. Ngày đắp 2 lần (phacdochuabenh.com).	x		
15	Giúp an thần, điều trị chứng mất ngủ: Chuẩn bị hoa thiên lý kết hợp lá Vông nem, mỗi loại 30 – 50g, rửa sạch nấu canh chung với nhau, sử dụng liên tục trong vòng 1 tuần. Có thể cho thêm thịt lợn hoặc cá diếc ăn để bồi bổ sức khỏe, giúp an thần chống mất ngủ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Ngừa giun kim: Đối với bài thuốc trị giun kim, ta chuẩn bị 30g hoa thiên lý, 25g Đinh lăng, 20g rau sam. Lấy tất cả rửa sạch để ráo, sắc nước uống thuốc mỗi ngày 3 lần, uống liên tục trong 3 ngày. Bên cạnh có thể lấy lá thiên lý non nấu canh cho trẻ ăn liên tục từ 1 tuần trở lên, để thiên lý phát huy công dụng hiệu quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Điều trị đau nhức xương khớp: Bệnh nhân mắc bệnh xương khớp nên sử dụng lá và hoa thiên lý để hỗ trợ cho việc điều trị. Có thể dùng hoa thiên lý chấm với muối vừng hoặc xào thịt bò sẽ giúp làm giảm đau nhức hiệu quả. Lưu ý không nên chế biến chung với các thực phẩm giàu sắt như thịt heo, rau, gan động vật,.. Như vậy sẽ làm giảm lượng kẽm có trong hoa thiên lý (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
18	Giải nhiệt, mất ngủ, giảm đau, khám viêm: Lấy bông Thiên lý nấu canh, xào, ăn.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Khi dùng chế biến món ăn từ hoa thiên lý chữa bệnh đau khớp không nên kết hợp với các thực phẩm chứa sắt như gan, thịt lợn, rau muống,... Vì chất sắt có trong các loại thực phẩm này sẽ đẩy kẽm ra khỏi cơ thể.

Khi chế biến hoa thiên lý không nấu chín kỹ quá sẽ làm giảm dinh dưỡng và không đem lại hiệu quả cho việc điều trị.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

463. Thiên môn đông *Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr., 1919

Đuôi chồn, Thiên môn, Dây tóc tiên, Co sin sương (Thái), Sùa sú tùng (Hmông), Mè mằn, Mằn săm (Tày), Dù mác siam (Dao), Tút thiên nam

Công dụng: Ho, tiêu đờm, táo bón (Rễ sắc uống). Cao huyết áp (Lá sắc uống). Dùng chữa phế ung hư lao, thổ huyết ho ra máu, tiêu khát, nhiệt bệnh tân dịch hao tổn, tiện bí (táo bón kéo dài), Phổi khô ho khan, lao phổi, viêm họng mạn tính, ho gà; họng khô khát nước, buồn phiền mất ngủ; bạch hầu; viêm mũi; đái tháo đường; Những người tỳ vị hư hàn, tiết tả không dùng được.

Tính vị: Theo tài liệu cổ thiên môn đông có vị ngọt, đắng, tính đại hàn, vào hai kinh phế và thận.

Quy kinh: phế, thận

Bộ phận dùng: Rễ củ - Radix Asparagi, thường có tên là Thiên đông.

Thành phần hóa học	Trong củ có tinh bột, đường, chất nhầy và khoáng chất. Hoạt chất chính là asparagin, một acid amin có tác dụng lọc máu, dẫn lưu gan thận, ruột, phổi, làm dịu, kích thích tim, lợi tiểu, giảm đường huyết, nhuận tràng.Trong thiên môn đông có asparagin là một axit amin có tinh thể hình trụ, ngậm một phân tử nước, đun tới 100°C thì mất phân tử nước, độ chảy 234°- 235°C, tan trong nước nóng, chỉ hơi tan trong nước lạnh, 1g tan trong 1,47ml nước 20°. Với nước sôi, asparagin có thể thuỷ phân để cho axit aspartic và amoniac. Ngoài ra còn có chất nhầy. Có tài liệu nói còn có tinh bột, sacaroza. Các hoạt chất khác chưa rõ. Rễ chứa asparagin, chất nhầy, tinh bột và đường.
Phân bố ở Cà Mau	Cây được tìm thấy ở huyện Thới Bình (tân Lộc), huyện U Minh (Khánh Hòa), huyện Trần văn Thới (Khánh Bình Tây), huyện Cái Nước (Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (Hàng Vịnh) và khắp huyện Đầm Dơi.
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 8 đến 10.
Thu hoạch	Thu hái rễ củ vào mùa khô (Thu hoạch vào tháng 9- 10, rễ thu hái vào mùa đông, xuân).
Chế biến	Rễ củ đem về loại bỏ rễ con, tẩm ướt nước cho mềm, không ngâm lâu, hoặc đồ chín, rút bỏ lõi, thái mỏng, phơi hay sấy khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Asparagales (Măng tây)

Họ: Asparagaceae (Măng tây)

Chi: Asparagus (Măng tây)

Loài: *A. densiflorus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm.
Dạng cây	Thiên môn đông là một loại cây bụi leo, leo hay mọc tự
Rễ cây	Dưới đất có rất nhiều rễ củ hình thoi mẫm. Rễ củ mập.
Thân cây	Thân mang nhiều cành 3 cạnh, hình trụ, mọc xoắn vào nhau nhẵn và có gai cong nhọn. Thân nhẵn, có gai, dài nhọn, biến đổi, trông như lá. Thân mang nhiều cành. Cành nhẵn, hình trụ, có gai cong; các cành nhỏ mảnh, có rãnh rõ, không có gai. Diệp chi phẳng, hình lưỡi liềm, dài tới 2,5cm (Những cành nhỏ biến đổi thành lá gọi là diệp chi hình lưỡi liềm, có mặt cắt 3 góc, dài 2-3cm, đầu nhọn.)
Lá cây	Lá do cành nhỏ biến đổi gọi là diệp chi, hình lưỡi liềm, mọc so le hay mọc vòng, mặt cắt có 3 góc.
Hoa	Cụm hoa gồm nhiều hoa đa tính, màu trắng, xếp 1 - 2 cái, ít khi 3 cái, trên các nhánh nhỏ, ở nách các diệp chi; nụ hoa hình trứng. . Hoa đực có bao hoa gồm 6 mảnh. 6 nhị và nhụy lép không có vòi và đầu nhụy.. Hoa cái có bao hoa như hoa đực, có khi ngắn hơn và bao phấn tiêu giảm, bầu dạng túi có vòi ngắn và đầu nhụy hình tam giác.
Quả/trái	Quả mọng, màu trắng, khi chín màu đỏ, hình cầu;
Hạt	Hạt hình cầu, đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ho, lợi tiểu tiện và chữa sốt, thuốc bổ: Dùng 10-15g một ngày dưới dạng thuốc sắc hoặc nấu thành cao (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Thuốc bổ toàn thân, bổ tinh khí: Nhân sâm 4g, thiên môn đông l0g, thục địa l0g, nước 600ml. Sắc còn 200ml. Chia làm 3 lần uống trong ngày. Đông y quan niệm người (nhân), trời (thiên) và đất (địa) là một khối thống nhất và do đó là 3 yếu tố (tài) của vũ trụ. Nay gộp ba yếu tô' đó trong	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	1 thang thuốc (Như Ý, 2021).			
3	Lở mồm lâu năm: Thiên môn, mạch môn đều bỏ lõi, huyền sâm, cả 3 vị bằng nhau, tán nhỏ, luyện với mật, viên bằng hạt táo. Mỗi lần ngậm một viên (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Trị các chứng tân dịch hao tổn, miệng khô khát sau ốm dậy, da xanh, gầy, người mệt mỏi: Nhân sâm 4g, thiên môn đông 10g, thục địa 10g. Sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần trong ngày sau khi ăn 1 giờ (phacdochuabenh.com).	x		
5	Trị nôn ra máu, chảy máu cam: Thiên môn đông, sinh địa mỗi vị 30g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống nhiều ngày tới khi các triệu chứng thuyên giảm (phacdochuabenh.com).	x		
6	Chữa ho đờm, thổ huyết, hơi thở ngắn: Thiên môn, mạch môn, ngũ vị tử, sắc thành cao, luyện với mật mà uống. Ngày uống 4-5g cao này (Nguyễn Trần Anh Thư, 2021).	x		
7	Chữa ho dai dẳng, ho ra máu, khô cổ, sốt, bí tiểu tiện, đại tiện táo bón, chữa suy nhược thần kinh: Ngày 8 - 16g Thiên mông đông dạng thuốc sắc, cao, bột, rượu thuốc. Thường phối hợp với đảng sâm, thục địa làm thuốc bổ (vienduoclieu.org.vn).	x		
8	Trị chứng tâm loạn nhịp, hồi hộp, đoản hơi, vô lực, mồ hôi nhiều, mụn nhọt, táo bón, kém ngủ: Thiên môn đông 16g; liên tâm, đăng tâm thảo mỗi thứ 8g; liên nhục, thảo quyết minh, bá tử nhân mỗi thứ 12g; sinh địa, thục địa mỗi thứ 20g; đạm trúc diệp 30g. Sắc uống ngày 1 thang ngay sau khi ăn 1 giờ. - Trị chứng tâm phiền mất ngủ, nội nhiệt tiêu khát: thiên môn đông (bỏ lõi) 12g; nhân sâm, ngũ vị tử mỗi vị 4g. Sắc uống ngày 1 thang (Nguyễn Thị Hồng, 2019).	x		
9	Thuốc bổ chữa suy nhược: Thiên môn đông nấu thành cao lỏng, trộn với rượu Đẳng sâm và uống trước bữa ăn (Võ Văn Chi, 2012).	x		
10	Bổ phổi, chữa ho, khô cổ: Thiên môn nấu thành cao lỏng, thêm rượu uống (có thể phối hợp với lá Tỳ bà, Bách hợp, Thạch hộc, Trần bì). Hoặc dùng Thiên môn 15g, củ Sinh địa, rễ Sa sâm mỗi vị 12g sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
11	Trị tiêu khát (đái tháo đường): Thiên môn, mạch môn, ngũ vị tử (lượng bằng nhau) nấu thành cao, thêm ít mật ong để dùng dần mỗi lần uống 20ml, ngày 3 lần sau khi ăn 1 giờ.	x		
12	Trị phế nuy, hư nao, phong nhiệt, trị chứng nóng, khát: Thiên môn bỏ vỏ, bỏ lõi, nấu chín, ăn hoặc phơi khô, tán bột, luyện với mật làm thành viên to bằng hạt ngô (1g). Mỗi lần uống 20 viên ngày 3 lần, sau khi ăn 1 giờ (Nguyễn Thị Hồng, 2019).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị các chứng ho nhiệt, đờm đặc, ho lâu ngày, ho gà: Thiên môn đông, mạch môn đông mỗi thứ 20g; bách bộ 12g, trần bì, cam thảo mỗi thứ 8g. Sắc uống ngày 1 thang. Chia uống 3 lần trong ngày sau khi ăn 1 giờ (Nguyễn Thị Hồng, 2019).	x		
14	Chữa ho nhiều đờm nóng: Thiên môn bỏ lõi, sao vàng 20g, Bách bộ rửa sạch, bỏ lõi, tẩm nước gừng sao qua 10g, vỏ rễ Dâu, cạo bỏ vỏ ngoài, tẩm mật nướng chín 10g, cùng sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
15	Chữa ho gà: Củ Thiên môn, Bách bộ, quả Qua lâu, mỗi vị 6g; vỏ Quýt, củ Bối mẫu, mỗi vị 3g, sắc uống (Nguyễn Thị Hồng, 2019).	x		
16	Trị các chứng ho thể nhiệt mạn tính: Thiên môn đông, khoản đông hoa, tang bạch bì (tẩm mật sao), hạnh nhân, qua lâu nhân, tử uyển, tỳ bà diệp, bối mẫu mỗi thứ 12g. Sắc uống ngày 1 thang. Chia uống 3 lần trong ngày sau khi ăn 1 giờ (Nguyễn Thị Hồng, 2019).	x		
17	Trị phụ nữ bị cốt chưng, trong xương nóng, buồn phiền, bứt rứt, mồ hôi trộm, miệng khô, khát mà không uống được nhiều, suyễn: Dùng thiên môn đông, thanh hao, miết giáp, mạch môn, sài hồ, ngưu tất, bạch thược, địa cốt bì, ngũ vị tử lượng bằng nhau 12g. Sắc uống ngày 1 thang. Chia uống 3 lần trong ngày sau khi ăn 1 giờ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Lưu ý khi sử dụng: *Chú ý khi tẩm nước đừng ngâm lâu quá, tác dụng sẽ kém. Vị lúc đầu ngọt, sau hơi đắng. Củ nào béo mẫm, vàng là tốt.*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

464. Thiên niên kiện — *Homalomena occulta* (Lour.) Schott., 1832

Sơn thực, Thần phục

Công dụng: Thường dùng chữa phong hàn thấp nhức mỏi các gân xương, hoặc co quắp tê bại. Trong nhân dân, Thiên niên kiện thường được dùng chữa thấp khớp, đau nhức khớp, đau dạ dày, làm thuốc kích thích tiêu hoá. Còn dùng trị đau bụng kinh, trừ sâu nhậy. Thiên niên kiện còn là nguyên liệu chiết tinh dầu dùng làm hương liệu, và là nguồn nguyên liệu chiết linalol.

Tính vị: Vị đắng, cay, mùi thơm, tính ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân rễ của cây được thu hái để làm thuốc trị bệnh.

Thành phần hóa học	Trong thân rễ có khoảng 0,8-1% tinh dầu tính theo rễ khô kiệt. Tinh dầu màu vàng nhạt, mùi thơm dễ chịu. Trong tinh dầu có chừng 40% l-linalol, một ít terpineol và chừng 2% este tính theo linalyl acetat. Ngoài ra còn có sabinen, limonen, a-terpinen, acetaldehyt, aldehyd propionic
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Malaysia và châu Đại Dương.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Tiêu chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (Khánh tiến), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 6, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Thu hái quanh năm
Chế biến	Sau khi hái về, rửa sạch bùn đất và loại bỏ tạp chất. Sau đó cắt thành khúc 10 – 20cm và sấy khô với nhiệt độ 50 độ C. Cuối cùng đem sấy khô hoặc phơi khô hoàn toàn. Ngoài ra có thể bào chế dược liệu này theo những cách sau đây: Sau khi rửa sạch, đem ủ kín cho mềm, thái thành lát và phơi trong râm hoặc sấy nhẹ cho khô. Hoặc có thể dùng tươi, giã nát và thoa vào chỗ đau nhức. Rễ thiên niên kiện sau khi đã chế khô, mài chung với rượu và dùng nước uống.
Bảo quản	Do thiên niên kiện chế biến bằng phương pháp phơi khô, cây có chứa nhiều tinh dầu nên rất dễ bị ẩm mốc, bởi vậy khi dùng phải bảo quản thật kỹ. Lưu ý: để nơi khô ráo, mát, tránh ẩm nóng, để giữ tinh dầu. Dùng xong phải bao gói kín.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Liliopsida (Một lá mầm)

Bộ: Alismatales (Trạch tả)

Họ: Araceae (Ráy)

Chi: Homalomena

Loài: *H. occulta*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Sống lâu năm nhờ thân rễ mập
Dạng cây	Cây thân thảo
Đường kính cây	Đường kính khoảng 1 – 2cm
Vỏ cây	Vỏ màu xanh
Thân cây	Thân rễ mập và có mùi thơm..
Lá cây	Lá mọc từ thân rễ, phiến lá sáng bóng, dài tới 30cm, có 3 cặp gân gốc, 7-9 cặp gân phụ. Lá có cuống dài từ 16 – 25cm, mọc so le, bề mặt lá mà xanh và nhẵn, chiều rộng khoảng 8 – 11cm và dài từ 12 – 15cm.
Hoa	Cụm hoa là những bông mo, có mo màu xanh, dài 4-6cm, không rụng; buồng 3-4cm, ngắn hơn mo; bầu chứa nhiều noãn.. . .
Quả/trái	Quả mọng, có hình thuôn dài
Mùi hương	Thân có mùi thơm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trừ sâu nhậy: Dùng thân rễ Thiên niên kiện khô tán bột rắc (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa nhọt độc: Lá tươi giã với ít muối đắp.	x		
3	Trị phong thấp: Chuẩn bị: Ngưu tất 5g, thiên niên kiện 10g, mộc qua 15g và hy thiêm 20g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang (Vũ Thị Anh Đào, 2021).	x		
4	chữa đau bụng kinh: Chuẩn bị: Gỗ vang, rễ sim rừng, rễ bưởi bung, thiên niên kiện và rễ bướm bạc, các vị bằng lượng nhau. Đem các vị sắc lấy nước uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
5	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện 10g, Hy thiêm 20g, Mộc qua 15g, Ngưu tất 5g. Sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện, Dây chiều, Kê huyết đằng, Đan sâm, Thục địa, Xích thược, Thổ phục linh, Độc hoạt, Khương hoạt, Tang ký sinh, Đỗ trọng mỗi vị 12g; Đảng sâm 20g, Hoài sơn 16g, Ngưu tất 10g, Nhục quế 8g. Sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Chữa dị ứng, mẩn ngứa, lở sơn: Thiên niên kiện, Sả , Gừng mỗi vị 10g. Sắc uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện, Kê huyết đằng, Hà thủ ô trắng, Ngũ gia bì mỗi thứ 50g ngâm rượu cùng rắn hổ mang, răn ráo, rắn cạp nong, sau 3 tháng thì uống theo bữa cơm mỗi lần 1 chén nhỏ (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện 12g, Rễ Cỏ xước 40g, Hy thiêm 28g, Thổ phục linh 18g, Cỏ mực 16g, Ngải cứu 12g, Thương nhĩ tử (sao vàng) 12g. Sắc uống ngày 1 thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện 12g, Rễ bưởi bung 10g, Quả dành dành 8g. Sắc hoặc ngâm rượu uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Trị đau nhức xương khớp và thấp khớp: Chuẩn bị: Bạch chỉ 8g, thiên niên kiện 12g và cốt toái bổ 10g. Sắc uống, dùng hằng ngày (Vũ Thị Anh Đào, 2021).	x		
12	Chữa thấp khớp, đau nhức xương: Thiên niên kiện, Kim ngân, Cỏ xước, Thổ phục linh, Hy thiêm, Ké đầu ngựa, Cây xấu hổ, Dây đau xương, Cà gai leo. Các vị lượng bằng nhau, rửa sạch, đun kỹ, cứ 1kg dược liệu khô sắc lấy 1 lít nước thuốc, chế thành rượu thuốc hoặc si-rô để uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Chú ý: Người âm hư nội nhiệt, táo bón, nhức đầu không nên dùng.

Không dùng thiên niên kiện cho người bị nhức đầu, táo bón và âm hư nội nhiệt.

Thiên niên kiện là dược liệu chữa đau nhức xương khớp và làm giảm tình trạng dị ứng, mẩn ngứa trên da. Tuy nhiên dược liệu này có tính nóng nên sử dụng lâu ngày có thể gây ra chứng táo bón. Vì vậy bạn nên tham khảo ý kiến bác sĩ để biết liều lượng và thời gian sử dụng phù hợp.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

465. Thiên tuế — *Cycas pectinata* Buch.-Ham., 1826

Tuế lược

Công dụng: Rễ và lá đều có thể dùng chữa ho lao, thở khò khè; rễ dùng chữa mụn nhọt ghẻ lở; lông nhung có thể làm lành vết thương

Tính vị: Lá có vị đắng, tính bình, không độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, lá và lông ở lá noãn

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Miền Nam Trung Quốc và Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây được tìm thấy ở tất cả hầu hết các đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Đa phần cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà, vườn thuốc nam, và còn được người dân trong bên bờ ao, bờ ruộng, đường đi
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 7, Tháng 10
Thu hoạch	Tháng 10

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Cycadophyta (Tuế)
- **Lớp**: Cycadopsida (Tuế)
  - **Bộ**: Cycadales (Tuế)
    - **Họ:** Cycadaceae (Tuế)
      - **Chi**: Cycas (Tuế)
        - **Loài**: *C. pectinata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm.
Dạng cây	Thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 1-3m
Đường kính cây	Cây có gốc phình rộng tới 50 cm
Vỏ cây	Vỏ nhẵn,màu xám trắng
Thân cây	Thân hình trụ,có hình dáng như chiếc ô, ít phân nhánh. Cây chia nhánh 1-2 lần
Lá cây	Lá mọc trùm lên đỉnh thân, dài đến 2 m, lá hình dạng lá kép to hình lông vũ gồm nhiều lá nhỏ, lá nhỏ hình sợi khi mới ra uốn cong vào trong và dần dần trở nên cương cứng khi trưởng thành, có màu xanh bóng và nhẵn. Sẹo lá hình bánh bò.
Hoa	Mọc trên đỉnh. Hoa đực và fhoa cái không nằm chung trên một thân. Câù hoa đực có hình trụ và màu vàng, nõn hoa đực hẹp dài 25-28 cm, rộng 4 cm. Cầu hoa cái có hình dạng phiến dài tới 20 cm, có nhiều lông nhung màu nâu mọc kín, phần khong sinh sản rộng, mép chia thành nhiều dải hẹp, cong nhọn
Hạt	Hạt hình trứng, dài 42 - 45 mm, rộng 33 - 45 mm; vỏ hạt khi chín màu vàng, nhẵn, dày 4 - 7 mm, có sơ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bệnh tiểu đường: Lấy thân Thiên tuế góc bỏ vỏ đen, lấy phần thân trắng, phơi khô, sao vàng, nấu nước uống			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

466. Thù lù *Physalis angulata* L., 1753

Tầm bóp, Lu lu cái, Lồng đèn, Thù lù cạnh, Bôm bốp

Công dụng: Theo Đông y, cây Thù lù có công dụng thanh nhiệt, tiêu đờm, chỉ khái, lợi thấp, tán kết. Dược liệu này thường được y học cổ truyền dùng làm thuốc lợi tiểu và chủ trị các chứng bệnh cảm sốt, tiểu đường, viêm họng, khan tiếng, ho khan hoặc ho có đờm, thủy đậu, ban đỏ, nóng trong, nôn ói, sưng đau yết hầu, bệnh tay chân miệng.

Tính vị: Cây không chứa độc, vị đắng, tính mát. Quả có tính bình, vị chua nhẹ

Quy kinh: tâm, bàng quang

Bộ phận dùng: Tất cả các bộ phận của cây đều có thể dùng được, bao gồm rễ, thân, lá, quả.

Thành phần dinh dưỡng	Trong quả chứa nước, chất béo, chất xơ, protein, đường, cacbohydrat, vitamin C, các khoáng chất, lưu huỳnh, sắt, kẽm, magie, canxi, photpho, clo, natri
Thành phần hóa học	Trong cây có chứa các hoạt chất: anthocyanin, đặc biệt có các whitasteroid như: physalin A-D, F, L-O, physagulin A-G (Đây là các hoạt chất có tác dụng ức chế tế bào ung thư, được dùng trong điều trị ung thư), các alcaloid. Trong quả: nước, chất béo, chất xơ, đường, protein, cacbonhydrat, vitamin C, các khoáng chất như: Lưu huỳnh, sắt, kẽm, magie, canxi, photpho, clo, natri
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới, trở thành liên nhiệt đới.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau, huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây Thù Lù có khả năng tự mọc trong vườn nhà, vườn thuốc nam, bờ ao, bờ ruộng, ven sông
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Thu hái cây quanh năm
Chế biến	Dược liệu thu về được dùng dưới dạng tươi hoặc phơi khô tích trữ dùng dần.
Bảo quản	Thù lù sau khi được phơi khô nên cho vào trong bọc hoặc hộp kín, bảo quản nơi thoáng mát. Việc để thuốc ở khu vực ẩm ướt như gần nơi rửa chén, trong nhà tắm… có thể khiến Thù lù khô bị ẩm ướt, nhiễm nấm mốc và vi khuẩn.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Solanales (Cà)

Họ: Solanaceae (Cà)

Chi: Physalis

Loài: *P. Angulata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Chiều cao trung bình dao động từ 50 – 90 cm
Thân cây	Trên thân có nhiều cành và thường mọc rủ xuống.
Lá cây	Lá màu xanh, hình bầu dục, dài cỡ 0,3cm và rộng 0,2 – 0,4 cm. Các lá mọc theo kiểu so le, nối liền với thân bằng một cuống lá dài cỡ 0,15 – 0,3 cm. Lá có thể chia thùy hoặc không.
Hoa	Cây ra hoa màu trắng, nhụy vàng, có 5 cánh. Cuống hoa mảnh, mọc đơn độc. Đài hoa hình chuông, màu xanh, bao phủ lớp lông tơ mịn ở bên ngoài. Một số hoa có thể có những chấm tím ở gốc.. .
Quả/trái	Loại cây này cho ra quả quanh năm. Quả mọng, hình tròn, bề mặt nhẵn.
Hạt	Hạt nhỏ hình quả thận

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm họng, ho khan hoặc ho có đờm, giọng nói bị khàn, đi tiểu ít: Chuẩn bị: 50g cây Thù lù tươi. Nếu dùng khô thì lấy 15g. Cây Thù lù rửa sạch, sắc với 500ml chia uống nhiều lần trong ngày. Cần uống thuốc liên tiếp trong ít nhất 3 đến 5 ngày để thành được kết quả (thuocdantoc.org).	x		
2	Trị các bệnh da liễu như tay chân miệng, nổi ban đỏ ngoài da, bệnh thủy đậu: Lấy 50 – 100g Thù lù tươi (tương đương 15 – 30g cây khô) sắc thuốc lấy nước đặc uống cho đến khi bệnh khỏi hẳn (thuocdantoc.org).	x		
3	Chữa mụn nhọt ở vú, mụn đinh độc: Lấy 40 – 80gr cây Thù lù tươi rửa sạch, ngâm trong nước muối pha loãng. Sau đó vớt ra cho ráo nước, giã nát, chắt lấy nước và bã để riêng. Phần bã thì dùng để uống, còn bã có thể đắp trực tiếp lên khu vực da bị bệnh hoặc nấu nước để rửa tổn thương. Thực hiện mỗi ngày 1 lần (thuocdantoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Cải thiện hệ miễn dịch, phòng ngừa bệnh tật: Lấy lá và đọt non cây Thù lù tươi, nấu canh hoặc luộc ăn thay rau trong bữa chính. Mỗi tuần ăn 2 -3 lần để nâng cao thể trạng, góp phần ngăn ngừa ung thư, tiểu đường và các bệnh lý khác (thuocdantoc.org).	x	x	
5	Trị cảm sốt, yết hầu sưng đau, ho nhiều đờm: Dùng cây Thù lù khô từ 20 – 40g, sắc lấy nước uống trong ngày. Uống trong khoảng từ 3 – 5 ngày liền (trungtamduoclieu.com).	x	x	
6	Trị đờm nhiệt sinh ho, thủy thũng: Ăn quả Thù lù chín. Ngoài ra, công dụng của quả Thù lù còn giúp chữa được bệnh Scorbut, phòng ngừa bệnh đường tiết niệu và viêm thận như sỏi thận, sỏi bàng quang và bệnh Gout do có nhiều vitamin C và tiền vitamin A rất tốt cho cơ thể (trungtamduoclieu.com).	x		
7	Chữa tiểu đường: Chuẩn bị: 20 – 30g rễ Thù lù tươi, 1 quả tim lợn, chu sa. Các nguyên liệu rửa sạch, cắt nhỏ rồi nấu chung với nhau trong khoảng 20 phút. Gạn lấy nước uống mỗi ngày một lần. Mỗi liệu trình dùng thuốc cần uống liên tục trong 5 – 7 ngày (dongyvietnam.org).	x		
8	Hỗ trợ điều trị các loại ung thư phổi, ruột, gan, cổ tử cung, vòm họng, mũi: Chuẩn bị: 30g cây Thù lù khô, 40g cây bách giải. Cho 2 nguyên liệu trên vào ấm sắc cùng 1,5 lít nước. Khi nước sôi vặn nhỏ lửa cho đến khi cạn còn 700ml thì ngưng. Chia ra uống 2 hoặc 3 lần trong ngày (trungtamduoclieu.com).	x		
9	Trị ung thư (ung thư phổi, ung thư gan, ung thư ruột, ung thư cổ tử cung, ung thư mũi – vòm họng): Dùng cành mang hoa, trái và lá cây Thù lù khô 30g (tươi 100g), bạch truật 20g, cát cánh 10g, mạch môn 10g, hoàng cầm 10g, cam thảo 4g. Đem tất cả dược liệu rửa sạch, chặt nhỏ, sau đó cho khoảng 3 chén nước vào sắc còn 2 chén, chia ra ngày uống 2 lần. Uống 15 – 20 ngày liền. Nghỉ 10 ngày, sau đó dùng liệu trình tiếp theo (trungtamduoclieu.com).	x		
10	Hỗ trợ điều trị các loại ung thư phổi, ruột, gan, cổ tử cung, vòm họng, mũi: Chuẩn bị: 30g cây Thù lù khô, 40g cây bách giải. Cho 2 nguyên liệu trên vào ấm sắc cùng 1,5 lít nước. Khi nước sôi vặn nhỏ lửa cho đến khi cạn còn 700ml thì ngưng. Chia ra uống 2 hoặc 3 lần trong ngày (trungtamduoclieu.com).	x		
11	Mát gan: lấy 1 nắm (100g) cả cây tươi hoặc phơi khô, sắc với 3 chén nước còn 7 - 8 phân, hoặc sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
12	Ung thư: Sao nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị gan: Thù lù , Ô rô , Quao, Mần ri (tươi hoặc khô) mỗi lần 1 nắm thuốc			x
14	Mát,bệnh trỉ: nhổ nguyên, chặt khúc phơi héo, nấu nước uống hàng ngày. Hoặc xây cả cây bỏ sát cộng nước dừa, uống hàng ngày			x
15	Trị bệnh gan: - Cách 1: Lấy nguyên cây Thù lù, Nhân trần nam, Ô rô, Quao: mỗi loại nhúm, đem đi phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Dùng hàng ngày. - Cách 2: Lấy 1 nhúmThù lù (cả cây, chặt phơi khô), 1 nhúm Chó đẻ (cả cây), Ô rô (cả cây), Quao (thân) phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 3: Lấy một nắm Thù lù (cây, rễ), Cỏ xước, Nhãn lồng sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 4: Lấy Thù lù phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống. Hạn chế uống, uống nhiều bị nở gan. - Cash 5: Lấy 1 nắm cây, rễ Thù lù, Chó đẻ, Ngà voi, Cam thảo đất, Cỏ mần trầu, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống.			x
18	Trị ung thư vú, lao phổi kéo đờm: - Cách 1: Lấy 9 đọt Thù lu nhai, nuốt nước, bỏ xác. - Cách 2: Lấy 1 tay Đu đủ (tươi), 3 tép Sả (đã nướng), 1 nắm bông Sứ cùi (trắng) nấu với 3 chén đến khi còn lại 7 phân, uống.			x
20	Trị nhức tê: Lấy 1 nắm đọt non Thù lù và ít muối, đâm, vắt lấy nước uống.			x
21	Trị đau nhức, trị gan: Lấy Thù lù, Chùm gọng, Quao, Đinh lăng, Nhàu, Nhãn lồng, Mắc cỡ sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
22	Trị bệnh đường ruột: Lấy 1 nắm Thù lù, 1 nắm Cỏ mực nấu nước uống			x
24	Trị bệnh gan, nhức mỏi: Lấy 1 nắm Thù lù (đã chặt nhỏ, phơi khô), Nhãn lồng, Cỏ nước mặn, Cỏ mần trầu, Cỏ hôi nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
26	Giải nhiệt (uống mát): Lấy 1 nắm Cỏ mần trầu, Thù lù, Vông nem, Chó đẻ, sắc vói 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Cây tươi: Đắp ngoài, uống nước cốt hoặc nấu nước rửa ngoài tổn thương. Ngày dùng tối đa 40 – 80g

Cây khô: Dùng theo dạng sắc uống, mỗi ngày 20 – 40g.

Cây Thù lù là dược liệu tự nhiên lành tính nhưng dùng lâu dài cũng không tốt. Trước khi sử dụng nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc và dùng đúng liều được khuyến cáo.

Những người bị dị ứng với Thù lù thì tuyệt đối không nên chữa bệnh bằng loại cây này. Nếu trong quá trình điều trị thấy cơ thể có các biểu hiện xấu như nổi mẩn ngứa, tức ngực, khó thở, buồn nôn… thì nên ngưng uống ngay.

Phụ nữ mang thai, trẻ em cần có sự đồng ý của bác sĩ trước khi dùng

Thận trọng khi sử dụng cây Thù lù trong thời gian đang được điều trị bằng thuốc tây, thực phẩm chức năng hay bất kì loại thảo dược nào khác. Chúng có thể tương tác làm giảm tác dụng của nhau hoặc gây ra những tác dụng phụ không tốt.

Cây Thù lù rất dễ bị nhầm lẫn với lu lu đực – một loại cây chứa độc tố solanin. Nếu như hoa Thù lù thường mọc đơn độc, khi chín quả màu đỏ hoặc vàng thì hoa cây lu lu được lại mọc thành chùm, quả có màu đen. cần chú ý đến đặc điểm này để thu hái và mua đúng dược liệu.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

467. Thuốc dấu — *Euphorbia tithymaloides* L., 1753

Hồng tước san hô, Dương san hô, Thuốc giấu, Chân rít, Ngãi rít

Công dụng: Dùng chữa những vết đứt tay chân, vết thương; chữa chấn thương bầm dập, gãy xương, vết thương chảy máu;viêm kết mạc mắt; trị mụn nhọt, mẫn ngứa, viêm mủ da, bệnh ngoài da. 3 rết cắn. Lá dùng trị sổ mũi và chứng bứt rứt; ó nơi dùng trị rết cắn (với tên Ngải rít); Sự ngưng tập tế bào máu, bệnh tiểu đường

Tính vị: Thuốc dấu có tính hàn, vị chua hơi chát, có độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Pedilanthi.

Thành phần hóa học	Thành phần hóa học Rễ, thân và lá cây chứa độc tố được gọi là euphorbol (một terpene phức hợp) và các diterpen ester khác. Đây là những chất gây ung thư. Lá và thân cây cũng chứa beta-sitosterol, cycloartenon, octacosanol và oxime, là những chất có dược tính dựa trên độc tính của chúng.
Nguồn gốc	Nguyên sản ở đảo Antilles (Trung Mỹ)
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng nhiều trong vườn nhà và trồng ven đường đi, bờ ruộng
Mùa hoa quả	Cây ra hoa tháng 3-5 và tháng 8-9.
Thu hoạch	Người ta thu hái toàn cây, lá quanh năm
Chế biến	Thuốc dấu thường được sử dụng ở dạng tươi đắp ngoài hoặc dạng khô để sắc nước uống.
Bảo quản	Nếu thuốc dấu ở dạng khô, bảo quản thuốc nơi khô ráo, tránh ẩm ướt.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)

→ **Chi**: Euphorbia (Đại kích)

→ **Loài**: *E. Tithymaloides*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây nhỡ, có nhựa mủ trắng.
Chiều cao cây	Cây nhỏ cao chừng 1-2m. Cây lớn cao đến 1,8 m đến 2,4 m
Đường kính cây	Thường rộng khoảng 46 - 61 cm,
Thân cây	Thân mẫm, thân gỗ mọng nước, phủ một lớp sáp, hẹp, hình trụ, màu xanh lá cây đậm (thường sử dụng là cơ quan quang tổng hợp photosynthèse trong trường hợp rụng lá), sần sùi hoặc hơi rậm thường không có lá. Toàn thân chứa mủ trắng như sữa. Cành vặn vẹo, mọc thẳng đứng.
Lá cây	Lá mọc so le, đơn, đa dạng, song đính, hình trứng, thành 2 dây rất đều, đầu lá nhọn, phía cuống tròn, gần như không cuống hay có cuống rất ngắn (gắn trực tiếp vào cây), dài 7-10cm, rộng 4-6cm. Gân lá không rõ, vì lá trông mẫm. Toàn cây và lá, bấm chỗ nào cũng có nhựa mủ trắng, phiến xoan, láng, đầu tròn hay nhọn, đáy hình nêm, hay phiến dẹp, bìa nguyên dợn sóng, xanh đậm, khoảng 1 đến 16 cm dài, 10 cm rộng. Những gân lá hình lông chim với một gân giữa dợn sóng dày bên dưới.
Hoa	Phát hoa, tụ tán nhị phân ở đỉnh hoặc ở nách lá gần đỉnh thân, có cọng ở nách lá, mang bầu dài như bàn chân, màu đỏ dài đến 2 cm gọi là Cyathie. Mỗi Cyathie 2 bên đối xứng bilatéralement symétrique (cấu trúc của hoa trong đó chứa những bộ phận hoa đực và hoa cái riêng rẻ nhau), không thơm, hình ống đỏ xanh bên dưới, dài 7-15 mm, được hỗ trợ bằng một cuống dài 3 đến 8 mm dài, màu đỏ màu xanh bên dưới, cuống hoa đực có lông trong khi cuống hoa cáo láng không lông và bao quanh bởi một lá bắc màu đỏ tươi và hình dạng không đều đầu nhọn khoảng 12 mm dài x 2-5 mm rộng. Tuyến mật 4. Hoa vô cánh, tiểu nhụy không lông, bầu noãn thon, trên cọng dài, vòi nhụy dài đến 12 mm, chẻ hai. Trước khi ra hoa, có nhiều mũ trắng. Hoa màu đỏ tươi, rất ít khi thấy ra hoa, mọc ở ngọn thân
Quả/trái	Trái, viên nang, đầu cắt ngang cùn, có hình trứng, có rãnh hoặc nhăn, thùy sâu khoảng 5-6 mm đường kính, cuống dài từ 4 đến 14 mm.
Hạt	Hạt hình trứng, 3-4,5 mm dài và 2,5-3,2 mm rộng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị sổ mũi và chứng bứt rứt: Lá thường dùng tươi giã đắp hoặc lấy mủ tươi đắp vết thương. Để dùng uống trong, hãm lá trong nước sôi. Để chữa đinh nhọt và viêm mủ da, vết thương chảy máu, giã cây tươi dùng rịt ở ngoài. Để trị rắn cắn, giã cây tươi với một ít muối và đắp vào vết thương (thongtinthuoc.org).	x		
2	Chữa vết thương chảy máu: Dùng lá Thuốc dấu tươi rịt ở ngoài vết thương hoặc dùng nhựa cây xoa vào vết thương (thongtinthuoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Chữa rắn cắn: Giã cây Thuốc dấu tươi với một ít muối và đắp vào vết thương (thongtinthuoc.org).	x		
4	Chữa vết thương có mủ: Lá Thuốc dấu tươi giã nát đắp vào vết thương để hút mủ ra (thongtinthuoc.org).	x		
5	Chữa mụn nhọt: Lá Thuốc dấu tươi giã nát đắp vào chỗ có mụn nhọt để tiêu sưng, rút mủ ra (thongtinthuoc.org).	x		
6	Trị ho: Lấy lá Thuốc dấu đâm, vắt lấy nước uống (thongtinthuoc.org).			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Trường hợp dùng dưới dạng thuốc sắc cần tham khảo ý kiến thầy thuốc Người hư hàn không nên dùng Phụ nữ có thai không nên dùng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

468. Thuốc dòi *Pouzolzia zeylanica* (L.) Benn., 1838

Bọ mắm, Thuốc giòi

Công dụng: Cảm ho, hoặc ho lâu ngày, bệnh về phổi, viêm họng. Lỵ, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiết niệu, bí tiểu tiện. Nấm da, đinh nhọt, sâu quảng, viêm mủ da, viêm vú. Trong cuộc sống Thuốc giòi được dùng để trừ giòi bọ.

Tính vị: Vị ngọt, nhạt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân, lá, hoa, nhựa cây

Thành phần hóa học	Toàn cây chứa nhiều chất nhầy, flavonoid (scopolin, scutellarein-7-O-α-L-rhamnosid, scopoletin, quercetin, quercetin-3-O-β-D-glucosid, apigenin, epicatechin), triterpenoid (acid oleanolic, α-amyrin, 2-α-hydroxyursolic acid, 2α,3α,19α-trihydroxyurs-12-en-28-oic, friedelin), phytosterol (β-sitosterol, daucosterol), eugenyl-β-rutinosid, acid béo.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và bán đảo Đông Dương
Phân bố ở Cà Mau	Cây được tìm thấy ở tất cả hầu hết các đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây Thuốc dòi được trồng làm thuốc ở vườn nhà, ven đường và vườn thuốc nam, đôi khi nó cũng có khả năng tự mọc ở ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 7 - 9, Tháng 7 - 9
Thu hoạch	Thu hái quanh năm
Chế biến	Người ta hái toàn cây về dùng hoặc phơi khô hoặc sấy khô
Bảo quản	Bảo quản cây thuốc ở nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh nắng gắt

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**:

→ **Họ:** Urticaceae (Gai)

→ **Chi**: Pouzolzia

→ **Loài**: *P. zeylanica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 40 – 50 cm
Thân cây	Cây hơi nhám do có lông ngắn, cứng. cành mềm mọc trải ra
Lá cây	Lá mọc so le, có khi mọc đối có lá kem, hình mác hẹp, trên gân và 2 mặt đều có lông nhất là ở mặt dưới, lá dài 4-9cm, rộng 1.5-2.5cm. Có 3 gân xuất phát từ cuống
Hoa	Cụm hoa đơn tính mọc thành xim co, ở kẽ lá có các hoa không cuống. Hoa thuốc dòi nhỏ nhắn, nở thành chùm ở nách của nhánh cây.. .
Quả/trái	Quả hình trứng nhọn, có bao hoa có lông, có các khía dọc như chia thành từng múi

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm mũi sưng đau: Lấy lá hay hoa cây Thuốc dòi chừng 15-20 g, giã nát cùng vài hạt muối, gạn lấy nước, dùng bông y tế thấm bôi vào mũi nơi bị viêm, ngày 3-4 lần (thuocdantoc.org).	x		
2	Chữa ho, viêm đau họng: Cây Thuốc dòi khô 10-20 g, sắc lấy nước uống hoặc lấy lá hay hoa cây Thuốc dòi chừng 20-30 g, giã nát cùng vài hạt muối, gạn lấy nước chia ra ngậm nuốt dần, ngày 1 thang trong 7 ngày liền (thuocdantoc.org).	x	x	
3	Hỗ trợ trị ho lao: Lấy nhựa của cây Thuốc dòi, chưng cách thủy với mật ong. Sau khi chưng, lấy nước thuốc để uống trong ngày. Mỗi ngày dùng từ 2 – 3 lần (thuocdantoc.org).	x		
4	Chữa mụn nhọt, máu bầm, viêm sưng vú: Rửa sạch cây Thuốc dòi, để ráo nước. Lấy một lượng vừa đủ, giã nát và đắp lên vùng sưng đau (thuocdantoc.org).	x		
5	Chữa đinh nhọt, viêm sưng vú, vết bầm tụ máu: Lấy một nắm cây Thuốc dòi đem giã nát rồi đắp lên nơi sưng đau (thuocdantoc.org).	x		
6	Chữa đau họng và ho do viêm họng, cảm mạo: Cây Thuốc dòi khô 10 – 20g, đem rửa sạch rồi sắc lấy nước uống (thuocdantoc.org).	x	x	
7	Trị sâu răng: Lấy lá Thuốc dòi tươi, rửa sạch, giã nát rồi đắp vào chỗ bị sâu răng (thuocdantoc.org).	x		
8	Trị ho lâu ngày hoặc ho do lao: Lấy cây Thuốc dòi khô 40g sắc kỹ thành dạng cao lỏng, sau đó thêm mật ong vào. Mỗi lần dùng 10 – 15ml, ngày dùng từ 3 – 4 lần (thuocdantoc.org).	x	x	
9	Trị viêm phế quản, đau nhức răng và viêm họng: Lấy lá bọ mắm tươi rửa sạch, nhai trực tiếp rồi nuốt lấy nước (thuocdantoc.org).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Trị tiểu buốt, tắc tia sữa: Lấy cây Thuốc dòi 30 – 40g sắc uống hằng ngày, nếu bị nặng có thể kết hợp với các loại thảo dược khác (thuocdantoc.org).	x		
11	Trị đau dạ dày do nhiễm vi khuẩn Hp: Lấy lá bọ mắm tươi 100g rửa sạch, xay nhuyễn rồi thêm vào 250ml nước. Vắt lấy nước uống, dùng mỗi ngày 1 lần (thuocdantoc.org).	x	x	
12	Giải nhiệt, thanh lọc cơ thể: Sắc/nấu từ 10 – 20g cây Thuốc dòi, lấy nước uống. Có thể kết hợp nấu cùng với râu bắp, lá Mã đề, rễ tranh (thuocdantoc.vn).	x		
13	Chữa đau họng và ho do viêm họng, cảm mạo: Dùng hoa/ lá của cây Thuốc dòi 20 – 30g, giã nát với vài hạt muối rồi chia nước thành nhiều lần. Ngậm nước cốt rồi nuốt dần có tác dụng giảm đau họng và tiêu đờm. Thực hiện bài thuốc liên tục trong 7 ngày (thuocdantoc.org).	x		
14	Trị lao phổi: Chuẩn bị: Cây long thảo dơi và Thuốc dòi. Sắc uống, mỗi ngày dùng 1 thang (thuocdantoc.org).	x		
15	Trị rong kinh: Chuẩn bị 30g cây Thuốc dòi khô, 30g cây nhọ nồi (hay cây Cỏ mực), sắc chung 1 lít nước. Chia ra dùng 2 lần trong ngày (thuocdantoc.vn).	x		
16	Trị rong kinh: Hái 1 nắm lá Thuốc dòi, lấy nấu nước mát (nước sâm) cùng với râu ngô, Mía lau, Mã đề, la hán quả, rễ cỏ tranh và thục địa để điều trị rong kinh (thuocdantoc.vn).	x		
17	Giải nhiệt: Lấy phần non Thuốc dòi nấu nước uống như nước lã hoặc phơi khô sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống, uống ngày 2 lần (thuocdantoc.vn).			x
18	Trị ban, bổ phổi: Lấy 1 nắm cây lá Thuốc dòi chặt khúc, sao vàng, sắc với 2 chén đến khi còn 1 chén, uống			x
19	Trị bệnh gan, ung thư phổi: Lấy Thuốc dòi nấu nước uống			x
21	Trị ho, viêm phế quản: Lấy 1 nắm Mơ lông, Thuốc dòi, đâm, vắt lấy nước thêm ít mật ong, uống.			x
22	Trị ho đàm, kháng viêm, cảm, trúng nước: Lấy 20g thân và lá Thuốc dòi (khô), 18g Đuôi chuột (khô) sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
23	Trị bệnh phổi: Lấy 1 nắm Thuốc dòi đâm, vắt lấy nước, thêm 1 muỗng cà phê mật ong uống (tươi). Hoặc lấy Thuốc dòi nấu canh ăn tươi.			x
24	Trị ung thư: Đâm Thuốc dòi, vắt lấy nước thêm ít mật ong, uống. Hoặc lấy 1/2 kg đọt Thuốc dòi nhai hoặc xay, vắt lấy nước uống.			x
25	Trị ho ra máu: Lấy 1 nắm phần non của cây Thuốc dòi (bỏ gốc, phần già) đâm với muối, vắt nước uống. Uống sáng chiều			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
26	Trị ho đàm, lao phổi: Lấy 6-8g thân lá Thuốc dòi phơi khô sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
27	Trị ho, phổi: Lấy Thuốc dòi đâm, vắt lấy nước uống với mật ong. Hoặc lấy phần non Thuốc dòi (bỏ thân già, rễ) giã nhuyễn, vắt lấy nước, để thêm tí muối uống, uống ngày 2-3 lần			x
28	Trị ho, hen xuyễn: Dùng thân lá Thuốc dòi (khô) sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Hay lấy lá Thuốc dòi nấu canh ăn			x
29	Trị bệnh phổi: Lấy Thuốc dòi, chuối chín, nấu nước uống			x
30	Trị viêm họng, trị bệnh phổi: Dùng lá thân Thuốc dòi đâm nhuyễn, vắt lấy nước, thêm mật ong rồi uóng			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Khi sử dụng lá thuốc dòi để chữa bệnh, người dùng cần lưu ý những điều sau:

Bệnh nhân nên trao đổi với bác sĩ trước khi áp dụng các bài thuốc từ lá thuốc dòi. Tùy vào cơ địa, thể trạng các bài thuốc dân gian có thể không phát huy tác dụng hoặc gây dị ứng cho bệnh nhân. Do đó, cần tuân thủ theo lời khuyên của các bác sĩ chuyên khoa.

Nếu nấu nước cây thuốc dòi uống để giải nhiệt, người dùng không nên lạm dụng bài thuốc này. Việc giải nhiệt, thanh lọc, lợi tiểu, dẫn đến tình trạng cơ thể dễ bị mất chất điện giải, khiến cơ thể mệt mỏi, uể oải. Phụ nữ có thai không nên thường xuyên dùng và dùng nhiều cây thuốc dòi. Loại dược liệu này có tính chất điều kinh, dễ gây sẩy thai. Trước khi dùng, nên rửa sạch dược liệu để loại bỏ đất cát, các loại vi khuẩn bám trên thân cây, lá cây. Bệnh nhân bị bệnh tiểu đường, huyết áp thấp,... nên hỏi ý kiến bác sĩ trường khi dùng thuốc

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

469. Thuốc nộc (Bạch hoa xà) *Plumbago zeylanica* L., 1753

Đuôi công hoa trắng, Nhài công, Lài dưa, Bươm bướm, Cây mộng mắt, Cây lá đinh, Bạch tuyết hoa, Pít pì khao (Tày), Co nhả cam (Thái).

Công dụng: Hắc lào, mụn nhọt, nấm da. Tê thấp, thuốc kháng khuẩn.

Tính vị: Rễ có vị đắng, chát và gây nôn. Lá cay, có độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, thân, rễ

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ

Thành phần hóa học: Toàn cây Bạch hoa xà có flavonoid, hợp chất phenol, triterpen, acid hữu cơ, 0-cloroplumbagin, 3,3'-biplumbagin, chitranon, zeylenon, matrinon, 2-methyl napthazarin, plumbazeylanon, methylen-3,3'-diplumbagin, các acid plumbagic và vanilic. Rễ chứa plumbagin 0,91%. Hoa có 13 thành phần, plumbagin 81,85 %.

Phân bố ở Cà Mau	Cây chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (Khánh Hội), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi.
Sinh cảnh	cây thuốc nọc được người dân trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Cây ra hoa quanh năm, chủ yếu tháng 5-6, Cây ra quả quanh năm, chủ yếu tháng 5-6
Thu hoạch	Rễ và lá thu hái quanh năm.
Chế biến	Rễ đào về, rửa sạch, cắt thành từng đoạn ngắn rồi phơi khô để dùng dần. Lá thường được dùng tươi.
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng tươi, bảo quản nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)
    - **Họ:** Plumbaginaceae (Bạch hoa đan)
      - **Chi**: Plumbago
        - **Loài**: *P. zeylanica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,3-0,6m
Rễ cây	Vi phẫu rễ hình tròn. Thụ bì 2-3 lớp tế bào hình chữ nhật hoặc đa giác. Bần 1-2 lớp tế bào hình chữ nhật xếp xuyên tâm. Nhu bì 1-2 lớp tế bào hình chữ nhật xếp xuyên tâm với bần. Mô mềm vỏ đạo, 10-12 lớp tế bào hình đa giác hoặc bầu dục, một số ít tế bào
Thân cây	Có gốc dạng thân rễ, với thân sù sì, bóng láng.
Lá cây	Lá mọc so le, hình trái xoan, hơi có tai và ôm thân, nguyên, nhẵn, nhưng trăng trắng ở mặt dưới.
Hoa	Hoa màu trắng, thành bông ở ngọn và ở nách lá, phủ lông dính, tràng hoa dài gấp đôi đài. . .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị mụn nhọt, bướu (mụn ở vú): Lấy lá Thuốc nộc (Bạch hòa xà) đâm cùng với muối, đắp vào mụn nhọt (2 lần/tuần)			x
2	Trị chó rắn, cắn, cá đâm: Lấy 1 nắm lá non Thuốc nộc (Bạch hòa xà) đâm, đắp lên vết thương.			x
3	Trị đau nhức: Lấy lá Thuốc nộc (Bạch hòa xà) đâm ra, đắp vào khớp 10 phút lấy ra			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Rễ cây có chất Plumbagin, mùi hắc và gây xung huyết da, bỏng da, vì vậy khi đắp lên vết thương nếu thấy chỗ đắp nóng rát thì phải bỏ ra ngay.

- Ở nước ta còn có cây mang tên Đuôi công hay Xích hoa xà (Plumbago rosea L.), cùng họ, mọc hoang ở nhiều nơi, nhân dân sử dụng như cây Bạch hoa xà.

- Cần phân biệt với cây Bạch hoa xà thiệt thảo - Cỏ lưỡi rắn hoa trắng (Hedyotis diffusa Willd.), họ Cà phê (Rubiaceae)

- Không dùng cho phụ nữ có thai. Nếu bị bỏng rộp, dùng acid boric để rửa chỗ da bị tổn thương.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

470. Thương lục mỹ — *Phytolacca americana* L., 1753

Bạch mẫu kê, Dã la bạc, Sơn la bạc, Sâm voi, Trường bất lão, Trưởng bất lão, Kim thất nương

Công dụng: Thường dùng ngoài để điều trị bệnh vẩy nến và nấm da đầu (nấm tóc). Rễ thường dùng làm thuốc lọc máu trong điều trị bệnh thấp khớp, tạng khớp, béo phì... và gây nôn. Lá giã nát, sao nóng xát lên những vết ghẻ lở, hắc lào. Ngày nay người ta dùng lá trị ung thư vú, tử cung. Các chồi non mang lá chưa phát triển, giống như Măng tây ở Hoa Kỳ được dùng để ăn, nhưng phải thay nước 2 lần; khi nấu thì không còn có tác dụng điều trị nữa.

Tính vị: Vị đắng, tính hàn, có độc (ở tất cả các bộ phận)

Quy kinh: kinh phế, thận, đại tràng

Bộ phận dùng: Quả, lá, rễ củ

Thành phần hóa học	Quả chứa acid phytolaccic, tanin, còn có sáp, chất béo, pectin, chất nhầy, glucose, saccharose, dextrin, các protid, một chất màu khi cho vào nước tạo ra dung dịch đỏ ánh hay tía, nếu có chất kiềm lại ngả sang màu vàng và trong môi trường acid lại có màu đỏ; người ta quen gọi nó là anthocyanosid như các anthocyan của củ cải đường. Rễ chứa dầu và sáp, nhựa, đường, protid, amide, acid tự do, acid hữu cơ, tinh bột, oxalat calcium, nitrat (tính theo nitrat kali là 2,408%) cellulose, gôm, chất màu... Không có tanin, có một alcaloid và phytolaccatoxin; còn có một saponin có vị đắng, chát. Trong lá có hai glucosid flavnoid là rutoside và ombuoside; còn có vitamin C (150mg trong 100g lá tươi); lá cũng chứa phytolaccin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Hoa Kỳ
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây được tìm thấy ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa) và huyện Thới Bình (Hồ Thị Kỷ), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được trồng trong vườn nhà và mọc ở ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10, Tháng 11 đến 12
Thu hoạch	Thu hái các bộ phận quanh năm
Chế biến	Đào rễ, cắt bỏ các nhánh rễ con, rửa sạch, cắt thành lát mỏng rồi đem phơi khô hay âm can. Có người muốn rễ có mùi giống nhân sâm nên đem ngâm nguyên liệu trên với rượu 40 độ pha mật ong (tỉ lệ: cứ 1 kg rễ chô vào 250 ml rượu trắng & 250 ml mật ong), sau đó đem phơi/ sấy khô thành thuốc. Hoặc, ngâm rê với giấm rồi phơi khô (tỉ lệ: 50 kg thương lục ứng với 15 kg giấm).
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Caryophyllales (Cẩm chướng)

Họ: Phytolaccaceae (Thương lục)

Chi: Phytolacca

Loài: *P. americana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao tới 2-3m
Thân cây	Thân và cành dài 12-17cm, rộng 5-7cm, mép hơi lượn sóng, không có lá kèm. Thân và cành dài 12-17cm, rộng 5-7cm, mép hơi lượn sóng, không có lá kèm
Lá cây	gân phụ nối từng đôi một thành cung tới gần mép lá
Hoa	Hoa trắng chuyển sang hồng, nhiều, xếp thành chùm đơn hình trụ dài 6-16cm, trên những cuống dài ở nách lá. Hoa có 5 lá đài, không có cánh hoa, 10 nhị đính trên một phần phình dạng vòng, 10 lá noãn mọc vòng dính với nhau. .
Quả/trái	Quả nạc gần hình cầu với một chỗ lõm ở giữa, đỏ rồi tím đen khi chín, có
Hạt	Mỗi ô 1 hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị tuyến vú tăng sinh: Dùng Thương lục mỹ tươi điều chế thành viên nng, mỗi viên tương đương với 0,5 gam thuốc sống. Mỗi lần dùng khoảng 6 viên, sau đó tăng dần liều lên đến 20 viên, duy trì trong 3 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Trị chứng đau cổ họng: Nướng rễ Thương lục mỹ, cho vào bọc vải rồi chườm lên cổ để giảm đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Trị viêm cầu thận cấp, phù toàn thân, bụng nước: Chuẩn bị 30 gam nạc heo, 10 gam rễ Thương lục mỹ. Đem hầm nguyên liệu trên dùng hằng ngày. Sắc uống 6 gam Mộc thông, Binh lang, Trạch tả; 3 gam Tiêu mục; 15 gam Xích tiểu đậu; 12 gam Phúc linh bì. Sắc uống 5 gam Thương lục. Bài thuốc giúp trị báng nước do viêm thận mạn tính, xơ gan (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Trị té ngã, sưng đau: Đem Khổ sâm lượng, rễ Thương lục mỹ gia với rượu rồi đắp lên vết thường với lượng vừa đủ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Trị bệnh mủ da: Nấu nước từ 15 gam Thương lục mỹ, 60 gam Bồ công anh đem rửa vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
6	Chữa cổ trướng: Thương lục 6g, vỏ quả bí đao, đậu đỏ mỗi thứ 30g, trạch tả 12g, phục linh bì 20g. Sắc nước uống (caythuocdangian.com).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Kiêng kỵ: Không dùng dược liệu cho phụ nữ có thai, người có tỳ vị hư nhược.

Lưu ý khi dùng: Một số trường hợp ngộ nhận Thương lục là sâm cao ly và dùng với hàm lượng cao, điều này là không nên vì có thể dẫn đến ngộ độc. Biểu hiện ngộ độc do quá liều có thể xuất hiện sau 20 phút đến 3 giờ. Trường hợp nhẹ, người bệnh có biểu hiện tim đập nhanh, nôn mửa, thở mạnh, đau bụng, hoảng hốt, nói nhảm. Trường hợp nghiêm trọng có thể gây liệt dây thần kinh, thở khó, huyết áp tụ,hôn mê, tim ngừng độc gây tử vong nên cần đặc biệt lưu ý và thận trọng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

471. Tí ngọ — *Pentapetes phoenicea* L., 1753

Hoa tí ngọ, Ngũ phướng, Bố hoang.

Công dụng: Bổ, cảm cúm (Lá, thân)

Tính vị: Quả và lá có chất nhầy. Cây có tính làm dịu, làm mềm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Tí ngọ chứa tannin, flavonoid, saponin, sterol, carbohydrate và dấu vết của alkaloit. Lá có các thành phần tiềm năng to lớn cho việc phòng ngừa và điều trị của nhiều bệnh khác nhau và hiện vẫn đang được nghiên cứu và khám phá.

Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, Cây được tìm thầy ở huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân), huyện Trần Văn Thời (Khánh Bình Tây) và huyện Đầm Dơi
Sinh cảnh	Cây được trồng nhiều ở trong vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 11, Tháng 1
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Cành lá sau khi thu hái được thái ngắn, phơi khô.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô thoáng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)

→ **Họ:** Malvaceae (Cẩm quỳ)

→ **Chi**: Pentapetes

→ **Loài**: *P. phoenicea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 40-150cm
Thân cây	Gần như nhẵn.
Lá cây	Lá hình dải, thuôn, có răng nhiều trên các mép, hình góc ở gốc, thon hẹp đều đều tới chóp, dài 7cm, rộng 1cm.
Hoa	Hoa đỏ tím, ở nách lá, đơn độc, rộng 30-35mm.. .
Quả/trái	Quả nang, mỏng, hình cầu, bao bởi đài hoa hơi có lông, có 5 ô.
Hạt	Hạt 8-12 trong mỗi ô, hình cầu, đường kính 3mm, hơi có hình nhiều góc, có chấm nâu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm mạo. Mỗi khi thay đổi thời tiết, sức khoẻ không bình thường, người ta dùng lá và thân cây Tí ngọ phơi khô nấu nước uống thay trà (Y Dược học Việt Nam).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

472. Tía tô — *Perilla frutescens* (L.) Britton, 1894

Tử tô, Tía tô xanh

Công dụng: Hành khí, khoan trung, chỉ thống, an thai, chữa khí uất vùng ngực, ngực sườn đày tức, thượng vị đau, ợ hơi, nôn mửa, chữa động thai, giảm ho trừ đàm

Tính vị: Tía tô có vị cay, mùi thơm, tính ấm.

Quy kinh: kinh tỳ, phế

Bộ phận dùng: Lá, hạt chín, cành phơi khô, hoặc sấy khô

Thành phần hóa học	Tía tô chứa 0,3-0,5% tinh dầu (theo trọng lượng khô), citral 20%. Thành phần tinh dầu chủ yếu là perillaldehyd, L-perrilla alcohol, limonen, α-pinen, hydrocumin, còn có elsholtziaceton, β-cargophylen, bergamoten và linalool perillaldehyd. Hạt chứa nước 6,3%, protein 23,12%, dầu béo 45,07%, N 10,28%, tro 4,64%, acid nicotinic 3,98 mg/100 g. Thành phần dầu béo của hạt gồm acid béo chưa no 3,5-7,6%, oleic 3,9-13,8%, linoleic 33,6-59,4%, acid linolenic 23,3-49% (một số mẫu dầu còn chứa trên 70% acid linolenic).
Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ - Malaixia, được trồng nhiều làm rau gia vị và làm thuốc .
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, Cây được tìm thầy ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa, thị trấn U Minh) và huyện Trần Văn Thời (Khánh Bình Tây, Phong Lạc)
Sinh cảnh	Phần lớn cây được trồng nhiều trong vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 7-9, Ra quả tháng 10-12
Thu hoạch	Vào tháng 3-4, có thể thu hái lá lần thứ nhất, sau đó khoảng một tháng, có thể thu hái lần hai. Thu hái khi cành lá mọc xum xuê, bỏ lá sâu, để riêng lá hoặc nhánh non. Sau lần hái đầu tiên, cần chăm sóc bằng cách tưới nước tiểu loãng hoặc bằng khô dầu giã
Chế biến	Lá: Sau khi thu hái, cần loại bỏ tạp chất, phơi trong bóng râm hoặc sấy nhẹ đến khô. Loại bỏ tạp chất và cành già, phun nước cho mềm, thái vụn, phơi khô. Quả: Sau khi thu hái quả, cần loại tạp chất, phơi khô. Tía tô sao: Lấy Tía tô cho vào chảo, sao nhỏ lửa đến khi có mùi thơm hoặc nổ đều, lấy ra để nguội, khi dùng giã dập.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Lamiales (Hoa môi)

Họ: Lamiaceae (Hoa môi)

Chi: Perilla (Tía tô xanh)

Loài: *P. frutescens*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,3-1m
Thân cây	Thân vuông có rãnh dọc và có lông, mọc đứng.. Cây phân nhánh nhiều,
Lá cây	Lá đơn, mọc đối chéo chữ thập, phiến mỏng, hình trứng rộng, kích thước 7-13×5-9 cm, đỉnh lá nhọn, gốc tròn. Bìa lá có răng cưa nhọn, hai mặt lá có màu xanh hoặc tím nhạt; những lá ở ngọn thường tím mặt trên, khi lá già mặt trên trở thành màu xanh; gân giữa màu tím, gân bên 6-8 đôi
Hoa	Cụm hoa dạng chùm ở ngọn cành hoặc nách lá, dài 5-20 cm, mỗi đốt mang 2 hoa mọc đối hình chữ thập.. Hoa không đều, lưỡng tính. Lá bắc hình trứng rộng, dài hơn hoa, đầu nhọn, kích thước 2,5-3×3 cm, màu xanh, có lông dài, tồn tại đến khi hoa thành quả. Cuống hoa dài 1-3 mm. Đài hình chuông, màu xanh cỡ 3-4×2-3 mm, có 10 gân dọc, có vòng lông trắng dài ở họng, 2 môi: môi trên 3 thùy ngắn; môi dưới 2 thùy nhọn xẻ sâu và dài hơn môi trên, đài tồn tại và phát triển đến khi quả đã khô và rụng, 5-8×3-4 mm. Tràng hợp thành ống màu trắng, dài 3-4 mm ở phía dưới, có vòng lông ở họng, 2 môi 2/3: môi trên chia 2 thùy cạn; môi dưới có thùy giữa lớn hơn 2 thùy bên. Nhị 4, đính ở 1/3 phía trên ống tràng, xen kẽ với cánh hoa, không nhô hẳn ra ngoài, 2 nhị dưới dài hơn 2 nhị trên. Chỉ nhị dạng sợi, bao phấn màu tím, 2 ô song song, nứt dọc, hướng trong, đính đáy. Hạt phấn gần hình cầu, nhiều rãnh ngoằn ngoèo, đường kính 40-45 µm. Lá noãn 2, bầu 2 ô sau có vách giả chia thành 4 ô, mỗi ô 1 noãn, đính đáy. Bầu noãn đường kính 2 mm, hình vuông, góc tròn. Ở một số bầu noãn, có khi chỉ 3 hoặc 2 noãn phát triển thành quả, các noãn còn lại không phát triển. Vòi nhụy dạng sợi dài 2-2,5 mm, nửa dưới màu trắng, nửa trên màu tím nhạt, 2 đầu nhụy thò ra ngoài.. .
Quả/trái	Quả bế tư hình trứng hoặc gần hình cầu, có gốc quả hơi nhọn, gồm 4 hạch
Hạt	Hạt có mùi thơm nhẹ khi vỡ, vị cay.
Mùi hương	Toàn cây có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sưng vú: Lấy 10g lá Tía tô sắc nước uống, bã đắp vú (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Giúp tiêu hoá, giải cảm, giải nóng: Lấy Tía tô làm rau ăn hằng ngày (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa mẩn ngứa, làm đẹp da: Vò lát lá Tía tô vào nước tắm, bã lá Tía tô có thể đắp vào vùng da bị ngứa (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa đau bụng, đầy chướng: Giã lá Tía tô lấy một bát nước, hòa một chút muối cho uống một lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa các chứng chảy máu do ho, nôn, tiêu chảy: Lấy nhiều lá Tía tô cho vào nồi đun gạn bỏ bã, cô đặc thành cao. Lấy một ít đậu đỏ rang vàng, tán nhỏ trộn với cao trên rồi viên thành từng hạt nhỏ để uống, mỗi lần 50 viên. Thuốc này sẽ hạn chế được phần nào sự chảy máu (Võ Văn Chi, 2012).	x		
6	Chữa bệnh gút (gout): Dùng 1 nắm lá Tía tô tươi đem rửa sạch và ngâm nước muối. Có thể nhai nuốt sống hoặc nấu nước thuốc uống hàng ngày. Kiên trì cho đến khi các tình trạng đau nhức do bệnh gout gây ra giảm hẳn. Kết hợp ngâm chân với nước lá Tía tô lúc còn ấm cũng là cách chữa bệnh gút hiệu quả (tambinh.vn).	x	x	
7	Chữa bệnh ngoại cảm (trúng sương, trúng nắng, nhức đầu, sổ mũi, nóng lạnh): Chuẩn bị Củ Cỏ cú (sao) 100g, Lá Tía tô 100g, Hậu phác 50g, lá Thường sơn 50g, Thần thông 100g, Hoắc hương 100g, Gừng khô 50g, lá Bạc hà 100g. Các vị hiệp chung tán bột thật nhuyễn, mỗi lần 1 muỗng cà phê, ngày 2-3 lần (Võ Văn Chi, 2012).	x		
8	Giải cảm phong hàn (trường hợp cảm mạo phong hàn sốt gai rét, đau đầu, ngực đầy tức): Chuẩn bị Lá Tía tô 8g, Hương phụ 8g, Trần bì 6g, Cam thảo 4g, cho thêm Gừng tươi 2 lát sắc nước uống) có thể xông lúc thuốc đang nóng tác dụng làm ra mồ hôi tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Tiêu đờm giảm ho: Chuẩn bị Tô tử 6-12g, La bạc tử 8-12g, Bạch giới tử 6-8g) gia vị (thường kèm theo thuốc thanh nhiệt hoặc nhuận phế), chữa các chứng bệnh viêm đường hô hấp trên, viêm phế quản cấp mạn ho nhiều đờm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Lý khí an thai: Trường hợp phụ nữ có mang thai động đau bụng, Đau lưng ngực, buồn nôn dùng bài Tử tô ẩm: Chuẩn bị: Tô ngạnh 8g, Đương qui 12g, Bạch thược 12g, Xuyên khung 8g, Đảng sâm 12g, Trần bì 8g, Đại phúc bì 8g, Cam thảo 4g, Sinh khương 8g, sắc nước uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Kiện vị cầm nôn: Trường hợp nôn ọe, ăn không tiêu, đầy bụng kèm nôn (dạng hư hàn) dùng nước sắc lá Tía tô uống với viên Hương sa lục quân 6-8g có tác dụng cầm nôn, hết đầy bụng. Trường hợp nôn thai nghén dùng nước sắc Tô ngạnh uống tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Giải độc cua cá: Giã lá Tía tô vắt nước uống, hoặc nước sắc lá khô 10g uống lúc nóng. Thường ngày ăn ốc cua hoặc gỏi cá nên kèm ăn rau sống có lá Tía tô. Bài thuốc Tử tô giải độc thang gồm Lá Tía tô 10g, Gừng tươi 8g, sinh Cam thảo nước 600ml, sắc còn 200ml uống nóng chia 3 lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Chữa bệnh ho ở trẻ sơ sinh: Chuẩn bị: 20 g lá Tía tô, 10 g hoa Đu đủ đực, 5 g hoa Khế, 5 g đường phèn. Rửa sạch tất cả và giã nát ra trừ đường phèn, đem vắt lấy nước cốt, bỏ bã. Cho thêm đường phèn vào và đem đi hấp cách thủy. Cho trẻ uống 5 lần, mỗi lần khoảng 2,5ml tương ứng với nửa muỗng café (tuoitre.vn).	x		
14	Chữa ngộ độc do ăn hải Sản: Chuẩn bị: 10 g lá thảo dược, 8 g sinh khương, 4 g cam thảo. Sắc với 600ml nước đến khi cạn còn 200ml nước. Chia ra để sử dụng 3 lần trong ngày trong lúc còn ấm. Đun ấm lại để sử dụng khi nước nguội (Như Ý, 2021).	x		
15	Giải cảm: Nấu cháo với Tía tô, Hành tây, củ nén			x
16	Trị đau nhức, gai cột sống: Đâm lá cọng non Tía tô, chế bia 1 lon nấu sắc lại sệt sệt rồi đắp lên chỗ đau nhức trong 1 phút			x
17	Trị viêm họng: Nhai 3-4 lá Tía tô tươi với ít muối			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Đối với người hay ra mồ hôi, bị cảm nóng: sử dụng quá nhiều trong thời gian dài sẽ khiến bệnh tình ngày càng trở nên nghiêm trọng, gây ra tình trạng đổ mồ hôi nhiều,

Đối với bà bầu: Dùng với liều lượng quá lớn sẽ dẫn đến tăng huyết áp, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của mẹ lẫn cả thai nhi.

Đối với người có tiền sử dị ứng: Hạn chế tối đa sử dụng để điều trị bệnh vì sẽ gây ra những tác dụng phụ không mong muốn.

Người bệnh cần tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ trước khi sử dụng loại thảo dược này

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

473. Tiêu *Piper nigrum* L., 1753

Hồ tiêu, Tiêu ăn, Cổ nguyệt, Hắc cổ nguyệt, Bạch cổ nguyệt

Công dụng: Hồ tiêu được dùng làm thuốc kích thích tiêu hóa, giảm đau (chữa đau răng), chữa đau bụng, tiêu chảy, cảm lạnh

Thuốc kích thích tiêu hoá, giảm đau; dùng chữa đau bụng lạnh, thổ tả, nôn mửa, suyễn thổ đờm tắc. Hạt xác vào chân răng chữa sâu răng, trúng gió lạnh hôn mê cắn răng co quắp (Hạt)

Tính vị: Vị cay

Quy kinh: kinh vị, đại tràng

Bộ phận dùng: Hạt tiêu

Thành phần hóa học	Trong Hồ tiêu có 1,5-2,2% tinh dầu gồm các hydrocacbua như phelandren, cadinen, cariophilen và một ít hợp chất có oxy, tập trung ở vỏ quả giữa; alkaloid là piperin và chavixin. Ngoài ra còn có cellulose, muối khoáng. Piperin C17H19O3N có trong hạt tiêu từ 5-9 %, tinh thể không màu, không mùi, không tan trong nước sôi, rất tan trong rượu nóng, tính kiềm nhẹ, đồng phân với morphin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ miền Nam Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây Tiêu chủ yếu xuất hiện ở huyện U Minh (thị trấn U Minh) và huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương).
Sinh cảnh	Cây Tiêu được người dân trồng nhiều trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Mỗi năm thu hoạch 2 lần, thời gian thu hoạch tùy theo muốn thu hoạch loại tiêu nào
Chế biến	Muốn thu hồ tiêu đen, người ta hái vào lúc thấy có một vài quả đỏ hay vàng trên chùm quả, nghĩa là lúc đa số quả còn xanh. Những quả non chưa có sọ khi khô sẽ để giòn và vỡ vụn. Còn những quả khác khi khô vỏ sẽ nhăn lại, màu ngả đen. Muốn thu hồ trắng phải hái vào lúc quả đã thật chín, loại vỏ ngoài bằng cách chà xát hay ngâm dưới dong nước chảy 3-4 ngày, xát để loại hết vỏ đen rồi phơi khô. Loại này có màu trắng ngà, ít nhăn hơn, ít thơm hơn nhưng cay hơn.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Piperales (Hồ tiêu)

Họ: Piperaceae (Hồ tiêu)

Chi: Piper

Loài: *P. nigrum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm, trên 20 năm.
Dạng cây	Dây leo
Thân cây	Một loại dây leo, thân dài, nhẵn, bám vào cây tựa bằng những rễ. Thân mọc cuốn mang lá mọc cách. Có hai loại nhánh: một loại nhánh mang quả và một loại nhánh dinh dưỡng, cả hai loại nhánh đều xuất phát từ kẽ lá.
Lá cây	Lá đơn, mọc cách. Phiến lá hình xoan, gốc tròn, đỉnh có mũi nhọn dài, có nhiều đốm trong mờ, màu xanh lục đậm mặt trên hơn mặt dưới, bìa phiến nguyên, kích thước dài 11,5-13,5 cm, rộng 6-7 cm. Gân lá lông chim nổi rõ 2 mặt, mặt dưới lồi nhiều hơn mặt trên, 3 cặp gân phụ cong hình cung: cặp thứ nhất xuất phát từ đáy, cách bìa phiến 0,2-0,5 cm, không rõ, chạy dọc theo rìa phiến lá khoảng 2/3 chiều dài phiến; cặp thứ 2 rõ hơn xuất phát cùng vị trí cặp gân phụ thứ nhất cách bìa phiến 1-1,5 cm, chạy đến tận gốc lá; cặp thứ 3 xuất phát từ ¼ cách đáy gốc lá, tụ lại ở ngọn lá; nhiều gân phụ nằm ngang, nối liền các gân hình cung dạng mạng. Lá kèm 2 vẩy màu đen khô xác dài 0,5-0,8 cm, nằm 2 bên đáy gốc lá, rụng sớm. Cuống lá màu xanh, có rãnh lòng máng, hơi phình ở gốc nơi đính vào thân và có 2 đường dọc màu đen nứt nẻ nhiều là vết tích của lá bắc, dài 1-1,6 cm
Hoa	Cụm hoa: bông thòng mọc đối diện với lá; trục cụm hoa mập, hình trụ dài 6,5-8 cm, màu vàng mang nhiều hoa đính xoắn ốc thường là hoa lưỡng tính, đôi khi mang toàn hoa cái; cuống cụm hoa hình trụ dài 1-1,2 cm, màu vàng xanh.. Hoa trần, đều, lưỡng tính hay hoa cái, mẫu 3, không cuống. Lá bắc hình tam giác khum ôm toàn bộ hoa dài 0,1-0,15 cm, màu vàng xanh, rìa có màng mỏng màu trắng. Bộ nhị 2 vòng, vòng trong bị trụy hoàn toàn, vòng ngoài có 1 nhị trụy, còn 2 nhị nằm 2 bên bầu, đều, rời; chỉ nhị nạc dài 0,05-0,08 cm; 2 ô phấn rời, màu vàng nâu, nứt dọc, hướng trong, dài 0,8-1 mm. Hạt phấn hình bầu dục 2 đầu nhọn, dài 12,5-15 µm, rộng 5-7,5 µm màu vàng, có rãnh dọc. Lá noãn 3-4, dính nhau tạo bầu trên 1 ô, 1 noãn, đính đáy; bầu hình cầu màu xanh, đường kính 1-1,5 mm; vòi nhụy rất ngắn gần như không có; 3-4 đầu nhụy dài 1-2 mm, màu trắng dễ đổi thành màu đen khi hoa hái khỏi cành hay hoa già.. .
Quả/trái	Quả hình cầu đường kính 0,5-0,6 cm, quả non có màu xanh, khi chín màu đỏ mang đầu nhụy tồn tại. Quả khô màu nâu đen, vỏ quả nhăn nhúm. Hồ tiêu đen là quả Tiêu khô có dạng hình cầu, đường kính 0,4-0,5 cm; mặt ngoài màu nâu đen, có nhiều vết nhăn hình mạng
Hạt	Hạt tiêu là tên gọi chung cho các sản phẩm từ quả hồ tiêu và được chia ra nhiều loại thông qua màu sắc, thời gian thu hoạch
Mùi hương	Toàn cây có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị chứng ngũ tạng phong hàn, nôn ói (bị lạnh bụng gây nôn ói): Dùng hạt tiêu 30g ngâm trong 1 lít rượu. Trước khi ăn uống 1-2 ly nhỏ (5-10 thìa cà phê) (Nguyễn Minh, 2016).	x		
2	Kích thích tiêu hóa, giảm đau (chữa đau răng), chữa đau bụng, tiêu chảy, cảm lạnh: Ngày dùng 1 – 3 g hạt tiêu dưới dạng bột hay thuốc viên (Đức Doãn, 2020).	x		
3	Kích thích tiêu hoá: Chuẩn bị Hồ tiêu 5g, thạch tín 0,5g (nửa gam). Hai vị tán nhỏ, dùng hồ viên thành 100 viên. Ngày uống 2-4 viên này làm thuốc bổ, kích thích sự tiêu hoá, ăn ngon cơm. Thuốc có độc dùng phải cẩn thận (Đức Doãn, 2020).	x		
4	Chữa đi lỏng, ăn vào nôn ra: Chuẩn bị Hồ tiêu, bán hạ chế, hai vị bằng nhau, tán nhỏ. Dùng nước gừng viên bằng hạt đậu. ngày uống 15-20 viên. Dùng nước gừng chiêu thuốc (Đức Doãn, 2020).	x		
5	Trị buồn nôn không ăn được: Chuẩn bị hạt tiêu 15g, bán hạ 15g. Hai thứ nghiền thành bột, giã gừng cho thêm ít nước vắt lấy nước gừng hòa vào 2 loại bột trên rồi viên to bằng hạt đậu nành. Mỗi lần uống 20-30 viên với nước gừng loãng (suckhoedoisong.vn).	x		
6	Chữa nôn nhiều ngày không dứt: Chuẩn bị 1g bột hạt tiêu, 30g gừng sống thái lát sấy khô, nghiền thành bột. Hai thứ trộn đều cho vào 200ml nước, sắc còn 100ml, chia uống 3 lần trong ngày lúc còn ấm (suckhoedoisong.vn).	x		
7	Trị thương hàn, ho ngược lên, khí lạnh nhiễm vào dạ dày: Chuẩn bị hạt tiêu 30 hạt đập dập, xạ hương 2g, rượu 200ml. Sắc còn 100ml. Uống nóng (suckhoedoisong.vn).	x		
8	Trị đau dạ dày: Chuẩn bị táo tàu 7 trái bỏ hạt, 7 hạt tiêu sọ cho vào ruột táo tàu, buộc lại đem chưng cách thủy cho nhừ rồi nghiền nát, viên bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 7 viên với nước ấm. Nếu thấy dạ dày nóng và đói thì ăn cháo (suckhoedoisong.vn).	x		
9	Chữa bệnh thổ tả (miệng nôn trôn tháo): Dùng 49 hạt hồ tiêu, 150 hạt đậu xanh, cả hai nghiền bột, trộn đều. Mỗi lần uống 3g với nước canh Đu đủ (suckhoedoisong.vn).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Không nên dùng nhiều vì sẽ phát mụn nhọt, độc cho ngũ tạng và mờ mắt. Những người âm suy có hỏa nhiệt thì cấm dùng. Khi có hiện tượng phản ứng không tốt do ăn nhiều thì nấu đậu xanh ăn để giải độc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

474. Tim heo

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Sinh cành: Cây có kha năng tự mọc ở vườn nhà, ven đường, bờ ao, bờ ruộng, ven sông

Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ được tìm thấy ở huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn, HÀm Rồng, Hàng Vịnh), huyện Ngọc Hiển (xã tân Ân)

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành:
- **Lớp**:
  - **Bộ**:
    - **Họ:**
      - **Chi**:
        - **Loài**:

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Dạng cây	Cây thân thảo

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Viêm amidam: Lấy 1-2 bụi Tim heo (tươi hoặc khô) nấu nước uống hàng ngày như uống trà (uống 1 tháng)			x
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên*				

475. Tóc tiên — *Ipomoea quamoclit* L., 1753

Dây tóc tiên, Dương leo, Dây tón tiên

Công dụng: Trị nọc rắn cắn, nhọt,

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Dây tóc tiên được cho là có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới Châu Mỹ.

Sinh cành: Cây có kha năng tự mọc ở vườn nhà, ven đường, bờ ao, bờ ruộng, ven sông

Phân bố ở Cà Mau	Cây Tóc Tiên được tìm thấy ở huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện Phú Tân (xã Phú Thuận), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông, thị trấn Cái Nước, Thạnh Phú), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân, xã Đất Mũi)
Sinh cảnh	Phần lớn cây được người dân trồng trong vườn nhà, và mọc dại bên ven đường và bơ ao
Mùa hoa quả	Hoa hầu như ra quanh năm.,

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Solanales (Cà)

→ **Họ:** Convolvulaceae (Bìm bìm)

→ **Chi**: Ipomoea

→ **Loài**: *I. Quamoclit*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hàng năm
Dạng cây	Dây leo (thân leo bò giàn hay hàng rào, ở những nơi chúng tự thân quấn được là bò ra và phát triển)
Chiều cao cây	Dây tóc tiên mọc dài khoảng 2 m, với những khu vực có sự hỗ trợ tốt cây có thể dài đến 6 m.
Đường kính cây	Đường kính thân không quá 2 cm.
Thân cây	Thân tròn màu xanh, thường quấn vào các thân trụ khác hoặc quấn đan xen với nhau. Một gốc phân ra nhiều thân cành dài trung bình khoảng 3-4m có khi tới 10m.
Lá cây	Lá tóc tiên là lá kép lông chim dài 5 – 10 cm với 16 – 24 lá chét đối xứng nhau, các lá chét chia thùy. Lá rất nhỏ, rất mềm và mịn dễ gãy, các lá thường mọc dày đặt trên thân. Lá chét không có cuống, nhìn từ xa giống như những cọng tóc dày óng ả. Toàn bộ lá điều có màu xanh mượt.
Hoa	Hoa tóc tiên có đường kính 1.7 – 3.5 cm. Cuống hoa dài khoảng 4 – 8 cm. Cuống nhỏ dài khoảng 1.4 – 2 cm. Cánh hoa tóc tiên dài 5 – 6 mm. Mỗi đài hoa kết thúc bằng một đầu nhọn đính kèm bên dưới đỉnh của đài hoa. Ống tràng dài khoảng 2.5 – 3.5 cm. Tràng hoa chia thùy dài 6 – 8 mm, nhọn ở đỉnh. Sợi nhị hoa tóc tiên khoác 1 lớp lông ở phía chân. Hạt phấn có gai nhỏ dài khoảng 25 – 30 mm. Đầu nhụy có đường kính khoảng 1 mm, như hột cơm, chia 2 thùy mờ. Hoa tóc tiên có màu đỏ tươi nổi bật trên thân lá màu xanh.. .
Quả/trái	Quả dây tóc tiên là quả nang hình trứng, kích thước 5 – 7 x 5 mm, đài hoa không rụng dính chặt gần cuống. Mỗi quả thường có 3 – 4 hạt giống màu nâu thẩm đến đen.
Hạt	Hạt hình thon dài khoảng 5 – 6 x 2 -3 mm, bề mặt có lông và nốt sần nhô ra đặc biệt là quanh rốn hạt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ cho não: Lấy 1 nắm cả dây Tóc tiên nấu với khoảng 1 lít nước, uống.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

476. Tra bồ đề — *Thespesia populnea* (L.) Sol. ex Corrêa, 1807

Tra lâm vồ, Lâm vồ, Đa bồ đề, Tra bứa

Công dụng: Quả được dùng ở Tahiti làm thuốc dịu đau nửa đầu và dịch nhựa chảy ra từ cuống quả là vị thuốc dân gian trị bò cạp và rết cắn. Cũng dùng làm thuốc trị bệnh về da, đụng giập. Còn ở Philippin, dịch vàng ép từ quả dùng đắp điều trị bệnh ghẻ và các bệnh ngoài da khác sau khi đã dùng nước nấu rễ và lá để tắm rửa. Nước sắc vỏ được dùng trị bệnh lỵ và trĩ. Quả, lá và rễ được dùng ở Ấn Độ để đắp ngoài trị ghẻ, bệnh vẩy nến và các bệnh ngoài da khác. Ở Ấn Độ, nhựa được dùng trị giun và làm dịu khi bị hen suyễn, vỏ cây dùng trị rắn cắn. Ở Inđônêxia, quả chín dùng chế thuốc bôi trị ghẻ.

Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Quy kinh	Kinh tâm, tỳ, và can
Bộ phận dùng:	Quả, vỏ, rễ, lá
Thành phần hóa học	Hạt chứa dầu béo (20%). Cánh hoa chứa populnin (0,33%), populnetin (0,07%) và herbacetin (0,03%).
Nguồn gốc	Cây có thể có nguồn gốc từ Ấn Độ hoặc từ đảo Hawaii hoặc các nước khác trong khu vực này.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	cây Trà Bồ Đề có khả năng tự mọc và cũng có thể gây trồng, chúng được tìm thấy ở trong vườn nhà người dân và mọc theo các đường đi, ven sông, ven vuông.
Mùa hoa quả	Tháng 2 đến 4, Tháng 5 đến 6

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ, Bông)
    - **Họ:** Malvaceae (Cẩm quỳ)
      - **Chi**: Thespesia (Tra bồ đề)
        - **Loài**: *T. populnea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Tra bồ đề có thể đạt chiều cao từ 6 – 10 m (thường cao 5-8m)
Đường kính cây	Đường kính thân từ 20 – 30 cm.
Thân cây	Thân cây có vỏ màu nâu xám hoặc nâu, có vảy và mang nhiều rễ, phân cành nhánh nhiều cong rủ xuống tạo tán lá rộng, rậm và xòa.. Nhánh phủ lông hình khiên. Có nhánh to, dày cỡ 5cm, rất nhẵn, vỏ mốc trắng.
Lá cây	Lá có phiến tam giác nhọn cụt, hình tim ở gốc, phủ lông hình khiên sát ở mặt dưới, hơi dày, màu lục nhạt ở cả hai mặt, dài 16cm, rộng 11cm, có 5 gân chính toả tia; cuống lá dài bằng phiến.,
Hoa	Cây mang những cụm hoa dạng sung trên thân. Hoa vàng hay đỏ, đơn độc, có cuống.. .
Quả/trái	Quả nang hình cầu, mở không hoàn toàn, có đường kính tới 5cm. Quả sung xếp từng cặp trên những nhánh có lá, không có cuống, hình cầu, đường kính 7-12mm, khi chín màu đỏ sẫm.
Hạt	Hạt hình trứng ngược nhọn, dài tới 9mm, rộng 6mm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị máu nhiễm mỡ, gan nhiễm mỡ: Lấy 1 nắm thân cây Tra bồ đề vạt mỏng, sao vàng, nấu nước uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Không nên dựa vào để tự chữa bệnh vì liều lượng và đặc tính thuốc có thể thay đổi theo tùy thể trạng mỗi người, nên trao đổi trực tiếp với bác sĩ chuyên kho y học cổ truyền.*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

477. Trà Dr. Thanh

***Hemigraphis alternata* (Burm.f.) T.Anderson, 1864**

Cây thảo mộc, Cây kim loại, Cây thường xuân đỏ, Bán tự cảnh, Bán tự kiểng

Công dụng: Ở Tiểu Antilles, người ta dùng các thân mang lá, phối hợp với thân cành loài Rau càng cua (Peperomia rotundifolia (L.) Kunth), để chữa bệnh cúm. Cũng có nơi dùng chữa bệnh trĩ.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân mang lá

Thành phần hóa học	Trong 100g lá tươi được ghi nhận thu được khoảng 0,351g potassium. Những trích xuất từ lá và thân mang lại những thành phần hóa chất như: glucides, protein, phenol, steroïdes, saponines, coumarines, coumarate, tanin, acid carboxyliques, flavonoïdes, alcaloïdes, cinnamate, chlorogenate, polyphénols, férulate, gallate, xanthoproteins, β-carotène, acide ascorbique, vitamin E, sodium Na, calcium Ca, potassium K.
Nguồn gốc	Cây xuất xứ từ Inđônêxia (Java)
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, Cây chỉ được tìm thấy ở huyện Thới Bình (xã Trí Phải, xã Tân Lộc) và huyện Đầm Dơi (xã NGọc Chánh)
Sinh cảnh	Cây được trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam
Thu hoạch	Thu hái thân lá quanh năm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)

→ **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)

→ **Chi**: Hemigraphis

→ **Loài**: *H. alternata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 30 cm
Rễ cây	Rễ mọc ở những đốt
Thân cây	Thân hoàn toàn màu tím.. Nhánh non có lông
Lá cây	Lá, môc đối, có phiến xoan, xoan hình tim 4,5 – 8 cm dài x 3,5 – 4,5 cm rộng, với một mũi nhọn hay hơi nhọn ở đỉnh, đáy tròn có dạng hình tim với bìa lá có răng cưa.Mặt trên của những lá có màu tím kim loại đậm khắp mặt lá, có lông.mịn. Mặt dưới lá có màu tím đỏ nhạt, cuống lá 1-1,5 cm.
Hoa	Cụm hoa là bông ở ngọn hay ở nách lá, mọc đứng dài 3-5cm, mang 5 hàng hoa. Hoa trắng (hay đỏ), có lá bắc xen kết hợp, tràng hoa cao khoảng 2cm; nhị 4
Quả/trái	Quả nang thẳng, mảnh mai.
Hạt	Hạt phẳng có lông mịn, gồm 4-20.

478. Trà mi — *Camellia japonica* L., 1753

Trà hoa Nhật, Sơn trà hoa, Sơn trà Nhật Bản, Hoa trà my, Hoa hồng mùa đông

Công dụng: Thường dùng trị nôn ra máu, chảy máu cam, trị chảy máu, tử cung xuất huyết, trị vết thương chảy máu, bỏng lửa và bỏng nước, nhọt và viêm mủ da.

Tính vị: Vị cay và đắng, tính hàn.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, hoa - Radix et Camelliae Japonicae, thường gọi là Sơn trà hoa.

Thành phần hóa học	Hạt có dầu
Nguồn gốc	Loài của Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Trà Mi chỉ được tìm thấy ở huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Hưng)
Sinh cảnh	Cây được trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Ra hoa vào mùa đông, mùa xuân, có thể đến tháng 4 - 5.
Thu hoạch	Thu hái hoa vào tháng 4, tháng 5 đúng trước lúc hoa nở
Chế biến	Phơi khô hay sấy khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Ericales (Thạch nam, Đỗ quyên)

→ **Họ:** Theaceae (Trà)

→ **Chi**: Camellia (Chè)

→ **Loài**: *C. Japonica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao từ 3 đến 10 - 15m
Thân cây	Cây phân cành nhiều.
Lá cây	Lá có phiến dày như da, bầu dục, nhọn hai đầu,, hình trái xoan nhọn, có răng mịn ở mép, mặt trên bóng loáng, màu lục sẫm, mặt dưới nhạt màu hơn; gân bên 7 - 8 đôi; cuống lá dài 5mm
Hoa	Hoa mọc đơn độc hoặc từng đôi một, màu đỏ tía tươi, rộng 6 - 10mm. Nhị nhiều xếp thành vòng ở giữa hoa; bao phấn vàng. Người ta đã tạo được những chủng có hoa màu trắng hay hồng và cả loại hoa kép. Hoa to ở ngọn nhánh, rộng đến 10cm, đỏ thắm, thường từng đôi; cánh hoa đầu lõm; nhị nhiều, vàng tươi, có khi thành nhóm xen với cánh hoa. Hoa nở vào cuối đông đầu xuân, kéo dài hàng tháng, để lâu không héo tàn, búp hoa to, màu sắc rực rỡ như màu đỏ, vàng, trắng.. .
Quả/trái	Quả nang to 3 - 4cm, vỏ quả cứng như gỗ, mỗi ô chứa 1 - 3 hạt.
Hạt	Hạt chứa dầu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bỏng lửa, bỏng nước: Nghiền hoa tươi Trà mi 5g thêm dầu vừng và đắp (Y dược học Việt Nam).	x		
2	Chữa nhọt và viêm mủ da: Lá Trà mi tươi, giã ra đắp ngoài (Y dược học Việt Nam).	x		
3	Chữa nôn ra máu, chảy máu cam, trĩ chảy máu: Hoa Trà mi, quả Dành dành, lá Trắc bá, củ Sinh địa đều 9g, sắc nước uống (Y dược học Việt Nam).	x		
4	Chữa các chứng thổ huyết, chảy máu cam, băng huyết, kiết lị ra máu, bị bỏng, tổn thương do trật đả và các bệnh lý da liễu: Chuẩn bị hoa trà mi 12g, than lá ngải 12g, tiên hạc thảo 15g, sắc uống để trị băng huyết ở phụ nữ; hoa trà lượng vừa phải, nghiền thành bột mịn, cho nước hoặc giấm ăn vào trộn đều rồi bôi ngoài da để chữa các vết thương hoặc trộn với dầu vừng để chữa bỏng (Y dược học Việt Nam).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Không nên dựa vào để tự chữa bệnh vì liều lượng và đặc tính thuốc có thể thay đổi theo tùy thể trạng mỗi người, nên trao đổi trực tiếp với bác sĩ chuyên kho y học cổ truyền.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

479. Trắc bách diệp — *Platycladus orientalis* (L.) Franco, 1949

Trắc bá, Bá tử, Trắc bá diệp, Bá tử nhân, Bách tử nhân, Bách thật, Bá thực, Trắc bá tử nhân, Bách thử nhân, Cúc hoa, Bá thực, Thuộc bài, Co tổng péc (Thái), Trắc bách

Công dụng: Lương huyết, cầm máu, trừ thấp nhiệt, chữa ho ra máu, đại tiểu tiện ra máu, chảy máu cam, rong kinh, rong huyết, bổ tâm, định thần, chỉ hãn, nhuận táo, thông tiện, chữa hồi hộp, mất ngủ, hay quên, người yếu âm hư

Tính vị: Trắc bách diệp có vị đắng, mùi thơm, tính hơi hàn. Bách tử nhân có vị ngọt, tính bình.

Quy kinh: kinh phế, can, và đại tràng

Bộ phận dùng: Cành non và hạt

Thành phần hóa học	Lá chứa 0,6-1% tinh dầu, flavonoid, lipid và acid hữu cơ (acid pimaric, acid isopimaric). Tinh dầu chứa fenchon, camphor, borneol acetat, terpineol. Các flavonoid toàn phần 1,72% trong lá tươi gồm myricetin, hinokiflavon, amentoflavon, quercitrin. Phân đoạn chứa 81% các acid hữu cơ gồm acid juniperic, acid sabinic, 7% hexadecan-1,16-diol và một hợp chất 35C sau khi xà phòng hóa. Gỗ chứa tinh dầu. Tinh dầu từ quả chứa 40 thành phần trong đó chủ yếu là α-cedrol 36,84%.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây Trắc Bách Diệp phần lớn được người dân và các chuyên gia trồng. Và trồng nhiều trong vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 9, Tháng 3 đến 9
Thu hoạch	Lá và cành nhỏ có thể thu hái quanh năm, nhưng tốt nhất vào tháng 9-11. Hạt thu hái vào mùa thu đông. Lá trắc bách diệp được thu hoạch hàng năm để sử dụng, đặc biệt là vào khoảng tháng 9-11. Quả được hái vào tháng 9-12.
Chế biến	Cành nhỏ của loại cây này cũng được đem về sấy khô hoặc phơi bảo quản, dùng dần. Quả sau khi thu hái, được phơi khô, xát vỏ và lấy phần nhân bên trong.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Pinophyta (Thông)

Lớp: Pinopsida (Thông)

Bộ: Pinales (Thông)

Họ: Cupressaceae (Hoàng đàn)

Chi: Platycladus

Loài: *P. orientalis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 6-8m.
Thân cây	Cây phân nhánh từ gốc, nhánh nhiều, các cành non có các vảy lá ôm sát thân đều nằm trên một mặt phẳng
Lá cây	Lá mọc đối, dẹt, hình vảy, màu lục ở cả 2 mặt. Ở mỗi nách lá phía gốc có một chồi nhỏ sau này phát; Lá nhỏ, mọc đối, hình vẩy dẹp, lợp lên nhau, lá ở nhánh non và nhánh già có hình dạng khác nhau .
Hoa	Hoa đơn tính cùng gốc.. Hoa đực hình đuôi sóc ở đầu cành nhỏ. Hoa cái hình nón tròn, mọc ở gốc cành nhỏ
Quả/trái	Nón cái tròn, ở góc các cành. Nón quả hình trứng, có 6-8 vẩy dày, xếp đối
Hạt	Hạt hình trứng, vỏ ngoài cứng, nhẵn, không có cạnh, màu nâu sẫm, có một sẹo rộng màu nhạt hơn ở phía dưới.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Cầm máu: Lấy 30 – 50g trắc bách diệp, dùng cả cành cũng như lá đem nguyên liệu đã chuẩn bị sao vàng, cho vào ấm sắc với 1 lít nước. Chờ cho nước sôi, vặn nhỏ lửa, tiếp tục đun ấm thuốc đến khi cạn còn một nửa. Chia uống 2 lần vào buổi sáng cũng như buổi chiều (Như Ý, 2021).	x		
2	Điều trị bệnh kiết lỵ: Lấy hạt trắc bách diệp (8 -12g) phơi khô, đem giã nát, hòa chung với 1 cốc nước đun sôi để nguội. Chắt nước uống 4 – 5 ngày liên tục các triệu chứng bệnh kiết lỵ sẽ thuyên giảm đáng kể (Như Ý, 2021).	x		
3	Trị quai bị: Dùng Trắc bá diệp 200 - 300g, rửa sạch giã nát gia lòng trắng trứng gà trộn đều đắp vùng đau, mỗi ngày 7 - 8 lần, thường trong 1 ngày là hết phù (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Trị sói tóc: Trắc bá diệp tươi (gồm cả quả non) 25 - 35g, xắt nhỏ cho vào 60 - 75% cồn 100ml, 7 ngày sau lọc nước dùng, xát vào chỗ rụng tóc, ngày 3 - 4 lần (Trạm Y tế xã	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Đông Thạnh, 2020).			
5	Cầm máu: Đem 30g cành và lá trắc bách diệp đi sao vàng, sau đấy sắc với 500ml nước cho đến khi cạn còn 100ml thì bỏ ra bát. Chia thuốc thành 2 lần sử dụng trong ngày (Như Ý, 2021).	x		
6	Chữa đi tiểu ra máu, chảy máu cam, băng huyết do huyết nhiệt mạnh: Lấy lá trắc bách diệp 8 – 12 đem sao với giấm, nghiền thành bột mịn rồi pha với nước ấm uống. Số lần dùng: 2 – 3 lần/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
7	Điều trị bệnh kiết lỵ: Lấy hạt trắc bách diệp (8 -12g) phơi khô, đem giã nát, hòa chung với 1 cốc nước đun sôi để nguội. Chắt nước uống 4 – 5 ngày liên tục một số dấu hiệu bệnh kiết lỵ sẽ thuyên giảm đáng kể (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
8	An thần, nhuận tràng: Lấy hạt trắc bách diệp cho hạt vào chảo sao thông qua, ép lấy phần dầu bỏ đi, giữ lại xác dùng dần. Mỗi ngày lấy 15g sắc chung với nhân táo, hạt gen cũng như ích trí lượng bằng nhau. Uống ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa trị đầy bụng, đi ngoài phân xanh, hoặc khóc đêm ở trẻ em: Lấy hạt cây trắc bách diệp phơi khô, tán bột mịn. Mỗi ngày lấy 1 thìa cà phê hòa với nước cơm cho trẻ uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Chữa ho: Chuẩn bị Lá Trắc bách đem sao, sắc cùng rễ Chanh, rễ Dâu tằm hoặc Tầm gửi cây Dâu uống. Ngày dùng 6-12g lá, 4-12g nhân quả (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Chữa khái huyết do cảm nhiễm phong tà (sốt, ho ra đờm có huyết, miệng khô, mũi ráo...): Lá Trắc bách diệp 20g, lá Ngải cứu tươi 20g, cỏ Nhọ nồi 40g, lá Sen tươi 40g, nước 600ml sắc còn 300ml, người lớn chia uống hai lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Chữa đại tiện ra máu (viêm trực tràng chảy máu, trĩ): Lá Trắch bách diệp (sao đen) 30g, hoa Kinh giới (sao đen) 30g, Hoa hoè (sao đen) 30g, Chỉ xác (bỏ ruột) 20g; sấy khô các vị thuốc trên rồi tán nhỏ, rây kỹ, cho vào lọ nút kín; người lớn mỗi lần uống 8g với nước đun sôi để nguội (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị trĩ xuất huyết: Sao Trắc bá diệp 30g, Kinh giới sao đen 15g, than Địa hoàng 20g, tán bột, cho nước sôi chế 200ml thụt ruột lưu cho đến lúc không nhịn được, ngày 1 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Trị bệnh ngoài da: Trắc bá diệp, Địa long đều 20g, Hoàng liên, Địa hoàng đều 25g, Hùng hoàng 15g, Khinh phấn 10g, Tùng hương 6g, tán bột mịn trộn dều với dầu thơm, ngày thay 1 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Trị rị ho gà: Trắc bá diệp tươi gồm cả nhánh con 30g sắc được 100ml cho mật ong 20ml. Dưới 2 tuổi mỗi lần uống 15 - 20ml, ngày 3 lần, lượng tùy theo tuổi gia giảm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Chữa bệnh viêm bàng quang cấp tính: Thành phần: Trắc bách diệp, nghiệt bì, hạn liên thảo, củ kim cang, mộc thông (mỗi vị 16g), đỗ phụ, liên kiều, hòe hoa (mỗi vị 12g). Sắc kỹ lấy nước uống hết trong ngày. Thông qua ngày hôm sau thay thang thuốc mới (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Trị chảy máu cam: Chuẩn mắc 15g lá sen, ngải cứu, bá tử nhân, 8g sinh địa, ngó sen. Đem tất cả nguyên vật liệu trên đi sao vàng sau đấy cho vào nồi sắc với 400ml nước. Sau lúc cạn xuống còn 100ml nước thuốc thì bỏ ra bát, chia làm cho 2 phần dùng trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Chữa trị ho ra máu, thổ huyết: Đun 15g trắc bách diệp (đã sao cháy đen), ngải diệp cùng 6g can khương sao trong ấm cùng với 500ml nước đến khi còn 200ml thì cho ra bát, chia làm cho 3 lần dùng hết trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x	x	
19	Chữa chứng thấp nhiệt bạch đới: Chuẩn bị Lá trắc bách diệp, thương truật, dư dung, bách chiểu (mỗi vị 12g), hương phụ và hoàng bá (mỗi vị 8g), hoàng liên (mỗi vị 4g). Nghiền tất cả thành bột, sắc uống hoặc trộn chung với nước cháo khiến hoàn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa ho ra máu: Chuẩn bị: Trắc bách diệp, ngải diệp (mỗi vị 15g), can khương (6g). Sao cây trắc bách diệp cho cháy đen, tương tự can khương cũng đem sao vàng. Tất cả sắc chung lấy nước đặc uống hàng ngày. Kiên trì sử dụng thuốc trong 5 – 7 ngày để trị tận gốc chứng ho ra máu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Chữa ho ra máu: Chuẩn bị lá cây hồng trúc 10g, lá trắc bách diệp 10g, lá cây trai đỏ (thài lài tía) 10g, rễ cây rẻ quạt 10g. Sắc uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Dược liệu Quốc gia).			
22	Chữa trị rụng tóc do mắc bệnh viêm da tiết bã: Chuẩn bị 60g lá trắc bách diệp tươi, rượu trắng 40 độ. Ngâm lá trắc bách diệp với lượng rượu vừa đủ trong 7 ngày. Khi dùng chỉ nên lấy rượu thoa trực tiếp lên ở vùng da đầu mắc bệnh giúp giảm ngứa, cải thiện tình trạng rụng tóc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa trị chảy máu cam: Chuẩn bị Lá trách bách diệp, lá ngải diệp, lá sen (mỗi vị 15g), địa hoàng cũng như ngó sen (mỗi vị 8g). Tất cả cho vào chảo sao vàng, cho vào ấm cùng 1 lít nước sắc đến khi cạn còn 1/2. Chia đều 2 phần uống vào buổi sáng và buổi tối liên tục trong 7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa trị bệnh ho kéo dài: Chuẩn bị Lá cây trắc bách diệp 10g, rễ cây tầm gửi sống ký sinh trên thân cây dâu 10g, rễ chanh 10g, rễ dâu 10g. Dược liệu trắc bách diệp cùng các vị trên hợp thành một thang. Đem tất cả sao vàng rồi sắc nước uống với liệu trình 7 ngày liên tục. Mỗi ngày dùng 1 thang kết hợp giữ ấm cơ thể, uống rất nhiều nước, súc miệng với nước muối ấm hàng ngày và ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng để mau chóng đẩy lùi tác nhân gây bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Trị viêm thận, viêm bể thận cấp tính: Thành phần: 63g trắc bách diệp, 125 Rau đắng đất, 4g cam thảo kết hợp với 4 quả đại táo. Sắc thuốc voi171 1,5 lít nước, lấy 500ml. Chia khiến cho 3 phần uống hết trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Hỗ trợ trị những bệnh lý về tim mạch: Thành phần: Lá trắc bách diệp khô 400g, xuyên quy 200g, mật ong nguyên chất. Tán cả 2 vị thuốc thành bột mịn, trộn mật khiến hoàn. Sử dụng trong vài tháng liên tục để cải thiện sức khỏe tim mạch (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Chữa bệnh trĩ đi ngoài ra máu: Thành phần: Trắc bách diệp, hòe mễ, quả trấp già (chỉ xác), hoa kinh giới số lượng bằng nhau. Tất cả dùng dạng khô. Tất cả tán nhỏ. Mỗi ngày uống 20g hãm với nước sôi uống thay trà. Dùng trước khi ăn 30 phút (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
28	An thần, điều trị mất ngủ, đêm ngủ trằn trọc không yên giấc do suy nhược thần kinh: Thành phần: Lá trắc bách diệp 100g, đương quy 100g. Phơi những vị dược liệu trên bên ngoài nắng to cho thật khô. Tán bột mịn, trộn chung với lượng mật ong vừa đủ để được hỗn hợp bột không còn có dính tay. Vo viên hoàn cất vào hũ kín sử dụng dần. Liều dùng 12g x 2 lần/ngày trong 1 tuần liên tục (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
29	An thần, điều trị mất ngủ, đêm ngủ trằn trọc không yên giấc do suy nhược thần kinh: Thành phần: Bá tử nhân (hạt trắc bách diệp) 15g, 1 quả tim lợn. Tim lợn bóp muối rửa cho sạch. Sau đó rạch một con đường nhỏ để nhồi bá tử nhân vào bên trong. Đem hấp cách thủy trong khoảng 60 phút, ăn hết 1 lần khi còn nóng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
30	Chữa ra rất nhiều mồ hôi do tinh huyết bất túc (âm hư): Thành phần: Hạt trắc bách diệp cũng như vỏ hạt lúa tiểu mạch (mỗi vị 16g), sơn khương, cẩu cốt, đảng sâm, hải lệ tử bì, hạ khúc (mỗi vi6 12g), ngũ vị tử (8g). Tất cả tán bột, trộn với một ít táo nhục sắc uống ngày 1 thang để điều hòa hoạt động của tuyến mồ hôi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
31	Phòng tránh và chữa rụng tóc, kích thích tóc nhanh mọc: Thành phần: Cây trắc bách diệp và hồ đào nhục (mỗi mẫu 500g). Tán một số vị trên thành bột mịn, trộn lẫn với nhau bảo quản trong hũ dùng dần. Khi dùng, lấy 9g bột pha với nước ấm uống. Buộc phải sử dụng thuốc sau lúc ăn khoảng 30 phút để một số dược chất được hấp thu tốt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
32	Trị xuất huyết đường ruột, trị ho, ban trẻ em: Lấy một nắm lá Trắc bách diệp và ít muối đâm mịn, vắt lấy nước uống.			x
33	Trị đau nhức, trị ho hay ho ra máu, giải nhiệt, tiểu đường: Lấy một nắm lá Trắc bách diệp sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
34	Trị ho, trị bệnh phổi: Lấy 1 nắm Trắc bách diệp và 1 ít đường phèn đem chưng rồi uống			x

*N **Lưu ý khi sử dụng:** người ỉa lỏng, nhiều đờm không nên dùng.*
Không sử dụng cho người có nhiều đờm, tiêu lỏng nhiều lần trong ngày hay mắc dị ứng với các thành phần hóa học của trắc bá diệp.
bạn nam thể hàn thận trọng khi dùng
dùng thuốc đúng liều lượng cũng như kiên trì để mau thấy được hiệu quả tích cực.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

480. Trái nổ — *Ruellia tuberosa* L., 1753

Cây nổ, Quả nổ, Nổ, Tanh tách, Sâm đất

Công dụng: Hạt được dùng ngoài để trị vết nứt và mụn nhọt. Rễ tán bột được dùng để làm thuốc bổ, trị viêm loét dạ dày tá tràng, sỏi thận và sỏi bàng quang. Ngoài ra rễ còn được dùng để trị tiểu đường, đau nhức răng, cảm mạo và huyết áp cao.

Tính vị: Rễ có vị ngọt, cay, tính mát. Lá có vị cay, hơi đắng, tính lạnh và có ít độc. Dùng lá với liều cao có thể gây nôn.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Cây được tìm thấy ở tất cả hầu hết các đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây chủ yếu là tự mọc nơi có đất ẩm như là vườn, ven sông, bờ ao, bờ ruộng, dọc theo đường đi. Gần đây người dân và các chuyên gia cây thuốc nam mang chúng đi trồng tong vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10, Tháng 8 đến 12
Thu hoạch	Thu hái toàn cây quanh năm
Chế biến	Cây sau khi thu hái, thường được dùng tươi hoặc phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Acanthaceae (Ô rô)
      - **Chi**: Ruellia
        - **Loài**: *R. tuberosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình khoảng 20 – 50cm, chỉ một số cây cao đến 80cm
Rễ cây	Rễ mọc thành củ, màu vàng nâu và có hình dạng tròn dài.
Thân cây	Thân cây nhỏ, vuông, có màu lục pha tím đỏ và được phủ lông nhỏ.
Lá cây	Lá có hình bầu dục, mọc đối xứng, mép lá có rìa lông cứng và mặt trên được bao phủ một lớp lông thưa
Hoa	Hoa mọc ở ngọn hoặc ở nách lá, hoa lớn, có khoảng 5 cánh, màu xanh tím.
Quả/trái	Quả nang, có màu nâu đen khi chín. Quả thường "nổ" bắn ra hạt đen, dẹt khi tiếp xúc với nước. Chính vì vậy mà còn được gọi là cây quả nổ hoặc cây nổ.
Hạt	Hạt đen, dẹt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa chứng nóng sốt gây khát nước: Lấy 6g vỏ rễ sắc với 200ml nước còn lại khoảng 50ml, dùng nước uống hết trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa ghẻ lở bị nhiễm trùng tụ cầu gây mủ: Lấy thân của cây quả nổ đem đốt thành than, sau đó tán thành bột và rắc lên vết thương (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa chứng cao huyết áp: Lấy 12 hoa tươi hoặc khô đều được, thêm nước vào và sắc uống hằng ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
4	Chữa chứng viêm lợi gây đau nhức răng: Lấy rễ cây nổ sắc lấy nước đặc, đem ngậm súc miệng và nhổ đi (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Điều trị tiểu đường: Dùng toàn cây Trái nổ khô 20g (hoặc tươi 40g) đun nước uống hàng ngày (thaythuoccuaban.com).	x	x	
6	Điều trị cảm sốt: Lấy cây Trái nổ 25g hãm nước uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
7	Hỗ trợ điều trị thận hư suy: Chuẩn bị: Cây muối, cây mực, sâm tanh tách và cây quýt gai, mỗi thứ 20g. Đem các dược liệu phơi khô, sau đó sắc với 1.5l nước còn lại 700ml. Chia nước sắc thành nhiều lần uống và dùng hết trong ngày. Dùng bài thuốc liên tục trong vòng 30 ngày để nhận thấy cải thiện (thaythuoccuaban.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
8	Điều trị cảm sốt: Chuẩn bị: 12g cây quả nổ. Đem thái nhỏ và hãm lấy nước uống hằng ngày. Dùng bài thuốc khoảng 1 – 3 ngày sẽ thấy tình trạng sốt được cải thiện đáng kể (thaythuoccuaban.com).	x		
9	Chữa chứng run chân tay, mệt mỏi, choáng váng và chóng mặt: Chuẩn bị: Dây đau xương và rễ cây quả nổ, mỗi thứ 8g. Đem sắc uống, ngày dùng một thang (thaythuoccuaban.com).	x		
10	Chữa tiểu đường type 2: Chuẩn bị: Toàn cây khô 25g hoặc dược liệu tươi 75g. Sắc uống và chia thành nhiều lần uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
11	Chữa viêm nhiễm đường tiết niệu: Chuẩn bị: Dược liệu khô 25 – 35g. Sắc lấy nước để riêng, dùng thêm 20g dược liệu khô đem tán bột mịn. Uống thuốc bột cùng với nước sắc vào sáng sớm ngay sau khi ngủ dậy (thaythuoccuaban.com).	x		
12	Trị sỏi thận: Chuẩn bị: Cây dứa dại và rễ cỏ tranh mỗi thứ 15g, kim tiền thảo và cây nổ mỗi vị 20g. Đem sắc với 1.5l nước, còn lại khoảng 1l, đem chia thành nhiều lần uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
13	Trị mụn nhọt: Lấy 1 ít hạt Trái nổ ngâm với nước, xong đắp lên chỗ mụn nhọt.			x
14	Trị sỏi thận, nhức mỏi: Lấy rễ Trái nổ rửa sạch, nấu nước uống			x
15	Mát gan: Lấy cả cây Trái nổ phơi khô, nấu nước loãng loãng uống (nấu như nước uống hàng ngày).			x
16	Trị nhức, mỏi khớp: Lấy Quao, cây Lức cây, Trái nổ xắt ra, phơi khô rồi nấu với 3 chén nước đến khi còn 7 phân uống. Uống 2,3 lần/ ngày.			x
17	Giải nhiệt: Lấy 1 nắm rễ Trái nổ phơi khô, ngâm với rượu (đổ rượu ngập rễ Trái nổ). Ngâm 10 ngày sau uống được			x
18	Trị nhức mỏi, giải nhiệt: Lấy 1 nắm củ Trái nổ sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
19	Trị khớp, giải độc gan: Lấy nguyên thân Trái nổ (đã chặt khúc), Nhãn lồng, Đinh lăng phơi khô nấu nước uống.			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Cây quả nổ có tính hàn và mát vì vậy không nên dùng cho người không có thực nhiệt và người hư hàn.

Phụ nữ mang thai, người có huyết áp và đường huyết thấp nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng dược liệu sâm tanh tách.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

481. Trâm bầu — *Combretum quadrangulare* Kurz, 1874

Chưng bầu, Tim bầu, Săng kê, Song re

Công dụng: Chữa giun sán, giun kim, giun đũa, chữa bệnh sốt rét rừng, phong thấp, đau bụng và tiêu chảy, trị đau cơ, giúp cầm máu vết thương.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Campuchia nên còn có tên Song ke.

Bộ phận dùng: Hạt, rễ, lá - Semen, Radix et Folium Combreti Quadrangularis

Thành phần hóa học	Trong hạt có tanin, dầu béo, acid béo, oxalat calcium, acid oxalic tự do,... Hàm lượng dầu trong hạt là 12%, chất không savon hoá là 4,3%. Dầu có màu nâu đỏ. Trong thành phần acid béo có acid palmitic (5,91%), acid linoleic (2,31%), do đó dầu Trâm bầu ngoài việc dùng trong công nghiệp xà phòng và tổng hợp các chất tẩy rửa, có thể dùng để ăn, nếu được tinh luyện kỹ ngay sau khi lấy dầu ra và loại bỏ độc tố. Vỏ lá chứa nhiều tanin, flavonoit, dầu béo, axít béo, oxalat calcium, axít oxalic tự do… Chất nhầy ở vỏ và cành non trâm bầu có tác dụng tẩy giun.
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, Cây được tìm thấy tại huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (xã Khánh Tiến), huyện Trần Văn Thới (xã Phong Lạc) và Huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước, xã Thạnh Phú, Tân Hưng Đông), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi
Sinh cảnh	Đa số cây Trâm bầu mọc nhiều theo ven sông và ven ao, bờ ruộng, ven mương, ven sông. Người dân gây trồng bằng cách mang giống trồng trong vườn nhà hoặc ven đường đi
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 11, Tháng 9 đến 11
Thu hoạch	Quả trâm bầu được thu hái vào mùa thu đông. Ngoài ra các bộ phận khác của cây như lá, thân, vỏ cây cũng có tác dụng làm thuốc. Gỗ dùng làm củi.
Chế biến	Sau khi thu hái, đem quả tách lấy hạt, phơi hoặc sấy khô.
Bảo quản	Bảo quản Trâm Bầu đã phơi khô ở nơi thoáng mát, khô ráo và tránh ánh nắng trực tiếp.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

Họ: Combretaceae (Bàng)

Chi: Combretum (Trâm bầu)

Loài: *C. Quadrangulare*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 2-10m
Thân cây	Thân có nhiều cành ngắn rụng lá nom như gai.. Khi còn non có cành hình 4 cạnh, 4 mép có dìa như cánh
Lá cây	Lá thường mọc đối, hình trứng dài, đầu lá tròn hay hơi rộng ra, cả hai mặt nhất là mặt dưới đều có lông. Chiều dài của lá 3-7,5cm, rộng 1,54cm. hoa nhỏ mọc thành bông ở kẽ lá và đầu cành.
Hoa	Hoa nhỏ màu vàng ngà, mọc thành bông ở kẽ lá và đầu cành.. .
Quả/trái	Quả có 4 cánh mỏng, chứa một hạt. Qủa dài 18-20mm, rộng 7-8mm có 4 cánh mỏng. Có nhiều loài, nhưng chỉ có loài trên được dùng làm thuốc.
Hạt	Hạt hình thoi rộng 4mm (hình) có dìa

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị giun đũa và giun kim: Lấy hạt Trâm Bầu nướng lên hoặc rang lên cho vàng rồi ăn cùng với quả chuối chín. Liều dùng trong 3 ngày liên tục, cụ thể theo từng độ tuổi như sau: Người lớn dùng mỗi ngày từ 10 hạt – 15 hạt (khoảng từ 14g – 20g). Trẻ em tùy theo tuổi có thể dùng từ 5 hạt đến 10 hạt (khoảng 7g – 14g) mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
2	Nhuận gan: Sử dụng từ 20 gam – 30 gam hạt Trâm Bầu, đem nấu nước uống giống như uống trà trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
3	Lợi mật: Dùng lá Trâm Bầu đem sắc uống giúp tăng tiết mật, kích thích sự tiêu hóa thức ăn. Đồng thời giúp ăn uống ngon miệng và gia tăng được cảm giác thèm ăn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Lợi tiểu: Uống nước sắc từ lá Trâm Bầu sẽ giúp lượng nước tiểu tăng lên, và kéo dài được trong nhiều giờ. Từ đó giúp cơ thể đào thải độc tố tốt mà không gây ra tác dụng phụ (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
5	Giảm đau và cầm bệnh tiêu chảy: Dùng rễ của Trâm Bầu để chữa vết thương (Lê Ngọc Bảo, 2020).	x		
6	Trị giun đũa và giun kim: Dùng bột của hạt Trâm Bầu kết hợp với bột lá Muồng Trâu để làm thành viên thuốc uống (Lê Ngọc Bảo, 2020).	x		
7	Trị giun đũa và giun kim: Dùng bột từ 50g hạt Trâm bầu và 50g bột lá Mơ. Sau đó thêm nước và 100g bột nếp (hoặc bột làm bánh) rồi hấp cách thủy cho chín để làm bánh, ăn vào lúc sáng sớm khi bụng đang đói. Và không ăn thêm gì khác cho đến trưa, áp dụng từ 4 – 5 ngày liên tục để diệt sạch giun (Lê Ngọc Bảo, 2020).	x		
8	Trị cổ trướng và xơ gan: Kết hợp lá Cối xay, lá Trâm bầu, vỏ cây Vọng cách và vỏ cây Quao nước, mỗi thứ 50 gam với 200 gam thân cây ráy gai và 200 gam quả dứa dại. Đem tất cả các vị này sắc với nước uống trong ngày. Sử dụng mỗi ngày 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Trị tiêu chảy: Lấy 1 nắm lá Trâm bầu thêm ít muối, đâm, vắt lấy nước uống			x
10	Trị Goút, trị bệnh gan, gai cột sống, tê: Lấy 6 g Trâm bầu nấu với 4 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống.			x
11	Trị thần kinh tọa: Lấy thân cây Trâm bầu vạt mỏng, sao vàng thủy thổ, ngâm rượu uống (sáng 1 ly, chiều 1 ly)			x
12	Trị nhức mỏi: Lấy thân cây Trâm bầu vạt mỏng, phơi khô, nấu nước chung Mắc cỡ, uống.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Trâm Bầu là một vị thuốc tốt và khá an toàn khi sử dụng không có tác dụng phụ. Tuy nhiên trước khi sử dụng dược phẩm này chúng ta nên lưu ý một số điều như sau:

Cẩn thận khi sử dụng cho phụ nữ đang có thai và các mẹ đang cho con bú.

Khi sử dụng Trâm Bầu với các loại thuốc khác hay các thuốc có tác động đến men gan, thuốc trị giun sán, thuốc lợi tiểu,... thì nên tham khảo hoặc trao đổi với thầy thuốc hoặc bác sĩ trước khi dùng để đảm bảo hiệu quả và an toàn tốt nhất cho bản thân.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

482. Tràm bông vàng *Acacia auriculiformis* A. Cunn. ex Benth.

Keo lá tràm

Công dụng: Lá được dùng để điều trị các vết thương, vết bỏng, cảm lạnh, cúm và kích thích tiêu hóa trong y học. Dầu Tràm dùng xoa bóp ngoài chữa đau khớp, nhức mỏi.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Châu Úc

Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	cây Tràm bông vàng có khả năng tự mọc và cũng có thể gây trồng, chúng được tìm thấy ở trong vườn nhà người dân và mọc theo các đường đi, ven sông và bờ ao
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Lá phơi khô sau đó có thể dùng nấu nước uống thay nước.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Fabales (Đậu)

Họ: Fabaceae (Đậu)

Chi: Acacia (Keo)

Loài: *A. auriculiformis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Tràm bông vàng trưởng thành có thể cao đến 25m.
Đường kính cây	Đường kính cây khoảng 50 – 60cm
Vỏ cây	Vỏ cây có màu nâu đen và lớp vỏ rất dày
Thân cây	Thân cây có đặc điểm tròn, tán lá rộng, nhiều phân cành thấp..
Lá cây	Cây non mới trồng có 1- 2 lá kép lông chim. Khi trưởng thành lá sẽ chuyển thành màu xanh thẫm, cuống lá ngắn.
Hoa	Hoa tràm bông vàng hình đuôi sóc, tràm hoa màu vàng. Hoa dài khoảng 10 – 15cm. Hoa thường mọc ở nách lá hoặc đầu cành.
Quả/trái	Quả hình đậu xoắn, hạt nằm ngang, hình tròn dẹt.
Hạt	Hạt đen, rốn hạt dài màu vàng.

483. Tràm gió — *Melaleuca cajuputi* Powell, 1809

Chè đồng, Chè cay

Công dụng: Lá Tràm gió cũng được dùng như Tràm, có thể xông trị cảm cúm, lấy nước rửa mụn nhọt, vết thương, tắm trị mẩn ngứa. Phối hợp với các loại cây khác làm thuốc trị thấp khớp đau nhức xương. Tinh dầu Tràm gió nhỏ mũi chữa cảm cúm và ngạt mũi, dùng xông sát trùng đường hô hấp; dùng uống có tác dụng chống co thắt, chữa ho, long đờm, giúp tiêu hoá; dùng xoa trị đau nhức, tê thấp, dùng bôi các vết xây xát và các vết bỏng, vừa sạch, vừa sát trùng. Liều dùng để uống 10-20 giọt trong một cốc nước, dùng nhỏ mũi với nồng độ 10% trong tinh dầu Lạc hay cồn; dùng rửa thì pha trong nước với nồng độ 0,2% .

Tính vị	Lá Tràm gió có vị cay, tính ấm, mùi thơm
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Lá và tinh dầu
Thành phần hóa học	Tinh dầu màu vàng lục, có thành phần chủ yếu: 1,8-cineole (46,9-57,9%) kèm theo các alcohol monoterpenic ()a- terpineol. (-)-linalol và (-)-terpinen-4-ol. Còn có một hàm lượng cao các hydrocarbon monoterpen (27,8%), một lượng nhỏ các hydrocarbon sesquiterpen và alcohol
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Úc
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	cây Tràm gió có khả năng tự mọc và cũng có thể gây trồng, chúng được tìm thấy ở trong vườn nhà người dân và mọc theo các đường đi, ven sông và bờ ao

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Myrtales (Trám (Sim)

→ **Họ:** Myrtaceae (Trám (Sim)

→ **Chi**: Melaleuca (Tràm)

→ **Loài**: *M. cajuputi*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao đến 7m
Vỏ cây	Vỏ có nhiều mảng mỏng trắng xốp. Lớp vỏ này bóng mượt. Sau đó cứng dần và tạo thành nhiều lớp sần sùi khi trưởng thành.
Thân cây	Nhánh nhỏ hơi rủ xuống
Lá cây	Lá có phiến thon dạng lá Tre hoặc dạng lá rộng, dài 7-8cm, rộng 2cm, không lông, gân phụ 3-7.
Hoa	Thường mỗi chùm hoa có 3 hoa. Bông trắng ở ngọn cây dài 3-7cm, đầu cuối tiếp tục mang lá; đài và tràng nhỏ, nhị nhiều, trắng, dài 10-12mm..
Quả/trái	Quả nang nhỏ nằm trong đài. Quả có hình tròn mọc dọc theo cành cây, mỗi quả có đường kính 2-2,8 mm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm cúm và ngạt mũi: Lấy tinh dầu Tràm gió nhỏ mũi (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
2	Tống hơi: Khi bị đầy bụng, khó tiêu do bụng đầy hơi. Uống một ít dầu tràm pha loãng hoặc thoa lên da bụng có thể khắc phục được các vấn đề đó bởi dầu tràm hạn chế sự hình thành của khí và giúp loại bỏ các khí đã được hình thành trong ruột (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Giải nhiệt: Dầu tràm gió giúp giảm sốt bằng cách ngăn ngừa viêm nhiễm cũng như bằng cách kích thích mồ hôi giúp hạ nhiệt cơ thể (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Cải thiện hệ tiêu hóa: Lấy lá tràm 10-15g sắc uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Sát trùng đường hô hấp: Dùng tinh dầu Tràm gió xông (thaythuoccuaban.com).	x		
6	Chống co thắt, ho, long đờm, giúp tiêu hoá: Lấy 10-20 giọt tinh dầu Tràm gió uống (thaythuoccuaban.com).	x		
7	Chữa đau nhức xương khớp, tê thấp: Dùng tinh dầu nguyên chất để xoa bóp, người ta có thể uống tinh dầu với liều X (10) đến L (50) giọt nhỏ vào nước thêm đường mà uống. Với tinh dầu tinh chế có thể chế thành thuốc tiêm với nồng độ 5 – 10 hoặc 20%. Ngày tiêm dưới da 1 – 2 ống chứa 0,10 – 0,20g tinh dầu (thaythuoccuaban.com).	x		
8	Chống ngạt mũi: Ddung dịch tinh dầu tràm 5 – 10 hay 20% trong dầu còn được dùng với tên gometol để nhỏ mũi (thaythuoccuaban.com).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
9	Chữa lành vết thương ngoài da: Dùng tinh dầu pha vào nước với nồng độ 2‰ để rửa các vết thương rất tốt. Nước sắc lá dùng đắp lên mụn nhọt, vết thương có tác dụng sát trùng và cầm máu, dùng xức các vết bỏng cho chóng lên da non (baithuocquanhta.com).	x		
10	Trị mẩn ngứa: Dùng 20g lá và cành tươi sắc uống hay hãm uống (baithuocquanhta.com).	x		
11	Giảm tình trạng ngạt mũi ở trẻ nhỏ: Bôi dầu vào ngón tay của mình rồi đưa qua đưa lại mũi của bé, bé sẽ đỡ ngạt mũi hơn rất nhiều (baithuocquanhta.com).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Đối với phụ nữ mang thai và cho con bú, không có thông tin nào đáng tin cậy về độ an toàn khi sử dụng dầu tràm. Vì thế, bạn nên tránh sử dụng nếu không cần thiết nhé.

Trẻ em: Dầu có thể không an toàn với trẻ khi hít phải hay bôi lên da mặt vì có thể gây các vấn đề hô hấp nghiêm trọng. Bạn nên để dầu tránh xa tầm tay trẻ em.

Hen: Hít phải dầu có thể gây cơn hen cấp. Người có tiền căn hen suyễn không nên sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

484. Trâm ổi — *Lantana camara* L., 1753

Ngũ sắc, Thơm ổi, Bông ổi, Hoa Ngũ sắc, Tứ quý, Ổi tàu, Trâm hôi, Tứ thời, Tứ quý

Công dụng: Cầm máu, lở loét, sát khuẩn, hàn vết thương (Hoa, lá tán bột rắc). Sốt, quai bị, phong thấp đau xương (Rễ). Ho ra máu, hạ huyết áp (Hoa). Lá chữa viêm da, eczema.

Tính vị: Lá có vị đắng, hôi, tính mát, hơi có độc. Hoa có vị ngọt, tính mát. Rễ có vị dịu, tính mát.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, hoa và rễ.

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Brazil, Jamaica và các nước Châu Mỹ nhiệt đới

Thành phần hóa học	Lá: Trong lá tươi của cây mới phát triển chứa 0,2% tinh dầu. Ở thời kỳ có hoa, lá có thêm các chất lantaden và lantanin chiếm 0,31- 0,68%. Hoa khô: Chứa tinh dầu (0,07%), terpen bicyclic (8%), L-alpha-phelandren (10 – 12%). Vỏ cây: Lantanin (một dạng alkaloid) 0,08%
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây trầm ổi phần lớn được gây trồng tại các vườn thuốc nam và vườn nhà. người dân còn mang chúng đi trồng ở ven đường đi và bờ ruộng, bờ ao
Thu hoạch	Các bộ phận của cây thu hái vào mùa khô
Chế biến	Sau khi thu hái, đem các bộ phận của cây phơi hay sấy khô, cũng có khi dùng tươi
Bảo quản	Phơi hay sấy khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**:
    - **Họ:** Verbenaceae (Ngũ trảo)
      - **Chi**: Lantana
        - **Loài**: *L. camara*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao tới 1,5m-2m hay hơn
Rễ cây	Cây có bộ rễ khỏe, với một rễ cái và nhiều rễ phụ. Thân cây có 4 cạnh, đôi khi có gai. Thường thường có nhiều thân cùng mọc khỏi mặt đất.
Thân cây	Thân gần thẳng đứng, hoặc giống thân bò, đôi khi giống thân leo (leo lên cây thân gỗ thấp hoặc cây thân bụi khác, leo được nhờ điểm bám là gai trên thân, nhánh thân hoặc lá cây).. Cành dài, hình vuông, có gai ngắn và lông ráp
Lá cây	Lá mọc đối, có hình ô van hoặc hình mũi giáo rộng với chiều dài 2-12 cm và chiều rộng 2-6 cm. Mép lá có răng cưa. Mặt lá từ màu xanh vàng đến màu xanh, xù xì, có lông tơ nhỏ. Lá bốc ra mùi hăng khi nghiền nát.
Hoa	Cụm hoa là những bông co lại thành đầu giả mọc ở nách các lá ở ngọn. Cụm hoa thường có 20-40 hoa, đường kính cụm hoa khoảng 4 cm. Cụm hoa có thể màu vàng, da cam, trắng, tím nhạt, hồng hoặc đỏ.. Hoa lưỡng tính, không đều, thoạt tiên vàng dợi rồi vàng kim, vàng tươi, sau cùng đỏ chói, ít khi toàn hoa trắng . Hoa nhỏ sặc sỡ nhiều màu, có cuống,. .
Quả/trái	Quả bạch hình cầu, nằm trong lá dài, khi chín màu đen. Quả nhỏ, màu xanh sau thành màu tía và cuối cùng có màu xanh đen. Mỗi quả thường có 2 hạt.
Hạt	Nhân gồm 1-2 hạt cứng, xù xì
Mùi hương	Hoa có mùi thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm da, eczema, tinea, mụn nhọt: Nấu lá Trâm ổi tươi để rửa ngoài (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
2	Chữa ho ra máu và lao phổi: Dùng hoa Trâm ổi khô 6-10g, nấu nước uống (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Chữa chấn thương bầm giập, vết thương chảy máu: Giã lá Trâm ổi tươi, đắp ngoài (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Trị nổi mẩn ngứa ngoài da: Lấy 30 – 50g lá và hoa Trâm ổi tươi nấu nước để tắm hoặc vệ sinh vùng da bị mẩn ngứa hàng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa chứng ho do lạnh: Lấy hoa Trâm ổi 20g để tươi hoặc 10g phơi khô, sắc với 500ml nước còn 100ml, uống trong ngày. Dùng riêng hoặc phối hợp với hoa hòe sao đen và rễ bạch cập, mỗi thứ 8g. Có thể thêm đường cho dễ uống. Nước sắc này còn chữa cảm sốt, tăng huyết áp. Dùng liền 5 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Trị chứng tiêu khát của bệnh đái tháo đường: Lấy toàn bộ cả cành, lá và hoa cây Trâm ổi phơi khô. Thái khúc cho vào lọ đậy kín. Dùng dần, mỗi ngày lấy khoảng 40g, cho 500ml nước, sắc còn lại 150ml, uống thay trà hàng ngày. Có thể kết hợp ăn cháo nấu từ củ mài và củ súng thì càng tốt. Dùng liền 10 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd)..	x		
7	Trị lao với ho ra máu và hạ huyết áp: Lấy 30-60g hoa Trâm ổi, sắc uống.	x		
8	Điều trị cảm sốt, chứng ôn nhiệt trong mùa hè: Dùng 15g hoa cây Trâm ổi tươi, rửa sạch. Sắc dược liệu với 200ml nước lấy 50ml. Gạn ra uống hết 1 lần. Mỗi liệu trình uống thuốc trong 5 ngày liên tục (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
9	Chữa viêm da: Hái 1 nắm hoa Trâm ổi tươi đem về rửa nhiều lần nước cho sạch bụi bẩn. Ngâm trong nước muối pha loãng 15 phút để khử vi khuẩn. Giã nát, chắt nước cốt thoa lên da hoặc dùng cả bã đắp trực tiếp lên chỗ da bị viêm mỗi ngày 2 – 3 lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
10	Điều trị bệnh viêm da mẩn ngứa: Chuẩn bị 100 – 200g cành và lá tươi của cây Trâm ổi. Rửa sạch, đem nấu với 1 hoặc 2 lít nước. Để nguội ngâm rửa khu vực bị bệnh mỗi ngày 3 lần hoặc pha thêm một ít nước sạch vào để tắm nếu diện tích vùng da bị ảnh hưởng rộng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
11	Kháng viêm, điều trị bệnh cảm sốt, quai bị bằng cây Trâm ổi: Chuẩn bị: 30g cây Trâm ổi, dùng cả cành, lá và hoa ở dạng tươi hoặc 15g khô. Sắc kỹ lấy 300ml nước đặc chia uống làm 2 lần cho hết trong ngày. Đều đặn mỗi ngày dùng một thang đến khi bệnh được điều trị dứt điểm thì ngưng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
12	Điều trị kết hạch ở phổi, ho ra máu, lao phổi: Dùng 20g hoa Trâm ổi tươi hoặc 8g dược liệu khô. Rửa sạch rồi cho vào ấm, thêm 3 bát nước đun sôi. Vặn nhỏ lửa sắc đến khi thuốc cạn còn một nửa. Chia làm 3 phần đều nhau uống vào các buổi sáng, trưa, tối (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
13	Điều trị mụn nhọt lở loét hoặc vết thương ngoài da đang bị rỉ máu: Nguyên liệu cần có gồm 50g lá và hoa mới hái của cây Trâm ổi. Sau khi rửa sạch và ngâm dược liệu trong nước muối, đem giã nát và đắp lên khu vực cần điều trị giúp cầm máu, sát khuẩn, làm nhanh lành tổn thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Điều trị bệnh hắc lào, viêm da, chàm, mụn nhọt: Dùng 1 nắm lá Trâm ổi tươi nấu với lượng nước vừa đủ để rửa ngoài khu vực bị tổn thương. Lặp lại 3 lần trong ngày để tiêu mụn nhọt hoặc làm giảm các triệu chứng của một số căn bệnh da liễu như viêm da, hắc lào, eczema (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
15	Chữa bệnh đái tháo đường (tiểu đường): Thành phần của bài thuốc bao gồm 40g cây Trâm ổi khô. Dùng cả cành, lá và hoa của cây. Đem nấu với 1 lít nước. Đun sôi khoảng 5 phút thì tắt bếp. Gạn ra, để nguội uống nhiều lần trong ngày như uống trà có tác dụng ổn định đường huyết trong máu, giúp bệnh nhân bị tiểu đường giảm bớt hiện tượng tiêu khát (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
16	Bài thuốc điều trị ho do lạnh: Chuẩn bị 20g dược liệu tươi. Nếu dùng khô thì giảm liều xuống còn một nửa. Bỏ thuốc vào ấm, thêm 500ml nước vào đun sôi. Canh sắc cho đến khi nước trong ấm cạn còn 100ml thì tắt bếp. Thuốc thu được chia uống 3 lần sau các bữa ăn chính khoảng 30 phút (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
17	Điều trị chứng đau đầu do thời tiết quá nắng nóng: Thành phần thuốc cần có gồm 30g rễ Trâm ổi tươi. Sắc kỹ với 3 bát nước trong 10 phút. Chờ cho thuốc nguội gạn uống 2 lần trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
18	Giảm sốt, chữa cảm cúm, quai bị: Lấy 30 – 50g rễ dạng khô sắc nước đặc chia làm 3 phần uống hết trong ngày. Mỗi ngày dùng 1 thang (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
19	Điều trị ho, táo bón, cao huyết áp: Dùng lá và ngọn Trâm ổi khô 15g (hoặc tươi 30g) rửa sạch sắc nước uống trong ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
20	Chữa chấn thương bầm giập, vết thương chảy máu: Dùng 30g lá Trâm ổi khô, với 10g gừng khô tán bột rắc lên vết thương ngày một lần (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
21	Cầm máu, sát khuẩn, chữa vết thương nhỏ hẹp: Lá và hoa Trâm ổi 30g phối hợp với gừng tươi 10g, phơi hoặc sấy khô, tán nhỏ, rây bột mịn, rắc vào vết thương. Ngày thay băng một lần. Hoặc lá Trâm ổi tươi, rửa sạch, giã đắp vào vết thương. Nếu vết thương rộng thì sơ cứu xong sau đó đến cơ sở y tế để được cấp cứu (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
22	Trị chứng tiêu khát của bệnh đái tháo đường: Lấy toàn bộ cả cành, lá và hoa cây Trâm ổi phơi khô. Thái khúc cho vào lọ đậy kín. Dùng dần, mỗi ngày lấy khoảng 40g, cho 500ml nước, sắc còn lại 150ml, uống thay trà hàng ngày. Có thể kết hợp ăn cháo nấu từ củ mài và củ súng thì càng tốt. Dùng liền 10 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
23	Chữa viêm họng hạt, viêm VA ở trẻ em hoặc bệnh viêm phế quản: Chuẩn bị: 3 – 6 cái lá cây Trâm ổi, 1 miếng nhỏ gừng tươi, vài hạt muối hột. Rửa sạch lá Trâm ổi, bỏ vào miệng nhai chung với gừng và muối hạt. Giữ dược liệu trong miệng khoảng 10 phút và từ từ nuốt phần nước chảy ra để các hoạt chất kháng viêm, chống khuẩn có thể tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc đường hô hấp (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
24	Chữa đau bụng thổ tả: Hái 15 cái hoa tươi, rửa kỹ và ngâm nước muối 15 phút. Đem hoa sắc với 400ml nước trong 10 phút. Thêm vào vài hạt muối ăn, quậy tan rồi tắt bếp. Chia thuốc làm 2 lần dùng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
25	Điều trị chứng đau răng do phong tỏa: Thành phần của bài thuốc: Rễ cây Trâm ổi khô 30g, thạch cao 35g. Sắc cả hai lấy nước đặc. Mỗi ngày 3 lần ngậm một ngụm thuốc sắc trong miệng khoảng 10 phút và súc miệng trước khi nhổ ra (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
26	Điều trị đau nhức xương khớp ở các chi: Chuẩn bị: 15g rễ dược liệu khô, rượu trắng, 1 quả trứng vịt màu xanh. Rễ cây bông ổi và trứng vịt đem nấu với nửa nước nửa rượu trong khoảng 60 phút. Trứng bóc bỏ vỏ ăn và uống cả nước (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
27	Trị rắn cắn: Chuẩn bị: Rễ Trâm ổi, dây tơi hồng và rễ cây đuôi công mỗi loại 20g, dây thần thỏng 10. Tất cả rửa sạch, băm nhỏ, phơi hoặc sấy khô. Sắc uống 3 lần liên tục, mỗi lần cách nhau khoảng 20 phút (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia).	x		
28	Trị viêm xoang: Lấy bông Trâm ổi phơi khô, quấn vô giấy hút thuốc rồi hút, hút 2 lần/ngày. Hoặc lấy 1 nắm bông Trâm ổi phơi khô đốt rồi hít.			x
29	Trị nhức mỏi, ung thư: Lấy lá, bông, cây Trâm ổi (tươi) nấu nước uống			x
30	Trị thận nước: Lấy cả cây Trâm ổi chặt khúc, phơi khô hoặc để tươi nấu nước uống			x
31	Trị đau nhức: Hái bông Trâm ổi nấu nước uống như uống trà hàng ngày			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
32	Trị thận: Lấy 1 nắm thân cây và lá cây Trâm ổi, phơi khô rồi nấu nước uống			x
33	Tai biến, tê liệt: Lấy mỗi thứ 1 nhúm: Từ bi, Bình bát sao thủy thổ nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Tránh nhầm lẫn giữa cây Trâm ổi với cây cỏ hôi (hoa cứt lợn)

Bệnh nhân bị dị ứng với bất cứ thành phần nào của dược liệu không dùng

Không dùng lá cây bông ổi ở liều cao liên tục trong nhiều ngày liền có thể gây ngộ độc và nhiều tác dụng phụ nguy hiểm.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

485. Trâm quýt — *Solanum diphyllum* L., 1753

Cà hai lá

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Rễ cây có chứa 3-O-(beta-D-glucopyranosyl) etioline [(25S)-22,26-epimino-3beta-(beta-D-glucopyranosyloxy) cholesta-5,22(N)-dien-16alpha-ol].

Nguồn gốc: Loài bản địa châu Mỹ, ở México, Belize, Costa Rica, El Salvador, Guatemala, Honduras, và Nicaragua

Phân bố ở Cà Mau	Ở tỉnh Cà Mau, cây xuất hiện tại huyện Phú Tân (xã Tân Lộc), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông và xã Thạnh Phú) và huyện Năm căn (xã Hàng Vịnh), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây hầu như được trồng trong vườn nhà và ven đường đi, thi thoảng sẽ bắt gặp được cây tự mọc ở bờ ruộng
Mùa hoa quả	Mùa hoa từ tháng 3 đến tháng 8.
Thu hoạch	Mẫu thu hái tại: tỉnh Trà vinh tháng 6 năm 2007. Số hiệu mẫu: CHL0607

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Solanales (Cà)
    - **Họ:** Solanaceae (Cà)
      - **Chi**: Solanum (Cà)
        - **Loài**: *S. Diphyllum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 0,5-1 m
Thân cây	Thân tiết diện tròn, thường có 2, ít khi 3, gân dọc nổi rõ; thân non màu lục hay nâu đỏ, rất ít lông; thân già nâu đen, có nốt sần..
Lá cây	Lá đơn, mọc so le; đoạn mang hoa có hiện tượng lôi cuốn lá nên mỗi mấu có một lá to và một lá nhỏ mọc thành một góc 900. Phiến lá hình trứng thuôn, dài 5,5-8,5 cm, ngang 2-2,5 cm, đầu có mũi nhọn, đáy phiến thuôn hẹp, không đều, kéo dài xuống đến đáy cuống, mặt trên màu lục sậm hơn mặt dưới, bìa nguyên, gân hình lông chim nổi rõ ở mặt dưới.
Hoa	Cụm hoa ở ngoài nách lá hay đối diện với lá, gồm 8-10 hoa hay nhiều hơn, xếp thành chùm ngắn và cong như đuôi con bò cạp; cuống cụm hoa màu lục nâu, có lông ngắn.. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5; hoa nở màu trắng, đường kính 10-12 mm; cuống cong hướng xuống phía dưới, màu lục hay nâu đỏ, dài 8-10 mm, nhẵn hay có lông ngắn. Lá đài 5, màu lục nhạt, nhẵn, dài 2,5 mm, dính nhau 1 mm phía dưới thành ống hình chén, phía trên chia thành 5 phiến hình tam giác, bằng nhau, dài 1,5 mm, ngang 1 mm, tiền khai van. Cánh hoa 5, dài 5 mm, dính nhau 1 mm phía dưới thành ống ngắn, phía trên loe rộng. Phần loe gồm 2 phần: phía dưới là phần các phiến dính nhau rất ít, phía trên là 5 phiến rời, bằng nhau, hình bầu dục thuôn, đầu nhọn, dài 3,5 mm, ngang khoảng 2 mm, tiền khai van; giữa phiến có một gân dọc màu lục. Khi hoa nở, lúc đầu phần loe rộng xòe ra xếp vuông góc với ống (kiểu tràng hình bánh xe) nhưng sau đó thì sụ xuống phía dưới. Nhị 5, rời, dài bằng nhau, đính trên ống tràng và xếp xen kẽ với cánh hoa; chỉ nhị dài 0,5 mm, màu lục, nhẵn; bao phấn hình bầu dục, dài khoảng 2 mm, màu vàng sậm, xếp chụm vào nhau thành một ống thẳng đứng bao quanh vòi nhụy, 2 ô, hướng trong, đính đáy, mở bằng lỗ ở đỉnh; hạt phấn rời, màu vàng nhạt, hình bầu dục, dài 19-23 µm, ngang 9-13 µm, có một rãnh dọc ở giữa. Lá noãn 2, đặt lệch so với mặt phẳng đối xứng của hoa, dính nhau thành bầu 2 ô, mỗi ô nhiều noãn, đính noãn trung trụ, thai tòa lồi; bầu trên, hình cầu, màu lục, nhẵn; vòi nhụy 1, hình sợi, dài 4 mm,
Quả/trái	Quả mọng, mọc đứng, hình cầu, đường kính 8-10 mm, lúc non màu lục, khi chín màu vàng cam, vỏ sáng bóng hay không; cuống dài khoảng 10 mm; lá đài còn lại trên quả, hơi đồng trưởng
Hạt	Hạt nhiều, màu nâu, nhẵn, hình thận dẹp, dài 3 mm, ngang 2 mm, có một đường viền màu vàng nhạt xung quanh bìa

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người CM đã áp dụng	Kinh nghiệm người Cà Mau
1	Chữa hội chứng dạ dày tá tràng: Dùng 20g Cà hai lá, phối hợp với 15g Dạ cẩm và 15g lá Dung, thành bài thuốc nam (kinh nghiệm dân gian)	x		
2	Trị ho: Lấy trái Trâm quýt chín đỏ ngâm rượu uống. Hoặc lấy thân cây Trâm quýt vạt mỏng, phơi khô, ngâm rượu uống (ngâm 7 ngày sau có thể uống)			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

486. Trang đỏ — *Ixora coccinea* L., 1753

Mẫu đơn đỏ, Kam ron tea, Đơn đỏ, Trang son, Long thuyền hoa, Nam mẫu đơn

Công dụng: Rễ thường được dùng làm thuốc hãm uống để lọc trong nước tiểu trong chứng đái đục. Ở Trung Quốc, thường dùng rễ, lá để trị cảm sốt, nhức đầu, phong thấp, đau nhức, kinh nguyệt không đều, đau bụng do tích huyết, kiết lỵ, huyết nhiệt mụn nhọt lở ngứa, đái đục ra máu. Liều dùng 6-12 g rễ và 20 - 30 g lá. Ở Ấn Độ, rễ được dùng trị sốt, lậu, ăn kém ngon, ỉa chảy và kiết lỵ, còn dùng trị chỗ đau và loét mạn tính. Lá cũng được dùng trị lỵ, khí hư, thống kinh, ho ra máu và viêm phế quản xuất huyết. Người ta còn dùng nước hoa hay vỏ cây để rửa mắt đau, vết thương và loét

Tính vị: Vị đắng, tính mát

Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Rễ, lá và hoa
Thành phần hóa học	Cây chứa lupéol, acide ursolique, acide oléanolique, sitostérol, rutine, lecocyanadin, những anthocyanines, proanthocyanidines, các glycosides quercétine và kaempférol. Lá chứa phastoquinones A, B và C và tocopherylquinone. Rễ chứa một dầu thơm có hương vị hăng huile aromatique âcre, azélaïque, acide oxalique và hepfoic, những chất tanins và những chất acides béo acides gras. Vỏ của rễ chứa mannitol, 9, 11-octa-decadeinoic và myristique.
Nguồn gốc	Loài cây của phân vùng Ấn Độ, Malaixia.
Phân bố ở Cà Mau	Cây phôn bố đều tại các đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Trang đỏ được trồng nhiều ở vườn nhà vườn thuốc nam, ven đường đi, ven sông và bờ ao
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 10,
Thu hoạch	Thu hái rễ, lá quanh năm. Hoa thu hái vào tháng 5-10
Chế biến	Rễ, lá thường dùng tươi hay phơi khô dùng dần. Sau khi thu hái, đem rễ rửa sạch, thái mỏng phơi hay sấy khô làm thuốc.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Rubiaceae (Cà phê)

→ **Chi**: Ixora (Trang, Đơn)

→ **Loài**: *I. coccinea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 0.6-1m
Thân cây	Thân cành nhẵn.
Lá cây	Lá hình trái xoan bầu dục hay thuôn, từ hay có mũi nhọn, nhọn sắc ở đỉnh, tròn, hình tim hay rất ít khi có góc ở gốc, màu nâu sáng trên cả hai mặt, dai, không cuống hay gần như không cuống, dài 5-10 cm, rộng 3-5 cm
Hoa	Hoa đỏ hồng, thành xim ở ngọn với trục ngắn, có đốt, phân cành, tạo thành ngù đặc.
Quả/trái	Quả màu đỏ tím, cao 5-6cm, rộng 6-7mm. Mỗi ô có một hạt, cao 4-5, rộng 3-4mm, phía lên làm phồng lên còn phía bụng thì hõm vào.
Hạt	Hạt 1 trong mỗi ô, lồi ở lưng, lõm ở bụng, cao 4-5 mm, rộng 3-4 mm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mẩn ngứa: Lấy 25g Trang đỏ sắc uống (thaythuoccuaban.org).	x		
2	Chữa dị ứng: Dùng 16-20g lá Trang đỏ sắc lấy nước, chia ra 2-3 lần uống trong ngày (thaythuoccuaban.org).	x		
3	Chữa mẩn ngứa: Chuẩn bị Trang đỏ 25g, Đơn tướng quân, Ké đầu ngựa, Mã đề, mỗi vị 15 g, sắc uống (thaythuoccuaban.org).	x		
4	Chữa kiết lỵ: Lấy 120g Trang đỏ ngâm trong 47g rượu trong 15 ngày, chiết ra uống hàng ngày (thaythuoccuaban.org).	x		
5	Chữa đi ỉa lỏng lâu ngày: Lá Trang đỏ sao vàng 15g, gừng nướng 1 miếng; nước 600ml, sắc còn 1 bát (200ml); chia 3 lần uống trong ngày (kinh nghiệm dân gian ở vùng Huế) (thaythuoccuaban.org).	x		
6	Trị sốt, ban, xổ tiểu: Lấy 1 bông Trang đỏ nấu nước uống			x
7	Trị đột quỵ: Lấy 500g thân Trang đỏ sao vàng, nấu nước uống thay nước lọc			x
9	Ra máu họng, cầm máu: Nhai bông Trang đỏ (nam 7 bông, nữ 9 bông), nuốt nước.			x
10	Trị khan tiếng: Nhai bông Trang đỏ với ít muối, nuốt nước.			x
11	Trị nhức mỏi: Lấy thân lá bông Trang đỏ nấu nước loãng uống hàng ngày			x

Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*

487. Tráng dương *Turnera diffusa* Willd. ex Schult., 1820

Đông hầu vàng

Công dụng: Loại thảo dược này được sử dụng phổ biến để tăng cường ham muốn tình dục cho cả nam giới và nữ giới. Nó cũng giúp giảm mệt mỏi và ngăn ngừa căng thẳng.

Tính vị: Vị đắng, cay và ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Thành phần hóa học: Cây tráng dương chứa các loại dầu dễ bay hơi/tinh dầu (có chứa cineol, cymol, pinene), chất chống oxy hóa flavonoid, caffeine, pinocembrin, cacetin, gonzalitosin, arbutin, tannin, thymol và damianin.

Nguồn gốc	Cây là loài bản địa ở miền Nam nước Mỹ (đặc biệt là tiểu bang Texas), Trung Mỹ và Nam Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có thể dễ dàng tìm thấy ở khắp 09 đơn vị Hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây có khả năng tự mọc hoặc có thể gây trồng trong vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường và ven bờ ao
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 8,
Thu hoạch	Những lá được thu hoạch trong thời kỳ trổ hoa
Chế biến	Ngâm trong nước đun sôi
Bảo quản	Được sấy khô bảo quản để sử dụng về sau

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Passifloraceae (Nhãn lồng)

→ **Chi**: Turnera (Đông hầu)

→ **Loài**: *T. ulmifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hằng năm
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao từ 60 cm đến 1 m, trong những điều kiện tốt có tăng trưởng từ 1,5 m đến 2 m.
Thân cây	Cây bụi thơm, thân ngấm chất ligneuse cứng, mang những nhánh màu đỏ nhạt, với những lá mềm màu xanh lá cây nhạt, tàn lá tỏa rộng và có lá rụng và những hoa nhỏ màu vàng, cao từ 60 cm đến 1 m, trong những điều kiện tốt có tăng trưởng từ 1,5 m đến 2 m..
Lá cây	Lá, mọc cách và vòng xoắn, có hình dạng thuôn dài hình mũi dáo, màu xanh lá cây trung bình, nó thể hiện một đường viền cắt ngang mềm, màu xanh lá cây nhạt với những gân lá hình lông chim.
Hoa	Hoa cô độc, và mọc ở nách lá, hoa đều (actinomorphe), màu vàng hoặc vàng cam, nhỏ.. .
Quả/trái	Bầu noãn hình thành một trái loại viên nang, tự khai ở bộ phận bên trên

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Tăng cường khả năng tình dục, chống co thắt, run, mất ngủ và đánh trống ngực: Lấy lá Tráng dương (khô), cho vào khoảng gần 1/2 lít nước và uống mỗi ngày.	x		
2	Hỗ trợ điều trị mệt mỏi, ham muốn tình dục thấp và rối loạn chức năng sinh sản: Lấy lá Tráng dương nấu nước uống (đun nước, để nguội).	x		

Lưu ý khi sử dụng:

Đừng quên rằng những sản phẩm tự nhiên không nhất thiết là an toàn và những liều lượng có thể là quan trọng.

Nên tham khảo ý kiến của Bác sĩ, những nhà chuyên môn chăm lo sức khỏe trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

488. Trang hồng — *Ixora coccinea* L., 1753

Bông trang hồng, Bông trang Thái hồng, Trang Thái hồng phấn, Hoa mẫu đơn hồng, Mẫu đơn Thái Lan

Công dụng: Điều trị kinh nguyệt không đều, ho ra máu

Tính vị: Vị đắng hơi ngọt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hoa, lá, rễ

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Thái Lan

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau

Sinh cảnh: Đa số người dân trồng cây Trang Hồng ở trong vườn nhà và ven đường đi để làm nguyên liệu chữa bệnh.

Mùa hoa quả	Quanh năm,
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hoặc phơi khô
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Rubiaceae (Cà phê)

→ **Chi**: Ixora (Trang, Đơn)

→ **Loài**: *I. coccinea*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 30-60 cm.
Thân cây	Thân mềm, phân nhiều nhánh, tán rộng, thường được trồng từng bụi.. Nhánh ngắn, nhiều
Lá cây	Khác với giống hoa trang mỹ có lá lớn, trang thái có lá nhỏ hơn và xanh quanh năm; thuôn nhọn về 2 đầu.
Hoa	Hoa thường mọc thành chùm tập trung tại đỉnh, mang sắc hồng nhẹ nhàng. .
Mùi hương	Hoa có mùi thơm nhẹ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau mắt: Lấy bông Trang hồng sắc lấy nước rồi rửa mắt (baodantoc.vn)	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

489. Trạng nguyên *Euphorbia pulcherrima* Willd. ex Klotzsch, 1834

Nhất phẩm hồng, Tinh tinh mộc, Diệp thượng hoa (Hoa trên lá), Diệp tượng hoa (lá giống như hoa), Hoa giáng sinh, Ba nhĩ thiết lý mã hoa

Công dụng: Theo kinh nghiệm dân gian, có thể dùng cây trạng nguyên để giảm sưng, sát trùng vết thương ngoài da và đắp lên chỗ bị rắn rết cắn. Ở Trung Quốc, trạng nguyên được dùng để cầm máu, băng bó khi bị gãy xương và chấn thương bầm tím do đòn ngã.

Tính vị: Cây có vị đắng chát, tính lương mát và hơi có độc.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Euphorbiae Pulcherrimae.

Thành phần hóa học	Trạng nguyên có chứa chất mủ trắng gọi là latex, Triterpènes - esters diterpéniques rubéfiants chất làm nổi đỏ ở da và cocarcinogènes.
Nguồn gốc	Trạng nguyên là loài thực vật có nguồn gốc từ phương Tây, là nguyên sản của Trung Mỹ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Trạng Nguyên được tìm thấy tại huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Cái Nước (thị trấn Cái Nước) và huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng nhiều ở trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 11 đến tháng 3 năm sau, Tháng 11 đến tháng 3 năm sau
Thu hoạch	Có thể thu hái cành lá quanh năm.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)

→ **Chi**: Euphorbia (Đại kích)

→ **Loài**: *E. pulcherrima*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây thường cao 0,6-4,0m
Thân cây	Thân cây có mủ trắng.
Lá cây	Lá hình bầu dục - mũi mác hơi thuôn đầu ở gốc, nhọn đầu, có 2-3 thuỳ ở bên cạnh, mặt dưới phủ lông. Hiện nay, bên cạnh loại trạng nguyên có màu lá đỏ truyền thống còn có các loại khác với các màu lá bắc đa dạng như hồng, vàng nhạt, màu trắng sữa, màu dâu kem hoặc màu hỗn hợp…
Hoa	Cụm hoa ở ngọn, bao bởi những lá bắc màu đỏ tươi, hình mũi mác. Cụm hoa dạng ngù, có 4-7 nhánh; trong cụm hoa thường có 2 loại hoa; nhiều hoa đực và 1 hoa cái.. . Hoa đực chỉ có 1 nhị. Hoa cái có cuống dài mang bầu có lông tơ với 3 đầu nhuỵ xẻ đôi.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị rắn rết cắn: Lấy cành lá trạng nguyên tươi, rồi đem rửa sạch, giã nát rồi đắp trực tiếp lên vết cắn (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa bọ cạp hay côn trùng cắn: Lấy mủ trắng của cây trạng nguyên, rồi bôi trực tiếp lên, sẽ có tác dụng giải độc nhất định (thaythuoccuaban.com).	x		
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

490. Trang trắng — *Ixora nigricans* R.Br. ex Wight & Arn, 1834

Bông trang trắng, Đơn trắng, Co mỡ põ (Thái)

Công dụng: Chữa ly, ỉa chảy (Lá sắc uống). Bạch đới (Lá, hoa). Thuốc điều kinh (cả cây sao vàng sắc uống chữa suy thận, đau mỏi lưng xương). Được dùng chữa thận suy, lưng xương đau mỏi, yếu gân, điều hoà kinh nguyệt, lại trị bạch đới, ly. Cũng dùng làm cho mát mẻ bào thai và giải nóng ho. Người ta cũng thường nấu nước cho phụ nữ sinh đẻ uống

Tính vị: Vị nhạt, chát, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, hoa, cành, rễ

Thành phần hóa học: Lá của cây chứa chất methalonic nên có tính kháng viêm rất tốt.

Nguồn gốc	Loài của Ấn Độ, Mianma, Lào, Campuchia, Malaixia, Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm nguyên liệu làm thuốc nam, được trồng nhiều trong vườn nhà và vườn thuốc nam, ven đường di và ven bờ ao, bờ mương
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 4 đến 6
Thu hoạch	Thu hái các bộ phận của cây quanh năm
Chế biến	Các bộ phận của cây thường được dùng tươi hay phơi khô dùng dần. Rễ sau khi thu hoạch, cần rửa sạch, đem thái mỏng, sau đó phơi khô hoặc sấy khô để dùng dần.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Rubiaceae (Cà phê)

→ **Chi**: Ixora (Trang, Đơn)

→ **Loài**: *I. nigricans*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Vỏ cây	Vỏ cây màu đen xám.
Thân cây	Cây nhỡ, cành non dẹt màu đen sau tròn và xám sáng. Cành non dẹt, màu đen sau tròn và xám trắng.
Lá cây	Lá bầu dục thuôn hình ngọn giáo hay trái xoan ngược, nhọn đầu, gốc nhọn hoặc có khi tròn, bóng và đen ở mặt trên, nâu và mờ ở mặt dưới, dạng màng, dài 10-22cm, rộng 2-6 cm; lá kèm hình bầu dục nhọn đầu. Bề mặt lá hai bên có màu sắc khác nhau. Mặt trên lá màu xanh sẫm, còn mặt dưới của lá màu xanh nhạt hơn.
Hoa	Hoa trang trắng mọc thành chùm dưới dạng hình xim ở đầu cành hay nách lá, tràng hoa hình ống, thuôn dài và cánh hoa xẻ làm 4 thùy.. Hoa trắng nhiều, tập hợp thành xim ở đầu cành hay nách lá, dài 5-12cm, có trục phân đốt và trải ra, tạo thành cụm hoa dạng ngù. .
Quả/trái	Quả hạch 2 ô, dài 5-6mm, rộng 7-8mm. Quả trang trắng khi chín có màu
Hạt	Hạt 1 trong mỗi ô, cao và rộng 4-5mm, lõm ở bụng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa thống kinh: Lấy 10g hoa Trang trắng sắc lên uống (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
2	Chữa trị mụn nhọt ở hạ bộ (dùng cho quý ông): Lấy vỏ thân cây Trang trắng với lượng vừa đủ nghiền thành bột pha với nước uống hàng ngày. Liều dùng 3 lần/ngày. Hàm lượng uống mỗi lần 4g (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
3	Chữa ho, long đờm: Chuẩn bị 30g hoa và rễ của cây Trang trắng, 30g rau tần dày lá và 30g lá táo chua. Tất cả các vị thuốc này đem rửa sạch, trộn đều nhau bỏ vào ấm sắc lên uống hàng ngày. Liều lượng: mỗi ngày một thang, có thể áp dụng cho cả người lớn lẫn trẻ nhỏ. Thời gian sử dụng từ 3 đến 5 ngày (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
4	Giảm huyết áp, thanh can: Chuẩn bị: 20g rễ cây Trang trắng, 10g Hạ khô thảo, 10g Quyết minh tử, 10g Dã cúc hoa. Tất cả thảo dược rửa sạch, bỏ vào nồi hoặc vào ấm sắc lên trên bếp lửa nhỏ. Mỗi ngày uống một thang cho đến khi bệnh thuyên giảm hẳn (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
5	Chữa phong thấp: Chuẩn bị: 20g rễ Trang trắng, 30g rễ cây Nhàu, 30g Thiên niên kiện, 20g Bạch chỉ, 10g Đương quy. Toàn bộ thảo dược rửa sạch, bỏ vào ấm, sắc trên bếp lửa nhỏ để uống hàng ngày. Lượng dùng mỗi ngày một thang. Thời gian uống từ 7 đến 10 ngày là bệnh sẽ được cải thiện (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa trị vết thương nhiều mủ: Chuẩn bị 20g rễ Trang trắng, 10g Liên kiều, 15g Bạch chỉ, 10g Kim ngân hoa. Sắc thành nước uống hàng ngày. Lấy một phần nước thấm lên miếng gạc để đắp lên vết thương. Hoạt chất kháng viêm có trong thuốc sẽ thầm thấu nhanh vào vết thương làm long mủ, sạch mủ, nhanh lành (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
7	Chữa thống kinh: Chuẩn bị 10g hoa Trang trắng, 10g Hoa biển. Nấu thành nước uống hàng ngày. Hiện tượng này sẽ nhanh chóng biến mất (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
8	Chữa mất kinh ở phụ nữ: Lấy 10g hoa Trang trắng và 10g hoa Quế sắc lên uống hàng ngày thay nước (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
9	Chữa bệnh chảy máu cma ở phụ nữ sau sinh: Chuẩn bị 8g bông Trang trắng, 8g Bồ hoàng, 8g Hoàng cầm, 8g Bạch linh, 8g Trắc bách diệp. Tất cả đem sắc thành nước uống đều đặn hàng ngày cho đến khi lành hẳn (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
10	Điều hòa kinh nguyệt: Chuẩn bị một ít hoa Trang trắng, 12g Thục địa, 20g Xuyên khung, 8g Đương quy. Các vị thuốc sau khi rửa sạch bỏ vào ấm sắc lên. Lưu ý khi sắc lửa nhỏ, đến khi sôi hạm lửa dần rồi nấu thêm tầm 10 phút nữa là được. Lọc lấy nước uống hàng ngày (Trần Thanh Hằng, 2021).	x		
11	Trị huyết trắng: Lấy một nắm rễ Trang trắng, vạt mỏng, phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống, Uống 2 lần/ngày. Hoặc lấy bông Trang trắng với đường phèn đem chưng cách thủy, uống.			x
12	Trị tê thấp khớp: Lấy 1 nắm nhỏ bông Trang trắng nấu với 1 lít nước để uống			x
13	Giải nhiệt: Lấy 1 nắm bông Trang trắng, 1 nắm cây Cối xay, 1 nắm Chân chim, Cỏ mần trầu sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống			x
14	Mát, giải nhiệt, bạch đáy: Lấy 6g cả cây Trang đỏ phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống. Uống ngày 2 lần			x
15	Trị bệnh phụ nữ, huyết trắng: Lấy bông Trang trắng, chưng cách thủy, uống.			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

491. Trang vàng — *Ixora chinensis* Lam., 1789

Bông trang vàng, Mẫu đơn vàng, Mẫu đơn Thái Lan, Hoa mẫu đơn vàng, Trang Thái vàng

Công dụng: Cây trang vàng: giúp an thần, giảm buồn nôn (lấy rễ cây rửa sạch, xắt nhỏ, phơi khô rồi nấu lấy nước uống). Ở Vân Nam (Trung Quốc) dùng trị khạc ra máu, đau dạ dày, kinh nguyệt không đều, phong thấp, đòn ngã, sang dương và cao huyết áp

Tính vị: Vị ngọt, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Trung Quốc và Tây Tạng
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Trang Vàng được trồng làm thuốc khá phổ biến. Nó được người dân và các chuyên gia trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam. Bên cạnh có thể thấy cây được trồng làm hàng rào và ven đường đi,
Mùa hoa quả	Cây trang vàng thường nở hoa vào tháng 5 – 11.,

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)
    - **Họ:** Rubiaceae (Cà phê)
      - **Chi**: Ixora
        - **Loài**: *I. chinensis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 0,5 m đến 2,0 m, nhẵn
Thân cây	Cây phân cành nhiều
Lá cây	Lá hình ngọn giáo hay bầu dục - ngọn giáo tù, nhọn hay có mũi ở đầu, dạng góc ở gốc, màu xanh oliu ở trên, nâu ở dưới, hơi dai, dài 5-12 cm, rộng 3,5 cm
Hoa	Hoa trang vàng mọc thành cụm lớn ở ngọn cành.. Hoa vàng vàng, xép thành hình xim dày hoa ở ngọn, không cuống hay chỉ có cuống ngắn. .
Quả/trái	Quả hạch, gần như chia đôi, to bằng hạt đậu Hà Lan, màu đen đen, mỗi ô

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giúp an thần, giảm buồn nôn: Lấy rễ cây Trang vàng rửa sạch, xắt nhỏ, phơi khô rồi nấu lấy nước uống (caythuoc.org).	x		
2	Chữa đau đầu: Lấy lá và hoa Trang vàng hãm uống (caythuoc.org).	x		
3	Trị sán chó: Lấy bông Trang vàng nấu nước uống hàng ngày (nam 7 bông, nữ 9 bông)			x
4	Trị huyết trắng phụ nữ: Lấy 7-10 bông Trang vàng nấu với 2 lít nước uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

492. Trầu không *Piper betle* L., 1753

Trầu cay, Thổ lâu đằng, Phù lưu, Mjầu (Tày), Lau (Dao)

Công dụng: Thường dùng trị hàn thấp nhức mỏi, đau dạ dày, ăn uống không tiêu, bụng đầy hơi, vết thương nhiễm trùng có mủ sưng đau, hen suyễn khi thời tiết thay đổi, nhức đầu khó thở. Một số bệnh viện nấu nó thành cao chữa bệnh viêm cận răng (paradentose). Nhân dân thường dùng nấu nước rửa vết thương, vết loét, đắp ngoài da để chữa viêm mạch bạch huyết, trị chốc lở. Trong sinh hoạt hằng ngày, người ta vẫn dùng lá trầu không chữa bỏng (giã nhỏ, vắt lấy nước bôi vào chỗ bỏng). Liều dùng 8-16g dạng thuốc sắc. Dùng ngoài giã đắp không kể liều lượng.

Tính vị	Vị cay nồng, mùi thơm hắc, tính ấm.
Quy kinh	kinh phế, vị, tỳ
Bộ phận dùng	Thân, lá, quả
Thành phần hóa học	Lá chứa 0,8-1,8% (-2,4%) tinh dầu thơm, có vị nồng, gồm chủ yếu là 2 phenol: betel-phenol là đồng phân của eugenol và chavicol kèm theo nhiều hợp chất phenolic khác. Chúng có tác dụng kháng sinh rất mạnh đối với các loại vi khuẩn, tụ cầu khuẩn, liên cầu khẩu, song cầu khuẩn, vi khuẩn subtillis và trực trùng coli
Nguồn gốc	Cây gốc ở Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc tại vườn nhà và ven đường đi
Thu hoạch	Lá thu hái quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô, có khi tán bột, dùng dần
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Piperales (Hồ tiêu)
    - **Họ:** Piperaceae (Hồ tiêu)
      - **Chi**: Piper (Hồ tiêu)
        - **Loài**: *P. Betle*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây leo bằng rễ bám
Thân cây	Thân nhẵn có khía dọc.
Lá cây	Lá có cuống có bẹ, dài 1,5-3,5mm; phiến hình trái xoan, dài 10-13cm, rộng 4,5-9cm, có gốc hơi không cân, hình tim nhiều hay ít ở những lá dưới, có mũi nhọn ở chóp, có dạng màng và cứng, có các điểm tuyến trong suốt rất mịn; gân gốc thường là 5
Hoa	Hoa khác gốc, mọc thành bông. Lá bắc tròn hoặc hình trái xoan.. Hoa đực dài có cuống có lông, nhị 2, chỉ nhị ngán.. Hoa cái dài khoảng 5 cm, cuống phủ đầy lông, bầu có lông ở đỉnh.
Quả/trái	Quả mọng lồi, tròn, có những lông mềm ở đỉnh
Mùi hương	Toàn cây có tinh dầu thơm, cay.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị vết thương: Lá trầu không chứa nguồn chất chống oxy hóa tuyệt vời. Nó làm giảm stress oxy hóa và do vậy làm liền viết thương nhanh hơn. Bôi nước lá trầu không lên vết thương sau đó phủ lên bằng nhiều lá trầu và quấn lại. Vết thương sẽ nhanh chóng liền lại trong vài ngày (Y Dược học Việt Nam).	x		
2	Chữa đái gắt: Uống hỗn hợp nước cốt trầu không pha chung với sữa loãng, 1 chút đường sẽ giúp chấm dứt được tình trạng đái gắt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
3	Chữa suy nhược thần kinh: Khi đau dây thần kinh, hay mệt mỏi, suy nhược thần kinh, lấy nước cốt vắt từ vài lá trầu không với một thìa mật ong. 1 thìa hỗn hợp này chia làm 2 lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
4	Chữa đau đầu: Lá trầu không có tác dụng giảm đau và làm mát. Hãy lấy lá trầu giã dập rồi xoa vào thái dương hay đỉnh đầu (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
5	Chữa các bệnh về phổi: Khi mắc bệnh về phổi, lấy lá trầu không tẩm dầu mù tạt rồi hơ ấm, đặt lên ngực day nhẹ sẽ giảm được ho và giúp bệnh nhân thở dễ hơn (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
6	Chữa táo bón: Đối với trường hợp táo bón ở trẻ, một viên đạn đút hậu môn làm từ lá trầu không ngâm trong dung dịch Đu đủ tía sẽ kích thích trực tràng co bóp, hết táo bón (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
7	Làm lành vết thương: Khi bị thương, vắt nước cốt trầu không rửa vết thương rồi dùng lá trầu không sạch phủ lên, băng lại. Vết thương sẽ khô, kín miệng sau 2 ngày Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Chữa ho suyễn: Lấy lá trầu không 4 – 8g ép lấy nước	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	uống (Thầy thuốc của bạn, nd).			
9	Chữa bỏng nước sôi: Lấy lá trầu không hơ nhẹ để lá mềm ra rồi phết 1 lớp dầu Đu đủ tía rồi đặt nhẹ lên vết bỏng. Cứ sau vài giờ lại thay 1 lá trầu không mới. Sau vài lần, dịch trong vết bỏng sẽ tiêu hết, chỗ rộp không mọng nước, không gây mủ. Nên dùng vào ban đêm và vứt đi vào sáng sớm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
10	Giảm đau lưng: Dùng lá trầu không hơ nóng hoặc nước cốt trầu không trộn với dầu dừa rồi đắp vào thắt lưng sẽ giúp giảm đau lưng nhanh chóng (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Chữa tắc sữa: Khi đang cho con bú bị tắc tuyến sữa, hãy lấy lá trầu không tẩm một chút dầu gió sẽ kích thích sữa chảy nhanh và tuần hoàn dòng sữa tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Chữa đau khớp: Bôi tại chỗ đâu với nước lá trầu không giúp giảm đau do viêm khớp và các vấn đề khác có liên quan (Thu Vân, 2017).	x		
13	Chữa khó tiêu: Nhai lá trầu không tươi hoặc có thể thoa nước lá trầu không lên bụng để giúp tiêu hóa dễ dàng hơn (Thu Vân, 2017).	x		
14	Chữa chứng rối loạn cương dương ở nam giới: Nhai một hoặc hai lá trầu không sau bữa ăn để điều trị chứng này (Thu Vân, 2017).	x		
15	Chữa cảm lạnh: Dùng lá trầu giã nhuyễn cho vào khăn mặt hoặc khăn tay, nhúng vào nước ấm đánh gió dọc hai bên cột sống (Thu Vân, 2017).	x		
16	Sát khuẩn vết thương: Khi bị thương, vắt nước trầu không rửa vết thương rồi dùng lá trầu không sạch phủ lên, băng lại hoặc có thể lấy lá trầu không nấu nước rửa vết thương hàng ngày vết thương sẽ khô, kín miệng sau 2 ngàTrị nhức đầu do thay đổi thời tiết (Thu Vân, 2017).	x		
17	Chữa phong thấp đau nhức chân tay: Gốc rễ trầu 12g, rễ Lá lốt 12g, lá và rễ cây xấu hổ (mắc cỡ) 12g sắc uống liên tục một tuần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
18	Chữa đau họng: Khi đau họng, dùng trầu không sẽ rất công hiệu. Lấy lá trầu không và ít hoa quả xay nhuyễn lấy nước, trộn thêm mật ong rồi ngậm thật lâu, nếu uống được thì càng tốt, sẽ giảm các kích thích gây ho (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
19	Chữa đau đầu: Cuống lá trầu 7-10 cái giã nhuyễn, lấy nước cốt pha mật ong uống, đồng thời lấy 2 đầu nhọn của lá trầu nhai giập đắp vào hai bên thái dương (Thu Vân, 2017).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
20	Chữa viêm họng: Khi viêm đau họng lấy 5 lá trầu không rửa sạch giã nát chắt lấy nước, thêm mật ong rồi ngậm có thể nuốt từ từ rất hiệu nghiệm (Thu Vân, 2017).	x		
21	Chữa nước ăn chân: Lấy lá trầu không 8g, lá ráy 50g thái nhỏ, đổ ngập nước, đun sôi để nguội rồi ngâm chân. Hoặc lấy một nắm lá trầu không đun sôi để nguội ngâm chân cũng rất hiệu nghiệm (baodantoc.vn).	x		
22	Chữa suy nhược thần kinh: Lấy nước cốt vắt từ vài lá trầu không hòa với một thìa mật ong chia làm 2 lần, uống trong ngày (Phạm Liễu, 2014).	x		
23	Chữa bệnh về phổi: Khi mắc bệnh về phổi, lấy lá trầu không tẩm dầu mù tạt rồi hơ ấm, đặt lên ngực day nhẹ sẽ giảm được ho và giúp bệnh nhân dễ thở hơn (Thu Huyền, 2008).	x		
24	Giả cảm: Đánh gió, dùng lá Trầu không nấu nước uống hoặc xông			x
25	Trị bệnh Guốt: Lấy lá Trầu không (nam 7 lá, nữ 9 lá) cắt nhỏ, ngâm nước dừa uống rồi đi tiểu mới ăn sáng.			x
26	Trị ban, ban đen: Chà lá Tầu lên vết ban rồi cắt vết mủ			x
27	Trị ban sốt (ma): Lấy nước tro tàu (gói bánh) đổ ra 1 ít, nặn chanh vào. Lấy 5-7 lá Trầu xé ra nhúng nước tro tàu 1 ít rồi chà lên người.			x
28	Trị tiểu đường: Trầu lương 3 lá, cau kiểng 3 trái, rau sam 300gram, nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén nước uống. Uống 3 lần 1 ngày			x
29	Trị tiểu gắt: Kết hợp rễ cau, Cỏ mần trầu, Cam thảo đất, Mía lau. Lấy mỗi thứ 1 nhúm rồi nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
30	Trị sỏi thận: Lấy 1 lá Trầu và 1 trái dừa tươi nấu nước uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Chữa phong thấp đau nhức chân tay: Gốc rễ trầu 12g, rễ lá lốt 12g, lá và rễ cây xấu hổ (mắc cỡ) 12g sắc uống liên tục một tuần. Chú ý không để lẫn hạt cây xấu hổ rất độc

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

493. Trầu ông

***Epipremnum aureum* (Linden & André) G.S.Bunting, 1964**

Trầu bà leo, Trầu bà cột, Hoàng kim, Thạch Cam Tử, Trầu Ba Vàng, Hoàng Tam Điệp…

Công dụng: Trị được nóng lạnh, chữa kiết lỵ, chấm dứt được các chứng băng huyết, rong huyết, đới hạ, ho ra huyết, đái ra máu, lại chữa được các chứng chạm vía ban nóng, đẹn của trẻ em.

Tính vị: Cây có tính lành, Vị nhạt, tính mát

Quy kinh: kinh phế, vị, và tỳ

Bộ phận dùng: Dây, lá

Nguồn gốc	Nguyên sản ở đảo Salômông (châu Đại Dương)
Phân bố ở Cà Mau	Hiện tại cây chỉ được tìm thấy ở huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ) và huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà
Thu hoạch	Dây lá thu hái quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô.
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Alismatales (Trạch Tả)
    - **Họ:** Araceae (Ráy)
      - **Chi**: Epipremnum
        - **Loài**: *E. aureum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Thân cây	Dây leo nhỏ khi trồng không giá tựa, rất to khi trồng ở đất và cho leo lên cây.
Lá cây	Lá cây hình bầu dục hoặc hình tim, có đường gân dọc theo lá. Lá có kích thước nhỏ hoặc lớn, có lá xanh non, thuôn tròn, đôi khi lá có đốm màu vàng.
Hoa	Cây trầu ông có hoa, hoa vươn lên cao, có nhiều hoa trên một cành, màu trắng rất đẹp.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm họng: Khi viêm đau họng lấy 5 lá trầu không rửa sạch giã nát chắt lấy nước, thêm mật ong rồi ngậm có thể nuốt từ từ rất hiệu nghiệm (baidantoc.vn).	x		
2	Chữa nước ăn chân: Lấy lá trầu không 8g, lá ráy 50g thái nhỏ, đổ ngập nước, đun sôi để nguội rồi ngâm chân. Hoặc lấy một nắm lá trầu không đun sôi để nguội ngâm chân cũng rất hiệu nghiệm (baidantoc.vn).	x		
3	Chữa suy nhược thần kinh: Lấy nước cốt vắt từ vài lá trầu không hòa với một thìa mật ong chia làm 2 lần, uống trong ngày (Phạm Liễu, 2014).	x		
4	Chữa bệnh về phổi: Khi mắc bệnh về phổi, lấy lá trầu không tẩm dầu mù tạt rồi hơ ấm, đặt lên ngực day nhẹ sẽ giảm được ho và giúp bệnh nhân dễ thở hơn (Thu Huyền, 2008).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

494. Tre — *Bambusa vulgaris* Schrad., 1808

Công dụng: Thanh nhiệt, giải độc, giải cảm, được dùng để chữa trị các chứng mụn nhọt, viêm tấy, mưng mủ và sốt ….

Tính vị: Vị ngọt nhạt

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, măng, vỏ và lá

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Cây có thể dễ dàng tìm thấy ở khắp 09 đơn vị Hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây tre được người dân trồng nhiều ở vườn nhà và ven ao
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Sắc nước
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Poales (Hòa thảo)

→ **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)

→ **Chi**: Bambusa (Tre)

→ **Loài**: *B. vulgaris*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây mọc thành bụi
Chiều cao cây	Cây cao 6-15m
Thân cây	Lóng xanh, bóng rỗng, thắt hơi phình, thường có một vòng lông nâu; vách ngăn mỏng; rìa lông phiến thấp
Lá cây	Lá có phiến không lông, mép ngắn có rìa lông.
Hoa	Chuỳ hoa có lá hay không, bông nhỏ dẹp, nhọn, xếp 2 dãy, chứa 4-12 hoa.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa sỏi thận: Lấy một nắm lá tre khoảng 30g, đem rửa sạch hãm với nước đun sôi khoảng 20 phút là có thể dùng được. Dùng uống thay trà hàng ngày sau khoảng 1 tháng sỏi nhỏ sẽ được đào thải ra khỏi cơ thể (dongycotruyenvietnam.net).	x		
2	Chữa cảm sốt, miệng khô khát: Chuẩn bị 30g lá tre 30g, 12g thạch cao, 8g mạch môn, 4g bán hạ, 7g gạo tẻ, 2g nhân sâm 2g và 2g cam thảo. Đem tất cả cho vào ấm sắc kỹ uống mỗi ngày 1 thang bệnh sẽ nhanh chóng khỏi (dongycotruyenvietnam.net).	x		
3	Chữa cảm cúm, sốt cao: Chuẩn bị 16g lá tre, 12g Cam thảo đất, 16g kim ngân hoa, 8g kinh giới và 8g bạc hà. Sắc thuốc uống ngày 1 thang (dongycotruyenvietnam.net).	x		
4	Chữa co giật trẻ em: Khi trẻ bị co giật, có thể áp dụng bài thuốc sau: Lá tre 16g, mạch môn 12g, sinh địa 12g, câu đằng 12g, chi tử 10g, lá vông 12g, bạc hà 8g, cương tằm 8g,. Sắc thuốc uống đều trong ngày, chứng co giật sẽ từ Từ biến mất (dongycotruyenvietnam.net).	x		
5	Chữa ho khan: Khi bị ho khan, đờm rát, đau rát cổ họng người bệnh chuẩn bị lá tre, vỏ rễ dâu và Rau má mỗi thứ 12 g, quả dành dành 8g, lá chanh 8 g, cam thảo 6g, đem sắc thuốc uống 2 lần/ ngày sau bữa ăn (dongycotruyenvietnam.net).	x		
6	Chữa sởi thời kỳ đang mọc: Một tác dụng của lá tre mà ít người biết đến chính là chữa trị bệnh sởi trong thời kỳ đang mọc. Chỉ cần áp dụng bài thuốc sau: Chuẩn bị 20g Lá tre, 16g sài đất, 16g kim ngân hoa , 12g mạch môn , 12g sa sâm, 12 Cam thảo đất, đem sắc kỹ rồi chia ra uống trong ngày. Thực hiện liên tục đến khi khỏi bệnh (dongycotruyenvietnam.net).	x		
7	Chữa thủy đậu: Dùng 8g lá tre, 8g liên kiều, 4g cát cánh, 3g bạc hà , 4g đạm đậu sị, 3g chi tử, 3g cam thảo và 2 củ Hành tăm sắc thuốc uống ngày 1 thang bệnh sẽ khỏi nhanh chóng (dongycotruyenvietnam.net).	x		
8	Chữa viêm bàng quang cấp tính: Chuẩn bị lá tre, sinh địa, mộc thông, hoàng cầm mỗi thứ 12g, cam thảo và đăng tâm thảo mỗi thứ 6g đem sắc uống ngày 1 thang (dongycotruyenvietnam.net).	x		
9	Chữa đái ra máu: Chuẩn bị lá tre, Mã đề, mạch môn, rễ cỏ tranh, râu ngô, thài lài tía mỗi thứ 20g đem sắc với khoảng 700ml đến khi cạn còn 300ml thì lấy ra chia làm 2 phần uống trong ngày sau bữa ăn (dongycotruyenvietnam.net).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Trị cảm, ớn lạnh, trúng nước: Lấy lá Sả, Ổi, Bưởi, lá Tre, Bạch đàn nấu nước xông			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Một lưu ý nhỏ: Khi áp dụng bài thuốc trị sỏi thận từ lá tre có thể xuất hiện cơn đau bụng dữ dội, không cần quá lo lắng vì đây là hiện tượng sỏi di chuyển và bị đẩy qua đường tiết niệu sau đó bị đào thải ra ngoài khi đi tiểu.

Bài thuốc này chỉ định cho những trường hợp sỏi nhỏ, nếu kích thước sỏi lớn, người bệnh nên đến bệnh viện hoặc các phòng khám Đông y uy tín, chất đượng để được thăm khám và điều trị kịp thời, tránh để bệnh nặng gây ra những biến chứng nguy hiểm như: Nhiễm trùng, suy thận, vỡ thận.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

495. Tre mỡ — *Bambusa vulgaris* Schrad., 1808

Tre vàng, Tre trổ, Tre bụng phật, Trúc phật bụng to

Công dụng: Ở Ấn Độ rễ, măng được dùng làm thuốc, vỏ dùng trị xuất huyết, kinh nguyệt quá nhiều, nôn và mửa.

Tính vị: Rễ và măng được xem như có tính làm dịu.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, măng, vỏ và lá

Nguồn gốc: Đây là loài bản địa của bán đảo Đông Dương và tỉnh Vân Nam ở miền nam Trung Quốc, nhưng đã được đem trồng và đã tự nhiên hóa tại nhiều nơi.

Phân bố ở Cà Mau: Hiện tại cây chỉ được tìm thấy ở huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn) và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)

Sinh cảnh: Cây được người dân trồng nhiều ở ven đường đi

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Poales (Hòa thảo)
    - **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)
      - **Chi**: Bambusa (Tre)
        - **Loài**: *B. vulgaris*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân rỗng, mọc thành bụi
Chiều cao cây	Cây cao 6-15m
Đường kính cây	Cây có đường kính 4 – 10 cm
Thân cây	Lóng xanh, bóng rỗng, thắt hơi phình, thường có một vòng lông nâu; vách ngăn mỏng; rìa lông phiến thấp.. Cành mọc từ các đốt ở giữa thân trở lên, đôi khi có cả ở các đốt dưới. Thường có một cành chính to và một vài đến nhiều cành nhỏ. Lõm phía trên mắt, có lông.
Lá cây	Lá có phiến không lông, mép ngắn có rìa lông.
Hoa	Chuỳ hoa có lá hay không, bông nhỏ dẹp, nhọn, xếp 2 dãy, chứa 4-12 hoa

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bệnh ban: Lấy đọt Tre mỡ phơi khô, sắc nước uống			x
50	Trị ho, sốt: Lấy rễ Tre mỡ sắc nước uống			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

496. Trinh nữ hoàng cung — *Crinum latifolium* L., 1753

Náng lá rộng, Tỏi lơi lá rộng, Tây nam văn châu lan, Tỏi Thái Lan, Vạn châu lan, Thập bát học sỹ

Công dụng: Tiêu ung, bài nùng, hỗ trợ chữa ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến tiền liệt, ung thư dạ dày, trị thấp khớp, chữa mụn nhọt, chữa viêm tai, đau tai.

Tính vị: Vị đắng, chát

Quy kinh:

Bộ phận dùng: Hành và lá

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Nam Phi.

Thành phần hóa học	Thành phần chính có tác dụng trong dược liệu này là alkaloid, có hai nhóm là không dị vòng (latisoin, beladin…) và dị vòng (crinafolin, crinafolidin, pratorin…). Bên cạnh đó trinh nữ hoàng cung còn có những hợp chất khác như phenolic, tannin, flavonoid, terpenoit, axit amin, saponin steroid, coumarin và chất chống oxy hóa khác. Thân rễ của cây chứa 2 glucan là glucan A và glucan B. Ở Việt Nam đã có nghiên cứu và cho thấy trong loại thảo dược này có 11 alkaloid, 11 axit amin, axit hữu cơ. Các axit amin là phenylalanin, l-leucin, dl-valin và arginin monohydroclorid.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có thể dễ dàng tìm thấy ở khắp 09 đơn vị Hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây Trinh Nữ Hoàng Cung được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc tại vườn nhà và vườn thuốc nam. Bên cạnh đó còn trồng ở ven đường đi và ven bờ sông bờ ao
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 8, Tháng 10 đến 12
Chế biến	Hành và lá thái nhỏ và phơi khô.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Asparagales (Măng tây)

→ **Họ:** Amaryllidaceae (Lan huệ)

→ **Chi**: Crinum

→ **Loài**: *C. latifolium*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 50-60 cm
Đường kính cây	Đường kính 10-15cm
Thân cây	Thân hành như củ hành tây to, bẹ lá úp nhau thành một thân giả. Thân giả nhỏ, ngắn có màu hồng tím.
Lá cây	Có nhiều lá mỏng kéo dài từ 80-100cm, rộng 5-8cm, hai bên mép lá lượn sóng. Gân lá song song, mặt trên lá lõm thành rãnh, mặt dưới lá có một sống lá nổi rất rõ, đầu bẹ lá nơi sát đất có màu đỏ tím
Hoa	Hoa mọc thành tán gồm 6-18 hoa, trên một cán hoa dài 30-60 cm. Trụ hoa dẹt, dài 30-60 cm chỉ gồm ít (8 đến 12) hoa có mo bao quanh. Hoa có cuống ngắn, phiến hoa dài 7-10 cm; rộng khoảng 2 cm, màu trắng. Mặt ngoài cánh hoa có những sọc màu tím nhạt; chỉ nhị màu trắng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Giảm đau khớp, chữa chấn thương, tụ máu bầm: Hái lá tươi Trinh nữ hoàng cung đem về rửa sạch, xào nóng, đắp vào khu vực cần điều trị (Như Ý, 2021).	x		
2	Giảm đau khớp, chữa chấn thương, tụ máu bầm: Lấy thân Hành về đem nướng cho nóng. Giã dập ra và đắp ngay vào nơi bị sưng đau, có máu bầm. Thực hiện mỗi ngày 2–3 lần (Như Ý, 2021).	x		
3	Chữa viêm loét dạ dày, u vú: Hái 3 lá tươi đem về rửa sạch, cắt khúc ngắn. Cho vào nồi sắc với 2 chén nước đến khi cạn còn nửa chén. Chia thuốc làm 3 phần uống sau bữa ăn chính trong ngày. Một liệu trình điều trị bệnh kéo dài 20–25 ngày. Sau đó nghỉ 10 ngày rồi tiếp tục uống liệu trình mới (Như Ý, 2021).	x		
4	Chữa viêm loét dạ dày, u vú: Dùng 200g lá khô sắc uống tương tự như khi dùng lá tươi. Một liệu trình điều trị bệnh kéo dài 20–25 ngày. Sau đó nghỉ 10 ngày rồi tiếp tục uống liệu trình mới (Như Ý, 2021).	x		
5	Chữa những trường hợp u xơ, ung thư tử cung, u xơ và ung thư tiền liệt tuyến: Ngày uống nước sắc của 3 lá Trinh nữ hoàng cung hái tươi thái nhỏ ngắn 1-2cm, sao khô màu hơi vàng, uống luôn trong 7 ngày, rồi nghỉ 7 ngày, sau đó uống tiếp 7 ngày nữa, lại nghỉ 7 ngày và uống tiếp 7 ngày. Tổng cộng 3 đợt uống là 63 lá, xen kẽ 2 đợt nghỉ uống, mỗi đợt 7 ngày. Nhiều người chỉ uống nước sắc Trinh nữ hoàng cung như trên cũng thu được kết quả tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến: Chuẩn bị khoảng 20g Trinh nữ hoàng cung khô đem rửa sạch. Cho dược liệu vào nồi, thêm khoảng 2 bát nước con. Sắc hỗn hợp bằng lửa nhỏ đến cạn còn một nửa thì dừng. Nước sắc được chia uống thành 3 lần trong ngày sau bữa ăn (Như Ý, 2021).	x		
7	Điều trị ung thư vú: Dùng 200g lá Trinh nữ hoàng cung đã được phơi khô, sắc dược liệu bằng nồi đất với hai bát nước con đến khi cạn còn khoảng nửa bát thì dừng. Nước sắc được chia thành 3 lần uống trong ngày sau bữa ăn (Như Ý, 2021).	x		
8	Điều trị bệnh dạ dày, tá tràng: Lấy lá cây tươi Trinh nữ hoàng cung, rửa sạch, cắt thành khúc nhỏ và cho vào nồi, thêm hai bát con nước sạch. Sắc hỗn hợp đến khi đặc còn khoảng nửa bát thì dừng. Nước sắc được chia thành 3 lần uống trong ngày sau bữa ăn (Như Ý, 2021).	x		
9	Giảm đau nhức xương: Lấy lá Trinh nữ hoàng cung rửa sạch, cắt nhỏ, phơi sấy khô, đem sao nóng lá dược liệu rồi đắp lên vùng xương khớp bị đau hoặc vùng da bị bầm dập. Sử dụng bài thuốc trên trong 2 – 3 ngày liên tiếp sẽ giúp làm tan vết bầm, giảm cơn đau nhức (Như Ý, 2021).	x		
10	Chữa u xơ tuyến tiền liệt, rối loạn tiểu tiện ở người cao tuổi: Sắc 20g lá uống làm 2–3 lần trong ngày (Như Ý, 2021).	x		
11	Chữa u xơ tử cung, rong kinh, chảy máu âm đạo, đau bụng dưới: Lấy 20g lá tươi Trinh nữ hoàng cung sắc uống vài lần trong ngày cho hết (Như Ý, 2021).	x	x	
12	Trị mụn nhọt: Lấy một ít lá hoặc củ Trinh nữ hoàng cung, giã nát rồi đắp vào khu vực bị mụn nhọt khi thuốc còn nóng (Như Ý, 2021).	x		
13	Điều trị bệnh ung thư vú, u xơ tử cung, ung thư tuyến tiền liệt: Lấy lá Trinh nữ hoàng cung thái nhỏ. Đem sao vàng rồi sắc uống. Liều dùng: Mỗi ngày dùng từ 3-5 lá. Lưu ý: Khi sử dụng các bài thuốc từ cây Trinh nữ hoàng cung, bệnh nhân u xơ tử cung cần giữ tâm lý thoải mái, lạc quan. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ để bác sĩ theo dõi và có hướng điều trị thích hợp (Như Ý, 2021).	x		
14	Chữa tê thấp, đau nhức, bầm mình: Hái lá Trinh nữ hoàng cung rửa sạch giã nát; hoặc dùng thân Hành, nướng nóng giã ra, rồi đắp vào vùng chấn thương. Mỗi ngày 2 – 3 lần (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
15	Trị chảy máu âm đạo, rong kinh, rối loạn kinh nguyệt, chậm kinh: Chuẩn bị lá Trinh nữ hoàng cung, rễ Cỏ xước, hạ khô thảo, hương tư tử, mỗi vị 20g đem sắc với 1 lít nước đến khi cạn còn một nửa nước. Nước sắc được chia uống 3 lần trong ngày và không được để qua đêm (Ngọc Anh,	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	2021).			
16	Trị chảy máu âm đạo, rong kinh, rối loạn kinh nguyệt, chậm kinh: Chuẩn bị 20g mỗi vị thuốc là Trinh nữ hoàng cung, dừa dại, lá sen, ngải cứu tươi, ích mẫu và hương tử. Sắc hỗn hợp với khoảng 1 lít nước đến khi cạn còn một nửa. Nước sắc được chia uống 3 lần trong ngày và không được để qua đêm (Ngọc Anh, 2021).	x		
17	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến: Chuẩn bị 20g Trinh nữ hoàng cung khô, 6g hương tư tử và 12g xa tiền tử. Tất cả cho vào nồi, thêm hai bát con nước và sắc cạn còn khoảng 1 bát thì dừng. Nước sắc được chia uống 2 – 3 lần trong ngày sau bữa ăn (Ngọc Anh, 2021).	x		
18	Điều trị ho, viêm phế quản: Sắc với 600ml nước hỗn hợp gồm 20g lá Trinh nữ hoàng cung, tang bạch bì, ô phiến và cam thảo dây. Sắc hỗn hợp đến khi cạn còn khoảng 200 ml thì dừng, nước sắc được chia thành 3 lần uống trong ngày uống sau bữa ăn (Ngọc Anh, 2021).	x		
19	Điều trị ho, viêm phế quản: Dùng 20g mỗi vị thuốc bao gồm lá Trinh nữ hoàng cung, lá bồng bồng, hương tử, táo chua. Sắc hỗn hợp với 600ml nước bằng nồi đất, sắc đến khi còn khoảng 200ml nước thì dừng. Nước sắc được chia thành 3 lần uống trong ngày sau bữa ăn (Ngọc Anh, 2021).	x		
20	Giảm đau khớp, chữa chấn thương, tụ máu bầm: Chuẩn bị Củ (thân Hành) Trinh nữ hoàng cung, huyết giác, lá cối xay, dây đau xương mỗi loại 20g và quốc lão 6g. Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang (thuocdantoc.info).	x		
21	Trị viêm họng hạt: Kết hợp 1/3 lá Trinh nữ hoàng cung tươi và 3g rễ cây dằng xay. Đem rửa và ngâm qua nước muối pha sẵn cho sạch. Khi bị viêm họng hạt lấy nhai với vài hạt muối ăn, nuốt nước từ từ cho thấm vào cổ họng, bỏ bã (thuocdantoc.info).	x		
22	Chữa u xơ tuyến tiền liệt, rối loạn tiểu tiện ở người cao tuổi: Huyết giác và lá Trinh nữ hoàng cung mỗi vị 20g, rễ ngưu tất nam 12g, ba kích (sao muối) 10g, hương tư tử 6g. Nấu nước đặc uống 2–3 lần trong ngày (thuocdantoc.info).	x		
23	Chữa u xơ tuyến tiền liệt, rối loạn tiểu tiện ở người cao tuổi: Lá Trinh nữ hoàng cung 20g, xa tiền tử 12g, hương tư tử 6g. Sắc nước uống, mỗi ngày dùng 1 thang (thuocdantoc.info).	x		
24	Chữa u xơ tử cung, rong kinh, chảy máu âm đạo, đau bụng dưới: Lá Trinh nữ hoàng cung, hạ thảo khô mỗi vị 20g, hương tư tử 6g, hoàng cầm 8g, rễ Cỏ xước 12g. Đem sắc lấy nước đặc chia làm 3 phần đều nhau, uống hết trong ngày (thuocdantoc.info).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
25	Chữa u xơ tử cung, rong kinh, chảy máu âm đạo, đau bụng dưới: Lá Trinh nữ hoàng cung, lá sen, dừa dại, ngải cứu tươi mỗi vị 20g, ích mẫu 12g, hương tư tử 6g. Sắc uống tương tự như bài trên (thuocdantoc.info).	x		
26	Chữa u xơ tử cung, rong kinh, chảy máu âm đạo, đau bụng dưới: Hương tử tư 6g, lá trắc bách 12g (sao đen), lá Trinh nữ hoàng cung 20g. Đem thuốc sắc uống ngày 1 thang.	x		
27	Trị mụn nhọt: Trinh nữ hoàng cung và bèo cái mỗi loại 20g, cườm thảo đỏ 6g. Mỗi ngày sắc 1 thang, chia thuốc uống vào buổi sáng, trưa, tối (thuocdantoc.info).	x		
28	Trị mụn nhọt: Lá Trinh nữ hoàng cung 20g, cườm thảo đỏ 6g, kim ngân hoa 20g. Sắc thuốc chia làm 2–3 lần uống, mỗi ngày 1 thang (thuocdantoc.info).	x		
29	Hỗ trợ điều trị ung thư vú, đại tràng, cổ tử cung: Lá Trinh nữ hoàng cung và nga truật mỗi vị 20g, lá Đu đủ (phơi khô) 50g, xuyên điền thất 10g. Cho thuốc vào siêu, thêm 3 chén nước sắc lấy 1 chén. Chia thuốc làm 3 phần uống sau các bữa ăn chính (thuocdantoc.info).	x		
30	Trị u nang, u xơ: - Cách 1: Hái 1 lá Trinh nữ hoàng cung giã, vắt lấy nước uống với mật ong. - Cách 2: Lấy 9 lá Trinh nữ hoàng cung (tươi) đâm với muối uống tươi - Cách 3: Lấy 2 lá Trinh nữ hoàng cung, 1 lá Đinh lăng đuôi phụng lá nhỏ nấu với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. - Cách 4: Ăn sống 2-3g lá Trinh nữ hoàng cung, nhả xác. - Cách 5: Lấy 5 lá Trinh nữ hoàng cung, 4 lá Đu đủ sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8 phân, uống. Uống 3 ngày ngưng, tháng tới uống tiếp.			x
31	Tri ung thư tử cung: Lấy 1 bông/ rễ/lá Trinh nữ hoàng cung (tươi) nấu nước uống			x
32	Trị bướu tuyến giáp: Phơi khô Trinh nữ hoàng cung nấu với Ké đầu ngựa và Bàng gai, uống.			x
33	Trị rong kinh: Lấy 2-3 lá Trinh nữ hoàng cung nấu nước loãng uống, uống thay nước lả; hoặc nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống (1 chén chia ra uống 2 lần/ngày)			x
35	Trị bướu, u nang: Lấy củ Trinh nữ hoàng cung đâm, xào với giấm và muối, rồi đắp lên khối u.			x
37	Trị u nang, u xơ, rong kinh, huyết trắng: Lấy Sâm đất, Cỏ mần trầu, Trinh nữ hoàng cung (3 lá, xé tay), Bồ ngót, 9 rễ Cau, 9 rễ Tầm duột, cây Dâu tằm, sắc với 3 chén nước đến			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	khi còn 8 phân, uống			
38	Trị u nang buồng trứng, trị huyết trắng, ung thư tử cung, ban: Lấy 5-6 lá Trinh nữ hoàng cung (tươi), sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống.			x
40	Trị ho cảm: Lấy lá Trinh nữ hoàng cung (nữ 9 lá, nam 7 lá) và lá Sò huyết (nữ 9 lá, nam 7 lá), sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống.			x
41	Trị bệnh phụ nữ (huyết trắng, u nang): Nhai sống 1 lá Trinh nữ hoàng cung, chưng 1 lá, đâm 1 lá với mật ong hoặc muối, uống sau khi ăn.			x
42	Trị ung thư vú, cổ tử cung: Lấy 1 lá Trinh nữ hoàng cung, 3 tép Sả, 1 tay Đu đủ, nấu loãng uống			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Khi sử dụng trinh nữ hoàng cung cần lưu ý một số điều sau:

Không ăn rau muống khi đang sử dụng trinh nữ hoàng cung.

Dược liệu trinh nữ hoàng cung dễ bị nhầm lẫn với một số loại cây khác như hoa lan huệ, cây náng trắng... Vì vậy, bạn cần biết cách phân biệt với các loại cây này tránh trường hợp sử dụng trong điều trị gây ra các tác dụng không mong muốn.

Trinh nữ hoàng cung không được sử dụng cho trẻ em dưới 6 tuổi, phụ nữ có thai và đang cho con bú, người suy gan, suy thận.

Nên tham khảo ý kiến của bác sĩ trước khi sử dụng, đặc biệt trong trường hợp bạn đang sử dụng các loại thuốc Tây khác thì không được kết hợp cùng với trinh nữ hoàng cung.

Không được tùy tiện thay đổi liều lượng các bài thuốc trong suốt quá trình điều trị để tránh làm biến đổi dược tính, ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

497. Trôm — *Sterculia foetida* L., 1753

Trôm hôi, Trôm thối, Cây quả mõ, Chim chim rừng, Mạy trôm (Tày), Cây cốc (miền Trung), Cây gạo

Công dụng: Mủ Trôm dùng điều trị chứng táo bón, điều hòa đường huyết, ổn định huyết áp, mát gan, giải độc gan, giúp mau lành vết thương… Mủ Trôm còn có khả năng chữa được các bệnh như xơ gan, kiết ly, mụn nhọt

Tính vị: Mủ trôm có vị ngọt, tính mát, có nhiều vi lượng, hàm lượng khoáng chất cao. Dầu hạt màu vàng nhạt, dịu. Lá có mùi hôi. Nước sắc vỏ quả có chất nhầy.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lỵ ra máu, ghẻ lở, phong thấp, cảm sốt, bong gân, bệnh về tóc và da đầu (Vỏ)

Thành phần dinh dưỡng	Hạt Trôm có thành phần: nước 35,6%, protein 11,4%, chất béo 35,5%, chất vô cơ 2,4% (gồm calci, photpho, sắt, magie, kali, sulphur, đồng…), vitamin C 5mg/100g; có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Nhựa Trôm là một hợp chất polysacchari e cao phân tử, khi thủy phân sẽ cho ra các đường D - galactose, L - rhamnose, acid D - galacturonic cùng một vài chất chuyển hóa acetylat và trimethylamin....Nhựa Trôm chứa khoảng 37% uronic aci , nhiều khoáng tố như calcium và muối magnesium. Trong 100 g nhựa Trôm có chứa 101,06 mg Ca, Zn 0,29 mg, Na 5,27 mg, K 291,01 mg, Mg 43,01 mg, Fe 0,91 mg, gluci 64,06 g và một hàm lượng cao chất xơ hòa tan trong nước.
Thành phần hóa học	Theo một nghiên cứu tại Việt Nam, hạt trôm chứa hàm lượng lipit tổng số là 52,36%, thành phần axit béo trong dầu hạt trôm gồm axit hexadecanoic (42,15%) và axit octadecanoic (32,65%) Mủ trôm, hay còn gọi là nhựa trôm, là dịch tiết ra từ cây trôm. Nhựa trôm là một hợp chất polysaccharide cao phân tử, khi thủy phân sẽ cho ra các đường D-galactose, L-rhamnose và acid D-galacturonic, một vài chất chuyển hóa acetylat và trimethylamin. Nhựa trôm còn chứa khoảng 37% uronic acid, nhiều khoáng tố như calcium và muối magnesium. Khi ngâm trong nước lạnh với tỉ lệ thấp (4-5%) nhựa trôm sẽ trở thành dạng keo. Mủ trôm có màu trắng, dạng thạch đặc, vón thành từng cục như sương sa.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc tự nhiên ở vùng nhiệt đới trên thế giới như Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, Miến Điện, Indonesia, Malaysia, Panama, Trung Quốc, Úc, Thái Lan, Philippines, Senegal, Sudan và Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Cây được tìm thấy tại huyện U Minh (thị trấn U Minh), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc), huyện Đầm Dơi
Sinh cảnh	Cây được người sân trồng trong vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Hoa nở tháng 2 - 3,, Quả chín tháng 10 - 12.
Thu hoạch	Thu hái lá và vỏ quanh năm. Hạt thu hái ở những quả già vào tháng 12 và tháng 1.
Chế biến	Lá và vỏ thường dùng tươi. Hạt dùng chế dầu.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malvales (Cẩm quỳ)

Họ: Sterculiaceae (Trôm)

Chi: Sterculia (Trôm)

Loài: *S. foetida*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây có thể cao 15-20m
Đường kính cây	Đường kính tới 50 - 80cm
Vỏ cây	Vỏ màu xám nhẹ đến nâu đậm, nứt nhẹ.
Thân cây	Thân thẳng, hình trụ, gốc có múi. Cành mọc khỏe, Phân cành cao, mập, thô, gãy khúc, có nhiều sẹo lá hình tim, tán rộng, dày.
Lá cây	Lá kép chân vịt, mọc so le, có cuống lá ngắn, ày 1cm. Lá chét 5 - 9 lá, hình mác, ài 30cm, màu xanh lục đậm, bóng nhẵn, có nơi rụng vào mùa khô, gân bên xếp song song nổi rõ cả 2 mặt. Cuống chung ài 10 - 20cm, mảnh. Lá kèm ễ rụng.
Hoa	Cụm hoa dạng chuỳ, mọc ở ngọn, thường xuất hiện cùng lá non, gồm những chùm hẹp, nhẵn, ài 15 - 20 cm. Hoa tạp tính, có mùi hơi hôi, đài hình ống, lá đài màu đỏ mặt trong, có ít lông mép. Không có cánh hoa. Hoa đực có cuống, bộ nhị mở thành ạng chén ở đầu, bao phấn 15 - 20. Hoa cái có bầu hình cầu hợp bởi 5 lá noãn, mỗi lá noãn có 8 - 15 noãn.
Quả/trái	Quả gồm 1 - 5 ngăn, hình trứng, ài đến 10cm, đầu hơi nhọn. Vách quả này, cứng hoá gỗ, màu đỏ sau chuyển qua đỏ đến đen. Hạt nhiều, 10 - 15 hạt/ quả, thuôn dài 1,8 - 2cm, màu đen bóng
Hạt	Hạt 10-15, màu đen bóng, dài 18-20cm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Nhuận tràng: Dùng 0,5-1g bột mủ trôm ngâm trong 200ml nước lọc để qua đêm rồi dùng uống vào sáng hôm sau. Nếu mủ trôm thô thì dùng ½ lóng tay ngâm trong 200ml nước lọc để qua đêm, sáng hôm sau đem ra uống giúp nhuận tràng (phunuvagiadinh.vn).	x		
2	Giúp ngủ ngon, giảm stress: Ngâm 10 – 15g mủ trôm với nước ấm cho đến khi nở ra hoàn toàn, sau đó lấy đem pha với nước lọc và đường rồi uống mỗi ngày	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	(phunuvagiadinh.vn).			
3	Trị đại tràng: Sử dụng 150gr mủ trôm, 10gr đường phèn, ăn 3 lần/ngày (phunuvagiadinh.vn).	x		
4	Trị táo bón, kiết lỵ, xơ gan, mụn nhọt: Lấy 100gr mủ trôm ngâm trong 0,5 lít nước đun sôi, thêm 10gr đường cát làm thức uống. Sử dụng ngày 2 lần, liên tục 7 ngày (phunuvagiadinh.vn).	x		
5	Thanh nhiệt, giải độc, giải khát: Nguyên liệu: Mủ trôm, nha đam, hạt chia, mủ gòn, lá dứa, đường phèn. Ngâm mủ trôm và mủ gòn trong nước lạnh từ 12-14 tiếng rồi đem cắt mủ gòn thành miếng nhỏ. Đem hạt ké ngâm vào nước khoảng 10 phút. Nha đam 500g đem lột vỏ, phần thịt cắt lát nhỏ đem ngâm vào nước muối khoảng 10 phút. Bắc nồi nước lên bếp, đổ thêm 700g đường phèn, 150g lá dứa, đun trong 15 phút, vừa đun vừa khuấy cho đường phèn tan rồi vớt bỏ lá dứa. Tiếp tục cho nha đam vào nồi đun 3 phút thì tắt bếp để nguội. Khi dùng hãy trộn nước nha đam với mủ trôm, mủ gòn, hạt é cho thật đều để uống. Có thể uống lạnh bằng cách bỏ ngăn mát tủ lạnh hoặc thêm đá (phunuvagiadinh.vn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Cảnh báo

Mủ trôm không có độc tính. Tuy nhiên, tính mát và nhuận trường, hai ưu điểm của loại mủ này có thể gây ra một số phản ứng phụ.[3] Không sử dụng mủ trôm trong các trường hợp:

Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

Người có khối u trong ruột.

Người đang uống thuốc chữa bệnh. Vì nhựa trôm có độ nhớt cao nên sẽ làm tăng nồng độ hấp thu của thuốc vào máu

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

498. Trúc *Bambusa multiplex* (Lour.) Raeusch. ex Schult., 1830

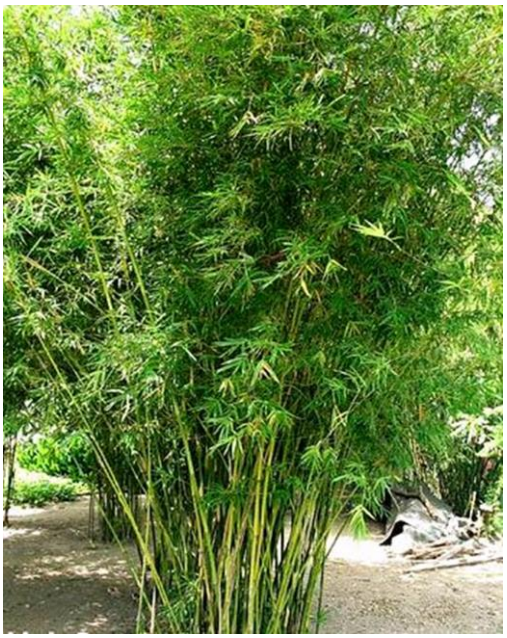

Trúc cần câu, Đạm trúc, Trức nhự, Trúc nhị thanh, Trúc nhị thanh, Hóp, Hóp sào, Trúc bạch,Trước, Trẫy

Công dụng: Trị nôn mửa, nấc do nhiệt, chống phong, sát trùng, co giật, lợi tiểu (cả cây).

Tính vị: Vị ngọt, tính hơi hàn.

Quy kinh: Knh phế, vị, bàng quang

Bộ phận dùng: Thân cây

Nguồn gốc: Trung Quốc

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau

Sinh cảnh: Cây Trúc được trồng nhiều trong vườn nhà và vườn thuốc nam, có thể trồng ở ven đường đi và ven bờ sông

Mùa hoa quả: Tháng 5 đến 8, Tháng 5 đến 8

Thu hoạch: Quanh năm nhưng tốt nhất vào mùa đông

Chế biến: Lấy thân cây tre, cưa thành từng đoạn bỏ đốt, sau đó cạo bỏ vỏ xanh, rồi cạo lấy lớp ở dưới gọi là nhị thanh trúc nhự được coi là tốt nhất, sau lớp này có thể cạo lớp trắng vàng thành dải nữa nhưng người ta cho là chất lượng kém hơn.

Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Poales (Hòa thảo)
    - **Họ:** Poaceae (Hòa thảo)
      - **Chi**: Bambusa (Tre, Hóp)
        - **Loài**: *B. multiplex*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 10-15m
Rễ cây	Rễ chùm
Thân cây	Thân ít phân nhánh, rỗng trừ ở các mấu. Mỗi cây có chừng 30 đốt hay hơn, mỗi đốt dài khoảng 30cm. Giữa những đốt thân thường mọc ra nhiều mầm nhánh ngang.
Lá cây	Lá có cuống dài chừng 5mm, phiến lá hình mác dài 7-16cm, rộng l-2cm, mép nguyên, trên có gân song song, màu xanh nhạt
Hoa	Hoa có 6 nhị
Quả/trái	Cây hầu như không có quả.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm dạ dày ruột nôn ói (vị nhiệt ẩu thổ) (cháo trúc nhự): Trúc nhự tươi 30g, gạo tẻ 50g. Trúc nhự nấu lấy nước, đem nước nấu cháo gạo (cháo loãng), cho ăn ít một dần dần (thaythuoccuaban.com).	x		
2	Chữa phụ nữ nhiễm độc thai nghén nôn ói; hẹp môn vị do viêm nề gây hẹp sau phẫu thuật vùng bụng, có triệu chứng nôn mửa, nôn ra thức ăn (Quất nhự ẩm): Trúc nhự tươi 30g, quất bì tươi hoặc trần bì tươi 30g, mứt hồng 30g, chỉ xác 8g, gừng tươi 4g. Các dược liệu nấu lấy nước (bỏ bã) thêm đường cho uống (thaythuoccuaban.com).	x		
3	Chữa viêm thanh quản nói không ra tiếng: Trúc nhự, lá tre, tang bạch bì mỗi vị 12g; thổ bối mẫu, thanh bì, cát cánh mỗi vị 8g; nam tinh chế 6g, gừng 4g. Sắc uống, ngày 1 thang (thaythuoccuaban.com).	x		
4	Trị viêm đại tràng mạn tính thể táo: Trúc nhự 8g, sài hồ 12g, đương quy 12g, Nhân trần 12g, chi tử (sao) 12g, vỏ cây Khế 12g, đảng sâm 12g, chỉ thực 12g, thương truật 12g, bạch thược 12g, táo nhân (sao đen) 12g, cúc hoa 8g, bạc hà 6g. Sắc uống, ngày 1 thang (thaythuoccuaban.com).	x		
5	Chữa viêm phổi giai đoạn đầu: Trúc nhự 8g, kim ngân 15g, sài đất 15g, Bồ công anh 15g, kinh giới 15g, Cỏ mần trầu 15g, tang bạch bì 12g, hạnh nhân 8g. Sắc uống, ngày 1 thang (thaythuoccuaban.com).	x		
6	Chữa hen phế quản khi đang lên cơn hen: Trúc lịch 20ml, tang bạch bì 20g, hạnh nhân 12g, hoàng cầm 12g, bán hạ chế 8g, ma hoàng 6g, cam thảo 4g. Sắc uống, ngày 1 thang.	x		
7	Trị nôn khi mang thai: Trúc nhự 6g, đảng sâm 16g, bạch truật 12g, ý dĩ 12g, trần bì 8g, bán hạ chế 8g, gừng tươi 3	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	lát. Sắc uống trong ngày (thaythuoccuaban.com).			
8	Chữa buồn nôn và nôn do nhiệt ở vị: Trúc nhự 20g, Hoàng liên 12g, Trần bì 10g, Bán hạ 8g, Sinh khương 12g. Sắc uống ngày một thang. (Kinh nghiệm dân gian) (thaythuoccuaban.com).	x		
9	Chữa mất ngủ, tâm phiền, hồi hộp: Trúc nhự 16g, mạch môn 16g, sắc uống trong ngày. 10 ngày là một liệu trình (thaythuoccuaban.com).	x		
10	Trị ho do phế nhiệt, biểu hiện như ho có đờm dày màu vàng: Trúc nhự, hoàng cầm, qua lâu mỗi vị 12g sắc uống. 10 ngày là một liệu trình (thaythuoccuaban.com).	x		
11	Trị viêm đại tràng mạn tính thể táo: Trúc nhự 8g, sài hồ 12g, đương quy 12g, Nhân trần 12g, chi tử (sao) 12g, vỏ cây Khế 12g, đảng sâm 12g, chỉ thực 12g, thương truật 12g, bạch thược 12g, táo nhân (sao đen) 12g, cúc hoa 8g, bạc hà 6g. Sắc uống ngày 1 thang. Dùng liên tục 5 ngày (thaythuoccuaban.com).	x		
12	Chữa viêm thanh quản nói không ra tiếng: Trúc nhự 12g, lá tre 12g, tang bạch bì 12g, thổ bối mẫu 8g, thanh bì 8g, cát cánh 8g, nam tinh chế 6g, gừng 4g. Sắc uống. 10 ngày là một liệu trình (thaythuoccuaban.com).	x		
13	Chữa viêm thanh quản: Trúc nhự 12g, gừng 4g lá tre 12g, thổ bối mẫu 8g, tang bạch bì 12g, thanh bì 8g, nam tinh chế 6g, cát cánh 8g. Bỏ tất cả những vị thuốc trên vào nồi đổ nước vừa đủ sắc một lúc rồi chắt lấy nước uống đến khi khỏi bệnh (thaythuoccuaban.com).	x		

Lưu ý khi sử dụng: *Không do đờm gây nôn mà nôn do Vị bị hàn hoặc nôn do cảm hàn kèm thương thực: không nên dùng.*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

499. Trúc đào *Nerium oleander* L., 1753

Giáp trúc đào, Đào lê, Trước đào.

Công dụng: Thường được dùng trong chữa suy tâm thu, viêm cơ tim não suy (loạn tim nhanh). Dùng ngoài trị bệnh ngoài da, lở ngứa, mụn loét,…

Tính vị: Theo đông y, Trúc đào có vị đắng, chát, tính bình và có độc mạnh.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá

Thành phần hóa học: Trong lá trúc đào, người ta nghiên cứu thấy có 4 glucozit chủ yếu là oleandrin, neriin, neriantin, adynerin.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	cây trúc đào được tìm thấy huyện Ngọc Hiển (Đất Mũi)
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Quanh năm,
Thu hoạch	Thu hái vào tháng 10 – 11 hoặc vào tháng 4. Hái những lá dài trên 10 cm
Chế biến	Lá hái về làm khô ngay ở nhiệt độ không quá 50oC. Trúc đào là loại cây có độc nên không thể dùng trực tiếp, thường được được dùng dưới dạng chiết xuất neriolin. Trúc đào được điều chế theo quy trình sau: Giai đoạn chiết xuất. Lá trúc đào mới hái về, phơi khô trong mát cho tới khi tỷ lệ nước chỉ còn 12-14%, thái thành từng miếng nhỏ, kích thước 2-5mm, không nên tán thành bột nhỏ, cũng không nên để nguyên cả lá to vì như vậy tạp chất sẽ nhiều, khó tinh chế mà hoạt chất ra không hết. Ngâm 5kg lá thái nhỏ như trên với 50 lít rượu 250 trong 20 giờ, sau đó lấy cả được chừng 25-27 lít, sau đó ép thì sẽ được thêm chừng 18-20 lít nữa. Giai đoạn loại tạp chất. Đổ 45 lít rượu trên vào vại sành sức chứa chừng 75 lít, đổ dần vào đó nửa lít dung dịch chì axetat 30%. Sau đó phải thử xem đã hết tạp chất chưa, nghĩa là đem lọc một ít nước trên và thêm một ít chì axetat nữa, nếu còn thấy đục thì phải cho thêm chì axetat nữa. Làm như vậy cho đến khi dung dịch lọc, thêm chì axetat không còn kết tủa nữa. Để yên một đêm. gạn lấy nước trong, lọc qua phễu Buchner, sau cùng rửa chất cặn trên phễu bằng 2 lít rượu 25°. Dồn các nước trong lại và đổ dần vào đó 2 lít dung dịch natri sunfat 15%, mỗi lần chừng nửa lít và quấy cho đều, lọc qua giấy, thử xem phần lọc thêm dung dịch natri sunfat vào xem còn đục không. Nếu còn đục thì phải thêm cho đến khi hết chì axêtat. Giai đoạn tinh chế. Cho các dung dịch đã loại tạp chất vào một bình thuỷ tinh đặt trên nồi cách thuỷ và đun để thu hồi cồn. Nhiệt độ trong bình phải luôn luôn ở 50-55°. Nếu cao quá glucozit sẽ hỏng. Muốn vậy phải cất trong chân không 700- 720mm thuỷ ngân. Đem cô còn chừng 8 lít, để nguội, vớt những cục glucozit thô ra. Hiệu suất chừng 48-50g glucozit thô. Cho chỗ glucozit thô này vào một bình nửa lít và một số cồn 700 (chừng 200m1), đặt bình này trong nồi cách thuỷ và lắc cho đến khí tan hết. Lọc và cho vào tủ lạnh trong 2 ngày.

	Neriolin sẽ kết tinh, nhưng chưa được tinh khiết lắm. Cần phải kết tinh hai lần nữa. Muốn vậy hoà neriolin nói trên trong cồn 500 (chừng 200ml) lọc và để vào tủ lạnh. Làm lại một lần thứ hai nữa, neriolin sẽ rất tinh khiết.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Gentianales (Long đởm, Hoa vặn)

→ **Họ:** Apocynaceae (Trúc đào)

→ **Chi**: Nerium

→ **Loài**: *N. oleander*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 4-5m
Thân cây	Thân non dẹp, sau đó trở nên tròn, màu xanh, có nhiều lông nhỏ; thân già màu nâu mang thẹo cuống lá. Cành mềm dẻo
Lá cây	Lá tập trung ở ngọn, đơn, nguyên, mọc vòng 3 hay mọc đối (lá cuối của mỗi cành), lá thon hẹp, có mũi nhọn, dài 7-10 cm, rộng 1-4 cm, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới nhạt. Mép lá cong xuống ở mặt dưới. Cuống lá dài 7-9 mm, hình lòng máng, có nhiều tuyến màu nâu thường tập trung ở mặt trên, đáy cuống lá. Gân lá hình lông chim, gân chính nổi rõ ở mặt dưới; gân phụ nhiều, đều, song song hai bên gân chính, không nổi rõ ở mặt dưới.
Hoa	Cụm hoa: Xim phân nhánh ở ngọn cành.. Hoa đều, lưỡng tính. Cuống hoa dài 7-10 mm, màu nâu nhạt. Lá bắc dài 5-6 mm, nhọn, rụng sớm. Lá bắc con dài 4-5 mm, dài nhọn. Lá đài 5, rời, hình tam giác, dài 5-6 mm, màu nâu tím, có lông ở mặt ngoài, mặt trong có nhiều tuyến nhỏ màu vàng. Cánh hoa 13-20, mang phụ bộ hình sợi ở bên trong, 5 cánh trong cùng dính nhau thành hình ống hơi loe ở đỉnh, màu trắng có sọc hồng, dài 7-10 mm; trên chia thành 5 phiến dài 2,5-2,7 cm, màu hồng có sọc trắng, các cánh còn lại có thể dính hoặc rời; phía ngoài các cánh hoa có 5-6 phiến nhỏ không mang phụ bộ, cùng màu cách hoa. Tiền khai vặn 5 nhị rời, đính trên ống tràng. Chỉ nhị dẹp, màu trắng, có nhiều lông ở mặt trong, dài 2-4 mm. Bao phấn hình mũi tên, 2 ô, hướng trong, khai dọc, có lông ở mặt lưng, chung đới kéo dài thành dạng sợi dài 5-6 mm, có nhiều lông. Hạt phấn rời, hình cầu, có 1 lỗ. 2 lá noãn rời thành bầu trên 2 ô, mỗi ô nhiều noãn, đính noãn mép. Bầu có nhiều lông ở 1/2 đỉnh bầu. 1 vòi nhụy hình sợi, màu trắng, dài 6-9 mm, hơi phình ở đỉnh, dính vào bao phấn. Đầu nhụy dạng khối có chóp hình nón, dài khoảng 1 mm, màu vàng.. .
Quả/trái	Quả gồm 2 đại dài 13-20 cm, mặt ngoài có nhiều sọc chứa nhiều hạt
Hạt	Hạt có lông dài, màu hung.
Mùi hương	Hoa có hương thơm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chế thuốc trừ sâu và nấu nước rửa trị ghẻ lở: Lấy 20-30g lá Trúc đào tươi nấu nước đặc, rửa ngày một lần (tracuuduoclieu.vn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Trúc đào là một vị thuốc rất độc, phải cẩn thận khi sử dụng và phải nghe theo sự chỉ dẫn của bác sĩ

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

500. Trúc đào hoa vàng (Thông thiên) *Cascabela thevetia* (L.) Lippold, 1980

trúc đào hoa vàng, hoàng hoa giáp trúc đào, cây đầu tây

Công dụng: Thuốc trợ tim, chữa suy tim, điều trị rong kinh, sốt rét, vàng da, trĩ, táo bón, rối loạn sắc tố da..

Tính vị: Lá: Có tính ôn, vị cay và có độc

Hạt: Tính ôn, vị cay, đắng, rất độc Vỏ đắng; có công dụng xổ nhẹ, hạ nhiệt.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá và hạt

Thành phần hóa học: Mỗi bộ phận của huỳnh liên có chứa các thành phần hóa học khác nhau. Cụ thể:

Hạt: Chứa 50% dầu, bao gồm acid oleic và acetyl glycerol. Ngoài ra, hạt còn chứa một iridoid glycosid như thevesid và flavonoid như 5-methylether apigenin

Lá: Chứa lượng nhỏ glycoside tim

Hoa: Có các thành phần như kaempferol, α- và β-amyrin, quercetin và β-sitosterol

Vỏ thân: Chứa một iridoid glycoside như theviridosid và các thành phần khác như epiperuviol acetate, hepritin 7-glucosid và aubucosid. Không chứa glycoside tim

Nguồn gốc: Châu Mỹ

Phân bố ở Cà Mau: Cây chỉ xuất hiện ở huyện U Minh (xã Khánh Hòa) và huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân)

Sinh cảnh	Cây được trồng làm kiểng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Hoa thường nở mùa hè đến mùa thu. (4-6), Mùa quả từ tháng 10 đến tháng 3.
Thu hoạch	Thu hái: Lá có thể thu hoạch quanh năm, còn hạt chờ khi quả chín già
Chế biến	Hạt: thu hoạch khi quả chín già Lá: thu hái tươi, thu hái được quanh năm. Phơi hoặc sấy khô, dùng lá tươi hoặc khô. Nhân : thu hái quả già, đập lấy nhân
Bảo quản	Bảo quản: Nhiệt độ phòng, tránh xa nơi ẩm mốc

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Gentianales (Bộ Long Đởm)

Họ: Apocynaceae (Trúc đào)

Chi: Thevetia (Thevetia là chi thực vật có hoa trong họ Apocynaceae)

Loài: *T. peruviana*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ, toàn cây có nhựa mủ
Chiều cao cây	Cây cao 3-8m
Lá cây	Lá mọc so le, hình mũi mác thẳng đều, màu xanh lục. Lá dài khoảng 13-15 cm, cuống ngắn 2mm. Hai mặt nhẵn, trên bóng dưới nhạt.
Hoa	Hoa có màu vàng sáng, trắng, mọc dạng sim. Hoa dạng phễu, thành cụm ở gần ngọn.
Quả/trái	Quả hạch, hình cầu, đường kính từ 4-5m. Quả non màu xanh, cứng. Quả chín chuyển màu đen và mềm. Khoảng 1-2 hạt ở mỗi quả.
Hạt	Hạt thông thiên có màu trắng vàng nhạt. Hạt dài khoảng 12mm, dày 5mm, rộng khoảng 12 mm.

501. Trứng cá *Muntingia calabura* L., 1753

Mật sâm

Công dụng: Ở Campuchia, rễ cây dược dùng, phối hợp với các vị thuốc khác, làm thuốc điều kinh và trị các bệnh về gan. Ở tỉnh Khánh Hòa, người ta dùng lá sắc uống lợi kinh và chữa bệnh gan.

Tính vị: Ngọt mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Quả và lá

Thành phần dinh dưỡng: Trong quả trứng cá có nhiều dưỡng chất quan trọng như chất xơ, tinh bột, sắt, vitamin B, protein, canxi và lượng lớn oxit nitric

Thành phần hóa học	Lá cây trứng cá chứa nhiều hợp chất như loại dihydrochalcones, flavonoids gồm các flavane, flavanone và muntingone (môt chất chuyển hóa loại flavonol). Rễ chứa nhiều flavonoids loại 7,8-di-O-(thay thế)-flavanes, biflavanes và flavones
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ và miền tây Nam Mỹ Peru và Bolivia
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương) thì cây Trứng Cá đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây Trứng Cá đa số có thể mọc tự nhiên ở các vùng ven sông, vườn nhà và ven đường đi. Bên cạnh đó chúng ta cũng thấy cây được trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Quanh năm, Quanh năm
Thu hoạch	Có thể thu hái rễ và lá quanh năm.
Chế biến	Quả dùng tươi. Lá có thể dùng tươi hoặc phơi khô
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malvales (Cẩm quỳ)

→ **Họ:** Tiliaceae (Đay)

→ **Chi**: Muntingia

→ **Loài**: *M. calabura*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 7-12m
Thân cây	Các cành xếp chồng lên nhau phân nhánh ngang và rủ xuống
Lá cây	Lá hình trái xoan, có tai chỉ về một bên ở đáy, kéo dài thành mũi nhọn sắc ở chóp, có lông ở cả hai mặt, nhất là mặt dưới, mép có răng không đều, dài 7-12cm, rộng 2-4cm, có 4 gân gốc; lá kèm nhọn.
Hoa	Hoa màu trắng, ở nách lá, xếp từng nhóm 3 cái trên một cuống dài hơn cuống lá.. .
Quả/trái	Quả hình cầu, ăn được, có vị ngọt và mọng nước, chứa nhiều hạt nhỏ. Khi
Hạt	Hạt nhỏ, nằm ở trong lớp thịt ngọt.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh Gout: Ăn 9-12 quả Trứng cá một lần, 3 lần một ngày là cách điều trị cơn đau cho bệnh gout. Cách này đã được nhiều quốc gia sử dụng trong nhiều thế kỷ để giảm các cơn đau (tienphong.vn).	x		x
2	Giảm đau: Lấy lá Trứng cá làm thành trà, uống (tienphong.vn).	x		
3	Ngừa bệnh tim mạch: Lấy lá Trứng cá làm trà giúp bảo vệ tim khỏi các cơn đau do có chứa chất chống oxy hóa ngăn ngừa viêm động mạch dẫn đến nhồi máu cơ tim (tienphong.vn).	x		
4	Trị ho: Lấy 1 nhúm lá Trứng cá chưng với vịt con, ăn.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Cây trứng cá có chứa rất nhiều công dụng chữa bệnh, do đó người dùng cần lưu ý để tránh những tác dụng phụ:

Nếu ăn quả trứng cá quá nhiều sẽ gây nóng trong người và bị mụn nhọt. Vì vậy chỉ nên ăn ở liều lượng vừa phải

Vào mùa mưa quả trứng cá có thể có dòi nên khi thu hái cần lựa chọn quả thật kỹ

Đối với trẻ em đang ho không nên ăn trứng cá

Nếu muốn sử dụng cây trứng cá chữa bệnh nên hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

Trong việc chữa bệnh từ cây trứng cá không nên lạm dụng quá nhiều vì đây chỉ là những bài thuốc hỗ trợ điều trị nên không thể thay thế thuốc chữa bệnh.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

502. Từ bi — *Blumea balsamifera* (L.) DC., 1836

Đại bi, Từ bi xanh, Cúc tần, Đại ngải, Mai hoa não, Mai phiến, Ngải nạp hương, Long não hương, Mai hoa băng phiến, Phặc phà (Tày), Co nát (Thái).

Công dụng: Từ bi thường dùng trị thấp khớp tạng khớp, đòn ngã tổn thương, sản hậu đau lưng, đau bụng sau sinh, đau bụng kinh, cảm mạo, đau dạ dày do lạnh, ỉa chảy. Dùng ngoài chữa vết thương, chấn thương, đinh nhọt, viêm mủ da, ngứa da.

Tính vị: Từ bi có vị cay và đắng, mùi thơm nồng, tính ấm.

Quy kinh: kinh thận

Bộ phận dùng: Lá, cành non, rễ và mai hoa

Phân bố ở Cà Mau: Cây Từ Bi được tìm thấy hầu hết ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau

Thành phần dinh dưỡng	Ngoài ra cây từ bi còn có chứa nhiều chất triterpen như: acid hedragonic, acid hydroxyasiatic. Trong cây từ bi còn có chứa nhiều vitamin C, lipit, sắt, đây đều là những dưỡng chất mang lại nhiều công dụng đối cho chúng ta trong quá trình điều trị bệnh.
Thành phần hóa học	Toàn thân cây Từ bi có chứa tinh dầu cùng với những hoạt chất có tên: Vitamin C, Protit, lipit, xenluloza, caroten, anxi, Fe. Lá dược liệu chứa 0,2 – 1,8% tinh dầu. Trong đó thành phần chủ yếu là D-borneol, cineol, limonen, L-camphor, acidmyristic, aicd palmitic và sesquiterpen alcol. Borneol là thành phần chính của hoa dược liệu (mai hoa băng phiến, băng phiến đại bi). Đây là một chất có tinh thể óng ánh và có màu trắng như hoa mai.
Sinh cảnh	Cây Từ Bi được trồng làm thuốc tại vườn nhà, ven đường đi, ven bờ sông và được chuyên gia trồng nhiều trong vườn thuốc nam. Bên cạnh đó còn có thể thấy cây có khả năng mọc tự nhiên ở ven đường và ven bờ, ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 7 đến 8
Thu hoạch	Thu hái quanh năm, chủ yếu vào mùa hạ.
Chế biến	Toàn thân có thể dùng tươi, sấy hoặc phơi khô sắc thành nước thuốc hoặc cao. Có thể dùng lá non và búp rửa sạch, chưng cất. Sau đó cho thăng hoa thành Mai hoa băng phiến (hay còn gọi là Long não Đại bi).
Bảo quản	Để dược liệu tại những nơi thoáng mát, tránh ẩm ướt.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Asterales (Cúc)

Họ: Asteraceae (Cúc)

Chi: Blumea (Đại bi)

Loài: *B. Balsamifera*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo, trông như dạng bụi thấp.
Chiều cao cây	Cây cao khoảng từ 1-2m
Thân cây	Thân và cành mảnh, được bao phủ bởi lớp lông tơ mịn, nhẵn. Cây phân nhánh ở phía ngọn
Lá cây	Lá có màu lục xám, không có cuống, lá của cây từ bi thường được mọc so le nhau và hay được mọc ở phần ngọn
Hoa	Cụm hoa chung dạng chùy rộng ở ngọn và nách lá. Cụm hoa đầu có đường kính 6-9mm, cuống dài 3-10mm. Tổng bao có nhiều hàng lá bắc. Trong cụm hoa có 2 loại hoa đều có tràng màu vàng.. Hoa lưỡng tính, có ống tràng chia 5 thùy ở đỉnh. . Hoa cái có ống tràng chia 2-4 thùy.
Quả/trái	Quả bế, hình bầu dục, phủ lông tơ và có gờ dọc, mào lông màu vàng rơm.
Mùi hương	Cây thường tỏa ra một mùi hương thơm. Khi vò lá sẽ phát ra mùi thơm dễ chịu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm mạo, ho, sốt nóng: Dùng 6-12g lá Từ bi nấu nước uống. Có thể nấu nước xông, dùng riêng hay phối hợp với các loại lá khác có tinh dầu (Thúy An, 2016).	x		
2	Chữa viêm họng mãn tính, viêm amidan: Dùng 1 g hoa Từ bi rửa sạch với nước muối, 2,5 g phèn chua phi khô, 2 g hoàng bá đã đốt thành than, 3 g đăng tâm thảo đốt thành than. Tán nhỏ tất cả nguyên liệu, sau đó cho vào bình thủy tinh có nắp đậy và bảo quản tại nơi khô ráo. Mỗi lần dùng lấy 3 – 4 g bột dược liệu thổi vào cổ họng (antoanvesinh.com).	x		
3	Trị ho: Dùng 200g Từ bi, 50g lá chanh, 100g rễ Cà gai leo, 100g củ Sả , 100g rễ thủy xương bồ, 50g trần bì. Mang tất cả dược liệu rửa sạch với nước muối, phơi khô dưới bóng râm. Cắt nhỏ nguyên liệu và cho vào nồi cùng với 700ml nước. Đun sôi dược liệu trong 5 phút. Sau đó lọc rồi thêm 300ml xi rô để tạo thành 1 lít cao. Dùng 40ml/ngày, chia	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	làm 2 lần uống cho đến khi bệnh tình thuyên giảm (Nguyễn Đức Quang, 2021).			
4	Trị u nang, sỏi thận: Lấy lá Từ bi đâm, vắt nước uống với bia			x
5	Trị ban đen, gan: Lấy 1 nắm gốc cây Từ bi nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống.			x
6	Trị sỏi thận: Lấy lá Từ bi chưng với gà ác, ăn.			x
7	Trị sỏi thận, lợi tiểu: Chặt cây Từ bi (1 chén) sao vàng, nấu nước. Hoặc lấy 1 nắm lá Từ bi đâm sống với nước dừa, lược lấy nước uống. Hoặc lấy đột Từ bi (nam 7 đọt, nữ 9 đọt) đâm, đổ 1/3 lon bia vào, vắt lấy nước uống, uống ngày 2 lần.			x
8	Trị tiểu đường, trị ho, viêm họng: Lấy 1 nắm đọt non Từ bi, đâm, vắt nước, chế mật ong, uống. Hoặc lấy 1 nắm thân Từ bi, chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x
9	Trị thần kinh tọa: Đâm đọt Từ bi với chút muối, lấy nước uống, uống ngày 2 lần			x
10	Trị tim: Lấy Từ bi nấu chung với Dây tơ hồng, Xạ đen, Nhãn lồng cho sắc lại từ 3 chén còn 1 chén, uống ngày 2 lần			x
11	Trị sổ mũi: Đâm lá Từ bi, vắt lấy nước, thêm ít muối rồi uống			x
12	An thân: Lấy lá Vông nem, lá Cỏ mực, lá Từ bi đâm nhuyễn ra, pha nước uống, dùng nhiều lần			x
13	Trị phụ nữ huyết trắng, đau bao tử: Lấy 1 nắm lá Từ bi (tươi) đâm, vắt nước uống			x

Lưu ý khi sử dụng: *Cây từ bi có rất nhiều công dụng tốt trong việc điều trị bệnh, để có thể giúp những bài thuốc này có được công dụng tốt nhất thì cũng cần phải lưu ý tới một số vấn đề sau:*

Đối với những bài thuốc sắc trong chữa bệnh xương khớp thì cũng không nên sử dụng bài thuốc này thay cho việc uống nước hàng ngày.

Trong quá trình điều trị bằng cây từ bi thì cũng cần phải kết hợp với chế độ ăn uống hợp lý và có một chế độ tập luyện nghỉ ngơi phù hợp.

Ngoài ra để tăng tính hiệu quả của các bài thuốc thì cũng cần kết hợp với một số phương pháp điều trị bệnh khác của các bác sĩ chuyên khoa.

Nên thăm khám bệnh một cách định kỳ để có thể phát hiện ra bệnh và có được phương pháp điều trị bệnh hiệu quả nhất.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

503. Tu hú — *Gmelina asiatica* L., 1753

Tu hú đông, Tu hú đồng, Tu hú gai, Tu hú biển, Găng tu hú, Găng tía, Lõi thọ leo, Lõi thọ lẻo

Công dụng: Thường dùng làm thuốc gây nôn, chữa lậu, thông tiểu, đau tai.
Ở Ấn Độ, rễ được dùng trị tê thấp, lậu và chứng chảy của bọng đái.
Ở Campuchia rễ cùng dùng trị đái dầm, thường phối hợp với Sao và Chùm bao lớn.
Người ta cũng dùng nước ngâm lá và cành nhánh làm thuốc điều trị bệnh lậu để làm giảm cóc cơn đau khi tiểu tiện.

Tính vị: Cây tu hú vị cay, tính ấm, mùi thơm.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, lá, cành nhánh - Radix, Folium et Ramulus Gmelinae Asiaticae.

Thành phần hóa học	Cây chứa một glucosid nhưng không phải là saponin. Hạt chứa dầu béo. Phần không xà phòng chứa sitosterol và chất vàng da cam nhạt.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Malaysia, Thái Lan và Lào.
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây được tìm thấy tại huyện U Minh (thị trấn U Minh), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được trồng ven mương rãnh và được chuyên gia trồng nhiều trong vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 7, Tháng 8 đến 12
Thu hoạch	Các bộ phận như rễ, lá hay vỏ thân được thu hái quanh năm. Riêng quả Tu thú thì thường được thu hoạch vào mùa đông.
Chế biến	Dược liệu được dùng tươi hoặc phơi/sấy khô tích trữ dùng dần.
Bảo quản	Dược liệu Tu hú khô cần được bảo quản nơi khô, mát. Tốt nhất là cất trong hộp kín hoặc đóng bịch ni lông. Tránh để nơi ẩm ướt gây mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**: Gmelina
        - **Loài**: *G. asiatica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây phát triển tối đa có thể cao đến 8m.
Rễ cây	Rễ, lá, cành nhánh
Thân cây	Cây phân cành nhiều. Cành màu nâu vàng nhạt, cành non ở kẽ lá thường biến thành gai thẳng
Lá cây	Lá xoan, xoan ngược hay bầu dục thành góc ở gốc, nhọn ở đầu, nguyên hay có 4-5 thuỳ, dạng màng nhẵn ở trên, có tuyến và dính ở dưới, dài 2-7cm, rộng 1,5-6cm, cuống lá mảnh, dài 2-2,5cm.
Hoa	Hoa xếp thành chùm những xim nhỏ ở ngọn, có lông mềm màu hung. Cụm hoa mọc ở đầu cành thành chùm dài 3-10cm, cuống có lông hung, lá bắc sớm rụng, hoa màu vàng, dài nhỏ có 4 răng, phủ lông rậm và có tuyến dẹt, tràng hình phễu, ống tràng hẹp, 4 cánh hợp thành hai môi; nhị 4, thọt hoặc hơi thò ra phía ngoài, đính ở giữa ống tràng, bầu nhẵn. Quả hạch, hình trứng nhẵn, khi chín màu vàng.. Hoa có màu trắng hoặc sắc vàng lục, hình cái chuông, phía trên xòe ra 6 cánh màu trắng . Cuống hoa rất ngắn, hầu như không nhìn thấy được
Quả/trái	Quả mọng, hình trứng hoặc hình cầu, to cỡ quả chanh. Đầu quả có các lá đài đồng trưởng. Quả non có màu trắng, khi già chuyển sang màu xanh đậm và chín thì có màu vàng. Bên trong chứa nhiều hạt xen lẫn với nạc quả.
Hạt	Hạt có màu đen.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau bụng: Chuẩn bị: 15g vỏ quả Tu hú, 400ml nước. Rửa sạch dược liệu, cho vào ấm sắc cùng lượng nước đã chuẩn bị. Đun nhỏ lửa khoảng 20 phút cho thuốc cô đặc lại. Gạn thuốc uống khi còn ấm mỗi ngày 1 thang. Dùng liền 3 – 5 ngày để thấy được hiệu quả (thuocdantoc.org).	x		
2	Chữa rắn rết và côn trùng có hại cắn, chích: Hái lá tu hú tươi, rửa sạch, giã nát rồi vắt lấy nước, sau đó đổ thêm một ít nước vào rồi gạn uống (phần bã thì lấy đắp lên vết thương) (thuocdantoc.org).	x		
3	Chữa phụ nữ sau khi sinh con thấy mỏi mệt, yếu sức: Lấy lá tu hú phơi khÔ rồi sắc lấy nước uống. Mỗi ngày, sắc khoảng 20 – 30 g lá khô trong 400 ml nước, sắc đến khi còn 100 ml nước thì chia thành hai lần uống trong ngày (thuocdantoc.org).	x		
4	Lấy dằm, gai đâm ra khỏi da: Hái mầm và cành non của Tu hú rửa kỹ với nước muối để khử khuẩn. Giã nát rồi đắp thuốc vào khu vực bị gai đâm sâu vào da. Băng cố định lại sau vài tiếng gai sẽ từ trồi lên (thuocdantoc.org).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Giảm đau nhức xương khớp cho người bị bệnh thấp khớp: Quả Tu hú tách bỏ hạt lấy vỏ, phơi khô, tán bột. Mỗi ngày 2 lần lấy bột thuốc pha với nước rồi đắp vào vị trí bị đau do bệnh thấp khớp. Lưu lại thuốc ít nhất 3 tiếng mới rửa sạch lại (thuocdantoc.org).	x		
6	Bồi bổ sức khỏe, kích thích tiêu hóa, an thần, chữa mất ngủ, giảm mệt mỏi: Sử dụng 5- 10 quả Tu hú. Chỉ lựa những quả đã chín vàng, bổ đôi để lấy hết hạt bỏ đi. Phơi khô dược liệu, giã nhỏ, cho vào chảo nóng sao chung với 10g đỗ đen. Tiếp theo, cho cả hai nguyên liệu thuốc vào bình thủy tinh ngâm với 200ml rượu. Có thể điều chỉnh tỷ lệ giữa các thành phần để ngâm rượu thuốc với số lượng lớn hơn. Mỗi ngày uống 3 lần trước bữa ăn sáng, trưa và tối. Trường hợp bị bệnh mất ngủ thì liều cuối cùng nên để uống trước khi đi ngủ. Mỗi lần uống 1 muỗng canh (khoảng 5ml) (thuocdantoc.org).	x		
7	Chữa tắc kinh nguyệt, điều kinh: Dùng 15g vỏ rễ và thân cây Tu hú rửa sạch, cắt nhỏ. Cho dược liệu vào ấm chế nước sôi vào hãm uống thay trà. Khi hãm thuốc nên để ít nhất 20 phút mới rót uống. Dùng thuốc 1 – 2 lần trong ngày sẽ giúp chu kì kinh nguyệt được đều đặn và ổn định hơn (thuocdantoc.org).	x		
8	Trị bệnh đường ruột, táo bón: Lấy lá Tu hú vò, vắt lấy nước uống, uống hàng ngày			x
9	Trị nóng trong người: Lấy 1 nắm nhỏ Tu hú ngâm với 0,5 lít nước, uống. Ngâm khoảng 1 tiếng là uống được.			x
10	Mát gan, huyết trắng: Lấy láTu hú ngâm nước 30 phút, thêm đường uống			x
11	Trị nhức mỏi: Lấy rễ dừa lửa, thân cây Ngũ trảo, thân cây Tu hú, phơi khô, sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống, Uống 1 lần/ngày, uống trong vòng 7 ngày			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Thuốc sắc từ cây Tu hú chỉ nên uống hết trong ngày, mỗi lần sử dụng cần hâm nóng lại. Tránh để qua ngày sẽ bị ôi thiu và mất tác dụng.
Trường hợp dùng thuốc đắp dạng tươi nên rửa sạch dược liệu và ngâm trong nước muối trước khi sử dụng để đảm bảo tổn thương không bị nhiễm trùng nặng hơn.
Không sử dụng dược liệu liên tục trong thời gian dài mà chưa được sự đồng ý của thầy thuốc, bác sĩ
Với bài thuốc rượu ngâm, không dùng cho phụ nữ mang thai, trẻ em và uống với liều lượng vừa đủ. Tránh lạm dụng quá mức gây phản tác dụng.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

504. Tùng bách tán — *Araucaria columnaris* (G.Forst.) Hook., 1852

Vương tùng, Bách tán, Bách tán nam

Công dụng: Nhựa thường dùng chữa sưng tấy, se ruột và trị mụn nhọt.

Tính vị: Nhựa có vị đắng

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Lá, rễ, nhựa cây

Thành phần hóa học: Cây có tinh dầu, nhựa

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ New Caledonia

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân) thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau

Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng làm thuốc tại vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 6, Tháng 9 đến tháng 1 năm sau
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay thái nhỏ phơi khô.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Pinophyta (Thông)
- **Lớp**: Pinopsida (Thông)
  - **Bộ**: Pinales (Thông)
    - **Họ:** Araucariaceae (Bách tán)
      - **Chi**: Araucaria
        - **Loài**: *A. columnaris*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có thể cao 25m hoặc hơn
Đường kính cây	Cây có đường kính đạt 40 cm
Thân cây	Thây có hình dáng cao như ngọn tháp với tùng tầng có các cành mọc tròn quanh thân cây xếp cạnh nhau như hình xoắc ốc, càng lên cao thì đô dài

	của các cành càng thu ngắn lại. Thân có dạng cột, mang nhiều vòng 6 nhánh mọc ngang.
Lá cây	Lá cây có hình vảy cá, cũng được xếp xen kẽ xoắn ốc nhưng đặc biệt là lá có mùi hương hơi khó chịu đối với những ai không quen. Lá có khi hình tam giác hay ngọn giáo có khi hình trứng, áp sát nhiều hay ít lên các nhánh, dài cỡ 1cm.
Hoa	Hoa hình nón, màu trắng ngà. Sau này, khi hoa già mỗi vảy lại phát triển thành một hạt lớn và sau cùng là cho ra quả hình cầu.. .
Quả/trái	Quả hình cầu.
Hạt	Hạt lớn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa cảm cúm, nhức đầu, đau bụng, tê thấp: Liều dùng 8-16g, dạng thuốc sắc hoặc dùng tinh dầu để xoa bóp (vioba.vn).	x		
2	Dùng ngoài, lấy lá giã đắp chữa sai khớp, gãy xương (vioba.vn).	x		
3	Chữa chai chân, sưng tấy, mụn nhọt: Nhựa Tùng bách tán 1 phần, Nhựa cây Đại 2 phần, hai thứ trộn lẫn, nghiền thật mịn bôi lên chỗ đau, mỗi ngày thay một lần, dùng 3-5 ngày (vioba.vn).	x		
4	Chữa chữa nẻ vú: Nhựa Tùng bách tán một phần, An tức hương hai phần, hai vị trộn lẫn, tán thành bột thật mịn, thêm một ít nước, nghiền thành nhũ dịch, bôi vào nơi vú nẻ (vioba.vn).	x		
5	Chữa mụn nhọt: Củ Ráy tươi 100g, Nghệ tươi 50g. Củ ráy gọt sạch vỏ, giã nát nhừ cùng với Nghệ, sau cho Dầu vừng vào nấu nhừ, thêm Nhựa Tùng bách tán và Sáp ong vào, khuấy cho tan, để nguội, phết lên giấy dán vào nơi mụn nhọt, nếu mới mọc thường tan, đã mọc rồi có tác dụng hút mủ (vioba.vn).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Cồn chiết xuất nhựa từ Tùng bách tán được dùng trị bệnh dị ứng ngoài da.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

505. Tùng Nam mỹ — *Artemisia scoparia* Waldst. & Kitam., 1801

Ngải chổi, Ngải cứu chổi, Ngải lông lợn, Hoàng hao, Bắc nhân trần, Ngải lá kim

Công dụng: Ở Vân Nam (Trung Quốc), toàn cây dùng làm thuốc thanh nhiệt, khư thấp, thoái hoàng, sát trùng. Cây còn được dùng để chữa vàng da, viêm gan và viêm túi mật, hoặc kết hợp với một số vị thuốc khác để làm thuốc thông mật. Ở Việt Nam cây này chưa được dùng làm thuốc.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Hoa và hạt chứa 0,75% tinh dầu. Trong tinh dầu có alpha và beta-pinen, myrcen, cineol, pcymol, carvon, thujon, vanillin, capillin và 1-phenyl-2,4-hexadiyn-1-ol.

Nguồn gốc	Nam Mĩ
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ thành phố Cà Mau và huyện Ngọc Hiển thì cây đều được tìm thấy tại các huyện khác của tỉnh CÀ Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường đi và ven bờ sông
Mùa hoa quả	Tháng 8 đến 10, Tháng 8 đến 10

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Eudicots (Thực vật có hoa)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Artemisia (Ngải)
        - **Loài**: *A. scoparia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 40-80cm
Đường kính cây	Đường kính thân 3-5mm
Rễ cây	Rễ chùm, thân chia nhiều nhánh.
Thân cây	Thân nhỏ, thẳng đứng. Nhánh không lông.
Lá cây	Lá xẻ thành đoạn hẹp dài đến 3cm, rộng 0,3 - 0,5mm, không lông.
Hoa	Hoa đầu cao 2mm; lá bắc không lông, mép trong trong; hoa toàn hình ống, hoa ngoài cái, hoa phía giữa lưỡng tính
Quả/trái	Quả bế nâu hình bầu dục, dài 0,5 - 0,7mm, không lông.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị ho, viêm họng: Lấy 2 nhánh Tùng Nam Mỹ đâm lấy nước uống, uống 3 lần là hết.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Ở Việt Nam cây này chưa được dùng làm thuốc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

506. Tường vy cánh mỏng — *Lagerstroemia indica* L., 1759

Bằng lăng sẻ, Tử vi, Bá tử kinh, Bách nhật hồng

Công dụng: Vỏ thân dùng trị đau họng, bế kinh, lở ngứa ngoài da. Ở Ấn Độ người ta dùng làm thuốc kích thích và hạ sốt.

Hoa dùng trị sản hậu lưu huyết không xuống, máu kết thành hòn cục, đới hạ chảy nhỏ giọt.

Rễ dùng trị mụn nhọt sưng đau, đầu mặt ghẻ lở, tay chân bị lở. Còn được dùng chữa viêm tuyến vú, viêm gan, xơ gan, bụng trướng nước và các loại xuất huyết.

Tính vị: Vị đắng, tính hàn

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, hoa, vỏ thân

Nguồn gốc	Loài có xuất xứ từ Trung Quốc, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên và Tiểu lục địa Ấn Độ.
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Năm Căn (Thị trấn Năm Căn, xã hàng vịnh), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)
Sinh cảnh	Cây có thể mọc tự nhiên hoặc gây trồng trong vườn nhà và ven đường để làm thuốc chữa bệnh
Mùa hoa quả	Tháng 6 đến 9, Tháng 9 đến 3
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Phơi khô, sắc nước
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Myrtales (Đào kim nương, Sim, Hương đào)

→ **Họ:** Lythraceae (Sang lẻ)

→ **Chi**: Lagerstroemia (Bằng lăng)

→ **Loài**: *L. indica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Thân gỗ nhỏ
Chiều cao cây	Cây cao 3-6m
Vỏ cây	Vỏ xám đen, nứt mịn
Lá cây	Lá có phiến xoan, không lông, dài 3-7cm, rộng 2,5-4cm
Hoa	Chuỳ hoa ở ngọn nhánh. Nụ hoa tròn, không lông, hoa màu hồng nhạt to 1,5-2cm, nhăn nheo, có cuống 3-7mm; nhị nhiều; bầu không lụng.. .
Quả/trái	Quả nang hình cầu, cao 1,2cm, nằm trong đài tồn tại
Hạt	Hạt dài 1cm, có cánh.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa bệnh tiểu đường: Hãm 50g lá già hoặc 50g quả khô Tường vy cánh mỏng với 0,5 lít nước sôi uống thay nước hàng ngày hoặc uống mỗi ngày 4 – 6 cốc thì có tác dụng phòng và chữa bệnh tiểu đường cực hiệu quả (thaythuoccuaban.com).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

507. Tuyết sơn

Leucophyllum frutescens (Berland.) I.M. Johnst., 1924

Ngọc phù dung, Xô thơm Texas, Xô thơm tím, Lá bạc Texas, Tử đinh hương dại, Tuyết sơn phi hồ, Tuyết sơn phi hồng

Công dụng: Dùng chữa cảm, điều trị viêm phế quản, các bệnh lý về phổi, lao, tiêu chảy, cảm sốt, bệnh gan và bệnh vàng da.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Tây Nam nước Mỹ đến Mexico.

Phân bố ở Cà Mau: Cây phân bố tại huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Hưng), huyện Năm Căn (thị trấn Năm Căn), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương)

Sinh cảnh	Cây được trồng nhiều ở vườn nhà và ven đường đi, cây được trồng chủ yếu để làm thuốc
Mùa hoa quả	Cho hoa quanh năm.Với mỗi đợt ra hoa, cây thường cho hoa vào khoảng 4 đến 5 ngày, cứ khoảng 2 đến 3 tháng sau cây lại cho ra một đợt hoa tiếp theo,

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Scrophulariaceae (Hoa mõm chó)
      - **Chi**: Leucophyllum
        - **Loài**: *L. frutescens*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây bụi thường xanh
Chiều cao cây	Chiều cao khoảng 1m – 1.5m. Nếu cây được chăm sóc ở điều kiện môi trường tốt thì loại cây này có thể cao từ 1.5m đến 2m.
Đường kính cây	Rộng bằng ¾ hay bằng chiều cao của cây.
Lá cây	Lá của cây khi còn nhỏ có màu trắng đế khi lá già trưởng thành sẽ chuyển thành màu xanh xám, mềm và có lông mịn, dài khoảng 2.5–3.0 cm, viền lá nhẵn. Tán lá dày Lá đơn, lá hình oval hay hình elip, hơi gợn sóng, có lông tơ, màu xanh bạc. Phần đầu lá tròn và thon dần về phía cuống.
Hoa	Cây cho hoa màu hồng tím, hoa đơn độc, mọc ở nách lá. Hoa hình ống, xẻ 5 thùy, dài từ 1,3-2,5 cm. Hoa có màu tím lavender đến tím, đôi khi hoa có màu hồng mọc ở nách lá đơn độc. Một đặc tính tiêu biểu của loại hoa này là họng hoa lốm đốm. Hoa nở rộ thành từng đợi trên toàn bộ cây trong vòng 4 đến 5 ngày, trung bình 2 – 3 tháng có một đợt hoa.
Quả/trái	Quả chứa nhiều hạt.
Hạt	Hạt nhỏ nhăn nheo

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Là thức uống an thần tốt trước khi đi ngủ hoặc điều trị cảm lạnh và cúm: Dùng hoa khô của cây tuyết sơn cùng với lá pha vào trà thảo dược để tạo ra thuốc (thuocdantoc.org).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

508. Vải *Litchi chinensis* Sonn., 1782

Lệ chi, Ly chi

Công dụng: Bổ (áo hạt). Đau răng, mụn nhọt, viêm tinh hoàn, đau dạ dày, đau ruột non (Hạt). ỉa chảy, đau bụng đi ngoài (Vỏ).

Tính vị: Quả có vị ngọt, chua, tính ấm.

Hạt có vị ngọt, hơi đắng, tính ấm. Cùi có vị ngọt chua, tính mát

Quy kinh: can, tâm, thận, và tỳ

Bộ phận dùng: Quả (Lệ chi căn), lá (Lệ chi diệp), hạt (Lệ chi hạch), áo hạt của hạt vải hay cùi vải (Lệ chi nhục).

Thành phần hóa học	Trong hạt có a-(methylenecyclopropyl)-glycine, saponosid, tanin. Áo hạt chứa đường và các aminoacid.
Nguồn gốc	Loài của Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Cây chỉ xuất hiện ở huyện Cái Nước (xã Thạnh Phú)
Sinh cảnh	Cây được trồng trong vườn nhà dân để làm thuốc
Mùa hoa quả	Hoa tháng 2-3, Quả chín từ tháng 5-7.
Thu hoạch	Thu hái quả vào màu hạ.
Chế biến	Hạt rửa sạch, thái mỏng, tẩm nước muối sao (1kg hạt Vải dùng 30g muối) hoặc đốt tồn tính hoặc đồ chín, thái mỏng, phơi hoặc sấy thật khô, cầm không dính tay. Ăn quả khi còn tươi hoặc sấy khô để dùng dần
Bảo quản	Cho dược liệu khô vào thùng đậy thật kín. Thường sấy cho khô để tránh ẩm, mốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)

→ **Họ:** Sapindaceae (Bồ hòn)

→ **Chi**: Litchi (Vải)

→ **Loài**: *L. chinensis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ
Chiều cao cây	Đạt đến độ cao 15 -20 m
Thân cây	Thân hơi tròn, thường phân nhánh, tán lá rậm, bao phủ tốt đều. Cành tròn, màu gụ
Lá cây	Tán lá rộng. Lá kép lông chim, 2-4 đôi lá chét cứng dai, đầu nhọn, gốc hơi tù, mặt trên sáng, mặt dưới thẫm.
Hoa	Hoa xếp thành hình chùy ở ngọn cành, có lông nâu, cuống hoa có đốt. Đài hình đấu phân thùy nhẵn, có lông cả hai mặt. Không có tràng. Đĩa vòng, phân thùy, nhẵn. Nhị 7-10, Bầu 2 ô, có lông.
Quả/trái	Quả hình trứng, vỏ sù sì, áo hạt dày bao gần hoàn toàn hạt
Hạt	Hạt màu nâu.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau dạ dày, đau ruột non, đau tinh hoàn: Ngày dùng 6-20g hạt Vải dạng thuốc sắc (Huyên Thảo, 2017).	x		
2	Chữa khát nước, mệt, có hạch ở cổ: Ngày dùng 5-10g cùi Vải dạng thuốc sắc (yduoctinhhoa.com).	x		
3	Chữa răng sưng đau có sâu: Quả vải xanh để cả vỏ đốt tồn tính, tán nhỏ, xát vào chân răng. Hoặc dùng nhân hạt sấy khô, tán bột, xát vào răng bị đau, nhiều lần trong ngày (theo Nam dược thần hiệu).	x		
4	Chữa đau bụng khi Hành kinh hay sau khi đẻ: Hạt Vải đốt tồn tính (không để cháy thành than) 20g. Củ gấu (Hương phụ) sao 40g tán nhỏ, uống mỗi lần 8g với nước muối nhạt hay nước cơm. Ngày uống 2-3 lần (yduoctinhhoa.com).	x		
5	Chữa đái sưng đau: Hạt vải, hạt Quýt, Thanh bì (bỏ ruột), hoa Hồi, lượng bằng nhau, sao, tán bột, uống mỗi lần 8g với rượu. Hoặc dùng hạt đốt tồn tính thành than, tán bột, uống với rượu (yduoctinhhoa.com).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Đây là báo cáo của một truyền thuyết, người Tàu, nghĩ rằng sự tiêu thụ quá mức trái Vải thiều Litchi chinensis, là nguyên nhân gây ra :
- bệnh sốt fièvre,
- và chảy máu mũi saignements de nez.
Nhưng chưa có gì để kết luận liên quan đến tác dụng phụ này....
● *Tính độc hại :*
▪ *Hạt của trái Vải thiều Litchi chinensis là độc hại và không nên tiêu thụ.*
▪ *Bởi đường uống, vỏ rễ khô, gắn liền với những triệu chứng :*
- buồn nôn nausées,
- và ói mữa vomissements.
Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

509. Vạn niên thanh — *Aglaonema simplex* (Blume) Blume, 1837

Minh ti đơn, Thiên niên kiện, Đông bất điêu thảo, Cửu tiết liên, Vạn niên thanh đơn.

Công dụng: Thường được dùng làm thuốc chữa rắn cắn, sưng đau họng, Trĩ mụn nhọt. Thân cây sắc uống làm thuốc nhuận tràng. Dân gian cũng dùng cả cây cắt ngang bỏ vào cốc nước đun sôi để nguội uống cho khỏe người, chữa liệt dương và trợ tim.

Tính vị: Ngọt đắng, tính hàn

Quy kinh: kinh phế

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học: Gốc thân chứa rhodexin A, B, C. Lá khô chứa rhodexin D, beta –sitosterol, APG. Lá tươi và gốc chứa rhodexin chưa phân ly. Hạt chứa rhodexin A, C. Cận kỳ còn chứa periplogenin phân ly

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Colombia, Brazil
Phân bố ở Cà Mau	Cây phân bố hầu hết trên các huyện của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được trồng làm thuốc, đa số người dân và chuyên gia trồng nhiều trong vườn nhà và cả vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 5-7, Tháng 8-10
Thu hoạch	Thu hái gốc rễ vào mùa thu. Thu hái toàn bộ cây vào các mùa trong năm.
Chế biến	Gốc rễ sau khi thu hái, rửa sạch bỏ rễ, thái lát, phơi khô hoặc dùng tươi. Toàn bộ cây dùng tươi.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, tránh ẩm ướt và ánh sáng trực tiếp

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)

→ **Bộ**: Alismatales (Trạch Tả)

→ **Họ:** Araceae (Ráy)

→ **Chi**: Aglaonema (Minh ty, Minh ti)

→ **Loài**: *A. simplex*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao trung bình 0,5 - 1m
Đường kính cây	Đường kính trên 1,0 – 1,5cm
Rễ cây	Rễ ngắn, to, chia thành nhiều đốt, mỗi đốt lại có nhiều rễ con
Thân cây	Gốc thân thô ngắn, đường kính thân 2cm, có màu vàng, trên các đốt mấu thân có mọc rễ.
Lá cây	Lá mọc cụm, không có cọng, phiến lá thon dài như cây kim phóng to, dài 15-30cm, rộng 2, 5-5, 5cm, đỉnh lá cùn nhọn, gốc lá rủ hẹp, hơi nhăn phía trong, 2 mặt không có lông
Hoa	Cụm hoa ở ngọn hay ở bên, mo dài 3 – 4cm, có nhiều chấm trắng. Hoa nhiều, mọc tụ tập tại biển đông tạo thành cụm bông ngắn, dài khoảng 3cm; nụ dạng màng chất; bao hoa màu trắng lục nhạt, phiến bao hoa 6, có hình noãn hoặc hình tam giác, đoạn đầu cùn, đoạn gốc rộng; bao hoa dạng ống chậu; nhụy đực 6, ống nhị hoa ngắn, bao phấn hình noãn; bầu nhụy ở trên, hình cầu, 3 thất, mỗi thất có 2 phôi noãn, đầu ống có 3 cánh, phiến cánh cuộn ngược. . .
Quả/trái	Quả mọng hình cầu, đường kính 1-1, 5 cm, có cùi, khi chín có màu cam. Mặt quả điểm những chấm nhỏ trắng. Quả dài 12-18mm, rộng 7-10mm.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị suy tim: Người trưởng thành bị suy tim có thể dùng 20 – 15 g Vạn niên thanh sắc cùng 150 ml nước đến khi cạn còn 50 ml la được. Cho thêm 120 ml nước vào phần bã thuốc, lại sắc đến khi còn 40 ml là được. Trộn thuốc hai lần sắc vào nhau chia thành 3 lần để uống trong ngày. Thời gian điều trị từ 7 – 10 ngày. Nếu các triệu chứng không được cải thiện, có thể sử dụng thêm 1 liệu trình tương tự (thuocdantoc.org).	x		
2	Trị tim đập thất thường: Dùng 20 g Vạn niên thanh sắc thành nước, chia uống thành 2 – 3 lần mỗi ngày. Thời gian điều trị liên tục trong 4 ngày (thuocdantoc.org).	x		
3	Trị cảm nắng đau bụng: Dùng 10 – 30 g cây Vạn niên thanh sắc nước uống trong ngày (thuocdantoc.org).	x		
4	Trị viêm tuyến mang tai: Sử dụng 20 – 30 g rễ cây Vạn niên thanh tươi, rửa sạch, để ráo, giã nhỏ. Sau đó đắp thuốc vào vùng da bị tổn thương. Mỗi ngày thực hiện 2 lần để thấy hiệu quả điều trị (thuocdantoc.org).	x		
5	Lợi tiểu, thanh nhiệt: Uống nước rễ và thân Vạn niên	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	thanh có thể hỗ trợ thanh nhiệt, lợi tiểu, cầm máu, chữa nóng trong người (thuocdantoc.org).			
6	Trị rắn cắn: Dùng rễ Vạn niên thanh tán thành bột mịn sau đó bôi vào vết rắn cắn. Hoặc sử dụng toàn bộ các phần cây vạn niên thanh đem sắc với nước uống. Nước uống này có tác dụng làm cản trở quá trình chất độc của rắn đi vào cơ thể. Do vậy, đối với người bị rắn cắn, phải thực hiện ngay cách này để cầm độc. Sau đó mới đưa bệnh nhân đến các cơ sở y tế gần nhất để điều trị (thuocdantoc.org).	x		
7	Trị bạch hầu, đau họng, viêm họng: Rễ Vạn niên thanh giã vắt nước hoặc mài uống (thuocdantoc.org).	x		
8	Trị thưng độc (không rõ nguyên nhân): Rễ Vạn niên thanh mài bôi chỗ bệnh (thuocdantoc.org).	x		
9	Trị cảm nắng, đau bụng: Rễ Vạn niên thanh 10 - 30 gam sắc uống(thuocdantoc.org).	x		
10	Trị thoát giang: Dùng toàn cây sắc nước rửa hàng ngày, lấy bột Ngũ bội tử bôi chỗ bệnh (thuocdantoc.org).	x		
11	Trị ngã tổn thương đau nhức, bong gân: Dùng rễ Vạn niên thanh sắc uống (thuocdantoc.org).	x		
12	Trị trĩ sưng đau: Dùng Vạn niên thanh sắc với xương đùi chó (bỏ hai đầu) xông và rửa chỗ bệnh mỗi ngày 2 - 3 lần hoặc chỉ dùng Vạn niên thanh toàn cây sắc nước xông rửa (thuocdantoc.org).	x		
13	Chữa rắn cắn, sưng đau cổ họng: Dùng toàn cây 20 đến 40g tươi, sắc với nước (300ml) uống trong ngày (thuocdantoc.org).	x		
14	Chữa lòi dom ở trẻ em: Dùng nước sắc cây Vạn niên thanh rửa. Rửa lúc còn nóng (thuocdantoc.org).	x		
15	Chữa mụn nhọt: Dùng cây Vạn niên thanh giã nát đắp lên, không kể liều lượng Hoặc vặt lá vạn niên thanh tươi sau đó đem giã nát rồi đắp lên chỗ bị mụn. Nên nhớ trước khi đắp, cần rửa sạch vùng da bị mụn để tránh việc nhiễm khuẩn (thuocdantoc.org).	x		
16	Trị đau nhức và bong gân: Sắc vạn niên thanh thành nước uống hàng ngày thay cho nước lọc. Sử dụng đều đặn việc uống nước này sẽ giúp giảm cơn đau nhức và bong gân hiệu quả (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
17	Trị cảm nắng và đau bụng tức thời: Lấy phần rễ vạn niên thanh rồi đem rửa sạch. Sau đó sắc với khoảng 1 lít nước và đun đến khi cạn đi một nửa nước. Chia đều thành 2 lần uống trong ngày sau bữa ăn khoảng nửa tiếng (Phạm Thị	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Linh, 2021).			
18	Trị ngưng độc: Nhổ lấy phần rễ của vạn niên thanh rồi đem rửa thật sạch. Sau đó cho vào cối và giã thật nát rồi đắp trực tiếp lên chỗ bệnh. Điều trị bằng bài thuốc này đến khi khỏi thì dừng lại (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
19	Trị đau họng, viêm họng, bạch hầu: Uống trực tiếp phần rễ của cây vạn niên thanh sau khi được rửa sạch và giã nát. Nên uống trước bữa ăn khoảng nửa tiếng và chia ra làm 2 lần trong ngày. Để đem lại hiệu quả cao nhất, nên uống đều đặn từ 3-5 ngày (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
20	Trị lỵ trực khuẩn ra máu: Lấy lá cây vạn niên thanh rửa sạch phơi khô sau đó đem ngâm với dấm 20%. Liệu trình uống dung dịch này trong khoảng 2 tuần. Những lần uống đầu bạn sẽ uống khoảng 5ml mỗi ngày khoảng 3-4 lần. Những ngày sau, uống thuyên giảm dần cho đến khi trị dứt bệnh thì thôi (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
21	Trị bệnh trĩ sưng đau: Sử dụng vạn niên thanh sắc với khoảng 2 xương đùi chó. Sau đó sử dụng nước sắc này để xông và rửa vào chỗ bệnh. Có thể áp dụng khoảng 2-3 lần sẽ làm thuyên giảm được bệnh trĩ sưng đau (Phạm Thị Linh, 2021).	x		
22	Điều trị thoát giang bằng vạn niên thanh: Sử dụng toàn bộ phần cây vạn niên thanh bao gồm cả rễ. Đem rửa thật sạch và sắc thành nước rửa hàng ngày. Có thể sử dụng kết hợp với bột Ngũ Bội tử dùng để bôi sau khi rửa. Kết hợp 2 cách làm này sẽ đem lại hiệu quả chữa trị thoát giang cao nhất (Phạm Thị Linh, 2021).	x		

Lưu ý khi sử dụng: *Thực chất trong loài cây vạn niên thanh cũng chứa nhiều độc tính mạnh. Do vậy, bạn không nên sử dụng vạn niên thanh với liều lượng quá lớn. Điều này sẽ ảnh hưởng đến các dây thần kinh của não bộ gây nên tình trạng ức chế tim.*

Trúng độc và điều trị: Vạn niên thanh độc tính khá cao, khi xâm phạm cơ thể, tác dụng kích thích mê tẩu thần kinh, hưng phấn trung khu hành não, ức chế tim. Nếu liều lớn gây lợm giọng, buồn nôn, đau bụng, tiêu chảy, tim đập chậm… Xử trí bằng phương pháp rửa dạ dày, cho tiêu chảy, tiêm Atropine hoặc uống Đẳng sâm, Mạch môn, Ngũ vị (Sinh mạch tán). Vạn niên thanh dược lực mạnh, độ độc cao, khi sử dụng phải thận trọng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

510. Vạn tuế — *Cycas revoluta* Thunb, 1783

Công dụng: Lá được dùng trong các trường hợp xuất huyết, viêm dạ dày, loét dạ dày tá tràng, huyết áp cao, đau dây thần kinh, mất kinh, ung thư.
Hoa dùng chữa đau thượng vị, di tinh, bạch đới, đau kinh.
Hạt dùng trị huyết áp cao.
Rễ dùng trị lao phổi, đau răng, đau thắt lưng, bạch đới, thấp khớp tạng thống phong, chấn thương bị thương.

Tính vị: Ngọt, nhạt, tính bình

Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Bộ phận dùng	Rễ, nón, lá và hạt của cây đều được sử dụng làm thuốc.
Thành phần hóa học	Thân cây chứa chất màu, bột cọ, azoxyglucosid, oleic, palmitic, stearic, behenic,… Lá chứahinokiflavone và sosetsu flavon. Hạt chứa 25% tinh dầu, choline, adenine, trigonellin, cycasin, inositol, hystidin,… Trong lá có sosetsuflavon C31H20O10 (H2O) độ chảy 263-264oC, hinokiflavon C30H20O10 2-3, dihydrohinokiflavon C30H20O10, amentoflavon C30H18O10 2-3, dihydroamentoflavon C30H20O10. Trong hạt có cycasin, neocycasin A, B, C, D, E, F, G (Nhật hoa tống lãm 1964, 38, 9813988), một lượng nhỏ macrozamin. Tất cả những chất trên đều có nhân cơ bản là hydroxyazoxymetan. Ngoài racons có cholin, trigonellin.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ miền nam Nhật Bản
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Thành phố Cà Mau ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây Vạn tuế tại các huyện khác của tỉnh
Sinh cảnh	Cây được trồng nhiều ở vườn nhà và vườn thuốc nam, cũng có thể tìm thấy ở ven đường đi và ven sông
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 6, Tháng 10
Thu hoạch	Thu hái các nón và hạt vào mùa hè - thu. Còn rễ và lá thu hái quanh năm.
Chế biến	Các nón và hạt sau khi thu hái, rửa sạch, phơi khô, dùng dần.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng má

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Cycadophyta (Tuế)
- **Lớp**: Cycadopsida (Tuế)
  - **Bộ**: Cycadales (Tuế)
    - **Họ:** Cycadaceae (Tuế)
      - **Chi**: Cycas (Tuế, Tô Thiết, Thiết đuôi phượng)
        - **Loài**: *C. revoluta*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ nhỏ, cây bụi
Chiều cao cây	Cây cao tới 2-3m
Thân cây	Thân mọc thẳng hình trụ, thân cây xù xì với những vết sẹo do vết tích của lá rụng để lại.
Lá cây	Lá mọc thành vòng dài tới 2m, hình lông chim,chét lá dài 15-18cm,rộng 6mm,mũi có gai,mép cuộn lại
Hoa	Hoa vạn tuế được mọc trên đỉnh, có lông màu hung vàng dày, mép chia thành nhiều dải hẹp giống như một ngọn hải đăng lớn trên ngọn cây vạn tuế. . Bông hoa đực thường hẹp và dài hơn hoa cái. Hoa cái thường lớn hơn, có lông màu trắng hơi vàng phủ lên có hình bán cầu.
Quả/trái	Quả của cây có hình cầu giống với quả cây cau cảnh, vỏ mềm bên trong có hạt cứng.
Hạt	Hạt hình trái xoan dẹt, non có lông nhẵn màu da cam

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người CM đã áp dụng	Kinh nghiệm người Cà Mau
1	Chữa chảy máu, ly, đau nhức, đau dạ dày, đau lưng, đau khớp xương, hoạt tinh: Lấy 12 – 40g lá vạn tuế đốt thành than để uống hằng ngày hoặc lấy lá tươi sắc với nước để uống. Có thể dùng 1 hay 2 hạt Vạn tuế sắc với nước để uống (caythuoc.org).	x		
2	Điều trị đau thượng vị, đau kinh, bạch đới và giúp cố tinh (điều trị di tinh): Nấu lấy nước uống từ 3 – 6 g hoa Vạn tuế mỗi ngày (caythuoc.org).	x		
3	Cố tinh (tức làm cho tinh khí lâu xuất), hạ huyết áp: Mỗi ngày chỉ dùng từ 10 – 15g hạt Vạn tuế, nấu lấy nước uống (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
4	Điều trị đau lưng, lao phổi, bạch đới: Sắc uống từ 10 – 15 g rễ cây Vạn tuế mỗi ngày.	x		
5	Cầm máu, giảm đau: Ngày dùng 12g đến 40g lá Vạn tuế, đốt thành than cho uống hay sắc với nước mà uống (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		
6	Chữa di tinh, hoạt tinh: Ngày dùng 1 đến 2 hạt Vạn tuế sắc nước uống (Nguyễn Thị Thiên Hương, 2021).	x		

Lưu ý khi sử dụng: *Hạt và ngọn thân có độc, khi dùng cần thận trọng. Trong thân cây vạn tuế có chứa các hợp chất alkaloids có thể gây ung thư và acid amin là nguyên nhân dẫn tới chứng rối loạn thần kinh mạn tính. Hạt vạn tuế cũng có chất cycasin độc tính khá cao. Không nên tiếp xúc thường xuyên hoặc đặt cây vạn tuế trong phòng kín vì dễ sinh bệnh, gây ngộ độc, thậm chí tử vong.*
Trong hạt vạn tuế có cycasin là chất độc mạnh gây ra các triệu chứng như nhức đầu, nôn mửa và các biểu hiện trúng độc khác. Ở chuột nhắt trắng, liều chết trung bình mà chất cycasin gây ra là 1, 67 g/ kg thể trọng và ở chuột lang là 1 g/ kg thể trọng. Khi bị trúng độc từ cây vạn tuế, ta cần loại bỏ chất độc ra khỏi cơ thể bằng cách gây nôn, rửa dạ dày rồi tiến hành cấp cứu, đưa đến trạm y tế hoặc bệnh viện gần nhất Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

511. Vàng bạc — *Cordia latifolia* Roxb.

Cây bạch tạng, Cây lá trắng

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tín vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Tây Ấn Độ

Phân bố ở Cà Mau: Ngoại trừ Thành phố Cà Mau ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây tại các huyện khác của tỉnh

Sinh cảnh: Cây được trồng làm thuốc ở vườn nhà và vườn thuốc nam, và có thể trồng ven sông và ven đường đi

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Boraginales (Vòi voi)
    - **Họ:** Boraginaceae (Vòi voi)
      - **Chi**: Cordia (Tâm mộc)
        - **Loài**: *C. latifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn
Thân cây	Thân gỗ nhỏ, phân cành và nhánh nhiều ngay từ gốc. Thân có màu vàng nhạt, vỏ mỏng, nhẵn.
Lá cây	Lá cây có màu trắng vàng sáng bóng. Cây có tán lá rộng, lá hình bầu dục thon nhọn ở phần đầu và gợn sóng ở các mép lá.
Hoa	Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành, phân chia nhiều nhánh thưa.. Cây có hoa màu vàng trắng nhỏ mọc thành từng chùm nhỏ ở tán lá hoặc đầu cành cây.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị ho: Lấy 300g Vàng bạc (tươi) chưng cách thủy với đường phèn, uống. Uống 1 lần/ngày			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

512. Vối — *Syzygium nervosum* A.Cunn. ex DC, 1828

Mạn kinh tử, Trâm nắp, Lá vối

Công dụng: Vối chữa một số bệnh đường ruột như đầy bụng, khó tiêu, ỉa chảy, mụn nhọt, viêm đại tràng mạn tính, lỵ trực trùng; Trị viêm họng, bệnh ngoài da.

Tính vị: Vối có vị đắng, chát, tính mát, có ít độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nụ hoa, vỏ thân, lá - Gemma Florifera, Cortex et Folium Cleistocalycis Operculati.

Thành phần hóa học	Lá vối, nụ vối có chứa tannin, vitamin và một số chất khoáng, còn có 4 % tinh dầu có mùi thơm. Chất kháng sinh có trong lá vối diệt được nhiều loại vị khuẩn như vi khuẩn bạch cầu, Streptococcus, salmonella, Bacillus subtilis… Trong nụ vối có các hoạt chất (chủ yếu là polyphenol), có khả năng ức chế hoạt tính của men alpha-glucosidase, làm chậm quá trình hấp thụ đường, do đó kiểm soát đường huyết trong cơ thể. Beta – sitosterol có trong nụ vối có khả năng điều hòa chuyển hóa cholesterol, hỗ trợ giảm mỡ máu. Các bộ phận khác của cây còn chứa các sterol các chất béo, tannin catechic và gallic. Lá và nụ chứa acid triterpenic.
Nguồn gốc	Cây lá vối có nguồn gốc từ Á Châu nhiệt đới, Trung Quốc.
Phân bố ở Cà Mau	Cây xuất hiện chủ yếu ở huyện Thới Bình (xã Tân Lộc và Xã Hồ Thị Kỷ), huyện Phú Tân (xã Phú thuận), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Hưng), huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng, xã Hàng Vịnh, thị trấn Năm Căn), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dâ
Sinh cảnh	Cây đa số được trồng trong vườn nhà và ven đường đi
Mùa hoa quả	Cây ra hoa vào khoảng tháng 5 – 7, Quả chín vào tháng 8 – 9.
Chế biến	Hái lá tươi phơi khô, nhưng có người ủ rồi mới phơi như sau: Thái nhỏ, rửa sạch nhựa, cho vào thùng hay thúng ù cho đến khi đen đều thì lấy ra rửa sạch phơi khô. Lá vối ù uống thơm ngon hơn. Để làm thuốc nên dùng lá tươi phơi khô là được. Nụ cũng được hái phơi khô để dùng pha nước và làm thuốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Myrtales (Trám (Sim)

Họ: Myrtaceae (Trám (Sim)

Chi: Syzygium (Trâm)

Loài: *S. nervosum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây nhỡ
Chiều cao cây	Cây cao 5-6m, có khi hơn
Đường kính cây	Đường kính thân có thể lên đến 50 cm.
Rễ cây	Cây có hệ rễ cọc, phân nhánh nhiều. Rễ sinh trưởng phát triển mạnh có thể ăn sâu từ 5 – 6 m. Phát triển mạnh trong môi trường đất ẩm, giàu dinh dưỡng.
Vỏ cây **Thân cây**	Vỏ thân có màu nâu xám, nứt dọc và phân cành Cành non tròn hay hơi hình 4 cạnh, nhẵn (Cành non dẹt, sau thành hình trụ, có lớp vảy.)
Lá cây	Lá bầu dục hay xoan ngược, thót nhọn ở gốc, có mũi ngắn ở đầu, nhạt màu. Lá có cuống dài, dai, cứng, hình trứng rộng, dài 8-20cm, rộng 5-10cm hai mặt có những đốm nâu trên cả hai mặt., cướng 1-1,5cm. Mép lá không có răng cưa, không có lông. Có gân lá, có cánh ở dưới đỉnh.
Hoa	Hoa gần như không cuống, nhỏ, mầu lục trắng nhạt, hợp thành cụm hoa hình tháp tỏa ra ở kẽ những lá đã rụng.
Quả/trái	Quả hình cầu, hay hơi hình trứng, đường kính 7-12mm, xù xì, nhám, nhớt. Quả khi chín có màu tím sậm giống quả sim.
Mùi hương	Toàn lá, cành non và nụ vò có mùi thơm dễ chịu đặc biệt của vối.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa lở ngứa, chốc đầu: Chuẩn bị một lượng vừa phải lá vối tươi, rửa sạch sau đó nấu chung với nước lạnh, để nguội rồi dùng nước đó đem tắm tại những vùng da bị bệnh. Thường xuyên tắm nước lá vối căn bệnh lở ngứa, chốc đầu sẽ được đánh bay một cách nhanh chóng (Thiện Thanh, 2018).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
2	Chữa bỏng: Sử dụng vỏ cây vối cạo sạch phần vỏ thô bên ngoài, rửa sạch, giã nát sau đó hòa cùng nước sôi để nguội bạn sẽ có được hỗn hợp sệt, cần lọc lấy nước, bỏ phần xác và thoa lên vùng da bị bỏng. Vỏ cây vối sẽ giúp làm dịu vùng da bị bỏng, giảm tiết dịch và hết phồng rộp, làm lành vết bỏng hiệu quả (Thiện Thanh, 2018).	x		
3	Chữa đầy bụng, khó tiêu: Lấy vỏ thân cây vối một lượng khoảng 6-12g, sắc lấy nước thật đặc, uống trong nhiều ngày, mỗi ngày 2 lần. Cũng có thể sử dụng nụ vối sắc nước uống mỗi ngày 3 lần cũng có thể giúp điều trị hiệu quả chứng đầy bụng khó tiêu (Thiện Thanh, 2018).	x		
4	Giảm mỡ máu: Sử dụng khoảng 15 đến 20g nụ vối nấu lấy nước sử dụng hàng ngày giống như uống nước trà hoặc có thể sắc thành một lượng vừa phải chia nhỏ uống ngày 3 lần, việc này nên được áp dụng thường xuyên lâu dài mới nhận thấy được kết quả (Thiện Thanh, 2018).	x		
5	Hỗ trợ điều trị tiểu đường: Sử dụng khoảng 15-20g nụ vối sắc lấy nước uống 3 lần trong một ngày, cần áp dụng thường xuyên để nhận thấy được sự thay đổi. Nước là vối được chứng minh là lành tính và an toàn nên người bệnh tiểu đường có thể hoàn toàn an tâm sử dụng trong thời gian dài và có thể dùng để thay thế cho trà xanh (Thiện Thanh, 2018).	x		
6	Hỗ trợ chữa viêm gan - vàng da: Dùng rễ vối 200 g sắc với 500 ml còn 250 ml uống 2 lần mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
7	Hỗ trợ chữa chướng bụng - không tiêu: Vỏ thân cây vối 6 – 12 g, sắc kỹ với 500ml còn 200ml, chia uống 2 lần trong ngày hoặc dùng nụ vối 10 – 15 g, sắc với 500ml còn 300ml uống 3 lần trong ngày (Hoài Nguyễn, 2018).	x		
8	Chữa viêm đại tràng mãn tính - tiêu chảy đau bụng âm ỉ: Sử dụng 200 g lá vối tươi, vò nát, dùng 2 lít nước sôi, ngâm trong 1 giờ để uống thay nước. Dùng lá vối tươi để chữa viêm đại tràng mãn (Hoài Nguyễn, 2018).	x		
9	Chữa đau bụng tiêu chảy, phân sống: Lá vối 3 cái, vỏ ổi 8 g, núm quả chuối tiêu 10 g. Cùng thái nhỏ phơi qua cho khô sắc với 400 ml nước, còn 100 ml chia 2 lần uống trong ngày, dùng liền 2 – 3 ngày (Hoài Nguyễn, 2018).	x		
10	Trị sạn thận, cao huyết áp, men gan cao, mát gan giải độc, tiểu đường, trị tiểu đêm, giải nhiệt: Lấy lá Vối (tươi hoặc khô) nấu nước uống thay trà.			x
11	Giải độc máu mỡ giảm cân: Lấy 2 lá Vối tươi nấu với 2 lít nước uống.			x
12	Trị trật khớp: Đâm 1 nắm lá Vối cùng với giấm, đắp lên chỗ trật.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Trị mỡ máu, gan nhiễm mỡ, tiểu đường: Lấy lá Vối (nữ 9 là, nam 7 lá) nấu nước uống.			x
14	Tri gan nhiễm mỡ: Lấy 3 lá Vối nấu với 0,5 lít nước sôi, uống tươi			x
16	Mát gan, ngủ được: Bẻ 1 - 2 lá Vối nấu nước uống hàng ngày.			x
17	Uống mát, mỡ trong máu: Lấy lá, bông Vối nấu nước uống.			x
18	Giải độc gan: Lấy 1-2 lá Vối và 1 nắm Đinh lăng chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống.			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

- Không uống nước vối khi đói bụng: Hiện tượng uống nước vối có cảm giác cồn cào là do nước vối có tác dụng thúc đẩy tiêu hóa, chống đầy bụng, ăn ngon miệng… làm thu động ruột kích thích và gây cảm giác cồn cào, khó chịu và buồn nôn, sa sầm mặt mày. Không nên uống nước vối khi đang đói dễ làm hạ được huyết.

- Nước vối để lâu gây ôi thiu thì hoàn toàn không nên sử dụng. Nếu uống nước vối thiu rất dễ khiến bị rối loạn đường tiêu hóa, gây đi ngoài, vã mồ hôi, mỏi mệt, đau bụng.

- Hạn chế uống nước vối với đá. Mùa hẹ oi nóng nhiều người có thói quen thêm đá vào nước vối. Dù không quá nguy hại nhưng với những ai có hệ tiêu hóa yếu sẽ dễ gây ngộ độc.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

513. Vòi voi — *Heliotropium indicum* L., 1753

Cẩu vĩ trùng, Đại vĩ đạo

Công dụng: Phong thấp sưng khớp, lưng gối nhức mỏi; Loét cổ họng bạch cầu; Viêm phổi, viêm mủ màng phổi; Ỉa chảy, lỵ; Viêm tinh hoàn, nhọt sưng tấy và viêm mủ da. Liều dùng 15-30g dạng thuốc sắc. Dùng ngoài lấy cây tươi giã nát đắp trị mẩn ngứa, nhiễm khuẩn ecpet mảng tròn, rắn cắn, sang dương thũng độc.

Tính vị: Vị đắng, nhạt, hơi cay, mùi hăng, tính bình .

Quy kinh: Kinh tỳ, thận, đại tràng

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Thành phần hóa học	Trong cây có heliotrin là một alcaloid pyrolizidin gây ung thư, nhưng lại có indixin và indixin N-oxyd mà chất sau lại có tác dụng ức chế khối u.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây phân bố hầu hết trên các huyện của tỉnh Cà Mau, ngoại trừ huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây chủ yếu mọc tự nhiên ở vườn nhà, ven đường, veo bờ ao và trong vườn thuốc nam, một số hộ dân còn đem trồng trong vườn nhà và vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Mùa hoa tháng 4-10, Mùa quả tháng 4-10
Thu hoạch	Thu hái cây, rễ quanh năm, chủ yếu vào mùa hè thu
Chế biến	Cây, rễ sau khi thu hái, dùng tươi hoặc phơi hay sấy khô dùng dần.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Boraginales (Vòi voi)

→ **Họ:** Boraginaceae (Vòi voi)

→ **Chi**: Heliotropium

→ **Loài**: *H. indicum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 25-40cm
Thân cây	Thân khỏe, cứng mang nhiều cành. Trên thân và cành có nhiều lông ráp, thân già nhẵn.
Lá cây	Lá mọc đối, hình trái xoan, chóp lá hơi nhọn, gốc lá thuôn đầu men theo cuống, cả hai mặt lá đều có nhiều lông, mép lá hơi lượn sóng hoặc có răng cưa không đều
Hoa	Hoa mọc trên hai hàng, tạo thành cụm hoa xim bọ cạp, dài 8-11cm ở ngọn cành hay ở nách lá.. Hoa màu tím nhạt hoặc trắng, không cuống, mọc so le, nhưng đều nhau.
Quả/trái	Quả gồm 4 quả hạch con hình tháp

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa viêm phổi, viêm mủ màng phổi: Dùng 60g cây Vòi voi tươi, đun sôi trong nước và uống với mật ong. Hoặc giã 60-120g cây tươi lấy dịch và uống với mật (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa sưng amygdal: Dùng lá Vòi voi tươi nghiền ra lấy dịch súc miệng ngày 4-6 lần (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa viêm da cơ địa: Chuẩn bị khoảng 2 – 3 nhánh cây Vòi voi tươi, lưu ý lấy cả phần lá và thân, dùng cây tươi hay cây khô đều được. Rửa sạch cây Vòi voi với nước, ngắt bỏ các lá sâu đi và ngâm vào nước muối pha loãng để loại bỏ hết vi khuẩn, vớt ra để ráo nước. Nếu là cây Vòi voi tươi thì đem phơi cho khô, sau đó cắt thành từng đoạn nhỏ rồi giã nhuyễn. Người bệnh tiến Hành vệ sinh vùng da bị tổn thương bằng dung dịch sát khuẩn và đắp phần bã trực tiếp lên da. Giữ nguyên trong vòng 30 phút hoặc dùng băng gạc bó lại để cố định. Sau jhi đắp xong thì rửa lại bằng nước ấm. Kiên trì thực hiện 1 – 2 lần/ tuần theo cách này sẽ giúp cải thiện hiue65 quả triệu chứng bệnh (Thuốc dân tộc).	x		
4	Chữa viêm da cơ địa: Chuẩn bị khoảng 3 nhánh cây Vòi voi tươi hoặc khô đều được và 1 lít rượu khoảng 40 độ. Đầu tiên, đem sơ chế cây Vòi voi thật kỹ, không lấy lá sâu, rầy và ngâm vào trong nước muối pha loãng khoảng 15 – 20 phút thì vớt ra để cho ráo nước. Cho hết cây Vòi voi đã sơ chế vào hũ thủy tinh sạch, đổ rượu vào cho ngập ngang bình. Đậy nắp kín lại và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời. Sau một thời gian nếu quan sát thấy rượu chuyển dần sang màu vàng là có thể lấy ra dùng được. Mỗi lần sử dụng chỉ lấy một chén nhỏ, lấy một miếng vải mềm thấm vào thuốc rồi thoa đều lên vùng da bị tổn thương kết hợp massage nhẹ nhàng. Lưu ý cần phải sát khuẩn vùng da bị	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	bệnh trước khi bôi rượu thuốc (Thuốc dân tộc).			
5	Chữa phong thấp nhức mỏi tê bại, đau các khớp xương, bán thân bất toại; Vòi voi khô 300g, rễ Nhàu rừng 200g, củ Bồ bồ 150g. Cỏ mục 100g. Các vị hiệp chung tán nhuyễn vò ra viên bằng hạt tiêu, mỗi lần uống 20-30 viên. Ngày 2-3 lần (Võ Văn Chi, 2012).	x		
6	Điều trị phong tê thấp, đau nhức xương khớp: Lấy 500g cây Vòi voi tươi chặt thành từng đoạn nhỏ, giã nát bỏ vào chảo sao nóng với dấm. Gói thuốc vào 1 miếng vải rồi đem buộc vào vùng bị đau. Duy trì liên tục cách trên trong thời gian khoảng 1 năm (caythuoc.org).	x		
7	Điều trị đau nhức xương khớp: Dùng cây Vòi voi ngâm rượu trong thời gian 1 tháng, lấy rượu Vòi voi đắp vào vùng khớp bị xưng đau cũng có hiệu quả tốt (caythuoc.org).	x		
8	Chữa sai khớp và bong gân, sau khi đã chỉnh hình các khớp: Vòi voi (lá và hoa) 30g, tỏi 1 củ, muối ăn 10g. Tất cả giã nát đắp vào chỗ sưng tấy, băng chặt (Dược Kiến Minh, 2021)	x		
9	Chữa vết thương phần mềm: Vòi voi 50g, sài đất 200g, tô mộc 20g. sắc nước rửa.	x		
10	Trị ho, phổi: Lấy cây Vòi voi phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén uống (uống ngày 2 lần). Hoặc lấy lá Vòi voi nấu canh thịt/cá			x
11	Mát gan: Lấy 1 nắm lá Vòi voi, Nhân trần nam, Cam thảo đất, Chó đẻ, Dây cứt quạ nấu nước uống. Hoặc lấy lá Vòi voi nấu canh hay phơi khô nấu nước uống.			x
12	Trị tê tay, chân: Lấy 1 nắm cây Vòi voi chặt khúc, nấu nước uống			x
13	Trị nức mỏi, đau lưng, khớp, ban: Lấy cả cây (rễ) Vòi voi rửa sạch, chặt khúc, sao vàng, sắc với 3 chén nước đến khi còn 0,5 chén, uống.			x
14	Trị mục: Lấy Cỏ bạc đầu, Vòi voi (1 nhúm) đâm với tro bếp, để lắng, lấy xác đắp lên mục			x
15	Trị trật chân tay: Lấy cây Vòi voi đâm dập, lấy hỗn hợp bó khoảng 2 đến 3 lần, ngưng rồi bó tiếp			x
16	Trị viêm xoang: Lấy một nắm Vòi voi, chặt khúc, cho vào chén, cho nước sôi vào, thêm í dầu khuynh diệp, xông mũi.			x
17	Trị huyết trắng, trị khớp: Lấy 1 nắm cây, lá, rễ Vòi voi nấu nước uống			x
18	Trị viêm mủi: Lấy1 nắm cây Vòi voi và 1 con gà 0,5kg, nấu xông			x
19	Trị tan máu bầm, trị nhức mỏi: Lấy 3 nắm rễ cây Nhãn và 1 nắm cả cây Vòi voi, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 8			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	phân, uống (uống 3 nước)			

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Người già yếu cơ thể suy nhược, tỳ vị hư hàn, ỉa chảy lâu ngày hay chân lạnh, không nên dùng.

Tuyệt đối không quá lạm dụng bài thuốc uống cây vòi voi vì trong cây có chứa thành phần Ancaloid Pyrolizidinn có khả năng làm rối loạn hệ tiêu hóa, gây đau bụng, tiêu chảy, xuất huyết dạ dày gây ung thư, ngộ độc gan…

Những mẹo dùng cây vòi voi chữa viêm da cơ địa chỉ áp dụng cho trường hợp mắc bệnh nhẹ, triệu chứng không quá nghiêm trọng. Còn những trường hợp bệnh nặng phải thăm khám, điều trị tại chuyên khoa da liễu.

Không áp dụng mẹo chữa trị này cho phụ nữ có thai, đang trong thời kỳ cho con bú và phụ nữ sau sinh. Vì những nhóm đối tượng này rất nhạy cảm, cơ địa dễ dị ứng và gây ảnh hưởng đến sức khỏe.

Hiệu quả của các bài thuốc dùng cây vòi voi chữa viêm da cơ địa còn tùy thuộc vào cơ địa và tình trạng bệnh của từng người.

Đây chỉ là phương pháp truyền miệng, chưa được kiểm chứng khoa học nên không thể dùng thay thế cho các biện pháp điều trị chuyên sâu.

Nên kết hợp với chế độ ăn uống, sinh hoạt khoa học, chủ động tránh xa các tác nhân gây dị ứng để tăng hiệu quả điều trị.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

514. Vông nem — *Erythrina variegata* L

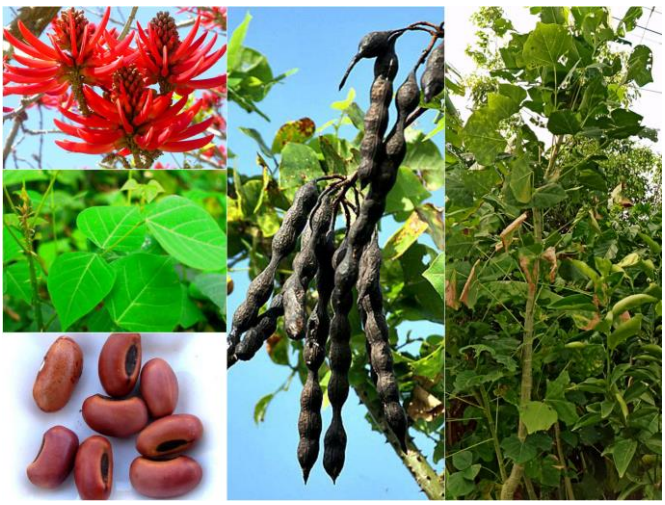

Cây lá vông, Lá vông, Vông, Bơ tòng, Hải đồng bì, thích đồng bì, co toóng lang (Thái), bơ tòng (Tày).

Công dụng: Thường dùng chữa tim hay hồi hộp, ít ngủ hoặc mất ngủ, trẻ em cam tích, viêm ruột ỉa chảy, kiết lỵ, viêm da, lở chảy nước, phong thấp, chân tê phù, ung độc. Ngày dùng 4-6g dạng thuốc sắc

Tính vị: Lá Vông nem có vị đắng nhạt, hơi chát, tính bình

Quy kinh: Lá vông vào 2 kinh vị và đại tràng. Vỏ thân cây vông vào 2 kinh Can và thận

Bộ phận dùng: Vỏ và lá - Cortex et Folium Erythrinae Variegatae. Vỏ vông nem thường được gọi là Hải đồng bì.

Thành phần hóa học	Trong lá và thân có một alcaloid là erythrin, có độc. Chất này có tác dụng làm giảm và có khi làm mất hẳn hoạt động thần kinh trung ương, tuy nhiên không ảnh hưởng đến sự kích thích vận động và sự co bóp của cơ. Còn có chất saponin gọi là migarin làm dãn đồng tử. Trong hạt có alcaloid gọi là hypophorin có tác dụng tăng phản xạ kích thích đưa đến sự co giật, uốn ván
Nguồn gốc	Vông nem có nguồn gốc ở vùng ven biển Đông Phi.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoại trừ Huyện Ngọc hiển (xã Tân Ân), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương) ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây Vông Nem tại các huyện khác của tỉnh
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng nhiều trông vườn nhà, ven sông và trong các vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 3 đến 6
Thu hoạch	Người ta thu hái lá vào mùa xuân, chọn lá bánh tẻ. Thu hái vỏ cây quanh năm
Chế biến	Lá sau khi thu hái có thể dùng tươi hay phơi khô.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Fabales (Đậu)
    - **Họ:** Fabaceae (Đậu)
      - **Chi**: Erythrina (Vông nem)
        - **Loài**: *E. variegata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây có thể cao tới 10m
Vỏ cây	Vỏ xanh rồi nâu, có nhiều gai ngắn. Lá mọc so le, có 3 lá chét hình tam giác.
Thân cây	Thân có gai ngắn..
Lá cây	Lá vông mọc đối xứng, chủ yếu dài 10–20 cm, lưỡi hình trứng thành hình thoi, dài 8–18 cm, lá bên nhỏ hơn đầu cuối, cuống lá dài 6–13 mm, với các bộ phận sinh dưỡng có hình lông tơ mảnh.
Hoa	Chùm hoa dày gồm nhiều hoa màu đỏ chói. đài hình ống có 5 răng nhỏ; tràng dài, cánh cò rộng, nhị tập hợp thành bó vượt ra khỏi tràng.
Quả/trái	Quả đậu không lông, có eo giữa các hạt. Mỗi quả có 4 – 8 hạt. Rất hiếm
Hạt	Hạt hình thận, màu nâu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa kinh nguyệt không đều, rong kinh: Lấy hoa cây Vông nem 40g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
2	Chữa mất ngủ: Lá vông tươi 20g, rửa sạch, vò qua, vẩy khô hấp vào nồi cơm sau khi cạn (có thể đun làm nước uống). Trước khi đi ngủ, ăn vài lá vông này, ngủ sâu giấc (Báo Dân tộc và Phát triển, 2018).	x	x	
3	Chữa mồ hôi trộm ở trẻ nhỏ: Giã nát 20g lá vông, hòa với chút nước nóng rồi cho trẻ uống. Ngoài ra, cũng có thể cho lá vông vào nồi, đun sôi với nước sạch rồi cho bé uống nước đó, các triệu chứng đổ mồ hôi trộm sẽ thuyên giảm rõ rệt sau mỗi lần sử dụng (Trường Trung cấp Y dược Hà Nội)	x		
4	Tiêu độc, sát khuẩn: Dùng lá Vông nem tươi giả nát đắp vào vết thương (Báo Dân tộc và Phát triển, 2018).	x		
5	Chữa sốt: Lấy lá vông ướt giã nát đun nóng xoa lên đầu, thân người bị sốt.	x		
6	Chữa bệnh trĩ và bệnh đái dắt: Lấy lá vông tươi giã nát, đắp ngoài.	x		
7	Giảm đau bụng: Lấy lá vông giã nát với nước biển và uống hàng ngày.	x		
8	Diệt sán dây và giun đũa: Uống nước ép lá vông.	x		
9	Điều trị viêm vú: Uống nước sắc của lá vông.	x		
10	Chữa kiết lỵ: Uống nước sắc của vỏ và lá vông	x		
11	Chữa phong thấp: Vỏ Vông nem, cỏ Chân chim, Kê huyết đằng, Phòng kỷ, Ý dĩ sao, ngưu tất mỗi vị 15g, sắc uống (Võ Văn Chi, 2012)	x		
12	Chữa sau đẻ máu sẫm, mờ mắt, choáng đầu: Lấy vỏ cây	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	vông già, Cỏ mần trầu, lá mần tưới, ngưu tất, mỗi vị 10g, sắc lấy nước thuốc uống hàng ngày (Võ Văn Chi, 2012).			
13	Chữa trẻ khó ngủ, trằn trọc, mồ hôi trộm Hái lá Vông nem và lá dâu bánh tẻ, mỗi thứ 10-15g, nấu canh ăn vào bữa tối (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
14	Chữa viêm đại tràng mãn tính Vông nem 15g, lá nhót 25g, sao vàng hạ thổ, sắc nước uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa bệnh ngoài da: Vỏ Vông nem, vỏ cây dâm bụt, xà sàng tử, rễ chút chít lượng thích hợp, tán nhỏ, pha thành rượu liều lượng 1/5, bôi ngoài da (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
16	Chữa đau nhức xương khớp (do phong thấp): Lấy vỏ cây vông, kê huyết đằng, Cỏ xước, phòng kỷ, ý dĩ nhân, ngũ gia bì, mỗi vị 15g, sắc uống ngày một thang cho tới khi các triệu chứng thuyên giảm (Dược sĩ Mỹ Nữ, 2013).	x		
17	Chữa lòi dom: Giá nát lá vông và lá sen, chắt lấy nước uống; phần bã chưng nóng rồi đắp vào hậu môn (Dược sĩ Mỹ Nữ, 2013).	x		
18	Chữa chảy máu cam, đại tiện ra máu: Để trị chứng đại tiện ra máu, chảy máu cam (thường do nhiệt gây nên), lấy 30g lá vông sắc lấy nước thuốc cùng với 10g lá sen, uống mỗi ngày một thang.	x		
19	Chữa phong thấp, chân tê phù: Vỏ cây vông, vỏ Chân chim, ý dĩ sao, phong kỷ, kê huyết đằng, ngưu tất, mỗi vị 5g, sắc lấy nước thuốc, ngày dùng một thang, chia làm 3 lần uống. Mỗi liệu trình kéo dài khoảng 10 ngày (Dược sĩ Mỹ Nữ, 2013).	x		
20	Chữa sa dạ con: Lấy lá Vông nem 30g, lá tiểu kế 20g, hạt tơ hồng 20g, giã nhỏ, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày; kết hợp lấy 10 hạt Đu đủ tía tía, giã nát với giấm, đắp và băng lại (Dược sĩ Mỹ Nữ, 2013).	x		
21	Chữa thấp khớp: Vỏ Vông nem 10g, Thổ phục linh 10g, Cam thảo dây 10g, Cối xay 10g, Huyết giác 8g, Dây đau xương 12g, Thần xạ 12g Hạt mã tiền chế 3 hạt, Huyết đằng 10g,. Tất cả thái nhỏ phơi khô, sao vàng. Ngày 1 thang sắc uống (Nhà thuốc Gia truyền Thọ Xuân Đường, 2015).	x		
22	Bổ tỳ vị, thanh nhiệt, an thần, tiêu đàm, chữa hen suyễn, sắc mặt xanh xao khó thở, tức ở lồng ngực, nhiều đờm, ngủ không được, tâm hồi hộp: Lá vông 10g, Húng chanh 16g, Gừng tươi 12g, Chỉ thục 16g, Bạch phục linh 24g, Vỏ quýt 16g, Lạc tiên 16g, Cam thảo dây 16g, Dăm bào tre nứa 20g, Bán hạ 16g, Lá thuốc giòi 16g, Táo nhân 10g. Ngày 1 thang sắc uống (Nhà thuốc Gia truyền Thọ Xuân Đường, 2015).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
23	Viêm đa khớp: Vỏ Vông nem 16g, Huyết đằng 12g, vỏ Ngũ trảo 16g, Lá lốt 12g, Cỏ xước 16g, Cây xấu hổ 16g, Ngũ gia bì 12g, Thổ phục linh 16g, Cam thảo 10g, Cối xay 16g. Các vị thuốc sao vàng, sắc uống mỗi ngày 1 thang (Nhà thuốc Gia truyền Thọ Xuân Đường, 2015).	x		
24	Trị mất ngủ: - Cách 1: Lấy 100g Nhãn lồng (khô), Vông nem, Nhân trần nam nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân uống, uống 1 lần/ngày. - Cách 2: Lấy Vông nem, Nhãn lồng, rễ Cỏ tranh nấu nước uống. - Cách 3: Lấy lá non Vông nem và đọt Nhãn lồng luộc ăn - Cách 4: Lấy 250g cây Vông nem (đã vạt vỏ, chặt khúc) và 250g Nhãn lồng sao thủy thổ, nấu uống hàng ngày. - Cách 5: Lấy 10 lá Vông nem, 1 lá Đinh lăng, đâm, vắt lấy nước uống. - Cách 6: Lấy lá Vông nem ăn như rau sống hoặc luộc lá chín, chấm cá kho - Cách 7: Lấy lá, nhánh, thân Vông nem phơi khô nấu nước uống. Hoặc lá non nấu canh với tôm/thịt ăn			x
25	An thần, ăn được, ngủ được: - Cách 1: Lấy nhánh và lá Vông nem ăn tươi hoặc phơi khô sắc với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 2: Lấy cây và lá Vông nem (đã chặt khúc) và Cỏ nước mặn nấu nước uống, uống hàng ngày. - Cách 3: Lấy thân Vông nem (đã vạt mỏng), Rau bợ (cả cây), Ngò gai (cả cây), Cỏ mần trầu (cả cây), nấu với 3 chén nước đến khi còn 8 phân, uống. - Cách 4: Lấy Vông nem và Dâu tằm (lá, thân) nấu nước uống hằng ngày. - Cách 5: Lấy Lức cây, cây Vông nem, Cam thảo đất, Nhãn lồng, phơi khô, nấu nước uống			x
26	Mát gan: Lấy thân cây Vông nem chặt khúc, phơi khô, nấu nước uống thay nước lọc. Hoặc lấy một nắm lá Vông nem đâm, vắt lấy nước uống.			x
27	Trị bệnh tim: Lấy cây, lá Vông nem, cả cây Nhãn lồng, 1 trái dừa tươi nấu nước uống hàng ngày			x
28	Trị ban: Lấy 1 nhúm Vông nem và bông dừa lửa, nấu với 6 chén nước đến khi còn 8 phân rồi uống.			x
30	Mất ngủ, mất trí nhớ, đau nhức: Lấy thân Vông nem (tươi) chặt lát ra hoặc phơi khô nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
32	An thần: - Cách 1: Lấy lá Vông nem, lá Cỏ mực, lá Từ bi đâm nhuyễn, pha nước uống, dùng nhiều lần - Cách 2: Lấy 50g dây Nhãn lồng khô, 50g cây Vông nem khô, Cam thảo đất đất, sắc với 3 chén nước đến khi còn 9 phân, uống			x
35	Hỗ trợ tim, an thần: Lấy nhánh Vông nem chặt khúc, phơi khô hoặc tươi, sao vàng, nấu nước uống. Dạng khô lấy 10g để nấu nước.			x
36	Thoái hóa cột sống: Lấy Dền gai, Vông nem, Ngãi cứu, Từ bi, Sả tất cả đều phơi khô, sắc với 4 chén nước còn 8 phân, uống			x
38	Trị nhức mỏi: Lấy 1 nắm thân cây Vông nem sao vàng thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn 7 phân, uống			x
39	Trị ớn lạnh: Lấy lá Vông nem, Dây giác, lá Nhàu, lá Sả đem nấu rồi xông			x
<u>Lưu ý khi sử dụng</u>: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

515. Vú sữa *Chrysophyllum cainito* L., 1753

Công dụng: Quả Vú sữa được dùng làm thức ăn bổ, tráng miệng. Thịt quả có vị ngọt, dịu, nhưng ăn quả thật chín mới khỏi chát. Rễ và lá dùng chữa các chứng đau nhức, sưng tấy. Người ta cũng dùng lá sắc lấy nước uống chữa bệnh đau dạ dày.

Tính vị: Quả xanh có vị chát, nhân hạt đắng.

Quy kinh: Hiện chưa có tài liệu nào nói về quy kinh của vú sữa

Bộ phận dùng: Quả, rễ, lá - Fructus, Radix et Folium Chrysophylli.

Thành phần dinh dưỡng	Vú sữa cung cấp khoảng 67,2 Kcal/100 gr còn có nhiều vitamin A, B1, B2, B3 và C, nhất là glucid, calcium, sắt, chất xơ, protein và lipid (dầu acid malic).
Thành phần hóa học	Quả xanh chứa dịch nhớt. Nhân hạt chứa lucumin, chất này nếu nhũ hóa, được dùng làm sữa hạnh nhân, sugar và các chế phẩm khác. Dịch sữa của thân cây giống như nhựa gutta - percha.
Nguồn gốc	Cây vú sữa có nguồn gốc ở đảo Antilles và Châu Mỹ nhiệt đới.
Phân bố ở Cà Mau	Cây có thể dễ dàng tìm thấy ở khắp 09 đơn vị Hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây được người dân và chuyên gia trồng nhiều trông vườn nhà, ven đường, ven ao, ven sông, ven mương, ven vuông và trong các vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Cây vú sữa khi đậu trái đến khi thu hoạch mất khoảng thời gian từ 180 - 200 ngày. Mùa thu hoạch vú sữa từ tháng 2 - 3 dương lịch hàng năm
Thu hoạch	Có thể thu hái các bộ phận của cây quanh năm
Chế biến	Các bộ phận của cây thường dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Ericales (Thạch nam, Đỗ quyên)

→ **Họ:** Sapotaceae (Sến)

→ **Chi**: Chrysophyllum (Vú sữa)

→ **Loài**: *C. Cainito*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 10-15m
Vỏ cây	Vỏ nứt nẻ, màu trăng trắng
Thân cây	Thân dẻo, tán lá rộng.
Lá cây	Lá của vú sữa là thường xanh, mọc so le, hình ôvan đơn, mép liền, dài 5–15 cm; mặt dưới bóng như màu vàng khi nhìn từ xa
Hoa	Hoa nhỏ mọc thành chùm ở nách lá, trắng,có cuống mảnh. 5-6 lá đài có lông hoe, 5-6 nhị
Quả/trái	Trái vú sữa to tròn khoảng một nắm tay, có lớp vỏ màu tía hoặc nâu ánh lục khi chín, thường có màu xanh lục xung quanh đài hoa, với kiểu hình sao trong cùi thịt. Có một vài giống cho quả màu trắng ánh xanh lục. Vỏ nhiều latex (nhựa mủ) và không ăn được.
Hạt	Các hạt dẹt có màu nâu nhạt và cứng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau dạ dày: Lấy 10 - 12g lá khô đem sắc. Phần thuốc thu được uống hai lần trong ngày (Báo Giao thông, 2018).	x		
2	Điều trị tiểu đường: Lấy lá Vú sữa hãm lấy nước uống mỗi ngày sẽ giúp giảm hàm lượng đường trong máu xuống nhanh chóng (Báo Giao thông, 2018).	x		
3	Xoa dịu các cơn đau nhức khớp: Uống nước lá Vú sữa. Trong các trường hợp bệnh quá nặng, có thể thêm một ít lá ổi để tăng thêm hiệu quả (Báo Giao thông, 2018).	x		
4	Trị sưng nướu, viêm miệng, họng: Đun nóng 1 chén lá Vú sữa cắt nhuyễn nấu với 2 ly nước khoảng 10'. Sau đó dùng nước này để súc miệng (Báo Ninh Thuận, 2012).	x		
5	Trị tiêu chảy: Lấy một ít lá Vú sữa, rửa thật kĩ cho sạch bụi bẩn. Cho 1 chén lá Vú sữa đã cắt nhuyễn cùng 2 ly nước sạch và đun sôi 15 phút. Người lớn uống ngày 3 lần mỗi lần 1 chén, trẻ em từ 7 -12 tuổi cũng thực hiện như trên nhưng mỗi lần chỉ nên uống nửa chén. Riêng các bé dưới 7 tuổi chỉ uống ¼ chén (Báo Ninh Thuận, 2012).	x	x	
6	Trị lên máu, đau bao tử: Lấy đọt non Vú sữa rửa sạch rồi lấy 1 nhúm nhai ngậm với muối. Dùng hằng ngày			x
7	Trướng bụng trẻ: Lấy vài lá non Vú sữa hòa muối, đâm uống			x

<u>Lưu ý khi sử dụng:</u> Những bài thuốc nam chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

516. Vú sữa đất — *Euphorbia thymifolia* L., 1753

Cỏ sữa lá nhỏ, Cây lợi sữa, Cẩm địa, Cỏ sữa đỏ, Thiên căn thảo, Cẩm địa, Thiên căn thảo, Nhạ nậm mòn, Chạ cam (Tày), Nhả mực nọi (Thái)

Công dụng: Cầm máu, giảm đau, tiêu độc, chỉ lỵ, thông sữa, lợi tiểu. Chữa lỵ trực khuẩn và lỵ amip nhất là cho trẻ em, chữa mụn nhọt, phụ nữ băng huyết, phụ nữ sau đẻ ít sữa hoặc tắc tia sữa . Trị lỵ trực trùng, viêm ruột, ỉa chảy, trĩ xuất huyết, dùng ngoài trị eczema, viêm da dị ứng, ngứa da, viêm vú, zona, hắc lào, mụn cóc

Tính vị: Theo y học cổ truyền, vú sữa đất có vị hơi chua, tính hàn.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn bộ phần rễ, thân, lá Vú sữa đất đều có thể dùng làm thuốc trị bệnh

Thành phần hóa học	Thân và lá chứa hoạt chất cosmoslin. Rễ cây chứa araxerol, myrixylalcohol, tirucallol.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Châu Mỹ nhiệt đới
Phân bố ở Cà Mau	Ngoài thành phố Cà Mau ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây Vú Sữa Đất tại các huyện khác của tỉnh
Sinh cảnh	Cây Vú sữa đất Hầu như mọc tự nhiên trong vườn nhà, ven đường, bờ sông, ven ao và trong vườn thuốc nam, đôi khi vài hộ dân cũng trồng trong vườn
Mùa hoa quả	Tháng 3 - 12, Tháng 3 - 12
Thu hoạch	Cây được người dân thu hái quanh năm, tốt nhất vào mùa hạ. Sau khi cây ra hoa, kết quả xong là tàn lụi. Do đó thu hái khi cây bắt đầu ra hoa sẽ có hàm lượng hoạt chất cao.
Chế biến	Toàn cây sau khi nhổ, đem về rửa sạch, dùng tươi hoặc phơi khô (cả cây hoặc cắt ngắn), sao vàng.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)

→ **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)

→ **Chi**: Euphorbia (Đại kích)

→ **Loài**: *E. thymifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo mọc tỏa rộng trên mặt đất
Chiều cao cây	Cây cao chỉ khoảng 10-15cm.
Thân cây	Thân và cành tỏa rộng trên mặt đất, hình sợi, màu dỏ tím, hơi có lông. Thân có lóng ngắn, mấu phình to, có lông trắng, tiết diện tròn. Toàn thân bấm đều chảy một chất nhựa mủ trắng. Thân có nhựa mủ.. Thân và cành mảnh chủ yếu mọc tỏa rộng trên mặt đất
Lá cây	Lá nhỏ mọc đối, hình bầu dục hay thuôn, tù dầu, hình tim không đều hay tù ở gốc, có răng ở mép, có lông ở mặt dưới, dài 7mm, rộng 4mm. Lá đơn, mọc đối, phiến hình bầu dục hoặc gần tròn, dài 0,3-0,6 cm, rộng 0,3-0,4 cm, mép lá có răng cưa nhọn, màu đỏ tím mặt trên đậm hơn mặt dưới, mặt dưới có lông trắng, 3 gân chính nổi rõ. Cuống lá ngắn, màu đỏ tím, dài 0,1 cm. 2 lá kèm dạng vẩy tam giác màu đỏ tím nằm giữa hai cuống lá mọc đối, tồn tại
Hoa	Cụm hoa dạng xim co ít hoa ở nách lá. Cụm hoa là cyathium tụ thành chùm ở nách lá hoặc ngọn cành. Hoa đều, đơn tính. Cuống cyathium màu đỏ có lông trắng, dài 0,1-0,2 cm, mọc ở nách lá, thuôn dài 1-1,5 mm, màu xanh phớt tím, có lông trắng. Tổng bao lá bắc hình chuông bên trên có 4 thùy hình tai bèo có gai nạc, màu hồng hay đỏ tím. Có 4 tuyến nhỏ hình trái xoan màu đỏ nhung nằm trên miệng tổng bao ở mặt trong trước 4 lá bắc. . Hoa đực trần, 4 hoa đực là 4 nhị xen kẽ với 4 lá bắc tổng bao; cuống hoa màu trắng, nhẵn mọng nước, dài 0,5-1 mm, phía trên mang chỉ nhị rất ngắn màu hồng. Bao phấn hình cầu, màu đỏ, 2 ô, đính đáy, nứt ngang, hạt phấn rời, màu vàng, hình cầu kiểu 3 rãnh-o. Hoa cái trần ở giữa cyathium, đính trên cuống màu đỏ có lông, dài 0,1-0,2 cm, thò ra khỏi cyathium; 3 lá noãn tạo bầu màu đỏ hình bầu dục có 3 cạnh, mặt ngoài có lông trắng, 3 ô, mỗi ô 1 noãn đính trung trụ; 3 vòi nhụy rời, ngắn, màu hồng, đầu nhụy chẻ đô
Quả/trái	Quả nang, đường kính l,5mm, có lông. Quả nang tự mở thành 3 mảnh vỏ;
Hạt	Hạt nhẵn, có 4 góc lồi, dài 0,7mm. Hạt hình bầu dục dài 1mm, vỏ hạt sần sùi màu đỏ

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị mụn nhọt, ngứa: Vú sữa đất đem giã nhuyễn, đắp lên vị trí bị nhọt, ngứa. Nên kết hợp thuốc đắp với thuốc tươi uống để tăng hiệu quả chữa trị (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
2	Điều trị lỵ thể nhẹ: Đem 100 gam Vú sữa đất rửa sạch, thái nhỏ, đem sắc với 400ml, đợi khi nước cạn 100 ml thì ngưng. Uống 2 lần mỗi ngày (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
3	Trị mụn nhọt ngoài da chưa vỡ mủ: 100 gam cỏ sữa đem giã nát, đắp lên vùng da bị nhọt. Đắp 2 lần / ngày (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
4	Chữa mẩn ngứa ngoài da: Cỏ sữa rửa sạch, giã nát thoa vào vùng da bị ngứa hoặc nấu nước để rửa (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
5	Chữa mẩn ngứa ngoài da: Cỏ sữa tươi, rửa sạch giã nát xoa vào chỗ bị mẩm ngứa hoặc nấu nước rửa (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
6	Chữa mụn nhọt ngoài da (chưa vỡ mủ): Vú sữa đất lượng vừa đủ, giã nát đắp lên chỗ tổn thương, 2 giờ thay băng. Ngày đắp 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
7	Chữa kiết lỵ: Dùng l00g Vú sữa đất, 80g rau sam sắc với 300ml nước: lấy 150ml, chi 3 lần uống trong ngày (Chi cục Kiểm lâm An Giang, nd)	x		
8	Làm thuốc lợi sữa: Dùng 100g Vú sữa đất, vói 40g hạt cây bông gạo sao, hai thứ sắc kỹ, lấy nước nấu cháo gạo ăn. cỏ sữa dùng tươi giã đắp lên những chỗ bong gân, mụn nhọt, viêm vú hoặc nấu nước rửa (Chi cục Kiểm lâm An Giang, nd)	x		
9	Điều trị kiết lỵ: 80 gam Vú sữa đất, 50 gam lá Mơ lông tươi đem sắc uống hằng ngày. Trẻ em dùng nửa liều trên (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
10	Điều trị thiếu sữa, tắc tia sữa: 100 gam Vú sữa đất, 40 gam hạt cây gạo đem sắc uống hằng ngày. Kiên trì dùng 5 – 7 lần sẽ có kết quả (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
11	Trị đại tiện ra máu: 100 gam Vú sữa đất, 50 gam cây huyết dụ đem đun với 1 lít nước sôi, dợi đến khi nước cạn còn 400 ml thì tắt bếp, uống trong ngày (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
12	Điều trị lỵ thể nhẹ: đem 100 gam Vú sữa đất, 80 gam rau sam sắc với 300 ml, đợi khi nức cạn còn 150 ml thì tắt bếp. Chia làm 3 phần, uống trong ngày, dùng liên tục 5 – 7 ngày. Hoặc đem 100 gam Vú sữa đất, 20 gam lá Mơ lông, 25 gam hạt cau, 100 gam rau sam sắc uống. Chia làm 3 phần, uống hết trong ngày (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
13	Chữa thiếu sữa sau sinh: Lấy 100 gam cỏ sữa, 40 gam hạt cây gạo sắc lấy nước, dùng nước trên nấu cháo ăn 1 lần/ ngày. Dùng liên tục trong vòng 4 – 7 ngày (Trương Thị Yến Nhi, 2019)	x		
14	Chữa hội chứng lỵ (thể nhẹ): Vú sữa đất 100g. Rửa sạch, thái nhỏ, sắc với 400ml nước còn 100ml, uống làm hai lần trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Chữa hội chứng lỵ (thể nhẹ): Vú sữa đất 100g, rau sam 80g, sắc với 300ml nước còn 150ml, chia 3 lần uống trong ngày. Uống 5 - 7 ngày (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Chữa hội chứng lỵ (thể nhẹ): Vú sữa đất 100g, lá Mơ lông 20g, hạt cau 25g, rau sam 100g. Sắc uống ngày một thang, chia 3 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Điều trị đi cầu ra máu tươi: Cỏ sữa tươi 100g, cây huyết dụ 50g đun với 1 lít nước, đun cạn còn 400ml chia 3 lần uống trong ngày (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
18	Chữa lỵ trực khuẩn, hội chứng lỵ, tiêu chảy: Vú sữa đất 100g, Rau sam 80g. Sắc với 300ml nước còn 150ml, chia 3 lần uống trong ngày (Tra cứu Dược liệu)	x		
19	Chữa hồng, bạch lỵ: Vú sữa đất, Rau sam, Rau má, Rau mơ, mỗi vị 8g, Hạt cau khô 6g, Cam thảo nướng 4g, Vỏ quýt 4g. Sắc uống ngày 1 thang.	x		
20	Chữa đại tiện táo bón, ra máu: Vú sữa đất 60g, Cỏ nhọ nồi 60g. Sắc uống ngày 1 thang Tra cứu Dược liệu)	x		
21	Chữa sản phụ ít sữa hoặc bị tắc tia sữa: Vú sữa đất tươi 40g, hạt cây bông gạo 40g. Sắc kỹ lấy nước rồi cho gạo vào, nấu cháo ăn Tra cứu Dược liệu)	x		
22	Trị khớp, nhức mỏi: - Cách 1: Phơi khô Vú sữa đất, ngâm rượu uống. - Cách 2: Lấy 1kg trái Nhàu chín/sống, 1kg Vú sữa đất, vài lá Đinh lăng vài cây Đỗ trọng, 0,5 kg đường phèn ngâm với 3-4 lít rượu sau nữa tháng uống (uống 1 cốc nhỏ/lần). - Cách 3: Lấy 1 nắm Vú sữa đất phơi khô, nấu với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. Uống 2 lần/ngày - Cách 4: Lấy Vú sữa đất (khô), cây Đỗ trọng (khô) ngâm với đường phèn, uống. - Cách 5: Lấy 2kg Vú sữa đất (khô) ngâm với 5 lít rượu, uống. Ngâm sau 1 tháng là uống được, sáng uống 1 ly chiều 1 ly.			x
23	Trị tiêu chảy, nhức mỏi: - Cách 1: Lấy Vú sữa đất (tươi), thêm 2 muỗng nước, đâm, vắt lấy nước uống (uống 3lần/ngày), - Cách 2: Lấy Vú sữa đất (khô) ngâm với 1 lít rượu gốc, uống (ngâm 10 ngày có thể dùng). - Cách 3: Lấy 1 nắm nhỏ cả cây Vú sữa đất nấu nước uống			x
24	Trị thoái hóa cột sống: Lấy 3 kg Vú sữa đất, 3 lít rượu, 1kg đường phèn, 8g Đỗ trọng, ngâm uống.			x
25	Trị tê, bại: Lấy Vú sữa đất (khô) ngâm rượu và đường phèn, uống. Ngâm 3-4 ngày có thể sử dụng.			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
26	Trị thần kinh tọa: Lấy 1 kg Vú sữa đất, 1kg trái Nhàu (không già, không non) xắt nhỏ, phơi, ngâm với 3 lít rượu gốc, uống. Ngâm khoảng 1 tuần, có thể sử dụng. Uống sáng, chiều, uống 1 cốc/lần.			x
27	Trị đau bụng đi cầu: Lấy cả cây Vú sữa đất (tươi) rửa sạch, đâm nhuyễn, vắt lấy nước (khoảng 1 muỗng) rồi uống			x
28	Trị nhức mỏi: Lấy Vú sữa đất phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống. Hoặc lấy Vú sữa đất (tươi hoặc khô) ngâm rượu uống (có thể ngâm cùng cây Đỗ trọng).			x
29	Trị tiểu gắt: Lấy Vú sữa đất, rửa sạch nấu với dừa tươi uống			x
30	Trị bệnh tim: Lấy Vú sữa đất, lá Mơ dại đâm vắt nước, thêm mật ong, uống			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

517. Vừng — *Sesamum indicum* L., 1753

Mè, Du tử miêu, Cự thắng tử, Chi ma, Bắc chi ma, Hổ ma

Công dụng: Dùng cho các trường hợp suy nhược cơ thể, râu tóc bạc sớm, da xanh thiếu máu, đau đầu hoa mắt chóng mặt, ù tai, điếc tai, tăng huyết áp, ít sữa, táo bón, huyết niệu, trĩ, kiết lỵ.

Tính vị: Hạt ngọt, khí bình, không độc. Lá vừng có vị ngọt, tính lạnh

Quy kinh: Kinh can thận

Bộ phận dùng: Hạt

Thành phần hóa học	Trong hạt vừng có từ 40-55% dầu, có khi lên tới 60%. Ngoài ra còn chừng 5-6% nước, 20- 22% chất protein, 5% trong đó có: 1,7mg đồng, 1% canxi oxalat, 6,3-8,8% chất không có nitơ, pentozan, lexitin, phytin và cholin. Dầu vừng chứa khoảng 12-16% axit đặc (7,7% axit panmitic, 4,6% axit stearic, 0,4% axit arachidic), 75-80% axit lỏng (trong đó có 48% axit oleic, 30% axit linolic và, 0,04% axit lignoxeric). Phần không xà phòng hóa được chiếm 0,9-1,7% và chừng 1% lexitin. Trong dầu vừng Villelavecchia và Fabris còn phân tích được chất sesamin $C_{20}H_{18}O_6$ với tỷ lệ chừng 0,25-1%. Ngoài ra còn chừng 0,1% chất sesamol là một phenol có công thức $C_7H_6O_3$.
Nguồn gốc	Các loài mè hoang dại có nguồn gốc chủ yếu là ở Châu Phi, một số loài có nguồn gốc ở Ấn Độ, Sri Lanka và Trung Quốc. Tuy nhiên nguồn gốc tự nhiên chính xác của cây mè vẫn chưa được xác định, dù nhiều loài cây trong hoang dã có liên quan hiện diện ở Châu Phi
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây chỉ có thể tìm thấy ở huyện U Minh (thị trấn U Minh)
Sinh cảnh	Cây Vừng đa số chỉ được người dân trồng trong vườn nhà
Thu hoạch	Vào các tháng 7, 8, 9. Người ta cắt toàn cây về phơi khô đập lấy hạt, phơi khô, loại bỏ tạp chất là được.
Chế biến	Sau khi thu hoạch, hạt mè được làm sạch và giữ nguyên hoặc bóc vỏ. Khi dùng, đồ thật kỹ, phơi khô sao vàng. Ngoài ra còn ép lấy dầu vừng.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Pedaliaceae (Vừng)
      - **Chi**: Sesamum (Vừng)
        - **Loài**: *S. indicum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống từ 70-75 ngày
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 60-150 m, có thể đến 3 m.
Rễ cây	Rễ cọc, rễ chính ăn sâu. Đồng thời hệ rễ bên của mè cũng rất phát triển về bề ngang. Rễ mè phân bố chủ yếu ở lớp đất từ 0 - 25 cm. Nếu mè ở vùng đất cát, vùng khô hạn, rễ cái có thể ăn sâu từ 1m đến 1,2 m để tìm nguồn nước ngầm.
Thân cây	Thân có nhiều lông. Thân thường có hình 4 cạnh với những tiết diện vuông và những rãnh dọc. Tuy nhiên, có những dạng thân rất rỗng hình chữ nhật. Thân có thể tròn, trên thân có nhiều lóng hoặc ít lóng. Đặc tính này cũng để phân biệt giống. Trong điều kiện hạn, thân có thể thấp hơn. Thân và cành hóa gỗ khi cây đã già. Cành xuất phát từ thân chính, cành có thể mọc cách hay mọc đối nhau, cành sẽ mang hoa và trái, trên các cành chính còn có cành cấp hai. Sự phân cành trên thân chính cũng là một yếu tố để phân biệt các giống mè, thường màu của cành trên thân giống như thân
Lá cây	Lá rất biến đổi về dạng và kích thước trên cùng một cây và giữa các giống. Lá dưới thường rộng đôi khi có thùy, mép (rìa) hình răng cưa hướng ra ngoài lá giữa thường nguyên hình móc, đôi khi răng cưa lá trên hẹp hơn. Lá mọc đối hay luân phiên tùy giống, cách sắp xếp lá ảnh hưởng đến số hoa mang trên nách lá và năng suất hạt trên cây. Lá mọc đối tạo diều kiện có nhiều hoa. Kích thước của lá thay đổi từ 3 -17,5 cm chiều dài và 1-1,5 cm chiều rộng. Lá có màu xanh đậm, xanh nhạt tùy thuộc vào giống. Mặt trên của lá có lông tơ bao phủ. Theo nhiều thí nghiệm cho thấy tốc độ dẫn nước của lá mè không mở quả nhanh hơn lá mè mở quả. Do đó, những vùng thiếu nước thì không thích hợp cho giống mè mở quả.
Hoa	Hoa hình chuông. Cuống hoa ngắn, tràng hoa gồm 5 cánh hợp thành hình chuông. Đài hoa màu xanh, 5 cánh cạn. Ống hoa dài 3 - 4 cm. Hoa mọc ở nách lá thành chùm. Mỗi chùm có 4 - 8 hoa. Nhị đực 5 nhưng có 1 bất dục. Bầu nhụy nằm trên đài hoa, có 2 ngăn với nhiều vách giả.
Quả/trái	Quả nang, tiết diện hình chữ nhật, có rãnh sâu, có đầu nhọn hình tam giác ngắn. Hình dạng của quả cũng là một yếu tố để phân biệt các giống. Chiều dài quả thay đổi từ 2,5 - 8cm, đường kính quả thay đổi từ 0,5-2 cm số vách ngăn từ 1-12, quả thường có lông
Hạt	Hạt nhỏ, thường có hình trứng hơi dẹp, trọng lượng 1000 hạt từ 2 - 4 g. Vỏ láng hoặc nhăn màu đen, trắng, vàng, nâu đỏ hay xám, cũng có hạt màu xám nâu, xanh olive và nâu đậm. Hạt tương đối mảnh và chứa rất nhiều dầu, do đó, dễ mất sức nảy mầm sau khi thu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Thuốc lợi sữa: Vừng đen sao qua, giã nhỏ cho thêm ít muối ăn hằng ngày cho lợi sữa, chữa phụ nữ cạn sữa.	x		
2	Bổ ngũ tạng, mạnh gân cốt, nhuận tràng và bổ Sung vitamin E cho cơ thể (Cháo vừng): Vừng đen 6g sao thơm để riêng, gạo tẻ 30g, cho vào nồi thêm nước nấu thành cháo. Khi cháo chín cho vừng vào khuấy đều, thêm chút đường cho vừa khẩu vị. Dừng làm món ăn điểm tâm buổi sáng.	x		
3	Chữa viêm mũi mạn tính: Lấy một ít dầu vừng đem đun sôi, giữ nhỏ lửa cho sôi nhẹ 15 phút. Khi nguội, đổ dầu vào lọ sạch có nút kín, dùng dần. Ngày nhỏ mũi 3 lần: mới đầu chỉ nhỏ 2-3 giọt, khi đã quen thì tăng lên 4-5 giọt. Sau khi nhỏ thuốc không cử động mạnh 2-3 phút cho dầu lan ra ngấm kỹ vào niêm mạc mũi. Dùng sau 2 tuần sẽ khỏi bệnh.	x		
4	Trẻ con bị xích bạch ly : Dùng dầu vừng 5 hay l0g tùy theo tuổi hòa với mật ong cho uống.	x		
5	Giúp đẹp da và ngăn ngừa tóc rụng, bạc: Vừng đen 500g. Đem phơi khô, sao cho chín, tác thành bột mịn và bảo quản trong lọ. Mỗi lần dùng 1-2 thìa cho vào bát, thêm đường phèn và đổ nước sôi vào khuấy thành chè.	x		
6	Chữa chứng khí huyết cùng suy: Lá vừng đen tươi 1 bó. Rửa sạch và hãm với nước sôi, uống thay nước trà.	x		
7	Chữa vết rết cắn: 1 ít mè. Nhai nhuyễn mè và đắp vào vết cắn.	x		
8	Làm giảm buồn nôn và nôn mửa: 1 bát vừng đen. Giã nát vừng đen, sau đó thêm nước sôi vào để nguội. Ép lấy nước cốt và uống trực tiếp (hoặc pha thêm 1 muối).	x		
9	Chữa bỏng nước sôi nhẹ: 1 ít dầu mè hoặc 1 ít hạt mè đen. Giã nát mè đen và đắp lên chỗ bỏng hoặc thoa trực tiếp dầu mè ngay sau khi bị bỏng.	x		
10	Chữa nhũ ung (áp-xe vú): 1 ít hạt mè tươi. Nhai nhuyễn hạt mè rồi đắp lên vùng vú sưng đau. Thực hiện vài lần/ ngày cho đến khi khỏi hẳn.	x		
11	Chữa kiết lỵ mới phát: 30g mè đen. Ăn sống 30g mè đen/ngày liên tục trong 3 ngày.	x		
12	Chữa mụn nhọt, lở loét: Lấy 1 muỗng canh mè đen. Rang mè đen, sau đón tán nhỏ. Vệ sinh máu mủ trên nhọt với nước muối ấm, sau đó đắp bột mè lên vết nhọt. Thực hiện vài lần cho đến khi khỏi.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa tai ù: 1 ít dầu mè. Nhỏ một ít dầu mè vào bên trong tai, ngày nhỏ 2 – 3 lần và duy trì cho đến khi khỏi hẳn (Báo Dân tộc và Phát triển, 2021).	x		
14	Chữa táo bón: Mỗi buổi sáng, uống 1 chén (nhỏ) dầu mè hoặc ăn một nắm hạt mè là khỏi, hoặc có thể nấu cháo mè ăn cho dễ (Thầy thuốc của bạn).	x		
15	Chữa viêm đại tràng mãn tính: Mè đen 40g rang bốc mùi thơm và 1 bát mật mía, mỗi lần uống 1 thìa canh vừng trộn lẫn với 1/3 thìa canh mật, uống ngày 2 lần, uống liên tục trong một tháng (Thầy thuốc của bạn).	x		
16	Chữa kiết lỵ mới phát: Ăn sống mè đen mỗi ngày 30 g (ăn trong 3 ngày) (Thầy thuốc của bạn).	x		
17	Thuốc chữa cao huyết áp: Vừng đen, hà thủ ô, ngưu tít, các vị bằng nhau tán nhỏ, dùng mật viên thành viên bằng hạt ngô. Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 10g, dùng chữa bệnh cao huyết áp, mạch máu bị xơ cứng, bị cảm mà bán thân bất toại, táo bón (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
18	Chữa chân tay đau buốt hơi thũng: Đây là chứng do thấp nhiệt thâm nhiễm làm chân tay đau buốt và hơi thũng. Cách chữa: lấy 40g hạt vừng đen, rang có mùi thơm, tán bột, đổ vào 40g rượu, ngâm trong một đêm, chia đều uống nhiều lần, bệnh sẽ giảm dần và khỏi (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
19	Chữa trĩ: Vừng đen 12g, sinh địa 12g, bạch thược 12g, trắc bách diệp 12g, đương quy 9g, xuyên khung 9g, hồng hoa 9g, đào nhân 9g, hoè hoa 9g, đại hoàng 4g. Sắc uống, ngày 1 thang (Nguyễn Đức Quang, 2010).	x		
20	Chữa cơ thể suy nhược: Vừng đen 100g, lá dâu non 100g. Vừng đen rang, lá dâu non đồ chín, sấy khô; tất cả tán thành bột, luyện với mật ong làm viên. Ngày uống 10 – 20g (Nguyễn Đức Quang, 2010).	x		
21	Chữa vảy nến: Vừng đen 12g, huyền sâm 12g, sinh địa 12g, Ké đầu ngựa 12g, hà thủ ô 12g. Sắc uống, ngày 1 thang (Nguyễn Đức Quang, 2010).	x		
22	Thuốc bổ âm: Vừng đen 500g, thục địa 1000g, lá dâu non (đồ chín sấy khô) 500g, hạt sen 150g, lá Vông nem 100g. Tất cả tán bột, luyện với mật làm hoàn. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g (sáng, tối) (Nguyễn Đức Quang, 2010).	x		
23	"Kiện thân ích thọ" (dùng cho người cao tuổi), chữa tóc bạc sớm, đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, thiếu máu, táo bón (Cháo vừng - chi ma chúc): Gạo tẻ, vừng đen liều lượng đều nhau, cùng đem nấu cháo, thêm đường hoặc muối. Ăn nóng hoặc nguội vào các bữa điểm tâm, bữa phụ (Nguyễn	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Đức Quang, 2010).			
24	Chữa tăng huyết áp, xơ cứng mạch máu, táo bón: Vừng đen 50g, hà thủ ô 50g, ngưu tất 50g. Tán thành bột mịn, luyện với mật làm hoàn. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 10g (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		
25	Chữa viêm loét giác mạc do thiểu dưỡng, đặc biệt là do thiếu vitamin A ở trẻ em, người già: Gan gà rán tẩm bột gừng đen: Gan gà 250g, vừng đen 100g, trứng gà 2 quả. Vừng đen rang chín tán mịn; gan gà rửa sạch thái lát, cho muối tiêu gừng Hành gia vị, xào chín. Trứng gà đập vào bát, trộn với bột rán; sau đó tẩm trộn đều gan gà với bột vừng đen. Cho dầu rán vào chảo, khi dầu sôi, cho gan gà đã tẩm bột vừng trứng vào chiên chín. Ăn trong ngày làm 1 lần hay 2 lần. Đợt dùng 7 – 20 ngày (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		
26	Chữa viêm khí phế quản mạn, táo bón kinh diễn ở người cao tuổi (Cao lỏng vừng đen): Vừng đen 250g, gừng tươi 120g, đường phèn 120g, mật ong 120g. Vừng đen rang chín tán mịn; gừng tươi nghiền vụn vắt nước, thêm mật và đường phèn, đun lại cho sôi, trộn với bột vừng đen, để nguội; cho trong lọ đậy kín. Ngày 2 lần sáng, chiều, mỗi lần ăn một thìa canh (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		
27	Chữa lao phổi, ho gà, hen suyễn (Vừng đen ăn với chân giò hầm): Vừng đen 250 gam, rang chín, tán mịn. Mỗi lần ăn 10 – 15g, ăn kèm với canh chân giò hầm, ngày 2 – 3 lần. Dùng cho phụ nữ sau đẻ ít sữa. Chi ma đào nhân hoàn: Hắc chi ma (vừng đen) 250g, đào nhân 150g, mật ong 150ml. Đào nhân, vừng đen rang sấy khô tán mịn, trộn mật ong làm hoàn; mỗi viên hoàn 9g. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		
28	Chữa đạm niệu: Dùng 500g Mè đen, Hạch đào nhân 500g, tán bột mịn, mỗi lần uống 20g với nước ấm và ăn 7 quả táo, ngày 3 lần, uống hết thuốc là 1 liệu trình. Đã trị nhiều ca viêm thận mạn, thận hư nhiễm mỡ, thường là hết đạm niệu sau 1 liệu trình (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		
29	Chữa tăng huyết áp, xơ cứng động mạch, suy nhược thần kinh: có triệu chứng can thận âm hư như đau đầu, chóng mặt, hoa mắt, ù tai, huyết hư, chân tay tê dại, âm hư hiếp thống, tiện táo, dùng bài: Tang chi ma: Tang diệp 1 cân (tán bột mịn), Mè đen 4 lạng (chưng chín giã nát), dùng nước làm hoàn, mỗi lần uống 6 - 12g (Nguyễn Đức Quang, 2018).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
30	Chữa táo bón do khí hư: Mè đen sao tán bột 1 - 2 muỗng canh, trứng gà 1 quả, trộn đều, đỏ nước sôi thành hồ, thêm ít đường mật trộn vào uống. Trị chứng thận hư (Vương Long, 2020).	x		
31	Chữa chứng táo bón và khó khăn khi đại tiện: Hà thủ ô đỏ, long nhãn, bá tử nhân, kỷ tử, quả Dâu tằm mỗi vị 100g, 1 ít mật ong và vừng đen 200g. Đem các vị tán thành bột mịn, sau đó luyện với mật ong làm thành viên. Ngày dùng từ 10-20 viên hoặc có thể sắc thuốc uống (Vương Long, 2020).	x		
32	Chữa chứng táo bón và khó khăn khi đại tiện: Bá tử nhân, đại táo, xuyên khung, vừng đen và bá tử nhân mỗi vị 8, bạch thược và thục địa mỗi vị 12g. Đem các dược liệu cho vào ấm và sắc uống ngày 1 thang (Vương Long, 2020).	x		
33	Chữa cao huyết áp: Mè đen, Hà thủ ô, Ngưu tất lượng bằng nhau, tán nhỏ, dùng mật viên, ngày uống 10g x 3 lần (Vương Long, 2020).	x		
34	Chữa đầy chướng bụng và ăn không tiêu: Một ít vừng đen. Giã nát và đem nấu với cháo, thêm 1 vỏ quýt khô (trần bì). Khi ăn, nêm nếm cho vừa miệng, dùng 2-3 lần là khỏi (Báo Dân tộc và Phát triển, 2021).	x		
35	Chữa chứng đau buốt chân tay: Hạt vừng đen 40g và rượu. Rang vừng cho thơm, sau đó tán bột và ngâm với rượu trong 1 đêm. Sau đó chia rượu thành nhiều lần uống và dùng liên tục trong nhiều ngày (Vương Long, 2020).	x		
36	Chữa tiểu ra đạm và viêm thận mãn tính: Vừng đen và quả óc hỗ mỗi thứ 500g, 1 ít táo đỏ. Dùng các nguyên liệu tán thành bôt mịn. Mỗi lần dùng 20g uống với nước, sau đó nhai thêm 7 quả táo, ngày thực hiện 3 lần (Báo Dân tộc và Phát triển, 2021).	x		
37	Chữa lưng đau gối mỏi và tay chân sức yếu: Bo bo, rượu, thục địa và vừng. Bọc dược liệu trong túi vải và ngâm với rượu trong 1 tuần và uống khi bụng đói (Báo Dân tộc và Phát triển, 2021).	x		

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Không dùng cho người đang bị tiêu chảy.

Thận trọng khi sử dụng vừng cho người âm suy và cơ thể khô ráo.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

518. Xạ can — *Iris domestica* (L.) Goldblatt & Mabb., 2005

Rẻ quạt, Lưỡi đòng, Bạch quả

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, hóa đàm bình suyễn. Chữa viêm họng, viêm amydal có mủ, ho nhiều đờm, khản tiếng, viêm tắc tuyến vú, tắc tia sữa

Tính vị: Vị đắng, tính hàn.

Quy kinh: Chưa tìm thấy tài liệu nghiên cứu nào

Bộ phận dùng: Thân rễ, lá

Thành phần hóa học: Trong thân rễ có glucosid và belamcandin, shekanin, tectoridin, iridin và irisflorentin

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoài thành phố Cà Mau ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây Xạ Can tại các huyện khác của tỉnh
Sinh cảnh	Cây Xạ Can vừa có thể mọc tự nhiên vừa có thể trồng, chúng được tìm thấy trong vườn nhà, vườn thuốc nam và ven sông ven đường đi
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 10, Tháng 7 đến 10
Thu hoạch	Thu hái vào mùa thu.
Chế biến	Lấy nước ngâm mềm, thái nhỏ, phơi khô. Dùng tươi: rửa sạch, giã với ít muối, ngậm. Dùng khô: mài thành bột trong bát nhám, uống với nước
Bảo quản	Để nơi khô ráo

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Liliopsida (Một lá mầm)
  - **Bộ**: Asparagales (Măng tây)
    - **Họ:** Iridaceae (Diên vĩ)
      - **Chi**: Iris
        - **Loài**: *I. domestica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống nhiều năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao 0,5 – 1m.
Thân cây	Thân nhỏ mang lá mọc thẳng đứng, dài tới 1m. Thân cây được dựng lên với màu xanh xám, khá giống với thanh kiếm mọc dài. Cây phân nhánh nhiều.
Lá cây	Lá hình ngọn giáo dài, nơi có bẹ, mọc xen kẽ thành 2 vòng (lá xếp 2 dãy). Lá hình dải, có bẹ mọc ốp vào thân và xòe ra như cái quạt. Gân lá song song mọc sít nhau.
Hoa	Cụm hoa có cuống dài 20-40cm. Hoa có cuống, bao hoa có 6 mảnh màu vàng da cam có đốm tía. Hoa màu vàng cam điểm những đốm tía.. .
Quả/trái	Quả nang hình trứng, chứa nhiều hạt.
Hạt	Hạt nhỏ hình cầu, màu xanh đen, bóng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị rối loạn kinh nguyệt: Dùng 5-10g lá Xạ can, sắc uống hoặc bột, làm viên ngậm uống (Y Dược học Việt Nam).	x		
2	Chữa đau họng: Lấy lá cây rẻ quạt, rửa sạch, thêm một ít muối, rồi nhai nuốt nước (Y Dược học Việt Nam, nd).	x	x	
3	Chữa ho hen, tiêu độc sát trùng: Lấy cả cây rẻ quạt, rửa sạch, băm nhỏ, phơi khô; sắc uống hàng ngày (Y Dược học Việt Nam, nd)	x		
4	Chữa tắc tia sữa và rắn cắn: Lấy lá rửa sạch, giã nát, lấy nước uống; bã đắp vào tia sữa tắc hoặc vết rắn cắn (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
5	Trị khớp gối viêm, té ngã tổn thương: Xạ can 90g, ngâm với 500ml rượu một tuần, Mỗi lần uống 20ml, ngày 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
6	Trị táo bón, tiểu bí: Rễ Xạ can, giã vắt lấy nước cốt 1 chén, uống thì thông ngay (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
7	Trị hủy cổ, bụng to như cái trống, trong bụng kêu óc ách, da xám đen: Quả Xạ can, giã vắt lấy nước cốt, uống 1 chén thì sẽ tiêu tiểu xuống thông ngay (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
8	Trị âm sán sưng đau, đau như kim đâm vào hông sườn: Xạ can sống, giã nát, vắt lấy nước cho uống, hễ đi tiểu được là khỏi. Hoặc dùng Xạ can tán bột làm viên cũng tốt (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
9	Trị quai bị: Rễ Xạ cantươi 10-15g, sắc uống, ngày hai lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Chữa ho, viêm họng: Xạ can phối hợp với rễ Mạch môn, Húng chanh, hoa Đu đủ đực, đem giã nhỏ, hấp cơm, hoặc với rễ Cam thảo đất, rễ Đậu săng, giã ngậm (Võ Văn Chi, 2012).	x		
11	Chữa tắc cổ họng: Xạ can 4g, hoàng cầm 2g, sinh cam thảo 2g, cát cánh 2g. Các vị tán nhỏ, dùng nước lã đun sôi để nguội mà chiêu thuốc. Bài thuốc này có tên là "đoạt mệnh tán" nghĩa là cướp lại tính mệnh đã nguy cấp (Tra cứu dược liệu, nd)	x		
12	Ôn phế hóa đàm, chỉ khái, định suyễn: Xạ can 12 g, Ma hoàng 12 g, Tử uyển 12 g, Khoản đông hoa 12 g, Sinh khương 12 g, Bán hạ 12 g, Tế tân 4 g, Ngũ vị tử 6 g, Đại táo 3 quả.Sắc nước chia 3 lần uống trong ngày (Tra cứu dược liệu, nd)	x		
13	Trị quai bị: Xạ can, Tiểu huyết đằng (lá), nghiền nát, đắp chỗ sưng (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
14	Trị ho mà khí nghịch lên, trong họng có nước khò khè như gà kêu: Xạ can 13 củ, Ma hoàng 120g, Sinh khương 120g, Tế tân, Tử uyển, Khoản đông hoa đều 90g, Ngũ vị tử ½ thăng, Đại táo 7 trái, Bán hạ(chế). Sắc Ma hoàng với 1 đấu 2 thăng nước cho sôi, vớt bỏ bọt, cho các vị kia vào nấu còn 3 thăng, chia làm 3 lần, uống ấm (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
15	Trị ghẻ lở do trúng phải xạ độc: Xạ can, Thăng ma, đều 80g,sắc với 3 chén nước, uống nóng, bã đắp vết thương (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
16	Trị sốt rét lâu ngày, có báng: Xạ can, Miết giáp (chế), sắc uống hoặc làm thành viên uống (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
17	Trị họng sưng đau, ăn uống khó: Tử hồ điệp căn (tức Xạ can) 4g, Hoàng cầm, Cam thảo (sống), Cát cánh đều 2g. tán bột, hòa với nước mát uống hết là khỏi (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
18	Trị bạch hầu: Xạ can 3g, Sơn đậu căn 3g, Kim ngân hoa 15g, Cam thảo 6g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
19	Trị khớp gối viêm, té ngã tổn thương: Xạ can 90g, ngâm với 500ml rượu một tuần, Mỗi lần uống 20ml, ngày 2 lần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
20	Chữa viêm họng: Sử dụng cỏ nhọ nồi và Bồ công anh mỗi loại 25g, rễ cây rẻ quạt 14g, kim ngân hoa 18g, Cam thảo đất 17g, cho tất cả vào nồi sắc lấy nước uống trong ngày. Dùng mỗi ngày 1 liều, sử dụng liên trục trong 3 – 5 ngày.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
21	Chữa viêm phế quản: Sử dụng rễ cây rẻ quạt, bách bộ, vỏ quýt, bạc hà, mạch mon, vỏ rễ dâu, cam thảo, huyền sâm mỗi bị từ 10 – 14g, có tất cả vào nồi sắc lấy nước, uống hàng ngày.	x		
22	Tri viêm họng: Lấy nửa lá Xạ can nhai, bỏ xác, nuốt nuốt, ấm cổ bớt đau			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Phụ nữ có thai không dùng

Hạt của Xạ can có độc nhẹ, nhưng với những biến thể được chiết xuất tinh dầu từ thân, rễ thì nên lưu ý trong việc sử dụng.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

519. Xà cừ — *Khaya senegalensis* (Desv.) A.Juss., 1830

Sọ khỉ, Quả gỗ

Công dụng: Dân gian dùng lá nấu nước đặc rửa, lấy bã xát chữa bệnh ghẻ; cũng dùng lá non giã nhỏ, trộn rượu, nướng đắp chữa sưng vú.

Tính vị: Vỏ có vị chát, đắng. Không dùng để uống mà chỉ dùng bôi ngoài da.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn bộ thân, vỏ, hoa, quả, lá đều có tác dụng chữa bệnh

Thành phần dinh dưỡng: Hạt xà cừ có chứa tới 67% dầu béo và axit olic.

Thành phần hóa học	Trong vỏ cây có các chất gây chát có tên alkaloid, ngoài ra còn một số hoạt chất chưa xác định.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Phi.
Phân bố ở Cà Mau	Ngoài thành phố Cà Mau ra thì chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy cây Xà Cừ tại các huyện khác của tỉnh
Sinh cảnh	Cây Xà Cừ có thể mọc tự nhiên và được trồng trong vườn nhà, ven bờ sông, ven đường và trong các vườn thuốc nam
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Lá non thu hái vào mùa xuân.
Chế biến	Lá non dùng tươi.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)

→ **Họ:** Meliaceae (Xoan)

→ **Chi**: Khaya (Xà cừ)

→ **Loài**: *K. Senegalensis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân gỗ lớn
Chiều cao cây	Cây cao 20-30m
Đường kính cây	Đường kính 80 – 100cm
Vỏ cây	Vỏ lúc non có màu xám, nhẵn, khi già bong thành từng vẩy tròn như khảm xà cừ
Thân cây	Thân to, tròn, cao 20-30m. Cây chia cành sớm.
Lá cây	Lá mọc so le, lúc non màu tím, kép lông chim chẵn, mọc cách, có 4-5 đôi lá chét hình thuẫn, đầu có mũi lồi ngắn, mép nguyên.
Hoa	Hoa xếp thành chùm tròn ở nách lá đầu cành.. Hoa nhỏ, vàng, đều; ống nhị hình cầu; ống nhị hình tròn, 8 bao phấn dính phía trong ống nhị, vòi nhụy dài, đầu nhụy hình đĩa.. .
Quả/trái	Quả nang hình cầu, vỏ hóa gỗ. Khi chín nứt thành 4 mảnh.
Hạt	Hạt tròn, dẹt có cánh mỏng bao quanh.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị bệnh ghẻ: Vỏ Xà cừ đem đun lên, chắt lấy phần nước tắm chỉ sau 1 tuần sẽ khỏi. Đối với trẻ nhỏ nên sử dụng lượng vỏ Xà cừ vừa phải tránh đun nước quá đặc trẻ bị say (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Trị bệnh ho: Cạo vỏ cây Xà cừ đến lớp thịt màu vàng sẫm, cắt lấy phần vỏ vàng đó ngâm với quất xanh và mật ong (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Chữa sưng: Lá non Xà cừ giã nhỏ trộn với rượu rồi đắp lên vùng bị sưng (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Trị ngứa: Lấy vỏ Xà cừ nấu nước tắm			x

Lưu ý khi sử dụng: *Vỏ cây, đặc biệt là dầu hạt có độc nên tuyệt đối không dùng để uống. Khi dùng vỏ xà cừ tắm cho trẻ nhỏ cần pha loãng, tránh hiện tượng trẻ bị say.*

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

520. Xạ đen — *Ehretia asperula* Zoll. & Moritzi, 1846

Dót, Xạ đen Hòa Bình, Bách giải, Xạ đen cuống, Xạ cái, Su bao hou ke shu (Trung Quốc), Bach van hoa,

Công dụng: Dùng trong phạm vi nhân dân chữa ung nhọt, lở loét, chữa các trường hợp gầy mòn, rối loạn tiêu hóa, giúp ăn ngon, mát huyết, thông kinh lợi niệu. Chữa kinh nguyệt không đều, bế kinh, viêm gan, trị mất ngủ, vàng da, chữa chứng vô sinh. Có thời gian Xạ đen được dùng như một cây thuốc chữa ung thư.

Tính vị: Vị đắng nhạt, tính hàn.

Quy kinh: Kinh Can

Bộ phận dùng: Thân cành và lá

Thành phần hóa học	Flavonoid, các polyphenol, tanin, acid amin, đường khử, cyanoglycosid, triterpenoid.
Nguồn gốc	Tại Việt Nam, cây xạ đen được tìm thấy lần đầu tiên vào năm 1998 tại Hòa Bình.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xạ Đen có thể dễ dành tìm thấy trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Chúng phân bố hầu hết ở 09 đơn vị hành chính của Tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Cây Xạ Đen là loài cây phải gây trồng nên đa số người dân và các chuyên gia đều trồng nó trong vườn nhà hoặc vườn thuốc nam, khi thiếu diện tích họ cũng có thể trồng nó ven bờ sông hoặc đường đi.
Mùa hoa quả	Tháng 7 đến 11, Tháng 1 đến tháng 2 năm sau
Thu hoạch	Có thể thu hoạch loài cây này vào bất cứ thời điểm nào trong năm.
Chế biến	Các bộ phận của cây xạ đen sẽ được cắt thành từng đoạn và đem phơi khô.
Bảo quản	Sau khi nguyên liệu đã khô thì thường được giữ ở nơi khô thoáng, tránh tình trạng ẩm thấp có thể gây mốc, làm giảm hiệu quả của thuốc.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Boraginales (Vòi voi)

Họ: Boraginaceae (Vòi voi)

Chi: Ehretia (Dót)

Loài: *E. Asperula*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây bụi trườn
Chiều cao cây	Cây dài 3 - 5m hoặc hơn
Thân cây	Cành non có lông mịn, sau nhẵn, màu nâu xám.
Lá cây	Lá đơn, mọc so le, phiến lá nguyên, dai, không khía răng cưa, hình bầu dục, kích thước 3 - 12 x 2 - 6 cm, chóp lá tù hay có mũi nhọn, gốc tròn, có 4 - 6 đôi gân bên, hai mặt lá nhẵn, hay mặt dưới có lông dọc theo gân lá. Cuống lá dài 6 - 15mm.
Hoa	Cụm hoa là một xim ở đầu cành nhỏ, dài 4 - 5cm, đường kính 4 - 6cm, có lông mịn. Lá bắc hình dải đến hình ngọn giáo, dài 3 - 10mm, tồn tại. Hoa nhỏ, có cuống dài 1,5 - 3mm. Đài hoa màu nâu, cao 1,5 - 2,5mm, 5 thuỳ, có lông mịn. Tràng màu trắng, phần dưới dính liền thành hình phễu, dài 3,5 - 4mm, họng rộng 5mm, 5 thuỳ hình trứng hay tam giác, dài 2 - 2,5mm. Nhị 5, chỉ nhị dài 3,5 - 4mm, đính cách gốc tràng khoảng 1mm. Bao phấn hình mũi tên, dài khoảng 1mm. Bầu gần hình cầu. Vòi nhuỵ dài 3 - 4mm, xẻ nhánh dài khoảng 1mm.. .
Quả/trái	Quả hạch, khi chín màu đỏ hay màu cam, đường kính 3 - 4mm, có 4 hạch, mỗi hạch chứa một hạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Hỗ trợ điều trị cao huyết áp, bình ổn huyết áp: Đun lá cây Xạ đen với nước uống mỗi ngày, hoặc pha trà uống hàng ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Hỗ trợ máu nhiễm mỡ, gan nhiễm mỡ: Sử dụng nước đun sắc từ cây thuốc nam này mỗi ngày, tình trạng máu nhiễm mỡ hay mỡ có trong gan (Thầy thuốc của bạn).	x	x	
3	Chữa mụn nhọt, vết lở loét: Lấy khoảng 4 – 5 lá cây Xạ đen giã nát sau đó đắp vùng da bị vùng da bị lở loét, mụn nhọt sau khi đã được vệ sinh sạch sẽ trong vòng 15 phút. Sau đó tiến Hành rửa sạch lại với nước sạch	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	(caythuocviet.vn)			
4	Điều trị tiểu đường: Dùng 20g lá Xạ đen, rửa sạch, ngâm vào thau nước muối pha loãng và vớt ra để ráo nước. Cho dược liệu vào nồi sắc cùng 500ml nước trên lửa nhỏ. Khi nước cạn xuống còn 200ml thì tắt bếp, chắt lấy phần nước thuốc uống hết hằng ngày. Nên uống trước khi ăn để đạt hiệu quả tối đa (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc).	x	x	
5	Tăng cường sức đề kháng: Dùng 70g Xạ đen tươi, lấy cả phần lá và thân cành, rửa sạch qua nước muối và nước sạch. Cho dược liệu vào ấm sắc cùng 1.5 lít nước trên lửa nhỏ trong vòng 20 phút thì tắt bếp. Đổ nước ra chén, chỉ gạn lấy phần nước trong và chia làm nhiều phần, uống hết trong ngày (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc).	x		
6	Cầm máu, điều trị mụn nhọt: Chuẩn bị 5 lá Xạ đen tươi, rửa sạch và ngâm vào nước muối để diệt hết vi khuẩn. Sau khi lá ráo nước thì đem giã nát, đắp trực tiếp lên vùng da chảy máu do tổn thương, dùng băng gạc cố định lại và giữ yên trong khoảng 20 – 30 phút. Sau đó tháo ra và rửa lại bằng nước ấm. Lưu ý trước khi đắp nên vệ sinh vùng da bị bệnh bằng dung dịch sát khuẩn thông dụng để tránh nhiễm khuẩn (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc).	x		
7	An thần, điều trị mất ngủ: Dùng khoảng 50g Xạ đen dược liệu tươi hoặc khô đều được. Nếu Xạ đen tươi hãy rửa sạch và đem đi phơi khô và cho vào ấm thuốc sắc cùng 1 lít nước trên lửa vừa. Lọc lấy phần nước thuốc, chú ý gạn thật kỹ để tránh các cặn lá và uống thay trà hằng ngày. Lưu ý nên uống hết trong ngày và nấu mới trong ngày tiếp theo, không uống trà để qua đêm vì sẽ không đạt công dụng tối đa (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc).	x		
8	Thông kinh, lợi niệu, giải nhiệt: Rửa sạch bụi bẩn qua vài lần nước, ngâm vào thau nước muối để loại bỏ vi khuẩn bám trên bề mặt. Đem đi sao vàng hạ thổ, cho vào bình hãm cùng nước sôi trong vòng 20 phút. Chắt nước ra chén, đợi cho nguội bớt thì uống hết trong ngày (Viện Y dược Cổ truyền Dân tộc).	x		
9	Tăng cường khả năng miễn dịch, giảm mệt mỏi căng thẳng, giảm đau, hỗ trợ điều trị ung thư, tiểu đường: Xạ đen, Nấm linh chi, Giảo cổ lam mỗi thứ 15g, sắc uống hàng ngày (Viện Y học bản địa Việt Nam, 2012).	x		
10	Hỗ trợ điều trị ung thư bằng hóa chất, tia xạ: Xạ đen 30g, Cỏ lưỡi rắn 20g, Cam thảo dây 6g, hãm uống như trà hàng ngày (Viện Y học bản địa Việt Nam, 2012).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
11	Hỗ trợ điều trị các bệnh về gan: Nguyên liệu: 50g Xạ đen, 30g Cà gai leo và 10g mật nhân. Cho tất cả nguyên liệu trong 1 thang thuốc rồi cho vào nấu cùng với khoảng 2 lít nước trong khoảng 15 phút. Lúc này tinh chất của các nguyên liệu sẽ tan dần trong nước. Dùng uống thay nước hàng ngày. Nhớ không được để qua đêm (thuocdongduoc.vn, 2021).	x		
12	Hỗ trợ phòng ngừa bệnh tiểu đường: Nguyên liệu: 20g cây Xạ đen khô, 15g nấm linh chi, 20g giảo cổ lam. Cho tất cả các nguyên liệu trên vào ấm sắc với 1000ml nước, uống thay nước hàng ngày sử dụng thường xuyên trong vòng 2 – 3 tháng giúp phòng ngừa bệnh tiểu đường hiệu quả (Vũ Đình Tâm, 2021).	x		
13	Hỗ trợ chữa trị ung thư: Chuẩn bị 40g cây Xạ đen, 20g bán chi liên và 30g bạch hoa xà. Rửa sạch tất cả các dược liệu, cho vào siêu sắc cùng 1.5 lít nước. Đun trên lửa nhỏ khoảng 15 phút, khi thấy nước cạn xuống 600ml thì tắt bếp. Lọc lấy phần nước thuốc cho ra chén, chia làm nhiều phần và uống hết trong ngày. Nên uống sau mỗi bữa ăn để đạt hiệu quả tốt nhất (Vũ Đình Tâm, 2021).	x		
14	Giải cảm, giải nhiệt, sạn mật: Lá khô nấu nước uống thay trà			x
15	Giải độc cơ thể: nấu 1 ấm 1 lít nước , 10 lá tươi hoặc khô nấu sôi uống			x
16	Giải độc gan: Xạ đen , cây nổ , cây muối , Nhân trần , dây voi , Mắc cỡ , Lá lốt , phơi khô nấu nước uống, nấu 3 chén nước đến khi còn 8 phân			x
17	Giải nhiệt: lấy vài lá Xạ đen phơi khô, nấu nước uống			x
18	Mát gan, trị bệnh đường ruột, hạ men gan: Lấy vài lá Xạ đen tươi hoặc phơi khô, nấu nước uống như nước trà			x
19	Mát gan, trị u xơ tuyến vú, ung thư: Lấy thân và lá Xạ đen đem phơi khô. Sau đó lấy một nhúm nấu nước uống			x
20	Mát gan: Lấy vài lá Xạ đen tươi hoặc khô nấu nước uống hàng ngày			x
21	Tăng huyết áp: lá tươi (5 - 6 lá) bỏ vô bình thủy rồi đổ nước sôi vô rồi uống			x
22	Trị bướu cổ, gan, ung thư gan: 5 - 6 lá khô Xạ đen , 1 nắm Cải trời, sắc uống			x
23	Trị bướu: lá phơi khô (5 - 6 lá), ngâm nước uống hàng như uống trà			x
24	Trị bướu: lấy 1 nắm lá nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
25	Trị bướu: Lấy Xạ đen, Đuôi chuột, Bìm bịp: mỗi thứ 1 nắm, phơi khô, nấu nước uống hàng ngày (uống liên tục trong vài tháng)			x
26	Trị cao huyết áp, vôi cột sống, tiểu đường: lấy 3 lá nấu nước uống, 1 ngày uống 1 ngày nghỉ			x
27	Trị gan: - Cách 1: Lấy thân (đã vạt mỏng) hoặc/và lá Xạ đen (tươi hoặc khô) sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống. - Cách 2: Lấy khoảng 50g Xạ đen, 30g Cà gai leo,10g Mật nhân, nấu với 2 lít nước trong 15 phút, uống thay nước hàng ngày. - Cách 3: Lấy thân, lá Xạ đen, Đuôi chuột phơi khô nấu nước uống - Cách 4: Lấy Xạ đen, tay Đu đủ, củ Sả nấu nước uống. - Cách 5: Lấy thân, lá Xạ đen và 1 nắm cây Cam thảo đất nấu nước uống hoặc đâm với muối uống. - Cách 6: Lấy Mắc cỡ, Bình bát, Xạ đen, An xoa, hoa Đu đủ, Ngãi cứu, củ Sâm đất, Đinh lăng, mỗi thứ 1 nhúm nấu với 4 chén đến khi còn lại 8 phân, uống. - Cách 7: Lấy Xạ đen, Đinh lăng, Sả nấu với 1 trái dừa, uống. - Cách 8: Lấy Trinh nữ hoàng cung, tay Đu đủ, Xạ đen: mỗi thứ 1 nhúm nấu nước uống hàng ngày			
28	Giải độc, trị mất ngủ, ngừa ung thư, trị tiểu đường: Lấy vài lá Xạ đen (tươi hoặc khô) nấu nước uống			x
29	Ngừa ung thư: Lấy lá Xạ đen tươi hoặc khô (nam 7 lá, nữ 9 lá) nấu nước uống (nấu loãng hoặc sắc 3 chén còn 8 phân). Hoặc lấy Xạ đen, tay Đu đủ, củ Sả nấu nước uống. Hoặc lấy thân, lá Xạ đen và 1 nắm cây Cam thảo đất nấu nước uống hoặc đâm với muối uống.			x
30	Trị huyết áp, tim mạch: bỏ 3 - 4 lá châm bình thủy uống hàng ngày			x
31	Trị mất ngủ: Bẻ 5-6 lá Xạ đen (tươi) bỏ vào ca, đổ nước sôi vào, khoảng 20 phút là uống được. Uống thường ngày. Hoặc chặt thân Xạ đen phơi khô, nấu nước uống.			x
32	Trị mật: Lấy 1 nắm tay Xạ đen với 1 lít nước nấu sôi uống. Hoặc nấu 1 nắm lá Xạ đen với khoảng 1 lít nước nấu uống (uống như uống nước hàng ngày). Hoặc Lấy thân, lá Xạ đen, Cà gai leo, Mật nhân nấu nước uống (nấu loãng)			x
33	Trị máu nhiễm mỡ: Lấy thân, lá Xạ đen, Đuôi chuột phơi khô nấu nước uống			x
34	Trị men gan cao, cao huyết áp: Lấy 5 lá Xạ đen, 1 lá Bồ công anh nấu nước uống			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
35	Trị mụn nhọt: Lấy1 nắm thân lá Xạ đen sắc với 3 chén nước đến khi lại còn 8 phân, uống.			x
36	Trị tiểu đường: Lấy 7-8 lá Xạ đen (tươi) nấu nước uống			x
37	Trị ung bướu vú: Lấy lá Xạ đen (tươi) và ít muối, đâm, lấy hỗn hợp đắp lên vết bướu. Đắp 2 - 3 phút lấy ra, đắp lâu sẽ nóng			x
38	Trị ung thư gan: Lấy 4 - 5 lá Xạ đen (khô), 1 nắm lá Đinh lăng (tươi) nấu nước uống. Nấu đủ uống trong ngày, uống hàng ngày.			x
39	Trị ung thư: - Cách 1: Lấy nhánh, lá Xạ đen, 2 lá Trinh nữ hoàng cung nấu nước uống. - Cách 2: Lấy 1 nắm lá Bìm bịp, Xạ đen phơi khô nấu nước uống - Cách 3: Lấy nhánh, lá Xạ đen chặt, sao vàng, nấu nước uống			x
40	Trị xơ gan: Lấy 1 nắm thân, lá Xạ đen (khô), 1 nắm An xoa (khô) nấu nước uống hàng ngày, mỗi ngày 1 bình			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Nếu sử dụng xạ đen không đúng cách có thể gây ra một số tác hại đối với người bệnh, cụ thể như sau:

Khi dùng nhiều có thể gây hoa mắt chóng mặt, đau đầu Không nên dùng thuốc đã để qua đêm vì có thể bị hỏng dẫn đến đầy bụng, đi ngoài.

Có thể làm bệnh nhân buồn ngủ do có tác dụng an thần. Vì vậy không nên pha quá đậm đặc, nhất là vào buổi sáng có thể làm ảnh hưởng đến tinh thần làm việc của bạn trong cả một ngày.

Có thể gây tác dụng phụ ở những người bị khối u, khiến bệnh nhân căng thẳng mệt mỏi và các cơn đau trầm trọng hơn. Khi thấy hiện tượng này, cần ngưng dùng thuốc.

Kiêng kỵ, chú ý:

Không dùng xạ đen trong trường hợp phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú, không dùng cho trẻ nhỏ.

Bệnh nhân có vấn đề về thận khi sử dụng phải tham khảo ý kiến của bác sĩ.

Không được dùng nước xạ đen đã để qua đêm.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

521. Xà lách — *Lactuca sativa* L., 1753

Cải bèo, Cải tai bèo, Rau diếp

Công dụng: Thông sữa, lợi tiểu, sát trùng; thuốc gây ngủ trong bệnh viêm khí quản, hen suyễn. Cũng được dùng chữa bỏng và vết loét. Xà lách còn được dùng chống suy nhược tâm thần hay đánh trống ngực, co giật nơi tạng, chứng đau dạ dày, di mộng tinh, mất ngủ, ho, ho gà, đái đường, bệnh sởi, viêm thận vàng da, hành kinh đau bụng, sung huyết gan, táo bón.

Tính vị: Tính lạnh và vị đắng

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn thân

Bộ phận dùng:	Thân, lá, hạt - Caulis, Folium et Semen Lactucae Capitatae.
Thành phần dinh dưỡng	Theo nghiên cứu của khoa học hiện đại, rau xà lách giàu khoáng chất, chất xơ, nước cùng nhiều vitamin. Hàm lượng các chất tồn tại trong rau xà lách gồm có: Thành phần dinh dưỡng trong 100g xà lách Thành phần dinh dưỡng, và hàm lượng: Nước, 95 g; Năng lượng, 17 Kcal 70 KJ; Chất đạm, 1.5 g; Chất béo, 0.4 g; Chất đường bột, 1.8 g; Chất xơ, 0.5 g; Canxi, 77 mg; Sắt, 0.9 mg; Magie, 18 mg; Phot pho, 34 mg; Kali, 333 mg; Natri, 59 mg; Kẽm, 0.4 mg; Đồng, 220 µg; Selen, 0.8 µg; Vitamin C, 15 mg; Vitamin B1, 0.14 mg; Vitamin B2, 0.12 mg; Vitamin PP, 0.7 mg; Vitamin H, 0.7 µg; Beta-caroten, 1050 µg; Purin, 13 mg
Thành phần hóa học	Xà lách có chứa khoảng 92.3% là nước, 9% cellulose, 1% khoáng toàn phần, 0.5% lipid, 1.7% protid và 3.2% dẫn xuất khô protein. Ngoài ra, cây còn chứa các hoạt chất sau:Chất chống oxy hóa flavonoid, Zeaxanthin, Viatmin E, K và cholin, 0,023mg% As, 0,071% acid oxlic (trong cây tươi), Alcaloid lactucopicrin
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc phát triển ở Châu Âu.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xà lách được phân bố rộng rãi trên khắp các đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Xà lách hầu hết được trồng tròng vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 4, Tháng 3 đến 4
Thu hoạch	Quanh năm (Xà lách sau khi ra cây 30 -40 ngày thì có thể thu hoạch, không để già quá sẽ mất chất dịnh dưỡng)
Chế biến	Dùng dao cắt sát gốc, bỏ lá dập. Sau khi hái về, rửa sạch và dùng làm thuốc.
Bảo quản	Bảo quản rau ở ngăn mát tủ lạnh.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Asterales (Cúc)

Họ: Asteraceae (Cúc)

Chi: Lactuca (Rau diếp)

Loài: *L. sativa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM

Chu kỳ sống	Cây hàng năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây cao tới 60cm
Rễ cây	Có hệ rễ cọc ăn nông trên bề mặt đất.
Thân cây	Thân hình trụ và thẳng. Cây phân nhánh ở phần trên.
Lá cây	Lá ở gốc xếp hình hoa thị; ở thứ trồng này, lá tạo thành búp dày đặc hình cầu; các lá ở thân mọc so le; lá có màu lục sáng, gần tròn hay thuôn, hình xoan ngược, lượn sóng, dài 6-20cm, rộng 3-7cm, mép có răng không đều.
Hoa	Cụm hoa chùy dạng ngù ở ngọn gồm nhiều đầu hoa, mỗi đầu có 20 hoa, hình môi màu vàng.. Hoa xà lách có dạng bầu, màu vàng, chứa số lượng lớn các loại hoa nhỏ trên cùng một đế hoa. Hoa có 5 đài, 5 nhị và 2 lá noãn. Nó thường nở từ lúc có ánh mặt trời từ sáng tới trưa, hoa tự thụ phấn từ 9 -10 h sáng.. .
Quả/trái	Quả bế nhỏ, dẹp, có hình trái xoan, có khía màu xám với mào lông trắng.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Kiến hoặc sâu bò vào tai và không chịu ra: Sử dụng một nắm Xà lách đem rửa sạch, ngam nước muối pha loãng từ 10 – 15 phút. Sau đó, giã nát và vắt lấy nước cốt, nhỏ vào tai (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
2	Chữa tiểu ra máu hoặc tiểu tiện không thông: Sử dụng một nắm lá Xà lách, giã nát và đắp lên rốn. Thực hiện thường xuyên giúp việc đi tiểu trở nên dễ dàng hơn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
3	Điều trị sữa không thông: Sử dụng 100 g Xà lách đem rửa sạch và sắc nước. Trong quá trình sắc nên thêm 1 chén rượu trắng và uống (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
4	Kiện tỳ hòa vị, lợi ngũ tạng và thông kinh mạch (Xà lách trộn cay): Nguyên liệu cần chuẩn bị: Xà lách: 500 g, Lạc nhân: 50 g, Dầu lạc: 20 g, Muối tinh: 8 g, Ớt khô: 3 quả.	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	Cách làm như sau: Xà lách đem rửa sạch và ngâm nước muối pha loãng 5 phút. Thái nhỏ, cho vào bát trộn với muối khoảng 15 phút rồi vớt ra để ráo. Ớt bỏ cuống, rửa sạch, thái nhỏ và xào trong dầu. Lạc ngâm trong nước lạnh rồi vớt để ráo, bóc vỏ và rang nóng trong chảo dầu. Sau đó, cho tất cả các nguyên liệu vào bát, trộn gia vị vừa ăn, bày ra đĩa và thưởng thức (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).			
5	Sinh tân nhuận táo, ích khí hòa trung và ôn hòa bổ thận trấn tĩnh: Dùng món Xà lách trộn đậu phụ. Nguyên liệu cần có: Xà lách: 150 g, Dầu ớt: 20 g, Đậu phụ khô: 100 g, Gia vị: 2 g, Cách làm đơn giản: Xà lách, rửa sạch, thái sợi và chần qua nước sôi rồi để nguội. Đậu phụ khô đem ngâm nước cho mềm và tháo sợ nhỏ, chần qua nước sôi. Cho tất cả các nguyên liệu vào bát, thêm gia vị vừa ăn, trộn đều và bày ra đĩa (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
6	Chữa tắc tia sữa: Lấy 100g Xà lách đem sắc lên, rồi thêm vào 1 chén rượu uống (Bác sĩ Bùi Khánh Hà, 2021)	x		
7	Chữa trĩ, lở loét, đại tiện xuất huyết: Xà lách tươi rửa sạch 100g, Ngó sen tươi 70g, ép kiệt lấy nước, thêm Mật ong đủ ngọt, uống ngày 2 lần, dùng liên tục trong nhiều ngày. Kết hợp sắc nước, ngâm rửa chỗ bị bệnh (Bác sĩ Bùi Khánh Hà, 2021)	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Xà lách là loại rau sống tiềm ẩn nhiều mối nguy đối với sức khỏe. Do đó, khi sử dụng, nên lưu ý những thông tin sau: Xà lách có thể tiềm ẩn nhiều hóa chất độc hại hoặc tồn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Do đó, trước khi ăn, nên vệ sinh rau sạch sẽ. Tốt nhất các nên rửa rau qua nhiều nước và ngâm trong nước muối pha loãng từ 10 – 15 phút. Cách làm này sẽ giúp làm giảm hóa chất tồn tại trong rau, giảm thiểu nguy cơ rủi ro.

Loại rau này rất dễ nhiễm khuẩn E.coli – vi khuẩn gây tiêu chảy. Trong một số trường hợp, chủng khuẩn này có thể gây thủng lỗ trong ruột kết khiến phân rò rỉ vào cơ thể, nguy hiểm hơn có thể gây chết người. Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho và gia đình, các nên mua Xà lách ở những cơ sở hoặc địa chỉ bán uy tín, rau được nhập hoặc có xuất xứ rõ ràng

Đối tượng không nên dùng Xà lách

Những trường hợp sau đây không nên dùng Xà lách trong chữa bệnh hoặc ăn uống hàng ngày:

Người sử dụng thuốc chống đông máu: Hàm lượng vitamin K trong Xà lách khá cao, có tác dụng giúp đông máu. Tuy nhiên, ở những người sử dụng thuốc chống đông máu, nếu sử dụng chung với Xà lách có thể gây tương tác thuốc. Đây chính là nguyên nhân làm giảm hiệu quả của thuốc và tăng nguy cơ máu đông cục, gây biến chứng nguy hiểm

Người mắc bệnh đau dạ dày: Xà lách có tính lạnh có thể gây chướng bụng, đầy hơi hoặc ợ nóng,… khiến chức năng hoạt động của dạ dày kém hiệu quả. Đặc biệt, nếu sử dụng ở người đau dạ dày có thể làm tình trạng bệnh trở nên tồi tệ hơn

Xà lách có tác dụng bảo vệ và cải thiện sức khỏe nhưng không nên sử dụng thường xuyên để tránh tác dụng phụ. Tốt nhất nên tham khảo ý kiến chuyên gia dinh dưỡng về hàm lượng sử dụng phù hợp.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

522. Xà lách xoong — *Nasturtium officinale* R. Br., 1812

Cải xoong, Cải xà lách xoong, Đậu ban thái, Thủy điều thái, Tây xương thái, Xà lách sơn, Tây dương thái, Phiắc cát nặm, Phiắc pháu (Tày)

Công dụng: Ngoài công dụng làm thực phẩm, rau cải xoong còn dùng làm thuốc ho (lao phổi), viêm phế quản kinh niên, thuốc bổ chữa bệnh scocbut (chảy máu chân răng).

Cải xoong có công dụng thanh nhiệt khí ở phổi và bao tử, đối với chứng huyết nóng cũng có hiệu quả.

Có người dùng chữa bệnh đái đường và chữa các bệnh ngoài da. Tuy nhiên cần chú ý có một số người dùng rau cải xoong hay bị bệnh đau bàng quang rất khó chịu.

Tính vị: Toàn cây vị đắng, mùi thơm, tính mát

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây - Herba Rorippae Nasturtii.

Thành phần dinh dưỡng	Xà lách xoong có các thành phần như Fe, P, Mn, As, Cu, Zn, I (15-45mg/100g), Ca (200mg/100g); dầu chứa lưu huỳnh (hàm lượng 0,06%), vitamin c (tới 140mg/100g) A, B, PP, E, caroten và một số chất chát.
Thành phần hóa học	Xà lách xoong tươi cho khoảng 70% dịch cây giã và ép lấy nước. Trong Xà lách xoong có chất đắng, chất sắt, phospho, iod (1mg trong l00g) vitamin C và một glucosid gọi là nasturtiosid khi vò hay giã nát. Chất nasturtiosid tiếp xúc với men myrosin ở những tế bào khác sẽ cho chất senevol phenyl etylic làm cho vị thuốc có mùi đặc biệt và có tác dụng chữa ho. Tỷ lệ tinh dầu khoảng 0,05%.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Châu Âu tới Trung Á.
Phân bố ở Cà Mau	Xà lách Xoong phân bố chủ yếu ở các đơn vị hành chính là huyện Phú Tân (xã Phú thuận), huyện U Minh (xã Khánh hội và xã Khánh Tiến), huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Xà lách xoong đa số được trồng trong vườn nhà đôi khi nó có thể mọc hoang ở ven bờ sông
Mùa hoa quả	Tháng 4 đến 5,
Thu hoạch	Có thể thu hái toàn cây quanh năm.
Chế biến	Có thể dùng tươi ăn sống hoặc giã ra lấy nước cốt uống, lấy dịch xoa, làm thuốc xức

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Brassicales (Cải)

Họ: Brassicaceae (Cải)

Chi: Nasturtium (Cải xoong)

Loài: *N. officinale*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo thủy sinh, hoặc bán thủy sinh
Chiều cao cây	Thân dài 10 - 40cm
Rễ cây	Đâm rễ ở các đốt
Thân cây	Thân bò có mọc rễ, màu xanh lục. Phân nhiều nhánh
Lá cây	Lá mọc so le, kép lông chim, có 3-9 lá kép hình trứng không đều, thuỳ tận cùng thường lớn hơn, mép nguyên hay khía tai bèo, màu lục sẫm
Hoa	Hoa nhỏ, màu trắng, họp thành chùm ở đầu cành
Quả/trái	Quả giác nghĩa là 1 thứ quả khô, khi chín nứt thành 4 đường học thành 2 mảnh vỏ. Quả chứa nhiều hạt.
Hạt	Hạt màu đỏ.
Mùi hương	Toàn cây có mùi đặc biệt nhưng mùi chỉ xuất hiện khi vò

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa người mệt mỏi, hắt hơi, nóng bức mùa hè, người mệt, hắt hơi: Lấy một nắm (60g) Xà lách xoong rửa sạch, vò hay giã nát, thêm nước, lọc và pha đường uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Chữa lở loét, rụng tóc: Lấy Xà lách xoong giã nát đắp lên chỗ đau hoặc da đầu (Thầy thuốc của bạn).	x		
3	Chữa tăng huyết áp: Lấy dịch Xà lách xoong uống ngày 2 lần, mỗi lần 100ml (Thầy thuốc của bạn).	x		
4	Giúp cai nghiện thuốc lá: Người nghiện thuốc lá nên ăn nhiều cải xoong (Thầy thuốc của bạn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Làm chắc chân răng và làm đỡ hôi miệng: Dùng nước dịch của Xà lách xoong súc miệng.	x		
6	Chữa bệnh ngoài da, ghẻ, eczema, hắc lào, rụng tóc, ung nhọt, bệnh da đầu, lở loét, viêm lợi, đau răng, mụn tràng nhạc: Ăn sống Xà lách xoong hoặc giã lấy nước cốt uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Trị giun, giải độc, lợi tiểu: Dùng Xà lách xoong tươi giã nát lấy nước cốt uống, hoặc dùng một nắm Xà lách xoong, 3 củ Hành tây, 2 củ cải cho vào 1 lít nước, sắc lấy nước uống ngày 2 ly giữa các bữa ăn (Thầy thuốc của bạn).	x		
8	Trị tàn nhang: Dùng 3 phần dịch Xà lách xoong, 1 phần mật ong quậy đều, dùng vải mềm tẩm thuốc xoa sáng và chiều, để khô rồi rửa sạch (Thầy thuốc của bạn).	x		
9	Trị viêm phế quản: Lấy 150g Xà lách xoong, 50g lá Tía tô, 5g gừng tươi. Cho cả 3 thứ vào ấm đất, đổ 3 bát nước, sắc còn 1 bát, chia 3 lần, uống trong ngày. Mỗi lần uống cách nhau từ 3 - 4 tiếng. Khi uống phải hâm nóng (Thầy thuốc của bạn).	x		
10	Phụ trợ trị lao phổi: Chuẩn bị 150g Xà lách xoong nấu canh cùng với 150g phổi heo ăn vào buổi sáng. Buổi chiều lấy 1 nắm cải xoong trộn giấm với 100g thịt bò xào tái. Ăn liên tục trong nhiều ngày. Món ăn bài thuốc này vừa ngon miệng, dễ ăn, lại hỗ trợ làm cho mát phổi, đỡ tức ngực, khó thở (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
11	Thanh nhiệt: Xà lách xoong nấu với cà rốt, chắt lấy nước uống (Thầy thuốc của bạn)	x		
12	Nhuận phế hóa đờm: Những người trong phổi lúc nào cũng cảm thấy nóng nực, ho khạc nhiều đờm do phổi bị nhiệt, nên nấu canh Xà lách xoong, quả la hán và thịt nạc, ăn hằng ngày (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
13	Người lúc nào cũng cảm thấy nóng, nhất là vùng ngực và vùng dạ dày: Dùng Xà lách xoong nấu với cà rốt, chắt lấy nước uống (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
14	Phụ trị tiểu đường: 100g cải xoong, củ cải, cần tây, mùi tây, cà rốt, cải bắp, tỷ lệ bằng nhau, ép lấy nước uống, giúp giảm được lượng đường. Ngoài ra 100g cải xoong chỉ cung cấp 48 calo, không lo tăng nhiệt lượng. Bã của cải xoong cung cấp nhiều chất xơ, giúp người bệnh no, không cảm thấy thèm ăn nhiều (Báo Quảng Ninh, 2011).	x		
15	Trị phù thũng: Xà lách xoong nấu với cá chép trong bữa cơm hằng ngày (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
16	Giải độc, lợi tiểu, trị giun: Lấy Xà lách xoong tươi giã nát, lấy nước cốt uống hoặc mang 01 nắm Xà lách xoong, 02 củ cải, 03 củ Hành tây và 01 lít nước đem sắc lấy nước uống mỗi ngày 01 lần có thể giúp cơ thể trị giun, giải độc và lợi tiểu (Kim Dung, 2019).	x		
17	Thanh huyết, giải nhiệt: Khi thời tiết trở nên nóng bức cơ thể thường cảm thấy mệt mỏi, hắt hơi thì pha nước cốt Xà lách xoong với đường uống, tình trạng sức khỏe sẽ được cải thiện rõ rệt (Kim Dung, 2019).	x		
18	Chữa bí tiểu: Lấy rau cải xoong rửa sạch, trộn với dầu vừng (dầu mè) và dấm	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Xà lách xoong rất an toàn đối với hầu hết người sử dụng nhưng không nên ăn với số lượng lớn (khoảng 100 gram/lần) trong thời gian dài vì có thể làm tổn thương thận hoặc gây đau bụng.

Rửa Xà lách xoong thật sạch, ngâm với nước muối pha loãng để tránh bị nhiễm giun, sán trước khi dùng.

Mua cải ở những nơi uy tín, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

523. Xà lách xoong Nhật — *Nasturtium officinale* R. Br., 1812

Mỹ lệ dung, Cải xoong Nhật, Cải xoong Nhật tím, Rau dền Nhật

Công dụng: Là nguồn dưỡng chất thiết yếu để cung cấp cho cơ thể. Hỗ trợ phòng ngừa các bệnh ung ung thư ruột kết, ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến tiền liệt (đối với nam giới). Hỗ trợ phòng chống bệnh liên quan đến tim mạch như chứng xơ vữa động mạch, hạn chế tình trạng tăng cholesterol máu, giảm nguy cơ bệnh tim. Tác dụng tốt với đôi mắt. Thanh lọc cơ thể hiệu quả, giải độc gan. Tác dụng chữa bệnh ngoài da, chữa rụng tóc, bệnh về da đầu, cải thiện lưu thông máu để điều trị đau quặn thận, lợi tiểu, long đờm và hỗ trợ tiêu hóa

Tính vị	Chưa có nghiên cứu
Quy kinh	Chưa có nghiên cứu
Thành phần dinh dưỡng	Theo các nghiên cứu gần đây, trong 100g rau cải xoong Nhật Bản có chứa các chất dinh dưỡng tương ứng với hàm lượng như sau: Năng lượng 15 Kcal, Đạm 2,1g, Nước 93,7g, Chất xơ 2g, Chất béo 0,1g, Đường bột 1,3g, Canxi 69mg, Sắt 1,6mg, Kali 211mg, Magie 21mg, Natri 85mg, Photpho 28mg, Vitamin C 25mg, Vitamin PP 1mg, Vitamin B1 0,08mg, Vitamin B2 0,26mg, Vitamin E 1mg, Beta-Caroten 2800 µg; Cải xoong trưởng thành chứa một lượng nhỏ đường và chất béo, axit folic, một loạt vitamin và khoáng chất, cũng như vitamin E, lượng Protein (3%), sắt (2 mg /100g), carotenes (hàm lượng beta cao caroten và vitamin C (62 /100g) tương đối cao.
Thành phần hóa học	Trong rau dền Nhật có chứa hợp chất sinh học nhóm thực vật tên là glucosinolates, có chứa lutein và zeaxantin là những chất có khả năng chống oxy hóa cao.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ các nước Châu Âu hoặc Châu Á trải dài từ quần đảo Anh đến miền tây Trung Quốc
Phân bố ở Cà Mau	Vì là loài khá phổ biến nên có thể tìm thấy hầu hết ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Xà lách xoang Nhật có thể tự mọc và được người dân và chuyên gia trồng tại vườn nhà, vườn thuốc nam, ven đường đi, ven vuông hoặc bờ ao
Thu hoạch	Thời gian ngắn thu hoạch liền

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Brassicales (Cải)

Họ: Brassicaceae (Cải)

Chi: Nasturtium (Cải xoong)

Loài: *N. officinale*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây thân thảo thủy sinh, hoặc bán thủy sinh
Rễ cây	Thường ra rễ ở các đốt, sau đó tăng dần hoặc nổi
Thân cây	Cây có lông trong suốt hoặc mọc thưa, thân bò hoặc thân nổi. Thân rỗng, có góc cạnh, dài đến 10 -60 cm, mọc thẳng đứng hay mọc đối từ rễ cái và có sợi.
Lá cây	Lá mọc so le, màu xanh lục đậm đến màu đồng, hình lông chim. Tờ rơi thường có 3 -7, hình trứng thuôn dài đến rộng, tờ cuối thường lớn hơn. Cuống lá ôm lấy cuống một phần. Cuống lá không có cánh, gân gốc, các lá chét bên không có cuống hoặc có cuống, mép khía không có cánh, phiến nhỏ hơn đầu tận cùng, phiến đơn giản, hình bào nhỏ hình trứng hoặc thuôn dài hình mũi mác, đáy tù, hình khối hoặc dấu phụ, lề toàn bộ hoặc repand, tù đỉnh. Các cuống quả chia ra hoặc giảm dần; thẳng hoặc tái phát
Hoa	Hoa: lá dài 2 -3,5 *0,9 -1,6 mm, cánh hoa màu trắng hoặc hồng, hình trứng, hoặc 2,8 -4,5 (hoặc -6) *1,5 -2,5 mm (gốc đến 1 mm), đỉnh tròn hình sợi 2 -3,5 mm, bao phấn 0,6 -1 mm.
Quả/trái	Qủa: 0,6 -2,5 *3 mm, noãn 28 -60 trên mõi bầu nhụy, kiểu 0,5 đến 1,5
Hạt	Hạt lưỡng tính, màu nâu đỏ, hình trứng

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Cung cấp cho cơ thể nhiều chất dinh dưỡng, vitamin và khoáng chất: Ăn 100g Xà lách xoong Nhật (btaskee.com)	x		
2	Ngừa ung thư vú và các bệnh ung thư khác: Một người sử dụng Xà lách xoong Nhật với số lượng khoảng 100g sẽ có tác dụng ngừa ung thư vú và các bệnh ung thư khác (Báo Quảng Ninh, 2014).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
3	Trị Nóng trong người: Nấu canh Xà lách xoong Nhật với thịt bầm và tôm tươi			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Lưu ý khi sử dụng cải xoong là phải làm sạch, ngâm nước muối loãng và rửa nhiều lần. Bởi vì nếu mua phải cải xoong không đảm bảo chất lượng, chứa hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật cao thì sẽ nguy hiểm. Do đó, cần làm sạch kĩ, lựa chọn chỗ mua rau uy tín để đảm bảo sức khỏe. Hãy bổ sung rau cải xoong vào thực đơn mỗi ngày của gia đình với lượng vừa đủ

.Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

524. Xá xị — *Cinnamomum porrectum* (Roxb.) Kosterm., 1952

Vù hương, Gù hương, Rè dầu, Re hương, Co chấu

Công dụng: Dùng trị tê thấp, bụng đầy trướng, đau dạ dày, ho gà (Rễ). Ở Trung Quốc, rễ, thân dùng trị cúm, cảm mạo, ăn uống không tiêu bụng đầy trướng, đau dạ dày, viêm khớp xương do phong thấp, tiêu hóa không bình thường, ho gà, lỵ. Còn lá dùng trị ngoại thương xuất huyết, quả dùng trị cảm mạo sốt cao, bệnh sởi.

Tính vị: Vị hơi đắng, cay, tính ấm

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Rễ, thân, lá, quả

Thành phần hóa học	Lá, gỗ thân, gỗ rễ chứa tinh dầu; hạt chứa nhiều dầu béo.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ Mỹ
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau cây Xá sị chủ yếu được tìm thấy tại huyện Cái Nước (Thị trấn Cái Nước và xã Tân Hưng Đông), huyện Năm Căn (Xã Hàng Vịnh), huyện Đầm Dơi (xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây được người dân trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 4, Tháng 7 đến 8
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hoặc ép lấy tinh dầu
Bảo quản	Rửa sạch trước khi dùng

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Laurales (Long não)

→ **Họ:** Lauraceae (Long não)

→ **Chi**: Cinnamomum (Quế)

→ **Loài**: *C. porrectum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ
Chiều cao cây	Cây cao 12-18m
Thân cây	Cành trưởng thành hình trụ, cành non hơi 4 cạnh, nhẵn bóng
Lá cây	Lá dài 12-18cm, rộng 5-7cm, 3 gân hoặc gân lông chim, cả hai loại gân cùng xuất hiện trên cùng một cành
Hoa	Hoa trắng hơi có mùi thơm, mọc thành ngù ít hoa.
Quả/trái	Quả mọng hình cầu
Mùi hương	Mùi như xá xị

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau viêm khớp: Những người bị đau do viêm khớp thì tinh dầu xá xị có công dụng giảm đau, bằng cách nhỏ 1-2 giọt tinh dầu vào chỗ đau rồi xoa bóp từ từ để cơn đay ấy chóng vánh tam biến (ihph.org.vn, 2018).	x		
2	Chữa vết côn trùng cắn: Người bị côn trùng cắn, để giảm sưng và loại chất độc hại thì hãy nhỏ 1 giọt tinh dầu xá xị và thoa vào chỗ bị đốt (ihph.org.vn, 2018).	x		
3	Tăng cường sự tập trung: Những người đang tập thiền và yoga có thể tăng khả năng tập trung tinh thần bằng cách xoa 1-2 giọt tinh dầu xá xị vào sau gáy, 2 lần/ngày (ihph.org.vn, 2018).	x		
4	Kéo dài quan hệ tình dục, cương dương: Tinh dầu xá xị còn có khả năng hỗ trợ cường dương và kéo dài thời gian quan hệ tình dục. thông thường tinh dầu sẽ được sử dụng bằng cách nhỏ 2-3 giọt vào vùng ngực của nam giới hoặc nhỏ 1 giọt vào lòng bàn tay để có thể hít ngửi hương của tinh dầu xá xị (ihph.org.vn, 2018).	x		
5	Tẩy mụn cám, se lỗ chân lông: Nhỏ 2 giọt thoa ngày 1 lần.	x		
6	Tăng cường thị lực: Cách sử dụng tinh dầu xá xị trong việc tăng cường thi lực đối với những người bị mờ mắt, bị cận thì nhỏ 1 giọt tinh dầu xá xị vào bàn tay, thoa hai tay vào nhau sau đó khum tay úp vào vùng mắt 2 -3 phút (không chạm tay vào mắt). Ngày làm 2 lần thì sau hai ba tháng mắt sẽ sáng, giảm số kính cận (ihph.org.vn, 2018).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Lạm dụng tinh dầu xá xị với lượng lớn trong thời gian dài sẽ gây mệt mỏi.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

525. Xăng sê — *Sanchezia nobilis* Hook.f., 1866

Khôi trắng, lá ngũ sắc, khôi đốm

Công dụng: Điều trị viêm loét dạ dày (bao tử)

Giảm đầy bụng, ợ chua

Trung hòa axit trong dạ dày

Điều trị đau bụng, đi ngoài

Tính vị: Cây có vị nhạt, ít mù

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng:

Nguồn gốc: Có nguồn gốc từ Nam Mỹ

Phân bố ở Cà Mau: Ở Cà Mau cây Xăng xê chỉ được tìm thấy ở hyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh)

Thành phần hóa học	Các tài liệu cổ về y học cổ truyền ít viết về cây xăng sê, tuy nhiên các công trình và tài liệu nghiên cứu hiện đại về cây xăng sê lại có khá nhiều và phổ biến. Theo thông tin mà chúng tôi thu thập được tại trang Thư viện số tài liệu nội sinh – Đại học quốc gia Hà Nội có xác định; cây xăng sê còn có tên gọi là cây khôi đốm, tên khoa học Sanchezia nobilis Hook.f. Quá trình phân tích hóa dược từ dich chiết cây khôi đốm nhóm nghiên cứu đã xác định được ba thành phần chính trong lá cây đó là; 9-methoxycanthin-6-on, 9-hydroxyheterogorgiolid, O-methyl furodysinin lacton.
Sinh cảnh	Cây Xăng xê được người dân trồng trong vườn nhà
Mùa hoa quả	Trổ hoa quanh năm,
Thu hoạch	Cây xăng sê thu hoạch sau khoảng 8 tháng – 1 năm trồng và chăm sóc.
Chế biến	Chọn lá thật tươi, khỏe, đẹp, nguyên lành, không sâu bệnh, quắt quéo, không quan trọng già hay non, rửa sạch để loại bỏ tạp chất, bụi bẩn hay phơi khô để sử dụng quanh năm
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Lamiales (Hoa môi)

Họ: Acanthaceae (Ô rô)

Chi: Sanchezia

Loài: *S. nobilis*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây dạng bụi
Chiều cao cây	Cây có chiều cao lên tới khoảng 2 – 3 m
Thân cây	Thân màu xanh.
Lá cây	Lá đơn giản, đối diện, lưỡi hình elip, có phiến thon, to, màu lục, đỏ hoặc vàng, gân trắng, đầu nhọn, bìa nguyên hay có răng tà, cuống ngắn, lá đối hình chữ thập, dài 10-25 cm, rộng 3-7 cm, nhẵn, mép lá hơi lượn trên có màu xanh đậm, mặt dưới màu xanh nhạt; hệ gân lông chim, có 9-12 đôi gân bê.
Hoa	Hoa: Hoa xăng sê màu đỏ, mọc thành từng chùm dài, cánh hoa màu đỏ, nhụy hoa màu vàng đậm, được bọc trong các cụm trên một cành dựng đứng, đôi khi ở dưới đáy. Phát hoa ở chót nhánh, mọc thành cụm hoa, bông gồm 3 bông nhỏ trở lên, cuống ngắn; lá bắc màu lục hay đỏ, vành hình tròn, láng vàng như sáp, đỉnh tù, nhẵn, ôm lấy 1 cụm hoa, cao 4-5cm, tai đều, tiểu nhị thò dài, thụ 2, nép 2, nang 8 hột. Hoa lưỡng tính, mùi hoa nhạt đặc trưng.
Quả/trái	Quả nang có 8 hạt.
Mùi hương	Có mùi gây khó chịu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau dạ dày: Chuẩn bị: 40-60 gam lá xăng sê khô, nước sạch vừa đủ dùng: Thực hiện: Lá cây xăng sê khô đem rửa sạch, đun nước thật sôi rồi cho lá xăng sê vào sắc, cho sôi trong khoảng vài phút thì tắt bếp. Dùng nước này uống như nước trà hàng ngày. Để tiết kiệm thời gian, bạn cũng có thể bỏ lá vào trong ấm, rót nước sôi rồi uống như trà, cứ hết nước lại chế thêm. Tuy nhiên để đảm bảo nước trà không quá đặc, bạn chỉ nên pha từ 10 đến 12g lá xăng sê mỗi lần. Nhiều người bệnh sau khi sử dụng các bài thuốc trên 1 tháng đã nhận được kết quả tốt (Thuốc dân tộc)	x		
2	Chữa đau dạ dày bằng cây xăng xê, các triệu chứng đau, chướng bụng, ợ hơi, buồn nôn: Rửa sạch khoảng 10 lá xăng sê trong nước muối để loại bỏ vi khuẩn và tạp chất. Sau đó cho nguyên liệu vào máy xay nhuyễn, thêm chút nước sau đó chắt lấy phần nước cốt. Để gia tăng hiệu quả, hãy bỏ khoảng 3-4 hạt muối vào và khuấy đều. Trường hợp cảm thấy "lợm giọng" sau khi sử dụng, hãy uống 1 cốc nước lọc để tráng miệng. Uống mỗi ngày 1 ly nước cốt lá xăng sê, bạn sẽ thấy hiệu quả rõ rệt (Thuốc dân tộc)	x		
3	Chữa đau dạ dày: Chuẩn bị: 5-6 lá xăng sê tươi, muối hạt vừa đủ dùng. Thực hiện: Rửa sạch lá xăng sê tươi, để ráo nước, cho vào miệng nhai sống cùng với một chút muối. Thực hiện khoảng 2-3 lần/ ngày và kiên trì trong một khoảng thời gian nhất định thì bệnh mới thuyên giảm (metaherb.vn).	x		
4	Trị đau bao tử: Ăn sống lá Xăng sê (tươi).			x

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Vì cơ địa của mỗi người khác nhau nên sẽ có người dùng cây xăng sê chữa đau dạ dày rất hiệu nghiệm. Nhưng với một số khác lại hoàn toàn không có tác dụng. Chúng ta cần chú ý theo dõi để chuyển hướng điều trị khác phù hợp với bản thân.

Thêm vào đó, bạn cũng phải chú ý giờ giấc của những bữa ăn sao cho phù hợp và tốt cho bản thân, tránh các thực phẩm "kẻ thù" của dạ dày như các món cay, cứng, các món có độ axit cao. Có như vậy, bạn mới đạt được hiệu quả như mong đợi từ xăng sê.

Mùi của lá xăng sê khi dùng khô hay dùng nước đều khá khó chịu nên không phải ai cũng thực hiện cách chữa đau dạ dày bằng cây xăng sê được. Khi sử dụng lá xăng sê chữa bệnh không nên quá lạm dụng.

Khi sử dụng cây xăng sê điều trị đau dạ dày cần thực hiện sao cho có quy tắc rõ ràng. Không nên quá lạm dụng, nhai hoặc uống xăng sê quá nhiều sẽ có thể xảy ra các diễn biến không tốt cho dạ dày. Cũng không được lơ là, không thực hiện đúng và đủ, sẽ chẳng thấy được công dụng của xăng sê.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

526. Xích đồng nam *Clerodendrum japonicum* (Thumb.) Sweet., 1826

Mò đỏ, Bấn đỏ, Vây đỏ, Ngọc nữ đỏ, Lẹo cái, Co púng pính (Thái)

Công dụng: Hành khí, hoạt huyết, tiêu viêm, chỉ thống. Chữa khí hư, viêm cổ tử cung, kinh nguyệt không đều, vàng da, mụn lở, khớp xương đau nhức, đau lưng

Tính vị: Cụm hoa có vị ngọt, tính ấm không độc; Rễ có vị nhạt hơi ngọt, tính bình, không độc

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Hoa, rễ và lá

Thành phần hóa học	Trong cây xích đồng nam có chứa các chất hóa học bao gồm: clerodan, flavonoid glycosid, furantri terpenoid, hispidulin 7-0-glucuronide, 7-0-glucuronide, scutellarein.
Nguồn gốc	Loài của Ấn Độ, Lào, Campuchia, Thái Lan, Inđônêxia và Việt Nam.
Phân bố ở Cà Mau	Xích Đồng Nam được tìm thấy hầu hết ở 09 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau
Sinh cảnh	Hầu như loài cây này chỉ được trồng trong các vườn thuốc nam, vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 8, Tháng 9 đến 12
Thu hoạch	Thu hái rễ vào mùa hè, thu hái lá lúc cây sắp có hoa đem phơi khô.
Chế biến	Toàn thân phơi hoặc sấy khô, có thể dùng tươi. Rễ rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô dùng.
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Lamiales (Hoa môi)
    - **Họ:** Lamiaceae (Hoa môi)
      - **Chi**: Clerodendrum
        - **Loài**: *C. Japonicum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây đa niên
Dạng cây	Cây bụi
Chiều cao cây	Cây có chiều cao trung bình từ 1 – 1,5m.
Đường kính cây	Đường kính thân cây khoảng 0.3 – 0.8cm
Thân cây	Thân có hình vuông khi còn non, khi già tiêu biến thành hình tròn, màu bạc hoặc nâu xám. Cành vuông, có rãnh, có lông mịn, mắt có lằn lông nối liền hai cuống
Lá cây	Lá có phiến hình tim, to 30cm, không lông, mép có răng nhỏ, cuống dài 5-20cm
Hoa	Chùy hoa ở ngọn các nhánh, cao 45cm, đỏ chói hay hồng, dài 8mm; ống tràng cao 1,5cm, thùy tràng 5mm. Hoa màu đỏ.. .
Quả/trái	quả màu đen, nằm trong đài hoa màu đỏ. Quả hạch cứng lam đen, to 12mm, trên đài đồng trưởng to 3,5cm

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Điều trị vàng da, vàng mắt, viêm gan: Sắc 30g rễ cây xích đồng nam lấy nước uống, 1 thang thuốc/ngày.	x		
2	Chữa đau bụng kinh: Lá mò hoa đỏ, hương phụ, ích mẫu, ngải cứu, mỗi vị 6g; nước 700ml, sắc trong nửa giờ, chia 2 - 3 lần uống trong ngày, khi uống có thể cho thêm ít đường cho dễ uống. Uống trước khi có kinh khoảng 10 ngày, sau đó có thể uống liền từ 2 - 3 tháng, có tác dụng lưu thông khí huyết và giảm đau (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
3	Chữa rối loạn kinh nguyệt, kinh không đều: Mò hoa đỏ, hương phụ, ngải cứu, ích mẫu, mỗi vị 10 - 12g (khô). Cho 700ml nước, sắc trong nửa giờ, chia 2 - 3 lần uống trong ngày, khi uống có thể cho thêm ít đường cho dễ uống. Uống sau khi sạch kinh khoảng 5 - 7 ngày. Uống liền 2 - 3 tuần lễ (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
4	Hỗ trợ điều trị thấp khớp sưng đau thuộc thể nhiệt: Mò hoa đỏ 80g, dây gắm 120g; đơn tướng quân, đơn mặt trời, đơn răng cưa, Cà gai leo, cành dâu, cây tầm xuân, mỗi vị 8g. Cho 700ml nước, sắc trong nửa giờ, chia 2 - 3 lần uống trong ngày, dùng liền 1 tuần (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
5	Chữa khí hư thể can uất: (biểu hiện ra khí hư màu đỏ nhợt, hoặc trắng, chất đặc dính, dai dẳng không dứt, Hành kinh không đúng ngày ngày miệng đắng, cổ khô, tiểu tiện vàng,…): Mò hoa đỏ (sao vàng) 40g, thanh bì 20g, bạch đồng nữ (sao vàng) 40g, dái Nghệ vàng 20g, quả dành	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	dành (sao cháy) 20g, cam thảo dây 16g. Các vị sao chế xong, cho vào ấm, đổ 800ml nước, sắc lấy 250ml uống. Uống 10 ngày là một liệu trình (Y Dược học Việt Nam, nd).			
6	Chữa tiểu buốt, tiểu rắt do nhiệt: Mò hoa đỏ, bạch đồng nữ, cỏ chỉ thiên, rễ tranh, cỏ bấc, mỗi thứ khoảng 16 - 20g. Sắc với 1 lít nước, còn lại 350ml, chia 2 lần uống lúc đói. Uống 5 - 7 ngày (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
7	Chữa khí hư bạch đới: Mò hoa đỏ, ích mẫu, ngải cứu, hương phụ, trần bì, mỗi vị 10g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống liền 2 - 3 tuần sau chu kỳ kinh nguyệt. Dùng nhắc lại liệu trình thứ hai vào sau kỳ kinh tháng sau (Y Dược học Việt Nam, nd).	x		
8	Chữa xích bạch đới ra chất trắng như mũi hay đỏ nhạt như máu cá, âm đạo ngứa ngáy, đái ra nước vàng đục hay đỏ nhạt: Mò trắng, Xích đồng nam lấy cả hoa, lá mỗi thứ một nắm 15g phơi héo, Bồ công anh 12g, Rau dừa nước 15g, sắc uống (Thầy thuốccủa bạn, nd).	x		
9	Chữa các chứng lậu đái buốt, đái dắt, đái ra máu, ra sỏi, đái chất nhầy: Xích đồng nam, Mò trắng, Cỏ chỉ thiên, rễ Cỏ tranh, Cỏ bấc, thịt Ốc nhồi, mỗi thứ một nắm, sắc uống (Thầy thuốccủa bạn, nd).	x		
10	Hỗ trợ điều trị thấp khớp sưng đau thuộc thể nhiệt: Mò hoa đỏ 80g, dây gắm 120g; đơn tướng quân, đơn mặt trời, đơn răng cưa, Cà gai leo, cành dâu, cây tầm xuân, mỗi vị 8g. Cho 700ml nước, sắc trong nửa giờ, chia 2 - 3 lần uống trong ngày, dùng liền 1 tuần (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
11	Chữa khí hư thể can uất: (biểu hiện ra khí hư màu đỏ nhợt, hoặc trắng, chất đặc dính, dai dẳng không dứt, Hành kinh không đúng ngày ngày miệng đắng, cổ khô, tiểu tiện vàng,…): Mò hoa đỏ (sao vàng) 40g, thanh bì 20g, bạch đồng nữ (sao vàng) 40g, dái Nghệ vàng 20g, quả dành dành (sao cháy) 20g, cam thảo dây 16g. Các vị sao chế xong, cho vào ấm, đổ 800ml nước, sắc lấy 250ml uống. Uống 10 ngày là một liệu trình (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
12	Chữa vàng da và niêm mạc, nhất là niêm mạc mắt bị vàng thẫm, kiểm nghiệm nước tiểu có sắc tố mật: Rễ bạch đồng nữ hoặc xích đồng nam, sắc uống mỗi ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
13	Chữa tăng huyết áp: Lá Xích đồng nam khô 12g, Cúc hoa 12g, Hoa hòe 6g, Cam thảo nam 12g. Tất cả phơi khô, sao qua cho thơm. Sắc uống mỗi ngày một thang (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
14	Trị thấp khớp, sưng nóng đỏ đau thuộc thể nhiệt: Xích đồng nam 80g, Dây gắm 120g, cây Tâm xuân 8g, Đơn tướng quân 8g, Đơn mặt trời 8g, Đơn răng cưa 8g, Cà gai leo 8g, Cành dâu 8g. Sắc, chia 2 lần uống, mỗi ngày một thang.	x		
15	Chữa Sả n phụ sau khi ra nhiều khí hư. Dùng lá cây mía tím 30g, lá huyết dụ 20g, bạch đồng nữ 12g, xích đồng nam 12g, tất cả đem thái nhỏ, sao vàng, sắc nước uống thay trà hằng ngày (Thầy thuốc của bạn, nd)	x		
16	Chữa xích bạch đới ra chất trắng như mũi hay đỏ nhạt như máu cá, âm đạo ngứa ngáy, đái ra nước vàng đục hay đỏ nhạt: Xích đồng nam, bạch đồng nữ lấy cả hoa, lá mỗi thứ một nắm 15g phơi héo, Bồ công anh 12g, rau dừa nước 15g, sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
17	Chữa các chứng lậu đái buốt, đái dắt, đái ra máu, ra sỏi, đái chất nhầy: Xích đồng nam, bạch đồng nữ, cỏ chỉ thiên, rễ cỏ tranh, cỏ bấc, thịt ốc nhồi, mỗi thứ một nắm, sắc uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
18	Điều can, giải uất, thanh nhiệt: Xích đồng nam (sao vàng) 40g, thanh bì 20g, bạch đồng nữ (sao vàng) 40g, dái Nghệ vàng 20g, quả dành dành (sao cháy) 20g, cam thảo dây 16g. Các vị sao chế xong, cho vào ấm, đổ 800ml nước, sắc lấy 250ml uống (Thầy thuốc của bạn, nd).	x		
19	Chữa trĩ xuất huyết: Dùng rễ Xích đồng nam hoặc hoa 60g, nấu với thịt ăn (Y dược học Việt Nam).	x		
20	Trị đái buốt, đái dắt, đái ra máu: Nguyên liệu: Xích Đồng Nam, bạch đồng nữ, rễ tranh, cỏ bấc, ốc nhồi. Mang các nguyên liệu rửa sạch, sao vàng sau đó cho vào ấm sắc lấy nước uống trong ngày. Kiên trì thực hiện ít nhất 1 tháng để thấy được hiệu quả.	x		
21	Chữa mụn nhọt ở nách: Giã lá Xích đồng nam tươi, thêm mật ong rồi đắp vào chỗ đau (Y dược học Việt Nam).	x		
22	Điều trị kinh nguyệt không đều, khí hư: Sắc 40-80g cây xích đồng nam khô lấy nước để uống. Hoặc chuẩn bị 18g cây xích đồng nam, 18g ngải diệp, 10g hương phụ, 18g ích mẫu, sắc lấy nước uống, 1 thang thuốc/ngày.	x		
23	Thanh nhiệt, điều can: Chuẩn bị 40g xích đồng nam đã sao vàng, 40g bạch đồng nữ đã sao vàng, 20g thanh bì, 20g dái Nghệ vàng, 16g cam thảo dây, 20g quả dành dành sao cháy. Cho tất cả vào ấm cùng 800ml nước, sắc đến khi còn 250ml lấy nước đặc để uống trong ngày.	x		

Lưu ý khi sử dụng

Cây Xích Đồng Nam có nhiều tác dụng nhưng khi dùng cần tuân thủ một số nguyên tắc để đảm bảo an toàn. Theo lời khuyên từ các chuyên gia, người dùng cần lưu ý:

Đối tượng sử dụng: Người bị viêm gan, vàng da, bị ghẻ lở, viêm mụn ngoài da, phụ nữ bị bệnh phụ khoa, kinh nguyệt không đều. Ngoài ra người bị cao huyết áp cũng có thể sử dụng.

Đối tượng chống chỉ định: Không dùng cho người bị dị ứng với tất cả các thành phần có trong dược liệu.

Lưu ý khác: Không tự ý kết hợp Xích Đồng Nam với các dược liệu khác, không tự ý sử dụng, cần tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng. Trong quá trình dùng dược liệu nếu có dấu hiệu bất thường cần ngừng ngay, đến các cơ sở y tế để được hướng dẫn xử lý.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

527. Xoài — *Mangifera indica* L., 1753

Mãng quả, Mác moang (Tày)

Công dụng: Trị ho, tiêu hóa không bình thường, sán khí, trị bệnh hoại huyết và loạn óc, trị giun, kiết lỵ và ỉa chảy, trị kiết lỵ, trị các bệnh phần trên đường hô hấp như ho, viêm phế quản mạn tính hay cấp tính, thủy thũng và dùng ngoài trị viêm da, ngứa ngáy ngoài da, trị ho, đau sưng họng và đau răng, trị kiết lỵ, ỉa chảy và bệnh ngoài da, cũng dùng trị bạch đới, kinh nguyệt quá nhiều.

Tính vị: Quả, vỏ, lá có vị chua, ngọt, tính mát; hạch quả có vị chua, chát, tính bình

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Quả, hạch của quả, lá, vỏ thân

Thành phần dinh dưỡng	Chứa nhiều chất sắt. Đồng thời lượng vitamin C có trong xoài sẽ làm cân bằng sự hấp thụ chất sắt từ các loại thực phẩm khác chẳng hạn như gạo
Thành phần hóa học	Xoài có rất nhiều chất chống oxy hoá như quercitrin, isoquercitrin, astragalin, fisetin, axit gallic cũng như methylgallat giúp cơ thể chống lại đại tràng, ung thư vú, tuyến tiền liệt và bệnh bạch cầu.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xoài là một loài cây có thể dùng làm hoa quả và còn có thể làm thuốc nam để chữa bệnh nên loài cây này có thể tìm thấy ở 09 đơn vị hành chính tại Cà Mau
Sinh cảnh	Xoài là loài cây phổ biến được người dân trồng nhiều trong vườn nhà đôi khi thì trồng ở có mé mương, đường đi, ven vuông và trong các vườn thuốc nam
Thu hoạch	Có thể thu hái các bộ phận của cây quanh năm.
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Sapindales (Bồ hòn)
    - **Họ:** Anacardiaceae (Đào lộn hột)
      - **Chi**: Mangifera (Xoài)
        - **Loài**: *M. indica*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây gỗ lớn, có tán rậm
Chiều cao cây	Cây cao 10-20m
Lá cây	Lá đơn, nguyên, mọc so le, phiến lá hình thuôn mũi mác, nhẵn, thơm.
Hoa	Hoa họp thành chùm kép ở ngọn cành.. Hoa nhỏ, màu vàng, có 5 lá đài nhỏ, có lông ở mặt ngoài, 5 cánh hoa có tuyến mật, 5 nhị nhưng chỉ có 1-2 nhị sinh sản. Bầu trên, thường chỉ có một lá noãn chứa 1 noãn.. .
Quả/trái	Quả hạch chín màu vàng, thịt vàng, ngọt, thơm, nhân có xơ
Hạt	Hạt rất to

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau răng: Lấy 1 miếng vỏ thân Xoài bằng bàn tay, cạo vỏ ngoài rồi thái mỏng. Nếu dùng vỏ tươi thì giã nhỏ, vắt lấy nước, thêm tí muối để ngậm rồi nhổ nước, mỗi ngày 4-5 lần. Nếu dùng vỏ khô thì sắc lấy nước: đổ 2 bát nước đun sôi, giữ nước sôi kỹ trong nửa giờ, gạn lấy nước sắc, thêm vài hạt muối rồi ngậm. Mỗi lần ngậm chừng một chén con. Ngậm trong 10 phút, thỉnh thoảng súc sang hai bên má rồi nhổ đi. Ngậm 3-4 lần trong ngày, liên tiếp vài ba ngày (Thầy thuốc của bạn).	x		
2	Thuốc bổ dạ dày: Trước khi đi ngủ, đặt 10-15 lá Xoài trong nước ấm và ngâm qua đêm. Sáng hôm sau, lọc bã lấy nước và uống vào lúc bụng đói. Uống hàng ngày nước này giúp ngăn ngừa các rối loạn liên quan đến dạ dày (Hoàng Xuân Đại, 2022).	x		
3	Chữa ho, viêm họng: Lá Xoài tươi 200g, cho vào 1 lít nước, đun nhỏ lửa cho sôi 15 phút, sau đó bắc xuống dùng khăn trùm kín đầu để xông. Khi xông nhớ há miệng để đưa hơi vào cổ họng. Làm mỗi ngày 1 lần (hoibacsy.vn)	x		
4	Trị kiết lỵ, ỉa chảy: Lá tươi, phơi trong râm đến khô, nghiền thành bột mịn. Uống mỗi lần 1 - 2g, ngày 2-3 lần (Thầy thuốc của bạn).	x		
5	Chữa bệnh tiểu đường: Chọn 5 lá Xoài non tươi, rửa sạch và thái sợi nhỏ. Bỏ lá đã thái nhỏ vào 1 cốc nước và đổ nước sôi, ngâm qua đêm. Sáng dậy uống hết cốc nước và bỏ bã đi. Thực hiện đều đặn mỗi ngày và chú ý là không được dùng quá nhiều lá Xoài vì dễ dẫn đến hạ đường huyết, rất nguy hiểm.Ngoài ra, không nên uống nước lá Xoài non ngay sát thời gian dùng thuốc Tây, phải cách nhau khoảng 2-3 tiếng để đảm bảo tác dụng của thuốc được phát huy hiệu quả nhất (sonapharm.vn, 2020).	x	x	

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
6	Chữa bệnh tiểu đường: Lấy lá Xoài non rửa sạch và phơi khô, sau đó nghiền lá Xoài khô thành bột. Đổ bột vào lọ thủy tinh và bảo quản để dùng dần. Mỗi lần uống, chỉ cần lấy ½ thìa bột cà phê, pha với 1 ly nước. Thực hiện ngày 2 lần sáng và tối để đạt hiệu quả tốt nhất (sonapharm.vn, 2020).	x		
7	Chữa viêm đại tràng co thắt: Ăn nõn Xoài non trực tiếp mỗi ngày. Nếu không ăn được trực tiếp, bạn có thể ép lấy nước uống và cho thêm một ít mật ong. Xong khi uống 100ml nước ép nõn Xoài non thì nên uống 200ml nước lọc để nước non Xoài không bị ứ đọng ở dạ dày và ruột non. Thời điểm uống tốt nhất là trước khi ăn sáng 20-30 phút. Sử dụng cách này sẽ hỗ trợ tiêu hóa rất tốt (sonapharm.vn, 2020).	x		
8	Chữa sỏi thận hoặc sỏi mật: Lá Xoài rửa sạch để ráo nước và phơi khô trong bóng râm. Đem ép lấy nước để uống. Cách này giúp làm tan sỏi và đào thải cặn sỏi ra khỏi cơ thể (sonapharm.vn, 2020).	x		
9	Chữa các vấn đề về dạ dày: Lá Xoài non ngâm trong nước nóng và để qua đêm. Sáng hôm sau uống hết cốc nước và bỏ lại bã. Uống khi chưa ăn sáng sẽ rất có lợi cho dạ dày và ngăn ngừa nhiều bệnh về dạ dày (sonapharm.vn, 2020).	x		
10	Chữa đau tai: Lấy nước ép lá Xoài thoa lên vùng bị đau nhức trên tai sẽ nhanh dễ chịu hơn (sonapharm.vn, 2020).	x		
11	Chữa bỏng: Đốt lá Xoài thành tro và thoa tro lên vùng bị bỏng, da sẽ dịu đi nhanh chóng (sonapharm.vn, 2020).	x		
12	Trị nấc: Đốt lá Xoài tươi và hít mùi hương của lá Xoài bị đốt sẽ hết nấc tức thì (sonapharm.vn, 2020).	x		
13	Giúp thư giãn tinh thần: Lá Xoài ngâm nước nóng và tắm, cảm nhận mùi thơm của lá Xoài sẽ giúp bạn cảm thấy thư thái khi đang cảm thấy mệt mỏi hay stress (sonapharm.vn, 2020).	x		
14	Chữa ho ra máu: Lấy vỏ trái Xoài chín nấu thành cao lỏng, mỗi lần dùng 10g hòa với 120 ml nước, cách 1-2 giờ uống 1 thìa cà phê.	x		
15	Chữa rong kinh và khí hư: Lấy vỏ quả Xoài chín 30g, sắc uống hàng ngày (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
16	Đi ngoài ra máu, lỵ mạn tính: Lấy vỏ quả Xoài chín 50g, phơi khô, sắc uống hàng ngày (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
17	Làm săn da: Lá Xoài tươi 50g, giã nát, đắp mặt trong 20 phút rồi rửa mặt thật sạch (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
18	Chữa ghẻ lở: Nhựa cây Xoài tươi đem ngâm trong nước chanh dùng trị các thứ ghẻ lở.(Tra cứu dược liệu).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
19	Chữa ho: Chuẩn bị nhân hạt quả Xoài 130g, rễ dâu 130g, cam thảo 15g. Các vị thuốc tán bột, luyện bằng hồ viên to như hạt ngô, phơi khô. Người bệnh uống ngày 3 lần, mỗi lần 5 viên với nước sôi để nguội, sau khi ăn. cần uống liền 5 ngày	x		
20	Chữa đau răng, lở loét chân răng:: Vỏ cây Xoài sao khô 3 phần, bồ kết sao khô 1 phần, quả na sao khô 1 phần. Tất cả tán mịn, trộn đều, rắc vào chỗ răng đau hoặc xát vào lợi (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
21	Chữa thổ tả: Lá Xoài 100g (sao vàng), lá chanh 100g, đổ 2 bát nước vào sắc còn 1 bát, sau đó cho vào 10 ml rượu bạc hà (hoặc thêm 50 g lá bạc hà vào nấu chung), uống nóng, từng hớp một (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
22	Trừ giun đũa: Nhân hạt Xoài 20g, hạt chanh 15g, 2 thứ giã nát, đổ 2 bát nước, sắc còn 1 bát, uống vào sáng sớm lúc còn đói, uống liền trong 2-3 ngày (Hồ Đình Hải, 2014).	x		
23	Mát cơ thể: Lấy 1 nhúm Mắc cỡ, 1 nhúm Cỏ bạc đầu, vài tép Sả, lá Xoài, nấu với 1 lít nước, uống			x
24	Trị rối loạn tiền đình: Lấy lá Xoài, choại, ổi, vỏ bưởi, mỗi thứ 120 g tươi, 3 chén còn 1 chén.			x
25	Trị tiểu đường: Lấy 1 nắm lá Xoài tươi, cắt mỏng, nấu với nước, uống hằng ngày.			x

***<u>Lưu ý khi sử dụng</u>*:**

Vì lá xoài non giúp hạ đường huyết rất hiệu quả nên người bệnh tuyệt đối không dùng quá liều lượng và không nên uống nước lá xoài non nhiều lần trong ngày vì dễ dẫn đến tụt đường huyết quá mức, rất nguy hiểm cho sức khỏe.

Không uống nước lá xoài gần thời gian với các loại thuốc điều trị khác. Cần cách nhau chứng 2-3 giờ đồng hồ.

Tùy cơ địa mỗi người và thời gian và khả năng hiệu quả lại có sự khác nhau.

Muốn kiểm soát tốt tình trạng bệnh, ngoài việc sử dụng lá xoài non thường xuyên, bệnh nhân cũng cần có một chế độ ăn uống khoa học, lành mạnh và thể dục thể thao điều độ. Và sử dụng thuốc Tây theo chỉ dẫn của bác sĩ.

Tích cực bổ sung rau xanh, các thực phẩm giàu vitamin và chất xơ, hạn chế đồ ăn ngọt và đồ ăn có nhiều carbohydrate. Nếu bệnh nhân cần giảm cân thì nên chia thành nhiều bữa ăn trong ngày và mỗi bữa chỉ ăn một lượng vừa đủ, tránh ăn no.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

528. Xương khô — *Euphorbia tirucalli* L., 1753

Giao, Kim Dao, San hô xanh, Xương cá

Công dụng: Táo bón, liệt dương, bệnh ngoài da, đau răng, hắc lào (cả cây), tê thấp

Tính vị: Toàn cây dao có vị cay, hơi chua, tính mát, hơi có độc. Nhựa của cây có độc, có thể gây mù mắt nếu để dây vào mắt.

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Toàn cây

Thành phần hóa học	Cây có chứa các thành phần như: euphorbon, isoeuphorol, cycloeucalenol, Y – taraxasteryl acetat, triterpen cycloeuphordenol, resiniferonol, alcol ingenol,…
Nguồn gốc	Loài nguyên sản ở châu Phi (Madagascar).
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xương khô hầu như đều được tìm thấy ở 9 đơn vị hành chính tại Cà Mau. Ngoại trừ huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương) thì chưa được tìm thấy
Sinh cảnh	Cây Xương khô có nhiều công dụng trong việc chữa các loại bệnh nhân gian nên hầu hết người dân đều trồng loài cây này trong vườn nhà và ven đường đi đặc biệt nó còn được trồng nhiều trong vườn thuốc nam
Thu hoạch	Có thể thu hái cây quanh năm.
Chế biến	Tùy vào mục đích sử dụng, có thể dùng cây xương khô ở dạng phơi khô hoặc dùng tươi.
Bảo quản	Nơi khô thoáng, tránh gió và ẩm

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)
    - **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)
      - **Chi**: Euphorbia (Đại kích)
        - **Loài**: *E. tirucalli*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Dạng cây	Cây nhỡ
Chiều cao cây	Chiều cao cây từ 4 – 8m
Đường kính cây	Thân có thể có đường kính bằng cổ tay.
Thân cây	Cây không có gai, cây có nhiều nhánh nhỏ như hình những chiếc đũa gắn lại với nhau nhìn rất giống xương cá nên còn gọi là cây xương cá, cây có rất nhiều nhựa trắng. Thân to bằng cổ tay, nhiều cành gần như mọc vòng, hình trụ, dài, màu lục, nom như cành san hô.. Các cành nhỏ có lá
Lá cây	Lá hẹp, rụng rất sớm, dài 12-16mm, rộng 2mm
Hoa	Cụm hoa có bao chung nhỏ, 5 tuyến hình bầu dục, nhị nhiều; nhụy có 3 vòi chẻ đôi, đầu nhụy hình đầu. . .
Quả/trái	Quả nang ít lông, có 3 mảnh lồi
Hạt	Hạt hình trái xoan nhẵn

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau răng: Hái lấy chừng 50g cành Xương khô, rửa sạch, ngâm ngay vào trong 100ml cồn 90°. Mỗi lần dùng một thìa cà phê (15ml) cho vào cốc nước, ngâm một chốc, sau đó nhổ đi; ngày ngậm 3-4 lần (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương).	x		
2	Trị viêm xoang: Lấy 70g cây Xương khô tươi đun sôi với 1 lít nước. Để nước sôi và trùm khăn xông mũi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
3	Chữa mụn thịt và mụn cóc: Chuẩn bị: Mủ cây Xương khô (nên dùng mủ mới, không nên để mủ lâu vì có thể giảm tác dụng điều trị). Dùng tăm bông thoa mủ cây giao vùng nốt mụn cóc. Thực hiện 2 – 3 lần/ ngày. Chú ý: Không nên dùng trên diện rộng, áp dụng khoảng 1 tuần sẽ thấy mụn thịt rơi ra. Nếu không có tiến triển, nên đến bệnh viện để được tư vấn về cách loại bỏ mụn (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
4	Chữa bong gân và sưng tay chân: Lấy 1 nắm cành cây Xương khô tươi, rửa sạch, để ráo nước, bọc trong bao nilon và đập dập. Sau đó đắp thuốc lên vùng khớp sưng đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
5	Trị côn trùng cắn: Lấy mủ/cành tươi cây Xương khô thoa mủ lên vết cắn hoặc đắp cành giao đã giã nhuyễn lên vết thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
6	Chữa viêm xoang: Chuẩn bị: 70g cây xương khô tươi. Thực hiện: Đem nguyên liệu đun sôi với 1 lít nước. Để nước sôi và trùm khăn xông mũi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
7	Trị bệnh Gout: Lấy 1 nắm Xương khô, Cỏ cú, dây Vôi trắng, 3 lát Ngãi đen đâm rồi xào với giấm, lấy hỗn hợp đắp lên vết đau (thực hiện 3 lần)			x
8	Trị viêm xoang: Lấy nhánh Xương khô cắt khúc nhỏ, phơi, ngâm rượu. Uống. Hoặc lấy nhánh Xương khô phơi khô, để vô gáo dừa đốt, rồi ngửi (sử dụng 1 nhúm/lần, cách ngày thực hiện1 lần). Hoặc lấy Xương khô cắt khúc, nấu, lấy ống xông lên lỗ mũi.			x
9	Trị xoang miệng: Lấy thân, chóp lá Xương khô (nữ 9 đốt, nam 7 đốt), đốt ngửi			x
10	Trị nhức mỏi: Đâm dập Xương khô xào, bó vào chỗ đau, hết nóng thì nghỉ			x
11	Trị nộc (rắn cắn, cá đâm): Lấy mủ Xương khô thoa lên vết thương			x
12	Trị đau lưng: Lấy 1 nhúm thân Xương khô đập dập, xào với giấm. Lấy lá Nhàu xếp 2-3 lá phía dưới rồi đổ hỗn hợp vừa xào lên trên lá Nhàu, nằm trên thuốc.			x
13	Trị tim mạch, mát: Lấy Xương khô chặt nhỏ, phơi khô, sắc với 3 chén nước đến khi còn 1 chén, uống			x
14	Trị nhức răng: Bẻ 1 nhánh Xương khô, lấy mủ chấm vào răng			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Phải đeo mắt kiếng kiểu kiếng bơi để bảo vệ mắt vì hơi xông lên gây viêm mắt, có thể dẫn tới mờ mắt. Nên bắt đầu xông ngay khi vừa bốc hơi, để tận dụng lúc chất mủ còn đậm đặc sẽ đạt hiệu quả nhanh. Vì hơi xông ra rất nóng, nên ta có thể hít một lát, đến khi thấy nóng quá thì quay mặt ra thở bên ngoài, rồi lại quay vào xông tiếp. Nên linh động làm sao để xông một cách thoải mái là được. Bình thường, chỉ sau từ 2 - 3 hoặc 4 lần xông sẽ thấy thuyên giảm rõ. Không nên xông trị viêm xoang cho phụ nữ đang có thai.

Nhựa cây rất độc, có thể làm mù mắt; nó gây phồng làm nóng đỏ, chống kích thích, xổ. Nhựa này sẽ khô đặc lại ngoài ánh nắng và khi ngâm trong nước sẽ cho loại nhựa như cao su .

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

529. Xương rồng bàn tay *Nopalea cochenillifera* (L.) Salm-Dyck, 1850

Xương rồng bà không gai, Xương rồng bẹ, Tay cùi

Công dụng: Giải nhiệt, nhuận tràng, long đờm (cả cây).

Tính vị: Chưa có nghên cứu

Quy kinh: Chưa có nghên cứu

Bộ phận dùng: Lá, thân

Thành phần hóa học: Chưa có nghiên cứu

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới và quần đảo Antilles.

Phân bố ở Cà Mau: Ở Cà Mau, cây xương rồng bàn tay được tìm thấy khắp nơi trên địa bàn tỉnh Cà Màu

Sinh cảnh: Cây xương rồng bàn tay có công dụng trị bệnh nên được người trồng trong vườn nhà, ven đường, vươn ao, ven sông và mé lộ. Và cũng được trồng nhiều trong vườn thuốc nam.

Mùa hoa quả: Tháng 6 đến 7

Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Sắc nước, làm chín, giã nát, hầm
Bảo quản	Nơi khô ráo, thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Cactaceae (Xương rồng)

→ **Chi**: Nopalea

→ **Loài**: *N. cochenillifer*a

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây mọng nước
Chiều cao cây	Cây cao 1-2m
Thân cây	Cây có thân mọng nước có gốc hơi hóa gỗ, mọc thành bụi thẳng cao 1-2m gần như hình trụ. Phần trên nạc làm thành đốt giống như vợt bóng bàn, kế tiếp và thẳng góc với nhau, dài 15-30cm và rộng 10-12cm, màu xanh lục bóng, gai ngắn xếp 1-3 cái hoặc không có gai..
Hoa	Hoa lớn mọc đơn độc, các cánh hoa thẳng đứng lên có màu đỏ hoặc vàng, nhị và vòi nhụy đều thò ra ngoài.. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau lưng, giảm cứng xương sống: Lấy 2 – 3 nhánh xương rồng (lựa nhánh non), cạo bỏ gai xương rồng, ngâm với nước muối (10 phút), rửa sạch. Giã nát xương rồng, cho toàn bộ vào chảo, xào nóng. Đắp thuốc vào chỗ đau. Sau 30 phút, rửa sạch da với nước ấm. Người bệnh dùng xương rồng chườm đắp 2 lần mỗi ngày, mỗi lần 20 – 30 phút để sớm khắc phục đau lưng và giảm cứng xương (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
2	Chữa đau lưng: Lấy 3 – 4 nhánh xương rồng bẹ. Loại bỏ hết gai xương rồng, ngâm với nước muối và rửa sạch, để ráo. Nướng xương rồng trên bếp than. Dùng vải sạch bọc gọn xương rồng và áp lên vùng lưng đang bị đau nhức. Đợi xương rồng nguội, nướng lại và tiếp tục chườm. Thực hiện đều đặn 2 lần mỗi ngày, mỗi lần khoảng 20 – 30 phút sẽ nhận thấy cơn đau thuyên giảm rõ rệt (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
3	Chữa đau lưng (xương rồng luộc): Lấy 5 – 10 đọt xương rồng non, làm sạch gai và ngâm xương rồng với nước muối. Bóp đều xương rồng với muối trong 5 phút, xả sạch với nước. Lặp lại 3 lần. Luộc chín xương rồng. Ăn hết xương rồng luộc với muối hạt. Ăn 2 lần/ tuần, đều đặn 4 tuần (kinhtenongthon.com.vn)	x		
4	Chữa đau lưng: (Sắc xương rồng với rượu trắng và nước lọc): Chuẩn bị 30g xương rồng, 400 ml nước lọc, 100 ml rượu trắng. Cạo bỏ gai xương rồng, ngâm với nước muối và rửa sạch, để ráo, cắt nhỏ xương rồng và sao cháy đen. Cạo bỏ vỏ đen bên ngoài, cho xương rồng vào nồi sắc với nước và rượu. Sắc còn 100ml nước thuốc. Lọc lấy nước, uống nóng. Uống nước sắc xương rồng 1 lần/ ngày. Nên thực hiện liên tục 10 ngày để cải thiện đau lưng và các triệu chứng của bệnh (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Trị đau lưng: Chuẩn bị 3 bẹ xương rồng, một nắm ngải cứu, một nắm dây tơ hồng, một nắm cúc tần. Loại bỏ gai xương rồng, ngâm xương rồng với nước muối và rửa sạch. Ngâm và rửa sạch ngải cứu, cúc tần và dây tơ hồng. Cắt khúc và giã nát các nguyên liệu, trộn đều. Cho hỗn hợp vào chảo, xào nóng. Đựng hỗn hợp trong khăn bông mềm hoặc túi vải, áp lên khu vực bị đau. Khi hỗn hợp nguội, xào nóng và chườm thêm một lần nữa, liên tục trong 30 phút. Thực hiện đều đặn 2 lần mỗi ngày để sớm khắc phục các triệu chứng của bệnh (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
6	Trị đau lưng: Chuẩn bị 1 – 2 nhánh xương rồng bẹ, 100 g muối hạt. Loại bỏ toàn bộ gai xương rồng, ngâm với nước muối và rửa sạch. Đợi xương rồng ráo nước, cắt thành từng khúc, giã nát thảo dược. Rang nóng xương rồng với muối hạt. Đựng hỗn hợp trong túi vải. Đắp túi này lên vùng lưng đau. Thực hiện mỗi ngày 1 lần, đều đặn 7 – 10 ngày. Mỗi lần đắp 20 phút để giảm triệu chứng (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
7	Trị đau lưng: Chuẩn bị 2 nhánh xương rồng, 30g Lá lốt tươi, 20g muối hạt. Loại bỏ hết gai xương rồng, ngâm với nước muối và rửa sạch, để ráo. Rửa sạch Lá lốt, để ráo. Cắt nhỏ các nguyên liệu và giã nát, trộn đều với một ít muối hạt, Dùng túi vải bọc hỗn hợp và áp lên lưng sưng đau. Giữ nguyên trong 30 phút, vệ sinh da với nước ấm. Thực hiện từ 1 – 2 lần/ ngày, liên tục 10 ngày (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
8	Giảm đau lưng: Chuẩn bị 2 – 3 bẹ xương rồng, 50 g cám gạo, 3 thìa giấm táo. Loại bỏ hết gai xương rồng, ngâm với nước muối và rửa sạch. Mang xương rồng giã nhuyễn. Xào nóng xương rồng với cám gạo và giấm táo. Đợi các nguyên liệu kết dính, tắt bếp và bọc trong túi vải sạch. Chườm trực tiếp túi vải lên vùng lưng đau. Thực hiện 1 lần/ ngày, mỗi lần 20 phút. Sau 10 ngày áp dụng, người bệnh có thể nhận thấy các triệu chứng thuyên giảm rõ rệt (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
9	Chữa đau lưng: Chuẩn bị 2 – 3 bẹ xương rồng, 5 g muối hạt, 1 củ gừng tươi, 20ml rượu trắng. Loại bỏ hết gai xương rồng, cắt nhỏ, ngâm với nước muối và rửa sạch. Rửa sạch gừng (giữ nguyên vỏ), thái mát và xay nhuyễn. Xào nóng xương rồng cùng với gừng, muối hạt và rượu trắng. Bọc hỗn hợp trong túi vải và chườm đắp lên khu vực đau nhức. Sau khi hỗn hợp nguội, chườm nóng và đắp thêm một lần nữa. Thực hiện 20 – 30 phút/ lần, đều đặn 2 lần mỗi ngày để sớm cải thiện cơn đau (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
10	Chữa đau lưng (xương rồng nấu cá lóc): Chuẩn bị 3 đọt xương rồng non, 1 con cá lóc, gừng cắt sợi, tỏi nhuyễn, gia vị. Loại bỏ hết gai xương rồng, ngâm xương với nước muối từ 15 – 30 phút, rửa sạch và thái mỏng. Tiếp tục bóp đều xương rồng với muối trong 5 phút, xả sạch với nước. Lặp lại 3 lần để đảm bảo nhựa mủ. Sơ chế và rửa sạch cá lóc, ướp cá với gia vị trong 10 phút. Cho gừng và tỏi vào chảo dầu nóng, thêm cá và xào sơ để loại bỏ mùi tanh. Thêm nước, ninh cá đến khi cá chín mềm. Nêm nếm gia vị. Ăn nóng cá lóc với cơm trắng. Ăn 3 lần/ tuần, đều đặn 4 tuần (Viên nghiên cứu bệnh cơ xương khớp Việt Nam).	x		
11	Trị đau lưng, khớp: - Cách 1: Lấy cây Xương rồng bàn tay non và ít muối, đâm, xào giấm bó lên chỗ nhức. - Cách 2: Lấy 200g Xương rồng bàn tay, gọt bỏ vỏ xanh, xắt mỏng, xào với 200 g thịt heo, ăn. - Cách 3: Lấy 2 - 3 bẹ Xương rồng bàn tay đâm, xào với muối hoặc giấm, trải lên chiếu rồi nằm lên - Cách 4: Nướng lá Xương rồng bàn tay, thêm ít muối, đâm. Trải 1 lớp lá Nhàu phía dưới, rồi trải hỗn hợp Xương rồng bàn tay lên trên lớp lá Nhàu, rồi nằm lên			x
12	Trị đau răng, đau họng, thoái hóa cột sống: Đâm nhuyễn Xương rồng bàn tay xào với giấm hoặc nướng để đắp vào chỗ đau			x
13	Trị gai cột sống: Lấy 1 bẹ Xương rồng bàn tay đâm lổ trên bẹ, nướng nóng, rải tiếp 1 lớp muối rang, một lớp Xương rồng bàn tay, một lớp lá Nhàu già, nằm lên.			x
14	Trị mụn nhọt: Lấy mủ Xương rồng bàn tay chấm vào mụn nhọt, ngày chấm 1 lần.			x
15	Trị nhức lưng, gai cột sống: - Cách 1: Lấy 1 khúc Xương rồng bàn tay (4 tấc) đâm nhuyễn rồi xào với giấm và ít muối. Sau đó trải lần lượt các lớp sau: 1 lớp cao su, lá Nhàu, Xương rồng bàn tay (đã xào), lá Nhàu rồi nằm lên. - Cách 2: Lấy 1 nhánh Xương rồng bàn tay đâm nhuyễn kết hợp với cơm nguội rồi bó lên chỗ nhức hàng ngày. - Cách 3: Lấy rễ, thân Xương rồng bàn tay sao thủy thổ, sắc với 3 chén nước đến khi còn lại 1 chén, uống.			x
16	Trị nhức mỏi: - Cách 1: Lấy Xương rồng bàn tay bỏ gai, đâm dập, để thêm băng phiến (tiệm thuốc bắc) vào, xào giấm, đắp lên chỗ nhức mỏi, thực hiện ngày 1 lần. - Cách 2: Lấy xương rồng bàn tay hơ nóng, bỏ vào lá Nhàu rồi đắp lên chỗ nhức. - Cách 3: Lấy lá Xương rồng bàn tay nướng, đâm lủng lổ			x

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	trên lá Xương rồng bàn tay, để thêm hàn the, để lá Nhàu phía trên rồi nấu.			

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Trong xương rồng có độc. Vì thế người bệnh cần nhổ bỏ toàn bộ gai xương rồng, ngâm kỹ xương rồng với nước muối để loại bỏ nhựa cây và chất độc. Ngoài ra đối với các món ăn từ xương rồng, người bệnh cần bóp đều xương rồng với muối và xả sạch với nước, lặp lại nhiều lần để đảm bảo tính an toàn.

Một số lưu ý khác:

Khi hái xương rồng cần tránh để nhựa xương rồng bắn vào mắt.

Mang bao tay khi hái và rửa xương rồng để tránh gây kích ứng.

Không lạm dụng cách dùng cây xương rồng chữa bệnh đau lưng để tránh gây phản tác dụng và ngộ độc.

Hỏi ý kiến bác sĩ chuyên khoa hoặc thầy thuốc trước khi dùng xương rồng. Tuyệt đối không tự ý sử dụng xương rồng để tránh phát sinh rủi ro.

Không nên dùng xương rồng chữa bệnh khi không có kinh nghiệm.

Không nên dùng xương rồng kéo dài (dùng liên tục trên 20 ngày).

Không nên dùng xương rồng nếu có tiền sử dị ứng với thảo dược này.

Cần ngừng sử dụng xương rồng ngay lập tức nếu có dấu hiệu chóng mặt, lở loét da, đau đầu, buồn nôn, nôn, hoa mắt, đau bụng… Nếu các triệu chứng không thuyên giảm hoặc trở nặng, người bệnh nên đến bệnh viện để được hỗ trợ điều trị.

Không tiếp tục sử dụng xương rồng nếu cảm giác đau lưng không thuyên giảm sau 10 ngày áp dụng. Ngoài ra cần thăm khám bác sĩ để tìm nguyên nhân gây đau và cách điều trị hiệu quả.

Nên thận trọng trong bài thuốc chườm đắp để tránh gây bỏng da.

Nên uống nhiều nước lọc trong thời gian sử dụng xương rồng để tăng khả năng loại bỏ độc tố.

Hỗ trợ xương rồng điều trị đau lưng bằng cách áp dụng thêm các biện pháp giảm đau khác như bấm huyệt, xoa bóp, massage… Đồng thời không mang vác vật nặng, lao động gắng sức và thực hiện tư thế sai trong thời gian điều trị bệnh.

Cách dùng cây xương rồng chữa bệnh đau lưng không có khả năng chữa khỏi căn nguyên của bệnh (thoát vị đĩa đệm, đau thần kinh tọa, hư tổn đốt sống…). Vì thế để phòng ngừa đau lưng tái phát, người bệnh nên điều trị chuyên sâu hoặc sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

530. Xương rồng cảnh *Euphorbia trigona* Mill., 1768

Công dụng: Chưa có nghiên cứu

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Thành phần hóa học: Cũng như nhiều loài Euphorbia khác, latex từ cây có độc và có thể gây kích ứng da

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Tây Phi

Phân bố ở Cà Mau: Ở Cà Mau, Xương rồng cảnh được trồng ở huyện Phú Tân, huyện U Minh (TT. U Minh, xã Khánh Hội), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh BÌnh Tây), huyện Cái Nước (TT. Cái Nước, xã Thạnh Phú), huyện Năm Căn (xã Hàng Vịnh), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi

Sinh cảnh: Xương rồng cảnh được người dân trồng ở vườn nhà, ven đường, đường đi

Mùa hoa quả: Hoa nở vào mùa xuân hè,

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Euphorbiaceae (Thầu dầu)

Chi: Euphorbia (Đại kích)

Loài: *E. trigona*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây mọng nước
Chiều cao cây	Cây cao từ 1,5 - 3 mét.
Thân cây	Thân thẳng đứng. Thân và cành có thể có hai hoặc ba cạnh. Thân cây có màu xanh đậm với các hoa văn màu xanh nhạt hình chữ V. Những chiếc gai dài khoảng 5mm được xếp thành từng đôi trên các gờ của thân cây..
Lá cây	Cây thường không có lá, ngoại trừ một số ít ở đầu mỗi thân. Đây là những đốm, dài từ 3 đến 5cm, màu xanh lục hoặc hơi đỏ. Các lá hình giọt mọc từ giữa hai gai trên mỗi sườn
Hoa	Hoa có màu vàng lục. Hiếm khi ra hoa.. .

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Gai cột sống, gai chân: xương rồng xào giấm đắp lên nằm			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Nhựa cây có thể gây bỏng da và mắt nếu tiếp xúc, gây tê cứng lưỡi và miệng, nôn mửa nếu ăn phải.

Bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

531. Xương rồng Ngọc lân — *Euphorbia neriifolia* L., 1753

Xương rồng rào, Xương rồng ta

Công dụng: Ở Ấn Độ, nhựa cây được dùng trị mụn cóc và một số suy sụp của da. Rễ cây được dùng trị bò cạp đốt, rắn cắn và dùng để duốc cá.

Ở Malaixia, nhựa cây dùng với gạo trị ho. Dịch lá là thuốc đặc biệt trị bệnh đau tai. Lá dùng để duốc cá.

Kinh nghiệm dân gian dùng chữa đau thấp khớp, buốt dọc theo xương sống như kiến bò. Dùng thân cây, cạo bỏ vỏ xanh, rửa sạch, bổ đôi, bỏ ruột lõi. Thái nhỏ, phơi khô nấu nước uống hoặc ninh thịt gà lấy nước ăn. Rễ làm Thuốc bổ dạ dày.

Tính vị: Chưa có nghiên cứu

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nhựa mủ, thân, cành và lá

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở vùng cao của cao nguyên Decan (Ấn Độ)
Phân bố ở Cà Mau	Xương rồng Ngọc lân được tìm thấy ở TP. Cà Mau (phường 5), huyện Thới Bình (xã Trí Phải), huyện Phú Tân, huyện U Minh (xã Khánh Hòa), huyện Trần Văn Thời, huyện Cái Nước (xã Tân Hưng Đông), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ân) và huyện Đầm Dơi.
Sinh cảnh	Xương rồng Ngọc Lân đường người dân trồng trong vườn nhà và dọc theo ven đường
Thu hoạch	Có thể thu hái các bộ phận của cây quanh năm.
Chế biến	Thường dùng tươi.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Malpighiales (Sơ ri)
    - **Họ:** Euphorbiaceae (Thầu dầu)
      - **Chi**: Euphorbia (Đại kích)
        - **Loài**: *E. neriifolia*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây nhỡ
Chiều cao cây	Cây cao 5-6cm
Thân cây	Nhánh có 5 cạnh, dày 2cm hay hơn
Lá cây	Lá ở các ngọn nhánh, hình trái xoan ngược thuôn, hơi nạc, nguyên, chóp tròn, thon đầu lại thành cuống rộng, dài 13-15cm, rộng 3-4cm, có lá kèm thành gai, xếp 2 cái một ở các đệm.
Hoa	Cụm hoa thành xim nhỏ bên, ở ngọn các nhánh.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Trị suyễn và viêm cổ họng: Lấy một nhúm lá già Xương rồng Ngọc lân với tí phèn chua, đem phơi sương 1/2 giờ rồi ăn cả xác lẫn nước (Mạng y tế Y dược học, 2020).	x		
2	Chữa đau thấp khớp, buốt dọc theo xương sống như kiến bò: Dùng thân cây Xương rồng Ngọc lân, cạo bỏ vỏ xanh, rửa sạch, bổ đôi, bỏ ruột lõi. Thái nhỏ, phơi khô nấu nước uống hoặc ninh thịt gà lấy nước ăn (Mạng y tế Y dược học, 2020).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Xương rồng Ngọc lân có thể dùng làm thuốc chữa bệnh, song nó là cây có độc, nếu chế biến và sử dụng không đúng phương pháp có thể gây nguy hiểm. Cho nên khi sử dụng cần có sự hướng dẫn của bác sĩ.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng

532. Xương rồng nọc trụ — *Cereus repandus* (L.) Mill., 1768

Xương rồng trụ, Xương rồng khế, Long cốt

Công dụng: Trị mụn nhọt

Quy kinh: Chưa có nghiên cứu

Bộ phận dùng: Nhựa

Nguồn gốc: Cây có nguồn gốc từ Brasil.

Phân bố ở Cà Mau: Ở Cà Mau , cây xương rồng nọc trụ được trồng rất ít chỉ thấy người dân trồng ở địa bàn huyện Năm Căn (xã Hàm Rồng)

Sinh cảnh	Cây Xương rồng nọc trụ được trồng trong vườn nhà của người dân và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 5 đến 7, Tháng 5 đến 7
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Ép nhựa
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

→ **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

→ **Bộ**: Caryophyllales (Cẩm chướng)

→ **Họ:** Cactaceae (Xương rồng)

→ **Chi**: Cereus

→ **Loài**: *C. repandus*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây mọng nước
Chiều cao cây	Cây cao đến 3m
Đường kính cây	Cây có đường kính 10-20cm
Thân cây	Thân khi non màu xanh đậm nhẵn về sau chuyển sang màu xanh xám, phần non có 5-8 múi hẹp ít khi phân nhánh, có gai và lông mềm màu xám. Mỗi cạnh đều có gai chi chít, dài 1-2 cm..
Hoa	Hoa lớn dài khoảng 16cm ở dưới của thân, hoa màu trắng. Hoa có nhiều cánh dài ôm lấy nhuỵ. Hoa rất nhanh tàn, chỉ nở khoảng 5-10 ngày.. .
Quả/trái	Quả dài khoảng 9cm.
Mùi hương	Cây có mùi thơm nhẹ.

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa mụn nhọt: Lấy nhựa Xương rồng nọc trụ bôi vào nơi có mụn nhọt	x		
2	Trị thoát vị đĩa điệm, gai cột sống: Lấy Xương rồng nọc trụ bỏ gai, bầm nhỏ, xào với giấm, để ấm ấm, nằm lên.			x
Lưu ý khi sử dụng: *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng*				

533. Xương rồng ông — *Euphorbia antiquorum* L., 1753

Xương rồng ba gai, Xương rồng ba cạnh, Hoá ương lăc, Bá vương tiêm.

Công dụng: Đau răng, sâu răng, mụn nhọt, viêm dạ dày ruột cấp, sốt rét, viêm mủ da.

Tính vị: Vị đắng, tính hàn, có độc.

Quy kinh: Chưa tìm thấy tài liệu nghiên cứu

Bộ phận dùng: Thân, lá, nhựa, nhị hoa

Thành phần hóa học: Xương rồng ông chứa nhựa mủ, nhựa này có 4,0 – 6,4% cao su (The Wealth of India vol III, 1952, 224).

Nhựa xương rồng còn chứa các diterpenoid loại ingol

Trong nhựa còn có p amvrin, euphadienol và euphorbol (Cuu. sci. 1967, 36, 204)

Rễ Xương rồng ông cũng chứa tarakerol. Xương rồng còn chứa các acid hữu cơ như cistric, tartric và xiumaric.

Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc từ vùng hoang mạc
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xương rồng ông phân bố chủ yếu ở huyện U Minh, huyện Trần Văn Thời, huyện Năm Căn, huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ), huyện Phú Tân (Việt Thắng), huyện Ngọc Hiển (xã Tân Ấ, xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây Xương rồng ông được người trồng trong vườn nhà, dọc theo ven đường, ven mương, veo ao, một số trồng trong chậu, mọc hoang vườn nhà và cũng có trồng trong vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 1 đến 3, Tháng 1 đến 3
Thu hoạch	Quanh năm
Chế biến	Bóc lấy vỏ và bỏ gai, nướng tới khi có màu nâu hoặc rang với gạo cho tới khi có màu nâu. Nhựa chích từ cây tươi.
Bảo quản	Nơi thoáng mát

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Malpighiales (Sơ ri)

Họ: Euphorbiaceae (Thầu dầu)

Chi: Euphorbia (Đại kích)

Loài: *E. antiquorum*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống lâu năm
Dạng cây	Cây nhỏ mọng nước
Chiều cao cây	Cây cao 1-3m hay hơn
Thân cây	Toàn cây có nhựa mủ trắng.. Phân nhiều cành. Cành có 3 cạnh lồi, màu lục sẫm, mép có u nhọn không đều
Lá cây	Lá kèm chẻ đôi, biến đổi thành gai
Hoa	Cụm hoa mọc ở chỗ lõm của mép cành, hình chén, màu vàng; lá bắc hình vảy, nhị nhiều, mỗi nhị là một hoa đực tiêu giảm, chỉ nhị hình thoi, bao phấn hình cầu; nhụy nổi lên ở giữa chính là hoa cái; bầu hình cầu nhẵn, có cuống dài
Quả/trái	Quả nhỏ, màu lục, có 3 mảnh

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa đau răng, sâu răng: Lấy cành Xương rồng ông 50g, cạo bỏ gai. Nướng chín vàng hoặc vùi tro nóng trong 1-2 giờ, giã nát với ít muối, ép lấy nước, ngậm. Nếu nước dãi chảy ra thì nhổ đi, không được nuốt. Ngậm 10 phút, rồi nhổ đi, sau đó xúc miệng sạch, tránh nuốt nước dễ bị tiêu chảy. Ngày ngậm 3-4 lần (Vương Long, 2020).	x		
2	Chữa mụn nhọt, viêm da mủ: Lấy thân Xương rồng ông, cạo bỏ gai, nướng trên lửa cho chín vàng, đập dập rồi đắp lên chỗ sưng đau. Có thể dùng cành, bổ dọc làm đôi, hơ nóng, đắp (Vương Long, 2020).	x		
3	Chữa đau lưng, cứng xương sống: Lấy cành non Xương rồng ông, cạo bỏ gai, giã nát, chưng nóng, chườm và đắp vào chỗ đau. Thường đắp thuốc vào chỗ lưng đau rồi nằm ngửa để thuốc ngấm (Vương Long, 2020).	x		
4	Chữa đòn ngã sưng đau: Dùng 30g cành Xương rồng ông, cắt nhỏ, sao cháy đen, đổ nửa nước nửa rượu sắc uống (Thầy thuốc của bạn).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
5	Chữa đau cột sống: Dùng cành bánh tẻ (không non, không già) cây xương rồng ông, gọt cạnh gai và xắt nhỏ, phơi khô, sao vàng rồi hạ thổ (lót giấy bản đổ xuống nền đất chờ cho nguội), lấy 1 vốc bằng chén ăn cơm đổ 3 chén nước sắc còn 1 chén, uống trước lúc đi ngủ. Uống liên tục trong 15 ngày. Nghỉ 1-2 tháng có thể uống nhắc lại một đợt nữa. Để phòng chống tái phát nên kết hợp với các phương pháp tập luyện thể dục mỗi ngày.	x		
6	Chữa viêm dạ dày - ruột cấp tính: Dùng 30-60g cành Xương rồng ông tươi, gọt bỏ vỏ và gai, cắt nhỏ, rửa sạch mủ, để ráo, trộn vốc gạo rang cho cháy sém vàng, đổ 2 chén nước sắc uống (Thầy thuốc của bạn).	x		
7	Thuốc tẩy xổ: Tẩm 0,5ml nhựa mủ vào thịt cá trê, nướng lên ăn. Thuốc xổ rất mạnh, không dùng cho người già yếu, phụ nữ có thai (Thầy thuốc của bạn).	x		
8	Chữa báng: Chuẩn bị Bồ hóng bếp 3 phần, bánh men rượu 1 phần (nửa bánh), nhựa xương rồng ông, vừa đủ. Bồ hóng rây mịn, giã nhỏ với men rượu. Nhỏ nhựa xương rồng ông vào cho vừa đủ làm thành bột nhão, làm thành viên bằng hạt ngô. Ngày uống 3 viên, cho vào chuối rồi nuốt. Uống 3 ngày, hễ thấy đi ngoài trắng như nước gạo là khỏi. Sau đó, uống tiếp thêm 2-3 ngày nữa, mỗi ngày 2 viên. Kiêng thịt mỡ, Hành sống. Thuốc có độc, phải hết sức thận trọng (Đỗ Tất Lợi).	x		
9	Chữa xơ gan cổ trướng: Nhựa mủ Xương rồng ông hòa bột gạo viên bằng hạt đậu xanh, uống 1-2 viên, cho tiêu chảy vừa chừng là được; có thai không dùng (Thầy thuốc của bạn).	x		

<u>Lưu ý khi sử dụng</u>:

Nhựa xương rồng ông có chất độc, tuyệt đối không được để bắn vào mắt. Cây có chất độc, dùng phải cẩn thận, không có kinh nghiệm tuyệt đối không dùng. Thuốc chữa đau răng: Hái cành xương rồng cạo bỏ gai, đem nướng cho nóng mềm, giã nát, nhặt bỏ xơ, thêm ít muối vào. Dùng ngậm khi đau răng, lấy một miếng thuốc trên, đặt vào nơi răng đau, ngậm chặt lại, nước dãi chảy ra thì nhổ đi, Ngậm độ 3 - 4 lần trong ngày. Sau đó súc miệng sạch. Chú ý tránh nuốt nước, có thể gây đi ỉa.

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

534. Xương sông — *Blumea lanceolaria* (Roxb.) Druce, 1917

Xang sông, xanh sông, Hoạt lộc thảo, Bi bốc, Tạp chèng (Tày), hoạt lộc thảo, rau húng ăn gỏi

Công dụng: Cảm sốt, ho, viêm họng, viêm phế quản; Tưa mồm, trắng lưỡi, viêm miệng; Đầy bụng đi ngoài, nôn mửa; Sốt co giật ở trẻ em.

Tính vị: Vị cay, tính ấm

Quy kinh: Kinh vị, phế, đại trường

Bộ phận dùng: Lá, toàn cây trên mặt đất,

Thành phần hóa học: Lá chứa tinh dầu 0,24% mà thành phần chủ yếu là methylthymol (94,96%); còn có p-cymen (3,28%), limonen (0,12%).

Nguồn gốc	Loài của phân vùng Ấn Độ - Malaixia
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây Xương sông chỉ được tìm thấy ở huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi)
Sinh cảnh	Cây Xương sông được trồng trong vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Ra hoa tháng 1-2, Có quả tháng 4-5.
Thu hoạch	Thu hoạch quanh năm
Chế biến	Dùng tươi hay phơi khô trong râm hoặc sấy nhẹ cho đến khô.
Bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Blumea (Chi Đại bi)
        - **Loài**: *B. lanceolaria*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	2 năm
Dạng cây	Cây thảo
Chiều cao cây	Cây cao khoảng 1m hay hơn
Thân cây	Thân thảo thẳng đứng.
Lá cây	Lá hình ngọn giáo, gốc thuôn dài, chóp nhọn, mép có răng cưa; cuống lá có khi có tai ngắn.
Hoa	Cụm hoa hình đầu màu vàng nhạt, tập hợp 2-4 cái ở nách các lá. Hoa màu vàng nhạt, mào lông màu trắng.. Hoa lưỡng tính ở giữa có tràng 5 răng. Hoa cái ở xung quanh có tràng 3 răng
Quả/trái	Quả bế hình trụ, có 5 cạnh.
Mùi hương	Lá có mùi hơi hăng của dầu

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa thấp khớp: Chuẩn bị: Dùng 1 nắm lá xương sông vừa đủ. Đem lá rửa sạch, giã nát và xào nóng. Sau đó đắp trực tiếp lên vùng khớp bị viêm và đau nhức. Có thể dùng vải quấn qua đêm để tăng khả năng giảm đau (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
2	Chữa bệnh viêm họng: Chuẩn bị: Giấm 20 – 30ml và khoảng 10 lá xương sống. Đem lá xương sông rửa sạch, ráo nước và đập nhẹ cho lá giải phóng tinh dầu. Sau đó đem lá nhúng qua giấm và ngậm. Thực hiện liên tục trong 5 – 7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
3	Chữa nôn trớ và ho có đờm ở trẻ em: Chuẩn bị: 5 thìa cà phê mật ong và 2 – 3 lá xương sông. Đem lá xương sông rửa sạch, để ráo, thái nhỏ và cho vào chén. Thêm mật ong vào chén và đem hấp cách thủy khoảng 10 phút. Dùng nước uống nhiều lần trong ngày, người lớn bị ho có thể nhai có lá để nhanh giảm bệnh (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
4	Chữa ho: Chuẩn bị: Lá hẹ, xương sông và húng chanh mỗi thứ 10g, 1 ít mật ong. Đem các thảo dược rửa sạch, để ráo, thái nhỏ và hấp cách thủy với 1 ít mật ong (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
Lưu ý khi sử dụng: *Không dùng lâu vì có tác dụng phụ như khô háo trong người gây táo bón.* *Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.*				

535. Xuyến chi — *Bidens pilosa* L., 1753

Đơn buốt, Đơn kim, Quỷ châm, Song nha lông

Công dụng: Chứng ly, cổ họng sưng đau, mẩn ngứa, đau răng, viêm gan do virus, viêm ruột thừa, đau nhức xương khớp, chấn thương tụ máu…

Tính vị: Vị đắng, nhạt, hơi cay và tính mát

Quy kinh: Chưa tìm thấy tài liệu ghi nhận

Bộ phận dùng: Toàn cây trừ phần rễ sẽ được sử dụng để làm vị thuốc.

Thành phần hóa học	Sau đây là một số thành phần được tìm thấy trong dược liệu Xuyến chi: Methanol, aceton, nước, magie, mangan, phốt pho, can xi, crom, kẽm.
Nguồn gốc	Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ
Phân bố ở Cà Mau	Ở Cà Mau, cây Xuyến chi xuất hiện rất ít, được tìm thấy chủ yếu ở huyện Thới Bình (xã Hồ Thị Kỷ), huyện Trần Văn Thời (xã Khánh Hưng), huyện Ngọc Hiển (xã Đất Mũi), huyện Đầm Dơi (xã Tân Dân)
Sinh cảnh	Cây Xuyến chi sống chủ yếu mọc tự nhiên ở trong vườn nhà và ven đường
Mùa hoa quả	Tháng 3 đến 5, Tháng 8 đến 10
Thu hoạch	Để thu hái cây với hàm lượng dược chất cao nhất, nên tiến hành vào giữa mùa hoa, tức là khoảng tháng 4 hoặc tháng 9.
Chế biến	Dược liệu có thể được dùng cả ở dạng tươi hay đã sơ chế khô. Cách phổ biến nhất là sắc lấy nước uống hay giã nát để đắp ngoài da. Tùy thuộc vào từng bài thuốc mà có thể linh hoạt kết hợp với các vị thuốc khác. Đem cắt toàn cây trừ phần rễ rồi tiến hành rửa sạch. Có thể dùng tươi hay phơi khô để bảo quản dùng dần.
Bảo quản	Dược liệu nếu đã được sơ chế khô cần bảo quản trong túi kín ở nơi khô ráo, thông thoáng.

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)
- **Lớp**: Magnoliopsida (Hai lá mầm)
  - **Bộ**: Asterales (Cúc)
    - **Họ:** Asteraceae (Cúc)
      - **Chi**: Bidens
        - **Loài**: *B. pilosa*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây hằng năm
Dạng cây	Cây mọc thành bụi
Chiều cao cây	Chiều cao cây ở khoảng 0,4 – 1m hoặc có thể hơn.
Thân cây	Thân khi già màu nâu tía. Cả phần thân và cành đều có các rãnh chạy dọc và có lông.. Thân phân nhánh nhiều
Lá cây	Lá đơn, mọc đối nhau và có cuống dài. Lá chét có hình mác, cuống ngắn, mép lá có hình răng cưa to, phần đáy hơi tròn. Lá chét có thể có lông thưa hay không. Phần cành rậm và thường mọc theo nhóm.
Hoa	Cụm hoa tựa hình đầu, màu vàng, có gai, mọc đơn độc hoặc nhiều hơn ở đầu cành hay nách lá.. Hoa có cánh màu trắng và nhụy hoa màu vàng. Khi hoa thành gai thì sẽ nở bung ra rồi bay theo gió, bám vào con vật hoặc người. Trong mỗi đầu hoa, các hoa vòng ngoài hình lưỡi màu trắng; các hoa ở giữa màu vàng. Phần nhụy hoa sẽ phát triển thành hạt với dạng quả bế, phần đầu hạt có gai. Những gai này sẽ giúp cây nhân giống bằng cách di chuyển theo gió hoặc bám vào người hay động vật.. .
Quả/trái	Quả bế hình thoi, có 2-3 sừng ở đầu quả như những cái gai nhỏ (như những cái trâm sắc)

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa lỵ do nhiễm khuẩn: Cho 100g đọt non Xuyến chi đun lấy nước. Nếu bị xích lỵ (phân lẫn máu) thì cho vào nước ít đường trắng.Nếu bạch lỵ (phân chỉ có chất nhầy) thì cho đường đỏ.Chia thành 3 lần uống trong ngày.Liệu trình 3 ngày (Caythuocdangian.com).	x		
2	Chữa đại, tiểu tiện xuất huyết: Sắc lấy nước uống từ 30-60g Xuyến chi (Caythuocdangian.com).	x		
3	Chữa mẫn ngứa do dị ứng thời tiết: Cho 200g xuyên chi cùng với 4-5 lít nước để tắm, dùng bã trà xát lên người để hiệu quả hơn. Sau 1-2 lần tắm sẽ có kết quả (Caythuocdangian.com).	x		
4	Giảm đau nhức răng, viêm lợi: Giã nhuyễn lá và hoa Xuyến chi đã rửa sạch cùng chút muối hột, vo thành viên nhỏ rồi đặt vào chỗ đau. Hoặc cũng có thể ngâm qua đêm 15g hoa xuyến chi với 200ml rượu, ngậm 2 lần trong ngày (Caythuocdangian.com).	x		
5	Chữa đau mắt đỏ: Lá Xuyến chi tươi giã nát rồi đắp lên mi mắt bị đau (Caythuocdangian.com).	x		
6	Chữa rắn cắn, mày đay, lỡ loét: Giã nát 10g Xuyến chi tươi và đắp vào vết thương. Đối với rắn cắn, còn có thể thực hiện như sau: sắc lấy nước 90g xuyến chi tươi chia thành 3 lần uống trong ngày cũng đồng thời giã nhuyễn hỗn hợp gồm 60g xuyến chi tươi và 60g cải tía rừng, đắp lên chỗ bị	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	rắn cắn (Caythuocdangian.com).			
7	Chữa bệnh đường ruột: Chặt cả cây thành đoạn ngắn rồi phơi khô. Dùng đun nước uống thay trà (Caythuocdangian.com).	x		
8	Chữa mụn cơm: Chuẩn bị 1 ít nhựa mủ của cây Xuyến chi. Sử dụng nguyên liệu này để chấm trực tiếp lên nốt mụn cơm (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
9	Chữa côn trùng đốt, rắn cắn, bỏng da do nhiệt: Lấy phần cành của cây Xuyến chi đem giã nát rồi đắp trực tiếp lên vùng da bị tổn thương (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
10	Chữa cảm nắng, tiêu chảy, nôn mửa, đau bụng: Lấy 60 – 120g Xuyến chi cho vào ấm sắc chung với 1 thăng nước trên lửa nhỏ trong vòng 30 phút. Uống khi thuốc còn ấm nóng. Hoặc có thể giã dược liệu rồi vắt lấy nước cốt là pha thêm chút muối hạt và uống trực tiếp. Mỗi ngày chỉ dùng đúng 1 thang thuốc (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
11	Chữa viêm mũi dị ứng, viêm xoang: Lấy 15 đốt phần cành của cây Xuyến chi cắt thành từng đoạn ngắn tầm 5mm sau đó cho vào túi nilon để đập dập. Tiếp đến cho vào ấm có vòi sắc với lượng nước vừa đủ. Khi nước sôi dùng giấy cuộc thành ống và lắp vào đầu vòi. Đưa mũi sát lại ống để hít hơi thuốc vào mũi. Thỉnh thoảng nên hít cả bằng đường miệng. Thời gian xông khoảng 10 – 15 phút, duy trì trong 3 – 5 ngày với triệu chứng nhẹ, 7 – 10 ngày khi triệu chứng nặng (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
12	Chữa viêm ruột thừa: Lấy 4 – 16g Xuyến chi cho vào ấm sắc chung với 1 thăng nước trên lửa nhỏ trong khoảng nửa tiếng. Chia thuốc làm nhiều lần uống trong ngày khi còn ấm, dùng với liều lượng 1 thang/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
13	Chữa bệnh viêm dạ dày: Lấy khoảng 30 – 60g Xuyến chi cho vào ấm sắc chung với 800ml nước đến khi còn phân nửa. Chia làm 4 lần uống trong ngày, dùng với liều 1 thang mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
14	Chữa bệnh viêm dạ dày: Lấy lượng Xuyến chi tùy ý đem nấu thành cao đặc. Mỗi lần uống lấy ra khoảng 6g để hòa chung với nước gừng tươi (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
15	Trị chứng đau nửa đầu: Chuẩn bị 30g xuyến chi, 20g trân châu mẫu, và 3 quả đại táo. Sắc lấy nước uống ngày lần	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
	(Caythuocdangian.com).			
16	Chữa viêm gan vàng da do thấp nhiệt: Sắc lấy nước 30-60g xuyến chi, hoặc cho thêm vào 30-60g đại táo. Ngày 1 thang (Caythuocdangian.com).	x		
17	Chữa viêm gan vi rút: Chuẩn bị 20g lá và hoa xuyến chi, 20g Chó đẻ răng cưa (diệp hạ châu), 15g bồ bồ, 15g Cam thảo đất,12g hạt dành dành, sắc lấy nước mỗi ngày 1 thang (Caythuocdangian.com).	x		
18	Trị chấn thương do bị đánh, bị ngã: Đun lấy nước 60g xuyến chi, hòa 30ml rượu vang, uống lúc nóng,chia ngày 2 lần uống (Caythuocdangian.com).	x		
19	Chữa dạ dày bị trướng đau: Hầm chín 45g Xuyến chi với 100g thịt lợn, cho chút gia vị và rượu vào hầm cùng, ăn trước bữa ăn (Caythuocdangian.com).	x		
20	Chữa viêm thận cấp tính: Sắc lấy nước 15g đọt non Xuyến chi thái nhỏ, sau đó đập 1 quả trứng gà vào nước, thêm một ít dầu vừng rồi nâu chín, ăn 1 lần trong ngày (Caythuocdangian.com).	x		
21	Điều trị chấn thương phần mềm, tụ máu: Lấy 15g là và hoa cây Xuyến chi, với 15g lá cây đại, giã nát, cho vào bang gạc đắp lên vết thương, thực hiện ngày 1-3 lần cho đến khi máu tụ tan, hết đau thì ngừng đắp (Caythuocdangian.com).	x		
22	Chữa viêm ruột thừa: Sắc lấy nước 60g Xuyến chi, thêm vào 60ml mật ong. Chia thành 2 lầ uống trong ngày (Caythuocdangian.com).	x		
23	Chữa đau lưng do thận hư: Chuẩn bị 60g xuyến chi, 30g hồng táo. Đun lấy nước, uống 2 lần trong ngày (Caythuocdangian.com).	x		
24	Chữa viêm họng, viêm thanh quản do nhiễm lạnh: Chuẩn bị 15g Xuyến chi, 15g sài đất, 15g kim ngân hoa, 15g Cam thảo đất, 15g lá hung chanh. Rửa sạch tất cả và đổ vào 750ml nước xắt nhỏ lửa, cho đến khi 300ml. Chia 300ml thành 3 lần uống trong ngày. Liệu trình 7 ngày, chú ý vệ sinh răng miệng sạch sẽ (Caythuocdangian.com).	x		
25	Trị đau nhức do phong thấp: Chuẩn bị 30-60g hoa Xuyến chi, rửa sạch, sắc lấy nước uống ngày 2-3 lần. Hoặc cho thêm 30g xú ngô đồng sắc cùng 30-60g xuyến chi lấy nước uống. Liệu trình 10-15 ngày (Caythuocdangian.com).	x		
26	Chữa cam tích ở trẻ nhỏ: Chuẩn bị 15g lá cây Xuyến chi và 60g gan lợn. Xếp lá cây đã rửa sạch xuống đáy nồi, đổ nước, và đặt gan lên trên,hấp chín. Chia gan thành 2 lần ăn trong ngày, ăn liên tục trong 5-7 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
27	Chữa trẻ bị sốt cao: Chuẩn bị 20g lá và hoa xuyến chi, sài đất 20g, giã nát lọc lấy nước cho trẻ uống 2-3 lần trong ngày, bã thuốc đắp vào gam bàn chân cho trẻ (Caythuocdangian.com).	x		
28	Chữa đau lung: Chuẩn bị 150g xuyến chi, 250g đại táo, cho thêm đường đỏ và chút rượu trắng, đun lửa nhỏ cho táo nhừ, chắt lấy nước uống 4-5 lần trong ngày. Liêu trình 10 ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
29	Chữa viêm họng cấp tính: Lấy 30 – 60g Xuyến chi giã nát vị thuốc rồi vắt lấy nước cốt. Chia đều ra làm 3 – 4 lần uống trong ngày. Khi uống có thể cho thêm vài hạt muối hoặc mật ong. Chỉ dùng đúng 1 thang mỗi ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		
30	Chữa viêm não B: Lấy 30 – 90g Xuyến chi cùng với 15 – 30g cửu lý hương. Đem 2 vị thuốc trên sắc thành nước đặc. Chia đều làm 2 lần uống trong ngày. Đối với trường hợp bệnh nặng cần dùng với liều 2 tễ/ngày (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia, 2021).	x		

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Cây xuyến chi có tính hút độc rất mạnh nên những cây hoa xuyến chi được thu hái ở khu công nghiệp, nơi nhiều khói bụi sẽ có hàm lượng kim loại nặng và độc tố có trong dịch chiết rất cao. Do đó nếu vô tình dùng phải loại cây này, bệnh không những không thuyên giảm mà còn vô tình mang chất độc vô người. Vì vậy, khi dùng cây xuyến chi như một cây thuốc chữa bệnh, cây phải được thu hái ở trên núi cao, nơi có không khí trong lành và không bị ô nhiễm mới có thể đảm bảo chất lượng của cây.

Do cơ địa mỗi người khác nhau, nên tác dụng của thuốc đối với mỗi người đôi khi cần phai gia giảm thêm sao cho phù hợp, vì thế khi áp dụng các bài thuốc trên cần được bắt mạch , có chuẩn đoán và tư vấn cụ thể.

Ở nhiều vùng quê, mọi người hay bị nhầm lẫn trong tên gọi của cây hoa xuyến chi với cây cứt lợn, dù hình dáng của chúng hoàn toàn khác nhau

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

536. Xuyên tâm liên *Andrographis paniculata* (Burm.f.) Nees, 1832

Công cộng, Lãm hạch liên, Khổ đảm thảo, Hùng bút, Nguyên cộng, Lam khái liên, Cây lá đắng, Nhất kiến kỷ

Công dụng: Thanh nhiệt giải độc, tiêu viêm, chỉ thống. Chữa lỵ cấp tính, viêm dạ dày, cảm mạo, phát sốt, viêm họng, viêm Amydal, viêm gan virus, mụn nhọt

Tính vị: Vị đắng, tính hàn.

Quy kinh: Kinh vị, phế, đại trường

Bộ phận dùng: Toàn cây trên mặt đất (Herba Andrographitis).

Thành phần hóa học	Trong cây và lá có các acid hữu cơ, tanin, chất nhựa, đường. Trong lá có các hoạt chất deoxyan-drographolide 0,1% hay hơn, andrographolide 1,5% hay hơn, neoandrographolide 0,2%, homoandrographolide, panicolide. Còn có andrographan, andrographon, andrographosterin. Rễ chứa mono-O-methylwithtin, andrographin, panicolin, apigenin-7,4'-dimethyl ether. Toàn cây chứa 14-deoxy-11-oxoandrographolide, 14-deoxy -11,12-didehydroandrographolide,... và các panniculide A, B, C
Nguồn gốc	Cây của phân vùng Ấn Độ - Malaixia, mọc hoang và cũng được trồng.
Phân bố ở Cà Mau	Cây Xuyên tâm liên được phân bố ở một số địa bàn huyện Thới Bình (xã Tân Lộc), huyện U Minh (TT. U Minh, xã Khánh Hòa), huyện Trần Văn Thời (xã Phong Lạc, xã Khánh Bình tây), huyện Đầm Dơi (xã Ngọc Chánh, xã Tạ An Khương)
Sinh cảnh	Cây Xuyên tâm liên chỉ thấy mọc hoang và được trồng trong vườn nhà người dân và vườn thuốc nam.
Mùa hoa quả	Tháng 9 đến 12, Tháng 1 đến 2
Thu hoạch	Nên thu hái cây khi chưa ra hoa. Phần trên mặt đất của cây thu hái vào đầu thu khi cây bắt đầu ra hoa.
Chế biến	Sau khi thu hái cây, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái thành từng đoạn, rồi phơi hay sấy khô. Phần trên mặt đất của cây sau khi thu hái, cắt thành từng đoạn, phơi hoặc sấy

PHÂN LOẠI CÂY THUỐC NAM

Ngành: Magnoliophyta (Hạt kín)

Lớp: Magnoliopsida (Hai lá mầm)

Bộ: Lamiales (Hoa môi)

Họ: Acanthaceae (Ô rô)

Chi: Andrographis

Loài: *A. Paniculata*

MÔ TẢ CÂY THUỐC NAM	
Chu kỳ sống	Cây sống một năm hay hai năm
Dạng cây	Cây thân thảo
Chiều cao cây	Cây có thể cao đến 1m
Thân cây	Thân đứng, vuông, nhẵn; ở thân già mấu lá thường phình to. Cây phân cành nhánh nhiều. Các cành mọc theo 4 hướng.
Lá cây	Lá đơn, nguyên, mọc đối chéo chữ thập. Phiến lá thuôn dài hình mũi mác có đáy hẹp hoặc hình xoan thon hẹp do men dần xuống cuống, đỉnh nhọn, dài 4-8 cm, rộng 1,5-2,5 cm, nhẵn. Gân lá hình lông chim, nổi rõ ở mặt dưới, có 4-5 cặp gân phụ. Thân và mặt trên lá thường có màu xanh lục đen, mặt dưới lá nhạt màu hơn. Cuống lá rất ngắn, khoảng 1-2 mm không có lá kèm. Khi cây sắp ra hoa, lá nhỏ dần và rụng sớm.
Hoa	Cụm hoa là chùm kép ở nách lá hoặc ở ngọn cành. Nhánh mang hoa còn non cong lên ở đỉnh.. Hoa nhỏ, dài khoảng 1,2-1,3 cm, màu trắng, điểm những đốm hồng tím, không đều, lưỡng tính, mẫu 5, cuống hoa dài khoảng 4-6 mm. Lá bắc dài khoảng 2 mm, dạng dải hẹp, lá bắc con dạng sợi màu xanh nhỏ hơn lá bắc. Lá đài 5, rời, đều, dài khoảng 3 mm, dạng tam giác hẹp màu xanh, có lông thưa trắng. Tràng hợp thành ống hình trụ dài 6 mm, có lông, phần trên loe ra và chia thành 2 môi 2/3 rõ, môi trên có thùy cạn, màu trắng không có sọc tím; môi dưới xẻ 3 thùy rộng có sọc hồng tím, đầu nhọn; tiền khai lợp. Nhị 2, đính ở họng tràng; chỉ nhị rời, dạng sợi màu trắng, mang rìa lông như bàn chải trên lưng, càng gần ngọn lông càng nhiều. Bao phấn [hình 8] hình hạt đậu, màu tím, nứt dọc, hướng trong, đáy bao phấn nhọn, mang chùm lông dài màu trắng (tài liệu gọi là bao phấn có râu), 2 bao phấn dính nhau ở đáy, thò ra ngoài. Hạt phấn rời, màu vàng nhạt, hình bầu dục có các rãnh dọc, kích thước 65-70×30-35 µm. Vòi nhụy dạng sợi màu tím, không lông, 2 đầu nhụy hình sợi. Bầu [hình 10] dẹp dài khoảng 1,5 cm, 2 lá noãn vị trí trước sau tạo bầu trên, 2 ô, mỗi ô có trên 4 noãn, đính noãn trung trụ, đĩa mật to bao quanh đáy bầu.. .
Quả/trái	Quả nang dẹp, 2 buồng, hình bầu dục hai đầu nhọn, dài 15-16 mm, rộng 3-3,5 mm, có ít lông mịn, quả già tự mở thành 2 mảnh cho hạt bắn đi xa.
Hạt	Hạt hình trụ, thuôn dài, màu nâu nhạt

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
1	Chữa ly cấp tính, viêm dạ dày, viêm ruột, cảm sốt, sưng tấy: Dùng 10-15g Xuyên tâm liên sắc uống, dùng riêng hoặc phối hợp với Kim ngân hoa, Sài đất (Võ Văn Chi, 2012).	x		
2	Chữa viêm miệng, viêm họng: Dùng vài ba lá Xuyên tâm liên nhai ngậm (Võ Văn Chi, 2012).	x		
3	Chữa bỏng (giai đoạn hồi phục của bệnh): Xuyên tâm liên 200g. Nấu với 500 ml nước, rửa hàng ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
4	Chữa cảm mạo, đau đầu: Chuẩn bị trước xuyên tâm liên 45g tán thành bột mịn. Ngày uống 3 lần, mỗi lần cứ 2g bột thuốc, chiêu thuốc bằng nước ấm. Dùng liền 5 ngày. Sau đó ăn cháo nóng cho ổn định (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
5	Chữa tiểu tiện nhỏ giọt, nước tiểu vàng do nhiệt lâm: Lấy 15 lá xuyên tâm liên tươi, rửa sạch, để cho ráo rồi đem giã nát, thêm một chút mật ong, hãm nước sôi uống trong ngày. Dùng liền 5 ngày (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
6	Trị lở ngứa, rôm sảy, mụn nhọt: Lá xuyên tâm liên lấy 1 nắm giã nát với rượu, sau đó xoa và đắp tại chỗ. Nên kết hợp cho uống thuốc sắc: Kim ngân hoa, sài đất, bèo cái, lá trắc bá, lá tre, mỗi thứ một nắm nhỏ, sắc đặc uống ngày một thang, chia 2 – 3 lần. Dùng đến khi khỏi thì thôi (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
7	Chữa viêm phổi, sưng amygdal: Dùng Xuyên tâm liên, Huyền sâm, Mạch môn, đều 10g sắc uống (Võ Văn Chi, 2012).	x		
8	Khởi phát bệnh do sốt nóng gây ra biểu hiện như sốt, đau đầu và đau họng: Dùng phối hợp xuyên tâm liên với kim ngân hoa, cát cánh và ngưu bàng tử (Thầy thuốc của bạn).	x		
9	Chữa nhiệt ở phế biểu hiện như ho và hen hoặc ho có đờm vàng: Dùng phối hợp xuyên tâm liên với ngư tịch thảo, cát cánh và qua lâu (Thầy thuốc của bạn).	x		
10	Chữa ho do lạnh: Chuẩn bị xuyên tâm liên 12g, địa cốt bì 10g, tang bạch bì 10g và cam thảo 8g. Tất cả các vị cho vào ấm đổ 3 bát nước, sắc còn 1 bát, chia thành 2 lần uống trong ngày. Uống lúc còn ấm. Dùng liền liên tục trong 5 ngày (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
11	Chữa viêm phổi, sưng amidan: Xuyên tâm liên 12g; huyền sâm, mạch môn, mỗi vị 10g. Sắc uống ngày một thang (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
12	Chữa viêm gan nhiễm khuẩn: Xuyên tâm liên 3g, cỏ nhọ nồi 6g, diệp hạ châu đắng 3g. Sắc uống ngày một thang trong 2-4 tuần (Tra cứu dược liệu, nd).	x		

Stt	Bài thuốc	Sách vở	Người Cà Mau đã áp dụng	Kinh nghiệm của người Cà Mau
13	Chữa bỏng (giai đoạn hồi phục của bệnh): Xuyên tâm liên, hoàng bá, xà sàng tử, mỗi vị 100g. Nấu với 600 ml nước, rửa hàng ngày (Tra cứu dược liệu, nd).	x		
14	Hỗ trợ điều trị viêm amidan: Xuyên tâm liên, huyền sâm, mạch môn, kim ngân hoa mỗi vị thuốc lấy 12g. Tất cả các vị cho vào ấm đổ 3 bát nước, sắc còn 1 bát. Chia 2 lần uống trong ngày. Uống lúc còn ấm. Dùng liền liên tục trong 9 ngày (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
15	Hỗ trợ chữa viêm phế quản: Xuyên tâm liên, huyền sâm, mạch môn mỗi thứ lấy 12g; vỏ quýt lâu năm, cam thảo mỗi thứ 4g. Sắc đặc uống ngày một thang, chia 2 – 3 lần uống trong ngày. Dùng 9 ngày (Bác sĩ Thu Vân, 2016).	x		
16	Kháng viêm, kháng khuẩn, giải cảm, trị viêm họng: Chặt cây Xuyên tâm liên, phơi khô, dùng 20-40 g nấu nước loãng, uống			x
17	Phòng covid, giải cảm: Đâm khoảng 1 nắm lá Xuyên tâm liên, vắt lấy nước uống.			x
18	Trị bệnh gan, mát gan: Lấy 1 nắm nhỏ cả cây Xuyên tâm liên phơi khô, nấu nước uống.			x
19	Trị cảm cúm: Lấy lá Xuyên tâm liên nấu nước uống			x
20	Trị cảm sốt: Lấy lá Xuyên tâm liên (nữ 9 lá, nam 7 lá), đâm với chút muối, uống.			x
21	Trị đau nhức: Lấy lá Xuyên tâm liên đâm, đắp vùng đau 15 phút/ngày/lần			x
22	Trị ho: Lấy lấy 1 nắm lá Xuyên tâm liên và ít muối đâm, vắt lấy nước uống hoặc lấy 1 nắm lá Xuyên tâm liên nấu nước uống.			x
23	Trị sốt, xuất huyết, hạ sốt: Đâm 1 nắm đọt non Xuyên tâm liên, vắt lấy nước uống hoặc lấy cây Xuyên tâm liên (tươi) nấu nước uống.			x

***Lưu ý khi sử dụng*:**

Những trường hợp cần lưu ý trước khi sử dụng gồm có:

Phụ nữ có thai, đang cho con bú.

Những người có vấn đề về thận, gan.

Những người thường xuyên dùng thuốc cao huyết áp, thuốc làm loãng máu,…

Ngoài ra, đây là loại dược liệu có tính hàn, sử dụng liên tục hoặc quá liều có thể gây tê tay chân, hạ huyết áp, ảnh hưởng đến gan, thận…

Những bài thuốc trên chỉ mang tính chất tham khảo, cho nên bệnh nhân cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

SÁCH

Đỗ Tất Lợi, 2004. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam - An Illustrated flora of Vietnam. Quyển I: Từ khuyết thực vật, lõa tử, hoa cánh rời đến họ Đậu. Nhà xuất bản trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam - An Illustrated flora of Vietnam. Quyển II: Từ Eleagnaceae...đến Serophulariacea. Nhà xuất bản trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam - An Illustrated flora of Vietnam. Quyển III: Từ Smilacaceae...đến Orchidaceae. Nhà xuất bản trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Văn Kỳ, 2017. Dược học cổ truyền toàn tập. Nhà xuất bản Đà Nẵng, 829 trang.

Viện Dược liệu, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam – tập 1. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1138 trang.

Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam - Tập 1. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam - Tập 2. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Vụ Y học cổ truyền, 2005. Cây rau - cây thuốc. Tái bản lần thứ 5. Nhà xuất bản Y học

WEBSITE

Tra cứu tên khoa học được chấp nhận và tên khoa học đồng nghĩa

The Plant List. Website http://theplantlist.org/

Tra cứu phân loại thực vật của cây thuốc nam: chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới

Bách Khoa toàn thư mở. Webiste https://vi.wikipedia.org/wiki/Wikipedia

Chi cục Kiểm lâm An Giang. Website https://www.kiemlamangiang.gov.vn/index.php?page=front&tuychon=chude&machude=5

The Free Encyclopedia. Website https://en.wikipedia.org/wiki/Main_Page

Trung tâm dữ liệu thực vật Việt Nam. Website http://www.botanyvn.com/

Tra cứu các thông tin liên quan đến cây thuốc nam: nguồn gốc, mô tả, thành phần hóa học, thành phần dinh dưỡng, tính vị, tác dụng, công dụng, thời gian thu hái, sơ chế/chế biến, bảo quản, bài thuốc

Báo Khuyến nông, 2021. Bông Móng Tay – Đặc điểm, công dụng và những lưu ý khi sử dụng. Website https://baokhuyennong.com/bong-mong-tay/, truy cập ngày 16/07/2021.

Báo Quảng Ngãi, 2016. Tác dụng chữa bệnh thần kỳ của loại lá này, kiên trì là sẽ khỏi bệnh ngay. Website http://baoquangngai.vn/channel/2033/201609/tac-dung-chua-

benh-than-ky-cua-loai-la-nay-kien-tri-la-se-khoi-benh-ngay-2733254/, truy cập ngày 29/10/2020.

Báo Tiền Phong. Website https://tienphong.vn/suc-khoe/

Bộ Y tế, 2014. Quyết định số 4664/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 07/11/2014 về việc ban hành Bộ tranh cây thuốc mẫu sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

Bùi Khánh Hà, 2021. Bạch đồng nữ: Cây hoa thơm chữa bệnh phụ nữ. Website https://youmed.vn/tin-tuc/bach-dong-nu-cay-hoa-thom-chua-benh-phu-nu/, truy cập ngày 20/9/2021.

Chi cục Kiểm lâm An Giang. Website https://www.kiemlamangiang.gov.vn/index.php?page=front&tuychon=chude&machude=5

Cây thuốc Dân gian. Website https://caythuocdangian.com/thuc-vat/

Cây thuốc quý Hòa Bình. Website https://caythuoc.org/tin-tuc-cay-thuoc/kien-thuc-y-hoc

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Website https://opcpharma.com/vuon-duoc-lieu/

Dân tộc và Phát triển, 2020. Bài thuốc chữa bệnh từ cây bằng lăng. Website https://baodantoc.vn/bai-thuoc-chua-benh-tu-cay-bang-lang-1591607451466.htm, truy cập ngày 15/07/2020.

Dược học cổ truyền, 2021. Thầy thuốc đông y chia sẻ công dụng trị bệnh từ cây kha Tử. Website http://duochoccotruyen.edu.vn/thay-thuoc-dong-y-chia-se-cong-dung-tri-benh-tu-cay-kha-tu/, truy cập ngày 28/8/2021.

Dược liệu Việt Nam. Website https://duoclieuvietnam.vn/

Dược thảo Ứng dụng. Website https://duocthaothucdung.blogspot.com/

Dược Việt Nam. Website http://ydvn.net/

Dược sĩ Thảo, 2021. 20 bài thuốc từ lá bàng chữa bệnh da liễu tiêu hóa, dạ dày, viêm họng, bệnh phụ khoa hiệu quả nhanh. Website https://thongtinthuoc.org/la-bang.html, truy cập ngày 19/11/2021.

Đặng Trung Tấn, 2013. Xây dựng tiêu bản thực vật ở Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và rừng cụm đảo Hòn Khoai.

Đông y tinh hoat. Website https://dongytinhhoa.vn/

Đông y Thiện tri thức. Website https://dongythientrithuc.vn/

Đỗ Minh Tuấn, 2021. Công dụng thần kỳ chữa viêm khớp của cây bàng gai ít người biết. Website https://dominhduong.org/cay-bang-gai-chua-viem-dau-khop-6504.html, truy cập ngày 5/7/2021.

Đỗ Thu Hoàng, 2016. Bài thuốc từ hoa giấy vô cùng đơn giản và dễ thực hiện. Website https://tiepthigiadinh.vn/bai-thuoc-tu-hoa-giay-vo-cung-don-gian-va-de-thuc-hien/, truy cập ngày 5/8/2021.

Điều trị. Website https://www.dieutri.vn/

Học viện Quân y. Webiste http://hocvienquany.edu.vn/Web_SVB/DASinhVatBien/C%C6%A1_s%E1%BB%9F_d%E1%BB%AF_li%E1%BB%87u.html

Hoàng Xuân Đại, 2010. Bầu lợi tiểu giải nhiệt. Website https://www.giaoduc.edu.vn/bau-loi-tieu-giai-nhiet.htm, truy cập ngày 12/12/2009.

Huỳnh Tấn Vũ, 2020. Những công dụng của trái bần, càng ăn càng mê. Website https://www.phunuonline.com.vn/nhung-cong-dung-cua-trai-ban-cang-an-cang-me-a1414229.html, truy cập ngày 25/08/2020.

Nông nghiệp Việt Nam. Website https://nongnghiep.vn/cay-thuoc---vi-thuoc/

Nguyễn Hoàng Bảo Duy, 2021. Ngô: Thành phần dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe. Website https://youmed.vn/tin-tuc/ngo-thanh-phan-dinh-duong-va-loi-ich-doi-voi-suc-khoe/, truy cập ngày 20/10/2021.

Nguyễn Thị Hằng, 2021. Cây an xoa – Tác dụng chữa bệnh tuyệt vời và cách sử dụng. Website https://tambinh.vn/cay-an-xoa/, truy cập ngày 20/10/2021.

Nguyễn Thùy Ngoan, 2020. Cây An xoa có công dụng gì với sức khỏe con người. Website https://nguyentuanhung.vn/cay-an-xoa-co-cong-dung-gi-voi-suc-khoe-con-nguoi.html, truy cập ngày 20/10/2021.

Nguyễn Văn Tuấn, 2017. Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thực vật vùng ven biển Cần Giờ, Sóc Trăng và Vịnh Hạ Long. Luận án Tiến sĩ Hóa học. Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Hà Nội.

Như Ý, 2021. Tác dụng chữa bệnh kỳ diệu từ hoa hồng. Website https://baodantoc.vn/tac-dung-chua-benh-ky-dieu-tu-hoa-hong-1636618031097.htm, truy cập ngày 30/11/2021.

Phạm Liên, 2019. Hoa hồng. Website https://www.thuocbietduoc.com.vn/thuoc-goc-2451/hoa-hong.aspx, truy cập ngày 30/2/2020.

Phạm Thị Linh, 2021. Cây Bồ bồ: Thảo dược quen thuộc với công dụng bất ngờ. Website https://youmed.vn/tin-tuc/cay-bo-bo-thao-duoc-quen-thuoc-voi-cong-dung-bat-ngo/, truy cập ngày 18/9/2019.

Phó Thuần Hương, 2017. Những món vừa ngon, vừa làm thuốc từ dọc mùng. Website https://suckhoedoisong.vn/nhung-mon-vua-ngon-vua-lam-thuoc-tu-doc-mung-16996771.htm, truy cập ngày 15/6/2020.

Phong Vũ, 2019. Cây bìm bịp - loại thuốc nam mọc dại nhưng lại là "thần dược" chống ung thư. Website https://suckhoegiadinh.com.vn/thuoc-va-suc-khoe/cay-bim-bip--loai-thuoc-nam-moc-dai-nhung-lai-la-than-duoc-chong-ung-thu-27500/, truy cập ngày 24/05/2020.

Phùng Thị Minh Phương, 2020. Uống cây An xoa an thần tạo giấc ngủ ngon. Website https://duoclieuhoabinh.net.vn/uong-cay-an-xoa-an-than-tao-giac-ngu-ngon/, truy cập ngày 20/10/2021.

Sinh vật rừng Việt Nam. Website http://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=2&ID=2543

Trần Việt Hưng và Phan Đức Bình, 2010. Môn bạc hà - cây rau để nấu canh. http://www.khoahocphothong.com.vn/mon-bac-ha-cay-rau-de-nau-canh-6012.html truy cập ngày 27/9/2019.

Sở Y tế Nam Định. Website https://soyte.namdinh.gov.vn/home.

Sức khỏe và Đời sống. Webiste https://suckhoedoisong.vn/y-hoc-co-truyen.htm

Thầy thuốc, 2020. Trái bình bát có nhiều công dụng cho sức khỏe của bạn. Website http://thaythuoc.edu.vn/trai-binh-bat-co-nhieu-cong-dung-cho-suc-khoe-cua-ban, truy cập ngày 28/3/2021.

Thầy thuốc của bạn. Website https://amp.thaythuoccuaban.com/vithuoc/index.html

Thầy thuốc Việt Nam. Website https://thaythuocvietnam.vn/

Thế giới Đông y. Website https://www.thegioidongy.com/

Thuốc Dân tộc. Website https://www.thuocdantoc.org/duoc-lieu

Thuốc Đông dược. Website https://thuocdongduoc.vn/cay-thuoc-vi-thuoc

Thuốc Vườn nhà. Website http://www.thuocvuonnha.com/nhung-cay-thuoc-va-vi-thuoc-viet-nam

Tra cứu cây thuốc. Website http://uphcm.edu.vn/caythuoc/index.php?q=catalogue

Tra cứu dược liệu. Website https://tracuuduoclieu.vn/danh-luc-cay-thuoc

Trần Đinh Hợp, 2019. Thông tin về cây Tổ kén. Website http://hoilaseryhoc.com/chitiet/thong-tin-ve-cay-to-ken-296-8.html, truy cập ngày 26/10/2021.

Trang Blog chuyên đề về Rau rừng Việt Nam của Kỹ sư Hồ Đình Hải. Website https://hodinhhai.blogspot.com/

Trung tâm Y học Cổ truyền. Website http://www.nguyenkynam.com/duoclieu/thuocnambacchung2.htm

Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng Dược liệu Quốc gia – VIETFARM. Website https://www.thuocdantoc.org/duoc-lieu

Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn, 2019. Trong YHCT quả Bơ có tác dụng và công dụng gì? Webiste http://thuocdongy.edu.vn/trong-yhct-qua-bo-co-tac-dung-va-cong-dung-gi, truy cập ngày 14/12/2019.

Trường Thi, 2020. Bài thuốc cực tốt từ cây hoa giấy. Website http://langvietonline.vn/Kham-Pha-Bi-Quyet/153797/Bai-thuoc-cuc-tot-tu-cay-hoa-giay.html, truy cập ngày 14/12/2020.

Vườn Quốc gia U Minh Hạ, 2016. Danh mục cây gỗ Việt Nam. Website http://vuonqgumh.camau.gov.vn/wps/portal/!ut/p/a1/rZRLc4IwFIV_SxcumVwgQFxmfCBotdU-

lI0TwyuORLTBafn1RWsXOqPWKdndycmXc88kFwVoigLJdiJhSqwlW-3rwJ4btEl6bh_8EekSoJ7RauM3rOOJg95RgAIuVa5SNNsVa7lJiixdicWWbb8aoLZMJkqF6rBVrHkiWLXfgLSqk5BJlRY8FZHMU5avCqYaUJYlfOrA-Z6csyQKow-RyEPFRYhmIWaxRSKskVi3NMzjSCM8xhqzbKdpEG7q3KyMzyrjcGFROO2LjLw20MkAm4-tsd9p4-P5K4K_5HKFYMENAfwKWi7tYWdQuSbPFnjdiW3apGOAZx8FV5qcVV04l67QW4Amd8b6mgkpMlFG4Tkb3OZPBD61xoZL9bvZZ8CzTD3zv8BTh_Dk1Axs1wx0e7hmIL0_Q__WQ68-ilhuNgGtxsBaquhToWnNcyDPMrKM-wN73ImHw6aV78qXOMvmw6HGFgRMa5U8fAMdx-hj/dl5/d5/L2dBISEvZ0FBIS9nQSEh/

Y dược học Việt Nam. Webstie http://www.ydhvn.com/

Y Học Cổ Truyền Việt Nam. Website https://yhoccotruyenvn.com/

Y khoa Việt. Website http://ykhoaviet.vn/